

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy kể lại một việc làm khiến bố mẹ em vui lòng

Con đường về nhà hôm nay sao mà dài thế! Dài hơn rất nhiều so với niềm vui mừng phấn khởi của em. Em đạp xe về nhà, vội vã hơn thường lệ, để chỉ mong được khoe với mẹ về việc làm hữu ích của mình trong buổi sáng hôm nay. Sáng nay trời chuyển sang thu, tiết trời hơi lạnh. Em đạp xe tới trường mà miệng không ngớt xuýt xoa vì những cơn gió heo may và những giọt mưa lất phất gọi cái rét đầu mùa. Hình như người ta cảm thấy lạnh hơn lúc đầu mưa thì phải. Đang mải mê với những câu hát vu vơ, em bỗng giật mình: Sao mới sáng sớm mà đã có một cụ già trông tội nghiệp thế kia. Em quyết định dừng xe dù rất vội vì có vẻ như cụ già đang rất lạnh và lại bị lạc đường thì phải. Vừa xuống xe em liền hỏi: - Cháu chào cụ ạ! Hình như cụ đang muốn hỏi đường có phải không? Cụ già ngẩng mặt lên. Bây giờ em mới quan sát kỹ: cụ già chừng 75 tuổi, khuôn mặt nhăn nhúm lộ rõ một cuộc đời vất vả và phong sương. Cụ mặc chiếc áo nâu đã cũ và khá mỏng. Em đoán chắc nó không đủ che ấm cho cụ lúc này. - Cụ mới ở quê ra. Nhà con trai cụ trước ở gần đây nhưng giờ đã chuyển ra chỗ mới, cụ thì không rõ đường đi đàng nào. Mà trời hôm nay sao tự dưng lạnh quá. À thì ra là vậy! Nhưng mình cũng đâu biết đường, em nghĩ. Nhưng có cách rồi: - Cháu cũng không rõ đường bà ạ! Nhưng cháu sẽ giúp bà đến chỗ các chú công an kia để hỏi đường và trước hết là để bà nghỉ cho đỡ lạnh. Mải đưa cụ già qua những làn xe dày đặc để đến chỗ những chú công an, em quên bém đi giờ học. Lúc vừa quay lại thì đã muộn giờ. Em chỉ kịp chào bà lão, nói lại với chú công an địa chỉ của mình rồi lên xe đạp vội. Đến lớp em bị muộn mười lăm phút đầu giờ và bị cô giáo phê bình. Ngại ngùng, em lặng lẽ đi vào lớp. Nhưng bài học vừa diễn ra chưa đầy nửa tiếng thì chú công an ban nãy đến lớp học của em. Chú trao đổi với cô giáo chủ nhiệm bên ngoài lớp trong sự ngỡ ngàng, xôn xao của cả lớp. Rồi cô giáo bước vào tươi cười nói: - Trước hết cô xin lỗi Ngọc Linh vì chưa hỏi kỹ đã vội phê bình. Các em ạ! Hôm nay bạn Linh đi muộn không phải vì cố tình vi phạm nội quy mà là vì bạn ấy đã giúp một cụ già bị lạc tìm thấy nhà của con trai mình. Trước tập thể, cô khen ngợi Ngọc Linh. Còn các em, cô nghĩ đó cũng là một bài học tốt đối với tất cả chúng ta. Buổi học hôm ấy lại tiếp tục sôi nổi và ý nghĩa. Còn em, em vừa vui vừa rất tự hào. Chắc hẳn bố mẹ em cũng sẽ rất hài lòng về việc làm hữu ích của con gái mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Đóng vai ông Sáu kể lại chuyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng

Tình cảm của anh Sáu dành cho bé Thu trở nên mãnh liệt hơn, cao cả, thiêng liêng và cảm động hơn bao giờ hết là việc anh tự tay làm chiếc lược nhà cho con gái. “Ba về! Ba mua cho con một cái lược nghe ba!”, đó là mong ước đơn sơ của đứa con gái bé bỏng trong giây phút cha con từ biệt. Nhưng đối với người cha ấy, đó là mong ước đầu tiên và cũng là duy nhất cho nên nó cứ thôi thúc trong lòng. Kiếm cho con cây lược trở thành bốn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình phụ tử trong lòng. Anh bật dậy như bỗng loé lên một sáng kiến lớn: Làm lược cho con bằng ngà voi. Có lẽ không đơn thuần vì ở rừng rú chiến khu, anh không thể mua được cây lược nên làm lược từ ngà voi là một cách khắc phục khó khăn. Mà cao hơn thế, sâu hơn thế, ngà voi là thứ quý hiếm – chiếc lược cho con của anh phải được làm bằng thứ quý giá ấy. Và anh không muốn mua, mà muốn tự tay mình làm ra. Anh sẽ đặt và trong đấy tất cả tình cha con của mình. Kiếm được ngà voi, mặt anh “hớn hờ như một đứa trẻ được quà”. Vậy đấy, khi người ta hoá thành con trẻ lại chính là lúc người ta đang hiện lên cái tư cách người cha cao quý của mình. Rồi anh “ngồi cửa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”, “gò lưng tần mẩn khắc từng chữ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Anh thường xuyên “lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng thêm mượt”. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân – nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời cho nên chiếc lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đậm sâu xa, đơn sơ mà kỳ diệu làm sao! Nhưng ngày ấy đã vĩnh viễn không bao giờ đến nữa. Anh không kịp đưa chiếc lược ngà đến tận tay cho con thì người cha ấy đã hi sinh trong một trận đánh lớn của giặc. Nhưng “hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”. Không còn đủ sức trần trời điều gì, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho anh làm được một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết và cứ nhìn bạn hồi lâu. Nhưng đó là điều trần trời không lời, nó rõ ràng là thiêng liêng hơn cả một lời di chúc, bởi đó là sự uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân, ước nguyện của tình phụ tử! Bắt đầu từ giây phút ấy, chiếc lược ngà của tình phụ tử đã biến người đồng đội thành một người cha – người cha thứ hai của cô bé Thu.

Các bạn ạ! Trong những ngày đen tối ấy, người sống phải sống bí mật cũng đã dành một lẽ còn người chết cũng phải chết bí mật nữa. Mộ của anh không thể đắp cao lên được, vì tìm thấy mồ mả bọn chúng sẽ đào lên và tìm ra dấu vết, cho nên ngôi mộ của anh là ngôi mộ bằng, bằng phẳng như mặt rừng vậy. Bác Ba bạn của anh đã lấy dao khắc vào một gốc cây rừng cạnh chỗ anh nằm làm dấu cho dễ nhớ. Sống như thế và chết như thế hỏi vậy làm sao mà chịu được. Chúng ta buộc phải cầm súng. Và bé Thu không còn là cô bé ngày xưa nữa mà là một cô giao liên thông minh, quả cảm. Thu đi theo con đường mà ba cô đã chọn. Thu đi để trả thù cho quê hương, cho cha mình đã bị bọn giặc giết hại. Tuy anh Sáu đã hi sinh nhưng câu chuyện về hai cha con anh sẽ còn sống mãi. Hình ảnh chiếc lược ngà với dòng chữ sẽ mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, bi kịch của chiến tranh. Cảm ơn nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc hoạ rõ nét tâm hồn, tình cảm của anh Sáu và bé Thu. Truyện dẫn người đọc dõi theo số phận và lòng quả cảm, dõi theo tâm tình của cha con một người chiến sĩ diễn ra hàng chục năm trời đi qua hai cuộc chiến tranh. Người còn, người mất nhưng kỉ vật, gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại của chiếc lược ngà vẫn còn đây. Đây là minh chứng đối với chúng ta “cái mất mát lớn nhất mà thiên truyện ngắn đề cập đến là người đã khuất, là tổ ấm gia đình không còn tồn tại trọn vẹn trong thực tại. Đó là tội ác, là những đau thương, mất mát của chiến tranh xâm lược mà các thế hệ bạo tàn gây ra cho chúng ta. Song cái được mà chúng ta nhìn thấy là không có sự bi lụy xảy ra, sức mạnh của lòng căm thù đã biến cô bé Thu trở thành một người chiến sĩ thông minh, dũng cảm, đã gắn bó cuộc đời con người có ít nhiều mất mát xích lại gần nhau để cùng đứng lên viết tiếp bản ca chiến thắng. Gấp sách lại, chia tay với ông Ba, câu chuyện về “Chiếc lược ngà” với lời nói cuối cùng của ông – giọng trầm ấm khoan thai – cứ âm vang mãi trong bạn đọc chúng ta, như sự âm vang của một truyện cổ tích. Truyện cổ tích hiện đại đó đã thành công trong việc tạo tình huống truyện, miêu tả tâm lý, tình cảm nhân vật và giọng kể nhẹ nhàng, thấm thía truyền cảm. Ông Ba – người kể chuyện – hay chính là nhà văn Nguyễn Quang Sáng? Phải là người từng trải sống hết mình vì công cuộc kháng chiến của quê hương, gắn bó máu thịt với những con người quê hương giàu tình nghĩa, rất nhân hậu mà kiên cường, bất khuất, bất diệt, nhà văn mới nhập được vào các nhân vật, sáng tạo được nhiều hình tượng, chi tiết sinh động, bất ngờ, có được giọng văn dung dị và cảm động như vậy. Đồng thời truyện đã làm sống lại quãng thời gian giữ nước để thông qua đó tác giả muốn người đọc phải suy nghĩ và thấm thía nỗi đau, sự mất mát mà chiến tranh mang đến. Tình cảm cha con sâu sắc của cha con ông Sáu

đã vượt qua bom đạn của chiến tranh để ngày càng thiêng liêng, ngời sáng và gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương, đất nước. Qua cuộc đời nhân vật, từ cô bé Thu đến ông Sáu, ông Ba, Nguyễn Quang Sáng như muốn nói rằng trong cuộc kháng chiến gian khổ chống ngoại xâm vừa qua của dân tộc ta, tình nghĩa con người Việt Nam, nhất là tình cha con, đồng đội, sự gắn bó thế hệ già với thế hệ trẻ, người chết và người sống... mãi mãi bất diệt. Như chiếc lược ngà ba tặng lại không bao giờ có thể mất, tình cha con của bé Thu cũng sẽ mãi mãi bất diệt!.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích “Hồi trống Cổ Thành” của La Quán Trung

Bên cạnh kho tàng văn học dân gian rất đồ sộ với tác phẩm Kinh Thi nổi tiếng, nhân dân Trung Quốc còn rất tự hào với hai đỉnh cao chói lọi là thơ Đường và tiểu thuyết Minh – Thanh. Văn học Minh - Thanh là giai đoạn phát triển cuối cùng của văn học cổ điển Trung Quốc. Đây là thời kì nền văn học Trung Quốc khá đa dạng, phong phú và đạt nhiều thành công về mặt nghệ thuật. Trong đó có sự lên ngôi đầy vẻ vang của tiểu thuyết. Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc là một loại truyện dài, được kể thành chương hồi và theo trật tự trước sau của sự việc. Khái niệm tiểu thuyết trong văn học Minh - Thanh khác với tiểu thuyết hiện đại sử dụng ngày nay. Có thể kể đến những đỉnh cao tiêu biểu của tiểu thuyết Minh - Thanh đã rất quen thuộc với chúng ta ngày nay như Tây du kí, Nho lâm ngoại sử, Thủy hử truyện, Tam quốc diễn nghĩa, Hồng lâu mộng... Trong đó, Tam quốc diễn nghĩa là tác phẩm phản ánh một thời kì dài và đầy biến động của lịch sử Trung Quốc, đó là thời Tam quốc. La Quán Trung viết tác phẩm này dựa trên ba nguồn tư liệu chính là sử liệu (cuốn sử biên niên Tam quốc chí của Trần Thọ đời Tấn và cuốn Tam quốc chí của Bùi Tùng Chi người Nam Bắc triều) ; dã sử, truyền thuyết trong dân gian ; tạp kịch, thoại bản đời Nguyên (cuốn Tam quốc chí bình thoại). Vì thế tác phẩm vừa là một thiên sử kí, vừa là một tác phẩm văn học có giá trị nghệ thuật. Qua việc kể lại những câu chuyện về cuộc chiến tranh cát cứ giữa ba tập đoàn phong kiến Ngụy, Thục, Ngô, bằng nhãn quan chính trị của mình, La Quán Trung đã bày tỏ khát vọng về một xã hội công bằng, ổn định với vua hiền tướng giỏi, nhân dân ấm no. Mặc dù, lấy đề tài từ những câu chuyện lịch sử đã lùi sâu vào quá khứ nhưng tác giả đã khắc hoạ một thế giới nhân vật sinh động trong những mối quan hệ rất chặt chẽ, với đủ những nét tính cách khác nhau. Không một nhân vật nào trùng lặp nhân vật nào trong thế giới hàng nghìn nhân vật ấy. Đoạn trích Hồi trống Cổ Thành đã phần nào bộc lộ một trong những nét tính cách tiêu biểu của hai nhân vật xuất hiện khá nhiều trong tác phẩm là Quan Vân Trường và Trương Phi. Đoạn trích rất ngắn so với sự đồ sộ của tác phẩm nhưng cũng đã thể hiện được một đặc trưng bút pháp nghệ thuật của La Quán Trung cũng như đặc điểm chung của tiểu thuyết cổ điển Minh – Thanh. Đoạn trích Hồi trống Cổ Thành có kết cấu hoàn chỉnh và đầy kịch tính. Đây là một đặc điểm trong nghệ thuật trần

thuật của tiểu thuyết cổ điển, mỗi chương hồi thường là một câu chuyện có giới thiệu, mở mối, mở nút và thắt nút như kết cấu một vở kịch. Sau khi giới thiệu nhân vật và sự việc thì mở ra mâu thuẫn, rồi mâu thuẫn được đẩy lên đỉnh điểm rồi được giải quyết bằng một hành động nào đó. Trong đoạn Hồi trống Cổ Thành, mở đầu tác giả giới thiệu việc Quan Công đang trên đường tìm về Nhữ Nam gặp Lưu Bị, ngang qua Cổ Thành biết được Trương Phi ở đó bèn đưa hai chị dâu vào. Đồng thời tác giả cũng giới thiệu cảnh ngộ của Trương Phi. Mâu thuẫn bắt đầu khi Trương Phi nghe tin Quan Công đến, vác xà mâu, lao ngựa ra đánh Quan Công, và được đẩy lên cao hơn khi quân mã Sái Dương xuất hiện. Là câu chuyện đậm màu chiến trận nên mọi mâu thuẫn giữa các nhân vật đều được giải quyết bằng hành động. Mâu thuẫn giữa Quan Công và Trương Phi xuất phát từ sự hiểu lầm của Trương Phi nhưng cũng được giải quyết bằng hành động. Hành động chém đầu tướng giặc. Mâu thuẫn chỉ được giải quyết khi đầu Sái Dương rơi xuống đất, còn mọi lời giải thích đều không có ý nghĩa gì. Về mặt nội dung, đoạn trích là một câu chuyện hoàn chỉnh, đặc điểm này giúp cho việc nắm bắt nội dung dễ dàng hơn. Mỗi hồi của tiểu thuyết chương hồi thường giải quyết hoàn chỉnh một mâu thuẫn hoặc hoàn thành diễn biến một sự kiện, đồng thời lại mở ra một câu chuyện mới tạo nên phần nối kết với hồi sau. Vì thế kết thúc mỗi hồi bao giờ cũng có câu : “muốn biết sự việc thế nào xem hồi sau sẽ rõ”. Mỗi hồi đều được kết thúc khi mâu thuẫn đang ở cao trào là một kiểu tạo sức hấp dẫn của nghệ thuật kể chuyện trong tiểu thuyết cổ điển. Vốn là những truyện kể dân gian được sưu tầm và ghi chép lại nên phương thức trần thuật của Tam quốc diễn nghĩa mang đặc điểm truyện kể rất rõ. Truyện được kể theo trật tự thời gian trước sau của sự việc. Nếu sự việc xảy ra đồng thời hoặc muốn chuyển từ nhân vật này sang nhân vật khác thì dùng từ chuyển “lại nói”. Truyện kể ít quan tâm đến diễn biến tâm lí và suy nghĩ nội tâm của nhân vật. Tính cách nhân vật được bộc lộ qua hành động và cử chỉ. Tác giả ít xen vào lời giới thiệu hoặc bình luận. Nếu bình luận một trận đánh hoặc một sự việc, hành động nào đó của nhân vật thì tác giả trích một bài thơ, một bài vịnh nào đó của người đời sau. Và tên mỗi chương bao giờ cũng là câu văn đối ngẫu tóm tắt sự việc chính xảy ra trong hồi đó. Nội dung của câu chuyện Hồi trống Cổ Thành được tóm tắt trong câu : “Chém Sái Dương anh em hoà giải ; Hồi Cổ Thành tôi chúa đoàn viên”. Đoạn trích này đã thể hiện khá rõ những đặc sắc nghệ thuật trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của Tam quốc diễn nghĩa. Những nét tính cách không thường nổi bật trong tác phẩm của hai nhân vật Quan Công và Trương Phi đã được thể hiện trong đoạn trích. Quan

Công vốn rất tự phụ, ít khi nhún nhường ai, nhưng trong trường hợp đặc biệt này, trước cơn giận của Trương Phi, lại rất nhũn nhặn, mềm mỏng. Ở đây hiện lên một Quan Công oai hùng trong tư thế chém đầu tướng giặc nhưng cũng lại là một người anh chín chắn, đúng mực. Còn Trương Phi tính tình vốn xốc nổi, đơn giản nhưng mỗi nghi ngờ đã làm cho vị anh hùng này thận trọng hơn. Đó là những nét tính cách khác tạo nên sự đa chiều trong nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của tác giả. Dù thế nào thì mỗi nhân vật của Tam quốc diễn nghĩa vẫn có một tính cách đặc trưng rất cá tính, không thể trộn lẫn vào đâu được. Đoạn trích này ca ngợi tài năng phi thường của Quan Công, lòng dạ thẳng ngay của Trương Phi và trên hết là lòng trung nghĩa sắt son của cả hai người. Trương Phi nổi tiếng là người ngay thẳng, nóng nảy và trung thực. Nên mọi lí lẽ với Trương Phi đều không có sức thuyết phục. Người như Trương Phi không bao giờ chấp nhận và cũng khó có thể hiểu được những uẩn khúc trong việc Quan Công về ở với Tào Tháo. Vì thế khi nghe tin Quan Công đến Cổ Thành, Trương Phi đã phản ứng rất quyết liệt : “Phi nghe xong, chẳng nói chẳng rằng, lập tức mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa...”. Nhìn thấy Quan Công thì không thêm nói một lời, “Trương Phi mắt trợn tròn xoe, râu hùm vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công”. Không có lời bình luận, không miêu tả tâm lí nhân vật nhưng tính nóng nảy và sự tức giận của Trương Phi được thể hiện rất rõ qua hành động, nét mặt, lời nói. Phản ứng của Trương Phi thể hiện tính trung thực, yêu ghét rõ ràng. Lời thanh minh của Quan Công, lời giải thích của Cam phu nhân, Mi phu nhân đều chỉ như dầu đổ vào lửa. Trương Phi không thích nghe lí lẽ, chỉ tin vào những điều mắt trông thấy. Cơn giận đang ngùn ngụt lại trông thấy quân mã kéo tới. Cơn giận của Trương Phi được đẩy lên đỉnh điểm “múa bát xà mâu hăm hở xông lại đâm Quan Công”. Nhân vật của tiểu thuyết cổ điển tuy có tính cách rất rõ nét nhưng vẫn mang tính ước lệ của văn học trung đại. Vì vậy, hành động của nhân vật bao giờ cũng minh họa cho tính cách và tư tưởng giai cấp chứ không nhất thiết tuân theo lôgic tâm lí. Tình nghĩa anh em thuở hàn vi sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu ai đó bị nghi ngờ là phản bội. Chỉ có lí tưởng trung nghĩa là nguyên tắc ứng xử duy nhất. Và mọi mâu thuẫn chỉ được giải quyết trên cơ sở lợi ích cộng đồng. Anh em Quan, Trương đoàn tụ khi đầu Sái Dương rơi xuống đất. Trương Phi thẳng tay đánh trống giục giã Quan Vũ và “rỏ nước mắt thục lạy Vân Trường” khi nổi nghi ngờ được giải tỏa. Việc Trương Phi buộc Quan Công phải chém đầu Sái Dương trong ba hồi trống thể hiện một thái độ dứt khoát và cương quyết, đây cũng là chi tiết đậm màu sắc Tam quốc nhất. Trương Phi biết rõ tài năng của

Quan Công, Quan Công từng chém rơi đầu Hoa Hùng, một viên tướng giỏi và trở về doanh trại mà chén rượu vẫn còn nóng. Việc Quan Công chém được Sái Dương không phải là việc khó nhưng lại rất có ý nghĩa bởi đó là cách duy nhất để Quan Công minh oan. Sự minh oan cũng không mấy khó khăn nhưng nó thể hiện thái độ dứt khoát và trắng đen rõ ràng của Trương Phi. Tác giả đã tạo nên một tình huống rất đặc sắc để vừa ngợi ca tình cảm anh em gắn bó nghĩa tình của Lưu, Quan, Trương vừa bộc lộ rõ tính cách thẳng ngay của Trương Phi và đức độ của Quan Công. Trương Phi và Quan Công là những tướng tài của nhà Thục, tiêu biểu cho nhà Thục. Lưu Bị và nhà Thục là nơi tác giả gửi gắm ước mơ của quần chúng nhân dân về một ông vua hiền, một triều đình chính nghĩa và nhân đạo. Với lối kể chuyện dân gian, đơn giản hoá tình tiết trong sự đa dạng của sự kiện, Tam quốc diễn nghĩa đã đạt đến chuẩn mực của nghệ thuật kể chuyện. Tam quốc diễn nghĩa là tiểu thuyết cổ điển tiêu biểu ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Thành công của tác phẩm không chỉ bởi giá trị lớn của tác phẩm về quân sự, lịch sử và về đạo đức mà còn bởi thế giới nhân vật được xây dựng rất thành công. Những nhân vật tiêu biểu của Tam quốc diễn nghĩa đã trở nên rất quen thuộc đối với văn hoá và người đọc phương Đông. Không đi sâu khai thác tính cách bằng diễn biến tâm lí nhân vật như tiểu thuyết hiện đại mà xây dựng tính cách nhân vật bằng những hành động, cử chỉ có ý nghĩa khái quát, La Quán Trung vẫn xây dựng được một thế giới nhân vật đa dạng có khả năng bao quát và tái hiện sinh động một thời kì lịch sử dài gần một trăm năm với rất nhiều biến động. Qua đây tác giả đã gửi gắm những suy nghĩ và thể hiện cái nhìn của mình về xã hội Minh Thanh. Chỉ với một đoạn trích Hồi trống Cổ Thành nhưng hai nhân vật Quan Công và Trương Phi đã nổi lên vẻ đẹp sáng ngời về lòng nhân nghĩa, sự trung thực và chân thành của tình anh em, tôi chúa. Là tiểu thuyết khai thác đề tài trận mạc nhưng Tam quốc đã để lại rất nhiều những câu chuyện giáo dục nghĩa tình, giáo dục lối sống, lối ứng xử theo tiêu chuẩn Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín của người quân tử phương Đông. * Lời bình hồi 28 Tam quốc diễn nghĩa của Mao Luân (cha) và Mao Tôn Cương (con): “Người đời chỉ biết Vân Trường hàng Hán, không hàng Tào, thì khen là tiết tháo, nhưng không biết Dục Đức còn tiết tháo hơn.... Bởi vì có vua tôi rồi mới có anh em, nghĩa vua tôi đã đơn sai thì tình anh em cũng đoạn tuyệt. Đã lấy sự công phần ghi trong tờ phiếu gài ở đai áo làm trọng, thì cũng phải lấy lời thề chỗ vườn đào làm khinh. Suy cái nghĩa ấy mà xem, nếu Dục Đức ở vào cảnh bị vây ở núi Thố Sơn thì quyết dẫn mình vào lưới gươm giáo mà chết chứ không khi nào chịu tòng quyền cơ biến mà ăn cạnh nằm kề với tên giặc họ

Tào. Dực Đức bình sinh rất ghét Lã Bố, coi là kẻ diệt luân tuyệt lí, cho nên hề trông thấy mặt là chửi thẳng đi ở ba họ. Đối với Tào Tháo cũng ghét và giận như vậy. Ghét Lã Bố vì không biết đạo cha con, ghét Tào Tháo vì không trọng đạo vua tôi. Coi vậy, Dực Đức thật đáng khen là bậc hiếu tử và trung thần. Dực Đức đánh mất Từ Châu mà bị Vân Trường trách mắng. Vân Trường ở nhờ Hứa Đô mà bị Dực Đức trách mắng, có đem nghĩa lớn trách mắng nhau như vậy mới là anh em thật tình”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận Cảm nghĩ sâu sắc về tác phẩm “Cảnh ngày hè”

“Rồi hóng mát thuở ngày trường
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương
Lao xao chợ cá làng ngư phủ
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương
Để có Ngu cầm đàn một tiếng
Dân giàu đủ khắp đòi phương.”

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh về cây cối trong việc bảo vệ môi trường sống

Con người sống, tồn tại, làm việc, giải trí hàng ngày trong một môi trường sống trong sạch. Một trong những yếu tố tạo nên sự trong sạch đó chính là “rừng”. Không phải dĩ nhiên mà trái đất được gọi là hành tinh xanh. Với diện tích lớn là biển, rừng và tầng ôzôn bao quanh, trái đất với điều kiện lý tưởng ấy là nơi bắt nguồn cho sự sống - một điều mà chưa hành tinh nào có. Đặc biệt là rừng - một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người. Rừng là gì? Đó là một quần lạc sinh địa, trong đó sinh vật rừng, đất và khí hậu tạo thành một thể thống nhất, có quan hệ tương hỗ chặt chẽ với nhau. Nó được tạo nên bởi nhiều thành phần mà cây là thành phần chính. Vậy thì tại sao rừng lại có một ảnh hưởng lớn như vậy đến cuộc sống con người? Như chúng ta đã biết, thành phần chính của rừng là cây xanh. Mà cây xanh lại có tác dụng rất lớn đối với môi trường sống. Không đơn thuần là tạo bóng mát, làm đẹp phố phường mà hơn hết cây xanh điều hòa khí hậu giúp cho không khí trong lành, làm sạch bầu khí quyển. Hãy thử tưởng tượng xem nếu như trái đất này không có cây xanh thì chắc chắn xung quanh ta sẽ chỉ là một bầu không khí bụi bặm, ô nhiễm nắng, nóng hoặc mưa lạnh giá, hạn hán ngập lụt sẽ giày xéo lên cuộc sống của người dân. Nói cách khác không có cây xanh sự sống của con người sẽ chấm dứt. Cuộc sống con người không chỉ được quyết định ở yếu tố vật chất mà nó còn bị ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên khách quan. Trong đó xói mòn đất là một hiện tượng tự nhiên thường xảy ra nơi những vùng đồi dào, đất trọc ít cây bao phủ. Xói mòn làm cho lớp đất mặt bị rửa trôi, tạo thành khe rãnh gây lũ lụt, đất trôi lở... ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất và đời sống con người. Rồi hiện tượng gió, gió mạnh ảnh hưởng lớn đến cây rừng làm giảm 30 - 90% sự đồng hóa thực vật, gió nóng làm giảm khả năng thụ phấn của cây, dèm cát vùi lấp đồng ruộng, nhà cửa... Tất cả những thiên tai khủng khiếp đó đều có thể được ngăn chặn hoặc giảm bớt bằng cách trồng cây xanh. Rừng điều hòa khí hậu, điều tiết dòng chảy trên mặt đất, bảo vệ, cải tạo làm tươi xộp đất, giữ nước cho sản xuất, hạn chế sức phá hoại của gió ngăn sự di chuyển của cát vào sâu đất liền, ngăn chặn gió, bão, mùa màng, làng xóm. Không chỉ thế rừng còn là nguồn cung cấp cho con người gỗ, củi, hoa quả và làm phân xanh. Có thể nói rừng đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của mỗi con người. Không chỉ

là yếu tố, thành phần chính trong hoàn cảnh sống của con người mà rừng còn là môi trường sống của rất nhiều động vật quý hiếm. Rừng có các loại cây từ thấp lên cao. ở mỗi tầng là một môi trường hoàn cảnh thích nghi riêng biệt với từng loài vật. Nào thỏ, hươu, nai, hổ đến khỉ, vượn, sóc, chim... đó là những loài động vật rất quý hiếm mà môi trường sống duy nhất của chúng chính là rừng - thiên nhiên hoang dã. Trong rừng có rất nhiều loài gỗ quý hiếm như đinh, lim, sến, táu,... rồi các loại thuốc quý. Có những khu rừng được con người trồng lên để phục vụ cho chế biến công nghiệp như rừng cao su, rừng tre, nứa, keo tai tượng, ... Bên cạnh đó rừng còn là môi trường sinh thái trong lành - một địa điểm du lịch lý thú, một danh lam thắng cảnh tuyệt vời đầy bí ẩn, hoang dã và tràn đầy hấp dẫn, lôi cuốn. Ảnh hưởng lớn và có tính chất quyết định đến sự sống con người rừng còn rất có ích với các lĩnh vực khác như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ... hiểu rõ được những lợi ích và ảnh hưởng của rừng ta mới thấy rõ vị trí và tầm quan trọng của nó như thế nào? Đất nước ta với ba phần tư diện tích là rừng, đồi núi - một điều kiện thiên nhiên tuyệt vời. Vậy mà giờ đây diện tích rừng đó còn lại bao nhiêu? Không hiểu rõ tầm quan trọng của rừng rất nhiều người đã chặt phá cây bừa bãi nhất là những người dân thiếu hiểu biết “đốt nương làm rẫy” khai phá rừng một cách vô ý thức. Nhưng cũng có những người biết được lợi ích của rừng hiểu được sự sai trái trong hành động của mình nhưng vẫn chặt trộm, khai thác rừng trái phép để kiếm lợi về mình. Hậu quả của những việc chặt phá, khai thác thiếu quy củ, đốt rừng, phá rừng ấy thật không thể tưởng tượng được. Từng tự hào với cánh rừng U Minh rộng lớn, phong phú thì nhưng chỉ vì thiếu ý thức, công tác quản lý kém mà hàng trăm, hàng nghìn hecta rừng bị phá hủy, thiêu rụi trong ngọn lửa làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường người dân và thiệt hại hàng trăm tỷ đồng của nhà nước. Những vùng đồi xanh đẹp đẽ xưa kia những cánh rừng nguyên sinh xưa kia giờ đây chỉ còn là những quả đồi trọc, những khu rừng thứ sinh. Tiếp theo đó là những thảm họa thiên nhiên liên tục xảy ra nào hạn hán, nào lũ lụt, nào sụt lở đất... làm thiệt hại bao tiền của và đau đớn hơn là tính mạng của những người dân vô tội. Không có rừng thì lấy cái gì để ngăn chặn lũ lụt, điều hòa không khí, để chống xói mòn, để bảo vệ làng mạc. Những tai hại to lớn và khủng khiếp ấy đều chỉ vì một sự vô ý thức, sự thiếu hiểu biết và hám lợi của một số cá nhân gây ra. Mất rừng đồng nghĩa với việc môi trường sống của con người đang dần dần bị tàn phá, hủy hoại. Những loại động vật hoang dã cũng mất đi môi trường sống của mình. Đã bao loài động vật bị tuyệt chủng, bị đem vào danh sách đỏ. Nguy cơ tuyệt chủng tất cả cũng vì chặt phá rừng.

Hiểu rõ tầm quan trọng, thấy rõ những hậu quả của việc tàn phá rừng, chúng ta thêm phần yêu quý và biết bảo vệ rừng hơn. Hiện nay Đảng và chính quyền nhà nước ta đã có những biện pháp thích hợp và quản lý chặt chẽ trong việc khai thác rừng. Bằng cách khai thác hợp lý kết hợp với việc tái tạo rừng, nhiều khu rừng đã được phục hồi “phủ xanh đồi trọc”. Tác động của con người tới tái sinh tự nhiên là rất lớn bởi trong tái sinh tự nhiên thường gặp hoàn cảnh bất lợi, ảnh hưởng đến sự nảy mầm của hạt, sự sinh trưởng của cây con. Để khắc phục người sản xuất phải chủ động tạo hoàn cảnh sống thích hợp bằng cách chặt phá những cây, cành mọc quá rậm, phát bớt bụi để hạt tiếp xúc nảy mầm dễ và xới đất tơi xung quanh gốc. Là học sinh, sinh viên chúng ta có thể góp sức nhỏ của mình trong công cuộc cải tạo rừng bằng cách tuyên truyền tầm quan trọng của rừng, hậu quả của việc khai thác trái phép và có thể trồng cây quanh nhà để góp phần làm trong sạch không khí, môi trường sống trong xóm làng. Hãy yêu quý và bảo vệ rừng để trái đất của chúng ta mãi là “hành tinh xanh” “Tổ quốc Việt Nam yêu dấu, có sạch đẹp mãi được không. Điều đó tùy thuộc hành động của bạn, chỉ thuộc vào bạn mà thôi”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy viết một bài văn giới thiệu (trình bày thuyết minh) về những nét đẹp của phong tục truyền thống trong tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam

Cứ mỗi mùa xuân về, bao trái tim con người lại háo hức đón chờ. Tết cổ truyền từ lâu đã trở thành một phần không thể thiếu trong văn hóa Việt. Nó không chỉ là ngày chào mừng năm mới mà còn là dịp để con người sum họp. Vì vậy không chỉ Việt Nam mới có ngày Tết mà nó còn được phổ biến rộng rãi ở một số nước thuộc châu Á. Tết Nguyên đán (hay còn gọi là Tết Cả, Tết Ta, Tết Âm lịch, Tết Cổ truyền, năm mới hay chỉ đơn giản Tết) là dịp lễ quan trọng nhất trong văn hóa của người Việt Nam và một số các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc khác. Vì Trung Quốc và một số nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc dùng lịch pháp theo chu kỳ vận hành của mặt trăng nên Tết Nguyên Đán muộn hơn Tết Dương lịch (còn gọi nôm na là Tết Tây). Do quy luật 3 năm nhuận một tháng của Âm lịch nên ngày đầu năm của dịp Tết Nguyên đán không bao giờ trước ngày 21 tháng 1 Dương lịch và sau ngày 19 tháng 2 Dương lịch mà thường rơi vào khoảng cuối tháng 1 đến giữa tháng 2 Dương lịch. Toàn bộ dịp Tết Nguyên đán hàng năm thường kéo dài trong khoảng 7 đến 8 ngày cuối năm cũ và 7 ngày đầu năm mới (23 tháng Chạp đến hết ngày 7 tháng Giêng). Người Việt tin rằng vào ngày Tết mọi thứ đều phải mới, phải đổi khác, từ ngoại vật cho đến lòng người, vì vậy khoảng mười ngày trước Tết họ thường sơn, quét vôi nhà cửa lại. Họ cũng tất bật đi sắm sửa quần áo mới để mặc trong dịp này. Trong những ngày Tết họ kiêng cử không nóng giận, cãi cọ. Tết là dịp để mọi người hàn gắn những hiềm khích đã qua và là dịp để chuộc lỗi. Mọi người đi thăm viếng nhau và chúc nhau những lời đầy ý nghĩa. Trẻ em sau khi chúc Tết người lớn còn được lì xì bằng một phong bì đỏ thắm có đựng ít tiền dành cho chúng tiêu xài ngày Tết. Tết ở 3 miền Bắc, Trung, Nam ở Việt Nam cũng có những điều khác nhau. Phong tục của ngày tết cổ truyền ở Việt Nam vô cùng phong phú. Nào là chúc Tết, lì xì, bày mâm ngũ quả, trồng cây nêu, gói bánh chưng, treo câu đối,Tất cả tạo thành nét đẹp văn hóa ngày tết của người Việt. Để trang hoàng nhà cửa và để thưởng Xuân, trước đây từ các nho học cho tới những người bình dân “tồn cổ” vẫn còn trọng tục treo “câu đối đỏ” nhân ngày Tết. Những câu đối này được viết bằng chữ Nho (màu đen hay vàng) trên những tấm giấy

đỏ hay hồng đào cho nên còn được gọi là câu đối đỏ. Bản thân chữ “câu đối đỏ” cũng xuất hiện trong câu đối Tết sau: Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh. Câu đối thuộc thể loại văn biên ngẫu, gồm hai vế đối nhau nhằm biểu thị một ý chí, quan điểm, tình cảm của tác giả trước một hiện tượng, một sự việc nào đó trong đời sống xã hội. Nên lưu ý là từ đối ở đây có nghĩa là ngang nhau, hợp nhau thành một đôi. Câu đối là một trong những thể loại của Văn học Trung Quốc và Việt Nam. Câu đối có nguồn gốc từ người Trung Quốc. Người Trung Quốc gọi câu đối là đối liên nhưng tên gọi xưa của nó là đào phù. Câu đối được xem là tinh hoa của văn hóa chữ Hán, người Trung Quốc quan niệm: “nếu thơ văn là tinh hoa của chữ nghĩa thì câu đối là tinh hoa của tinh hoa”. Đối liên có lịch sử ra đời cách đây khoảng 3000 năm, nhưng theo Tống sử Thục thế gia, câu đối đầu tiên được ghi lại do chính chúa nhà Hậu Thục (934-965) là Mạnh Sưởng viết trên tấm gỗ đào vào năm 959 Khi viết câu đối, nếu chọn được câu chữ tuân theo nguyên tắc sau thì đôi câu đối được gọi là chỉnh đối hay đối cân. Ngày Tết thiếu câu đối Tết là chưa đủ Tết. Trong nhà dù tranh hoành thế nào mà thiếu câu đối đỏ, Tết vẫn phảng phất thiếu một cái gì đó thiêng liêng. Câu đối xưa được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm bởi những người có học hành, chữ nghĩa giỏi mà dân gian gọi là Ông Đồ nhưng ngày nay thì câu đối tết còn được viết bằng chữ quốc ngữ với những nội dung phong phú và rất đẹp. Làm câu đối, thách họa đối, chơi câu đối,...võm là hình thức sinh hoạt độc đáo và tao nhã của người Việt Nam. Nó thể hiện trí thông minh sắc sảo, cách sử dụng sự linh động và cao thượng, thế giới quan lành mạnh cũng như những mong ước tốt đẹp trong cuộc sống thường ngày. Tết đến, câu đối lại càng khó có thể thiếu trong niềm vui đón chào năm mới của mỗi gia đình. Ngày xưa, câu đối thường treo lên cột, khắc trên khung mái, hoặc viết lên cổng, cửa, tường nhà, đền miếu, đình chùa... Đặc biệt, hai hàng cột gỗ hai bên bàn thờ phải treo câu đối, còn phía trên bàn thờ là hoành phi, cuốn thư. Tất cả làm cho không gian thờ cúng trở nên cân bằng vuông vức như có khuôn phép, tạo cảm giác hài hòa, trang trọng và linh thiêng. Câu đối được làm từ nhiều chất liệu: có loại sơn son thiếp vàng để dùng lâu dài, có loại làm bằng giấy bồi (gọi là liễn) hoặc cắt bằng giấy màu, viết bằng mực nho... để dễ thay đổi theo từng năm, từng mùa cho mới, cho hợp hoàn cảnh. Ngày thường, câu đối chỉ treo trên bàn thờ. Ngày tết thì treo ở nhiều nơi, thậm chí những người ham mê và muốn giữ tục lệ cũ còn chơi câu đối giấy, dán suốt từ ngoài cổng vào trong nhà! Câu đối có thể mua sẵn hoặc nhờ, thuê người viết, nhưng hay nhất vẫn là do tự chủ nhân làm ra. Mỗi câu đối gồm hai vế có số chữ bằng nhau, ý nghĩa và luật bằng

trắc đối chọi hoặc tương hợp nhau. Câu đối thể hiện những cảm nhận sâu sắc về thiên nhiên và cuộc sống trần thế, về năm mới và mùa xuân, đề cao đạo lý cùng những quan niệm đẹp, cầu mong mọi việc tốt lành... Mơ ước năm mới vui vẻ, hạnh phúc, làm ăn phát đạt và có nhiều bạn bè. Dịp tết, thường phải có câu đối đỏ. Màu đỏ vốn được coi là màu rực rỡ nhất và theo quan niệm dân gian, là biểu tượng của sức sống mãnh liệt (máu, lửa). Nó vừa nổi trội vừa hài hòa với màu xanh của bánh chưng, màu vàng của hoa mai... làm tươi sáng thêm không khí tết, tạo cảm giác ấm áp trong mùa xuân mới. Từ xa xưa, Tết Nguyên Đán đã trở thành một bộ phận hợp thành nét văn hóa đặc sắc của người dân Việt Nam. Nó là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Việt. Nó được thể hiện trên nhiều phương diện, như: chúc tuổi, lì xì,...và đặc biệt qua phong tục dán câu đối Tết. Đó là nét văn hóa cần được duy trì và phát triển.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tìm hiểu đoạn trích “Chí khí anh hùng” và nhân vật Từ Hải

Trong đời Kiều có nhiều cuộc chia tay, chia tay đột ngột với Kim Trọng khi mỗi tình đầu chớm hé; chia tay Thúc Sinh trong tâm trạng cô đơn, đầy dự cảm không lành. Trong đoạn trích này tác giả tái hiện cảnh Kiều chia tay Từ Hải để chàng ra đi thực hiện nghiệp lớn. Nhưng tại sao người soạn sách lại đặt tên cho đoạn trích này là “Chí khí anh hùng” mà không phải “Từ Hải chia tay Thuý Kiều”? Đó là vì đoạn trích này không tập trung khắc hoạ cảnh chia tay mà muốn khắc hoạ Từ Hải ở vẻ đẹp, tầm vóc và quyết tâm đạt đến khát vọng. I/ Vị trí đoạn trích Vị trí đoạn trích từ câu 2213 tới 2230. Đoạn trích này là sáng tạo riêng của Nguyễn Du so với cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Trong “Kim Vân Kiều truyện” không có cảnh tiễn biệt của hai người và những nhớ mong, chờ đợi của Thuý Kiều sau đó. II/ Đọc hiểu văn bản 1. Ý nghĩa nhan đề đoạn trích: “Chí”: mục đích cao cần hướng tới. “Khí”: nghị lực để đạt tới mục đích. “Chí khí anh hùng” là: lí tưởng, mục đích cao và nghị lực lớn của người anh hùng. 2. Chân dung Từ Hải a. Dáng vẻ, hành động - “Nửa năm hương lửa đương nồng Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương.” Sống với Kiều được nửa năm, cuộc sống đang lúc đầm ấm, nồng nàn nhất thì Từ Hải muốn ra đi thực hiện nghiệp lớn. Tâm trí Từ Hải luôn suy nghĩ về những việc lớn lao. Vì thế, việc “động lòng bốn phương” là hợp lí. Từ “bốn phương” chỉ công việc và chí lớn của người nam nhi thời xưa. “Động lòng” nhấn mạnh việc Từ Hải nung nấu những ý chí lớn lao. ý chí đó đã có sẵn trong con người chàng, nó chỉ tạm lui đi trong thời gian sống cùng Kiều, giờ là lúc chàng thể hiện. Từ “thoắt” diễn tả sự mau chóng trong việc thay đổi tâm trạng, dáng vẻ của Từ Hải. ở đây, Nguyễn Du đã gọi Từ Hải là “trượng phu”. Đó là cách nói vô cùng trân trọng với các vị anh hùng. Nó dựng lên dáng vẻ bề vệ, oai nghiêm, đỉnh đặc của một vị tướng võ. - “Trông vời trời bể mênh mang Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.” Câu thơ miêu tả hành động nhìn ra xa, đồng thời khắc hoạ dáng vẻ phóng khoáng của Từ Hải. Nguyễn Du đã xây dựng hình ảnh Từ Hải song song, sánh ngang với hình ảnh trời đất. Nhắc đến Từ Hải là thấy hình ảnh cao rộng của trời đất, vũ trụ. Những từ láy, từ biểu cảm chỉ độ rộng, độ cao càng khắc hoạ rõ hơn tư thế của Từ Hải. Cái nhìn của chàng không phải là trông hay nhìn bình

thường mà là “trông vời” - cái nhìn ẩn chứa sự sáng suốt và suy nghĩ phi thường. Từ Hải một mình ra đi thực hiện ý nguyện của mình. Việc xây dựng Từ Hải độc lập một mình không làm chân dung chàng đơn độc mà càng cho thấy sự dũng mãnh của chàng. Hành động được miêu tả đầy sự dứt khoát, nhanh nhẹn. Đã nghĩ là làm, Từ Hải không bao giờ chần chừ, do dự, suy tính lâu. “Thoắt đã động lòng bốn phương” là “lên đường thẳng rong” ngay. - “Quyết lời dứt áo ra đi, Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi.” Tác giả để Từ Hải “Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.” rồi mới để Kiều nói xin đi theo nói lên việc chàng ra đi là quyết định chắc chắn, không thể lay chuyển nổi. Thuý Kiều muốn theo Từ Hải, nhưng với chàng đã làm là dứt khoát. Dặn dò xong Kiều, Từ Hải ra đi ngay. Từ “quyết” và “dứt” cùng xuất hiện trong một câu thơ cho thấy sự quyết đoán của Từ. Câu thơ cuối đoạn dựng lên hình ảnh phóng khoáng, kì vĩ về Từ Hải. Nguyễn Du đã so sánh Từ Hải với chim bằng để nhấn mạnh bản lĩnh phi thường của chàng. Cảnh chàng ra đi thực hiện sự nghiệp hùng tráng như cảnh chim bằng tung bay giữa gió mây. => Dáng vẻ, hành động của Từ Hải đầy phóng khoáng, kì vĩ, dứt khoát, nhanh nhẹn và oai nghiêm . b. Lời nói - Từ Hải ra đi không lưu luyến, bịn rịn tình cảm như thường thấy ở mọi người. Dù yêu thương Thuý Kiều, coi nàng là “tâm phúc tương tri” song nàng quyết tâm ra đi một mình. Câu hỏi “Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?” khẳng định chàng là bậc nam nhi sự nghiệp và tình cảm rạch ròi. - Từ Hải có lí tưởng công danh lớn lao. Điều đó thể hiện qua lời hứa với Thuý Kiều. Những khát vọng của chàng đều phi thường. Đó là việc phải có được “Mười vạn tinh binh,/ Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp trời.”. Từ đó để mọi người thấy được tài năng xuất chúng của Từ Hải: “Làm cho rõ mặt phi thường./ Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia”. Từ “mặt phi thường” dùng rất trúng. Nó cho thấy sự tự tin, kiêu hãnh của Từ Hải. Đây không chỉ là lời của riêng Từ Hải mà ẩn dấu sau đó còn có cái nhìn trân trọng, tự hào của Nguyễn Du. - Từ Hải hẹn ước chắc nịch. Chàng hẹn khi thành công sẽ cưới Thuý Kiều. Đó là khi nào? Chàng không nói vu vơ mà hẹn ước chắc chắn: “Đành lòng chờ đó ít lâu,/ Chầy chăng là một năm vui gì!”. Xác định rõ mục tiêu và thời gian phấn đấu, Từ Hải đã vẽ ra con đường đi cụ thể cho mình. Do vậy, những gì chàng nói đều chắc như đinh đóng cột. => Từ Hải là người có lí tưởng công danh lớn, rạch ròi giữa sự nghiệp và tình cảm, có cách phấn đấu cụ thể chứ không chung chung. Với chí khí anh hùng, hoài bão lớn lao và niềm tin chắc chắn như vậy, Từ Hải đem đến cho cuộc đời Kiều không phải cái rung động chớm hé của buổi yêu đầu, không phải cuộc sống bình thường mà thức dậy ở Kiều những điều người khác không có

được: đó là khát vọng về công bằng, chính nghĩa. c. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Từ Hải - Từ Hải được miêu tả bằng những từ ngữ trang trọng: “trượng phu”, “mặt phi thường. Bên cạnh đó là những hình ảnh ước lệ mang tính vũ trụ: “động lòng bốn phương”, “Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp trời”, “Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi”. Những từ ngữ, hình ảnh này nhằm nhấn mạnh chân dung tiêu biểu của một vị anh hùng đồng thời thể hiện cái nhìn trân trọng của Nguyễn Du với Từ Hải. - Tác giả chủ yếu miêu tả những hành động và lời nói của Từ Hải, ít đi sâu vào nội tâm. - Nguyễn Du đã sử dụng cách miêu tả lí tưởng hoá để nâng cao tầm vóc của Từ Hải. 3. Thái độ và ước mơ của Nguyễn Du qua Từ Hải Có giai thoại như sau: vua Tự Đức khi đọc đến đoạn Nguyễn Du viết về Từ Hải đã đòi phạt tác giả 300 roi. Tại sao lại vậy? Vì theo giai cấp phong kiến, Từ Hải chỉ là một tên giặc cỏ (Ví dụ: Cao Bá Quát, Nguyễn Huệ). Trong “Kim Vân Kiều truyện”, Từ Hải cũng được miêu tả là một tên có nét tướng cướp. Nhưng khi bước vào “Truyện Kiều”, con người dám chống lại triều đình ấy được miêu tả như một anh hùng. Nguyễn Du đã dùng những hình ảnh đẹp nhất để miêu tả Từ. Từ Hải là bóng dáng của những người anh hùng nông dân khởi nghĩa với bao phen thay đổi sơn hà. - Thái độ của tác giả với Từ Hải: yêu quý, cảm phục. Nguyễn Du đã dồn nén giấc mơ về tự do và công lí của mình trong con người Từ Hải. - Quan điểm về người anh hùng của tác giả: người anh hùng phải làm được những việc lớn lao, dám nghĩ dám làm, có dáng vẻ phóng khoáng, dứt khoát, oai nghiêm. III/ Tổng kết - Từ Hải là một vị anh hùng đầy phóng khoáng, dứt khoát, nhanh nhẹn và oai nghiêm, có lí tưởng công danh lớn, rạch ròi giữa sự nghiệp và tình cảm. - Nguyễn Du đã sử dụng cách miêu tả lí tưởng hoá để nâng cao tầm vóc của Từ Hải. - Từ Hải là hiện thân cho giấc mơ tự do, công lí của Nguyễn Du.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy phân tích nỗi cô đơn buồn tủi nhớ nhung sâu buồn của người chinh phụ qua đoạn trích tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Trên thực tế, ngoại trừ giới nghiên cứu chuyên sâu, bạn đọc thường không mấy ai chú ý đến nguyên tác Chinh phụ ngâm bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn - quê làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì (nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội) mà chỉ biết tới bản diễn Nôm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Hưng Yên). Tương đồng với Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều trên phương diện khẳng định những giá trị nhân văn và phản ánh số phận người phụ nữ cũng như khả năng vận dụng nhuần nhuyễn thể loại ngâm khúc và thể thơ song thất lục bát, song bản diễn Nôm Chinh phụ ngâm lại có phần giản lược những suy tưởng triết lý cao siêu và hướng nhiều hơn tới cuộc sống đời thường. Tâm tình người chinh phụ tiêu biểu cho nỗi nhớ mong chồng, khát khao cuộc sống gia đình bình dị và ước mong về một ngày đoàn tụ vợ chồng. Đặt trong tương quan chung, ước mơ của người chinh phụ cũng hiền hoà, dung dị, gần gũi hơn so với người cung nữ. Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cho thấy rõ tâm trạng cô đơn của người vợ nhớ chồng ra trận và nghệ thuật miêu tả tâm trạng bậc thầy của hai tác giả Đặng - Đoàn, trong đó phải kể đến nghệ thuật diễn Nôm đặc biệt xuất sắc của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Tâm trạng nổi bật trong đoạn trích gồm 36 câu thơ trong tổng số 408 câu của toàn tác phẩm là sự thể hiện nỗi đơn côi, trống vắng của người chinh phụ. Trước hết đó là sự ý thức về con người cá nhân chiếu ứng trong các quan hệ với cảnh vật và con người, đặt trong tương quan với thời gian và không gian. Nhân vật chủ thể trữ tình - người chinh phụ xuất hiện như có như không, vừa tỉnh thức trong từng bước đi, từng động tác buông thả tấm rèm nhưng liền đó lại quên tất cả, thờ ơ với tất cả: Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước, Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen. Trong khổ thơ mở đầu (từ câu 1 - 16) có hai hình ảnh quan trọng được tô đậm, nhấn mạnh trở đi trở lại là tấm rèm và bóng đèn. Người chinh phụ “ngồi rèm thưa” mà trông ra ngoài ngóng đợi tin chồng nhưng chẳng thấy đâu. Cuộc sống nơi “trong rèm” chính là sự bó buộc, trói buộc trong một không gian chật hẹp, tù đọng. Câu thơ chuyển tiếp Trong rèm dường đã có đèn biết chăng càng tôn thêm vẻ vắng lặng, đơn côi, một mình chinh phụ đối diện với bóng mình, đối

diện với người bạn vô tri vô giác Đèn có biết đường bằng chẳng biết và đi đến kết cuộc Hoa đèn kia với bóng người khá thương... Rõ ràng cuộc đời người chinh phụ hầu như đã mất hết sức sống, con người đã bị “vật hoá” tựa như tàn đèn cháy đỏ kết lại đầu sợi bắc, con người bây giờ chỉ còn là “bóng người” trống trải, vừa đối xứng vừa đồng dạng và là hiện thân của chính kiếp hoa đèn tàn lụi. Ngay đến cảnh vật và sự sống bên ngoài cũng nhuốm vẻ tang thương, vô cảm, chập chờn bất định, không dễ nắm bắt với những “gà eo óc gáy sương”, “hoè phất phơ rủ bóng”... Bên cạnh đó, dòng thời gian tâm lý cũng chuyển hoá thành sự đợi chờ mòn mỏi, thời gian đầy ắp tâm trạng đơn côi nhưng không có sự sống, không sự kiện, không thấy đâu bóng dáng hoạt động của con người: Khắc chờ đằng đằng như niên, Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa. Trong sự chờ đợi, người chinh phụ thấy một khoảng thời gian ngắn mà dài như cả năm trường, mối sầu trào dâng như biển lớn mênh mang. Những trạng từ “đằng đằng”, “dằng dặc” tạo nên âm điệu buồn thương, ngân xa như tiếng thở dài của người thiếu phụ đắm đắm chờ chồng. Rút cuộc, hình bóng người chinh phụ có xuất hiện trở lại thì trước sau vẫn là nỗi chán chường, buồn xuôi, vui gượng “Hương gượng đốt”, “Gương gượng soi”, “Sắt cầm gượng gảy” mà không sao che đậy nổi một hiện thực bất như ý “hồn đà mê mải”, “lệ lại châu chan” và “Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng”... ¾ đoạn thơ tiếp theo (câu 17 - 28) là sự phản ánh nỗi lòng chinh phụ khi nhớ về người chồng. Có điều, nếu hình ảnh người chồng hiện diện như một ý niệm xa mờ thì bản thân nỗi nhớ mong cũng chỉ như một ảo giác. Sự gặp gỡ là điều không thể bởi tin tức mịt mờ, bởi khoảng cách về không gian, về địa danh có tính phiếm chỉ, biểu tượng của miền “non Yên”, “đường lên bằng trời”, “xa vời khôn thấu”... Các từ “thăm thăm”, “đau đầu”, “thiết tha” gợi nhớ gợi thương, day đi dứt lại trong tâm can người chinh phụ. Sắc thái nỗi nhớ tăng tiến, rộng mở từ những suy tưởng dỗi theo người chồng nơi phương xa đến sự dồn nén cảm xúc thành nỗi xót xa, đắng cay nỗi dài bất tận: - Nhớ chàng thăm thăm đường lên bằng trời - Nỗi nhớ chàng đau đầu nào xong Giống như tâm sự Thúy Kiều trong Truyện Kiều: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”, người chinh phụ có lúc thấy cảnh vật vô hồn, thê lương nhưng có khi lại cảm nhận cả khoảng không gian và cảnh vật như đang hồi thúc, giục giã, đổi thay, không tìm thấy đâu sự hô ứng, đồng cảm giữa tình người với thiên nhiên: Cảnh buồn người thiết tha lòng, Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun. Sương như búa, bổ mòn gốc liễu, Tuyết dường cửa, xẻ héo cành ngô. Hình ảnh so sánh “sương như búa”, “tuyết dường cửa” là sự cực tả những xao động của thế giới

bên ngoài thông qua cách hình dung của chinh phụ, khi nàng bất chợt không còn chịu đựng nổi ngay cả vẻ bình dị đời thường và bột phát thành những ám ảnh dị thường. Đó là những tâm trạng khác biệt nhau cùng tồn tại trong một con người, sự phân thân trong cách cảm nhận về thiên nhiên, cuộc sống. Trong bản chất, chính tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ đã tạo nên những xung đột tình cảm khác biệt nhau và phổ vào thế giới tự nhiên tất cả những trái ngang, những thất vọng và cả niềm hy vọng mong manh, những giây lát yên tĩnh nhất thời và những cơn bão lòng dường như không thể nguôi khuây. Bước vào đoạn cuối (câu 29 - 36), người chinh phụ vươn tới không gian thoáng rộng hơn với những hàng hiên, ngọn gió, bóng hoa, ánh trăng nhưng đó cũng chỉ là thiên nhiên lạnh lùng, thiếu hẳn niềm tin và hơi thở ấm áp của sự sống. Cảnh vật như tách khỏi con người và không thấy đâu hoạt động của con người. Tất cả chỉ đơn thuần là cảnh vật và vì thế càng tôn thêm vẻ lạnh lùng, đối lập với tâm tư con người và hình ảnh nhân vật chinh phụ đang khuất lấp, ẩn chìm đâu đó: Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm, Nguyệt gặp hoa, hoa thắm từng bông. Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng, Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu! Đến hai câu thơ cuối bắt đầu hé mở tâm trạng so sánh. Người chinh phụ nhìn cảnh hoa nguyệt mà trạnh lòng băng khuâng xót xa cho thân phận mình, tủi phận mình lẻ loi trước cảnh nguyệt hoa. Từ đây có thể nói tới những dự cảm về ý thức cá nhân của người chinh phụ và xa gần liên hệ tới quyền sống, quyền hưởng niềm vui, hạnh phúc lứa đôi giữa chốn nhân gian. Trên phương diện nghệ thuật, thể thơ song thất lục bát với sự kết hợp hai câu thơ bảy chữ kiểu Đường thi hàm súc, trang nhã, đăng đối và câu thơ lục bát truyền thống giàu âm điệu, gợi cảnh gợi tình đã tạo nên nhịp thơ buồn thương man mác, nỗi dài không dứt. Quan sát kỹ có thể thấy từng bốn câu thơ đi liền nhau tạo thành một tiết đoạn, trong đó hai câu thất ngôn đóng vai trò khơi dẫn ý tứ, hai câu lục bát tiếp theo hướng tới luận bình, khai triển, mở rộng. Cứ như thế, các ý thơ, khổ thơ tiếp tục luân chuyển, nối tiếp nhau như những ngọn sóng cảm xúc đang trào dâng. Ngay trong từng câu thơ cũng xuất hiện những tiểu đối tạo nên tính chất hô ứng, đăng đối, tạo ấn tượng và sự nhấn mạnh: - Dây uyên kinh đứt/ phím loan ngại chùng - Cảnh cây sương đượm/ tiếng trùng mưa phun - Sầu tường kêu vắng/ chuông chùa nện khơi Thêm nữa, tác phẩm diễn Nôm bên cạnh việc giữ lại và Việt hoá được cả hệ thống điển tích và từ Hán Việt (non Yên, sắt cầm, dây uyên, phím loan, gió đông...) thì nhiều ý tứ trong nguyên tác đã được chuyển dịch, nâng cấp thành lời thơ thật sự giàu chất thơ. Chẳng hạn, với câu Sầu tự hải - Khắc như niên (nguyên ý nghĩa chỉ là Sầu tựa biển - Khắc như năm) đã được chuyển dịch

thành câu thơ mang sắc thái nội tâm hoá, giàu cảm xúc, khơi gợi âm điệu cảm thương: Khắc chờ đằng đẳng như niên, Mối sầu đằng đặc tựa miền biển xa. Đoạn trích nói về tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cũng như toàn bộ tác phẩm Chinh phụ ngâm là tiếng kêu thương của người phụ nữ chờ chồng, nhớ thương người chồng chinh chiến phương xa. Tình cảnh lẻ loi đó được chiếu ứng trong sự cảm nhận về thời gian đợi chờ đằng đẳng, không gian trống vắng vây bủa bốn bề và cuộc sống hoá thành vô vị, mất hết sinh khí. Trên tất cả là tâm trạng cô đơn và sự ý thức về thảm trạng mất đi niềm tin, đánh mất niềm vui sống và mối liên hệ gắn bó với cuộc đời rộng lớn. Trạng thái tình cảm đó một mặt có ý nghĩa tố cáo những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã đẩy bao nhiêu người trai ra trận và hệ quả tiếp theo là bao nhiêu số phận chinh phụ héo hon tựa cửa chờ chồng, mặt khác xác nhận nhu cầu nói lên tiếng nói tình cảm và sự ý thức về quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ ngay giữa cuộc đời trần thế này. Không có gì khác hơn, đó chính là khả năng mở rộng diện đề tài, khai thác sâu sắc hơn thế giới tâm hồn con người, xác định nguồn cảm xúc tươi mới và khẳng định những giá trị nhân văn cao cả mà khúc ngâm đã đem lại, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của giai đoạn văn chương thế kỷ XVIII trong tiến trình phát triển chung của nền văn học dân tộc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về tác phẩm Trao duyên của Nguyễn Du

Đoạn trích Truyện Kiều này có nhan đề “Trao duyên” gồm 34 câu (từ câu 723 đến câu 756) được in trong sách giáo khoa môn Văn lớp 10. Đây là một trong những đoạn thơ mở đầu cuộc đời lưu lạc đau khổ của Thúy Kiều. Khi Vương Ông và Vương Quan bị bắt do có kẻ vu oan, Thúy Kiều phải bán mình cho Mã Giám Sinh để lấy tiền dứt lốt cho quan lại cứu cha và em. Đêm cuối cùng trước ngày ra đi theo Mã Giám Sinh, Thúy Kiều nhờ cậy Thúy Vân thay mình trả nghĩa, lấy Kim Trọng. Nhan đề đoạn trích là Trao duyên nhưng trở trêu thay đây không phải là cảnh trao duyên thơ mộng của những đôi nam nữ mà ta thường gặp trong ca dao xưa. Có đọc mới hiểu được, “Trao duyên”, ở đây là gửi duyên, gửi tình của mình cho người khác, nhờ người khác chấp nối mối tình dang dở của mình. Thúy Kiều trước phút dẫn thân vào quãng đời lưu lạc, bán mình cứu cha, nghĩ mình không giữ trọn lời đính ước với người yêu, đã nhờ cậy em là Thúy Vân thay mình gả bó với chàng Kim. Đoạn thơ không chỉ có chuyện trao duyên mà còn chứa bao tâm tư trĩu nặng của Thúy Kiều. Mở đầu đoạn thơ là 8 câu tâm sự của Thúy Kiều, về mối tình của mình với chàng Kim. Kể ra, với người xưa, một mối tình thiêng liêng như Thúy Kiều - Kim Trọng thường được giấu kín trong lòng ít khi người ta thổ lộ với người thứ ba. Vậy mà, ở đây, Thúy Kiều phải bộc lộ tất cả với Thúy Vân. Hơn thế nữa, nàng phải lạy em như lạy một ân nhân, một bậc bề trên, phải nói với em bằng những lời lẽ nhún nhường gần như van vi: Cậy em, em có chịu lời, Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa. Không phải nhờ mà là cậy, chị nhờ em giúp chị với tất cả lòng tin của chị. Nhờ em nhưng cũng là gửi gắm vào em. Bao nhiêu tin tưởng bao nhiêu thiêng liêng đặt cả vào từ cậy ấy! Cũng không phải chỉ nói mà là thưa, kèm với lạy. Phải thiêng liêng đến mức nào mới có sự “thay bậc đổi ngôi” giữa hai chị em như thế. Nguyễn Du thật tài tình, như đọc thấu tất cả nỗi lòng nhân vật. Nỗi đau khổ vì không giữ trọn lời đính ước với chàng Kim đã buộc Thúy Kiều phải nói thật, nói hết với em, phải giải bày tất cả. Bởi vì không có cách nào khác là phải nhờ em. Gánh tương tư đâu có nhẹ nhàng gì, thế mà vì mình giờ đây bỗng giữa đường đứt gánh, ai mà không đau khổ. Nhưng, gánh nặng vật chất thì san sẻ được, nhờ người khác giúp đỡ được, còn gánh tương tư mà nhờ người khác giúp đỡ cũng là điều hiếm thấy xưa nay. Vì vậy, Kiều mới phải cậy em, mới phải lạy,

phải thừa, vì nàng hiểu nỗi khó khăn, sự tể nhị của gánh nặng này. Rõ ràng, Thúy Vân cũng phải hi sinh tình yêu của mình để giúp chị. Trong hoàn cảnh bi thương của mình, Thúy Kiều không chỉ trao duyên mà còn trao cả nỗi đau của mình cho em gái. Tuy nhiên, Thúy Vân vốn là cô gái vô tư, thơ ngây trong gia đình họ Vương lúc vạ gió tai bay, Thúy Kiều phải giành cho mình phần hi sinh lớn hơn; không chỉ hi sinh tình yêu mà hi sinh cả cuộc đời để cứu cha, cứu em. Trao duyên cho em nhưng nào đã dễ trút đi gánh nặng? Bao nhiêu kỉ niệm ngày xưa của mối tình đầu, kỉ niệm đẹp đẽ của một thời ào ạt trở về. Những kỉ vật thiêng liêng nàng vẫn giữ, minh chứng cho tình yêu của nàng với chàng Kim, để gì trong phút chốc lại phải trao sang tay người khác, cho dù người đó chính là em gái mình? Tình yêu đôi lứa vốn có chút ít ích kỉ bên trong, đó cũng là lẽ thường tình. Chiếc thoa với bức tờ mây, Phím đàn với mảnh hương nguyên... vốn là kỉ vật riêng của Thúy Kiều, kỉ vật ấy có ý nghĩa tượng trưng cho hạnh phúc của nàng. Bây giờ, những kỉ vật thiêng liêng ấy, nàng phải trao cho em, không còn là của riêng của nàng nữa mà đã trở thành của chung của cả ba người. Đau xót làm sao khi buộc phải cắt đứt tình riêng của mình ra thành của chung! Biết vậy nhưng Thúy Kiều cũng đã trao cho em với tất cả tấm lòng tin cậy của tình ruột thịt, với tất cả sự thiêng liêng của tình yêu với chàng Kim. Nàng thuyết phục em mới khéo làm sao: Ngày xuân em hãy còn dài, Xót tình máu mủ, thay lời nước non. Chị dù thịt nát xương mòn, Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây. Trên hết giữa chị với em là tình máu mủ; vì tình máu mủ ai nỡ chối nhau? Vì vậy, suốt từ đầu đến cuối đoạn thơ không hề thấy lời nói của Thúy Vân. Thúy Kiều như người đang dốc bầu tâm sự, nàng phải dốc cạn với em mới có thể thanh thản ra đi. Nàng tưởng tượng đến lúc mình đã chết, oan hồn trở về lần quất bên chàng Kim. Khi đó, âm dương cách biệt, chỉ có chén nước mới giải được mối oan tình. Lời tâm sự sao mà thương! Cuối đoạn thơ nàng tưởng như mình đang nói với người yêu. Nỗi lòng vẫn ngổn ngang tâm sự, vẫn còn trăm nghìn điều muốn nói với chàng, vẫn không làm sao kể cho xiết muôn vàn ái ân giữa nàng với chàng; không giữ được trọn lời thề nguyện với chàng, nàng đành gửi chàng trăm nghìn lạy. Nàng gọi Kim Trọng là tình quân, nàng xót xa cho duyên phận của mình tơ duyên ngắn ngủi, nàng tự coi mình là người phụ bạc. Thật đau khổ biết bao: trao duyên rồi, đã nhờ em trả nghĩa cho chàng Kim rồi mà nỗi buồn thương vẫn chất chứa trong lòng nàng Kiều. Phải chăng, một lần nữa Nguyễn Du đã thể hiện đúng quy luật tâm lí của con người: cái gì đóng mà lắt thì vỡ, nhưng: sâu đóng càng lắt càng đầy là như thế! Tình duyên dầu có cố tình dứt bỏ vẫn còn vương tơ lòng là như vậy. Cuối đoạn thơ, mặc dù

Kiều đã giải bày hết nỗi khổ tâm riêng của mình với em, đã nhờ em trả nghĩa cho Kim Trọng nhưng những đau khổ vì tình duyên tan vỡ trong tâm trí nàng vẫn không nguôi. Vẫn còn mang nặng nợ tình với Kim Trọng, vẫn biết mình phận bạc, Thúy Kiều vẫn phải thốt lên đau đớn: Ôi Kim Lang! Hỡi Kim Lang! Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây! Phải chăng đây là tiếng thơ kêu xé lòng mà sau này nhà thơ Tố Hữu đã nói thay bao người, bao thế hệ! Đoạn thơ, trừ những câu đầu tâm sự với Thúy Vân, trao duyên cho Thúy Vân, còn thực chất là đoạn độc thoại nội tâm của Thúy Kiều. Với nghệ thuật thể hiện tài tình, Nguyễn Du giúp người đọc nhìn thấu tâm trạng đau khổ của Thúy Kiều. Càng hiểu nàng bao nhiêu, ta càng thương nàng bấy nhiêu, cảm phục nàng bấy nhiêu. Bởi vì người ta có thể hi sinh mọi thứ vì tình yêu, còn nàng thì lại hi sinh tình yêu vì chữ hiếu. Điều đó chẳng đáng cảm phục lắm sao?

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy phân tích 12 câu đầu đoạn trích “Trao duyên”, tác giả Nguyễn Du

Đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 1820) tên chữ là Tố Như là một thiên tài văn học, niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Truyện Kiều là một tuyệt tác của Nguyễn Du, bài thơ như tiếng khóc ai oán của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đầy rẫy những thói nát, bất công. Đoạn trích “Trao duyên” đã nói lên nỗi lòng đau xót của Thúy Kiều khi phải trao mối tình mặn nồng giữa nàng và Kim Trọng cho Thúy Vân, cũng là phần mở đầu cho cuộc đời đầy đau khổ của Thúy Kiều. Và đặc sắc nhất có lẽ là 12 câu thơ đầu. Chỉ 12 câu nhưng sao như tiếng nấc uất nghẹn ngào. “Cậy em em có chịu lời Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” Thúy Kiều đã dùng những lời lẽ chân tình, thuần hậu để nói chuyện với Thúy Vân. Từ “cậy” được sử dụng thật đặc sắc, là “cậy” chứ không phải “nhờ”, người được “cậy” khó lòng từ chối. Thúy Kiều đã đặt hết niềm tin tưởng của mình vào Thúy Vân và Thúy Vân không thể thoái thác được và phải “chịu lời”. Kiều đã đặt Vân lên vị trí cao hơn, hạ mình xuống như đế van nài, kêu xin. Không có người chị nào lại xưng hô với em mình bằng những từ ngữ tôn kính chỉ dùng với bề trên như “thưa, lạy”. Kiều muốn chuẩn bị tâm lí cho Vân để đón nhận một chuyện hệ trọng mà nàng chuẩn bị nhờ cậy em bởi nàng hiểu rằng việc mà nàng sắp nói ra đây là rất khó khăn với Vân và cũng là một việc rất tế nhị: “Hờ môi ra những thẹn thùng Đề lòng thì phụ tấm lòng với ai” Từng từ được thốt ra đều được nhân vật cân nhắc kĩ càng, chọn lọc, Nguyễn Du đã sử dụng những từ ngữ rất “đắt”. Cái hay, cái sắc của từ ngữ cũng chính là cái tinh tế trong thế giới nội tâm mà Nguyễn Du muốn diễn tả. Sự chọn lọc chính xác ấy cho ta thấy Kiều đã suy nghĩ rất nhiều, rất kĩ rồi mới quyết định trao mối nhân duyên mà nàng đã từng mong ước sẽ “đơm hoa kết trái”, mối nhân duyên mà nàng mong ước sẽ được lâu bền lại cho Thúy Vân: “Giữa đường đứt gánh tương tư Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em” “Gánh tương tư” là của chị, tình yêu sâu nặng là của chị nhưng giờ giữa đường lại “đứt gánh” còn đâu. Tơ duyên là của chị, khi đến với em nó đã là “tơ thừa”. Chị hiểu em tuổi còn trẻ có thể chưa biết đến tình yêu. Đáng lẽ em còn được hưởng bao mật ngọt của tình yêu nhưng xin em hãy xót người chị bạc mệnh này mà đáp nghĩa cùng chàng Kim. Ôi! Lời của Kiều thật thống thiết. Cái bản khoán của Kiều là bản khoán cho Kim Trọng phải lờ làng

nhân duyên. Cái ray rứt của Kiều là ray rứt cho Thúy Vân phải “chấp mỗi tơ thừa” của mình. Từ “mặc” sử dụng ở đây không phải là mặc kệ em, mặc cho ra sao thì ra mà có nghĩa là Kiều muốn phó thác, giao phó trách nhiệm lại cho Thúy Vân, tin tưởng tuyệt đối vào sự cậy nhờ của mình nơi Vân. “Kể từ khi gặp chàng Kim Khi ngày hẹn ước khi đêm chén thề” Từ “khi” được lặp lại ba lần như muốn nhấn mạnh tình cảm mà Kiều dành cho Kim Trọng nào đâu phải tình cảm một sớm một chiều. Những kỉ niệm đẹp giữa nàng và Kim Trọng như sống lại trong những câu thơ “ngày hẹn ước, đêm chén thề”. Câu thơ ẩn chứa những tình cảm ngọt ngào, những niềm vui nhưng cũng nghe như tiếng nấc nghẹn của Thúy Kiều, những kỉ niệm đẹp ấy sẽ kết thúc, chỉ còn lại chuỗi ngày bi thảm tiếp sau. “Sự đâu sóng gió bất kì Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai” “Sóng gió bất kì” là khi Kim Trọng về quê chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan, cha và em Kiều bị bắt, Kiều phải bán mình chuộc cha và em. Những biến cố xảy ra liên tục, đẩy Kiều vào chỗ bế tắc, là người chị cả, Kiều phải hi sinh bản thân mình để gia đình được đoàn tụ, êm ấm, bởi lẽ: “Có ba trăm lạng việc này mới xuôi”. Chữ Hiếu là một phạm trù đạo đức trong đạo Nho, vì hiếu con người ta phải dẹp bỏ tình riêng, là một quan niệm đạo đức phổ biến của người xưa. Và Kiều cũng thế, nàng không bao giờ cho phép mình trở thành người con bất hiếu. Nàng đã chôn vùi tình cảm riêng tư để báo hiếu cho cha mẹ: “Nỗi riêng riêng những bàng hoàng Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn” Khi đã quyết định bán thân chuộc cha và em, Kiều lại nhớ đến Kim Trọng, nàng tự thấy mình là người phản bội, không xứng đáng với chàng: “Thề hoa chưa ráo chén vàng Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa” Ở đời, phàm, người ta thường hi sinh tất cả mọi thứ vì tình yêu. Là người ai chẳng khát khao được gắn bó với người mình yêu. Và ở người con gái đa sầu đa cảm như Kiều thì khát vọng ấy lại càng mạnh mẽ gấp bội, vì tình yêu nàng đã từng vượt qua cả lễ giáo phong kiến khắc khe nhất để “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”. Vậy mà giờ Kiều lại đành lòng vứt bỏ, thật đau đớn xiết bao! Nhưng vì: “Duyên hội ngộ, đức cù lao Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?” Có lẽ chỉ có những người con gái mang trong mình trái tim bao dung như Thúy Kiều mới đủ sức mạnh để làm những việc tưởng chừng khó khăn nhất như thế! Sợ chưa thuyết phục được em, Kiều đã dùng hết lý lẽ, sự tình tảo nhất của lí trí để trải lòng cùng em: “Ngày xuân em hãy còn dài Xót tình máu mủ thay lời nước non” Đúng vậy, Thúy Vân còn trẻ, còn nhiều thời gian vun đắp cho tình cảm riêng tư nên xin hãy nhận lời chị kết duyên cùng chàng Kim. Để thêm thuyết phục và Vân không thể chối từ, Kiều đã đem “tình máu mủ” ra để cầu xin Vân. “Máu chảy ruột mềm” còn gì thiêng liêng

hơn tình chị em gắn bó, ruột thịt. Em hãy giúp chị thay “lời nước non” cùng chàng. Kiều cũng đã đặt mình vào địa vị của Vân, phải kết duyên cùng người mình không quen biết, mà còn là người yêu của chị mình, ta có thể cảm nhận ở đây Thúy Vân là người thiệt thòi nhất... Tuổi của Kiều và Vân xấp xỉ nhau “xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê” thế nhưng đối với Kiều giờ đây, tuổi xuân của nàng đã kết thúc. Khoảng thời gian xuân xanh đẹp đẽ giữa nàng và Kim Trọng nay chỉ còn là những kỉ niệm mà không có tương lai. “Trao duyên” cho em, nghe thật kì lạ nhưng trong hoàn cảnh của Kim, Vân, Kiều thì đây là một việc không khó hiểu trong xã hội phong kiến ngày xưa. Những dòng nước mắt không thể chảy ra nhưng cứ âm ỉ, phảng phất trong từng câu, từng chữ... Nỗi đau đớn đến xé lòng nhưng vẫn phải dằn xuống, kìm nén để nói những lời trao duyên cho em. Thật đau xót thay! Chữ Tình đối với Kiều vô cùng quan trọng, thế nhưng nàng lại từ bỏ nó để làm tròn chữ Hiếu. Mất đi tình yêu đối với nàng là mất đi tất cả. Nói đến đây Kiều tưởng như cuộc đời mình đã kết thúc, không còn gì để luyến tiếc, níu giữ: “Chị dù thịt nát xương mòn Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.” Bản thân phải hi sinh, Kiều không đo lường thiệt hơn, nhưng khi nhờ cậy đến em gái thì đó là một cái ơn lớn đối với nàng. Cho nên lời nhờ cậy của Kiều thật thiết tha, lời cảm tạ của Kiều thật sâu sắc, cảm động. Xét về ngôn từ thì lời nói của Kiều khẩn thiết mà vẫn đúng mực, kêu nài mà vẫn chí nghĩa chí tình. Nhờ cậy thì vịn đến tình máu mủ ruột thịt. Cảm tạ thì đề cao ơn nghĩa của Thúy Vân và nói đến sự bạc mệnh của mình. Kiều quả thật là người “sắc sảo mặn mà”. Kiều đã hi sinh tất cả, kể cả cuộc đời nàng đang độ xuân xanh vì gia đình. Thúy Vân dù có vô tư đến đâu cũng có thể hiểu nỗi đau và sự hi sinh quá lớn của chị nên chắc chắn rằng nàng không thể khước từ và chỉ ngậm ngùi đồng ý nhận duyên từ chị. Có lẽ vì thế nên ngay từ đầu chúng ta không nghe một lời đối thoại nào của Vân mà chỉ nghe những lời thuyết phục, van nài và bộc bạch nơi Kiều. Vân đã chấp thuận. Khi trao duyên cho em xong, Kiều đã nghĩ đến cái chết: “thịt nát xương mòn, ngậm cười chín tuổi”. Cuộc đời nàng sau khi báo đáp ơn nghĩa sinh thành thì coi như chấm dứt. Bởi lẽ mất đi tình yêu là nàng đã mất tất cả, mất hi vọng, mất định hướng, linh hồn nàng như tê dại và đông cứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời đầy tăm tối ở ngày mai. Xã hội phong kiến thối nát đã chia rẽ tình yêu đôi lứa, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, chà đạp lên số phận của người phụ nữ, những con người xinh đẹp, tài hoa. “Đau đớn thay phận đàn bà Hỡi ôi thân ấy biết là mấy thân!” kiếp số của họ: “Trăm năm trong cõi người ta Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” Qua đoạn trích “Trao duyên”, ta nhận thấy Nguyễn Du thật sự là một bậc đại tài trong việc

thấu hiểu từng khía cạnh tinh tế nhất của tâm can con người. Chính sự thấu hiểu sâu sắc ấy cùng với nghệ thuật dùng từ điêu luyện, đã khiến tác phẩm của Nguyễn Du tồn tại như một giá trị vĩnh cửu vượt qua tất cả thử thách khắc khe của thời gian, để lại ấn tượng mạnh mẽ trong lòng đối tượng tiếp nhận, đã khiến cho triệu vạn người phải rơi nước mắt khóc than cho số phận nàng Kiều: “Tiếng thơ ai động đất trời Nghe như non nước vọng lời ngàn thu Ngàn năm sau nhớ Nguyễn Du Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày” (Kính gửi cụ Nguyễn Du – Tố Hữu) Hay như Mộng Liên Đường cũng đã từng nhận xét: “Nguyễn Du viết Truyện Kiều như có máu rỏ lên đầu ngọn bút, nước mắt thấm qua tờ giấy”, quả thật không ngoa chút nào!

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết bài văn nói về cuộc đời của Nguyễn Du và tác phẩm truyện Kiều

Hiệu là Tố Như, Thanh Hiên, con Nguyễn Nghiễm, làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (Nghệ Tĩnh) văn chương vượt hẳn bạn bè, nhưng học vị chỉ là tam trường (tú tài). Nguyễn Du gặp nhiều khó khăn hồi con thanh niên. Mười một tuổi mồ côi cha, mười ba tuổi mất mẹ, suốt đời trai trẻ ăn nhờ ở đậu: hoặc ở nhà anh ruột (Nguyễn Khản), nhà anh vợ (Đoàn Nguyễn Tuấn), có lúc làm con nuôi một võ quan họ Hà, và nhận chức nhỏ: chánh thủ hiệu úy. Do tình hình đất nước biến động, chính quyền Lê Trịnh sụp đổ, Tây Sơn quét sạch giặc Thanh, họ Nguyễn Tiên Điền cũng sa sút tiêu điều: “Hong Linh vô gia, huynh đệ tán”. Nguyễn Du trải qua 10 năm gió bụi. Năm 1802, ra làm quan với triều Nguyễn được thăng thưởng rất nhanh, từ tri huyện lên đến tham tri (1815), có được cử làm chánh sứ sang Tàu (1813). Ông mất vì bệnh thời khí (dịch tả), không trời trăng gì, đúng vào lúc sắp sửa làm chánh sứ sang nhà Thanh lần thứ hai. Nguyễn Du có nhiều tác phẩm. Thơ chữ Hán như Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục. Cả ba tập này, nay mới gộp được 249 bài nhờ công sức sưu tầm của nhiều người. Lời thơ điêu luyện, nhiều bài phản ánh hiện thực bất công trong xã hội, biểu lộ tình thương xót đối với các nạn nhân, phê phán các nhân vật chính diện và phản diện trong lịch sử Trung Quốc, một cách sắc sảo. Một số bài như Phán chiêu hồn, Thái Bình mai ca giả, Long thành cầm giả ca đã thể hiện rõ rệt lòng ưu ái trước vận mệnh con người. Những bài viết về Thăng Long, về quê hương và cảnh vật ở những nơi Nguyễn Du đã đi qua đều toát lên nỗi ngậm ngùi đau bể. Nguyễn Du cũng có gần bó với cuộc sống nông thôn, khi với phường săn thì tự xưng là Hồng Sơn liệt hộ, khi với phường chài thì tự xưng là Nam Hải điều đồ. Ông có những bài ca dân ca như Thác lời con trai phường nón, bài văn tế như Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu, chứng tỏ ông đã tham gia sinh hoạt văn nghệ dân gian với các phường vải, phường thủ công ở Nghệ Tĩnh. Tác phẩm tiêu biểu cho thiên tài Nguyễn Du là Đoạn trường tân thanh và Văn tế thập loại chúng sinh, đều viết bằng quốc âm. Đoạn trường tân thanh được gọi phổ biến là Truyện Kiều, là một truyện thơ lục bát. Cả hai tác phẩm đều xuất sắc, tràn trề tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, phản ánh sinh động xã hội bất công, cuộc đời đau bể. Tác phẩm cũng cho thấy một trình độ nghệ thuật bậc

thầy. Truyện Kiều đóng một vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn hoá Việt Nam. Nhiều nhân vật trong Truyện Kiều trở thành điển hình cho những mẫu người trong xã hội cũ, mang những tính cách tiêu biểu Sở Khanh, Hoạn Thư, Từ Hải, và đều đi vào thành ngữ Việt Nam. Khả năng khái quát của nhiều cảnh tình, ngôn ngữ, trong tác phẩm khiến cho quần chúng tìm đến Truyện Kiều, như tìm một điều dự báo. Bói Kiều rất phổ biến trong quần chúng ngày xưa. Ca nhạc dân gian có dạng Lầy Kiều. Sân khấu dân gian có trò Kiều. Hội họa có nhiều tranh Kiều. Thơ vịnh Kiều nhiều không kể xiết. Giai thoại xung quanh cũng rất phong phú. Tuồng Kiều, cải lương Kiều, phim Kiều cũng ra đời. Nhiều câu, nhiều ngữ trong Truyện Kiều đã lẫn vào kho tàng ca dao, tục ngữ. Từ xưa đến nay, Truyện Kiều đã là đầu đề cho nhiều công trình nghiên cứu, bình luận và những cuộc bút chiến. Ngay khi Truyện Kiều được công bố (đầu thế kỷ XIX) ở nhiều trường học của các nho sĩ, nhiều văn đàn, thi xã đã có trao đổi về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Đầu thế kỷ XX, cuộc tranh luận về Truyện Kiều càng sôi nổi, quan trọng nhất là cuộc phê phán của các nhà chí sĩ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng phản đối phong trào cổ xúy Truyện Kiều do Phạm Quỳnh đề xướng (1924). Năm 1965, Nguyễn Du chính thức được nhà nước làm lễ kỷ niệm, Hội đồng hoà bình thế giới ghi tên ông trong danh sách những nhà văn hoá thế giới. Nhà lưu niệm Nguyễn Du được xây dựng ở làng quê ông xã Tiên Điền. Trường viết văn để đào tạo những cây bút mới mang tên ông.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận Bài ca ngất ngưỡng, tác giả Nguyễn Công Trứ

Gợi ý bài: Giá trị của Bài ca ngất ngưỡng là ở chỗ, đây là bài thơ duy nhất Nguyễn Công Trứ trực tiếp thể hiện thái độ, phong cách sống của mình. Sự thể hiện đó chỉ có thể có được trên cơ sở một sự tự ý thức sâu sắc về những giá trị của bản thân, về chốn quan trường và rộng hơn là xã hội thời bấy giờ. Điều này, trong văn học trung đại Việt Nam, khá là hiếm hoi, nhất là với những nhà thơ tham gia vào chốn quan trường. Nói rộng hơn, những kiểu tự ý thức và khẳng định cái tôi trong văn học, cũng như ngoài đời. Hơn nữa, bài thơ được Nguyễn Công Trứ viết khi đã cáo quan về nghỉ và bước vào tuổi 70. Do đó, nó là sự tổng kết, tự đánh giá một cách nghiêm túc, sâu sắc của một người từng trải, chứ không phải nhất thời, bông bột khi ở tuổi thanh xuân. Bài thơ có tên: Bài ca ngất ngưỡng. Điểm đáng chú ý là từ ngất ngưỡng, chứ không phải là bài ca (cùng thời với Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát cũng viết nhiều bài ca : Sa hành đoàn ca (bài ca ngắn “đi trên cát”, Đăng tiên ca (bài ca cái roi song)...). Từ ngất ngưỡng vốn diễn tả trạng thái không vững, ở chỗ cheo leo, dễ đổ, dễ rơi. Đây là lớp nghĩa thông thường, càng không phải ở trong trường hợp của Nguyễn Công Trứ. Đáng chú ý hơn, trong bài thơ, tác giả sử dụng tất cả năm lần (kể cả tiêu đề). Hai lần đầu trong bài, từ ngất ngưỡng xuất hiện ở cuối một khổ thơ, có tác dụng nhấn mạnh. Lần thứ nhất, kể từ khi ông Hy Văn đỗ thủ khoa, rồi làm quan Tham tán và tới chức vụ rất cao (tổng đốc), ông đã ngất ngưỡng. Rồi khi bình Tây, lúc về Phủ doãn Thừa Thiên và tới ngày đô môn giải tổ, ông đều ngất ngưỡng. Khi thực sự cáo quan, sống cuộc sống bình thường, ông càng ngất ngưỡng. So ra, trong triều, chẳng có ai ngất ngưỡng như ông. Như vậy, ngất ngưỡng là một thái độ, một phong cách sống của Nguyễn Công Trứ. Nó vượt lên muôn vàn người thường, nó cũng không Phật, không Tiên, không vương tặc. Nó là một cá – nhân – cá - thể, là bản ngã của chính nhà thơ

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích những lần biến hoá của tấm để thấy được sức sống mãnh liệt của Tấm và ý nghĩa của những lần hóa thân đó

Ý chính trong bài: Rõ ràng, ban đầu cái Thiện luôn tỏ một vẻ nhần nhục đến nhu nhược. Tuy nhiên, nhìn ở một góc độ nào đó, ta thấy được quan niệm “dĩ hòa vi quý” của dân gian. Không ai muốn ân oán chất chồng, chịu thiệt một phần để mong bình yên một thuở. Nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng. Vậy đến một ngưỡng nào đó cái Thiện sẽ vùng lên chống trả. Ấy chính là cái Ác tàn nhẫn muốn độc chiếm sự sống, âm mưu sát hại cái Thiện. Cái thiện muốn sinh tồn phải chống trả. Và rất phù hợp với bản chất hiền hòa của cái Thiện, sự phản kháng đi từ yếu đến mạnh, từ bị động đến chủ động để rồi giành chiến thắng vẻ vang. Mụ dì ghẻ và đứa con đẻ ác nghiệt không chiếm được ngôi vị hoàng hậu thì âm mưu giết Tấm. Bốn lần chúng ra tay thì bốn lần đều thất bại: chặt cây cau, giết chim vành anh, chặt cây xoan đào, đốt khung cửi. Sau mỗi lần bị hại, Tấm không khóc nức nở nhین nhục. Bị bức hại. Nàng hòa kiếp trở về. lần đầu nàng chỉ nhắc nhở: Phơi áo chồng tao thì phơi bằng sào Chớ phơi bờ rào rách áo chồng tao. Đây chỉ là tiếng nói của một linh hồn còn vương vấn dân gian. Cụ thể là nhớ nghĩa cũ duyên xưa trở về thăm lại (chồng). Dù biết mình bị giết hại, Tấm không hề oán than, thù hận mẹ con Cám. Đến lần bị giết hại thứ hai sự tình đã khác. Tấm không nhắc nhở Cám nữa mà lặng lẽ giành lại hạnh phúc của mình. Nàng hóa thân thành cây xoan đào, ngày ngày che mát cho vua, ở bên chồng về tình nghĩa cũ Rõ ràng là ở đây có một sự thay đổi về thái độ. Tấm đã ý thức sâu sắc về sự mất mát của mình, nàng chủ động tìm lại nó. Tiến thêm một bước nữa, cô còn chủ động tìm đến kẻ thù rắn đe: Kéo cày kéo kệt Lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra. Tư thế của Tấm bây giờ đã khác trước. Lần trước nàng xác định quan hệ ngang bằng với Cám “tao - mày”; giờ đây nàng coi mình là người trên xưng “chị”. Không chỉ hiểu về nỗi mất mát nàng còn thấm thía căn nguyên của nỗi đau đời mình. Nàng biết mình bị “tranh chồng” và sự đe dọa của Tấm thật quyết liệt “khoét mắt ra”. Lần hóa thân cuối cùng của Tấm đã quyết tâm vùng dậy làm chủ cuộc đời. làm chủ hạnh phúc của mình. Quả thị thơm lừng như vẻ đẹp nơi cô Tấm nhất hương nàng trở về kiếp con người để chủ động tận hưởng hương thơm và mật ngọt cuộc sống - thứ mà nàng đáng được hưởng và thật sự đã và đang được hưởng. Đây là một kết thúc có hậu, là khúc khải

hoàn viên mãn của cái Thiện trong cuộc đời này.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về 8 câu thơ cuối trong đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Mở bài: Giới thiệu về 8 câu thơ cuối Thân bài: nghị luận về 8 câu thơ cuối: "Lòng này gửi gió đông có tiện? Nghìn vàng gửi đến non Yên." - Nỗi nhớ thương của người chinh phụ luôn hướng gửi tới chồng, nhờ "gió đông" hãy đưa tới chồng, rằng tấm lòng được ví như "nghìn vàng" gửi đến "non Yên" nơi mà người chồng đang chinh chiến. "Non Yên dù chẳng tới miền, Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời." - Nơi đó rất xa không đến được "chẳng tới miền", nỗi nhớ nhiều, dài, lâu "nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời"... "Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu, Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong." - Trời có hiểu được tấm lòng của người chinh phụ không? trời xa không hề hiểu được "khôn thấu", nỗi nhớ đó "đau đáu" không biết khi nào mới hết, người chồng nơi chiến trường có nào hay biết điều này?... "Cảnh buồn người thiết tha lòng, Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun." - Hai câu cuối nói cảnh buồn nhưng thực tâm trạng buồn của người chinh phụ, người và cảnh có nỗi niềm càng sâu hơn. Nỗi buồn sâu "thiết tha lòng" thì khao khát hạnh phúc càng bấy nhiêu.... * Nghệ thuật ở đây sự dụng nói quá, so sánh nỗi nhớ của người chinh phụ: Nghìn vàng, nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời,.. Kết bài: Nêu lên cảm nhận về những câu thơ cuối của đoạn trích chính là nỗi nhớ chồng khi người chồng đi chinh chiến.....

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về 8 câu thơ giữa trong đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Mở bài: Giới thiệu về 8 câu thơ giữa Thân bài: nghị luận 8 câu thơ giữa "Gà eo óc gáy năm sương trống, Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên." - Tiếng gà cất lên nghe nào nề, buồn"eo óc", người chinh phụ đã thao thức cả đêm day dứt không ngủ"năm sương"... Hình ảnh cây hòe"rủ bóng" sà xuống, sức sống không có mà tiêu tụy đó ẩn hình ảnh của người chinh phụ.... "Khắc giờ đằng đằng như niên, Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa." - Một giờ dài lê thê làm co nỗi buồn càng nào nề"khắc giờ đằng đằng" kèm theo nỗi sầu triền miên không bao giờ ngớt"mối sầu dằng dặc"..... "Hương gượng đốt hồn đà mê mải, Gương gượng soi lệ lại châu chan. Sắt cầm gượng gảy ngón đàn, Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng." - Người chinh phụ đang cầu mong cho người chồng ở nơi xa được bình an nên đã đốt hương cầu mong, "hương gượng đốt" cho tâm hồn thanh thản nhưng đốt xong thấy buồn.Những sở thích của người con gái nay cũng cảm thấy ngượng ngùng, có cái gì đó buồn nào nề"gương gượng soi" soi thấy mình buồn chán, càng soi mà giọt "lệ lại châu chan" cứ tuôn trào ra."Sắt cầm" đàn cầm và đàn sắt gảy hòa âm với nhau, được dùng để ví cảnh vợ chồng hòa thuận,"gượng gảy" đàn sắt đàn cầm vì người chinh phụ đang trong cảnh cô đơn."Dây uyên kinh đứt" người chinh phụ sợ làm đứt dây đàn uyên ương vì có thể báo hiệu điều không may của tình cảm vợ chồng, "phím loan ngại chùng" sợ dây đàn chùng là điềm gở, gợi nên sự không may mắn của lứa đôi đang xa nhau.... * Nghệ thuật được sử dụng trong 8 câu thơ này:Bút pháp tả cảnh ngụ tình.. "Người buồn cảnh cũng đeo sầu Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ." "Bẽ bàng mây sớm đèn khuya, Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng." Kết bài: Cảm nhận về 8 câu thơ này....

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về 8 câu thơ đầu trong đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ"

Mở bài: Giới thiệu về bài thơ. Thân bài: Phân tích về 8 câu thơ đầu: "Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước, Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen." - Mở đầu đoạn trích thấy hiện rõ lên khung cảnh vắng buồn, lặng thầm một mình của người chinh phụ "hiên vắng thầm gieo" bước đi ngoài hiên. Sự lẻ loi, cô đơn, buồn bã với hành động "rủ thác đòi phen" buông lên buông xuống nhiều lần mà không có mục đích... "Ngoài rèm thước chẳng mách tin, Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?" - Người chinh phụ đang mong chờ, ở phía ngoài rèm sao con chim thước "chẳng mách tin", con chim thước đó là chim khách, được coi là loài chim báo tin lành-có khách đến, người đi xa trở về, người chinh phụ đang chờ tin của chồng."Trong rèm" người chinh phụ ngồi bết ánh đèn hỏi "có đèn biết chăng?", rằng đèn có hiểu được tâm tư mà người chinh phụ đang lo lắng, chờ đợi không?... "Đèn có biết đường bằng chẳng biết, Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi." - Dầu đèn có hiểu được tâm sự của nàng thì cũng "đường bằng chẳng biết" vì không thể chia sẻ cùng được. Mà tâm tư, nỗi lòng của nàng, chỉ "riêng bi thiết mà thôi" một mình nàng hiểu rõ mà thôi.... "Buồn rầu nói chẳng nên lời, Hoa đèn kia với bóng người khá thương." - Nỗi buồn sao mà sâu nặng khiến cho nàng "chẳng nói nên lời" vì nhớ chồng, nàng ngồi nhìn đầu bấc đèn dầu đã cháy thành than nhưng lại được ngọn lửa nung đỏ lên trông như hoa, làm lòng nàng lại càng nhớ về chồng hơn "bóng người khá thương".... * Làm rõ nghệ thuật trong 8 câu thơ đầu: - Miêu tả bằng những hình ảnh cụ thể mà thể hiện nỗi cô đơn, buồn khổ, khắc khoải, chờ đợi, hi vọng, day dứt không yên của người chinh phụ: hiên vắng, rủ thác, con chim thước, đèn,... Kết bài: Đi khẳng định lại một lần nữa của 8 câu đầu: Nỗi cô đơn của người chinh phụ.... Và nêu lên cảm nhận...

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của anh, chị về hiện tượng học sinh dùng từ ngữ thiếu văn hóa trên các trang mạng xã hội (facebook)

Với phương pháp rút gọn về ngữ pháp và từ vựng, “ngôn ngữ chat” đã đáp ứng nhu cầu về tốc độ nhắn tin trên điện thoại di động hay giao tiếp trên mạng của người sử dụng. Tuy nhiên, sự biến tướng của “ngôn ngữ chat” đã làm méo mó ngôn ngữ tiếng Việt và ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức, nhân cách của thanh thiếu niên. Lạ hóa tiếng Việt hay dị hóa tiếng Việt? “2! hoc han nan ne wa co ui. hom wa kon lai bi me la. kon k bit lam ji de het bun day”, (tạm dịch là: Chào cô. Học hành nặng nề quá cô ơi. Hôm qua con lại bị mẹ la. Không biết làm gì để hết buồn đây). Khi nhận được tin nhắn của cô cháu tuổi mười lăm, ban đầu tôi cứ ngỡ đó là tiếng Anh. Đến khi hỏi con gái, tôi mới biết được đó là... “ngôn ngữ chát”. Theo con gái vào mạng internet, tôi thật sự rối mắt với một thứ ngôn ngữ không có trong từ điển của bất cứ tiếng nước nào. Sự sáng tạo theo cách viết ở đây quả là có một không hai. Chữ nghĩa đã được đơn giản hóa đến mức tối đa theo cách phát âm, viết tắt và theo... quy luật tuổi teen. Chẳng hạn “2” có nghĩa là “xin chào”, “yêu” thì được viết thành “iu”, “buồn” hay “muốn” đều được bỏ chữ “ô”, những chữ “nh” thì giản lược bớt một chữ “h”. Việc chấm, phẩy hay viết hoa đầu câu đều trở nên không cần thiết... Dù để nói nhanh, viết gọn hay vì lý do nào đi nữa thì mục đích cuối cùng của giao tiếp là để người khác hiểu được thông tin mà mình muốn truyền đạt. Thế nhưng với “thế giới teen”, ngoài đạt tốc độ nhanh, từ ngữ nào càng lạ, càng khó dịch nghĩa thì các em càng ưa chuộng, mặc cho người đọc, người nghe phải đoán già, đoán non và việc nói một đằng, hiểu một nẻo là thường xuyên xảy ra. Chính vì những suy nghĩ nông nổi như thế mà các em đã làm cho tiếng Việt bị xâm hại một cách nghiêm trọng. Các em sử dụng tiếng Việt một cách bừa bãi, cầu thả và không đúng nghĩa trong sáng của nó. Một số em còn thấy mình “lạc hậu” nếu không dùng theo lối “chat” của bạn bè. Và cứ thế, hiện tượng sử dụng tiếng Việt theo kiểu “ngôn ngữ chat” đã lan ra khắp giới trẻ và trong cộng đồng dân cư mạng như một mối thời trang mới. Em Nguyễn Kiều Nga, học sinh trường THCS Trần Phú (Đại Hiệp, Đại Lộc, Quảng Nam) cho biết: “Ban đầu, cháu cũng không thích dùng “ngôn ngữ chat”. Khi nhắn tin cho các bạn, cháu dùng cách viết bình thường, đúng chính tả thì bị các bạn cho là “quê”, có bạn còn không trả

lời. Cháu nghĩ chỉ viết tin nhắn chơi thôi nên cháu cũng sử dụng “ngôn ngữ chat” cho giống các bạn. Riết rồi quen, bây giờ cháu không nhắn tin theo cách viết trước đây nữa”. Còn với em Nguyễn Sơn Tùng, sinh viên trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh thì lý do em sử dụng “ngôn ngữ chat” chính là để thử trí thông minh của mình khi đọc tin nhắn của bạn và cũng thử xem bạn có thông minh như mình không (!?). Cần biết nói không với “ngôn ngữ chat” Để “ngôn ngữ chat” không bị lạm dụng, cần phải có sự khoanh vùng “ngôn ngữ chat”. Nhà trường cần nghiêm cấm việc sử dụng “ngôn ngữ chat” trong các bài viết. Các cơ quan thông tấn báo chí, nhất là báo mạng phải đi đầu trong việc sử dụng từ ngữ một cách thành thật, trong sáng và đúng chuẩn, nhất là khi đăng (post) ý kiến của độc giả. Những nơi công cộng cần quy định nghiêm cấm việc sử dụng “ngôn ngữ chat”, tiếng lóng hay những từ ngữ tục tĩu. Và cũng rất cần thiết để thực hiện cuộc vận động Nói không với “ngôn ngữ chat”. Hệ lụy của “ngôn ngữ chat” Không chỉ dừng ở việc chat, ngôn ngữ kiểu xì - tin này đã đi vào cả bài vở và giao tiếp hàng ngày của học sinh. Cô Trần Thị Hồng Cẩm - giáo viên dạy văn Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cho biết, có em còn đưa ngôn ngữ chat vào bài tập làm văn. Cô còn tâm sự, những từ ngữ lấp lánh, những câu văn hay bây giờ trở nên hiếm hoi trong học đường... Còn chị Phạm Ngọc Hoa (phường Thạch Thang, TP. Đà Nẵng) thì kể rằng chị phải thường xuyên nghe và chấn chỉnh cách phát âm sai của con theo kiểu “mẹ ui”, “trùi ui”, “bít rùi”... Việc sử dụng “ngôn ngữ chat” thường xuyên sẽ làm các em không ý thức được trách nhiệm giữ gìn, phát triển ngôn ngữ dân tộc, quên đi bài giảng về sự trong sáng của tiếng Việt mà thầy cô đã dày công dạy bảo. Nếu cứ theo đà này thì thật khó để tìm những ngôn từ đẹp, lời văn hay trong lứa tuổi thanh thiếu niên. Và lo ngại hơn là cách viết, cách suy nghĩ như thế sẽ hình thành thói quen lười tư duy, thiếu kiên trì, nhẫn nại trong công việc, ảnh hưởng đến nhận thức, nhân cách của các em sau này. Tác hại dễ thấy nhất đó là những câu trả lời cộc lốc, vô cảm như “biết chết liền”, “hên xui”, “bó tay”... đã trở nên phổ biến. Chất lượng học môn văn trong nhà trường còn thấp. Nhiều em nộp hồ sơ xin việc với lá đơn đầy lỗi chính tả và còn không ít cán bộ trẻ không biết soạn thảo văn bản... Gia đình là yếu tố quan trọng nhất tác động đến các em, từ suy nghĩ, lời nói đến hành vi. Cha mẹ là người dạy các em ngay từ tiếng nói đầu tiên và văn hóa giao tiếp ở các em chịu ảnh hưởng rất lớn từ gia đình. Chính vì vậy, cha mẹ phải làm gương và thường xuyên giáo dục con cái về sự chuẩn mực của ngôn ngữ, từ giao tiếp trong gia đình đến ngoài xã hội. Bên cạnh đó, nhà trường là nơi để các

em rèn luyện về ngôn ngữ, nói đúng, viết đúng, đúng nghĩa, đúng chuẩn và kể cả đúng chính tả. Đó cũng chính là góp phần hình thành nhân cách, nuôi dưỡng tâm hồn, ý chí và nghị lực của các em để hướng tới những mục tiêu cao đẹp.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận văn học truyện “Tấm Cám”

Tấm Cám là một câu chuyện cổ tích kinh điển của dân tộc Việt Nam. Nó mang đậm tính chất giáo dục con người. Thông qua câu chuyện cuộc đời cô Tấm, câu chuyện đã đánh bật lên mâu thuẫn giữa thiện và ác trong xã hội. Tôi đã nghe bà kể từ lâu nhưng giờ đây khi có cơ hội ngồi suy nghĩ và phân tích tôi mới có thể cảm nhận được bài học đạo lý mà câu chuyện này muốn truyền đạt. Sớm mồ côi cha mẹ, cô Tấm sống trong sự ghẻ lạnh của dì ghẻ và Cám. Hằng ngày cô phải làm mọi công việc chỉ để đổi lấy đòn roi của dì và những câu mắng chửi của em. Cuộc sống cứ như thế trôi wa để lại cho cô gái hiền lành những vết thương khó có thể lành. Không ai biết về cô, không ai làm bạn cùng cô trong những đêm buồn tủi cô Tấm chỉ biết khóc. Dù nỗi đau nối tiếp nỗi đau, vết thương in thêm những vết thương nhưng cô vẫn giữ trọn chữ hiếu cùng dì và nghĩa với đứa em cay ác. Nếu tôi được nói một câu cùng cô, tôi sẽ nói rằng Cô yếu đuối wá cô Tấm àh! Hạnh phúc thật sự chỉ do bản thân mình tự mang lại mà thôi, vậy tại sao cô không thử đứng dậy đấu tranh cho bản thân mình? Từ xưa đến nay, hình ảnh cô Tấm đã trở thành một khuôn mẫu để đánh giá nét đẹp của người phụ nữ. Cô Tấm xinh đẹp, nhân hậu, chăm chỉ và cô rất hiếu thảo. Nhưng cô không được sống trong hạnh phúc thứ mà đáng lẽ cô phải được nhận để xứng đáng với nhân cách tốt đẹp của mình. Việc hằng ngày dì ghẻ và Cám luôn ngược đãi cô Tấm đã thể hiện rõ cho chúng ta thấy được mâu thuẫn xã hội đã hình thành từ rất lâu. Từ khi con người hình thành tri thức, cái thiện và cái ác đã cùng song hành trong xã hội. Không nơi nào tồn tại toàn những người tốt, và cũng sẽ chẳng thể có một xã hội với tất cả những công dân xấu cả. Cái tốt cái xấu đã và đang hiện hữu trong mỗi chúng ta, thật sai lầm khi chúng ta sống mà chỉ cố gắng làm điều tốt! Người tốt thật sự là người biết tự nhìn nhận ra những sai lầm của bản thân và tránh lặp lại chúng. Trở lại cùng câu chuyện của cô Tấm, ở đoạn kết chúng ta thấy được một kết thúc đẹp cho nhân vật chính của chúng ta nhưng ít ai nhận ra rằng để đạt được hạnh phúc đó thì cô Tấm đã phải đứng đấu tranh vô cùng vất vả. Cô chết đi và sống lại bao nhiêu lần để có được cái hạnh phúc ấy? Giả sử câu chuyện ấy kết thúc tại thời điểm cô Tấm chết, Cám làm hoàng hậu và hạnh phúc sông cùng vua và người mẹ độc ác của mình đến cuối đời thì sao? Lúc đó bạn sẽ không thể 1 lần nhìn thấy 2 tiếng “hòa

binh” trong xã hội này đâu. Khi ấy những gì mà trẻ con đến trường nhận được là lòng thù hận, sự ích kỷ và đố kỵ. Hãy tưởng tượng mộ buổi sáng bạn bước ra đường, vô tình bạn thấy một bà cụ vấp ngã và tất cả mọi người chung quang bạn vẫn đứng đưng bước đi? Tưởng tượng rằng bạn phải đến viện bảo tàng để đọc được cuốn tiểu thuyết “Những người khốn khổ” của H.Way mà lúc này nó bị xem là tư tưởng phát-xit ??? Và thử tưởng tượng rằng một ngày nọ... Đền đỏ, xe cộ đậu chỉnh tề ngay sau vạch trắng. Một va chạm xảy ra và hai thanh niên rồi rít xin lỗi nhau. Anh cảnh sát giao thông nhìn cả hai trùu mển rồi tặng mỗi người một cái nón bảo hiểm. Sếp đứng ở cổng, dịu dàng bắt tay từng người và hỏi lương có đủ sống không làm chị lao công xúc động nấc lên từng chập. Bản tin trên đài truyền hình cho biết giá cả đang giảm trong khi mỗi người ai cũng được tăng hai bậc lương khiến mấy chị nhà bếp vỗ tay rần rần. Ở các khu phố, người ta gõ cửa từng nhà để tặng sách giáo khoa cho trẻ. Chỉ cần một tiếng ho là xe cấp cứu chạy đến tức thời. Mưa, người dân mở cửa cho khách bộ hành trú nhờ. Tụi nhỏ thích nghịch nước khóc rấm rứt vì không tìm đâu ra một đoạn đường ngập nước. Ông giám đốc công ty giải trí tức thời lên tivi hứa sẽ xây thật nhiều công viên nước miễn phí cho bọn trẻ... Cái ác có thể mạnh nhưng không thể tồn tại vĩnh viễn, cái thiện có thể yếu nhưng sẽ vẫn luôn tồn tại để đấu tranh chống lại cái ác. Và như thế là một chân lý, người ở hiền thì sẽ gặp lành và kẻ gieo gió ắt cũng có ngày gặp bão. Thiện có thể biến thành ác, ác cũng có thể biến thành thiện. Tà hành chánh lập công bởi đức Chánh hành tà lập tức tiêu thân. Thiện, Ác do Tâm mà sanh ra, vậy Tâm ở đâu ? ai sanh ra Tâm ? Vạn Pháp quay về Tâm, Tâm quay về đâu ? Thiện là gì: cần phân biệt giữa cái thiện “hoàn mỹ” trong cổ tích với cái thiện hiện nay. thiện hiểu chung là sống đúng, sống thực với lòng mình, có đức hy sinh, biết vì quyền lợi của người khác. Ác là gì: Đối lập với cái thiện - mâu thuẫn cơ bản trong truyện cổ, sẽ là cái ác. Đấu tranh giữ thiện và ác ngoài đời thường: cái thiện ngày xưa chỉ biết ngồi chờ cho vận may ập tới để đòi lại công bằng, tự an ủi mình bằng những cái không tưởng (tắm chết đi, sông lại, chịu khổ cực dày vò nhưng chưa bao giờ có ý định đứng lên). Ngày nay, thiện phải gắn với đấu tranh, phải biết đứng lên để tự tìm ra lối thoát. Cái ác có thể núp mình sau cái thiện và đôi khi cái thiện cũng có thể chuyển thành cái ác (tại sao tắm lại phải giết cá, có cần thiết không?). Ranh giới giữa thiện và ác là rất mong manh: không tìm được ai toàn thiện hoặc toàn ác cả (khác biệt giữa thực tế sông và truyện cổ). Cái ác nhiều khi có thể chiếm số đông (dẫn chứng từ tình trạng tham nhũng, áp bức, bóc lột...) nhưng sớm muộn gì cũng chuốc lấy thất bại. Đó là quy luật vận động tất yếu của xã hội. .

Đấu tranh giữa thiện và ác trong mỗi con người: phải làm sao để dập tắt những mưu mô, những toan tính nhỏ nhen, để giữ cho lương tâm được thanh thản (dẫn chứng ?) Cái ác và cái thiện (Người dịch: Nguyễn Viết Thắng) Cái ác giữ vẻ bất di, bất dịch của mình Khi như sông, khi như người chết đuối Khi như lá vàng, khi như cá nối Khi lại như con ngựa bị còng đường. Còn cái Thiện tôi chưa biết một lần Nếu có chẳng, chỉ vô tình, ngẫu hứng Khi trong mơ, khi trong mây xa thăm Khi như chim bay về chốn xa xăm.

Văn Mẫu Lớp 10 - “Dù anh... cuộc sống” . Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến trên. Bằng những hiểu biết về văn học dân gian, anh chị hãy làm rõ ý kiến trên

Đề bài: “Dù anh viết xuôi viết ngược như thế nào, dù cho rằng anh viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường thì rốt cuộc vẫn để truyền thổi vào tâm hồn người đọc một niềm tin, một tình yêu bát ngát vào cuộc sống” <Nguyễn Minh Châu>. Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến trên. Bằng những hiểu biết về văn học dân gian, anh chị hãy làm rõ ý kiến trên

Gợi ý bài: 1. Giải thích nhận định: - “viết xuôi viết ngược”: cách viết, hình thức thể hiện. - “viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường”: nội dung biểu hiện – thiên về những cảm xúc nghịch chiều, những mặt tiêu cực của cuộc sống. → Quan điểm của Nguyễn Minh Châu: dù người nghệ sĩ lựa chọn viết theo hình thức nghệ thuật nào, viết về bất cứ nội dung gì, kể cả những “mảng tối” của hiện thực, của cảm xúc... thì cái đích cuối cùng văn học là phải đem đến cho người đọc niềm lạc quan, tin yêu vào cuộc sống, vào con người; hướng người đọc vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ.

2. Bàn luận, chứng minh: a. Bàn luận: *Quan điểm của Nguyễn Minh Châu xuất phát từ đặc trưng văn học. “Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống”, vì vậy mọi mảng hiện thực – “sáng” hay “tối” đều là đối tượng phản ánh của văn học. Điều quan trọng không phải là anh “viết về cái gì” mà là anh viết để “hướng tới điều gì”. Quan điểm của Nguyễn Minh Châu xuất phát từ chức năng bao trùm của văn học là “nhân đạo hóa con người”, giúp con người sống tốt hơn, nghị lực và kiên cường hơn. Giá trị cuối cùng của văn học là “nâng đỡ” con người, đặc biệt là “những người cùng đường tuyệt lộ” chứ không phải là dập tắt hi vọng của con người, để con người không biết bầu vút vào đâu. Vì vậy “nhà văn lớn phải là những người nhân đạo từ trong cốt tủy”. Quan niệm của Nguyễn Minh Châu đúng với mọi tác phẩm văn học chân chính nói chung và rất chân xác đối với thể loại truyện cổ tích: - Truyện cổ tích là những sáng tác dân gian thuộc loại hình tự sự, ra đời khi chế độ nguyên thủy tan rã, chế độ phong kiến hình thành, quan hệ bình đẳng bị phá vỡ, sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc. - Truyện cổ tích phơi bày hiện thực ngọt ngào, đầy bất công, ngang trái, phản ánh số phận bất hạnh của những con người lao động nhỏ bé. Nhân vật chính trong truyện cổ tích*

thường là người mồ côi, người em, người có ngoại hình xấu xí... Họ đều là những con người hiền lành, tốt bụng, tài năng nhưng lại chịu áp bức bóc lột nặng nề. - Truyện cổ tích thể hiện ước mơ về sự công bằng, dân chủ, hạnh phúc. Trong cuộc đấu tranh giữa thiện – ác, xấu – tốt, chính nghĩa – phi nghĩa... những người lương thiện, tài năng sẽ luôn được hưởng hạnh phúc xứng đáng với những phẩm chất tốt đẹp của họ. Đồng thời có cả những giấc mơ bay bổng, đẹp đẽ: lao động nhẹ nhàng, cuộc sống sung túc... → Hiện thực trong truyện cổ tích luôn đan xen với các yếu tố kì ảo, tạo ra một thế giới hấp dẫn, rọi chiếu ánh sáng chói ngời hạnh phúc vào cuộc đời tối tăm, bất hạnh của con người, khiến họ yêu đời và sống mạnh mẽ hơn. b, Chọn một số truyện cổ tích tiêu biểu để phân tích, chứng minh (học sinh có thể lấy các dẫn chứng khác nhau nhưng phải đảm bảo sự tiêu biểu, toàn diện. Dưới đây chỉ là một số gợi ý): Truyện Tấm Cám: “Viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường...”: - Truyện phản ánh số phận bất hạnh của cô Tấm thảo hiền: + Mồ côi mẹ từ nhỏ. + Bị mẹ dì ghẻ bóc lột, chà đạp, hãm hại: cướp mất yếm đỏ, bắt mất cá bống, không cho đi chơi hội, hãm hại nhiều lần... → Mâu thuẫn giữa Tấm với mẹ con Cám không chỉ là mâu thuẫn giữa dì ghẻ - con chồng mà còn là hình thức biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn giai cấp, xung đột thiện – ác trong xã hội. Thân phận đầy đau khổ của Tấm là thân phận chung của những người nghèo, người mồ côi lương thiện trong xã hội xưa. “Truyện thổi vào tâm hồn người đọc một niềm tin, một tình yêu bát ngát vào cuộc sống”: - Cô Tấm trải qua bao bất hạnh cuối cùng được hưởng hạnh phúc vẹn tròn. Cuộc đấu tranh giữa thiện và ác dù gay gắt, quyết liệt đến đâu thì cuối cùng cái thiện cũng chiến thắng cái ác, “ở hiền sẽ gặp lành”: + Con đường đến với hạnh phúc của cô Tấm luôn có sự ủng hộ, giúp đỡ của những lực lượng siêu nhiên: ông Bụt, gà, chim sẻ... thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng. + Con đường đến với hạnh phúc của cô Tấm là quá trình tự đấu tranh để giành và giữ hạnh phúc: 5 lần hóa thân thể hiện sức sống mãnh liệt và sự trưởng thành trong ý thức tự đấu tranh của cô Tấm. → Tác giả dân gian đã mượn yếu tố kì ảo, truyền thổi sức sống mãnh liệt cho nhân vật, vực nhân vật dậy “đi trả thù và sống tự do”. Ta hiểu rằng đằng sau lũy tre làng yên tĩnh luôn ấp ủ bao ước mơ lãng mạn và kì diệu của người lao động nghèo. Và chính truyện cổ tích đã tạo hình, chắp cánh cho những ước mơ, nuôi dưỡng niềm tin, niềm lạc quan cho con người. Truyện Chữ Đồng Tử: “Viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường...”: - Truyện phản ánh cuộc sống nghèo khổ của cha con Chữ Đồng Tử. - Truyện phản ánh sự phân biệt giai cấp sâu sắc trong xã hội phong kiến: cuộc hôn

nhân của Tiên Dung và Chử Đồng Tử gặp phải sự phản đối kịch liệt của nhà vua. “Truyền thối vào tâm hồn người đọc một niềm tin, một tình yêu bát ngát vào cuộc sống”: - Cuộc hôn nhân của Tiên Dung và Chử Đồng Tử phản ánh ước mơ về một tình yêu tự do, phóng khoáng của nam nữ thanh niên vượt qua mọi rào cản giai cấp. - Công việc làm ăn của Tiên Dung và Chử Đồng Tử ngày càng thịnh vượng → ước mơ giàu có, no đủ của nhân dân. - Gậy, nón thần mang đến cho hai vợ chồng cung điện lộng lẫy... → ước mơ lao động nhẹ nhàng và hiệu quả hơn; chinh phục đầm lầy, khai phá đất hoang của cha ông ta. → Mượn yếu tố kì ảo, truyện khơi dậy những ước mơ vừa bình dị, vừa lãng mạn, phóng khoáng, gieo vào lòng người đọc niềm tin, lòng yêu đời và tinh thần nhân văn sâu sắc. Truyện cổ tích “Cô bé bán diêm”: “Viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường...”: - Nỗi bất hạnh của một cô bé mồ côi, không nhà không cửa, chết cóng trong đêm giá rét, trước thềm của năm mới vừa sang. * “Truyền thối vào tâm hồn người đọc một niềm tin, một tình yêu bát ngát vào cuộc sống”: + Khơi dậy lòng nhân ái, sự xót thương, đồng cảm đối với những mảnh đời bất hạnh. 3. Đánh giá, tổng kết: - Muốn “viết nhân đạo” phải “sống nhân đạo”. Người nghệ sĩ phải sống sâu sắc với đời, với người, phải có trách nhiệm với việc cầm bút của mình. Thông qua tác phẩm, tác giả phải gửi được những thông điệp mang giá trị nhân văn sâu sắc, như vậy tác phẩm mới có sức sống trường tồn trong lòng người đọc. - Với người đọc, phải đồng cảm, tri âm với tác giả thông qua tác phẩm. Có như vậy tâm hồn người đọc mới được bồi đắp, trở nên giàu có và tràn đầy niềm tin yêu với cuộc sống.

Văn Mẫu Lớp 10 - Có ý kiến cho rằng: "Bình Ngô đại cáo là tác phẩm thể hiện tinh thần yêu nước sâu sắc". Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

Ý chính trong bài: Đoạn 1: "Việc nhân nghĩa ... trừ bạo" + Nguyễn Trãi đưa vào tư tưởng nhân nghĩa một nội dung mới. Theo ông yên dân trước hết là phải trừ bạo để dân chúng có cuộc sống ấm no, yên bình trong một đất nước hòa bình, hạnh phúc. + Giặc giày xéo đất nước có nghĩa là giày xéo dân. Lo nước tức lo dân, yêu nước tức yêu dân, thương nước tức thương dân, Nước và dân là một. + Nhân nghĩa không chỉ là phạm vi đạo đức mà là một đường lối chính trị (dân vi bản) -> lấy dân làm gốc. + Tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với chống xâm lược "Như nước ... cũng có" (đoạn này hay) + Đại Việt có cương vực, ranh giới rõ ràng (Tiết nhiên định phận tại thiên thư - Thơ Thần (Sông núi nước Nam) - Lí Thường Kiệt). Từ lâu đời tồn tại song song với các triều phương Bắc. Truyền thống văn hiến lâu đời, hào kiệt đời nào cũng có -> khẳng định Đại Việt là quốc gia có chủ quyền độc lập, tự do. + Bình Ngô đại cáo là một bước tiến dài của Nguyễn Trãi so với Lí Thường Kiệt trong việc hoàn chỉnh khái niệm về quốc gia và dân tộc. + Nguyễn Trãi cũng nói đến bờ cõi riêng biệt, nhưng không viện quy định của trời, mà nói đến truyền thống văn hiến, tức nền văn hóa của con người sống trên bờ cõi đó Còn lại: nỗi thất bại Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đâu phải một sớm một chiều mà rửa được. Đoạn 2: "Vừa rồi ... cầu vịnh": + Vạch trần âm mưu - luận điệu xảo trá "phù Trần diệt Hồ" của giặc. "Nướng dân đen đến hết": + Vơ vét sản vật quý báu, sức người, sức của bằng thuế má, phu phen, dâng nạp cống vật và hủy hoại môi trường sống. + Dùng cái vô cùng (trúc Nam sơn, nước Đông Hải) để nói cái vô cùng (tội ác và sự dơ bẩn của giặc)

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về giá trị nhân đạo của Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Ý chính trong bài: - Giá trị nhân đạo thường được thể hiện qua việc tố cáo, vạch trần tội ác của những thế lực chà đạp lên quyền sống của con người; biểu dương ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người; thông cảm; thấu hiểu những tâm tư; tình cảm cũng như những nguyện vọng của con người, giúp họ nói lên những ước nguyện đấu tranh để dành được ước nguyện ấy. - Nỗi cô đơn, buồn khổ của người phụ nữ trong Chinh phụ ngâm bắt nguồn từ bi kịch mà nàng phải chịu đựng. Cuộc chiến tranh phi nghĩa đã cuốn người chồng của nàng vào vòng chiến trận liên miên. Tình yêu, hạnh phúc bỗng nhiên vượt khỏi tay nàng. Càng xa chồng, nàng càng nhớ thương, càng khao khát hạnh phúc. Nhưng càng khao khát, người chinh phụ càng cảm thấy cô độc, lẻ loi, càng đau đớn, khổ sở. - Viết về nỗi buồn khổ, cô đơn trong sâu thẳm tâm hồn người chinh phụ cũng chính là cách tác giả thể hiện thái độ đồng tình và ngợi ca của mình đối với niềm khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi của nàng. Và đó cũng chính là một biểu hiện trong giá trị nhân đạo của đoạn trích. - Không bộc lộ trực tiếp sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa nhưng thông qua việc thể hiện tâm trạng nhân vật trữ tình, tác giả Chinh phụ ngâm muốn cất tiếng tố cáo chiến tranh. Chính những cuộc chiến phi nghĩa này là nguyên nhân dẫn đến tình trạng những người chồng phải xa vợ, những người mẹ phải lìa con, hạnh phúc, tình yêu lứa đôi lỡ dở. Có quá nhiều người chinh phụ phải sống trong cảnh mòn mỏi nhớ thương, cô đơn như nhân vật trữ tình trong tác phẩm

Văn Mẫu Lớp 10 - Bình luận về nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích Trao Duyên có ý kiến cho rằng: “Thúy Kiều... mình” nhưng lại có ý kiến cho rằng: “Thúy Kiều... tan vỡ”. Phân tích đoạn trích Trao duyên để bàn luận ý kiến trên

Đề bài: Bình luận về nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích Trao Duyên có ý kiến cho rằng: “Thúy Kiều đã nghĩ đến chữ Hiếu mà chấp nhận hy sinh cả hạnh phúc của mình” nhưng lại có ý kiến cho rằng: “Thúy Kiều còn biết sống cho riêng mình khi ý thức được sâu sắc bị kịch tình yêu cá nhân tan vỡ”. Phân tích đoạn trích Trao duyên để bàn luận ý kiến trên Bài làm: Mười năm lưu lạc của Thúy Kiều là một tấn bi kịch triền miên chất chứa bao nỗi đau đớn, thảm sầu. Mỗi tình đầu đẹp đẽ, trong sáng giữa nàng với Kim Trọng đã sớm bị sóng gió cuộc đời làm cho tan vỡ. Sau khi bán mình chuộc cha để báo đền chữ hiếu, Kiều đã âm thầm khóc thương cho lời nguyện vàng đá với chàng Kim. Nàng đành cậy Thúy Vân thay mình gấn bó với chàng. Trao duyên là nỗi đau đớn, nỗi đau đầu đời của người con gái tài sắc - Thúy Kiều. Trong đêm gia biến: “Một mình nàng ngọn đèn khuya Áo đầm giọt lệ tóc se mái sầu” Nàng sống với tâm trạng đầy sóng gió và mặc cảm. Trước sự thực phũ phàng là ngày mai nàng sẽ thuộc về tay kẻ khác, Kiều cảm thấy như chính mình là thủ phạm gây ra nỗi bất hạnh cho Kim Trọng. Nàng thương mình một nhưng thương người yêu mười nên cắn răng cam chịu số phận đen bạc của mình: Phận dầu, dầu vậy cùng dầu để nghĩ đến nỗi đau của Kim Trọng: Công trình kẻ biết mấy mươi Vì ta khăng khít cho người dở dang! Thề hoa chưa ráo chén vàng Lỗi thề thôi đã phũ phàng với hoa Thúy Kiều mang nặng mặc cảm là người có lỗi. Nàng tự trách mình khăng khít, khiến cho người dở dang. Đúng ra là cả hai chủ động tìm đến nhau, yêu nhau và tự nguyện gấn bó với nhau. Kiều có mặc cảm đó là vì nàng luôn nghĩ đến người khác, ngay cả trong lúc đau thương tột bậc. Một mình một bóng, đối diện với tâm trạng rối bời, tan nát, Kiều chỉ biết âm thầm khóc than cho gia cảnh, cho duyên phận. Dẫn đo, suy tính trước sau, nàng thấy chỉ một cách có thể cứu vãn phần nào cho mối lương duyên của mình, đó là trao duyên cho em gái. Và Kiều đã trao duyên cho Thúy Vân khi cô em vô tư ấy vừa chợt tỉnh giấc xuân. Thấy Kiều khóc lóc ủ ê, Thúy Vân gạn hỏi nguyên do và cũng lờ mờ đoán biết chị mình đang mắc mối tình chi đây. Kiều trao duyên cho em mà

trong lòng băn khoăn, bối rối: Rằng: lòng đương thổn thức đầy Tư duyên còn vướng mối này chưa xong Hở môi ra cũng thẹn thùng Để lòng thì phụ tấm lòng với ai. Nàng thẹn thùng khó nói vì còn vướng mối tư duyên với chàng Kim - mối tình mà chỉ hai người biết với nhau. Ngổ chuyện riêng tư với người khác, cho dù là em mình đi nữa cũng không phải là điều dễ dàng. Hơn nữa, đây không phải là tình yêu thoáng qua mà đã thề nguyên vàng đá, kết giải đồng tám; nó trở thành thiêng liêng, khó có thể đổi thay. Nay nhờ Vân thay thế mình, Kiều sợ chắc gì Vân đã nhận lời. Kiều lâm vào tình thế khó xử; không nói không được mà nói ra thì e ngại. Bởi thế nên nàng đắn đo sau, băn khoăn, ngập ngừng mãi rồi mới thốt ra được một câu khiến người ngoài cuộc nghe cũng phải mỉm lòng. Cậy em, em có chịu lời Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa Lời gì vậy? Đó là lời nhờ Vân thay chị nối tình với chàng Kim. Đề nghị ấy thật bất ngờ ngay cả đối với Thúy Kiều bởi trước đó nàng chưa hề nghĩ đến. Cả một đêm thức trắng, nàng đâu có nghĩ ra điều này. Nàng chỉ có đau khổ, giày vò. Nhưng từ lúc Thúy Vân thức giấc và tỏ ra thương chị, nàng như vụt thấy một làn chớp sáng: Đây rồi, cô em gái này có thể 'giúp mình trả món nợ tình'. Đề nghị ấy cũng bất ngờ đối với Thúy Vân bởi nó quan trọng quá, nó ảnh hưởng đến cả cuộc đời. Nhận lời lấy một người đâu có dễ dàng, đơn giản như nhận một món quà? Vậy dựa vào đâu mà Thúy Kiều dám đề ra ý kiến ấy và hầu như ép Thúy Vân phải nhận lời? Chỉ có cơ sở duy nhất dẫn dắt là tình thương. Chị thương em, tin rằng em sẽ nghe lời. Chị cũng biết em thương chị, không nỡ trái ý chị. Còn em, tuy chẳng hiểu đầu đuôi ra sao nhưng lại thật tình thương chị riêng gánh chịu nỗi oan khổ của cả gia đình, lại đang đau xót vì mối tư duyên đứt đoạn nên dù chưa kịp nghe hết lời giải bày, chắc cũng đã thấu hiểu lòng chị. Người ta hỏi: Tại sao Thúy Kiều không dùng từ "nhờ" mà lại dùng từ "cậy"? Không dùng từ "nhận" mà lại dùng từ "chịu"? Chính vì giữa các từ ấy có một sự sai biệt khá tinh vi. Đặt nhờ vào chỗ cậy, không những thanh điệu câu thơ sẽ nhẹ đi, âm thanh không đọng ở chữ thứ nhất của câu thơ nữa mà còn giảm đi cái quặn quai khó nói của Kiều, cái ý nghĩa hi vọng thiết tha của một lời trời trăng, ý nghĩa nương tựa, gửi gắm của một tâm lòng tuyệt vọng, ý nghĩa tin tưởng vào tình cảm ruột thịt. Giữa chịu và nhận thì dường như còn có vấn đề tự nguyện hay không tự nguyện nữa. Nhận lời có lẽ có nội dung tự nguyện: còn chịu lời thì hình như chỉ có một sự nài ép phải nhận vì không nhận không được. Trong tình thế của Thúy Vân lúc bấy giờ, chỉ có chịu lời chứ làm sao nhận lời được? Câu thơ sáu chữ giản dị mà chứa đựng tất cả chiều sâu của một tình thế phức tạp. Điều đó càng làm cho nó có dáng dấp như một lời cầu

nguyện. Kiều yêu cầu Thúy Vân: “Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” vì nàng coi sự chịu lời của Thúy Vân là một hành động hi sinh. Đối với cử chỉ hi sinh ấy thì chỉ có kính phục và biết ơn. Thúy Kiều lạy em là lạy sự hi sinh cao cả ấy. Trong những giây phút đau đớn, tội nghiệp này, Kiều vẫn quên mình để suy nghĩ đến người yêu. Nỗi buồn của nàng cần phải được san sẻ cho vơi bớt. Sau cái phút ban đầu khó nói, giờ đây nàng bộc bạch với em gái về mối tình đẹp đẽ mà dang dở của mình: Kể từ khi gặp chàng Kim Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề Tâm sự về nỗi khó nghĩ, khó lựa chọn giữa tình và hiếu: Sự đau đớn gió bất kì Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai. Là người con có hiếu, Kiều đã bán mình để lấy ba trăm lạng cứu cha và em khỏi vòng tội tù oan nghiệt. Chữ hiếu nàng đã đáp đền, còn chữ tình vẫn canh cánh bên lòng như một món nợ nặng nề khó trả: Nợ tình chưa trả cho ai Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan Ý nghĩa này cho thấy Thúy Kiều đau khổ biết chừng nào và cũng cao cả biết chừng nào! Nàng van lơn em gái hãy xót tình máu mủ thay lời nước non mà bằng lòng kết duyên với chàng Kim. Nhắc tới chàng, Thúy Kiều càng sầu, càng tủi cho thân phận. Tưởng chừng như nỗi đau theo nước mắt tuôn rơi: Chị dù thịt nát xương mòn, Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây. Tưởng tượng ra cái chết thê thảm cũng là biểu hiện của sự thương thân, nhưng Kiều tự an ủi rằng vong hồn mình nơi chín tuổi hãy còn thơm lây với cái đạo đức thơm tho của em. Kiều nói với em những lời gan ruột như thế, hỏi Thúy Vân sao nỡ chối từ? Ngôn ngữ của Kiều ở đoạn này là ngôn ngữ của lí trí. Tuy Kiều là cô gái rất giàu tình cảm nhưng đối với chuyên trọng đại của cả một đời người này, nàng không thể dùng tình cảm của mình mà thuyết phục được em. Phải bình tĩnh mà dùng lí lẽ, phân tích thiệt hơn, phải trái để em hiểu mà bằng lòng giúp. Trước lời nói có lí, có tình thiết tha của Thúy Kiều, Thúy Vân chỉ còn biết im lặng lắng nghe và như thế có nghĩa là nàng chấp nhận. Đến đây Thúy Kiều mới nhẹ lòng và nàng lấy kỉ vật tình yêu giữa mình với Kim Trọng ra trao cho em gái: Chiếc vành với bức tờ mây Duyên này thì giữ, vật này của chung. Nếu như ở đoạn trên, Kiều kể mối tình cho em nghe bằng giọng điệu cổ lấy vẻ bình tĩnh thì đến lúc này, trao lại kỉ vật cho em, nàng cảm thấy đã mất hết nên không thể kìm nén được tình cảm của mình nữa, trái tim đa cảm bắt đầu lên tiếng. Nàng nói: Chiếc vành với bức tờ mây vẫn bằng tiết tấu của mấy câu thơ trên, nhưng đến câu: Duyên này thì giữ vật này của chung nghe như đã có tiếng nấc nghẹn ngào ở trong đó. Duyên này là duyên giữa Thúy Vân với Kim Trọng, phần nàng đã hết. Duyên chị đã trao lại cho em, nhưng kỉ vật này xin em hãy coi có một phần của chị, nó là của chung. Rõ ràng lí trí buộc nàng phải dứt tình với

chàng Kim nhưng tình cảm của nàng thì không thể. Mỗi tình đầu thơm, tho, ngọt ngào nhường ấy, bỗng chốc bảo quên, quên làm sao được? Gửi lại trong chút kỉ vật này vậy. Giữa lúc tội đanh đau thương, Kiều vẫn cố tìm lấy một chút an ủi. Sau đó, Kiều để mặc cho tình cảm tuôn tràn. Nàng nói với em bằng tiếng nói khác của lòng mình. Ngôn ngữ nàng không còn cái mạch lạc, khúc chiết của lí trí nữa mà thuần là của tình cảm, của cả ảo giác. Càng nói càng xót xa cho duyên phận bất hạnh của mình. Nàng nói rõ mình mệnh bạc, tình mình mất đi và bao nhiêu nỗi niềm ngày xưa nay chỉ còn có phím đàn với mảnh hương nguyên: Dù em nên vợ nên chồng Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên Mất người còn chút của tin Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa Mai sau dù có bao giờ Đốt lò hương ấy so tơ phím này Trông ra ngọn cỏ lá cây Thấy hiu hiu gió thì hay chị về Hồn còn mang nặng lời thề Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai. Dạ đài cách mặt khuất lời Rưới xin giọt nước cho người thác oan. Động đến tương lai chác chắn mù mịt, nàng đâu còn giữ được sự yên ổn trong lòng phút giây trước đó. Như người lội nước hụt chân rớt xuống vực sâu, Kiều chơi với không biết bám víu vào đâu. Kiều tưởng tượng đến lúc Vân và chàng Kim nên vợ nên chồng, đến cỗi hư không mà nàng chỉ là một mảnh hồn oan vật vờ theo ngọn gió hiu hiu trên ngọn cỏ lá cây nhưng vẫn vướng chặt với tiếng tơ trên phím đàn và mùi hương của mảnh trầm ngày xưa và vẫn còn mang nặng lời thề, lời nguyện nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai cho người. Nàng nhìn mình sẽ là một hồn oan trong cõi chết và dặn em rưới cho giọt nước làm phép tẩy oan. Có mâu thuẫn không? Trên kia Thúy Kiều đã chẳng nói là nếu được Vân giúp cho thì dù thịt nát xương mòn nàng vẫn ngậm cười chín suối là gì? Nghĩa là trả được món nợ tình, nàng sẽ hết giày vò vì đã lo cho người yêu chu tất. Thế mà chỉ trong giây lát tưởng tượng, nàng đã trở lại với bao nỗi xót xa còn nặng nề hơn trước. Chút yên lòng đã bay đâu mất! Đúng là có mâu thuẫn nhưng không phải trước sau hoàn toàn chỉ có một vấn đề. Trước, nàng đau khổ vì người; nay lo cho người đã xong, nàng mới nghĩ đến mình và thấy mình mệnh bạc, thấy mình sẽ mất tất cả. Nàng không chỉ chơi với trong tương lai mù mịt, oan nghiệt. Nàng không còn ở trạng thái tỉnh táo bình thường mà như nửa tỉnh nửa mê, nửa phần là người sống, nửa phần là hồn ma. Và tuy vẫn đối thoại với Vân nhưng lời nàng phảng phất như lời từ cõi bên kia vọng về. Đoạn thơ cùng chột đổi giọng. Hình ảnh âm điệu như chập chờn bay hết nét thật, có cái gì đó thật hư ảo: thời điểm không xác định (mai sau, bao giờ), không khí linh thiêng (đốt lò hương, so tơ phím của người xưa để lại) hình ảnh phất phơ, ma mị (ngọn cỏ lá cây, hiu hiu gió...) Tất cả đều nói lên rằng

Kiều tiếp tục khổ đau và càng khổ đau gấp bội. Theo đà nửa tỉnh nửa mê, đang nói chuyện với Vân, Kiều bỗng nói một mình, nói với mình về sự dở dang duyên phận. Đúng là cảnh trâm gãy bình tan, tơ duyên ngăn ngủi. Đúng là phận bạc như vôi và đành phải chấp nhận cảnh nước chảy hoa trôi lỡ làng mà trái tim như tan ra từng mảnh. Nàng đành chịu tội với chàng Kim, đành gửi chàng muôn nghìn cái lạy. Đau đớn quằn quại đến mức Kiều phải nấc lên: Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang Thôi thôi! Thiếp đã phụ chàng từ đây Tiếng nấc nghẹn ngào ấy khẳng định một lần nữa mặc cảm có tội của Kiều. Nghĩa là nàng phủ nhận tất cả những gì đã nói với Vân, những gì đã làm cho chàng Kim, phủ nhận nỗi yên tâm của mình trong khoảnh khắc trên kia .Nghĩa là nàng tuy có đau thêm cho mình nhưng vẫn một mực đau cho người, vì người. Nỗi đau không đơn giản mà tăng lên gấp bội. Nàng gọi tên chàng Kim như trong cơn mê sảng. Nỗi đau đã lên đến tột đỉnh, quá sức chịu đựng của thể xác: Cạn lời hồn ngắt máu say Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đồng. Đoạn thơ là một cơn khủng hoảng, một trận sóng gió tới bờ trong lòng con người tội nghiệp Thúy Kiều. Nàng đau khổ, quằn quại đau phải vì bản thân mình? Tất cả trái tim yêu thương nàng dành cho người yêu. Tâm hồn vị tha ấy cao đẹp biết chừng nào! Thương người đắm thắm sâu xa, muốn cho người được hạnh phúc, còn mình thì chấp nhận thiệt thòi, cam chịu hi sinh, tấm lòng ấy đã gây xúc động mạnh trong lòng người đọc. Đó cũng là nét sáng ngời trong phẩm giá của Thúy Kiều.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích nhân vật Ngô Tử Văn. Anh (chị) rút ra bài học gì

Các nhà văn, nhà thơ thời xưa khi sáng tác văn chương thường quan niệm “Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí”. Phải chăng cũng vì vậy mà hình tượng của người trí thức được yêu mến và nhắc đi nhắc lại trong nhiều tác phẩm lúc bấy giờ? Nguyễn Dữ cũng đã góp thêm nét vẽ chân dung người trí thức đương thời qua hình ảnh nhân vật Ngô Tử Văn trong “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” trích trong áng thiên cổ kì bút “Truyện kì mạn lục”. Qua câu chuyện mang đậm yếu tố kì ảo này, chân dung Ngô Tử Văn khẳng khái, cương trực quyết tâm chống lại cái xấu, cái ác mang những phẩm chất của một kẻ sĩ hiện lên thật rõ nét. Ngô Tử Văn xuất hiện bằng những lời giới thiệu rất ngắn gọn và cụ thể về tên họ, quê quán, tính tình và phẩm chất. Đây là một lối giới thiệu rất đặc trưng của văn xuôi trung đại. Tác giả đã để cho nhân vật hiện lên qua những nét rất cơ bản nhưng đặc biệt trực tiếp giới thiệu được tính cách, phẩm chất của nhân vật để từ đó dẫn dắt đến những sự việc hoặc những tình tiết xảy ra trong câu chuyện “Chàng khẳng khái, nóng nảy, thấy gian tà thì không thể chịu được”. Đó không phải chỉ là những lời đánh giá chủ quan mà như một lời nhận xét rất khách quan “vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. Tính cách ấy, Tử Văn vẫn giữ nguyên tới cuối tác phẩm và là tiền đề cho hành động quyết liệt của nhân vật sau này. Không vòng vo, nhân vật Tử Văn đã nhanh chóng đến với người đọc một cách vô cùng chân thực mang bóng hình của một bậc trí thức, nhà Nho cương trực. Qua cuộc chiến đấu quyết liệt với tên Bách hộ họ Thôi, Ngô Tử Văn như “vàng đã qua thử lửa” sáng lên tinh thần dũng cảm, cương quyết trước gian tà, thực hiện đúng trách nhiệm của một người có học thức nhận biết được cái xấu, cái ác. Nghe tin ngôi đền trong làng bị yêu quái hù dọa Thôi quấy nhiễu, với tính tình nóng nảy và bộc trực, không chịu đứng nhìn cái ác đang hoành hành, Tử Văn “rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời rồi châm lửa đốt đền”. “Đốt đền” đó là một hành động mà không phải ai cũng dám làm, bởi đền miếu là những nơi cầu khẩn thần linh, linh thiêng “mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn”. Nếu chỉ thoáng qua thì chắc hẳn nhiều người sẽ nghĩ đây là một hành động bông bột, thiếu suy nghĩ của một kẻ đang trong cơn nóng giận. Nhưng không, trước hành động đốt đền, Ngô Tử Văn đã tắm gội chay

sạch, khẩn trời đất công khai và dâng hoàng rồi mới châm lửa đốt. Người trí thức này hiểu được sự linh thiêng của thần thánh, trời đất, cũng nhận biết được hành động mình đang làm nên đã tiến hành đầy đủ những nghi lễ chứ không phải là hành động làm càn của một kẻ vô học. Đó không phải là một sự liều lĩnh nữa, mà ở đây đã chứng tỏ bản lĩnh dám đương đầu với những khó khăn, thử thách để giành lại ngôi đền, giành lại cuộc sống bình yên cho dân làng của Ngô Tử Văn. Chàng đốt đền bởi chàng bất bình, tức giận vì hồn ma viên bách Hộ đã chiếm giữ ngôi đền để tác oai tác quái trong nhân gian, tất cả là vì lợi ích chung của nhân dân chứ không bởi bất kì một lí do cá nhân nào của Tử Văn. Không phân biệt con người hay ma quỷ, lẽ công bằng đều được chàng thực thi. Chàng như ánh sáng của chính nghĩa không chỉ dừng cảm đẩy lùi gian tà mà còn đánh vào sự mê tín, mê hoặc làm cho con người ta trở nên yếu đuối, nhu nhược. Phải chăng ý thức trách nhiệm cùng lương tâm của một kẻ sĩ đã không cho phép Tử Văn chỉ đứng nhìn ngay cả khi biết những hành động đó có thể làm cho chàng gặp nguy hiểm? Sự khảng khái của chàng một lần nữa thể hiện qua thái độ coi thường tên tướng giặc với những lời lẽ hăm dọa của hắn. “Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên”. Chàng ung dung khi đối mặt với những nguy hiểm bởi chàng tự tin vào chính nghĩa mà mình đang nắm giữ, tin hành động của mình là hành động theo lẽ phải. Sự tự tin của người trí thức một lần nữa chứng tỏ bản lĩnh phi phạm, cái cần thiết nhất để Tử Văn có thể bảo vệ chính nghĩa. Chính bởi theo chính nghĩa nên chàng đã được thần linh dang tay phù trợ giúp. Thổ Công đã giúp chàng hiểu rõ được bộ mặt xảo trá của kẻ thù, hiểu được trước mắt có biết bao khó khăn đang chờ chàng và mách kế để tiếp thêm động lực cho Tử Văn trong cuộc chiến tranh đầy cam go ấy. Ngô Tử Văn đã bắt đầu bước đến những hồi căng thẳng nhất của trận chiến sinh tử ấy. Cuộc đấu tranh không hề đơn giản, nó khốc liệt và dai dẳng, nó không chỉ ở cõi trần, cõi người mà còn cả âm ti, địa phủ. Chàng bị quỷ bắt xuống địa ngục và sắp phải đối mặt với những hình phạt ghê rợn thế nhưng tinh thần khảng khái ấy vẫn không hề bị lu mờ mà còn sáng lên hơn bao giờ hết. Không chùn bước, chàng kêu to khẳng định: “Ngô Soạn là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng”. Vững lòng tin về nhân phẩm của mình, chàng đã dám nói lên, dám kêu oan và sau nữa là dám vạch trần bộ mặt của kẻ gian tà. Trước lời kết tội của Diêm Vương, Tử Văn đã cầu xin được phán xét minh bạch công khai không một chút nhún nhường. Dù bị tên Bách hộ một mực vu oan giáng họa nhưng chàng không hề nao núng, sợ hãi làm cho lời lẽ và thái độ của tên tướng giặc

kia trở nên xảo trá và khiến hãn tự lộ chiếc mặt nạ xấu xa của chính mình. Chiếc mặt nạ của hãn rơi xuống cũng là lúc lá cờ chiến thắng của chính nghĩa giương lên mà chính Tử Văn là người cầm lá cờ ấy một cách kiêu hãnh. Đứng trước công đường, đối mặt với những khó khăn, khí phách của của đấng quân tử càng được thể hiện sáng rõ. “Phú quý bất năng dâm Bần tiện bất năng di Uy vũ bất năng khuất” Những yếu tố kì ảo xuất hiện trong tác phẩm không chỉ tăng thêm sự hấp dẫn của tác phẩm mà còn vừa làm bật lên sự chính trực, bản lĩnh cứng cỏi nhân vật Ngô Tử Văn vừa tô đậm thêm chiến thắng của con người trước cái xấu và cái ác. Nhìn sâu hơn vào câu chuyện, dường như Nguyễn Dữ đang muốn gửi gắm ước nguyện về một anh hùng của chính nghĩa sẽ đứng lên bảo vệ cho đất nước, nhân dân như cách mà Tử Văn đã bảo vệ dân làng trước sự xâm chiếm của tên tướng giặc phương Bắc. Phải yêu quý, và gắn bó với quê hương biết chừng nào, phải xót xa và đau đớn trước nỗi đau dân nước biết chừng nào, những hành động của Tử Văn mới quyết liệt và dữ dội đến thế! Đó là sự chiến đấu đến cùng, là sự tự tôn dân tộc, là sự quyết tâm sắt đá khó lòng lay chuyển. Chính bởi vậy, chiến thắng của Tử Văn lại càng có ý nghĩa hơn, nó sẽ khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu công bình và sẵn sàng xả thân vì chính nghĩa của biết bao những trí thức lúc bấy giờ. Cuộc chiến đấu không khoan nhượng của Ngô Tử Văn là một tấm gương phản chiếu nhân cách cao đẹp, bản lĩnh cứng cỏi, thái độ kiên quyết chống lại những thế lực đen tối của một kẻ sĩ. Lời bình kết thúc câu chuyện “Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi” cùng với hình tượng Ngô Tử Văn như một lời kêu gọi, một lời động viên, cổ vũ thôi thúc người trí thức hành động quyết liệt để công bằng, chính nghĩa sẽ tồn tại vĩnh hằng, vĩnh cửu ở mọi thời đại.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày cảm nhận của anh/ chị về ngày đầu tiên đến trường cấp 3 và gặp thầy chủ nhiệm

Lứa tuổi học trò của chúng ta, ai mà chẳng có những ngày tự trường vui vẻ cùng với bạn bè, người thân, thầy cô. Ai mà chẳng có những cảm xúc mới lạ khi ngày đầu tiên được đi học. Và tôi cũng vậy, mặc dù đã bao lần được đón ngày khai giảng, đã bao lần được vui vẻ cắp sách đến trường nhưng sao lần này thì lạ quá! Cảm giác dường như lần đầu tiên được đi học vậy. Bởi, đây là lần đầu tiên tôi bước chân vào ngôi trường này - trường THPT thị xã Quảng Trị. Từ lúc còn học cấp hai, đã biết bao lần tôi mơ ước được học dưới mái trường này, rồi cứ thế tôi cứ thầm nghĩ và nuôi hi vọng rằng mình sẽ được học ở đây, ở ngôi trường với nhiều bề dày thành tích như thế này! Thời gian dần trôi, mọi sự cố gắng nỗ lực của tôi đã thành công, tôi đã đậu cấp ba. Ngôi trường mà tôi đã được vào không nơi nào khác chính là trường THPT thị xã Quảng Trị - nơi tôi đã hàng ao ước bao lâu nay. Cảm giác khi nghe tin được học ở đây và may mắn hơn nữa là được xếp vào lớp 10a2 lại càng khiến tâm trạng của tôi thêm phấn chấn, mừng rỡ. Ngày đầu tiên đi học, lòng tôi bỗng rối bời và bối ngỡ làm sao! Lúc đó, tôi chỉ muốn có ai bên cạnh nắm tay và đưa vào lớp. Thật giống là một cô bé quá con nít phải không? Bao năm nay, tôi đã quen tự trường dưới ngôi trường cấp hai quen thuộc và thân thương của mình. Tôi cứ suy nghĩ về những hàng cây, ghế đá... Nơi mà chúng tôi đã từng nô đùa, vui chơi ở đó. Nhưng bây giờ thì khác, tôi chẳng có những hình ảnh nào quen thuộc, thân thương như trước kia nữa. Bởi, đây là lần đầu tiên tôi bước vào ngôi trường này. Đứng trước cổng trường, ngôi trường đã hiện ra trước mắt tôi. Đó là một dãy nhà ba tầng y như là một tòa lâu đài to lớn vậy. Chắc tại bối ngỡ quá nên tôi mới nghĩ như thế. Nhưng sao những bước chân nặng nề đến thế. Tại sao tôi không bước nổi? Mọi người khác đều có thể làm được kia mà, tôi cũng phải dũng cảm lên chứ! Dọc đường, tôi cứ thầm mong rằng lớp học sẽ có những bạn cũ của mình. Nhưng không, xung quanh tôi đây, trong cái lớp học này, chỉ toàn là những gương mặt mới lạ, mà thôi. Tôi bắt đầu cảm thấy sợ! Nhưng nỗi sợ hãi đó đã tan nhanh đi khi những người bạn mới đã vui vẻ chuyện trò và bắt chuyện cùng với tôi. Tất cả họ thầm cảm ơn trời đã cho tôi quen với những cô cậu học sinh này. Một lát sau, cô giáo chủ nhiệm bước vào lớp. Không biết cô

có hiền hay không nhỉ ? Tôi tự nghĩ. Trước mắt tôi đây là một người phụ nữ với hình dáng thân quen , mái tóc dài với khuôn mặt rất đỗi nhân từ . Nhìn cô mà tôi lại nhớ tới cô Lan , một người cô và cũng như là một người mẹ đối với tôi . Cô là người đã dạy tôi lúc còn học cấp hai . Và ngay giờ đây , cô giáo chủ nhiệm mới của tôi lại rất giống cô Lan , rất đỗi nhân từ và hiền hậu . Cô giới thiệu là giáo viên phụ trách bộ môn Toán và cũng là người chủ nhiệm của chúng tôi , cô tên Dung . Buổi gặp mặt đầu tiên , cô ân cần dạy bảo chúng tôi về việc học tập , ý thức của bản thân đối với trường , lớp , thầy cô giáo và bạn bè . Lời cô nói thật nhẹ nhàng làm sai , có lẽ cô xem chúng tôi như là những đứa con của mình vậy . Và có lẽ , đó cũng chính là bài học đầu tiên mà chúng tôi được học khi bước vào trường . Sáng ngày khai giảng , bầu trời thật yên bình , ấm áp . Những tia nắng chói chang đang còn núp sau những cành cây phượng vĩ . Mang trên mình bộ áo trắng tinh khôi , tôi vui vẻ làm sao . Giờ đây , tôi đã trở thành một cô nữ sinh thật rồi . Đã bao lần mơ ước được diện tà áo trắng , hôm nay đây , điều đó đã trở thành hiện thực . Giữa sân trường này , giữa những khuôn mặt rất đỗi thân quen và cũng có những khuôn mặt lạ lẫm này , cảm giác ngỡ ngàng , xao xuyến , hân hoan xen lẫn niềm vui mới kì lạ làm sao ! Ba tuần học đã trôi qua , tôi đã quen hết với các bạn mới , thầy cô mới . Mọi thứ dường như không còn xa lạ với tôi nữa . Tôi đã thích nghi với môi trường mới này . Những tiết học thú vị , những buổi ra chơi vui vẻ . Tất cả đã gây ấn tượng tốt trong tôi . Được học dưới một mái trường có nhiều bề dày thành tích như thế này , tôi nguyện sẽ cố gắng học tập thật giỏi để không phụ lòng thầy cô , bạn bè , cha mẹ . Và cảm giác ngày đầu tiên bước vào trường này , tôi sẽ không bao giờ quên .

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày cảm nhận của em về ngày đầu tiên đến trường cấp 3 và gặp thầy chủ nhiệm

Chắc hẳn trong mỗi chúng ta, ai cũng sẽ có riêng cho mình những khoảnh khắc khó quên của cuộc đời. Và đối với tôi cũng vậy, những ngày tháng chia tay với mái trường cũ để bước vào ngôi trường mới – một cánh cửa mới của cuộc đời thật sự là giây phút khó quên. Chia tay với chiếc khăn quàng đỏ, với ngôi trường THCS, ngưỡng cửa trường THPT đã đến, một cảm giác bồi hồi, mới lạ tràn về trong tôi: Tôi ngỡ như mình được trở về với những ngày đầu bước vào lớp 1, ngỡ như những ngày đầu bước vào cánh cổng trường THCS. Cái cảm giác ấy vẫn khó tả như ngày nào! Tháng 8 - tháng giao mùa từ cuối hạ đến đầu thu - tháng mà những chùm phượng vĩ chỉ còn thừa thớt vài nhánh nở muộn và cũng là tháng đầu tiên tôi bước vào trường THPT với những bài học đầu tiên. Cánh cửa THPT đã mở ra sau ba tháng hè ôn luyện. Nơi đây với tôi xa lạ hoàn toàn. Mọi thứ quả thật đều rất mới từ quang cảnh, ngôi trường và cả những con người: trường mới, bạn mới, thầy cô mới, cách học mới và cả một môi trường mới, thế nhưng tất cả lại lưu lại cho tôi những kí ức đẹp về buổi đầu. Tôi sẽ phải thích nghi dần, làm quen dần vì ba năm ở đây gần như sẽ quyết định cuộc đời tôi. Đây sẽ là quãng đường thật sự gian nan thử thách. Ngày đầu tiên đến trường đó là một ngày nắng ấm, khí trời dịu dịu êm ái, theo sự thông báo của nhà trường tôi đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết. Nhưng trong lòng tôi vẫn cứ xôn xao một cảm xúc khó tả. Bởi trước mắt tôi lúc này là một khung trời mới. Trong những năm học trước, sau ba tháng hè nghỉ học, chúng tôi lại trở về mái trường thân quen với những hàng cây, ghế đá,... in đậm bao kỉ niệm của những lần nô đùa cùng bè bạn. Còn năm nay, tôi đã bước chân vào ngưỡng cửa trường THPT-một chân trời hoàn toàn mới lạ. Ngôi trường tôi học năm nay rất khang trang với không gian thoáng đãng. Từ cổng trường dẫn vào các dãy nhà ba tầng uy nghi là con đường trải bê tông phẳng nhai. Nào là hàng cây, cột cờ, phòng học,... thu vào tầm mắt tôi khiến lòng tôi dấy lên bao cảm xúc ngỡ ngàng và vui sướng. Sau đó, chúng tôi được phân công về các lớp. Tôi thầm ước sao mình có thể học cùng với các bạn cũ. Nhưng trong lớp tôi hoàn toàn là những người bạn xa lạ. “Nhưng dần dần mình cũng sẽ quen với các bạn ấy thôi”- tôi tự an ủi mình như thế. Sau mấy phút chờ đợi, tôi thấy cô giáo chủ nhiệm bước vào lớp. Hình ảnh của cô

làm tôi nhớ về cô giáo chủ nhiệm hồi lớp 9. Vẫn dáng người thon thả, đôi mắt hiền từ. Chính hình ảnh đó của cô đã làm cho tôi phần nào bớt đi sự lo lắng. Những lời đầu tiên cô nói là những lời dạy bảo ân cần về ý thức trách nhiệm đối với bản thân, với trường, với lớp trong học tập cũng như rèn luyện trong những năm học THPT. Đó là bài học đầu tiên tôi nhận được ở ngôi trường mới này. Ấn tượng nhất trong lòng tôi là ngày khai giảng. Trong trang phục áo trắng quần sẫm màu, tôi ra dáng là một nữ sinh THPT thực sự. Tôi cảm thấy mình như người lớn hẳn lên. Tiếng trống trường do thầy hiệu trưởng gióng lên như vội vã thúc giục chúng tôi học thật tốt. Tôi biết từ lúc đó tôi đã chính thức hòa nhập vào môi trường mới. Trước đây khi còn nhỏ, tôi đã từng mơ ước được trở thành học sinh THPT, giờ đây ước mơ ấy đã thành hiện thực. Được mặc đồng phục mới mà trước đây tôi chưa từng mặc, ngồi gần những người bạn mới mà trước đây tôi chưa từng quen và học những thầy cô giáo mà bây giờ tôi mới biết đến. Khi giấc mơ bé nhỏ đã thành hiện thực thì trong tôi lại nhen nhóm, ấp ủ những ước mơ hoài bão lớn hơn (tốt nghiệp THPT, thi đỗ đại học ...). Những cảm xúc khó tả lại trào dâng xen lẫn niềm vui nhưng hòa vào đó là nỗi nhớ. Vui vì tôi đã như trưởng thành hơn và biết thêm được nhiều điều mới mẻ từ những bài học mới, thầy cô mới, những người bạn mới.... Những hình ảnh thầy cũ, trường xưa cứ dâng trào trong tôi, và cả những lời khuyên, những lời chúc chân thành của mọi người dành cho tôi vào ngày thi THPT. Nhưng thời gian có bao giờ dừng lại, nó sẽ lặng lẽ trôi, trôi mãi không bao giờ ngừng. Và tôi sẽ phải cố gắng để nắm giữ từng giây từng phút ấy. Phải biết tận dụng quãng thời gian 3 năm tuy ít ỏi nhưng vô cùng quan trọng để phấn đấu. Được học trong một ngôi trường THPT có bề dày truyền thống và thành tích, bản thân tôi có biết bao niềm vui sướng và tự hào xen lẫn cả nỗi lo lắng. Nhưng điều quan trọng đối với tôi lúc này là tôi hứa sẽ quyết tâm học tập và rèn luyện tốt sao cho xứng đáng với truyền thống của nhà trường. Ngôi trường này-Trường THPT Trần Hưng Đạo-là nơi tôi chỉ “dừng chân” lại ba năm học-ba năm tuy không phải là quãng thời gian dài nhưng cũng đủ để chúng tôi lưu giữ những kỉ niệm đẹp về ngôi trường này, về những người bạn và thầy cô nơi đây. Và có lẽ sẽ không bao giờ tôi quên được những ngày này-những ngày đầu tiên tôi bước vào trường THPT Trần Hưng Đạo-những ngày giữa tháng 8 êm dịu.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam xuất hiện nhiều trong thơ ca Việt Nam. Bằng những tác phẩm đã học, anh (chị) hãy làm nổi bật những phẩm chất đáng quý của người phụ nữ

Thần thoại Hi Lạp kể lại rằng: Thượng đế đã lấy vẻ đầy đặn của mặt trăng, đường uốn con của loài dây leo, dáng run rẩy của loài có hoa, nét mềm mại của các loài lau cồn, màu rực rỡ của nhị hoa, điệu nhẹ nhàng của những chiếc lá,... để tạo nên vẻ đẹp của người phụ nữ. Thật nghịch lí rằng người phụ nữ lại phải chịu bao bất hạnh đắng cay dù họ là tinh tú của đất trời, vũ trụ. Vì lẽ đó, hình tượng người phụ nữ luôn là ám ảnh tâm hồn của những người nghệ sĩ. Theo dòng chảy của thời gian, ta nhớ mãi những câu ca than thân, bài thơ “Bánh trôi nước”, “Tự tình” của Hồ Xuân Hương và “Thương vợ” của Tú Xương. Qua ba tác phẩm, ta phần nào thấy được những bi kịch, thiệt thòi, bất công và vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ Việt Nam. Nhắc đến Hồ Xuân Hương, người ta thường nhắc đến bà Chúa thơ Nôm, nữ sĩ nổi loạn. Nổi bật trong sáng tác của Hồ Xuân Hương là tiếng nói thương cảm với người phụ nữ, là sự đề cao, khẳng định vẻ đẹp của họ. “Bánh trôi nước”, “Tự tình” là hai bài thơ tiêu biểu cho thân phận người phụ nữ trong xã hội thời xưa. Còn nói đến Tú Xương, người ta thường hay nói tới ông Hoàng của thơ Nôm – một trong những đại diện xuất sắc nhất trong văn học trung đại Việt Nam. Trong sáng tác của ông có hẳn một đề tài về người vợ rất phong phú về thể loại gồm văn, thơ, câu đối. Trong đó, “Thương vợ” là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất viết về đề tài người phụ nữ. Qua bài thơ, ta phần nào thấy được nỗi nhọc nhằn, vất vả cùng vẻ đẹp tâm hồn bà Tú – hình mẫu lí tưởng, đại diện cho người phụ nữ Việt Nam. Người phụ nữ Việt Nam đã hiện lên qua nhiều câu thơ với hình ảnh người phụ nữ chịu nhiều bất hạnh, đắng cay. Đầu tiên, ta phải kể đến đó là “Bánh trôi nước” – bài thơ tiêu biểu cho thân phận “ba chìm bảy nổi” của người phụ nữ: Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son. Với những vẻ đẹp như vậy, đáng lẽ ra người phụ nữ phải được sống một cuộc sống hạnh phúc. Nhưng không, họ phải chịu nhiều những đắng cay, uất ức. Họ không làm chủ được số phận, không tự quyết định được hạnh phúc của mình, thân phận chìm nổi lênh denh. Trong xã hội phong kiến, với quan niệm trọng nam khinh nữ, người đàn bà luôn bị nhào nặn, xô đẩy cũng như những

câu ca dao than thân xưa kia: Thân em như trái bần trôi, Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu? Không làm chủ được số phận của mình, duyên phận bẽ bàng, hạnh phúc dở dang, điều này được thể hiện rõ ràng qua bài thơ “Tự tình” (Hồ Xuân Hương). Tuy xuân sắc vẫn còn, xuân tình chưa cạn nhưng người con gái chịu cảnh lẻ loi, không kẻ đoái hòa, quan tâm: Trơ cái hồng nhan với nước non. Cô đơn, buồn tủi, thi sĩ đã dùng rượu để giải sầu nhưng trở chêu thay, càng uống lại càng tỉnh trơ ra. Tìm đến rượu, thi sĩ chỉ còn biết tâm sự với trăng – người bạn tri kỉ muôn đời của những tâm hồn cô đơn, sầu tủi. Nhưng rồi thi sĩ cũng chỉ thấy: Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn. Vầng trăng nhạt nhòa như đồng điệu với tâm hồn của người nữ sĩ. Tuổi xuân đã sắp trôi qua, cuộc đời sắp sửa xế bóng mà tình yêu vẫn dang dở, chưa một lần chọn vẹn. Bi kịch chồng chất, nối tiếp nhau. Dù có vùng vẫy tìm mọi cách thoát khỏi bi kịch nhưng bi kịch vẫn đeo bám cuộc đời nữ sĩ. Chính vì vậy mà bài thơ Tự Tình cuối cùng vẫn kết lại trong tâm trạng chán trường, ngao ngán: Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại Mảnh tình san sẻ tí con con Không ngao ngán, chán trường sao được khi mùa xuân của đất trời cứ trở đi, trở lại nhưng còn tuổi trẻ tình yêu thì một đi không trở lại. “Mảnh tình” đã nhỏ bé mong manh lại san sẻ thành ra ít ỏi. Cuối cùng chỉ còn có một tí con con, có cũng như không. Đó là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa khi với họ, hạnh phúc là chiếc chăn quá hẹp: Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng Người phụ nữ Việt Nam không chỉ chịu nhiều đắng cay, uất ức mà họ cũng phải lam lũ, vất vả, nhọc nhằn để nuôi chồng con. Điều này đã được thể hiện rõ ràng qua lăng kính đầy yêu thương của Tú Xương trong bài thơ “Thương vợ”: Quanh năm buôn bán ở mom sông Nuôi đủ năm con với một chồng Lặn lội thân cò khi quãng vắng Eo sèo mặt nước buổi đò Đông. Bà Tú hiện lên với hình ảnh người phụ nữ buôn bán nơi đầu sông cuối chợ, chỗ mom sông để kiếm đủ tiền, nuôi đủ “năm con với một chồng”. Buôn bán ở chốn ấy là hàng ngày phải đối mặt với nguy hiểm. Thấu hiểu phần nào nỗi cơ cực, nhọc nhằn của người vợ, Tú Xương đã đồng điệu thân cò với người bà Tú: Lặn lội thân cò khi quãng vắng Eo sèo mặt nước buổi đò Đông Bắt nguồn từ cao dao, dân ca nhưng Tú Xương vẫn có sáng tạo rất tinh tế. Ca dao nói theo chiều thuận « thân cò lặn lội » Tú Xương lại đảo ngược « lặn lội thân cò ». Ca dao đặt hình ảnh cái cò trong không gian vắng lặng, lộng gió thì Tú Xương để « thân cò » trong không gian, thời gian khi quãng vắng, mênh mông, heo hút, rợn ngợp. Eo sèo mặt nước buổi đò Đông. Câu thơ gợi lên cảnh buôn bán chen chúc, xô đẩy nhau trên con thuyền mỏng manh, chênh vênh, cheo leo. Vì chồng, vì con, bà Tú bất chấp hiểm nguy, quên đi lời dặn dò ân cần của

cha mẹ thuở nào: Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ đi. Những câu thơ thể hiện phần nào nỗi vất vả, cơ cực, khó khăn, nhọc nhằn của người phụ nữ Việt Nam thời xưa kia. Tuy chịu nhiều lam lũ, vất vả, nhọc nhằn, những người phụ nữ Việt Nam vẫn giữ trong mình vẻ đẹp tâm hồn cao đẹp. Đó là tấm lòng son sắt, thủy chung, cao khiết: Mà em vẫn giữ tấm lòng son. Thêm vào đó là bản lĩnh mạnh mẽ, cứng cỏi, không chịu khuất phục trước hoàn cảnh của người con gái: Xiên ngang mặt đất rêu từng đám Đăm toạc chân mây đá mấy hòn Nghệ thuật đảo ngữ kết hợp với những động từ, tính từ mạnh đã làm đặc tả sự phản kháng mãnh liệt, dữ dội đến mức như muốn “nổi loạn” của tâm hồn nữ sĩ. Hai câu luận mang đậm dấu ấn, bản lĩnh Xuân Hương: đó là một cá tính mạnh mẽ, táo bạo, không bao giờ chịu gục ngã trước hoàn cảnh, không bao giờ cúi đầu trước số phận. Hơn nữa, hai câu thơ không làm cho lòng người yếu mềm, bi lụy mà trái lại nó có sức cổ vũ người phụ nữ đứng dậy trong bi kịch của đời mình. Họ không chỉ thủy chung, son sắt cùng bản lĩnh kiên cường mà còn là người tần tảo, chịu khó, hi sinh vì chồng vì con của mình: Một duyên hai nợ âu đành phận Năm nắng mười mưa dám quản công. Phép đếm «một ...hai...năm...mười» như sự cơ cực, cay đắng chồng chất mà bà Tú phải gánh chịu. Dầu thế, bà Tú nào có oán trách, kêu ca. Từng trải, hiểu đời, thương chồng, yêu con, trước sau bà Tú vẫn giữ đúng đạo nghĩa vợ chồng. “Âu đành phận”, “dám quản công”, đó không phải là sự cam chịu mà là thái độ bình thản, mãnh liệt, quyết liệt. Dù khó khăn, nhọc nhằn thế nào, bà Tú vẫn tự nguyện hi sinh vì chồng, vì con. Vậy là, bức chân dung của bà Tú – một người hình mẫu lí tưởng cho người phụ nữ Việt Nam đã hoàn thiện trong nét vẽ yêu thương, kính trọng của Tú Xương. Bà Tú tiêu biểu cho những phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt : đảm đang, tháo vát, tần tảo, chịu thương, chịu khó, hết lòng yêu thương chồng con. Đến đây, ta bỗng hiểu vì sao không chỉ có ông Tú mà bao thế hệ bạn đọc luôn yêu kính bà Tú. Tóm lại, “Bánh trôi nước”, “Tự tình” của Hồ Xuân Hương và “Thương vợ” của Tú Xương, mỗi bài thơ một cảnh ngộ, một nỗi niềm nhưng các tác phẩm đều khiến chúng ta cảm thương trước thân phận người phụ nữ, thêm trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của họ. Chính sự gặp gỡ trong cảm xúc nhân văn đẹp đẽ của các nhà văn, nhà thơ đã tạo nên sức lâu bền của tác phẩm trong tâm trí người đọc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam xuất hiện nhiều trong thơ ca Việt Nam. Bằng những tác phẩm đã học, em hãy làm nổi bật những phẩm chất đáng quý của người phụ nữ

Trong kho tàng văn học Việt Nam có rất nhiều bài thơ nói lên thân phận của người phụ nữ phong kiến xưa. Đó là những người phụ nữ chịu sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến “Tam tòng, tứ đức” (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử và công dung ngôn hạnh). Họ hầu như không có quyền quyết định cuộc đời mình, chỉ biết sống cam chịu và phục tùng. Cảm thông với số phận, thân phận và phẩm chất của người phụ nữ xưa, hai nhà thơ Hồ Xuân Hương và Trần Tế Xương đã thay họ nói lên tiếng lòng mình qua các bài thơ như: Tự tình, Bánh trôi nước, Thương vợ, ... Thời xưa, dưới chế độ phong kiến suy tàn, mục nát, số phận người phụ nữ luôn bị vùi dập vào vũng lầy đau khổ, luôn bị trói buộc bởi xã hội bất công, nam quyền độc đoán, một xã hội “trọng nam khinh nữ”, một chế độ đa thê, ... Họ gặp nhiều đau khổ, lận đận, tình duyên trắc trở, chịu cuộc đời làm lẽ, số phận hẩm hiu, éo le. Với bản lĩnh của mình và cũng là nạn nhân trong xã hội đó, Hồ Xuân Hương đã mạnh dạn nói lên nỗi lòng của những người phụ nữ xưa. Đó là những người phụ nữ duyên dáng, xinh xắn nhưng luôn bị phân biệt đối xử thậm tệ, không có quyền lựa chọn hạnh phúc của đời mình và luôn khát khao hạnh phúc lứa đôi. Trước một xã hội bất công, cảnh ngộ người con gái giàu sức sống và hết sức tài hoa, nhưng trở trêu cuộc đời thật bất hạnh, số phận lận đận gian truân: “Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non” Không chỉ thể nỗi đau thân phận con được nhắc đến ở bài: “Tự tình II”: “Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn Trơ cái hồng nhan với nước non (...) Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn” Một tâm trạng buồn đau, oán hận, cô độc, trong màn đêm vắng lặng. Sự bề bàng, tủi hổ, dầu dãi cay đắng là nỗi đau của Hồ Xuân Hương nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung. Duyên phận họ thật hẩm hiu, hạnh phúc ít ỏi (tuổi xuân trôi qua mà hạnh phúc không trọn vẹn như trăng xế mà vẫn khuyết). Mang cho mình một thân phận lẻ mọn, tình yêu bị chia năm xẻ bảy chỉ còn tí con con: “Mảnh tính san sẻ tí con con”. Đối với Trần Tế Xương, ông đứng dưới khía cạnh một người đàn ông, cảm thông thương xót cho số phận của người phụ nữ bị đối xử bất công, luôn chịu cơ cực gian truân nhưng không dám phản kháng. Họ luôn sống cam chịu, hi sinh

cho chồng con: “Lặn lội than cò khi quãng vắng Eo sèo mặt nước buổi đò đông” Câu thơ mang chất liệu ca dao, các hình ảnh “lặn lội”, “eo sèo”, “khi quãng vắng”, “buổi đò đông” thể hiện sự tủi thân của người phụ nữ, trước sự đơn chiếc, chen chúc làm ăn vất lôn với cuộc sống để mưu sinh, nuôi chồng con. Người phụ nữ xưa khi về nhà chồng phải chịu sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến, chấp nhận không kêu ca, oán than (“Một duyên hai nợ âu đành phận – Năm nắng mười mưa dám quản công”) mặc dù rất vất vả, khổ cực. Hình ảnh bà Tú chính là chân dung của một người phụ nữ không quản khó khăn vì chồng vì con, là một hình ảnh tiêu biểu của người phụ nữ Việt Nam. Qua đó, đã làm nổi bật những vẻ đẹp tâm hồn và phẩm chất người phụ nữ Việt Nam xưa. Đồng thời phê phán cái xã hội thối nát, giận người đời bạc bẽo vô tâm (“Sau giận vì duyên để mỗi mồm mồm” – Tự tình I của Hồ Xuân Hương), giận cuộc sống đã đưa những người phụ nữ vào chỗ lẻ loi cô đơn, hiu hắt: “Oán hận trông ra khắp mọi chòm” (Tự tình I – Hồ Xuân Hương) Họ oán hận trước nỗi đau âm ỉ, dai dẳng đốt cháy tâm can và tê tái nhất. Trong thơ Hồ Xuân Hương ta luôn bắt gặp những hình ảnh người phụ nữ biết vượt lên số phận, không để nỗi đau làm mình gục ngã: “Xiên ngang mặt đất rêu từng đám Đâm toạc chân mây đá mấy hòn” (Tự tình II) Quả thật, họ không bao giờ chịu khuất phục, luôn cựa quậy. Xuân Hương lại càng khẳng định “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son” (Bánh trôi nước) Đúng là một phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ với tấm lòng thủy chung, son sắc, quyết gìn giữ không để hoàn cảnh xã hội lam hoen ố, là niềm tự hào, lòng kiêu hãnh và hãnh diện về chính mình. Và trong tâm hồn người phụ nữ luôn khao khát được hòa hợp trong một tình yêu trọn vẹn, mãnh liệt: “Chém cha cái kiếp lấy chồng chung” Nó thể hiện một niềm khao khát chính đáng của người phụ nữ ở mọi thời đại. Đến với “Thương vợ” của Tú Xương nhìn với góc độ đạo lý, bà Tú đang tuân theo bốn phận làm vợ nhưng nhìn ở góc độ tình cảm, ta thấy bà làm tất cả vì chồng con mà không than thở, ở bà hiện lên vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Đó là sự đảm đang, chịu thương, chịu khó và đức hi sinh âm thầm vì chồng con. Từ đây ta càng cảm thông sâu sắc cho số phận người phụ nữ Việt Nam xưa, phải chịu nhiều khổ cực, tủi nhục, hiu quạnh, tình duyên hẩm hiu, trắc trở ... Ngày nay thân phận người phụ nữ đã chiếm một vị trí quan trọng trong gia đình. Bởi lẽ cái xã hội “Trọng nam khinh nữ” đã bị xóa bỏ mà thay vào đó là một xã hội “công bằng, bình đẳng, nam nữ bình quyền”. Nhưng không vì thế mà người phụ nữ Việt Nam làm mất đi vẻ thuần phong mỹ tục vốn có của mình. Và vẫn giữ được phẩm chất, vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, đảm đang

tháo vác

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích nhân vật cô Tấm trong truyện cổ tích Tấm Cám

Trong kho tàng văn học Việt Nam ngoài những tác phẩm truyện kí, thơ, phú, cáo...được nhiều người nhắc đến thì chúng ta còn nên nhớ đến một thể loại mà các bạn thiếu nhi hay thích nghe. Đó chính là thể loại truyện cổ tích. Có thể nói những câu chuyện cổ tích như mang hơi thở ngọt ngào của những quan niệm xưa như ở hiền gặp lành, nó là loại truyện mà dành cho trẻ em là nhiều nhất vì nó mang những yếu tố kì ảo lạ thường để cho trẻ em thỏa sức tưởng tượng. Đồng thời nó còn có những cái kết có hậu để dạy dỗ trẻ em làm người tốt. Trong những tác phẩm truyện cổ tích như Thạch Sanh, Sọ Dừa... thì có lẽ truyện tấm cám cũng hấp dẫn biết bao nhiêu bạn đọc không chỉ trẻ con mà cả người lớn. Đặc biệt trong đó ta thấy nổi bật lên hình tượng nhân vật cô Tấm với những vẻ đẹp của người con gái thuở xưa. Trước hết về gia cảnh của Tấm, cô sinh ra trong một gia đình cũng khá giả thế nhưng mẹ cô mất sớm, thế rồi cha cô lấy vợ hai. Mụ gì ghẻ ấy độc ác và rất ghét con chồng, nó thể hiện được một sự thật mà cho đến ngày nay vẫn nhiều trường hợp gì ghẻ con chồng không thể hợp nhau được. Chẳng bao lâu sau cha Tấm cũng mất nốt Tấm bị mụ gì ghẻ phân biệt đối xử với em là Cám, Tấm phải làm lụng cả ngày và cô hay bị mắng. Cốt truyện này là một cốt truyện thường thấy trong truyện cổ tích để nói lên những vẻ đẹp cũng như ở hiền gặp lành của những cô công chúa hay những người con gái hiền lành xinh đẹp. Truyện bắt đầu bằng cái “ngày xưa ngày xưa” vô cùng nhẹ nhàng và sâu lắng. Nó gợi lên biết bao nhiêu là hồn của ngày xưa. Và chính cốt truyện ấy làm rõ hơn những phẩm chất tốt đẹp của người con gái xưa. Thứ nhất cô Tấm hiện lên đẹp qua cái tên của cô. Tấm bình thường là một hạt gạo khi sát ra bị vỡ nhỏ, đó chính hạt lúa của đất nước ta. Có thể nói chính cái tên ấy cũng mang những nét văn hóa của nước Việt Nam với văn minh lúa nước, hạt gạo như là hạt ngọc của đất nước. Nó cho thấy cái giản dị mộc mạc của ông cha ta qua câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Cái kèo cái cột thành tên” Cô tấm hiện lên là một người con gái hiền lành hiếu thảo và rất là lương thiện. Mặc dù cha có lấy vợ hai đi nữa thì cô cũng không có ý kiến gì. Và trong khoảng thời gian sống cùng nhau ấy dầu cho mụ gì ghẻ ấy có đối xử với cô như thế nào thì cô cũng không than thở. Lòng cô lương thiện đến mức không vấy bẩn bởi sự ghen tuông ghét gì ghẻ. Cô trong sáng hiền lành đến mức kể cả những

gì mà cảm thích cô đều nhường một cách rất nhẹ nhàng bình thường. qua đây ta thấy được Tấm hiện lên với nét đẹp đầu tiên đó chính là nét đẹp về tâm hồn hiền lành lương thiện. Không chỉ khi cha còn sống mà ngay cả khi đã mất đi tấm vẫn cứ lương thiện trong sáng như thế. Tấm hiền lành đến mức mà khi cha mất mị gị ghê có đối xử tệ bạc với Tấm thì cô cũng chỉ biết nghe lời chửi mắng và khóc mà thôi. Có thể nói sự lương thiện của cô mới đọc đã khiến cho người ta yêu mến rồi. Mụ gị ghê bảo rằng hai chị em Tấm Cám đi mò cua xúc tép ai mò được nhiều hơn thì sẽ được thưởng lụa. Tấm vốn ngoan ngoãn hiền lành xúc mãi mê đến chiều thì cũng chính bởi cô quá tin người và hiền lành mà Cám đã lừa tấm và trút hết giỏ cá của Tấm. Tấm thấy mất cá cũng chẳng biết làm gì ngoài việc khóc. Có một con bống mà ông bố dặn về nuôi Tấm hiền lành không hôm nào quên cho bống ăn. Kể cả khi làng mở hội Tấm cũng bị mụ gị ghê tìm cách không cho đi Tấm bị mụ gị ghê làm khó Tấm cũng ngoan ngoãn mà làm theo không cãi lại mụ cũng không dám chốn đi. Tấm lại khóc và con người hiền lành ấy lại được bụt giúp đỡ. Thế rồi kể cả khi Tấm được vào cung làm hoàng hậu thì đến thì cũng vẫn giúp đỡ mẹ con cám. Ngày giỗ bố vẫn về không quản khó khăn mà trèo lên cây vạt cau giỗ bố mắc mưu của gị ghê hại chết chính mình. Không chỉ đẹp tâm hồn lương thiện mà Tấm còn đẹp bởi nhan sắc của mình. Tấm vốn xinh đẹp da trắng và sự thật khi lấy được hoàng thượng thì quả thật đã thể hiện được vẻ đẹp ấy. Sau lần bị hãm hại ấy Tấm biến thành nhiều vật khác nhau và đều bị mẹ con Cám làm cho chết hết lần này qua lần khác. Thế nhưng chính sự biến thành những vật khác nhau mỗi lần chết ấy truyện ngắn này nhằm nói lên sức sống của cái hiền cái thiện thì không bao giờ là mất đi, nó chỉ biến từ cái này sang cái khác mà thôi. Những lần biến ấy thể hiện được vẻ đẹp trường thành của nàng Tấm. Cô vẫn tốt bụng như thế nhưng cô không ngây thơ chỉ biết ngồi ôm mặt khóc nữa. Tấm dù không hóa thành người nhưng cô vẫn có thể hãm dọa và khuyên nhủ mẹ con nhà Cám đã hại mình. Đến khi biến thành quả thị Tấm được trở về với hoàng thượng và có một cuộc sống ấm no hạnh phúc về sau. Còn mẹ con Cám thì độc ác xấu xa đã phải chết một cách tất tưởi. Chúng phải chết trong nồi nước sôi nóng như chết trong vạc dầu của tầng cuối cùng của địa ngục vậy. Sự sống của Tấm như thể hiện, biểu trưng cho sự sống của hiền lành đức độ cái tốt ở trên đời này. Nó mãi mãi trường tồn trước những sóng gió. Qua hình tượng nhân vật Tấm qua mọi thời điểm cuộc đời nàng ta thấy được vẻ đẹp của người con gái thuở xưa hiền lành lương thiện. Đồng thời nó cũng thể hiện cho quan niệm của ông bà ta là ở hiền thì gặp lành những người ở hiền thì có cuộc sống hạnh phúc những người xấu xa thì phải chịu những

hậu quả mà mình tự gây ra. Không những thế ta còn thấy được sự đấu tranh giữa cái thiện và cái ác vô cùng kịch liệt thế nhưng cái thiện luôn luôn thắng. Và con đường đến cái thiện để hạnh phúc là một quá trình gian nan vất vả.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích nhân vật cô Tấm trong truyện Tấm Cám

Dàn bài chi tiết: 1/ Mở bài: - Giới thiệu về những quan niệm đạo đức truyền thống liên quan đến thiện - ác trong dân gian - Giới thiệu truyện cổ tích Tấm Cám và bài học đạo đức về sự chiến thắng của cái thiện. 2/ Thân bài: - Đặc trưng thể loại cổ tích phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội. - Mâu thuẫn giữa cái thiện và cái ác trong truyện Tấm Cám: Gì ghẻ, Cám >< Tấm, giai cấp bóc lột>< giai cấp bị bóc lột, cái ác><cái thiện - Cái ác đã chà đạp lên cái thiện và cái thiện đã vùng lên đấu tranh: Mẹ con Cám bóc lột Tấm ,bốn lần giết Tấm: chặt cau,giết vằn anh,chặt cây xoan đào, đốt khung cửi - >Tấm hóa kiếp nhắc nhở “phơi áo chồng tao...”, giành lại hạnh phúc (vua mắc võng lên cây xoan đào),đe dọa kẻ thù “Kẻo ca kẻo kẹt ...chị móc mắt ra”. - Ý nghĩa cuộc đấu tranh của cái thiện với cái ác: tăng tiến về mức độ, từ thụ động đến chủ động... - Rút ra bài học: + Muốn chiến thắng cái ác phải kiên quyết ,không thể nhu nhược, nhún nhường. + Con người phải biết hướng thiện tránh xa cái ác. 3/ Kết luận: - Khẳng định đạo lí “ở hiền gặp lành”, “gieo gió gặt bão”,....của dân gian

Văn Mẫu Lớp 10 - Dàn ý chi tiết của bài văn Nghị luận xã hội

I. Mở bài: - Dẫn dắt vấn đề, giá trị khái quát nội dung can nghị luận và trích dẫn đề Nếu đề bài là mẫu truyện ngắn chưa đưa ra vấn đề để trích dẫn thì phải giải mã đề và nêu vấn đề nghị luận. II. Thân bài: 1. Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng. 2. Biểu hiện - Trong gia đình - Trong nhà trường - Trong xã hội 3. Vận dụng lí lẽ để kết luận vấn đề - Trong cuộc sống vấn đề ấy quan trọng như thế nào, đúng hay sai ?, tại sao lại như vậy? - (Khẳng định đó là bài học chân lí từ lâu đời, là truyền thống, kinh nghiệm) - (Nêu dẫn chứng minh họa cho vấn đề từ trong thực tế, trong văn học, xã hội, gia đình, nhà trường.) Nếu vấn đề nghị luận vừa có yếu tố đúng vừa có yếu tố sai thì cần nêu mặt hạn chế của đề ở điểm nào. Dẫn chứng. 4. Phân tích nguyên nhân của vấn đề 5. Phê phán hành vi sai trái về vấn đề ấy trong gia đình, nhà trường và xã hội. 6. Ý nghĩa và hành động đúng - Vấn đề nghị luận là lời khuyên, lời phê phán, cảnh tỉnh.. lời ca ngợi, bài học đạo lí. - Muốn thực hiện được, ta phải làm gì?, đưa ra giải pháp, hoạt động chung. 7. Mở rộng vấn đề (nếu có) - Nêu quan niệm ngày nay, vấn đề đó cần bổ sung, xem xét thêm điều gì? III. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề nghị luận - Liên hệ bản thân

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích 2 bài ca dao than thân “Thân em như tấm lụa đào...” với bài “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương để thấy được nét đẹp tâm hồn của người phụ nữ xưa

Người phụ nữ xưa kia dường như đã ý thức được sắc đẹp, tuổi xuân và phẩm chất cao quý của mình nên tự so sánh “Thân em như tấm lụa đào...” Tuy vậy, số phận của những người phụ nữ trong xã hội cũ thật chông chênh, không có gì đảm bảo: Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai? Tấm lụa đào được xem là một trong những thứ hàng xa xỉ thời trước. Nó đẹp từ chất liệu, dáng vẻ đến màu sắc bởi được dệt từ loại tơ tằm tốt nhất. Lụa đào hay những loại lụa nói chung đều có đặc điểm là nhẹ, mềm và rất mát. Và khi mặc vào thì người đẹp hẳn lên, cha ông ta cũng từng đúc kết “Người đẹp vì lụa”. Lụa màu hoa đào vừa đẹp vừa quý nhưng khi đem bán thì cũng phải bày ra giữa chốn “trăm người bán, vạn người mua”, đủ loại người có người sang kẻ hèn, người tốt và có cả những kẻ xấu, không biết sẽ vào tay ai? Lụa tuy đẹp thật đấy, nhưng chắc gì đã có người biết đánh giá đúng giá trị của nó! Hình ảnh tấm lụa đào gợi lên vẻ thanh xuân mơn mớn, tràn đầy sức sống của một cô gái đương thì, nhưng hình ảnh tấm lụa đào phất phơ giữa chợ lại gợi như có một cái gì đó thật trớ trêu, tội nghiệp. Dường như nỗi đau xót của nhân vật trữ tình trong lời than thân trên chính là ở chỗ khi người con gái bước vào cái tuổi đẹp nhất, hạnh phúc nhất của đời mình thì nỗi băn khoăn lo lắng về thân phận lại ập đến ngay với họ. Quả là hoàn cảnh khách quan chi phối rất nhiều, có khi quyết định số phận cả một đời người. Sự đối lập giữa hai dòng thơ đã khiến ta thấm thía nỗi đau đó. Bài ca dao không chỉ nói lên thân phận bị phụ thuộc của người phụ nữ mà còn là tiếng nói khẳng định giá trị, phẩm chất tốt đẹp của họ. Thân phận người phụ nữ trong chế độ phong kiến xưa dường như đã chịu rất nhiều thiệt thòi và bất hạnh. Đã có nhiều điển hình về sự bất hạnh đó. Ta đã biết đến một nàng Kiều gian truân, ngậm đắng nuốt cay khóc thầm cho cuộc đời mình. Hay cả một nàng Vũ Nương chịu hàm oan phải nuốt nước mắt tìm đến cái chết. Và còn rất nhiều không biết bao nhiêu chuyện về thân phận người phụ nữ được biết và không biết nữa nỗi chuyện người phụ nữ bị bạc đãi đã trở thành thông lệ. Và những người phụ nữ họ không thể nào mà thoát ra được cái lối mòn đó, học đành cam chịu cho số phận xô đẩy. Và họ thường than thân trách phận qua những lời ca tiếng hát của mình “Thân em”

là các mở đầu quen thuộc trong ca dao xưa là bởi vậy. “Thân em” như đã nói, gọi mở về thân phận nhỏ bé của người phụ nữ trong xã hội cũ, và họ so sánh họ với rất nhiều hình ảnh và các sắc thái khác nhau. Và hình ảnh: Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai. Lời than thân đó nghe chứa chan nước mắt và mỏng mảnh như khói tỏa vào không gian, như thân phận người phụ nữ vậy. Ca dao được xem là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian rất phổ biến, đúc kết trong đó nhiều tình cảm và cũng là lời than thân trách phận. Các tác gia dân gian dường như có lẽ đã thấu suốt được nỗi đau đó, thông cảm với thân phận người phụ nữ nên mở đầu ca dao là một lời xưng hô nhỏ nhẹ, mềm mỏng. Hai từ “Thân em” như khắc khoải đến nghẹn lời, từ thân gọi nên một cảm giác nhỏ nhoi, yếu đuối. Người con gái khi được tự giới thiệu về chính mình cũng rụt rè, khiêm nhường thốt lên hai tiếng “thân em”. Thân phận hẩm hiu, bất hạnh của người phụ nữ đã được văn học thành văn nhắc đến. Hồ Xuân Hương thì đồng cảm với phận bầy nổi ba chìm của thân em vừa trắng lại vừa tròn qua thi phẩm “Bánh trôi nước”. Nguyễn Du thương xót cũng đã phải thốt lên: đau đớn thay phận đàn bà và Tú Xương cũng thổn thức khi viết về bà Tú: lặn lội thân cò khi quãng vắng. Còn ca dao thì sao? Ca dao lại nói về đời người con gái, người phụ nữ trong xã hội xưa qua bình ảnh liên tưởng như dải lụa đào. Biện pháp so sánh ở đây được tác giả dân gian sử dụng một cách thật nhẹ nhàng và thanh thoát, thấm vào lòng người đọc, người nghe. Dải lụa đào mang một dáng vẻ đẹp, nó nhẹ nhàng như chính tâm hồn, phẩm chất người phụ nữ vậy. Hơn nữa lụa đào lại là một thứ vật liệu mềm mỏng dùng để may mặc, trang trí thêm cho người hay khung ảnh. Và phải chăng cũng giống như chính người phụ nữ trong cuộc đời vậy, họ là một món đồ trang sức, là chiếc bóng lạng lẽ, âm thầm trước những bất công. Dải lụa đào là một hình ảnh mà tác giả dân gian lựa chọn so sánh thật thanh cao, thật mềm mại nhưng ẩn trong đó một nỗi niềm nặng trĩu. Vì thế câu tiếp theo là tất cả tâm trạng đau khổ vắt ra mà thành: Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai. Dải lụa đào lại ở giữa chợ, giữa cảnh xô bồ kẻ bán người mua. Liệu ai có con mắt xanh để biết giá trị của tấm lụa đào. Từ phất phơ không có hướng cố định cũng như hoa trôi man mác biết là về đâu. Bị số phận đưa đẩy đến như vậy mà nữ nhi lại không đủ sức, không thể chủ động định được một hướng đi cho mình để rồi đêm ngày tự hỏi cuộc đời mình sẽ vào tay ai. Một Gã Giám Sinh buôn sắc bán hương. Một Trương Sinh đa nghi, ích kỉ hay là một Kim Trọng hào hoa phong nhã? Họ hoàn toàn biết về số phận của mình cũng như mảnh lụa mềm nhẹ kia không biết có được một người tri kỉ chọn lựa hay không? Trong suốt cuộc đời mình, dường như người

phụ nữ xưa bị đẩy vào trạng thái thụ động, chỉ quanh quẩn trong nhà và quanh quẩn với việc thờ chồng, thờ cha, theo con phải chịu sự áp đặt của lễ giáo trong xã hội cũ. Dải lụa bay nhẹ nhàng trong gió, phấp phấp ngọn gió đưa mình đến một bàn tay thô bạo. Bay vào đôi mắt hữu tình, phong nhã. Câu hỏi được người phụ nữ buông ra biết vào tay ai thật tinh tế và khéo léo, nó tạo cho người đọc một cảm giác xót xa. Câu hỏi đó có lẽ đã bám suốt cuộc đời người con gái. Toàn bộ câu ca dao có thể dễ nhận thấy đó là một lời than. Nó như được sinh ra từ số phận cam chịu của người phụ nữ thời phong kiến, học có tài nhưng lại phải chịu những đau khổ tủi hờn nhất vì không được làm chủ cuộc đời mình. Không một ai trong số những tác giả vô danh sáng tác câu ca dao trên lại có thể thanh thản khi nghĩ về đứa con tinh thần của mình. Câu ca dao là sản phẩm quá trình đông tụ những giọt nước mắt ngược vào lòng. Từng lời từng chữ trong câu ca toát lên ý ngậm ngùi. Nước mắt đã chảy. Câu ca dao là tiếng lòng của bao nhiêu người, là tiếng than của bao nhiêu thân phận! Với cách so sánh, ví von thật linh động và cũng rất gần với đời thường, câu ca dao đã tạo ra một hình ảnh gây nhiều cảm xúc. Tưởng chừng như những đám mây đang quẩn lấy cảm xúc của con người, ôm trọn trong lòng nó tâm trạng của những người phụ nữ để rồi dần dần len lỏi vào từng góc ngách của dải lụa đào đang phất phơ giữa chợ. Bao nhiêu câu hát than thân của người phụ nữ được sáng tác và lan truyền nhưng câu nào cũng có sự liên hệ, liên tưởng đến những thứ nhỏ bé mỏng manh như: nước, hạt mưa, miếng cau, trái bầu... Vì thế câu ca dao dường như đã lột tả được tâm trạng của hầu hết giới nữ: người thiếu nữ vừa tới tuổi trâm cài lược giặt đã lo âu cho số phận của mình. Lo ngại cho hạnh phúc hẩm hiu của mình. Tất cả tạo nên một dòng cảm xúc buồn thương không ngừng và có sức lan tỏa chảy từ người này sang người khác, từ đời này sang đời khác vào không gian một tiếng vang vọng mãi. Người phụ nữ thời phong kiến đã chịu nhiều đau khổ, chấp nhận làm đẹp cho những người xung quanh. Số phận của họ như dải lụa bay trong cơn gió mãi miết kia không biết sẽ về đâu. Câu ca dao trong đề là lời than thân yếu ớt. Phải chăng người phụ nữ xưa cũng từng ao ước: “Ví đây đôi phận làm trai được”. Những ước muốn đó tồn tại được bao lâu hay là lại phải quay trở về với những câu than thân bất lực? 1. Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai. 2. Thân em như củ ấu gai Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen Ai ơi, nếm thử mà xem! Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi. Ca dao là sản phẩm tinh thần của tập thể nhân dân, là tấm gương phản chiếu tâm hồn người lao động một cách sâu sắc. Tính chất đồng sáng tạo đó đã tạo ra trong ca dao tiếng nói riêng, trong văn học dân gian nói chung các công thức

truyền thống mang tính thẩm mỹ cộng đồng trong sáng tạo nghệ thuật. Khi tìm hiểu ca dao cần đặt bài ca dao đó trong hệ thống công thức nghệ thuật truyền thống để chúng có thể âm vang trong nguồn mạch chung và thể hiện được sắc thái chung độc đáo. Trong ca dao có niềm vui và nỗi buồn, có tiếng ca nghĩa tình và tiếng hát than thân. Khi nghĩ về thân phận của mình, người nông dân xưa kia thường cất lên tiếng ca chất chứa nỗi buồn tủi, đắng cay. Trong dòng mạch đó nổi lên rõ nhất là tiếng hát than thân về cuộc đời người phụ nữ mà hai bài ca dao mở đầu bằng hai tiếng “Thân em” là minh chứng. Cuộc đời người phụ nữ xưa kia có rất nhiều nỗi khổ cực, đắng cay. Nỗi khổ về vật chất, phải thức khuya dậy sớm dãi gió, dầm sương: Thân em như lá đài bị, Ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương, Ngày ngày hai bữa cơm đèn, Lấy gò má phấn răng đen hời chàng. Nhưng nỗi khổ lớn nhất của họ vẫn là nỗi khổ tinh thần. Xã hội phong kiến xưa kia với những quan điểm bất công như “tam tòng” (ở nhà phải theo cha, lấy chồng phải theo chồng, chồng chết phải theo con) đã gây ra bao nỗi khổ cực cho người phụ nữ trong suốt cả cuộc đời. Họ không có quyền định đoạt hạnh phúc cũng như cuộc đời mình. Chính vì thế, khi nghĩ về thân phận của mình, người phụ nữ thường cất lên tiếng hát than thân chứa chất nỗi buồn tủi, đắng cay. Nếu thống kê, ta sẽ thấy số bài ca dao mở đầu bằng cụm từ “Thân em như” chiếm số lượng khá lớn. Nỗi khổ về thân phận bị phụ thuộc ấy được thể hiện rõ nét qua biện pháp nghệ thuật so sánh quen thuộc của ca dao. Hai bài ca dao mang nét chung trong biện pháp nghệ thuật và nội dung ý nghĩa. Hai bài ca dao đều sử dụng cụm từ mở đầu “Thân em như”. Sự giống nhau ở cấu trúc mở đầu là đặc điểm của một số bài ca dao tạo nên một hệ thống lối nói khắc sâu ấn tượng chung về “thân phận” con người. Hai bài ca dao đều sử dụng biện pháp so sánh trực tiếp. Hai vế so sánh được nối bởi từ “như” tạo nên sự đối chiếu những nét tương đồng giữa hai đối tượng khác loại, giúp người nghe hiểu đặc điểm của sự vật và cảm thông với tâm sự của nhân vật trữ tình. Thân phận con người có ý nghĩa vô cùng lớn lao lại được tác giả dân gian so sánh với những vật, những đối tượng mong manh, nhỏ bé, bị phụ thuộc, chỉ được xem xét, đánh giá ở giá trị sử dụng, bị “đồ vật hóa”: Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai. Đây là một trong số ít bài ca mà người phụ nữ thể hiện rõ sự tự ý thức về vẻ đẹp hình thức của mình. Tấm lụa mềm mại, óng ả nổi bật về màu sắc. “Tấm lụa đào” là biểu tượng của tuổi thanh xuân tươi đẹp mà người phụ nữ đã ý thức được một cách rõ ràng. Câu thơ thứ nhất nêu lên hình ảnh so sánh một cách khái quát, còn câu thơ thứ hai mang tính chất bổ sung, làm rõ nghĩa cho câu trên. “Tấm lụa đào” là tấm lụa đẹp về hình thức và có giá trị

nhưng lại “phất phơ giữa chợ”. Chợ là nơi kẻ qua, người lại, nơi người đòi mua bán, trao đổi hàng hóa, vật dụng. Người ta có thể bán, có thể mua. “Tắm lụa đào” trở thành đối tượng sở hữu của bất kì người nào có nhu cầu mua bán, nó không có quyền lựa chọn, định đoạt số phận mình. Hình ảnh ẩn dụ và câu hỏi tu từ “biết vào tay ai” chứa đựng biết bao lo lắng về thân phận phụ thuộc, nổi trôi, mong manh của người phụ nữ trong xã hội xưa. Thân em như củ ấu gai Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen Ai ơi, nếm thử mà xem! Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi. Đây là bài ca dao có nét chung với bài ca dao 1 như trên đã phân tích nhưng lại có sắc thái riêng độc đáo. Nếu ở bài 1, người phụ nữ ý thức được về vẻ đẹp hình thức thì ở bài 2 này, người phụ nữ muốn khẳng định về vẻ đẹp nội dung, phẩm chất bên trong dầu bề ngoài không tương xứng. Củ ấu gai có vẻ đen đúa, xấu xí, gai góc nhưng ẩn chứa sau vẻ ngoài xấu xí ấy là ruột ấu trắng thơm, ngọt bùi. Ai đã một lần ăn chắc sẽ nhớ và càng nhớ hơn bài học tự rút ra về cách đánh giá sự vật trong cuộc đời. Bài ca sử dụng phương pháp đối lập ngay trong một dòng thơ (tiểu đối) với các cặp tương phản: trong – ngoài, trắng – đen “Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen”. Lời mời mọc, nhắn gửi của người phụ nữ với người đời vừa là sự tự khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của mình song nghe cũng thật tủi hờn, xót xa: Ai ơi, nếm thử mà xem! Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi. Với người con gái, sự mời mọc tha thiết và tự khẳng định ấy là sự “vạn bất đắc dĩ” bởi vì vẻ đẹp bên trong – giá trị thực của họ chẳng được ai biết đến. Bài ca dao có sự lựa chọn hình ảnh so sánh rất chính xác, vừa cụ thể vừa biểu cảm, chắc chắn đây phải là người phụ nữ lao động gần bó với ruộng đồng mới có cái nhìn so sánh giản dị, tự nhiên như vậy. Hình ảnh so sánh đã cụ thể hóa tâm trạng tủi hờn của người phụ nữ. Bài ca có ý nghĩa nhân văn và ý nghĩa ngầm phê phán những ai không coi trọng giá trị đích thực của con người. Hai bài ca dao trên bổ sung cho nhau, là sự tự khẳng định một vẻ đẹp bên ngoài, một vẻ đẹp bên trong nhưng bao trùm là cảm hứng ngậm ngùi, xót xa về thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa. Đó là giá trị tố cáo và giá trị nhân đạo sâu sắc trong tiếng hát than thân ướt đầm nước mắt của người phụ nữ. Các bài ca dao có cùng công thức mở đầu gần gũi nhau bởi nét tương đồng trong nội dung, ý nghĩa và cùng sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh. Bên cạnh đó, mỗi bài có nét riêng trong việc lựa chọn đối tượng miêu tả và biểu hiện. Cũng để diễn đạt thân phận chìm nổi của người phụ nữ mà có một loạt hình ảnh khác nhau để so sánh khiến biện pháp nghệ thuật và nội dung diễn đạt càng đa dạng, phong phú, tránh được sự đơn điệu, nhàm chán. So sánh là sự khắc họa một cách cụ thể, làm sáng rõ hơn những khái niệm trừu tượng: “Thân em” là khái

niệm trùu tượng được thể hiện thông qua những hình ảnh giản dị, gần gũi với cuộc sống con người: “tắm lụa đào”, “giếng nước giữa làng”, “miếng cau khô”, “hạt mưa sa”,... Những vật thể rất khác nhau ấy được xích lại gần nhau nhờ những nét tương đồng bởi sự lựa chọn của biện pháp so sánh. Điều này giúp việc khắc họa sâu hơn đặc điểm đối tượng được đem ra so sánh mà vẫn giàu giá trị biểu cảm. Ta có thể thấy như có tiếng thở dài cam chịu, giọt nước mắt đắng cay của bao kiếp người phụ nữ xưa kia. Trong ca dao còn rất nhiều bài khác cũng sử dụng biện pháp nghệ thuật này để thể hiện nội dung tương tự. Bởi vì ca dao là sáng tác của nhân dân lao động, được diễn xướng trong lao động, trong hát đối đáp nơi hội hè, đình đám. Từ đời này qua đời khác, ca dao được lưu truyền, khắc họa thêm tâm tình người lao động: - Thân em như cái quả xoài trên cây Gió đông gió tây, gió nam gió bắc Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành. - Thân em như chổi đầu hè Phòng khi mưa gió đi về chùi chân. - Thân em như giếng nước trong Để cho bèo tắm, bèo ong lọt vào. - Thân em như giếng giữa làng Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân. - Chàng ơi phụ thiếp làm chi Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng. Tiếp mạch cảm xúc chung về thân phận phụ thuộc, mỏng manh, nổi nênh của người phụ nữ trong ca dao, nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã khắc họa rõ nét hơn trong tiếng thơ đầy bản sắc của bà tạo nên một tiếng nói chung, một mạch tiếp nối giữa văn học dân gian và văn học viết: Thân em vừa trắng lại vừa tròn, Bảy nổi ba chìm với nước non. Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn, Mà em vẫn giữ tấm lòng son. Những bài ca dao trên cho ta hiểu hơn về nỗi khổ của cuộc đời người phụ nữ xưa, giúp ta thêm yêu cuộc sống hiện nay. Người phụ nữ hiện đại vẫn giữ những nét dịu dàng, khiêm nhường của người phụ nữ truyền thống nhưng họ không còn phải cam chịu cuộc sống phụ thuộc mà đã ý thức được về vị thế xã hội của mình, chủ động và xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn: Một buổi sớm mai trộm bước chân mình trên cát Người mẹ cho ra đời những Phù Đổng Thiên Vương Dẫu là nguyên thủ quốc gia hay là những anh hùng Là bác học hay là ai đi nữa Cũng là con của người phụ nữ Người đàn bà rất bình thường không ai biết tuổi tên.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trong bài hát “Tâm Hồn của đá”, cố nhạc sĩ Trần Lập đã viết: “Đừng sống như hòn đá... đừng hóa thân thành đá...”. Hãy viết một văn bản nghị luận ngắn trình bày suy nghĩ về câu nói trên

Mở bài – Đối với mỗi con người, được sinh ra và tồn tại vốn đã là một niềm hạnh phúc lớn lao trong cuộc sống. Nhưng sống sao cho có ý nghĩa lại không phải ai cũng làm được. – Lời bài hát của cố nhạc sĩ Trần Lập là một lời khuyên sâu sắc, lời giáo dục mang tính nhân văn cao cả về cách sống biết yêu thương, biết sẻ chia và luôn hướng về người khác. Thân bài a. Giải thích quan niệm của tác giả – “Đá” là vật vô tri vô giác được dùng trong cuộc sống con người, có vẻ ngoài cứng nhắc, rắn rỏi. – Theo cách khắc họa của tác giả, đá được hiện lên với vẻ thô mộc tự nhiên của nó” sống không một tình yêu, sống chỉ biết thân mình, tâm hồn luôn băng giá”. Đá tồn tại giữa cuộc đời nhưng lại sống như thể vũ trụ chỉ có riêng nó. => Tác giả muốn phủ nhận lối sống ích kỉ, hẹp hòi; sống khô khan thiếu tình cảm của con người hiện nay. Nếu như sự cứng nhắc của đá là bản chất thì lối sống tiêu cực này đang dần trở thành “bản chất” của không ít người – những người chỉ biết đến mình mà quên đi người khác. b. Bàn luận – Sống yêu thương là lối sống cao đẹp, là cách sống của những con người luôn gắng sức để trở thành người có ích cho xã hội. Như những viên ngọc sáng lung linh giữa đời, họ trở thành biểu tượng chân thực nhất về tấm lòng nhân ái cao thượng. Dẫn chứng: Cô Nguyễn Khánh Thương-giảng viên khoa Báo chí truyền thông-Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học là người có nhiều cống hiến cho công tác từ thiện từ khi là sinh viên cho tới khi qua đời vào năm 2015. Thậm chí, trong quá trình chống chọi với bệnh ung thư quái ác cô vẫn dành thời gian đến cuối đời để thành lập và hoạt động Mạng lưới ung thư vú Việt Nam – tổ chức giúp đỡ và động viên các bệnh nhân ung thư vú trên cả nước. Bác Lê Thị Gìn (65 tuổi, quê Thái Bình) người không nhà, không cửa lên Hà Nội làm nghề ve chai. Dù không đủ tiền phục vụ cho cuộc sống gia đình nhưng bác vẫn dùng mấy chục nghìn kiếm được mỗi ngày để mua quà, khi thì hộp sữa, khi thì chiếc bánh để giúp đỡ người nghèo. – Sống yêu thương để xóa đi trong thâm tâm mỗi người hạt nhân của sự ích kỉ, nhỏ nhen, không biết tới người khác. “Nơi lạnh lẽo nhất không phải là Bắc Cực, mà là lòng thiếu tình thương”. Những tấm lòng ấm áp tình nghĩa của mọi người sẽ xóa đi lạnh giá của tự

nhien và lạnh giá của cuộc đời. Dẫn chứng: Chú lính chì Nguyễn Thiện Nhân đã vượt lên số phận để có thành công nhờ nguồn “ấm áp” vô hạn của người mẹ nuôi luôn động viên, vỗ về. – Lấy tình yêu thương là cốt lõi, lẽ sống ở đời; mỗi người sẽ luôn thấy hạnh phúc. Tình thương nơi tâm hồn trong mỗi người sẽ tạo ra niềm vui sướng cho người khác. Và hơn hết, chính bản thân chúng ta sẽ nhận được những điều tốt đẹp khi đã biết cho đi ”Sống là cho đâu phải nhận riêng mình” (Tố Hữu). Phải biết cho đi; sống biết mình thì phải biết người chúng ta mới không bị “hóa thân thành đá” sống vô tâm, ích kỉ. c. Phê phán – Cuộc sống coi trọng vật chất của con người hiện đại đã chi phối lối sống trọng tình cảm, tôn thờ tình người của người Việt Nam truyền thống. Nhiều người sống vô cảm, độc ác, thờ ơ với người khác Dẫn chứng: Vì mỗi thù cá nhân mà Nguyễn Hải Dương đã ra tay giết 6 người (bao gồm cả người yêu) gây ra vụ giết người khủng khiếp ở Bình Phước. Không ít những vụ vợ chồng chém giết lẫn nhau; anh giết em; cháu giết bà... trên báo chí chỉ vì một câu nói không vừa ý, một hành động không vừa mắt, hay 20.000 để vào quán net chơi game... – Những người sống tự kỉ, không giao du, mở rộng tấm lòng với người khác, với cuộc đời. Kết bài – Dân tộc Việt Nam có truyền thống ”Lá lành đùm lá rách”, “Thương người như thể thương thân” để giáo dục tình yêu thương cho mỗi con người. Dù cuộc sống có đổi thay và hiện đại hơn thì dưới bầu trời, cuộc đời vẫn còn biết bao cảnh ngộ cần ta yêu thương và chia sẻ – Quan niệm của Trần Lập tuy chỉ là một câu văn duy nhất nhưng tính nhân văn trong nó thì bao la vô tận. Bởi lẽ, nó được đúc kết từ cuộc đời của một con người mà cho tới điểm cuối, con người đó vẫn không thôi trăn trở để sống sao cho ý nghĩa hơn.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy là đứa cháu (khi trưởng thành) trong thơ “Bếp lửa”, kể lại tuổi thơ khi ở cùng bà

Hồi ức về bếp lửa đã thổi luồng hơi ấm làm bớt đi cái lạnh lẽo của mùa đông xa quê. Nỗi nhớ quê có cha mẹ, có bà nội cứ day dứt hoài khôn nguôi. Nơi đó luôn vương vấn hình ảnh bà nội tảo tần hôm sớm. Dáng bà còng lưng thổi bếp, thổi mãi cho đến khi bếp cháy và toả ra luồng hơi ấm nồng nàn. Hơi ấm của lửa tràn khắp căn bếp nhỏ sưởi ấm tâm hồn đơn côi của hai bà cháu, sưởi ấm sự chờ mong và niềm tin vào ngày mai chiến thắng. Một bếp lửa chờn vờn sương sớm Một bếp lửa ấp iu nồng đượm Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!... “Tôi nghĩ rằng, chính sự quần tụ quanh bếp lửa của gia đình Việt là những ấn tượng về nét riêng biệt mà thiêng liêng giúp tôi làm nên những vần thơ đầy cảm xúc đó”. Bên lửa và cùng với lửa, những người trong gia đình kể cho nhau nghe mọi chuyện trên đời, về sự khó khăn, may mắn và thành công. Không khí ấm cúng của gia đình Việt có lẽ không bao giờ thiếu lửa. Bên lửa muôn thuở vẫn là những người đàn bà mang dáng dấp và phong cách Việt Nam. Vì thế, đương nhiên, bà và bếp lửa trở thành hình tượng gắn gũi, thân thương, cụ thể và triu mến. Bà thổi hồn cho bếp, thổi vào đó tình cảm và trách nhiệm, lòng yêu thương cũng như sự hy sinh. “Tôi nhớ mãi hình ảnh bà đun bếp, phải khó khăn mới thổi được bếp lên, giữ cho lửa thật đều, thật đậm là cả một nghệ thuật”. Những người phụ nữ Việt Nam luôn là hiện thân của sự gắn kết cuộc đời mình với bếp lửa, với sự nồng nàn ấm áp của lửa và một niềm tin không thể chuyển lay. “Cho đến ngày hôm nay, qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời, tôi vẫn không sao quên được hình ảnh bà và ngọn lửa trong trái tim bà. Bà và bếp lửa. Hai hình tượng ấy có lẽ đã thực sự làm nên dấu ấn trong cuộc đời tôi. Bây giờ, cuộc sống thay đổi quá nhiều, bếp lửa truyền thống không còn vẻ hữu dụng của nó trong cuộc sống thường nhật nữa. Nó đã bị thay thế bằng đủ kiểu bếp nhanh hơn, tốt hơn. Cảnh xúm xít thiêng liêng quanh bếp lửa gia đình bỗng trở nên hiếm hoi hơn. Ăn uống cũng không thành vấn đề gì nặng nề nữa, từ cơm cặp lồng, đến cơm hộp rồi cơm nhà hàng, tự nhiên lại chạnh lòng nhớ tới bàn tay cần cù của bà chăm sóc nấu nướng thưở xa xưa”. Nhắc đến bà, vẫn thấy đâu đây cái mùi khói lan toả từ bếp của bà, sống mũi nhà thơ dường như vẫn còn cay. Bếp lửa thực ra chỉ là bếp lửa thôi, nhưng hồn bếp vẫn đi cùng năm tháng với ông, vẫn gắn với toàn

bộ cuộc đời thơ ca của ông: Giờ cháu đã đi xa Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngã Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở: Sớm mai này bà đã nhóm bếp lên chưa?... Phải làm sao cho làn khói tan trong gió, mờ trong sương, khói ẩn vào cây, len vào rừng!”. Chính cái cay cực ấy, cái lui cui khó nhọc ấy - những kỷ niệm thú vị về một thời đạn bom mà những ai đã trải qua đều không thể nào quên được, đã tạo nên những cảm xúc để sau này. Tôi nhớ mãi câu chuyện rất nhân văn của nhà văn Nga Koronenko. Trên con thuyền lạnh lẽo, đầy sương mù, người lái thuyền liên tục động viên lữ khách rằng đằng kia có ánh lửa, sắp đến nơi rồi. Nhưng, càng đi, ngọn lửa càng xa, mãi mãi không bao giờ đến được. Đó là một triết lý mang tính nhân đạo cũng có cái gì đó thật hoài niệm xót xa. Sự ấm cúng, tưởng có thể với tới, nhưng chẳng phải dễ dàng gì...

Văn Mẫu Lớp 10 - Cha ông ta có câu tục ngữ ”Ta về ta tắm ao ta dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn” để răn dạy con cháu nhưng đồng thời cha ông ta lại có câu ”đi một ngày đàng học một sàng khôn” suy nghĩ của em như thế nào về câu tục ngữ trên

Ca dao tục ngữ là một trong những phương tiện dân gian mà ông bà ta từ xa xưa dùng để truyền đạt lại kinh nghiệm trong sản xuất cũng như trong cuộc sống cho các thế hệ sau và câu ca dao : “Ta về ta tắm ao ta Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn” Là một trong những câu ca dao thể hiện tinh thần đó.Tuy nhiên bên cạnh chức đó nó còn phải phản ánh được một số tính cách của ông bà ta nói riêng và người Việt ta nói chung. Câu ca dao :“Ta về ta tắm ao ta - dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn “là một câu ca dao nói về vấn đề hôn nhân của ông bà ta.Với tinh thần khép kín trong hôn nhân ,đó là chọn những cái gì thân thuộc ,những cái gì mình đã quen đã từng tiếp xúc. Mà nói như người Việt ta là cho nó an toàn ,bởi vì họ nghĩ những người sống cùng nhau trong cùng một chỗ ở thì sẽ hiểu và biết rõ về nhau.Và nếu hai bên có chuyện gì xảy ra thì còn có hai bên gia đình lo lắng thế nên ”dù trong hay đục ” thì “ao nhà vẫn hơn “.Có lẽ theo phương diện này thì đây có lẽ vẫn là một tính tốt ,bởi nó thể hiện một thái độ quý trọng của nhà. Song liệu có phải lúc nào cũng chọn ao nhà là tốt không ,kể cả khi bị đục.Hay chính qua đây đã thể hiện một tính cách “thủ cựu”của người Việt ta. Tính “thủ cựu” là tính cách ngại thay đổi những thói quen vốn có . Nguyên nhân người Việt ta có tính cách này là do điều kiện xã hội .Thành phần chủ yếu của nước ta là tiểu nông ,nông dân ,vì nước ta là nước nông nghiệp.Cuộc sống của những người nông dân này được bao bọc trong những lũy tre làng ,quanh năm chỉ biết cày cấy “Con trâu đi trước cái cày đi sau” không tiếp xúc với thế giới bên ngoài vì vậy mỗi khi có sự thay đổi về vấn đề gì là đâm ra ái ngại và sợ sệt giống như các vấn đề hôn nhân nói trên.Chính đức tính này đã tạo cho người Việt một sự khó khăn trong phát triển xã hội.Đời sống thấp ,con người trì trệ với những quan điểm lạc hậu .Thế nên chúng ta phải loại bỏ đức tính này để có thể mạnh dạn tiếp cận với những cái mới ,cái tiên tiến từ bên ngoài để có thể phát triển đời sống của mình cả về vật chất và tinh thần.Bởi không phải cái gì quen thuộc hiểu rõ cũng là tốt ví như chuyện hôn nhân vậy .Liệu hai người biết rõ về nhau thì có chắc là sẽ sống hạnh phúc hay đó chỉ là sự lựa chọn

theo thói quen và nghĩa vụ. Và cũng không thể khẳng định rằng hai người không sống cùng nhau cùng một không gian không cùng lớn lên cùng một chỗ ở thì họ sẽ không hạnh phúc. Bởi tình yêu là sự đồng điệu giữa hai con tâm hồn và hai tính cách và nếu có yêu thương nhau thì mới có thể cùng nhau vượt qua mọi thử thách của cuộc sống. “Thuận vợ thuận chồng Tát biển đông cũng cạn” Ngày nay cũng vậy đức tính này tuy đã được giảm do quá trình xã hội hóa song đức tính này vẫn còn tiềm tàng trong mỗi một người Việt . Nói tóm lại tính cách ‘thủ cựu’ là một đức tính không nên giữ trong mỗi con người chúng ta, phải biết cách loại bỏ và khắc phục nó để con người ta năng động và phát triển hơn trong cuộc sống.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phát biểu ý kiến của mình về câu nói “Một ngày đến trường là một ngày vui”

Bố yêu quý! Hôm nay buổi sáng con đã đi làm kiểm tra ở high school. Nhiều điều buồn cười lắm! Để con tường thuật cho bố nghe. Lúc đầu con với mẹ đi lạc lung tung, cái trường thì rõ là rộng, chả biết lối nào. Sau một hồi hỏi han vô cùng dài dòng thì cũng đến được nơi cần đến. Trong phòng con thấy có bốn bạn đang ngồi cặm cụi làm bài kiểm tra toán. Con cũng rón rén ngồi xuống. Lúc đầu con sợ lắm, không hiểu bài thế nào, nhớ mình chẳng hiểu gì thì xấu hổ lắm nhưng khi cầm lấy tờ đề thi suýt nữa thì con lăn ra ngạc nhiên vì nó quá dễ. Đầu tiên con làm một bài kiểm tra gồm khoảng 60 câu trên năm trang giấy khổ A4 gọi là toán căn bản (basic math). Câu hỏi toàn về cộng trừ nhân chia số tự nhiên, số thập phân, phân số, góc trong tam giác, chu vi hình tròn nói chung không còn gì dễ hơn (mà dễ cùng phải, vì đây là Basic test dành cho tất cả mọi người). Con làm bài rất chi là cẩn thận vì sợ lâu nay dùng máy tính bây giờ tính nhầm sẽ sai. Tính đi tính lại cuối cùng cũng xong. Thế mà lúc con báo với thầy giáo ” Sir, I finished” (Thưa thầy em đã làm xong bài) thì thầy tròn xoe mắt ngạc nhiên ” Very quick” (Nhanh lắm). Thế mà con cứ nghĩ là mình đã làm mất nhiều thời gian. Quay sang một bạn ngồi cạnh, con thấy bạn ấy vẫn đang loay hoay ở trang 2, các bạn còn lại đều chưa làm xong trong khi các bạn ấy đến trước con. Vẫn biết chương trình Toán ở nhà nặng hơn nhưng thấy các bạn ấy làm lâu thế, con cũng ngạc nhiên. Tất nhiên là bài Basic test đó thì con được điểm tối đa, bạn thấp nhất trong nhóm được có 26/60 điểm và mấy thầy cô coi thi ở đó nhìn con khâm phục (con vừa buồn cười và thầm mừng trong bụng). Sau bài toán con làm một bài Writing English Test (nôm na là kiểm tra khả năng viết tiếng Anh) với đề tài gồm 3 câu hỏi. Câu thứ nhất: Tell about your first day or first week in USA. What do you see? feel think? (Kể lại ngày đầu tiên đến Mỹ của em? Em nhìn thấy những gì? Cảm nghĩ của em như thế nào?). Đoạn này con viết tùy hứng, kể là đường phố sạch sẽ, có con sông rất đẹp, đàn ông Mỹ galant). Câu thứ 2: Tell about your usual day (Nói về một ngày thường nhật của em). Câu thứ 3: Imagine your life when you turn 30 (Hãy tưởng tượng em sẽ như thế nào khi 30 tuổi). Đoạn này con viết là thích làm giáo viên, có hai đứa con sinh đôi, thích nhà rộng và có vườn. Cuối cùng con kết luận một câu: That’s all I can

imagine now. Perhaps my future at age 30 will appear more clearly when I think of it at age 20 (Bây giờ tôi chỉ ước có thể. Nhưng có lẽ khi tôi 20 tuổi thì những tưởng tượng đó mới có thể rõ ràng hơn được). Cô giáo đọc đoạn này của con cứ ngồi tùm tùm cười mãi. Có gì đâu bố nhỉ? Bây giờ con mới 16 tuổi thôi mà. Tiếp đó thầy cô hỏi con đã học Algebra (đại số) chưa? Con bảo rồi, thế là lại phải làm một bài kiểm tra nữa gồm 35 câu dạng trắc nghiệm. Kết quả: 32/35. Tiếp đó nữa, con lại phải làm một bài kiểm tra tiếng Anh về ngữ pháp, từ vựng, hội thoại... hình như 6 phần tất cả. Kết quả được 41 điểm, chẳng biết điểm tối đa là bao nhiêu, chỉ biết con lại được khen "That's very good" (Rất tốt). Sau khi làm xong tất cả những bài kiểm tra kia thì con được gọi vào một cái phòng để một thầy kiểm tra khả năng nghe nói tiếng Anh. Nói chung không phải câu nào con cũng hiểu và trả lời được, chắc chỉ được khoảng 85%. Cuối cùng thầy ấy nói đại ý là khả năng nghe của con hơi kém nhưng an ủi: "Đừng buồn, tất cả những người nước ngoài khi mới tới đây đều gặp vấn đề này. Qua một thời gian thì khả năng sẽ khá lên nhiều. Thầy cũng nói đại ý là con cần phải làm thêm một bài test về Toán nữa để biết đã học đến đâu rồi vì chương trình toán ở Việt Nam học nhanh và nặng hơn bên này. (Còn hai Math test con làm ở trên là bắt buộc, để kiểm tra kỹ năng làm toán. Bài test cuối cùng này nhằm chọn chương trình dạy thích hợp để mình không phải học lại những gì đã biết). Những câu hỏi thuộc về chương trình đã học con đều làm được hết, còn những gì không làm được thì đều là những cái chưa học. Và thế là con thi đậu, người ta đưa cho con một cái giấy báo ngày bắt đầu học và dặn thêm nếu có thiếu sót gì về khâu giấy tờ sẽ gọi điện sau. Con thấy cách kiểm tra bên này rất hay ho và thoải mái. Như con đây làm bài từ 9h30 đến 14h30, tức là 5 tiếng đồng hồ mà không hề cảm thấy căng thẳng, chỉ hơi mỏi và lo lắng một chút lúc phỏng vấn. Thật ra thì vì bài thi hôm nay mang tính thủ tục, xét lớp vào học là nhiều nên có thể việc trông thi trở nên thoải mái hơn. Nhưng con cũng cảm thấy rõ rệt là cách ra đề ở đây rất cơ giăn, dạng trắc nghiệm nên hỏi được nhiều, tổng hợp nhiều kiến thức và khiến cho học sinh không phải học thuộc nhiều. Tất cả lại làm bài bằng bút chì, có thể xóa đi viết lại nếu chợt nhớ ra mình sai nên tạo không khí thoải mái. Thầy cô trông thi ở đây cũng thân thiện lắm. Thậm chí các thầy cô có lúc còn buồn đùa lê với con nữa cơ: con phải giải thích cho họ hiểu rằng con là người Việt Nam, sống ở Hà Nội chứ không phải ở Thành phố Hồ Chí Minh, và Hà Nội mới là Thủ đô của Việt Nam, còn Thành phố Hồ Chí Minh chỉ là thành phố lớn của nước mình thôi. à mà bố có biết thầy giáo con khi kiểm tra tự nhiên thế nào không? Thầy mặc áo phông, quần soóc và không

ngại sorry nếu thầy hiểu sai về mình. Hay thế đấy! Đúng là ngay từ buổi đầu tiên trường học đã tạo cho con một cảm giác rất thích thú. Có những điều con rất khâm phục các bạn học bên này là họ rất có ý thức. Hôm nay trên đường đến trường con thấy một nhóm học sinh (khoảng 8, 9 tuổi) tập trung chuẩn bị đi chơi. Chúng bày đồ ra ăn sáng. Khi có hiệu lệnh tập trung, không một ai bảo nhưng tất cả đều chạy đi nhặt rác bỏ vào một cái túi chung, cùng nhau xách đi vứt rồi mới lên xe. Một lần khác khi đi khám sức khỏe, trong phòng đợi con thấy một thằng bé khoảng 3 - 4 tuổi đang ăn kẹo làm rơi kẹo trên thảm. Nó thản nhiên nhặt lên ăn tiếp và rồi có một hành động làm con nhớ mãi: nó lấy giấy lau tay và cúi xuống lau chỗ thảm vừa bị rơi kẹo. Ngày nghỉ bên này đúng theo nghĩa của ngày nghỉ của học sinh bố ạ. Thầy cô hầu như không giao hoặc giao rất ít bài tập cho những ngày cuối tuần vì tất cả đều xác định đó là ngày để nghỉ, để đi chơi. Để hôm nào rồi rồi con thử nghĩ xem việc học ở đây có điều gì chưa được theo đánh giá của con, rồi con viết thư cho bố tiếp nhé. Còn bây giờ con dừng bút đây.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em có suy nghĩ gì về tính trung thực trong học tập

Thi cử vốn là một khâu quan trọng trong giáo dục để đánh giá kiến thức cũng như năng lực của học sinh, tránh những trường hợp không hề hiếm trong xã hội ngày nay : “Ngồi nhầm lớp”, “bằng cấp giả”,... Gian lận trong thi cử xảy ra ở không ít bộ phận học sinh, dù cho đó là những học sinh xuất sắc. Hậu quả đó là do tác động từ đâu mà có? Có thể là do bản tính, cũng có thể là do những tác động từ bên ngoài —> mục đích là kiếm được điểm số cao, điểm thấy tốt,... cũng có thể do áp lực nào khác... Tình trạng học sinh giỏi “ảo” có lẽ cũng xuất phát từ căn bệnh quá cũ của xã hội : “bệnh thành tích”. “Xã hội ta nói chung lên án, phê phán tỷ lệ tốt nghiệp THPT là không đúng với thực chất trình độ học sinh. Song, mâu thuẫn lại nảy sinh chính ở yếu tố này. Mỗi gia đình đều mong muốn con em họ thi đỗ tốt nghiệp với số điểm cao nhất. Mỗi đơn vị trường học, ngành giáo dục - đào tạo cho đến cấp tỉnh hy vọng thí sinh trường mình, tỉnh mình đỗ tốt nghiệp với tỷ lệ cao nhất.” Trích: Trước hết, ta hãy xét đến ở một phòng thi. Về phía thí sinh, việc học sinh đi thi mang theo và sử dụng tài liệu hiện nay trở nên khá phổ biến. Những năm gần đây, nếu ai có dịp đi ngang qua các phòng thi sau các giờ thi, chắc hẳn bắt gặp rất nhiều những mảnh phô tô tài liệu thu nhỏ nằm trắng xóa ở các phòng thi hay các dãy hành lang. Học sinh đi thi mang theo chúng khắp cả người và điều đó đã trở thành một phong trào. Giám thị bắt được bộ này thì lại có một bộ khác. Nhiều học sinh nữ còn táo tợn giấu tài liệu vào trong cơ thể để các thầy giáo coi thi không dám khám xét vì sợ “vi phạm thân thể”. Nhiều học sinh, thậm chí là học sinh giỏi dù đã thuộc bài nhưng cũng thủ sẵn tài liệu bên mình để cho chắc ăn hơn. Vì vậy, mới có những trường hợp những học sinh trung thực lại trở nên khó chịu vì mình bị “thiệt thòi” so với những bạn học sinh có học lực yếu hơn. Bài học trung thực ở trường thi đã mất đi tác dụng. Về phía giám thị, một tâm lý chung được hình thành “các em đã vất vả học tập 12 năm đèn sách, không nỡ làm khó dễ các em làm gì, cuối cùng rồi cũng sẽ đậu hết đó mà”. Thế là nảy sinh tình trạng coi thi dễ dãi, cho qua việc thí sinh mang vào và thậm chí sử dụng tài liệu. Có một số trường hợp, giám thị canh chừng thanh tra để cho thí sinh chép tài liệu, thậm chí còn giải giúp bài thi cho thí sinh. Nói đi cũng phải nói lại, về phía các bậc giáo dục con em mình dường như chưa quan tâm đúng mức đến “gian lận”

trong thi cử và nhiều khi là “nới tay” bỏ quá cho những hành vi thiếu trung thực khiến tình trạng trên ngày càng diễn ra phổ biến hơn, tình vi hơn. “Những giáo viên nghiêm túc thì nhiều khi cũng phải chùn tay trước áp lực xã hội, của địa phương, của ngành hay nể nang cả lãnh đạo Hội đồng; đồng thời giáo viên cũng phải lo đến bảo toàn cuộc sống của mình. Đã có giáo viên có trận đòn nhớ đời vì đã coi thi quá nghiêm túc! Mà nếu như có nghiêm túc thì giám thị cũng chẳng được gì, nhiều khi bị đồng nghiệp nhìn với một con mắt e ngại, dè bủ. Vậy thì, giám thị không lý do gì mà không chọn một giải pháp an toàn?!” -> Cái vòng luẩn quẩn của tình trạng thi cử thiếu nghiêm túc cứ thế tiếp diễn hàng năm mà không có lối thoát. Hoặc bạn cũng có thể tham khảo dàn ý sau: Đặt vấn đề: - Trung thực là một đức tính cần phải có, quan trọng đối với tất cả mọi người - Đối với học sinh thì đó là một đức tính càng quan trọng và phải được đặt lên hàng đầu. - Tuy nhiên, ngày nay một bộ phận học sinh đang mất đi đức tính này trong học tập và thi cử. - Sự trung thực trong học tập và thi cử của học sinh ngày nay là một vấn đề cần được bàn luận và nhìn nhận một cách nghiêm túc. Giải quyết vấn đề: - Trung thực trong học tập và thi cử mới có thể để học sinh nhìn nhận đúng năng lực, phản ánh đúng kết quả học tập của mình và có hướng phấn đấu thích hợp. - Cùng với xu thế hội nhập và hiện đại hóa, học sinh ngày nay trở nên năng động, tự tin và có kiến thức rộng hơn, có điều kiện học tập tốt hơn. - Tuy nhiên, mặt trái của nó, một số bộ phận học sinh, do thiếu sự quan tâm đúng mức của gia đình, do sự lôi cuốn của xã hội hiện đại đã trở nên xao lãng việc học tập và để đối phó với kiến thức hạn hẹp của mình ở nhà trường, họ phải gian lận trong học tập và thi cử. - Gian lận trong học tập và thi cử là một việc làm không thể chấp nhận được, vấn đề sẽ như thế nào nếu một học sinh rời ghế nhà trường với một kiến thức hạn hẹp nhưng một kết quả cũng không đến nỗi tệ? Kết thúc vấn đề - Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận. - Xã hội và đặc biệt là ngành giáo dục cần có những biện pháp nghiêm túc hơn trong học tập và thi cử của học sinh, đánh giá đúng, chính xác năng lực của từng học sinh, luôn lấy câu “bác sĩ chữa sai thì chết một người, nhưng thầy cô giáo chữa sai thì chết một thế hệ” để giáo dục học sinh.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phát biểu với học sinh, sinh viên liên xô trước đây, đồng chí kalinin nói: “Nhiệm vụ yêu nước của học sinh, sinh viên chúng ta thể hiện ở chỗ chăm chỉ học tập” với tư cách là một người học sinh em hãy bình luận ý kiến trên

Mở bài: - Yêu nước là tình cảm thiêng liêng của mỗi người dân đối với Tổ Quốc. - Giới thiệu câu nói của đồng chí Ki-li-nin, nêu rõ tác dụng của lời dạy đó đối với học sinh, sinh viên Việt Nam. Thân bài: - Khẳng định “Nhiệm vụ yêu nước của học sinh, sinh viên chúng ta thể hiện ở chỗ chăm chỉ học tập” là hoàn toàn đúng. - Yêu nước là đem tài năng, sức lực ra để xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. - Muốn xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, mỗi người phải có ù sức khoẻ, có tài năng, có tư tưởng và tình cảm đúng đắn. - Vì thế phải chăm chỉ học tập, ra sức học tập nghiên cứu khoa học - kĩ thuật. + Chăm chỉ học tập phải thể hiện bằng hành động cụ thể: có động cơ học tập đúng đắn , bỏ nhiều công thức nhiều thời giờ , kiên trì học tập, có phương pháp học tập tốt + phê phán những quan niệm và thái độ học tập sai của học sinh , lười học , học vì mục đích cá nhân , học cầm chừng , thiếu nỗ lực vươn lên - cho 1 vài dẫn chứng minh họa, trong thực tế hoặc trong thơ văn Kết bài: - Nêu tác dụng của lời dạy Ka-li-nin đối với học sinh - Giúp học sinh xác định được nhiệm vụ trước mắt - Bất cứ trên cương vị xã hội nào cũng phải tiếp tục học tập

Văn Mẫu Lớp 10 - Từ câu tục ngữ: “Ăn cho mình mặc cho người” hãy nêu suy nghĩ của em về cách ăn mặc của học sinh hiện nay

Mở bài: Mở đầu bằng câu nói: “ăn cho mình, mặc cho người”. Xưa nay con người luôn hướng tới cái đẹp nói chung và đặc biệt với giới trẻ-tuổi đẹp nhất của cuộc đời mỗi con người thì vấn đề đó lại càng được quan tâm. Tuy vậy mặc như thế nào mới là đẹp vẫn là một câu hỏi còn bỏ ngỏ.... Thân bài: Cùng với sự cải thiện của cuộc sống thì thời trang trở thành một mối quan tâm của tất cả mọi người nói chung và đặc biệt là giới trẻ nói riêng... - Theo mỗi bước đi của thời gian thì lại có những ý kiến khác nhau về vấn đề thời trang cho cuộc sống và cho đến nay vẫn gây ra nhiều tranh cãi (tại đây bạn nêu ra một số quan niệm về thời trang) + Có người cho rằng: phải dùng những mốt mới “độc đáo” theo đúng kiểu các ngôi sao, thần tượng của mình mới là đúng mốt, mới là sành điệu và họ là những người đưa các bộ trang phục đó ra với cuộc sống để khẳng định “đẳng cấp” của mình trước bạn bè, mọi người xung quanh và không hề có sự do dự về nền văn hóa hiện tại mình đang sống_nền văn hóa Á - Đông cổ truyền. + Có người lại cho rằng phải ăn mặc thật giản dị, trọng truyền thống_đúng theo thuần phong mỹ tục của người Á - Đông bao đời nay, họ đặc biệt kị những mốt “thiếu vải” (quá khiêu gợi)... vô hình chung thì họ lại đang tự bó hẹp mình, không cho mình có cơ hội giao thoa với bên ngoài.... - >> Sau khi đưa ra một số quan điểm mà bạn biết thì bạn có thể đưa ra quan điểm riêng của mình: Ví dụ: Chúng ta không thể chạy theo một cách mù quáng theo các ngôi sao được mà phải biết tiếp thu một cách có chọn lọc sao cho phù hợp với văn hóa của đất nước, hoàn cảnh kt gia đình, hoàn cảnh nơi bạn đang sinh sống....Và phải biết chọn đúng lúc để thể hiện mình_đó là cách làm đẹp hữu hiệu nhất: Bạn không thể mặc quần Jean đi dự dạ hội sang trọng, không thể mặc những bộ đồ “thiếu vải” đến trường học, quần Jean và váy dạ hội thì không thể thành một bộ đồ hoàn chỉnh... (Dẫn chứng thêm: + Việt Nam vẫn có các trường yêu cầu nữ sinh mặc áo dài... + Hằng năm các nhà thiết kế vẫn cho ra những mẫu áo dài vừa truyền thống vừa có nét hiện đại để phù hợp với thời trang... + Lấy dẫn chứng về Nhật Bản_họ phát triển mạnh về kt nhưng vẫn luôn chú ý giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và truyền bá ra nước ngoài: áo kimono được giới trẻ yêu thích...) Kết bài: Bạn tổng kết lại ý kiến của mình và kết thúc vấn đề một cách có ấn

tượng, hoặc nếu không có thể nhắc lại câu nói ở trên (nên tạo một cái kết mở cho vấn đề).

Văn Mẫu Lớp 10 - Về ứng xử của con người trong cuộc sống, có quan niệm cho rằng: Im lặng là đỉnh cao của âm thanh. Ý kiến của bạn về vấn đề trên

Những người đã quá quen với sự náo động nói rằng họ cảm thấy lẽ loi và lúng túng nếu như họ không nói. Nhưng nếu chúng ta tập cho mình một kỷ xảo rèn luyện sự yên lặng, chúng ta sẽ học được nó. Hãy bước đi một cách điềm tĩnh giữa nơi huyên náo và hối hả, và định ninh rằng có một trạng thái êm đềm trong sự yên lặng. Chúng ta cần phải dành thời giờ nhàn rỗi để rút vào chỗ riêng tìm kiếm sự yên lặng. Chúng ta phải, ngay bây giờ và sau này nữa, thoát ra khỏi sự chuyển động, để còn lại là trạng thái im lìm. Đó chính là hình thái êm đềm của sự sống. Chỉ mình ta với ta thôi, ta sẽ kinh nghiệm được giá trị của sự suy tư lặng lẽ, ta làm một cuộc du hành vào bên trong. Khi ta lui về với sự yên lặng, ta hoàn toàn một mình thấy được chính ta như thật ta là, và rồi ta có thể học được cách vượt qua những nhược điểm và những giới hạn trong sự trải nghiệm bình thường. Thời gian dành để một mình suy tư trong vắng lặng không hề lãng phí đâu; nó gián tiếp củng cố tính cách con người. Thật là bổ ích cho công việc hàng ngày và sự tiến bộ của chúng ta, nếu như chúng ta có thể tìm được thời gian để dứt mình ra khỏi nếp sống thường lệ và dành một hoặc hai ngày cho việc suy tư lặng lẽ. Đây chắc chắn không phải là trốn chạy hoặc lười nhác, mà là cách tốt nhất để củng cố tâm trí chúng ta. Đây là quá trình nội tâm rất có ích; chính nhờ việc khảo sát ý nghĩ và cảm giác của mình mà chúng ta có thể dò tìm vào ý nghĩa bên trong của các sự vật và phát hiện những sức mạnh bên trong của chúng. Con người hiện đại rất khát khao sự vắng lặng. Một lát vắng lặng mỗi ngày, một lúc ẩn lánh ngăn ngui, một chốc tách lìa khỏi “đám đông điên loạn”, là hết sức cần thiết để lấy lại được thăng bằng cho tâm trí vốn đã bị rối bời bởi dòng chảy ồ ạt và mau lẹ, bởi những tiếng động âm âm và hỗn loạn, rền vang và chát chúa của lối sống hiện đại. Chính là ở trong và thông qua sự vắng lặng mà tâm trí con người có thêm sức mạnh và quyền lực.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy bình luận ý kiến sau đây của cụ Phạm Văn Đồng:
“Lao động là vẻ vang và cần thiết, cần thiết cho bản thân mình để nuôi sống, lao động là cần thiết cho dân, cho nước, lao động là nghĩa vụ”

Mở bài: Con người xuất hiện trên trái đất này khoảng bốn triệu năm về trước. Vượt qua một chặng hành trình kéo dài của lịch sử trái đất, con người đã biến đổi hoàn toàn từ loài vượn cổ trở thành người hiện đại với tầm cao vũ trụ. Chính quá trình lao động miệt mài là yếu tố kì diệu để con người phát triển. Nói về lao động, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng khẳng định: “ Lao động là vẻ vang và cần thiết, cần thiết cho bản thân mình để sống, lao động là cần thiết cho dân cho nước, lao động là nghĩa vụ”. Câu nói của bác Phạm Văn Đồng làm cho mỗi người chúng ta phải suy nghĩ. Thân bài: Nhiều người vẫn quen hiểu lao động là dùng sức lực và dụng cụ để sản xuất ra sản phẩm tiêu dùng, như người nông dân sản xuất lúa gạo, người công nhân dệt vải, may thuê... Nhưng ý nghĩa của lao động không dừng lại ở đó. Lao động còn là sự vận dụng khả năng sáng tạo, phát huy trí tuệ của ban thân để cải tiến kĩ thuật, thay đổi phương pháp làm việc để thúc đẩy sản xuất, thúc đẩy các lĩnh vực của xã hội ngày càng phát triển nhằm phục vụ cho nhu cầu ngày càng đa dạng của con người. Lao động là việc làm vẻ vang. Nhờ lao động, con người có thể tự kiếm sống bằng chính đôi tay của mình. Nhờ lao động, con người có một cuộc sống tự do không bị lệ thuộc vào bất cứ ai. Tự do là phần thưởng vô giá mà phần thưởng này chỉ dành cho những người biết lao động và quý trọng giá trị đích thực của lao động. Còn gì sung sướng bằng khi ta được làm chủ những đồng lương được làm nên sau những tháng ngày vất vả, làm sao không tự hào khi ta đứng trước một canh đồng màu mỡ, một mảnh vườn xanh mướt được tạo nên từ đôi bàn tay cần cù chịu khó, từ những giọt mồ hôi chăm chỉ trên mảnh đất trước đây chỉ là sỏi đá khô cằn... Cảm giác sung sướng tự hào ấy chỉ có những người trong cuộc mới cảm nhận hết. Lao động còn là điều hết sức cần thiết, không chỉ cho bản thân mà còn cho dân cho nước. Lao động nuôi sống bản thân con người, là quá trình hình thành nhân cách, phát huy trí tuệ, tài năng. Lao động là động lực phát triển đất nước. Chúng ta hãy lấy tấm gương lao động của Nhật Bản. Sau Thế chiến thứ hai, nước Nhật vừa chịu tổn thất nặng nề vừa phải đền bù thiệt hại chiến tranh. Thế mà, chỉ vài thập kỉ sau, từ một đồng tro tàn đổ nát của cuộc chiến, Nhật đã vươn lên thành một

cường quốc kinh tế ở Châu Á. Tất cả đều nhờ bàn tay lao động, khối óc sáng tạo của những con người biết chung vai vì đất nước. Mỗi ngành nghề, mỗi công việc đều đáng trân trọng như nhau, bởi tất cả đều giống nhau ở việc xây dựng và phát triển đất nước. Lao động còn là nghĩa vụ của mỗi người. Là người công dân trên một đất nước độc lập, ý thức về trách nhiệm của mình, ai ai cũng phải ra sức xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn, một đất nước phồn vinh hơn. Bác Hồ kính yêu đã từng nói :“ Tuổi nhỏ làm việc nhỏ - Tuỳ theo sức của mình...”. Điều đó không chỉ là trách nhiệm mà còn là bổn phận của mỗi người chúng ta đối với tập thể. Nếu ai cũng ý thức được điều này, cuộc sống chắc chắn sẽ ngày càng tốt đẹp hơn. Câu nói của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhắc nhở chúng ta hiểu được ý nghĩa, giá trị của lao động để từ đó có thái độ, hành động, cách nhìn đúng đắn hơn về lao động. Xã hội ta ngày nay đã phát huy những giá trị của lao động bằng những việc làm thiết thực. Các hội thi “Bàn tay vàng người thợ”, hội thi “ Sáng tạo khoa học”... là những minh chứng sinh động nhất. Những giá trị lao động chân chính được tôn vinh, được đề cao nhằm thúc đẩy niềm hăng say lao động sáng tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những tấm gương lao động miệt mài, ta không khỏi buồn lòng trước những hành vi thái độ coi thường lao động chân tay hoặc những quan niệm lệch lạc về lao động. Đó là những con người quen sống hưởng thụ, xa hoa từ những đồng tiền bất chính. Vì không lao động, họ không biết giá trị đích thực của lao động và chắc chắn không bao giờ biết quý trọng thành quả mà mọi người đã tạo ra. Những con người đó thực sự trở thành ung nhọt của đất nước, là lực cản trong tiến trình phát triển của cuộc sống mà chúng ta phải kiên quyết loại trừ. Kết bài: Tóm lại, hiểu được giá trị của lao động đối với con người và cuộc sống, chúng ta càng có ý thức trân trọng giữ gìn những thành quả lao động mà cha ông ta đã tạo dựng và để lại cho đời sau, đồng thời tự xác định cho mình thái độ lao động tốt bằng những việc làm đích thực, cụ thể . Trước mắt, chúng ta cần phải có thái độ chuyên cần trong học tập, tham gia tốt các ngày Chủ nhật hồng, phong trào trồng cây gây rừng để làm đẹp cuộc sống này.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Làm thế nào để thay đổi thế giới trong hiện tại

Cuộc sống vốn có nhiều áp lực và căng thẳng, vì thế bạn cần biết cách tạo ra năng lượng để thay đổi cuộc sống của mình. Thực hiện thay đổi nhỏ có thể là một trong những điều khó khăn nhất mà cũng là điều tốt nhất để thay đổi cuộc sống của chính bạn. Nhưng để làm được điều này bạn cần phải kiên nhẫn và quyết tâm. Thay đổi nhỏ sẽ giúp bạn gặt hái được nhiều thành công lớn. Hãy tự hỏi bạn đang cảm nhận thế nào về cuộc sống hiện tại của bạn. Bạn có đang cảm thấy quá stress không? Nếu có, bạn nên tìm hiểu một số kỹ thuật thư giãn để giúp bạn đối phó với những căng thẳng và thực hiện những thay đổi mà bạn muốn có trong cuộc sống của bạn. Giảm căng thẳng có thể cung cấp cho bạn một cái nhìn hoàn toàn mới về cuộc sống của bạn. Làm những việc nhỏ để tăng cường khả năng của bạn để suy nghĩ rõ ràng về những thành tích và mục tiêu của bạn. Nghĩ về những gì bạn muốn có trong cuộc sống của bạn. Hình dung cuộc sống của bạn và những thay đổi mà bạn muốn nhìn thấy trong cuộc sống của bạn. Lập một danh sách 5 điều mà bạn muốn thay đổi. Dành thời gian để làm điều này có thể giúp bạn suy nghĩ rất rõ ràng về những gì là quan trọng với bạn. Ví dụ, bạn muốn có nhiều tiền hơn => Để làm được điều này bạn cần phải tìm một công việc khác có tiềm năng hơn hoặc tìm thêm một công việc thứ 2. Hãy xem xét làm thế nào để có thể ảnh hưởng đến tầm nhìn của bạn về cuộc sống của bạn. Xem xét lại tất cả những gì bạn muốn thay đổi và đề ra phương án để thực hiện. Ví dụ, nếu bạn muốn có nhiều tiền hơn. Bạn phải chi tiêu tiết kiệm lại vào những thứ bạn không thực sự muốn hoặc không thật sự cần. Hoặc bạn cần phải biết cách thu chi hợp lý, làm việc một cách thông minh, tiện kiệm nhiều thời gian và nâng cao hiệu suất công việc. Đề ra cho mình những kế hoạch khác nhau để thay đổi cuộc sống của bạn. Có thể là bạn muốn cuộc sống của mình hạnh phúc hơn, hay muốn có thêm nhiều bạn mới hoặc bắt đầu một sở thích tuyệt vời mới của mình. Hay nó chỉ đơn giản chỉ là bạn muốn cuộc sống của bạn ít căng thẳng hơn. Đơn giản hóa kế hoạch của bạn. Hãy tự hỏi làm thế nào bạn có thể thực hiện một việc nhỏ mà bạn muốn thay đổi. Nó có thể là điều đơn giản, cũng có thể là một cái gì đó khó khăn hơn để thực hiện. Nhưng hãy nghĩ về những điều mà bạn muốn thay đổi như là mục tiêu và rằng việc thay đổi thói quen sẽ giúp bạn đạt được tiềm năng của riêng bạn. Hãy thử những điều

mới. Đôi khi cách tốt nhất để kết thúc một thói quen xấu là để thử một cái gì đó mới và tích cực. ví dụ: Tham gia một khóa học miễn phí, một lớp học khiêu vũ hoặc lập mục tiêu đi bộ 3 buổi tối một tuần... Không ai có thể hoàn tất tất cả các mục tiêu trong cùng một lúc, vì thế bạn đừng nên quá hấp tấp, vội vàng. Bạn cần có một thời gian để thực hiện chúng. Giữ một biểu đồ, sổ nhật ký hay một blog để ghi lại những thay đổi hằng ngày của bạn. Nếu bạn đã hình thành được thói quen và làm theo tiến độ, một ngày nào đó bạn sẽ thành công. Hãy nhớ câu nói này bạn nhé “ Mỗi ngày hãy nhật cho mình một hạt cát, một ngày nào đó bạn sẽ có cả sa mạc”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trong bệnh viện, rất nhiều người nôn nóng tới lượt mình khám để được về vì đã trưa. Bỗng có một anh thanh niên nhường lượt khám cho cụ già 60 tuổi vừa mới đến. Khi chứng kiến, anh (chị) nghĩ gì về lối sống anh thanh niên

Gợi ý bài: Bạn đưa câu chuyện ra làm dẫn chứng rồi nêu suy nghĩ: Bàn về phẩm chất của con người thì đức hi sinh là biểu hiện cao nhất của lòng nhân ái, tình yêu thương giữa con người với con người. Bởi đức hi sinh bao gồm trong đó lòng nhân ái và tình yêu thương, tinh thần nhân đạo của con người. Nhưng đức hi sinh đòi hỏi con người phải biết san sẻ cuộc sống tinh thần và vật chất của mình cho người khác, cho đồng loại để họ có thể vượt qua khó khăn trong cuộc sống. Lịch sử của mọi tôn giáo trên thế giới, từ Gia tô giáo, Ki tô giáo, đạo Islam... đạo Phật đều khuyên con người hãy sống nhân hậu, giữ gìn lòng nhân ái. Đạo Phật đề cao đức tính “ từ bi hỉ xả” là đề cao đức hi sinh của con người. Con người sẵn sàng xả thân vì người khác. Xả thân vì người khác là một cách tự nguyện và lấy đó làm niềm vui không một tính toán vụ lợi. Hi sinh vì người khác, xả thân vì người khác cũng có khi là một hành động không vô tư mà có tính vụ lợi, vị kỉ tức là nhằm cầu lợi cho mình. Đạo Nho cũng đề cao tinh thần vị tha, tức là hi sinh vì người khác, đề cao đức hi sinh vì người khác. Ngày nay, nói đến đức hi sinh, không phải chỉ nói tới một hành động hi sinh cụ thể nào vì một con người cụ thể nào mà là nói tới phẩm chất đạo đức của con người. Phải xây dựng đức hi sinh thành một thái độ sống, luôn quan tâm, sẻ chia, thậm chí xả thân vì người khác. Xây dựng đức hi sinh thành một quan niệm sống, lẽ sống của con người. Xây dựng đức hi sinh ở mỗi con người phải là cả một quá trình lâu dài từ lúc tấm bé đến lúc lớn lên, trưởng thành, từ việc nhỏ thường ngày đến việc lớn trong cuộc sống, từ một hành vi nhường nhịn bạn bè đến việc hi sinh bản thân mình cho đất nước, nhân dân... Nếu trong xã hội ai cũng biết sống nhân ái, có đức hi sinh thì cuộc đời sẽ đẹp biết bao!

Văn Mẫu Lớp 10 - Bài thuyết minh về bánh tráng nước dừa

Bánh tráng nước dừa. Từ lâu, bánh tráng nước dừa được xem như một đặc sản nổi tiếng của đất Bình Định, và đặc biệt chỉ ở Tam Quan mới có. Khách phương xa đến thăm quê hương Bình Định thường tìm mua đem về làm quà cho người thân. Bánh tráng được xếp lại thành từng chồng 20 bánh rồi dùng dây chuối buộc lại hình chữ thập gọi là “ràng”. Khác với loại bánh tráng hủ tiếu, bánh tráng gạo pha mè hạt từng nổi tiếng ở Bình Định, bánh tráng nước dừa có bề mặt lớn bằng chiếc mâm thau, cộm lên những xác cơm dừa và mè hạt. Loại bánh tráng nước dừa chỉ dùng để nướng ăn cho vui miệng. Vì bánh quá dày không thể nhúng nước ăn được như các loại bánh khác. Khi gặp lửa than, bánh tráng căng phồng lên, nước dừa cứ ứa ra như lớp mỡ vừa bay mùi thơm vừa béo ngậy. Những ai mới ăn thử lần đầu cứ muốn ăn mãi, ăn hoài. Nhiều người còn đem phết lên mặt bánh một lớp mật đường hoặc mạch nha; có người phết một lớp mắm ruốc ngon, ăn càng thấy mặn mà lạ miệng, chất béo cứ ngấm dần xuống tận cổ. Vì bánh quá lớn và quá dày, người ta phải cắt ra thành từng miếng nhỏ, làm đôi, làm ba, hay làm bốn, vừa dễ nướng mà cũng vừa dễ sắp lên đĩa để cầm lấy ăn cho gọn gàng. Các tiệm ăn ở Bình Định thường dùng bánh tráng nước dừa để ăn tráng miệng. Vì sản xuất vào mùa nắng ráo và có hạn cho nên khó đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng ngoài thị trường.

Văn Mẫu Lớp 10 - “Sắc đẹp là vui mắt, sự dịu hiền thu hút lòng người” em có suy nghĩ gì về ý kiến trên

Mở bài: Ông cha ta có câu “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” nhằm chỉ cái đẹp để chỉ là chốc lát, còn cái bền mới là quan trọng. Hay “Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người”. Câu “Sắc đẹp là vui mắt, sự dịu hiền thu hút lòng người ” cũng có ý nghĩa tương tự. Thân bài: + Sắc đẹp chỉ là thứ vui mắt trong thời gian nhất định, có thể là ngắn. + Từ xưa con người đã nhận thức được “Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người” + Sự hiền dịu hay là đạo đức tốt không bao giờ tàn phai được. Bởi con người ai cũng quý trọng cái đức ấy. + Giữa “Sự hiền dịu ” “Sắc đẹp”; “*Thứ vui mắt*” “Thu hút lòng người”. Điều gì hơn? Tất nhiên, là sự hiền dịu thu hút lòng người rồi. Bởi sắc đẹp không có giá trị, chỉ để người ta ngắm, để vui mắt. Đạo đức, sự hiền dịu có thể giúp đỡ người khác, có thể một xa hội đầy tình người. Kết bài: Kết luận những điều trên.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Cuộc sống là một bức tranh kỳ diệu với rất nhiều những mảng màu khác nhau, có những mảng màu sáng tối đan xen; hãy chọn 1 mảng màu mà anh (chị) tâm đắc để nêu suy nghĩ về sự kỳ diệu của cuộc sống

Cảm ơn đời, cảm ơn người đã cho ta một cuộc sống diệu kỳ” - những điều kỳ diệu mà hương sắc ấy mang lại đủ để trái tim ta rộn nhịp trước sự tĩnh lặng của cuộc sống. “Nếu có ước muốn trong cuộc đời này, hãy nhớ ước muốn cho thời gian trở lại.” Cuộc sống con người là những trang nhật ký đầy chông gai thử thách nhưng nhờ qua đó mà chúng ta có thể cảm nhận được những điều kỳ diệu thật sự mà ta chưa hề nghĩ rằng nó sẽ xảy ra. Cuộc sống mang đến cho con người những cảm nhận sâu sắc khác nhau về những khía cạnh của cuộc đời, ghép thành hương sắc mang đến cho đời một điều kỳ diệu bất tử, làm trái tim con người lồi nhịp vì yêu thương, nồng nàn bởi hương thơm của đời, vun trồng cho nhịp đập con tim ngày mai bừng sáng lên, mang niềm yêu thương lan tỏa khắp nơi nơi. Cuộc sống còn là điểm tựa, là bờ vai vững chắc của con người bởi bản chất của cuộc sống là những hạnh phúc mong manh, đầy chông gai, gian nan thử thách khiến con người bộc lộ khả năng sinh tồn chống chọi với những thử thách ấy bằng nghị lực và sức mạnh tinh thần của bản thân. Những lúc trống trải cô đơn con người ngấm nhìn cuộc sống bằng tâm hồn, nghe thấy âm thanh đang nhảy múa trên từng dòng kẻ năng để con người tựa vào khoảng không gian yên bình ấy nhìn về những gì đã qua để bước tiếp cho tương lai. Cuộc sống là một trang giấy trắng mà con người là cây viết vẽ nên bức tranh cuộc đời. Mỗi bức tranh mang một dáng vẻ riêng nhưng ở đâu đó trong góc cạnh của bức tranh cũng sẽ thể hiện một điều kỳ diệu nào đó của cuộc sống. Điều kỳ diệu không nhất thiết là phải biến giấy thành tiền, hóa con người thành thần tiên, đưa con người bay lên bầu trời mà chỉ đơn giản là làm cho một đứa bé đang khóc bỗng bật cười, khiến cho một con tim đau khổ trở nên yêu đời, khiến một ai đó lang thang trở nên ấm áp... Tất cả những điều ấy đều mang lại cho con người những bài học kinh nghiệm khác nhau, những trải nghiệm khác nhau về cuộc sống, tô điểm cho bức tranh cuộc đời một màu sắc, chấm phá thêm đường nét những mảng màu đầy hy vọng, nhiệt huyết. “Dù người ta có nói với bạn điều gì đi nữa, hãy tin rằng cuộc sống là điều kỳ diệu và đẹp đẽ” Cuộc sống vốn dĩ không như ta mong

đời nhưng khi cùng những năm tháng trải dài theo cuộc sống ta lại thấy thêm yêu đời và cảm ơn những gì mà cuộc sống ban tặng. Những điều kỳ diệu mà cuộc sống mang lại rất dồi dào thường đôi khi tưởng chừng như là một sự may mắn nào đó nhưng dù cho cuộc sống của bản thân có như thế nào đi nữa thì những ý nghĩa mà cuộc sống ban tặng không có gì có thể sánh bằng. Như Xukhômliński đã nói rằng: “ Con người sinh ra không phải để tan biến đi như một hạt cát vô danh. Họ sinh ra để in dấu lại trên mặt đất, in dấu lại trong trái tim người khác.” Thế nên hãy sống một cuộc đời xứng đáng với những món quà mà cuộc sống ban tặng, tận hưởng những điều kỳ diệu mà bạn chưa từng cảm nhận được, hiểu được những ý nghĩa của cuộc sống để mai sau này khi nhìn về quá khứ ta sẽ cảm thấy tự hào và hãnh diện. Mỗi con người xây dựng cho mình một cuộc sống riêng nhưng tất cả đều có chung một điều kỳ diệu là được sinh ra và lớn lên trong thế giới này, được cảm nhận hơi thở của hương vị sống, nhìn thấy những ánh sáng đầy màu sắc xung quanh chúng ta để ta biết yêu thương, trân trọng cuộc sống như một trái tim đang hấp hối trước những điều kỳ diệu mà cuộc đời đã mang lại cho ta. Bước qua một con sông ta sẽ thấy một cánh đồng xanh bất tận, trèo qua một ngọn núi ta sẽ thấy cả thế giới thiên nhiên đang chuyển động và đi qua một cuộc đời ta sẽ cảm nhận được những vẻ đẹp huyền diệu của cuộc sống – đó chính là điều kỳ diệu của cuộc sống.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cuộc sống là một bức tranh kỳ diệu với rất nhiều những mảng màu khác nhau, có những mảng màu sáng tối đan xen; hãy chọn 1 mảng màu mà em tâm đắc để nêu suy nghĩ về sự kỳ diệu của cuộc sống

Cuộc sống mang đến cho con người những cảm nhận khác nhau, một cách nhìn riêng biệt. Mỗi con người có một tình cảm khác nhau đối với cuộc sống nhưng dù thế nào đi nữa, dù cho cuộc sống của chúng ta có không như ý muốn thì những điều mà cuộc sống ban tặng cho đời người là không có gì thay thế được. Đó gọi là điều kỳ diệu của cuộc sống. Cuộc sống mang đến cho ta những điều kỳ diệu riêng biệt, mỗi một sự kỳ diệu là một ngọn lửa nhỏ sưởi ấm trái tim ta trở nên tràn đầy sức sống mãnh liệt. Cuộc sống dạy ta biết yêu thương con người trên thế giới, cuộc sống phản ánh những mảnh đời bất hạnh, cô đơn để những con người có trái tim nhân ái sẽ cùng nhau chia sẻ nỗi đau ấy. Cuộc sống dạy ta biết tình yêu là loại tình cảm vĩnh hằng không có gì có thể chia cắt được. Có tình yêu, con người có thể thay đổi cả vạn vật, thay đổi một con người cảm thấy cô đơn trở thành một con người hạnh phúc. Tình yêu khiến con người biết khóc, biết cười, biết cay, biết đắng. Đất đai có thể khô cằn, thiên nhiên có thể khắc nghiệt nhưng tình yêu là thứ vĩnh cửu, tồn tại mãi mãi trong lòng con người. “Sống trong đời sống cần có một tấm lòng. Để làm gì em biết không?...” Cuộc sống sáng tạo những khung cảnh tuyệt diệu của thiên nhiên đưa con người lạc vào xứ sở thần tiên, biến những nụ hoa thành rừng hoa muôn sắc khiến con người thêm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống hơn. Điều kỳ diệu của cuộc sống luôn ở quanh ta, cuộc sống ban tặng những hạt mưa dịu mát làm lòng con người bỗng trở nên êm đềm, sâu lắng, đem đến một chút nắng soi sáng tâm hồn con người trở nên ấm áp. Cuộc sống đưa con người đến gần nhau hơn, mang tình người đến với nhau sưởi ấm trái tim ta trở nên đầy nhiệt huyết. “Nơi nào có tình yêu, nơi đó có điều kỳ diệu.” Cuộc sống là khoảng trời thẳm sâu của con người, đưa con người lạc vào những cung bậc khác nhau của tình cảm – đó là điều kỳ diệu nhất mà cuộc sống ban tặng con người. Và cuộc sống cũng không thể nào tồn tại nếu không có tình yêu - Những tình cảm mà con người dành cho nhau.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy kể lại những kỉ niệm chân thật của anh (chị) về tình cảm gia đình, hoặc tình bạn, tình thầy trò bằng ngôi kể thứ nhất

Lại một mùa xuân nữa đi qua. những bông hoa sau vườn nhà tôi cũng đã thay đổi màu áo, Mỗi khi nhìn thấy những bông hoa, chiếc vọng mắc sau vườn thì những kỉ niệm của tôi là cô bạn của tôi dường như gọi về trong đầu của tôi. Người bạn của tôi có một cái tên rất hay đó là: Nguyễn Thị Hoàng Trúc, cô ấy có tính tình hiền dịu, dễ thương, và có dáng vóc rất nhỏ nhắn và xinh xắn. Chúng tôi thường xuyên đi chơi cùng nhau, cùng nhau chai sê buồn vui nỗi buồn, đi chung với nhau chúng tôi như 2 chị em ruột vì chúng tôi có 1 màu da ngăm đen rất là dễ thương, nhìn xa thì trông chúng tôi rất giống nhau nhưng khi đến gần và quan sát kĩ thì mới nhận thấy được cái khác giữa tôi và cô ấy. Tôi và cô ấy khi nhỏ đã có chung một mảnh vườn nho nhỏ ngay sau nhà tôi, trong khu vườn mini ấy có những cây hoa hồng có đủ mọi màu sắc và một vài chậu hoa lan khi đi chơi là Lát về mua mang về 2 chúng tôi cùng bón cho cây trưởng thành và nở hoa..... kê đó có 2 cây thị rất to., toa bóng mát xuống khắp khu vườn rất mát. Từ lúc nhỏ đến nay, tôi vẫn thường hay đi ra vườn, kể từ khi người bạn của tôi đã không còn thì tôi cũng vẫn thích đi rado một mình và ngắm lên những cành cây. nhưng cây hoa hồng và những chậu hoa lan thơm ngát. Tôi lại cảm nhận cái ước sống của cây cỏ, tiếng hót của chim và tiếng gió chen qua những cành cây. Tôi thường bịt mắt cô ấy và dẫn cô ấy ngồi xuống vũng đọng đưa và nói cô ấy rằng : ” bạn tôi à, hay tập cách nghe thấy tiếng nói của thiên nhiên đi, thì bạn sẽ thấy vui vẻ và thoải mái hơn. Chúng tôi còn nhỏ nên thường có những suy nghĩ vẩn vơ, nhảm nhí, một hôm, đang ngồi chơi với nhau cô ấy nói với tôi rằng: ” nè bà, bà có nghĩ rằng một ngày nào đó tui và bà sẽ không gặp nhau nữa không nhỉ, có khi nào tui và bà sẽ không còn thân như vậy nữa không nhỉ? bà có nghĩ thế không Nhỉ ” Tôi rất hoảng hốt khi nghe xong những lời ấy, tôi tưởng rằng cô ấy bị một căn bệnh nào đó không thể qua nổi nên cô ấy mới hỏi tôi như thế. nhưng về sau tôi mới nghĩ ra rằng đó chỉ là những lời nói qua loa không chú ý đến tôi mới nói với cô ấy rằng :” Trời ơi ! bà làm gì mà bay xa quá vậy ? tôi và bà còn ngồi nói chuyện với nhau ở đây này , sao bà cứ nghĩ mấy cái chuyện như thế nhỉ ?. Tôi nghĩ rằng cái câu nói của bà không có đến đâu, chuyện này phải bản cung tên ngàn năm mới đến được đó bà à. suy ra bà đừng nghĩ thế nữa

<http://tieulun.hopto.org>

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh/ chị hiểu thế nào là truyền thống “tôn sư trọng đạo”.
Một nét đẹp của văn hóa Việt Nam? Trình bày những suy nghĩ của bản thân
về truyền thống này trong nhà trường và trong xã hội hiện nay

Khi thầy viết bảng bụi phấn rơi rơi

Văn Mẫu Lớp 10 - Bạn hiểu thế nào là truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Một nét đẹp của văn hóa Việt Nam? Trình bày những suy nghĩ của bản thân về truyền thống này trong nhà trường và trong xã hội hiện nay

Khổng Tử, bậc thầy vĩ đại, hơn 2500 năm trước sáng lập ra học thuyết Nho giáo chứa đựng tư tưởng giáo dục sâu sắc. Ông nói: “Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư yên” - tức “Trong ba người cùng đi, ắt có người là thầy của ta ở đó”. Suốt nghìn năm phong kiến, giáo dục Việt Nam trên đại thể được coi là nền giáo dục Nho giáo. Giá trị nhân bản tốt đẹp của nền giáo dục này thể hiện rất rõ ở “hàng số văn hóa” thầy - trò. Xưa đến nay, nhân vật quan trọng nhất của trường học là người thầy. Truyền thống ngàn đời trong thế ứng xử của người Việt được cô lại và đúc kết bằng bốn chữ: “Tôn sư trọng đạo”. Câu nói: “Không thầy đố mày làm nên”, “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” là những lời cửa miệng của người Việt nhắc nhở nhau mỗi khi đề cập tới vai trò của người thầy. Ở dân tộc Việt Nam, “tôn sư trọng đạo” thấm sâu trong tâm thức mỗi người dân. Để tỏ lòng tôn kính với thầy, người Việt có quan niệm: “Sống tết, chết giỗ”. Chính vì thế mà dưới thời phong kiến, người thầy được xếp thứ hai sau vua, theo cách gọi: Quân - Sư - Phụ (Vua – thầy - cha). Thế ứng xử dân chủ linh hoạt của người Việt Nam rất đề cao vai trò của thầy trong sự nghiệp dạy và học. Vậy mới có câu: “Trò hơn thầy đức nước càng dày”, “học thầy không tày học bạn” - ý nói bạn cũng có thể là thầy. Ngày trước, thời phong kiến, không phải ai cũng có tiền đi học. Nhiều gia đình nghèo khó con em không thể đến trường. Tuy nhiên, cơ hội theo học vẫn có. Họ chỉ cần theo những phép tắc nhất định - những phép tắc biểu hiện đậm nét của sự tôn sư trọng đạo mà không quá câu nệ vào vật chất. Chẳng hạn, trước khi cho con đến theo học, cha mẹ sắm một mâm lễ bái lạy tổ tiên, mong con học hành sáng dạ, đỗ đạt. Sau đó, gia đình có một “lễ mọn”, mang tính chất “lòng thành” dâng lên thầy. Tỏ lòng thành kính “tôn sư trọng đạo”, nhiều gia đình còn gửi gắm con mình theo học và ở luôn bên nhà thầy. Một năm chỉ về thăm nhà vài lần. Thỉnh thoảng, gia đình trò lại gửi biếu thầy ít gạo nếp, hoặc mớ rau, con cá như một thông điệp bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới công lao to lớn của thầy. Thời gian ở nhà thầy, học trò không chỉ học chữ nghĩa mà quan trọng phải tu dưỡng bản thân, rèn nhân cách sống. Có thể nói, đạo trò xưa không chỉ rất khiêm nhường, tôn kính người thầy của mình, mà còn có trách

nhiệm, nghĩa vụ rất lớn lao. Khi ra đường, gặp thầy phải ngả mũ nón và vòng tay chào; lúc thầy già yếu, các đồng môn phải lo sắm cỗ thọ đường (áo quan) ... Phải thừa nhận nền giáo dục phong kiến có nhiều điểm còn hạn chế, nhưng do lấy tư tưởng đạo đức của Nho giáo làm nền tảng cơ bản nên đã tạo ra một lớp học trò trọng nhân nghĩa và sống có đạo lý, rất “tôn sư trọng đạo”. “Tôn sư trọng đạo” còn thể hiện ở việc kính thầy. Kính thầy là một phong tục có giá trị nhân văn sâu sắc. Kính thầy thường vào dịp đầu xuân - Tết nguyên đán. Học trò xa gần náo nức rủ nhau tới chúc tết, thăm hỏi sức khỏe gia đình thầy. Dân gian có câu: “Mồng một tết cha, mồng hai tết mẹ, mồng ba tết thầy” cũng vì lẽ đó. Mỗi quan hệ thầy - trò tượng trưng cho nét đẹp văn hóa ứng xử của nhân dân Việt Nam. Người thầy như điểm sáng trí tuệ sưởi ấm tâm hồn học trò. Tìm trong lịch sử dân tộc ta có biết bao bậc thầy vĩ đại, cả đời tận trung vì dân vì nước. Cuộc sống của họ thanh bần mà được người đời ca tụng, lưu danh muôn thuở. Vậy mới có một thầy Chu Văn An (1370), sẵn sàng từ bỏ áo mũ, quan tước, dâng sớ lên triều đình xin chém đầu 7 kẻ quyền thần. Một thầy Đồ Chiểu mù hai mắt nhưng cả đời kiên trung, không chịu khuất phục trước sức mạnh xâm lược của ngoại bang... Ý thức “tôn sư trọng đạo” của dân tộc ta thật đa dạng, chứa đựng tính nhân bản tình người. Minh chứng cho điều này, chúng ta ngược thời gian trở về các làng nghề truyền thống. Nhiều phường nghề, phố nghề ở Thăng Long được bắt đầu từ một số thợ thủ công trong các làng nghề ở nông thôn. Họ di cư lên đô thị lập thương điểm, cửa hiệu làm ăn, dần dà hình thành nên những phường nghề, phố nghề nơi kinh thành. Tuy sống và làm việc tại thành thị, nhưng họ vẫn có quan hệ mật thiết với quê hương. Ngày giỗ tổ, không ước hẹn nhưng tất cả cùng đồng tâm tụ họp về chốn cũ quê xưa để tưởng nhớ tới vị thầy đã truyền nghề cho họ. Trong sâu thẳm tâm thức mỗi người, đó là việc làm ghi lòng tạc dạ công ơn của lớp hậu sinh tới bậc tiền bối - người thầy sáng lập ra nghề và truyền lại cho hậu thế. Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chính sách nhằm ưu tiên cho phát triển giáo dục, coi trọng giáo dục là quốc sách hàng đầu. Cho phép đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Chủ trương đưa đất nước phát triển tiến lên bằng nền kinh tế tri thức. Nền giáo dục của Nhà nước ta đã chọn lấy ngày 20 tháng 11 hằng năm làm ngày Nhà giáo Việt Nam. Đây có thể xem như là một biểu tượng đẹp cho truyền thống “tôn sư trọng đạo” của dân tộc Việt Nam...

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hiểu thế nào là truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Một nét đẹp của văn hóa Việt Nam? Trình bày những suy nghĩ của bản thân về truyền thống này trong nhà trường và trong xã hội hiện nay

“Tôn sư, trọng đạo” là một trong những truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Truyền thống đó tự bao đời đã kết tinh thành đạo lý của người Việt Nam. Từ những “thầy đồ” - người thầy giáo làng với triết lý “thanh bần” - “nghèo nhưng trong sạch”, “giấy rách luôn giữ lấy lề” thanh cao, tao nhã chốn làng quê xưa kia đến các Nhà giáo, các giáo sư, tiến sĩ ngày nay học vấn uyên thâm đều luôn được các học trò của mình và toàn xã hội trọng vọng. “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” (“một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy”) đủ nói lên sự kính trọng tuyệt đối của toàn dân ta với các thầy cô giáo. Chiếu theo các lễ nghi chính tắc của đạo Khổng, vị trí người thầy đã được xác định ở đẳng cấp thứ hai trong xã hội: “Quân - Sư - Phụ”. Trong sự trọng vọng của xã hội, người Thầy chỉ đứng sau Vua và đứng trên cả Cha đẻ của mỗi người. Trong dân gian, dân ta có rất nhiều ca dao, thành ngữ, tục ngữ gần gũi, thiết thực và sống động hơn, thể hiện sự tôn vinh tri thức, kính trọng người thầy: Muốn sang thì bắc cầu kiều Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy. Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy Gắng công mà học có ngày thành danh. Khuyến chàng đọc sách ngâm thơ Dầu cạn thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu. Và đây, một số thành ngữ, tục ngữ điển hình: “Không thầy đố mày làm nên” - tuy mộc mạc nhưng thực sự đề cao tri thức và vị trí người thầy. “Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy” - đơn giản nhưng chất chứa chiều sâu vô bờ bến của những người con hiếu thảo, những người trò giỏi giang. “Lạy lục khúm núm không bằng ghi tạc lời thầy” - khuyến rằng chịu khó học hỏi, ghi tạc lời thầy thì sẽ có được sự hiểu biết, từ đó giúp ta tự tin trong cuộc sống, không phải khúm núm, sợ sệt kẻ khác. “Cha muốn con hay, thầy muốn trò khá” - Cha cũng như Thầy, đều mong muốn con mình, học trò của mình giỏi giang. “Trâu kén cỏ trâu gầy, trò kén thầy trò” - nhắc nhở học trò hãy miệt mài học tập, chớ có nhất thời bột phát chê thầy... Trên thực tế, truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo đã đi vào trong cuộc sống của dân tộc ta, đã len lỏi trong từng gia đình và trở thành một thuần phong mỹ tục của xã hội Việt Nam. Vì vậy, để tri ân các thầy cô giáo, chính thức ghi nhận vị trí người thầy giáo trong xã hội hiện đại, ngày 28/9/1982, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) nước ta đã ra Quyết định

số 167/HĐBT lấy ngày 20/11 hàng năm là Ngày Nhà giáo Việt Nam. Nghề dạy học là một nghề vô cùng cao quý. Dưới ánh hào quang của ánh sáng mặt trời, không có nghề nào cao quý bằng nghề dạy học. Trong tâm thế ấy, nhân ngày lễ trang trọng này của các nhà giáo, chúng ta trân trọng chúc mừng và cảm ơn tất cả các thầy cô giáo đã, đang và sẽ luôn luôn dẫn thân trong sự nghiệp trồng người, góp phần thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) có suy nghĩ như thế nào về sự thành công và sự thành đạt

Dàn ý Mở bài: Khái quát về sự thành công và thành đạt trong đời sống Thân bài + Khái niệm về sự thành công và thành đạt trong cuộc sống và quan niệm riêng của bản thân + Sự thành công đôi khi phải đánh đổi bằng một vật thay thế + Sự thành công với mỗi người + Ý nghĩa của thành công với mọi người Kết bài: Cảm nhận chung về hai yếu tố thành công và thành đạt

Văn Mẫu Lớp 10 - Bài tỏ ý kiến của em về câu nói sau: Thói dối trá là biểu hiện của sự suy thoái đạo đức xã hội

Ý chính trong bài: a. Giải thích: - Thế nào là dối trá; suy thoái về đạo đức. - Dối trá là không trung thực, không thành thật, nói và làm không thống nhất với nhau nhằm một mục đích không tốt đẹp. - Suy thoái về đạo đức là không tuân theo những chuẩn mực đạo đức mà xã hội quy định, là sự suy sụp và băng hoại về đạo đức. Ví dụ : sống bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo; “khẩu phật tâm xà”; không tôn trọng luật pháp... b. Bàn luận: - Vì sao nói dối trá là biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức trong đời sống xã hội? + Làm cho mọi người nhìn nhận vấn đề không đúng với bản chất theo ý đồ của mình (dẫn chứng). + Làm cho mọi chuẩn mực không được nhìn nhận đúng (dẫn chứng). + Gây ra nhiều tác hại nguy hiểm về đạo đức, làm cho cuộc sống không ổn định (dẫn chứng). + Tạo ra sự đau khổ và căm ghét trong lòng người khác khi họ biết mình bị dối trá (dẫn chứng). - Làm thế nào để ngăn chặn thói dối trá trong xã hội: + Từ trong gia đình, nhà trường, xã hội phải tôn trọng mọi chuẩn mực về đạo đức đã được quy định. + Bản thân mỗi người phải ý thức dối trá được hôm nay không dối trá được mãi mãi. + Tuy nhiên đôi khi có những lời nói dối “nhân đạo”. Ví dụ : không nói với người bệnh khi họ bị bệnh nan y hoặc khi muốn dấu đi một sự thật có thể gây nguy hiểm cho người khác. c. Mở rộng: - Sống trung thực là biểu hiện cao đẹp nhất của người có nhân cách. - “Vương quốc của những người nói dối rộng khắp thế gian” chúng ta cần kiên trì, bình tĩnh và có bản lĩnh khi sống chung với những người nói dối, kiên quyết đấu tranh để loại bỏ thói nói dối. - Khẳng định “Thói dối trá là biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức trong đời sống xã hội”. - Nêu bài học về nhận thức và hành động của bản thân

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về Tình yêu học đường, vai trò mạng xã hội

Dàn bài: Mở bài: Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề (hiện tượng yêu sớm ở tuổi học sinh) => bạn tự khai thác thêm ý Thân bài: - Khái niệm: yêu đương tuổi học sinh là gì? (là hiện tượng phổ biến hiện nay.... các học sinh khác giới thường hẹn hò không lành mạnh, có những tình cảm không tốt vượt quá mức bạn bè....=> tự thêm ý) - Biểu hiện? - Phân tích mặt đúng sai, lợi hại của hiện tượng - Bày tỏ thái độ khen, chê đối với hiện tượng? - nêu nguyên nhân? Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề (yêu đương tuổi học sinh là không tốt)

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội: Bàn về vấn đề: Sửa mình

Ý chính trong bài: 1. Trò chuyện với người bạn tin cậy Đôi khi, chúng ta không nhận thấy những điểm còn thiếu sót của mình. Đó là lúc bạn cần một người bạn tin cậy, dám thẳng thắn góp ý cho bạn. Hãy thật sự chân thành khi hỏi họ những vấn đề tế nhị mà bạn thật sự muốn biết, như: Tôi có lúc nào cư xử bất lịch sự với mọi người không? Cách nói chuyện của tôi có quá gay gắt không? Tôi có nói to quá không? Tôi có hay làm phiền anh không? Bạn đừng ngại khi nghe bạn mình nhận xét, cũng đừng phản bác lại ngay theo kiểu “Làm gì đến mức ấy” hay “Tôi là vậy đấy!”. Hãy thoải mái, cởi mở vì mình đang trong quá trình tự hoàn thiện bản thân và trưởng thành hơn trong suy nghĩ. Ngoài ra, bạn cũng có thể góp ý với bạn mình, để giúp người đó thay đổi tốt hơn. 2. Suy nghĩ tích cực Bạn đừng bao giờ nghĩ mình là kẻ thất bại, mà hãy tích cực hơn trong cách nhìn nhận. Đơn giản như việc xem những người mẫu nam trên ti-vi rất cơ bắp trong những bộ vest hào nhoáng. Thay vì mặc cảm với bản thân thì hãy nghĩ đến việc tập thể dục, ăn kiêng hoặc làm bất cứ gì tích cực để cải thiện sức khỏe. Nếu trong công việc hiện tại, bạn chưa thành công, hãy tôi luyện cho mình ý chí kiên định, khả năng phân tích sắc bén và phát triển nghề nghiệp. Bạn biết không, sự tự tin và thái độ tích cực sẽ giúp bạn tiến bộ rất nhanh trong quá trình hoàn thiện mình. 3. Rút kinh nghiệm từ sai lầm Ai cũng có thể sai lầm, dù trong bất cứ lĩnh vực nào. Thế nên, việc bạn phạm một sai lầm nào đó là hoàn toàn bình thường, bởi thành công rất khó xảy ra nếu chỉ sau một, hai lần trải nghiệm. Đó là quá trình tự nhiên để con người phát triển. Đừng trách cứ bản thân rồi cam chịu với lối suy nghĩ “Mình sẽ chẳng bao giờ làm được gì”. Thay vào đó, bạn hãy tìm hiểu thật kỹ nguyên nhân của sai lầm trong quá khứ, thay đổi cách làm, học hỏi và thực hành nhiều hơn. Từng bước, bạn sẽ thấy mình cư xử khéo léo và kết quả công việc tốt dần lên trong những lần sau. 4. Đừng nôn nóng Bạn có hay rơi vào trường hợp này không: vừa đọc xong cuốn sách của một tỉ phú hay hội thảo của một người thành công, cơ thể bạn tràn đầy năng lượng và muốn lao ngay ra ngoài để kiếm tiền? Tốt hơn hết, hãy dừng ngay suy nghĩ “thành công trong một đêm” đó lại. Hoàn thiện bản thân là một quá trình dài. Một cuốn sách, vài giờ hội thảo hay những câu chuyện thành công chỉ tóm tắt lại hành trình đó. Hãy nhớ rằng, những vĩ nhân đã dành rất nhiều năm cuộc

đời và vượt qua rất nhiều khó khăn mới đạt được thành công. Vì vậy, hãy bình tâm và tập trung hoàn thành từng công việc của bạn, thay vì rối lên khi phải giải quyết quá nhiều thứ một lúc. Đừng vội lao theo những kết quả chớp nhoáng. Sự chín muồi về tính cách bên trong và những trải nghiệm cuộc sống sẽ giúp bạn thành công về lâu dài.

5. Luôn đặt mục tiêu và theo kế hoạch Sau khi đã xác định điểm mạnh, yếu của bản thân, bạn cần đặt ngay cho mình mục tiêu để rèn luyện, trong tất cả các mặt của cuộc sống. Nếu không có mục tiêu và kế hoạch khả thi để thực hiện, bạn sẽ “thả trôi” bản thân và mãi không tiến bộ được. Cuộc sống của bạn sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các mục tiêu này được thiết lập một cách rõ ràng. Nó sẽ mang lại cho bạn động lực mỗi buổi sáng và hy vọng về một kết quả với những thay đổi tích cực.

6. Thân thiện Trên con đường phát triển bản thân, hãy xây dựng cho mình những mối quan hệ tốt đẹp. Hãy chào hỏi và thật tâm khen ngợi những người bạn, đồng nghiệp của mình. Tương tự, bạn có thể giúp người thân đối mặt với những khó khăn đang gặp phải, nhưng đừng để khó khăn của họ đánh gục bạn. Hãy giúp họ tự mình giải quyết mọi việc và tự đứng trên đôi chân của chính họ. Rồi bạn sẽ thấy mọi người và chính bạn vui vẻ và thân thiết hơn thế nào! Chúng ta sống để trải nghiệm tất cả những thăng trầm của cuộc sống. Khi gặp khó khăn không nản lòng, luôn suy nghĩ tích cực, luôn biết mình đang ở đâu, muốn đến đâu và tạo dựng những mối quan hệ gắn bó... là những cách cơ bản để hoàn thiện bản thân. Chúc bạn luôn vững vàng trong từng bước đi và đạt được những thành công vượt bậc!

Văn Mẫu Lớp 10 - “Tha thứ là món quà ta dành cho người nhưng tha thứ cũng chính là món quà ta dành cho mình” Từ ý kiến trên, anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự tha thứ

Mở bài: Giới thiệu sự tha thứ trong cuộc sống - Dẫn đến câu nói ha thứ là món quà ta dành cho người nhưng tha thứ cũng chính là món quà ta dành cho mình Thân bài: - Sự tha thứ là gì? - Sự tha thứ là món quà ta dành cho mọi người => mở rộng tấm lòng chia sẻ yêu thương và bỏ qua lỗi lầm - Sự tha thứ là món quà cho chính bản thân mình => khi ta tha thứ cho lỗi lầm của ai đó ta như tự cởi trói cho chính bản thân mình giúp cho tâm hồn thanh thản hơn và cảm thấy dễ chịu - Sự tha thứ trong cuộc sống trong tình bạn với bản thân mình Kết bài: Ý nghĩa của sự tha thứ và lời nhắn nhủ với mọi người

Văn Mẫu Lớp 10 - Có ý kiến cho rằng: “Tha thứ là món quà ta dành cho người nhưng tha thứ cũng chính là món quà ta dành cho mình” Từ nhận định trên, em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự tha thứ

Cuộc sống là chuỗi ngày mỗi con người tự hoàn thiện mình. Mỗi ngày là một bài học vô giá ta nhận được từ cuộc sống. Quá trình hoàn thiện mình chính là gạt bỏ đi từng cái xấu và vun đắp thêm từng cái tốt dù rất nhỏ. “Vị tha” là phẩm chất chúng ta cần rèn luyện. “Ích kỉ” là điều mỗi người nên tìm cách gạt bỏ. Vậy thật ra thế nào là vị tha, thế nào là ích kỉ? Vị tha là chăm lo một cách vô tư đến người khác, vì người khác mà hy sinh lợi ích, hạnh phúc của cá nhân mình. Ích kỉ nghĩa là chỉ hành động vì lợi ích riêng của mình. Người có lòng vị tha là người biết nghĩ đến người khác, biết tha thứ cho những lỗi lầm của họ. Trong khi người ích kỉ chỉ biết nghĩ đến mình. Họ luôn đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả. Và dĩ nhiên kẻ ích kỉ sẽ không dễ tha thứ nếu ai đó làm tổn thương mình. Chúng ta biết “nhân vô thập toàn”. Đã là người ai lại không có một lần phạm phải sai lầm. Nếu mọi lỗi lầm đều không được tha thứ thì mối quan hệ giữa người với người trên thế giới này sẽ như thế nào? Vị tha là một phẩm chất không thể thiếu để thắt chặt sợi dây thân ái giữa mọi người. Và ích kỉ là kẻ thù hùng mạnh nhất của lương tâm. Tại sao lại nói như vậy? Trong mỗi con người, ai ai cũng tồn tại lòng ích kỉ. Người mạnh sẽ có khả năng đóng cũi sắt con “quỷ” ích kỉ đó. Người yếu kém sẽ để nó tung hoành tác oai tác quái. Nhưng chiếc “cũi sắt” nhốt lòng ích kỉ làm bằng “lương tâm” và “ý chí”. Nếu con người không giữ vững được lương tâm và ý chí của mình thì lòng ích kỉ có thể thoát ra bất cứ lúc nào. Vì thế nên mới nói ích kỉ là kẻ thù hùng mạnh nhất của lương tâm. Mac-đen đã từng nói: “Tính ích kỉ là nguyên nhân của mọi sự tàn ác”. Từ việc chỉ biết có bản thân, người ta dễ dàng lầm lạc bước vào con đường tội lỗi. Lúc đó họ không còn biết gì đến mọi người xung quanh. Thế mới thấy, ích kỉ thật là đáng sợ. Không chỉ ảnh hưởng đến người xung quanh mà lòng ích kỉ còn làm hại chính người... “nuôi dưỡng” nó. Nó giống như ngọn gió sa mạc làm khô héo tất cả. Khô héo tâm hồn ta và khô héo tình cảm người khác dành cho ta nữa. “Nếu là con chim chiếc lá Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh Lẽ nào vay mà không có trả Sống là cho đâu chỉ phải chỉ riêng mình” (Tố Hữu) Con người sinh ra

là để sống với cộng đồng. Kẻ ích kỉ chỉ biết lo cho bản thân sẽ không thể tồn tại hay “chết” theo cách nghĩ nào đó mà Huy-gô đã từng nói: “Kẻ nào vì mình mà sống thì vô tình kẻ ấy đã chết đối với người khác”. Nói cách khác, không phải họ đang sống mà đơn giản chỉ là tồn tại. “tồn tại” chỉ thật sự nâng lên thành “sống” khi nó được bao bọc bởi tình yêu thương. Những kẻ ích kỉ liệu có được mọi người yêu mến, quý trọng? Vị tha là “người” đứng bên kia chí tuyến với lòng ích kỉ. Người vị tha luôn nhìn người khác bằng cái nhìn của lòng nhân từ, tình thương yêu. Họ luôn đặt mình vào vị trí của đối phương để hiểu và cảm nhận tình cảm vui buồn của những con người đó. Trước hết cần nói rằng sống cho vị tha chính là tự tôn trọng mình như Vê Bá đã từng nói “Khoan dung, vị tha, bác ái là cái nền để kính mình”. Để tha thứ và tỏ ra bao dung với người khác không phải dễ. Đơn giản hơn nghĩa là ai cũng biết đó là một điều tốt nhưng không phải tất cả đều làm được. Nó đòi hỏi người ta những phẩm chất nhất định. Có lẽ vì vậy mà Han-đa-rơ gọi những ai biết tha thứ là “những con người dũng cảm”. Như đã nói ở trên thì học cách sống cho vị tha không phải dễ. Nhưng để tha thứ cho kẻ thù của mình lại càng khó gấp bội. Khi ta tỏ ra bao dung trước tội lỗi của kẻ thù chính là ta đang tự chiến thắng bản thân mình. “Tha thứ là bông hoa thượng hạng của chiến thắng” (Arixtot) Người chưa từng biết tha thứ cho kẻ thù thì chưa từng nếm một trong những thú vui tuyệt trần của thế gian. Khổng Tử dạy rằng “tiên trách kỉ, hậu trách nhân” (trước hãy trách mình, sau mới trách người khác). Người sống vị tha thường xét mình một cách nghiêm khắc và xét người khác một cách nhân ái, bao dung. Khắc khe với chính mình cũng là một trong những cách tiêu diệt lòng ích kỉ và xây dựng tính vị tha. Ta tưởng tượng lòng vị tha giống như một khu vườn. “Vị tha” trong suy nghĩ là đất, “vị tha” trong lời nói là hoa và “vị tha” trong việc làm là quả. Từ lúc vun trồng cho tới khi ra hoa kết quả, lòng vị tha phải trải qua quá trình nuôi dưỡng lâu dài. Đồng thời cũng nên nhớ rằng người ta chỉ thật sự tha thứ khi học được cách để quên. Cũng như một cái cây làm sao có thể phát triển xanh tươi nếu mảnh đất nuôi lớn nó quá cằn cỗi. Vì thế khi nói rằng “Tôi có thể tha thứ nhưng tôi không thể quên” chỉ là một biến thể của câu “Tôi không thể tha thứ”. Tuy nhiên, việc gì cũng có giới hạn nhất định. Cái gì “quá” cũng không tốt. Vị tha không có nghĩa là hy sinh một cách mù quáng, nhắm mắt bỏ qua tất cả mọi tội lỗi. Đó gọi là ngu ***. Hành động vị tha phải dựa trên sự dẫn dắt của lí trí. Ích kỉ cũng như vậy. Nói nó xấu không có nghĩa là bản thân chúng ta không được phép nghĩ cho riêng mình mà hãy nghĩ cho mình trên cơ sở lợi ích của người khác. Trước những thử thách của cuộc sống ta cần phân

định rõ đâu là ranh giới giữa đúng và sai. Từ đó lựa chọn cho mình một cách cư xử phù hợp. Phẩm chất thì không có chuẩn mực. Mỗi người phải có toà án lương tâm để định hướng cho hành động của mình. Nghĩ tới người khác không đồng nghĩa với việc tự lãng quên bản thân. Biết bảo vệ quyền lợi cá nhân không có nghĩa là đạp đổ hạnh phúc của người khác. Vị tha và ích kỉ cần áp dụng và hạn chế cho phù hợp. Làm được điều đó cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn. Nhắc đến vị tha và ích kỉ, tôi lại nghĩ về câu nói: “Thêm một chút vị tha và vớt đi một phần ích kỉ sẽ thấy cuộc sống là màu hồng”...

Văn Mẫu Lớp 10 - Tục ngữ có câu “Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư”. Em hãy hóa thân mình làm người con để kể lại câu chuyện

Từ xưa, truyền thống của Á Đông là con cái phải thương yêu, hiếu kính, vâng lời cha mẹ. Vì thế ông cha ta đã có câu: “Cá không ăn muối cá ươn. Con cãi cha mẹ trăm đường con hư”, Đấng sinh thành của mình, đã khổ cực nuôi mình khôn lớn, đã trải nghiệm, đi qua cuộc đời nhiều hơn nên cha mẹ có kinh nghiệm sống, những bài học quý giá truyền trao cho con cái, mà những kinh nghiệm, bài học đó đáng lẽ mình phải đi qua nhiều thất bại mới biết được nó. Vậy “cá ăn muối” là gì? Là cá ướp, thấm muối. “Cá ươn” là gì? Là cá chết, thịt đã biết chất, có mùi hôi. Vậy “Cá không ăn muối cá ươn. Con cãi cha mẹ trăm đường con hư” nghĩa là con cái không nghe lời dạy bảo đúng đắn của cha mẹ là con hư, khó có thể nên người cũng như cá không ăn muối, cá ươn. Con cái phải biết kính trọng, vâng lời cha mẹ mới trọn đạo làm con. Vì cha mẹ là những người từng trải, nhiều kinh nghiệm sống và bao giờ cũng mong con nên người. Vì vậy những lời dạy bảo, khuyên nhủ của cha mẹ là rất cần thiết, quý báu với chúng ta vì vậy chúng ta nên nghe theo. Trong xã hội buộc chúng ta sống sao cho xứng đáng, “kéo mang tai mang tiếng”. Bởi vì: “Con dại thì cái mang” hay “Mũi dại thì lá chịu đòn”. Người mình dù nhỏ, hay lớn, lỡ làm sai phạm điều gì, bậc làm cha mẹ vẫn bị mang tiếng, bị xã hội chê cười. Do vậy ngay từ thuở bé, con cái luôn cần sự dạy dỗ của cha mẹ, và khi đến trường được sư dìu dắt của thầy cô về đạo đức và giáo dục. Nhớ lại hồi còn nhỏ ở nhà, lúc nào cũng nghe ông bà biểu phải vâng lời cha mẹ, đi đến đâu cũng nghe người lớn biểu phải vâng lời, đến trường thầy giáo cũng biểu phải vâng lời. Lớn lên ta lập gia đình, khi làm cha, làm mẹ, ta tiếp tục dạy con phải vâng lời kể từ khi con còn chập chững biết đi, mới bập bẹ gọi cha, gọi mẹ, đến khi con cái khôn lớn, trưởng thành... Mỗi lần cãi lời ông bà, cha mẹ thì bị phạt quỳ gối, có khi bị cúi đầu khoanh tay xoay mặt vô vách, thậm chí có khi bị đòn nữa. Khi vâng lời, ngoan ngoãn thì được thưởng cho ăn, cho quà, cho đi chơi... Tại sao phải vâng lời cha mẹ? Nay đọc lại thấy ông cha nói rất nghĩa: “Cha mẹ là người đã trải việc đời, biết rõ được điều hơn lẽ thiệt”. Vậy cha mẹ có dặn bảo điều gì ta phải nghe lời. Cha mẹ là người đi trước, có kinh nghiệm từng trải, có hiểu biết hơn ta, cha mẹ là ông

thầy giáo, con cái phải vâng lời cha mẹ. Bởi vì :”Cá không ăn muối cá ươn”. Quả không sai,” cá không ăn muối ắt phải ươn”. Câu cách ngôn này xuất hiện trong bối cảnh Việt Nam ta ngày xưa, thời không có tủ đá, không có tủ lạnh như bây giờ. “Cá” và “muối” rất gần gũi với người mình, nên đối với tuổi trẻ, dễ tạo ấn tượng, có tác động giáo dục cao. Người xưa không dùng hình ảnh trừu tượng hay ước lệ, hoặc lý luận ... nên câu cách ngôn “ Cá không ăn muối cá ươn”, dễ được học trò tuổi trẻ chấp nhận.“ Cá không ăn muối cá ươn”, ông cha ta viết tiếp : ”Con cãi cha mẹ trăm đường con hư”. Nhưng còn một số người không vâng lời hay cãi cha mẹ bất hiếu, lễ phép với cha mẹ sẽ bị mọi người khinh thường, không được ai giúp đỡ. Mỗi khi đọc lại chuyện kể vua Tự Đức có lần bị mẹ là bà Từ Dũ phạt. Ai trong chúng ta không thần phục gương hiếu hạnh và vâng lời của vua Tự Đức.Trong phần tiểu dẫn, Luận Lý Giáo Khoa Thư kể câu chuyện giữa Bính và Đình, có đoạn Đình nói :”Cha mẹ tôi dạy tôi câu gì thì lúc vắng mặt, cũng như lúc có mặt, tôi chẳng dám sai lời”. Là ông bà, cha mẹ ai không sung sướng, vui mừng nếu nghe con cháu mình nói được như bé Đình trong Luận Lý Giáo Khoa Thư. Bất chợt rẽ lên mái tóc bạc, nhận ra chúng ta đều ở tuổi “tri thiên mạng” cả, nhưng vẫn còn có cái ước mơ được ngồi bên mẹ, bên cha để nghe lời từ tốn dạy ta rằng: ”Tài bất thắng đức.Tiền tài như phấn thổ, cha ăn mặn, con khát nước... ” Trong chúng ta, ai cũng có ít nhất một lần cãi cha cãi mẹ, thậm chí đối cha mẹ nữa .Nhưng đó cũng chính là bài học quý giá cho mỗi chúng ta về giá trị của sự “Vâng lời cha mẹ” là như thế nào.Vâng lời cha mẹ không dừng lại ở giá trị luân lý, hay ở lý do là vì cha mẹ từng trải nhiều kinh nghiệm mà còn là tình thương của con cái đối với cha mẹ .Chúng ta, hồi còn nhỏ chăm chỉ học hành, lớn lên đi làm việc luôn giữ gìn đạo đức, không dám vi phạm điều xấu bởi lẽ chúng ta thương cha thương mẹ, sợ làm cha mẹ buồn. Nay đọc lại câu ca dao: “Cá không ăn muối cá ươnl, con cãi cha mẹ trăm đường con hư”. Chúng ta cảm thấy thật thấm thía biết bao. Cha mẹ là người nuôi lớn ta dạy cho ta điều hay lẽ phải bảo vệ ta. Vì thế chúng ta phải biết kính trọng, vâng lời, học giỏi không cãi và nói dối để cha mẹ vui lòng và được mọi người yêu mến.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tục ngữ có câu “Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư”. Hãy hóa thân mình làm người con để kể lại câu chuyện

Cá không ăn muối cá ươn, Con cãi cha mẹ trăm đường con hư! Mỗi gia đình của người Việt mình là một đơn vị của xã hội, trong khi ở Âu Mỹ thì cá nhân là đơn vị của xã hội (?) Gia đình Việt Nam là một “xã hội nhỏ” trong đó mọi thành viên ràng buộc nhau bằng sợi dây huyết thống; còn ở ngoài xã hội các thành viên bị trói buộc nhau bằng pháp luật. Trong gia đình, các thành viên, ông bà, cha mẹ, con cái vẫn còn sợi dây vô hình khác kết nối nhau giữ cho được ổn định, bền vững. Đó là nề nếp gia phong, một thứ ước lệ bất thành văn. Nhờ cái gia phong đó mà chúng ta ăn ở, sống với nhau có trên có dưới, biết nhường nhịn, chia cơm xẻ áo, nâng đỡ nhau. Cái gia phong đó buộc chúng ta sống sao cho xứng đáng, “kèo mang tai mang tiếng”. Bởi vì : - Con dại thì cái mang, hay - Mũi dại thì lái chịu đòn Người mình dù nhỏ, hay lớn, lỡ làm sai phạm điều gì, bậc làm cha mẹ vẫn bị mang tiếng, bị xã hội chê cười Do vậy ngay từ thuở bé, con cái luôn cần sự dạy dỗ của cha mẹ, và khi đến trường được sự dìu dắt của thầy cô về luân lý và đức dục. Vâng lời cha mẹ. Nhớ lại hồi còn nhỏ ở nhà, lúc nào cũng nghe ông bà biểu phải vâng lời cha mẹ; đi đến đâu cũng nghe người lớn biểu phải vâng lời; đến trường thầy giáo cũng biểu phải vâng lời Lớn lên ta lập gia đình, khi làm cha, làm mẹ, ta tiếp tục dạy con phải vâng lời kể từ khi con còn chập chững biết đi, mới bập bẹ gọi cha, gọi mẹ, đến khi con cái khôn lớn, trưởng thành Mỗi lần cãi lời ông bà, cha mẹ thì bị phạt quì gối, có khi bị cúi đầu khoanh tay xoay mặt vô vách, thậm chí có khi bị đòn nữa. Khi vâng lời, ngoan ngoãn thì được thưởng cho ăn, cho quà, cho đi chơi \Tại sao phải vâng lời cha mẹ ? Nay đọc lại thấy Luân Lý Giáo Khoa Thư cắt nghĩa : Cha mẹ là người đã trải việc đời, biết rõ được điều hơn lẽ thiệt. Vậy cha mẹ có dặn bảo điều gì ta phải nghe lời. À, té ra là như thế ! ! ! Cha mẹ là người đi trước, có kinh nghiệm từng trải, có hiểu biết hơn ta, cha mẹ là ông thầy giáo, con cái phải vâng lời cha mẹ. Bởi vì : Cá không ăn muối cá ươn Quả không sai, cá không ăn muối ắt phải ươn. Câu cách ngôn này xuất hiện trong bối cảnh Việt Nam ta ngày xưa, thời không có tủ đá, không có tủ lạnh như bây giờ. “Cá” và “muối” rất gần gũi với người mình, nên đối với tuổi trẻ, dễ tạo ấn tượng, có tác giáo dục cao. Người xưa

không dùng hình ảnh trừu tượng hay ước lệ, hoặc lý luận \nên câu cách ngôn “ Cá không ăn muối cá ươn”, dễ được học trò tuổi trẻ chấp nhận . Nói về muối, nhớ ngày xưa dân mình ăn muối hột, sau đó thì mới có muối bột trắng và mịn. Nhưng ướp cá, làm dưa thường dùng muối hột vì độ mặn cao. Muối xứ mình là loại muối biển, làm từ nước biển ở Bạc Liêu, Cà Mau, Bà Rịa, Vũng Tàu (1) \Sang Mỹ chúng ta ăn muối lấy ở hầm mỏ, như muối hiệu “Morton Salt” thường bán ở các chợ. Trở lại từ câu “ Cá không ăn muối cá ươn”, tác giả Luân Lý Giáo Khoa Thư viết tiếp : Con cái cha mẹ trăm điều con hư. Tới đây hồi tưởng lại lúc ôm gói ra tỉnh vào học lớp nhì (Cours Moyen I,II) (2), xa gia đình tuổi còn ham chơi, chưa biết gì \nhớ lời mẹ dặn, chăm chỉ học hành . Lúc ấy chỉ sợ “sai một li, đi một dặm”\ mà luôn luôn giữ mình, đề nén ham muốn, sợ làm mẹ buồn, sợ làm mất tiếng, hư hỏng gia phong, mang tai mang tiếng\ Ông bà mình vẫn biết rằng : Con hơn cha là nhà có phúc. Nhưng đó thuộc về kiến thức trường lớp, chuyên môn ... thì xưa nay con cái phần nhiều, vượt trội hơn cha mẹ là bình thường. Dừng ở đây để nói đến việc ngày trước, cha mẹ thường định việc hôn nhân cho con cái, nên dạy rằng : Áo mặc sao qua khỏi đầu Thoạt nghe khó chấp nhận được, vì độc đoán, thiếu tôn trọng con cái (?) ... Nhưng lùi về xã hội ta ngày xưa, thời xã hội nông nghiệp đóng kín, kinh tế tự túc, con người quanh quẩn trong xóm làng nếu không thế thì làm sao ? Lấy ai mà định hôn nhân cho con ? Ngày nay thực sự mà nói, ở gia đình, con cái biết vâng lời cha mẹ, khi lớn lên nếu không “nên suốt đời” thì cũng khó mà hư hỏng được lắm . Phong hóa thay đổi , nhưng câu cách ngôn : “Áo mặc sao qua khỏi đầu” vẫn có phần giá trị, mặc dầu con cái ngày nay hằng ngày mặc T-Shirt trông qua khỏi đầu cả ! ! ! Giá trị ở chỗ nào ? Giá trị ở chỗ ý nghĩa câu nói, nó nhắc con cái chúng ta về “Bài học vâng lời” vì cha mẹ có kinh nghiệm hơn ta. Mỗi khi đọc lại chuyện kể vua Tự Đức (3) có lần bị mẹ là bà Từ Dũ phạt Ai trong chúng ta không thán phục gương hiếu hạnh và vâng lời của vua Tự Đức. Trong phần tiểu dẫn, Luân Lý Giáo Khoa Thư kể câu chuyện giữa Bính và Đình, có đoạn Đình nói : Cha mẹ tôi dặn tôi câu gì thì lúc vắng mặt, cũng như lúc có mặt, tôi chẳng dám sai lời. Là ông bà, cha mẹ ai không sung sướng, vui mừng nếu nghe con cháu mình nói được như bé Đình trong Luân Lý Giáo Khoa Thư. Bất chợt rẽ lên mái tóc bạc, nhận ra chúng ta đều ở tuổi “tri thiên mạng” cả, nhưng vẫn còn có cái ước mơ được ngồi bên mẹ, bên cha để nghe lời từ tốn dặn ta rằng : Tài bất thắng đức. Tiền tài như phấn thổ, Cha ăn mặn, con khát nước Trong chúng ta, ai cũng có ít nhất một lần cãi cha cãi mẹ, thậm chí dối cha mẹ nữa Nhưng đó cũng chính là bài học quý giá cho mỗi chúng ta về giá trị của sự

“Vâng lời cha mẹ” là như thế nào. Vâng lời cha mẹ không dừng lại ở giá trị luân lý, hay ở lý do là vì cha mẹ từng trải nhiều kinh nghiệm mà còn là tình thương của con cái đối với cha mẹ . Chúng ta, hồi còn nhỏ chăm chỉ học hành, lớn lên đi làm việc luôn giữ gìn đạo đức, không dám vi phạm điều xấu bởi lẽ chúng ta thương cha thương mẹ, sợ làm cha mẹ buồn. Nay đọc lại bài học vâng lời cha mẹ : Cá không ăn muối cá ươn Con cãi cha mẹ trăm đường con hư. Lòng bùi ngùi thương cha thương mẹ. Nhưng tiếc thay không còn song thân để mà vâng lời nữa

Văn Mẫu Lớp 10 - “Tôi đang sống những ngày cuối đời... sống hoài sống phí” (lời của 1 bệnh nhân AIDS). Hãy kể lại câu chuyện của nhân vật trên bằng hư cấu tưởng tượng của mình

Đề bài: “Tôi đang sống những ngày cuối đời. Căn bệnh AIDS đang hoành hành và giết chết dần sự sống của tôi. Đến bây giờ tôi thấy cuộc sống thật đáng quý và tiếc cho những thời gian trước đây tôi sống hoài sống phí” (lời của 1 bệnh nhân AIDS) Hãy kể lại câu chuyện của nhân vật trên bằng hư cấu tưởng tượng của mình Bài làm: Trên vỉa hè đường Đồng Khởi (quận 1, TP HCM) có hai người nhiễm HIV đã phát triển thành AIDS đang nằm chờ chết. Mắt họ lờ đờ, da bọc xương, áo quần rách rưới. Có người chép miệng, nếu bỏ lên cân chắc cả hai cộng lại được 50 kg là cùng. Một trong hai bệnh nhân trên tên là P.V.K., 52 tuổi. Năm 1975, ông rời quê Nam Định vào Sài Gòn bán phở. Cuộc sống của gia đình ông gặp cảnh khó khăn. Vợ ông K. vượt biên, để lại cho chồng đứa con nhỏ. Buồn khổ, ông trở lại Nam Định và đi bước nữa. Cuộc hôn nhân lần hai cho ông thêm một cháu trai, một gái. Rồi để chạy trốn cái nhọc nhằn nơi quê, lại nhớ cái phóng khoáng trời Nam, ông bỏ vào Sài Gòn lần nữa. Lần này, ông làm “cố vấn” cho các tiệm phở chứ không có vốn mở tiệm riêng, mỗi ngày kiếm được 50 nghìn đồng. Đúng lúc cuộc sống bắt đầu dễ thở hơn thì ông phát hiện vợ ngoại tình. Còn ông thì mắc hết bệnh lao đến suyễn. Quá tuyệt vọng, ông K. lao vào con đường hút chích từ 5 năm nay... Lý giải về việc tại sao không vào các trung tâm cai nghiện, ông nói: “Trước khi chọn nơi này làm điểm dừng chân cuối của cuộc đời mình tôi đã suy nghĩ kỹ rồi. Trên thì miệng lở loét không ăn uống gì được. Dưới thì cứ tiêu chảy dài dài, bại hoại như vậy ai dám nuôi nấng mình nữa? Thôi thì cứ ra đây, được tự do đón nhận khí trời, nghe, nhìn thấy cuộc sống đang náo nhiệt trôi qua trước mắt, rồi chết lúc nào thì chết”. Ông cũng mong muốn những bạn trẻ đi qua đây nhìn thấy thân thể bị tàn phá của mình sẽ biết sợ mà đừng lao vào con đường nghiện ngập. “Tôi không muốn chết” Bên kia đường, còn có một nạn nhân khác cũng tiêu tụy không kém ông K. đang nằm vật vã, bụng dính vào lưng, hai cẳng chân gầy như chân vạc. Mùi hôi thối bốc lên. Một lũ kiến vàng đang bu lại quanh cái thân thể xẹp lép khẳng khiu. Tên ông là N.V.B., 50 tuổi, quê Hải Phòng, vào làm nghề thợ sơn ở Cà Mau. Ông kể: “Tôi nghĩ mình bị nhiễm bệnh này từ năm 1990, năm cơn bão tàn phá miền

Tây, bão cuốn trôi cả vợ và con gái. Tôi quá tuyệt vọng, bỏ lên thành phố và bắt đầu hút chích từ đó. Bây giờ mỗi ngày bệnh càng nặng hơn...”. Thịnh thoảng, ông lại kêu thất thanh với những người qua đường: “Cô ơi, làm ơn xin cho tôi được vào Nhà thương Chợ Quán nằm. Tôi... không... muốn... chết!”. Ông B. kể, ông đã xin chữa bệnh và nằm điều trị ở một số nơi, nhưng là kẻ tứ cố vô thân, bệnh lại vào giai đoạn cuối, chẳng ai dám nhận. Ngay cả những người dẹp lòng lề đường cũng chẳng dám “thu gom”. Còn một số đơn vị thì chắc lại phải đợi lập kế hoạch, đợi “chiến dịch” làm luôn một thể. Lời kết Ngày 6/5, ông N.V.B. đã chết, không một người bà con họ hàng. Chỉ có ông K. người bạn đồng cảnh ngộ bên kia đường chống nạng lết qua tiễn biệt. Ông K. ngồi nhìn cái thi thể trần trần một lúc, rồi dốc nốt mớ tiền lẻ rách nát mua nải chuối để lên bụng người đã chết. Buổi tối, người ta đem xe đến mang ông B. đi hỏa táng ở nghĩa trang Bình Hưng Hoà theo diện vô thừa nhận

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Thần tượng của tuổi học trò trong xã hội hiện nay

Ý chính trong bài: - Thần tượng là hình mẫu lí tưởng, mô thức hoàn hảo trong lĩnh vực nghệ thuật mà người hâm mộ muốn học hỏi, noi theo và tiếp nối. Họ tạo nên những xu hướng mới lạ và khi đó người hâm mộ sẽ noi theo, bắt chước giống như thần tượng của mình. - Ai cũng có một thần tượng để noi theo và học hỏi. Không phải chỉ có lứa tuổi học trò hay tuổi mới lớn mới tìm cho mình một thần tượng. Trong cuộc sống, phải có chuẩn mực để biết hướng đến, vươn lên, hoàn thiện bản thân. - Thần tượng của giới trẻ ngày nay có thể là các ca sĩ, nghệ sĩ, diễn viên điện ảnh... Với những người khác đang phải đối mặt với nhiều chật vật lo toan, hoặc ai đó có ý chí vươn lên trong cuộc sống thì thần tượng của họ sẽ là một người gần gũi như cha, mẹ, những người xung quanh, xa hơn nữa sẽ là những tấm gương vượt lên số phận, hoặc những bậc vĩ nhân. - Mỗi người trong cuộc sống đều có mục đích và lý tưởng riêng của mình, vậy cũng nên có một thần tượng để noi theo và vươn tới. Quan điểm của tôi, không phủ nhận có những người thái quá theo đuổi thần tượng và bắt chước thần tượng như hiện tượng đang xảy ra lúc gần đây. Tuy nhiên, đó chỉ là một hiện tượng tuổi trẻ chưa chín chắn, không phổ biến trong xã hội hiện nay. - Hiểu đúng về thần tượng, có nghĩa là lấy những mặt tốt của họ ra làm chuẩn mực để mà vươn tới, noi theo,

Văn Mẫu Lớp 10 - Đề bài: Nghị luận về nguồn nước

Đất nước ta đang trên đường phát triển. Thành tựu về kinh tế, văn hoá, xã hội; tình hình an ninh, quốc phòng; đối nội, đối ngoại là thật đáng tự hào. Đảng và nhà nước đang có nhiều chủ trương để đảm bảo đất nước phát triển bền vững. Song, bên cạnh những gì đáng tự hào, chúng ta cũng thật xót xa khi được biết vấn đề môi trường của đất nước đang có những dấu hiệu không tốt. Điều đáng quan tâm nhất là hiện tượng ô nhiễm môi trường nước. Những ngày gần đây, trên báo chí và phương tiện thông tin đại chúng đã thông tin về hiện tượng “Hiện nay, trên đất nước ta có những dòng sông đã chết và những dòng sông đang kêu cứu”. Đây không chỉ là hiện tượng đáng suy nghĩ mà còn là vấn đề cần hết sức quan tâm. Hiện tượng trên đất nước ta có những dòng sông đã chết và những dòng sông đang kêu cứu là một thực tế. Báo Việt nam net (5.10.08) phản ánh “Sông Thị Vải đã trở thành dòng sông chết. Và hiện nay, sông Dinh ở TP Vũng Tàu cũng đang hấp hối. Theo phản ánh của nhiều người nuôi bè hàu trên sông Dinh, đoạn thuộc phường 12, TP Vũng Tàu (gần cầu Cỏ May), từ chiều 2/1/2008, bắt đầu xuất hiện hiện tượng cá, tôm chết, và lượng cá, tôm chết đã tăng thêm rất nhiều trong những ngày gần đây... Hiện nước trên sông Thị Vải đã trở nên đen đặc, hôi thối nồng nặc. .Không chỉ sông Thị Vải, sông Dinh mà còn rất nhiều con sông khác đang kêu cứu “Sông Đồng Nai : Ô nhiễm vi sinh và dầu mỡ rõ rệt, ô nhiễm kim loại nặng, pheno,; Sông Sài Gòn: Mức độ ô nhiễm là nghiêm trọng . Sông Cầu: Chất lượng nước các sông thuộc lưu vực ngày càng xấu đi, nhiều đoạn sông đã bị ô nhiễm tới mức báo động. Ô nhiễm cao nhất là đoạn sông Cầu chảy qua địa phận thành phố Thái Nguyên” (Trích báo cáo môi trường Nước Việt Nam tháng 12. 2007). Ở Quảng Nam, dòng sông Trường Giang đã chết dần do chất thải từ các bãi khai thác vàng đã từng được báo chí địa phương kêu cứu liên tục trong mùa hè vừa qua là hiện thực gần nhất . Rõ ràng, có biết bao dòng sông thơ mộng đã sống trong thơ, trong nhạc, họa một thời hiện đang chết, đang hấp hối và đang kêu cứu! Vậy những nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng những dòng sông Việt Nam đã chết và đang kêu cứu như đã nói ở trên? Trả lời câu hỏi này thật không khó. Song chúng ta cần suy xét cho đầy đủ, sâu sắc. Có thể nói, nguyên nhân chính là con người, những con người vì lợi ích của mình đã bằng nhiều cách tạo nên sự ô nhiễm, dẫn đến cái chết của

biết bao dòng sông. Dòng sông Thị Vải chết từ sự ngọt ngào vô cảm của những người chủ Ve dan. Vì lời nhuận, họ đã trở thành người vô trách nhiệm đã giết chết dần một dòng sông. Sự ô nhiễm môi trường nước ở sông Nhuệ - sông Đáy bắt đầu từ đâu nếu không phải do sự ra đời và hoạt động của các khu công nghiệp, khu khai thác và chế biến, các tụ điểm dân cư ... Không nên đổ lỗi cho mặt trái của quá trình phát triển, mà phải nói ngay rằng, con người chúng ta đang giết chết dần những dòng sông của đất nước. Nói con người cũng cần thấy nguyên nhân từ sự phát triển kinh tế không bền vững, cách nhìn nhận về vai trò của môi trường nước chưa thật đúng đắn. Các cơ quan nhà nước đã chưa làm việc có hiệu quả trong việc bảo vệ môi trường. Sự quản lý bằng luật bảo vệ môi trường còn yếu kém. Rõ ràng, muốn bảo đảm đời sống con người nhất định phải quản lý tốt môi trường. Cần nghiêm khắc nhìn nhận về nguyên nhân này mới có thể cứu sống những dòng sông.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cách làm bài văn nghị luận xã hội về một câu chuyện... Văn 10

A/ Điểm chung I/ Loại: Cả 3 dạng nghị luận về một tư tưởng, đạo lý; nghị luận về một hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học đều thuộc loại bài nghị luận xã hội. II/ Thao tác: Các dạng bài nghị luận xã hội đều vận dụng chung các thao tác lập luận là giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận. Ba thao tác cơ bản nhất là giải thích, chứng minh, bình luận. 1/ Giải thích a/ Mục đích: Hiểu b/ Các bước: - Làm rõ vấn đề được dẫn trên đề. Nếu vấn đề thể hiện dưới dạng là một câu trích dẫn khá nổi tiếng nào đó hoặc một ý tưởng do người ra đề đề xuất, người viết cần lần lượt giải nghĩa, làm rõ nghĩa của vấn đề theo cách đi từ khái niệm đến các vế câu và cuối cùng là toàn bộ ý tưởng được trích dẫn. Khi vấn đề được diễn đạt theo kiểu ẩn dụ bóng bẩy thì phải giải thích cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của từ ngữ. Nếu vấn đề là một hiện tượng đời sống, người viết cần cho biết đó là hiện tượng gì, hiện tượng đó biểu hiện ra sao, dưới các hình thức nào (miêu tả, nhận diện)... Làm tốt bước giải nghĩa này sẽ hiểu đúng vấn đề, xác định đúng vấn đề (hoặc mức độ) cần giải thích để chọn lí lẽ cần thiết. Trong quan niệm làm văn truyền thống, bước này được xem là bước trả lời câu hỏi là gì. - Tìm hiểu cơ sở của vấn đề: Trả lời tại sao có vấn đề đó (xuất phát từ đâu có vấn đề đó). Cùng với phần giải nghĩa, phần này là phần thể hiện rất rõ đặc thù của thao tác giải thích. Người viết cần suy nghĩ kĩ để có cách viết chặt chẽ về mặt lập luận, lô gíc về mặt lí lẽ, xác đáng về mặt dẫn chứng. Trong quan niệm làm văn truyền thống, bước này được xem là bước trả lời câu hỏi tại sao. - Nêu hướng vận dụng của vấn đề: Vấn đề được vận dụng vào thực tiễn cuộc sống như thế nào. Hiểu nôm na, phần này yêu cầu người viết thể hiện quan điểm của mình về việc tiếp thu, vận dụng vấn đề vào cuộc sống của mình như thế nào. Trong quan niệm làm văn truyền thống, bước này được xem là bước trả lời câu hỏi như thế nào **Lưu ý: - Nên đặt trực tiếp từng câu hỏi (LÀ GÌ, TẠI SAO, NHƯ THẾ NÀO) vào đầu mỗi phần (mỗi bước) của bài văn. Mục đích đặt câu hỏi: để tìm ý (phần trả lời chính là ý, là luận điểm được tìm ra) và cũng để tạo sự chú ý cần thiết đối với người đọc bài văn. Cũng có thể không cần đặt trực tiếp ba câu hỏi (LÀ GÌ, TẠI SAO, NHƯ THẾ NÀO) vào bài làm nhưng điều quan trọng là khi viết,

người làm bài cần phải có ý thức mình đang lần lượt trả lời từng ý, từng luận điểm được đặt ra từ ba câu hỏi đó. -Tuỳ theo thực tế của đề và thực tế bài làm, bước NHƯ THẾ NÀO có khi không nhất thiết phải tách hẳn riêng thành một phần bắt buộc. 2/ Chứng minh a/ Mục đích: Tin b/ Các bước: - Xác định chính xác điều cần chứng minh, phạm vi cần chứng minh. - Dùng dẫn chứng trong thực tế cuộc sống để minh hoạ nhằm làm sáng tỏ điều cần chứng minh, phạm vi cần chứng minh. 3/ Bình luận a/ Mục đích: Đồng tình b/ Các bước: - Nêu, giải thích rõ vấn đề (hiện tượng) cần bình luận. - Dùng lí lẽ và dẫn chứng (chủ yếu là lí lẽ) để khẳng định giá trị của vấn đề hoặc hiện tượng (giá trị đúng hoặc giá trị sai). Làm tốt phần này chính là đã bước đầu đánh giá được vấn đề (hiện tượng) cần bình luận. - Bàn rộng và nhìn vấn đề (hiện tượng) cần bình luận dưới nhiều góc độ (thậm chí từ góc độ ngược lại) để có cái nhìn đầy đủ hơn. - Khẳng định tác dụng, ý nghĩa của vấn đề trong cuộc sống hiện tại. B/ Nét riêng I. Dạng nghị luận về một tư tưởng, đạo lí 1. Loại: Thuộc loại bài nghị luận xã hội. 2. Đề tài: - Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống, mục đích học tập...). - Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, lòng vị tha, lòng bao dung, lòng độ lượng; tính trung thực, tính cương quyết, tính hoà nhã, tính khiêm tốn, tính ích kỉ...). - Về quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em...). - Về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...). 3. Về cấu trúc triển khai tổng quát: - Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (hiểu vấn đề cần nghị luận là gì). - Phân tích những mặt đúng, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề bàn luận. - Nêu ý nghĩa của vấn đề (bài học nhận thức và hành động về tư tưởng, đạo lí). 4. Một số đề tham khảo từ sách chuẩn và nâng cao: - Tình thương là hạnh phúc của con người. - “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động” Ý kiến trên của M.Xi-xê-rông (nhà triết học La Mã cổ đại) gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân? - Hãy phát biểu ý kiến của mình về mục đích học tập do UNESCO đề xướng: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”. - Suy nghĩ của em về triết lí sau: “Đừng xin người khác con cá, mà hãy tìm học cách làm cần câu và cách câu cá”. - Trả lời câu hỏi điều tra của nhà bác học Hantơn, nhà bác học Đacuyn nói về kinh nghiệm thành công của mình như sau: “Tôi nghĩ rằng tất cả những gì có giá trị một chút, tôi đều đã thu nhận được bằng cách tự học.” Bình luận câu nói trên. Anh, chị có suy nghĩ gì về con đường học tập sắp tới của mình? - “Nếu đứa trẻ dừng dừng với những gì đang diễn ra trong trái tim của người bạn, người anh em, của bố mẹ mình hoặc của bất cứ một đồng bào nào mà em gặp, nếu đứa trẻ không biết đọc trong mắt người khác

điều đang xảy ra trong trái tim người đó thì đứa trẻ chẳng bao giờ trở thành con người chân chính.” Em hãy bày tỏ ý kiến của mình về nhận định trên của nhà sư phạm Xukhômliński. - Bình luận danh ngôn: “Tiền mua được tất cả, trừ hạnh phúc.” - Trong thư gửi thanh niên và nhi đồng cả nước nhân dịp Tết 1946, Bác Hồ viết: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân, một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội.” Hãy giải thích và nêu suy nghĩ của em về lời dạy của Bác. - Giải thích câu nói của Gorki: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới.” - Đồng chí Lê Duẩn có nói: “Cái gốc của đạo đức, của luân lý là lòng nhân ái.” Em hiểu câu nói đó như thế nào? - Nhà thơ Pháp La Fonten (La Fontaine) có nói : «Tính ích kỉ là thuốc độc giết chết tình bạn» Hãy bình luận câu nói trên. - Suy nghĩ của em về câu danh ngôn: “Một người bạn chân thành là một người bạn tốt”. - Một nhà giáo dục đã nêu một quan niệm như sau: Con đường từ nhà đến trường của mỗi người học sinh tuy khác nhau nhưng nơi đến ở cuối mỗi con đường ấy đều giống nhau: ở đó, có một ngôi trường đầy tình thân và sự san sẻ. Trình bày suy nghĩ của em về quan niệm đó. - Phê phán thái độ thờ ơ, ghẻ lạnh đối với con người cũng quan trọng và cần thiết như ca ngợi lòng vị tha, tình đoàn kết. Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên? - Suy nghĩ của anh (chị) về câu nói: “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.” (Nguyễn Bá Học) - Phải chăng, “Bạn là người đến với ta khi mọi người đã bỏ ta đi.”? - “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống.” (Lép Tôn - xtôi) Anh (chị) hãy nêu suy nghĩ về vai trò của lí tưởng nói chung và trình bày lí tưởng riêng của mình. - Phải chăng “Cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời. Sự mất mát lớn nhất là bạn để cho tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống.”? (Noóc-man Ku-sin, theo “Những vòng tay âu yếm – NXB Trẻ, 2003). - Tiền tài và hạnh phúc. - “Có ba điều làm hỏng một con người: rượu, tính kiêu ngạo và sự giận dữ.” Anh, chị suy nghĩ như thế nào về ý kiến đó? II/ Dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống 1/ Loại: Thuộc loại bài nghị luận xã hội. 2. Đề tài: Những hiện tượng tốt hoặc chưa tốt cần được nhìn nhận thêm. - Chấp hành luật giao thông ở nông thôn. - Hiến máu nhân đạo - Nạn bạo hành trong gia đình - Phong trào thanh niên tiếp sức mùa thi - Cuộc vận động giúp đỡ đồng bào hoạn nạn - Cuộc đấu tranh chống nạn phá rừng - Những tấm gương người tốt việc tốt - Nhiều bạn trẻ quên nói lời xin lỗi khi mắc lỗi - Nhiều bạn trẻ quên nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ - ... ** Lưu ý: Nên quy thành từng cụm đề tài nhỏ như dạng bài NLVMTT, ĐL để dễ nhận diện: - Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống,

mục đích học tập...). - Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, lòng vị tha, lòng bao dung, lòng độ lượng; tính trung thực, tính cương quyết, tính hoà nhã, tính khiêm tốn, tính ích kỉ...). - Về quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em...). - Về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...). 3. Về cấu trúc triển khai tổng quát: - Nêu rõ hiện tượng. - Nêu nguyên nhân. Phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại. - Bày tỏ thái độ, ý kiến về hiện tượng xã hội đó. 4. Một số đề tham khảo: - Hiện nay, ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp. Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng đó. - Về hiện tượng ngày càng có nhiều người rời bỏ quê hương để đi xa về các thành phố lớn. - Về hiện tượng nhiều người trong lớp trẻ hôm nay lạnh nhạt với âm nhạc truyền thống. - ... III/ Dạng nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học 1. Loại: Thuộc loại bài nghị luận xã hội. 2. Đề tài: Một vấn đề xã hội có ý nghĩa sâu sắc nào đó đặt ra trong tác phẩm văn học, * Vấn đề xã hội có ý nghĩa có thể lấy từ hai nguồn: tác phẩm văn học đã học trong chương trình hoặc một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn mà học sinh chưa được học. 3. Về cấu trúc triển khai tổng quát: a/ Phần một: Phân tích văn bản (hoặc nêu văn tắt nội dung câu chuyện) để rút ra ý nghĩa của vấn đề (hoặc câu chuyện). b/ Phần hai (trọng tâm): Nghị luận (phát biểu) về ý nghĩa của vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm văn học (câu chuyện). 4. Một số đề tham khảo từ sách chuẩn và nâng cao: - Từ đoạn trích vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ, nghĩ về niềm hạnh phúc khi được sống thực với mình và với mọi người. - Đọc văn bản “Hoa hồng tặng mẹ”: Nêu suy nghĩ của anh (chị) từ ý nghĩa của câu chuyện “Hoa hồng tặng mẹ”. “Con cò mà đi ăn đêm, Đâu phải càn mề, lộn cổ xuống ao. Ông ơi, ông vớt tôi nao! Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng. Có xáo thì xáo nước trong, Đừng xáo nước đục, đau lòng cò con” Từ bài ca dao, hãy bàn về vấn đề lẽ sống của con người Việt Nam. - Từ tiểu thuyết “Mùa lá rụng trong vườn” của nhà văn Ma Văn Kháng, hãy bàn về mối quan hệ giữa gia đình và xã hội. - Từ truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của nhà văn Nguyễn Minh Châu, nghĩ thêm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trong bức thư gửi thầy hiệu trưởng của con mình, Tổng thống Mĩ A. Lin - còn viết: “Ở trường, xin thầy hãy cho cháu biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi”

Ý chính trong bài: - Dẫn dắt, nêu đúng yêu cầu của đề: bàn luận về đức tính trung thực trong thi cử và trong cuộc sống. - Trình bày thực trạng thiếu trung thực: + Trong thi cử, hiện tượng gian lận ngày càng phổ biến về đối tượng, tinh vi về hình thức, nghiêm trọng về mức độ. + Trong cuộc sống, sự gian dối thiếu trung thực cũng rất phổ biến từ gia đình đến xã hội, với mọi lứa tuổi... Điều đó làm ảnh hưởng tới đạo đức xã hội, phần nào làm đổ vỡ niềm tin của con người vào những giá trị tốt đẹp, cản trở sự phát triển bền vững của đất nước. - Sự cần thiết của việc giáo dục, rèn luyện đức tính trung thực trong thi cử và trong cuộc sống: + Trung thực là ngay thẳng, thật thà, đúng với sự thật, không làm sai lệch đi. không gian dối, thể hiện đúng trình độ năng lực của mình.... + Trung thực đánh giá đúng hiệu quả giáo dục, giúp cho người học, người dạy, các cơ quan quản lí nắm đúng thực trạng để đề ra các biện pháp phù hợp. + Trung thực là một trong những đức tính nền tảng của đạo đức con người, xây dựng một xã hội văn minh, thân thiện, đáng tin cậy... - Biện pháp để giáo dục tính trung thực: + Cần có sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và xã hội... + Cần xử lí nghiêm với những biểu hiện thiếu trung thực, gian dối + Cần biểu dương những tấm gương trung thực, dám đấu tranh với những biểu hiện gian dối. - Liên hệ rút ra bài học với bản thân.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trong lớp anh/ chị có một số bạn gặp khó khăn trong đời sống nên chệnh mảng trong việc học tập. Các bạn đó thường mượn câu tục ngữ “Cái khó bó cái khôn” để tự biện hộ. Theo anh/ chị, nên hiểu và vận dụng câu tục ngữ này như thế nào

Cuộc sống luôn không là một vườn hoa hồng, và dẫu có là hoa hồng thì cũng nhiều gai nhọn. Bởi trong cuộc sống lúc nào chẳng gặp khó khăn. Ngày xưa thường nghe câu tục ngữ: “Cái khó ló Cái khôn”. Chắc cũng không cần phải làm một bài văn phân tích câu nói này, nhưng hãy xét đến yếu tố cần để câu này thành kết quả. Điều thứ nhất, yếu tố chủ quan là người gặp khó này là người kiên trì, có nghị lực, bình tĩnh và sáng suốt, vâng, tốt nữa nếu anh ta thông minh. Điều thứ hai, yếu tố khách quan là hoàn cảnh tạo nên cái khó. Đây lại là điều quan trọng, đặt biệt trong cuộc sống hiện nay. Một yếu tố cũng quan trọng là phân biệt cái khó, ở đây mình không chia nhỏ ra, cứ đi thẳng đến kết quả nếu cái khó được giải quyết thì bạn sẽ được quyền lợi gì, tinh thần hay vật chất. (dĩ nhiên có lúc đạt cả hai, nhưng mình cứ chia theo dạng cho dù được nhưng cái nào nặng hơn). Bây giờ mình xét về nguồn gốc câu nói, đây là câu tục ngữ, nghĩa là từ ngày xưa, do Cha Ông truyền lại. Vậy ngày xưa khác ngày nay sao, ngày xưa ngày nay con người đều phải sống, cái khác nhau cơ bản nhất đang hình thành rõ rệt là những vòng tròn cuộc sống đan lồng nhau, liên quan nhau không còn vì tình cảm, tinh thần như ngày xưa nữa mà vì quyền lợi, vì vật chất. Thế thì, ngày xưa đúng là “Cái khó ló cái khôn”, hoàn cảnh xã hội ít nhiều hỗ trợ cho cái khôn được thực thi. Ngày nay, có vẻ “ló” thành “bó” mất. Cái khó bó cái khôn chẳng, vì cái khó ngày nay trăm chiều, cái khó ngày nay mang tính khách quan khá cao. Người ta vẫn cố gắng, vẫn có những sự sống bền bỉ, nhưng khó phát thành ngọn lửa to. Với tốc độ cuộc sống cái khó ngày nay tạo một khoảng cách khá lớn, rõ rệt hơn giữa đối tượng gặp khó và đối tượng không khó, hướng chỉ đến đối tượng gặp dễ. Cái khó ngày nay xuất phát từ những lý lợi cuộc đời, con người cố vượt khỏi những lý lợi đó cũng đã mạnh mẽ lắm. Vượt cái khó ngày nay để được sống, chứ chưa đủ để thành cái khôn, hay đúng hơn, những cái khó đã làm người ta vướng víu, đa đoan ... ôm tròn, đôi lúc siết chặt cuộc sống, ...bó cái khôn mất rồi. Thực tế phũ phàng hay cái nhìn quá bi quan vậy. Ừ thì “cái khó vẫn ló cái khôn, ... mà khôn lỏi”. Trong

cuộc sống mà ít nhiều tự thân vận động, ít nhiều cần sự khéo khôn, cuộc sống mà từ “mềm dẻo” trở thành phải biết thì cái khôn thành khôn lỏi mất rồi. Đọc truyện ngắn “Con Rắn Ri Voi” của nhà văn Sơn Nam, cái thời loạn lạc mà dân Nam đồn xuống vùng Tây Nam Bộ lập sống và khẩn hoang, nghiệm thấy cái khôn lỏi mà cười. Truyện kể một thương buôn người Hoa muốn mua da con rắn ri voi đem dìa SanhCaBo để thuộc làm bóp đầm. Dân mừng như hạn gặp mưa, mà da rắn mắc rẻ mua theo bề ngang, cái nào dưới tất thì loại. Dân mình buộc đuôi rắn, thổi hơi vô cho da nó căng ra, miếng nào miếng nấy bề ngang lớn dữ. Rồi thì cũng bán ...nhưng chỉ một mùa. Người ta nói vì da rắn xứ mình mỏng quá, người ta chê, may lên bóp đầm bị rách, cái khôn lỏi này chỉ ăn xôi ở thì. Cái dạng này ngày nay đâu đó vẫn gặp, nhưng dân mình đối với dân mình mua Nem bị quá nhiều lá, mua Cá hay Mực bị độn sinh sa... chỉ còn chua xót. Người ta tự bơi, đường không thông, không phẳng, đôi khi còn gặp sự trướng ngại của xã hội, thì cái khôn được nẩy sinh để đối phó, để tránh, để lách. Rồi những va chạm đôi lúc làm trầy xước, đôi lúc rướm máu, thậm trí mất mát xảy ra... Nhưng cũng có những “lách” trở thành “luồn” thì cái khôn chỉ còn chữ “lỏi”, cái khó cộng cái tham biến người ta thành “lỏi”. Đã là cái lỏi thì lại dẫn đến lòng tin; mà lòng tin giữa người và người còn mất thì còn gì mà tin nữa. “Lỏi” ừ thì “lỏi”, lỏi được mấy lần, được mấy thời rồi cũng mất.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Tai nạn giao thông đang là một vấn nạn hiện nay. Em có biện pháp gì để giảm thiểu vấn nạn đó

Mở bài - Dẫn dắt vào đề - Nêu vai trò của giao thông với con người - Là học sinh cần làm gì để giảm thiểu tai nạn giao thông Thân bài: Tai nạn giao thông là gì? là tai nạn do các phương tiện tham gia giao thông gây nên: đường bộ, đường thủy, đường sắt... trong đó phần lớn các vụ tai nạn đường bộ. - Thực trạng của việc tai nạn giao thông hiện nay - Nguyên nhân: - Khách quan: Cơ sở vật chất, hạ tầng còn yếu kém; phương tiện tham gia giao thông tăng nhanh; do thiên tai gây nên... - Chủ quan: + Ý thức tham gia giao thông ở một số bộ phận người dân còn hạn chế, đặc biệt là giới trẻ, trong đó không ít đối tượng là học sinh. + Xử lý chưa nghiêm minh, chưa thỏa đáng. Ngoài ra còn xảy ra hiện tượng tiêu cực trong xử lý. Hậu quả: gây tử vong, tàn phế, chấn thương sọ não... Theo số liệu thống kê của WHO (Tổ chức y tế thế giới) : Trung bình mỗi năm, thế giới có trên 10 triệu người chết vì tai nạn giao thông. Năm 2006, riêng Trung Quốc có tới 89.455 người chết vì các vụ tai nạn giao thông. Ở Việt Nam con số này là 12,300. Năm 2007, WHO đặt Việt Nam vào Quốc gia có tỉ lệ các vụ tử vong vì tai nạn giao thông cao nhất thế giới với 33 trường hợp tử vong mỗi ngày. Tai nạn giao thông đang là một quốc nạn, tác động xấu tới nhiều mặt trong cuộc sống: - Tai nạn giao thông ảnh hưởng lâu dài đến đời sống tâm lý: Gia đình có người thân chết hoặc bị di chứng nặng nề vì tai nạn giao thông ảnh hưởng rất lớn tới tinh thần, tình cảm; tai nạn giao thông tăng nhanh gây tâm lý hoang mang, bất an cho người tham gia giao thông. - Tai nạn giao thông gây rối loạn an ninh trật tự: kẹt xe, ùn tắc giao thông; kẻ xấu lợi dụng móc túi, cướp giật... - Tai nạn giao thông gây thiệt hại không lồ về kinh tế bao gồm: chi phí mai táng cho người chết, chi phí y tế cho người bị thương, thiệt hại về phương tiện giao thông về hạ tầng, chi phí khắc phục, chi phí điều tra... - Tai nạn giao thông làm tiêu tốn thời gian lao động, nhân lực lao động: Tai nạn giao thông làm kẹt xe, ùn tắc GT dẫn đến trễ giờ làm, giảm năng suất lao động; Tai nạn giao thông làm chết hoặc bị thương ảnh hưởng đến nguồn lực lao động xã hội. Giảm thiểu tai nạn giao thông là là yêu cầu bức thiết, có ý nghĩa lớn đối với toàn xã hội. Thanh niên, học sinh cần làm những gì để góp phần giảm thiểu Tai nạn giao thông ? Vì sao lại đặt vai trò cho tuổi trẻ, vì tuổi trẻ là đối tượng tham gia

giao thông phức tạp nhất cũng là đối tượng có nhiều sáng tạo và năng động nhất có thể góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. **ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP:** - Tuyên truyền cho mọi người biết tác hại và hậu quả nghiêm trọng của Tai nạn giao thông. - Tự giác nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ an toàn giao thông khi tham gia giao thông. - Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật giao thông. Cùng giương cao khẩu hiệu ” Nói không với phóng nhanh vượt ẩu”, ” An toàn là bạn, tai nạn là thù”... - Thành lập các đội thanh niên tình nguyện xuống đường làm nhiệm vụ. - Phát hiện và báo cáo kịp thời với các cơ quan đoàn thể nơi gần nhất những trường hợp vi phạm an toàn giao thông - Về phía trường học, cần phát động và giáo dục kịp thời những trường hợp học sinh vi phạm. - Về phía chính quyền, cần xử lí thật nghiêm minh hơn nữa những trường hợp vi phạm. **Kết bài:** - Tai nạn giao thông là vấn đề ngang giải hiện nay của đất nước và toàn thế giới

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Tìm hiểu về lá cờ Tổ quốc

Đôi lúc có những gì quá gần gũi với chúng ta nhưng thực chất chúng ta không hề hay biết, cũng như không thể giải thích được tại sao, vì chúng ta chỉ là giọt nước biển giữa đại dương bao la. Cho dù chế độ xã hội này quyền tự do dân chủ vẫn chưa đến được với tất cả mọi người, có rất nhiều nỗi bất bình trước những thực tế cuộc sống,... Nhưng chúng ta vẫn phải biết tự hào về dân tộc anh hùng Việt Nam của chúng ta, đó chính là sự thực không thể nào thay đổi được. Đừng bao giờ nhìn nhận vấn đề bởi cặp mắt phiến diện. Hi vọng rằng với những ý nghĩa này sẽ hữu ích đến mọi người. Quốc kỳ Việt Nam hiện nay, còn gọi là Cờ đỏ sao vàng, có ngôi sao vàng năm cánh đặt giữa nền đỏ hình chữ nhật. Chiều rộng lá cờ bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Năm đỉnh của ngôi sao nằm trên một đường tròn có tâm ở chính giữa lá cờ và bán kính bằng $\frac{1}{3}$ chiều rộng ($\frac{2}{9}$ chiều dài) lá cờ. Lá cờ này thể hiện ý tưởng màu đỏ nền cờ tượng trưng dòng máu đỏ, màu vàng ngôi sao tượng trưng da vàng, và năm cánh tượng trưng cho sự đoàn kết các tầng lớp bao gồm sĩ, nông, công, thương, binh trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Lá cờ này xuất hiện lần đầu tiên tại Khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940, và sau đó trở thành lá cờ của Việt Minh. Sau khi Việt Minh giành được chính quyền, ngày 2 tháng 9 năm 1945, cờ đỏ sao vàng chính thức xuất hiện trong buổi lễ Tuyên bố độc lập tại quảng trường Ba Đình. Nó được công nhận là quốc kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa theo sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Hồ Chí Minh ngày 5 tháng 9 năm 1945, và được Quốc hội khóa 1 năm 1946 khẳng định lại. Trong cuộc họp Quốc hội khóa I quy định cụ thể về quốc kỳ ngày 2 tháng 3 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Lá cờ đỏ sao vàng đã thấm máu đồng bào ta trong Nam Kỳ khởi nghĩa 1940. Chính lá cờ này đã cùng phái đoàn Chính phủ đi từ châu Á sang châu Âu, từ châu Âu về châu Á; cờ đã có mặt trên khắp đất nước Việt Nam. Vậy thì trừ 25 triệu đồng bào, còn không ai có quyền thay đổi quốc kỳ và quốc ca”. . Năm 1976, sau khi Việt Nam thống nhất, Quốc hội Việt Nam khóa VI đã lấy cờ đỏ sao vàng, quốc kỳ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, làm quốc kỳ của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, với vài thay đổi nhỏ so với mẫu cờ nguyên thủy. Một giả thuyết cho rằng Nguyễn Hữu Tiến, một nhà cách mạng được giao nhiệm vụ thể hiện. Sau nhiều lần phác thảo ông đã cho ra lá cờ nền đỏ chính giữa có

ngôi sao vàng. Chiều rộng lá cờ bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Ngôi sao ở mẫu nguyên thủy hơi khác ngôi sao trên quốc kỳ Việt Nam hiện nay. 5 đỉnh của ngôi sao nằm trên đường tròn có tâm tại chính tâm lá cờ và bán kính $\frac{1}{5}$ chiều dài lá cờ ($\frac{3}{10}$ chiều rộng). 5 đỉnh còn lại của hình đa giác thể hiện ngôi sao nằm trên đường tròn đồng tâm và bán kính bằng $\frac{1}{10}$ chiều dài lá cờ. Nguyễn Hữu Tiến đã sáng tác một bài thơ về lá cờ: “Hỡi những ai máu đỏ da vàng Hãy chiến đấu với cờ thiêng tổ quốc Nền cờ thắm máu đào vì đất nước Sao vàng tươi da của giống nòi Đứng lên mau hồn nước gọi ta rồi Hỡi Sĩ - công - nông - thương - binh Đoàn kết lại như sao vàng năm cánh.” Mẫu cờ được ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa gồm Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ... chuẩn y ngay sau đó. Ngày 23 tháng 11 năm 1940, cuộc khởi nghĩa nổ ra, nhưng nhanh chóng bị thất bại. Nguyễn Hữu Tiến bị bắt và bị quân Pháp giết ngày 28 tháng 8 năm 1941 cùng các đồng chí của ông như Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai. Trước lúc hy sinh, ông đã để lại bài thơ, trong đó có câu: “Anh em đi trọn con đường nhé Cờ đỏ sao vàng sáng tương lai.” Giả thuyết thứ hai mới đặt lại vấn đề tác giả quốc kỳ trong thời gian gần đây: ông Lê Quang Sô. Trong công văn số 1393/VHTT-BTCM do Thứ trưởng Bộ Văn hóa - thông tin Lưu Trần Tiêu ký ngày 18 - 4 - 2001 có ghi: “Tất cả các nguồn tài liệu hiện có tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, tại Viện Lịch sử Đảng trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh đều không có tài liệu nào chứng minh đồng chí Nguyễn Hữu Tiến là người vẽ lá cờ Tổ quốc”. Ngày 5 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh ký sắc lệnh quyết định quốc kỳ Việt Nam là cờ đỏ sao vàng. Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 2 tháng 3 năm 1946 đã biểu quyết nhất trí cờ đỏ sao vàng là quốc kỳ của nước Việt Nam.

Văn Mẫu Lớp 10 - Văn nghị luận: Trong lớp em có một số bạn hiền lành và hay bị bắt nạt nhưng các bạn vẫn nhin và lấy câu “Một điều nhin chín điều lành” làm phương châm sống. Bạn hiểu câu nói đó như thế nào

Dàn ý chi tiết Mở bài: Giới thiệu vấn đề Thân bài: (1) Giải thích - Nhin: Là nhún nhường , biết kiềm chế nóng giận, biết lắng nghe ý kiến của người khác, luôn giữ được hòa khí trong giao tiếp, ứng xử, tránh xung khắc đối đầu - Lành: Kết quả tốt đẹp, thỏa đáng, đúng như mong muốn - Một, chín: Những con số có tính ước lệ - Cả câu: Cha ông ta khuyên trong cuộc sống, nên biết nhường nhịn, nhẫn nhịn để tạo ra mối quan hệ nhân ái, tốt lành - Biểu hiện: (trong cuộc sống) (2) Bàn luận, mở rộng vấn đề - Khẳng định mặt đúng của câu tục ngữ: Câu tục ngữ thể hiện một quan niệm xử thế đúng đắn của cha ông ta. Bởi vì cuộc sống vốn đa dạng, phức tạp. Một con người thường có rất nhiều mối quan hệ khác nhau(trong gia đình, ngoài xã hội). Muốn phát triển, con người phải biết đoàn kết hợp tác với nhau để tăng cường sức mạnh, đem lại hiệu quả cao nhất. Sự hòa thuận trong giao tiếp là vô cùng cần thiết vì đó là cách ứng xử có hiệu quả, là phương châm sống tốt nhất - Tuy nhiên cần thấy rằng câu tục ngữ chỉ nêu lên một cách rất chung chung. Trong thực tế đời sống, không phải sự nhẫn nhịn, nhún nhường nào cũng là giải pháp tốt nhất. Khi đối mặt với cái xấu, cái ác thì sự nhẫn nhịn đồng nghĩa với thái độ hèn nhát, nhu nhược, lại trở thành tiêu cực vì nó cản trở sự vươn lên, hoàn thiện của bản thân mỗi người (ví dụ truyện Tấm Cám...) (3) Bài học nhận thức và hành động - Tùy từng tình huống, hoàn cảnh, đối tượng cụ thể để lựa chọn cách ứng xử phù hợp. - Trong giao tiếp cần có thái độ mềm dẻo, bình tĩnh nhưng có chừng mực, có nguyên tắc. - Quyết tâm chống lại cái ác, bảo vệ cái thiện, không làm ngơ trước những việc bất bình, mạnh dạn phê phán những thái độ, việc làm không đúng đắn của mọi người xung quanh. - Liên hệ bản thân: bạn đã làm được gì??? Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Trong lớp em có một số bạn hiền lành và hay bị bắt nạt nhưng các bạn vẫn nhịn và lấy câu “Một điều nhịn chín điều lành” làm phương châm sống. Anh/ chị suy nghĩ câu nói đó như thế nào

Ý chính trong bài: - Nhịn: Là đức tính nhẫn nại, nhún nhường, luôn giữ hòa khí trong giao tiếp, ứng xử. - Lành: Là kết quả tốt đẹp, thỏa đáng, đúng như mong muốn. - Cuộc sống vốn đa dạng, phức tạp. Một con người thường có rất nhiều mối quan hệ khác nhau trong gia đình và ngoài xã hội. - Quá trình vận động của cuộc sống bắt buộc con người phải đấu tranh sinh tồn để phát triển. Muốn phát triển, con người phải đoàn kết, hợp tác với nhau để tăng cường sức mạnh, để làm việc có hiệu quả. Sự hòa thuận trong giao tiếp là vô cùng cần thiết vì đó là cách ứng xử có hiệu quả nhất, là phương châm sống tốt nhất. - Đối tượng nhịn và thái độ nhịn: Là các thành viên trong gia đình (vợ chồng, cha con, ông bà, cháu...). Vợ chồng phải cư xử tôn trọng lẫn nhau, biết kiềm chế khi nóng giận để giữ hòa khí. Ở cộng đồng tập thể phải biết lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp luôn giữ thái độ hòa nhã, tránh xung khắc đối đầu. - Ngày nay, nhịp sống của xã hội hiện đại khẩn trương, hối hả khiến con người căng thẳng, dễ bị ức chế. - Chúng ta phải biết giữ gìn thái độ ôn hòa trong giao tiếp, biết trở về với truyền thống văn hóa ứng xử tốt đẹp của dân tộc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trong lớp em có một số bạn hiền lành và hay bị bắt nạt nhưng các bạn vẫn nhịn và lấy câu “Một điều nhịn chín điều lành” làm phương châm sống. Em suy nghĩ câu nói đó như thế nào

Trong mọi sự mâu thuẫn, xích mích với người khác, biết nhịn nhục là điều tốt nhất, vì nó sẽ mang đến mọi sự an ổn thay vì là hiềm khích, tranh chấp. Cách hiểu này có thể giúp ta có được một quan điểm sống ôn hòa hơn, khuyến khích mọi người cùng cố gắng duy trì sự đoàn kết và hòa khí trong cộng đồng. Tuy nhiên, dù sao ta cũng có thể thấy ngay là ở đây chỉ nêu lên một cách rất chung chung. Trong thực tế, lắm khi có những trường hợp mà không phải sự nhịn nhục, chịu đựng hay thối lui bao giờ cũng là giải pháp tốt nhất. Và trong một chừng mực nào đó, giải pháp “nhịn nhục” còn có phần tiêu cực vì nó góp phần vào sự tồn tại của những yếu tố xấu trong cộng đồng. Sự thật là trong mỗi một tập thể đều có những phần tử xấu nào đó, bởi vì ngay trong mỗi con người chúng ta cũng đều tồn tại những yếu tố xấu nhất định. Sự nhịn nhục có thể là giải pháp tốt trong một số trường hợp, nhưng khi đối mặt với những yếu tố xấu thì nó trở thành tiêu cực, vì nó cản trở sự vươn lên hoàn thiện của bản thân mỗi người cũng như của cả cộng đồng. Khi một thành viên có những cung cách ứng xử sai trái, gây tổn hại đến những thành viên khác trong cộng đồng, sự nhịn nhục đối với anh ta sẽ là một quyết định sai lầm, có hại cho mọi người và cho cả bản thân anh ta. Ngược lại, những phản ứng thích hợp cần thiết sẽ giúp anh ta có điều kiện nhận biết và điều chỉnh hành vi không tốt của mình, và điều đó không chỉ giúp ngăn ngừa những tổn hại cho mọi người mà còn có lợi cho chính bản thân anh ta, vì nó giúp anh trở thành một người hoàn thiện hơn. Vì thế, nếu hiểu nhầm nhịn nhục là nhịn nhục, chịu đựng, thì cần thiết phải hiểu thêm rằng đó là sự nhịn nhục, chịu đựng trong những trường hợp thích hợp. Nói khác đi, cách hiểu như vậy là còn quá hẹp so với ý nghĩa thực sự của khái niệm nhịn nhục.

Văn Mẫu Lớp 10 - Góp - bông có nói: “Mỗi người đều phải nhận hai thứ giáo dục: một thứ do người khác truyền lại, một thứ do chính mình tạo nên”. Anh/chị hay giải thích và bình luận câu nói trên

Mở bài Dẫn dắt vấn đề Thân bài: (1) Giải thích - Giáo dục là gì? Kiến thức ??/.. - Như thế nào là truyền lại? - Như thế nào là tạo ra? => giải thích theo ý nghĩa văn học . Không nên dùng từ ngữ khô khan, khó hiểu => Ý khái quát cả câu (2) Bình luận - Ý nghĩa của câu nói trong ngành Giáo Dục, trong hành trình tìm kiếm kiến thức của mỗi người. - một thứ do người khác truyền lại: Tức là do người khác truyền đạt lại cho mình. Có thể là bạn bè, thầy cô..Nhờ họ mà mình có những kiến thức trong cuộc sống.... - một thứ do chính mình tạo nên : Tức là do mình tự tìm lấy, tự tìm hiểu về thế giới xung quanh, về các kiến thức trong học tập. - tại sao lại có câu nói này? - Mọi người nghĩ nó ra sao? và bạn? - So sánh: Một bên là thụ động (truyền lại) + 1 bên là chủ động - Nhận xét: Hai nhận thức này khá trái ngược nhau nhưng lại bổ sung cho nhau... Hỗ trợ nhau trong 1 cơ thể... - Mở rộng: Nhận thức 1 thứ giáo dục: Sai lệch, tác hại... (3) hành động và liên hệ bản thân - hiểu gì từ câu nói trên? - Làm gì sau khi hiểu nó Kết bài: Khẳng định vấn đề

Văn Mẫu Lớp 10 - Bình luận về câu tục ngữ “Có chí thì nên”

Lục tìm trong trí nhớ, tôi còn ngạc nhiên hơn khi phát hiện hàng chục thành ngữ tục ngữ Việt cũng nằm trong trường nghĩa này: Có cấy có trồng/ có trồng có ăn; Có bột mới gột nên hồ; Có chí làm quan có gan làm giàu; Có cứng mới đứng được đầu gió; Có dai mới nên khôn; Có đi mới đến có học mới hay; Có gió lung mới biết từng bách cứng/ Có ngọn lửa lòng mới biết thức vàng cao; Có học mới biết có đi mới đến; Có học mới có hành; Có khó có nhọc mới có lộc có rang; Có khó mới có mà ăn; Có khó mới nên; Có khôn mới nên quan, có gan mới nên giàu; Có công mài sắt có ngày nên kim,... điều thú vị là tất cả các tục ngữ đều có sự tương đồng về cấu trúc (có điệp, có đối, có vần) và đều bắt đầu bằng từ Có (Một vị từ giả thiết mang tính điều kiện). Dĩ nhiên, là dù có nhiều biến thể nhưng tựu trung ngữ nghĩa chính của các câu thành ngữ đều bắt đầu từ một triết lí mang tính nhân quả đặc sắc của người Việt: Mọi điều hay, điều tốt lành chỉ đến với ai khi họ biết cố gắng nỗ lực vượt gian khó để thực hiện ước mơ, hoài bão của mình. Tuy nhiên, phải nói rằng câu tục ngữ “Có chí thì nên” là một câu tục ngữ đặc biệt nhất. Ngắn gọn với 4 âm tiết, theo cấu trúc lô gích của phép kéo theo có A thì (có) B, câu tục ngữ đã giản lược tới mức triệt để mà vẫn diễn tả đầy đủ và rõ ràng một thông điệp: “Con người ta nếu có hoài bão lớn, biết nhẫn nại, kiên trì thì cuối cùng công việc chắc chắn sẽ thành công”. Chí ở đây chính là chí khí, tức là “ý muốn bền bỉ, mạnh mẽ, quyết khắc phục mọi trở ngại, thực hiện mục đích cao đẹp của cuộc sống” [Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, NXB Đà Nẵng, 2006). Chí cũng còn là chí hướng, là quyết tâm vươn tới và thực hiện hoài bão, lí tưởng, mục tiêu đích thực của cuộc đời. Người ta sống ở đời có nhiều hoàn cảnh và thân phận, nhưng lí tưởng, chí hướng là điều cần phải có. Cái đó quyết định hướng đi vào quyết định sự thành đạt, ước vọng của mỗi người. đây cũng là lời tự bạch nổi tiếng chí lí của Pavel Korchagin (trong tác phẩm Thép đã tôi thế đấy mà gần đây chúng ta có lần được theo dõi trên kênh truyền hình VTV1): “Phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận bởi những năm tháng đã sống hoài, sống phí...”. Và Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã “Khuyên thanh niên” qua một bài thơ tứ tuyệt ngắn gọn – ngắn gọn như một chân lí, một châm ngôn định hướng rất rõ ràng: Không có việc gì khó Chỉ sợ lòng không bền/ Đèo núi và lấp biển/ Quyết chí ắt làm nên.

Chí, tức là quyết tâm. Nhưng chỉ có quyết tâm thôi không đủ, chúng ta còn phải có tri thức. Tri thức là sức mạnh. Trong thời đại phát triển mạnh mẽ của thông tin, khoa học kỹ thuật hiện nay, chúng ta còn phải biết trang bị cho mình những kiến thức đầy đủ và hợp lí. Vì tri thức chính là “chìa khoá vàng” giúp ta mở cánh cửa chân trời khoa học, để chúng ta nhanh chóng tiếp cận với nền kinh tế tri thức hiện nay. Có quyết tâm mà lại thiếu tri thức thì chẳng khác nào anh xầm đòi phóng xe trên đường cao tốc. Đó là cách làm ăn theo kiểu “duy ý chí”, không những gây tai nạn cho mình mà còn đem tai hoạ cho người khác nữa. Nhà bác học cổ Hi Lạp Archimède (287-212 TCN) từng nói: “Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng bổng trái đất này”. Câu nói đó hàm chứa đầy đủ quyết tâm, ý chí, sự hiểu biết và năng lực hành động hợp quy luật, khả năng tận dụng cơ hội của nhà khoa học. Sức mạnh nhiều khi sẽ được nâng lên gấp bội nhờ người ta biết kết hợp tối đa các nhân tố của “điểm rơi cần thiết”. Và khi người ta nắm bắt được quy luật, làm theo quy luật thì người ta đã tìm ra bí quyết của sự thành công. Đó cũng là vấn đề về bài học giá trị mà tuổi trẻ hôm nay có thể rút ra từ thực tiễn ngàn đời của lịch sử. Có chí thì nên, câu châm ngôn “như đinh đóng cột” ấy đặt chúng ta trước một phương châm, một kim chỉ nam định hướng cho cuộc đời mình. Câu nói giản dị như một lời khuyên, lời nhắc nhở và hơn thế nữa, như một chân lí hiển nhiên của cuộc đời, khiến cho ai đó mỗi khi đọc lên phải tự ngẫm lại mình. Với mỗi thanh niên thời đại mới, những người đang đứng trước nhiều thử thách về năng lực trí tuệ, trước những đòi hỏi lớn về tiếp nhận tri thức mới mẻ... mà “thiếu chí” và “nhụt chí” thì hẳn là khó có thể đi tới đích mình cần trên con đường lập thân, lập nghiệp. Tôi nghĩ, chắc nhiều bạn học sinh, sinh viên còn mãi chơi quên học hoặc học chưa hết sức, sẽ giật mình khi nghe ai nói tới câu tục ngữ Có chí thì nên. Nhiều khi chỉ một cái hích nhẹ thôi cũng đủ làm cho ta “tỉnh ngủ” và hăng hái nhập vào đội ngũ những con người trẻ trung giàu nhiệt huyết hôm nay với một niềm phấn chấn vẫy gọi: lên đường!

Văn Mẫu Lớp 10 - Bài tỏ ý kiến của em về vấn đề mà tác giả Thân Nhân Trung đã nêu trong Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba - 1442: “Hiền... gia”, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp

Đề bài: Bài tỏ ý kiến của mình về vấn đề mà tác giả Thân Nhân Trung đã nêu trong Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba - 1442: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp Bài làm: Thế hệ ngày nay, chắc nhiều người biết Thân Nhân Trung viết bài văn cho tấm bia đầu tiên ở Văn Miếu, ông ghi nhận về trí thức “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và ngày càng lớn, nguyên khí suy thì nước yếu và ngày càng xuống cấp.” Theo tôi hiểu, hiền tài là nguyên khí của quốc gia, đây chính là khát vọng của cả dân tộc. Nếu nói theo nghĩa đen của Đông y, “nguyên khí” không mùi, không màu, không vị nhưng con người không có nguyên khí là con người chết. Nguyên khí chính là sức sống của mỗi quốc gia. Ngay từ khi còn nhỏ, mới cắp sách đến trường, tôi đã được các thầy cô dạy về lòng tự hào quê hương Thái Bình đã sản sinh ra nhà bác học, nhà giáo Lê Quý Đôn, ông đã có những nhận định trở thành chân lý cho mọi thời đại “Phi nông bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng” có nghĩa là đất nước muốn hưng vượng phải nhờ vào trí thức. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về trí thức cho đến nay vẫn chưa định hình. Hiền tài đương nhiên là trí thức. Người xưa, quan niệm trí thức là người được học rộng, biết nhiều, có trình độ đào tạo cao hơn mặt bằng chung của xã hội. Theo từ điển :”Trí thức là người sử dụng trí tuệ làm việc, nghiên cứu, phản ánh, dự đoán hoặc đề hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan hàng loạt những ý tưởng khác nhau”. C.Mac định nghĩa :” Trí thức là người nói sự thật, phê bình không nhân nhượng về những gì hiện hữu. Không nhân nhượng với nghĩa rằng họ không lùi bước trước kết luận của chính mình, hoặc xung đột với quyền lực, bất cứ quyền lực nào”. Ngày nay, theo quan điểm chính thống, trí thức là những người lao động trí óc. Thái độ của trí thức là thước đo sự tiến triển của chế độ. Gs Cao Huy Thuần đại học Picardie (Pháp) định nghĩa :“Ai đánh thức không cho xã hội ngủ, người ấy là trí thức bất kỳ họ là ai”. J.P.Sartre, triết gia lừng danh người Pháp đã nói “Nếu ai đó chế tạo ra quả

bom nguyên tử, thì người đó là bác học, chỉ khi nào ông bác học ý thức được cái khí giới giết người ghê gớm ấy, đứng lên hô hào chống bom nguyên tử, lúc đó ông ta là trí thức”. Lịch sử nhân loại, việc dùng người mỗi thời khác nhau tùy theo hoàn cảnh lịch sử, thời thế và vai trò, nhiệm vụ. Đông-Tây, kim-cổ người có thực tài và là người trí thức chân chính đều có “mẫu số chung” trong cách ứng xử với xã hội và tầng lớp cầm quyền. Người chân chính có thực tài thật là hiếm hoi, cần phải biết tìm, biết trân trọng. Thời Tam quốc chí, Lưu Bị được lên làm vua cai trị nước Thục nhờ sáng suốt biết thu phục nhân tâm và trọng dụng người tài. Điển hình là ông đã 3 lần thực tâm cầu hiền, không quản đường xa, khẩn cầu Khổng Minh một nhân tài đa mưu, túc kế ra phò tá làm quân sư. Tần Thủy Hoàng vị Hoàng đế Trung Hoa đầu tiên có công thống nhất đất nước nhưng cai trị đất nước bằng bạo quyền, đốt sách, không coi trọng trí thức chỉ được thời gian ngắn đất nước lại hỗn loạn, phân ly. Đất nước ta, từ xưa đến nay lúc nào cũng nhiều người hiền tài, tuy nhiên từng thời kỳ, từng lúc mà nguồn hiền tài đó được khơi ra như thế nào. Có nghĩa là khi được quan tâm, trọng dụng thì hiền tài sẽ có, trí thức sẽ nhiều. Người có học vấn thường có khả năng phán đoán và nhận định tình hình sáng suốt hơn người thường. Thời phong kiến, ở nước ta đã có biết bao bài học khi biết trọng dụng trí thức thì công cuộc bảo vệ tổ quốc, chống ngoại xâm và xây dựng đất nước phát triển rất hiệu quả nhờ tầng lớp trí thức lãnh đạo biết khơi dậy, hòa đồng cùng với nhân dân xả thân vì nghiệp lớn. Bài “Hịch tướng sĩ” của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, bài thơ bất hủ của Lý Thường Kiệt xác định chủ quyền của đất nước “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” hay bản hùng văn lịch sử của Nguyễn Trãi :”Bình Ngô đại cáo” là minh chứng cho sự sáng suốt của các tiền nhân biết coi trọng và sử dụng trí thức là các nhà quân sự, nhà tư tưởng chiến lược của thời đại. Mặc dù, chế độ phong kiến chỉ cho phép sĩ phu tiến thân trong chốn quan trường nhưng các bậc trí thức hiền tài khi thấy ý kiến của mình không được Vua tôn trọng, đã sẵn sàng rũ áo, từ quan về ở ẩn. Ông Chu Văn An nổi tiếng là bậc Thánh hiền, ngay khi đỗ Thái học sinh, ông từ chối làm quan, không màng danh lợi về quê mở trường dạy học có nhiều môn sinh. Vua Trần Minh Tông biết tài của Chu Văn An mời ông vào triều dạy học cho thái tử và các con đại thần. Đến đời vua Trần Dụ Tông thấy nhiều đại thần xung quanh Vua là nịnh thần, tham quan, nhà giáo Chu Văn An đã dũng cảm dâng sớ, hạch tội và xin chém 7 kẻ tội thần. Vua không nghe, ông liền treo ấn, từ quan về ở ẩn. “Thất trảm sớ” nổi tiếng của nhà giáo Chu Văn An vẫn còn được truyền tụng mãi đến muôn đời sau. Thời Vua Quang Trung, biết rõ Ngô Thời Nhậm có tật nhưng vẫn sử

dụng vì biết ông ta có tài. Tiếc thay, bậc minh quân tài giỏi như vua Quang Trung lại đoản thọ nên nghiệp lớn vẫn còn dở dang. Năm 1930, thời kỳ đầu của cách mạng, tư tưởng của một số người có thẩm quyền xuất phát từ nền kinh tế “tiểu nông” lạc hậu, nên đã ấu trĩ đề ra chính sách sai lầm coi trí thức như kẻ thù cần đả phá với khẩu hiệu “ Trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận rễ”. Thời thế tạo ra anh hùng. May mắn cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh xuất hiện với tư duy, tầm nhìn sáng suốt, khôn ngoan nhờ tích lũy và sàng lọc theo thời gian trong những năm tháng lăn lộn ở xứ người đã cảm hóa, thuyết phục được nhiều nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, một nhân tố cực kỳ quan trọng để gọi dậy sức mạnh đoàn kết dân tộc, từ bỏ cuộc sống “nhung lụa”, bất chấp hiểm nguy, vào bưng, ra chiến khu đi theo kháng chiến tiêu biểu như Trần Đại Nghĩa, Tạ Quang Bửu, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Hữu Thọ vv... Khi thành lập Chính phủ kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có công thư “Tìm người tài đức” đăng báo để công khai, minh bạch vì Bác sợ rằng “không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những người tài đức không thể xuất thân”. Bác Hồ đã làm công tác cán bộ trên cơ sở dựa vào thành ý và minh tâm của dân để tuyển chọn và sử dụng người tài, chứ không cho rằng công tác tổ chức là chỉ thuộc về Đảng, làm trong nội bộ Đảng rồi đưa ra thuyết phục, thường là áp đặt, để dân chấp nhận. Sau này, một số người có thẩm quyền với cách nhìn hẹp hòi, thiên cận về lý lịch, thành phần đã chuyên quyền, bỏ qua không đào tạo và sử dụng nhiều người có năng lực, và chí khí cần thiết cho công cuộc tái thiết đất nước. Họ chưa thấm nhuần lời dạy của Hồ Chủ Tịch: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý”. Ngày nay, cơ chế và tuyển chọn cán bộ vẫn còn “chuyên quyền”, dễ thấy nhất là sự hẹp hòi, thiên cận không dám dùng và không biết dùng những người có thực tài ngoài Đảng. Thời đại ngày nay, do nền kinh tế thị trường, những trí thức có năng lực thực sự và tự trọng cao, không còn chí thú theo đuổi, cố bám vào cái ghế quyền lực để tiến thân. Có những lúc các cụ ta phải kêu lên: “Nhân tài như lá mùa thu Tuân kiệt như sao biển sớm” Đó là lúc báo hiệu đất nước sẽ suy vong, lòng người ly tán. Bởi vậy, nhiều người cho rằng, nếu Đảng và Nhà nước không có cơ chế tuyển chọn công khai, minh bạch (trí thức thích thi thố tài năng) và chính sách đãi ngộ, môi trường làm việc thích hợp thì rất khó tuyển chọn được những người hiền tài cho đất nước. Người được tuyển chọn trong vòng luẩn quẩn “chuyên quyền” đó, dễ dẫn đến một số người lọt vào “mắt xanh” của Đảng nhưng lại không đủ tâm và tầm để sử dụng nguồn nhân lực có trí tuệ, người giúp việc tài giỏi hơn mình. Cổ nhân

đã dạy :”Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách” có nghĩa là ngay cả.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về vấn đề: Tình thương là hạnh phúc của con người trong xã hội hiện nay

Hoa trái của tỉnh lặng là cầu nguyện Hoa trái của nguyện cầu là niềm tin Hoa trái của niềm tin là hạnh phúc Hoa trái của hạnh phúc là tình yêu thương. Vâng! Những dòng thơ trên những khúc hát ru nhẹ nhàng gieo vào lòng người bao cảm xúc. Có khi nào bạn đã băng qua đường quá vội vã? Có bao giờ bạn đã không kịp ngắm nhìn vẻ đẹp của một đóa hoa? Có món quà nào của cuộc sống mà bạn không nâng niu cất giữ? Đừng đợi đến ngày mai mới nhận ra cuộc sống đã yêu thương bạn biết nhường nào. Con người chúng ta không sống đơn độc. Chúng ta sinh ra để yêu thương lẫn nhau. Và tình yêu thương là hạnh phúc của con người. Tình yêu thương là gì, bạn biết không? Từ lúc mới sinh ra chúng ta đã được yêu thương rồi. Khi bạn còn nằm trong bụng mẹ, có phải bạn đã cảm nhận được bàn tay dịu dàng của mẹ vỗ về, nghe được những lời thủ thủ ngọt ngào không? Đó chính là tình yêu thương! Rồi khi bạn cất tiếng khóc đầu tiên, có phải bạn đã thấy gương mặt sung sướng của bố, nghe được tiếng reo vui mừng của mọi người không? Đó chính là tình yêu thương! Rồi bạn trải qua thời thơ ấu trong vòng tay ấm áp, trong tiếng ru hời của mẹ, nghe được những câu chuyện cổ tích đẹp đẽ của bà. Đó cũng chính là tình yêu thương! Khi bạn đi học, có phải bạn bè luôn ở bên cạnh chia sẻ buồn vui với bạn? Đó cũng chính là tình yêu thương! Những điều bình dị ấy khiến bạn luôn mỉm cười. Và tình yêu thương làm cho bạn được hạnh phúc. Yêu thương là món quà duy nhất làm giàu cho người nhận nhưng không làm nghèo đi người đã sẻ chia nó. Trong đêm tối tìm đến mức bạn không thể thoát ra được, hãy tin rằng yêu thương là ánh sáng tràn về soi rọi khắp nơi, cho bạn thấy được cánh cửa của hạnh phúc. Trong lúc bạn đớn đau nhất vì đánh mất những thứ vô cùng quan trọng, hãy tin rằng yêu thương là liều thuốc hữu hiệu nhất để xoa dịu vết thương. Trong lúc bạn vấp ngã trong cuộc sống hãy tin rằng yêu thương là cái nắm tay đỡ bạn dậy và dìu bạn đi tiếp trong cuộc đời. Khi bạn cảm thấy cô đơn chán chường hãy tin rằng yêu thương là khúc nhạc dịu êm xoa tan đi đêm trống vắng. Hãy cứ tin rằng yêu thương là chìa khóa mang đến hạnh phúc cho bạn. Hạnh phúc là khi bạn nghe tiếng chim hót mỗi sớm. Hạnh phúc là được ở bên cạnh những người mà bạn yêu thương. Hạnh phúc là được tự do, được làm những gì có ích cho đời.

Hạnh phúc có đôi khi chỉ là cái siết tay, là ánh mắt nhìn nhau lưu luyến, là cái ôm thật chặt khi sắp chia xa. Hạnh phúc là những điều rất bình dị, rất nhỏ nhoi, nhưng tất cả đều bắt đầu từ tình yêu thương yêu to lớn. Thật hạnh phúc khi người ta biết cho đi tình yêu thương mà không cần nhớ đến, biết nhận và không hề quên. Tình yêu thương yêu chỉ đẹp, chỉ thật sự có ý nghĩa khi chúng ta biết cho đi chứ không phải cố gắng níu giữ lại thật chặt. Bởi khi níu giữ lại tình yêu thương là chúng ta vô tình níu giữ lại hạnh phúc đã qua, mà hạnh phúc miễn cưỡng có bao giờ vui, có bao giờ ý nghĩa? Hãy cứ để mọi thứ trôi qua, cho dù theo thời gian, mọi thứ rồi sẽ tàn phai nhưng tình yêu thương vẫn luôn còn đó, và hạnh phúc mới luôn được sinh ra. Vì sao chúng ta phải yêu thương lẫn nhau? Vì chúng ta là con người, và vì Thượng Đế luôn rất công bằng. Người có thể ban cho ai đó giọng hát ngọt ngào như chim sơn ca, nhưng cũng có quyền lấy đi của họ ánh sáng của đôi mắt. Người có thể ban cho người nghệ sĩ đôi tay lả lướt trên những phím đàn, nhưng cũng có quyền tước đi khả năng nghe được âm thanh của sự sống. Người có thể ban cho bạn tài năng xuất chúng nhưng cũng có quyền đẩy bạn vào bế khổ của cuộc đời. Người không ban tặng cho ai sự hoàn hảo. Bởi thế, con người chúng ta ai cũng có khiếm khuyết, ai cũng có khó khăn, ai cũng cần một bờ vai để tựa khi mệt mỏi, ai cũng cần một lời động viên chân thành. Và ai cũng cần có tình yêu thương để chia sẻ. Để đêm sẽ qua và ngày mới lại đến, để ánh sao kia vẫn chiếu sáng cho bầu trời đêm, để thời gian vẫn cứ trôi, để con người vẫn cảm nhận được hạnh phúc. Đừng bao giờ nói không còn yêu thương khi bạn vẫn còn bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của cuộc sống. Đừng bao giờ nói không còn yêu thương khi bạn vẫn còn cảm thấy hạnh phúc bên cạnh người thân. Đừng bao giờ nói không còn yêu thương khi ánh mắt của ai đó vẫn có thể níu giữ được bạn. Đừng bao giờ nói không còn yêu thương khi bạn vẫn cảm nhận được trái tim mình muốn đem lại hạnh phúc cho ai đó. Hãy cứ yêu thương chân thành dù biết có thể không được đáp lại, vì biết đâu bạn sẽ tìm được hạnh phúc cho riêng mình trong chính hành động ấy? Bởi yêu thương là món quà mà Thượng Đế chia đều cho mỗi người, ai cũng tình yêu thương, ai cũng có quyền được hạnh phúc. Có người hỏi tôi: “Phải yêu thương thế nào?”. Cuộc sống bây giờ quá vội vã, ai ai cũng nghĩ chỉ có tiền bạc, quyền lực, danh vọng mới có thể đem lại hạnh phúc cho mình và người xung quanh. Như vậy quả thực là sai lầm. Bởi những thứ đó chỉ có thể đem lại hạnh phúc về vật chất, chứ không giúp gì cho tinh thần. Hãy cứ trải lòng mình ra với cuộc sống và cứ yêu thương. Hãy đi chậm lại để cảm nhận được vẻ đẹp của giọt sương mai buổi sớm. Hãy ngừng bước để lắng nghe tiếng cười trong trẻo

của trẻ thơ. Hãy dắt tay một bà lão qua đường. Hãy ôm chặt mẹ và nói: “Con yêu mẹ!” mỗi ngày. Yêu cuộc sống, yêu những sự vật xung quanh, yêu người thân bè bạn cũng chính là yêu thương bản thân mình, cũng chính là cho mình một cơ hội để khám phá nét đẹp của cuộc sống, cho mình một cơ hội để biết thế nào là hạnh phúc. Nguyên cho bạn đủ sự thanh thản để yêu thương. Nguyên cho bạn có đủ sự can đảm để yêu thương cả những người gây đau khổ cho bạn. Nguyên cho bạn có đủ sự thông thái để hiểu rằng yêu thương là sức mạnh của niềm tin, là cánh cửa dẫn đến hạnh phúc. Khi bạn tìm thấy niềm vui của mình trong hạnh phúc của người khác nghĩa là bạn đã biết yêu thương. Hãy cứ yêu thương đi, và bạn sẽ tìm thấy hạnh phúc cho riêng mình. Không bao giờ là quá trễ để nói lời yêu thương, để mang lại hạnh phúc cho mình và cho người khác.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy thể hiện quan điểm của mình trước cuộc vận động: “nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”

Ngày nay, khi xã hội ngày càng phát triển, một số người đã quên đi những chuẩn mực đạo đức để chạy theo những tiêu cực trong xã hội mà bệnh thành tích trong học tập là một ví dụ. Trước tình hình đó, Bộ Giáo Dục nước ta đã vận động nhân dân “nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”. “Tiêu cực” là những biểu hiện không lành mạnh, có tác dụng không tốt đối với xã hội, làm cho xã hội ta ngày càng đi xuống. “Thành tích” là kết quả của sự nỗ lực mà con người đã bỏ ra. Kết quả đó không chỉ là một lợi ích vật chất hay tinh thần cá nhân, tuy rằng phần lớn yếu tố tạo nên động lực khiến con người phải nỗ lực nhiều hơn, tốt hơn để đạt thành tích chính là lợi ích cho mình. Nhưng con người vẫn có thể làm hết sức mình vì lợi ích chung, lợi ích của xã hội, của đất nước. Thế nhưng “bệnh thành tích” lại là kết quả của sự “nỗ lực” giả dối, ngụy tạo. Sự khác nhau căn bản giữa “thành tích” và “bệnh thành tích” chỉ là sự khác nhau giữa cái thật và cái giả. Và yếu tố then chốt làm nên sự khác biệt đó chính là tính trung thực. Chính vì thế mà nỗ lực để đạt thành tích của một cá nhân hay một tập thể là một phẩm chất đạo đức tốt, đáng biểu dương. Còn những tiêu cực và bệnh thành tích cần phải lên án và xóa bỏ. Căn bệnh thành tích và tiêu cực trong thi cử ngày càng trở nên phổ biến ở Việt Nam, nhà trường vì muốn đạt chỉ tiêu của bộ đề ra, giáo viên muốn hoàn thành tốt thi đua của nhà trường nên đã lờ đi đạo đức nghề nghiệp mà cho điêm ảo. Phụ huynh vì muốn con em mình là học sinh giỏi, học sinh thì muốn lên lớp, có danh hiệu mà không cần phải tốn sức học bài. Vì những lý do đó mà ngày nay mới có hiện tượng chạy theo thành tích mà không cần quan tâm đến chất lượng. Đối với các vị phụ huynh, chắc chắn rằng chẳng ai muốn con mình học kém hay học mà không có chất lượng. Họ là những người đã bỏ ra tiền của thật, công sức thật, thời gian thật và những hy vọng thật về một tương lai tốt đẹp thật của con em mình khi lo cho chúng được ăn học đến thành tài. Vì thế, chẳng có lý do gì họ lại mong muốn nhận sự giả dối từ kết quả học tập của con em mình. Tuy nhiên, đứng trên quan điểm thực dụng, họ sẵn sàng làm mọi cách, kể cả những cách tệ hại nhất mà chúng ta đã được biết qua báo chí, để con em họ qua được một kỳ thi,

có một tấm bằng để tìm việc sau này. Có một tấm bằng đi đã, vì đó là tấm bằng được xã hội thừa nhận, rồi sau này khi có điều kiện sẽ cố mà học tiếp một cách chân thực. Như vậy, suy cho cùng, phụ huynh và học sinh chính là những người đã tiếp tay, để cho bệnh thành tích ngày càng lan rộng và nặng hơn. Đầu năm hai ngàn không trăm lẻ sáu, tại trường trung học cơ sở Trần Phú, huyện miền núi Sông Hinh tỉnh Phú Yên đã phát hiện hai mươi sáu học sinh lớp sáu đọc chưa thông, viết chưa thạo nhưng vẫn cứ được lên lớp. Trong những kì thi tốt nghiệp phổ thông và đại học, hiện tượng mang tài liệu vào phòng thi, tài liệu vất trắng cả sân trường sau buổi thi đã từng được báo chí đề cập tới. Khi biết những thông tin này, bản thân chúng ta có suy nghĩ gì? Cả một thế hệ, cả một tương lai đất nước nay phải để những con người như thế gánh vác thì chẳng có gì kinh khủng hơn. Nếu những con người giữ những chức vụ cao trong xã hội là những người “hữu danh vô thực” thì đó là những hạt sạn của xã hội, là nguyên nhân kéo nước ta chậm lại trên con đường phát triển. Chúng ta đều hiểu rằng, một xã hội muốn phát triển phải có nhiều nhân tài, mà nhân tài phải là người có năng lực thực sự, là nguyên khí của quốc gia. Giáo dục chính là điểm xuất phát, là nơi sản sinh ra nguồn năng lực cho sự cường thịnh của một nước, một cộng đồng dân tộc. Một nền giáo dục thực sự tốt sẽ tạo nên những con người đạt những thành tích tốt và trung thực. Những thành tích ấy sẽ tạo nên những bước tiến mạnh mẽ cho cộng đồng dân tộc trên con đường phát triển. Đất nước chúng ta đang tiến bước trên con đường đổi mới, mở cửa, hội nhập và tranh đua với thế giới để giành lấy một vị trí xứng đáng trên hành tinh này. Cuộc đấu tranh kinh tế sắp đến rất quyết liệt và mang tính chất thắng bại sinh tử không khác gì trên chiến trường hay trên võ đài. Ở đó, một võ sĩ chỉ có thể chiến thắng đối thủ bằng tài năng thực sự của chính mình, không phải vì có một văn bằng chứng nhận đẳng cấp cao hơn. Đất nước chúng ta sau này có cường thịnh hay không tùy thuộc vào nền giáo dục của chúng ta có đổi mới để có thể sản sinh ra những nhân tài thực học hay không. Chúng ta cần phải học tập thật tốt, ra sức học tập và tu dưỡng đạo đức để sau này có thể giúp ích cho xã hội và cho bản thân. Cần phải đẩy lùi tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích. Đó không phải là việc quá khó nếu chúng ta cùng có quyết tâm “nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”

Văn Mẫu Lớp 10 - Đề bài: Sống đẹp là gì hồi bạn?

Trong cuộc sống hằng ngày mỗi người chọn cho mình những cách thể hiện khác nhau hình thành lên những cách sống khác nhau: sống đẹp, sống có ích và lối sống ích kỷ, buông thả thậm chí chìm trong vòng tội lỗi. Như vậy “sống đẹp” là một lối sống tích cực mà mỗi người cần phải hướng tới. Nhưng sống thế nào mới là lối “sống đẹp”, còn là điều băn khoăn của rất nhiều người. “Đẹp” không phải chỉ là cái đẹp hình thức. Cái “đẹp” thể hiện từ những hành động cư xử nhỏ nhất trong cuộc sống đến nghị lực vươn lên trong mỗi con người. “Sống đẹp” trước hết phải xuất phát từ lòng nhân ái, từ chính tình yêu trong trái tim để từ đó mà sống hết mình vì người khác, để bao dung, thứ tha... Xuất phát từ tình yêu thương nên bất cứ hành động nào dù là nhỏ nhất cũng đầy sự quan tâm, chia sẻ giữa những con người. Một sáng đến trường, bạn không sợ muộn học mà dừng lại giúp một cụ già qua đường. Mỗi ngày dành dụm tiền để ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”. Những hành động ấy dù nhỏ nhặt nhưng đều là những nghĩa cử cao đẹp. Lại nhớ đến hơn 30 năm trước đây, người con gái Hà Nội Đặng Thùy Trâm xung phong vào chiến trường Quảng Trị gian khổ bản thân chịu những thiệt thòi nhưng chị vẫn dành một tình thương bao la cho những người quanh chị. Bất lực trước một ca mổ, chị đau đớn, lo lắng cho người em nuôi giờ này đang đè nặng tang tóc, đêm chị mất ngủ. Tất cả những điều ấy đều xuất phát từ lòng yêu thương trong trái tim chị! Để chính từ những lo lắng, đau đớn ấy dân tộc Việt Nam có một người con anh dũng, kiên cường tận tụy làm người. Đó là chuyện của 30 năm trước, còn giờ đây có biết bao người ngày đêm nhen lên ngọn lửa tình yêu thương trên cõi đời này. Một nhà giáo già ngày ngày đạp xe khắp chốn bán những bức hình cụ Rùa Hồ Gươm mà thầy vô tình chụp được để lấy tiền góp vào quỹ “Vì người nghèo”. Bao nhà hảo tâm, bao con người có mỗi năm lại lắng lòng mình nhớ đến những người còn trong đói khổ bần cùng. Cuộc sống muôn màu muôn vẻ tạo nên muôn nghìn gương mặt con người khác nhau: có người tốt, kẻ xấu, có những người từng gây ra tội ác. Nhưng không có ai chưa từng sai lầm. Dẫu có lầm lạc bước vào ngõ cụt vẫn có thể quay đầu lại. Chúng ta vẫn luôn dang tay chờ đón một con người mới ở những người từng mắc tội. Mỗi dịp lễ lớn, không chỉ những người ngoài khung sắt nhà lao mới náo nức chờ đợi mà những người ở trong cũng vui mừng vì mỗi dịp ấy họ lại

có cơ hội được ân xá, được trở về với người thân, bè bạn. Chào đón họ bằng lòng bao dung tha thứ, tin vào một sự thay đổi ở họ đó cũng là “sống đẹp”. Chính nhờ có lòng yêu thương mà không ít người tìm lại được chính mình. Có một nhà thơ với bút danh “Hoàn Lương” từng nửa đời làm tướng cướp trên những chuyến tàu Đà Nẵng - Nha Trang, làm đại gia buôn lậu xảo quyệt, thỉnh ân ấy tên là “Nguyễn Đức Tân” (Đông Mỹ - Thanh Trì - Hà Nội). Nửa đời làm việc thất đức nhưng trong trại giam được nghe lời khuyên nhủ tâm tình của giám thị, như người tỉnh cơn mê anh tâm sự: “Đêm đêm nghe tiếng vọng vang Tiếng ngoài xã hội rộn ràng trong đêm Đã buồn lại thấy buồn thêm Khát thèm cuộc sống ấm êm ngoài đời” Và cuộc đời của tên tướng cướp ấy rẽ sang một ngã khác khi mãn hạn tù, anh trở thành một nhà thơ, một thành viên của đội Công an xã. Khi được hỏi làm thế nào mà cá sự thay đổi lớn trong anh như vậy, tướng cướp, thi nhân ấy trả lời nhờ có sự bao dung, tình yêu của người vợ hiền và của tất cả mọi người. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng viết “Sống trên đời cần có một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi...”. Gió sẽ cuốn những tấm lòng thảo thơm gieo tình yêu khắp muôn nơi, mang lại ánh sáng cho miền đất tăm tối, mang lại hạnh phúc cho những người cùng khổ. Mỗi chúng ta, hãy gửi theo gió tấm lòng mình để cứu giúp bao người và để chính chúng ta là những con người có lối “sống đẹp”. “Cuộc sống không có con đường cùng chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải làm sao để vượt qua được những ranh giới ấy” (Nguyễn Khải). Cuộc sống luôn chứa đựng những thử thách, và không ai là không vấp ngã một lần. Vậy nhưng sau cú ngã đau đớn ấy, bạn làm gì mới là điều đáng nói. Trong đầu tôi cứ thể hiện lên hình ảnh con lật đật nhỏ bé miệng luôn nở nụ cười và lần nào vấp ngã cũng bật dậy, trên môi vẫn là nụ cười lạc quan. Đã bao giờ bạn được như con búp bê ấy, kiên cường và nghị lực?... Đọc Đặng Thùy Trâm, những dòng tâm sự của chị, từng câu từng chữ bao giờ cũng tràn ngập một lòng ham sống phi thường. “Đời phải trải qua giông tố nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Câu nói tâm đắc ấy của chị, giờ đây, mỗi chúng ta cũng phải lấy đó làm châm ngôn sống cho cuộc sống của mình. Tôi được nghe thầy dạy Hoá kể câu chuyện về người học trò cũ của thầy. Anh là một học sinh chăm ngoan, học giỏi, luôn nằm trong nhóm đầu. Vậy nhưng trong kỳ thi Đại học quan trọng anh lại trượt điều tưởng như không thể đã xảy ra. Đau buồn, thất vọng về chính mình, cuộc sống của một thanh niên 18 tuổi lúc ấy chỉ toàn một màu đen khi bao hứa hẹn tương lai, kỳ vọng của gia đình, thầy cô đều sụp đổ. Không chịu giam mình trong màn đêm, anh tự mình thắp lên ngọn nến niềm tin và tiếp tục học tập hết mình. Anh đã đổ vào năm

sau với một số điểm cao. Dù so với bạn bè, anh là người đến sau nhưng anh lại là người đạt được chiến thắng lớn nhất: Chiến thắng chính mình, cuộc sống với những ranh giới của nó luôn bao quanh bạn. Nếu không có nghị lực làm sao bạn có thể đi hết được con đường của riêng mình? Từ số 1 đến số 0 chỉ trong gang tấc nhưng khoảng cách từ số 0 đến số 1 trên trục đời là cả một quá trình mà nếu không có niềm tin, nghị lực, bạn sẽ mãi chỉ là con số 0 mà thôi. Hãy là một người bộ hành với đôi chân dẻo dai sẵn sàng đạp lên mọi chông gai để bước đi: “Chặng đường nào trải bước trên hoa hồng, bàn chân cũng thấm đau vô vàn những mũi gai” Lời bài hát của ban nhạc tôi yêu thích cứ vang vọng bên tai. Bàn chân có thể sẽ chảy máu vì gai nhọn nhưng đừng ngồi xuống rên xiết, hãy để máu ấy thấm lên những cánh hồng đỏ thắm trên bước đường vinh quang của bạn! Làm được như vậy tức là bạn đang “sống đẹp”, sống và luôn giữ cho mình một niềm tin vào ngày mai, luôn có một nghị lực vươn lên hướng đến ánh mặt trời. Tôi từng đọc một bài thơ nghe qua tưởng chỉ là thơ vui nhưng lại mang một ý nghĩa sâu sắc: “Khi anh sinh ra. Mọi người đều cười. Riêng anh thì khóc”. Hãy sống sao để khi chết đi/ Mọi người đều khóc/ Còn môi anh thì nở nụ cười”. Bạn và tôi, hãy tự chiêm nghiệm cho mình lối sống đẹp để khi ở cuối con đường, chúng ta đều mỉm cười mãn

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về tình mẫu tử trong xã hội ngày nay

Mỗi khi nhắc về mẹ, chắc hẳn trong lòng mỗi con người chúng ta không ai là không khỏi xao xuyến, bồi hồi. Bởi mẹ chính là người đã chăm sóc, nuôi nấng ta khôn lớn từng ngày vượt qua bao gian lao, vất vả, vượt qua tất cả những khó khăn, thử thách của cuộc đời. Vì vậy mà khi viết về mẹ Nguyễn Duy đã viết :“Ta đi trọn kiếp con người Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru” Tình mẹ cao cả và bao la, một thứ tình cảm đẹp đến mãnh liệt. Hai câu thơ có tính hàm súc và sâu lắng trong một bài thơ xúc động viết về mẹ. Vẻ đẹp của hai câu thơ thật chữ tình: thể hiện ở cảm xúc vừa lắng đọng, vừa thiêng liêng ,mang nặng triết lý: mấy lời mẹ ru biểu tượng cho tình cảm yêu thương vô bờ mà mẹ dành cho con. Cách nói đi trọn kiếp cũng không đi hết khẳng định tình mẹ là vô cùng thiêng liêng cao cả và bất tử; là bao la vô tận, không sao có thể đền đáp hết được. ý thơ cũng thể hiện lòng biết ơn sâu sắc. Tình mẫu tử là tình cảm thương yêu, đùm bọc, che chở,...mà người mẹ dành cho con. Tình cảm ấy vừa tự nhiên vừa cao cả nên sẽ đi theo mỗi người suốt cuộc đời. Vâng, từ xưa đến nay Trong đời sống của mỗi con người có vô vàn mối quan hệ tình cảm hết sức tinh tế, phức tạp và phong phú, nhiều thứ tình cảm cao đẹp như tình cảm với ông bà, tình cảm anh chị em, tình bạn, tình yêu, tình cảm với quê hương đất nước, thì tình cảm cao quý nhất, thiêng liêng nhất và vĩnh cửu nhất, có vị trí đặc biệt, thiêng liêng và sâu nặng nhất có lẽ, bao giờ cũng là tình mẫu tử ... Vì đó là tình cảm đầu tiên của mỗi người khi sinh ra và sẽ gắn bó trong suốt cuộc đời. “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào” ... Lòng mẹ, cũng chính là tình mẫu tử. Đó là một thứ thiêng liêng, quý giá xuất phát từ tâm hồn long lanh như pha lê, dịu ngọt như dòng suối của mẹ dành cho đứa con thân yêu của mình. “Mẫu” là mẹ, “tử” là con. Hai từ này hầu như chưa bao giờ xa cách, ví như cho dù họ có cách xa bao lâu, bao xa thì tâm hồn của mẹ và con luôn hòa quyện vào nhau Khi con còn bé thơ, từ lúc vừa chào đời đã được bàn tay của mẹ đỡ dành, nâng niu. Một chút lớn nữa, mẹ cũng là người đỡ từng bước đi đầu tiên. Khi đi học, cũng có những lúc con ham chơi khiến mẹ buồn lòng nhưng bà vẫn không bao giờ buồn hay hờn trách con, luôn chỉ bảo cho con thứ gì đúng, thứ gì sai. Tất cả những điều đấy đã đều chứng minh được thế nào là tình mẹ Mẹ hi sinh tất cả để giành cho con những gì tốt đẹp nhất, mẹ thức trắng đêm trông nom khi con ốm, mẹ

lặn đận sớm hôm để lo cho cuộc sống con được trọn vẹn, mẹ long đong sớm chiều vì công việc để lo cho con đủ miếng cơm, manh áo...sự vất vả, tận tụy ấy không thể kể hết được bằng lời Những việc làm và tình cảm mẹ dành cho con không gì có thể sánh bằng. Bởi mẹ chính là người đã chăm sóc nuôi nấng ta từng ngày,vượt qua bao nhiêu gian lao vất vả, vượt qua tất cả những khó khăn thử thách của cuộc đời là người chấp cho ta những đôi cánh ước mơ để bay đến chân trời hi vọng. Mẹ chính là nơi nương tựa vô cùng vững chãi cho mỗi đứa con sau mỗi lần vấp ngã; là nơi mỗi người con như chúng ta có thể thổ lộ mọi điều thầm kín; là hình ảnh thu nhỏ của những ước mong, những khát khao thanh bình và hạnh phúc; là nguồn động viên; là tình yêu; là cả những day dứt, dằn vặt, trăn trở; là niềm tự hào chính đáng của một con người. Từ khi sinh ra đến khi khôn lớn, trưởng thành, mẹ luôn dõi theo từng bước chân của con. Khi con vấp ngã, mẹ sẵn sàng nâng con dậy. Khi con vui hay buồn, mẹ luôn là người ở bên con, chia xẻ và động viên con.Như nhà thơ Chế Lan Viên đã có câu “Con dù lớn vẫn là con của mẹ ,đi suốt cuộc đời lòng mẹ vẫn theo con”. Những người mẹ, ai đã chẳng từng một lần mang nặng đẻ đau, từng vắt cạn kiệt dòng sữa đời mình nuôi con khôn lớn?... Con dù lớn, vẫn là con của mẹ Đi hết đời lòng mẹ vẫn yêu con”.Tình mẹ ấm áp như vầng thái dương, dịu hiền như dòng sông xanh. Ngay từ những ngày đầu, mẹ là người nâng đỡ , yêu thương chúng ta. Ngay cả khi lớn lên, mẹ vẫn sát cánh cùng chúng ta trên con đường đời đầy gian lao và thử thách. Tình mẫu tử cao quý ấy không gì có thể sánh bằng Tình yêu thương của mẹ giành cho con là vô cùng thiêng liêng, cao cả là bất tử, là bao la vô tận, không sao có thể đền đáp hết được.Phải chăng tình mẫu tử chính là tuổi thơ của loài người còn sót lại: Thật cao quý và may mắn biết bao đối với những ai còn mẹ. Không có gì hạnh phúc hơn khi được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ. Mẹ luôn quan tâm đến con, giành cho con những gì tốt đẹp nhất. Tình yêu thương cùng những lời chỉ bảo ân cần của mẹ sẽ là hành trang quý báu giúp con vào đời. Chính tình mẫu tử sẽ là sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Có một nhà văn đã nói: “Con chẳng bao giờ cúi mặt trước uy nghi... Nhưng khi đứng trước mẹ con thấy mình nhỏ bé làm sao”. Đúng vậy, dù sau này ta có vị trí trong xã hội hay...gì gì đó đi chăng nữa, thì khi đứng trước mẹ, con vẫn chỉ là đứa trẻ tội nghiệp, yếu ớt cần sự chở che, đùm bọc. Cuộc sống của con sẽ ra sao nếu không có mẹ Chẳng thể nào nói hết được tình mẹ đối với con cái. Chỉ biết rằng mỗi chúng ta cần biết trân trọng thứ tình cảm thiêng liêng đó. Đất nước ngày càng phát triển, xã hội ngày càng hiện đại, thì vai trò của người mẹ càng được khẳng định. Người

mẹ không chỉ chăm lo cho gia đình, tham gia các hoạt động xã hội, với những đứa con tuổi mới lớn mẹ còn là người bạn, người chị luôn quan tâm, chia sẻ những tâm tư nhiều khi phức tạp của con. Chính điều đó mẹ trở nên gần gũi con hơn bao giờ hết... Cuộc sống sẽ trở nên vô nghĩa nếu như không có mẹ. Những ai đang còn mẹ thì hãy biết quý trọng và giữ gìn nó... Đại văn hào Nga Macxim Gorki đã viết: “Đời thiếu mẹ hiền, không phụ nữ/ Anh hùng, thi sĩ, hỏi còn đâu?”. Hãy trân trọng từng giây phút, dẫu rằng đôi khi mẹ không phải là người hiểu ta nhất trong những người bạn của ta, có thể không đồng ý với những suy nghĩ của chúng ta, nhưng người ấy vẫn là mẹ!!! Hãy luôn là những đứa con ngoan, tu dưỡng đạo đức, học thật giỏi để đền đáp những công lao, những tình cảm mà mẹ đã dành cho chúng ta. Hiện nay, trong xã hội không hiếm những kẻ bất hiếu, làm cho mẹ phải khóc không thiếu những kẻ sống lạnh nhạt, Đó là những hành vi mà chúng ta phải lên án cần cảnh cáo với những hành vi trái ngược với lương tâm, đạo đức của mỗi người. Đó là nhiệm vụ của bản thân chúng ta. Câu chuyện “Hoa hồng tặng mẹ” có giá trị hơn nhiều lần những bài luân lý nói về lòng nhân hậu, tình người, tình mẫu tử. Sức mạnh của văn chương nghệ thuật thật cực kì sâu xa Mẹ không thể sống đời với chúng ta vì thế hãy quan tâm mẹ hơn khi còn ở bên cạnh bạn. Có những thứ khi đã qua rồi thì không bao giờ lấy lại được. Tình cảm của mẹ như ánh sáng trên cao, bóng mát trên cao, như dòng sữa ngọt ngào. Cuộc đời thật công bằng biết bao khi đã cho cho mỗi người chúng ta thứ gọi là “tình mẫu tử”... Tình mẫu tử của mẹ và con là thứ tình cảm đáng quý nhất mà suốt cuộc đời này những đứa con sẽ mãi trân trọng. Dù “tung cánh muôn phương”, con vẫn sẽ mãi mang theo tình mẫu tử cao đẹp mà mẹ dành cho con. Những ai đang và đã được nhận tình mẫu tử thiêng liêng ấy, hãy cố gắng trân trọng và giữ gìn vì nếu như một ngày nào đó nếu tình cảm ấy không còn thì cuộc sống này sẽ trở nên tẻ nhạt. Ôi ! Tình mẫu tử thật cao đẹp biết bao. Lời tri ân của người con với mẹ là lời ca ngợi sự vô giá, vô bờ bến của tình mẫu tử mẹ dành cho con. Đọc hai câu hai thơ tuy giản dị nhưng thật thấm thía đủ để mỗi con người khi nhắc đến người mẹ, họ luôn nghĩ đến một tình cảm thật bao la, chân thành và ấm áp chứa chan bao tình yêu thương. Mẹ như vạt nắng bình minh Đem nguồn nhựa sống để dành cho con. Sáng soi như mảnh trăng tròn Hành trình mẹ vẫn đầu non cuối ghènh.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy bình luận về vai trò của quê hương đất nước đối với cuộc sống, tâm hồn mỗi người

Gợi ý bài: Vị trí, vai trò của quê hương trong đời sống của mỗi con người: + Mỗi con người đều gắn bó với quê hương, mang bản sắc, truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì thế, tình cảm dành cho quê hương ở mỗi con người là tình cảm có tính chất tự nhiên, sâu nặng. + Quê hương luôn bồi đắp cho con người những giá trị tinh thần cao quý (tình làng nghĩa xóm, tình cảm quê hương, gia đình sâu nặng...). + Quê hương luôn là điểm tựa vững vàng cho con người trong mọi hoàn cảnh, là nguồn cổ vũ, động viên, là đích hướng về của con người. - Bàn bạc mở rộng: + Phê phán một số người không coi trọng quê hương, không có ý thức xây dựng quê hương, thậm chí quay lưng, phản bội quê hương, xử xử. + Tình yêu quê hương cũng đồng nhất với tình yêu đất nước, Tổ quốc. - Phương hướng, liên hệ: + Xây đắp, bảo vệ quê hương, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi con người. + Là học sinh, ngay từ bây giờ phải tu dưỡng, tích lũy kiến thức để sau này xây dựng, bảo vệ quê hương.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Suy nghĩ của anh /chị về lòng tự trọng trong cuộc sống hiện nay

Lòng tự trọng là một trong những phẩm chất tốt đẹp của con người. Đó là luôn chú ý giữ gìn phẩm giá, nhân cách của mình dù ở bất cứ hoàn cảnh nào. Người có lòng tự trọng là người có đạo đức, có thiên lương, có tư tưởng nhân nghĩa, không bao giờ làm điều xấu, việc ác. Xưa nay, trong các gia đình tử tế, sống có nề nếp, có gia phong tốt đẹp, các bậc ông bà, cha mẹ thường khuyên dạy con cháu phải có lòng tự trọng: “Giấy rách phải giữ lấy lề”, “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng”, “Miếng ăn quá khẩu thành tàn”... Có cụ bà gia đình gia giáo dạy con: “Làm bất cứ công việc gì và dù ở đâu, ngay cả những khi chỉ có một mình, cũng phải nghĩ rằng luôn luôn có quỷ thần hai vai chứng giám”. Có thể nêu ra rất nhiều biểu hiện của lòng tự trọng: Không tham tiền bạc, của cải bất chính; Nhặt được của rơi, trả lại người mất; Lỡ va quệt xe cộ vào người đi đường thì đỡ người ta dậy, hỏi han và xin lỗi hoặc đưa vào bệnh viện; Đi xe không lạng lách, đánh võng, vượt ẩu, thực hiện tốt văn hóa giao thông; ăn nói và trang phục lịch sự, khiêm nhường; không buôn gian bán lận, không tăng giá vô tội vạ để bóp hầu bóp cổ đồng bào của mình... Người có lòng tự trọng biết xấu hổ khi lỡ xảy ra điều gì sai trái và có ý thức sửa chữa đến cùng. Nói rộng ra, người có lòng tự trọng cũng không bao giờ mua chức, bán danh hoặc luồn cúi trước uy quyền để cầu cạnh, tư lợi. Người có lòng tự trọng bởi tiếp thụ được sự giáo dục đúng đắn, chu đáo, tốt đẹp trước hết từ ngay trong gia đình mình. Chẳng thế mà cổ nhân đã dạy rất chí lý: “Giỏ nhà ai, quai nhà ấy” hoặc “Con nhà tông, chẳng giống lông cũng giống cánh”... Gia đình có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc giáo dục nhân cách, nhân phẩm cho con em. Gia đình chính là trường học đầu tiên và cha mẹ chính là người thầy giáo đầu tiên của mỗi người! Tiếp liền với giáo dục gia đình là giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội. Ba môi trường giáo dục này có trong sáng, lành mạnh và có phương pháp giáo dục tốt thì mỗi người mới có lòng tự trọng, mới có những phẩm cách tốt đẹp. Tuy nhiên, bản thân mỗi người cũng phải biết tự giáo dục mình, tự điều chỉnh hành vi của mình theo truyền thống đạo lý dân tộc và lối sống văn minh mới có thể đạt tới cái Chân - Thiện - Mỹ. Nhìn thẳng vào sự thật và dám nói lên sự thật thì phải chăng người Việt mình hiện nay, trong mặt trái của công cuộc “mở cửa” và sự sơ khai của nền

kinh tế thị trường đã xuất hiện rất nhiều người thiếu lòng tự trọng? Tôi nhớ câu nói của Tê-rêch Sam, cô gái gốc Việt xinh đẹp từ nước Anh về Hà Nội dự chung kết cuộc thi Hoa hậu Thế giới người Việt lần đầu tiên tổ chức tại Việt Nam. Ngồi xe con đi trên đường phố Hà Nội hỗn loạn vì xe cộ, nhiều lúc cô thót tim vì sợ tai nạn giao thông có thể đến với mình bất cứ lúc nào. Có nhà báo hỏi: “Trước khi trở về Anh quốc, cô có nhận xét gì sau những ngày ở Việt Nam và Hà Nội?”, Tê-rêch Sam trả lời rất chân thành và hồn nhiên: “Em nghĩ là mỗi người nên có lòng tự trọng khi tham gia giao thông!”. Cũng nhận xét về tình trạng giao thông quá bất nháo ở Việt Nam, nữ văn sĩ nổi tiếng người Đức, bà Y-u-li Giê-ni, sau 4 tuần du lịch ở Việt Nam, đã viết cuốn sách rất thu hút độc giả Đức nhan đề: Nhật ký du lịch Việt Nam. Bà mô tả cảnh giao thông ở Việt Nam và Hà Nội “quay cuồng như một màn xiếc tập thể” và “như một nồi súp cực nóng” khiến bà hoảng loạn. Và bà kết luận: “Tham gia giao thông ở Việt Nam cần ý chí dũng cảm và không sợ chết”. Gần đây, nhiều tờ báo có tên tuổi của ta đã có diễn đàn và chuyên đề phê phán những thói hư tật xấu của người Việt với những bài viết chân thành, thẳng thắn. Đây là những người viết trung thực và có lòng tự trọng, mong muốn bồi dưỡng và nâng cao lòng tự trọng đích thực của dân tộc mình, để xây đắp nền văn hóa dân tộc. Càng có nhiều người có lòng tự trọng thì xã hội càng tốt đẹp, đất nước mới phát triển ổn định và bền vững; danh dự giống nòi càng được bề bạn quốc tế yêu mến, khâm phục.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Suy nghĩ của bạn về lòng tự trọng trong cuộc sống hiện nay

Đọc truyện “Một người Hà Nội” của Nguyễn Khải ta nhận thấy được những vấn đề nhân sinh thiết thực mà nhà văn đặt ra. Trong tác phẩm, nhân vật bà Hiền từng bày tỏ quan điểm dạy dỗ con cái, chú ý cách dạy con: “biết tự trọng, biết xấu hổ, còn sau này muốn sống ra sao thì tùy”. Vấn đề “lòng tự trọng” mà nhà văn đề cập đến trong câu nói của nhân vật, là một trong những quan niệm nhân sinh thiết thực ấy. Là một người Hà Nội, bà Hiền rất quan tâm đến việc dạy dỗ, chỉ bảo con cái. Bà dạy con học lối sống của người Hà Nội, “học cách nói năng, đi đứng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng”. Bên cạnh đó, bà còn dạy con phải biết tự trọng. Dạy con biết tự trọng, biết xấu hổ là dạy một nhân cách sống có văn hóa. Điều đó chứng tỏ rằng bà là if có ý thức rất cao về lòng tự trọng. Điều đó thể hiện khi người con trai đầu lòng xin đi lính, bà Hiền “đau đớn mà bằng lòng” bởi bà “không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn bè”. Trong mắt bà, người con trai “dám đi cũng là biết tự trọng”. Đến khi, sau 3 năm vắng bóng, tin tức người con trai đầu vẫn biệt vô âm tín, người con thứ xin đi tòng quân, bà đã “không khuyến khích cũng không ngăn cản con”, bởi “ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó chết cũng là 1 cách giết chết nó!”. Qua những suy nghĩ từ tận sâu thẳm đáy lòng ấy, ta đọc được ở bà Hiền - một người coi lòng tự trọng là nguyên tắc hành xử cao nhất của con người. Bà ghét sự ăn bám, sống bám, ghét sự dựa dẫm vào người khác. Với bà, để có thể mưu sinh, mỗi người cần tự thân vận động, tự đóng góp công sức của mình vào công việc chung của đất nước. Dạy con biết tự trọng, biết xấu hổ thì chính bà là người ý thức sâu sắc nhất về điều đó. Bà đã tâm sự những lời gan ruột rằng : “Tao cũng muốn sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả, hoặc chết cả, vui lẻ thì có hay hóm gì?”. Ở bà Hiền lòng tự trọng gắn liền với ý thức và trách nhiệm của 1 công dân yêu nước, 1 bản lĩnh cá nhân mạnh mẽ. Những lời bộc bạch chân thành chứng tỏ bà có khả năng vượt lên trên cái nhất thời, cái thói thường để đạt tới cái bền vững theo niềm tin riêng của chính mình. Việc bà đặt quyền lợi đất nước lên trên quyền lợi cá nhân cũng chính là biểu hiện của lòng yêu nước, lòng tự trọng, của 1 cốt cách văn hóa người Việt lắng sâu tằm lòng yêu nước. Vậy, thế nào là lòng tự trọng? Lòng tự trọng là ý thức

coi trọng giá trị bản thân mình, Và sự thật, trong mỗi con người luôn tồn tại những giá trị sẵn có vì con người là “tinh hoa của tạo hóa”. Việc coi mình có giá trị, biết giữ gìn danh dự, phẩm cách của mình là thái độ sống đúng đắn. Trong cuộc sống, lòng tự trọng đơn giản là sự tự nhận thức giá trị của bản thân mình để phát huy sức mạnh vốn có. Bạn không phải là người thật sự mạnh dạn, thể nhưng bạn đã đủ dũng khí để đại diện cho tổ mình trình bày bài thuyết trình trước lớp. Trước giờ phút ấy, bao ý nghĩ đan xen: Mình có thể hay không thể làm được? Và cuối cùng, chính niềm tin vào năng lực của mình đã giúp bạn vượt qua thách thức, thành công mỹ mãn. Tôi từng nở nụ cười như vậy bởi tràng pháo tay của cô giáo và các bạn khi chấm dứt câu nói cuối cùng: “Cảm ơn các bạn đã lắng nghe”. Lòng tự trọng còn là ý thức giữ gìn nhân phẩm, phẩm chất, danh dự của mình. Đọc “Truyện Kiều” (Nguyễn Du), ta biết đến 1 nàng Thúy Kiều đã từng đau khổ, quần quai, trăn trở thế nào khi ở chốn thanh lâu: “Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh Giật mình, mình lại thương mình xót xa” Cao đẹp thay, cái “giật mình” ấy của Thúy Kiều, đó chính là sự ý thức giữ gìn phẩm cách. Với Kiều, sự thức tỉnh nỗi đau tinh thần chính là biểu hiện của lòng tự trọng. Lòng tự trọng không chỉ là coi trọng giá trị của mình để tỏa sáng những giá trị ấy bất cứ lúc nào, cũng không chỉ là sự nhận thức về danh dự, nhân phẩm của mình để giữ gìn nó mà còn là sự ý thức về sự hạn chế, thiếu sót của mình để có sự chỉnh sửa đúng đắn, thích hợp. Một vị tổng thống của đất nước nọ khi nhận ra mình không đủ khả năng để đưa đất nước đi lên đã đệ đơn xin từ chức. Lòng tự trọng của vị tổng thống ấy chính là biết nhìn thẳng vào sự thực, đối mặt với những hạn chế của mình để có những hành động đúng đắn. Đến đây, ta càng thấm thía lời tâm sự của nhân vật cô Hiền: “Tao chỉ dạy cho chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao thì tùy”. Lòng tự trọng là điều kiện cần trong cuộc sống của bạn. Một khi biết tôn trọng bản thân, bạn sẽ vững tin hơn vào những việc bạn làm. Một khi biết giữ gìn phẩm cách, danh dự của mình, bạn sẽ thận trọng và làm chủ mình khi đương đầu với thách thức. Nhìn ra được hạn chế, thiếu sót của mình để kịp thời sửa đổi, bạn sẽ dần dần hoàn thiện nhân cách của mình. Tin vào bản thân là động lực để người khác đặt niềm tin vào bạn. Hiểu được giá trị của mình ta sẽ hiểu được giá trị của những người khác. Lòng tự trọng là cơ sở đầu tiên để xây dựng lòng tin vào xã hội. Marden từng nói: “Những gì chúng ta thật sự tin vào bản thân chúng ta đều đúng”. Vì vậy, lòng tự trọng là nền tảng để trên đó bạn định hình thái độ sống lạc quan, yêu đời. Thế nhưng, khi lòng tự trọng lên đến quá cao có thể dẫn đến tính tự kiêu, tự đắc. Hẳn ta còn nhớ đến cuộc thách đấu giữa Thỏ

và Rùa. Thất bại thuộc về kẻ say sưa, huyễn hoặc vào giá trị của mình, từ đó sinh ra tự cao, khinh người, ngạo mạn. Tuổi trẻ hiếu thắng và bông bột với nhiều thiên kiến hợm hĩnh dễ dẫn ta đến thái độ này. Trái lại, lòng tự trọng phải luôn đi kèm với tính khiêm nhường, từ tốn, niết người biết ta. Còn khi thiếu lòng tự trọng, con người ta sẽ cho mình là hèn kém hơn người khác. Điều này cũng có tác hại không kém gì tính tự kiêu, tự đắc. Những người thiếu tự trọng thì không thể tỏa sáng hết tài năng vốn có để làm đẹp cho mình, làm đẹp cho đời. Khi gặp khó khăn, họ dễ bi quan, chán nản, vì thế là sinh ra “cái chết trong tâm hồn”. Ấy là sự nản lòng. Thực tế cuộc sống, có nhiều người ý thức được về lòng tự trọng, về giá trị, nhân cách, danh dự của bản thân mình. Thế nhưng, nếu họ chỉ có ý thức mà không đi kèm với hành động, không hiện thực hóa những gì mình suy nghĩ thì có phải đã biết tự trọng? Lòng tự trọng là sự song hành giữa nhận thức và hành động, giữa lời nói và việc làm. Đó mới là bản chất đích thực của lòng tự trọng. Lòng tự trọng đâu chỉ gói gọn trong vấn đề mỗi cá nhân mà nó còn là vấn đề của cả 1 dân tộc. Một dân tộc có lòng tự trọng sẽ khẳng định được chỗ đứng của mình trên trường quốc tế, vị thế và tầm vóc của dân tộc đó cũng được nâng cao cùng với thời gian. Rõ ràng, lòng tự trọng là phẩm chất đầu tiên mà mỗi con người cần phải có, nó là cpn đường ngắn nhất đưa ta đến bến bờ của sự thành công. Cội nguồn, gốc rễ của lòng lạc quan, tình yêu cuộc sống cũng xuất phát từ đó.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của em về lòng tự trọng trong cuộc sống

Gợi ý làm bài 1, Giải thích và chứng minh nội dung ý kiến mà đề bài đã nêu ra - Thế nào là tự trọng? Theo từ điển Tiếng Việt thì tự trọng là coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của mình. - Phân biệt tự trọng với tự ti và tự cao: + Tự cao: Tự cho mình là nhất, là hơn người mà coi thường người khác + Tự ti: Tự cho mình là thua kém người Cả 2 tính cách này đều khác với tự trọng và đều là tính cách không nên có, cần sửa chữa, xóa bỏ. - Lòng tự trọng có từ đâu? Lòng tự trọng hình thành và phát triển trong suốt cuộc đời chúng ta. Những trải nghiệm trong thời thơ ấu đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên lòng tự trọng. Khi lớn lên, thành công hay thất bại, cách đối xử của gia đình, bạn bè, thầy cô... đều tác động trực tiếp và góp phần hình thành nên lòng tự trọng của mỗi người. - Vai trò của lòng tự trọng: + Lòng tự trọng là nhân tố tất yếu trong cuộc sống của bạn. một khi biết tôn trọng bản thân bạn sẽ cảm thấy tự tin, hạnh phúc và vững tin vào chính mình. Không những thế, đó còn là động lực mạnh mẽ cho bạn tiến bước và gặt hái thành công. Chính vì thế lòng tự trọng là 1 nhân tố quan trọng và là nền tảng định hình thái độ lạc quan của bạn về cuộc sống. + Những trải nghiệm trong thời thơ ấu có thể dẫn đến sự thiếu lòng tự trọng của trẻ như: bị chỉ trích gay gắt thậm tệ, bị la mắng, đánh đập; hoặc ko được quan tâm chăm sóc; bị người khác nhạo báng, chế giễu, đầu cợt... gia đình đòi hỏi trẻ phải luôn tốt về mọi mặt. Sự thất bại trong học tập, thể thao... cũng là những yếu tố dẫn đến thái độ tiêu cực của trẻ đến bản thân. Những người thiếu tự trọng, một khi đã gặp những thất bại trong cuộc sống sẽ rất dễ bi quan, chán nản, bất cần... những hậu quả này khiến họ trở nên mặc cảm với bản thân mình, tinh thần ngày càng sa sút... 2. Bình luận - Lời của bà Hiền hoàn toàn đúng – đây là 1 ý nghĩ dạy con hợp tình, hợp lí, giúp cho tuổi trẻ hình thành nhân cách bước vào đời. - Bài học rút ra cho bản thân : rèn giũa, tôi luyện lòng tự trọng trong những tình huống phức tạp diễn ra trong cuộc sống, trong học tập, công tác... - Tránh những biểu hiện tự ti, thiếu lòng tự trọng của bản thân, đồng thời cố gắng tìm hiểu giúp đỡ bạn bè chung quanh ta cùng vượt qua khó khăn để vững tin bước về phía trước...

Văn Mẫu Lớp 10 - Nhà bác học Ac-si-met đã từng nói: “Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng bổng cả Trái Đất lên” Nếu được chọn ba điểm tựa trong cuộc đời, anh (chị) sẽ lựa chọn những điểm tựa nào

Dàn ý: Mở bài: Mỗi con người đều chọn cho mình một hướng đi một sự nghiệp để tiến tới để đạt được lẽ sống huyền diệu mà ai cũng mơ ước vậy với bạn thì sao? Cái bạn muốn vươn tới dù nó có cao như thế nào nếu bạn có mục đích sống cách thực hiện lí tưởng sống đúng đắn thì bạn luôn là người chiến thắng hay nói một cách khác lí tưởng sống ấy chính là bạn dựa vào đâu để bứt phá trên con đường mình đang đi. Thân bài: - Chọn cho mình 3 điểm tựa (1) Gia đình (Vì gia đình là cái nôi nuôi dưỡng mọi con người là nền tảng của xã hội là cái để tạo nên 1 xã hội văn minh) (2) Hướng phát triển của bản thân (nó sẽ là bước ngoặt lớn nếu bạn biết cách tạo dựng cho riêng mình) (3) tính cách và công việc (ở đây mình muốn nói tới việc bạn sẽ trở thành người thành đạt như thế nào khi chọn những cách để vươn lên) - những điểm tựa ấy vì sao bạn lại chọn nó Kết bài: Nêu suy nghĩ chung của bản thân

Văn Mẫu Lớp 10 - Hướng dẫn thuyết minh về một món ăn truyền thống

Hướng dẫn: 1: Tìm hiểu thật kĩ về món ăn mình muốn thuyết minh (Tìm sẵn tư liệu) về: - Lịch sử ra đời (nếu có) - Nguyên liệu làm - Cách làm - Hiện nay có nhiều ở đâu, làng nghề nào hiện nay vẫn lưu truyền (nếu có) 2: Chọn phương pháp thuyết minh phù hợp 3: Hành văn (chú ý không lạc qua văn tự sử)

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về một quan điểm “học đi đôi với hành”. Anh (chị) cần làm gì để thực hiện tốt việc học kết hợp với hành

I. Mở bài: Để cho xã hội phát triển toàn diện con người cần phải có tri thức và việc học tập là vô cùng quan trọng. Nhưng để việc học có hiệu quả thì tư tưởng mới của Nguyễn Thiếp đã thể hiện rõ trong bài “Bàn luận về phép học”: Cứ theo điều học mà làm: nghĩa là học phải kết hợp với hành. Và để kể tục những tư tưởng đó, T5.1950, Bác hồ đã nói: Học phải đi đôi với hành. Học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy. Từ đó, ta thấy được tầm quan trọng giữa việc học và hành.

II. Thân bài:

1. Thế nào là học: - Học là tiếp thu kiến thức được tích lũy trong sách vở, là nắm vững lí luận đã được đúc kết trong cá bộ môn khoa học, đồng thời tiếp nhận những kinh nghiệm của cha anh đi trước. Học là trau dồi kiến thức, mở mang trí tuệ. Tóm lại học là sự thu nhận kiến thức từ người khác, rèn luyện thành kĩ năng nhận thức tri thức. - Không có học là ko có kiến thức về kinh tế xã hội, con người - đời sống. Cho nên, “Người không học như ngọc không mài”. 2. Thế nào là hành: - Hành nghĩa là làm, là thực hành các ứng dụng, kiến thức vào thực tiễn đời sống. Ta lấy những điều đã học để làm. - Học với hành phải đi đôi, không thể tách rời mà phải gắn liền. - Học và hành là một quá trình thống nhất. Nó phải được đúc kết và nâng cao trong thực tiễn đời sống. Học thì dễ, nhưng học kết hợp với hành là vô cùng khó khăn, đòi hỏi học sinh tự có ý thức rèn luyện. 3. Tại sao học phải kết hợp với hành: - Trong thực tế học tập, hành chính là mục đích và phương pháp học tập bởi vì kiến thức học được phải được áp dụng trong cuộc sống. - Khi người học đã có kiến thức, lý thuyết mà không vận dụng vào thực tiễn, không thực hành thì học vô ích, việc học chẳng để làm gì. Vì người đi học phải trải qua một quá trình lâu dài, fải đầu tư vào thời gian, sức lực, tiền của. Nếu những điều đã được học mà không thực hành, áp dụng vào trong thực tiễn sẽ trở nên lãng phí. * Nguyên nhân để việc học mà không hành: + Biệc học không thấu đáo, không đầy đủ, học một đàng thực hành một nẻo; hoặc người đi học không có môi trường để hoạt động. Kiến thức chưa được trang bị đầy đủ, việc thực hành thiếu tự tin, không làm được việc gì, bị chê cười => ngại ra với thực tiễn, Xã hội - Người đi học muốn thực hành mà không có lý thuyết, lí luận chỉ đạo và thiếu kinh nghiệm thì việc ứng dụng vào thực tiễn sẽ không tránh

khỏi sự vấp vấp, lúng túng, gặp nhẽ khó khăn trở ngại, thậm chí dẫn đến sai lầm. Vì vậy, đúng như Chủ tịch hồ chí minh đã nói: “hành mà không học thì hành không trôi chảy”. - Trong thực tế cuộc sống đã không có ít trường hợp vô tình trở thành kẻ phá hoại chỉ vì người đó hành mà không học. - Dẫn chứng : Bạn hãy lấy trong nhà trường, việc học.... hay như vụ việc Ngân Thương bị dính doping tại Olympic 2008 ở Bắc Kinh.v.v... - Vì vậy việc học để có tri thức, tích lũy tri thức là vô cùng quan trọng vì nó là yếu tố quyết định cho việc hành. 4. Học như thế nào cho có hiệu quả? - Khi sinh ra ta bắt đầu tiếp xúc với môi trường xung quanh, con người ta đã bắt đầu học: Học ăn, học nói, học gói, học mở. - Đến tuổi đến trường thì được học kiến thức trong nhà trường (TNXH, cuộc sống...) - Đến khi trưởng thành, rời ghế nhà trường, bước vào thực tế cuộc sống vẫn tiếp tục học những người xung quanh học, học nữa, học mãi (Lenin) - Đối với học sinh đi học, ngoài những kiến thức mà thầy cô cung cấp trong nhà trường phải cố gắng trau dồi kỹ năng học tập, phải biết tự học có phương pháp, học tập phải toàn diện và có mục đích rõ ràng. - Phạm vi học tập là rất rộng lớn, học Phổ thông - đại học.... rồi lên cao nữa, nhưng không bao giờ được coi mình là người đã có đầy đủ tri thức. Một người tri thức chân chính luôn tự coi mình còn kém cỏi, luôn muốn học thêm nữa. - Xã hội ngày càng tiến bộ, con người càng có nhiều điều kiện học tập để làm chủ vũ trụ, làm chủ thiên nhiên và cuộc sống của mình. “Việc học tập là quyền vỡ không trang cuối cùng”. Việc học của chúng ta cần phải tiến sát với tiến bộ của nhân loại. - Học phải kết hợp với hành. Học một làm mười cho thành thạo. Trong quá trình học phải biết sáng tạo để thực hành, không chỉ biết làm theo các khuôn mẫu cứng nhắc và phức tạp để việc hành được dễ dàng III. Kết bài: Những tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Thiếp về việc kết hợp học với hành đã trở thành một nguyên lý, phương châm giáo dục và đó cũng là một phương pháp học tập của chúng ta. - Nhớ người xưa, vâng lời bác Hồ dạy, người học sinh phải biết học kết hợp với hành để đủ trình độ nhận thức, đóng góp cho xã hội, kế tục sự nghiệp của các bậc đàn anh. Quan hệ giữa học và hành

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về một quan điểm “học đi đôi với hành”. Học sinh cần làm gì để thực hiện tốt việc học kết hợp với hành

Giáo dục của ta thiếu liên hệ với thực tế với công việc sau này nên nó mông lung. Cần phải làm sao mà gắn kết với cuộc sống chứ không phải là một mô lý thuyết suông hời hợt chẳng mang lại lợi ích gì chỉ thêm rối rắm chán nản. Điều quan trọng là làm sao việc giáo dục của chúng ta phải có ích cho cuộc sống sau này. Phải đáp ứng tất cả những kỹ năng cơ bản cần thiết, đồng thời cũng định hướng phân hóa học sinh. Ở lứa tuổi càng nhỏ thì càng phải gắn chặt từng khái niệm với sự vật hiện tượng thực tế. Các kiến thức hiện nay hơi bác học nên học sinh rất khó tiếp thu nhất là kiến thức về sinh học, địa lý, lịch sử, văn học. Tại sao chúng ta lại bắt con trẻ nhồi nhét những kiến thức mà kể cả người lớn cũng đang phải đau đầu đối mặt hàng ngày, trong khi lại không hỗ trợ gì cho chúng”. Ngay từ bé, học sinh các nước thường xuyên được tiếp xúc với thực tế. Có ý kiến cho rằng “Học là chỉ để “học cách tư duy” - bất cứ học sinh nào có tư tưởng như thế đều sẽ không thể trở thành người có tầm nhìn xa trông rộng. Học là phải giỏi, điểm phải cao - đó cũng không phải là một suy nghĩ tốt. Học chỉ để lấy tư duy nên học cần phải có “sáng tạo”, phải có lời giải hay, phải có mẹo mực làm bài thi kiểm tra, để ra đáp số nhanh nhất, để đạt điểm cao nhất, nhưng những cái đó lại kém thiết thực đối với đời sống nhất. Nếu bạn không tin vào điều đó, hãy nhìn vào hiện thực và tự vấn mình rằng: tại sao có những “thủ khoa giỏi nhưng chưa tài”? Học sinh thi đỗ đại học với số điểm cao nhưng vẫn phải “học đi rồi học lại” tới hàng chục học trình trong trường đại học? Sinh viên tốt nghiệp với bằng đại học khá giỏi vẫn tỏ ra ngỡ ngàng trước công tác thực tế? Bởi vì những người ấy đi học mà không xác định được mình học để làm gì ngoài việc nghĩ rằng: cứ học là sẽ tốt; họ đã đi trên một con đường nhưng lại không biết nó dẫn tới đâu ngoài suy nghĩ rằng: cứ đi sẽ tới. Các học sinh sau khi thi đỗ vào đại học bắt đầu nghĩ rằng “thế là xong”, còn sinh viên đại học khi được tốt nghiệp ra trường rồi thì nghĩ rằng “thế là ổn”. Trong các nhà trường phổ thông, các thầy cô giáo và học sinh đều không có thói quen liên hệ những điều mình giảng dạy, những điều được học với thực tiễn. Trong khi chính những sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn trong các môn học sẽ góp phần quan trọng vào quá trình hình thành tư tưởng học tập có chủ đích, hình thành các định hướng

tư duy, sự quan tâm đối với các lĩnh vực tri thức của học sinh cho nghề nghiệp tương lai sau này. Ngược lại, thầy cô và học trò lại dành sự liên tưởng chủ yếu cho các câu hỏi thi, những sự đánh đố nhau, hoặc sao cho nắm được bài thật chắc, nhớ được lâu, để học thật tốt. Đó là môi trường và mảnh đất tốt cho mục đích học vì điểm, học vì thành tích như hiện nay. Đồng nghĩa với nó sẽ là sự thất bại lớn của khẩu hiệu “học đi đôi với hành”, “lý thuyết đi đôi với thực nghiệm” trong sự nghiệp giáo dục. Từ khi Bộ trưởng Nguyễn Thiện Nhân thực hiện biện pháp đổi mới trong thi cử, chuyển sang hình thức thi trắc nghiệm, lúc ấy cả những người trong ngành và bên ngoài ngành giáo dục mới vỡ lẽ ra một tồn tại mà chúng ta đã nghi ngờ từ lâu nhưng chưa có dịp kiểm chứng “các học sinh phổ thông học vì điểm”, phương châm của giáo dục phổ thông là “thi đại học thế nào thì dạy và học như thế”. Hoá ra khẩu hiệu mà chúng ta vẫn hô hào thực hiện “học đi đôi với hành”, “nhà trường phải gắn liền với xã hội” vẫn chỉ là mục tiêu xa vời. Ước mơ của học sinh Việt Nam khi lớn lên là được học đại học, nhưng đó là đại học gì thì hầu như không một học sinh nào xác định. Điều đó thể hiện cái mục đích của việc học của các học trò cho sự nghiệp tương lai thật mơ hồ, cảm tính. Nhìn ra các nước giàu có, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng học trò ở các nước tiên tiến không có những ước mơ kiểu chung chung đại khái như trên. Chúng sẽ ước mơ một cái gì đó hoàn toàn cụ thể dù mới chỉ là những cô cậu học sinh: “Tôi ước mơ mình sẽ trở thành kỹ sư hàng không”; “Tôi ước mơ trở thành một nhà kinh tế”.... Liệu các nhà hoạch định tương lai cho giáo dục có bao giờ tỏ ra băn khoăn về những hiện tượng kiểu như vậy? Học sinh không biết sử dụng những kiến thức đã được học vào việc gì ngoài việc để thi đỗ đại học, trong khi đáng lẽ chúng sẽ có thể vận dụng, kế thừa những kiến thức ấy trong các cấp học cao hơn, ở những lĩnh vực mà mình chủ tâm theo đuổi. Như vậy, nhìn vào ước mơ của các học sinh sẽ có thể tưởng tượng được các giáo viên của chúng ta đã giáo dục cho học sinh như thế nào, và cái quan niệm về việc học của toàn xã hội ta ra sao... Khi chúng ta làm hay học một cái gì đó mà không có mục đích, nó dễ làm ta nản lòng và đi chệch hướng. Điều này tiếp tục giải thích vì sao lại xảy ra hiện tượng có những học trò giỏi thời phổ thông, nhưng sẵn sàng trở thành một sinh viên học kém khi học đại học; những thủ khoa đại học lại không phải là những người tài trong xã hội... Chúng ta phải xác định xem học để làm gì và mỗi người nên tư duy về cái gì để phù hợp với sở trường và công việc cá nhân? Xã hội học tập nhưng là học cái gì để thiết thực cho công tác sản xuất của mỗi người học? Nền giáo dục sẽ chọn lựa một tư duy như thế nào để thay đổi mình

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về vấn đề: “Làm thế nào để dung hoà giữa học và chơi”

Ý chính trong bài: Người ta thường nói “học mà chơi, chơi mà học” dù vậy để dung hoà giữa việc học và chơi là một việc vô cùng khó khăn - Nguyên nhân: + do tâm lí của một học trò không thể cùng lúc làm cả hai việc + Khi ta chú tâm vào 1 việc nào đó việc kia sẽ bị xao nhãng + Quá chú tâm vào một vấn đề nào đó sẽ khiến cho người ta mất đi sự cân bằng - Hậu quả của việc không cân bằng được việc học và chơi + Một người học quá nhiều > *cơ thể không phát triển tốt + trí óc chỉ mang một dạng thông tin + các chi không hoạt động linh hoạt + Chơi quá nhiều* > việc học hành sa sút + không có một tư duy về bên trong xã hội + phát triển tư duy kém - Nên làm + đặt ra chế độ cân bằng hợp lí + có biểu bảng thời gian tham gia hoạt động xã hội

Văn Mẫu Lớp 10 - Bạn có suy nghĩ gì về bệnh vô cảm trong xã hội hiện nay

Ngày nay, người ta đang đầu tư rất nhiều cho việc “Người hóa” robot: biến chúng ngày càng trở nên giống con người hơn, từ cấu tạo những khớp xương, giọng nói.. và giờ là tình cảm, cảm xúc. Chỉ lạ một điều: Trong khi người ta vô đầu bút trán để cài chip cảm xúc cho những cỗ máy, thì cùng lúc đó, loài Người lại có khuynh hướng đi ngược lại. Tức là, họ ngày càng giống với những con robot: không có cảm xúc, không có lương tri, vận hành theo một quy trình sắp đặt sẵn. Căn bệnh vô cảm đã không chỉ còn là căn bệnh của một cá nhân, mà nó đã len lỏi, lan rộng ra cả một lớp người, một thế hệ, một xã hội. Con người, hay là một cỗ máy cấp cao? Nhìn thấy cái xấu, cái ác mà không thấy bất bình, không căm tức, không phẫn nộ. Nhìn thấy cái đẹp mà không ngưỡng mộ, không say mê, không thích thú. Thấy cảnh tượng bi thương lại thờ ơ, không động lòng chua xót, không rung động tâm can. Vậy đó còn là con người không hay chỉ là cái xác khô của một cỗ máy? Trước hết là về cái đẹp, bây giờ ra ngoài đường, hiếm ai có thể bắt gặp một người đàn ông đạp xe ung dung dạo mát, thưởng ngoạn cái không khí trong lành, tươi mát dưới những hàng cây cổ thụ vạm bóng quanh bờ hồ; một người con gái dịu hiền, yêu kiều trong chiếc váy thanh thoát tản bộ trên những con đường hoa sấu, hoa sữa đầy mộng mơ mà hầu hết là những dòng người tấp nập, vội vã, chen lấn xô đẩy trên đường, xe buýt. Lúc ấy cũng chính là lúc mà con người ta mất một phần tâm hồn đẹp đẽ đã bị chôn vùi dưới lớp cát. Phải chăng cũng vì như thế mà họ càng lúc càng khép chặt cánh cửa trái tim mình lại, không còn biết hưởng thụ cái đẹp mà chỉ nghĩ đến tiền, đến công việc ngày mai? Vô cảm với cái đẹp mới chỉ là bước đầu. Một khi người ta đã không biết ngưỡng mộ, không biết say mê, rung động trước những điều đẹp đẽ thì trái tim cũng dần chai sạn rồi đến đóng băng. Khi ấy, không chỉ là cái đẹp mà đứng trước những hành động ác độc, vô lương tâm, con người ta cũng cảm thấy bình thường, không oán trách cũng không cảm thông, động lòng với những nạn nhân bị hại. Một tháng trước, tôi đọc được một bài báo trên mạng có đưa tin về vụ một đứa bé Trung Quốc hai tuổi bị xe tải cán. Thương xót, đau lòng làm sao khi nhìn cô bé đau đớn nằm trên vũng máu mà không một người nào qua đường để ý, cuống cuống gọi cấp cứu. Họ nhìn thấy rồi đấy nhưng họ lại cố tình như không thấy, đi vòng qua cô bé để tiếp tục con đường

nhặt thếch, sáo mòn của mình. Càng chua xót, đau lòng, phần nộ hơn khi chiếc xe tải tiếp theo nhìn thấy cô bé nằm đó, vẫn thoi thóp thở, bám víu lấy cuộc đời lại vô tình chẹt cả bốn bánh xe nặng trĩu đi qua người cô bé, thân nhiên đi tiếp. Người qua đường vẫn thế, vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Cô bé xấu số chỉ được cấp cứu khi một người phụ nữ nhặt rác đi qua, thấy cảm thông, đau lòng nên đã bế cô đi bệnh viện. Có những con người ích kỷ, vô tâm, tàn nhẫn như vậy đấy. Không những thế, bây giờ ra đường gặp người bị cướp, bị trấn lột, bị đuổi chém nhưng lại không thấy anh hùng nào ra can ngăn, cứu giúp hay chỉ một việc nhỏ nhoi thôi là báo công an. Đó là những con người “không đại gì” và cũng chính “nhờ” những người “không đại gì” đó mà xã hội ngày càng ác độc, hỗn loạn. Chính lẽ đó mà căn bệnh vô cảm càng được thể truyền nhiễm, lây lan. Vô cảm còn là con đường trực tiếp dẫn đến những cái xấu, cái ác. Nó là một căn bệnh lâm sàng mà trong đó, não của người bệnh vẫn hoạt động nhưng trái tim lại hoàn toàn băng giá. Người ta đã vô cảm thì làm sao có thể thấu hiểu được nỗi đau, tình cảm của người khác, người ta chỉ nghĩ đến mình và lợi ích của riêng mình mà thôi. Nếu không vô cảm, tại sao các cô giáo ở trường mầm non lại nhẫn tâm giật tóc, đánh đập, bịt miệng các cháu bé còn ngây thơ, nhỏ tuổi? Tại sao một người còn chưa qua tuổi trưởng thành lại vô tư chém giết cả nhà người ta để lấy của cải? Xa hơn nữa là các công chức bình thản ủng hộ, trợ giúp những số phận đau thương, bất hạnh của người dân để kiếm lợi cho riêng mình. Và còn nhiều, còn nhiều hành động xấu xa hơn nữa. Tất cả những điều vô lương tâm ấy đều xuất phát từ căn bệnh vô cảm mà ra. Chúng ta biết bệnh vô cảm vô cùng nguy hiểm nhưng lại đặt ra câu hỏi: Rốt cuộc thì nguyên nhân tại sao? Suy cho cùng, tình cảm là điều chi phối tất cả. Những người vô cảm là những người bị thiếu hụt tình yêu thương. Chính vì không cảm nhận được tình yêu thương mà người ta ngày càng lạnh giá. Một phần nữa cũng là do xã hội hiện đại quá bận rộn và đòi hỏi con người phải làm việc, làm việc và làm việc mà bỏ quên thời gian để trao nhau hơi ấm của tình thương, để ươm mầm cảm xúc. Tình cảm như những hạt mưa, hạt mưa càng to, càng nặng thì càng dập tắt được những ngọn lửa của lòng thù hận, ghen ghét, bi ai và nó cũng như một ngọn lửa thổi bùng cháy mãnh liệt trong tâm hồn để nuôi dưỡng tiếp nguồn sống cho chúng ta. Vì vậy, điều duy nhất chúng ta có thể làm để cho căn bệnh vô cảm “không còn đất sống” là hãy biết mở cửa trái tim để biết cảm nhận, biết yêu ghét, thương giận và chia sẻ những điều tinh túy đó cho những người xung quanh mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) có cho rằng việc đốt đền của Ngô Tử Văn trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên là hành động nóng giận nhất thời không? Từ đó trình bày ý kiến anh (chị) về hành động người anh hùng

“Truyền kì mạn lục” của Nguyễn Dữ là tác phẩm viết bằng chữ Hán gồm 20 truyện, ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVI. Tác phẩm thực sự là một sáng tác văn học với sự gia công, hư cấu, sáng tạo, trau chuốt, gọt giũa của Nguyễn Dữ chứ ko phải chỉ là một công trình ghi chép đơn thuần. Trong số đó có tác phẩm “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên ” đã đề cao tinh thần khẳng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác, trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn; đồng thời thể hiện niềm tin công lí, chính nghĩa nhất định sẽ chiến thắng gian tà. Chuyện chức phán sự đền Tản Viên kể về Ngô Tử Văn - người vốn khẳng khái, nóng nảy, thấy sự gian tà thì ko thể chịu được. Mọi người vẫn thường khen Văn là người cương trực. Ở làng Tử Văn sống trước có một ngôi đền linh ứng nhưng giờ đã thành ngôi đền có hồn của tên giặc xâm lược tử trận gần đó làm yêu quái trong dân gian. Trước sự việc ngôi đền bị uế tạp và yêu quái có thể làm hại dân, “Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời rồi châm lửa đốt đền”. Sự khẳng khái, nóng nảy của Tử Văn đã dẫn đến một hành động dũng cảm vì dân trừ hại. Sự tức giận của Tử Văn ko phải là sự tức giận cho riêng mình mà là sự tức giận cho mọi người dân đang bị yêu quái quấy nhiễu. Vì thế mà việc làm của Tử Văn là đáng ca ngợi. Sau khi đốt ngôi đền, Tử Văn ốm nặng rồi “thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông”. Lúc ở chốn âm cung, do chỉ nghe bên nguyên, Diêm Vương - vị quan toà xử kiện - người cầm cân công lí – cũng đã có lúc tỏ ra mơ hồ. Khi đứng trước công đường Ngô Tử Văn càng tỏ ra mình là người có khí phách. Chàng ko chỉ khẳng định: “Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian” mà còn dũng cảm vạch mặt tên bại tướng gian tà với lời lẽ “rất cứng cỏi, ko chịu nhún nhường chút nào”. Chàng chiến đấu đến cùng vì lẽ phải. Từng bước, từng bước Ngô Tử Văn đã đánh lui tất cả sự phản công, kháng cự của kẻ thù, cuối cùng đã hoàn toàn đánh gục tên tướng giặc. Sau khi được minh oan ở minh ti, Tử Văn trở về nhà chưa được 1 tháng thì Thổ công đến báo Tử Văn nên nhậm chức phán sự ở đền Tản Viên. Thổ công nói: “người ta sống ở đời, xưa nay ai chẳng phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau” và khuyên Văn nên nhận. Thế là Văn vui vẻ nhận lời.

việc được nhận chức ở đền Tản Viên đã nói lên thắng lợi của chàng trong cuộc đấu tranh với tên hung thần xảo quyệt. Sự thắng lợi này đã khẳng định chàng là người tốt, chính nghĩa, dám đấu tranh để thực hiện công lí. Con người của chính nghĩa đã được đứng ra để thực hiện công lí là một thắng lợi có ý nghĩa sâu sắc, khẳng định niềm tin chính nghĩa nhất định thắng gian tà. Trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, tác giả đã vạch trần bộ mặt gian tà của kẻ ít kẻ đương quyền “quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thâm ngược”. Ngòi bút của Nguyễn Dữ không chỉ lên án một số quan lại tham nhũng mà còn tố cáo mạnh mẽ hiện thực “rễ ác mọc lan, khó lòng lay động” mà bênh vực cho kẻ gian tà. Trong câu nói buột miệng của Tử Văn “Sao mà nhiều thần quá vậy?” cũng cho ta thấy một hiện thực của xã hội phong kiến lúc bấy giờ: xã hội có quá nhiều kẻ hữu danh vô thực, lợi dụng địa vị, quyền thế làm điều bất chính. kết thúc có hậu của câu chuyện thể hiện đúng truyền thống nhân đạo của dân ta chính nghĩa nhất định thắng gian tà. Viết Chuyện chức phán sự đền Tản Viên Nguyễn Dữ đã kết hợp thành công yếu tố ảo và thực. câu chuyện diễn ra đầy tính chất kì ảo bởi sự xuất hiện của thế giới âm cung với những hồn ma, bóng quỷ với những việc khác thường: người chết đi sống lại từ dương gian xuống địa phủ, từ cõi âm lại về cõi dương. Nhưng chuyện lại có vẻ như rất thực bởi cách dẫn người khác, dẫn việc cụ thể đến cả họ tên, quê quán và thời gian, địa điểm diễn ra sự việc. yếu tố kì ảo giúp câu chuyện thêm phần li kì, hấp dẫn. yếu tố thực làm tăng tính xác thực, làm câu chuyện có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Câu chuyện đề cao nhân vật Ngô Tử Văn – đại diện cho tầng lớp trí thức nước Việt giàu tinh thần dân tộc, chuộng chính nghĩa, dũng cảm, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân. truyện còn thể hiện niềm tin công lí, chính nghĩa nhất định sẽ thắng gian tà

Văn Mẫu Lớp 10 - Victor Hugo nói: “Con người được sáng tạo ra không phải để mang xiềng xích mà để tung cánh bay lượn trên bầu trời “. Anh (chị) hãy suy nghĩ về số phận của nhân loại

Gợi ý bài: 1. Giải thích khái niệm (từ ngữ, hình ảnh) - Người ta được sáng tạo ra: Con người là một sản phẩm đẹp đẽ và hoàn hảo nhất của tạo hóa (sáng tạo: tạo ra sản phẩm mới, giá trị mới) - Xiềng xích: Sự trói buộc, mất tự do - Tung cánh bay lượn trên bầu trời: cách nói hình ảnh chỉ sự tự do tuyệt đối không bị ràng buộc, cầm giữ bởi bất cứ điều gì (bầu trời: thế giới của tự do, của ước mơ và hy vọng) Câu nói của V.Huy-gô đề cập đến tư cách tự do và quyền tự do của con người. Con người sinh ra không phải để chịu sự trói buộc mà để tận hưởng cuộc sống tự do. 2. Phân tích, lí giải - Tại sao con người sinh ra không phải để mang xích - xiềng? + Vì “con người” là một danh hiệu thiêng liêng, một chức vị cao quý. Nó gắn với “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.” Xâm phạm những quyền này tức là xâm phạm đến quyền chính đáng của con người. + Xiềng xích sẽ tạo nên sự bất công, bất bình đẳng với con người bởi khi mang xiềng xích, con người sẽ không còn là chính mình mà trở thành thứ công cụ để sử dụng, sai khiến, điều khiển. + Xiềng xích sẽ trói buộc tư cách, hạn chế khả năng, tạo áp lực tinh thần khi con người trở nên hèn kém, không thể bộc lộ hết những năng lực tiềm ẩn và luôn phải sống trong cảm giác đau khổ.” Trên đời ngàn vạn điều cay đắng/ Cay đắng chỉ bằng mất tự do” (Hồ Chí Minh) - Vì sao con người cần được tự do? + Trước hết, tự do là quyền chính đáng của con người, được quy định hợp pháp và được thừa nhận bởi cộng đồng. + Tự do là một yêu cầu thiết yếu, một tiêu chí quan trọng để con người được sống là người. + Chỉ khi được tự do, con người mới có được hạnh phúc: tự do về nhân thân làm con người thấy thoải mái, tự do về tình cảm sẽ giúp con người được sống thật với lòng mình, tự do ngôn luận giúp con người tự tin cất lên tiếng nói riêng, tự do trong sáng tạo giúp con người phát huy tối đa khả năng sáng tạo của bản thân. - Để được tự do, con người cần làm gì? + Để có được sự tự do cho cá nhân mình, con người cần học tập để có hiểu biết, cần làm việc để có kinh tế, cần tu dưỡng, rèn luyện để có bản lĩnh vững vàng. Có được những điều này, mỗi người mới tránh được những cám dỗ, vượt qua được những cạm bẫy và chiến thắng được chính bản thân mình. Đó cũng là cách để mỗi

người thoát khỏi những ràng buộc, xiềng xích thoe cả nghãi vật chất và tinh thần và tìm được cho mình sự tự do. + Sự tự do của mỗi cá nhân không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực cố gắng của chính cá nhân đó mà còn phụ thuộc vào môi trường xã hội, vào nền tảng chính trị-xã hội của dân tộc, của đất nước mà các nhân đang sống và gắn bó. Vì vậy, mỗi cá nhân không thể chỉ sống cho riêng mình, phấn đấu giành được sự tự do cho riêng mình mà cần gắn nó cuộc sống của cá nhân trong mối liên hệ với mục tiêu tự do cho toàn dân tộc. + Để có được sự tự do của dân tộc, cần có sự đoàn kết, thống nhất trong tinh thần ý chí, trong nỗ lực vươn lên cho tất cả mọi cá nhân. Đặc biệt, khi vận mệnh Tổ Quốc bị lâm nguy, các cá nhân không chỉ cần đoàn kết lại để tranh đấu mà còn sẵn sàng hi sinh bản thân để bảo vệ quyền tự do thiêng liêng và cao cả của cộng đồng dân tộc. Bởi vì chỉ khi dân tộc có sự tự do thì mỗi cá nhân mới có thể có được sự tự do chân chính và trọn vẹn. 3. Bình luận, đánh giá - Đúng vì xuất phát từ hiểu biết và sự ý thức sâu sắc về quyền thiêng liêng của con người. - Có ý nghĩa sâu sắc vì thể hiện và đánh thức khát vọng tự do trong mỗi cá nhân.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay

Môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc sinh tồn của con người và trái đất này. nhưng hiện nay môi trường đang bị ô nhiễm nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân: sự phát triển kinh tế, quốc phòng ...của nhiều quốc gia ; sự thiếu trách nhiệm của các cơ quan địa phương, chính quyền trong việc thực thi luật chưa được nghiêm túc và đúng đắn. và nguyên nhân đang được chú trọng hiện nay là sự vô ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. hành động vô ý thức đang hàng ngày hàng giờ diễn ra một cách ko thể nào kiểm soát được đó là tình trạng xả rác của người dân. đây là việc đang ngày càng ảnh hưởng xấu đến môi trường sống việc làm ấy cần phải giải quyết cấp bách và triệt để ngay từ bây giờ. Hiện nay, đất nước ta đang từ một nước nông nghiệp dần trở thành một nước công nghiệp nên rất nhiều khu công nghiệp, các công ty, xí nghiệp ... dần mọc lên. nhà nước đã hỗ trợ cho các công ty và xí nghiệp này nhưng có vài xí nghiệp, công ty, xí nghiệp lợi dụng điều này đã làm những điều sai trái. đặc biệt là việc xử lý rác thải đã và đang gây ảnh hưởng đến môi trường sống của chúng ta. họ không thông qua một quy trình nào về xử lý rác, chất hóa học mà đổ trực tiếp xuống sông, bãi đất trống, hoặc chôn dưới lòng đất Việc này đã ảnh hưởng rất nhiều đến người dân sống xung quanh đó. nguồn nước, đất và cả không khí đã bị ô nhiễm do các chất thải của nhà máy công ty xí nghiệp này` thải ra không được xử lý đúng mức đạt tiêu chuẩn. nó đã ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. một thí dụ gần đây là công ty bột ngọt vedan đã đổ trực tiếp các chất thải độc hại như chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, chất lơ lửng, mùi hôi, vi khuẩn và đáng lo hơn là các chất độc hại kim loại nặng xuống sông thị vải. làm cho con sông này bị ô nhiễm rất nặng và trở thành một dòng sông chết. và nguyên nhân khác cũng có phần trong việc này đó là các cơ quan nhà nước. do sự thiếu trách nhiệm, sự giám sát lơ là lỏng lẻo đã để tình trạng này xảy ra. không chỉ mình con sông thị vải bị ô nhiễm mà còn nhiều con sông khác, những nơi khác đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Đó là những việc làm chỉ thấy lợi ích trước mắt và không có lợi ích lâu dài Và đặc biệt hơn là tình trạng xả rác vô tư của người dân ở những nơi công cộng, ngoài đường phố, các dòng sông, cống rãnh, ao hồ hoặc ngay trong khu dân cư Và đây là hiện tượng

chung của toàn xã hội chúng ta hiện nay Họ vô tư xả rác bừa bãi khi đi ăn nhà hàng chủ nhà hàng đã để 1 thùng rác nhỏ dưới bàn của mỗi người như khi dùng xong giấy ăn hoặc tăm tre thì họ lại thả nhiên vứt xuống nền nhà hay tệ hại hơn là vứt ra cửa sổ dẫn đến việc rác thải mắc vài cành cây gây mất mỹ quan thành phố hay rơi xuống lòng đường và người đi lại. Vào 1 cửa hàng hay quán nước, người hút thuốc hay ăn kẹo cao su đều có gạt tàn để bỏ vào như hì như không ai nhìn thấy nên gạt tàn thì vẫn sạch sẽ như sàn nhà thì lại đầy những điếu thuốc cũg những bã kẹo cao su. Nguy hiểm hơn nữa khi vứt thuốc bừa bãi mà không chịu dập tắt thuốc lá trước khi vứt có thể gây cháy nhà hoặc tàn thuốc sẽ bay vào người khác vô cùng nguy hiểm. Có người ngồi trên xe ném lon nước ngọt, cùi bắp,...nhiều vật cứng khác xuống lòng lề đường. là một trong những nguyên nhân gây tai nạn giao thông. có những người ném những bọc ni lông xuống cống rãnh làm tắc nghẽn cống gây lụt lội ở các thành phố lớn khi trời mưa, còn có người ném xác súc vật xuống ao hồ gây ô nhiễm nguồn nước phát sinh ra bệnh về mắt da những bệnh về đường ruột, và họ thả nhiên vứt những hoa quả đã bị hư thối hoặc những thùng rau đựng đầy lá đã bị ố ở những khu dân cư, chợ hay bãi đất gần đó, và những bạn học sinh khi đi ăn quà vặt đã xả ngay trên mặt đất hay chỗ họ ngồi ... nguyên nhân gây nên tình trạng xả rác này là do ý thức của người dân quá kém, những người không quan tâm tới môi trường. việc làm vô ý thức này đã làm mất đi vẻ mỹ quan cộng đồng mà còn gây ra tai nạn cho người khác để khắc phục tình trạng này nhà nước cần đề ra những chính sách về bảo vệ và giữ gìn môi trường. thường xuyên họp tổ dân phố tuyên truyền cho mọi người về tầm quan trọng của nó. dọn vệ sinh quanh phố vào thứ 7, đẩy mạnh việc giáo dục học sinh về tầm ảnh hưởng của môi trường, cần tạo cho dân một thói quen tự giác về giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện tốt chiến dịch “3r” do nhà nước đưa ra. và bắt phạt những người có hành vi làm ô nhiễm môi trường. xử lí rác cần phải hợp lí Môi trường có tầm ảnh hưởng quan trọng đến với đời sống con người. mỗi người, mỗi cá nhân cần có ý thức về việc giữ gìn bảo vệ môi trường và hãy chung tay xây dựng một môi trường trong lành, không có rác. chúng ta hãy hành động ngay từ bây giờ!

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay

I. MỞ BÀI: - Ngày nay, môi trường rất cần thiết đối với cuộc sống của con người. Môi trường cung cấp cho con người những điều kiện thiết yếu để sống: ăn, ở, mặc, hít thở...Nếu không có những điều kiện đó con người không thể sống, tồn tại và phát triển được. - Môi trường bị ô nhiễm ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ và cuộc sống của con người. - Để đảm bảo sự phát triển bền vững, con người cần phải sống thân thiện với môi trường, giữ gìn, bảo vệ môi trường trong sạch. - Cuộc sống sẽ ra sao nếu tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn tiếp diễn? II. THÂN BÀI: - Giải thích: + Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật. + Môi trường sống của con người theo nghĩa rộng là tất cả các yếu tố tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự sinh sống, sản xuất của con người. - Vai trò của môi trường đối với đời sống con người: + Môi trường là không gian sinh sống cho con người và thế giới sinh vật. + Môi trường chứa đựng các nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống và sản xuất của con người. + Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải của đời sống và sản xuất. + Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người. - Thực trạng ô nhiễm môi trường: + Môi trường tự nhiên (đất, nước, không khí,...) bị ô nhiễm, bị huỷ hoại nghiêm trọng (chứng minh). + Nạn thải chất thải từ nhà máy, khu công nghiệp ra sông (chứng minh). + Nạn tàn phá rừng bừa bãi (chứng minh). + Môi trường xã hội cũng bị ô nhiễm(chứng minh những địa bàn nghiện hút, cờ bạc,...) ảnh hưởng xấu tới môi trường sống. - Tác hại của ô nhiễm môi trường: + Ảnh hưởng đến sức khoẻ con người (chứng minh) + Không khí bị ô nhiễm, nguy hại đến sự sống con người và sinh vật (chứng minh) + Ảnh hưởng tới môi trường sinh thái (chứng minh) - Nguyên nhân gây tình trạng ô nhiễm môi trường: + Do sự thiếu ý thức của con người. + Chưa có công nghệ xử lý chất thải. + Sự gia tăng dân số, quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh. - Giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường: + Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục môi trường cho học sinh phổ thông. + Tăng nguồn kinh phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường. - Nhiệm vụ của đoàn viên, thanh niên. III. KẾT BÀI: - Ô nhiễm môi trường

đang là vấn đề nóng bỏng của nhân loại trên toàn thế giới. - Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chính chúng ta

Văn Mẫu Lớp 10 - Sự lên tiếng và thái độ im lặng của con người trước các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Em hãy viết bài văn nêu ý kiến của về vấn đề trên

Cách đây không lâu, cư dân mạng truyền tay nhau một đoạn clip tại một bến xe buýt ở Hà Nội. Nhân vật trong clip là một thanh niên gầy gò, gương mặt vô cùng khắc khổ, đã bị kẻ gian lấy cắp chiếc ví. Dẫu rằng, chiếc ví ấy không hề có tiền mà chỉ có một giấy phép lái xe, nhưng giấy phép lái xe này lại là một vật vô cùng có giá trị với người thanh niên ấy nên anh ta thảm thiết nhìn ra xung quanh van nài kẻ trộm: “Cho em xin...không có tiền đâu, chỉ có bằng lái xe thôi...”. Vậy mà trước hoàn cảnh đáng thương của anh thanh niên, không ai dám lên tiếng, không ai hỏi han hay có ý giúp đỡ người đàn ông tội nghiệp. Câu chuyện này để lại trong tôi nhiều suy nghĩ, suy nghĩ về cách sống và thái độ ứng xử của con người trong xã hội hiện nay. Cũng bàn về vấn đề này., Martin Lutherking - nhà hoạt động nhân quyền Mỹ gốc Phi, từng đoạt giải Nobel Hòa Bình năm 1964, cho rằng: “Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa trước lời nói và hành động của kẻ xấu mà còn cả vì sự im lặng đến đáng sợ của người tốt.” Con người sinh ra và lớn lên, họ luôn đối diện với nhiều cung bậc cảm xúc, nhiều trạng thái khác nhau trong cuộc sống. Xót xa là một cảm giác đau đớn, nuối tiếc vô cùng sâu sắc. Còn im lặng tức là không có hành động hay phản ứng cụ thể trước những tình huống, sự việc đáng lẽ cần có thái độ, có phản ứng. Sự im lặng ấy trở nên đáng sợ khi nó là một biểu hiện bất thường trong cách ứng xử của con người có thể gây ra cảm giác bất an cho người khác. Thực tế, chúng ta sống trong một xã hội luôn tồn tại hai loại người: kẻ xấu là người kém đạo đức, đáng khinh ghét, có thể gây hại, mang lại những điều không hay. Lời nói và hành động của họ đều không phù hợp với các quy tắc chuẩn mực đạo đức, làm tổn thương người khác và có những tác động tiêu cực đến xã hội. Ngược lại, người tốt luôn có những biểu hiện đáng quý về tư cách đạo đức, về thái độ hành vi trong các mối quan hệ và được mọi người đánh giá cao. Như vậy, thông qua câu nói của mình, Martin Lutherking muốn gửi gắm tới người đọc một thông điệp sâu sắc: Nỗi đau đớn nuối tiếc do những lời nói và hành động của người xấu không xót xa bằng việc người tốt không có hành động thái độ hay bất kì phản ứng nào trước việc làm sai trái ấy. Khi còn nhỏ, ta không mấy khi quan tâm đến

những thứ xung quanh mình mà chỉ thường quan tâm tới chính bản thân: Hôm nay sẽ được ăn món gì, sẽ học gì, sẽ có phim hoạt hình gì, có truyện tranh gì sắp ra...Lớn lên một chút, bước vào tuổi biết nghĩ, ta thấy bạn bè quay cóp trong giờ kiểm tra trong khi chính mình phải học cật lực, ta thấy bãi gửi xe gần trường thu 3.000 đồng một chiếc xe đạp trong khi đó quy định là 2.000 đồng. Rồi ta còn thấy người ta vượt đèn đỏ, lượn lách đánh võng, thấy đám côn đồ dối trá, lừa lọc bà cụ bán nước ven đường. Chứng kiến những hành động như thế, thử hỏi ai mà không bất bình? Bởi lẽ, những hành động ấy là biểu hiện của sự thấp kém về nhận thức và ý thức, nó gây ra những tổn thất cả về vật chất và tinh thần cho mọi người và xã hội. Hơn thế nữa, sự tồn tại của những lời nói và hành động của kẻ xấu cũng là biểu hiện của sự bất ổn của xã hội ở một mức độ nhất định. Xót xa trước hành động của người xấu là lẽ tất nhiên. Nhưng tại sao chúng ta lại xót xa hơn trước sự im lặng đến đáng sợ của người tốt? Trong suy nghĩ của mọi người, người tốt luôn có tư cách đạo đức, có khả năng và trách nhiệm trong việc thực hiện những hành vi đem lại lợi ích cho cộng đồng xã hội. Với phẩm chất vốn có ấy, họ không thể nào không có phản ứng trước cái xấu, cái tiêu cực, những điều “chướng tai gai mắt” trong xã hội. Vậy nên, thái độ im lặng của họ chính là một biểu hiện bất thường. Sự im lặng ấy xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Họ im lặng bởi họ bất lực khi thấy phản ứng của mình không hề có hiệu quả. Họ im lặng khi cảm thấy cô độc, lạc lõng vì những việc tốt mình làm không nhận được sự ủng hộ của số đông. Chăm lo làm kinh tế khiến đời sống khá giả, nhưng mê mải quá nhiều lại đẩy người ta ra xa nhau hơn, lo cho lợi ích của mình hơn là lợi ích người khác. Có rất ít người sẽ la lên khi thấy một tên trộm đang trộm xe trên vỉa hè hay đứng ra bênh vực nạn nhân trong một vụ va chạm trên đường phố - nhất là kẻ gây sự lại là đám côn đồ, lưu manh. Người tốt im lặng khi họ mất niềm tin, khi họ thấy kết quả của những lời nói, hành động xuất phát từ lương tâm và trách nhiệm lại trở thành sự coi nhẹ, chế nhạo của người khác, thậm chí còn gây ra những tổn thương không đáng có cho chính họ. Quay trở lại câu chuyện của anh thanh niên trên chuyến xe buýt không ít người cảm thấy buồn và xót xa. Xung quanh đó có rất nhiều người đang chờ xe, nhưng đáp lại lời khẩn cầu của anh thanh niên là sự im lặng. Cuối cùng người đàn ông bơ vơ đành phải bước đi với gương mặt tuyệt vọng. Rõ ràng, muốn bắt tên trộm kia không phải là chuyện khó. Tài xế đóng cửa xe lại, yêu cầu tất cả mọi người bảo quản hành lý, gọi điện cho cơ quan chức năng khám xét từng người. Nhưng sao không ai dám lên tiếng? Phải chăng chúng ta không dám bênh vực người lương thiện, phải chăng nỗi sợ hãi cái xấu, cái ác

đang giết chết dần lương tâm chúng ta? Xét cho cùng, im lặng vì bất kì lí do nào đi nữa thì đó cũng là biểu hiện của sự tha hóa ở mỗi cá nhân và cho thấy dấu hiệu bất ổn của xã hội. Nói cách khác, khi người tốt im lặng là khi xã hội đang đứng trên bờ vực của sự phá sản những giá trị tinh thần. Vậy làm thế nào để người tốt không im lặng nữa? Hãy trao quyền và khuyến khích người tốt cất lên tiếng nói của mình bằng cách lắng nghe tiếp thu ý kiến và sẵn sàng sửa đổi theo những ý kiến đóng góp đúng đắn của họ. Hãy đưa ra những chính sách bảo vệ để tránh tối đa những tổn thất mỗi khi người tốt cất tiếng nói. Chúng ta không phải lúc nào cũng có thể đứng lên bảo vệ chính nghĩa, ủng hộ cái tốt điều hay, bởi có thể cá nhân ấy không đủ sức mạnh. Nhưng không có nghĩa chúng ta phải thỏa hiệp với cái xấu, cái ác. Bởi ngay cả khi không đủ sức mạnh để thay đổi nó, ta vẫn luôn có đủ quyết tâm để không đồng tình và không bị nó lôi kéo. Chúng ta đang sống trong một xã hội mà những mối quan hệ với cộng đồng đã trở nên không thể thiếu. Không ai có thể đơn độc trong cuộc sống được, vì vậy, trong quá trình đấu tranh chống lại cái ác, cần xây dựng những hiệp hội của những người cùng chí hướng mục đích để phấn đấu cho sự phát triển chung của xã hội, để người tốt có chỗ đứng và điểm tựa. Khi đó họ sẽ không ngần ngại bày tỏ ý kiến quan điểm của mình. Tất cả những gì chúng ta cần làm là sống dũng cảm, là làm những điều tốt đẹp cho cuộc sống, và để nó tự nhân bản. Ý kiến của Martin Lutherking là một lời cảnh báo nghiêm khắc để cảnh tỉnh con người trước nguy cơ về sự băng hoại của những giá trị tinh thần, biểu hiện những hành vi ứng xử của con người trong đời sống. Có người đã nói: “Lùi bước cho cái xấu cũng là một tội ác”. Hãy nhớ rằng, cái xấu chỉ mạnh khi nó thấy cái tốt dường như đồng tình với nó. Và nó sẽ bị rút hết không khí và tắt thở khi chúng ta nhìn nó với ánh mắt khinh miệt và xa lánh. Đây là một ý kiến thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển chung của toàn xã hội. Đó cũng là một thái độ đúng, tích cực, xuất phát từ nhận thức về yêu cầu đối với hành vi của con người trong một xã hội tiến bộ, nhân văn. Khi đơn độc một mình, người tốt sẽ trở nên yếu đuối, nhu nhược và thất bại cay đắng. Họ chỉ đủ mạnh khi họ kết nối với nhau trong một tập thể, trong một xã hội biết coi trọng giá trị nhân văn đích thực của con người. Trước sự im lặng của người tốt, xót xa là điều khó tránh song điều đó là chưa đủ mà ta còn phải hành động, phải có những giải pháp tích cực để thay đổi hiện trạng đó trong mỗi cá nhân con người và toàn xã hội. Mỗi chúng ta luôn mong muốn xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, mà ở đó con người được sống trong yên vui hạnh phúc. Hãy coi câu nói của Martin Lutherking là một bài học, hãy xắn tay áo lên và hành

động ngay từ hôm nay, bắt đầu từ những việc nhỏ bé nhất mà chúng ta có thể. Tôi tin rằng điều đó không phụ thuộc vào tuổi tác, mạnh yếu hay giàu nghèo, mà bất kì ai cũng làm được. Đừng bao giờ thỏa hiệp và làm ngơ trước cái xấu, bạn nhé!

Văn Mẫu Lớp 10 - Sự lên tiếng và thái độ im lặng của con người trước các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Anh/ chị hãy viết bài văn nêu ý kiến của về vấn đề trên

Cách đây đúng 50 năm, trong một bài thơ của mình, Văn Cao đã viết: “Bây giờ ở đâu cũng có tiếng – Chưa nói lên”. 50 năm sau, chẳng lẽ câu thơ của Văn Cao vẫn còn để ngỏ câu trả lời? Tôi không tin như vậy. Nghĩa là trong xã hội ta bây giờ, vẫn, còn rất nhiều người trung thực dám nói lên tiếng nói thẳng thắn của mình, bất chấp hậu quả. Cách đây 20 năm, khi Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh phát động trong toàn xã hội một ý thức và một hành động: hãy nhìn thẳng vào sự thật, hãy nói thẳng nói thật, đã có không ít những tiếng nói trung thực lần đầu tiên được cất lên công khai. Bản thân Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã giữ mục ”Những việc cần làm ngay” trên báo Nhân Dân. Và ngày đó, báo Nhân Dân là một trong những tờ báo bán chạy nhất trên các sạp báo. Ngày đó, tôi nhớ, báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam cũng là tờ báo mà bạn đọc ngong ngóng đón chờ ngày báo phát hành mỗi tuần. Nếu không có những người trung thực, nếu không có những tiếng nói trung thực “được nói lên” vào thời điểm ấy, thì sự nghiệp Đổi Mới đất nước sẽ thế nào? Cách đây mấy ngày, tôi nhận được bức tâm thư của thiếu tướng Lê Ngọc Sanh – nguyên Phó giám đốc chính trị Học viện lục quân Đà Lạt nêu lên trường hợp một cựu chiến binh vì đã “nói thẳng nói thật”, vì hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh viết báo chống tham nhũng mà bị trù dập ngót 20 năm nay. Anh Lê Thanh Sơn, nguyên Phó văn phòng ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên, từ ngày Phú Yên vừa tách tỉnh đã không thể “im lặng” trước việc làm sai trái của một số người lãnh đạo tỉnh hồi đó. Anh Sơn đã viết bài trên báo Đảng bộ Phú Yên và báo Nhân Dân về những biểu hiện của nạn tham nhũng trong hoàn cảnh đầy khó khăn của một tỉnh mới chia tách. Phải là người trung thực lắm mới dám làm chuyện “vuốt râu hùm” như thế, vì như chúng ta biết, mãi gần đây, khi vụ PMU 18 vỡ lở mà một số quan chức đảng ủy của cơ quan này vẫn khẳng định rằng những Bùi Tiến Dũng... đều là những “đảng viên ưu tú” đó sao! Anh Sơn đã bị cắt lương, bị cho thôi việc, bị “đẩy ra đường” suốt mười mấy năm, và như bức thư của thiếu tướng Lê Ngọc Sanh đã viết: “Có điều thật đau lòng mà tất cả mọi người đều thấy rõ: là những kẻ thoái hóa biến chất gây tai họa cho dân

cho nước lại ngang nhiên cắt lương cắt chế độ chính sách của một thương binh, một cựu chiến binh trung thực trong bao nhiêu năm trời mà các cấp có thẩm quyền cao nhất của Đảng và chính phủ đều đã thấy và đều yêu cầu phải giải quyết trả lại mọi quyền lợi chế độ cho người bị trù dập mà rồi... đâu vẫn hoàn đấy. Như thế, làm gì tham nhũng chẳng hoành hành, chẳng tác oai tác quái”. Xin cảm ơn thiếu tướng Sanh đã lên tiếng bảo vệ một đồng đội trung thực của mình, nhưng tôi lại rất cảm ơn anh Lê Thanh Sơn. Chính những người trung thực và can đảm như anh đã khiến chúng ta còn tin được xã hội này đang phát triển, bất chấp những kẻ tham nhũng, những kẻ hà hiếp bóc lột nhân dân vẫn còn tồn tại và chưa bị tiêu trừ. Chúng ta không thể đòi ngay một ngày hai phải đẹp được “quốc nạn” tham nhũng, vì đòi như thế là không thực tế. Nhưng nếu mỗi người dân bình thường, mỗi cán bộ bình thường đều sống và nói lên tiếng nói trung thực của mình, như anh Lê Thanh Sơn đã nói, không sợ hãi, thì chắc chắn nạn tham nhũng và những tệ nạn khác sẽ bị đẩy lùi nhanh hơn, và không khí xã hội sẽ trong sạch hơn, dễ thở hơn. Những người trung thực nào ở đâu xa, họ ở quanh ta đó thôi. Và tại sao không, chính ta, chính chúng ta cũng phải, cũng là người trung thực, dám nói lên những tiếng nói trung thực, vì đất nước, vì cộng đồng. Tôi chợt nhớ một câu thơ rất hay của nhà thơ quá cố Trần Vũ Mai trong bản trường ca anh viết ngày mới giải phóng: “Người yêu nước vốn chịu nhiều thua thiệt – Có được chẳng những tha thiết tim mình”. Người trung thực chính là người yêu nước, và “cái được” của họ chính là “những tha thiết tim mình” đó – nó là lí tưởng của họ, là khát vọng của họ, là sự trong sáng thanh thản của tâm hồn họ. “Được” như thế là nhiều chứ ạ! So với nó thì những “thua thiệt” kia nào có đáng gì!

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về “Ích kỷ và vị tha” trong xã hội

Tính ích kỷ và lòng vị tha đối lập với nhau như nước với lửa, như đen với trắng. Lòng vị tha cao quý và đáng ca ngợi bao nhiêu thì tính ích kỷ nhỏ nhen đáng phê phán bấy nhiêu. Thế nào là ích kỷ? Ích kỷ là chỉ biết lợi ích riêng cho mình. Còn ích kỷ hại nhân là vì lợi ích riêng mình mà làm hại người khác. Tính xấu này là mục tiêu châm biếm của tục ngữ, ca dao trào phúng ngày xưa: “Của người Bồ Tát, của mình lặt buột” ; “Của mình thì giữ bo bo, Của người thì mặc cho bò nó ăn” ; “Trăm nhát cuốc giật cả vào lòng”... Kẻ có tính ích kỷ thường hay so đo, tính toán để trong bất cứ việc gì cũng không bị thiệt thòi. Phương châm sống của hạng người này là giành phần thuận lợi về mình, đùn đẩy khó khăn, nguy hiểm cho người khác. Khi hưởng thụ, họ sẽ có mặt đầu tiên. Khi cảm thấy bất lợi, nhất là lúc gian nan nguy hiểm thì chẳng thấy mặt họ đâu. Đúng như trong câu tục ngữ :”Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau”. Tính ích kỷ biểu hiện dưới nhiều hình thức, nhiều mức độ khác nhau. Thấp thì lừa dối, tham ăn, ăn trộm ăn cắp, cao thì dối trá, lừa lọc, hối lộ mưu cầu lợi lộc, tham nhũng, biến của người thành của mình... Kẻ ích kỷ thường nghĩ tới lợi ích cá nhân mà không nghĩ tới những thiệt hại mình gây ra cho người khác. Thái độ của nhân dân ta đối với thói xấu này là phê phán và lên án. Trái ngược với thói ích kỷ là lòng vị tha. Vị tha là có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác. Có thể vì người khác mà hy sinh lợi ích của cá nhân mình. Thấm nhuần tư tưởng nhân ái, ông cha ta đã khuyên nhủ con cháu: “Thương người như thể thương thân”; “Bầu ơi thương lấy bí cùng...”; “Lá lành đùm lá rách”; “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”... Lòng vị tha là đức tính cần thiết mà mỗi người cần phải có. Mỗi người có một vị trí, vai trò trong xã hội, vì thế mà dù quen biết hay không quen biết, dù thân thuộc hay không thân thuộc, tất cả mọi người đều có mối quan hệ gắn bó với nhau. Mỗi cá nhân không thể chỉ biết đến quyền lợi của riêng mình mà phải nghĩ tới quyền lợi của những người xung quanh. Lòng vị tha quý giá và cao cả như thế nhưng nó không đòi hỏi gì nhiều ngoài một trái tim nhân hậu, biết yêu thương, chia sẻ vui buồn với đồng bào mình và đồng loại. Phong trào làm việc thiện trong những năm gần đây phát triển mạnh mẽ trên khắp đất nước là thể hiện cụ thể của lòng vị tha. Đợt thiện nguyện vừa qua của đoàn đại diện cho Blog Tiếng Việt đến với đồng bào Rục ở Quảng Bình cũng

chứng minh cho sức mạnh của lòng vị tha cao quý có sức lan toả đến trái tim và tâm hồn của chúng ta. Ta giúp người chính là giúp bản thân mình. Làm điều thiện giúp cho lòng ta thanh thản, vui vẻ. Thế chẳng đúng là mình làm cho mình sao?! Lòng vị tha tuy xuất phát từ cái Tâm nhưng cũng đòi hỏi có cả sự hiểu biết sâu rộng, sáng suốt mới có được lòng vị tha đúng đắn trong mọi hoàn cảnh và mọi việc làm. Sinh thời, nhạc sĩ tài danh Trịnh Công Sơn đã viết: “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng. Để làm gì, em ơi biết không?! Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi!”. Đó là ngọn gió mát lành của lòng nhân ái và vị tha, phải không các bạn

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về “Ích kỷ và vị tha” trong cuộc sống hiện nay

Tạo hóa cho mỗi người có một tính cách khác nhau. Nhiều người có lòng đố kị, ích kỷ, người thích tranh đua lớn nhỏ, có người lại khiêm cung sống chan hòa, giàu lòng vị tha. Lòng vị tha là hạt giống tốt lành mà tạo hóa đã ban cho mỗi con người. Lòng vị tha có thể biến thù hận thành sự thứ tha, biến sự giả dối thành chân thật và biến những sự ích kỷ chớ thành sự bao dung... Vậy vị tha là gì? Vị tha là một tấm lòng vì mọi người, biết sống vì người khác, biết hi sinh cho người khác hay nói khác đi là biết tương trợ, giúp đỡ mọi người. Vị tha là một trong những phẩm chất cao đẹp nhất của con người. Lòng vị tha làm cho người gần người hơn, làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn. Có thể nói trong cuộc sống không thể thiếu đi lòng vị tha. Một khi không có lòng vị tha con người chẳng khác nào gỗ đá vô tri. Không có lòng vị tha con người cũng sẽ không biết yêu thương, không còn biết quan tâm đến những người xung quanh. Nhờ lòng vị tha mà con người mới có được đức hi sinh, tinh thần dũng cảm... Từ xưa, nhân dân ta đã có truyền thống yêu thương, nhân ái, vị tha. Chính lòng vị tha đã làm nên những điều kì diệu trong lịch sử. Lòng vị tha đã đưa một đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu đánh đuổi hết bè lũ tay sai bán nước và cướp nước. Lòng vị tha đã làm cho một thế hệ quên mình thậm chí hi sinh cả tuổi thanh xuân cho độc lập tự do của cả dân tộc. Lòng vị tha trong mỗi con người chúng ta luôn tiềm ẩn. Có điều nó như hạt mầm chỉ cần bạn cho nó một chút nước của tình yêu thương, nó sẽ nảy mầm, và trở hoa trong bạn với bao điều tốt đẹp. Trong cuộc sống ngày nay, nếu có lòng vị tha bạn sẽ sống cuộc sống giàu ý nghĩa hơn. Chính lòng vị tha sẽ xua tan đi những lạnh lẽo, giá băng trong đời và mang đến cho đời ánh sáng và sự ấm áp. Nếu một ngày nào đó bạn nhìn thấy một bà lão mắt đã mờ, chân tay yếu đuối nhờ bạn dẫn sang đường nhưng vì bận một việc gì đó bạn đã không giúp bà lão ấy. Đến khi đêm về bạn có thấy lương tâm cắn rứt? Bạn có thấy lòng xót xa, hối tiếc? Có những việc qua đi ta không bao giờ sửa được cho nên đừng bao giờ dừng đứng trước cuộc sống và những mảnh đời bất hạnh để đến một lúc nào đó trong đời bạn lại hối tiếc, xót xa. Không thiếu những tác phẩm văn học chan chứa lòng vị tha. Mỗi người chúng ta ái mà không xúc động trước hình ảnh bà cụ Tứ trong “Vợ nhặt” của Kim Lân. Người mẹ nghèo ấy

lại vô cùng giàu có lòng vị tha. Bà đã yêu thương bảo bọc đứa con dâu bơ vơ, lạc lõng giữa khó khăn đói kém. Quay trở lại trong cuộc sống gia đình thì lòng vị tha lại cần không thể thiếu. Lòng vị tha sẽ giúp mỗi thành viên trong gia đình thương yêu, đùm bọc, chia sẻ, thông cảm cho nhau nhiều hơn. Lòng vị tha sẽ giúp cho ông bà yêu thương con cháu, cha mẹ hiểu con cái nhiều hơn. Anh chị em yêu thương nhau hơn. Không có lòng vị tha gia đình sẽ tan vỡ. Mỗi ngày qua đi là một sự nặng nề, chán ngán. Hãy hình dung một ngày nào đó thế giới này đánh mất đi lòng vị tha. Thế giới này chỉ còn trơ lại sự khô cằn, đổ nát. Chính lòng vị tha sẽ kết nối những trái tim yêu thương, giúp con người gần nhau hơn. Con người sẽ hiểu rõ về mình hơn khi sống trong sự vị tha. Con người nhờ lòng vị tha mới chiến thắng được tư tưởng vị kỉ, chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi. Lòng vị tha là một đức tính mà con người chúng ta ai ai cũng phải xem trọng bởi vì nó rèn luyện chúng ta trở thành người tốt. Tuy nhiên trong cuộc sống hôm nay vẫn còn đó những người chỉ biết sống lối sống cá nhân, ích kỉ không biết giúp đỡ ai. Đối với bản thân, lúc nào cũng cố gắng sống cho chân thành, sâu sắc. Tôi không muốn mỗi ngày qua đi là một niềm hạnh phúc được cho đi. Tôi không muốn đến một lúc nào đó trong đời phải hối tiếc việc mình làm khi sống không có lòng vị tha. Vị tha là một đức tính cao đẹp của con người. Nó là một thứ khí giới thanh cao mà khi có nó bạn sẽ đánh bại mọi xấu xa, thấp hèn trong cuộc sống. Nó còn là một thứ tài sản đặc biệt mà khi có nó bạn có thể không chỉ giàu có về vật chất mà còn giàu có về tâm hồn.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về vấn đề: “Tình thương là hạnh phúc của con người”

Nếu có một gia vị làm tăng thêm hơi ấm và ý nghĩa trong cuộc sống... đó chính là tình yêu thương. Nếu có một tình cảm thiêng liêng giúp chúng ta vượt qua bao khó khăn, thử thách đó chính là tình yêu thương”. Sự ân cần, ấm áp của tình thương thật đẹp! Với tình thương đó, chúng ta có thể chia sẻ những cảm xúc và thấu hiểu lẫn nhau. Tình yêu thương giúp chúng ta trong lúc khó khăn bởi vì nó giúp ta kết nối ngôn ngữ trái tim. Có tình thương chúng ta cùng sát cánh bên nhau khắp mọi nẻo đường đời. Có tình thương, chúng ta cùng ươm mầm cho trái tim hoài bão và khát vọng. Qua đó, chúng ta có thể thấy rõ:” Tình thương là hạnh phúc của con người”. Trên thế gian này, có rất nhiều cách để định nghĩa tình thương nhưng nhìn chung tình thương yêu là một cảm giác đến từ sự chân thành của trái tim, nó vô cùng đơn giản, mộc mạc, không mang những mưu toan, tính toán và tình thương hiện diện khắp mọi nơi. Hạnh phúc là cảm giác vui vẻ, sung sướng hay đơn giản chỉ là sự thanh tịnh trong tâm hồn. Chính vì mà tình thương yêu và hạnh phúc luôn tồn tại trong nhau. Xã hội ngày nay luôn bận rộn trong guồng máy công việc, con người luôn phải chạy đua với thời gian, nhưng không vì thế mà tình thương yêu giữa người và người bị mất đi. Ở đâu đó vẫn còn rất nhiều những tấm lòng chan chứa yêu thương luôn rộng mở. Có rất nhiều bạn học sinh, sinh viên tham gia các chiến dịch “Mùa hè xanh”, “Hoa phượng đỏ” để giúp đỡ những người kém may mắn. Các bạn không quản khó khăn để mang con chữ đến cho các bạn vùng sâu vùng xa. Hay như bản thân chúng ta, khi Trung thu đến ta vẫn thường quyên góp lồng đèn giúp các em nhỏ vui tết Trung thu. Tất cả những điều đó đã phần nào chứng minh cho tình yêu luôn hiện hữu ở tất cả mọi nơi. Mặt khác tình thương còn là tấm lòng người mẹ, người cha, người ông, người bà, ... đối với con cháu. Họ cả đời lo lắng, chăm sóc, dành những gì tốt nhất cho người thân yêu. Thế đấy, sự thương yêu muôn màu muôn vẻ với muôn nghìn sự thể hiện. Nó tồn tại ở khắp mọi nơi và trong nhiều mối quan hệ từ bạn bè, gia đình đến xã hội. Thế nhưng tấm huy chương nào cũng có mặt trái của nó, tình yêu cũng vậy. Nếu chúng ta không đặt đúng chỗ, không mang đến cho những người cần thì nó sẽ trở thành một tác nhân xấu cho gia đình và xã hội. Ví như một người mẹ thì lúc

nào cũng yêu thương con nhưng nếu người mẹ đó lầm tưởng rằng yêu thương là cưng chiều thì sớm muộn đứa con ấy sẽ trở nên hư hỏng vì chúng cho rằng chúng là nhất. Không những thế, cuộc đời muôn hình vạn trạng, có người tốt cũng có kẻ xấu. Tuy xã hội có rất nhiều người tình yêu thương vô bờ đối với mọi người xung quanh nhưng cũng tồn tại những kẻ ích kỷ. Những người đó chỉ biết cuộc sống của mình, họ không quan tâm đến bất cứ ai. Họ không hề biết rằng cuộc đời là tập hợp của rất nhiều số phận may mắn, bất hạnh. Vì vậy những số phận may mắn cần dang rộng vòng tay yêu thương để giúp đỡ những số phận bất hạnh, giúp họ vượt qua khó khăn của cuộc đời. Trên thế gian này, không có vị thần nào đẹp hơn thần mặt trời, không có ngọn lửa nào đẹp hơn ngọn lửa yêu thương. Chúng ta hãy mở rộng cánh của trái tim, mở rộng tấm lòng yêu thương, mang tình yêu đến với mọi người. Vì như ta không những hạnh phúc đến cho mọi người, cho chính mình mà còn giúp những người bất hạnh hiểu rằng thế giới này vẫn vô cùng ấm áp tình người.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về vấn đề: “Ích kỷ và vị tha” trong xã hội ngày nay

Trong xã hội có muôn vàn người với đủ tính cách khác nhau và luôn có những tính cách đối lập với nhau. Một trong số đó là tính ích kỷ và lòng vị tha. Lòng vị tha cao quý đáng ca ngợi bao nhiêu thì tính ích kỷ nhỏ nhen cần phê phán bấy nhiêu vì nó trái ngược với truyền thống nhân ái có tự ngàn đời của dân tộc Việt Nam. Vậy thế nào là tính ích kỷ và tính vị tha? Chúng ta cùng tìm hiểu từng vấn đề một. Ích kỷ là chỉ biết vì lợi ích cho riêng mình. Ích kỷ hại nhân là vì lợi ích riêng mình mà làm hại người khác. Tính xấu này là mục tiêu châm biếm của tục ngữ ca dao trào phúng ngày xưa: Của mình thì giữ bo bo, Của người thì thả cho bò nó ăn. Hoặc: Của người bồ tát, của mình lạt buộc... Được lợi ích, khúc khích ngồi cười. Trăm nhát cuốc hất cả vào lòng. Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại... Kẻ có tính ích kỷ thường hay so đo, tính toán để trong bất cứ việc gì cũng không bị thiệt thòi. Phương châm sống của hạng người này là giành phần thuận lợi về mình, đùn đẩy khó khăn, nguy hiểm cho người khác. Khi hưởng thụ, họ sẽ có mặt đầu tiên. Khi cảm thấy bất lợi, nhất là lúc gian nan, nguy hiểm thì sẽ chẳng thấy họ đâu. Đúng như trong câu tục ngữ: Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau. Đó là cách sống mang nặng tính chất cá nhân tiêu cực, không nghĩ đến lợi ích của mọi người xung quanh và của cả cộng đồng. Chúng ta thử suy ngẫm xem nếu ai cũng ích kỷ như vậy thì xã hội sẽ ra sao? Cuộc sống sẽ ra sao? Nghị luận về tính ích kỷ và lòng vị tha Tính ích kỷ biểu hiện dưới nhiều hình thức, nhiều mức độ khác nhau. Thấp thì như lừa biếng, tham ăn, ăn trộm, ăn cắp...; cao thì như dối trá, gian xảo, hối lộ, tham nhũng, biến của người thành của mình, biến của công thành của tư... Dân gian giễu cợt anh chàng tham ăn đi dự đám cưới, trong mâm có đĩa tôm sáu con, anh ta ăn hết năm con mới sực nhớ ra và mời người khác. Mấy người mĩa mai bảo anh ta ăn nốt cho khỏi “lạc đàn”. Hay như ông bố nọ tham ăn đến nỗi dứt khoát chẳng để cho đứa con nhỏ một con cá nào cả... Trong học tập, tính ích kỷ thể hiện ở thái độ thiếu quan tâm đối với bạn bè. Chẳng hạn có bạn học giỏi nhưng không nhiệt tình giúp đỡ các bạn yếu kém hoặc không thích tham gia các hoạt động phong trào của lớp vì sợ ảnh hưởng tới thời gian và kết quả học tập của mình. Có bạn gia đình khá giả nhưng không sẵn lòng chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó

khăn... Kẻ ích kỉ thường hay dối trá, lừa đảo, tham nhũng... để thu lợi bất chính mà không nghĩ đến thiệt hại ghê gớm do mình gây ra. Những kẻ buôn bán ma túy, buôn lậu, một số quan chức thoái hóa, tiêu cực của PMU18 tham ô tiền bạc của Nhà nước để cá độ bóng đá, ăn chơi sa đọa... đều xuất phát từ thói tư lợi. Thái độ của nhân dân ta đối với quan điểm sống cá nhân ích kỉ là thái độ phê phán và lên án. Trái ngược với tính ích kỉ là lòng vị tha. Vị tha là có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác, có thể vì người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Thấm nhuần tư tưởng nhân ái, tổ tiên chúng ta đã nhắc nhở con cháu: Thương người như thể thương thân; Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn; Lá lành đùm lá rách; Nhịn miệng đãi khách đường xa, Cũng là của để chồng ta ăn đường... Lòng vị tha là đức tính cần thiết mà mỗi người cần phải có. Mỗi người có một vị trí, vai trò trong xã hội, vì thế mà dù quen biết hay không quen biết, dù thân thuộc hay không thân thuộc, tất cả đều có mối quan hệ gắn bó với nhau. Mỗi cá nhân không thể chỉ biết đến quyền lợi của riêng mình mà phải nghĩ đến quyền lợi của người khác. Trong một gia đình, cha mẹ làm gì cũng phải nghĩ tới con cái; ngược lại, con cái làm gì cũng phải nghĩ tới cha mẹ. Nếu không mang lại lợi ích vật chất thì cũng phải mang lại niềm vui, niềm tự hào cho cha mẹ. Đó là cách đáp đền chữ hiếu thiết thực nhất. Mỗi học sinh phải biết quan tâm đến các bạn trong tổ, trong lớp của mình. Bạn khá giúp đỡ bạn kém, bạn có điều kiện kinh tế đầy đủ giúp đỡ bạn có hoàn cảnh thiếu thốn, cùng chia vui sẻ buồn, động viên nhau phấn đấu để đạt thành tích cao trong học tập và tu dưỡng. Như thế là có lòng vị tha, biết sống vì người khác. Truyền thống đoàn kết hình thành tự ngàn xưa của dân tộc ta chính là biểu hiện tốt đẹp nhất của lòng vị tha. Trong cuộc sống hằng ngày, không ai có thể tồn tại được nếu cách biệt với mọi người. Tách mình ra khỏi quan hệ với gia đình, giai cấp và dân tộc thì chẳng khác nào tự tiêu diệt vì cá nhân không thể làm nên sức mạnh: Một cây làm chẳng nên non, Ba cây chụm lại nên hòn núi cao. Sống trên đất nước này, dù kẻ trên rừng, người dưới biển, dù dân tộc Kinh hay Mường, Thái, Ba-na hay Xê-đăng... thì chúng ta cũng phải luôn nhớ rằng đều là con của mẹ Âu Cơ sinh ra từ bọc một trăm trứng (đồng bào). Vì thế nên tổ tiên chúng ta đã nhắc nhở con cháu hãy yêu thương, đùm bọc lẫn nhau để vượt qua mọi khó khăn, hoạn nạn: Nhiều điều phù lấy giá gương, Người trong một nước thì thương nhau cùng. Chỉ có một cộng đồng thống nhất về ý chí, gắn bó chặt chẽ về tình cảm và quyền lợi mới có thể tạo nên sức mạnh to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, mới sáng tạo ra những của cải vật chất, tinh thần làm giàu cho xã

hội. Trong sử sách, có rất nhiều gương sáng về lòng vị tha. Ở thế kỉ XIII, Trần Quốc Tuấn đã gác thù riêng của gia đình sang một bên để cùng với vua Trần lo nghiệp lớn, ba lần đánh đuổi giặc Nguyên – Mông ra khỏi đất nước. Ở thế kỉ XV, Nguyễn Trãi đã nêu cao quan điểm sống tích cực: Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc (lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ). Mặc dù phải chịu nhiều thiệt thòi và oan khuất, song Nguyễn Trãi vẫn một lòng một dạ trung thành: Bởi có một lòng trung với hiếu, Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông. Nguyễn Trãi tiêu biểu cho lòng vị tha cao cả đến quên mình, ông đã đem hết nhiệt tình và tài năng cống hiến cho dân, cho nước. Với công lao vô cùng to lớn, tên tuổi Nguyễn Trãi đời đời sáng chói trong lịch sử giữ nước đau thương và oanh liệt của dân tộc Việt. Nguyễn Trãi xứng đáng với lời ban khen của vua Lê Thánh Tông: Ước Trai tâm thượng quang Khuê tảo (Ước Trai lòng sáng tựa sao Khuê). Một gương sáng của lòng vị tha gần gũi chúng ta nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ cách mạng kiệt xuất – Người Cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam. Điều cao quý nhất ở Bác chính là tinh thần nhân ái bao la, sâu sắc đối với con người. Suốt cuộc đời bảy mươi chín mùa xuân, Bác chấp nhận hi sinh hạnh phúc riêng để mưu cầu hạnh phúc chung cho dân tộc. Hạnh phúc chung đó chính là chủ quyền độc lập, tự do, là quyền được sống trong khung cảnh đất nước hòa bình. Tâm nguyện thiết tha nhất của Bác là: Đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Cuộc sống giản dị, thanh cao chứng minh cho quan điểm sống Minh vì mọi người của Bác. Trong cuốn sách Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, tác giả Trần Dân Tiên kể rằng: Trên đường từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội, Bác ngậm ngùi đau xót trước cảnh lũ lụt tràn ngập ruộng nương vùng trung du, đồng bào đói khổ, lầm than. Lập tức, chủ trương xóa đói được Bác phát động và Bác là người đầu tiên nghiêm túc thực hiện phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm gạo giúp đồng bào bị đói. Mọi suy nghĩ, hành động của Bác đều hướng tới lợi ích lớn lao của nhân dân, Tổ quốc. Nhà thơ Tố Hữu đã ca ngợi lòng vị tha bao la như trời biển của Bác Hồ bằng những vần thơ dạt dào xúc động: Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta, Thương cuộc đời chung, thương cỏ hoa. Chỉ biết quên mình cho hết thảy, Như dòng sông chảy nặng phù sa. Bác Hồ nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải luôn luôn nhớ rằng mình là đây tớ trung thành của nhân dân, không được đòi hỏi đặc quyền đặc lợi, phải đi sâu tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của dân chúng, phải thấm nhuần tư tưởng lấy dân làm gốc và không được quên lời thề trung với nước, hiếu với dân. Lòng vị tha quý giá và cao cả như thế nhưng nó không đòi hỏi gì nhiều ở mỗi con người ngoài một trái tim nhân hậu, biết yêu

thương, chia sẻ vui buồn với đồng bào, đồng loại. Trong cuộc sống hằng ngày, có những lời nói, hành động dù là nhỏ nhưng cũng thể hiện lòng vị tha như nhường chỗ cho cụ già, phụ nữ, trẻ em trên xe buýt; dẫn người khiếm thị qua đường; giúp đỡ người cơ nhỡ, tật nguyền, bất hạnh; chia sẻ với bạn nghèo từng cuốn sách, từng cây bút; quyên góp giúp đỡ đồng bào vùng bị thiên tai... Phong trào: Nhà nhà làm việc thiện, người người làm việc thiện trong những năm gần đây phát triển rộng rãi khắp đất nước là kết quả của việc giáo dục, thức tỉnh lòng vị tha ở mỗi con người. Tính ích kỷ là thói xấu, học sinh chúng ta không nên mắc phải. Còn lòng vị tha là đức tính quý báu cần thiết mà mỗi người phải có. Nếu ai cũng có lòng vị tha, cũng sống đúng phương châm mà Bác Hồ đã dạy: Mình vì mọi người, mọi người vì mình thì xã hội sẽ ngày càng tốt đẹp hơn

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về vấn đề: “Ích kỷ và vị tha” trong xã hội hiện nay

Cuộc sống là chuỗi ngày mỗi con người tự hoàn thiện mình. Mỗi ngày là một bài học vô giá ta nhận được từ cuộc sống. Quá trình hoàn thiện mình chính là gạt bỏ đi từng cái xấu và vun đắp thêm từng cái tốt dù rất nhỏ. “Vị tha” là phẩm chất chúng ta cần rèn luyện. “Ích kỷ” là điều mỗi người nên tìm cách gạt bỏ. Vậy thật ra thế nào là vị tha, thế nào là ích kỷ? Vị tha là chăm lo một cách vô tư đến người khác, vì người khác mà hy sinh lợi ích, hạnh phúc của cá nhân mình. Ích kỷ nghĩa là chỉ hành động vì lợi ích riêng của mình. Người có lòng vị tha là người biết nghĩ đến người khác, biết tha thứ cho những lỗi lầm của họ. Trong khi người ích kỷ chỉ biết nghĩ đến mình. Họ luôn đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả. Và dĩ nhiên kẻ ích kỷ sẽ không dễ tha thứ nếu ai đó làm tổn thương mình. Chúng ta biết “nhân vô thập toàn”. Đã là người ai lại không có một lần phạm phải sai lầm. Nếu mọi lỗi lầm đều không được tha thứ thì mối quan hệ giữa người với người trên thế giới này sẽ như thế nào? Vị tha là một phẩm chất không thể thiếu để thắt chặt sợi dây thân ái giữa mọi người. Và ích kỷ là kẻ thù hùng mạnh nhất của lương tâm. Tại sao lại nói như vậy? Trong mỗi con người, ai ai cũng tồn tại lòng ích kỷ. Người mạnh sẽ có khả năng đóng cũi sắt con “quỷ” ích kỷ đó. Người yếu kém sẽ để nó tung hoành tác oai tác quái. Nhưng chiếc “cũi sắt” nhốt lòng ích kỷ làm bằng “lương tâm” và “ý chí”. Nếu con người không giữ vững được lương tâm và ý chí của mình thì lòng ích kỷ có thể thoát ra bất cứ lúc nào. Vì thế nên mới nói ích kỷ là kẻ thù hùng mạnh nhất của lương tâm. Mac-đen đã từng nói: “Tính ích kỷ là nguyên nhân của mọi sự tàn ác”. Từ việc chỉ biết có bản thân, người ta dễ dàng lầm lạc bước vào con đường tội lỗi. Lúc đó họ không còn biết gì đến mọi người xung quanh. Thế mới thấy, ích kỷ thật là đáng sợ. Không chỉ ảnh hưởng đến người xung quanh mà lòng ích kỷ còn làm hại chính người... “nuôi dưỡng” nó. Nó giống như ngọn gió sa mạc làm khô héo tất cả. Khô héo tâm hồn ta và khô héo tình cảm người khác dành cho ta nữa. “Nếu là con chim chiếc lá Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh Lẽ nào vay mà không có trả Sống là cho đâu chỉ phải chỉ riêng mình” (Tố Hữu) Con người sinh ra là để sống với cộng đồng. Kẻ ích kỷ chỉ biết lo cho bản thân sẽ không thể tồn tại hay “chết” theo cách nghĩ nào đó mà Huy-gô đã từng nói: “Kẻ nào vì

mình mà sống thì vô tình kẻ ấy đã chết đối với người khác”. Nói cách khác, không phải họ đang sống mà đơn giản chỉ là tồn tại. “tồn tại” chỉ thật sự nâng lên thành “sống” khi nó được bao bọc bởi tình yêu thương. Những kẻ ích kỉ liệu có được mọi người yêu mến, quý trọng? Vị tha là “người” đứng bên kia chí tuyến với lòng ích kỉ. Người vị tha luôn nhìn người khác bằng cái nhìn của lòng nhân từ, tình thương yêu. Họ luôn đặt mình vào vị trí của đối phương để hiểu và cảm nhận tình cảm vui buồn của những con người đó. Trước hết cần nói rằng sống cho vị tha chính là tự tôn trọng mình như Vệ Bá đã từng nói “Khoan dung, vị tha, bác ái là cái nền để kính mình”. Để tha thứ và tỏ ra bao dung với người khác không phải dễ. Đơn giản hơn nghĩa là ai cũng biết đó là một điều tốt nhưng không phải tất cả đều làm được. Nó đòi hỏi người ta những phẩm chất nhất định. Có lẽ vì vậy mà Han-đa-rơ gọi những ai biết tha thứ là “những con người dũng cảm”. Như đã nói ở trên thì học cách sống cho vị tha không phải dễ. Nhưng để tha thứ cho kẻ thù của mình lại càng khó gấp bội. Khi ta tỏ ra bao dung trước tội lỗi của kẻ thù chính là ta đang tự chiến thắng bản thân mình. “Tha thứ là bông hoa thượng hạng của chiến thắng” (Arixtot) Người chưa từng biết tha thứ cho kẻ thù thì chưa từng nếm một trong những thú vui tuyệt trần của thế gian. Khổng Tử dạy rằng “tiên trách kỉ, hậu trách nhân” (trước hãy trách mình, sau mới trách người khác). Người sống vị tha thường xét mình một cách nghiêm khắc và xét người khác một cách nhân ái, bao dung. Khắc khe với chính mình cũng là một trong những cách tiêu diệt lòng ích kỉ và xây dựng tính vị tha. Ta tưởng tượng lòng vị tha giống như một khu vườn. “Vị tha” trong suy nghĩ là đất, “vị tha” trong lời nói là hoa và “vị tha” trong việc làm là quả. Từ lúc vun trồng cho tới khi ra hoa kết quả, lòng vị tha phải trải qua quá trình nuôi dưỡng lâu dài. Đồng thời cũng nên nhớ rằng người ta chỉ thật sự tha thứ khi học được cách để quên. Cũng như một cái cây làm sao có thể phát triển xanh tươi nếu mảnh đất nuôi lớn nó quá cằn cỗi. Vì thế khi nói rằng “Tôi có thể tha thứ nhưng tôi không thể quên” chỉ là một biến thể của câu “Tôi không thể tha thứ”. Tuy nhiên, việc gì cũng có giới hạn nhất định. Cái gì “quá” cũng không tốt. Vị tha không có nghĩa là hy sinh một cách mù quáng, nhắm mắt bỏ qua tất cả mọi tội lỗi. Hành động vị tha phải dựa trên sự dẫn dắt của lí trí. Ích kỉ cũng như vậy. Nói nó xấu không có nghĩa là bản thân chúng ta không được phép nghĩ cho riêng mình mà hãy nghĩ cho mình trên cơ sở lợi ích của người khác. Trước những thử thách của cuộc sống ta cần phân định rõ đâu là ranh giới giữa đúng và sai. Từ đó lựa chọn cho mình một cách cư xử phù hợp. Phẩm chất thì không có chuẩn mực. Mỗi người phải có toà án lương tâm để

định hướng cho hành động của mình. Nghĩ tới người khác không đồng nghĩa với việc tự lãng quên bản thân. Biết bảo vệ quyền lợi cá nhân không có nghĩa là đạp đổ hạnh phúc của người khác. Vị tha và ích kỉ cần áp dụng và hạn chế cho phù hợp. Làm được điều đó cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn. Nhắc đến vị tha và ích kỉ, tôi lại nghĩ về câu nói: “Thêm một chút vị tha và vứt đi một phần ích kỉ sẽ thấy cuộc sống là màu hồng”

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận: Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng học sinh hiện nay lười đọc văn bản khi học văn, chỉ sử dụng sách học tốt để đối phó với giờ học

Giáo dục là một vấn đề được xã hội Việt Nam chú ý đến rất nhiều trong những năm đầu của thế kỉ XXI. Mặc dù đây là một trong những ngành quan trọng bậc nhất của đất nước và nhận được sự quan tâm rất lớn của chính phủ, nhưng những khuất mắc, tiêu cực trong ngành vẫn cứ tồn tại và lan rộng ra. Một trong những vấn đề lớn nhất, nổi bật nhất chính là hiện tượng gian lận trong thi cử, kiểm tra, hay nói một cách khác là tình trạng học đối phó, quay cóp bài của học sinh trong kiểm tra, thi cử. “Học đối phó” là hiện tượng học sinh học bài chỉ để vượt qua một kì thi, một giờ kiểm nào một cách gượng ép và không hề lưu giữ một tí gì về những thứ đã học sau lần kiểm tra, lần thi đó. Còn “quay cóp bài” là tình trạng học sinh xem bài của nhau hoặc xem tài liệu trong giờ kiểm tra, thi cử. Nói một cách đơn giản hơn, đó là những hiện tượng tiêu cực trong một nền giáo dục. Và đáng tiếc thay, cái tiêu cực đó dường như đã trở thành “một phần tất yếu trong cuộc sống” của học sinh thời nay và nó đang ăn sâu, lan rộng vào tiềm thức của những người đang ngồi trên ghế nhà trường. Xét về một mặt nào đó, những hành động này có thể cho họ lợi ích nhất thời, đó có thể là những điểm tám, điểm chín,.. trong các kì thi, kiểm tra chẳng hạn. Nhưng nếu ta xét một cách toàn diện và sâu rộng hơn, thì cái lợi trước mắt đó sẽ lại là cái hại lâu dài cho chính bản thân họ và cho cả đất nước, dân tộc. Khi những người học sinh thực hiện những hành động tiêu cực đó, thì liệu khi họ rời khỏi ghế nhà trường nhà bước vào xã hội, trong bộ óc của họ có chứa được một tí kiến thức nào để có thể chung sống với xã hội hay không. Và liệu một dân tộc, một đất nước sẽ ra sao khi nền giáo dục của đất nước đó, dân tộc đó chỉ tạo ra những con người trẻ tuổi với cái đầu rỗng tuếch và suy nghĩ đối tra, tôi chắc hẳn rằng sẽ trở nên suy yếu đi, thậm chí là diệt vong. Mọi thứ đều có nguyên nhân của chính nó và những tiêu cực trên cũng thế. Nguyên nhân trước hết chính là mỗi bản thân người học sinh đã không tự xác định được học để làm gì và học như thế nào, từ đó suy nghĩ và hành động của họ trở nên sai trái là đương nhiên. Nhưng ta cũng ko thể trách họ hoàn toàn được, làm sao họ có thể tốt được khi mà những người thầy, người cô cứ mãi đếm tỉ lệ lên lớp, tỉ lệ tốt nghiệp,...khi mà

những người đứng đầu ngành cứ mãi loay hoay với những vấn đề “biết rồi, khổ lắm, nói mãi” như cải cách sách giáo khoa, học phí,...khi mà....Và tất cả những thứ đó đã góp phần tạo nên một hiện tượng tiêu cực phổ biến này. Để có thể giải quyết một cách triệt để được những hiện tượng trên, thì những vị lãnh đạo của chúng ta cần phải có những chiến lược, mục đích thật sự đúng đắn và sáng tạo cho ngành giáo dục, cùng với đó những người giáo viên phải truyền được cho học sinh tinh thần học tập, phải cho họ thấy mục đích của học tập không phải là để trở thành “ông này bà nọ”, để được “ăn sung mặc sướng”, để có cái bằng cấp vô nghĩa,...mà là tích lũy tri thức để có thể tồn tại, chung sống, phát triển và tự khẳng định mình. Và trên hết. bản thân mỗi học sinh cần phải tự nỗ lực học tập, tự xác định được mục đích học tập và phương pháp học tập hiệu quả, và nhất là phải để cho lòng tự trọng của mình lên tiếng trước những cám dỗ của tiêu cực. Hãy hành động ngay bây giờ, và đừng chờ đợi nữa. Nếu không, đến một lúc nào đó, khi những sản phẩm thất bại này của ngành giáo dục bước ra xã hội và làm chủ đất nước thì dân tộc ta, đất nước ta sẽ phải đứng bên bờ suy thoái, diệt vong

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về hiện tượng học sinh hiện nay lười đọc văn bản khi học văn, chỉ sử dụng sách học tốt để đối phó với giờ học

Ngày nay, được đến trường đi học là niềm hạnh phúc của nhiều bạn, là ước mơ lớn lao của những bạn không có đủ điều kiện để cắp sách đến trường. Thế nhưng, bên cạnh đó, có một số bạn có điều kiện thì lại không lo học hành, ham chơi, học qua loa, đối phó. Đáng buồn thay, hiện tượng đó đã trở nên phổ biến trong học sinh. Những học sinh lười học, học qua loa, đối phó ắt dễ nhận ra qua những biểu hiện như ngại học, lúc nào cũng lẫn trốn, tìm mọi lý lẽ để biện minh cho việc lười học của mình, biếng nhác, ham chơi. Họ quan niệm rằng, học cho ba mẹ vui, đến trường cho có bạn, nên họ không hề chủ động trọng việc học. Học không đến nơi đến chốn, học đầu quên đuôi. Học lúc ấy để trả bài, đối phó với sự kiểm tra của thầy cô, cha mẹ nên bài cũ không nhớ lâu, một thời gain ngắn sẽ quên ngay. Ngay cả trong lớp, những học sinh học có lối học như trên cũng ngồi học một cách chán nản, hoặc không tập trung vào bài học, làm việc riêng, giả vờ ghi ghi chép chép, ngoan hiền để qua mặt thầy cô. Đến khi bị nhắc nhở thì tỏ ra chú ý rồi đầu lại vào đây. Đối với bài tập ở nhà, họ không bao giờ chịu suy nghĩ để làm, mà chỉ toàn chép trong sách giải, sách học tốt hoặc lên lớp mượn vở bạn chép lại. Táo bạo hơn, nhiều học sinh còn trả tiền cho bạn để làm bài hộ mình. Việc học qua loa đối phó này gây những tác hại ghê ghớm, cho chính bản thân người học sinh ấy, cho gđ và xã. Bởi lối học bị động như trên, nên kiến thức nắm lơ mơ, nông cạn, hời hợt, phiến diện, mất kiến thức cơ bản, vì vậy đầu óc trống tuếch. Đó là nguyên nhân gây nên sự tụt dốc nghiêm trọng trong việc học. Những học sinh đã sút học thường ít khi có cơ hội tiến mà hầu như đều chán nản, bi quan, nghĩ rằng mình không còn đủ sức học nữa đâm ra không còn sự say mê, hào hứng trong học tập dần dần bỏ bê luôn việc học. nặng hơn nữa là bỏ học do xấu hổ, thiếu niềm tin. Mà những người thất học thì tương lai sẽ không mấy tốt đẹp, không có nghề nghiệp ổn định. Thật tai hại khôn lường. Một khi đã không tập trung vào việc học, “nhàn cư vi bất thiện”, họ rất dễ bị kẻ xấu rủ rê, lôi kéo vào con đường phạm pháp, tệ nạn xã hội, cuộc đời càng ngày càng đi vào ngõ cụt. Không những gây hại cho chính bản thân họ mà còn liên lụy tới mọi người trong gia đình. Vừa tốn kém tiền bạc thuê

gia sư đến dạy, vừa phải đóng phí cho những năm bị lưu ban mà không thu được kết quả tốt. Những bậc cha mẹ có con em mình bị như vậy thì vô cùng đau khổ, xấu hổ trước bạn bè, vì liên tục bị giáo viên chủ nhiệm mời gặp. Thử hỏi họ còn an tâm công tác, làm việc khi con họ hư hỏng, ăn chơi... Còn đối với xã hội, những người như vậy là gánh nặng cho xã hội về nhiều mặt: kinh tế tư tưởng, đạo đức, lối sống. Việc học qua loa, đối phó sẽ tạo ra những con người không có tri thức, bất tài, vô dụng trong khi đất nước ta đang trên đà phát triển, rất cần những người tài giỏi, ra sức giúp nước. Một vấn đề đang nhức nhối hiện nay là tệ nạn xã hội nước ta ngày càng gia tăng do những người vô công rồi nghề gây nên. Mới đây là những vụ bằng cấp giả, “tiến sĩ giấy” đã bị báo chí đưa lên. Họ không học hành đến nơi đến chốn nhưng lại muốn có tiền, được tăng lương, thăng cấp, vì vậy xảy ra một số trường hợp thừa bằng cấp, thiếu năng lực Đây quả là một hiện tượng rất đáng chê trách. Vậy làm thế nào để khắc phục được hiện trạng này? Bản thân ở mỗi người cần ý thức và tự giác trong học tập: học cho mình, học để lấy kiến thức, để phát triển nhân cách, tâm hồn, có tương lai sáng lạn và để xây dựng đất nước. Nhưng phản học như thế nào?? Học ở thầy, ở bạn, những người xung quanh mình và ngoài xã hội. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao hiểu biết. Quan trọng nhất là xác định đúng đắn, mục tiêu, lí tưởng, động cơ, nhiệm vụ học tập một cách nghiêm túc, đáng dẫn. Học tập thật hết mình để đạt kết cao và thường xuyên rèn luyện nhân cách Học vẫn là con đường duy dẫn đi đến tương lai. Chúng ta hãy cố gắng học tập để tự khẳng định , tự tìm chỗ đứng của mình trong xã hội, hơn thế nữa là tự nuôi sống bản thân và gia đình, không biến mình thành gánh nặng cho xã hội

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của bạn về hiện tượng học sinh hiện nay lười đọc văn bản khi học văn, chỉ sử dụng sách học tốt để đối phó với giờ học

Ý chính trong bài: 1. Định nghĩa thế nào là lối học đối phó, qua loa: Đó chính là lối học gạo, học chỉ để thuộc bài, học để lấy điểm chứ không lấy kiến thức. Tệ hại hơn là việc học qua loa, khi những kiến thức được cung cấp trên nhà trường chỉ được học một cách đại khái, không có mục đích, mục tiêu rõ ràng ... 2. Đặc điểm của việc học đối phó, qua loa: - Học trước, quên sau - Học 1 chỉ biết 1, không liên hệ được kiến thức trước và sau đó. Nghĩa là kiến thức được học không có sự liên kết một cách hệ thống. - Học không có tính chất thực tiễn, không liên hệ để phục vụ cho việc xây dựng kỹ năng cho bản thân - Học qua loa, đối phó còn thể hiện rất rõ ở việc: Không gây hứng thú trong quá trình học, sinh ra tâm lí chán nản thậm chí là sợ hãi mỗi khi nhắc đến.. 3. Tác hại của việc học qua loa, đối phó: Khiến học sinh chúng ta không có đủ hành trang kiến thức cho cuộc sống sau khi rời ghế nhà trường... 4. Học thế nào mới không phải là qua loa, đại khái? "Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình" -> Chỉ khi xác định được mục đích của việc học thì chúng ta mới không học qua loa và đối phó. Muốn vậy: - Học mọi lúc mọi nơi - Học từ mọi tình huống trong cuộc sống - Học bằng nhiều phương tiện: Qua đài, báo, ti vi, các website trực tuyến - Học thầy, học bạn... 5. Bài học cho bản thân: Cái này tự rút ra nhé

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng học sinh hiện nay lười đọc văn bản khi học văn, chỉ sử dụng sách học tốt để đối phó với giờ học

DÀN Ý THAM KHẢO: I. MỞ BÀI - Dùng danh ngôn hoặc câu hỏi gợi mở vào đề (nếu sử dụng cách mở bài gián tiếp). - Nêu ý chính, điều cần phân tích từ việc học đối phó. II. THÂN BÀI 1/ Giải thích học đối phó là gì? - Học tập mà không có hứng thú, say mê, không tìm hiểu, không động não, ham thích. - Học để tránh né, bị ép buộc, áp đặt từ ba mẹ, gia đình. - Thể hiện sự đối phá bằng những hành động khác nhau, không gây ra tác hại ngay lập tức, nhưng để lại nhiều hậu quả xấu. 2/ Nêu một vài ví dụ điển hình thể hiện cách học thụ động này: - Chép sách khi thầy cô giao bài tập - Hỏi bạn, nhìn bài, làm mọi cách gian lận để có điểm cao. - Khi thầy cô giảng bài, lơ đãng làm việc riêng, uể oải chép bài cho được cái mác “siêng học”. - Thiếu trung thực trong thi cử để có danh hiệu, đối phó với lòng tin của ba mẹ, sự nghiêm khắc của thầy cô, ... 3/ Tác hại của việc học đối phó: - Ảnh hưởng đến tâm lý, gây thụ động, dẫn đến nhàm chán. - Mất căn bản, nạn học sinh “nhảy lớp”, học đến lớp 12 mà chính tả còn sai be bét, ... - Ảnh hưởng đến sự trung thực của con người, học sinh đánh mất dần những nhân cách tốt. - Về lâu dài, làm suy thoái nền giáo dục nước nhà. → Những người học đối phó không bao giờ đạt thành công thực sự trong đường đời. 4/ Cần phải làm gì để ngăn chặn nạn học đối phó? - Học sinh chúng ta phải thay đổi ngay từ hôm nay, phải chủ động tìm hiểu và tiếp thu kiến thức. - Ứng dụng những công nghệ hiện đại để giúp ích cho việc học tập. - Trung thực khi thi cử, trong trường lớp, với bạn bè và chính bản thân. III. KẾT BÀI - Khẳng định lại giá trị đích thực của việc học. - Tự nhủ sẽ luôn học tập tốt, bằng chính khả năng và thực lực của mình. - Kêu gọi thiếu niên chủ động học tập, vì tương lai đất nước, vì hạnh phúc mỗi con

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của em về giá trị của gia đình đối với bản thân mỗi người

Trong cuộc sống của mỗi chúng ta, gia đình đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người. Đặc biệt môi trường gia đình bao giờ cũng có tác động hai mặt tới sự hình thành nhân cách. Có người sinh ra trong môi trường gia đình không mấy tốt đẹp rồi anh ta cũng trở thành bản sao của sự không tốt đẹp ấy. Nhưng cũng có người vượt qua được hoàn cảnh để trở thành con người có ích cho xã hội. Câu chuyện kể về hai nhân vật A và B đã phần nào cho chúng ta thấy rõ điều đó. Câu chuyện về hai nhân vật A và B có chung một hoàn cảnh: cả hai đều có một người cha nghiện ngập. Tuy nhiên sau này anh A lại trở thành con người có ích cho xã hội là người tiên phong trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội và bạo lực gia đình. Còn anh B lại trở thành bản sao của người cha nghiện ngập. Vấn đề được đặt ra trong câu hỏi của nhà xã hội học là “Điều gì khiến anh lại trở nên như thế?”. Và câu trả lời của cả hai là “Có một người cha như thế nên tôi phải như thế”. Như vậy vấn đề được đặt ra ở đây là sự ảnh hưởng của gia đình đối với mỗi cá nhân con người. Gia đình là gì? Gia đình là nơi ta sinh ra, lớn lên là cái nôi nuôi dưỡng, chở che cho ta khôn lớn. Gia đình là cái nôi hạnh phúc của con người từ bao thế hệ: đùm bọc, yêu thương, giúp con người vượt qua được những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Vì thế gia đình có giá trị bền vững và vô cùng to lớn không bất cứ thứ gì trên cõi đời này sánh được, cũng như không có bất cứ vật chất cũng như tinh thần nào thay thế nổi. Mỗi con người sinh ra và lớn lên, trưởng thành đều có sự ảnh hưởng, giáo dục to lớn từ truyền thống gia đình. Và người làm cha làm mẹ trong gia đình là tấm gương mẫu mực của con cái. Nói đúng hơn là mỗi thành viên phải là tấm gương sáng cho nhau. Nếu như gia đình có người cha người mẹ luôn yêu thương, chở che và giáo dục tốt cho con cái thì đứa con lớn lên sẽ trở thành người có ích cho xã hội. Ví như nhà thơ Tố Hữu sinh trưởng trong gia đình Nho giáo, sau này Tố Hữu trở thành nhà Cách mạng, nhà thơ lớn của dân tộc. Mạnh Tử người Trung Quốc tuy mất cha từ nhỏ nhưng thường xuyên được mẹ nghiêm khắc chỉ bảo, dạy nhiều điều hay lẽ phải. Sau này Mạnh Tử trở thành triết gia lỗi lạc của Trung Hoa. Nhiều học sinh ở nông thôn, nhà nghèo khó nhưng nhìn vào sự vất vả của mẹ của cha mà họ đã cố gắng học

tập thật tốt trở thành thủ khoa của các trường Đại Học. Tuy nhiên, cũng có những con người sinh ra trong gia đình có truyền thống giáo dục tốt nhưng bản thân họ lại là những kẻ tội đồ của xã hội. Ví dụ như Nguyễn Đức Nghĩa ở Hải Phòng có bố là sỹ quan quân đội, mẹ là giáo viên. Nhưng bản thân anh ta lại là kẻ giết người tàn độc (Vụ án xác chết không đầu năm 2010 tại Hà Nội). Nhiều học trò ỷ vào việc gia đình giàu có nên ăn chơi lêu lổng để rồi đánh mất cả tương lai ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Bên cạnh những gia đình hạnh phúc thì còn có những gia đình chưa thật sự hoàn hảo, đây đó vẫn còn có những thành viên trong gia đình còn có những khuyết điểm nặng nề. Quả đúng như vậy, nếu gia đình có người cha người mẹ có nhiều thói xấu thì những đứa con trong gia đình chắc chắn sẽ ảnh hưởng những thói xấu của cha mẹ. Ví như câu chuyện của nhân vật B trong câu chuyện kể ở trên hoặc câu chuyện của thằng Phác trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu. Do sống trong hoàn cảnh có người cha luôn bạo hành mẹ nên nó cũng trở thành kẻ máu lạnh ngay từ lúc còn nhỏ. Phác dùng thắt lưng và cả dao nhọn để đánh lại cha mình. Đa số tội phạm vị thành niên đều có nguồn gốc xuất thân từ những gia đình có bố mẹ ly hôn hoặc bố mẹ làm nghề lao động tự do. Nhưng cũng cần nhận thức được điều này: gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân cách nhưng không phải lúc nào con người cũng phụ thuộc vào hoàn cảnh. Ở trường hợp của nhân vật A là điển hình nhất. Tuy có người cha nghiện ngập nhưng anh A vẫn vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của gia đình để trở thành con người có ích cho xã hội. Như vậy, gia đình chỉ tác động một phần đến sự hình thành nhân cách của con người chứ không phải là tất cả. Cuộc đời của mỗi con người, nhân cách của mỗi con người là phụ thuộc vào chính bản thân họ. Qua câu chuyện trên ta thấy được vai trò của gia đình trong việc hình thành nhân cách con người là rất quan trọng. Và bao giờ gia đình cũng có tác động hai mặt đến mỗi thành viên. Mỗi con người chúng ta cần tích cực thay đổi bản thân mình để phù hợp với hoàn cảnh. Và dù trong mọi hoàn cảnh chúng ta cũng cần phải chọn cho mình một lối đi phù hợp chứ không phải gió chiều nào ngả theo chiều ấy. Cũng cần bảo vệ gia đình, lên án thói bạo hành gia đình. Vì một xã hội tốt đẹp hãy cùng nhau xây dựng gia đình lành mạnh, văn hóa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội Ngạn ngữ Pháp có câu: “Muốn là được”
anh chị có tán thành với câu nói đó không

Mở bài: - Giới thiệu chủ đề Thân bài: - Giới thiệu về câu nói - Suy nghĩ liên tưởng 2 chiều: + lợi: . bạn thân quyết tâm thì muốn sẽ làm được . rèn luyện tính tự giác, mong muốn làm gì đó . tập được tinh thần kiên quyết, vững chí với quyết định, muốn là được, không phụ thuộc vào người khác nghĩ sao
. lấy ví dụ cụ thể + hại: . thái độ ương bướng, không nghe theo ai . tự ki, cho bản thân là trung tâm, muốn gì làm đó lấy ví dụ cụ thể —> câu nói gợi nhiều mặt cả về ý nghĩa, hàm xúc, nội dung. - bộc lộ cảm tưởng bản thân - khuyên mọi người phải biết suy nghĩ những hành động của mình trước khi làm, để biết thứ nào là đúng, là sai Kết bài: - nhấn mạnh lại chủ đề, câu nói - nhấn mạnh ý nghĩa

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội bàn về ý nghĩa của tình bạn trong cuộc sống

Trong cuộc đời, ngoài gia đình, bạn bè chính là những người gần gũi và dành nhiều thời gian với chúng ta nhất. Nhưng đôi khi, trong cuộc sống bận rộn, chúng ta lại vô tình, vô tâm quên mất đi ý nghĩa thật sự của tình bạn. Hãy cùng Gia Đình Nestle nhìn lại những ý nghĩa của tình bạn đẹp để trân trọng hơn những người bạn quanh mình, bạn nhé.

- 1/ Nơi ta “trút bầu tâm sự”: Có những chuyện, chúng ta khó mà chia sẻ với bất kỳ ai trừ những người bạn thân thiết, những người không bao giờ phán xét mà chỉ lắng nghe và an ủi ta. Qua đó, giúp ta lấy lại niềm tin và sự vui vẻ trong cuộc sống.
- 2/ Giảm buồn phiền áp lực: Mỗi lần buồn phiền hay gặp áp lực trong cuộc sống, hẳn người đầu tiên bạn gọi điện “tám chuyện”, xả bức chính là những người bạn thân nhất của mình phải không nào? Cùng thưởng thức NESCAFÉ và ngồi chia sẻ mọi chuyện với người bạn thân thì hẳn là mọi áp lực, buồn bực đều tan biến hết và bạn sẽ cảm thấy yêu đời hơn đấy nhé.
- 3/ Học hỏi được nhiều điều bổ ích: Không có ai trên đời là hoàn hảo cả nhưng hầu như mọi người đều có những điểm mạnh, điểm tốt của riêng mình. Những người bạn quanh ta cũng vậy, ai cũng có những điểm đáng cho ta học hỏi. Hãy mở lòng ra cùng bạn bè và học hỏi những tính tốt, thế mạnh của họ để giúp bản thân tốt hơn từng ngày.
- 4/ Giúp đỡ nhau: Trong cuộc đời, chúng ta khó tránh khỏi những lúc khó khăn, vấp ngã trong cuộc sống. Những lúc này, bạn bè chính là những người cùng ta chung vai sát cánh vượt qua mọi nghịch cảnh.
- 5/ Chia sẻ những đam mê, sở thích: Khi ở cùng hội bạn thân, ta mới cảm thấy tự tin, thoải mái là chính mình, được làm những điều mình thích, được thử những thứ mình yêu. Còn gì tuyệt hơn khi mỗi chiều cuối tuần lại lang thang cùng bạn bè đến những hàng quán quen thuộc, thưởng thức những món ăn yêu thích hoặc cùng nhau lượn lờ mua sắm những vật dụng xinh xinh mà hiếm khi nào dùng đến, phải không nhỉ? Bên cạnh đó, chính bạn bè là những người hiểu ta nhất nên sẽ luôn tin tưởng ta, động viên ta tiếp tục theo đuổi những ước mơ, đam mê của bản thân mình. Vẫn còn rất nhiều những ý nghĩa tuyệt vời về tình bạn nhưng để có những người bạn tốt thì chính bản thân bạn phải là một người bạn tốt trước. Hãy yêu mến và trân trọng những người bạn quanh mình để xây dựng cho mình một tình bạn đẹp, yếu tố quan trọng của một cuộc sống

hạnh phúc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội bàn về ý nghĩa của tình bạn

Ngoài tình mẫu tử, tình thầy trò, thì tình bạn là một nhu cầu rất lớn của con người sống trong xã hội. Nhờ có tình bạn, cuộc đời ta bớt cô đơn. Tình bạn giúp ta vượt đi những nỗi buồn chán vì đó là chỗ dựa vững chắc để ta tâm chia sẻ. Thật vậy, đã là tình bạn thì việc trước tiên phải chân thành, chân thành một đức tính đáng giữ, phải coi bạn như chính bản thân mình. Khi ta đối với bạn tốt, có chân thành với bạn thì bạn mới tin mình. Chính nhờ ở sự tưởng ấy mà bạn mới thổ lộ hết những nỗi lo âu thắc mắc và nguyện vọng mình. Phải nói lúc ấy ta như một chỗ dựa vững chắc cho bạn. Chỉ có sự thành mới giúp cho tình bạn được lâu bền và ngày càng khăng khít. Là người cùng trang lứa, cùng học chung một trường... trong mọi sinh hoạt nhất nhất cũng gần như giống nhau, ta đối xử với bạn bè như thế nào đều biểu hiện qua việc làm. Điều quan trọng trước nhất là ta phải tin bạn như bạn mình, tuyệt đối không lừa dối, không vụ lợi trong tình bạn. Trong cuộc sống, nếu ai không có bạn bè thì đó là điều không may mắn nhất là bạn tâm giao thì càng đáng buồn hơn. Bởi lẽ chỉ có ở những người bạn ta mới trút hết những nỗi niềm riêng tư, vì đôi lúc những nỗi niềm này ta không thể giải bày với cha mẹ, người trong gia đình mà chỉ có bạn mới là người để cùng ta chia sẻ niềm vui, nỗi buồn ấy mà thôi. Trong những lúc này thấy tình bạn là cần thiết. Bạn bè giúp ta vượt qua mọi khó khăn, an ủi khi ta buồn, cùng ta chia sẻ niềm vui. Do vậy đã là bạn bè ta phải nên giúp đỡ một cách tận tình, bằng cả tấm lòng chân thành, không so đo, không tính toán, như vậy không có nghĩa là tách bạn bè ra khỏi tập thể mà chính bạn bè là một tập thể cùng nhau gắn bó, sinh hoạt và thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Ở đây, ta không nên quan niệm “bạn bè” là hai người mà phải là số tăng, là một xã hội thu nhỏ như lớp học, nhà trường... thì sự chân thành trong bạn bè nó mới có giá trị hơn. Nghĩa là ta phải biết kết hợp tình bạn thân thiết quan hệ gắn bó trong tập thể rộng rãi, không đối lập tình bạn với mỗi quan hệ tập thể rộng rãi đó. Yêu thương chân thành, giúp đỡ bạn hết lòng không có nghĩa là ta chấp nhận những thói hư tật xấu, không sai lầm của bạn. Càng không phải là để cho vui lòng bạn mà ta bỏ qua những khuyết điểm của bạn. Ngược lại, sự chân trọng tình bạn nó đòi hỏi ta phải nên mạnh dạn có khi không khoan nhượng trong việc phê bình góp ý về những sai trái đó. Làm như thế bạn mới hiểu ra những điều chưa tốt ấy để từ đó bạn sửa

chữa. Giúp đỡ bạn sửa chữa sai điều cần phải thực hiện vì có như vậy bạn mới tiến bộ, mới trở nên tốt và đồng thời tình bạn mới lâu dài, bền chặt. Nếu ta vì nể nang, che dấu những thiếu sót của bạn thì chẳng khác nào vô tình ta làm những tật xấu xảy càng nhiều, càng lớn hơn. Vậy thì ta có phải là bạn tốt chưa, ta có chân thành với bạn không? Ngày xưa, Dương Lễ mạnh dạn đối xử tệ bạc với Lưu Bình để cho Lưu Bình tự ái. Chính nhờ đó mà Lưu Bình quyết tâm phải thi đỗ mục đích trả thù Dương Lễ. Nếu Dương Lễ không nhạy bén nghĩ ra cách giúp đỡ bạn như thế thì liệu Lưu Bình có được ngày vinh quy bái tổ về làng. Tình bạn của Dương Lễ quả thật là đẹp đẽ, là tấm gương sáng đáng mọi người học hỏi.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về đạo đức trong xã hội ngày nay

Việt Nam ta từ xưa đến nay đã nổi tiến là một dân tộc hiếu học, hiếu nghĩa. Có truyền thống tôn sư trọng đạo được thể hiện trong dân gian bằng các câu ca dao tục ngữ: ” Không thầy đố mày làm nên”; “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”..và rất coi trọng đạo đức người học sinh, cụ thể bất kỳ vào một trường học phổ thông nào cũng có câu khẩu hiệu:“Tiên học lễ, hậu học văn”. Ấy vậy mà bây giờ có rất nhiều điều phải bàn, phải nói về đạo đức của học sinh đối với thầy cô giáo; đối với cha mẹ; đối với nhau và đối với xã hội. Trước hết ta hãy nói về quan hệ đạo đức của học sinh đối với thầy cô giáo. Bên cạnh những học sinh chăm ngoan, kính thầy, yêu bạn, sống có trách nhiệm với gia đình,cha mẹ và bản thân hiện nay cũng không ít những học sinh bị tha hoá, hư hỏng. Biểu hiện của nó là gì?. Đó chính là những học sinh không tôn trọng thầy cô giáo, không tôn trọng chính bản thân họ. Họ không chịu học tập nghiêm chỉnh mà lại đua đòi những thói hư tật xấu; coi thường thầy cô giáo ... Về nguyên nhân dẫn đến sự xuống cấp trong đạo đức của học sinh thì nhiều, nhiều lắm, như tôi đã kể ở trên ấy. Nhưng nói đi cũng nên nói lại. Tôi thấy có không ít thầy cô giáo cũng chưa làm tròn vai trò người thầy của mình. chính mặt này đã làm xuống cấp đạo đức học sinh đối với nhà trường và xã hội.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về đạo đức trong xã hội hiện nay

Trong cuộc sống, nhân cách và đạo đức muôn đời là thước đo giá trị của mỗi người chúng ta. Chính vì lẽ đó chẳng mà từ ngàn đời nay, ông cha ta đã luôn chú trọng việc giáo dục đạo đức cho cháu con mình? Như vậy, việc tu dưỡng đạo đức của bản thân trong đời sống hằng ngày đã trở thành những bài học quý giá mà chúng ta cần phải thấm nhuần. Và “Đói cho sạch, rách cho thơm” - một câu tục ngữ quen thuộc đã cho chúng ta thấy rằng cuộc sống dù : khó khăn, thiếu thốn, khó khăn đến đâu thì chúng ta nhất thiết luôn phải sống sao cho trong sạch, sao cho giữ gìn được nhân cách và phẩm chất của chính bản thân mình. Vậy nhân cách là gì? Tại sao chúng ta phải gìn giữ nhân cách bản thân? Là những điều ta cần tìm hiểu trong câu tục ngữ này. Trước hết, ta có thể hiểu câu tục ngữ là một lời khuyên về việc ăn, cách mặc của con người. Đó là dù bản thân có đói đến đâu chẳng nữa thì ta cũng phải biết ăn uống cho hợp vệ sinh - “đói cho sạch”; quần áo tuy có cũ nhưng nào cũng vẫn còn sử dụng được thì ta phải chú ý ăn mặc sao cho sạch sẽ, tinh tươm “rách cho thơm”. Nhưng sâu xa trong câu tục ngữ này, ngoài việc nhắc nhở cháu con trong cách ăn, mặc, cha ông ta còn nhắn nhủ một lời khuyên quý báu về lối sống, về cách gìn giữ đạo đức, nhân cách của bản thân con người thông qua lối nói ẩn dụ. Cặp hình ảnh ” đói - rách” là nói về hoàn cảnh sinh động của con người còn rất khó khăn, thiếu thốn nhiều về mặt vật chất.; còn “sạch - thơm” là cặp hình ảnh nói về nhân cách, đạo đức và phẩm chất của con người. Như vậy, ta có thể khẳng định được rằng, nguyên cả câu tục ngữ là một lời khuyên cho mọi người về việc gìn giữ nhân phẩm bản thân trong bất kì hoàn cảnh nào của cuộc sống. Vậy thế nào là nhân cách? Nói chung, nhân cách là những đức tính tốt đẹp của con người và phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức mà xã hội quy định như lòng biết ơn, sự hiếu thảo, lòng dũng cảm, tính kiên trì, tinh thần yêu nước... Thế tại sao còn người phải giữ gìn nhân cách của mình? Đầu tiên, đó là bởi chính nhân cách là thước đo giá trị của mỗi con người, khẳng định vị trí của người đó trong cộng đồng xã hội. Chẳng phải vậy sao mà xã hội luôn trân trọng, yêu quý và tôn vinh những người có nhân cách, có đạo đức tốt đẹp. Từ đó mà luôn lấy họ làm tấm gương sách để răn dạy cháu con mình noi theo. Thật vậy, lịch sử chẳng bao giờ quên tôn vinh những tấm gương con người có nhân cách, đạo đức đáng khâm phục, và tiêu

biểu chính là người thầy đạo cao, đức trọng Chu Văn An. Thầy đã đem nhân học suốt cuộc đời mình để truyền dạy cho tất cả học trò để rồi cho đến cả một con vật, do quá kính trọng thầy nên đã hóa thành người mà đến theo học lớp thầy dạy. Năm tháng trôi qua nghe thầy giảng đạo lí, nó đã được thầy cảm hóa. Tôn kính thầy, nghe lời giảng dạy của thầy mà thấm nhuần trong tim, nó đã phá luật trời, cho mưa xuống vùng nhiều năm hạn hán để người dân đỡ khổ, đỡ cực. Ngoài ra, thầy thuốc vị danh y Lê Hữu Trác cũng là một người như thế. Và tấm gương đạo đức ngời sáng về lòng kiên trì vượt mọi trở ngại, khó khăn của cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu cũng cần chúng ta phải nhắc đến. Bên cạnh đó, trong tài cầm quân đánh giặc, thao lược trong chiến trận, Trần Hưng Đạo quả thực là một đại tướng tài giỏi. Và còn rất nhiều tấm gương ngời sáng khác trong thực tế cuộc sông của chúng ta hiện tại... Tuy nhiên, bên việc tôn vinh những con người như vậy, xã hội ta cũng luôn lên án những kẻ thiếu đạo đức, coi nhân phẩm của mình nhẹ hơn tiền tài, vật chất... Đặc biệt trong thời đại ngày nay cũng có không ít kẻ háms tiền, tham quyền rồi làm những nhiều nhân dân bằng cách tham nhũng nhận hối lộ... khiến cho đất nước ngày một thêm nghèo. Mặt khác, nhân cách trong bản thân mỗi người thường được biểu hiện qua hành động và việc làm của họ. Chính vì thế mà, người ta có thể dùng hành động để làm ra tiền bạc nhưng chắc chắn ko thể dùng tiền bạc mua nhân cách bản thân mình. Cụ thể, với một kẻ đã vào tù vì những hành động phi pháp của anh ta thì tất nhiên, anh ta chẳng thể dùng tiền để mua chuộc mọi người làm mờ đi quá khứ lỗi lầm ấy được... Mà anh ta chỉ có thể làm lại chính mình bằng những việc làm tốt đẹp, bằng những cố gắng thay đổi bản thân của chính con người anh thôi. Hơn nữa, trong thực tế con người chúng ta thường có một thói quen xấu khá phổ biến là “Đói ăn vụng, túng làm liều”. Nghĩa là, khi ở trong hoàn cảnh quá khó khăn, đói khổ mà ko tìm ra giải pháp và lối thoát cho mình con người thường không còn tỉnh táo để suy sết về hành động của bản thân mà lại sinh ra thói trộm cắp nhằm giải quyết cái đói, cái khát trước mắt nên vì thế mà đánh mất nhân cách của bản thân. Ngoài ra, trong xã hội hiện tại còn : một số cá nhân thích đua đòi theo bè bạn để đúng với thời thượng, đẳng cấp. Họ ăn chơi xa hoa, coi trọng vật chất, tiền tài, danh vọng hơn cả phẩm giá của bản thân mình, chính thế mà những người này sẵn sàng bán rẻ nhân phẩm vì những mục đích xa xỉ. Vậy ra những việc làm tai hại như thế đâu chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới họ - bản thân những người gây ra như bị bè bạn khinh rẻ, bị mọi người lánh xa, bị luật pháp trừng trị nghiêm khắc mà còn ảnh hưởng rất xấu tới xã hội, tới cộng đồng khi gây mất trật tự, an ninh và cũng còn muôn vàn tệ nạn xã hội khác

nữa... Trong cuộc sống, nhân cách và đạo đức muôn đời là thước đo giá trị của mỗi người chúng ta. Chính vì lẽ đó chẳng mà từ ngàn đời nay, ông cha ta đã luôn chú trọng việc giáo dục đạo đức cho cháu con mình? Như vậy, việc tu dưỡng đạo đức của bản thân trong đời sống hằng ngày đã trở thành những bài học quý giá mà chúng ta cần phải thấm nhuần. Và “Đói cho sạch, rách cho thơm” - một câu tục ngữ quen thuộc đã cho chúng ta thấy rằng cuộc sống dù : khó khăn, thiếu thốn, khó khăn đến đâu thì chúng ta nhất thiết luôn phải sống sao cho trong sạch, sao cho giữ gìn được nhân cách và phẩm chất của chính bản thân mình. Vậy nhân cách là gì? Tại sao chúng ta phải gìn giữ nhân cách bản thân? Là những điều ta cần tìm hiểu trong câu tục ngữ này. Trước hết, ta có thể hiểu câu tục ngữ là một lời khuyên về việc ăn, cách mặc của con người. Đó là dù bản thân có đói đến đâu chẳng nữa thì ta cũng phải biết ăn uống cho hợp vệ sinh - “đói cho sạch”; quần áo tuy có cũ nhưng nào cũng vẫn còn sử dụng được thì ta phải chú ý ăn mặc sao cho sạch sẽ, tinh tươm “rách cho thơm”. Nhưng sâu xa trong câu tục ngữ này, ngoài việc nhắc nhở cháu con trong cách ăn, mặc, cha ông ta còn nhắn nhủ một lời khuyên quý báu về lối sống, về cách gìn giữ đạo đức, nhân cách của bản thân con người thông qua lối nói ẩn dụ. Cặp hình ảnh ” đói - rách” là nói về hoàn cảnh sinh động của con người còn rất khó khăn, thiếu thốn nhiều về mặt vật chất.; còn “sạch - thơm” là cặp hình ảnh nói về nhân cách, đạo đức và phẩm chất của con người. Như vậy, ta có thể khẳng định được rằng, nguyên cả câu tục ngữ là một lời khuyên cho mọi người về việc gìn giữ nhân phẩm bản thân trong bất kì hoàn cảnh nào của cuộc sống. Vậy thế nào là nhân cách? Nói chung, nhân cách là những đức tính tốt đẹp của con người và phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức mà xã hội quy định như lòng biết ơn, sự hiếu thảo, lòng dũng cảm, tính kiên trì, tinh thần yêu nước... Thế tại sao con người phải giữ gìn nhân cách của mình? Đầu tiên, đó là bởi chính nhân cách là thước đo giá trị của mỗi con người, khẳng định vị trí của người đó trong cộng đồng xã hội. Chẳng phải vậy sao mà xã hội luôn trân trọng, yêu quý và tôn vinh những người có nhân cách, có đạo đức tốt đẹp. Từ đó mà luôn lấy họ làm tấm gương sách để răn dạy cháu con mình noi theo. Thật vậy, lịch sử chẳng bao giờ quên tôn vinh những tấm gương con người có nhân cách, đạo đức đáng khâm phục, và tiêu biểu chính là người thầy đạo cao, đức trọng Chu Văn An. Thầy đã đem nhân học suốt cuộc đời mình để truyền dạy cho tất cả học trò để rồi cho đến cả một con vật, do quá kính trọng thầy nên đã hóa thành người mà đến theo học lớp thầy dạy. Năm tháng trôi qua nghe thầy giảng đạo lý, nó đã được thầy cảm hóa. Tôn kính thầy, nghe lời giảng dạy của thầy mà thấm

nhuần trong tim, nó đã phá luật trời, cho mưa xuống vùng nhiều năm hạn hán để người dân đỡ khổ, đỡ cực. Ngoài ra, thầy thuốc vị danh y Lê Hữu Trác cũng là một người như thế. Và tấm gương đạo đức ngời sáng về lòng kiên trì vượt mọi trở ngại, khó khăn của cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu cũng cần chúng ta phải nhắc đến. Bên cạnh đó, trong tài cầm quân đánh giặc, thao lược trong chiến trận, Trần Hưng Đạo quả thực là một đại tướng tài giỏi. Và còn rất nhiều tấm gương ngời sáng khác trong thực tế cuộc sông của chúng ta hiện tại... Tuy nhiên, bên việc tôn vinh những con người như vậy, xã hội ta cũng luôn lên án những kẻ thiếu đạo đức, coi nhân phẩm của mình nhẹ hơn tiền tài, vật chất... Đặc biệt trong thời đại ngày nay cũng có không ít kẻ hám tiền, tham quyền rồi làm những nhiều nhân dân bằng cách tham nhũng nhận hối lộ... khiến cho đất nước ngày một thêm nghèo. Mặt khác, nhân cách trong bản thân mỗi người thường được biểu hiện qua hành động và việc làm của họ. Chính vì thế mà, người ta có thể dùng hành động để làm ra tiền bạc nhưng chắc chắn ko thể dùng tiền bạc mua nhân cách bản thân mình. Cụ thể, với một kẻ đã vào tù vì những hành động phi pháp của anh ta thì tất nhiên, anh ta chẳng thể dùng tiền để mua chuộc mọi người làm mờ đi quá khứ lỗi lầm ấy được... Mà anh ta chỉ có thể làm lại chính mình bằng những việc làm tốt đẹp, bằng những cố gắng thay đổi bản thân của chính con người anh thôi. Hơn nữa, trong thực tế con người chúng ta thường có một thói quen xấu khá phổ biến là “Đói ăn vụng, túng làm liều”. Nghĩa là, khi ở trong hoàn cảnh quá khó khăn, đói khổ mà ko tìm ra giải pháp và lối thoát cho mình con người thường không còn tỉnh táo để suy sết về hành động của bản thân mà lại sinh ra thói trộm cắp nhằm giải quyết cái đói, cái khát trước mắt nên vì thế mà đánh mất nhân cách của bản thân. Ngoài ra, trong xã hội hiện tại còn : một số cá nhân thích đua đòi theo bè bạn để đúng với thời thượng, đẳng cấp. Họ ăn chơi xa hoa, coi trọng vật chất, tiền tài, danh vọng hơn cả phẩm giá của bản thân mình, chính thế mà những người này sẵn sàng bán rẻ nhân phẩm vì những mục đích xa xỉ. Vậy ra những việc làm tai hại như thế đâu chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới họ - bản thân những người gây ra như bị bè bạn khinh rẻ, bị mọi người lánh xa, bị luật pháp trừng trị nghiêm khắc mà còn ảnh hưởng rất xấu tới xã hội, tới cộng đồng khi gây mất trật tự, an ninh và cũng còn muôn vàn tệ nạn xã hội khác nữa... Và chúng ta cũng biết rằng, từ xưa đến nay, việc giữ gìn nhân cách, phẩm chất đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, dân tộc Việt Nam anh hùng. Chính thế mà chúng ta luôn phải tiếp thu, biết kế thừa và phát huy để mãi mãi gìn giữ vẻ đẹp này của dân tộc. Như vậy, để lời khuyên về nhân cách luôn được truyền lưu cho các thế hệ

mai sau, các thể loại văn học dân gian đã đúc kết đưa ra những bài ca dao, các câu tục ngữ thực sự ý nghĩa như bài ca dao “Con cò mà đi ăn đêm” hay “Giấy rách phải giữ lấy lề”, “Chết vinh hơn sống nhục”, “Chết đứng hơn sống quỳ”... cũng là những câu tục ngữ thực sự thâm thúy. Và đặc biệt nhất có lẽ là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta, người đã bảo: “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Có tài mà không có đức thì là người vô dụng”. Tóm lại, câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm” mãi mãi là một lời khuyên đúng đối với tất cả mọi người trong mọi thời đại. Vì một lẽ rằng: nhân cách chính là tài sản vô giá mà chúng ta cần phải biết coi trọng, giữ gìn và thường xuyên rèn giũa. Chúng ta cần sống một cách chân thật với mình, với mọi người, sống trong sạch, lương thiện để bản thân ta là một người tốt. Điều đó không chỉ đem lại lợi ích cho chính bản thân ta mà còn góp phần đảm bảo cuộc sống tốt đẹp chung cho tất cả mọi người. Để gìn giữ nhân cách cho bản thân, thực sự có rất nhiều cách nhưng có lẽ phổ biến nhất là việc siêng năng, cần cù, và chăm chỉ học tập là những đức tính mà trước tiên ta phải chú ý đến.à chúng ta cũng biết rằng, từ xưa đến nay, việc giữ gìn nhân cách, phẩm chất đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, dân tộc Việt Nam anh hùng. Chính thế mà chúng ta luôn phải tiếp thu, biết kế thừa và phát huy để mãi mãi gìn giữ vẻ đẹp này của dân tộc. Như vậy, để lời khuyên về nhân cách luôn được truyền lưu cho các thế hệ mai sau, các thể loại văn học dân gian đã đúc kết đưa ra những bài ca dao, các câu tục ngữ thực sự ý nghĩa như bài ca dao “Con cò mà đi ăn đêm” hay “Giấy rách phải giữ lấy lề”, “Chết vinh hơn sống nhục”, “Chết đứng hơn sống quỳ”... cũng là những câu tục ngữ thực sự thâm thúy. Và đặc biệt nhất có lẽ là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta, người đã bảo: “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Có tài mà không có đức thì là người vô dụng”. Tóm lại, câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm” mãi mãi là một lời khuyên đúng đối với tất cả mọi người trong mọi thời đại. Vì một lẽ rằng: nhân cách chính là tài sản vô giá mà chúng ta cần phải biết coi trọng, giữ gìn và thường xuyên rèn giũa. Chúng ta cần sống một cách chân thật với mình, với mọi người, sống trong sạch, lương thiện để bản thân ta là một người tốt. Điều đó không chỉ đem lại lợi ích cho chính bản thân ta mà còn góp phần đảm bảo cuộc sống tốt đẹp chung cho tất cả mọi người. Để gìn giữ nhân cách cho bản thân, thực sự có rất nhiều cách nhưng có lẽ phổ biến nhất là việc siêng năng, cần cù, và chăm chỉ học tập là những đức tính mà trước tiên ta phải chú ý đến.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích nhân vật Từ Hải trong đoạn trích “Chí khí anh hùng”

Sau nửa năm chung sống, Kiều và Từ Hải có một mái ấm gia đình, đương lúc tình cảm giữa hai người nồng đượm nhất, Từ Hải lại “thoắt động lòng bốn phương”. Người đời nói rằng anh hùng chí ở bốn phương, Nguyễn Công Trứ lại có câu “Chí làm trai nam bắc đông tây/ Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể”. Nam nhi chi chí, đầu đội trời, chân đạp đất, sống là phải làm rạng danh dòng họ, rạng danh gia đình, “Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh”. Có lẽ chính chế độ phong kiến đã tách Từ Hải ra khỏi Kiều – bởi chính chế độ ấy đã đem tư tưởng nam nhi áp đặt lên đầu chàng. Nhưng cũng chính tư tưởng ấy khiến chàng bảo vệ nàng, tạo nên nét riêng của chàng. “Nửa năm hương lửa đương nồng Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương” Và Từ Hải đã luôn ở trong vị thế sẵn sàng – chàng luôn cầm chắc thanh gươm, yên ngựa luôn được đặt sẵn – chàng biết chẳng chóng thì chầy chàng cũng sẽ ra đi. Chàng đã chuẩn bị sẵn tinh thần để không lưu luyến, bịn rịn, vì chàng là một nam tử hán, “nam nhân thà rơi máu chứ không rơi lệ”. “Trông vời trời bể mệnh mang Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.” Không gian xung quanh – rộng lớn, bao la, khoáng đạt, mệnh mang đến cùng trời cuối bể – như khắc họa thêm vào bóng lưng quyết liệt, dứt khoát của chàng. Chàng như hòa vào với trời đất, chàng như trở nên khổng lồ – vì ý chí và hoài bão – vươn đến tận vũ trụ xa xôi. “Quyết lời dứt áo ra đi Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi” Từ Hải như không còn là một người thường nữa – Nguyễn Du tả chàng như một vị tiên nhân – lướt gió, đạp mây mà đi – vượt bể, vượt núi cao, vượt qua bao sóng gió. Lòng chàng vẫn không thay đổi – chàng vẫn ‘quyết lời’, vẫn ‘dứt áo ra đi’. Bởi: “Sinh vi nam tử yếu hy kỳ Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di” Chàng muốn cho Kiều một cuộc sống hạnh phúc. Chàng tự tin vào tài năng của mình, giống như cách Đào Uyên Minh tự tin “Thiếu thời tráng thả lệ/ Vũ kiếm độc hành du”. “Bao giờ mười vạn tinh binh Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường Làm cho rõ mặt phi thường Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia” Từ Hải tin rằng chàng sẽ thực hiện được hoài bão của mình – ấy là trở thành một vị tướng quân dẫn “mười vạn tinh binh”, chiêng trống “dậy đất”, cờ xí “rợp đường”. Mọi người rồi sẽ biết chàng tài năng thế nào. Đến lúc ấy, chàng sẽ cho kiệu tám người khiêng, đường đường chính chính rước Kiều vào phủ

đệ – để Kiều làm một vị phu nhân, để những kẻ từng hãm hại Kiều phải ngày đêm sợ hãi. Việc ấy sẽ không lâu, “chầy chằng là một năm sau vội gì”. “Nàng rằng: Phận gái chữ tòng Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi Từ rằng: Tâm phúc tương tri Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình” Từ Hải một mặt trách Kiều “sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình”, một mặt lại lo lắng cho nàng: “Bằng nay bốn bề không nhà Theo càng thêm bận biết là đi đâu” Chàng cũng rất mâu thuẫn – chàng muốn vợ mình cũng là một cô gái phóng khoáng, hiệp nghĩa để sánh đôi với chàng, tựa như Mộc Lan trong thơ của Đào Uyên Minh: “Vạn dặm đi theo quân Vượt núi ải như bay [...] Tướng quân đánh trăm trận rồi chết Tráng sĩ mười năm mới trở về” Nhưng đồng thời, Từ Hải cũng không muốn Kiều phải chịu khổ sở – buổi đầu anh hùng lập nghiệp, ngao du tứ phương xem đất tựa giường, rơm tựa nệm chăn. Một tiểu thư khuê các như Kiều sao có thể chịu khổ như vậy? Đó là tấm lòng nghĩ cho vợ, tấm lòng hết sức tình cảm của một kẻ võ biên, thật đáng quý biết bao. Nguyễn Du đã xuất sắc miêu tả một Từ Hải – một con người bình thường, với những hoài bão và ý chí to lớn, với những hành động phi thường, và rồi lại trở lại như một người chồng quen thuộc – một người chồng luôn lo lắng, quan tâm đến vợ. John S. Mill từng nhận định rằng: “Châm ngôn sự thật luôn chiến thắng tội ác là lời dối trá ngọt ngào nhất mà con người cứ nhắc đi nhắc lại cho đến khi nó trở nên phổ biến. Lịch sử tràn ngập ví dụ về lòng bác ái và sự thật bị quật ngã bởi tội ác.” Truyện Kiều của Nguyễn Du cũng như vậy. Dù đưa vào nhân vật Từ Hải – một anh hùng trong mắt Kiều và những người có số phận như Kiều hay phường giặc cỏ trong mắt triều đình phong kiến, nhưng cuối cùng, chàng vẫn bị quật ngã trước những thế lực đen tối xấu xa. Thế nhưng, chỉ với một đoạn xuất hiện ngắn ngủi, Từ Hải cũng đã soi sáng khát khao về một cuộc sống công bằng và hạnh phúc – một cuộc sống lý tưởng cho tất cả mọi người của Nguyễn Du.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về bạo lực học đường trong xã hội ngày nay

Với mục tiêu giáo dục những mầm non tương lai của đất nước, trường học đã ra đời. Ở đó các em học sinh được học tập và vui chơi, được tiếp xúc với bạn bè, thầy cô trong lớp và nhà trường. Tuy nhiên những tiêu cực trong nhà trường không phải là không có. Mà nổi bật nhất chính là bạo lực học đường. Bạo lực học đường hiện nay đã trở thành một vấn nạn đáng lo ngại không chỉ về phía nhà trường mà phụ huynh học sinh cũng rất quan tâm. Bởi nó có tầm ảnh hưởng, sự tác động sâu sắc với thế hệ trẻ. Và gần đây nó lại càng trở nên phổ biến, mức độ nghiêm trọng cũng ngày càng gia tăng. Một hồi chuông cảnh tỉnh với cả xã hội không chỉ riêng nhà trường và phụ huynh của những em học sinh có hành vi bạo lực học đường. Trong bài viết này, tôi thực sự muốn mình có thể phần nào giúp mọi người hiểu hơn về vấn nạn này. Bạo lực học đường trước hết là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, gây nên những tổn thương tinh thần cũng như thể xác cho người khác trong phạm vi trường học. Trong phạm vi trường học ở đây không phải là những hành vi ấy xảy ra trong trường học mà là trong phạm vi nhà trường quản lí. Hiện nay, bạo lực học đường đang ngày càng gia tăng, là mối đe dọa lớn trong giáo dục, trở thành một vấn nạn nguy hại tới cộng đồng. Hành động bạo lực học đường có thể diễn ra dưới nhiều hình thức. Có thể là lăng mạ, xỉ nhục, xúc phạm danh dự, dùng những từ ngữ mang tính đe dọa làm tổn thương tinh thần của người khác. Và nặng hơn nữa và cũng phổ biến nhất chính là đánh đập, tra tấn, làm tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác. Trường hợp này là phổ biến nhất. Chính vì vậy mà nhiều người không nghĩ rằng đe dọa người khác cũng là hành vi bạo lực học đường. Nhưng không, những lời nói cũng có khả năng sát thương cao mà bạn không thể lường trước được. Sự phổ biến của bạo lực học đường rất dễ bạn có thể thấy được. Nếu bạn là người thích đọc báo, chắc chắn dễ dàng lục lọi trong trí nhớ của mình những bài viết về những vụ bạo lực học đường gây rúng động xã hội. Chỉ cần vài thao tác rất nhanh trên trang google, bạn cũng có thể tìm thấy hàng loạt những clip hay bài viết về chúng. Nguy hiểm hơn nữa, những vụ bạo lực học đường gần đây còn có cả nhóm tổ chức rất “chuyên nghiệp”. Đối tượng của bạo lực học đường rất đa dạng nhưng chủ yếu chỉ là giữa học sinh với nhau, giữa học sinh với giáo viên là trường hợp ít gặp hơn. Nguyên

nhân dẫn đến những hành vi thiếu suy nghĩ này cũng hết sức nhỏ nhặt. Đôi khi chỉ là nhìn đều, nói móc, giạt người yêu hay đơn giản là ghét. Những nguyên nhân sâu sa dẫn đến những hành vi này khá nhiều. Có thể kể đến là do sự phát triển thiếu toàn diện về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi của bản thân, sự non nớt về kĩ năng sống và quan điểm sống của giới trẻ. Ngoài ra là do bị ảnh hưởng bởi những văn hóa bạo lực như phim ảnh, các trò chơi bạo lực, đồ chơi bạo lực... Nhiều ý kiến của các chuyên gia tâm lí cho rằng việc gia tăng của bạo lực học đường ngày nay là do xã hội nhìn đâu cũng thấy tiêu cực, bạo lực. Nguyên nhân tiếp theo có thể kể đến là do sự giáo dục chưa đúng đắn, hiệu quả của gia đình. Cuộc sống hiện đại kéo theo con người không còn có đủ thời gian cho gia đình của mình. Ai ai cũng tất bật hối hả với công việc hàng ngày để lo đời sống vật chất cho gia đình mà quên mất đi con cái cũng cần những sự quan tâm của cha mẹ. Sự giáo dục thiếu hụt của gia đình đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lí của đại bộ phận giới trẻ lại đến sự giáo dục chưa hoàn thiện của nhà trường. Nhà trường quá nặng nề về kiến thức mà quên mất ” tiên học lễ hậu học văn”. Đáng báo động hơn nữa là sự thờ ơ của những người xung quanh. Nhiều lần tôi đã chứng kiến khuôn mặt lạnh tanh của những người lớn xung quanh nơi xảy ra những vụ bạo lực nghiêm trọng. Họ là người lớn mà còn không can ngăn chúng mà chỉ đứng xem như một trò giải trí tiêu khiển. Không chỉ người lớn mà những bạn học sinh còn xúm lại để cổ vũ reo hò. Một thực trạng đáng buồn về lối hống nhân cách con người. Bởi những gì mà bạo lực học đường gây ra không hề đơn giản. Với nạn nhân là tổn hại đến thể xác, tinh thần. Không chỉ riêng người bị hại, bạo lực học đường cũng gây tổn thương đến gia đình, người thân, bạn bè của họ. Hơn thế nữa, vấn nạn này còn gây ra sự bất ổn trong xã hội, là mối lo lắng lớn bao trùm toàn xã hội, khiến cho học sinh không an tâm học tập, cha mẹ không an tâm và tin tưởng vào giáo dục. Đối với người gây ra hành vi bạo lực không những bị hủy hoại tương lai của bản thân, bị xã hội lên án và xa lánh, còn có thể phá triển nhân cách ngày càng sai lệch, là mối quan ngại của xã hội sau này, là mầm mống của những tên tội phạm nguy hiểm nếu không được phát hiện và rèn luyện kịp thời. Và để cho vấn nạn này có thể giảm thiểu trong tương lai, mọi người đã đưa ra những giải pháp khá hợp lí. Trước tiên là nâng cao nhận thức của học sinh. Nhà trường cùng gia đình kết hợp để làm tốt hơn công tác giáo dục. Quan tâm nâng cao văn hóa gia đình ngày nay. Đặc biệt là có những biện pháp quản lí ngăn chặn kịp thời những hành vi này. Bạo lực học đường là vấn nạn của xã hội trong giáo dục. Tuy nhiên không vì thế mà ta mất niềm tin về giáo

dục được. Không thể vì chút tiêu cực mà không cho con em đến trường. Bởi lẽ việc học tập là rất cần thiết. Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho những hành vi bạo lực ấy được giảm thiểu và không để lại những hậu quả đáng tiếc để trẻ em có thể yên tâm học hành như đúng quyền mà chúng được hưởng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận bạo lực học đường trong xã hội ngày nay

Trong những năm gần đây nạn Bạo lực học đường là một vấn nạn lớn, làm đau đầu các nhà quản lí giáo dục và các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Gây bức xúc và gây tâm lý hoang mang cho phụ huynh, thầy cô và học sinh. Vậy làm thế nào để giải quyết được tình trạng này. Chỉ cần lên Google đánh cụm từ “Học sinh đánh nhau” thì chỉ cần (0,08 giây) thì kết quả google tìm kiếm là 3.140.000 cụm từ liên quan đến việc học sinh dùng bạo lực để giải quyết những khúc mắc. Đây là một con số thật khủng khiếp và đáng báo động. Hoặc chỉ cần vào Youtube bạn sẽ thấy những hình ảnh, những thước phim bạo lực do học sinh quay lại và tung lên mạng. Những thước phim quay cảnh đấm đá vô nhân tính của các cô cậu mang đồng phục học trò đang đấm đá, xé áo, lột quần, túm tóc... gây ám ảnh cho người xem và nỗi đau về một thế hệ tuổi trẻ với những nhân cách đang bị băng hoại nghiêm trọng. Những nguyên nhân dẫn đến hành vi bạo lực thường là những hành vi do: học sinh cá biệt thành lập băng nhóm để ức hiếp bạn bè; do ảnh hưởng từ phim ảnh bạo lực; do ghen tị về thành tích học tập; do mâu thuẫn nhỏ trong bạn bè dẫn đến xích mích, nổi nóng thiếu kiềm chế; bên cạnh đó là những nguyên nhân còn con nít như “thích thì đánh cho nó chữa”, “nhìn đều”... Ông Phạm Ngọc Lưu, Trợ lý thanh niên Phòng Giáo dục quận 9, Tp Hồ Chí Minh cho rằng: Vấn đề bạo lực học đường hiện nay đang ở mức báo động cấp thiết, đang có nguy cơ nổ bùng và lan rộng. Và sẽ càng nguy hiểm hơn nếu bản thân các em tìm cách tự trả thù theo kiểu “xã hội đen” mà không cần đến sự giúp đỡ của thầy cô, nhà trường. Nguyên nhân của những vụ việc trên có thể do học sinh bị tiêm nhiễm từ lối cư xử của các đối tượng bên ngoài nhà trường, thậm chí là những người lớn trong gia đình. Nhiều học sinh có cha mẹ hoặc người thân là những người hành nghề tự do trong xã hội và có cách cư xử không đúng chuẩn mực. Chính những thói quen ứng xử hằng ngày của họ đã vô tình gieo trong đầu các em những suy nghĩ không tốt, dẫn đến việc các em có lối cư xử, hành xử không hay trong nhà trường với bạn bè. Bạo lực học đường để lại những hậu quả nghiêm trọng, khó lường: Gây tổn thương và gây dư chấn về tinh thần và thể xác : học sinh bị bạn bè đánh đập rồi bị quay phim tung lên mạng sẽ dễ bị chấn thương tâm lí, sock về tinh thần, cảm thấy quẽ với bạn bè, xấu hổ với mọi người xung quanh. Vụ ba học sinh ở thành phố Vinh

(Nghệ an) hành hung bạn, vụ học sinh Hà Nội hành hạ bạn giữa vườn hoa công viên: túm tóc, lột áo. Vụ học sinh trường THCS Chu Văn An (Tp Hồ Chí Minh) đánh bạn, quay phim... làm nhức nhối dư luận trong thời gian qua. Chưa hết bàng hoàng thì vừa qua vào tháng 5 năm 2010 học sinh lớp 10 ở trường THPT Hồng Bàng tỉnh Đồng Nai đâm chết bạn ngay tại cửa lớp. Thầy Nguyễn Văn Đạo (42 tuổi), dạy môn Vật lý của trường THPT Trần Quang Diệu, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi bị một nhóm học sinh đánh bị thương nặng phải điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Đặng Thuỳ Trâm, huyện Đức Phổ. Những thông tin này trong một bài viết ngắn không thể đem lên hết được nhưng cũng đủ để chúng ta giống lên một hồi chuông cảnh tỉnh về sự suy đồi đạo đức của một bộ phận giới trẻ Việt Nam. Đau lòng hơn nữa khi mà những học sinh bị đánh, thầy cô giáo bị hành hung không phải sảy sạt nhẹ mà phải nằm viện với di chứng về tổn thương thể xác. Bị gãy tay chân, bị chấn thương sọ não. Thậm chí bị hoảng loạn, bị thần kinh, bỏ học, bỏ dạy... Giải pháp nào cho Bạo lực học đường? Theo phapluat.vn có Bốn giải pháp cấp thiết xóa bạo lực học đường: Toàn xã hội cần phải củng cố, nâng cao chất lượng môi trường xã hội, văn minh tiến bộ. Cần có biện pháp quản lý, ngăn chặn và chế tài hiệu quả những hoạt động có tác hại đến môi trường văn hóa xã hội. Nghiêm cấm các game bạo lực. Quan tâm nâng cao văn hóa gia đình. Trong từng gia đình, người lớn phải làm gương, giao tiếp ứng xử đúng mực, mạnh dạn lên án và loại bỏ bạo lực ra khỏi đời sống gia đình. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục: gia đình – nhà trường – xã hội. Các cơ quan báo chí phải quan tâm thỏa đáng đối với lĩnh vực văn hóa, đạo đức và chấp hành luật pháp của mọi người dân. Xã hội và ngành giáo dục cần xác định rõ lại vai trò, vị trí của người thầy, quyền hạn và trách nhiệm trong nhiệm vụ giáo dục đạo đức học sinh. Người thầy và nhà trường phải được bảo vệ danh dự và có đủ cơ chế để răn đe học sinh. Nhà trường cần phát huy trách nhiệm đội ngũ giáo viên chủ nhiệm trong việc kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của từng cá nhân học sinh. Tình thương, trách nhiệm là phương thuốc hiệu nghiệm nhất ngăn chặn bạo lực học đường. Theo bản thân người viết: Hs cần nghiêm túc kiểm điểm lại bản thân, biết kiềm chế để không nổi nóng, biết nhận lỗi khi mình làm sai và biết vị tha khi bạn nhận ra lỗi lầm. Với học sinh cá biệt, cần có sự quan tâm của gia đình – nhà trường - xã hội. Nếu tiếp tục vi phạm cần xử lý nghiêm bằng cách cho đi cải tạo, giáo dục nhân cách. Vì một môi trường học đường lành mạnh, Học sinh “HÃY NÓI KHÔNG VỚI BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG”. Mỗi người lớn trong gia đình phải là tấm gương lớn cho con em noi theo.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích hình tượng nhân vật Từ Hải trong đoạn trích Chí khí anh hùng

Từ Hải xuất hiện trong tác phẩm, trước hết là một anh hùng cái thế, đầu đội trời chân đạp đất. Khi cứu Kiều ra khỏi lầu xanh, là vì việc nghĩa, là vì trọng Kiều như một tri kỉ. Nhưng khi kết duyên cùng Kiều, Từ thực sự là một người đa tình. Song dầu đa tình, Từ không quên mình là một tráng sĩ. Trong xã hội phong kiến, đã làm thân nam nhi phải có chí vẫy vùng giữa đất trời cao rộng. Từ Hải là một bậc anh hùng có chí lớn và có nghị lực để đạt được mục đích cao đẹp của bản thân. Chính vì thế, tuy khi đang sống với Kiều những ngày tháng thực sự êm đềm, hạnh phúc nhưng Từ không quên chí hướng của bản thân. Đương nồng nàn hạnh phúc, chợt “động lòng bốn phương”, thế là toàn bộ tâm trí hướng về “trời bể mênh mang”, với “thanh gươm yên ngựa” lên đường đi thẳng. Không gian trong hai câu thứ ba và thứ tư (trời bể mênh mang, con đường thẳng) đã thể hiện rõ chí khí anh hùng của Từ Hải. Lời Từ Hải nói với Kiều lúc chia tay thể hiện rõ nét tính cách nhân vật. Thứ nhất, Từ Hải là người có chí khí phi thường. Khi chia tay, thấy Kiều nói: Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng, Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi”. Từ Hải đã đáp lại rằng: Từ rằng: “Tâm phúc tương tri, Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình”. Trong lời đáp ấy bao hàm lời dặn dò và niềm tin mà Từ Hải gửi gắm nơi Thuý Kiều. Chàng vừa mong Kiều hiểu mình, đã là tri kỉ thì chia sẻ mọi điều trong cuộc sống, vừa động viên, tin tưởng Kiều sẽ vượt qua sự bịn rịn của một nữ nhi thường tình để làm vợ một người anh hùng. Chàng muốn lập công, có được sự nghiệp vẻ vang rồi đón Kiều về nhà chồng trong danh dự: Bao giờ mười vạn tinh binh, Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường. Làm cho rõ mặt phi thường, Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia”. Quả là lời chia biệt của một người anh hùng có chí lớn, không bịn rịn một cách yếu đuối như Thúc Sinh khi chia tay Kiều. Sự nghiệp anh hùng đối với Từ Hải là ý nghĩa của sự sống. Thêm nữa, chàng nghĩ có làm được như vậy mới xứng đáng với sự gửi gắm niềm tin, với sự trông cậy của người đẹp. Thứ hai, Từ Hải là người rất tự tin trong cuộc sống: Đành lòng chờ đó ít lâu, Chầy chăng là một năm sau vội gì ! Từ ý nghĩ, đến dáng vẻ, hành động và lời nói của Từ Hải trong lúc chia biệt đều thể hiện Từ là người rất tự tin trong cuộc sống. Chàng tin rằng chỉ trong khoảng một năm chàng sẽ lập công trở về với

cả một cơ đồ lớn. Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn từ Hán Việt và ngôn ngữ bình dân, dùng nhiều hình ảnh ước lệ và sử dụng điển cố, điển tích. Đặc biệt, nhân vật Từ Hải được Nguyễn Du tái tạo theo khuynh hướng lí tưởng hoá. Mọi ngôn từ, hình ảnh và cách miêu tả, Nguyễn Du đều sử dụng rất phù hợp với khuynh hướng này. Về từ ngữ, tác giả dùng từ trượng phu, đây là lần duy nhất tác giả dùng từ này và chỉ dùng cho nhân vật Từ Hải. Trượng phu nghĩa là người đàn ông có chí khí lớn. Thứ hai là từ thoát trong cặp câu: Nửa năm hương lửa đương nồng, Trượng phu thoát đã động long bốn phương. Nếu là người không có chí khí, không có bản lĩnh thì trong lúc hạnh phúc vợ chồng đang nồng ấm, người ta dễ quên những việc khác. Nhưng Từ Hải thì khác, ngay khi đang hạnh phúc, chàng “thoát” nhớ đến mục đích, chí hướng của đời mình. Tất nhiên chí khí đó phù hợp bản chất của Từ, thêm nữa, Từ nghĩ thực hiện được chí lớn thì xứng đáng với niềm tin yêu và trân trọng mà Thuý Kiều dành cho mình. Cụm từ động lòng bốn phương theo Tản Đà là “động bụng nghĩ đến bốn phương” cho thấy Từ Hải “không phải là người một nhà, một họ, một xóm, một làng mà là người của trời đất, của bốn phương” (Hoài Thanh). Hai chữ dứt áo trong Quyết lời dứt áo ra đi thể hiện được phong cách mạnh mẽ, phi thường của đấng trượng phu trong lúc chia biệt. Về lời miêu tả và ngôn ngữ đối thoại cũng có những nét đặc biệt. Kiều biết Từ Hải ra đi trong tình cảnh “bốn bề không nhà” nhưng vẫn nguyện đi theo. Chữ “tòng” không chỉ giản đơn như trong sách vở của Nho giáo rằng phận nữ nhi phải “xuất giá tòng phu” mà còn bao hàm ý thức sẻ chia nhiệm vụ, đồng long tiếp sức cho Từ khi Từ gặp khó khăn trong cuộc sống. Từ Hải nói rằng sao Kiều chưa thoát khỏi thói nữ nhi thường tình không có ý chê Kiều nặng nề mà chỉ là mong mỏi Kiều cứng rắn hơn để làm vợ một người anh hùng. Từ nói ngay về sẽ có 10 vạn tinh binh, Kiều tin tưởng Từ Hải. Điều đó càng chứng tỏ hai người quả là tâm đầu ý hợp, tri kỉ, tri âm. Đoạn trích ngợi ca chí khí anh hùng của nhân vật Từ Hải và khẳng định lại một lần nữa tình cảm của Thuý Kiều và Từ Hải là tình tri kỉ, tri âm chứ không chỉ đơn thuần là tình nghĩa vợ chồng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận bạo lực học đường trong xã hội hiện nay

Xã hội ngày càng phát triển, đời sống con người ngày càng được nâng cao. Giới trẻ là thành phần được quan tâm nhiều nhất. Nhưng ta cũng nên nhìn nhận một cách khách quan rằng xã hội thay đổi quá nhanh. Con người ngày càng có những đòi hỏi cao hơn ở cuộc sống. Nhu cầu của nhân loại dần được thay thế, cũng như người ta “muốn ăn ngon mặc đẹp” thay vì “ăn no mặc ấm”. Và chính vì sự thay đổi đột ngột của xã hội mà hành vi, lối sống của một số thanh niên, học sinh, sinh viên ngày càng sai lệch. Lứa tuổi cấp sách đến trường, có thầy cô, có bạn bè thì không ai có thể tránh khỏi những mâu thuẫn, xích mích đối với những người xung quanh. Trước đây, đó cũng chỉ là những chuyện bình thường, người ta cãi nhau như để tranh luận, để tìm ra cái sai của mỗi người, để tập nói tiếng xin lỗi, cảm ơn và đôi khi lại có thêm người bạn mới. Nhưng hiện tại, những vấn đề này không chỉ đơn thuần là tranh cãi trong phạm vi nhà trường mà dường như nó đã vượt ra đến tầm ảnh hưởng của pháp luật. Kết quả nghiên cứu về hành vi bạo lực trong nữ sinh trung học (với 200 phiếu khảo sát tại 2 trường THPT ở Hà Nội) được khảo sát cho thấy: có đến 96,7% số học sinh trả lời ở trường các em học có xảy ra hiện tượng nữ sinh đánh nhau, mức độ là 44,7% rất thường xuyên, 38% thường xuyên... Trả lời quan niệm của các em về hiện tượng đánh nhau giữa các học sinh nữ: hơn 45% cho rằng đó là “bình thường”. Mới đây, dư luận còn chưa hết bàng hoàng trước video clip một học sinh nữ đánh bạn đã man được xác định là học sinh trường THPT Trần Nhân Tông thì người ta lại tiếp tục sốc với khoảng 4 video clip khác được đăng rầm rộ trên mạng mà điều đặc biệt là những “diễn viên” trong các đoạn clip trên đều là học sinh nữ... Tôi vẫn nhớ như in, từ lúc bắt đầu vào lớp một – ngày đầu tiên cấp sách đến trường cho đến hôm nay là một học sinh THPT, mỗi khi bước vào lớp, đập vào mắt tôi là dòng chữ “tiên học lễ, hậu học văn”. Người ta học lễ nghĩa, học văn hóa, người ta học làm người trước rồi mới đến những kiến thức cần thiết trong cuộc sống. Người Việt Nam tôn trọng đạo đức hơn tất cả. Ấy thế mà chỉ vì những lý do không đáng, một số học sinh sẵn sàng ra tay đánh bạn giữa chốn đông người, chà đạp nặng nề lên nhân phẩm người khác. Đó là bản thân họ đã có lỗi, họ đã không nhìn ra cái sai để sửa chữa. Một phần nữa ta cũng nên nhìn nhận rằng xã hội bây giờ quá thờ ơ. Thế nên mới có cảnh

nhiều người ngồi thản nhiên trên ghế đá xem bạn cùng trường của mình bị một bạn khác đánh mà vẫn làm ngơ như kiêu: “đó không phải là trách nhiệm của tôi”. Hay có nhiều người khác lại quan tâm bằng cách quay hình lại truyền mạng. Một trong những nguyên nhân cơ bản như đã nêu trên là tình trạng nhiều nơi chú trọng về chữ, nhẹ về dạy người. Đạo đức dần bị bỏ quên. Học sinh học tập căng thẳng nên dễ dẫn đến những tình trạng ức chế về tâm lý. Cộng với ở độ tuổi vị thành niên, học sinh thường có những suy nghĩ bốc đồng, mang trên mình cái tôi cá nhân quá lớn. Lòng tự trọng dần biến thành cục tự ái to đùng lúc nào không hay nên hay nổi nóng vì những chuyện không đáng và có khi gây ra những hậu quả đáng tiếc cho bản thân và cho người khác. Nhiều bạn trẻ quan niệm rằng: dùng bạo lực có tác dụng nhanh, hiệu quả tức thì, đối phương phải phục tùng mình. Thế nên tình trạng bạo lực học đường cứ tiếp diễn từ ngày này sang ngày khác, truyền từ người này sang người khác. Khi xảy ra bạo lực học đường, việc dẫn tới những hành vi vi phạm pháp luật ngoài xã hội chỉ là khoảng cách ngắn. Nếu hành vi bạo lực học đường không được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và giải quyết triệt để sẽ dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật ở ngoài trường gây hậu quả nghiêm trọng. Các giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn bạo lực học đường hiện nay đầu tiên là tuyên truyền, giáo dục học sinh để tác động đến ý thức của học sinh về truyền thống dân tộc, nhân cách, lối sống và ý thức chấp hành luật pháp. Tiếp đến là tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách pháp luật đến công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Xây dựng củng cố các cơ quan bảo vệ pháp luật và các cơ quan chức năng có liên quan. Việc xử lý học sinh vi phạm pháp luật, bạo lực học đường chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ học sinh sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, đối với những học sinh vi phạm pháp luật, có hành vi xấu cần được xử lý ngay tại cộng đồng để phát huy vai trò trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể, tổ dân phố, gia đình, nhà trường... Việc tách các học sinh ra khỏi môi trường xã hội, gia đình đưa vào trường giáo dưỡng, trại giam chỉ là biện pháp cuối cùng. Là công dân Việt Nam, là thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Tôi luôn nỗ lực học tập, phấn đấu, rèn luyện đạo đức, chính trị, học tập văn hóa xã hội để có kiến thức bền vững, để trở thành một công dân tốt, để đưa con tàu Việt Nam ra biển lớn sánh vai cùng năm châu

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích hình ảnh Thúy Kiều qua đoạn trích “Nỗi thương mình”

Nguyễn Du (1765 – 1820) quê ở Thăng Long, tên chữ Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. Ông sinh ra trong một gia đình quý tộc và sống trong xã hội phong kiến – một xã hội thối nát, suy thoái. Ông được tiếp thu truyền thống học tập và sáng tác của cả gia đình, tạo cho ông vốn học vấn Nho học uyên thâm, lối sống tao nhã, khiến ông hiểu rõ về tầng lớp phong kiến. Tác phẩm “Nỗi Thương Mình” là một đoạn trích thể hiện khá rõ tài năng nghệ thuật độc đáo, cái nhìn vượt thời đại và đặc biệt tinh thần nhân đạo mới mẻ của đại thi hào Nguyễn Du. Đoạn trích chỉ vỏn vẹn hai mươi câu, từ câu 1229 đến câu 1248, cho thấy tâm trạng đau đớn, tủi nhục, nỗi cô đơn, thương thân trách phận và ý thức sâu sắc về thân phận bất hạnh của Thúy Kiều ở chốn lầu xanh. Giám Sinh lừa bán đến lầu xanh. Nó là bước ngoặt bẻ ngang cuộc đời Thúy Kiều rẽ sang một hướng khác. Rơi vào tay Tú Bà, Kiều rút dao Từ lúc gia đình gặp biến cố, phải bán mình chuộc cha, trao duyên lại cho em là Thúy Vân, Kiều đã trải qua 15 năm lưu lạc, trong 15 năm ấy, Kiều gặp phải bao sự lọc lừa nhưng lần Thúy Kiều bị lừa đau đớn nhất có lẽ là lần nàng bị Mã Giám Sinh lừa bán đến lầu xanh. Nó là bước ngoặt bẻ ngang cuộc đời Thúy Kiều rẽ sang một hướng khác. Rơi vào tay Tú Bà, Kiều rút dao định tự tử nhưng không thành. Mở đầu đoạn trích Nỗi Thương Mình là tâm trạng đau buồn, tủi hổ đến ê chề của Thúy Kiều phải nếm trải trong chốn lầu xanh của mẹ Tú Bà: “Biết bao bướm lả ong lơi, Cuộc say đây thánng trận cười suốt đêm. Dập dìu lá gió cành chim Sớm đưa Tống Ngọc tối tìm Trường Khanh” Bốn câu đầu của đoạn trích cho ta thấy rõ hình ảnh lối sống xô bồ, nhơ nhớp và thân phận bẽ bàng của người kĩ nữ ở chốn lầu xanh. Nguyễn Du đã miêu tả thật sống động bức tranh sinh hoạt ở chốn lầu xanh bằng bút pháp ước lệ tượng trưng. Trong chốn lầu xanh ấy Kiều phải tiếp khách mua vui cho “biết bao” người mà nàng không thể nào nhớ được hay là đếm được, bởi lẽ một điều rằng hằng ngày Kiều tiếp khách làng chơi triền miên “suốt đêm, sớm đưa, tối tìm” những từ ngữ ấy đã cho ta thấy được sự nhộn nhịp của chốn lầu xanh, nơi mà Tú Bà ăn nên làm ra. Bằng những hình ảnh ẩn dụ: bướm lả ong lơi, cuộc say đây thánng, trận cười suốt đêm” và các điển tích điển cố: “lá gió cành chim”, “Tống Ngọc, Trường Khanh” – chỉ chung cho loại khách làng chơi phong lưu

Nguyễn Du cho thấy tình cảnh của Thúy Kiều tuy sống trong cảnh lầu xanh tưởng như thanh tao, phong nhã nhưng thực chất đó chỉ là giả tạo, hằng ngày Kiều phải làm công việc nhơ nhuốc, tiếp đủ các loại khách đến mua vui. Điều này cho ta thấy rõ hơn về nỗi bất hạnh và tình cảnh trở trêu của Thúy Kiều. Bút pháp ước lệ giúp Nguyễn Du không tránh né số phận thực tế của Thúy Kiều mà vẫn giữ được chân dung cao đẹp của nàng. Qua đó ta thấy được thái độ trân trọng, cảm thông của tác giả đối với nhân vật. Nguyễn Du đã tái hiện cái hoàn cảnh của Thúy Kiều bằng những sự đối lập nghiệt ngã: một bên là nước mắt Thúy Kiều – một bên là những cơn say, trận cười triền miên. Do vậy ở bốn câu thơ đầu, mặc dù chưa được miêu tả trực tiếp, người đọc vẫn thấy Kiều đang bị cuốn đi trong một cơn lốc vô hình, bị buộc vào cảnh sống nhơ nhớp nơi nhà chứa. Hiện thực nghiệt ngã mà nhân vật phải trải qua, hé mở thân phận bẽ bàng của người kỹ nữ. Nguyễn Du đã mỹ lệ hóa cho cảnh sống ấy bằng một thứ ngôn ngữ ước lệ rất tài tình: ước lệ theo thành ngữ dân gian, ước lệ theo điển tích làm cho sự hồi tưởng kiếp sống đón đau của Kiều trở nên tao nhã hơn. Bởi vì chỉ có hồi tưởng mới diễn tả hết sức sống chân thật của nội tâm nhân vật, mới thể hiện đúng nỗi đau, mới nổi bật được phẩm giá và sự chịu đựng giày vò đáng thương của nhân vật. Đằng sau những câu thơ ấy là tấm lòng cảm thông, trân trọng mà tác giả dành cho Thúy Kiều. Bốn câu thơ đầu đã đặt ra một tình thế của tâm trạng. Ở lầu xanh có nhiều kỹ nữ, họ có thể bình thản coi việc làm của mình rất đời thường, trở trêu thay Kiều lại có một nhân phẩm quá đời cao đẹp, một tâm hồn trong trắng, một bông hoa từ cảnh sống “êm đềm trướng rủ màn che” bỗng nhiên bị ném vào bùn nhơ, hai câu tiếp nói về tâm trạng của Kiều trong những ngày tủi nhục, nỗi ê chề, sự ép buộc, đầy dọa mà Kiều phải chịu đựng: “Khi tình rượu, lúc tàn canh Giật mình mình lại thương mình xót xa” Ở nơi lầu xanh đầy “cuộc say, trận cười” thì chỉ “khi tình rượu lúc tàn canh” Kiều mới có một khoảng khắc hiếm hoi để sống thực với chính mình và cũng là hoàn cảnh Kiều tỉnh táo nhất đối diện với con người mình. Thời gian và không gian thật vắng lặng như gợi lên nỗi niềm xót xa. Nhịp thơ có sự thay đổi giữa hai câu thơ trên từ nhịp 3/3 chuyển sang nhịp 2/4/2. Hai chữ “giật mình” kết hợp với cách ngắt nhịp ấy đã diễn tả sự biến đổi đột ngột trong tâm hồn Thúy Kiều. Nàng bàng hoàng đau xót trước thực tại phũ phàng và trơ trọi chỉ có một mình nàng tự xót xa, đau đớn cho chính số phận bị thương, đoạn trường của mình. Giật mình không chỉ là hành động bên ngoài của nhân vật khi có một sự tác động đột ngột nào đó của môi trường bên ngoài. Đó là cái giật mình từ cảm xúc bên trong mà nếu không có thì Kiều cũng giống như tất cả các kỹ nữ khác

trong thanh lâu của Tú bà. Kiều giật mình vì nhận ra sự tàn phá thảm hại về thể xác và phẩm cách của mình ở chốn lầu xanh, sự cô đơn lẻ loi của mình và sự yếu đuối bất lực của mình trước bao nhiêu sự xấu xa, cạm bẫy đang bủa vây mình mà không thể chống đỡ. Điệp từ “mình” lặp lại ba lần trong một câu thơ như tiếng nấc nghẹn ngào, tha thiết của Thúy Kiều ý thức được về phẩm giá, nhân cách, quyền sống bản thân đó cũng là ý thức cá nhân và quyền sống của con người trong lịch sử phong kiến mà Nguyễn Du muốn truyền tải đến người đọc. Đối với hai câu trên với nhịp thơ đầy nỗi tủi nhục của Kiều thì những câu tiếp theo sau là những hồi ức dội về, hồi ức tươi sáng và đập thực tại tâm tối đọa đày: “Khi sao phong gấm rủ là Giờ sao tan tác như hoa giữa đường Mặt sao dày gió dạn sương Thân sao bướm chán ong chường bấy thân” Một cô gái khuê các, tài sắc vẹn toàn, hiền lành đoan trang hết mực. Một cô gái nho gia bây giờ trở thành một cảnh hoa tan tác. Sự biến chuyển nhanh chóng đến mức chính Kiều cũng phải bàng hoàng, sửng sốt. Phép đối lập như một biện pháp nghệ thuật chủ yếu toàn đoạn trích và nhất là trong hai câu này càng tăng thêm giá trị biểu cảm. Nó tạo nên sự so sánh đối lập giữa hai quãng đời, hai thời gian, hai tình cảm. Cặp từ đối lập chỉ thời điểm: “Khi sao / giờ sao” tạo nên cảm giác đột ngột của sự thay đổi trong một khoảng thời gian không mấy cách biệt. Chính vì điều này đã làm vết thương của Kiều nhức nhối, đau đớn như đào sâu thêm vào nỗi xót xa, tê tái của Kiều. Hai câu thơ day dứt một tiếng thở dài tuyệt vọng của một cô gái vốn tài sắc hơn người, khát khao hạnh phúc nhưng bây giờ đã chán ngán tất cả: “Mặc người mưa Sở mây Tần Những mình nào biết có xuân là gì?” Sống trong cảnh lầu xanh suốt ngày phải mua vui cho người khác hành hạ bản thân mình, lặp đi lặp lại hằng ngày ai cũng sẽ thấy chán chường muốn buông tất cả và Kiều cũng vậy. Sự đối lập giữa người – khách làng chơi (số nhiều) với chính mình – Kiều (số ít) như thể hiện tốt cùng nỗi cô đơn của nàng. Từ xuân ở đây ý chỉ niềm vui được hưởng hạnh phúc lứa đôi nhưng với Thúy Kiều sống làm vợ khắp người ta thì làm gì còn có mùa xuân, chỉ thấy trong đó là sự nhục nhã, lẻ loi, trơ trọi và cô đơn của cuộc đời người kĩ nữ mua vui. Từ mặc ở đây lại chỉ sự bất lực, mặc cho mọi thứ muốn tới đâu thì tới, dẫn vật nặng nề day nghiêng của Thúy Kiều nhưng không làm sao khác được. “Đòi phen gió tựa hoa kề Nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ Đòi phen nét vẽ câu thơ Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa Vui là vui gượng kẻo là Ai tri âm đó, mặn mà với ai.” Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp hiện lên, có đủ cả: phong – hoa – tuyết – nguyệt, cảnh đẹp bốn mùa hội tụ vào nơi đây, gió xuân vi vu

thối, hoa hạ đua nhau khoe sắc ngát hương, trăng thu sáng vằng vặc, tuyệt đông phủ kín cả lầu tất cả đều rất thực, rất sinh động như vẽ nên bức tranh đầy màu sắc, âm thanh của lầu xanh và trong đó có đủ những thú vui của con người: cầm – kì – thi – họa càng tô điểm cho bức tranh ấy thêm phần nhộn nhịp, sống động hơn bao giờ hết. Nhưng nêu lên những cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, tao nhã, nên thơ ấy lại như một sự giấu cột, mĩa mai, chua chát. Vì dù nguy trang khéo đến mấy, cũng không thể che đậy nổi cái bản chất nhơ nhớp, bẩn thỉu bên trong của chốn “buôn thịt bán người”. Đoạn thơ vì thế đồng thời hướng vào tâm trạng Kiều: Kiều luôn phải tách mình thành hai nửa: một con người bề ngoài vui gượng, giả tạo và một con người thực, sống để xót xa mỗi lúc canh tàn. Cảnh không thể vui vì lòng người nặng trĩu nỗi tê tái.. Khi gió tựa hoa kề, khi cung cầm thi họa, lúc nào nỗi đau cũng dâng đầy và ghen ứ trong lòng nàng. Ý thức về nhân phẩm một khi trỗi dậy là lại bị giày xéo, khiến nàng không nguôi bề bàng, nhục nhã về thân phận. Hai từ “đòi phen” được lặp lại trong tám câu thơ càng thể hiện rõ hơn đó là một nỗi đau thường trực, chưa lúc nào thôi dãn vật Kiều. Nỗi sầu của Kiều lan tỏa sang cảnh vật: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” Bằng sự thông cảm lạ lùng, và bằng tài năng kì diệu, Nguyễn Du đã viết nên hai câu thơ hay nhất giữa ngoại cảnh và tâm cảnh, giữa cảnh và tình. Từ một trường hợp cụ thể, thơ Nguyễn Du đã vươn tới tầm phổ quát, trở thành chân lí của mọi thời. Có thể nói hai câu thơ là đỉnh điểm của đoạn trích vì nó gột tả được sâu sắc hơn bao giờ hết nội tâm của nhân vật từ đó lan tỏa sang cảnh vật một cách thật tự nhiên và hợp lí. Nỗi buồn của Thúy Kiều cứ dâng lên, như sóng cồn triền miên không bao giờ dứt, nó cứ khuấy động bên trong sâu thẳm con người Kiều để rồi đến một lúc nào đó, tức nước vỡ bờ, nó dâng lên cuộn cuộn đánh động vào nỗi long, cảm xúc của Thúy Kiều, khiến cho mọi vật qua cái nhìn của nàng đều trở nên u buồn, tăm tối, nhuộm màu tang thương. “Vui là vui gượng kẻo là Ai tri âm đó Mặn mà với ai?” Hai câu thơ cuối là nỗi lòng của Thúy Kiều được Nguyễn Du thể hiện một cách tinh tế, độc đáo mà tâm sự này, tâm trạng này, Kiều của Thanh Tâm tài nhân không hề có được. Từ “vui gượng” nói lên tất cả sự lạc lõng, cô độc cũng là sự mâu thuẫn, bế tắc không lối thoát của Kiều trước hoàn cảnh. Sống trong cảnh nhơ nhớp, phải tiếp khách làng chơi, trải qua những cơn say, trận cười quanh năm suốt tháng, phải là lời... là điều bất đắc dĩ, Kiều không bao giờ muốn thậm chí không bao giờ có thể tưởng tượng được cuộc đời mình lại bị kịch như thế. Giữa chốn lầu xanh mà đồng tiền lên ngôi, có bao kẻ đến rồi đi, cái còn lại sau cùng với Kiều chỉ là sự rã rời, đau đớn cả về thể xác và tâm hồn thì làm gì có

ai là tri kỉ, có ai để “mặn mà” nhưng trong sâu thẳm cõi lòng, Kiều vẫn luôn mong ngóng một tấm lòng, một người hiểu mình. Một lần nữa ngôn ngữ nửa trực tiếp lại khiến cho câu thơ có những lớp nghĩa sâu sắc kết hợp câu hỏi tu từ đầy sót xa cay đắng cho thấy phẩm chất tốt đẹp của Thúy Kiều giàu lòng tự trọng coi trọng phẩm giá và muốn sống một cuộc sống bình yên, trong sạch. Đoạn trích Nỗi Thương Mình thể hiện khá hoàn chỉnh số phận, tính cách của Thúy Kiều. Thể hiện tập trung tư tưởng nhân văn của tác giả: cảm thương trước bi kịch của Kiều, khẳng định nhân cách đẹp đẽ của nàng và khẳng định sự ý thức về nhân phẩm và sự ý thức cá nhân. Thể hiện nỗi thương mình của Thúy Kiều, Nguyễn Du cũng thể hiện được nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật với ngôn ngữ nửa trực tiếp, lời tác giả và nhân vật như hòa vào nhau tạo nên sự đồng cảm giữa tác giả-nhân vật-người đọc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về Tư tưởng, đạo lý trong cuộc sống hiện nay

Trong cuộc sống, nhân cách và đạo đức muôn đời là thước đo giá trị của mỗi người chúng ta. Chính vì lẽ đó chẳng mà từ ngàn đời nay, ông cha ta đã luôn chú trọng việc giáo dục đạo đức cho cháu con mình? Như vậy, việc tu dưỡng đạo đức của bản thân trong đời sống hằng ngày đã trở thành những bài học quý giá mà chúng ta cần phải thấm nhuần. Và “Đói cho sạch, rách cho thơm” - một câu tục ngữ quen thuộc đã cho chúng ta thấy rằng cuộc sống dù : khó khăn, thiếu thốn, khó khăn đến đâu thì chúng ta nhất thiết luôn phải sống sao cho trong sạch, sao cho giữ gìn được nhân cách và phẩm chất của chính bản thân mình. Vậy nhân cách là gì? Tại sao chúng ta phải gìn giữ nhân cách bản thân? Là những điều ta cần tìm hiểu trong câu tục ngữ này. Trước hết, ta có thể hiểu câu tục ngữ là một lời khuyên về việc ăn, cách mặc của con người. Đó là dù bản thân có đói đến đâu chẳng nữa thì ta cũng phải biết ăn uống cho hợp vệ sinh - “đói cho sạch”; quần áo tuy có cũ nhưng nào cũng vẫn còn sử dụng được thì ta phải chú ý ăn mặc sao cho sạch sẽ, tinh tươm “rách cho thơm”. Nhưng sâu xa trong câu tục ngữ này, ngoài việc nhắc nhở cháu con trong cách ăn, mặc, cha ông ta còn nhắc nhở một lời khuyên quý báu về lối sống, về cách gìn giữ đạo đức, nhân cách của bản thân con người thông qua lối nói ẩn dụ. Cặp hình ảnh ” đói - rách” là nói về hoàn cảnh sinh động của con người còn rất khó khăn, thiếu thốn nhiều về mặt vật chất.; còn “sạch - thơm” là cặp hình ảnh nói về nhân cách, đạo đức và phẩm chất của con người. Như vậy, ta có thể khẳng định được rằng, nguyên cả câu tục ngữ là một lời khuyên cho mọi người về việc gìn giữ nhân phẩm bản thân trong bất kì hoàn cảnh nào của cuộc sống. Vậy thế nào là nhân cách? Nói chung, nhân cách là những đức tính tốt đẹp của con người và phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức mà xã hội quy định như lòng biết ơn, sự hiếu thảo, lòng dũng cảm, tính kiên trì, tinh thần yêu nước... Thế tại sao con người phải gìn giữ nhân cách của mình? Đầu tiên, đó là bởi chính nhân cách là thước đo giá trị của mỗi con người, khẳng định vị trí của người đó trong cộng đồng xã hội. Chẳng phải vậy sao mà xã hội luôn trân trọng, yêu quý và tôn vinh những người có nhân cách, có đạo đức tốt đẹp. Từ đó mà luôn lấy họ làm tấm gương sách để răn dạy cháu con mình noi theo. Thật vậy, lịch sử chẳng bao giờ quên tôn vinh

những tấm gương con người có nhân cách, đạo đức đáng khâm phục, và tiêu biểu chính là người thầy đạo cao, đức trọng Chu Văn An. Thầy đã đem nhân học suốt cuộc đời mình để truyền dạy cho tất cả học trò để rồi cho đến cả một con vật, do quá kính trọng thầy nên đã hóa thành người mà đến theo học lớp thầy dạy. Năm tháng trôi qua nghe thầy giảng đạo lí, nó đã được thầy cảm hóa. Tôn kính thầy, nghe lời giảng dạy của thầy mà thấm nhuần trong tim, nó đã phá luật trời, cho mưa xuống vùng nhiều năm hạn hán để người dân đỡ khổ, đỡ cực. Ngoài ra, thầy thuốc vị danh y Lê Hữu Trác cũng là một người như thế. Và tấm gương đạo đức ngời sáng về lòng kiên trì vượt mọi trở ngại, khó khăn của cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu cũng cần chúng ta phải nhắc đến. Bên cạnh đó, trong tài cầm quân đánh giặc, thao lược trong chiến trận, Trần Hưng Đạo quả thực là một đại tướng tài giỏi. Và còn rất nhiều tâm gương ngời sáng khác trong thực tế cuộc sông của chúng ta hiện tại... Tuy nhiên, bên việc tôn vinh những con người như vậy, xã hội ta cũng luôn lên án những kẻ thiếu đạo đức, coi nhân phẩm của mình nhẹ hơn tiền tài, vật chất... Đặc biệt trong thời đại ngày nay cũng có không ít kẻ hám tiền, tham quyền rồi làm những nhiều nhân dân bằng cách tham nhũng nhận hối lộ... khiến cho đất nước ngày một thêm nghèo. Mặt khác, nhân cách trong bản thân mỗi người thường được biểu hiện qua hành động và việc làm của họ. Chính vì thế mà, người ta có thể dùng hành động để làm ra tiền bạc nhưng chắc chắn ko thể dùng tiền bạc mua nhân cách bản thân mình. Cụ thể, với một kẻ đã vào tù vì những hành động phi pháp của anh ta thì tất nhiên, anh ta chẳng thể dùng tiền để mua chuộc mọi người làm mờ đi quá khứ lỗi lầm ấy được... Mà anh ta chỉ có thể làm lại chính mình bằng những việc làm tốt đẹp, bằng những cố gắng thay đổi bản thân của chính con người anh thôi. Hơn nữa, trong thực tế con người chúng ta thường có một thói quen xấu khá phổ biến là “Đói ăn vụng, túng làm liều”. Nghĩa là, khi ở trong hoàn cảnh quá khó khăn, đói khổ mà ko tìm ra giải pháp và lối thoát cho mình con người thường không còn tỉnh táo để suy xét về hành động của bản thân mà lại sinh ra thói trộm cắp nhằm giải quyết cái đói, cái khát trước mắt nên vì thế mà đánh mất nhân cách của bản thân. Ngoài ra, trong xã hội hiện tại còn : một số cá nhân thích đua đòi theo bè bạn để đúng với thời thượng, đẳng cấp. Họ ăn chơi xa hoa, coi trọng vật chất, tiền tài, danh vọng hơn cả phẩm giá của bản thân mình, chính thế mà những người này sẵn sàng bán rẻ nhân phẩm vì những mục đích xa xỉ. Vậy ra những việc làm tai hại như thế đâu chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới họ - bản thân những người gây ra như bị bè bạn khinh rẻ, bị mọi người lánh xa, bị luật pháp trừng trị nghiêm khắc mà còn ảnh hưởng rất xấu tới xã hội, tới cộng

đồng khi gây mất trật tự, an ninh và cũng còn muôn vàn tệ nạn xã hội khác nữa... Và chúng ta cũng biết rằng, từ xưa đến nay, việc giữ gìn nhân cách, phẩm chất đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, dân tộc Việt Nam anh hùng. Chính thế mà chúng ta luôn phải tiếp thu, biết kế thừa và phát huy để mãi mãi gìn giữ vẻ đẹp này của dân tộc. Như vậy, để lời khuyên về nhân cách luôn được truyền lưu cho các thế hệ mai sau, các thể loại văn học dân gian đã đúc kết đưa ra những bài ca dao, các câu tục ngữ thực sự ý nghĩa như bài ca dao “Con cò mà đi ăn đêm” hay “Giấy rách phải giữ lấy lề”, “Chết vinh hơn sống nhục”, “Chết đứng hơn sống quỳ”... cũng là những câu tục ngữ thực sự thâm thúy. Và đặc biệt nhất có lẽ là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta, người đã bảo: “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Có tài mà không có đức thì là người vô dụng”. Tóm lại, câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm” mãi mãi là một lời khuyên đúng đối với tất cả mọi người trong mọi thời đại. Vì một lẽ rằng: nhân cách chính là tài sản vô giá mà chúng ta cần phải biết coi trọng, giữ gìn và thường xuyên rèn giũa. Chúng ta cần sống một cách chân thật với mình, với mọi người, sống trong sạch, lương thiện để bản thân ta là một người tốt. Điều đó không chỉ đem lại lợi ích cho chính bản thân ta mà còn góp phần đảm bảo cuộc sống tốt đẹp chung cho tất cả mọi người. Để gìn giữ nhân cách cho bản thân, thực sự có rất nhiều cách nhưng có lẽ phổ biến nhất là việc siêng năng, cần cù, và chăm chỉ học tập là những đức tính mà trước tiên ta phải chú ý đến.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về Tư tưởng, đạo lý trong cuộc sống

Tục ngữ là một bộ phận trong kho tàng văn học dân gian, được xem là túi khôn của nhân loại, bởi vì đó là những bài học trí tuệ sâu sắc của người xưa được đúc kết bằng những câu nói ngắn gọn. Chúng ta có thể tìm thấy ở đây những kinh nghiệm sống trong thực tế và những bài học về luân lý đạo đức. Ngay từ xa xưa, cha ông ta vẫn thường nhắc nhở thế hệ đi sau phải có tình cảm trân trọng biết ơn đối với những người đã tạo dựng thành quả cho mình. Lời khuyên nhủ ấy được gói gọn trong câu tục ngữ giàu hình ảnh: “Uống nước nhớ nguồn” Chúng ta có suy nghĩ như thế nào khi đọc lời khuyên dạy của tiên nhân? “Nguồn” là nơi xuất phát của dòng nước, mạch nước từ núi, từ rừng ra suối, ra sông rồi đổ ra biển cả mênh mông, không bao giờ cạn. Thử nước khởi thủy đó trong mát, tinh khiết nhất. Khi ta uống dòng nước làm vui đi cơn khát thì phải biết suy ngẫm đến nơi phát xuất dòng nước ấy. Từ hình ảnh cụ thể như vậy, người xưa còn muốn đề cập đến một vấn đề khái quát hơn. “Nguồn” có thể được hiểu chính là những người đã tạo ra thành quả về vật chất, tinh thần cho xã hội. Còn “uống nước” đó chính là sử dụng, đón nhận thành quả ấy. Câu tục ngữ nhằm khuyên nhủ chúng ta phải biết ơn những người đã tạo dựng thành quả cho mình trong cuộc sống. Thật vậy, trong cuộc sống, không có hiện tượng nào là không có nguồn gốc, không có thành quả nào mà không có công lao của một ai đó tạo nên, tất cả mọi thành quả đều phần lớn do công sức lao động của con người làm ra. Ta không thể tự tạo mọi thứ từ đôi tay, khối óc của mình cho nên ta phải nghĩ đến những ai đã tạo ra nó. Mặt khác, người tạo ra thành quả phải đổ mồ hôi công sức, thậm chí phải chịu phần mất mát hy sinh. Trong khi đó người thụ hưởng thì không bỏ ra công sức nào cả, vì lẽ đó chúng ta phải biết ơn họ. Đó là sự công bằng trong xã hội. Hơn nữa, lòng biết ơn sẽ giúp ta gắn bó với cha anh, với tập thể tạo ra một xã hội thân ái, kết đoàn. Cuộc sống sẽ tốt đẹp biết bao nếu truyền thống ấy được lưu giữ và xem trọng. Con người sống ân nghĩa sẽ được người khác quý trọng, được xã hội tôn vinh. Ngược lại, thiếu tình cảm biết ơn, sống phụ nghĩa quên công, con người trở nên ích kỷ, vô trách nhiệm, những kẻ ấy sẽ bị người đời chê trách, mỉa mai, bị gạt ra ngoài lề xã hội và lương tâm của chính họ sẽ kết tội. Bên cạnh đó, ta thấy “Uống nước nhớ nguồn” còn là đạo lý của dân tộc, là lẽ sống tốt đẹp từ bao đời nay cho nên thế hệ đi sau cần kế

thừa và phát huy. Bài học đạo đức làm người ấy cứ trở đi trở lại trong kho tàng văn học dân gian: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ người đào giếng”, “Đường mòn ân nghĩa chẳng mòn”, “Ai mà phụ nghĩa quên công, thì đeo trăm cánh hoa hồng chẳng thơm”... Thật đáng chê trách cho những ai còn đi ngược lại với lẽ sống cao thượng ấy. Sống dưới mái ấm gia đình, có những người con vẫn chưa cảm nhận hết công sức của đấng sinh thành, họ thản nhiên tiêu xài hoang phí những đồng tiền phải đánh đổi bằng những giọt mồ hôi, nước mắt của cha mẹ, thậm chí còn có kẻ đã ngược đãi với cả những người đã tạo dựng ra mình. Dưới mái học đường, nhiều học sinh vẫn còn xao lãng với chuyện học hành. Đó là gì, nếu không phải là vô ơn với thầy cô? Trong xã hội cũng không ít kẻ “uống nước” nhưng đã quên mất “nguồn”. Câu tục ngữ là lời khuyên nhủ chân tình: con người sống phải có đạo đức nhân nghĩa, thủy chung, vừa là lời ca ngợi truyền thống đạo lí lâu đời của dân tộc Việt. Nó còn là hồi chuông cảnh tỉnh đối với ai đã đối xử một cách vô ơn bạc nghĩa với những người đã tạo ra thành quả cho mình hưởng thụ. Học tập câu tục ngữ này, cụ thể là phải biết ơn, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả những gì mà người khác tạo dựng. Là một người con trước hết ta phải biết khắc ghi công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, còn là một người học sinh, biết ơn công ơn dạy dỗ của các thầy cô giáo, sự giúp đỡ của tập thể lớp, trường. Sống trong cuộc đời, ta phải biết khắc ghi công ơn những ai đã cứu mang, giúp đỡ mình khi gặp hoạn nạn khó khăn. Suy rộng ra là con cháu vua Hùng, thuộc dòng dõi Lạc Hồng, ta phải biết tự hào về truyền thống đấu tranh anh dũng của dân tộc. Thừa hưởng cuộc sống tự do, thanh bình phải biết khắc ghi công ơn của các anh hùng liệt sĩ, khi “bưng bát cơm đầy”, ta phải cảm hiếu “muôn phần đắng cay” của những người nông dân... Không chỉ biết ơn đối với những lớp người đi trước, ta còn phải ý thức quý trọng giữ gìn những giá trị mà quá khứ đã tạo nên bằng mồ hôi, nước mắt và xương máu, tiếp tục phát triển các thành quả của quá khứ. Nói như Bác: “Các vua Hùng đã có công dựng nước Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Trong tương lai, hãy đem tài năng của mình ra xây dựng quê hương, hàn gắn vết thương chiến tranh đó chính là cách “trả ơn” quý báu nhất. Đồng thời còn phải biết đấu tranh chống lại những biểu hiện vô ơn “ăn cháo đá bát”, có thể xã hội sẽ tốt đẹp hơn. Mỗi con người sẽ sống chan hòa với nhau bằng những tình cảm chân thành hơn. Qua việc sử dụng câu tục ngữ ngắn gọn, ngôn ngữ giản dị, hình ảnh cụ thể mà ý nghĩa thật vô cùng sâu sắc, người xưa đã khuyên nhủ thế hệ đi sau phải biết nhớ ơn những ai đã tạo dựng thành quả cho mình trong cuộc sống để từ đó khéo léo nhắc nhở, cảnh tỉnh những kẻ còn có lối sống bất

nghĩa vô ơn. Mặc dù trải qua bao thâm trầm của thời đại, ý nghĩa câu tục ngữ trên vẫn sống mãi với thời gian...Đọc lại lời dạy của tổ tiên, ta không khỏi tự nhủ với lòng mình. Không bao giờ trở thành kẻ sống thiếu trách nhiệm đối với xã hội, sống và làm việc xứng đáng với đạo lý và truyền thống dân tộc, sống chân thành trọn nghĩa trọn tình, có trước có sau.s

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của em về tâm trạng của Kiều qua đoạn trích “Nỗi thương mình”

Mộng Liên Đường chủ nhân đã khái quát về thân thế Thuý Kiều: “Khi lai láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc; Khi duyên ưa kim cải non biền thề bồi; Khi đất nổi ba đào cửa nhà tan tác; Khi lầu xanh, khi rừng tía, côi đi về nghĩ cũng chồn chân; Khi kinh kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ cùng tê lười...”. Thuý Kiều đã trải qua hầu hết những nỗi đau khổ tái tê nhất của người phụ nữ dưới thời phong kiến. Khổ đau nhưng luôn có ý thức về “kiếp đoạn trường” của bản thân, rơi vào lầu xanh, Kiều thương thân xót phận nhưng cũng luôn ý thức về phẩm giá. Điều đó góp phần làm nên giá trị nhân đạo lớn lao và sâu sắc của tác phẩm. Vận mệnh và tính cách có màu sắc bi kịch của nàng Kiều quán xuyên toàn bộ nội dung tác phẩm. Nhan sắc “nghiêng nước, nghiêng thành”, tài đàn tuyệt diệu, tài thơ mẫn tiệp của nàng rút cục cũng không chống lại được hoàn cảnh. Nàng rơi vào bẫy của Tú Bà và buộc phải tiếp khách làng chơi: Biết bao bướm lả ong lơ Cuội say đây thán trện cười thâu đêm Dập diu lá gió cành chim Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ kết hợp với thủ pháp đối xứng, đan chéo để vừa thể hiện được một thực tế xót xa, thân phận bẽ bàng của người kĩ nữ, vừa giữ được chân dung cao đẹp của nhân vật Thuý Kiều, qua đó thể hiện thái độ trân trọng đầy cảm thông đối với nhân vật của mình. Thân phận nàng Kiều bị cuộc sống lầu xanh cuốn đi, đoạ đầy tưởng bị nhấn chìm trong chốn bùn nhơ không cất đầu lên được. Những nỗi đau đớn của nàng, tâm sự thương mình của nàng, ý thức về nhân phẩm của nàng khiến ta chỉ càng thương nàng hơn, càng trân trọng nàng hơn. Hãy lắng nghe những tâm sự của nàng sau những “cuộc vui”, những “trận cười”: Khi tỉnh rượu lúc tàn canh, Giật mình mình lại thương mình xót xa. Vẫn không gian lầu xanh của Tú bà nhưng thời gian đã là “lúc tàn canh”- đêm khuya, thời khắc hiếm hoi, quý giá để con người mình được đối diện với lòng mình, trở về với con người thật của mình. “Giật mình mình lại thương mình xót xa”, ba chữ “mình” trong một câu thơ gợi ra tất cả sự cô độc của thân phận. “Giật mình” như một sự bàng hoàng, thảng thốt đau đớn. “Giật mình” vì thấy ghê tởm cho cảnh sống truy lạc chốn lầu xanh. “Giật mình” cho chính bản thân, một thiếu nữ khuê các nết na sống trong cảnh “phong gấm rủ là” nay rơi vào cảnh

“bướm chán ong chường”. “Giật mình” hay “rùng mình”, bởi tấm thân “gìn vàng giữ ngọc” cho Kim Trọng giờ đành để khách làng chơi giày vò. Vì thế mà bốn chữ “mình lại thương mình” chìm xuống, giọng thơ đầy thấm thía cô đơn xót xa. Bốn câu hỏi liên tiếp là nỗi niềm dằn vặt, tự đau, tự thương cực độ của “nỗi thương mình”: Khi sao phong gấm rủ là, Giờ sao tan tác như hoa giữa đường. Mặt sao dày gió dạn sương, Thân sao bướm chán ong chường bấy thân! Trong bốn câu chỉ có câu đầu nói về quá khứ êm đềm còn ba câu liên tiếp nói về thực tại phũ phàng. Điều đó gây ấn tượng về việc hiện tại đang đè nặng, chôn vùi quá khứ. Bốn từ “sao” lặp lại: “khi sao”, “giờ sao”, “mặt sao”, “thân sao” là những câu hỏi mạnh sắc thái cảm thán mạnh bộc lộ nỗi đau xót đến cùng cực trong nỗi đoạ đầy ê chề. Lời thơ vừa tức tưởi vừa ai oán, vừa xa xót vừa ghen ngào. Nỗi thương mình của Thuý Kiều có một ý nghĩa vô cùng sâu sắc xét về sự tự ý thức của con người cá nhân trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại. Người phụ nữ xưa được giáo huấn theo tinh thần cam chịu, nhẫn nhục, buông xuôi. Khi con người biết “Giật mình mình lại thương mình xót xa” thì không còn nhẫn nhục cam chịu nữa mà đã ý thức rất cao về phẩm giá và nhân cách bản thân, ý thức về quyền sống của bản thân. Thương thân xót phận là một chủ đề phổ biến trong văn học Việt nam cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX (Cung oán ngâm, Chinh phụ ngâm, thơ Hồ Xuân Hương,...). Nguyễn Du là người viết về cảm hứng này sâu sắc và thấm thía hơn cả. Thương thân mình là một cách phản ứng với hiện thực của thân phận. Điều đó cho thấy con người không bị tàn đi, không bị cuốn theo, không bị huỷ diệt. Giữa chốn lầu xanh nhơ nhớp, Kiều tách ra như một điểm sáng về tâm hồn. Chính vì vậy mà Từ Hải, Kim Trọng, Nguyễn và người đọc bao thế hệ đều rất trân trọng nàng. Đoạn thơ vừa thể hiện được giá trị hiện thực vừa có chiều sâu của tư tưởng nhân đạo, một chiều sâu có khuynh hướng vượt thời đại. Đoạn thơ giúp ta hiểu thêm vì sao Truyện Kiều luôn đồng hành cùng với những vui buồn người Việt qua mưa nắng thời gian.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về Tình trạng an toàn giao thông trong xã hội ngày nay

Khi đất nước ngày càng phát triển thì kéo theo nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác cũng phát triển. Tuy nhiên đi liền với những cơ hội, luôn tồn tại nhiều thách thức. Vấn đề giao thông đang khiến cho cơ quan chức năng nhức nhối, tìm phương hướng giải quyết. Giao thông là một trong những lĩnh vực đang khiến cho cả người tham gia giao thông và người giám sát giao thông gặp phải nhiều nhức nhối. Vì tình trạng mất kiểm soát cũng như tai nạn giao thông đang diễn ra trầm trọng và chuyển biến tiêu cực. Giao thông ở Việt Nam chưa bao giờ hết nóng, nó gây nên nhiều tranh cãi, để lại nhiều hậu quả xấu. Giao thông Việt Nam có nhiều loại hình như giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, giao thông đường hàng không. Mỗi loại hình đều có những đặc thù riêng, cần phải tìm phương hướng để giải quyết triệt để. Tuy nhiên có thể nói trong những năm qua nhức nhối nhất vẫn là vấn đề giao thông đường bộ với mật độ tham gia giao thông dày đặc, bon chen nhau, tranh giành làn đường của nhau để đi. Theo ước tính, trung bình mỗi ngày ở nước ta có 35 người chết do tai nạn giao thông và hàng nghìn người chấn thương. Con số đáng báo động đó đã khiến cho người tham gia giao thông khiếp sợ, nhưng dường như tai nạn giao thông vẫn chưa hề thuyên giảm. Tình trạng tai nạn giao thông, vi phạm luật giao thông đang diễn ra một cách phổ biến và khó kiểm soát trong xã hội. Vậy nguyên nhân của việc tai nạn giao thông này là do đâu? Trước hết đó chính là do ý thức của người điều khiển phương tiện giao thông. Khi họ không có ý thức tuân thủ luật lệ giao thông cũng như biết luật nhưng không làm theo luật sẽ dẫn đến nhiều hành động xấu. Và hậu quả chính là việc tai nạn xảy ra bất cứ lúc nào. Tình trạng vượt đèn đỏ diễn ra nhiều, đi sai làn đường, không đội mũ bảo hiểm là những điều mà mỗi người vẫn có thể chứng kiến thấy. Từ những việc nhỏ nhặt và tưởng như vô can đó lại là nguyên nhân khiến cho tai nạn giao thông đang ngày càng gia tăng ở nước ta. Hình ảnh những nạn nhân nằm vật vã trên vũng máu, những người thân khóc vật vờ trong bệnh viện hay hình ảnh khói nhang nghi ngút trong một gia đình trẻ. Tai nạn giao thông luôn để lại nhiều ám ảnh đối với những người ở lại. Ý thức của người tham gia giao thông quyết định lớn nhưng trách nhiệm của cơ quan chức năng cũng như người kiểm soát trực

tiếp hoạt động giao thông cũng đóng vai trò không nhỏ. Việc ban hành các điều luật cho giao thông cần thiết, nhưng cần phải bám sát và đáp ứng được nhu cầu của người dân. Tình trạng xử phạt cũng nên công tư phân minh, không nên làm ngơ cho những người vi phạm. Hiện nay tình trạng ăn hối lộ để qua chuyện cũng xảy ra rất nhiều, tạo nên làn sóng dư luận lớn. Vậy làm thế nào để khiến cho tình trạng giao thông ở nước ta có thể đi vào quỹ đạo, hạn chế tai nạn giao thông. Đây là sự nỗ lực, cố gắng của cả cộng đồng. Nhưng trước hết vẫn là thái độ của người điều khiển phương tiện giao thông. Họ sẽ quyết định đến hành động của mình như thế nào. Thứ hai xuất phát từ cơ quan chức năng. Khi đó chúng ta sẽ thấy được khi giao thông ổn định sẽ có vai trò lớn như thế nào. Cuộc sống của mỗi người được tạo nên từ nhiều yếu tố cộng hưởng. Và việc đảm bảo an toàn giao thông cũng quan trọng không kém. Chúng ta hãy chung tay xây dựng một môi trường tham gia giao thông lành mạnh, an toàn nhất.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về Tình trạng an toàn giao thông trong xã hội hiện nay

Đất nước ta đang phát triển khá nhanh nhờ sự khởi sắc của nền kinh tế và đời sống xã hội, nhưng lĩnh vực giao thông thì dường như không đáp ứng kịp yêu cầu của thời đại. Tình trạng tai nạn giao thông hiện nay đã đến mức báo động đỏ và được xếp vào “thứ hạng cao” trong khu vực Đông Nam Á. Vì thế, vấn nạn này đang là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội. Làm thế nào để đảm bảo an toàn giao thông? Đó là câu hỏi lớn đặt ra, đòi hỏi sự nỗ lực của tất cả mọi người. Giao thông ở Việt Nam hiện nay được coi là lĩnh vực tồi tệ nhất bởi những tai nạn giao thông khủng khiếp thường xuyên xảy ra. Người ta không khỏi rùng mình trước những thông tin đáng sợ về sự thiệt hại người và của do tai nạn giao thông gây ra hằng ngày, hằng tháng, hằng năm. Mỗi ngày, trung bình có khoảng 35 người chết, mỗi năm hơn chục ngàn người chết vì tai nạn giao thông. Quả là một con số khủng khiếp! Chiến tranh đã kết thúc mấy chục năm nhưng chúng ta lại rơi vào một thảm họa không kém đau thương, tang tóc. Có lẽ tai nạn giao thông cũng là một thứ giặc mà chúng ta phải luôn luôn đối mặt. Tai nạn giao thông không chỉ gieo rắc đau thương, làm tan vỡ hạnh phúc của bao gia đình mà còn gây thiệt hại to lớn về vật chất và tinh thần cho cả xã hội. Bên cạnh đó, tình trạng mất an toàn giao thông nghiêm trọng đã ảnh hưởng không tốt tới sự nhìn nhận, đánh giá tình hình phát triển của Việt Nam và gây khó khăn trong việc đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài vào nước ta. Nhiều du khách khi được hỏi về những điều chưa được ở Việt Nam thì họ đều trả lời giống nhau ở chỗ điều đáng ngại nhất là an toàn giao thông quá kém. Họ rất sợ phải đi bộ băng qua đường vì xe cộ chạy ào ào, bất chấp đèn đỏ. Liệu đất nước Việt Nam xinh đẹp, con người Việt Nam thân thiện có tạo được cảm tình với du khách để họ còn muốn quay lại? Theo con số thống kê của ngành du lịch thì hơn 70% du khách không muốn trở lại vì nhiều lí do, mà một trong những lí do đáng kể là tình trạng giao thông không bảo đảm an toàn. Rõ ràng, mất an toàn giao thông ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế, nhất là đối với ngành du lịch. Làm thế nào để Việt Nam trở thành điểm đến của bạn bè quốc tế? Câu trả lời một phần thuộc về tình trạng an toàn giao thông. Nguyên nhân của tình trạng mất an toàn giao thông thì có rất nhiều. Trước hết là ở nhận thức và thái độ tự

giác chấp hành luật lệ giao thông của người dân quá kém. Khi lưu thông trên đường, ai cũng chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ tới người khác. Cho nên mới xảy ra tình trạng không chịu nhường nhau chỗ ngã ba ngã tư nên gây tắc đường hằng giờ; hiện tượng phóng nhanh vượt ẩu, lạng lách... gây ra tai nạn cho bản thân và cho người cùng lưu thông trên đường xảy ra thường xuyên. Một nguyên nhân quan trọng khác là chất lượng cầu đường không bảo đảm an toàn, cầu cũ, cầu yếu, cầu có tải trọng thấp quá nhiều, trong khi lưu lượng người và xe qua lại quá lớn. Đường giao thông huyết mạch nối liền các vùng miền thì vừa ít, vừa nhỏ và ở trong tình trạng phải sửa chữa, nâng cấp liên tục... Một nguyên nhân nữa là sự tha hóa của không ít người có trách nhiệm giám sát giao thông. Vì tư lợi, họ sẵn sàng làm ngơ trước các đối tượng vi phạm luật như dùng phương tiện chuyên chở đã quá hạn sử dụng, chở hành khách, hàng hóa quá quy định, chạy quá tốc độ cho phép... Như thế là họ đã cố tình tiếp tay cho tiêu cực và điều tất yếu là tai nạn giao thông ngày càng tăng lên. Cao hơn nữa là một số quan chức của ngành giao thông chưa làm hết trách nhiệm của mình trước nhân dân và đất nước, thậm chí còn vi phạm nặng nề mà vụ án PMU 18 vừa qua là một ví dụ điển hình. Để bảo đảm an toàn giao thông, cần phải có những biện pháp thích hợp và đồng bộ. Trước hết, cần phải tăng cường việc tuyên truyền giáo dục công dân về luật giao thông, nâng cao trình độ hiểu biết và ý thức tự giác chấp hành luật. Nhắc nhở, bắt buộc mọi người đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy. Ngoài ra, phải có những hình thức xử phạt thích đáng đối với những người cố tình vi phạm luật. Mặt khác, cần làm trong sạch lực lượng cảnh sát giao thông, nghiêm trị những kẻ cậy chức cậy quyền, làm trái quy định của Nhà nước. Yếu tố quan trọng có tầm chiến lược là nâng cao chất lượng đường sá, cầu cống để đảm bảo lưu thông thuận lợi và giảm thiểu tai nạn. Điều này góp phần rất lớn vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập với thế giới của đất nước ta. An toàn giao thông hiện nay là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm vì nó tác động rất lớn tới sự nghiệp xây dựng một quốc gia giàu mạnh. Mỗi công dân phải tự giác chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông để góp phần làm cho xã hội trở nên văn minh, hiện đại.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích tâm trạng của Kiều khi “trao duyên”

Trao duyên, em hỏi, chị thưa... “Lạy thưa”, “gửi lạy”... tình chưa đoạn tình! Sao đã “trao”, đã “gửi” mà “tình chưa đoạn tình”? Cảm xúc này có thể lý giải qua việc phân tích tâm trạng bi kịch của Kiều trong đêm “trao duyên”. Trước tiên, hãy hiểu Vân đôi chút, bởi lẽ Vân trực tiếp đối thoại, khơi gợi và chuẩn bị cho Kiều bộc lộ tâm sự của mình. Người ta hay nói rằng nàng Vân “vô tư”(?) có lẽ là ở chỗ này: cả nhà vừa mắc oan, mới “thong dong” một chút, trong khi chị Kiều một mình một ngọn đèn khuya: “Dầu chong thắm đĩa, lệ tràn thấm khăn” thì em Vân hình như không chống nổi các quy luật sinh lý cho nên đã có một “giấc xuân” êm đềm! Song đến cuộc trao duyên, bắt đầu ta nghe Vân “ân cần hỏi han” chị, ta lại nghĩ Vân chưa hẳn vô tình, những điều cô hỏi chứng tỏ cô hiểu đời, cái đời “dâu bể đa đoan”, biến động khôn lường... Cô biết nỗi oan của mình, oan “một nhà” mà cô nghĩ “để chị riêng oan”, cô ngủ mà cô vẫn biết chị “ngồi nhẩn tênh canh, nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?”. Nguyễn Du quả đã khéo sắp đặt: để cho Vân hỏi chị trước, hỏi vừa đủ mà “trúng đích”, hỏi thế tất “nhân tình”! Và trong suốt cuộc trao duyên, Vân chỉ hỏi mỗi một lần, rồi lẳng lặng mà nghe... Vậy ra Vân cũng hay đấy chứ, cô đã tỏ ra “biết chuyện” và đã khơi gợi, tạo cơ hội cho chị Kiều bày tỏ, nhưng bày tỏ sao đây trong khi chị Kiều: Hở môi ra cũng thẹn thùng Chị buộc phải trao duyên – cái duyên vợ chồng với Kim Trọng cho em! Chuyện ấy, “hở môi ra” đã thẹn. Biết thẹn mà phải nói, nói để mà trao, sự tình đã đến thế thì chị phải thổ lộ thật, thổ lộ hết cùng em. Thật lòng là chị “đương thốn thức đây”, “còn vương vấn mối này chưa xong”, thật lòng là chị ngượng, vì vậy mà điều băn khoăn day dứt trắng đêm nay, chị gửi trong mấy lời thành thật: Để lòng thì phụ tấm lòng với ai Ấy chính là cái gút của tâm trạng bi kịch trao duyên vừa là vấn đề “ức xúc” đặt ra cho chị, và cho cả em giải quyết. Vân thương chị, hẳn là cảm nhận được cái tâm, cái tình trong đó, và hẳn cô đã lờ mờ thấy chị đang có yêu cầu gì với mình đây... Thúy Kiều thật khó nói, mà lại khó nói hơn khi phải nói một chuyện mà mình không muốn nói – mà vẫn “phải” nói cho em nghe, thật rối rắm, thật khó xử, thật là “đau đầu” cho cả em lẫn chị... Đến nước này thì chị phải nhờ vả em thôi, em có hiểu không Vân? Tâm trạng Kiều thật sự bối rối, cách giải quyết của Kiều là sự hoạt động về tình cảm chị em mà thôi, chứ không phải là lí trí: Cậy em,

em có chịu lời Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thừa Đến nước này thì chị phải cậy em thôi, chị tin rằng em sẽ bằng lòng giúp chị mà, “em có chịu lời” của chị không? Câu thơ như van xin, như cầu khẩn, câu thơ đặt ra vấn đề cho Vân, và Kiều thăm dò ý của em mình, ở đây Kiều không ép, mà Vân cũng chẳng phát lòng, càng dễ cảm thông cùng chị, Kiều mới yêu cầu em: Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thừa Sao lại thế nhỉ? Theo tôi, có lẽ Vân cảm thấy đột ngột trước yêu cầu này. Người đọc thì cảm thấy như có sự “thay bậc đổi ngôi”, có sự “hoán vị”, em bỗng như là chị, chị bỗng như là em (cúi mình “lạy”). Thì ra chính cái yêu cầu kia là xuất phát từ tình thế, tâm trạng chị: vì chuyện tình riêng, chị phải “lạy thừa” em, “cậy” nhờ em, đương nhiên em sẽ là ân nhân của chị! Thúy Kiều lạy thừa là tỏ trước tấm lòng biết ơn của mình, và cũng là xuất phát từ sự trân trọng của mình trước chuyện “trao duyên” thiêng liêng, hệ trọng này. Câu thơ trên gợi ý có tình, câu thơ dưới cầu khiến có tình, quả nhiên hai câu thơ có sức thuyết phục đặc biệt! Kiều bắt đầu kể cho em nghe chuyện tình của mình với Kim Trọng: Kể từ khi gặp chàng Kim Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề Phải rồi, kể từ đó – từ khi gặp chàng Kim, chị đã có tình yêu và tình yêu đó ngày càng sâu đậm hơn. Kiều thổ lộ với em thật thà, không giấu giếm, thật trong sáng, tình yêu của Kiều là do thiên tính – là do trời chỉ định, Kiều “quan niệm” tình yêu của mình khác với “quan niệm” phong kiến, đó là sự cảm nhận yêu thương từ trong trái tim chứ không là sự thúc ép. Phải chăng, Nguyễn Du đã cho Kiều ít nhiều nói lên sự tự do yêu thương của con người trong xã hội lúc đó? Sau mấy câu kể vắn tắt chuyện tình riêng của Kim Trọng, Kiều tiếp tục thuyết phục em bằng cả lí, cả tình: Sự đâu sóng gió bất kì Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai? Từ tình cảm của mình, Kiều nói đến cái lí, cái lí phải chọn một trong hai điều để trọn vẹn một điều nào, hi sinh điều nào. Kiều nghĩ Vân sẽ ắt hiểu và hiểu thêm tâm trạng bi kịch của mình nữa. Ngày xuân em hãy còn dài Xót tình máu mủ thay lời nước non Em còn trẻ, em hãy thương chị mà thay chị lấy chàng Kim. Ấy chính là tình. Chỉ cần nói mấy tiếng “xót tình máu mủ” là đủ xóay tận vào đáy lòng em rồi. Mà em đã “xót tình máu mủ” thì làm sao có thể từ chối “thay lời nước non”? Câu thơ nghe náo lòng, nghe như có tiếng kêu thương thống thiết khiến Vân phải nghĩ đến bốn phận mình phải làm thế nào cho phải... Kiều mới nói tiếp: Cho dù thịt nát xương mòn Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây Đó là những lời gan ruột của Kiều – một người chị bất hạnh. Lí, tình mà Kiều giải bày thật tình như vậy, Thúy Vân chỉ còn biết lẳng lẳng mà nghe, lẳng lẳng mà chấp nhận! Đây là nỗi đau lớn nhất và đầu tiên trong suốt cuộc đời của Kiều, cho nên khi nhắc đến chàng Kim, Kiều vô tình

chạm vào nỗi đau sâu thẳm nhất của mình, khiến cô tỏ ra bần thần, rối trí, không điều khiển được mình: Chiếc thoa với bức tờ mây Duyên này thì giữ vật này của chung Đọc câu thơ, ta nghe như có một giọng khang khác. Phải chăng, nội tâm của Kiều lúc này phức tạp hơn, nên ngôn ngữ trở nên “bất bình thường”? Ở đoạn trên ta thấy, dù thuyết phục em bằng lí, bằng tình hay bằng cả hai, thì vẫn là ngôn ngữ lí trí, giọng thơ đều đều, trầm trầm. Đến đâu thì lời thơ như nấc như nghẹn, cái “gút” tâm trạng trên kia đã mở ra đường như được thắt lại ở chỗ này! Tại sao lại có sự khác lạ trong lời nói vậy? Bởi do “chiếc thoa với bức tờ mây” đó thôi, nó là hiện diện của tình yêu! Cầm kỷ vật cụ thể ở tay, trao cho em, Kiều bỗng thấy vụt lên hình ảnh Kim Trọng cùng bao kỷ niệm, thề nguyện... và Kiều chợt nghĩ: vật này là của ta, chàng là của ta, sao lại thành của Vân? Có thể nào như vậy được? Tâm lí Kiều lúc này cần một lời thỏa đáng, ít ra là để tự an ủi mình. Cho nên câu thơ “Duyên này thì giữ vật này của chung” là cả bao nhiêu sự giằng xé, níu kéo khủng khiếp trong tâm hồn, con tim của Kiều, Nguyễn Du quả thật tinh tế và cũng thật nhân bản trong ý thơ của mình. Đến đoạn cuối cảnh trao duyên, nội tâm Kiều lại phức tạp hơn nữa. Ta hãy nhớ lại: Trước cuộc trao duyên Kiều đã tự cho mình có lỗi với Kim Trọng. Nàng vốn là người giàu tình, đa cảm, dễ ứng động... Nàng cũng đã tự gọi mình là người “mệnh bạc”. Bây giờ đang trong nỗi đau mất mát khủng khiếp, bỗng nhiên nàng thấy mình đáng thương nhất, đau đớn nhất, u uất nhất, cay cực nhất. Rồi như người mất hồn, vẫn ngồi đây, mà hồn thì bay xa xăm tận mai sau... Miệng đang nói với em mà như hồn nói với hồn những điều hình dung, dự báo về “mai sau”! Mai sau dù có bao giờ Đốt lò hương ấy, so tơ phím này Trông ra ngọn cỏ lá cây Thấy hiu hiu gió thì hay chị về Hồn còn mang nặng lời thề Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai... Thì ra, cái hồn vẫn chưa dứt nỗi Kim Trọng! Hồn Kiều còn muốn về để “đền nghì trúc mai” để được “rảy xin chén nước” tẩy oan cho hồn! Câu thơ nghe mới não lòng làm sao! Và dễ sợ làm sao! Nguyễn Du thương con người thác oan, bạc mệnh hay Nguyễn Du nhạy cảm với nỗi đau nhân tình mà đã đi xa hơn Thanh Tâm Tài Nhân? Nguyễn Du cho ta thấy cái “hồn” Kiều đang vừa nói với mình, vừa nhớ thương Kim Trọng vụt trở thành cố nhân... Trong giây phút ấy, Thúy Vân bỗng bị “hồn” Kiều quên đi, phải chăng là một điều rất hợp lí? Kiều đang còn sống mà thấy mình đã chếtm đang nói với em của mình mà không biết đang nói với ai, lúc này Kiều bị rơi vào trạng thái độc thoại nội tâm, và trước mắt Kiều, Thúy Vân trở thành Kim Trọng, cho nên bao nhiêu tình thương nhớ, nỗi thương yêu ấp ủ khi hồn đã lìa xác bỗng như được tuôn tràn ra: Bây giờ trâm gãy bình tan Kẽ làm sao xiết muôn vàn ái ân!

Trăm nghìn gửi lạy tình quân... Trên kia, Kiều lạy em vì Kim Trọng, đến đây, hồn Kiều lạy chính Kim Trọng. Nhưng đâu phải vậy, tất cả đều là gửi lạy qua Vân, gửi những trăm nghìn lạy – lạy thương, lạy nhớ, lạy đau... thay vì lạy Kim Trọng, bởi vì Kim Trọng lúc này không có mặt ở đây... Nhưng hồn Kiều vẫn chưa nguôi nỗi niềm thương nhớ, cho nên hồn đã kêu khóc dầm dề: Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang! Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây! Nghẹn ngào, cay đắng, xót xa... bấy nhiêu tâm trạng dồn dập xuất hiện trước mắt Kiều – vậy hóa ra hồn lại mâu thuẫn với người sao? Trên kia người nói: Để lòng thì phụ tấm lòng với ai Trao duyên rồi, ngờ như khỏi phụ và “nợ tình” đành là trả được ít nhiều... Thế mà mãi cuộc trao duyên lại khóc “phụ chàng từ đây” là nghĩa làm sao? Thế mới thật sự là giằng xé, thật sự là bi kịch. Và con mắt tinh đời của Nguyễn Du mới đúng là “nhìn thấu sáu cõi”, lòng đau của Nguyễn Du mới đúng là “nghĩ suốt ngàn đời”. Quả như Chế Lan Viên đã nói: “ Đây chính là những vần thơ siêu thực” bởi vì lần đầu tiên trong lịch sử văn chương dân tộc, cái nghịch lí trong tâm trạng được phát hiện và sử dụng để phân tích nội tâm nhân vật tiểu thuyết, phải chăng đó chính là nét độc đáo, là lí do vì sao Truyện Kiều trở thành bất hủ!

Văn Mẫu Lớp 10 - Bạn hãy bày tỏ suy nghĩ của mình trước “bệnh vô cảm” trong xã hội hiện nay

Trong y học không có bệnh vô cảm. Đó là căn bệnh của cách hành xử, căn bệnh của lối sống. Lời dạy của cha ông ta “Thương người như thể thương thân” từ lâu đã trở thành đạo lý của người Việt Nam. Tính nhân văn, lòng nhân ái phải là ngọn lửa sưởi ấm, là ánh sáng trong cuộc đời mỗi con người, mỗi gia đình cũng như toàn xã hội. Thế nhưng ngày nay, bên cạnh nhiều nét đẹp vẫn luôn hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta với những con người luôn biết cống hiến, đồng cảm, chia sẻ, cứu mang, giúp đỡ người khác, thì cũng có không ít kẻ sống ích kỷ, vô trách nhiệm, vô cảm, vô đạo đức. Vô cảm chính là sự trơ lì cảm xúc, dửng dưng, thờ ơ, “máu lạnh” với những hiện tượng đời sống xung quanh, chỉ quan tâm đến quyền lợi của bản thân. Ra đường gặp cái đẹp không mấy may rung động; gặp cái tốt không ủng hộ; thấy cái xấu, cái ác không dám lên án, không dám chống lại... Trước đây, vô cảm chỉ là những hiện tượng đơn lẻ, nhưng bây giờ đang có chiều hướng lây lan, nếu không có những biện pháp ngăn chặn thì có thể trở thành một căn bệnh có tính xã hội. Trong cơn lốc toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cùng với việc tiếp thu những tinh hoa của văn minh nhân loại thì lối sống hưởng thụ và mặt trái của nền kinh tế thị trường đang tác động mạnh đến tâm lý xã hội, dần dần hình thành lối sống thực dụng trong một bộ phận người Việt Nam. Người ta có thể thản nhiên đứng nhìn cảnh một kẻ mạnh ăn hiếp kẻ yếu; một vụ nữ sinh lột áo, giật tóc, đánh hội đồng; một vụ làm nhục người khác... như xem một màn kịch, lấy điện thoại ra quay rồi tung lên mạng. Người ta coi như không nhìn thấy kẻ gian móc túi trên xe buýt mặc dù việc đó xảy ra sờ sờ trước mắt. Từ những chuyện tranh cãi hay xô xát lật vật nhưng không ai lên tiếng can ngăn và thế là dẫn tới án mạng. Tại sao người ta không can thiệp? Bởi người ta vô cảm trước nỗi đau của đồng loại. Bởi người ta sợ liên lụy, mang vạ vào thân. Một bệnh nhân, hay nạn nhân được đưa tới bệnh viện, cho dù đang trong tình trạng thập tử nhất sinh, nhưng không được cứu chữa ngay vì còn chờ người nhà đến làm các thủ tục cần thiết, trong đó có cả thủ tục “đầu tiên”, đến khi xong mọi thủ tục thì đâu còn người nữa để mà cứu chữa. Một vụ tai nạn trên đường vắng, nạn nhân nằm trên vũng máu, xe gây ra tai nạn đã bỏ chạy mất tăm, còn bao nhiêu xe khác vẫn vun vút lao qua vì “quá

bận”, “quá vội”... Hằng ngày, trên các mặt báo hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, người ta thấy tràn ngập các vụ việc thuộc loại ” cướp, giết, hiếp” hay “tiền, tình, tù tội”, nhiều vụ kinh hoàng, sồn gai ốc. Báo chí có tác dụng cảnh báo, nhưng đọc mãi thành quen, rồi chai sạn, thờ ơ trước những chuyện tày trời như thế. Không ít vụ việc phơi bày sự vô cảm đến tận nhãn của những người chứng kiến. Thái độ ứng xử trước nỗi đau, tai họa của người khác là phản ứng tự nhiên mang tính người, là thước đo đạo đức, là sự sát hạch đạo đức xã hội một cách nghiêm khắc nhất. Trước nỗi đau, tai họa và bất công mà người khác phải chịu đựng, nhưng ai đó không phản ứng được tức là đã bị tê liệt về tinh thần xã hội. Đó là sự suy đồi về lối sống, suy thoái về đạo đức. Như vậy, trên bình diện xã hội, bệnh vô cảm đã phản ánh sự suy giảm nền tảng đạo đức và tinh thần của xã hội. Khi sự gắn kết giữa người với người trong xã hội bị rạn nứt, thậm chí bị đứt gãy thì nó làm cho con người không dám tin vào điều thiện, không dám đứng lên chiến đấu chống cái xấu và cái ác. Vô cảm triệt tiêu tính tự phản ứng như một lẽ tự nhiên trước những tiêu cực, bất công, ngang trái. Khi căn bệnh này không được ngăn chặn thì xã hội sẽ không tránh khỏi bị sụt lở nền tảng đạo đức và tinh thần, gây hoang mang, làm nảy nở cái xấu, cái ác. Trong những hoàn cảnh nhất định, cái thiện và cái tốt sẽ bị cái xấu, cái ác tấn công, xâm hại; lẽ phải bị triệt tiêu, công lý bị đẩy lùi. Không chỉ người dân mà tầng lớp cán bộ - những “công bộc của dân” cũng mắc phải bệnh này. Trong hệ thống công quyền, nó thể hiện ở sự thờ ơ, ở các chiêu “đánh vông”, gây khó khăn, gây cản trở, thấy việc cần phải làm nhưng không làm hoặc đặt ra những đòi hỏi trái khoáy, cố tình kéo dài để vụ lợi... khiến người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội khi đến hệ thống công quyền đều không hài lòng, thậm chí bất bình. Không thiếu những “công bộc” buộc dân phải đến trình bày lần này lượt khác, tìm cách vò vĩnh rồi mới giải quyết. Thậm chí, có những người đang tâm ăn chặn của thương binh, gia đình chính sách, người tàn tật, hộ nghèo. Dư luận gần đây nóng lên sự vô cảm, tặc trách của nhân viên y tế dẫn đến những cái chết oan uổng của người dân. Muốn chữa bệnh thì phải trả tiền trước, có chút lót tay thì tiêm đỡ đau hơn, thay băng nhẹ nhàng hơn... Những vụ bảo mẫu ngược đãi, hành hạ trẻ thơ tại một số cơ sở nuôi dạy trẻ và bao nhiêu chuyện đau lòng khác trong ngành giáo dục, những tiêu cực trong ngành y tế, những vụ oan sai nghiêm trọng trong ngành tư pháp cho thấy bệnh vô cảm đang diễn ra cả trong những lĩnh vực cứu người, dạy người, bảo vệ công lý. Như vậy, những hành vi vô cảm không chỉ đơn thuần làm hủy hoại nhân cách con người mà còn làm xói mòn nền tảng đạo đức, làm rối loạn

trật tự xã hội và xa hơn nữa là kìm hãm sự phát triển của đất nước. Không khó nhận ra bệnh vô cảm, nhưng làm sao để chữa được bệnh thì không hề đơn giản. Sự mất lòng tin trong xã hội, sự ích kỷ, tính thực dụng trong lối sống của một bộ phận xã hội làm cho bệnh thêm nặng. Để chữa trị căn bệnh “ung thư tâm hồn” này, cần phải kết hợp đồng bộ nhiều giải pháp. Trước hết phải tạo cho xã hội một sức đề kháng. Đó chính là việc xây dựng và không ngừng nâng lên những yếu tố tích cực trong xã hội. Một môi trường xã hội tốt, lành mạnh sẽ tạo được sức đề kháng cao với căn bệnh này. Ngược lại, trong một môi trường xã hội xấu, nơi mà tiêu cực lấn át tích cực thì bệnh vô cảm sẽ lây lan. Phải bền bỉ xây dựng văn hóa ứng xử, tạo đời sống tinh thần phong phú, mà ở đó các giá trị tinh thần, đạo đức của xã hội được xác lập rõ ràng, thể hiện mạnh mẽ, để ai làm những điều xấu cũng phải sợ, cũng phải ngại. Nếu cái tốt, cái thiện ở thế thượng phong, nếu ở đâu người tốt cũng biết đoàn kết, hợp lực tạo nên sức mạnh thì ở đó chắc chắn cái xấu, cái ác sẽ từng bước bị đẩy lùi, sự vô cảm sẽ mất dần đi. Tất cả chúng ta đều phải day dứt trước câu hỏi: Bây giờ đời sống của người Việt Nam mình khấm khá hơn trước rất nhiều nhưng tại sao bệnh vô cảm lại nặng hơn? Như thế càng thấy rõ, không phải cứ nghèo là vô cảm, không phải cứ túng là làm liều. Thuốc chữa bệnh vô cảm nằm ở sự truyền phổ sâu sắc những giá trị truyền thống của dân tộc, thấm thấu vào trong đời sống xã hội. Xã hội càng hiện đại thì những giá trị đó lại càng cần nhân rộng, không được để cho những làn sóng lai tạp, xô bồ che lấp, lấn át những giá trị truyền thống. Khi bệnh vô cảm trong xã hội càng lây lan thì sự gắn kết, tình người càng bị mai một. Xã hội cần có ngọn lửa nhân ái lan tỏa, những người hoạn nạn càng cần ngọn lửa nhân ái sưởi ấm họ. Đó chính là tiêu chí của một xã hội văn minh, một xã hội có đạo đức. Cuộc chiến chống bệnh vô cảm cần được triển khai trong từng gia đình, trước hết là giáo dục con cháu bằng các hành vi ứng xử mẫu mực của ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi. Tôi đã từng được chứng kiến một việc đáng buồn: Hôm đó, chúng tôi đang đi trên đường phố thì thấy một cụ già gầy guộc, quần áo cáu bẩn, ngồi bên vỉa hè chìa tay xin ăn. Một cháu bé chừng 8 tuổi đi cùng với bố mẹ liền đưa cho cụ già gói bánh cháu đang cầm trên tay. Cụ già nói, giọng thều thào: Cảm ơn cháu. Lập tức, người mẹ sẵn giọng nói với cháu bé: “Ăn mày già vờ đấy con ạ”. Cháu bé ngơ ngác không hiểu mình đã làm sai điều gì. Mặc dù xây dựng nền tảng đạo đức xã hội luôn là điều cốt yếu, nhưng cũng cần có những quy định pháp lý để chống bệnh vô cảm. Nếu thấy bệnh nhân nguy kịch mà nhân viên y tế từ chối việc cứu chữa thì dù với bất cứ lý do gì cũng phải bị xử lý nghiêm minh; nếu gặp người bị

nạn trên đường mà không cứu giúp thì sẽ bị truy cứu với những chế tài riêng. Trách nhiệm công vụ thể hiện đạo đức công vụ, đạo đức xã hội. Đối với hệ thống công quyền, để trị bệnh vô cảm, cần cải cách hành chính một cách mạnh mẽ hơn, đưa ra những quy định khoa học, cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của từng người trong guồng máy công vụ để nếu một người không làm đúng chức trách của mình thì lập tức bị bật ra khỏi hệ thống. Nếu một nền hành chính được thực thi một cách khoa học thì dần dần sẽ tạo ra một thói quen, buộc những ai ở trong guồng máy cũng phải làm hết chức phận của mình. Bên cạnh việc xây dựng một nền hành chính khoa học để quản trị tốt thì cần tăng cường giáo dục để cho những “công bộc” - những người ăn lương của Nhà nước bằng tiền đóng thuế của dân - phải cảm thấy mình có trách nhiệm đạo đức trong việc phục vụ dân; trước những đòi hỏi, những bức bách, thậm chí những bất hạnh của người dân thì không thể quay mặt làm ngơ. Và cần tăng cường thanh tra công vụ thường xuyên, bất chợt, đột xuất dưới nhiều hình thức khác nhau để bắt bệnh thật chính xác, kịp thời, từ đó sẽ thường phạt nghiêm minh. Không gì có thể thay thế việc khơi dậy lòng nhân ái và dũng khí trong mỗi con người, tinh thần trách nhiệm và dũng khí của các cơ quan chức năng trước những ngang trái và bất công. Cần xây dựng một xã hội đồng cảm và chia sẻ. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện được triển khai rộng khắp ở các cấp là đang hướng tới một xã hội như vậy. Một xã hội vô cảm sẽ là một “xã hội chết” - cái chết trước hết từ trong tâm hồn.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội “bệnh vô cảm” hiện nay

Xã hội đang ngày càng phát triển với tốc độ chóng mặt trên tất cả các lĩnh vực văn hóa, chính trị, kinh tế...Chính sự phát triển như vũ bão này lại là tác nhân khiến cho thái độ sống của con người với nhau trở nên xa lạ, không còn thân thiết. Bởi guồng quay cuộc sống kéo họ vào những bận rộn, hối hả đời thường. Và thái độ sống vô cảm, thờ ơ cũng từ đó mà hình thành nên. Trước hết chúng ta cần hiểu rõ vô cảm là như thế nào? Và tại sao lại gọi vô cảm là “bệnh”. Người ta chỉ gọi bệnh ho, bệnh lao, bệnh ngoài da...có thể dùng thuốc để chữa nhưng vô cảm cũng là một loại bệnh. Chắc hẳn có ý ẩn dụ gì đằng sau câu chữ đó. Vô cảm chính là thái độ sống lạnh nhạt, thờ ơ đối với cuộc sống, với những người ở xung quanh chúng ta. Bản thân chúng ta không quan tâm, không có trách nhiệm đối với chính bản thân mình và với người khác. Hiện nay khi đất nước ngày càng phát triển thì vô cảm càng dễ dẫn đến thành một loại bệnh. Cần phải tìm “phương thuốc” để chữa trị, xích gần hơn nữa tình cảm giữa người với người, phương pháp ấy sẽ xóa bỏ được lối sống lạnh nhạt, thờ ơ này ở con người trong xã hội này. Căn bệnh vô cảm khi đã tồn tại trong con người thì sẽ ăn sâu, bám rễ không chịu buông. Mỗi người cần có cách thức, có phương pháp để hạn chế căn bệnh nguy hiểm có thể ăn mòn trái tim của mỗi người. Bệnh vô cảm xuất hiện trong đời sống hiện đại ngày càng nhiều, đó chính là thái độ, cách ứng xử giữa người với người. Họ không còn thân thiết, hỏi thăm nhau đủ thứ chuyện mà đã trở nên vô cảm, lạnh lùng, thờ ơ, không còn quan tâm nhiều đến cuộc sống của nhau nữa. Những người con xa nhà lâu ngày, bị cuốn vào guồng quay của công việc nên việc hỏi thăm cha mẹ thường xuyên cũng thưa dần. Rồi những lần gọi điện, những lần về thăm cứ cạn vơi theo năm tháng. Như thế chúng ta đang vô tình khiến cho trái tim mình, cho bản thân mình vô cảm với những người thân yêu nhất. Vô cảm thật đáng trách, đáng giận nhưng nếu chúng ta biết rút kinh nghiệm, biết sửa chữa, biết hỏi thăm cuộc sống của nhau thì thật đáng quý. Con người ai cũng có lỗi lầm, chỉ cần biết nhận sai và sửa sai. Hiện nay, có rất nhiều tình huống dở khóc dở cười khi con người cứ lạnh nhạt, vô tâm với nhau. Mỗi người một hoàn cảnh, một cuộc sống; có người giàu sang, có người khốn khó, biết trách ai được. Chiều nay khi đi trên phố, tôi thấy có một đôi vợ chồng trẻ đi trên chiếc xe Sh sang chảnh,. Họ đi qua khu chợ ồn ào,

náo nhiệt, cười nói rất vui vẻ. Họ bắt gặp một bà lão già mắt kèm nhem dắt theo một đứa cháu nhỏ chân không đi dép mặc bộ quần áo rách rưới. Họ ngả chiếc nón trước mắt hai vợ chồng kia xin vài ba đồng. Nhưng hai bà cháu nhận lại là ánh mắt khinh khỉnh, không quan tâm. Hai vợ chồng ấy mang theo hương nước hoa thơm lừng, bỏ lại sau lưng thái độ lạnh lùng đến vô tâm. Như vậy đó, vô cảm chỉ là những biểu hiện nhỏ nhất trong cuộc sống như vậy nhưng chúng ta đâu phải ai cũng có đủ tâm để nhận ra. Con người ta sống ở trên đời cần phải yêu thương, chia sẻ cho nhau những lúc khốn khó. Thấy nỗi khổ của người khác như nỗi khổ của bản thân mình thì mới có thể giúp đỡ một cách thực tâm được. Cũng bởi vì thái độ sống thờ ơ, lạnh nhạt nên cuộc sống của họ thiếu đi tình yêu thực tâm nhất. Đối với thế hệ trẻ thì thái độ sống vô cảm cần phải ngăn chặn trước. Vì tương lai đất nước cần những con người tài giỏi và biết sẻ chia, biết yêu thương đồng loại. Dù ở trong hoàn cảnh nào, chúng ta có thể dùng chính trái tim mình để sưởi ấm những trái tim khác đang đầy những vết xước hơn. Vô cảm bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, từ sự phát triển quá nhanh của xã hội khiến cho con người không bắt kịp được. Cũng từ đó họ bị cuốn sâu vào sự bận bịu, lo toan mà quên mất đi tấm lòng yêu thương, sẻ chia với những người xung quanh mình. Vô cảm có thể sẽ thành thói quen nếu như chúng ta không kịp ngăn chặn và từ bỏ. Bởi vậy, mỗi cá nhân cần phải tự nhận thức được suy nghĩ của bản thân mình. Rằng khi yêu thương và sẻ chia thương yêu thì chúng ta sẽ thấy bản thân mình sống có ích, sống tốt đẹp hơn.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy bày tỏ suy nghĩ của mình trước “bệnh vô cảm” trong xã hội hiện nay

Dân tộc ta từng tự hào về truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái: Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước thì thương nhau cùng. Thế nhưng cùng với sự phát triển ngày càng cao của đời sống vật chất thì điều đáng buồn là những biểu hiện của truyền thống tốt đẹp ấy lại mai một dần và chúng ta đang phải đối mặt với một căn bệnh tinh thần đáng sợ. Đó là “bệnh vô cảm” hay còn gọi là “makeno” (mặc kệ nó). “Bệnh vô cảm” như một bệnh dịch lây lan trong toàn xã hội và rất nhiều người mắc phải, không nặng thì nhẹ. Vô cảm là thái độ thờ ơ, không có cảm xúc gì trước các sự vật, hiện tượng xung quanh, trước nỗi đau khổ, bất hạnh của người khác. Đây là thái độ, là cách sống tiêu cực đáng phê phán vì nó trái ngược với truyền thống đạo đức nhân ái, vị tha đã có từ bao đời của dân tộc ta. Vô cảm vốn là một trạng thái tâm lí, nhưng hiện nay nó đã trở thành một căn bệnh trầm kha khó chữa. Có thể nói thứ “vi rút” nguy hiểm của căn bệnh này đã và đang xâm nhập vào tất cả các tầng lớp, lứa tuổi mà tập trung nhiều nhất là ở các thành phố lớn có lối sống hiện đại. Sự phát triển của xã hội ngày nay một mặt mang lại cuộc sống vật chất đầy đủ cho con người nhưng mặt khác nó lại làm nảy sinh tính ích kỉ, chỉ quan tâm đến việc thỏa mãn “cái tôi” mà quên mất “cái ta”. Tiền bạc, danh vọng, quyền lực... là những cám dỗ khiến con người đam mê đời sống vật chất mà coi nhẹ đời sống tinh thần. Tuy nhiên, không thể đổ lỗi hết cho hoàn cảnh khách quan. Với không ít người, “bệnh vô cảm” bắt nguồn từ tính ích kỉ, từ nhận thức hạn hẹp, lệch lạc. “Bệnh vô cảm” có rất nhiều biểu hiện khác nhau. Đó là sự thờ ơ trước niềm vui hoặc nỗi buồn của những người xung quanh hay thản nhiên trước một câu chuyện buồn trong sách báo hoặc trên phim ảnh. Nhưng đáng sợ hơn cả là thái độ lạnh lùng đến tàn nhẫn trước những đau thương, mất mát của đồng loại như trẻ em mồ côi, người già không nơi nương tựa, người khuyết tật, nạn nhân của thiên tai bão lụt... Trái tim của những kẻ mắc ‘bệnh vô cảm’ không hề băng khoăn, rung động trước những gì liên quan tới lĩnh vực tinh thần. Họ không hiểu rằng lời mắng nhiếc, nhục mạ của họ sẽ khoét sâu nỗi đau trong lòng một đứa trẻ bất hạnh như thế nào. Một ánh mắt dừng dừng, khinh bỉ của họ trước một người khuyết tật sẽ làm tăng thêm mặc cảm và nỗi buồn khó nguôi ngoai. Loading... “Bệnh vô

cảm” còn biểu hiện qua thái độ dửng dưng hoặc cố tình né tránh khi chứng kiến người gặp nạn trên đường. Không ít kẻ vội vã bỏ đi, mặc kệ nạn nhân vì sợ mất thời gian, sợ liên lụy tới mình. Ở trường, ở lớp, “bệnh vô cảm” thể hiện qua thái độ thiếu quan tâm đối với các bạn yếu kém hoặc có hoàn cảnh khó khăn. Vô cảm còn thể hiện trong cung cách ứng xử lạnh nhạt, thiếu hòa đồng với bạn bè và người thân. Điều đó dẫn tới sự lỏng lẻo trong các mối quan hệ và ngày càng đẩy kẻ mắc “bệnh vô cảm” vào tình trạng cô độc, héo hắt về mặt tinh thần. Cuộc sống nhạt nhẽo của họ thực ra chỉ là sự tồn tại vô nghĩa mà thôi. Câu chuyện ngụ ngôn Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại xuất hiện từ thuở xa xưa kể về một anh chàng khi nhà hàng xóm liền vách bị cháy mà vẫn thản nhiên kéo chăn trùm đầu ngủ, còn tặc lưỡi tự nhủ là cháy nhà người khác chứ có phải cháy nhà mình đâu mà sợ! Rốt cuộc, lửa cháy lan sang nhà anh ta, mọi thứ tan thành tro bụi. Lúc đó, anh ta mới tỉnh ngộ, ân hận vô đầu, bứt tai kêu khóc. Thờ ơ, lạnh nhạt đến ích kỷ như thế là tự chuốc họa vào thân. “Bệnh vô cảm” hiện nay khá phổ biến trong xã hội và biểu hiện dưới nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Một thanh niên không nhường chỗ cho cụ già trên xe buýt. Một học sinh lớn thấy một em nhỏ té ngã mà không đỡ dậy. Đường bị kẹt mà nhiều người cứ cố tình luồn lách, không biết nhường nhau, vi phạm luật lệ giao thông. Thấy người bị tai nạn mà không giúp đỡ. Quay lưng ngoảnh mặt trước tình cảnh đau thương của đồng bào bị thiên tai, bão lụt, trước số phận bất hạnh của hàng ngàn trẻ thơ mồ côi, người già không nơi nương tựa... Đó là thái độ thờ ơ, lạnh nhạt đến tàn nhẫn. Thái độ ấy rất đáng phê phán và lên án. Nếu không, nó sẽ thành hiện tượng bình thường được xã hội chấp nhận và cứ thế lan rộng mãi như một bệnh dịch nguy hiểm. Ở mức độ cao hơn, bệnh vô cảm đồng nghĩa với thái độ vô trách nhiệm, gây ra tác hại không nhỏ cho xã hội, cho đất nước. Có thể lấy một vài ví dụ trong các lĩnh vực như xây dựng, giao thông vận tải, giáo dục, y tế... Đó là những người có chức có quyền ký duyệt những dự án công trình lớn mà không nghĩ tới hậu quả sau mười năm hai mươi năm, người dân trong vùng sẽ sống ra sao. Chỉ vì một mối lợi nhỏ, họ có thể xóa sạch nhiều khu rừng nguyên sinh, biến thành trang trại trồng cà phê... nhưng cà phê chưa thu hoạch được thì lũ đã tràn về, gây thiệt hại to lớn về người và tài sản. Rất nhiều công trình lớn xây dựng trên khắp đất nước lâm vào tình trạng dở dang, hoang phế vì những quyết định sai lầm của các vị lãnh đạo thừa nhiệt tình nhưng thiếu tài năng và kinh nghiệm, gây ra sự lãng phí ghê gớm, làm thâm hụt ngân quỹ quốc gia. Hiện tượng “rút ruột công trình” đến mức nguy hiểm là hậu quả không chỉ của thói tham lam mà còn là hậu quả của thái độ thờ ơ,

vô trách nhiệm trước con người. “Đại công trường” ở tỉnh Hà Giang, cầu Văn Thánh, cầu Dân Xây, công trình nạo vét, cải tạo kênh Nhiêu Lộc... ở thành phố Hồ Chí Minh, hàng loạt nhà máy đường ở miền Đông, miền Tây Nam Bộ xây xong “trùm mền” để đẩy... chứng minh cho sự thiếu kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở của những người có trách nhiệm quản lí. Rốt cuộc là “cha chung không ai khóc”, chỉ có nhân dân, Nhà nước là chịu thiệt thòi. Vụ án tiêu cực PMU 18 làm chấn động dư luận trong và ngoài nước xảy ra cách đây chưa lâu là bằng chứng chứng minh cho “bệnh vô cảm” đã đến mức đồng nghĩa với tội ác. Những quan chức tham nhũng, mất phẩm chất đã liều lĩnh tham ô hàng triệu đô la để cờ bạc, cá độ bóng đá và ăn chơi sa đọa. Bao nhiêu cây cầu, bao nhiêu con đường do PMU 18 chỉ đạo thiết kế và thi công đều có vấn đề về chất lượng. Chắc chắn là họ luôn nghĩ đến quyền lợi cá nhân, tìm mọi cách để “vinh thân phì gia” chứ không nghĩ đến lợi ích to lớn và lâu dài của nhân dân, đất nước. Trong tỉnh vực giáo dục, những hậu quả khôn lường xảy ra trước mắt và lâu dài do thói thờ ơ, lạnh nhạt gây ra cũng không phải là ít. “Bệnh thành tích”, nạn gian lận trong thi cử, nạn mua bán bằng cấp... rồi tình trạng học sinh vùng sâu vùng xa phải học ba ca, thậm chí không có trường để học, không có kí túc xá tử tế để ở như báo chí thường phản ánh đã gây bức xúc và bất bình trong nhân dân. Bộ Giáo dục – Đào tạo biết rất rõ những hiện tượng tiêu cực đó và đã có những biện pháp hữu hiệu, nhằm hạn chế và dần dần đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực ấy. “Bệnh vô cảm” biểu hiện thường xuyên và rõ nét trong tỉnh vực y tế đến mức gần như là một tệ nạn khó dẹp. Lời thề Hy-pô-cơ-rát và những quy định về y đức đã bị không ít thầy thuốc coi nhẹ hoặc lãng quên trước ma lực ghê gớm của đồng tiền thời kinh tế thị trường. Trái tim họ chai đá, không còn rung động bởi nỗi đau đớn về thể xác, về tinh thần của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân. Vì thế mới xảy ra những chuyện đáng lên án như bỏ mặc bệnh nhân nghèo đến chết vì không có tiền đóng viện phí. Hiện tượng bác sĩ khám bệnh qua loa chỉ bằng một hai câu hỏi trong vòng vài phút có thể nói là ở bệnh viện nào cũng có. Rồi việc kê đơn vô tội vạ, móc ngoặc với các nhà thuốc, các hãng dược để hưởng lợi bất chính trên sức khỏe và tính mạng bệnh nhân. Gần đây, báo chí đưa tin Ban Giám đốc bệnh viện ở một tỉnh phía Bắc thản nhiên lấy xe cấp cứu đi dự tiệc cưới, trong khi bệnh viện thiếu xe để cấp cứu bệnh nhân. Những hiện tượng tiêu cực đó cần phải bị lên án trước dư luận, không thể để ngang nhiên tồn tại trong một xã hội văn minh, hiện đại. Tuy không gây chết người như nhiều bệnh lí khác nhưng “bệnh vô cảm” cũng dẫn đến nhiều hậu quả đáng lo ngại. Nó ảnh hưởng xấu tới quá trình học tập và làm việc của mỗi cá nhân. Một

người khó có thể làm việc đạt chất lượng khi không giữ mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện với đồng nghiệp. Cũng như một học sinh nếu hằng ngày đến lớp chỉ biết chỗ ngồi của mình mà thờ ơ với bạn bè, trường lớp thì cũng khó mà học tốt vì không được sưởi ấm bởi niềm vui và tình cảm chân thành của thầy cô, bè bạn. Đáng buồn hơn cả là “bệnh vô cảm” đang dần dần làm mai một truyền thống tương thân tương ái tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Làm thế nào để có phương thuốc đặc biệt chữa trị “bệnh vô cảm”? Trước hết vẫn phụ thuộc vào chính mỗi cá nhân. Chúng ta hãy sống có lí tưởng, mục đích đúng đắn, sống tử tế và hãy luôn nhớ rằng mọi suy nghĩ, hành động, lời nói của mình đều phải xuất phát từ lòng nhân ái. Hãy làm giàu tâm hồn bằng các tác phẩm văn chương nghệ thuật hoặc tích cực tham gia vào những phong trào, những hoạt động mang ý nghĩa xã hội rộng lớn... Chỉ cần có một tâm hồn cởi mở và một trái tim nhân hậu, biết thương người như thể thương thân là bạn sẽ chữa dứt được “bệnh vô cảm” đáng ghét và đáng phê phán ấy. Chúng ta hãy sống theo quan điểm đúng đắn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy và nêu gương sáng: Mình vì mọi người, mọi người vì mình thì chắc chắn mọi bi kịch của số phận sẽ lùi xa. Có một giai thoại cảm động về Các Mác mà nhiều người trên thế giới đều biết. Đó là một lần trò chuyện cùng con gái, khi con gái hỏi điều gì làm cho ba quan tâm nhất, Mác đã trả lời: Tất cả những gì liên quan đến con người đều không xa lạ đối với ba. Quả thật, phải có sự quan tâm sâu sắc và tình thương yêu nhân loại vô bờ bến thì Mác mới viết được những tác phẩm bất hủ để bênh vực giai cấp bị bóc lột trong xã hội tư bản đầy áp bức, bất công. Nếu như lòng vị tha và tình đoàn kết được mọi người ca ngợi và cổ vũ bao nhiêu thì bệnh vô cảm, thói thờ ơ, lạnh nhạt với con người bị phê phán và lên án bấy nhiêu. Cái thiện, điều tốt cần được nhân rộng; cái ác, cái xấu phải bị diệt trừ. Cả hai vấn đề trên nếu thực hiện đồng bộ và triệt để thì tin chắc rằng chẳng bao lâu nữa, đất nước Việt Nam sẽ tự hào sánh vai với các cường quốc năm châu như Bác Hồ từng mong ước và hi vọng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ của mình trước “bệnh vô cảm” trong xã hội hiện nay

“Vô cảm” là không có cảm giác, không có tình cảm, không xúc động trước một sự vật, hiện tượng, một vấn đề gì đó trong đời sống. Bệnh vô cảm là căn bệnh của những người không có tình yêu thương, sống dửng dưng trước nỗi đau của con người, xã hội, nhân loại... Trải qua các cuộc chiến tranh chống quân xâm lược, những cuộc đọ sức với thiên tai khắc nghiệt, nhân dân ta đã có truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Dường như càng qua gian khổ, đau thương, mất mát con người lại sống gần nhau, quan tâm, giúp đỡ nhau nhiều hơn. Tình làng nghĩa xóm, thương người như thể thương thân đã trở thành một đạo lí của dân tộc: “Bán anh em xa mua láng giềng gần”. Hiện nay, trong cuộc sống vật chất ngày càng được cải thiện hơn, đầy đủ hơn, người ta dễ có xu hướng lo vun vén cho bản thân và gia đình mình, ít quan tâm đến những vấn đề xã hội. Trước kia, ông cha ta đã phê phán lối sống chỉ biết vun vén cho riêng mình. Cuộc sống quanh ta hiện nay không thiếu những người như thế. Họ sống thờ ơ với mọi việc đang diễn ra, nhà nào nào đóng cửa biết nhà nấy. Nhà hàng xóm có hoạn nạn, có con cái bị rơi vào cạm bẫy của các tệ nạn xã hội họ cũng bàng quan như không biết. Đi đường gặp người bị tai nạn, họ cũng bỏ qua như không nhìn thấy. Thấy lũ trẻ cái nhau thậm chí đánh nhau họ cũng làm ngơ. Trước cảnh khổ đau của những người tàn tật, bất hạnh, họ cũng không mảy may xúc động... Bệnh vô cảm đã làm cho con người như vô tri, vô giác, không thể hòa nhập với cộng đồng. Trong công việc, bệnh vô cảm làm cho con người chẳng khác nào một cái máy. Họ làm việc một cách đơn điệu, tẻ nhạt. Con người mắc bệnh vô cảm trong công việc, chắc chắn hiệu quả công việc sẽ không thể nào cao, thậm chí còn làm trì trệ, ảnh hưởng nghiêm trọng. Là cán bộ, công chức của Nhà nước, mắc bệnh vô cảm sẽ dẫn đến xa rời nhân dân, tắc trách trong công việc. Một bác sĩ vô cảm không thể có tình thương người bệnh, nhất là những người bệnh nghèo. Không thiếu những trường hợp vì vô cảm mà người bệnh không được chăm sóc chu đáo, dẫn đến những cái chết đáng tiếc. Một kĩ sư vô cảm có thể dửng dưng trước những sinh mạng con người do công trình không đạt chất lượng của mình gây ra. Một tài xế vô cảm sẵn sàng xem thường tính mạng của người khác khi phóng nhanh vượt ẩu. Một thầy giáo vô cảm chỉ

nghe bài giảng cho xong chuyện, còn nói gì đến tình nghĩa thầy trò, tận tâm dạy bảo, nhất là những học trò còn học kém, gia đình khó khăn. Cán bộ vô cảm sẽ không thể nhìn thấy hoàn cảnh của mỗi người dân, không thấy những nỗi bức xúc của nhân dân, giúp đỡ nhân dân tận tâm, tận tình. Gần đây thôi, nếu bạn có tình cờ xem qua các trang báo sẽ ngỡ ngàng vô cùng với “sự nhẫn tâm” đến đáng sợ của con người: Một thanh niên gào khóc thảm thiết trên chuyến xe buýt khi kẻ gian lấy mất chiếc bóp của anh ấy nhưng đáp lại là sự im lặng đến xót xa. Và đau lòng hơn nữa khi xem cảnh bao người đi “hôi bia” khi chuyến xe định mệnh của người tài xế đáng thương lật trên đường. Đáp lại cho tiếng khóc của anh là tiếng cười hả hê của những người đi nhặt của “trên trời rơi xuống”. Viết đến đây tôi lạnh cả người và tự hỏi lòng trắc ẩn, tình thương của con người hiện đại có còn hay không? Phải chăng khi xã hội phát triển con người lại đánh mất tình yêu thương? Là bản thân học sinh chúng ta hãy ra sức chống bệnh vô cảm trong việc làm, học tập hằng ngày của mình. Hãy quan tâm giúp đỡ bạn bè. Hãy chia sẻ những gì mình có thể cho những cuộc đời bất hạnh quanh ta. Đừng để một ngày nào đó khi nhìn thấy bà lão ăn xin, một đứa bé cô cút bơ vơ, một người khách lỡ đường mà trái tim bạn không lên tiếng. Hãy thắp sáng, hãy gieo mầm cho những yêu thương trong trái tim bạn, trái tim tôi, trái tim tất cả chúng ta. Tình thương là cái quý giá của con người; bệnh vô cảm đã làm mất phẩm chất ấy, không khác gì biến dòng máu hồng hào trở thành màu xanh. Trái tim mỗi người cần thắp sáng ước mơ, khát vọng, ý chí và sự sáng tạo gắn bó với cộng đồng. Điều đó sẽ chống được bệnh vô cảm và làm cho cuộc đời của con người

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội: Ý nghĩa của việc sử dụng Tiếng Việt

Mỗi đất nước, họ đều có lãnh thổ, dân tộc riêng, phong tục tập quán, bản sắc dân tộc... ngay cả tiếng nói ở các nước cũng riêng. Tiếng nói của dân tộc chính là yếu tố quan trọng nhất. Để cho họ, những người khác biết mình là người nước nào. Không nói những nơi nào khác, ngay cả trên đất nước Việt Nam ta, tiếng Việt chính là thứ tiếng mà mọi con người sinh ra trên đất nước Việt Nam đều phải biết. Nó chính là thứ tiếng thiêng liêng nhất của đất nước Việt Nam, mang bản sắc văn hóa dân tộc. Vậy mà, những người Việt Nam không biết trân trọng nó là biến những thứ tiếng đó thành những kí hiệu, con số. Một trong số những người đang làm như vậy là thế hệ 9x. Những người sử dụng như thế chỉ biết khẳng định đẳng cấp của mình. Mà không biết rằng, họ làm thế là bôi nhọ đất nước mình không. chà đạp lên tổ quốc yêu dấu của mình. Nói thứ tiếng đó thì có gì là xấu hổ chứ. Mà hơn thế là chúng ta phải tự hào rằng đó chính là thứ tiếng thiêng liêng đẹp đẽ nhất, và nó là nguồn gốc để khai sinh ra đất nước Việt Nam này, chúng ta phải tự hào khi chúng ta là những người con của đất nước Việt Nam này. Chính vì thế, chúng ta hãy sử dụng tiếng Việt một cách thật đúng ý nghĩa. Và đừng bao giờ đánh mất thứ tiếng đẹp đẽ đó.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về ngôn ngữ của giới trẻ trong xã hội hiện nay

Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc trên thế giới phân biệt với nhau là nhờ các yếu tố: lãnh thổ, chế độ chính trị, văn hóa, dân tộc. Trong đó yếu tố đóng vai trò quan trọng không kém các yếu tố chủ yếu khác như lãnh thổ hay văn hóa chính là ngôn ngữ, là tiếng mẹ đẻ. Trong những ngôn ngữ trên thế giới, tiếng Việt có lẽ là thứ ngôn ngữ phong phú nhất, trong sáng nhất. Tuy nhiên hiện nay vẻ trong sáng ấy của tiếng Việt đang dần bị đánh mất từng ngày. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng luôn chú trọng việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và giáo dục nhân dân phải làm cho tiếng nói, chữ viết ngày càng thêm đẹp, thêm phong phú, hiện đại... Theo dòng cuốn của quá trình hội nhập thế giới, sự giao thoa văn hóa xã hội đòi hỏi ngôn ngữ phải có những thay đổi để đáp ứng các nhu cầu giao tiếp mới. Vì thế từ khi nước ta bắt đầu hội nhập thì ngôn ngữ cũng dần dần xuất hiện những hiện tượng mới mẻ. Những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới được hình thành để thêm vào những khái niệm, ngữ nghĩa mà trong vốn tiếng Việt trước đây còn thiếu vắng, chẳng hạn trong lĩnh vực tin học, kỹ thuật số, sản xuất kinh doanh của nền kinh tế thị trường v.v. Cùng với mặt tích cực ấy, mặt tiêu cực cũng biểu hiện với không ít các cách nói, cách viết “khác lạ” làm mất đi hoàn toàn bản sắc vốn có của tiếng Việt. Thực tế cho thấy, tiếng Việt hiện nay đang dần dần bị sử dụng sai đi về mọi mặt một cách cố ý. Từng chữ, từng âm, cách viết, cách đọc, chính tả... tất cả đều bị thay đổi một cách kì lạ mà các bạn trẻ vẫn biện minh theo suy nghĩ của chính mình là đa dạng hóa tiếng Việt, “dễ thương hóa” hay “teen hóa” tiếng Việt. Điều này rất dễ để kiểm chứng, hãy thử lướt một vòng vào các diễn đàn (forum), các trang nhật ký các nhân (blog) hay đơn giản là tán gẫu hàng ngày (Chat) xem. Trong đó có bao nhiêu phần trăm là tiếng Việt, bao nhiêu phần trăm là tiếng gì đó (không thể định nghĩa được đó là thứ ngôn ngữ gì, nhiều bạn trẻ gọi là ngôn ngữ teen, ngôn ngữ 9X). Vào một diễn đàn của những “9X” nói trên, những khung chữ chat, ta dễ dàng bắt gặp thứ ngôn ngữ ấy. Chẳng hạn như câu: “Ngài mai chắc tớ không đi dự tiệc sinh nhật của bạn rồi, bài vở nhiều quá, với lại nhà đi bận việc hết, chỉ còn mình tớ.”, khi chuyển thành ngôn ngữ 9X đơn giản sẽ là: “Ngaj` maj chak to' hk dj party of you uj`, pai` vo~ nhieu` woa', zj laj nha`

busy hjt' uj`, to' alone". Hoặc nếu thêm những quy tắc thường dùng của ngôn ngữ 9X như viết hoa tùy ý, thay chữ bằng số, thêm tiếng lóng thì sẽ trở thành: "nG4j` m4j cH4k tO' hK dJ p4rtY of y0u Uj`, p4j` v0~ nhlu` vẫj, zj l4j nh4` bUsy hjK rUj`j, I'm 4l0n3". Không chỉ vậy, có rất nhiều quy tắc của ngôn ngữ 9X như: chữ c thay bằng k, gì thay bằng j, không thay bằng ko hoặc hk, rồi thay bằng ùi, oài, rùi, biết thay bằng pít, pk ... rất nhiều quy tắc. Ngoài sự tự thay đổi cấu trúc tiếng Việt nói trên, còn là việc lạm dụng từ nước ngoài quá mức cần thiết. Điển hình như hiện tượng các phương tiện truyền thông thường xuyên dùng từ nước ngoài (hầu hết là tiếng Anh) trong khi tiếng Việt vẫn có đủ những từ diễn đạt được như: show (biểu diễn), live-show (biểu diễn trực tiếp), nhạc classic (nhạc cổ điển), nhạc country (nhạc đồng quê), nhạc dance (nhạc nhảy), các fan (người hâm mộ)... Ngoài nguyên nhân khách quan là do sự giao thoa văn hóa đã nêu trên, thì nguyên nhân chính vẫn là tâm lý "thích sành điệu, thích được xem là dân chơi" của đa phần giới trẻ. Cho dù có giỏi ngoại ngữ đến đâu mà không biết thể hiện đúng và nhuần nhị Tiếng Mẹ đẻ thì đã là điều đáng buồn rồi, huống chi, những bạn mới có chút ít vốn liếng ngoại ngữ đã tỏ ra ta đây, nói một câu tiếng Việt phải chêm vào vài tiếng Anh cho "oai" . Có người biện minh, đổ thừa tiếng Việt ko đủ sức diễn đạt ngữ cảnh của lời nói, đó là một lời biện minh không thể chấp nhận. Bằng chứng là từ mấy trăm năm trước, tiếng Việt đã đủ tinh tế để làm nên tác phẩm bất hủ là Truyện Kiều. Ngày nay, tiếng Việt đã đủ phong phú đến mức mọi giáo trình bậc đại học cũng như mọi công trình nghiên cứu đều có thể viết bằng tiếng Việt. Cũng có ý kiến nói đó là một cách thực hành ngoại ngữ, điều cần thiết của quá trình hội nhập. Nhưng đâu phải chúng ta không có điều kiện thực hành ngoại ngữ đến nỗi phải như vậy, ở những đô thị chúng ta có thừa những lớp học ngoại ngữ, thừa những cơ hội tiếp xúc với người nước ngoài Nếu chỉ mãi mê học ngoại ngữ và dùng ngoại ngữ mà coi nhẹ việc giữ gìn bản sắc và trau dồi tiếng Việt thì có thể đến một lúc nào đó, Tiếng Việt không còn là niềm đáng tự hào về sự phong phú, tinh tế và sự trong sáng vốn có từ xưa. Cha ông ta đã hy sinh xương máu qua các cuộc chiến tranh để giành độc lập cho dân tộc, một phần xương máu ấy đã đổ xuống để giữ lấy sự độc lập, bản sắc nền văn hóa, trong đó có cả sự độc lập của tiếng Việt. Vì thế sử dụng tiếng Việt một cách không đúng đắn chẳng khác gì thái độ vô ơn, vô cảm trước những hy sinh mất mát ấy Một quốc gia hoàn toàn tự do độc lập, thì ngôn ngữ của quốc gia ấy cũng phải độc lập, không được pha trộn, lai tạp với những thứ ngôn ngữ khác. Vì thế, ngay từ bây giờ cần có ngay những biện pháp để giữ những phẩm chất đẹp của tiếng Việt. Trước hết là Nhà nước

nên có quy định chặt chẽ và viện Ngôn ngữ học phải có trách nhiệm đề xuất, xây dựng quy định chuẩn về việc dùng từ tiếng nước ngoài trong các văn bản, nhất là văn bản chính thức của nhà nước. Các trường học phải chú trọng, đẩy mạnh giáo dục học sinh giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Các bạn trẻ cần phải tự nhận thức được niềm tự hào và ý thức dân tộc trong việc sử dụng tiếng Việt để tiếng Việt vẫn mãi đẹp, vẫn mãi phong phú, tinh tế, trong sáng như bản sắc vốn có từ lâu. Tiếng Mẹ đẻ vốn là một đặc trưng sống còn của một dân tộc. Qua hàng mấy nghìn năm hình thành và phát triển, chúng ta có thể tự hào về sự phong phú và tinh tế của Tiếng Việt. Sử dụng đúng cách, giữ gìn bản sắc của tiếng Việt và góp phần làm cho nó ngày càng phong phú hơn là trách nhiệm nhưng cũng là điều tự hào của công dân Việt Nam, nhất là giới trẻ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về ngôn ngữ của giới trẻ ngày nay

Mở bài: Cùng với quá trình hội nhập thế giới, sự giao thoa văn hóa xã hội đòi hỏi ngôn ngữ phải có những thay đổi để đáp ứng các nhu cầu giao tiếp mới. Vì thế từ khi nước ta bắt đầu hội nhập thì ngôn ngữ cũng dần dần xuất hiện những hiện tượng mới mẻ. Những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới được hình thành để thêm vào những khái niệm, ngữ nghĩa mà trong vốn tiếng Việt trước đây còn thiếu vắng. Cùng với mặt tích cực ấy, mặt tiêu cực cũng biểu hiện với không ít các cách nói, cách viết “khác lạ” trong giới trẻ làm mất đi hoàn toàn bản sắc vốn có của tiếng Việt.

Thân bài: *Giải thích: Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người và xã hội loài người, đảm bảo một mặt truyền đạt và hiểu biết lẫn nhau của các thành viên xã hội. Ngôn ngữ không chỉ truyền đạt thông tin mà còn tác động đến nhân cách, hình thành nhân cách và biến đổi theo chiều hướng tốt hoặc xấu. Ngôn ngữ không chỉ là tấm gương phản chiếu thụ động đời sống xung quanh mà còn can thiệp vào bức tranh thế giới nhân cách, vào văn hóa ngôn ngữ của nó, đặt vào nó nhân quan thế giới, chỉnh sửa, làm biến đổi nhân cách một cách hợp lý. Và theo đó là đời sống chung xã hội một cách trực tiếp.*

Thực trạng văn hóa ngôn ngữ giao tiếp ở giới trẻ hiện nay (biểu hiện) - Hiện nay, nảy sinh vấn đề lệch chuẩn trong giao tiếp trong giới trẻ. Xu hướng lệch chuẩn văn hóa ngôn ngữ biểu hiện dưới các dạng: + Lạm dụng quá nhiều tiếng lóng, từ địa phương cũng như vay mượn từ nước ngoài của một số tờ báo. Thay vì nói “được rồi” là “ok”, thay cho câu “chào tạm biệt” là “bye nhé”. Còn những hiện tượng biến đổi đến dễ sợ ủa ngôn ngữ Tiếng Việt như: gọi đơn vị tiền bằng “k”, chê người khác là “cùi bắp”,...Ngôn ngữ “Chat” có nhiều kiểu viết tối nghĩa, hoặc biến âm, hoặc biến nghĩa câu thả. Mới đây trên trang viết của một tờ báo đã đăng nội dung: “tiền” thành “xiền”, “tình yêu” thành “tình iu”, “ghét như con bọ chét”, “nhỏ như con thỏ”, “tìn vịt”, “báo lá cải”, “chạy mất dép”, “bó tay.com”, “bốc hơi” (biến mất), “đít chai” (kính), “2” (hi-chào), “4U” (For you – cho bạn), “2NT” (Tonight – tối nay), “G92U” (Good night to you)...nếu quan tâm đọc chắc nhức hết cả đầu, hoa cả mắt. – Lạm dụng ngôn ngữ lóng, ngôn ngữ thời @ trong thời đại công nghệ thông tin ở giới trẻ. Dùng tiếng lóng để giao tiếp, trò chuyện, trao đổi, “chat” với nhau qua điện thoại, mạng xã hội ở thế hệ 9x (chủ yếu là thanh thiếu niên, trong đó chiếm tỷ

lệ cao nhất là học sinh, sinh viên, đang có chiều xâm nhập sang người lớn) đã đến mức báo động. – Những comments về một bức ảnh thời trang của một cô gái mới đây nhất trên facebook là một ví dụ: + -“Dep ngon com wa”; “anh mà lấy được vk sinh như em thì anh chỉ vk anh ăn song tắm rửa sạch sẽ mặc đồ ngủ thật mỏng cho vào kính rồi mở cửa bán vé chiêm ngưỡng ngắm nhìn; “cj vân nany.xjnh gái”; “Em là Vân chứ ế phải là Vân”; “E yêu cki”... – Vận dụng “sáng tạo” tiếng Anh khá kỳ cục trong các tình huống giao tiếp: “Ugly tiger” nghĩa là “xấu hổ” (Tiếng Anh: Ugly – xấu; tiger – con hổ). Đôi khi nghe giới trẻ đối thoại: “Mày thật “Ugly tiger!” hay “: “Mày không “Ugly tiger à?”, cảm thấy buồn cười, nhưng cũng vui tai. – Có rất nhiều dẫn chứng về việc lạm dụng quá nhiều tiếng lóng làm cho ngôn ngữ “chính thống” bị méo mó, mất giá trị văn hóa của tiếng Việt mà tôi có dịp được đọc, chẳng hạn như: “bùn wá mài nhĩ, lẹi gần hít nem lép 12 roài... thí tụi mìn ko đc zui như hồi nem ngoái, nghĩ vậy thoai mừ teo bùn ghê gúm... nhưng mìn hứa sẽ mãi lè bẹn thân, đeng wên teo dzà mái trường iu zấu nì nha”. – Nhiều kiểu nói và viết như vậy dần làm mất đi sự trong sáng của Tiếng Việt và gây ảnh hưởng nguy hại đối với văn hóa ứng xử của con người. – Tiếng Việt đang bị nhiễm bẩn bởi nói tục, chửi bậy. Hiện tượng nói tục thì quốc gia nào cũng có. Nhưng nước ta có lẽ chiếm tỷ lệ cao nhất. Nói tục trở thành thói quen, nhu cầu, sự “khoái khẩu” ở mọi đối tượng, trừ trẻ chưa biết nói. Đặc biệt là trong lứa tuổi học sinh, vấn đề nói tục chửi thề đang bị lạm dụng đến mức đáng báo động. Nhà trường càng xiết chặt giáo dục nhắc nhở và xử lý thì hiện tượng này ngày càng bùng phát mạnh mẽ hơn. – Tóm lại, trước trào lưu sử dụng tiếng lóng, lạm dụng tiếng nước ngoài hiện nay ở giới trẻ, tiếng Việt đang có nguy cơ bị xâm hại xét về phương diện văn hóa ngôn ngữ. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng, việc sử dụng tiếng lóng cũng có tác dụng nhất định đối với giới trẻ như: khả năng truyền đạt thông tin nhanh, tiết kiệm thời gian (chủ yếu dùng ký hiệu, viết tắt), có những yếu tố sáng tạo... làm cho hoạt động giao tiếp cũng phong phú hơn. *Nguyên nhân: – Do các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là truyền hình là loại phương tiện thông tin đại chúng phổ biến nhất trong xã hội ảnh hưởng lớn nhất đối với sự hình thành các giá trị, thế giới quan, đạo đức của thế hệ trẻ nhưng có biểu hiện lệch chuẩn trong việc dùng từ phổ biến. Việc tiếp cận các văn hóa phẩm lệch lạc dễ dàng khiến cho giới trẻ mất kiểm soát bản thân. – Một số báo cũng đang ra sức cổ xúy cho sự lệch lạc văn hóa ngôn ngữ ở giới trẻ qua những bài viết lạm dụng một cách có ý thức nhằm câu khách, gây ấn tượng đối với độc giả trẻ. Đặc biệt là hiện tượng ăn theo sự kiện, vụ lợi của các kênh truyền hình vô tình biến một*

hình tượng lệch lạc trở thành trào lưu nóng, thu hút giới trẻ quan tâm và bắt chước. – Mặt khác, các nhạc phẩm của các ban nhạc, lời của các bài hát có khả năng gây sỗ ở bất kỳ một người có học vấn nào. – Sự buông lỏng, thiếu sự quản lý chặt chẽ các trang báo mạng xã hội và các thông tin quảng cáo. Tình trạng chung: người tham gia không cần biết người đối thoại là ai vẫn sẵn sàng văng lời tục tĩu, thô thiển để thóa mạ, dìm “hàng” người khác. – Sự bùng nổ của công nghệ thông tin là mảnh đất để lệch chuẩn văn hóa ngôn ngữ có cơ hội phát triển (Internet, điện thoại...). – Trào lưu, “mốt” sử dụng tiếng lóng, tiếng nhại, ngoại ngữ, ngôn ngữ @ để giao tiếp trở thành yếu tố để muốn tự khẳng định đẳng cấp của mình đang xâm nhập và lan tỏa ở giới trẻ hiện nay. Giải pháp: – Bố mẹ phải làm gương trong việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ cũng như tiếng nước ngoài; những lệch lạc trong văn hóa ngôn ngữ (viết, nói, giao tiếp) trẻ tiếp thu, bắt chước rất nhanh. – Giáo dục học sinh thức bảo vệ sự trong sáng tiếng Việt khi giao tiếp qua điện thoại, mạng xã hội, tự trau dồi và làm phong phú vốn ngôn ngữ cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài để nâng tầm văn hóa trong giao tiếp và tư duy; dạy đúng chuẩn tiếng Việt; không sử dụng tiếng lóng khi giao tiếp với học sinh...Không sử dụng sách giáo khoa, từ điển kém chất lượng và có nhiều sai sót; nghiêm cấm các hành vi chửi bậy, nói bậy trong nhà trường. – Về phía Nhà nước, trước hết ngành Giáo dục và Đào tạo phải có những biện pháp cứng rắn để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Kiên quyết loại bỏ những chương trình phát sóng trên truyền hình không đảm bảo chất lượng và trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Kiểm soát chặt chẽ thông tin mạng, sàng lọc thông tin kỹ lưỡng trước khi người đọc tiếp cận. – Mỗi học sinh tự trau dồi và rèn luyện tiếng mẹ đẻ và tiếng nước ngoài để có vốn từ phong phú và sử dụng đúng chuẩn mực. Không nên chạy theo lối giao tiếp dễ dãi, lệch lạc mà làm mất đi văn hóa giao tiếp của chính mình. Phê phán: Nhiều HS dù được nhắc nhở nhiều nhưng vẫn cố chấp sử dụng Tiếng Việt lệch chuẩn, thiếu trong sáng trong giao tiếp. Xem việc nói tục chửi thề, tiếng lóng, tiếng ngoại là bình thường và vận dụng những kiểu nhại âm, cắt âm một cách tối nghĩa làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt và lệch lạc trong giao tiếp. Những người như thế thật đáng chê trách. Bài học: Luôn rèn luyện ngôn ngữ giao tiếp, vận dụng đúng đắn các phương tiện giao tiếp để bảo vệ sự trong sáng của Tiếng Việt. Đặc biệt là đối với lứa tuổi HS, khi nhân cách chưa định hình thì cần phải rèn luyện bản thân theo những chuẩn mực tốt đẹp, tránh lệch lạc nhân cách dẫn đến các hành vi sai trái. Kết bài: Như vậy, vấn đề văn hóa ngôn ngữ và giáo dục văn hóa ngôn ngữ cho thế hệ trẻ nhất là cho học sinh, sinh viên

trong giai đoạn hiện nay trở thành vấn đề cấp bách, cần sự chung tay của các lực lượng xã hội, trong đó bản thân giới trẻ – chủ thể của nhận thức và hành động đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc góp phần giữ gìn sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt trên cơ sở “kế thừa và phát huy truyền thống đi đôi với việc sáng tạo những giá trị mới phù hợp với tinh thần thời đại...

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận xã hội về ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay

Chỉ trong vài năm gần đây, cuộc sống và xã hội đã thay đổi rất nhiều. Và giới trẻ đã góp một phần không hề nhỏ vào những thay đổi ấy. Thay đổi của giới trẻ giờ đây không dừng lại ở tóc tai, trang phục, mà đã lan sang cả cách suy nghĩ và cách để diễn đạt những suy nghĩ ấy. Tiếng mẹ đẻ trong sáng đã dần dần được thay thế bằng những ngôn ngữ “xi tyn”. Ngôn ngữ “trong sáng” và “giàu có” như tiếng Việt đã được “thoát xác” hoàn toàn khỏi các quy tắc chuẩn và hầu hết được giới trẻ thay bằng những ngôn ngữ “hok aj hju” và dùng tiếng lóng trong cộng đồng teen hằng ngày. Người trẻ ngày nay không chọn cách ra sạp mua báo Thanh niên, Tuổi trẻ về đọc, không bật ti vi vào sáu giờ sáng để xem “thời sự”, không hỏi bố mẹ, ông bà xem “Thế giới hôm nay thế nào?”. 9x chỉ cần ngồi vào bàn, bật PC, gõ một địa chỉ trang web là nắm được cả tình hình thế giới. Cuộc sống công nghiệp nhanh và hiện đại cũng đòi hỏi con người bắt kịp với chúng. Thế là vài năm trước, ra đời thứ ngôn ngữ “xj tyn”. Ban đầu, giới trẻ chỉ dùng thứ ngôn ngữ ấy trên mạng, cụ thể là khung chat và các diễn đàn và chỉ tìm cách biến đổi sao cho có thể gõ thật nhanh. Thế là “j” thay thế cho “gi” và “w” thay thế cho “qu”, “ko” thay thế cho “không”,... dần dần những ngôn ngữ ấy được teen bê từ máy tính ra ngoài cuộc sống đời thực. Giới trẻ dùng những từ, những chữ mới sáng tạo ra để chép bài cho nhanh, viết thư cho tiện. Nếu như mục đích ra đời ban đầu của ngôn ngữ teen là để thuận tiện nhắn tin hay “chát chít”, nói chuyện trên mạng thì giờ đây ngôn ngữ ấy trở nên rắc rối hơn bao giờ hết. Qua rồi cái thời teen mình dùng chèn thêm tiếng Anh vào cuộc nói chuyện, tiếng Việt của teen bây giờ thay đổi hoàn toàn. Ví dụ đơn giản nhất là “xin chào” thành “sin chào” hay “cho em xin hai chữ bình yên” sẽ thành “cko iem xyn hạ ckữ bỳnk yên”!!! Đây là kiểu chữ phổ biến nhất mà teen mình sử dụng hàng loạt hiện nay. Kiểu chữ này mọi người không biết cũng có thể luận ra được. Nhưng thời gian gần đây, các blog, forum, mạng xã hội đều rộ lên phong trào cho ra đời thứ ngôn ngữ thoáng nhìn có thể tưởng là tiếng Thái, tiếng Ả Rập. Một vài chữ cái trong bảng chữ cái của thứ “tiếng Ả Rập” đó là A = CL; B = 3;... kiểu chữ này còn chưa thực sự quen thuộc với tất cả các bạn giới trẻ bây giờ. 9x đời đầu và 8x đọc đoạn chữ kiểu này bó tay là cái chắc!!! Không chỉ phát minh ra “tiếng Ả Rập” lưu truyền mạnh mẽ trên Internet, teen còn sáng tạo ra

vô cùng nhiều từ hay ho để sử dụng hằng ngày. Câu cửa miệng của giới trẻ bây giờ là “chém gió”, phổ biến đến với 6x, 7x cũng sử dụng ngon ơ. Rồi “sau phải xoắn?”, “sau phải dến”, “sao phải thốn” và vô cùng những từ ngữ chẳng hiểu ở đâu ra và có ý nghĩ gì?? Chỉ biết là chúng nghe lạ tai, lúc nói thì cũng thấy hay hay, thế là phổ biến!!! Những từ ngữ ấy được sử dụng rộng rãi ở bất cứ nơi đâu, trường học hay thậm chí là cả văn phòng, công sở – nơi mà bây giờ cũng có người trẻ. Giới trẻ hiện nay bị khá nhiều lời chỉ trích vì sử dụng thứ ngôn ngữ khó hiểu này. Những người thật sự trưởng thành coi đó là trò vô bổ, không thích giới trẻ sử dụng ngôn ngữ phức tạp ấy. Nhưng thực ra theo ý kiến chủ quan của tôi, cho ra đời ngôn ngữ teen của riêng giới trẻ không phải là điều đáng chê trách. Giới trẻ hiện nay có suy nghĩ rất thoáng về cuộc sống. Sáng tạo ra thứ ngôn ngữ mới đơn giản chỉ là muốn làm cho cuộc sống trở nên thú vị. Họ muốn làm mới mẻ mọi thứ xung quanh, nhìn cuộc sống bằng đôi mắt trẻ trung. Họ muốn đặt tên cho giới trẻ của riêng mình. Ngôn ngữ mà giới trẻ sử dụng phần nào phản ánh tính cách, cá tính của họ. Tuy nhiên, tôi cũng không đồng tình với cách sử dụng từ tiếng lóng của giới trẻ Việt Nam hiện nay. Thế hệ trẻ ở các nước Anh, Mỹ có thể viết tắt riêng của mình như: “wrodn?” là “what are you doing?” (bạn đang làm gì thế?) hay “pir” từ là “parents in room” nghĩa là “bố mẹ đang ở trong phòng”,... Giới trẻ Việt Nam tiếp thu cách viết nhanh chóng theo những lối tiêu cực. Các bạn trẻ Việt Nam sử dụng các cụm từ có ý nghĩa chửi tục, những cụm từ thể hiện trạng thái bức xúc, ức chế tiêu cực. Điển hình là “sh*t”, “utf”, “nth”,... những cụm từ như “damn” trở nên không hề xa lạ. Thậm chí, người trẻ dùng chúng nhiều hơn người sáng tạo ra chúng. Bên cạnh đó, họ cũng tiếp thu những cụm từ đáng yêu như “boo”, “france”, ... Nhưng số lượng người sử dụng ngôn ngữ không tiêu cực là số ít. Sử dụng ngôn ngữ khó hiểu không phải là điều đáng lên án như tôi đã nói ở trên. Vấn đề là cách họ sử dụng chúng. Dùng những từ ngữ độc đáo để trò chuyện trên mạng với bạn bè, xả stress sau những giờ học và làm việc căng thẳng thì tốt nhưng lạm dụng ngôn ngữ đó thường xuyên, cả khi nói chuyện ở ngoài, cũng như “chat chít” trên mạng. Một lần, cô bạn chia sẻ với tôi chuyện buồn qua tin nhắn. Khi đọc tin nhắn của bạn mình, tôi chẳng thấy có chút cảm xúc nào hết, “mình” thành “mek”, “không” thành “ko”, ... Tiếng Việt giờ đã không còn trong sáng theo cách riêng vốn có trong đời sống giới trẻ. Ngôn ngữ teen đã dần làm xấu đi hình ảnh giới trẻ trong mắt những người lớn tuổi không chấp nhận sự thay đổi. Cần phải khẳng định lại, ngôn ngữ “xj tyn” và mục đích sáng tạo ra nó của giới trẻ là không xấu. Chỉ có cách biến đổi quá nhanh và sử dụng quá

nhieu là điều chúng ta cần lưu ý. Sáng tạo, làm cho cuộc sống thú vị hơn là một nét tính cách đáng yêu của thế hệ trẻ. Nhưng đừng vì thế mà đánh mất đi nét đẹp của tiếng Việt – tiếng mẹ đẻ. Phát huy là tốt nhưng nếu không biết gìn giữ, sẽ có ngày chúng ta đánh mất ngôn ngữ của mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về tầm quan trọng của việc học trong xã hội ngày nay

Sẽ không ai trách chúng ta khi chỉ thích học Tin học, Kinh tế, Ngoại ngữ... Nhưng nếu chỉ giỏi chữ số mà quên chữ viết, giỏi kỹ thuật mà kém văn hóa thì sẽ là thiệt thòi lớn cho mỗi con người. Việc học hành quan trọng như vậy, do đó chúng ta không thể coi nhẹ vai trò của việc học hành. Đúng là : “Nếu không có học hành đến nơi đến chốn thì lớn lên, chúng ta sẽ chẳng làm được việc gì có ích”. Hiện nay, một số bạn trẻ không nhận thức được tầm quan trọng của việc học đối với sự thành công hay thất bại của đời người. Nhận thức lệch lạc thường dẫn đến hành động sai lầm. Bỏ học đi chơi, giao du với những thành phần bất hảo để rồi bị rủ rê, sa ngã vào con đường cờ bạc, chơi bời, hút chích... dần dần những người đó sẽ đánh mất nhân cách, mất khả năng làm việc và trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Một cuộc sống như thế không đáng gọi là cuộc sống của một con người chân chính. Đến lúc nào đó tỉnh ngộ, dẫu có ăn năn, hối hận thì cũng đã muộn màng. Những kiến thức mà chúng ta tiếp thu được từ nhà trường, sách vở và cuộc đời nếu đem áp dụng vào thực tiễn sẽ mang lại nhiều thành quả tinh thần, vật chất cho cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội. Tri thức loài người mênh mông như biển cả (“Bể học vô bờ”). Dẫu chúng ta có miệt mài học suốt cuộc đời thì cũng chỉ là tiếp thu được một phần rất nhỏ. Bác Hồ dạy : “Học ở trường, học trong sách vở; học lẫn nhau và học ở dân”. Lenin cũng từng khuyên thanh niên : “Học ! Học nữa ! Học mãi !”. Đó là những lời khuyên chí lý, có giá trị đối với mọi thời đại. Nếu không coi trọng việc học thì chúng ta sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của đất nước trong giai đoạn mới. ” ... ta học tiếng Anh, khi chưa thấy rõ trong thực tế, trong cuộc sống và trong xã hội thì có lẽ chúng ta chưa thấy rõ được tầm quan trọng của tiếng Anh như thế nào. Trong chúng ta, có một số học ... các bạn đều biết tầm quan trọng của việc học tiếng Anh? Vậy bạn đã tìm ra phương pháp học tập hiệu nghiệm nhất để đạt được kết quả tốt nhất chưa? Trong chuyên mục phương pháp học tập hôm nay, ... ấn tượng từ việc “chỉnh sửa” âm vần. Trẻ sẽ bối rối khi bị bạn bè phát hiện ra cái tên mình có cách phát âm khác hẳn với quy luật. 5. Đặt tên theo giới tính Tầm quan trọng của việc học tiếng” Nghị luận xã hội về tầm quan trọng của việc học Học hành có tầm quan trọng rất lớn đối với cuộc

đời của mỗi con người. Người xưa đã nhắc nhở con cháu rằng : “Nếu còn trẻ mà không chịu học hành thì khi lớn lên sẽ chẳng thể làm được việc gì có ích”. Bên cạnh đó còn có những câu : “Có học thì như lúa như nếp, không học thì như rơm như cỏ”. Hoặc : “Bất học bất tri lí” (Không học thì không biết lí lẽ, lẽ phải). Suốt lịch sử phát triển mấy ngàn năm, nhân loại đã tích lũy được một kho tàng tri thức khổng lồ về tự nhiên và xã hội. Những tri thức ấy được lưu truyền từ đời này sang đời khác qua hình thức truyền miệng và chữ viết (sách). Muốn tiếp thu tinh hoa trí tuệ, con người chỉ có một con đường duy nhất là học, học suốt đời. Nói đến học là nói đến trí lực, một năng lực suy nghĩ, một trực quan nhạy bén, một tư duy hợp lí. Điều ấy hết sức cần thiết cho tất cả mọi người. Chính vì vậy, ngay từ lúc nhỏ, bất kì ai cũng phải được học hành. Trong mười hai năm ở trường phổ thông, học sinh được cung cấp những kiến thức sơ đẳng của một số bộ môn cơ bản như Toán, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Sử, Địa, Ngoại ngữ... Tuy thế, học sinh phải chăm chỉ học hành thì mới hiểu và nắm vững kiến thức một cách có hệ thống. Nếu lơ là, chểnh mảng, thiếu nghiêm túc trong việc học hành thì rốt cuộc là tốn thời gian, tiền bạc mà kết quả thu được chẳng đáng là bao. Thực tế cho thấy là có học có hơn. Mục đích của việc học là nhằm phục vụ cho mọi công việc đạt hiệu quả cao. Nếu ta đơn thuần làm việc theo thói quen hoặc kinh nghiệm có sẵn thì công việc sẽ tiến triển chậm và chất lượng không tốt. Cách làm như trên chỉ thích hợp với các công việc giản đơn, không cần nhiều đến trí tuệ. Còn đối với những công việc phức tạp liên quan đến khoa học kĩ thuật thì cung cách làm việc ấy là lạc hậu, lỗi thời. Muốn đạt hiệu quả tốt trong mọi lĩnh vực, chúng ... “ ... đến sự hữu ích của kho tri thức rộng lớn, được toàn thế giới công nhận. Trở thành nhà khoa học tài giỏi hơn. Hãy liên lạc với các nhà khoa học ở những nước khác, tham gia các hội nghị quốc tế, ... giềng, hãy vươn mình ra tầm thế giới.5. Giúp bạn năng động trong môi trường xã hội, tự tin trong giao tiếp và luôn muốn khám phá những nền văn hóa của các nước trên thế giới. Học Tiếng Anh hiện ... Anh. Lời khuyên số 3: học tiếng Anh để tăng thêm kiến thức cho chính mình.4. Thúc đẩy sự nghiệp. Thể hiện “kiến thức tiếng Anh tuyệt vời” trên CV (lý lịch) của bạn. Nhận được việc làm mơ ước và ” ... ta bắt buộc phải học, phải được đào tạo chính quy theo từng chuyên ngành và trong suốt quá trình làm việc vẫn phải học tập không ngừng, bằng mọi hình thức khác nhau. Trong thời đại khoa học kĩ thuật phát triển với tốc độ nhanh như hiện nay thì tri thức (chất xám) của con người là tiền đề vô cùng quan trọng. Có nắm vững lí thuyết, chúng ta mới làm được những công việc phức tạp. Có nắm vững lí thuyết, chúng ta mới làm được những công việc phức

tạp. Lí thuyết khoa học có tác dụng soi sáng, dẫn đường cho kĩ năng thực hành, con người sẽ rút ngắn được thời gian mò mẫm, tìm hiểu thực tiễn, do đó sẽ tránh được những sai lầm đáng tiếc. Học không chỉ là quá trình rèn luyện tri thức mà còn là quá trình rèn luyện tình cảm và đạo đức. Con người ngoài cái trí còn cần có cái tâm. Học là để thấu hiểu những lẽ huyền bí của cuộc đời, của vũ trụ chứa đựng trong những công thức toán đơn giản hoặc trong những quy luật thịnh suy của một xã hội. Không hòa cái tâm của mình vào trong cuộc đời, vào vũ trụ để lắng tìm và cảm nhận thì làm sao có được những tín hiệu mạch bảo cho trí tuệ con đường đi tới những lẽ huyền diệu và bí ẩn kia ?. Như vậy là có biết bao kiến thức mới, nhận thức mới về cuộc đời, về thế giới mà chúng ta tìm kiếm được không chỉ bằng lí trí mà còn bằng cả tâm hồn. Học cần có cái trí và cũng có cần có cái tâm là vì thế. Học cũng là để sáng thêm cái trí, lành thêm cái tâm và để đóng góp tài đức của mình cho sự nghiệp xây dựng đất nước mạnh giàu. Điều quan trọng là đã học thì phải học đều các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Văn, Sử là những môn học cần thiết, nếu không nói là đặc biệt quan trọng để tạo nên nhân cách. Nếu chúng ta không coi trọng các môn này thì tâm hồn sẽ khô cứng, vô cảm trước con người và cuộc đời mà dẫn đến thái độ dửng dưng trước vẻ đẹp phong phú và sự giàu có của lịch sử văn hóa ...

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về tầm quan trọng của việc học trong xã hội hiện nay

Học hành có tầm quan trọng rất lớn đối với cuộc đời của mỗi con người. Người xưa đã nhắc nhở con cháu rằng: “Nếu còn trẻ mà không chịu học hành đến khi lớn lên sẽ chẳng thể làm được việc gì có ích”. Bên cạnh đó còn có những câu: “Có học thì như lúa như nếp, không học thì như rơm như cỏ”. Hoặc: “Bất học bất tri lí” (Không học thì không biết lí lẽ, lẽ phải). Suốt lịch sử phát triển mấy ngàn năm, nhân loại đã tích lũy được một kho tri thức khổng lồ về tự nhiên và xã hội. Những tri thức ấy được lưu truyền từ đời này sang đời khác qua hình thức truyền miệng và chữ viết (sách). Muốn tiếp thu tinh hoa trí tuệ, con người chỉ có một con đường duy nhất là học suốt đời. Nói đến học là nói đến trí lực, một năng lực suy nghĩ, một trực quan nhạy bén, một tư duy hợp lí. Điều ấy hết sức cần thiết cho tất cả mọi người. Chính vì ngay từ lúc nhỏ, bất kì ai cũng phải được học hành. Trong mười hai năm ở trường phổ thông, học sinh được cung cấp những kiến thức sơ đẳng của một số bộ môn cơ bản như Toán, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Sử, Ngoại ngữ... Tuy thế, học sinh phải chăm chỉ học hành thì mới hiểu và vững kiến thức một cách có hệ thống. Nếu lơ là, chểnh mảng, thiếu nghiêm túc trong việc học hành thì rốt cuộc là tốn thời gian, tiền bạc mà kết thu được chẳng đáng là bao. Thực tế cho thấy là có học có hơn. Mục đích của việc học là nhằm phục vụ mọi công việc đạt hiệu quả cao. Nếu ta đơn thuần làm việc theo thói quen kinh nghiệm có sẵn thì công việc sẽ tiến triển chậm và chất lượng không tốt. Cách làm như trên chỉ thích hợp với các công việc giản đơn, không cần nhiều đến trí tuệ. Còn đối với những công việc phức tạp liên quan đến khoa học kĩ thuật thì cung cách làm việc ấy là lạc hậu, lỗi thời. Muốn đạt hiệu quả trong mọi lĩnh vực, chúng ta bắt buộc phải học, phải được đào tạo chính theo từng chuyên ngành và trong suốt quá trình làm việc vẫn phải học tập không ngừng, bằng mọi hình thức khác nhau. Trong thời đại khoa học kĩ thuật phát triển với tốc độ nhanh như hiện nay tri thức (chất xám) của con người là tiền đề vô cùng quan trọng. Có nắm vững lí thuyết, chúng ta mới làm được những công việc phức tạp. Lí thuyết khoa học có tác dụng soi sáng, dẫn đường cho kĩ năng thực hành, nên người sẽ rút ngắn được thời gian mò mẫm, tìm hiểu thực tiễn, do đó sẽ tránh được những sai lầm đáng tiếc. Học không chỉ là quá trình rèn

luyện tri thức mà còn là quá trình rèn luyện tình cảm và đạo đức. Con người ngoài cái trí còn cần có cái tâm. Học là để thấu hiểu những lẽ huyền bí của cuộc đời, của vũ trụ chứa đựng trong những kiến thức toán đơn giản hoặc trong những quy luật thịnh suy của một xã hội. Không hòa cái tâm của mình vào trong cuộc đời, vào vũ trụ để lắng tìm và cảm nhận thì làm sao có được những tín hiệu mách bảo cho trí tuệ con đường đến những lẽ huyền diệu và bí ẩn kia?. Như vậy là có biết bao kiến thức mới, kiến thức mới về cuộc đời, về thế giới mà chúng ta tìm kiếm được không chỉ bằng trí mà còn bằng cả tâm hồn. Học cần có cái trí và cũng có cần có cái tâm là vì thế. Học cũng là để thêm cái trí, lành thêm cái tâm và để đóng góp tài đức của mình cho sự nghiệp xây dựng đất nước mạnh giàu, Điều quan trọng là đã học thì phải học đều các môn khoa học tự nhiên khoa học xã hội. Văn, Sử là những môn học cần thiết, nên không nói là đặc biệt quan trọng để tạo nên nhân cách. Nếu chúng ta không coi trọng các môn này thì tâm hồn sẽ khô cứng, vô cảm trước con người và cuộc đời mà dẫn đến thái độ dửng dưng trước vẻ đẹp phong phú và sự giàu có của lịch sử văn hóa dân tộc. Sẽ không ai trách chúng ta khi chỉ thích học Tin học, Kinh tế Ngoại ngữ. Nhưng nếu chỉ giỏi chữ số mà quên chữ viết, giỏi kỹ thuật mà kém văn hóa thì là thiệt thòi lớn cho mỗi con người. Việc học hành quan trọng như vậy, do đó chúng ta không thể coi nhẹ vai trò của việc học hành. Đúng là: “Nếu không có học hành đến nơi đến chốn thì lớn lên, chúng ta sẽ chẳng làm được việc gì có ích”. Hiện nay, một số bạn trẻ không nhận thức được tầm quan trọng của việc học đối với sự thành công hay thất bại của đời người. Nhận thức lệch lạc thường dẫn đến hành động sai lầm. Bỏ học đi chơi, giao du với những thành phần bất hảo để rồi bị rủ rê, sa ngã vào con đường cờ bạc, chơi bời, hút chích dần dần những người đó sẽ đánh mất nhân cách, mất khả năng làm việc và thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Một cuộc sống như thế không đáng gọi là cuộc sống của một con người chân chính. Đến lúc nào đó tỉnh ngộ, dẫu có ăn năn, hối hận thì cũng đã muộn màng. Những kiến thức mà chúng ta tiếp thu được từ nhà trường, sách vở và cuộc đời nếu đem áp dụng vào thực tiễn sẽ mang lại nhiều thành quả tinh thần vật chất cho cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội. Tri thức loài người mênh mông như biển cả (“Bể học vô bờ”). Dẫu chúng ta có miệt mài học suốt cuộc đời thì cũng chỉ là tiếp thu được một phần rất nhỏ Bác Hồ dạy: “Học ở trường, học trong sách vở; học lẫn nhau và học ở dân”. Lenin cũng từng khuyên thanh niên: “Học! Học nữa! Học mãi!”. Đó là những lời khuyên chí lý, có giá trị đối với mọi thời đại. Nếu không coi trọng việc học chúng ta sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của đất nước ,giai

đoạn mới.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về tầm quan trọng của việc học

Học không chỉ là quá trình rèn luyện tri thức mà còn là quá trình rèn luyện tình cảm và đạo đức. Con người ngoài cái trí còn cần có cái tâm. Học là để thấu hiểu những lẽ huyền bí của cuộc đời, của vũ trụ chứa đựng trong những công thức toán đơn giản hoặc trong những quy luật thịnh suy của một xã hội. Không hòa cái tâm của mình vào trong cuộc đời, vào vũ trụ để lắng tìm và cảm nhận thì làm sao có được những tín hiệu mách bảo cho trí tuệ con đường đi tới những lẽ huyền diệu và bí ẩn kia ?. Như vậy là có biết bao kiến thức mới, nhận thức mới về cuộc đời, về thế giới mà chúng ta tìm kiếm được không chỉ bằng lí trí mà còn bằng cả tâm hồn. Học cần có cái trí và cũng có cần có cái tâm là vì thế. Học cũng là để sáng thêm cái trí, lành thêm cái tâm và để đóng góp tài đức của mình cho sự nghiệp xây dựng đất nước mạnh giàu. Điều quan trọng là đã học thì phải học đều các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Văn, Sử là những môn học cần thiết, nếu không nói là đặc biệt quan trọng để tạo nên nhân cách. Nếu chúng ta không coi trọng các môn này thì tâm hồn sẽ khô cứng, vô cảm trước con người và cuộc đời mà dẫn đến thái độ dửng dưng trước vẻ đẹp phong phú và sự giàu có của lịch sử văn hóa dân tộc. Sẽ không ai trách chúng ta khi chỉ thích học Tin học, Kinh tế, Ngoại ngữ... Nhưng nếu chỉ giỏi chữ số mà quên chữ viết, giỏi kĩ thuật mà kém văn hóa thì sẽ là thiệt thòi lớn cho mỗi con người. Việc học hành quan trọng như vậy, do đó chúng ta không thể coi nhẹ vai trò của việc học hành. Đúng là : “Nếu không có học hành đến nơi đến chốn thì lớn lên, chúng ta sẽ chẳng làm được việc gì có ích”. Hiện nay, một số bạn trẻ không nhận thức được tầm quan trọng của việc học đối với sự thành công hay thất bại của đời người. Nhận thức lệch lạc thường dẫn đến hành động sai lầm. Bỏ học đi chơi, giao du với những thành phần bất hảo để rồi bị rủ rê, sa ngã vào con đường cờ bạc, chơi bời, hút chích... dần dần những người đó sẽ đánh mất nhân cách, mất khả năng làm việc và trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Một cuộc sống như thế không đáng gọi là cuộc sống của một con người chân chính. Đến lúc nào đó tỉnh ngộ, dẫu có ăn năn, hối hận thì cũng đã muộn màng. Những kiến thức mà chúng ta tiếp thu được từ nhà trường, sách vở và cuộc đời nếu đem áp dụng vào thực tiễn sẽ mang lại nhiều thành quả tinh thần, vật chất cho cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội. Tri thức

loài người mênh mông như biển cả (“Bể học vô bờ”). Dầu chúng ta có miệt mài học suốt cuộc đời thì cũng chỉ là tiếp thu được một phần rất nhỏ. Bác Hồ dạy : “Học ở trường, học trong sách vở; học lẫn nhau và học ở dân”. Lenin cũng từng khuyên thanh niên : “Học ! Học nữa ! Học mãi !”. Đó là những lời khuyên chí lí, có giá trị đối với mọi thời đại. Nếu không coi trọng việc học thì chúng ta sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của đất nước trong giai đoạn mới.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận vứt rác bừa bãi nơi công cộng trong xã hội hiện nay

Môi trường sống của chúng ta đang bị đe dọa nặng nề, ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày. Một trong những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường là hành vi xả rác bừa bãi của chính con người. Là những người chủ của tương lai, chúng ta hãy suy nghĩ về vấn đề này và tìm cách cứu vãn môi trường sống đang bị đe dọa. Nghĩ về điều này tôi muốn gửi đến các bạn một thông điệp: “Đừng xả rác bừa bãi và hãy giữ lấy môi trường xanh, sạch, đẹp”. Môi trường là nơi sinh vật và con người tồn tại. Môi trường sinh thái tốt thì con người khỏe mạnh, cuộc sống sẽ tươi đẹp! Thế nhưng thực tế chớ thấy ý thức bảo vệ môi trường của con người chưa cao, một số người xả rác bừa bãi ra đường hoặc nơi công cộng. Hiện tượng này khá phổ biến, nó làm ô nhiễm môi trường, mất đi mỹ quan của đường phố. Các bạn ạ! Đất nước Việt Nam của chúng ta có diện tích nhỏ hẹp, dân số mỗi ngày một đông, nếu như hiện tượng này cứ tiếp tục thì môi trường sẽ ô nhiễm nặng, sức khỏe của cộng đồng sẽ bị đe dọa. Đó là chưa kể đến việc ô nhiễm môi trường sẽ hủy diệt sự sống của động vật, sinh vật, đặc biệt là các loài động vật sống dưới nước. Các bạn hãy hình dung những danh lam, thắng cảnh của đất nước chúng ta nơi mọi người đến tham quan, nghỉ mát, chiêm ngưỡng vẻ đẹp mà có rác thải ngổn ngang, có những người ngồi hóng mát trên bờ hồ rồi vứt rác xuống hồ, dù là hồ nước đẹp và trong đến đâu chẳng nữa. Họ đâu nghĩ rằng hồ nước là môi trường sống của cá, tôm. Vứt rác và xả nước thải xuống sông hồ sẽ làm ô nhiễm môi trường nước. Nước thải từ các nhà máy, các khu công nghiệp đổ xuống sông với hàng loạt hóa chất độc hại có trong nước thải làm nguồn nước sông, hồ bị ô nhiễm. Tôi nghĩ rằng nhìn hồ nước trong veo không một tí rác hay nhìn những con đường sạch bóng không có rác thải thì ta cảm thấy khỏe khoắn hẳn lên. Chẳng phải ông bà xưa thường nói Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm đó sao. Vậy thì chúng ta phải giữ gìn vệ sinh nhà cửa của mình và nơi công cộng, không vứt rác ra đường, xuống sông hồ hoặc công viên... không làm ô nhiễm môi trường nước. Chúng ta hãy xem nơi công cộng là mái nhà của chúng ta, giữ môi trường sống thật sạch để có không khí trong lành, mát mẻ và có mỹ quan, bởi lẽ cuộc sống của chúng ta rất cần “cái khỏe” và “cái đẹp”. Cũng chính từ quan điểm đúng đắn đó mà nhiều người đã

thầm lặng quét rác nơi công cộng, bãi tắm hay đường phố. Nếu ta biết ơn những người công nhân vệ sinh thì không lí gì chúng ta không bỏ rác đúng quy định. Không nên vứt rác bừa bãi ra đường hay ở những nơi công cộng, cũng không nên vứt rác xuống sông, hồ... cần bỏ rác đúng quy định để không ô nhiễm môi trường và tạo nên cái đẹp trong cuộc sống của chúng ta. Làm được điều này sẽ cứu vãn được môi trường. Mặt khác, chúng ta cần tích cực trồng cây xanh. Cây xanh đối với không khí cũng như lá phổi đối với con người. Giữ vệ sinh môi trường và tích cực trồng cây xanh là việc làm thiết thực nhất để bảo vệ chính chúng ta và làm cho môi trường sạch đẹp, bầu không khí trong lành hơn. Bảo vệ môi trường là cách sống tốt đẹp nhất.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận vấn đề rác bừa bãi nơi công cộng

Thế giới của chúng ta đang bị đe dọa. Nguồn đất, nguồn nước, nguồn không khí đang bị ô nhiễm rất nặng nề. Một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng đó là hành động xả rác bừa bãi của con người. Là những công dân của thế kỉ XXI, bạn nghĩ gì về hành động đó? Chúng ta cần phải làm gì để trong sạch hoá hành tinh của chúng ta? Đó là vấn đề mà chúng ta phải giải quyết trước nhất để cứu vãn sự sống này. Quá trình sinh hoạt và sản xuất của con người trên trái đất này tạo ra vô vàn các loại rác thải. Nếu không có quy trình xử lí kịp thời và hợp lí sẽ gây tác hại đến môi trường sống. Nhưng làm thế nào để kiểm soát được lượng rác thải? Đó là cả một vấn đề. Thực tế cho thấy ý thức giữ gìn vệ sinh chung của một bộ phận dân cư còn kém. Nhà cửa của mỗi người thường được quét dọn sạch sẽ. Họ không bao giờ vứt rác bừa bãi trong gia đình mà luôn có ý thức thu gọn lại để xả ra ngoài đường, để miễn sao cho gia đình mình được sạch sẽ. Hiện tượng này phổ biến ở những thành phố nhỏ, thị xã và thị trấn... Có lẽ vì thế mà trên những đoạn đường vắng, chúng ta thường thấy những túi rác, bao rác, đồng rác vứt ngổn ngang ở ven đường, ở vỉa hè, thậm chí là ngay trên mặt đường, gây khó khăn cho việc đi lại. Có những vụ tai nạn thương tâm đã xảy ra chỉ vì một bao rác mà ai đó đã cố ý đánh rơi trên đường. Có lẽ chẳng ai ngờ một bao rác lại có thể gây chết người nhưng trở trêu thay đó lại là sự thật. Không chỉ riêng gì nơi đô thị đông dân mới ô nhiễm mà ngay trên những miền quê thuần phác tôi cũng đã nhận ra dấu hiệu của sự ô nhiễm. Quanh nhà tôi ở có mấy cái ao khá rộng. Ngày trước nước ao rất trong mát, là nơi bơi lội thoả thích của lũ trẻ con ở làng trong những ngày nóng nực. Vậy mà nay không ai còn dám ngâm mình xuống đó nữa. Mặt nước ao giờ là nơi sinh sống của những đám bèo và cỏ dại. vẫn những túi ni lông, những bao tải to chứa đầy rác bẩn nổi lênh bênh cùng với những con cá chết trắng cả mặt nước đen sánh. Tôi thiết nghĩ, một miền quê thuần phác như quê tôi mà còn bị rác thải làm ô nhiễm đến thế này thì những thành phố lớn, những khu công nghiệp khói bụi suốt ngày đêm thì còn đáng sợ đến mức nào? Trong những năm gần đây, các phương tiện thông tin đại chúng liên tục đưa tin về nạn ô nhiễm và cảnh báo hiện tượng trái đất đang bị huỷ hoại dần. Là một phần của sự sống chúng ta hãy cùng nhau giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp. Hãy tích cực tham gia các hoạt động vì môi

trường, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để mọi người hiểu được vai trò to lớn của môi trường sống. Tích cực đóng góp ý kiến, sáng kiến cải tạo và giữ gìn sự trong lành của tự nhiên, làm cho cuộc sống của chúng ta ngày càng thêm sạch đẹp, văn minh và tiến bộ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Văn nghị luận về tình mẫu tử trong xã hội hiện nay

Nếu ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc. Đừng để buồn trên mắt mẹ nghe không”. Mẹ, chỉ một từ thôi nhưng sao quá đỗi gần gũi và thân thương. Niềm hạnh phúc lớn nhất của một đứa trẻ đó là được nằm trong vòng tay ấm áp của mẹ, cảm nhận được sự chở che và tình yêu thương. Vì vậy nếu hãy là một đứa con hiếu thảo để mẹ người yêu thương ta nhất trên đời sẽ cảm thấy an ủi và hạnh phúc. “Tình mẫu tử” đó chính là một thứ tình cảm thiêng liêng nhất trên đời. Mẹ ơi! Tiếng gọi thân thương mà bao đứa con muốn và luôn cất lên từ khi biết nói cho đến khi trưởng thành và về già. Mẹ chính là người yêu thương, sẵn sàng hi sinh và luôn bao dung chở che cho con của mình. Mẹ cũng chính là người tâm tình như những người bạn, đưa ra những lời khuyên, những bài học dịu dặt con trưởng thành. Nhưng có mấy ai hiểu hết được sự sâu sắc của tình mẹ-tình mẫu tử, nhưng chắc hẳn bạn cảm nhận được sự chân thành và thương yêu đó. Nó được xuất phát từ lòng mẹ, mẹ có thể không nói ra nhưng mẹ sẽ luôn làm những điều để bạn hiểu “Mẹ yêu con” đến nhường nào. Bạn hãy dùng cả cuộc đời này để hiểu được lòng mẹ bao la hơn cả biển rộng! Bạn đã lớn hay con nhỏ thì mẹ vẫn mãi mãi song hành trên chặng đường đời của bạn. Mẹ đã hi sinh sức khỏe, nhan sắc và cả tuổi thanh xuân để mang bạn và đưa bạn vào đời. Có người đã từng nói tôi rằng “phải mang nặng chín tháng mười ngày, phải đến khi bạn làm mẹ. Lúc đó mới hiểu được lòng của mẹ”. Điều này chắc chắn đúng, vì cha và mẹ cùng mang chúng ta đến với cuộc sống, nhưng ngay từ khi ta vừa chỉ mới là một dấu chấm thì chính mẹ đã bao bọc ta, mẹ chịu những cơn nghén nặng, mẹ cố gắng ăn nhiều chất dinh dưỡng để cung cấp vào cơ thể chúng ta. Tất cả những điều mẹ làm là để chờ đợi giây phút chúng ta sinh ra đời. Và mẹ khóc trong hạnh phúc khi lần đầu tiên được chạm vào đôi bàn tay bé nhỏ của ta và lúc đó cũng là lúc mẹ hứa với lòng sẽ ở bên ta mãi mãi. Vì vậy, chúng ta hãy yêu thương và hiếu thuận với mẹ, đừng để đến khi mẹ không còn ở trên đời mới hiểu ra. Lúc đó bạn sẽ thấy cả thế giới như đang sụp đổ. Vì chẳng có gì có thể thay thế mẹ trên đời. Hãy trân trọng những giây phút bạn đang được ở cạnh mẹ, đó sẽ là những giây phút bình yên nhất ở trong đời. Có rất nhiều câu chuyện nói về tình mẹ, cũng có rất nhiều câu chuyện kể về những đứa con bất hiếu và phải hối hận khi không còn mẹ bên cạnh. Mẹ không chỉ là người thân, mẹ còn

chính là người bạn tri kỉ sánh bước cùng bạn trong suốt cả cuộc đời. Và khi gặp khó khăn trở ngại khiến bạn lùi bước, khi bạn buồn cần sẻ chia thì người bạn tìm đến sẵn sàng nghe mọi tâm sự của bạn chính là mẹ. Mẹ luôn chờ đợi bạn để dành thời gian cho bạn. Chỉ cần bạn bảo bạn cần, thì mẹ sẽ không ngại vất vả mà đến bên. Và khi thấy con khóc, thì tự động nước mắt mẹ cũng chảy theo, bạn đau một thì mẹ sẽ đau mười. Vậy có bao giờ bạn hỏi, bạn đã dành thời gian để bên mẹ chưa? Bạn có bao giờ lắng nghe tâm sự của mẹ không?... Chắc chắn rằng, những đứa con là những người ích kỉ nhất trên đời, vì chúng ta chỉ được nhận từ mẹ vô điều kiện mà cái chúng ta cho mẹ thì quá nhỏ bé đi. Nhưng mẹ chúng ta là người hào phóng nhất trên đời, bởi tình thương của mẹ bao la và không bao giờ mong nhận được sự báo đáp từ con. Niềm hạnh phúc lớn nhất của mẹ chính là được nhìn thấy con cười và hạnh phúc. Mẹ ơi! Con yêu mẹ rất nhiều. Mẹ đã dành cả cuộc đời để chịu thay con sự vất vả và đau đớn, mẹ có thể hi sinh cả mạng sống chỉ cần con mạnh khỏe, mẹ có thể đi xin ăn từng bữa để con được no ấm. Con chỉ mong con đừng lớn để có thể nằm mãi trong vòng tay của mẹ, để trên khuôn mặt mẹ không hằn những vết chân chim vì vất vả. Và xin sau này, mẹ hãy để con thay mẹ trở thành chỗ dựa và bờ vai đủ lớn để che chở, ở bên mẹ. Nỗi bất hạnh nhất cuộc đời, chính là không có mẹ, không còn mẹ trên đời. Sự thiếu thốn tình cảm đó là một mất mát lớn nhất, và là niềm bất hạnh nhất. Vì vậy, hãy yêu thương và kính trọng mẹ của chính ta. Dù đi đến đâu, mẹ cũng sẽ ở bên cạnh và quan tâm bạn. Hãy nói yêu mẹ khi bạn còn có thể bạn nhé. Hãy yêu mẹ hơn chính bản thân mình bạn nhé, vì nếu không có mẹ trên đời, bạn sẽ không có cả một cuộc đời.

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh tác hại của ma túy trong xã hội

Nghiện ma túy dẫn đến tình trạng nhiễm độc ma túy mãn tính, suy nhược toàn thân, người gầy gò, xanh xao, mắt trắng, môi thâm, nước da tái xám, dáng đi xiêu vẹo, cơ thể gầy đét do suy kiệt hoặc phù nề do thiếu dinh dưỡng, rối loạn nhịp sinh học, thức đêm ngủ ngày, sức khỏe giảm sút rõ rệt. Người nghiện ma túy bị suy giảm sức lao động, giảm hoặc mất khả năng lao động và khả năng tập trung trí óc. trường hợp sử dụng ma túy quá liều có thể bị chết đột ngột. Bên cạnh những tổn thất về sức khỏe người nghiện ma túy còn bị những ảnh hưởng to lớn về tinh thần. Các công trình nghiên cứu về người nghiện ma túy khẳng định rằng nghiện ma túy gây ra một loại bệnh tâm thần đặc biệt. Người nghiện thường có hội chứng quên, hội chứng loạn thần kinh sớm (ảo giác, hoang tưởng, kích động...) và hội chứng loạn thần kinh muộn (các rối loạn về nhận thức, cảm xúc, về tâm tính, các biến đổi về nhân cách đặc trưng cho người nghiện ma túy). Ở trạng thái loạn thần kinh sớm, người nghiện ma túy có thể có những hành vi nguy hiểm cho bản thân và người xung quan. Không những người nghiện ma túy gây ra những tổn hại cho chính bản thân người nghiện thì người nghiện ma túy còn gây những ảnh hưởng vô cùng to lớn cho gai đình xã hội và cả kinh tế của đất nước. Sử dụng ma túy tiêu tốn nhiều tiền bạc. Khi đã nghiện, Người nghiện luôn có xu hướng tăng liều lượng dùng, chi phí về tiền của ngày càng lớn, dẫn đến họ bị khánh kiệt về kinh tế. Sử dụng ma túy làm cho người nghiện thay đổi trạng thái tâm lý, sa sút về tinh thần. Họ thường xa lánh nếp sống, sinh hoạt lành mạnh, xa lánh người thân, bạn bè tốt. Khi đã lệ thuộc vào ma túy thì nhu cầu cao nhất đối với người nghiện là ma túy, họ dễ dàng bỏ qua những nhu cầu khác trong cuộc sống đời thường. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu bức bách về ma túy của bản thân, họ có thể làm bất cứ việc gì kể cả trộm cắp, lừa đảo, cướp giật, thậm chí giết người, miễn là có tiền mua ma túy để thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi, lối sống của họ bị sai lệch so với chuẩn mực đạo đức của xã hội và luật pháp. Họ là những người bị tha hóa về nhân cách. Chúng ta đã được nghe rất nhiều câu chuyện cảm động của những người thân của người nghiện ma túy. Những người nghiện đâu biết rằng những người thân của họ đã phải sống khổ sở như thế nào trước xã hội. Họ cũng đau khổ đâu kém những người nghiện, họ đâu dễ dàng nhìn cảnh người thân của mình mắc

những căn bệnh không thể chữa khỏi,nhìn những người thân yêu nhất của mình ngày càng ốm yếu sống từng ngày vô nghĩa đối với bệnh tật thật chẳng dễ dàng gì. Đáng thương nhất chính là những em nhỏ vô tội được sinh ra nhiễm Hiv do bố mẹ của chúng bị nghiện ma túy. Chúng không thể đến trường chúng bị hắt hủi không được đối xử như những đứa trẻ khác khiến chúng trở nên mặc cảm tự ti và không dám tiếp nhận cuộc sống đầy sự hắt hủi của người đời dành cho chúng. Chúng ta cũng cần nhận biết được rằng người nghiện ma túy đúng là có cái sai của họ,có những người bị cám dỗ có những người chỉ là tai nạn nhưng khi họ đã biết quay đầu thì chúng ta nên mở rộng vòng tay đón nhận lấy họ đừng hắt hủi đừng xa lánh họ bởi họ cũng muốn được như những người bình thường khác họ cần được yêu thương và chắc chắn rồi họ rất cần chúng ta che chở để họ có thể tiếp nhận lại cuộc sống để sống có ý nghĩa hơn. Chính những tác hại của ma túy chúng ta đã tìm hiểu ở trên chúng ta hãy nói không với ma túy hãy hành động có ý nghĩa để nhắc nhở mọi người về tác hại của ma túy để cuộc sống của chúng ta ngày càng tốt đẹp hơn

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh tác hại của ma túy

Chúng ta đang sống trong một đất nước không ngừng phát triển trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ. Để làm được điều đó, chúng ta phải vượt qua các trở ngại, khó khăn. Một trong số đó là các tệ nạn xã hội như: ma túy, cờ bạc, văn hóa phẩm đồi trụy. Nhưng đáng sợ nhất chính là ma túy. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu về tác hại to lớn của ma túy để phòng tránh cho bản thân, gia đình và xã hội. Để phòng chống một tệ nạn thì chúng ta cần biết rõ về tệ nạn đó. Ma túy là một loại chất kích thích, gây nghiện có nguồn gốc từ cây túc anh hoặc nhựa cây thuốc phiện được trồng ở 12 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam hay từ lá, hoa, quả cây cần sa được trồng ở các tỉnh giáp ranh biên giới Việt Nam – Campuchia. Đặc biệt là ma túy có một ma lực dẫn dụ ghê gớm, khiến người bị dính vào không thể cưỡng lại được, chẳng khác gì “ma đưa lối, quỷ đưa đường”. Ma túy tồn tại ở nhiều dạng như tép, nước, bột, hồng phiến, bạch phiến, thuốc... và được sử dụng bằng nhiều hình thức hút, chích, hít... Nó được coi là tệ nạn đáng sợ nhất vì sức dẫn dụ con người không kể tuổi tác và khả năng gây nghiện nhanh chóng. Hơn thế nữa, ma túy còn là ngọn nguồn của những tệ nạn xã hội khác. Chúng ta thường nghe nói ma túy rất có hại nhưng mấy ai hiểu được tác hại thật sự của nó! Trước tiên, nó gây hại trực tiếp đến người nghiện. Về sức khỏe, ma túy gây ra các bệnh khôn lường cho cơ thể. Người nghiện sẽ bị hư hại niêm mạc mũi nếu dùng ma túy theo dạng hít, có khả năng ngưng thở đột ngột, gây nguy hiểm tính mạng. Còn dùng theo dạng hút thì cơ quan chịu ảnh hưởng là phổi. Phổi sẽ bị tổn thương nghiêm trọng, gây ung thư phổi, viêm đường hô hấp, nhiễm trùng phổi... Và nguy hiểm nhất là dùng ma túy dạng chích, đây là con đường ngắn nhất dẫn đến AIDS. Người tiêm đâu có biết rằng trên mũi kim là hàng vạn quả cầu gai gây căn bệnh thế kỉ hiểm nghèo, cứ thế họ truyền tay nhau tiêm chúng, đưa virus vào máu của mình. Ở những tụ điểm tiêm chích, họ còn pha thêm các chất bẩn gây áp-phê, hậu quả là các con nghiện phải cứa cụt tay chân hay nhiễm trùng máu. Ấy là chưa kể đến tình trạng bị chết do sốc thuốc. Câu chuyện “cái chết trắng” của nhà tỉ phú trẻ Raphael, chết ngay bên đường do dùng bạch phiến quá liều. Những người nghiện lâu ngày rất dễ nhận ra, người gầy gò, da xám, tóc xơ xác. Hệ thần kinh bị tổn thương nặng do ảnh hưởng của thuốc, kém tập trung,

suy nghĩ, chán nản và thiếu ý chí vươn lên nên việc cai nghiện cũng khó khăn. Đáng ghê sợ hơn, người mới nghiện heroin, khi “phê” thường gia tăng kích thích tình dục, dẫn đến hành vi tình dục không an toàn, có thể bị lây nhiễm HIV, nhưng nếu sử dụng lâu ngày sẽ làm suy yếu khả năng tình dục. Không chỉ dừng ở đó, tiêm chích ma túy còn hủy hoại con đường công danh, sự nghiệp của người nghiện. Đã có bao bài học, biết bao câu chuyện kể về những công nhân, kĩ sư... đã gục ngã trước ma túy, để rồi bị bạn bè, đồng nghiệp xa lánh, con đường tương lai tươi sáng bỗng vụt tắt, tối tăm. Và nhất là những bạn học sinh, tuổi đời còn quá dài mà chỉ vì một phút nông nổi, bị bạn bè rủ rê đã đánh mất tương lai. Thật đáng thương! Ma túy không những gây hại cho người dùng nó mà còn cho cả gia đình của họ, khiến họ trở mất dần khả năng lao động, trở thành gánh nặng cho gia đình. Những gia đình có người nghiện ma túy bầu không khí lúc nào cũng lạnh nhạt, buồn khổ. Công việc làm ăn bị giảm sút do không được tín nhiệm. Nền kinh tế cũng theo đó mà suy sụp. Bởi những người một khi đã nghiện thì luôn có nhu cầu hơn nữa về ma túy, đồng nghĩa với việc họ phải có tiền, mà tiền thì lấy từ đâu? Từ chính gia đình của họ chứ không đâu xa. Rồi những người vợ, người mẹ sẽ ra sao khi thấy chồng, con mình vật vã khi thiếu thuốc, khi lìa bỏ cõi đời vì mặc cảm, vì bệnh tình đã tới giai đoạn cuối? Thật đau xót cho những gia đình bất hạnh có người nghiện ma túy. Không dừng lại ở đó, ma túy còn như một con sâu đục khoét xã hội. Khiến cho an ninh, trật tự, quốc phòng bất ổn. Khi muốn thỏa mãn cơn ghiền, con nghiện không từ một thủ đoạn, hành vi trộm cắp, giết người nào để có tiền mua heroin, hoặc nổi máu anh hùng xa lộ, đua xe, lạng lách. Những con nghiện mà không được gia đình chấp nhận sẽ đi lang thang làm mất vẻ mỹ quan, văn minh lịch sự của xã hội, vật vờ trên những con đường. Không chỉ thế, nhà nước, xã hội còn phải tốn tiền để tổ chức lực lượng phòng chống và giải quyết những thiệt hại do con nghiện gây ra. Mất tiền xây dựng các trại cải tạo, giáo dục, điều trị cho người nghiện. Một thiệt hại lớn mà ma túy gây ra cho nền kinh tế quốc gia là ngành du lịch bị giảm sút. Các bạn thử nghĩ xem, có ai dám đi du lịch sang một đất nước, một thành phố mà toàn người bị HIV/AIDS. Rồi họ sẽ nghĩ gì về nước ta, họ sẽ nhìn nước ta với ánh mắt khinh thường, chẳng ai dám đầu tư vào đây nữa. Quả là một mất mát, thiệt hại cho nước nhà! Nhưng các bạn đừng lo, nếu chúng ta biết cách phòng chống thì những mối nguy ngại trên sẽ được giải quyết, sẽ không còn tệ nạn ma túy nữa. Mỗi người phải có trách nhiệm, tích cực tuyên truyền, giáo dục cho người thân mình sự nguy hiểm của ma túy để không ai bị chết vì thiếu hiểu biết. Luôn tránh xa với ma túy bằng mọi cách,

mọi người nên có ý thức sống lối sống lành mạnh, trong sạch, không xa hoa, luôn tỉnh táo, đủ bản lĩnh để chống lại mọi thử thách, cám dỗ của xã hội. Đồng thời cũng lên án, dẹp bỏ tệ nạn bằng cách không tiếp tay cho chúng. Nếu lỡ vướng vào thì phải dùng nghị lực, quyết tâm, vượt lên chính mình để từ bỏ con đường sai trái. Bên cạnh đó nhà nước cũng phải đưa những người nghiện vào trường cai nghiện, tạo công ăn việc làm cho họ, tránh những cảnh ” nhàn cư vi bất thiện”, giúp họ nhanh chóng hoà nhập với cuộc sống cộng đồng, không xa lánh, kì thị họ. Ma túy quả là một con quỷ khủng khiếp nhất của gia đình và xã hội, còn hơn cả bệnh tật và đói khát. Chúng ta vẫn có thể phòng trừ nanh vuốt của con quỷ dữ này. Mỗi chúng ta phải nêu cao cảnh giác, chung tay ngăn chặn nó, mở rộng vòng tay đỡ lấy những người nghiện, đừng để họ lún quá sâu vào bóng tối. Đặc biệt là học sinh chúng ta phải kiên quyết nói không với ma túy, xây dựng một mái trường, một xã hội không có ma túy.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em có suy nghĩ gì về những tấm lòng cao cả hướng về miền Trung trong những ngày mưa lũ vừa qua

Hà Nội đang vào thu - mùa của những cảm giác lãng mạn và ngọt ngào nhất! Đó là bầu trời xanh với lãng đãng mây trắng trôi; là gió heo may khô và lạnh len trong từng góc phố; là sắc vàng giòn tan của lá cây rơi rụng trên những con phố dài . Thu đến với người Hà Nội như tôi, như bạn, như chúng ta thật yên ả và mệnh mang biết mấy! Thu đến, cũng là lúc tâm hồn chúng ta mang những nỗi buồn không tên. Nhưng có ai hay, mùa thu đối với người dân miền Trung lại không phải là khoảng thời gian êm đềm. Họ không có những nỗi buồn thanh cao, xa vời ấy. Thu miền Trung, với Hà Tĩnh, với Quảng Bình... chỉ là mùa của bão lũ tang thương, của mất mát bộn bề, của những giọt nước mắt xót xa khi nghĩ về tương lai: “cứ như ri mãi mãi mới hết nghèo được...” Nước ta có hình chữ S. Miền Trung là phần đất nhô ra biển Đông, xung quanh lại không có đảo nên luôn phải hứng chịu những cơn bão từ biển đổ vào. Mỗi năm trôi qua là từng ấy năm miền Trung phải oằn mình chống chọi với bão lũ. Năm nào năm ấy cứ đều đặn như một vòng tròn nghiệt ngã! Người dân miền Trung không mấy lúc được ấm no, hạnh phúc! Mẹ thiên nhiên hiền hòa là thế khi ban tặng cho con người biết bao điều quý giá, nhưng cũng dữ dội đến thế khi trút xuống nhân loại những thiên tai hãi hùng, đủ để nhấn chìm mọi thứ: nhà cửa, ruộng nương; nhấn chìm cả những giấc mơ giản dị của một đời người lam lũ. Bão đến, lũ về. Bão đến, cây ngã. Bão đến, nước ngập, gia súc, gia cầm tháo chuồng trôi theo con nước dữ. Mấy ngày nay cơn bão số 10 đổ vào miền Trung. Nó đến nhanh và đi cũng chóng vánh, lấy mất tất cả, chỉ để lại những tang thương. Tôi từng hỏi bố mình - một người dành trọn tuổi thơ sống với cái khó nhọc miền Trung mùa nước lũ - “Bố đã từng phải trải qua cơn bão nào lớn như thế này hay chưa?” Bố bảo: “miền Trung thì năm nào mà chẳng có bão to đến mức ấy”. Rồi bố kể cho tôi nghe những ký ức về một cơn bão năm 1972 - cơn bão mà bố nhớ nhất trong đời. Tất cả đều bắt đầu từ những tiếng gió gầm rít dữ dội. Cả nhà đang ngủ thì bị đánh thức bởi tiếng quật ầm ầm của gió, của cây, theo sau đó là tiếng súc vật, tiếng sữa ầm ỉ vang lên đến chói tai. Hồi đó bố và ông bà sống trong mái nhà tranh lụp xụp, cứ bão đến là liêu xiêu chẳng thể nào đứng vững. Thấy ông bà hốt hoảng khi bão về, bố cũng sợ sệt, hoảng hốt theo. Bố chưa rõ bão là cái gì

nhưng nhìn ông bà thôi, cái tiềm thức và nỗi sợ vô hình cũng khiến một thằng bé lúc đó khóc òa lên và chui xuống gầm giường, trốn biệt. Thế rồi cả nhà chạy lũ, chạy sang làng bên đất cao hơn, trú ở đây dăm ba ngày mới dám dắt díu nhau trở về. Lụt xong, chạy về, nhìn căn nhà mà ngơ ngác! Mọi thứ đều ráo hoảnh, chỉ sót lại vài ba cái xoong chảo ngổn ngang trong bếp, những cái ghế gãy nát ngả nghiêng, một đồng thóc lúa ngâm nước nẩy mầm gần hết; sót lại cả những nỗi lo lắng bộn bề. Sau cơn bão, mất mát lớn nhất không phải là của cải mà là con người. Mới dăm bữa trước đây còn ngồi bên cạnh nhau, chung cơm, chung đũa, nói cười nay những nụ cười ấy chỉ còn mang màu vàng úa của quá khứ. Gian nhà hàng xóm trước rộn tiếng cười, nay tiếng khóc chẳng thể nào dứt. Khóc đến khô cả họng, nghẹn cả lời, đến hai tay áo ướt đầm vì nước mắt, rồi khi chẳng còn đủ sức mà khóc nữa thì con người ta gục xuống, thấy tâm hồn mình nát vụn, cùng người vừa ra đi theo dòng nước lũ, trở về cát bụi. Vừa qua bão số 10 đổ bộ vào Quảng Bình có đi qua ngôi nhà quê hương của cố đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cây cối trong vườn bị gió quật nát nhưng cây khế cổ thụ gắn bó với tuổi thơ của cố đại tướng vẫn còn đó, kiên cường, dũng mãnh. Đó là một minh chứng cho sức mạnh của vùng đất – con người miền Trung. Những người dân có vẻ ngoài bé nhỏ, nước da bánh mật ấy đã hàng nghìn đời nay chống chọi với bão lũ, không ngừng mơ ước về một cuộc sống bình yên – hạnh phúc – no đủ. Những giọt nước lặn chảy vào trong tim để rồi họ lại tất bật phơi thóc, tìm cách cứu vớt những gì còn sót lại sau cơn bão. Mỗi người dân miền Trung đều là anh hùng của đất nước Việt Nam. Sức mạnh con người là vũ khí vô giá nhất mà không bão tố nào làm hư hỏng được, niềm tin con người là tài sản quý giá nhất không lũ lụt nào có thể cuốn trôi! Những bạn trẻ đang sống trong một cái kén bằng nhung lụa, xin hãy đừng ngủ quên trong bình yên, không màng tới những phong ba có thể va vấp trong cuộc đời này. Cao hơn cả những giá trị vật chất tầm thường là tâm hồn và khát vọng sống của mỗi con người, đừng phụ thuộc vào những gì sẵn có mà nuông chiều bản thân trong hạnh phúc giả tạo – thứ hạnh phúc được tạo ra bởi công sức lao động của bố mẹ chúng ta. Hãy “xách” ước mơ lên và đi, tự làm chủ cuộc đời mình! Đừng quá lo lắng về thất bại! Trên tất cả những con đường dẫn đến thành công thì thất bại cũng chỉ là một điểm dừng. Thay cho lời kết, tôi xin mượn câu nói của Márai Sádor gửi đến các bạn như một bức thông điệp để ngỏ... “Trong mắt người khác bạn có thể thất bại vài ba lần nhưng với bản thân bạn không được phép trở nên mềm yếu, vì đấy là sự thất bại thảm hại nhất”

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu suy nghĩ của em về tình cảm thầy trò bằng 1 đoạn văn khoảng 20 dòng

Lúc còn ấu thơ, chắc ai ai cũng ngỡ rằng chỉ có cha mẹ là cho ta tình cảm nhiều nhất. Nhưng không! Thời gian cứ trôi lặng lẽ và từ khi được cấp sách tới trường thì em mới nhận ra được rằng tình cảm của thầy cô dành cho em cũng như tình cảm của cha mẹ dành cho em vậy. Cô như người mẹ, thầy như người cha đã dìu dắt chúng em trên con đường học vấn. Thời cấp sách tới trường của mỗi chúng ta là khoảng thời gian đẹp nhất, thời của tuổi mộng mơ, của những ý tưởng vụt đến rồi vụt đi, của cả sự ngộ nghĩnh. Chính thầy cô là những người thay đổi cuộc đời chúng ta, uốn nắn chúng ta từng chút một trên con đường học tập. Ngày ngày đến lớp đều được nghe những lời nói ngọt ngào và ấm áp của thầy cô. Ôi! Những lời nói thân thương chứa đựng biết bao tình cảm như những dòng sữa rót vào lòng chúng em. Từ khi chúng em còn bi bô tập nói thì đã được đưa tới trường mẫu giáo để tập làm quen với trường lớp. Cũng chính tại đó, thầy cô đã dạy cho chúng em biết thế nào là lễ nghĩa, là biết cách cư xử cho phải phép. Ngày ngày trôi qua, chúng em dần dần bước lên những bậc cao hơn của nấc thang kiến thức và thầy cô luôn dõi theo chúng em. Từ một con điểm tốt, một ý tưởng hay cho đến một sai phạm nhỏ, một lần không thuộc bài, thầy cô đều chú ý khen ngợi hoặc nhắc nhở. Thầy cô là những người thầm lặng đưa chúng em đến đỉnh cao của kiến thức, cho chúng em một tương lai tươi đẹp. Thầy cô - hai tiếng thiêng liêng mà chỉ có những học sinh đủ tư cách mới được phép gọi. Họ là những người đã dẫn dắt chúng em đi trên con đường đời của riêng mình, người đã chấp cánh ước mơ cho chúng em. Mọi người vẫn thường nói thầy cô là người lái đò cho học sinh. Khi một năm học kết thúc là chuyển đò cập bến. Có lẽ trong chuyến đò đó đã có biết bao điều thú vị. Thầy cô dạy cho em biết rằng trong cuộc sống có rất nhiều khó khăn, thử thách nhưng cũng có vô vàn niềm vui và sự bất ngờ. Nhờ thầy, nhờ cô luôn tận tình điều khiển, lèo lái chuyến đò đó mà chúng em đã vượt qua tất cả những khó khăn, để rồi theo chuyến đò cập bến cảng kiến thức trong niềm vui. Không chỉ riêng của chúng em mà còn của cả thầy cô nữa. Những gì thầy cô làm cho chúng em thiêng liêng, cao quý đâu kém những gì cha mẹ làm cho chúng em vậy. Cuộc đời của mỗi chúng ta chắc chắn sẽ không thể phát triển, chắc chắn sẽ vô ích nếu như không có sự nuôi

dưỡng và giáo dục. Vốn tạo hóa đã sinh ra như vậy, là con người, ai cũng có cha, có mẹ, có bạn bè, có người thân. Chúng ta được hưởng công ơn sinh thành, được hưởng sự nuôi dưỡng của cha mẹ để lớn lên từng ngày, được sự chia sẻ, giúp đỡ của bạn bè, người thân để sống tốt hơn, phát triển hơn. Thế nhưng, chúng ta còn được hưởng một thứ vô cùng to lớn, vô cùng quan trọng đó là tình yêu thương, sự giáo dục, dạy dỗ của những người thầy giáo, cô giáo trong những mái trường thân thương. Đối với chúng em, đó là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng và quý giá. Nó theo chúng em ngay từ những ngày còn thơ ấu, từ những ngày mới học con chữ đầu tiên. Hình ảnh người thầy, cô giáo đã xuất hiện trong chúng em ngay từ những ngày em tập đọc, tập viết. Có ai thử tưởng tượng đến hình ảnh những người thầy đêm đêm thao thức với ngọn đèn dò từng chữ một trên bài làm của học sinh, soạn ra những bài học, những kiến thức mới chuẩn bị cho tiết giảng của ngày hôm sau, hay tìm ra những phương pháp, cách dạy, cách học tốt nhất nhằm giúp học sinh của mình học tập tốt hơn. Có ai tưởng tượng đến hình ảnh người thầy đứng trên bục giảng say sưa giảng bài, đôi mắt hướng cái nhìn trìu mến về phía học sinh của mình. Thầy cô vất vả, cực nhọc vì học trò là thế, vậy mà lắm khi chúng em lại gây ra những điều sai trái khiến thầy cô lại phải lo lắng, bận lòng. Lắm khi chúng em không trật tự nghe giảng, lắm khi chúng em nói năng vô lễ, hành xử sai trái khiến thầy cô phải suy nghĩ, nhắc nhở. Thế nhưng, tình cảm của thầy cô đối với chúng em cũng không vì thế mà phai nhạt, tình cảm ấy cứ mỗi ngày một nhiều hơn, đậm đà hơn. Những tiếng gọi thiêng liêng “cha, mẹ, thầy, cô” là những tiếng gọi chứa đựng bao tình cảm thân thương và sâu sắc trong lòng em. Cha mẹ là người đã có công sinh thành ra em, thì thầy cô là người đã có công dạy dỗ em. Mái trường giống như ngôi nhà thứ hai của em, thì thầy cô cũng giống như cha mẹ thứ hai của em vậy. Em xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô đã không quản ngại khó nhọc để dạy dỗ, bảo ban chúng em, để đưa chúng em trở thành người con ngoan trò giỏi. Em tự hứa với lòng mình là sẽ luôn vâng lời thầy cô và học tập ngày một tiến bộ hơn để mai sau sẽ trở thành một công dân có ích cho xã hội, cho đất nước. Em mong rằng thầy cô luôn tin tưởng em. Cuối cùng, chúng em xin kính chúc quý thầy, cô giáo trên toàn đất nước mỗi ngày có thêm nhiều sức khỏe, thành đạt hơn, thành công hơn để luôn luôn là những toa tàu đi đầu, hướng dẫn đàn em của mình đưa đất nước mỗi ngày một vinh quang hơn. Thầy cô ơi! Lúc nào em cũng thương yêu và kính trọng thầy cô nhiều lắm! Viên phấn nào trên tay Thầy dạy em học chữ Bụi phấn nào bay bay Vương tóc thầy trắng xóa. Bao mùa thu đi qua Thầy xưa nay đã già Khai trí em thêm sáng

Cho cây đời nở hoa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu những suy nghĩ, cảm xúc của em về thầy cô, bè bạn, mái trường, tình thầy trò, ...

Không phải ngẫu nhiên, con người ta khi rời xa mái trường, xa quãng thời gian cắp sách đi học đều mang trong mình nỗi nhớ da diết về những ngày tháng hồn nhiên, ngây thơ bên trang vở nhỏ, cùng bao hoài bão, ước mơ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường. Đây là những kỉ niệm tươi đẹp, khó quên mà ai cũng mang theo suốt cuộc đời người. Và đối với tôi, thời được làm học sinh cấp ba có lẽ là quãng thời gian tuyệt vời nhất của tuổi học trò. Dưới mái trường THPT Chuyên Lê Khiết này, tôi đã lớn lên trong tình yêu thương, đoàn kết của thầy cô, bạn bè, học được bao điều mới mẻ, mà chắc chắn rằng, chúng sẽ là hành trang giúp tôi vững bước vào đời. Nhớ khoảng thời gian hơn một năm về trước, lúc đấy tôi còn là tân học sinh của trường, vô cùng lạ lẫm nhưng cũng rất thích thú. Tôi được xếp vào lớp 10Anh1 cùng với những người bạn đến từ các huyện và thành phố ở cái tỉnh Quảng Ngãi nhỏ bé này. Lớp chúng tôi học ở dãy cũ nhất của trường, nhưng không vì vậy mà chúng tôi bớt háo hức hay hụt hẫng. Chính nhờ điều đó mà chúng tôi luôn có cảm giác tự hào về mái trường với bề dày thành tích, truyền thống dạy học và các thể hệ học sinh xuất sắc đã qua. Mỗi ngày đến trường đối với tôi thật sự mà nói thì chính là niềm vui, niềm hạnh phúc lớn lao. Tôi yêu cái cổng trường rộng mở với dòng chữ “Trường THPT chuyên Lê Khiết” thật to, thật đẹp như luôn đón chào những cô cậu học sinh chúng tôi, yêu những thầy cô giáo ngày đêm tận tụy, miệt mài chèo lái con thuyền tri thức đưa học sinh cập bến bờ tương lai, yêu những bác bảo vệ với nụ cười hiền hậu, yêu những cây bàng già bao mùa thay lá, yêu cả tiếng trống trường rộn rã mỗi giờ tan trường,.... Và hơn thế nữa, tôi yêu lớp của mình! Nhắc đến tập thể lớp, lòng tôi dường như đang nở hoa vậy. Nhớ những ngày đầu, hầu như ai cũng nhút nhát, còn ngại ngùng không dám nói chuyện. Đây cũng chính là khoảng thời gian khó khăn nhất của chúng tôi. Chưa quen trường mới, bạn mới, chưa tiếp xúc nhiều với phương pháp giáo dục từ một ngôi trường chuyên, chúng tôi đã vô cùng hoang mang, lo sợ, cảm giác chên vênh lắm! Ấy vậy mà, nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình và những lời khuyên chân thành, đúng đắn của cô Thanh Hà_giáo viên chủ nhiệm năm lớp 10, chúng tôi đã vượt qua khoảng thời gian ấy một cách suôn sẻ, tốt đẹp. Để giờ đây, trải qua hơn một năm học tập, tập

thể lớp chúng tôi đã trở nên thân thiết, gắn bó như anh em trong một gia đình. Chúng tôi đã cùng nhau dệt nên bao kỉ niệm tươi đẹp, bao khoảnh khắc đáng nhớ của tuổi học trò: từng tranh cãi, từng giận hờn, trêu chọc lẫn nhau, nhưng sau đó là sự quan tâm, chia sẻ và yêu thương; từng cùng nhau cố gắng học tập, hoàn thành những công việc, hoạt động Đoàn, lớp, và trải qua niềm vui sướng khi giành được những giải thưởng lớn nhỏ..... Trong tôi vẫn lưu giữ kỉ niệm về những buổi lao động vất vả nhưng đầy ắp tiếng cười, những buổi liên hoan văn nghệ sôi nổi, hay bạn bè cùng nhau tụ tập đá bóng, cả những giờ ôn tập giữa cái nắng trưa hè oi ả cùng với tiếng ve kêu râm ran trên chòm phượng vĩ đỏ rực... Tất cả đều là những khoảnh khắc thân thương, những cảm xúc rất thực, rất gần. Có thể nói, lớp chúng tôi với 35 cá thể riêng biệt, mỗi người một tính cách, ai cũng có ưu khuyết điểm riêng, nhưng chúng tôi đã hợp lại thành một tập thể vô cùng đoàn kết, vô cùng tuyệt vời! Tôi luôn tự hào và cảm thấy may mắn khi được học trong lớp 11Anh1 này. Có lẽ không riêng gì tôi mà tất cả các thế hệ học sinh từng gắn bó với ngôi trường THPT Chuyên Lê Khiết này một tình cảm thật đặc biệt. Đây chính là môi trường tốt để chúng tôi có thể thỏa sức học tập, kết bạn và tiếp thu kiến thức. Chúng tôi nhận được sự dạy dỗ tận tâm, chu đáo của các thầy cô, mỗi thầy cô một phong cách, một phương pháp giảng dạy nhưng ở họ vẫn có chung tình yêu thương dành cho học trò của mình. Những bài giảng của thầy cô đều tràn đầy nhiệt huyết, tràn đầy lòng yêu nghề và vô cùng bổ ích, bên cạnh đó, thầy cô luôn mang đến cho chúng tôi những kinh nghiệm sống, những bài học làm người. Vì vậy, chúng tôi luôn cảm thấy thú vị, đầy hứng khởi khi được tiếp thu những kiến thức quý giá này. Ngoài quan tâm đến việc học, trường còn tạo nhiều sân chơi bổ ích cho học sinh để có thể thể hiện tài năng, tính sáng tạo của mình. Tôi vô cùng tự hào khi học sinh trường chúng tôi không chỉ học giỏi mà các hoạt động ngoại khóa cũng tham gia rất tốt. Điều này làm học sinh chúng tôi vô cùng phấn khích và có thêm động lực học tập hơn nữa. Chỉ còn sắp sửa hơn một năm nữa là chúng tôi phải rời xa những tán bàng xanh, những mùa hoa phượng đỏ, xa mùi hoa sữa nồng nàn khi thu đến, xa tuổi học trò hồn nhiên, trong sáng, và xa mái trường mà tôi đã gắn bó suốt ba năm học để nhường chỗ cho những thế hệ mới với những con người mới. Trong lòng tôi bỗng dâng lên cảm xúc khó tả! Tôi tin rằng dù cho guồng quay thời gian cứ tiếp tục trôi đi nhưng chắc chắn những kỷ niệm dưới mái trường THPT Chuyên Lê Khiết này sẽ vẫn mãi vẹn nguyên.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của bạn về ý kiến sau
Sống đẹp, trước hết, phải sống biết thương, quan tâm, chăm sóc, gắn bó, đồng cảm, vị tha với tất cả những người xung quanh bạn

Dàn bài: 1. Mở bài - Giới thiệu, dẫn dắt để nêu vấn đề + Trực tiếp: nêu ngay câu “Sống đẹp,...” vào nội dung + Gián tiếp: lựa chọn lối sống là vấn đề vô cùng khó khăn, đặc biệt đối với bạn trẻ. + Phản đề: nêu thực trạng một bộ phận thanh thiếu niên sống ích kỉ, trục lợi. - Nêu vấn đề: vấn đề sống đẹp mà câu thơ của Tố Hữu đưa ra là vấn đề mỗi con người cần nhận thức và rèn luyện một cách đúng đắn, tích cực. 2. Thân bài a. Biểu hiện của lối sống đẹp - Sống có lí tưởng, mục đích đứng đắn, cao đẹp: + Sống tự lập, có ích cho xã hội. + Sống biết dung hòa lợi ích bản thân và cộng đồng. + Sống có ước mơ, khát vọng, hoài bão vươn lên, khẳng định giá trị, năng lực bản thân. - Sống có tâm hồn, tình cảm lành mạnh, nhân hậu: + Sống hiếu nghĩa với người thân. + Quan tâm, yêu thương, chia sẻ với những người xung quanh. + Dũng cảm, lạc quan, giàu ý chí, nghị lực. + Không chạy theo lối sống lập dị, không phù hợp với truyền thống, thẩm mỹ, văn hóa dân tộc. - Sống không ngừng học hỏi, mở mang trí tuệ, bồi bổ kiến thức: + Học để biết, để có kiến thức về các lĩnh vực xã hội, để khám phá chính mình. + Học để sống có văn hóa, tiến bộ. + Học để làm, để chung sống, để khẳng định chính mình. - Sống phải hành động lương thiện, tích cực: + Không nói suông mà phải có hành động cụ thể để chứng tỏ lối sống đẹp. + Hành động cần có tính xây dựng, tránh vì lợi ích cá nhân mà gây bất lợi cho lợi ích tập thể. b. Phê phán quan niệm và lối sống không đẹp. - Thói ích kỉ, vụ lợi không những làm cho con người nhỏ nhen, ti tiện, vô cảm mà còn gây những hậu quả xấu cho xã hội: như nạn tham ô, phạm pháp, - Thói sống buông thả, tùy tiện, thiếu lí tưởng dẫn đến tình trạng tha hóa nhân cách, sống vô nghĩa, không có mục đích, vô giá trị, sống thừa. - Thói lười nhác trong lao động, học tập dẫn đến ngu dốt, thiếu kĩ năng sống, kĩ năng làm việc và quan hệ xã hội. - Sống vô cảm, thiếu tình yêu thương, lòng trắc ẩn ... dẫn đến cô độc, thiếu tính nhân văn. c. Phương hướng rèn luyện lối sống đẹp. - Tích cực học tập trong cuộc sống, lịch sử, sách vở. - Xác định mục đích sống rõ ràng. - Rèn luyện đạo đức, tinh thần lao động, mở mang trí thức. 3. Kết bài - Khẳng định ý nghĩa tích cực của lối sống đẹp. + Sống đẹp là chuẩn mực cao nhất của nhân cách con người, là tiêu chí đánh giá giá trị con

người. .

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ về ý kiến: “Cách thích ứng tốt nhất với cuộc sống này là chấp nhận thực tế và tin vào chính mình “

- Mở đoạn: + Giới thiệu ngắn gọn vấn đề cần nghị luận + Trích dẫn ý kiến -
Thân đoạn: - Giải thích ngắn gọn nhận định -> xác định rõ vấn đề cần nghị luận: Cách thích ứng tốt nhất với cuộc sống này là chấp nhận thực tế và tin vào chính mình + Chấp nhận thực tế: Không phủ nhận sự việc đã xảy ra, tin rằng nó đã xảy ra trong cuộc sống + Tin vào chính mình: Tự tin vào năng lực của bản thân ~> Đây là lời nhận định đề cao sự tự chủ của bản thân trước biến cố của cuộc đời, biết chấp nhận và vượt lên trên số phận . Đó là sự lựa chọn hàng đầu thông thái chính xác nhất để thích nghi với cuộc sống - Đưa ra những đánh giá về vấn đề, lí giải bằng lí lẽ dẫn chứng + Bóc tách, lí giải con người luôn phải ứng phó với cuộc sống thực tại? + Sự tự chủ, đón nhận mọi thách thức, đương đầu với cuộc sống đem đến lợi ích như thế nào? Những biến cố , những thăng trầm trong cuộc sống sẽ ra sao nếu con người biết tự chủ , tin tưởng vào khả năng của mình? + Dẫn chứng: Nick, chàng trai bại não trở thành thạc sĩ đại học Harvard Mỹ, Nguyễn Đình Chiểu dù bị mù nhưng vẫn mang đến nhiều cao lao to lớn cho văn chương , phụng sự cho kháng chiến - Bàn bạc mở rộng: + Phê phán lối sống thụ động, thiếu chính kiến tự tin: Mới khó khăn đã tự tử.... + Liên hệ thực tế xã hội, bản thân -> Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân - Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự thấu cảm trong cuộc sống

Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Giải thích: Thấu cảm là khả năng nhìn nhận thế giới bằng con mắt của người khác, là sự thấu hiểu, cảm thông trọn vẹn. - Bàn luận: Sự thấu cảm có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống. + Sự thấu cảm là cội nguồn của lòng trắc ẩn, của tình yêu thương, mang con người lại gần nhau hơn. + Có cái nhìn hiểu biết, thấu đáo, trọn vẹn; giúp ta biết cảm thông và chia sẻ với niềm vui, nỗi buồn; vị tha với lỗi lầm của người khác. + Như chúng ta thấy sự thấu cảm là khả năng đồng cảm, thấu hiểu, cảm thông đối với người khác, đặt cá nhân mình vào vị thế, suy nghĩ của người khác để hiểu sâu sắc tình cảm, hành động của người đó. + Khi có được sự thấu cảm, ta có thể có thể hòa hợp với tâm trạng của người ấy và có mong muốn được chia sẻ từ niềm vui đến nỗi buồn. Đó chính là lòng trắc ẩn. + Có được sự thấu cảm, mỗi người sẽ biết cảm thông, yêu thương và cũng chính là biểu hiện của lòng nhân ái, sự trắc ẩn. + Sự thấu cảm có thể mang lại sức mạnh kỳ diệu làm thay đổi con người, hướng con người tới sự hoàn thiện nhân cách. + Phê phán những người sống thờ ơ, dửng dưng, lạnh lùng, vô cảm. - Bài học: + Ý thức được ý nghĩa và sức mạnh của tình yêu thương và sự cảm thông. + Biết sẻ chia ngay từ những điều nhỏ bé của cuộc sống với mọi người xung quanh. “Có gì đẹp trên đời hơn thế Người yêu người sống để yêu nhau”. + Muốn rèn luyện lòng thấu cảm, phải luôn sống chân thành, cởi mở, bao dung và vị tha. => Tóm lại, mỗi chúng ta cần có lối sống tích cực và xây dựng cho mình những tình cảm tốt đẹp, từ đó có sự thấu cảm trong cuộc sống.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bi kịch tình yêu của Thúy Kiều trong đoạn trích Trao Duyên

DÀN Ý 1. Thúy Kiều nhờ em là Thúy Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng: *Thúy Kiều nói câu chuyện tế nhị với Thúy Vân - tâm trạng nặng nề, khó nói được thông qua những từ ngữ rất sắc sảo, tinh tế:* - Kiều đang ở trong tâm trạng dẫn dắt qua những câu: “Hờ môi ra cũng thẹn thùng”, sau đó mời Thúy Vân ngồi và bắt đầu câu chuyện. - “Cậy em”: nhờ vả, tin tưởng em. - “Chịu lời”: nhận lời → hiểu được sự thiệt thòi trong tình cảm Thúy Vân - vì thông cảm chị mà nhận. - “Chị lạy - thưa”: trái lẽ thường → tạo không khí trang nghiêm → biết rằng đây là việc hệ trọng. → Cách nói tạo sự ràng buộc tế nhị, Thúy Vân khó từ chối. “Giữa đường đứt gánh tương tư Hiếu tình khôn dễ hai bề vẹn hai” → Thúy Kiều ở vào tình cảnh không thể khác → là lý do để nhờ em. “Ngày xuân em hãy còn dài Xót tình máu mủ thay lời nước non” → Cách nói tế nhị - Thúy Kiều gợi đến tình máu mủ, thân thuộc thiêng liêng để Thúy Vân không thể chối từ. “Chị dù.... thơm lây” → Câu thơ mang phong cách thành ngữ, bộc lộ tâm sự của Thúy Kiều sâu thẳm đáy lòng. Người chị bất hạnh đã nói với em những lời gan ruột. → Giọng thơ đều đều, lời của Kiều có tính chất giải bày (lời của lý trí) chứng tỏ: trước khi nói, Thúy Kiều đã suy nghĩ, đắn đo nhiều. Nguyễn Du đã kết hợp hài hòa giữa cách nói trang trọng văn hoa của văn chương quý tộc với cách nói giản dị nôm na → Tâm trạng biết ơn chân thành đối với em mình

2. Tâm trạng bi kịch của Thúy Kiều: (15 câu thơ tiếp theo) - Thúy Kiều đau khổ coi mình như người đã chết → “người mệnh bạc”. - Những kỷ vật để lại thể hiện nỗi đau xót của nàng: “Chiếc vành với bức tờ mây Duyên này thì giữ / vật này của chung” → Luyến tiếc, đau khổ, xót xa trong tình cảm: Duyên trao, kỷ vật luyến tiếc không nỡ rời xa. → Giọng thơ là tiếng khóc nghẹn, xót xa, đau khổ cho chính mình. - “Dù em nên vợ nên chồng...” → Thái độ lúng túng của Thúy Kiều: + Về lý trí: muốn Thúy Vân và Kim Trọng nên vợ chồng. + Về tình cảm: dường như không muốn thế. - “Mai sau.... thác oan” → Giọng điệu và từ ngữ biểu đạt sự đau khổ tột đỉnh: Quá khứ rục rĩ, hiện tại chia ly đau xót, tương lai mịt mù, không hi vọng. Kiều đang đắn đo Thúy Vân nhưng càng nói dường như Kiều quên sự có mặt của Thúy Vân → Hình dung tương lai mờ mịt bi thảm của mình → tâm trạng càng lúc càng bi thiết,

giọng điệu phảng phất như từ cõi âm vọng về. - “Bây giờ trâm gãy bình tan....” → Hiện thực quá đau khổ, số phận bất hạnh đã đẩy con người có tình yêu đẹp vào sự chia ly, tan vỡ. Câu thơ mang tính ước lệ, thể hiện nỗi đau thân phận trong hiện tại của Thúy Kiều. - “Tơ duyên ngắn ngủi” “Phận bạc như vôi” “Nước chảy hoa trôi lỡ làng” → Lời thơ ghen ngào, đau xót của một con người ý thức được nỗi đau khổ, bất hạnh (mệnh bạc). - “Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!” → Nỗi đau thốt lên tự đáy lòng. Thúy Kiều coi Kim Trọng như là người chồng và chính mình đã phụ phàng tình yêu ấy → Nỗi đau tột cùng vì tình duyên tan vỡ. Tình cảm lên đến cao trào, những tiếng kêu tuyệt vọng

3. Kết - Giúp ta cảm nhận được chủ đề bi kịch tình yêu tan vỡ trong Truyện Kiều: - “Sức cảm thông lạ lùng” của nhà thơ đối với những khát vọng hạnh phúc, những đau khổ của con người. - Thế giới nội tâm phong phú, phức tạp, chân thực của con người được thể hiện tài tình qua ngòi bút tuyệt vời của Nguyễn Du. - Nguyễn Du miêu tả tinh tế tâm lý nhân vật với những diễn biến phức tạp trong tâm trạng Thúy Kiều. Ngôn ngữ đặc sắc Nôm, thông dụng đời thường - Đoạn trích đi vào đề tài truyền thống nhưng được biểu hiện qua tấm lòng có sức đồng cảm sâu xa. Tình cảm - bi kịch của Thúy Kiều để lại sự thông cảm sâu sắc trong lòng người đọc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về ý kiến sau:
“Sống đẹp, trước hết, phải sống biết thương, quan tâm, chăm sóc, gắn bó, đồng cảm, vị tha với tất cả những người xung quanh bạn”

Ý chính trong bài: 1. Dẫn dắt: Đã có bao giờ bạn tự hỏi “Ồi sống đẹp là thế nào hỡi bạn?” như nhà thơ Tố Hữu? Vậy thì ý kiến sau sẽ là định hướng dành cho bạn => Dẫn dắt ý kiến 2. Giải thích ý kiến: Ý kiến khá rõ ràng, nên bạn chỉ cần nhắc lại hoặc tìm từ đồng nghĩa với các từ trong ý kiến để giải thích 3. Bàn luận: - Một trong những biểu hiện của sống đẹp là sự quan tâm, chăm sóc với những người xung quanh + Cuộc sống sẽ trở nên tươi đẹp hơn nếu chúng ta dành cho nhau những cái ôm ấp áp, sự quan tâm, săn sóc ân cần chú đáo, với mọi người + Bản thân mỗi chúng ta sẽ nhận được nhiều yêu thương và hạnh phúc hơn khi quan tâm đến người khác. Biết cách quan tâm người khác cũng chính là biết yêu thương bản thân mình - Không chỉ quan tâm chăm sóc, để sống đẹp, bạn cần biết đồng cảm, vị tha với những người xung quanh + Đồng cảm với những người xung quanh nghĩa là bạn thấu hiểu được nỗi khổ của họ để từ đó mà cảm thông sẻ chia + Sẵn sàng vị tha cho bất cứ ai biết hối lỗi sau khi phạm phải lỗi lầm. Oán trách chỉ khiến ta thêm bận lòng vậy tại sao không vị tha để lòng thanh thản và hạnh phúc. Đó chẳng phải là sống đẹp hay sao? 4. Mở rộng: - Cần sống đẹp cả bên trong lẫn bên ngoài, không chỉ vì mình mà còn vì người khác chứ không phải sống đẹp theo kiểu giả tạo để phục vụ lợi ích cá nhân - Sống đẹp nhưng phải có chừng mực, biết quan tâm săn sóc đúng cách, đồng cảm vị tha đúng lúc. - (Có nhiều lối sống đẹp khác nữa, bạn tự bổ sung)

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đoạn trích “Nỗi thương mình” trong Truyện Kiều

Nguyễn Du (1765 – 1820) quê ở Thăng Long, tên chữ Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. Ông sinh ra trong một gia đình quý tộc và sống trong xã hội phong kiến – một xã hội thối nát, suy thoái. Chính vì thế mà ông có dịp hiểu biết về lối sống phong lưu xa hoa của giới quý tộc phong kiến và có điều kiện dùi mài kinh sử. Ông được tiếp thu truyền thống học tập và sáng tác của cả gia đình, tạo cho ông vốn học vấn Nho học uyên thâm, lối sống tao nhã, khiến ông hiểu rõ về tầng lớp phong kiến. “Truyện Kiều” còn có tên Đoạn Trường Tân Thanh là một trong những sáng tác chính của ông. Bên cạnh đó “Nỗi Thương Mình” là một đoạn trích thể hiện khá rõ tài năng nghệ thuật độc đáo, cái nhìn vượt thời đại và đặc biệt tinh thần nhân đạo mới mẻ của đại thi hào Nguyễn Du. Đoạn trích chỉ vỏn vẹn hai mươi câu, từ câu 1229 đến câu 1248, cho thấy tâm trạng đau đớn, tủi nhục, nỗi cô đơn, thương thân trách phận và ý thức sâu sắc về thân phận bất hạnh của Thúy Kiều ở chốn lầu xanh. Từ lúc gia đình gặp biến cố, phải bán mình chuộc cha, trao duyên lại cho em là Thúy Vân, Kiều đã trải qua 15 năm lưu lạc, trong 15 năm ấy, Kiều gặp phải bao sự lọc lừa nhưng lần Thúy Kiều bị lừa đau đớn nhất có lẽ là lần nàng bị Mã Giám Sinh lừa bán đến lầu xanh. Nó là bước ngoặt bẻ ngang cuộc đời Thúy Kiều rẽ sang một hướng khác. Rơi vào tay Tú Bà, Kiều rút dao định tự tử nhưng không thành. Ở lầu Ngưng Bích, Kiều lại mắc bẫy Sở Khanh, bị Tú Bà đánh đập tơi bời. Tiếp đó là những tháng ngày ê chề nhục nhã của nàng trong vai trò kĩ nữ - gái làng chơi, đem tấm thân trong ngọc trắng ngà của mình mua vui cho những kẻ lắm tiền háo sắc. Những ngày Thúy Kiều ở chốn lầu xanh là những ngày nàng vô cùng buồn tủi, tâm trạng rối bời như tơ vò nghĩ về thân phận, sự tủi nhục của kiếp hồng nhan. Đoạn trích có một kết cấu khá logic với diễn biến tâm trạng và trở trêu của cuộc đời đầy bất hạnh khi nghe những lời độc thoại nội tâm đầy đau đớn: “Khi tỉnh rượu ...xuân là gì?” Đó cũng là thời điểm mở đầu cho những chuỗi tâm sự nối kết, ngổn ngang. Kiều nghĩ đến thân phận mình để rồi “mình lại thương mình xót xa” Kiều xót xa cho chính bản thân mình. Với nàng, hiện tại như một giấc mơ cay đắng khi nàng sánh với quá khứ. Mở đầu đoạn trích Nỗi Thương Mình là tâm trạng đau buồn, tủi hổ đến ê chề của Thúy Kiều phải ném trái tim vào chốn lầu xanh

của mục Tú Bà: “Biết bao bướm lả ong lơi, Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm. Dập dìu lá gió cành chim Sớm đưa Tống Ngọc tối tìm Trường Khanh” Bốn câu đầu của đoạn trích cho ta thấy rõ hình ảnh lối sống xô bồ, nhơ nhớp và thân phận bẽ bàng của người kỹ nữ ở chốn lầu xanh. Nguyễn Du đã miêu tả thật sống động bức tranh sinh hoạt ở chốn lầu xanh bằng bút pháp ước lệ tượng trưng. Trong chốn lầu xanh ấy Kiều phải tiếp khách mua vui cho “biết bao” người mà nàng không thể nào nhớ được hay là đếm được, bởi lẽ một điều rằng hằng ngày Kiều tiếp khách làng chơi triền miên “suốt đêm, sớm đưa, tối tìm” những từ ngữ ấy đã cho ta thấy được sự nhộn nhịp của chốn lầu xanh, nơi mà Tú Bà ăn nên làm ra. Bằng những hình ảnh ẩn dụ: bướm lả ong lơi, cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm” và các điển tích điển cố: “lá gió cành chim”, “Tống Ngọc, Trường Khanh” – chỉ chung cho loại khách làng chơi phong lưu Nguyễn Du cho thấy tình cảnh của Thúy Kiều tuy sống trong cảnh lầu xanh tưởng như thanh tao, phong nhã nhưng thực chất đó chỉ là giả tạo, hằng ngày K phải làm công việc nhơ nhuốc, tiếp đủ các loại khách đến mua vui. Điều này cho ta thấy rõ hơn về nỗi bất hạnh và tình cảnh trở trêu của Thúy Kiều. Bút pháp ước lệ giúp Nguyễn Du không tránh né số phận thực tế của Thúy Kiều mà vẫn giữ được chân dung cao đẹp của nàng. Qua đó ta thấy được thái độ trân trọng, cảm thông của tác giả đối với nhân vật. Nguyễn Du đã tái hiện cái hoàn cảnh của Thúy Kiều bằng những sự đối lập nghiệt ngã: một bên là nước mắt Thúy Kiều – một bên là những cơn say, trận cười triền miên. Do vậy ở bốn câu thơ đầu, mặc dù chưa được miêu tả trực tiếp, người đọc vẫn thấy Kiều đang bị cuốn đi trong một cơn lốc vô hình, bị buộc vào cảnh sống nhơ nhớp nơi nhà chứa. Hiện thực nghiệt ngã mà nhân vật phải trải qua, hé mở thân phận bẽ bàng của người kỹ nữ. Nguyễn Du đã mỹ lệ hóa cho cảnh sống ấy bằng một thứ ngôn ngữ ước lệ rất tài tình: ước lệ theo thành ngữ dân gian, ước lệ theo điển tích làm cho sự hồi tưởng kiếp sống đớn đau của Kiều trở nên tao nhã hơn. Bởi vì chỉ có hồi tưởng mới diễn tả hết sức sống chân thật của nội tâm nhân vật, mới thể hiện đúng nỗi đau, mới nổi bật được phẩm giá và sự chịu đựng giằng vò đáng thương của nhân vật. Đằng sau những câu thơ ấy là tấm lòng cảm thông, trân trọng mà tác giả dành cho Thúy Kiều. Bốn câu thơ đầu đã đặt ra một tình thế của tâm trạng. Ở lầu xanh có nhiều kỹ nữ, họ có thể bình thản coi việc làm của mình rất đời thường, trở trêu thay Kiều lại có một nhân phẩm quá đời cao đẹp, một tâm hồn trong trắng, một bông hoa từ cảnh sống “êm đềm trướng rủ màn che” bỗng nhiên bị ném vào bùn nhơ, hai câu tiếp nói về tâm trạng của Kiều trong những ngày tủi nhục, nỗi ê chề, sự ép buộc, đầy đọa mà Kiều phải chịu đựng: “Khi tỉnh

rượu lúc tàn canh Giật mình, mình lại thương mình xót xa” Ở nơi lầu xanh đây “cuộc say, trận cười” thì chỉ “khi tỉnh rượu lúc tàn canh” Kiều mới có một khoảng khắc hiểm hoai để sống thực với chính mình và cũng là hoàn cảnh Kiều tỉnh táo nhất đối diện với con người mình. Thời gian và không gian thật vắng lặng như gợi lên nỗi niềm xót xa. Nhịp thơ có sự thay đổi giữa hai câu thơ trên từ nhịp 3/3 chuyển sang nhịp 2/4/2. Hai chữ “giật mình” kết hợp với cách ngắt nhịp ấy đã diễn tả sự biến đổi đột ngột trong tâm hồn Thúy Kiều. Nàng bàng hoàng đau xót trước thực tại phũ phàng và trơ trọi chỉ có một mình nàng tự xót xa, đau đớn cho chính số phận bi thương, đoạn trường của mình. Giật mình không chỉ là hành động bên ngoài của nhân vật khi có một sự tác động đột ngột nào đó của môi trường bên ngoài. Đó là cái giật mình từ cảm xúc bên trong mà nếu không có thì Kiều cũng giống như tất cả các kĩ nữ khác trong thanh lâu của Tú bà. Kiều giật mình vì nhận ra sự tàn phá thảm hại về thể xác và phẩm cách của mình ở chốn lầu xanh, sự cô đơn lẻ loi của mình và sự yếu đuối bất lực của mình trước bao nhiêu sự xấu xa, cạm bẫy đang bủa vây mình mà không thể chống đỡ. Điệp từ “mình” lặp lại ba lần trong một câu thơ như tiếng nấc nghẹn ngào, tha thiết của Thúy Kiều ý thức được về phẩm giá, nhân cách, quyền sống bản thân đó cũng là ý thức cá nhân và quyền sống của con người trong lịch sử phong kiến mà Nguyễn Du muốn truyền tải đến người đọc. Đối với hai câu trên với nhịp thơ đầy nỗi tủi nhục của Kiều thì những câu tiếp theo sau là những hồi ức dội về, hồi ức tươi sáng và đập thực tại tăm tối đọa đày: “Khi sao phong gấm rủ là Giờ sao tan tác như hoa giữa đường Mặt sao dày gió dạn sương Thân sao bướm chán ong chường bấy thân” Một cô gái khuê các, tài sắc vẹn toàn, hiền lành đoan trang hết mực. Một cô gái nho gia bây giờ trở thành một cành hoa tan tác. Sự biến chuyển nhanh chóng đến mức chính Kiều cũng phải bàng hoàng, sửng sốt. Phép đối lập như một biện pháp nghệ thuật chủ yếu toàn đoạn trích và nhất là trong hai câu này càng tăng thêm giá trị biểu cảm. Nó tạo nên sự so sánh đối lập giữa hai quãng đời, hai thời gian, hai tình cảm. Cặp từ đối lập chỉ thời điểm: “Khi sao / giờ sao” tạo nên cảm giác đột ngột của sự thay đổi trong một khoảng thời gian không mấy cách biệt. Chính vì điều này đã làm vết thương của Kiều nhức nhối, đau đớn như đào sâu thêm vào nỗi xót xa, tê tái của Kiều. Quá khứ hiện về đối lập với thực tại một cách khốc liệt, Kiều hồi tưởng lại những tháng năm “êm đềm trướng rủ màn che” thì lập tức thực tại phũ phàng lại hiện lên rõ nét hơn gấp bội, từ “phong gấm” diễn tả một sự bình yên, êm đềm trong quá khứ đối lập gay gắt với từ “tan tác” trong câu thơ nói về hiện tại như cái thực trạng phũ phàng bao trùm vùi chôn quá khứ êm đẹp. Phép so

sánh “như hoa giữa đường” càng làm nổi bật sự đối lập tuyệt đối giữa quá khứ và thực tại, giữa cá nhân và hoàn cảnh. Cụm từ “bướm chán ong chường” và “dày gió dạn sương” là nét sáng tạo về cách dùng từ của Nguyễn Du, nhấn mạnh có ý so sánh theo mức độ tăng tiến cho ta thấy sự vui đập, chà đạp mà Kiều phải gánh chịu. Các câu hỏi tu từ ở đây dc Nguyễn Du sử dụng nhằm làm rõ hơn sự đau đớn, ê chề của Kiều trước thực tại phũ phàng, tàn nhẫn. Hai câu thơ day dứt một tiếng thở dài tuyệt vọng của một cô gái vốn tài sắc hơn người, khát khao hạnh phúc nhưng bây giờ đã chán ngán tất cả: “Mặc người mưa Sở mây Tần Những mình nào biết có xuân là gì?” Sống trong cảnh lầu xanh suốt ngày phải mua vui cho người khác hành hạ bản thân mình, lặp đi lặp lại hằng ngày ai cũng sẽ thấy chán chường muốn bỏ bê tất cả và Kiều cũng vậy. Sự đối lập giữa người – khách làng chơi (số nhiều) với chính mình – Kiều (số ít) như thể hiện tốt cùng nỗi cô đơn của nàng. Từ “xuân” ở đây ý chỉ niềm vui được hưởng hạnh phúc lứa đôi nhưng với Thúy Kiều sống làm vợ khắp người ta thì làm gì còn có mùa xuân, chỉ thấy trong đó là sự nhục nhã, lẻ loi, trơ trọi và cô đơn của cuộc đời người kĩ nữ mua vui. Từ “mặc” ở đây lại chỉ sự bất lực, mặc cho mọi thứ muốn tới đâu thì tới, dằn vặt nặng nề day nghiền của Thúy Kiều nhưng không làm sao khác được. “Đòi phen gió tựa hoa kề Ai tri âm đó, mặn mà với ai.” Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp hiện lên, có đủ cả: phong – hoa – tuyết – nguyệt, cảnh đẹp bốn mùa hội tụ vào nơi đây, gió xuân vi vu thổi, hoa hạ đua nhau khoe sắc ngát hương, trăng thu sáng vằng vặc, tuyết đông phủ kín cả lầu tất cả đều rất thực, rất sinh động như vẽ nên bức tranh đầy màu sắc, âm thanh của lầu xanh và trong đó có đủ những thú vui của con người: cầm – kì – thi – họa càng tô điểm cho bức tranh ấy thêm phần nhộn nhịp, sống động hơn bao giờ hết. Nhưng nêu lên những cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, tao nhã, nên thơ ấy lại như một sự giễu cợt, mỉa mai, chua chát. Vì dù nguy trang khéo đến mấy, cũng không thể che giấu nổi cái bản chất nhơ nhớp, bẩn thỉu bên trong của chốn “buôn thịt bán người”. Đoạn thơ vì thế đồng thời hướng vào tâm trạng Kiều: Kiều luôn phải tách mình thành hai nửa: một con người bề ngoài vui gượng, giả tạo và một con người thực, sống để xót xa mỗi lúc canh tàn. Cảnh không thể vui vì lòng người nặng trĩu nỗi tê tái.. Khi gió tựa hoa kề, khi cung cầm thi họa, lúc nào nỗi đau cũng dâng đầy và nghẹn ứ trong lòng nàng. Ý thức về nhân phẩm một khi trỗi dậy là lại bị giày xéo, khiến nàng không nguôi bề bàng, nhục nhã về thân phận. Hai từ “đòi phen” được lặp lại trong tám câu thơ càng thể hiện rõ hơn đó là một nỗi đau thường trực, chưa lúc nào thôi dằn vặt Kiều. Nỗi sâu của Kiều lan tỏa sang cảnh vật : “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu Người buồn

cảnh có vui đâu bao giờ” Bằng sự thông cảm lạ lùng, và bằng tài năng kì diệu, Nguyễn Du đã viết nên hai câu thơ hay nhất giữa ngoại cảnh và tâm cảnh, giữa cảnh và tình. Từ một trường hợp cụ thể, thơ Nguyễn Du đã vươn tới tầm phổ quát, trở thành chân lí của mọi thời. Có thể nói hai câu thơ là đỉnh điểm của đoạn trích vì nó gột tả được sâu sắc hơn bao giờ hết nội tâm của nhân vật từ đó lan tỏa sang cảnh vật một cách thật tự nhiên và hợp lí. Nỗi buồn của Thúy Kiều cứ dâng lên, như sóng cồn triền miên không bao giờ dứt, nó cứ khuấy động bên trong sâu thẳm con người Kiều để rồi đến một lúc nào đó, tức nước vỡ bờ, nó dâng lên cuộn cuộn đánh động vào nỗi lòng, cảm xúc của Thúy Kiều, khiến cho mọi vật qua cái nhìn của nàng đều trở nên u buồn, tăm tối, nhuộm màu tang thương. “Vui là vui gượng kéo là Ai tri âm đó mặn mà với ai?” Hai câu thơ cuối là nỗi lòng của Thúy Kiều được Nguyễn Du thể hiện một cách tinh tế, độc đáo mà tâm sự này, tâm trạng này, Kiều của Thanh Tâm tài nhân không hề có được. Từ “vui gượng” nói lên tất cả sự lạc lõng, cô độc cũng là sự mâu thuẫn, bế tắc không lối thoát của Kiều trước hoàn cảnh. Sống trong cảnh nhơ nhớp, phải tiếp khách làng chơi, trải qua những cơn say, trận cười quanh năm suốt tháng, phải lả lơi... là điều bất đắc dĩ, Kiều không bao giờ muốn thậm chí không bao giờ có thể tưởng tượng được cuộc đời mình lại bị kịch như thế. Giữa chốn lầu xanh mà đồng tiền lên ngôi, có bao kẻ đến rồi đi, cái còn lại sau cùng với Kiều chỉ là sự rã rời, đau đớn cả về thể xác và tâm hồn thì làm gì có ai là tri kỉ, có ai để “mặn mà” nhưng trong sâu thẳm cõi lòng, Kiều vẫn luôn mong ngóng một tấm lòng, một người hiểu mình. Một lần nữa ngôn ngữ nửa trực tiếp lại khiến cho câu thơ có những lớp nghĩa sâu sắc kết hợp câu hỏi tu từ đầy sột xà cay đắng cho thấy phẩm chất tốt đẹp của Thúy Kiều giàu lòng tự trọng, coi trọng phẩm giá và muốn sống một cuộc sống bình yên, trong sạch. Đoạn trích Nỗi Thương Mình thể hiện khá hoàn chỉnh số phận, tính cách của Thúy Kiều. Thể hiện tập trung tư tưởng nhân văn của tác giả: cảm thương trước bi kịch của Kiều, khẳng định nhân cách đẹp đẽ của nàng và khẳng định sự ý thức về nhân phẩm và sự ý thức cá nhân. Thể hiện nỗi thương mình của Thúy Kiều, Nguyễn Du cũng thể hiện được nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật với ngôn ngữ nửa trực tiếp, lời tác giả và nhân vật như hòa vào nhau tạo nên sự đồng cảm giữa tác giả-nhân vật-người đọc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Bàn về mục đích của việc học, Nguyễn Thiếp cho rằng: “Ngọc... đạo” . UNESCO thì đề xướng mục đích của việc học: “Học để biết... khẳng định mình”. Từ các quan điểm trên, viết một bài văn nghị luận về vấn đề mục đích của việc học

Đề bài: Bàn về mục đích của việc học, Nguyễn Thiếp cho rằng: “Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo” . UNESCO thì đề xướng mục đích của việc học: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để khẳng định mình” Từ các quan điểm trên, viết một bài văn nghị luận về vấn đề mục đích của việc học
Gợi ý bài: - Học tập là nhiệm vụ suốt đời của con người “người không học như ngọc không mài”. Đúng vậy nếu không học tập con người sẽ không có tri thức, không tiếp thu, theo kịp được những tiến bộ của thế giới.

- Tuy nhiên để học tập một cách khoa học và hiệu quả cần phải xác định được mục đích đúng đắn của việc học. Hiểu được điều đó UNESCO đã từng đề xướng: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”. - Học là quá trình tiếp thu tri thức từ sách vở, trường học, từ thực tế cuộc sống “trường đời”. - Học để biết: “Học để biết” là mục đích đầu tiên của việc học. “Biết” là tiếp thu, mở mang, có thêm kiến thức về đời sống, tự nhiên, xã hội và con người. Con người từ chỗ chưa biết đến biết, biết ít đến biết nhiều, biết sơ sài đến biết sâu sắc, biết một lĩnh vực đến hiểu biết về nhiều lĩnh vực đời sống... - Nhờ học, con người có những hiểu biết phong phú, tự làm giàu kho tri thức khoa học của mình, tạo được vốn sống sâu sắc... Quan trọng hơn, qua những tri thức đó, con người có khả năng hiểu biết về bản chất con người và tự nhận thức bản thân, “biết người”, “biết mình”, biết giao tiếp, ứng xử với nhau sao cho “Đắc nhân tâm”... - Học để làm: “Học để làm” là mục đích tiếp theo của việc học. “Làm” là vận dụng kiến thức có được vào thực tế cuộc sống. Đây là mục đích thiết thực nhất của việc học – “Học đi đôi với hành”. - Làm để tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần phục vụ nhu cầu cuộc sống của bản thân và góp phần tạo nên của cải cho xã hội. Ví dụ: Người nông dân, kĩ sư, bác sĩ... đều mang kiến thức đã học được áp dụng vào thực tế, để tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Học mà không làm thì kiến thức có được không có ích, không bền vững, không được sàng lọc. - Học để chung sống: Một trong những mục đích quan

trọng nhất của việc học. “Chung sống” là khả năng hòa nhập xã hội, kỹ năng giao tiếp, ứng xử... để tự thích nghi với mọi môi trường sống, các quan hệ phức tạp của con người trong quá trình sống để không bị tụt hậu, lạc lõng. Đây là hệ quả tất yếu của việc “biết”, “làm”. - Bởi lẽ, “con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội”. Bản chất, giá trị, nhân cách của con người được hình thành, nuôi dưỡng, khẳng định, thử thách trong các mối quan hệ đó. - Học để tự khẳng định mình: Là mục đích sau cùng của việc học. “Tự khẳng định mình” là tạo được vị trí, chỗ đứng vững vàng trong xã hội, thể hiện sự tồn tại có ý nghĩa của cá nhân mình trong cuộc đời. Mỗi con người chỉ có thể khẳng định mình khi có hiểu biết, có năng lực hành động, có khả năng chung sống. Từ việc học, mỗi người có cơ hội khẳng định tri thức mình tích lũy được; khẳng định khả năng lao động, sáng tạo; khẳng định nhân cách, phẩm chất... => Nội dung đề xướng về mục đích học tập của UNESCO thật sự đúng đắn, đầy đủ, toàn diện. Mục đích học tập này thực sự đáp ứng, hoàn toàn phù hợp với yêu cầu giáo dục, đào tạo con người trong thời đại ngày nay. Mục đích này không chỉ dành riêng cho học sinh, sinh viên mà còn dành cho tất cả những ai là người học. - Vì thế, có thể coi đây là mục đích học tập chung, có tính chất toàn cầu. Từ mục đích học tập đúng đắn này, mỗi người học thấy rõ những sai lầm nhận thức về việc học: học không có mục đích; coi việc học là thực hiện nghĩa vụ với người khác; học vì bằng cấp; học vì thành tích; học mà không có khả năng làm, không biết chung sống, không thể khẳng định mình. - Mục đích học tập giúp con người, xã hội điều chỉnh được nhận thức về thời gian học: không chỉ học ở một giai đoạn mà phải học suốt đời; không chỉ học trong nhà trường mà cần phải học ngoài xã hội; người dạy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn dạy “làm người”... => Mục đích học tập này giúp người học: Xác định rõ mục đích, động cơ và thái độ học tập. Ra sức học tập và rèn luyện, trang bị kiến thức về mọi mặt để có trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng hội nhập quốc tế. Học phải đi đôi với hành để khẳng định mình. Sống có ích cho cuộc đời và cho gia đình, xã hội. => Học để không bị ngu dốt, nghèo nàn và lạc hậu. Học để khẳng định sự thành đạt của cá nhân và sự tiến bộ của nhân loại.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đoạn trích “Trao duyên” - Truyện Kiều

Tình yêu giữa Thúy Kiều và Kim Trọng đang tươi đẹp, nồng nàn thì Kim Trọng phải về Liêu Dương hộ tang chú. Trong khi đó tai họa đổ ập xuống gia đình Thúy Kiều. Cả cái bị bọn sai nha vét sạch. Cha và em trai Thúy Kiều bị bắt, bị đánh. Bọn quan lại đòi dứt lốt “ có ba trăm lạng việc này mới xuôi”. Trước biến cố đau lòng đó, một người giàu tình cảm, giàu đức hi sinh như Thúy Kiều không còn cách nào khác là phải bán mình lấy tiền cứu cha và em. Nhưng còn mối tình với Kim Trọng?. Thúy Kiều hết sức đau khổ. Cuối cùng nàng quyết định nhờ em thay mình lấy Kim Trọng. Đoạn “ trao duyên” trong “ Truyện Kiều” rất cảm động. Có lẽ đây là cảnh tượng đau lòng chưa từng thấy trong nền văn học nhân loại. Dựa vào cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã dựng lại tình tiết trao duyên thật sống động. “ Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân” thì thấy chị mình đang thẫn thức giữa đêm khuya. Vân ghé đến ân cần hỏi han. Thúy Kiều thật là khó nói, nhưng “ để lòng thì phụ tấm lòng với ai”. Thương cha, nàng bán mình, thương người tình, nàng đành cậy em: Cậy em em có chịu lời Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa Giữa đường đứt gánh tương tư Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em Trong dây tơ đũa tiếng đàn xưa, Nguyễn Du đã chọn từ “ cậy”, tuyệt vời chính xác. Từ “ cậy” hàm chứa niềm tin mà người được nhờ không thể thoái thác được. Lại thêm một cử chỉ thiêng liêng là “ lạy”. Thuở đời chị lại lạy sống em bao giờ! Mà chỉ để trao duyên. Mối tình với chàng Kim sâu nặng biết chừng nào, thiêng liêng biết chừng nào! Trong nước mắt, giữa đêm khuya, Thúy Kiều đã kể lẽ sự tình cho cô em nghe: Kể từ khi gặp chàng Kim Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề Sự đâu sóng gió bất kì Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai Thúy Kiều đã kể nhanh những sự kiện mà Thúy Vân cũng đã chứng kiến . Chuyện gặp chàng Kim trong buổi chiều thanh minh. Chuyện thề nguyện hẹn ước với Kim Trọng. Chuyện sóng gió của gia đình. Nhưng có một chi tiết mà đối với cái trí bình thường của Thúy Vân không bao giờ biết được: Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai Qua lời Thúy Kiều, Nguyễn Du dạy nghiêng cả một xã hội. Hiếu Tình là hai giá trị tinh thần không thể đặt lên bàn cân được . Một xã hội bắt con người phải lựa chọn những giá trị không thể lựa chọn được thì xã hội ấy là một xã hội tàn bạo. Thúy Kiều đã cay đắng lựa chọn chữ “ hiếu”. Mà chỉ có ba điều tồn tại: “ Đức tin, Hi vọng và Tình yêu, Tình yêu vĩ đại

hơn cả”. Nghe một lời trong Kinh Thánh như vậy, chúng ta càng thấm thía với nỗi đau của nàng Kiều. Cho nên hi sinh chữ tình, nàng Kiều coi như không tồn tại trên cõi đời này nữa. Mỗi lời của nàng không phải là nước mắt mà là máu đang rỉ ra trong lòng: Ngày xuân em hãy còn dài Xót tình máu mủ thay lời nước non Chị dù thịt nát xương mòn Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây Hai chị em đều là “ xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê” vậy mà nàng nói “ ngày xuân em hãy còn dài” đau đớn biết chừng nào ! Lời lẽ thiêng liêng của nàng là vì lo cho Kim Trọng, mong sao cho chàng Kim có hạnh phúc trong tan vỡ. Trong đau khổ tuyệt vọng, nàng còn biết lo cho hạnh phúc của người khác. Thật là một cô gái có đức hi sinh lớn lao. Biết là em thuận lòng (con người trời sinh ra để hưởng hạnh phúc đó, trong giờ phút này cũng dễ thuận lòng lắm. Với lại chị nói cảm động quá. Mà anh Kim Trọng em đã nhất kiến rồi, cũng dễ thương lắm), nàng trao cho em những kỉ vật giữa nàng và chàng Kim: Chiếc thoa với bức tờ mây Duyên này thì giữ, vật này của chung Tình cảm dầu sao vẫn còn là trầu tượng, chữ kỉ vật của tình yêu thì cứ hiển nhiên hiện ra đó, cho nên Thúy Kiều trao “ chiếc thoa với bức tờ mây” cho em thì nàng cũng đau đớn đến tột độ. Mỗi lời của nàng nặng như chì. Nàng trao duyên, trao kỉ vật cho em mà nàng chửi đời. Cái xã hội bắt con người phải chung cả cái không thể chung được thì có đáng ghét không, có đáng nguyền rủa không? Đấy chính là lời tố cáo vọng đến thấu trời của Nguyễn Du đối với xã hội đã chà đạp lên hạnh phúc của con người. Thúy Kiều trao duyên là coi như mình đã khuất. Nàng dặn em giữ gìn kỉ vật và còn dặn em hãy thương lấy linh hồn vật vờ đau khổ của chị trên cõi đời đen bạc này: Mai sau dù có bao giờ Đốt lò hương ấy so tơ phím này Trông ra ngọn cỏ lá cây Thấy hiu hiu gió thì hay chị về Hồn còn mang nặng lời thề Nát thân bồ liễu đền nghi trúc mai Thúy Kiều tưởng tượng nàng chỉ còn là bóng ma. Lời lẽ huyền hồ. Bóng ma nàng sẽ hiện lên trong hương trầm và âm nhạc. Hồn ma còn mang nặng lời thề với Kim Trọng, cho nên dầu “ thịt nát xương mòn” thì hồn nàng vẫn còn quanh quẩn với “ ngọn cỏ lá cây”, với “ hiu hiu gió...” Tình của người bạc mệnh vẫn còn làm chấn động cả vũ trụ. Đau đớn tột cùng trước sự đổ vỡ của tình yêu, nàng quên rằng trước mặt mình là Thúy Vân mà than khóc với Kim Trọng: Trăm nghìn gửi lạy tình quân Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi Phận sao phận bạc như vôi? Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng Mỗi lời của nàng là một lời vụn vào. Trước nỗi đau đớn xót xa này, nàng chỉ trách mình là “ phận bạc”, là ‘hoa trôi’, những hình ảnh đó làm động lòng thương đến hết thấy chúng ta . Đối với Kim Trọng, nàng còn mặc cảm tội lỗi là chính nàng đã “ phụ chàng”. Chính tâm lí mặc cảm tội lỗi cao thượng đó

khiến nàng chết chết trong tiếng kêu thương thấu trời: Ôi Kim Lang! Hỡi Kim Lang! Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây! Đoạn “ trao duyên” trong “Truyện Kiều” là một khúc “ đoạn trường” trong thiên “ Đoạn trường tân thanh”. Với con mắt tinh đời, Nguyễn Du đã phát hiện thấy trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân một tình tiết rất cảm động và bằng nghệ thuật tuyệt vời, ông đã dựng lại đoạn “ trao duyên” hết sức sâu sắc và độc đáo. Tác giả đã đối lập hai tính cách của hai chị em một cách tài tình: con người của đời thường và con người của phi thường. trong sự kiện “ sóng gió bất kì” này, Thúy Vân vô tư, hồn nhiên cũng đừng vội chê trách Thúy Vân . Nhân vật này còn là một kho bí mật trong công trình nghệ thuật kiệt tác của Nguyễn Du mà chúng ta chưa kịp bàn ở đây), còn Thúy Kiều thì lại càng đau đớn hơn. Nguyễn Du đã dụng công miêu tả tâm lí, sự vận động nội tâm nhân vật, cũng có thể nói Nguyễn Du đã đạt đến phép biện chứng của tâm hồn. Chỉ qua đoạn trao duyên, chúng ta cũng cảm nhận được Thúy Kiều là một cô gái giàu tình cảm, giàu đức hi sinh, có ý thức về tình yêu và cuộc sống. Một nhân cách như vậy mà vừa chớm bước vào đời như một bông hoa mới nở đã bị sóng gió dập vùi tan tác.Nói như Mộng Liên Đường Chủ nhân là khúc đoạn trường này như có máu rỏ trên đầu ngọn bút của Nguyễn Du, như có nước mắt của thi nhân thấm qua trang giấy. Hơn hai trăm năm rồi, những giọt nước mắt nhân tình ấy vẫn chưa ráo.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của anh/ chị về mối quan hệ giữa tiền bạc và hạnh phúc

Về bản chất, tiền tài và hạnh phúc là hai phạm trù được quy chiếu bởi những hệ giá trị khác nhau. Tiền tài là cách gọi chung cho của cải và danh lợi. Nó thuộc giá trị vật chất, là những thứ có thể cân đo, đong đếm, có thể ước lượng, định vị. Hạnh phúc là thứ vô hình, không thể cảm nhận trực tiếp bằng các giác quan thông thường. Hạnh phúc là trạng thái cảm xúc viên mãn nhất, đẹp đẽ nhất, tuyệt vời nhất mà con người cảm thấy ở những hoàn cảnh nhất định. Nói một cách hình ảnh và tương đối trừu tượng thì tiền tài gắn với cái cá nhân nhiều hơn trong khi hạnh phúc hướng tới phạm vi lớn hơn (gia đình). Mỗi thời đại xã hội có quan niệm riêng về tiền tài và hạnh phúc. Xã hội phong kiến rất mực coi trọng tiền tài, danh vọng ở đẳng nam nhi. Hạnh phúc là khi trang nam tử công thành danh toại, có ngày vinh quy bái tổ, làm rạng danh họ hàng. Xã hội tư bản coi trọng yếu tố tiền thì hơn, tài chỉ là phương tiện để giai cấp tư sản đi đến mục đích tiền. Vậy nên hạnh phúc được đo bằng những giá trị vật chất... Ở thời đại hiện đại, khi con người không ngừng hướng tới cuộc sống tốt đẹp toàn diện, tiền tài và hạnh phúc là hai mục tiêu lớn nhất, quan trọng nhất, chúng không tách biệt nhau mà cùng hỗ trợ nhau tồn tại và phát triển. Con người sống hạnh phúc phải là con người khẳng định được vị thế của mình trong xã hội, đảm bảo cho mình được cuộc sống sung túc và ngược lại, những giá trị vật chất là phương tiện hỗ trợ đắc dụng để con người duy trì hạnh phúc của mình. Vậy tiền tài và hạnh phúc có quan hệ với nhau như thế nào? Đâu là nhân tố quyết định, đâu là nhân tố quan trọng? Làm gì để cân bằng, hài hòa giữa chúng? Trả lời những câu hỏi này, mỗi người sẽ tự đưa ra cho mình một ý kiến riêng. Dưới đây, chúng tôi cũng chỉ trình bày những suy nghĩ mang tính chất cá nhân. Ở chiều tác động thứ nhất, tiền tài là một trong những điều kiện xây dựng, duy trì hạnh phúc. Điều này có cơ sở từ triết học duy vật biện chứng. Theo Mác-Lênin, vật chất quyết định ý thức, theo đó, không có của cải, không có chỗ đứng trong xã hội, rất khó có được hạnh phúc trọn vẹn. Một gia đình túng đói, quanh năm thiếu ăn, con cái thất học khổng phải là một gia đình hạnh phúc. Những câu chuyện của Nam Cao là những bức tranh chân thực nhất về cuộc sống nghèo khổ của người dân lao động Việt Nam trước Cách mạng. Ngay cả gia đình thầy giáo Thứ, thầy giáo

San (Sống mòn), cả gia đình bé Hồng (Bài học quét nhà)- những gia đình có người trí thức làm chủ cũng không có được hạnh phúc trọn vẹn. Nguyên do nằm ở sự thiếu thốn về vật chất (tiền). Nhưng chúng ta lí giải thế nào khi vẫn có những gia đình hạnh phúc dù nghèo đói, cơ cực? Điển hình trong văn chương là gia đình chị Dậu (Tắt đèn - Ngô Tất Tố). Còn trong đời sống thực, chắc chắn, bên cạnh chúng ta có không ít những gia đình như thế. Thực tế mà nói, mỗi người có thấy mình hạnh phúc hay không là do quan niệm. Có người con hiếu thảo thấy mình hạnh phúc nhất là khi đêm về không còn tiếng mẹ ho (hạnh phúc là đêm về không có tiếng mẹ ho). Có người cho hạnh phúc nhất là khi được thấy các con mình ăn no (nhân vật người đàn bà miền biển trong truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu). Trong khó khăn, gian khổ, khi con người vẫn tìm thấy chất thơ ở đời thì dù vất vả, cơ cực đến đâu, họ vẫn thấy hạnh phúc. Lại có trường hợp khi tiền tài viên mãn cũng là lúc hạnh phúc “đội nón” ra đi. Điều này dễ xảy ra ở những người quá ham mê công danh, có quá nhiều tham vọng trong cuộc sống. Trong thâm tâm, chắc hẳn họ luôn nghĩ rằng, họ đã mang về bao nhiêu tiền bạc, danh tiếng. Họ lấy chúng thay cho những cử chỉ săn sóc ân cần với người thân của mình. Kết quả là những cụ già không thể sống được với các con trên thành phố, dù điều kiện sống của chúng gấp bội lần ở quê. Kết quả là những đứa con bê trễ học hành, sinh ra nghiện ngập, đua đòi theo bạn bè xấu, những người vợ phải tìm đến một bến nương tựa tinh thần khác vì có người cha, người chồng của mình quá vô tâm. Hạnh phúc sẽ không tròn đầy như lẽ ra nó đáng được thế. Tuy nhiên, xét đến cùng có tiền tài, cơ hội hạnh phúc đến với mọi người sẽ rộng mở hơn. Có tiền tài, hạnh phúc sẽ đầy đặn, tròn trịa hơn. Ở chiều tác động ngược lại, chúng ta sẽ thấy hạnh phúc là yếu tố kích thích để con người nhanh chóng đạt được tiền tài. Gia đình hạnh phúc là nền tảng vững chắc để mỗi thành viên yên tâm phấn đấu trong lĩnh vực sự nghiệp của mình. Đằng sau thành công của mỗi con người, thường là sự hậu thuẫn của một gia đình yên ấm. Người cha mẫu mực và người mẹ hết lòng yêu thương con là điểm tựa vững chắc để hồn thơ Tố Hữu chấp cánh bay vào cuộc đời rộng lớn: Rồi bỗng hôm nào tôi thấy tôi... Không ngẫu nhiên khi hàng năm trên thế giới vẫn chọn ra những cặp vợ chồng hạnh phúc nhất. Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy, cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton và phu nhân Hillary Clinton cách đây vài năm liên tục được bầu chọn là cặp vợ chồng hạnh phúc thứ ba. Và phải chăng, hạnh phúc gia đình chính là bệ đỡ vững chãi nhất cho những thành công trên chính trường của hai nhân vật nổi tiếng này? Cũng không ít trường hợp con người có hạnh phúc nhưng không có tiền tài. Hiện

tượng này thường xuất hiện ở những con người ít có tham vọng, ưa an phận. Họ tìm hạnh phúc trong những điều nhỏ nhặt xung quanh. Họ coi tiền tài là thứ phù phiếm. Họ xa lánh danh vọng, rời xa những bon chen trong cuộc sống dù có thể thực lực của họ rất đáng trọng. Tiêu biểu cho tip người này là những nhà ẩn dật, những người sống lánh mình. Những người này thường có tâm hồn thanh tao. Hạnh phúc với họ là có khi là thú điền viên, có khi là lúc được khề khà “chén rượu, cuộc cờ”. Vậy giữa tiền tài và hạnh phúc, đâu mới là hạt nhân của cuộc sống? Tôi cho rằng tiền tài là thứ quan trọng để chúng ta đi tới mục đích tối thượng của mỗi con người-đó là hạnh phúc. Hạnh phúc mới là điều quyết định ý nghĩa cuộc sống. Nhưng làm thế nào để luôn giữ được sự cân bằng hài hoà giữa tiền tài và hạnh phúc? Làm được điều đó, mỗi người nên tự đặt ra những mục tiêu nhất định trong sự nghiệp, nỗ lực phấn đấu để đạt được mục tiêu đó. Mặt khác, hãy cố gắng tìm cho mình những điểm tựa về tinh thần, càng nhiều càng tốt. Cuối cùng, dù kết quả có thế nào, chúng ta vẫn vui vẻ chấp nhận và nhanh chóng trở về với những hạnh phúc mình đang có. Thời đại nào, tiền tài và hạnh phúc cũng là vấn đề nóng hổi. Có khi chúng mâu thuẫn với nhau và điều đó có thể dẫn tới bí kịch như tấm gương Nguyễn Trãi-Nhưng cũng có khi chúng hài hoà, cân bằng nhau. Thế hệ trẻ Việt Nam ưa phiêu lưu vì chiếm lĩnh cần tạo lập cho mình một bản lĩnh vững vàng để có thể tiến xa làm chủ tiền tài, hạnh phúc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tóm tắt Chuyện chức phán sự đền Tản Viên

Ngô Tử Văn vốn là một kẻ sĩ khảng khái, chính trực. Trong làng nơi chàng ở có một ngôi đền vốn rất thiêng. Nhưng từ khi có một tên tướng giặc nhà Minh tử trận ở gần đền, hồn của hắn bắt đầu làm yêu làm quái trong dân gian. Tức giận, Tử Văn châm lửa đốt đền để trừ hại cho dân. Sau khi đốt đền, Tử Văn bắt đầu lên cơn sốt. Trong khi sốt mê man, chàng thấy tên hung thần đến đòi làm trả lại ngôi đền và đe dọa sẽ bắt Tử Văn xuống âm phủ để cho Diêm Vương trị tội. Nhưng đến chiều tối, Thổ thần đến bày tỏ thái độ cảm phục trước hành động dũng cảm của Tử Văn. Chàng được Thổ thần mách bảo về tung tích và tội ác của tên hung thần, đồng thời chỉ dẫn cách đối phó. Đến đêm, khi bệnh nặng thêm, Tử Văn thấy hai tên quỷ sứ đến bắt chàng xuống âm phủ. Trước mặt Diêm Vương, Tử Văn đã tố cáo tội ác của tên hung thần với đầy đủ chứng cứ. Cuối cùng, công lý được khôi phục, Diêm Vương trừng trị tên hung thần (đem nhốt vào ngục Cửu U), cho Thổ thần được phục chức, sai lính đưa Tử Văn về trần gian (nghĩa là Tử Văn được sống lại). Một tháng sau, Tử Văn thấy Thổ thần đến cảm ơn. Để đền ơn nghĩa, Thổ thần đã tiến cử Tử Văn giữ chức phán sự đền Tản Viên. Hoặc: Ngô Tử Văn người đất Lạng Giang, vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự gian tà thì không chịu được. Cuối đời Hồ, có tên giặc tử trận vào đền Tản Viên rồi tác yêu tác quái trong dân gian. Tử Văn tức giận bèn châm lửa đốt đền. Về nhà, chàng lên cơn sốt rồi mơ thấy tên giặc kia đến dọa nhưng mặc kệ, cứ ngồi thản nhiên. Chiều tối lại có ông già đến, tự xưng là Thổ Công. Ông già kể cho Tử Văn rõ mọi sự tình rồi bày cho chàng cách ứng xử khi bị bắt xuống âm phủ. Tử Văn bị quỷ sứ bắt đi. Trước mặt Diêm Vương tâu rõ đầu đuôi sự việc, lời lẽ rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào. Diêm Vương sinh nghi bèn cho người đến đền Tản Viên để lấy chứng thực. Quân lính về tâu, nhất nhất đúng lời Tử Văn. Diêm Vương tức giận liền sai tên lính đầy tên giặc giả danh kia xuống ngục Cửu U. Tử Văn sống lại, cùng dân làng mua gỗ dựng lại tòa đền. Viên Thổ Công cảm kích bèn mời Tử Văn về làm Phán sự cho Đức Thánh Tản ở đền Tản Viên. Tử Văn nghe nói, vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà rồi không bệnh mà mất ngay sau đó. Hoặc: Ngô Tử Văn tên Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang tính tình khảng khái, nóng nảy, thấy sự gian tà không chịu được. Trong làng có 1 ngôi đền thiêng nhưng cuối đời nhà Hồ,

quân Ngô sang lấn cướp, tên Bách hộ họ Thôi là tên tướng giặc bại trận chết ở đó rồi làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn tức giận đốt đèn làm tướng giặc mất nơi nương náu bèn hiện trong mơ đe dọa nhưng Tử Văn không sợ. Chiều tối có 1 người tự xưng là thổ công đến kể về việc bị cướp đèn, tạm lánh ở đền Tản Viên và bày cho chàng cách ứng xử khi bị bắt xuông Minh ti. Đến đêm, Tử Văn bị quỷ sứ bắt đi. Chàng cứng cỏi vượt qua những áp lực, cản trở để làm rõ trắng đen và nỗ lực của chàng đã làm Diêm Vương sinh nghi cho người đến đền Tản Viên chứng thực. Quả đúng như lời Tử Văn nói nên Diêm Vương đã xử tội tướng giặc và cho Tử Văn sống lại. Thổ Công cảm kích, hiện về mời Tử Văn nhận chức phán sự đền Tản Viên. Chàng vui vẻ nhận lời rồi thu xếp việc nhà sau đó không bệnh mà mất.

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh tâm trạng Kiều trong đoạn thơ: “Cậy em....thơm lây”

Dựa vào cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã dựng lại tình tiết trao duyên thật sống động. “Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân” thì thấy chị mình đang thẫn thức giữa đêm khuya. Vân ghé đến ân cần hỏi han. Thúy Kiều thật là khó nói, nhưng “để lòng thì phụ tấm lòng với ai”. Thương cha, nàng bán mình, thương người tình, nàng đành cậy em: “Cậy em, em có chịu lời, Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa. Giữa đường đứt gánh tương tư, Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em” Trong đây từ diễn tả khái niệm nhờ, Nguyễn Du đã chọn từ “cậy”, tuyệt vời chính xác. Từ “cậy” hàm chứa niềm tin mà người được nhờ không thể thoái thác được. Lại thêm một cử chỉ thiêng liêng là “lạy”. Thuở đời chị lạy sống em bao giờ! Mà chỉ để trao duyên. Mỗi tình với chàng Kim sâu nặng biết chừng nào, thiêng liêng biết chừng nào! Trong nước mắt, giữa đêm khuya, Thúy Kiều đã kể lẽ sự tình cho cô em nghe: “Kể từ khi gặp chàng Kim Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề Sự đâu sóng gió bất kì Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai” Thúy Kiều đã kể nhanh những sự kiện mà Thúy Vân cũng đã chứng kiến. Chuyện gặp chàng Kim trong buổi chiều thanh minh. Chuyện kể nguyên hên ước với Kim Trọng. Chuyện sóng gió của gia đình. Nhưng có một chi tiết mà đối với cái trí bình thường của Thúy Vân không bao giờ biết được: “Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai” Qua lời Thúy Kiều, Nguyễn Du day ngiên cả một xã hội. Hiếu – tình là hai giá trị tinh thần không thể đặt lên bàn cân được. Một xã hội bắt con người phải lựa chọn những giá trị không thể lựa chọn được thì xã hội đấy là một xã hội tàn bạo. Thúy Kiều đã cay đắng lựa chọn chữ “hiếu”. Mà chỉ có ba điều tồn tại: “Đức tin, hi vọng và tình yêu, tình yêu vĩ đại hơn cả”. Nghe một lời trong Kinh Thánh như vậy, chúng ta càng thấm thía với nỗi đau của nàng Kiều. Cho nên hy sinh chữ tình, nàng Kiều coi như không tồn tại trên cõi đời này nữa. Mỗi lời của nàng không phải là nước mắt mà là máu đang rỉ ra trong lòng. “Ngày xuân em hãy còn dài Xót tình máu mủ thay lời nước non Chị dù thịt nát xương mòn Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây” Hai chị em đều “xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê” vậy mà nàng nói “ngày xuân em hãy còn dài” đau đớn biết chừng nào! Lời lẽ thiêng liêng của nàng là vì lo cho Kim Trọng, mong sao cho chàng Kim có hạnh phúc trong tan vỡ. Trong đau khổ

tuyệt vọng, nàng còn biết lo cho hạnh phúc của người khác. Thật là một cô gái có đức hi sinh lớn lao.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến sau: Sự khác biệt chính là ở phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người và điều này sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người

Khi nói đến ước mơ của mỗi người thì điều đầu tiên cần phải xác định đó không phải là những mong ước viễn vông mà chính là mục đích con người đặt ra và cố gắng phấn đấu để đạt đến trong cuộc đời mình. Đồng thời một yếu tố cũng hết sức quan trọng là cần phải xác định cách thức để đạt được mục đích đó, bởi không ai trong cuộc đời này lại không muốn đạt đến một điều gì đó. Sự khác biệt chính là ở phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người và điều này sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người. Có người đi đến ước mơ của mình bằng cách trung thực và trong sáng thông qua những nỗ lực tự thân tốt cùng. Đây là những người có lòng tự trọng cao và biết dựa vào sức của chính mình, tin vào khả năng của chính mình và sự công bằng của xã hội. Đối với họ, mục tiêu chưa chắc là điều họ quan tâm, cái họ quan tâm hơn chính là phương thế để đạt đến mục tiêu trong cuộc sống. Chính vì vậy họ là những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi”, trở thành công cụ trong tay người khác hay giao phó tương lai của mình cho người khác. Sở dĩ như thế là bởi họ chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến, đồng thời cũng là những người xem phương tiện quan trọng như mục tiêu của cuộc đời mình. Ngược lại, trong xã hội cũng có không ít người do hoàn cảnh xuất thân, nền giáo dục gia đình và nhận thức cá nhân lại chỉ muốn tìm đến những con đường, những cách thức không minh bạch để đạt được mục tiêu của mình mà bạn là một điển hình. Với những người này, mục tiêu là quan trọng, còn phương tiện chỉ là thứ yếu, chính vì vậy họ sẵn sàng chấp nhận mọi phương tiện dù là thấp hèn nhất miễn sao đạt được mục tiêu của chính mình mà thôi. Hiện tượng chạy điểm, chạy chức, chạy việc làm và những tiêu cực khác trong xã hội chính là sản phẩm của quan niệm này. Điều cần phải nhắc nhớ ở đây là xã hội không bao giờ đứng yên mà luôn luôn vận động và phát triển theo hướng ngày càng tiến bộ hơn và văn minh hơn. Và khi xã hội càng văn minh, càng tiến bộ hơn thì sự dân chủ và minh bạch trong xã hội ngày càng tăng, do đó những “chiêu thức” tiến thân hay những phương thức đi đến mục

tiêu không trung thực, không trong sáng sẽ không còn đất sống. Cách đây năm, mười năm có ai nghĩ khi Nhà nước làm sai thì phải đền bù cho dân, nhưng hiện nay điều đó đã trở thành hiện thực. Vì thế những quan niệm “nhất thân nhì thế” chắc chắn sẽ không thể tồn tại mãi được mà sẽ chỉ những ai có thực lực, có nỗ lực tự thân mạnh mẽ mới có thể đạt được những ước mơ trong cuộc đời của mình. Ước mơ là điều cực kỳ quan trọng đối với cuộc sống của mỗi cá nhân, bởi những nghiên cứu trong xã hội học tội phạm đã chứng minh được rằng những cá nhân thường xuyên có những hành vi lệch chuẩn và tội phạm thường là những cá nhân không có khát vọng, không có mục tiêu để hướng đến trong cuộc đời. Sở dĩ như thế là vì khi có khát vọng và mục tiêu sống, người ta sẽ nỗ lực đầu tư để đạt được chúng và do đó họ sẽ không dám thực hiện những hành vi lệch lạc hay trái luật, vì như thế sẽ phá hủy tất cả những gì họ đã đầu tư và dày công vun đắp. Hãy xem những cậu ấm cô chiêu ngày đêm nháy nhót ở các vũ trường, nghiện thuốc lắc xem họ có khát vọng gì trong cuộc sống không? Có lẽ là không, bởi trong đầu họ chẳng có cái gì khác ngoài hai chữ “hưởng thụ”, và xã hội sẽ không thể tiến bộ với những lớp người này.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận về đoạn trích “Trao duyên”

Dàn ý I. Mở bài: Nguyễn Du_nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa của văn học Việt Nam, tác gia của thi phẩm đã đi sâu và luôn tồn tại trong tâm thức người đọc khi nhắc đến ông: “Truyện Kiều”. Truyện Kiều là sáng tác chữ Nôm đặc sắc từ nội dung đến nghệ thuật nhưng ấn tượng nhất đối với tôi đó chính là đoạn trích “Trao duyên” nằm trong tác phẩm nghệ thuật này. II. Thân bài: Nhan đề đoạn trích là “Trao duyên” nhưng trở trêu thay đây không phải là cảnh trao duyên thơ mộng của nam nữ như trong ca dao xưa ta vẫn thường gặp. Có đọc mới hiểu, trao duyên ở đây nghĩa là gửi gắm tình cảm, duyên phận của mình cho một người khác, nhờ người khác chấp nối tiếp tình cảm dở dang của mình. Như trong sự trao duyên của Kiều, hoàn cảnh thật éo le, cay đắng! “Cậy em em có chịu lời, Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” Một sự nhún nhường gần như van vãn, nàng phải lạy em mình như lạy một vị ân nhân, một bậc bề trên. Không phải là “nhờ” mà là “cậy”, từ “cậy” mang bao nhiêu sự thiêng liêng, lòng tin tưởng kèm với “lạy” và “thưa”, tất cả gộp lại tạo nên sự thay bậc đổi ngôi giữa hai chị em. Và điều đó trở nên thật tài tình, Nguyễn Du như đọc thấu được nỗi lòng nhân vật. “Giữa đường đứt gánh tương tư, Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em.” “Gánh tương tư” thật đâu có nhẹ nhàng gì. Nhưng gánh nặng vật chất thì còn có thể san sẻ, nhờ người khác giúp được chứ “gánh tương tư” mà nhờ người khác giúp la điều hiếm thấy xưa nay....Chắc hẳn nàng đã ở trong một tình cảnh khó khăn không còn cách nào khác là phải nhờ đến em “chấp mối tơ thừa”. Từ đầu đến cuối đoạn thơ không hề thấy lời nói của Thúy Vân vì trên hết tình máu mủ ai nỡ từ chối nhau?. Trong tình cảnh bi thương của mình, Thúy Kiều không chỉ trao duyên mà còn trao cả nỗi đau của mình cho em gái “Kể từ khi gặp chàng Kim, Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề. Sự đâu sóng gió bất kì, Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai” Tình cảm Kiều_Kim sâu nặng là thế, mặn mà là thế, “ngày quạt ước”, “đêm chén thề” hỏi sao nàng Kiều không khỏi đón đau, tê tái. Lòng nàng như ngàn kim đâm, rỉ máu xót xa lay động sâu tâm hồn người đọc. Nhưng khi sóng gió gia đình đến, cha bị bắt đi, nay chữ “hiếu” với chữ “tình” không thể song song... Quyết định chọn chữ “hiếu”_bán mình chuộc cha là hy sinh chữ “tình”, coi như linh hồn nàng đã mất đi một nửa...Qua lời Thúy Kiều, Nguyễn Du đay nghiến cả một xã hội. Hiếu-tình là hai giá trị tinh thần

không thể đặt lên bàn cân được. Một xã hội bắt con người phải lựa chọn những giá trị không thể lựa chọn được thì xã hội đấy là một xã hội tàn bạo “Ngày xuân em hãy còn dài, Xót tình máu mủ thay lời nước non. Chị dù thịt nát xương mòn, Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.” Hai chị em đều “xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê” vậy mà nàng nói ngày xuân em hãy còn dài, đau đớn biết chừng nào!. Thuyết phục em thật khéo léo bằng tình chị em, tình máu mủ ruột thịt, Thúy Kiều vô hình chung đã khiến Thúy Vân không thể nào chối từ. Lời lẽ của nàng là vì lo cho Kim Trọng, mong sao chàng Kim có được hạnh phúc trong tan vỡ. Trong đau khổ tuyệt vọng nàng còn biết lo cho hạnh phúc của người khác, chẳng lo rằng mình có thể sẽ trải qua bao nhiêu cay đắng đến “thịt nát xương mòn”. Thật là một cô gái có đức hy sinh lớn lao. Qua đó Nguyễn Du đã thể hiện giá trị nhân đạo đáng trân trọng ở Kiều... “Chiếc vành với bức tờ mây, Duyên này thì giữ vật này của chung. Dù em nên vợ nên chồng, Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.” Trao kỉ vật của mình và chàng Kim cho em, thật sự lòng nàng vẫn cắn rứt lời thề nguyện đêm trăng của mình và Kim Trọng. Nguyễn Du dùng hai hình ảnh đối lập “nên vợ nên chồng”, “người mệnh bạc” để gợi nỗi thương tâm, băn khoăn, chua xót của Kiều. Toàn bộ đoạn trích là lời thoại của Kiều nói với Thúy Vân. Tuy nhiên, có lúc, Kiều chuyển đổi tượng như đang nói với Kim Trọng chứ không còn nói với Thúy Vân nữa. Ý nghĩa sự chuyển đổi đối tượng cho thấy khả năng Nguyễn Du nắm bắt một cách tinh tế quy luật diễn biến tâm trạng của nhân vật, đồng thời cho thấy khả năng miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du. Ngoài ra ta có thể thấy được giá trị nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du đối với nàng Kiều trong từng lời nói... III. Kết luận: Đoạn trích “Trao duyên” thật sự đã làm rung động trái tim của không chỉ riêng tôi mà hẳn đã đi vào lòng không ít các bạn đọc khi xem “Truyện Kiều”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: Sự khác biệt chính là ở phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người và điều này sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người

Ý chính trong bài: a. Giải thích – Ước mơ là mong muốn đến những điều tốt đẹp ở tương lai. “Đẳng cấp” nhân cách chỉ mức độ cao về bản lĩnh, đạo đức, nhân cách của một con người. – Ý kiến khẳng định con đường, cách thức thực hiện ước mơ của mỗi người sẽ cho thấy bản lĩnh, đạo đức, lối sống và giá trị đích thực của người đó. b. Phân tích, bàn luận – Ước mơ có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người. Nhờ có ước mơ con người có thể chinh phục tự nhiên, tạo nên những thành tựu về khoa học và công nghệ. – Ước mơ hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, từ học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, quản lí xã hội... – Thực tế cho thấy có nhiều cách thức để chinh phục, thực hiện những mong ước như tự thân, tương tác trí tuệ tập thể... – Phê phán thói dựa dẫm, ỉ lại, thụ động, không có ước mơ, hoài bão... c. Bài học – Sống có ước mơ và dám ước mơ – Tự trọng, tự tin khi thực hiện ước mơ của mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về tình trạng nghiện Internet, mạng xã hội (Facebook, zalo, ...)

Trong thời đại công nghệ phát triển như vũ bão hiện nay, thì internet dường như là một thứ không thể thiếu. Nhưng việc lạm dụng internet quá mức đã trở thành một mặt tiêu cực của internet. Internet là một phương tiện tuyệt vời. Nó là một thành tựu khoa học công nghệ hữu ích đối với con người. Internet có rất nhiều mặt tích cực. ví dụ như nó là một công cụ để con người cập nhật tin tức, thông tin liên quan đến công việc cũng như cuộc sống của họ. Không chỉ là cập nhật thông tin mà nhờ có internet con người có thể liên lạc với nhau mà không cần lo ngại khoảng cách cũng như điều kiện khí hậu. Mọi người có thể nhìn thấy nhau, nói chuyện, chia sẻ với nhau mà không cần lo lắng những điều kiện khách quan không cho phép. Internet còn rất nhiều điểm mạnh. Tuy nhiên cũng chính vì những điểm mạnh ấy mà đã dẫn đến hiện tượng nghiện internet đặc biệt là trong giới trẻ. Nghiện internet là hiện tượng con người dành quá nhiều thời gian sử dụng internet. Nghiêm trọng hơn, họ còn coi internet là thứ không thể thiếu, là quan trọng nhất hơn cả những nhu cầu sinh hoạt hàng ngày như ăn, ngủ, nghỉ,... Tại sao nghiện internet lại là một hiện tượng xấu? Một ngày mỗi người có 24 giờ để làm việc và sinh hoạt. Nhưng 24 giờ đó, chúng ta đã mất 12 giờ để ăn, ngủ, sinh hoạt. Còn 12 giờ còn lại để làm việc. Tuy nhiên nếu bạn nghiện internet thì thời gian bạn làm việc thực sự rất ít có thể là bằng 0. Điều đáng nói là đa số người nghiện internet là học sinh sinh viên. Thời gian học tập ở trường thường là cả ngày rồi, vì vậy nếu nghiện, họ sẽ không có thời gian để tập trung vào việc học của mình. Ai cũng biết chỉ học ở trường thôi thì không đủ để bạn lĩnh hội kiến thức một cách đầy đủ. Theo một nghiên cứu cho rằng, việc học trên lớp chỉ có thể giúp học sinh tiếp thu được tối đa 5% kiến thức, còn lại là nhờ vào việc học tập ở nhà. Nếu nghiện internet, tôi dám chắc bạn sẽ không bao giờ có thể học tốt được. Không chỉ ảnh hưởng lớn đến việc học, nghiện internet còn có hại cho sức khỏe của người sử dụng. Dành quá nhiều thời gian cho việc ngồi trước màn hình máy tính không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của người dùng. Theo một nghiên cứu cho rằng 45% stress là do ngồi trước màn hình máy tính quá lâu. Không chỉ bị căng thẳng, người dùng còn có một số triệu chứng khác như trầm cảm, tự kỷ... Không chỉ thế một số bệnh lý khác cũng có thể xảy ra.

Sức khỏe của người nghiện internet sẽ bị đe dọa nếu tình trạng này diễn ra quá lâu mà không có sự biến chuyển. Ngoài sức khỏe, học tập, công việc, nghiện internet còn ảnh hưởng đến kinh tế của bạn. Số tiền bạn phải bỏ ra để phục vụ cho nhu cầu sử dụng internet của mình không phải là nhỏ. Kéo dài sẽ khiến kinh tế bị kiệt quệ một cách nhanh chóng. Bản thân internet không hề gây nghiện mà là những ứng dụng của nó. Như những trò chơi giải trí, trang mạng xã hội. Việc bỏ ra hàng giờ để lướt facebook, zalo, instagram... là điều thường thấy trong giới trẻ. Việc đắm chìm trong các trang mạng xã hội dẫn tới cụm từ rất quen thuộc: “sống ảo”. Vâng, chắc hẳn ai cũng biết cụm từ này. Căn bệnh này đã được đề cập bởi không ít bài báo cũng như truyền hình. căn bệnh sống ảo đang trở thành thực trạng lớn của giới trẻ hiện nay. Việc lạm dụng internet đã trở thành mối nguy hiểm lớn đối với xã hội. Không chỉ trong bộ phận giới trẻ mà những người lớn tuổi hơn cũng xảy ra hiện tượng này. Nhưng giới trẻ là một lực lượng lao động mới sau này, là bộ phận quyết định phần lớn tới sự phát triển của đất nước sau này. Chính vì vậy, nghiện internet thực sự là một vấn đề đáng được quan tâm, và việc giảm thiểu tình trạng này cũng là cấp thiết. Trước hết để nghiện internet được giảm thiểu thì ý thức của giới trẻ về vấn đề này phải được nâng cao. Giới trẻ phải hiểu được thế nào là đủ với internet, và sử dụng như thế nào là hợp lý. Có được như vậy, những tích cực, lợi ích mà internet đem lại mới được khai thác một cách tốt nhất. Bởi internet nếu sử dụng đúng cách, nó sẽ là công cụ hỗ trợ con người phát triển không chỉ trong công việc mà còn là đời sống tinh thần. Để làm được điều đó, việc giáo dục và tuyên truyền về sử dụng internet không bao giờ là thừa thãi. Không chỉ nhà trường mà gia đình cũng cần có những biện pháp phù hợp để giáo dục thế hệ trẻ. Ý thức tự giác sẽ được hình thành nếu ta biết cách gây dựng nó. Chính vì thế mà những yếu tố khách quan tác động luôn là cần thiết. Những quán nét, quán game cần phải được quản lý chặt chẽ theo qui định của pháp luật. Chúng ta cần thắt chặt quản lý và nghiêm túc hơn trong vấn đề này. Bởi lẽ nếu chỉ từ phía chủ quan là ý thức của người dùng thì việc hạn chế, đẩy lùi tình trạng nghiện internet thực sự quá khó khăn. Những thói xấu rất dễ nhiễm vào tâm trí của con người nhưng ngược lại thói quen tốt, tích cực thì cần thời gian, cần quá trình rèn luyện. Cho nên để đạt được kết quả cao nhất, cần phải có sự kết hợp, phối hợp giữa các bên trong vấn đề này. Internet không phải là xấu. Nó xấu bởi cách con người sử dụng và khai thác nó. Hãy để nó trở nên tích cực trong mắt mọi người. Giới trẻ hãy thức tỉnh, bớt sống ảo. Hãy rèn luyện cho tương lai sắp tới của bạn. Đừng đắm chìm mãi vào thế giới game, trang mạng xã

hội, hãy biết lo cho cuộc sống của bản thân mình. Không đoạn đường nào dẫn tới thành công mà ngọt bùi trong nhung lụa. Cũng không có đoạn đường nào quá gập ghềnh không thể vượt qua. Điều quan trọng là ý chí của bạn, niềm tin của bạn. Đừng để niềm tin chết yếu để đổi lấy những tháng ngày đắm chìm trong những thứ không đáng

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đoạn trích “Trao duyên” trong Truyện Kiều của Nguyễn Du

Truyện Kiều là tác phẩm bất hủ của Nguyễn Du. Vay mượn cốt truyện từ văn học Trung Quốc nhưng bằng một “cảm hứng mới” và một bút lực nghệ thuật tài hoa Nguyễn Du đã viết lên một “Truyện Kiều” được đánh giá là hiện tượng “tập đại thành” của nền văn học Việt Nam. Giá trị của “Truyện Kiều” không chỉ dừng lại ở mặt tư tưởng, đạo đức mà còn ở nghệ thuật văn chương tinh tế, điêu luyện đặc biệt là bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật. Về mặt này Truyện Kiều được đánh giá là một “tiểu thuyết phân tích tâm lý, dưới hình thức hiện đại”. Truyện Kiều có nhiều trang phân tích tâm lý tuyệt bút mà đoạn trích “Trao duyên” trong chương trình Ngữ văn lớp 10 là một minh chứng tiêu biểu. Đây là một đoạn trích hay nhưng cũng rất khó tiếp cận. Toàn bộ đoạn trích tập trung thể hiện tấn bi kịch của Thúy Kiều khi phải trao lại tình duyên cho em. Bởi vậy theo chúng tôi để dạy tốt đoạn trích này cần tiếp cận nó từ góc độ những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý của Nguyễn Du. Trao duyên! Hai tiếng ấy đã toát lên sâu sắc bi kịch của người trong cuộc. “Duyên” là sự gắn bó, hòa hợp tự nhiên, do trời định (duyên số), “duyên” còn là “tình” (duyên tình). Còn gì đau đớn hơn khi phải “trao duyên” cho kẻ khác (cho dù đó là em gái mình). Kiều làm sao có thể thuyết phục được em chấp nhận mối tình của mình trao lại trong khi trái tim nàng đang chảy máu thế kia? Như vậy ngay từ đầu Nguyễn Du đã đặt nhân vật vào trong một tình thế oái ăm để buộc nhân vật tự bộc lộ, tự giải bày những điều gan ruột nhất trong nội tâm của mình. Người đọc cứ bị cuốn dần cuốn dần vào trong dòng tâm trạng với những diễn biến tinh tế, phức tạp và nhiều phát triển bất ngờ của nhân vật. Bên cạnh đó để làm nổi bật những giằng xé nội tâm của Thúy Kiều trước một biến cố lớn của cuộc đời nàng, Nguyễn Du còn sáng tạo ra trong đoạn trích một hình tượng thời gian độc đáo. Việc “trao duyên” của Kiều cho Vân được thực hiện vào đêm cuối cùng trước ngày Kiều phải từ bỏ gia đình ra đi theo Mã Giám Sinh. Đây là khoảng thời gian ngắn ngủi mà Kiều có được với gia đình của mình. Sự ngắn ngủi của thời gian tạo nên sự dồn nén cảm xúc trong tâm hồn nhân vật: những dằn vặt về việc trả món nợ tình cho Kim Trọng, cảnh ngộ khó xử khi nói lời trao duyên cho em, nỗi đau đớn tuyệt vọng khi ý thức rõ thân phận “bạc mệnh” của mình... tất cả đều

hiện lên chân thực qua ngòi bút miêu tả tâm lý tinh tế của Nguyễn Du. Đoạn thơ mở đầu bằng một tư thế lạ: "...Cậy em em có chịu lời, Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa. Giọng điệu trang trọng, khẩn thiết của câu thơ, cử chỉ bất bình thường của nhân vật báo hiệu một điều gì đó vô cùng thiêng liêng, hệ trọng mà Kiều sắp sửa nói ra. Nguyễn Du quả thật là tinh tế, tài hoa khi dùng từ "cậy" mà không dùng từ "nhờ", dùng từ "chịu" mà không dùng từ "nhận" dù đây là những từ đồng nghĩa. Phải là "cậy" thì mới tô đậm được cái quẩn quại, khó nói trong tâm lý nàng Kiều và làm nổi bật được ý nghĩa hy vọng thiết tha của một lời gửi gắm, nương tựa. Còn "chịu" khác với chữ "nhận" ở sắc thái van vài, nài ép khiến cho người nghe không thể không nhận lời. Chỉ với hai chữ ấy thôi Nguyễn Du đã cân được sức nặng của một tình thế, một tâm trạng: lắt léo, trở trêu và khó nói. Đặc biệt với sự hoán đổi vị trí trong quan hệ chị em: "Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa", Kiều đã tạo ra tư thế lụy phiền bằng cách hạ mình rất thấp để Vân có thể động lòng mà chấp nhận lời thỉnh cầu của mình. Hơn ai hết Kiều thấu hiểu sự thiệt thòi của em gái mình trong tình thế phải nhận lời trao duyên. Hành động tôn kính quá mức của Thúy Kiều (lạy/thưa) là sự tỏ lòng biết ơn, chịu ơn trước sự hy sinh của em mình. Những lời lẽ khẩn thiết, cảm động, những hành động gấp gáp, dồn dập trong 2 câu thơ mở đầu trước hết bắt nguồn từ ý thức thời gian hiện tại ngắn ngủi, thắt chặt của Thúy Kiều. Thúy Kiều biết nàng không thể dùng dằng thêm một phút giây nào nữa bởi sáng mai đây thôi nàng đã phải lên đường, phải từ bỏ tất cả: tình yêu, hạnh phúc của mình. Khi khúc dạo đầu đã qua đi, Thúy Kiều bắt đầu kể cho em nghe cảnh ngộ khó xử của mình: Giữa đường đứt gánh tương tư, Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em Kể từ khi gặp chàng Kim, Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề Sự đâu sóng gió bất kì Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai Lời giải bày của nàng Kiều mang màu sắc tâm sự, vừa kể vừa để thuyết phục em bằng lí lẽ và tình cảm. Kiều nhắc lại chuyện Kiều phải dứt tình thâm với Kim Trọng để bán mình chuộc cha, phải hi sinh chữ tình cho chữ hiếu để hợp đạo làm con. Khởi được mạch cảm thông, Kiều mới tha thiết thỉnh cầu: Ngày xuân em hãy còn dài Xót tình máu mủ thay lời nước non Chị dù thịt nát xương mòn Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây Tác động vào lí trí chưa đủ Kiều còn viện cả tới tình cảm chị em và tình cảnh đau khổ của bản thân để thuyết phục Vân thay nàng trả nghĩa chàng Kim. Những thành ngữ nói về tình máu mủ, ruột rà: tình máu mủ *lời nước non, hay nói về cái chết: thịt nát xương mòn* ngậm cười chín tuổi tạo nên sức lay động mạnh mẽ trong lời tâm sự của Thúy Kiều. Kiều nói với em bằng những lời thăm sâu nhất từ trái tim của một người chị, nàng còn lấy cả linh hồn kẻ bạc phận để

biết ơn em “ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây”. Kiều dứt khoát tìm mọi cách để thuyết phục Thúy Vân thay mình trả nghĩa chàng Kim, bởi Kiều ý thức sâu sắc về hạn chót của thời gian, Kiều không thể làm gì khác để cứu tình yêu. Khi đã thuyết phục được Vân, Kiều lấy những kỉ vật tình yêu với Kim Trọng để trao lại cho em: Chiếc thoa, bức vành mây, phim đàn, mảnh hương nguyên. Bao nhiêu kỉ vật là bấy nhiêu tình yêu. Những thứ thiêng liêng mà Kiều ôm ấp trong vòng tay, trong trái tim giờ đây nàng đành phải trao lại cho em. Trao kỉ vật nàng ý thức được một sự mất mát to lớn không gì có thể cứu vãn nên tay nàng trao cho Vân mà tim nàng rung lên đầy đau đớn: “duyên này thì giữ vật này của chung”. Có chút gì như là cố níu kéo, cảm giác nuối tiếc và nỗi “đau đớn lòng” trong hai chữ “của chung” ấy. Thúy Kiều rơi vào sự mâu thuẫn giữa lời nói và hành động, lí trí và tình cảm: duyên thì trao nhưng tình lại không thể dứt. Câu thơ của Nguyễn Du không có một từ ngữ nào trực tiếp miêu tả tâm trạng vậy mà lại còn lên biết bao nỗi nuối tiếc, giằng xé đến chảy máu trong tâm hồn. Với Kiều đây không chỉ là hành động trao kỉ vật mà nàng đang phải vĩnh biệt mỗi tình đầu trong sáng và đẹp đẽ của mình. Có thể nói để viết những câu thơ này nhà thơ phải nhập rất sâu vào “vai” của nhân vật để phân tích, khơi đúng dòng ý thức nhân vật. Đoạn thơ trên không chỉ cho ta thấy một Thúy Kiều thông minh, sắc sảo qua những lí lẽ thuyết phục Thúy Vân thay nàng trả nghĩa chàng Kim mà còn là sự ý thức sâu sắc của nàng Kiều về số phận bi kịch của mình trong hiện tại: khát vọng tình yêu thì vô biên nhưng cuộc đời lại nhiều dâu bể với những “sóng gió bất kì” khiến cho hạnh phúc tình yêu phút chốc lại trở thành nỗi đau tan vỡ. Từ điểm nhìn hiện tại ấy, Thúy Kiều hình dung ra một tương lai thật náo nức khi đối sánh thân phận “người bạc mệnh” của mình với hạnh phúc lứa đôi của Thúy Vân và Kim Trọng. Nàng biết lấy gì làm cứu cánh, làm điểm tựa tinh thần nếu không quay về với những kỉ niệm tình yêu của ngày đầu ước hẹn: Mất người còn chút của tin, Phim đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa, Sự đồng hiện quá khứ lúc này không cho nàng cái cảm giác ấm áp, ngọt ngào mà trái lại càng khơi sâu vào nỗi đau trong trái tim nàng. Kỉ niệm tình yêu đẹp đẽ ấy ngỡ như mới hôm qua thôi mà nay đã trở thành cái “ngày xưa” xa hun hút, thăm thẳm. Biết bao nỗi niềm nuối tiếc, xót xa trong hai chữ “ngày xưa” ấy. Tìm về quá khứ Thúy Kiều không thấy niềm an ủi, còn tương lai thì thật hãi hùng: Mai sau dù có bao giờ, Đốt lò hương ấy so tơ phím này, Trông ra ngọn cỏ lá cây, Thấy hiu hiu gió thì hay chị về, Hồn còn mang nặng lời thề, Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai, Dạ đài cách mặt khuất lời, Rưới xin giọt nước cho người thác oan, Ở đó nàng gặp mình trong hình ảnh người

của thế giới bên kia. Nàng thấy mình là một “hồn oan” vật vờ trong ngọn cỏ lá cây, bay về trong gió, linh hồn không siêu thoát được vì vẫn mang nặng lời thề. Nàng thấy nỗi oan tình của mình cũng giống như chàng Trương Chi xưa mang nặng khối tình xuống Tuyền đài chỉ có nước mắt của người xưa mới hóa giải được. Tưởng rằng trao duyên rồi, Thúy Kiều sẽ tìm thấy được sự thanh thản trong tâm hồn nào ngờ nỗi đau đớn càng dày thêm. Giọng thơ thay đổi, hình ảnh thơ ma mị, chập chờn, huyền bí, không khí linh thiêng cùng dòng thời gian tâm lý với sự đồng hiện của 3 chiều thời gian quá khứ - hiện tại - tương lai... Tất cả giúp Nguyễn Du miêu tả thành công cơn khủng hoảng dữ dội trong tâm lý nàng Kiều khi vĩnh viễn mất đi tình yêu của mình. Tình yêu với Kiều là toàn bộ cuộc sống và mất tình yêu thì cũng có nghĩa là nàng đã chết – cái chết tinh thần. Qua ngòi bút của Nguyễn Du, những mâu thuẫn trong thế giới nội tâm của nàng Kiều còn được thể hiện chân thực thông qua việc sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Như chúng ta đã biết Truyện Kiều là một tác phẩm tự sự nhưng xuyên suốt tác phẩm, đặc biệt là ở đoạn trích “Trao duyên” Nguyễn Du lại dùng ngôn ngữ độc thoại nội tâm để miêu tả nhân vật. Đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Để cho nhân vật độc thoại nội tâm nhà thơ muốn nhân vật tự nếm trải cảm giác, tự bộc lộ, tự phơi bày tâm tư tình cảm và khát vọng sâu kín của mình. Nhà văn không đứng bên ngoài để miêu tả nội tâm nhân vật mà để nhân vật tự cất lên tiếng nói bên trong của mình. Có thể nói không ở đâu thế giới nội tâm nhân vật lại hiện lên một cách sống động và chân thực như trong ngôn ngữ độc thoại. Đây là một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Du so với các cây bút đương thời khi xây dựng nhân vật. Trong đoạn trích “Trao duyên” nếu như ở phần thứ nhất (phần trao duyên) nhà thơ chủ yếu sử dụng ngôn ngữ đối thoại khi tái hiện những lời thỉnh cầu tha thiết, cảm động và những lí lẽ giàu sức thuyết phục của Thúy Kiều để Thúy Vân chấp nhận trả nghĩa chàng Kim thì ở phần hai ngôn ngữ thơ đã có sự thay đổi. Vẫn là lời của Kiều dặn dò Thúy Vân nhưng dường như Thúy Kiều đã quên mất sự có mặt của Vân bên cạnh, nàng như đang tự nói với mình, thầm thì với mình nỗi xót tiếc quá khứ, sự náo nức trước tương lai mờ mịt, hãi hùng và một thực tế vỡ tan: Bây giờ trâm gãy gương tan, Kẽ làm sao xiết muôn vàn ái ân! Đang tự nói với mình, nàng lại chuyển đối tượng giao tiếp sang Kim Trọng: Trăm nghìn gửi lạy tình quân, Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi! Phận sao phận bạc như vôi!. Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng Sự chuyển đổi này tạo ra một ngôn ngữ trữ tình đa âm, đa giọng, một điều cực kì hiếm thấy trong văn học Trung đại. Trong lời nói Thúy Kiều, Nguyễn Du sử dụng một loạt thành ngữ diễn tả sự tan vỡ, số

phận bi kịch, sự trôi nổi, vô định của kiếp người (trâm gãy bình tan, tơ duyên ngắn ngủi, phận bạc như vôi, nước chảy hoa trôi). Tâm trạng Thúy Kiều đang chìm sâu trong sự chiêm nghiệm cá nhân để nhận ra sự nhỏ nhoi, số phận bi kịch của mình trước cái vô hạn của tình yêu, khát vọng (kể làm sao xiết muôn vàn ái ân). Và nỗi đau được đẩy tới cao trào trong hai câu kết: Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang! Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây! Chỉ trong một câu thơ thôi nhưng có đến hai lần nàng gọi tên người yêu, gọi bằng tất cả sự nồng nàn, thiết tha và đầy trân trọng (Kim lang chứ không phải là Kim Trọng). Thán từ “Ôi”, “Hỡi” đứng đầu hai vế câu cùng dấu chấm than (!) và cách ngắt nhịp lẻ (3/3) làm cho câu thơ giống như một tiếng nấc nghẹn ngào, tuyệt vọng của nàng Kiều. Trong tội cùng đau đớn nàng tự nhận lỗi về mình “thiếp đã phụ chàng từ đây”. Thúy Kiều bán mình chuộc cha là do hoàn cảnh khách quan, xuất phát từ tấm lòng hiếu nghĩa thơm thảo của nàng: “Làm con trước phải đền ơn sinh thành” nhưng nghĩ về Kim Trọng nàng lại tự nhận mình là người phụ bạc, bội ước. Tình yêu nàng dành cho Kim Trọng lớn tới mức khiến nàng quên cả nỗi đau đớn của bản thân mà thương cho nỗi đau của Kim Trọng. Nàng không đổ thừa cho hoàn cảnh mà dám nhận trách nhiệm về mình. Thúy Kiều quả là một con người có nhân cách cao thượng và giàu lòng vị tha. Với đoạn trích “Trao duyên”, Nguyễn Du đã vượt qua một “ca” tâm lí phức tạp, giàu kịch tính. Sự kết hợp tuyệt diệu của hai bút pháp tự sự và trữ tình giúp nhà thơ miêu tả thành công những mâu thuẫn bên trong hết sức chân thực của nội tâm nhân vật. Nguyễn Du đã nhập rất sâu, có lúc như hòa làm một vào nhân vật để đồng cảm với nỗi đau đứt tình và khát vọng tình yêu mãnh liệt của nhân vật. Viết về bi kịch tình yêu tan vỡ nhưng tác giả lại làm nổi bật được vẻ đẹp tâm hồn cao quý của Thúy Kiều đó là tình yêu thủy chung, lòng vị tha, đức hy sinh cao cả...Nghệ thuật miêu tả tâm lý bậc thầy cùng cảm hứng nhân văn cao cả đã làm cho “Trao duyên” trở thành một trong những đoạn trích tiêu biểu, có vị trí quan trọng nhất của Truyện Kiều.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tìm hiểu về tác giả Nam Cao và các sáng tác của ông

- Nam Cao tên khai sinh là Trần hữu Tri, sinh năm 1915, trong một gia đình nông dân làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam Ông là con trai duy nhất trong gia đình khá đông con, nhưng được ăn học tử tế. Học xong bậc thành chung, ông vào Sài Gòn giúp việc cho một hiệu may. Thời kì này ông bắt đầu sáng tác và mơ ước đi xa... nhưng rồi ốm yếu ông trở về quê và thất nghiệp. Sau đó ông lên Hà Nội dạy học. Nhật đánh vào Đông Dương, ông lại thất nghiệp sống bằng nghề viết văn và làm gia sư Năm 1943: tham gia hội cứu quốc do Đảng cộng sản tổ chức lãnh đạo Năm 1946: ông cùng đoàn quân tiến vào nam Trung bộ đang kháng chiến. Tháng 12/1946: kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông về làm công tác tuyên truyền ở Hà Nam, văn nghệ ở Việt Bắc. Tháng 11/1951: trên đường vào công tác vùng sau lưng địch ông bị bắt được, bị bắn chết gần Hoàng Nam (Ninh Bình) - Quan Điểm nghệ thuật: tiến bộ, có suy nghĩ nghiêm túc về sống. Ông viết: “nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối (tuyên ngôn nghệ thuật trong “Trăng sáng”), văn chương phải phản ánh hiện thực và không nên chạy theo cái đẹp, cái thơ mộng mà quay lưng lại với hiện thực - Trước cách mạng tháng 8/1945: ông viết 60 truyện ngắn, 1 truyện vừa , 1 tiểu thuyết, 1 số vở kịch và thơ Các truyện ngắn viết về tri thức nghèo: đời thừa, trăng sáng (1943), mua nhà, cười, nước mắt,(1944)... và tiểu thuyết Sống Mòn (1944) Các truyện ngắn viết về người nông dân nghèo: Chí phèo, Lão Hạc, Lang Rận, Dì Hảo, nửa đêm, điệu văn, tư cách mõ, một đám cưới, một bữa no, mua danh... - Sau cách mạng tháng 8/1945: Đôi mắt, chuyện biên giới (1948), Nhật kí ở rừng (1950) Ông là người có đóng góp lớn vào việc cách tân nền văn xuôi Việt Nam theo hướng hiện đại

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của anh (chị) về việc đọc sách và tự học

Mở bài: Từ xưa đến nay, muốn đi đến thành công con người cần phải có tri thức. Một trong những cách tiếp cận tri thức đó chính là việc đọc sách. Tuy nhiên, để việc đọc sách thật sự hiệu quả thì mỗi cá nhân cần phải luyện cho mình văn hóa đọc (khái niệm đề cao tính nghệ thuật, tính thưởng thức văn hóa đích thực trong việc đọc sách, vượt lên trên khái niệm đọc đơn thuần). Và một trong những con đường để hình thành văn hóa đọc đó chính là việc chọn lựa sách sao cho phù hợp. Việc lựa chọn sai có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, và đó có thể là con đường đưa văn hóa đọc sách đến vực thẳm.

Thân bài: + Thực trạng hiện nay: - Khối lượng sách đồ sộ, lượng kiến thức có trong quyển sách này lại có thể giống hệt những kiến thức trong quyển sách khác, chỉ khác nhau ở lớp bìa bên ngoài làm cho người đọc mất phương hướng, không biết nên lựa chọn thế nào cho thích hợp, nên họ chỉ còn cách duy nhất là mua tất cả và đọc tất cả chúng. Thời gian thì mất nhiều mà lượng kiến thức vẫn vậy. - Trên thị trường hiện nay lại có sự xuất hiện của những cuốn sách mang nội dung không lành mạnh, không những không cung cấp tri thức mà còn đầu độc người đọc, gây ảnh hưởng tiêu cực đến người đọc và xã hội. + Giải quyết vấn đề: - Trước khi mua sách, người đọc (nhất là đối tượng học sinh, sinh viên) nên hỏi ý kiến của những người có kinh nghiệm (như chuyên gia, thầy giáo, cha mẹ....) để có một sự lựa chọn chính xác nhất. - Các cơ quan chức năng cần có biện pháp quản lý chặt chẽ hơn đối với việc xuất bản và lưu hành những sản phẩm văn hóa để tránh tình trạng những sản phẩm độc hại trôi nổi trên thị trường ảnh hưởng đến người tiêu dùng, mà ở đây là những độc giả. - Nhà trường nên tổ chức những buổi giới thiệu sách cho học sinh để học sinh có thêm thông tin về những quyển sách bổ ích, thiết thực cho mình.

Kết luận: + Khẳng định một lần nữa tầm quan trọng của việc lựa chọn sách đối với mỗi người để từ đó xây dựng một nền văn hóa đọc sách lành mạnh cho toàn xã hội.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của em về việc đọc sách và tự học

Mở bài: - Trong nhà trường, ngoài việc tiếp thu kiến thức do các thầy cô truyền đạt, người học sinh cần có biện pháp mới có thể giải được. - Một trong số những biện pháp có kết quả là phương pháp tự học. Thân bài: 1) GIẢI THÍCH: -“Tự học” nghĩa là tự mình vạch ra kế hoạch, tự mình đặt ra biện pháp để giúp cho việc học tốt hơn. -“Tự học” là phần làm việc ở nhà trước khi vào lớp tốt hơn. 2) CHÚNG MINH: - Trong thực tế có biết bao gương tự học đã làm nên danh phận như: Mạc Đĩnh Chi tự học thi đỗ Trạng nguyên, Mã Lương tự học và vẽ như thật, Bác Hồ tự học và biết nhiều thứ tiếng 3) PHÊ PHÁN: - Những kẻ lười học, xem việc học là khổ sở, là bắt buộc nên chán học , lười học. 4) ĐÁNH GIÁ: - Việc tự học ở nhà của người học sinh thường là soạn bài,làm bài, học bài, xem trước bài mới - Người học lên kế hoạch cho mình, học vào lúc nào, học những gì? Cài gì trước, cái gì sau. - Học sinh chuẩn bị bài trước khi vào lớp sẽ dễ hiểu hơn,sẽ trả lời được các câu hỏi của thầy cô đặt ra, đồng thời tạo ra hứng thú hơn trong việc học. -“Tự học” là biện pháp giúp người học sinh tự tìm hiểu lấy kiến thức. -“Tự học” là phương pháp mới giúp học sinh năng động hơn trong học tập. - Đó còn là cơ sở thể hiện năng lực tư duy sáng tạo, biết sắp xếp công việc có khoa học. - Người học sinh có biện pháp tự học là biết làm chủ lấy mình. Kết bài: - Tinh thần tự học giúp con người nâng cao kiến thức, tự làm chủ lấy mình, tự đặt ra kế hoạch trong học tập. - Tinh thần tự học rất cần cho tất cả mọi người. - Mỗi học sinh cần đề ra cho mình biện pháp tự học.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tìm hiểu về cuộc đời và các sáng tác của Nguyễn Du

1. Cuộc đời - Ông quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng sinh và trải qua thời thơ ấu ở Thăng Long. Ông thuộc dòng dõi trâm anh thế phiệt: cha là Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm làm tới tể tướng dưới triều Lê; mẹ là bà Trần Thị Tần, vợ thứ ba của Nguyễn Nghiễm, người xứ Kinh Bắc (Nguyễn Nghiễm có 8 vợ, 21 người con). Anh khác mẹ (con bà chính) của ông là Toàn Quận Công Nguyễn Khản làm tới Tham Tụng, Thái Bảo trong triều. - Năm 1771, ông cùng gia đình Tể tướng Nguyễn Nghiễm chuyển về ở làng Tiên Điền. - Năm 1775, lúc 10 tuổi Nguyễn Du mồ côi cha. - Năm 1778, lúc mười ba tuổi mồ côi mẹ, ông phải ra Thăng Long ở với anh cả là Nguyễn Khản. Được vài năm, Nguyễn Du trở về làng Tiên Điền ở với người chú là Tiến sĩ Nguyễn Hành. - Năm 1783, Nguyễn Du thi hương tại trường thi Nghệ An và đậu Tam trường. Vì lẽ gì không rõ, ông không tiếp tục thi lên nữa, mà đi nhận một chức quan võ ở Thái Nguyên, kể chân người cha nuôi của ông vừa mới từ trần. - Năm 1789, Nguyễn Huệ kéo binh ra Bắc, đại thắng quân nhà Thanh. Nguyễn Du, vì tư tưởng trung quân phong kiến, không chịu ra làm quan cho nhà Tây Sơn. - Từ năm 1789 đến năm 1795, ông sống ở Thái Bình-quê vợ. - Năm 1796: Nguyễn Du dự định vào Gia Định cộng tác với Chúa Nguyễn, âm mưu bị bại lộ, bị nhà Tây Sơn bắt giam ba tháng. Có thể Nguyễn Du đã thai nghén Truyện Kiều vào thời gian này; năm đó Nguyễn Du đúng 30 tuổi (“Trải qua một cuộc bể dâu” - một bể dâu bằng khoảng 30 năm). Nhưng theo Giáo sư Nguyễn Lộc (“Từ điển Văn học” tập II - Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1984) trang 455 viết: “Đoạn trường tân thanh (đoạn trường: đứt ruột; tân thanh: tiếng mới). là một truyện thơ Nôm viết bằng thể lục bát, dựa theo tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc. Có thuyết nói Nguyễn Du viết Truyện Kiều sau khi đi sứ Trung Quốc (1814-20). Có thuyết nói Nguyễn Du viết trước khi đi sứ, có thể vào thời gian làm Cai bạ ở Quảng Bình (1804-09). Thuyết sau này được nhiều người chấp nhận”. Chi tiết xem thêm bài Truyện Kiều - Từ 1797 đến năm 1804: Nguyễn Du ẩn dật tại Tiên Điền. Khi Nguyễn Phúc Ánh lật đổ nhà Tây Sơn Nguyễn Quang Toản, rồi mời Nguyễn Du ra làm quan; ông từ chối mãi mà không được nên miễn cưỡng tuân mệnh. Năm 1805, ông bắt đầu vào Huế làm quan với nhà Nguyễn và được thăng Đông Các điện học sĩ, tước Du

Đức Hầu. Năm 1813, thăng Cần Chánh điện học sĩ, được cử làm Chánh Sứ đi Trung Quốc. Sau khi về nước, năm 1815, ông được thăng Lễ Bộ Hữu Tham Tri. Đường công danh của Nguyễn Du với nhà Nguyễn chẳng có mấy trở ngại. Ông thăng chức nhanh và giữ chức trọng, song chẳng mấy khi vui, thường u uất bất đắc chí. Theo Đại Nam Liệt Truyện: “Nguyễn Du là người ngạo nghễ, tự phụ, song bề ngoài tỏ vẻ giữ gìn, cung kính, mỗi lần vào chầu vua thì ra dáng sợ sệt như không biết nói năng gì...” - Năm 1820, Minh Mạng lên ngôi, cử ông đi sứ lần nữa, nhưng lần này chưa kịp đi thì ông đột ngột qua đời. Đại Nam Liệt Truyện viết: “Đến khi đau nặng, ông không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân. Họ thưa đã lạnh cả rồi. Ông nói “được” rồi mất; không trở lại điều gì.”

2. Tác phẩm tiêu biểu Ngoài Truyện Kiều nổi tiếng ra, Nguyễn Du còn để lại: - Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh - Văn Tế Sống Hai Cô Gái Trường Lưu - Thác Lời Trai Phụng Nón (bằng chữ Nôm) - Ba tập thơ chữ Hán điển hình - Thanh Hiên Thi Tập - Nam Trung Tọa Ngâm - Bắc Hành Tọa Lục - Các bài thơ khác : - Cảm Hứng Trong Tù - Đầu Sông Chơi Dạo - Đứng Trên Cầu Hoàng Mai Buổi Chiều - Đêm Đâu Thuyền Cửa Sông Tam Giang - Đêm Rằm Tháng Giêng Ở Quỳnh Côi - Lưu Biệt Anh Nguyễn - Mộ Đỗ Thiếu Lãng Ở Lôi Dương - Miếu Thờ Mã Phục Ba Ở Giáp Thành - Ngày Thu Gởi Hứng - Nói Hàn Tín Luyện Quân - Người Hát Rong Phủ Vĩnh Bình - Ngồi Một Mình Trong Thủy Các - Ngựa Bỏ Bên Thành - Ngày Xuân Chợt Hứng - Long Thành Cầm Giả Ca - Tranh Biệt Cùng Giả Nghị - Qua Sông Hoài Nhớ Thừa Tướng Văn - Xúc Cảm Đình Ven Sông - Viếng Người Con Hát Thành La

3. Nhận xét Thơ chữ Hán của Nguyễn Du cho thấy phần sâu kín trong tâm trạng ông. Nó như một thứ nhật ký, giải bày mọi nỗi niềm, mọi ý nghĩ trong cảnh sống thường nhật của chính ông. Cả ba cuốn Thanh Hiên thi tập (viết trong khoảng 1785-1802, khi Nguyễn Du lánh ẩn ở quê vợ, Thái Bình, rồi trở về Hồng Lĩnh và ra lại Bắc Hà làm quan triều Gia Long); Nam trung tọa ngâm (1805-1812, khi Nguyễn Du làm quan ở Huế rồi cai bạ Quảng Bình); và Bắc hành tọa lục (1813-1814, thơ viết trên đường đi sứ Trung Hoa) đều có một giọng u trầm thấm thía, đầy cảm xúc nội tâm. Thơ chữ Hán Nguyễn Du như một tiếng thở dài luận bàn nhân tâm thế sự và xót thương thân phận. Một hình ảnh trở đi trở lại là mái tóc bạc, Nguyễn Du có mái tóc bạc sớm, mái tóc như biểu tượng của lo nghĩ, của những nghiền ngẫm buồn thương và bế tắc Tráng sỹ bạch đầu bi hướng thiên Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên (Tráng sỹ ngẩng mái đầu tóc bạc bi thương than với trời xanh Chí lớn một đời và miếng ăn hàng ngày cả hai đều mờ mịt) Khi quân Tây Sơn ra Bắc năm 1786, Nguyễn Du trung thành với

nhà Lê không cộng tác, tìm đường lánh ẩn, chịu sống nghèo khổ. Những thiếu thốn vật chất đôi lúc lộ ra trong thơ: Thập khẩu hài nhi thái sắc đồng (Mười đứa con sắc mặt xanh như lá) Hoặc: Trong bếp suốt ngày không có khói lửa (Trước đèn phải mượn chén rượu cho gương mặt được hồng hào) Do vậy, ông thấy: Nhất sinh từ phú như vô ích Mãn giá cầm thư đồ tự ngu (Một đời chữ nghĩa thành vô ích Sách đàn đầy giá chỉ làm ta ngu dốt) Lời nhận xét thật chua chát, bế tắc. Mái tóc bạc như một chứng tích tiêu tụy cho cái nghịch lý ấy: Phơ phơ tóc bạc sống gửi ở nhà người, rồi: Già đến, tóc bạc đáng thương cho người. Mái tóc cũng bạc đã thành bạn tri âm cho Nguyễn Du than thở: Tóc sương là bạn đi cùng. Nói là già nhưng lúc viết Thanh Hiên thi tập Nguyễn Du chỉ ở tuổi 20 đến 37. Trừ trưởng lưu quang thôi bạch phát Một sự chọn hướng trái chiều với bước đi của lịch sử làm Nguyễn Du ngùi ngẫm giằng xé cả một đời, ngay cả thời gian ra làm quan với Gia Long: Ôn vua chưa trả đỉnh đỉnh Mưa xuân nhuần thấm nhưng mình lạnh xương Tạ ơn của vua nhưng lại thấy buốt lạnh trong xương cốt vì Nguyễn Du ôm một nỗi niềm éo le. Giáo lý Khổng Mạnh dạy: Tôi trung không thờ hai vua. Nhưng với Nguyễn Du, vua phải thờ thì hèn kém, thậm chí rước voi về giày mồ (Lê Chiêu Thống), còn vua phải chống thì lại anh hùng, bảo vệ độc lập dân tộc (Quang Trung). Biết mà không vượt qua được, ông mong được hậu thế cảm thông: Bất tri tam bách dư niên hậu Thiên hạ hà nhân khốc Tố Như (Ba trăm năm nữa nào biết được Thiên hạ ai người khóc Tố Như) Có một nỗi niềm đến phút cuối Nguyễn Du vẫn phải nén lại và mang đi. Buồn thương, cô đơn đã thành thuộc tính của đời ông như màu xanh là thuộc tính của cỏ: Nhân tự bi thê, thảo tự thanh (Người tự buồn thương, cỏ tự xanh) Nguyễn Du hay nói tới thân phận tha hương, lưu lạc, nỗi nhớ quê nhà... trong các bài thơ. Ông thấy tài năng văn chương như con chim phượng nhốt trong lồng nát và công danh thì cùng đường như con rắn đã chui trong hang. Bình sinh văn thái tàn lung phượng Phù thế công danh tẩu hác xà Ở các bài vịnh nhân vật và luận về các sự kiện lịch sử Trung Hoa trong Bắc hành tạp lục, Nguyễn Du đã xuất phát từ quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc của con người để cân đo lại trọng lượng các vĩ nhân và các chiến công âm ỹ một thời.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu ý nghĩa của việc đọc sách và việc tự học

Cổ lẽ cách thức tiếp cận nền tri thức phong phú và đa dạng của nhân loại nhanh và hữu ích nhất vẫn là đọc sách và tự học, tự nghiên cứu - Đọc sách giúp chúng ta mở rộng vốn kiến thức phong phú, chuẩn bị hành trang để bước vào cuộc sống - Thói quen đọc sách mỗi ngày với đa dạng các thể loại khác nhau giúp chúng ta thông minh, nhạy bén hơn - Đọc sách còn là gánh phác vắn thế hệ đi trước để lại, truyền lại cho thế hệ mai sau tạo nên một cuộc hành trình chạy tiếp sức, truyền dạy kiến thức từ đời nay sang đời mai, tam đại tứ đại đồng đường - Đọc sách cũng chính là một trong những phương pháp tự nghiên cứu, tự rèn luyện - Tự học không chỉ giúp chúng ta mở rộng vốn kiến thức, ứng dụng những cái đã học mà còn giúp chúng ta chủ động hơn trong cuộc sống, không bị lệ thuộc vào người khác - Những người tự học thường có ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn trong cuộc sống,...

Văn Mẫu Lớp 10 - Ý nghĩa của việc đọc sách và việc tự học trong xã hội hiện nay

Ý chính trong bài: Đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn (không phải là con đường duy nhất). + Sách là kho tàng quý báu lưu giữ tin thần nhân loại, những cột mốc ghi dấu sự tiến hóa của nhân loại. + Coi thường sách, không đọc sách là xóa bỏ quá khứ, là kẻ thụt lùi, lạc hậu, là kẻ kiêu ngạo một cách ngu xuẩn. + Đọc sách là trả nợ quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm loài người, là hưởng thụ kiến thức, lời dạy tâm huyết của quá khứ. + Đọc sách là để chuẩn bị hành trang, thực lực về mọi mặt để con người có thể tiếp tục tiến xa (chương trình vạn dặm) trên con đường học tập, phát hiện thế giới.

- Cách chọn sách: - Chọn cho tinh, không cốt lấy nhiều + Đọc nhiều không thể coi là vinh dự (nếu nhiều mà dối), đọc ít cũng không phải là xấu hổ (nếu ít mà kĩ càng, chất lượng...) + Tìm được những cuốn sách thật sự có giá trị và cần thiết đối với bản thân. + Chọn có mục đích, định hướng rõ ràng, kiên định, không tùy hứng, nhất thời. - Sách chọn nên hướng vào hai loại: + Loại phổ thông: (nên chọn lấy khoảng 50 cuốn để đọc trong thời gian học phổ thông và đại học là đủ). + Loại chuyên môn (chọn, đọc suốt đời). *Học là gì? Học là hoạt động thu nhận kiến thức và hình thành kĩ năng của một chủ thể học tập nào đó. Hoạt động học có thể diễn ra dưới hai hình thức: - Học tập dưới sự hướng dẫn của thầy, cô giáo: hoạt động này diễn ra trong những không gian cụ thể, thời gian cụ thể, những điều kiện và những qui tắc cụ thể... - Tự học: dựa trên cơ sở của những kiến thức và kĩ năng đã được học ở trường để tiếp tục tích lũy tri thức và rèn luyện kĩ năng. Hình thức học này không có giới hạn về thời gian, nghĩa là học suốt đời. Tinh thần tự học là gì? - Là có ý thức tự học, ý thức ấy dần dần trở thành một nhu thường trực đối với chủ thể học tập. - Là có ý chí vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để tự học một cách có hiệu quả. - Là có phương pháp tự học phù hợp với trình độ của bản thân, hoàn cảnh sống cụ thể, các điều kiện vật chất cụ thể.*

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh về tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du

Nguyễn Du sinh ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu, tức ngày 3/1/1866 ở kinh thành Thăng Long trong một gia đình quý tộc lớn. Thân sinh ông là Hoàng Giáp Nguyễn Nghiễm (1708 – 1775), làm quan đến tham tụng (tể tướng) tước Xuân quận công triều Lê. Mẹ ông là bà Trần Thị Tần, quê Kinh Bắc, đẹp nổi tiếng. 13 tuổi lại mồ côi mẹ, ông phải ở với người anh là Nguyễn Khản. Đời sống của người anh tài hoa phong nhã, lớn hơn ông 31 tuổi này rất có ảnh hưởng tới nhà thơ. Nguyễn Du là nhà thơ sống hết mình, tư tưởng, tình cảm, tài năng nghệ thuật của ông xuyên suốt các tác phẩm của ông, xuyên suốt cuộc đời ông và thể hiện rõ nhất qua áng văn chương tuyệt vời là Truyện Kiều Sự thăng tiến trên đường làm quan của Nguyễn Du khá thành đạt. Nhưng ông không màng để tâm đến công danh. Trái tim ông đau xót, buồn thương, phần nộ trước “những điều trông thấy” khi sống lưu lạc, gần gũi với tầng lớp dân đen và ngay cả khi sống giữa quan trường. Ông dốc cả máu xương mình vào văn chương, thi ca. Thơ ông là tiếng nói trong trái tim mình. Đây là tình cảm sâu sắc của ông đối với một kiếp người lầm lũi cơ hàn, là thái độ bất bình rõ ràng của ông đối với các số phận con người. Xuất thân trong gia đình quý tộc, sống trong không khí văn chương bác học, nhưng ông có cách nói riêng, bình dân, giản dị, dễ hiểu, thấm đượm chất dân ca xứ Nghệ. Về văn thơ nôm, các sáng tác của ông có thể chia thành 3 giai đoạn. Thời gian sống ở Tiên Điền – Nghi Xuân đến 1802, ông viết “Thác lời trai phường nón Văn tế sống 2 cô gái Trường Lưu”. Đây là 2 bản tình ca thể hiện rất rõ tâm tính của ông, sự hoà biểu tâm hồn tác giả với thiên nhiên, với con người. Ba tập thơ chữ Hán thì “Thanh hiên thi tập” gồm 78 bài, viết lúc ở Quỳnh Côi và những năm mới về Tiên Điền, là lời trần trở chốn long đong, là tâm sự, là thái độ của nhà thơ trước cảnh đời loạn lạc. Sau 1809, những sáng tác thơ của ông tập hợp trong tập “Nam Trung Tọa Ngâm” gồm 40 bài đầy cảm hứng, của tâm sự, nỗi niềm u uất. Truyện Kiều được Nguyễn Du chuyển dịch, sáng tạo từ cuốn tiểu thuyết “Truyện Kim Vân Kiều” của Thanh Tâm Tài Nhân, tên thật là Tử Văn Trường, quê ở huyện Sơn Am, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Truyện Kiều đã được nhân dân ta đón nhận một cách say sưa, có nhiều lúc đã trở thành vấn đề xã hội, tiêu biểu là cuộc tranh luận xung quanh luận đề “Chánh học và tà thuyết” giữa cụ Nghè Ngô Đức Kế và ông

Phạm Quỳnh thu hút rất nhiều người của 2 phía cùng luận chiến. Không chỉ ảnh hưởng sâu sắc trong tầng lớp thị dân, Truyện Kiều còn được tầng lớp trên say mê đọc, luận. Vua Minh Mạng là người đầu tiên đứng ra chủ trì mở văn đàn ngâm vịnh Truyện Kiều và sai các quan ở Hàn Lâm Viện chép lại cho đời sau. Đến đời Tự Đức, nhà vua thường triệu tập các vị khoa bảng trong triều đến viết và vịnh Truyện Kiều ở văn đàn, ở Khu Văn Lâu. Truyện Kiều của Nguyễn Du là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại truyện nôm trong văn học trung đại Việt Nam. Nguyễn Du là con người có trái tim giàu lòng yêu thương. Chính nhà thơ đã từng viết trong Truyện Kiều: “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Mộng Liên Đường, chủ nhân trong lời tựa Truyện Kiều cũng đề cao tấm lòng của Nguyễn Du: “Nếu không có con mắt trông thấy cả 6 cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy”. Nguyễn Du dựa vào cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh tâm tài nhân (Trung Quốc), có bố cục theo 3 phần truyền thống của tác phẩm cổ điển: Phần 1: Gặp gỡ & đính ước Phần 2: Gia biến & lưu lạc Phần 3: Đoàn tụ. Nhân vật chính là người con gái tài sắc Thúy Kiều. Nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn. Điều này làm nên giá trị của kiệt tác Truyện Kiều. Về nội dung, Truyện Kiều có 2 giá trị lớn là hiện thực & nhân đạo. Tác phẩm đã phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị & số phận những con người bị áp bức đau khổ, đặc biệt là số phận bi kịch của ngư phụ nữ. Truyện Kiều mang giá trị nhân đạo với những nội dung cơ bản: niềm thương cảm sâu sắc trc những đau khổ của con người, sự lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo, sự trân trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, khát vọng chân chính. Về nghệ thuật, Truyện Kiều có những thành tựu lớn về nhiều mặt, nổi bật là ngôn ngữ & thể loại. Đến Truyện Kiều, tiếng Việt đã đạt đến trình độ đỉnh cao ngôn ngữ nghệ thuật biiu đạt, biểu cảm & thẩm mỹ, kết hợp giữa ngôn ngữ dân tộc & ngôn ngữ bác học. Nghệ thuật tự sự, miêu tả trong tác phẩm thật đa dạng. Ngày nay, Truyện Kiều vẫn đang được các nhà xuất bản in với số lượng lớn, được dịch ra rất nhiều thứ tiếng. Các nhà nghiên cứu trên thế giới đánh giá cao Truyện Kiều. Kiệt tác Truyện Kiều có sức chinh phục lớn đối với nhiều thế hệ độc giả. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng & được giới thiệu nhiều nước trên thế giới Dịch giả người Pháp Rơ-Ne-Crir-Sắc khi dịch Truyện Kiều đã viết bài nghiên cứu dài 96 trang, có đoạn viết: “Kiệt tác của Nguyễn Du có thể so sánh một cách xứng đáng với kiệt tác của bất kỳ quốc gia nào, thời đại nào”. Ông so sánh với văn học Pháp: “Trong tất cả các nền văn chương Pháp không một tác phẩm nào được phổ thông, được toàn dân sùng kính và yêu

chuộng bằng quyển truyện này ở Việt Nam”. Và ông kết luận: “Sung sướng thay bậc thi sĩ với một tác phẩm độc nhất vô nhị đã làm rung động và ca vang tất cả tâm hồn của một dân tộc”. Năm 1965 được Hội đồng Hoà bình thế giới chọn làm năm kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du. Nguyễn Du là nhà thơ sống hết mình, tư tưởng, tình cảm, tài năng nghệ thuật của ông xuyên suốt các tác phẩm của ông, xuyên suốt cuộc đời ông và thể hiện rõ nhất qua áng văn chương tuyệt vời là Truyện Kiều. Đọc Truyện Kiều ta thấy xã hội, thấy đồng tiền và thấy một Nguyễn Du hàm ẩn trong từng chữ, từng ý. Một Nguyễn Du thâm thúy, trải đời, một Nguyễn Du chan chứa nhân ái, hiểu mình, hiểu đời, một Nguyễn Du nóng bỏng khát khao cuộc sống bình yên cho dân tộc, cho nhân dân

Văn Mẫu Lớp 10 - Nhà văn Nga L. Tôn-xtôi cho rằng: “Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống”. Suy nghĩ của anh/ chị về câu nói trên

Sườn ý cơ bản: Cần giải thích được: - “Quà tặng bất ngờ”: có thể hiểu theo cả nghĩa cụ thể và nghĩa khái quát (vật chất, tinh thần, những cơ hội, những may mắn...) đến một cách đột ngột, ngẫu nhiên => Khuyến con người cần có thái độ sống chủ động, có ý chí và nghị lực, không nên ỷ lại vào hoàn cảnh - “Quà tặng bất ngờ”: mang lại niềm vui, niềm hào hứng... nhưng không phải lúc nào cũng có. => Khi nhận được món quà bất ngờ ấy, nhiều người lại sinh ra ỷ lại, chờ đợi món quà kế tiếp - Nêu ra một số dẫn chứng cho các luận điểm sau: + Phải biết tận dụng và trân trọng quà tặng bất ngờ ấy như thế nào (quà tặng cuộc sống) + Phê phán những người quá thụ động, ỷ lại vào người khác, chỉ biết trông chờ những món quà bất ngờ khác mà không tự xây dựng cuộc sống - Nêu lên bài học, nhận thức của bản thân mình

Văn Mẫu Lớp 10 - Đồng cảm và sẻ chia là một nếp sống đẹp trong xã hội hiện nay. Viết một đoạn văn trình bày ý kiến của anh chị về nếp sống ấy

Sườn ý cơ bản: - Giải thích ý kiến: Đồng cảm là gì? chia sẻ là gì? - Lí giải và biểu hiện + vì sao mỗi người chúng ta cần phải đồng cảm và sẻ chia + Vì sao có thể coi đồng cảm và sẻ chia là một nếp sống đẹp trong xã hội hiện nay? - Dẫn chứng - Phản biện vấn đề - Dẫn dắt bài học nhận thức và hành động

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du

Truyện Kiều là tên gọi phổ biến của tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của đại thi hào Nguyễn Du. Tác phẩm này đã đưa Nguyễn Du lên hàng danh nhân văn hoá thế giới. Theo Đại Nam chính biên liệt truyện, truyện được viết ra sau khi ông đi sứ nhà Thanh về và theo lời truyền thì Phạm Quý Thích đã cho khắc in vào khoảng từ năm 1820 đến năm 1825, thường được gọi là “bản Kinh”. Bản khắc in đó nay không còn nữa nhưng còn lưu lại những phiên bản di dịch ít nhiều. Ngoài “bản Kinh” do Phạm Quý Thích cho khắc in, một số dị bản nữa được in sau đó ở Hà Nội do các nhà in phát hành, thường gọi là “bản Phường”. Nguyên bản tác phẩm Truyện Kiều được viết bằng chữ Nôm, gồm 3.254 câu thơ theo thể lục bát. Nội dung của truyện dựa theo tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc. Hiện nay, ở Việt Nam lưu truyền một số dị bản của tác phẩm này. Bản nôm cổ nhất còn lưu giữ là bản “Liễu Văn Đường” khắc in năm Tự Đức thứ 19 (1866), mới phát hiện ở tỉnh Nghệ An. Truyện Kiều là tiểu thuyết viết bằng thơ lục bát. Truyện phản ánh xã hội đương thời thông qua cuộc đời của nhân vật chính Vương Thuý Kiều. Xuyên suốt tác phẩm là chữ “tâm” theo như Nguyễn Du đã tâm niệm “Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu” (nghĩa là “Linh Sơn chỉ ở lòng người thôi”). Ngày nay, Truyện Kiều của Nguyễn Du là một trong những tác phẩm văn học Việt Nam được giới thiệu rộng rãi nhất đến với các du khách cũng như các nhà nghiên cứu nước ngoài. Theo Giáo sư Nguyễn Lộc (“Từ điển Văn học” tập II - Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1984) trang 455 viết: “Đoạn trường tân thanh là một truyện thơ Nôm viết bằng thể lục bát, dựa theo tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc. Có thuyết nói Nguyễn Du viết Truyện Kiều sau khi đi sứ Trung Quốc (1814-1820). Có thuyết nói Nguyễn Du viết trước khi đi sứ, có thể vào thời gian làm Cai bạ ở Quảng Bình (1804-1809). Thuyết sau này được nhiều người chấp nhận” Nội dung: 3 phần [...] - Hàng trăm năm qua, Truyện Kiều vẫn luôn tồn tại trong đời sống của dân tộc Việt. Đây là một trong số ít các tác phẩm lớn được nhiều người dân đủ mọi tầng lớp học thuộc lòng. Đối đáp bằng những ngôn từ, lời lẽ trong truyện Kiều cũng đã trở thành một hình thức sinh hoạt văn hoá của một số cộng đồng người Việt như lấy Kiều, trò Kiều, vịnh Kiều, tranh Kiều, bói Kiều... Ngày nay, tên một số nhân vật và địa danh trong

Truyện Kiều được sử dụng trong đời sống với nghĩa tương tự: Sở Khanh: chỉ những người đàn ông phụ tình. Tú Bà: chỉ những người phụ nữ môi giới, bảo kê cho gái mại dâm. Hoạn Thư: chỉ những người phụ nữ có máu ghen thái quá. Lầu xanh: nơi chứa gái mại dâm. - Giá trị hiện thực Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời là cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỉ XIX (xã hội đồng tiền, xấu xa đồi bại và những bất công). Phản ánh thân phận thấp hèn của người phụ nữ trong xã hội, đặc biệt là nỗi khổ của nhiều phụ nữ có nhan sắc: “Hồng nhan bạc mệnh”. - Giá trị nhân đạo Ca ngợi phẩm chất đẹp đẽ và tài sắc của người phụ nữ. Thông cảm và đồng cảm sâu sắc trước nỗi khổ của con người, đặc biệt là với nỗi khổ của người phụ nữ dưới xã hội phong kiến Thể hiện khao khát trong tình yêu, hạnh phúc lứa đôi Ước mơ tự do công bằng trong cuộc sống. - Giá trị nghệ thuật + Ngôn ngữ Bài thơ viết dưới dạng văn học dân gian. Bên cạnh đó Nguyễn Du còn vận dụng linh hoạt thành công các thành ngữ, ca dao, các điển cố điển tích vào trong Truyện Kiều khiến cho bộ truyện Nôm đã trở thành một tập Đại thành ngôn ngữ của căn học dân tộc. Ngôn ngữ độc thoại được vận dụng tài tình để bộc lộ nội tâm nhân vật Ngôn ngữ đối thoại thể hiện tinh tế tính cách và hoàn cảnh nhân vật + Tả người Nhân vật chính diện: Ngòi bút ước lệ, dùng hình ảnh thiên nhiên tả người. Là nhân vật lý tưởng hóa của Nguyễn Du Nhân vật phản diện: Tả thực, là nhân vật hiện thực hóa của Nguyễn Du + Tả cảnh Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình sinh động, khắc họa rõ nét nội tâm nhân vật.

Văn Mẫu Lớp 10 - Quan điểm của anh/ chị về việc dùng hàng chợ hay hàng siêu thị

Dàn ý: Đặt vấn đề: Có nhiều quan điểm ý kiến về các mặt hàng ở chợ và ở siêu thị, vậy cái nào có lợi? Vào đề, nghị luận: - Chợ: + Thực phẩm chưa được kiểm tra chất lượng + Nhiều mặt hàng lẫn lộn được bày cùng nhau=>không sạch sẽ + thực phẩm tươi sống bày bán lẫn lộn với thức ăn chín, không được che đậy, vệ sinh môi trường bừa bộn, ẩm ướt, nhiều ruồi, nhặng, hàng hóa ... => tuy nhiên thì vẫn có một số hàng hóa được đánh giá tốt như rau củ quả tươi ngon... => giá rẻ - Siêu thị: + có nhãn mác, thăm định + bày bán sạch sẽ => tuy nhiên thì có những mặt hàng không được ưa chuộng vì để quá lâu ngày như: rau củ quả, các mặt hàng hết hạn nhưng không xử lý,... => giá một số sản phẩm cao Kết luận: - ở nơi nào cũng có ưu và nhược => lựa chọn chính xác của người tiêu dùng

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích chí khí anh hùng của Từ Hải qua đoạn trích “Chí khí anh hùng”

Từ Hải là nhân vật được Nguyễn Du gửi gắm nhiều ước mơ, hoài bão, khát vọng nhân văn và cao đẹp. - Từ là một người anh hùng cái thế, có chí lớn muốn làm nên sự nghiệp để làm nên tiếng anh hùng “đâu đấy tỏ”. Trong toàn truyện Kiều, Nguyễn Du chỉ có một lần dùng từ “Trượng phu” (người đàn ông có chí khí lớn) và chính là được dùng để nói về Từ Hải ở đoạn trích này. Tâm vóc vĩ đại cũng như khát vọng, chí khí lớn lao của người anh hùng được thể hiện qua những thủ pháp miêu tả ước lệ và mang tầm vũ trụ: “động lòng bốn phương”, “trời bể mênh mang”, “bốn bể”... Hình ảnh tư thế người anh hùng hiện lên gắn với hình ảnh “thanh gươm yên ngựa” và được so sánh với chim Bể (loại chim huyền thoại được dùng để so sánh với chí lớn của nam nhi)... Khao khát về một sự nghiệp lớn: được thể hiện qua hình ảnh mang tính chất ước lệ: “Bao giờ 10 vạn tinh binh - Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường”. Hình ảnh thơ có cả âm thanh, màu sắc, sức mạnh diễn tả khí thế và khát vọng, hoài bão lớn lao của Từ Hải Một trang nam nhi tràn đầy lòng tự tin: tin vào tài năng, sức mạnh của bản thân, tin vào tương lai “Bể nay bốn biển là nhà” nhưng sẽ có ngày nắm trong tay “mười vạn tinh binh”, và ngày đó không phải là xa vời “Đành lòng chờ đó ít lâu - Chầy chăng là một năm sau vội gì” - Không chỉ ý thức rõ ràng về tài năng, nghĩa vụ, lí tưởng của mình mà còn quyết tâm thực hiện lí tưởng đó. Từ đã biết vượt qua những níu kéo của tình cảm cá nhân riêng tư, vượt qua thói “nữ nhi thường tình” để sẵn lòng ra đi làm nên nghiệp lớn. Cả một hệ thống Từ ngữ thể hiện sự quyết tâm, dứt khoát đó: “thoắt”, “thăng rong”, “quyết lời”, “dứt áo ra đi”. Cuộc chia tay Từ Hải - Thúy Kiều khác hẳn với cuộc chia tay giữa Kiều và Kim Trọng cũng như cuộc chia tay Kiều - Thúc Sinh về: tính chất, hoàn cảnh, tâm trạng, thái độ, hành động của người ra đi và người ở lại.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bài thơ “Đoạn trường tân thanh đề từ” của Phạm Quý Thích

Nhìn chung, bài thơ “Đoạn trường tân thanh đề từ” của Phạm Quý Thích đã nói về con đường bạc mệnh của Thúy Kiều (giống như là tóm tắt về cuộc đời của nàng nhưng chưa đủ). Nó giống như là một bài “tức hứng” (Cảm xúc sinh ra bất ngờ, nghĩa là có cả thái độ của tác giả). Vì thế, khi phân tích bài thơ này, chú ý phân tích các giai đoạn về số phận của Kiều trong bài thơ: - Giọt nước Tiên Đường chẳng rửa oan: Đề cập tới chi tiết Kiều tự vẫn ở sông Tiên Đường. Oan ở đây là nỗi oan về số phận bi thảm của mình (“Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần”). Sông Tiên Đường dù chảy xuôi hay chảy ngược, nó vẫn khó có thể làm vơi đi nỗi oan khuất của Kiều. Nghĩa là tự tử chưa hẳn đã kết thúc. - Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan Lòng còn vương vấn chàng Kim Trọng Vẻ ngọc chưa phai chốn Thủy quan Cuộc đời của Kiều dù cho có trăm khổ, nghìn cay, dù cho có phong trần nơi chân trời góc bể nào, thì cũng không ngoài thuyết “Tài mệnh tương đố”. Chế Lan Viên viết: Bồng quý cô Kiều như đời dân tộc, Chữ kiên trinh vượt trăm sóng Tiên Đường. Chàng Kim đã đến tìm, lau giọt khóc, Và lò trầm đêm ấy tỏa bay hương. Ngàn ấy người đọc về mối tình tri âm tri kỷ mãi không phai nhòa Kim - Kiều, là ngàn ấy nỗi xót thương, thông cảm không nguôi cho một số phận, một kiếp người mà xã hội phong kiến đương thời đã vùi dập, đàn áp và bế tắc. Vậy nên, mối tình Kim - Kiều bao giờ cũng đẹp và đáng trân trọng. - Nửa giấc Đoạn trường tan gôi điệp, Một dây Bạc mệnh đứt cầm loan. Cho hay những kẻ tài tình lắm, Trời bắt làm gương để thế gian. Bốn câu kết là tổng kết chung về cuộc đời của Thúy Kiều. “Dây Bạc mệnh” ở đây chính là nói về khúc đàn của nàng (xuất hiện ở đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”, SGK NV 9, t1). Với bốn câu cuối, đặc biệt là hai câu chủ đề “Cho hai những kẻ tài tình lắm / Trời bắt làm gương để thế gian” đã khẳng định lại một lần nữa bi kịch “Hồng nhan bạc mệnh” của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Sự biến hóa của Tấm đã thể hiện sức sống, sức trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự vùi dập của kẻ ác. Em hãy chứng minh điều đó

Gợi ý bài: Hình ảnh Tấm: không khóc, trưởng thành hơn. Thực tế khốc liệt đã thay đổi tính nết, cách nói năng, ứng xử. Sau mỗi lần bị giết đều tìm cách hóa thân sang kiếp khác, đều tìm cách mắng rủa, tố cáo tội ác à mạnh mẽ, quyết liệt, đáo để tuyên chiến với kẻ thù đòi lại hạnh phúc. - 4 lần hóa thân: + phản ánh tính chất gay gắt, quyết liệt của cuộc đấu giữa thiện - ác. + chứng minh sức sống mãnh liệt không thể bị tiêu diệt của cái thiện. + quan niệm luân hồi của đạo phật + ước mơ của nhân dân: Tấm hưởng hạnh phúc trừng trị kẻ ác.- > niềm tin vào chân lí và công bằng xã hội. - Những vật hóa thân -> yếu tố kì ảo => chỉ là nơi Tấm gửi linh hồn để trở về đấu tranh quyết liệt với cái ác giành lại hạnh phúc. + Bụt không xuất hiện, vai trò của Bụt chấm dứt => Tấm đã thực sự chủ động, tự lực bước vào cuộc đấu tranh giành lại sự sống ề nhân dân lao động gửi vào nhân vật Tấm ý thức giành và giữ hạnh phúc của mình, có thế thì hạnh phúc mới bền lâu. - Sự trở về của Tấm: + phản ánh quan niệm “ở hiền gặp lành”. + phản ánh mơ ước về công bằng xã hội, về hôn nhân hạnh phúc, về khát vọng đổi đời. + quan niệm và mơ ước hết sức thực tế của người Lao Động về hạnh phúc. Họ không tìm hạnh phúc ở cõi nào khác mà tìm và giữ hạnh phúc ngay ở cõi đời này.

Văn Mẫu Lớp 10 - Những sáng tác chính và đặc điểm về nội dung của thơ ca Nguyễn Du

Tác phẩm bằng chữ Hán Thơ chữ Hán của ông được chia làm ba tập - Thanh Hiên thi tập. Gồm 78 bài, sáng tác trong thời gian ông sống ở quê hương xứ Nghệ tức là trước khi ông ra làm quan triều Nguyễn - Nam Trung tạp ngâm. Gồm 40 bài, sáng tác trong thời ông làm quan triều Nguyễn ở Huế, ở Quảng Bình và ở một số địa phương khác từ Hà Tĩnh trở vào nam. → Thanh Hiên thi tập và Nam Trung tạp ngâm nói lên tâm trạng buồn đau, day dứt, đây được xem là khuynh hướng quan sát và suy ngẫm về cuộc đời tác giả - Bắc hành tạp lục. Gồm 131 bài, sáng tác trong thời gian ông đi sứ sang Tàu Tác phẩm bằng chữ Nôm Truyện Kiều (Đoạn Trường Tân Thanh) và Văn Chiêu Hồn - Truyện kiều: gồm 3254 câu lục bát, dựa vào tiểu thuyết chương hồi “Kim Vân Kiều Truyện” của Thanh Tâm tài nhân Trung Quốc. Đây là một kiệt tác tự sự, trữ tình độc nhất vô nhị trong nền văn học trung đại dân tộc. Truyện Kiều được xem là những sáng tác mang tính sáng tạo nhất của Nguyễn Du về nghệ thuật sử dụng từ ngữ. Tuy xem là vay mượn cốt truyện nhưng Kiều trong thơ của Nguyễn Du và Kiều trong truyện Trung Quốc khác nhau về nhiều điểm. Vì văn hóa của mỗi quốc gia khác nhau và cách nhìn đời, cảm nhận cuộc sống của mỗi tác giả cũng khác nhau. Truyện Kiều của Nguyễn Du được in ra nhiều thứ tiếng khác nhau và xuất bản trên nhiều nước. - Văn chiêu hồn: thể thơ song thất lục bát thể hiện tấm lòng nhân ái của Nguyễn Du đối với những oan hồn bơ vơ không nơi nương tựa, nhất là phụ nữ và trẻ em. - Đặc điểm chung: + Ca ngợi, đồng cảm với nhân cách cao thượng và phê phán những nhân vật phản diện. + Phê phán xã hội phong kiến, chà đạp lên số phận, quyền được sống của con người. + Cảm thông với những thân phận nhỏ bé dưới đáy xã hội bị đọa đày hắt hủi.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tục ngữ có câu: Học thầy không tày học bạn. Anh (chị) hãy viết bài văn bày tỏ quan niệm trên

Đúng là cả hai câu tục ngữ đều nhìn nhận vấn đề chưa được thỏa đáng. Cho rằng: “Không thầy đố mày làm nên” là coi người thầy giáo có vai trò quyết định tuyệt đối trong quá trình học tập, trong sự rèn luyện thành người của người học sinh thì đúng là hơi quá. Tuy người thầy giáo có vai trò rất lớn trong sự thành đạt, làm nên của học trò mình nhưng không phải là quyết định tất cả. Chính nhờ thầy là bậc đàn anh đi trước truyền đạt lại mà học trò là người đi sau mới có được các kiến thức mới mẻ, mới hiểu ra bao điều hay lẽ phải. Thầy giáo hướng dẫn cho học trò từng bước đi lên vững chắc hơn, nhưng chỉ có sự làm việc của người thầy thôi chưa đủ. Bên cạnh sự tận tâm hướng dẫn của người thầy đòi hỏi có sự nỗ lực chủ quan của trò. Người thầy dù có hết lòng hết sức và truyền đạt hay cách mấy mà trò thiếu ý thức, không chịu cố gắng học tập thì cũng không sao làm nên được. Hơn nữa, chỉ học ở trường thôi chưa đủ. Học trò còn phải học hỏi thêm ở cuộc sống ngoài xã hội trong gia đình và cả bạn bè nữa. Trái lại, nếu ta khẳng định: “Học thầy không tày học bạn” thì đúng là quá hạ thấp vai trò người thầy và đề cao quá đáng vai trò của bạn bè trong quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện. Đúng ra, bạn bè chỉ có thể đóng vai trò giúp đỡ, hỗ trợ, trao đổi thêm để cùng tiến bộ chứ nếu không tày thì không ổn, là quá cường điệu. Và lại, bạn bè chỉ giúp đỡ được nhau khi có sự bản ban và hướng dẫn của thầy giáo, khi bạn bè biết thương yêu, thông cảm và đoàn kết với nhau, có cùng chí hướng, cùng quyết tâm nỗ lực đi lên. Khi ấy học bạn mới mong có kết quả được. Trong việc học tập của mọi người đâu phải lúc nào hay bất cứ ai cũng có thể gặp được bạn tốt sẵn sàng giúp đỡ mình một cách chân thành, vô tư. Thành ra coi nhẹ vai trò, tác dụng của người thầy giáo và quá đề cao việc học tập ở bạn bè và kết luận rằng học bạn có kết quả hơn học thầy là không chính xác. Thấu suốt ý nghĩa của hai câu tục ngữ trên ta không thể hoàn toàn tán thành câu nào, bỏ qua câu nào. Phải biết khéo léo vận dụng cả hai câu vào quá trình học tập của mình. Cả hai câu tục ngữ trên sẽ bổ sung cho nhau về mặt ý nghĩa và đem lại cho chúng ta bài học bổ ích trong việc rèn luyện để vươn lên của mình. Ta phải xác định vai trò của người thầy giáo đối với việc hướng dẫn dạy dỗ chúng ta. Muốn làm nên, nghĩa là thành đạt, chủ yếu là ta phải học ở thầy,

nhưng về phía bản thân phải có sự nỗ lực phấn đấu không ngừng và đồng thời phải biết học hỏi thêm ở thực tế cuộc sống ở gia đình và đặc biệt là ở bạn bè là những người luôn gần gũi sát cánh bên ta trong việc học tập. Phải làm sao tạo được tình đoàn kết tương thân tương ái trong bạn bè để hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện. Có như vậy mới mong đạt được kết quả tốt đẹp được. Tóm lại, cả hai câu tục ngữ trên nếu đứng riêng ra thì mỗi câu đều không được đúng hoàn toàn và nhìn bề ngoài có vẻ mâu thuẫn nhau. Nhưng nếu chúng ta đi cùng với nhau chúng ta sẽ nhận được từ chúng một lời khuyên đầy đủ nhất, đúng đắn nhất. Phải coi trọng việc học thầy, đồng thời cũng phải kính trọng thầy đúng theo tinh thần tôn sư trọng đạo của cha ông: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Bên cạnh đó, cũng phải biết thương yêu, đoàn kết, khiêm nhường học hỏi ở bạn bè và cùng giúp đỡ nhau tiến bộ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật trong truyện Kiều của Nguyễn Du

1. Giá trị nội dung *Giá trị hiện thực* - Truyện Kiều là bản cáo trạng bằng thơ về một xã hội phong kiến đang trên đà mục nát, đầy rẫy sự bất công, tàn bạo. Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời là cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX (xã hội đồng tiền, xấu xa đồi bại và những bất công → dẫn chứng các nhân vật phản diện: Tú Bà, Mã Giám Sinh, Hồ Tôn Hiến...). Phản ánh thân phận thấp hèn của người phụ nữ trong xã hội, cho dù là người phụ nữ có nhan sắc → dẫn chứng Kiều: không nắm được số phận của mình Giá trị nhân đạo - Ca ngợi tài năng, nhan sắc của người phụ nữ (đoạn Chị em Thúy Kiều) Một hai nghiêng nước nghiêng thành...tài đành họa hai - Đồng thời, ca ngợi tình yêu cao đẹp giữa Kim-Kiều - Ca ngợi nhân phẩm con người: Nàng Kiều người con gái thông minh, nhạy cảm, giàu tình yêu thương, giàu đức hi sinh, có ý thức về nhân phẩm, sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ phẩm giá nhưng lại luôn bị xã hội phong kiến chà đạp. Đồng cảm với những khát vọng chân chính của con người: khát vọng về quyền sống, về tự do, về công lí, tình yêu, hạnh phúc.

2. Giá trị nghệ thuật - Truyện lấy nguồn từ truyện của Trung Quốc (Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân) nhưng Nguyễn Du đã có những sáng tạo, cách diễn đạt đầy mới mẻ *Ngôn ngữ* - Bài thơ viết dưới dạng văn học dân gian. Bên cạnh đó Nguyễn Du còn vận dụng linh hoạt thành công các thành ngữ, ca dao, các điển cố điển tích vào trong Truyện Kiều khiến cho bộ truyện Nôm đã trở thành một tập Đại thành ngôn ngữ của văn học dân tộc. - *Ngôn ngữ* độc thoại được vận dụng tài tình để bộc lộ nội tâm nhân vật - *Ngôn ngữ* đối thoại thể hiện tính tế nhị cách và hoàn cảnh nhân vật - *Ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật* tài hoa của Nguyễn Du Tả người - Nhân vật chính diện: Ngòi bút ước lệ, ẩn dụ tượng trưng, dùng hình ảnh thiên nhiên tả người, là nhân vật lý tưởng hóa của Nguyễn Du (Kim Trọng, Kiều...) - Nhân vật phản diện: Tả thực, là nhân vật hiện thực hóa của Nguyễn Du (Mã Giám Sinh...) * *Tả cảnh* - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình sinh động, khắc họa rõ nét nội tâm nhân vật. - Những sự vật, phong cảnh được miêu tả trong truyện đặc trưng cho văn học trung đại (mây, tuyết, hồ nước mùa thu....) → đẹp, sinh động

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy nhìn bạn mình như nhìn một bức tranh đặt nó ngoài ánh sáng. Anh (chị) hãy viết bài văn bày tỏ quan niệm trên

Gợi ý bài: a/Giải thích yêu cầu: + J.Churchil so sánh bạn bè với những bức tranh, từ đó đề ra một cách ứng xử tích cực đối với bạn bè. Ông nêu lên một quan điểm về tình bạn: mọi người cần phải biết trân trọng và chủ động tạo điều kiện để phát huy tất cả ưu điểm của bạn bè. b/ Vận dụng để khẳng định tính đúng đắn của vấn đề: + Khi ta “đặt bức tranh ở những góc độ có nhiều ánh sáng nhất” thì bức tranh mới bộc lộ được toàn bộ vẻ đẹp. Tương tự như thế khi ta đánh giá bạn bè với cái nhìn trân trọng, tin tưởng thì họ sẽ có động lực để thể hiện đầy đủ giá trị, phẩm chất, ưu điểm của họ. +Thái độ “đối xử với bạn bè như đối xử với những bức tranh”, nghĩa là nâng niu, trân trọng bạn bè, chính là thái độ ứng xử cao đẹp, văn minh. + Ý kiến trên là một quan niệm đúng đắn giúp mọi người biết xem trọng tình bạn và giúp mọi người phát huy được ưu điểm và hạn chế những nhược điểm + Khi ta có thái độ đối xử tích cực với bạn bè thì ta cũng sẽ nhận được thái độ đối xử đúng đắn, tích cực của bạn bè +Cần đối xử với mọi người xung quanh như đối xử với bạn bè +Tuy nhiên, có thể hiểu rằng đối với một người xấu thì khi ta “đặt họ ở những góc độ có nhiều ánh sáng nhất” thì họ càng phơi bày rõ rệt những khuyết điểm, giúp ta đánh giá chính xác hơn c/ Phương hướng phấn đấu của bản thân: + Có thái độ đối xử đúng đắn tích cực với bạn bè của mình, luôn tin tưởng và tạo điều kiện, cơ hội để bạn bè phát huy những phẩm chất tốt... + Đề xuất những biện pháp, phương hướng phấn đấu của bản thân trong thời gian tới...

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều

Dàn ý I. Mở bài - Giới thiệu vài nét về Nguyễn Du và Truyện Kiều - Giá trị nhân đạo của tác phẩm thể hiện rõ nét qua 2 đoạn trích Trao duyên và Nỗi thương mình. II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát: - Vài nét về nguồn gốc ra đời Truyện Kiều, tài năng, tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Du. - Tóm tắt ngắn gọn Truyện Kiều. - Nêu xuất xứ, vị trí hai đoạn trích. - Khẳng định: giá trị nhân đạo trong hai đoạn trích thể hiện ở các khía cạnh: + Tái hiện cuộc sống, cảnh ngộ bi kịch, bất hạnh của Thúy Kiều. + Khắc họa sâu sắc tâm trạng dằn vặt, đau khổ về tinh thần của Thúy Kiều. + Thái độ xót thương và trân trọng, sẻ chia của Nguyễn Du với Thúy Kiều nói riêng và người phụ nữ thời phong kiến nói chung. 2. Phân tích hai đoạn trích để làm rõ giá trị nhân đạo (Có hai cách: phân tích theo 3 luận điểm nêu trên hoặc phân tích lần lượt hai đoạn trích rồi khái quát lại 3 khía cạnh trên). 3. Nhận xét vài nét về nghệ thuật (góp phần đặc lực vào thể hiện tư tưởng nhân đạo); Mở rộng quan điểm xót thương người phụ nữ của Nguyễn Du qua một số tác phẩm khác của ông. III. Kết bài - Hai đoạn trích đã tái hiện những giai đoạn đầy đau khổ trong cả cuộc đời dang dở những khổ đau của Thúy Kiều. - Qua hai đoạn trích, Nguyễn Du đã lên tiếng bênh vực quyền sống chính đáng của người phụ nữ và gián tiếp phê phán xã hội đầy ải họ gặp phải những oan khiên, bất hạnh. - Cảm nhận riêng của mỗi người (phần mở rộng vấn đề)

Văn Mẫu Lớp 10 - Đời phải trải qua giông tố, nhưng không được cúi đầu trước giông tố. Anh (chị) hãy viết bài văn bày tỏ quan niệm trên

Trong cuộc đời mỗi con người chắc hẳn ai cũng vấp phải những khó khăn, sự cản trở để bước đến thành công như thất bại trong công việc, gia đình bị đổ vỡ, tình yêu bị phản bội... khi đó có người cảm thấy bất lực trước cuộc sống, họ tìm đến rượu để giải sầu, thậm chí tìm đến cái chết để không phải đối diện với sự thật. Nhưng nhà văn Đặng Thùy Trâm – một cô y tá dũng cảm đã chứng kiến bao nhiêu sự mất mát của đồng chí, đồng đội trong chiến tranh, cô dám đương đầu với sóng gió của cuộc đời và đã đưa ra chân lý sống cho chính bản thân mình: Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố. Chân lý này cũng là lời khuyên, bài học bổ ích, chúng ta có thể lấy làm phương châm sống để sống tốt hơn. Trước khi hiểu hơn về câu nói của Đặng Thùy Trâm, chúng ta cần hiểu giông tố là gì? Giông tố ở đây dùng để chỉ cảnh gian nan đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội, mãnh liệt. Câu nói đó đã khẳng định cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn, chớ đầu hàng trước những thử thách mà hãy dũng cảm đối đầu với những thử thách, khó khăn đó. Chúng ta hãy cùng nhau quay ngược dòng thời gian để trở về với hai cuộc chiến tranh ác liệt nhất trong lịch sử của dân tộc Việt Nam đó là cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Cuộc chiến tranh này đã làm cho cả dân tộc ta phải sống trong sự lầm than, cực khổ nhưng vì hòa bình, độc lập, tự do mà cả một thế hệ, cả dân tộc đã đoàn kết đứng lên đấu tranh để lấy lại những gì thuộc về chúng ta. Lòng hy sinh, sự kiên cường, bản lĩnh của người lính, hậu đã giúp đất nước chúng ta vượt qua giông tố để đứng hiên ngang sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới. Không những thế, toàn thế giới phải nghiêng mình kính phục đất nước nhỏ bé của chúng ta – những con người quả cảm, yêu nước, luôn biết hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích dân tộc. Khi đất nước hòa bình, con người trở về với cuộc sống đời thường, mỗi người có một cuộc sống riêng, một nỗi lo riêng. Có người luôn gặp những bất hạnh trong cuộc sống, họ cảm thấy tạo hóa đang đẩy họ đến bước đường cùng, họ tuyệt vọng khi không đạt được ước mơ, họ cảm thấy bất lực khi không lo được cho vợ con một cuộc sống hạnh phúc, có người cảm thấy lạc lõng cô đơn trước cuộc sống hiện tại... Tất cả những điều đó phải chăng là những thử thách của cuộc đời dành

cho họ hay là do con người trong cuộc sống ngày nay ngày càng trở nên vô cảm và chính con người đã đẩy mình vào những khó khăn đó. Đứng trước những điều đó, đòi hỏi bản thân mỗi chúng ta cần phải bình tĩnh, phải suy xét và phải mạnh mẽ đương đầu với nó, như thế chúng ta mới không bị những giông tố kia làm hại cuộc đời ta. Nếu trong chiến tranh cả một thế hệ phải đương đầu với sóng gió, khi hòa bình lập lại, mỗi cá nhân phải tự mình trải qua những thử thách, dù trong hoàn cảnh nào cũng đòi hỏi chúng ta đừng nhụt chí mà hãy bước tới nó, đi qua nó và đạt được thành công. Như vậy, gian nan, thử thách chính là môi trường tôi luyện con người. Câu nói của Đặng Thùy Trâm đúng với mọi hoàn cảnh, với mọi đối tượng và qua câu nói đó giúp cho chúng ta thấy rằng: Đó là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp nhưng họ sống thật đẹp và hào hùng, đồng thời câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của em về câu nói sau: “Nếu không tiến lên phía trước thì bạn sẽ luôn giậm chân tại chỗ”

1. Mở bài: Liên hệ thực tế dẫn dắt vào ý kiến(cuộc sống muôn màu muôn vẻ, luôn biến đổi, phát triển không ngừng đòi hỏi con người cần có tâm thế sống hợp thời. Chính vì vậy, bài học về sự đổi mới, cách tân luôn được đề cao. ... Cách suy nghĩ và cách sống của mỗi người sẽ chi phối bước đi trong đoạn đường trải nghiệm cuộc sống này.Có ý kiến cho rằng “....”) 2. Thân bài - Cắt nghĩa câu nói + Tiến về phía trước: Trạng thái chủ động (những thay đổi, bước ngoặt, dũng cảm đi lên đổi mới, hoàn thiện bản thân, tiếp thu những kinh nghiệm và phát huy.....học hỏi những điều mới lạ làm giàu vốn sống, lạc quan , sống hướng về tương lai) + Giậm chân tại chỗ: Trạng thái bị động, giữ nguyên tư thế, không xoay đổi (sự ái ngại, chần chừ không đổi mới....) ~> Rút ra ý nghĩa câu nói: Con người cần có sự nhìn nhận về phía trước, dũng cảm thay đổi, nỗ lực trong mọi hoàn cảnh, có cái nhìn lạc quan hướng về phía trước - Bàn luận, phân tích đi kèm chứng minh: + Vì sao chúng ta bị giậm chân tại chỗ nếu không tiến về phía trước?(nếu cuộc sống không đổi mới thì sẽ nhàm chán, vô vị ,..con người chỉ biết nhìn về quá khứ thì sẽ ngủ quên trong chiến thắng hoặc chỉ tiêu cực, dằn vặt bản thân;.....) + Nếu hướng về phía trước, điều gì đang chờ đợi? + Lấy dẫn chứng đi kèm: Những con người lạc quan hướng về phía trước... - Mở rộng: Muốn tiến về phía trước, con người cần làm gì? Phê phán những người có lối sống thụ động, thiếu niềm tin vào bản thân... Cần biết nhìn về quá khứ-sống cho hiện tại-hướng về tương lai - Bài học nhận thức và hành động 3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề, nêu quan điểm của bản thân

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

Truyện Kiều của Nguyễn Du là kiệt tác thơ nôm lớn nhất của nền văn học trung đại. Xét về mặt nghệ thuật, truyện Kiều thành công trên nhiều phương diện. Nếu như ở đoạn trích “Thúy Kiều báo ân, báo oán” qua việc miêu tả ngôn ngữ đối thoại nhà thơ đã làm nổi bật tính cách nhân vật thì ở đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” nhà thơ lại rất tinh tế khi diễn tả tâm trạng nhân vật. Bởi thế, khi đọc đoạn thơ có ý kiến cho rằng: Truyện Kiều của Nguyễn Du là bức tranh tâm tình đầy xúc động”. Ý 1: Bày tỏ ý kiến của mình về nội dung. Ý nghĩa lời nhận định Theo em lời nhận xét đánh giá trên là hoàn toàn đúng. Người viết đã nhận xét được những điểm thành công về nội dung cũng như nghệ thuật của đoạn thơ. Bởi lẽ nói tới tâm tình là nói tới tâm tư, tình cảm, tâm trạng. Còn nói tới bức tranh là nói tới những hình ảnh chân thực cụ thể. Bởi vậy, ta hiểu ý nghĩa khái quát của lời nhận định là đoạn thơ “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đã diễn tả hoàn chỉnh, chân thực cụ thể diễn biến tâm trạng của nàng Kiều khi nàng sống ở lầu Ngưng Bích. Đó là tâm trạng buồn lo, sợ hãi. Bởi vì, Mã Giám Sinh không phải mua nàng về làm vợ thiếp mà làm gái lầu xanh cho cửa hàng Thanh Lâu của Tú Bà. Vốn là con gái của một gia đình lương thiện. Thuý Kiều đã phản ứng một cách quyết liệt bằng cách dùng dao tự phần nhưng không thành. Sợ vốn liếng của mình không còn. Tú Bà đã đưa Thuý Kiều ra lầu Ngưng Bích chăm sóc thuốc thang, dỗ dành nàng. Sau này bình phục sẽ gả chồng cho nàng về nơi tử tế, nhưng thực chất là để giam lỏng nàng ở nơi đây để chuẩn bị một âm mưu mới. Bởi thế đây chỉ là những giờ phút, những khoảnh khắc yên thân tạm thời của Thuý Kiều. Trong hoàn cảnh một mình một bóng ấy, tâm trạng của Thuý Kiều ngổn ngang trăm mối tơ vò. Nhà thơ Nguyễn Du đã theo sát nhân vật thân yêu của mình để thấu hiểu và miêu tả những diễn biến phức tạp trong tâm trạng của nàng Kiều. Ý 2: Phân tích đoạn thơ để làm rõ diễn biến tâm trạng của Kiều Đọc đoạn thơ trước hết ta thấy tâm trạng của nàng Kiều là nỗi cô đơn, buồn tủi khi nàng sống ở lầu Ngưng Bích. “Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung”. Từ “khóa xuân” trong câu thơ gợi cho người đọc thấy được hoàn cảnh của Thuý Kiều lúc này. Nàng bị Tú Bà giam ở lầu Ngưng Bích cách biệt hẳn với cuộc sống bên ngoài. Người đọc chỉ thấy cảnh thiên nhiên trước mặt nàng, phía xa xa kia là núi. Trên đầu nàng là tấm trăng lạnh

lẽo. Xung quanh nàng là bốn bề bát ngát. Từ láy “bát ngát” gọi cho người đọc hình dung thấy. Không gian nơi lầu Ngưng Bích mênh mông, rộng lớn, phẳng lặng không một bóng người. Phải chăng những cảnh vật tĩnh lặng này càng làm nổi bật nỗi cô đơn của Kiều. Không những vậy, ta còn thấy cảnh vật ở đây rất ngổn ngang với cát vàng, cồn nọ, với những bụi hồng nổi lên mù mịt. Phải chăng sự ngổn ngang của cảnh vật cũng chính là sự ngổn ngang của lòng nàng Kiều. Bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du đã được thể hiện thành công. Nhà thơ miêu tả khung cảnh thiên nhiên nơi lầu Ngưng Bích để thể hiện tâm trạng cô đơn của nàng Kiều. Đọc tiếp đoạn thơ, ta thấy nhà thơ Nguyễn Du lúc này đã diễn tả tâm trạng của nàng Kiều. “Bẽ bàng mây sớm đèn khuya Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”. Nhà thơ đã dùng từ “bẽ bàng” để diễn tả nỗi xấu hổ, tủi thẹn của Thuý Kiều chắc chắn trong tâm trí của nàng đang nhớ lại những sự việc mới xảy ra. Bị Mã Giám Sinh làm nhục rồi lại bị Tú Bà ép làm gái lầu xanh. Đến bây giờ lại bị giam lỏng ở nơi đây, chỉ thấy có mây sớm đèn khuya. Cụm từ “mây sớm đèn khuya” mà Nguyễn Du sử dụng trong câu thơ cho ta hiểu rằng: thời gian tâm hồn khép lại hết sớm rồi lại khuya, khuya rồi lại sớm, đêm rồi lại ngày, hết ngày lại đêm. Thuý Kiều chỉ thui thủi một mình, một bóng ở nơi đây. Như vậy, không gian thì mênh mông vắng lặng, thời gian thì tuần hoàn khép kín vây hãm Thuý Kiều ở nơi đây. Cảnh ngộ trở trêu, tình cảm thì đau đớn tủi hổ. Nỗi niềm đó như cắt đứt tâm trạng của nàng nên nàng lại càng đau đớn xót xa. “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”. Đọc tiếp đoạn thơ, ta thấy nhà thơ đã diễn tả tâm trạng của nàng Kiều với những người thân yêu nhất. Đó là nỗi nhớ thương chàng Kim. “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng Tin sương luống những rày trông mai chờ”. Để diễn tả niềm thương, nỗi nhớ người yêu. Nguyễn Du đã sử dụng động từ “tưởng” đứng ở vị trí đầu câu thơ. Chữ “tưởng” ở đây được hiểu là hồi tưởng, là nhớ lại những điều tốt đẹp. Đó là những kỉ niệm đẹp của mối tình đầu trong sáng giữa nàng với Kim Trọng. Lời hẹn ước và chén rượu thề dưới đêm trăng sáng vắng vạc. “Vầng trăng vằng vặc giữa trời Đinh ninh hai miệng một lời song song.” Nàng còn hình dung thấy ở nơi Lưu Dương cách trở, chàng Kim Trọng cũng đang hướng về nàng. Ngày đêm đau đáu ngóng chờ tin nàng “tin sương luống những rày trông mai chờ”. Đây chính là tiếng nói từ trong sâu thẳm trái tim của nàng. Nhà thơ đã sử dụng thành công ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Bởi thế, lời thơ ít mà ý thơ nhiều. Trong lời thơ như có nhịp thốn thức của trái tim yêu thương đang nhỏ máu. Nhớ thương tha thiết người mà mình yêu dấu. Càng nhớ về kỉ niệm, nàng lại càng đau đớn, xót xa. Chén rượu thề còn đó mà nay mỗi người một

ngả. Nàng lại càng thấm thía nỗi cô đơn của mình. “Bên trời góc bể bơ vơ Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”. Nàng như tự nhủ với lòng mình không bao giờ quên được hình bóng chàng kim và lại càng đau đớn, xót xa, vì tấm lòng son của nàng đã bị Mã Giám Sinh làm nhục. Do vậy, nỗi day dứt đau xót của mình lại càng tăng lên khi nhớ tới người yêu. Sau đó nhà thơ Nguyễn Du đã diễn tả nỗi nhớ của nàng với cha mẹ. “Xót người tựa cửa hôm mai Quạt hồng ấp lạnh những ai đó giờ”. Nếu như để diễn tả nỗi nhớ người yêu nhà thơ dùng từ “tưởng” đến hoài niệm về tình yêu. Còn diễn tả nỗi nhớ cha mẹ nhà thơ dùng từ “xót”. Tâm trạng Kiều xót xa, đau đớn khổ tâm khi nghĩ về cha mẹ. Nàng đã hình dung thấy hình bóng cha mẹ già cứ tựa cửa ngóng tin nàng. Kiều rất kính trọng tấm lòng cao cả ấy của mẹ dành cho mình. Bởi thế nàng lại càng day dứt, trăn trở, ân hận, tự trách mình không chăm lo, phụng dưỡng cha mẹ già. “Xót người tựa cửa hôm mai Quạt hồng ấp lạnh những ai đó giờ. Sân lai cách mấy nắng mưa Có khi gốc tử đã vừa người ôm.” Nhà thơ đã dùng hàng loạt các điển cố của văn học Trung Quốc “Sân lai, gốc tử” để thể hiện tâm trạng nhớ thương và tấm lòng hiếu thảo lớn lao của Kiều. Nàng đã tưởng tượng quê nhà giờ đã đổi thay và sự đổi thay lớn nhất là cha mẹ ngày một thêm già yếu “có khi gốc tử đã vừa người ôm”. Thế mà nàng đã chẳng làm được gì để giúp cha mẹ. ẩn trong câu chữ ấy là niềm day dứt tự trách mình của nàng. Qua đó người đọc cảm nhận được tấm lòng hiếu thảo, lòng vị tha của nàng. Nàng như quên hẳn nỗi đau khổ trong hiện tại để sống trong tâm tưởng với người yêu, với cha mẹ. Như vậy ta thấy Nguyễn Du miêu tả rất chân thực cụ thể nỗi nhớ của Thúy Kiều. Mặt khác ta còn thấy ngòi bút của Nguyễn Du rất tinh tế khi thể hiện tâm trạng đó. Ông đã thể hiện nỗi nhớ người yêu lên trước nỗi nhớ cha mẹ. Tức là chữ tình đặt trước chữ hiếu, đảo ngược tư tưởng của lễ giáo phong kiến. Cách miêu tả này hoàn toàn phù hợp với tâm trạng Kiều. Bởi lẽ, chữ hiếu phần nào Kiều đã đền đáp, vì nàng đã bán mình, có tiền để cứu cha và em. Cảnh nhà đã tạm yên, còn chữ tình đối với chàng Kim cứ day dứt. Vì nàng đã lỗi hẹn với chàng Kim, vì mình mà chàng Kim dang dở. Hơn nữa trước khi bước vào con đường lưu lạc. Thúy Kiều chưa một lời từ biệt với chàng. Do vậy trong hoàn cảnh ở lầu Ngưng Bích chỉ có một mình nàng cô đơn, nàng nghĩ tới người yêu trước khi nghĩ tới cha mẹ cũng là điều hợp lẽ. Điều đó lại càng thể hiện Nguyễn Du rất hiểu tâm lý và đã cảm thông với những đau xót của Thúy Kiều. Nhà thơ như chia sẻ với nàng khi mỗi tình đầu tan vỡ. Sau đó nhà thơ đã đi vào diễn tả tâm trạng buồn lo của Thúy Kiều. “Buồn trông cửa bể chiều hôm. Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa Buồn trông ngọn cỏ mới sa Hoa trôi man mác

biết là về đâu Buồn trông nội cỏ rầu rầu Chân mây mặt đất một màu xanh
xanh Buồn trông gió cuốn mặt duềnh Ấm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
” Tác giả đã sử dụng điệp từ liên hoàn. Từ “Buồn trông ” đứng ở đầu bốn câu
thơ, lặp lại bốn lần để nhấn mạnh thêm khắc sâu thêm tâm trạng buồn của
Thuý Kiều. Nỗi buồn ấy dâng lên trùng trùng, điệp điệp, kéo dài theo thời
gian, lan toả cả không gian, kết thành một chuỗi buồn kế tiếp nhau không dứt
trong lòng Kiều. Nhưng ở mỗi một cặp câu Nguyễn Du lại diễn tả cụ thể nỗi
buồn khác nhau của Kiều. “Buồn trông cửa bể chiều hôm. Thuyền ai thấp
thoáng cánh buồm xa xa ”. Nhà thơ miêu tả ánh mắt của Kiều lúc này nhìn ra
phía ngoài khơi xa. Trong ánh nắng chiều nhạt nhoà, nàng thấy cửa bể rộng
mênh mông, chỉ có một cánh buồm thấp thoáng. Cánh buồm ấy lúc ẩn, lúc
hiện trên biển khơi mênh mông. Nhìn cảnh đó tâm trạng Kiều rất buồn. Phải
chăng, nhìn cánh buồm lẻ loi ngoài khơi xa, nàng đã liên tưởng đến thân phận
của mình. Cũng giống như cánh buồm. nàng cũng lẻ loi cô đơn ở nơi đây.
Cánh buồm kia rồi cũng có ngày cập bến, chỉ có nàng biết đến bao giờ mới
được trở về quê hương để gặp lại những người thân yêu. Đọc tiếp cặp câu
thứ hai ta thấy ánh mắt của Kiều nhìn gần hơn Nàng thấy trên dòng nước
đang chảy có cánh hoa trôi. Một câu hỏi tha thiết đã được đặt ra trong tâm trí
của nàng “Hoa trôi man mác biết là về đâu ”. Từ láy “man mác” đã gợi tả
cánh hoa trôi nhẹ nhàng, lững lờ, buông xuôi theo dòng nước chảy. Nhìn
cảnh đó, Thuý Kiều lại càng buồn hơn. Phải chăng những cánh hoa kia đã
khiến nàng liên tưởng đến thân phận cuộc đời mình. Mình cũng chỉ là cánh
hoa mỏng manh, yếu ớt, trôi nổi, bị cuộc đời vùi dập không biết đến bao giờ.
Do vậy nàng lại càng buồn hơn. Như vậy hình ảnh cánh hoa trôi chỉ là hình
ảnh ước lệ để nàng Kiều bày tỏ tâm trạng của mình. Sau đó ánh mắt nàng
hướng nhìn ra lầu Ngưng Bích. Nàng thấy “nội cỏ rầu rầu ”và “chân mây mặt
đất một màu xanh xanh ”. Với từ láy “rầu rầu ”nhà thơ đã miêu tả trước mắt
ta đám cỏ úa tàn. còn ẩn chứa cả tâm trạng buồn rầu. Phải chăng Thuý Kiều
nhìn đám cỏ ấy, liên tưởng đến cuộc đời mình rồi cũng bị lụi tàn. héo hon
theo năm tháng ở nơi đây. Cái màu xanh nhạt nhoà của chân mây, mặt đất
hay chính là tương lai mờ mịt vô vọng của cuộc đời nàng. Bởi thế, tâm trạng
của nàng lại càng chán nản buồn lo Bỗng trước mắt nàng là cảnh bão tố hiện
ra. “Buồn trông gió cuốn mặt duềnh Ấm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. ”
Gió cuốn nổi lên mù mịt. mặt nước dâng trào. tiếng sóng biển ầm ầm. Từ láy
“ầm ầm ”được đảo lên đầu câu thơ để nhấn mạnh thêm sự gầm gào. hãi hùng
của biển cả. Nhưng đó lại không phải là sóng vỗ mà là sóng kêu. Phép nhân
hoá không chỉ làm cho câu thơ thêm sinh động mà diễn tả đây chính là tiếng

sóng trong lòng của kiều. Sóng kêu ấy là tiếng sóng kêu sợ hãi của Kiều khi nghĩ tới chặng đường sắp tới của mình “. Cái gió cuốn mặt duềnh” kia là hình ảnh ước lệ để chỉ những tai hoạ của cuộc đời sắp đổ xuống đời nàng, câu thơ đã thể hiện được dự cảm của Thuý Kiều về cuộc đời của mình sẽ phải gặp rất nhiều sóng gió, gian truân. Như vậy, mỗi một hình ảnh thiên nhiên trong câu thơ đều ẩn chứa tâm trạng của nàng Kiều. Bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du được sử dụng hết sức độc đáo và rất thành công. Tóm lại, đoạn thơ “Kiều ở lầu Ngưng Bích ”quả thật là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Với cách lựa chọn thiên nhiên hết sức chính xác, kết hợp với ngôn ngữ độc thoại nội tâm và các điển tích, cùng với bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc, nhà thơ đã diễn tả chân thực, cụ thể, tinh tế, diễn biến tâm trạng của nàng Kiều khi phải sống ở lầu Ngưng Bích. Đó là nỗi cô đơn, buồn tủi, thương nhớ người thân tha thiết, nỗi buồn lo, hãi hùng. Nhà thơ đã thấu hiểu tâm trạng của Kiều cũng có nghĩa là nhà thơ đồng cảm với nhân vật, cảm thông chia sẻ với nỗi đau của Kiều. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân văn. Vì thế đọc đoạn trích này ta thấy, Nguyễn Du không chỉ là nhà nghệ sĩ thiên tài trong việc miêu tả diễn biến tâm trạng mà còn là nhà thơ của trái tim nhân đạo.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận về vấn đề: Bạo lực học đường trong giới học sinh sinh viên hiện nay

Mở bài: Trước đây, chúng ta thường có tâm lý chủ quan nghĩ rằng bạo lực học đường là một vấn đề hết sức xa xôi, không xảy ra phổ biến, chỉ tồn tại ở những nước phương Tây hay ở những nước lân cận (Trung Quốc). Đồng thời cũng vì thế mà không ý thức được sâu sắc về tầm ảnh hưởng, tác động, hậu quả nghiêm trọng của nó tới thế hệ trẻ nói riêng, con người nói chung. Song thời gian gần đây, bạo lực học đường đã có những chiều hướng gia tăng, phát triển phức tạp và trở thành một vấn đề nóng bỏng, một vấn nạn nhức nhối khiến mọi người không khỏi bàng hoàng, kinh ngạc. Phải chăng đó chính là một dự báo “sóng ngầm đang thành bão”. Đứng trước thực trạng đó mỗi chúng ta cần có nhận thức và hành động như thế nào?

Thân bài:

1. Giải thích. - Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học. - Bạo lực học đường hiện nay có xu hướng gia tăng nhanh chóng, diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, hiện đang xâm nhập và lan rộng ở Việt Nam. Do đó đang trở thành một vấn nạn nghiêm trọng của toàn xã hội.

2. Hiện trạng.

a. Biểu hiện của hành động bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như: + Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói. + Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.

b. Chứng minh: - Chỉ cần một thao tác rất nhanh trên google ta có thể tìm thấy hàng loạt các clip bạo lực không chỉ đơn giản chỉ là các nam sinh mà nay hot nhất chính là clip của các nữ sinh: Ở Phú Thọ, nữ sinh đánh bạn bằng giày cao gót; ở Hà Nội, (nữ sinh hà nội bị đánh hội đồng gây xôn xao) được dư luận đề cập nhiều nhất gần đây với đoạn clip dài chưa quá 2 phút; Ở TP Hồ Chí Minh, Nghệ An... - Học sinh có thái độ không đúng mực vs thầy cô giáo, dùng dao đâm chết bạn bè, thầy cô... (Tại TP.HCM, 2 nam hs (1 em lớp 7, 1 em lớp 9) trường THCS Nguyễn Huệ, Quận 4, xích mích khi chát ziii nhau trên mạng dẫn đến đâm nhau trong ngày tổng kết trường, khiến 1 em bị thương nặng) (1 nữ học sinh lớp 9 trường THCS Nguyễn Công Trứ dùng dao lam “xả” lên mặt nữ sinh trường khác) - Lập nên các nhóm hội hoạt động

đánh nhau có tổ chức. - Giáo viên đánh đập, xúc phạm tới nhân phẩm của học sinh...(cách đây nhiều năm trc đây là vấn đề được dư luận chú trọng nhất,nhưng sau này đây chỉ là hiện tượng hi hữu, ít được chú ý) 3. Nguyên nhân - xảy ra vì những lí do trực tiếp rất không đâu: Nhìn đều, nói móc, tranh giành người yêu, không cùng đẳng cấp... - Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, non nớt trong kĩ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống. - do ảnh hưởng từ môi trường văn hóa bạo lực: phim, ảnh, sách, báo, đồ chơi mang tính bạo lực (kiếm, súng...)=>nguyên nhân sâu xa:bạo lực học đường xuất phát từ xã hội: Nhiều ý kiến của các chuyên gia tâm lý cho rằng bạo lực học đường ngày càng mạnh động, gia tăng là do xã hội nhìn đâu, lĩnh vực nào cũng có bạo lực. Một số thầy cô cho rằng nguyên nhân của bạo lực học đường là do học sinh bị ảnh hưởng của game online đầy bạo lực. Các game bạo lực này đang dần phá hủy tâm hồn và nhân cách các em, biến các em thành những con người dữ tợn. - Sự giáo dục chưa đúng đắn, thiếu quan tâm của gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình cũng là một phần nhân tố ảnh hưởng không tốt. Và một khi bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại thì bạo lực học đường sẽ vẫn còn có nguy cơ gia tăng(: Những năm gần đây, cảnh bạo lực diễn ra khắp nơi, khắp các lĩnh vực, bạo lực sân cỏ, cầu thủ đánh nhau, huấn luyện viên chửi trọng tài, cổ động viên choảng nhau; bạo lực kinh doanh đâm chém để tranh giành thị phần. Ngoài đường phố xe taxi húc vào xe cảnh sát, đánh trả lại cảnh sát. Rồi bạo lực gia đình, con cái hù dọa cha mẹ, mẹ đánh đập con gây thương tích, con hành hạ cha đến ngất xỉu... và rất nhiều hình thức bạo lực khác, không riêng gì bạo lực học đường.). (Ở đây để vấn đề thêm sâu sắc có thể liên hệ với hình ảnh cậu bé Phác trong “chiếc thuyền ngoài xa” – Nguyễn Minh Châu để vấn đề thêm sâu sắc.) - Sự giáo dục trong nhà trường: nặng về dạy kiến thức văn hóa, đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người “tiên học lễ hậu học văn”. - Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để.(Đa số học sinh cho rằng bạo lực học đường là sai trái nhưng không dám lên tiếng vì sợ liên lụy, sợ mình sẽ là nạn nhân tiếp theo, vì thế mà không dám báo với thầy cô hay chính quyền địa phương. Một bộ phận học sinh khác thì thờ ơ, dửng dưng, im lặng, hoặc thậm chí cổ vũ, đồng tình với bạo lực...) 4. Hậu quả - Với nạn nhân: • Tổn thương về thể xác và tinh thần • Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại • Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội. - Người gây ra bạo lực: • Con người phát triển không toàn diện: phát triển

ngược trở lại phía “con”, đi ngược lại tính “ người” mất dần nhân tính. • Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này. • Làm hỏng tương lai chính mình, gây nguy hại cho xã hội. • Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét. 5. Giải pháp. - Đối với những người gây ra bạo lực học đường: cố gắng mở rộng nâng cao nhận thức: • Giữ cho trái tim luôn ấm nóng tình yêu thương. • Địa ngục do ta mà có, thiên đường cũng do chính ta tạo nên ý thức rõ ràng về hành động và hậu quả hành động do bản thân thực hiện • Nơi lạnh nhất không phải là bắc cực mà là nơi không có tình thương Nhận thức rõ vai trò sức mạnh của tình người. - Xã hội cần có những giải pháp đồng bộ, chặt chẽ giáo dục con người trong gia đình, nhà trường, trong toàn xã hội; coi trọng dạy kỹ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ. - Có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết làm gương cho người khác. Bốn giải pháp cấp thiết xóa bạo lực học đường Toàn xã hội cần phải cùng cố, nâng cao chất lượng môi trường xã hội, văn minh tiến bộ. Cần có biện pháp quản lý, ngăn chặn và chế tài hiệu quả những hoạt động có tác hại đến môi trường văn hóa xã hội. Nghiêm cấm các game bạo lực. Quan tâm nâng cao văn hóa gia đình. Trong từng gia đình, người lớn phải làm gương, giao tiếp ứng xử đúng mực, mạnh dạn lên án và loại bỏ bạo lực ra khỏi đời sống gia đình. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục: gia đình - nhà trường - xã hội. Các cơ quan báo chí phải quan tâm thỏa đáng đối với lĩnh vực văn hóa, đạo đức và chấp hành luật pháp của mọi người dân. Xã hội và ngành giáo dục cần xác định rõ lại vai trò, vị trí của người thầy, quyền hạn và trách nhiệm trong nhiệm vụ giáo dục đạo đức học sinh. Người thầy và nhà trường phải được bảo vệ danh dự và có đủ cơ chế để răn đe học sinh. Nhà trường cần phát huy trách nhiệm đội ngũ giáo viên chủ nhiệm trong việc kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của từng cá nhân học sinh. Tình thương, trách nhiệm là phương thuốc hiệu nghiệm nhất ngăn chặn bạo lực học đường. 6. Mở rộng: (phản đề) - “Không nên mất niềm tin vào con người. Nhân loại là cả một đại dương. Nếu một vài giọt nước trong đại dương ấy dơ bẩn thì cả đại dương cũng không vì thế mà trở thành dơ bẩn được.” (Mahatma Gandhi). —>Hiện tượng trên chỉ là một phần rất nhỏ của xã hội nên không phải vì thế mà chúng ta mất đi niềm tin vào con người vào thế hệ trẻ. Cần nhân rộng những tấm lòng cao cả, nêu gương người tốt việc tốt điển hình —> Hình thành thái độ đồng cảm, sẻ chia, yêu thương giúp con người nói chung, thế hệ trẻ nói riêng tiến tới những vẻ đẹp nhân cách Chân thiện mỹ, phát huy những truyền thống nhân ái, nhân đạo từ ngàn xưa trước khi chúng ta phải đối phó với căn bệnh vô cảm 7. Đưa ra bài học cho bản thân:

Có quan điểm nhận thức, hành động đúng đắn, hình thành những quan niệm sống tốt đẹp... * Kết bài: Khẳng định lại luận điểm...

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh Truyện Kiều của Nguyễn Du

DÀN Ý Mở bài - Giới thiệu tác gia Nguyễn Du: là đại thi hào dân tộc , là danh nhân văn hóa thế giới. - Giới thiệu về “Truyện Kiều”: là kiệt tác của Nguyễn Du, là tác phẩm kinh điển của văn học Việt Nam và được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Thân bài - Giới thiệu về “Truyện Kiều” + Tên gọi: Đoạn trường tân thanh (Tiếng kêu mới đứt ruột). + Dung lượng: 3254 câu thơ lục bát. + Nguồn gốc: “Truyện Kiều” được sáng tác dựa theo cốt truyện “Kim Vân Kiều truyện” – tiểu thuyết chương hồi của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Nguyễn Du đã “hoán cốt đoạt thai” tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân, và đem lại cho “Truyện Kiều” những sáng tạo mới mẻ cả về nội dung và nghệ thuật. + Thể loại: truyện Nôm bác học. + Tóm tắt:... - Giá trị tư tưởng: + Thể hiện khát vọng về tình yêu tự do và ước mơ công lí. + Là tiếng kêu thương đến đứt ruột cho thân phận con người, đặc biệt là người phụ nữ tài sắc trong xã hội phong kiến. + Là bản cáo trạng đanh thép tội ác của các thế lực đen tối trong xã hội cũ. Nguyễn Du phê phán mạnh mẽ sự “lên ngôi” của thế lực đồng tiền. + Là bức chân dung tinh thần tự họa của Nguyễn Du, với “con người mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời”, trái tim chan chứa tình yêu thương con người. - Giá trị nghệ thuật: + Nghệ thuật xây dựng nhân vật + Nghệ thuật tự sự mới mẻ + Thể loại + Ngôn ngữ trong sáng, điêu luyện, giàu sức gợi tả gợi cảm; ẩn dụ, điển cố,... + Giọng điệu cảm thương rất phù hợp với chủ nghĩa nhân đạo thống thiết của Nguyễn Du. Kết bài Khẳng định tấm lòng tài năng của Nguyễn Du và sức sống bất diệt của “Truyện Kiều”

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của bạn về chiếc ghế bị gãy một chân

Ánh bình minh đã ló dạng từ lúc nào, tôi cuống cuống chạy đến trường. Nhưng đến nơi, các dãy lớp học vẫn còn tờ mờ ngái ngủ. Thì ra lo lắng về bài kiểm tra toán hôm nay mà tôi đến sớm hơn lệ thường. Đi dọc theo hành lang trên dãy lầu hai, tôi lăm nhăm những công thức, mừng rỡ những bài giải... Và cuối cùng mãi mê ngắm những bông phượng nở từ lúc nào cũng không biết nữa. Sau lưng nghe có tiếng người nói bằng một cái giọng kì kì, ảo ảo, là là. Tôi quay lại, nhìn vào lớp học trống trơn. Không một bóng người. Vậy mà tiếng thì thầm to nhỏ vẫn cứ đến tai tôi. Dường như ai đó không hề chú ý đến xung quanh, và cũng chẳng hề bận tâm đến sự hiện diện của một kẻ khác đang nghe câu chuyện của họ. – Tôi không ngờ số phận của tôi lại run rủi như thế này. Ôi, mới năm ngoái kia thôi, tôi còn nguyên lành, trơn tru và đẹp đẽ, chân căng tôi... Ôi, giờ không biết nó đã ở đâu rồi?... Tiếng của ai thều thào rên rỉ như nói một mình cho mình nghe vậy. – Đừng buồn nữa Bàn à, có buồn thì sự cũng đã rồi. Tôi mới được chuyển từ dãy ghế bên kia sang, nên tình hình ở đây cũng còn lạ lẫm lắm. Mà cậu chắc còn có nhiều tâm sự đau khổ hơn tôi. Không biết rồi ngày mai đời tôi ở đây sẽ ra sao? Thì ra cái bàn nằm chổng chơ ở góc phòng đang nói chuyện với cái ghế đứng xiêu xọ ở bên cạnh. Cả hai đang than ngắn thở dài. Tôi đã nghĩ rằng mình nên rút lui vì nghe trộm là điều xấu hổ. Nhưng lời của bàn ghế khiến tôi tò mò và muốn hiểu cho ra chuyện. Bàn và ghế tâm sự với nhau về hoàn cảnh khốn khổ của mình – “Coi bộ mấy “ông tướng” ở lớp này quậy phá nhiều hơn ở lớp bên kia. Anh Bàn à, anh cứ dòm kĩ chiếc chân bên phải của tôi mà coi. Cả hai năm liền ở bên lớp kia tôi không hề bị một vết thương nào. Thế mà vừa được chuyển sang đây là các ông trời con này đã cầm lấy tôi một đầu mà kéo lê tôi trên sàn nhà bằng xi măng có nhiều hố lồi lõm. Đến sắt thép còn chẳng chịu nổi huống hồ chân căng nhà tụi mình chỉ làm bằng gỗ!”. – Ôi, đừng nói nữa chị Ghế à, nhớ đến cái hôm đó, tôi vẫn còn rợn gai ốc. Chân tôi bị gãy rồi mà tôi vẫn như thấy điều kinh khủng ấy diễn ra lần thứ hai. Ôi, chị kể mới khiếp chứ. Tôi nhìn chân chị cố nhón lên và thân chị run bần bật cùng với tiếng lờ rờ, kèn kẹt, tôi cũng muốn như ngắt lịm. Bàn hồi tưởng những giây phút kinh hoàng và xót xa cho bạn mình... Ghế trầm ngâm một lúc rồi chua chát nói: – “Cứ nhìn cái cách tụi chúng xếp tôi không ngay hàng thẳng

lối thế này, cứ nhìn đôi chân hệt hăng của tôi trên sàn nhà lỗ chỗ này... Tôi nghĩ đến một ngày mai chẳng có gì sáng sủa hơn anh đâu, Bàn ạ. Anh nghĩ coi, chỉ cần một chút nữa, cái cậu bé mập đùng và hay nô giỡn ngồi ở đây nó đứng một đầu và phía kia một kẻ khác nhảy lên mình tôi thì... Ôi, tôi không dám nghĩ tiếp nữa đâu... Tiếng thở dài thườn thượt không biết là của Bàn hay Ghế. Chỉ nghe Bàn nói một câu gọn lỏn nhưng tuyệt vọng. – Số phận chúng mình cũng tiêu đời thôi... Rồi Bàn buông lời oán thán và kể lể, trong lúc Ghế chừng như rất muốn theo dõi câu chuyện: – Tôi nghĩ từ lúc tôi còn là một cây xanh trên rừng với muôn tiếng chim ca, rồi sau đó chấp nhận vui vẻ cái nghĩa vụ phục vụ mọi người, tôi đã bị đốn để đưa về nhà máy gỗ. Chúng tôi được xẻ ra thành bao nhiêu là phiến. Anh em chúng tôi chia tay nhau. Phiêu dạt mãi mới đến xưởng mộc. Thấy bác thợ bào đục và trau chuốt cho tôi thành Bàn tôi đã rất mừng. Mừng hơn là được về với các bạn nhỏ và công việc học hành. Năm đầu những cô bé chào đón tôi bằng những bàn tay thon và với lời khen nức nở – “Ôi bàn mới quá, thơm mùi gỗ quá”. Các cô dường như không bao giờ động nhẹ đến tôi. Mỗi lúc trực nhật để quét rác dưới chân, tôi cũng được khiêng nhẹ. Vậy mà năm sau những cô bạn thân thiết ấy chuyển sang học phòng khác, tôi được giao phó cho một lũ quậy phá nghịch ngợm. Chúng viết lên mặt tôi chi chít những câu tục tĩu, rồi chúng cự nhau, lấy dao sắc rạch chàng chịt vào mặt tôi những hình vẽ lỗ bịch. Đến giờ ra chơi chúng ngồi lên tôi đến bốn năm đứa xô đẩy nhau, đập âm âm vào mặt tôi và hát những bài hát không phách điệu gì cả. Tôi đau đớn, căm giận và lo sợ vô cùng. Tôi linh cảm mình sẽ bị trọng thương. Và quả thực, trong một lần đuổi bắt nhau, mấy ông trời con ấy nhảy rầm rầm trên mặt tôi. Tôi cố gắng giữ bốn chân mình cho vững để phòng thảm họa. Nhưng rồi chịu không nổi, tôi ngã rầm đập cạnh mặt xuống nền nhà. Và ngay lúc đó một sức nặng ghê gớm nhảy lên thanh ngang nối hai chân trước và chân sau của tôi. Thanh ngang gãy rắc và tôi nhói đau khắp cả bốn chân. Khi tỉnh lại thì đã thấy mình nằm một xó, buổi học đã tan và một chân tôi bị tét ra như muốn rời khỏi thân. Nghe nói rằng tụi chúng cũng có kiểm điểm nhau. Nhưng rồi đâu lại vào đó. Ngày hôm kia một đứa bỗng đề nghị: “Cái chân Bàn này hay làm tụi mình bị vướng, hãy bẻ nó đi”. Tưởng là một lời đùa tinh quái, ai ngờ buổi học tan, phòng vắng, cái chân tôi bị ba tên sát nhân ấy bẻ mất và không biết nó vứt chân ấy ở đâu.? Tiếng bước chân rầm rập lên cầu thang của học sinh đã náo động sự yên tĩnh. Tôi xuống lầu, còn nghe tiếng la hét hoảng của Ghế: – “Anh Bàn ơi, làm sao bây giờ?”

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh về Nguyễn Du và Truyện Kiều

Nguyễn Du là nhà thơ sống hết mình, tư tưởng, tình cảm, tài năng nghệ thuật của ông xuyên suốt các tác phẩm của ông, xuyên suốt cuộc đời ông và thể hiện rõ nhất qua áng văn chương tuyệt vời là Truyện Kiều. Nguyễn Du sinh ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu, tức ngày 3/1/1866 ở kinh thành Thăng Long trong một gia đình quý tộc lớn. Thân sinh ông là Hoàng Giáp Nguyễn Nghiễm (1708 – 1775), làm quan đến tham tụng (tể tướng) tước Xuân quận công triều Lê. Mẹ ông là bà Trần Thị Tần, quê Kinh Bắc, đẹp nổi tiếng. 13 tuổi lại mồ côi mẹ, ông phải ở với người anh là Nguyễn Khản. Đời sống của người anh tài hoa phong nhã, lớn hơn ông 31 tuổi này rất có ảnh hưởng tới nhà thơ. Sự thăng tiến trên đường làm quan của Nguyễn Du khá thành đạt. Nhưng ông không màng để tâm đến công danh. Trái tim ông đau xót, buồn thương, phần nộ trước “những điều trông thấy” khi sống lưu lạc, gần gũi với tầng lớp dân đen và ngay cả khi sống giữa quan trường. Ông dốc cả máu xương mình vào văn chương, thi ca. Thơ ông là tiếng nói trong trái tim mình. Đây là tình cảm sâu sắc của ông đối với một kiếp người lầm lũi cơ hàn, là thái độ bất bình rõ ràng của ông đối với các số phận con người. Xuất thân trong gia đình quý tộc, sống trong không khí văn chương bác học, nhưng ông có cách nói riêng, bình dân, giản dị, dễ hiểu, thấm đượm chất dân ca xứ Nghệ. Về văn thơ nôôm, các sáng tác của ông có thể chia thành 3 giai đoạn. Thời gian sống ở Tiên Điền – Nghi Xuân đến 1802, ông viết “Thác lời trai phường nón Văn tế sống 2 cô gái Trường Lưu”. Đây là 2 bản tình ca thể hiện rất rõ tâm tính của ông, sự hoà biểu tâm hồn tác giả với thiên nhiên, với con người. Ba tập thơ chữ Hán thì “Thanh hiên thi tập” gồm 78 bài, viết lúc ở Quỳnh Côi và những năm mới về Tiên Điền, là lời trần trở chốn long đong, là tâm sự, là thái độ của nhà thơ trước cảnh đời loạn lạc. Sau 1809, những sáng tác thơ của ông tập hợp trong tập “Nam Trung Tọa Ngâm” gồm 40 bài đầy cảm hứng, của tâm sự, nỗi niềm u uất. Truyện Kiều được Nguyễn Du chuyển dịch, sáng tạo từ cuốn tiểu thuyết “Truyện Kim Vân Kiều” của Thanh Tâm Tài Nhân, tên thật là Tử Văn Trường, quê ở huyện Sơn Am, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Truyện Kiều đã được nhân dân ta đón nhận một cách say sưa, có nhiều lúc đã trở thành vấn đề xã hội, tiêu biểu là cuộc tranh luận xung quanh luận đề “Chánh học và tà thuyết” giữa cụ Nghè Ngô Đức Kế và ông

Phạm Quỳnh thu hút rất nhiều người của 2 phía cùng luận chiến. Không chỉ ảnh hưởng sâu sắc trong tầng lớp thị dân, Truyện Kiều còn được tầng lớp trên say mê đọc, luận. Vua Minh Mạng là người đầu tiên đứng ra chủ trì mở văn đàn ngâm vịnh truyện Kiều và sai các quan ở Hàn Lâm Viện chép lại cho đời sau. Đến đời Tự Đức, nhà vua thường triệu tập các vị khoa bảng trong triều đến viết và vịnh Truyện Kiều ở văn đàn, ở Khu Văn Lâu. Ngày nay, Truyện Kiều vẫn đang được các nhà xuất bản in với số lượng lớn, được dịch ra rất nhiều thứ tiếng. Các nhà nghiên cứu trên thế giới đánh giá cao Truyện Kiều. Dịch giả người Pháp Rơ-Ne-Crir-Sắc khi dịch Truyện Kiều đã viết bài nghiên cứu dài 96 trang, có đoạn viết: “Kiệt tác của Nguyễn Du có thể so sánh một cách xứng đáng với kiệt tác của bất kỳ quốc gia nào, thời đại nào”. Ông so sánh với văn học Pháp: “Trong tất cả các nền văn chương Pháp không một tác phẩm nào được phổ thông, được toàn dân sùng kính và yêu chuộng bằng quyển truyện này ở Việt Nam”. Và ông kết luận: “Sung sướng thay bậc thi sĩ với một tác phẩm độc nhất vô nhị đã làm rung động và ca vang tất cả tâm hồn của một dân tộc”. Năm 1965 được Hội đồng Hoà bình thế giới chọn làm năm kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du. Nguyễn Du là nhà thơ sống hết mình, tư tưởng, tình cảm, tài năng nghệ thuật của ông xuyên suốt các tác phẩm của ông, xuyên suốt cuộc đời ông và thể hiện rõ nhất qua áng văn chương tuyệt vời là Truyện Kiều. Đọc Truyện Kiều ta thấy xã hội, thấy đồng tiền và thấy một Nguyễn Du hàm ẩn trong từng chữ, từng ý. Một Nguyễn Du thâm thúy, trải đời, một Nguyễn Du chan chứa nhân ái, hiểu mình, hiểu đời, một Nguyễn Du nóng bỏng khát khao cuộc sống bình yên cho dân tộc, cho nhân dân.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của anh (chị) về chiếc ghế bị gãy một chân

Cái ghế là vật vô tri, vô giác, nhưng vì nó sinh ra để cho người ta ngồi tức là thân phận của nó liên quan đến con người nên xung quanh nó cũng xảy ra lắm chuyện. Vì chiếc ghế luôn phải có 4 chân nên nếu đặt ghế không phẳng thì ghế cũng không vững được. Về điều này thì ghế kém cái kiềng (vững như kiềng 3 chân mà!) Ngày nay, nói đến cái ghế là người ta thường nói đến địa vị xã hội, vị trí công tác của ai đó. Vậy thì đối với người thận trọng, trước khi ngồi lên cái ghế dành cho mình hãy chú ý xem “trọng lượng” bản thân và nơi đặt cái ghế có bằng phẳng không? Tức là cái nơi mình sẽ làm việc có ổn định lâu dài không? Khéo rồi ngã gãy xương có ngày! Lại nữa, phải xem cái ghế làm bằng vật liệu gì, có bền chắc không? Nhiều cái ghế trông bề ngoài đẹp đẽ, hào nhoáng nhưng làm bằng gỗ mọt dễ làm người vô ý ngã dập mặt. Còn có những chiếc ghế mùa đông ngồi thì lạnh, mùa hè ngồi thì nóng gây cảm giác rất khó chịu. Rồi còn cái cách ngồi ghế nữa cũng ảnh hưởng đến độ bền của nó. Nếu anh biết lựa cách ngồi cho khéo thì cái ghế sẽ bền, sẽ vững. Còn đối với anh thô lỗ, cẩu thả thì ghế gì cũng mau hỏng mà thôi! Chuyện cái ghế cũng là chuyện con người, chuyện cuộc đời. Mỗi người thích một kiểu ghế, mỗi người có một kiểu ngồi xem ra ít giống nhau. Nhưng để được ngồi ghế trên, ghế đẹp, ghế bền thì đều là khát vọng của mỗi người hay cũng là của nhiều người. Bởi vì cái ghế thường được coi là biểu tượng, là sự bảo đảm cho danh vọng và quyền lực của con người. Thế là mới xảy ra chuyện tranh ghế, chiếm ghế với đủ mọi toan tính, thủ đoạn, kể cả việc dùng chiếc ghế làm mồi nhử, làm cái bẫy đối với đồng loại, đồng bào, đồng đội và đồng chí. Có nhiều cái ghế gọi là “ghế nóng” đó thôi! Ai định ngồi vào đây hãy liệu chừng! Đã có biết bao chuyện bi hài, và đau lòng xảy ra xung quanh cái ghế. Có anh vô trượt ghế ngã biêu đầu, có anh ngồi chưa ấm chỗ đã bị kẻ khác hất ngã hoặc ghế bị gãy mà ngã. Chiếc ghế, cái vật vô tri, vô giác ấy không hề biết khóc, biết cười. Chỉ có những con người vì nó mà khóc, mà cười mà hả hê sung sướng hoặc nhăn nhó đau khổ thôi. Nhân nói đến Đại hội Đảng lần thứ XI, trên mạng đang lưu truyền một số văn thư của một số vị cựu ủy viên Bộ chính trị (có người đã từng là nguyên thủ quốc gia), của một số tướng lãnh nhận xét phê phán về công tác chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng XI. Văn thư có chữ ký của từng người, thậm chí đóng cả dấu “Hỏa tốc”, đúng sai chưa

rõ nhưng đó là quyền phát biểu của mỗi người để Đại hội tham khảo. Tuy nhiên, có bức thư ngày 12/12/2010 của 2 vị cựu lãnh đạo cao cấp của Đảng trong một số nhiệm kỳ trước đây, lên án bài viết của đồng chí Nguyễn Văn An nguyên Chủ tịch Quốc hội (đã đăng công khai trên VNN và Tuần VN) về các khuyết điểm là đi ngược đường lối chính trị của Đảng, đòi từ bỏ Cương lĩnh 1991, và Chủ nghĩa Mác, cho rằng chủ nghĩa xã hội là lỗi hệ thống, cán bộ Đảng viên rất phần uất về tài liệu của đồng chí Nguyễn Văn An... Thế giới xưa nay hay sử dụng từ đối thoại “Dialog” gốc từ Hy Lạp có nghĩa là biện chứng, cần có lý lẽ, tranh luận không phải thắng thua mà để đi đến sự đồng thuận. Ở Việt Nam, xưa nay công tác lý luận thường đi vào ngõ cụt, không thuyết phục vì tư duy giáo điều, “chụp mũ” làm thui chột những ý tưởng đổi mới. Không biết người ta thăm dò ý kiến ở đâu, khi nào để kết luận cán bộ, đảng viên rất phần uất về tài liệu của đồng chí Nguyễn Văn An? Để minh chứng một cách khách quan khoa học, tôi đã đọc toàn bộ 85 trang báo cáo ngày 7/10/2010 “Hội thảo khoa học của Hội Khoa học kinh tế Việt Nam” đóng góp vào các dự thảo văn kiện Đại hội của Đảng XI. Tất cả có hơn 80 đại biểu tham dự cuộc họp, trong đó có nhiều vị nguyên là lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các nhà kinh tế lâu năm như GS Trần Phương Chủ tịch hội, nguyên ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Vũ Khoan nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng, Hồng Hà nguyên bí thư trung ương Đảng, GSTSKH Phan Văn Tiệm nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng vv...Phân tích, lập luận, dẫn chứng đánh giá, so sánh của 23 ý kiến tại cuộc họp rất thẳng thắn, xây dựng có thể nói đây là “bồn trí tuệ”- Think Tank rất thuyết phục người đọc. Chúng tôi tin rằng, ông Nguyễn Văn An sau khi đọc toàn bộ tài liệu của Hội thảo sẽ thấy nhẹ lòng, thanh thản và vững tin hơn về những chính kiến của mình. Người dân đủ trí tuệ để hiểu và đánh giá những ý kiến vì dân, vì nước của những vị trưởng thượng, chuyên gia gạo cội của nước nhà. Lịch sử bao giờ cũng công bằng và luôn đòi hỏi đánh giá sự thật và chỉ có sự thật. Nói về Đại hội Đảng XI, về nguyên tắc thì dân không được dự Đại hội Đảng, dân cũng không được bầu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là bầu Tổng Bí thư! Tuy nhiên, cuộc sống đòi hỏi người dân phải quan tâm đến các chiếc ghế đại diện cho quyền lực và trách nhiệm của Đảng. Ý dân, lòng dân được thể hiện qua việc đóng góp vào dự thảo các văn kiện của Đảng. Hàng loạt các tờ báo công khai đăng tiêu đề nổi bật :”Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng 15 quyết định nhân sự” đọc, ngẫm suy thấy rất phần uất vì Điều lệ, Nghị quyết đều khẳng định Đại hội mới thực sự là cơ quan cao nhất của

Đảng. Trong chế độ Đảng độc quyền lãnh đạo, người dân chỉ mong sao những người đảng viên được lựa chọn bầu vào Ban chấp hành TW phải là người yêu nước, tử tế, có trí tuệ, năng lực bản lãnh, khí phách cùng dân tộc đi tới trong thế giới đầy biến động, khó lường. Đất nước ta còn nghèo, các yếu kém trong quản lý nhà nước về lỗi hệ thống ngày càng thấy rõ, khát vọng của nhân dân mong Đảng cần phải “nói và làm” là sửa ngay một số việc “không giống ai” như sau: Thứ nhất là đừng tái diễn hình ảnh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mỗi khi đón nguyên thủ quốc gia nước ngoài khi duyệt binh vẫn phải có 2 người đi 2 bên (Tổng bí thư và Chủ tịch nước). Ngay các nước Trung Quốc, Cu Ba, Lào, Triều Tiên, đã nhất thể hóa 2 vị trí nói trên thành nguyên thủ quốc gia từ rất lâu rồi. Phải chăng mô hình quản trị của chúng ta sáng tạo, mang bản sắc dân tộc, thông minh hơn tất cả các nước trên thế giới hay thực chất là do hậu quả của tư duy vùng miền và vì “cái ghê”!? Thứ hai là đất nước có tình trạng “trên bảo dưới không nghe” là do luật pháp đã thiếu lại yếu. Viện trưởng Viện kiểm sát không thể đặt ngang hàng với Chánh án Tòa án tối cao, có nghĩa là Chánh án Tòa án tối cao phải là nhân vật trọng yếu nằm trong Bộ Chính trị. Tòa án tối cao có quyền xử các hành vi, vi hiến của bất kỳ ai kể cả Chủ tịch nước và Thủ tướng, thu hồi quyết định vi hiến. Sau đó xét nếu thấy vi phạm luật nghiêm trọng thì do tòa án thường xét xử. Thứ ba là Viện kiểm sát phải đổi thành Viện công tố có chức năng của cơ quan luận tội, ra trước tòa phải bình đẳng với luật sư (gỡ tội). Chánh án căn cứ kết quả tranh luận giữa luật sư và công tố viên, đối chiếu với án lệ (những sự việc không ghi đầy đủ rõ ràng trong luật phải dựa trên những vụ đã xử bởi lương tâm, nghề nghiệp của chánh tòa) vv... Nếu cứ tử mẫn ngồi liệt kê, không biết đến lúc nào mới hết các vấn đề còn bất cập liên quan đến chuyện nhân sự, “cái ghê”, luật chơi hay thể chế! Người dân chỉ biết nhún nhủ đến các vị có trách nhiệm được ủy nhiệm của dân quản trị đất nước hãy biết nhìn lại mình vì cái đầu, cái lưỡi, tấm lòng chân thực và việc làm thiết thực của người ngồi lên ghế sẽ quyết định màu sắc và độ vững chắc của cái ghế!

Văn Mẫu Lớp 10 - Quan niệm về trinh tiết trong Truyện Kiều của Nguyễn Du

DÀN Ý - Khi Kim Trọng : “Sóng tình dường đã xiêu xiêu, Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.” Kiều trả lời “Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu.” “Đừng điều nguyệt nọ hoa kia Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai ” → Kiều ý thức được rõ ràng và sâu sắc tầm quan trọng của việc giữ gìn trinh tiết. → Có thể nói là Kiều luôn muốn có một mối tình trong sáng, có trách nhiệm. - Khi Kim Trọng về hộ tang chú có dặn dò Kiều rằng : “Gìn vàng giữ ngọc cho hay Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời” → Kim Trọng một con người “vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa”, giỏi giang nhưng vẫn có quan niệm như trên. Tuy cuối tác phẩm ta thấy Kim Trọng muốn nối duyên lại với Thúy Kiều nhưng không có nghĩa chàng không quan trọng việc trinh tiết. - “Tiếc thay một đóa trà mi Con ong đã tỏ đường đi lối về “ → Sự cay đắng tủi nhục, xót xa của Thúy Kiều. - “Biết thân đến trước lạc loài, Nhị đào thà bẻ cho người tình chung. ” → Lúc này Thúy Kiều đang rất đau khổ, tủi nhục, bẽ bàng. Kiều nhớ đến Kim Trọng, Kiều thương Kim vì Kim là người thiệt thòi. Nàng từ chối Kim Trọng để mong một mối tình trong sáng nhưng không ngờ dòng đời đưa đẩy khiến nàng thất tiết với Mã Giám Sinh. Tuy nhiên , ta có thể thấy rằng chữ Trinh trong truyện Kiều không chỉ là “trinh tiết” của người con gái về mặt sinh lí mà còn là “trinh” của tâm hồn. - Với Kim Trọng, chàng vẫn luôn coi trọng chữ “trinh” của tâm hồn Thúy Kiều : “Như nàng lấy hiếu làm trinh Bụi nào cho đục được mình ấy vay?” - Còn Kiều, nàng ý thức được cả về trinh tiết lẫn cái trinh của tâm hồn. “Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng Hoa thơm phong nhị trắng vòng tròn gương Chữ trinh đáng giá nghìn vàng Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa” “Chữ trinh còn một chút này Chẳng cầm cho vững lại dày cho tan! Còn nhiều ân ái chan chan Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi”. → Nguyễn Du coi trọng chữ “trinh” với nghĩa là trinh tiết (sinh lí), nhưng ông còn coi trọng chữ “trinh” của tâm hồn hơn. Ông nói rằng: “Xưa nay trong đạo đàn bà Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường” → Một cái nhìn rất mới, rất nhân đạo về giá trị của người con gái. => Trong xã hội cũ, trinh tiết là một vấn đề vô cùng quan trọng. Nó là một trong những thước đo đánh giá người con gái. Và Nguyễn Du, với truyện Kiều tuy không đặt vấn đề trinh tiết lên hàng đầu nhưng vẫn đánh giá cao nó.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của bạn về cách ứng xử của con người sau khi đọc truyện “Tam đại con gà”

Từ xưa, nhân dân ta đã coi trọng vị trí của người thầy trong xã hội. Có biết bao câu ca dao, tục ngữ thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, ví dụ như : Nhất tự vi sư, bán tự vi sư; Không thầy đố mày làm nên ; Muốn sang thì bắc cầu kiều, Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy. Theo quan niệm của Nho giáo thì vị trí người thầy được đề cao chỉ sau vua và trên cả cha mẹ (quân, SU; phụ). Truyền thống tôn sư trọng đạo ngày nay vẫn được nhân dân ta gìn giữ và phát huy, tuy hình thức đã cổ nhiều thay đổi. Vậy thế nào là tôn sư trọng đạo ? Tôn là tôn vinh, kính trọng; sư là thầy, là người làm nghề dạy học; trọng là coi trọng, đề cao; đạo là đạo học, là đạo đức, lễ nghĩa. Dân tộc Việt Nam nghèo nhưng có tinh thần hiếu học. Tổ tiên chúng ta thuở trước đã có nhận thức rất đúng đắn rằng : Ngọc bất trác bất thành khí; Nhân bất học bất tri lí (Ngọc không mài không sáng, người không học thì không biết thế nào là lí lẽ phải, trái, đúng, sai). Vì thế muốn nên người thì phải học hành chữ nghĩa và đạo lí thánh hiền. Nhiều nhà nghèo không đủ cơm ăn, áo mặc vẫn cố gắng cho con đi học. Những gương sáng về tinh thần hiếu học như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền, Lương Thế Vinh, Lê Quý Đôn, Nguyễn Khuyến... mãi mãi lưu truyền hậu thế. Trên khắp đất nước Việt Nam, có những vùng nổi tiếng là đất học với truyền thống học hành, đỗ đạt qua nhiều đời như Kinh Bắc, Thăng Long, Hải Dương, Hà Nam, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Thừa Thiên – Huế... với những dòng họ nổi tiếng đem lại vinh quang cho quê hương, đất nước. Năm 1070, dưới thời Lý, trung tâm giáo dục lớn nhất đồng thời cũng là trường Đại học đầu tiên của nước ta được thành lập, gọi là Quốc Tử Giám đặt ở kinh đô Thăng Long, là nơi đào tạo ra những nhân tài phục vụ cho các triều đại vua chúa. Đến năm 1236, tức là 10 năm sau khi nhà Trần cầm quyền thay thế nhà Lý, Quốc Tử Giám được đổi tên thành Quốc Tử Viện, không chỉ dạy dỗ con em vua chúa mà còn mở rộng cho con em các quan trong triều vào học. Đến năm 1253, các Nho sĩ trong nước cũng được theo học tại đây. Dưới thời Trần, trường học được mở ra khắp nơi để đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân. Mục tiêu giáo dục thời kì này là nhằm đào tạo những người có đủ tài đức theo quan niệm phong kiến để phục vụ cho chính quyền của nhà vua, có tài kinh bang tế thế và chỉ huy

chiến đấu bảo vệ đất nước. Truyền thống tôn sư trọng đạo thấm nhuần trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt. Ngay cả các bậc vua chúa cũng vậy. Nhiều bậc quân vương đã tỏ ra rất trọng thị những người thầy tài cao đức lớn, cung kính vờ vào trong cung để dạy dỗ các hoàng tử, công chúa. Chu Văn An (1292 – 1370) không theo con đường khoa cử đỗ đạt làm quan, mà ở nhà mở trường dạy học. Ông nổi tiếng khắp nước về đức độ và kiến thức uyên bác. Một số học trò của Chu Văn An đã đỗ đạt cao, làm quan đầu triều như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... nhưng vẫn một lòng kính phục thầy; mỗi lần tới thăm đều cung kính chấp tay lạy tạ thầy. Năm 1325, thầy Chu Văn An được triệu vào cung dạy dỗ các hoàng tử, sau đó nhận chức Tế tửu nhà Thái học, tức Hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám. Sau khi ông mất, để tỏ lòng kính trọng và biết ơn, vua Trần Nghệ Tông đã tôn vinh Chu Văn An là quốc sư, ban cho ông tên hiệu là Văn Trinh và thờ ở Văn Miếu. Dưới thời Lê sơ, triều đình phong kiến có một bước tiến vượt bậc về mặt khuyến khích, tổ chức học tập, thi cử để phát hiện, đào tạo nhân tài. Đến thời Lê Thánh Tông, việc chọn người có học thành mục tiêu của thi cử. Trong một bài chiếu, nhà vua viết: Muốn có nhân tài, trước hết phải chọn người có học Phải chọn người có học thì thi cử là đầu... Ta nói theo chí tiên đế, muốn cầu được hiền tài để thỏa lòng mong đợi. Trong Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba do tiến sĩ Thân Nhân Trung biên soạn theo sắc dụ của vua Lê Hiến Tông có đoạn khẳng định : Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý trọng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng. Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề cao bằng tước trật. Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ. Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất. Các vị đỗ tiến sĩ của từng khoa thi được trân trọng khắc tên vào bia đá dựng ở nhà bia Văn Miếu để lưu danh muôn thủa. Thân Nhân Trung giải thích rõ việc dựng bia không phải là chuyện chuộng văn suông, ham tiếng hão mà là một phương thức để củng cố mệnh mạch cho nhà nước. Đó cũng là kế sách thu phục và sử dụng hiền tài lâu dài của các bậc minh quân. Ngày xưa, nội dung giáo dục trong nhà trường kết hợp chặt chẽ đức dục với trí dục. Việc dạy chữ song song với việc dạy lễ nghĩa, tức là các mối quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội ; cách ăn mặc, đi đứng, cư xử đúng mực, đúng phép tắc, luân lí phong kiến. Tiên học lễ, hậu học văn. Bên

cạnh đổ, nhà trường phong kiến cũng coi trọng việc khơi dậy tinh thần hiếu học và vẽ ra tương lai tươi sáng để khuyến khích, động viên trò học tập, để mai sau trở nên người hữu ích cho gia đình và xã hội. Thái độ hiếu học đó tạo nên truyền thống tôn sư trọng đạo. Ở làng xã ngày xưa, ông đồ, thầy đồ, giáo học... thường được dân chúng tôn trọng và tin tưởng hỏi ý kiến trong mọi việc lớn nhỏ. Trong thời đại ngày nay, truyền thống giáo dục và truyền thống tôn sư trọng đạo cổ từ ngàn xưa được coi là nền tảng để xây dựng một nền giáo dục mới xã hội chủ nghĩa, vừa giữ được bản sắc dân tộc,- vừa đáp ứng được yêu cầu cách mạng. Ngành Giáo dục luôn được nhà nước quan tâm đầu tư, phát triển và vai trò của các thầy cô giáo vẫn được đánh giá cao. Nghề dạy học là nghề trồng người để phục vụ lợi ích lâu dài (vì lợi ích trăm năm) của dân tộc, đất nước. Vai trò của người thầy là vô cùng quan trọng, vì thế mà xã hội tôn vinh nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý. Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11 hàng năm đều được tổ chức trọng thể, đó cũng là biểu hiện của truyền thống tôn sư trọng đạo. Ở tất cả các cấp học, nhà trường vẫn tuân thủ nguyên tắc giáo dục Tiên học lễ, hậu học văn, không chỉ dạy kiến thức toàn diện cho học sinh mà còn dạy đạo đức, dạy đạo lí làm người. Đối với việc nâng cao trình độ học vấn, hình thành nhân cách và tạo dựng sự nghiệp của học sinh, vai trò của người thầy nhiều khi có tính chất quyết định. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp phát triển và xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Truyền thống hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta cần được tiếp thu có sáng tạo và phát huy hơn nữa trong giai đoạn lịch sử mới hội nhập với thế giới. Trên con đường học vấn đầy gian nan, thử thách, thầy cô giáo vừa là người dẫn đường chỉ lối, vừa là người bạn đồng hành thân thiết của mỗi chúng ta.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tìm hiểu quan niệm trinh tiết của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

DÀN Ý - “Chữ trinh đáng giá nghìn vàng” - Đó là một câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, ta thấy được chữ trinh của một người phụ nữ được đề cao như thế nào trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ. Bởi người phụ nữ phong kiến đâu có giá trị gì đâu trong cái xã hội man rợ ấy. Và nếu như mất đi cả trinh tiết nữa thì còn đâu là thân phận, bèo trôi nổi và nếu như là thế nữa thì lá bèo cũng đến mức tả tơi. - Nhưng cũng trong truyện Kiều có câu “Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” - Đó chính là hình ảnh nàng Kiều khi đêm đến quyết tâm đi đến với Kim Trọng - vì tình yêu vừa chính mình. Lúc đó, nàng không còn quan trọng chữ trinh của mình, bởi Kim Trọng là người nàng yêu. Vì tình yêu, có thể hi sinh trinh tiết của chính mình, dù cho nó có là điều quan trọng nhất. - Và kết truyện, Kiều lại không chấp nhận nối lại tình xưa với Kim Trọng cũng chỉ vì mình đã mất đi chữ “trinh” - Trinh tiết lại trở lại là một điều quan trọng, kể cả trong tình yêu, mất đi chữ trinh ấy, người phụ nữ như Kiều không thể nào có thể dám ước mơ đến một tình yêu đẹp đẽ được nữa. => Trinh tiết của người phụ nữ trong xã hội phong kiến luôn được đặt lên ở một vị trí cao.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về cách ứng xử của con người sau khi đọc truyện “Tam đại con gà”

Kho tàng truyện cười Việt Nam được chia làm hai loại là truyện khôi hài và truyện trào phúng. Truyện khôi hài nhằm mục đích giải trí là chính, tuy vậy nó vẫn có ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng. Truyện trào phúng có mục đích đả kích, phê phán những thói hư tật xấu của người đời, của các nhân vật thuộc tầng lớp trên trong xã hội phong kiến xưa kia như thói tham lam, tự cao tự đại, hay khoe khoang, thiếu khiêm tốn, giấu dốt... Truyện Tam đại con gà là một ví dụ tiêu biểu. Thế nào là tính thiếu khiêm tốn? Thiếu khiêm tốn là không có ý thức và thái độ đúng mức trong việc tự đánh giá bản thân; luôn tự mãn, kiêu căng, cho mình là thông minh, tài giỏi hơn người. Tính thiếu khiêm tốn thể hiện như thế nào? Tuổi trẻ có sức khỏe, có năng lực học tập và lao động nhưng thường chủ quan, tự hào về mình quá mức thành ra kiêu căng, tự mãn. Sự kiêu căng nhiều khi bộc lộ qua lời nói, qua những hành động cảm tính, nông nổi: Tuổi mới lớn háng hái nhưng bông bột, tự tin nhưng hiếu thắng, cho rằng mình lúc nào cũng hay, cũng đúng, cái gì mình cũng có thể làm được mà không cần đến kiến thức và kinh nghiệm. Niềm tin, sự khẳng định, lòng tự hào của tuổi trẻ là những điều cần thiết trên con đường mưu sinh và tạo dựng sự nghiệp của mỗi cá nhân, bởi chính những yếu tố đó tạo nên ý chí, nghị lực và sức mạnh. Như những cánh chim băng, tuổi trẻ muốn được thử sức với trời cao, biển rộng. Với suy nghĩ của tuổi trẻ thì đỉnh cao nào cũng có thể chinh phục được và mọi khó khăn đều không đáng ngại. Tuy nhiên, sự tự tin, tự hào phải được xây dựng trên cơ sở là đức và tài thì nó mới vững chắc và mang tính khách quan. Ngược lại, nếu tự đánh giá về mình một cách chủ quan thì sẽ dẫn đến ảo tưởng, mà ảo tưởng là mảnh đất tốt cho thói kiêu căng, tự mãn nảy nở và phát triển. Người xưa nói: Khôn đâu đến trẻ, có nghĩa là tuổi trẻ mới bước vào đời chưa va vấp nhiều nên thiếu kinh nghiệm sống. Tuổi tác sẽ đem lại cho con người nhiều bài học bổ ích và nhận thức của con người chỉ có thể chín chắn dần cùng với vốn hiểu biết ngày càng sâu rộng, hay nói cách khác là sự từng trải. Ở tuổi ba mươi (tam thập nhi lập), con người đã trưởng thành rất nhiều về mọi mặt. Sự bông bột, hiếu thắng của tuổi thanh niên dần lắng xuống, dịu đi. Cách nhìn đời, nhìn người cũng đổi khác, thận trọng hơn, khách quan hơn. Những gì là cảm tính ban đầu được

thay thế bằng lí trí, bằng kinh nghiệm học hỏi, tiếp thu được trên đường đời. Ở tuổi năm mươi, sáu mươi, mọi việc của đời người mới rõ ràng. Nhờ sự trung thực, lí trí sáng suốt và lòng dũng cảm, con người mới có thể cảm nhận đầy đủ về bản thân và có những đúc kết đúng đắn về cuộc đời mình. Lúc ấy, đức khiêm tốn mới chiến thắng sự kiêu căng, tự phụ. Như vậy, tính khiêm tốn cũng thay đổi theo quy luật của sự tự nhận thức. Con người cần phải có thời gian để suy nghĩ, tự đánh giá mình và mọi người. Sự trải nghiệm càng lâu dài thì nhận thức về con người và thế giới xung quanh càng đúng đắn và sâu sắc. Tuy nhiên khi tuổi đã cao, lực bất tòng tâm, quỹ thời gian của cuộc đời đã gần hết thì có khiêm tốn cũng chẳng còn tác dụng là mấy. Vì vậy, nếu tuổi trẻ mà có đức khiêm tốn thì chúng ta sẽ học và làm được nhiều việc tốt, khả năng thành công trong sự nghiệp là rất lớn. Tính khiêm tốn đi đôi với sự nhẫn nại mà dân gian thường gọi là chữ nhẫn. Đây là yếu tố đầu tiên để dẫn đến thành công cho mọi người trong thời đại đất nước mở cửa hiện nay. Chẳng hạn: Học sinh khi làm bài bị điểm kém thì phải hỏi thầy cô, bạn bè để tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục. Người nông dân trồng lúa năng suất thấp phải xem lại các thành phần “nước, phân, cần, giống” đã đúng chưa? Gia đình còn nghèo thì phải phân tích nguyên nhân vì đâu và tìm cách thoát nghèo. Nghĩa là phải khiêm tốn học tập và làm việc hết mình, không nên cho rằng mình cái gì cũng giỏi, cái gì cũng biết. Chúng ta hãy bàn đến cái dốt vì cái dốt liên quan chặt chẽ đến thói thiếu khiêm tốn, lười học hỏi. Dốt là từ dùng để nói về con người kém thông minh, chậm hiểu, chậm tiếp thu. Dốt đặc là hoàn toàn không biết một tí gì. Ví dụ: Học sinh Tiểu học không đọc thông viết thạo là dốt. Học sinh Trung học phổ thông mà không hiểu gì về điện, về nước, về căn bậc hai... là dốt. Một người đã trưởng thành mà không biết cách làm ăn để nuôi sống bản thân là dốt. Thường thường, dốt đi đôi với lười. Người khiêm tốn thì không giấu dốt và luôn có tinh thần học hỏi. Người thiếu khiêm tốn thường hay giấu dốt nên hạn chế rất nhiều trong học tập và làm việc. Để minh họa cho việc thiếu khiêm tốn và giấu dốt thì không truyện trào phúng nào hay bằng truyện Tam đại con gà, nội dung kể về sự dốt nát của anh chàng “thầy đồ” giả danh và phê phán thói giấu dốt, liêu lĩnh, biết sai mà không chịu sửa của anh ta. Nhân vật chính trong truyện Tam đại con gà là anh học trò dốt đặc cán mai (nghĩa là không biết một tí gì) mà lại dám làm thầy đồ. Các nhân vật khác chỉ làm nền cho nhân vật chính hoạt động. Điểm độc đáo của truyện chính là những tình huống đặc biệt để nhân vật thầy đồ tự bộc lộ sự dốt nát của mình. Thông thường, cái dốt do thất học được mọi người dễ dàng thông cảm; còn cái dốt của học trò thì chỉ đáng chê trách chứ

không đáng cười. Người xưa nói: “Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”, nhưng anh chàng dốt nát trong truyện lại đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt. Liều lĩnh hơn, anh ta dám làm nghề “gỗ đầu trẻ”, mà nghề này muốn dạy một thì phải biết mười. Truyện Tam đại con gà không hướng tiếng cười vào hành động “ngược đời” và liều lĩnh ấy, mặc dù nó là nguyên nhân gây ra tiếng cười. Cái bị phanh phui, phê phán chính là thói “xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ”. Các tình huống khó xử khác nhau trong truyện dẫn dắt người đọc đi từ bất ngờ này tới bất ngờ khác và tiếng cười vang lên liên tục và thật giòn giã khi tình huống cuối cùng khép lại. Tình huống thứ nhất nói về trình độ của thầy đồ. Trong bài học, chữ kê là gà nhưng thầy không nhận ra vì nó có nhiều nét rắc rối, gần giống với chữ tước là chim sẻ. Thầy đang lúng túng, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống lên đành nói liều: Dù dĩ là con dù dỉ. Các tác giả dân gian cố tình để thầy đồ dỏm bề mặt với chữ kê. Tuy có nhiều nét nhưng chữ này không khó. Sách Tam tự kinh dùng cho trẻ học vỡ lòng chữ Hán, phần giải nghĩa rõ ràng, lại có vần vè rất dễ thuộc, vậy mà thầy mù tịt. Học trò hồn nhiên hỏi gấp, vô tình dồn thầy vào chỗ bí. Thầy sẽ chẳng còn giữ được cái oai của mình nếu không trả lời được. Đọc chữ kê thành dù dĩ rồi giảng bậy dù dĩ là con dù dỉ quả là thầy đã đi đến chỗ tận cùng liều lĩnh và tận cùng của sự dốt nát thảm hại. Dù dĩ đâu phải chữ Hán? Và trên đời làm gì có con vật nào tên là dù dĩ, dù dỉ? Như vậy là thầy vừa dốt kiến thức sách vở, lại vừa dốt kiến thức thực tế. Người nghe đến đây phải bật cười ngắc nhiên trước “trình độ” của “ông thầy” kì quặc này. Tình huống thứ hai là thầy cũng khôn, sợ nhỡ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khế. Thầy liều lĩnh khi dạy trẻ nhưng lại thận trọng trong việc giấu dốt, dùng cái lấu cá vật để gỡ bí và giấu nhẹm cái dốt của mình. Tạm thời, sự lấu cá ấy cứu được thầy nhưng thực ra nó càng đẩy nhanh thầy vào ngõ cụt.

Văn Mẫu Lớp 10 - Vì sao Nguyễn Du lại có sự đồng cảm sâu sắc với người phụ nữ như vậy?

DÀN Ý Nguyễn Du được sinh ra trong một gia đình làm quan. Cha là Nguyễn Nghiễm làm quan trong triều. Mẹ là vợ thứ. Dưới chế độ phong kiến đương thời Người vợ thứ phải chịu nhiều sự bất công, Nguyễn Du nhận thấy được điều đó ở mẹ của mình nên đó cũng là một phần trong sự đồng cảm của Nguyễn Du đối với mẹ của mình nói riêng và người phụ nữ nói chung. Mặt khác, sau khi cha chết Nguyễn Du về sống với anh mình làm quan trong triều sớm được tiếp xúc với lối sống ăn chơi xa hoa của giới quý tộc quan lại trước kia, cảnh những cô đào phải tiếp rượu mua vui, họ bị đánh đập bị đối xử tệ mạt. Rồi sau năm 1789 Nguyễn Du bước vào một cuộc sống cực khổ khó khăn lưu lạc trong dân gian, thấu hiểu được nỗi đau của người nông dân trong xã hội xưa đặc biệt là số phận bấp bênh bị chà đạp dày vò không một chút hi vọng, không một chút hạnh phúc của người phụ nữ. → Vì vậy mà tư tưởng nhân đạo trong thơ của Nguyễn Du thật sâu sắc đặc biệt là sự đồng cảm với người phụ nữ. Cụ thể: + Trong bài “Độc tiểu Thanh Ký” → Nguyễn Du nghe một câu chuyện về người phụ nữ của 100 năm trước mà đã làm thành thơ. Quá đau buồn cho nàng Tiểu Thanh ông tìm về trong mảnh giấy tàn trong Tây Hồ đã hoá gò hoang, rồi ông khóc cho nàng Tiểu Thanh, khóc cho số phận của người hồng nhan bạc phận, khóc cho những người phụ nữ trong xã hội xưa và cũng khóc cho chính mình + Hay trong một số đoạn trích của Kiều như nỗi thương mình....

Văn Mẫu Lớp 10 - Hiện nay đoàn trường phát động phong trào thu gom rác thải để có biện pháp xử lí đúng đắn hiệu quả. Bạn có suy nghĩ như thế nào về phong trào này

Dẫn dắt: Ô nhiễm môi trường có lẽ là vấn đề được quan tâm hàng đầu hiện nay. Khi mà tầng ozon đang dần bị phát hủy, khi mà nguồn nước sạch đang cạn kiệt, khi mà những hàng cây xanh oằn mình chịu hàng tấn khói bụi từ phương tiện giao thông,... Trái Đất của chúng ta sẽ ra sao nếu sự việc này còn tiếp diễn? Ý thức được vấn đề nghiêm trọng đang diễn ra, rất nhiều phong trào vận động kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ môi trường được diễn ra. Một trong số đó là phong trào thu gom rác thải của đoàn trường để có biện pháp xử lí đúng đắn hiệu quả. Vậy liệu đây có phải là phong trào được mọi người hưởng ứng tích cực và có tác động mạnh mẽ

Bàn luận: -> Thực trạng: - Vấn đề ô nhiễm môi trường luôn là vấn đề nóng nhất toàn cầu từ trước đến nay. Trước thực trạng tồi tệ đang diễn ra, có rất nhiều phong trào tích cực đang diễn ra - Liệt kê các phong trào ...Trong đó là phong trào thu gom và xử lí rác thải - Các phong trào ấy được sự hưởng ứng và tham gia nhiệt tình của các bạn học sinh, sinh viên. Hoạt động của các phong trào ngày càng đa dạng và phong phú. Chính vì thế cũng đem lại ít nhiều thành quả (nên lấy dẫn chứng) - Tuy nhiên, các phong trào chưa tác động mạnh mẽ đến ý thức của tất cả mọi người. Chỉ một vài trong số họ hiểu được ý nghĩa thật sự của việc bảo vệ môi trường và hậu quả trầm trọng nếu tầng ozon bị phá hủy, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước,... Nên hiệu ứng tích cực của phong trào chỉ được một thời gian ngắn, rồi sau đó, đâu lại vào đấy. Mọi người vẫn ầm ầm phi xe máy ra đường đi làm, vẫn thản nhiên vứt rác theo kiểu suy nghĩ “mình ăn ốc, có người đổ vỏ”. -> Nguyên nhân: - Một số phong trào chưa thực sự đánh được vào ý thức của mỗi người về sự nóng lên toàn cầu, ô nhiễm môi trường - Do ý thức cá nhân của mỗi người, chỉ những ai thực sự hiểu thì mới tham gia, còn những người khác chỉ tham gia một hai lần cho vui, còn sau đó nản không tham gia nữa. Hoặc cũng có những người ý thức được nhưng vô cảm, cố tình xả rác bừa bãi, phá hoại môi trường. -> Tác động: - Các phong trào được tổ chức có tác động rất nhiều đến nhận thức của mỗi người về môi trường, chính vì thế mà rất nhiều bạn trẻ tham gia, nhiều khi đi đường, ngay cả các bạn trẻ không tham gia phong trào cũng dừng chân

lại giúp đỡ các bạn khác. Đó là một hiệu ứng tích cực cần phát huy. - Tuy nhiên, ý thức của nhiều người về vấn đề ô nhiễm môi trường còn hạn chế. Đặc biệt trong nhận thức của đa số người Việt, người dân thường thấy chỗ nào sạch cũng có giũ, nhưng nơi nào dơ rồi là cứ bỏ cho dơ thêm. Cần các cơ quan, đoàn thể lớn có tiếng tuyên truyền sẽ được nhiều hơn các nhóm, Câu lạc bộ nhỏ lẻ không hiệu quả lắm; chỉ sạch trong tức thời thôi. Bài học nhận thức và hành động: - Cần kêu gọi và tuyên truyền hơn nữa về các phong trào bảo vệ môi trường, để các phong trào ấy được lan rộng khắp mọi nơi, đâu đâu cũng làm. Như vậy, sẽ khiến cho các bạn tham gia phong trào có thể tham gia ngay tại nơi mình sinh sống mà không cần đi đâu xa. - Cái bản khoản lớn nhất có lẽ vẫn là, Liệu tôi làm, mọi người có cùng làm với tôi không. Để kêu gọi, chúng ta hãy đánh mạnh vào ý thức của họ các kiến thức về môi trường hiện nay, ngay tại khu vực nơi mình sinh sống. Sau đó đưa ra giải pháp và phát động phong trào để mọi người cùng thực hiện. - Tham khảo đề xuất để bảo vệ môi trường: + Qua một thời gian, tham gia các phong trào giúp nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường tại Việt Nam, bạn tình nguyện viên tên Hà đưa ra một số đề xuất để hoạt động trong lĩnh vực này có thể đạt được hiệu quả bền lâu: Chúng em làm và đề xuất hướng Sở Tài Nguyên-Môi trường, Sở Công Thương, một cá nhân hay tổ chức nào đó đứng ra thành lập ngày gọi là ‘Ngày Sống Xanh’ như đã có trước kia, hoặc có ‘Ngày hội tái chế rồi’ nên phát triển thêm lên nữa, hoặc ‘ngày chủ nhật xanh’, ngày thu gom rác thải’... Làm thêm nhiều ngày nữa để tuyên truyền được nhiều hơn; hoặc một sinh hoạt trong ngày làm ở nhiều địa bàn khác nhau để các bạn khỏi ngại đi xa... + Tiến sĩ Nguyễn Văn Khải đặt vấn đề với các cơ quan thẩm quyền cao nhất là các bộ ngành ở trung ương: Ô nhiễm môi trường ở đây không chỉ là khói nhà máy, đó là những cống nước thường ngày. Ai làm được việc ngăn chặn chuyện ấy? Không, thì làm sao bảo vệ được môi trường. Thực ra người ta hô lên, la lên như thế chỉ để lấy tiền nước ngoài! Việc bảo vệ môi trường, làm sạch môi trường phải thực hiện thật để người ta thấy và sẽ làm theo hay không. Việc làm đó có lợi cho người dân hay không, những kẻ thực sự phá hoại có bị lên án hay không? Tiền viện trợ của nước ngoài vào Việt Nam có được sử dụng đúng hay không? Và tại sao Bộ Tài Nguyên-Môi trường, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Nông nghiệp-Phát triển Nông Thôn, Bộ Y tế không có những trang web cho mọi người tự do đọc những cách giảm thiểu ô nhiễm môi trường? Và việc chính trong các bài dạy cho học trò, ví dụ dạy về thủy điện nói thế nào để học sinh hiểu rằng nếu làm thủy điện sẽ hủy hoại môi trường, giảm lượng nước, giảm phù sa nên phải xây dựng nhà máy thủy điện

một cách hợp lý... Ông Ngô Nhân Dụng hiện sinh sống tại bang California, Hoa Kỳ cho rằng Việt Nam hiện có đủ ba yếu tố có thể giúp phong trào bảo vệ môi trường tại Việt Nam trước khi quá muộn là thành phần thanh niên đông đảo, có những giáo sư, tiến sĩ có chuyên môn về lĩnh vực bảo vệ môi trường, và việc kêu gọi giúp đỡ tài chính cho công tác này không khó khăn.á

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh về kinh nghiệm học văn hoặc làm văn của chính bản thân em

DÀN Ý Học văn: - Những bài thơ trong chương trình bắt buộc phải thuộc. - Những bài văn , truyện ngắn, tùy bút,... phải thuộc những ý chính. → Cần phải nắm chắc nội dung kiến thức mà tác phẩm đề cập tới. Trước khi học bài mới bạn mình cần tự tìm hiểu văn bản, tác phẩm đó theo gợi ý trong phần đọc hiểu văn bản. Những tài liệu như để học tốt sẽ giúp bạn nhận biết được cách suy nghĩ cách làm của mình đúng hay sai và từ đó thêm cả những kiến thức mà thầy cô giảng dạy ta có thể nắm khá vững kiến thức của bài học. Nếu có thời gian, chúng ta có thể đọc thêm những tài liệu tham khảo khác như các sách phân tích văn hay những quyển sách chứa những tư liệu. Ngoài ra trong cuộc sống các thông tin về chính luận có thể cho ta bổ trợ thêm những kiến thức khi làm bài văn nghị luận hay bàn luận về một vấn đề nào đó. - Khi học hay tìm hiểu về những tác gia lớn mình cần tìm hiểu thêm về cuộc sống đời thường và cả sự nghiệp văn học của những tác gia đó... - Khi học về phần tiếng việt thì cũng rất quan trọng. Nhiều phần trong tiếng Việt rất khó hiểu và trừu tượng nhưng nhờ tiếng Việt mình có thể bổ trợ cho khá năng viết văn... của bản thân. - Chúng ta cần đọc thêm từ điển về tiếng Việt, Hán Việt. Vì từ ngữ tiếng Việt rất phong phú và khá là rộng nghĩa, mặt khác tiếng việt ta còn thêm cả từ ngữ Hán Việt mà từ ngữ là đơn vị cơ bản nhất để cấu tạo nên câu. Chính vì thế việc đọc từ điển hàng ngày sẽ giúp bạn có một vốn từ rất phong phú, tránh được việc bí từ hay sử dụng từ ngữ chưa chính xác trong làm văn và trong hành văn. - ... **Làm văn:** - Trước khi viết một bài văn hay làm văn thì mình cần phải có một dàn ý cơ bản, đầy đủ các ý mà mình cần triển khai để tránh việc viết liên miên, tràn lan không rõ ý. - Trong khi đang viết về vấn đề này phải triển khai cho hết vấn đề đó không sang vấn đề khác. - Phải chú ý sử dụng từ ngữ cho thích hợp tránh việc lặp từ một cách vô nghĩa khiến cho bài văn trở nên lủng củng, không thoát ý. - ...

Văn Mẫu Lớp 10 - Hiện nay đoàn trường phát động phong trào thu gom rác thải để có biện pháp xử lí đúng đắn hiệu quả. Anh/ chị có suy nghĩ như thế nào về phong trào này

Ngày nay, vấn đề ô nhiễm môi trường đang được quan tâm rất nhiều bởi ô nhiễm môi trường càng trở nên nghiêm trọng hơn ở Việt Nam. Chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp những hình ảnh hay những thông tin về việc môi trường bị ô nhiễm trên hầu hết các phương tiện truyền thông. Điều này khiến cho chúng ta phải suy nghĩ về vấn đề ô nhiễm môi trường... Tình trạng quy hoạch nhiều khu đô thị chưa gắn liền với vấn đề xử lý chất thải và nước thải nên vấn đề ô nhiễm môi trường ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu đô thị đang ở mức đáng báo động. Ở nước ta, trong tổng số 183 khu công nghiệp thì có trên 60% khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các đô thị chỉ có khoảng 60% – 70% chất thải rắn được thu gom, cơ sở hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải và chất thải nên chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường... Hầu hết các lượng nước thải chưa được xử lý đều đổ thẳng ra sông, h, điều này ảnh hưởng rất lớn đến môi trường, ô nhiễm môi trường sẽ ngày càng trở nên trầm trọng. Vậy nguyên nhân cũ ô nhiễm môi trường là do đâu? Trước tiên chính là sự thiếu ý thức nghiêm trọng của nhiều người dân, họ nghĩ rằng những việc mình làm là quá nhỏ bé, không đủ để làm ô nhiễm môi trường. Hoặc nhiều người cho rằng việc bảo vệ môi trường không phải là trách của mình mà là trách nhiệm của nhà nước, của chính quyền. Một số khác lại nghĩ rằng môi trường đã bị ô nhiễm thì có làm gì đi chăng nữa cũng không đáng kể, và việc ô nhiễm môi trường cũng sẽ không ảnh hưởng gì tới mình nhiều... Vậy nhưng thực tế không phải vậy! Phá hoại môi trường của một người tuy chỉ ảnh hưởng nhỏ nhưng tập hợp nhiều người phá hoại môi trường lại là lớn. Dù trách nhiệm bảo vệ môi trường tuy cũng có một phần là trách nhiệm của nhà nước nhưng quan trọng lại là ý thức của người dân. Nếu chúng ta làm ô nhiễm môi trường, có thể bây giờ chúng ta chưa thấy ngay tác hại nhưng sau này chúng ta sẽ thấy rõ được nó sẽ ảnh hưởng đến đời sống của chúng ta như thế nào? Một nguyên nhân khác nữa gây ra ô nhiễm môi trường chính là sự thiếu trách nhiệm của các doanh nghiệp. Họ chỉ đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận mà không để ý đến vấn đề xử lý chất thải, không ít doanh nghiệp đã vi phạm quy trình khai thác, góp phần đáng kể gây ô nhiễm

môi trường. Bên cạnh đó, chính sự chưa chặt chẽ trong việc quản lý bảo vệ môi trường của nhà nước cũng đã tiếp tay cho những hành vi phá hoại môi trường tiếp diễn. Ô nhiễm môi trường đã để lại hậu quả gì? Nạn ô nhiễm môi trường đã làm cho nhiều người trở thành nạn nhân bất đắc dĩ. Điển hình như “làng ung thư” ở Thạch Sơn ở Phú Thọ, hàng trăm người đã chết vì căn bệnh ung thư mà nguyên nhân chính là do dùng nguồn nước bị ô nhiễm nặng thải ra Nhà máy Hóa chất Lâm Thao, Phú Thọ. Một con số đáng ngại là hàng năm có khoảng 16.000 người ở Việt Nam chết vì các căn bệnh liên quan tới ô nhiễm không khí. Dự báo trong tương lai con số này còn có thể tiếp tục gia tăng. Cạn kiệt tài nguyên sinh vật là một hậu quả khác không thể tránh được của ô nhiễm môi trường. Điều đáng buồn trong thời gian sắp tới Việt Nam có thể sẽ xảy ra tình trạng bị thiếu nước sinh hoạt trầm trọng do lượng nước sạch bị ô nhiễm ngày một nhiều... Lẽ nào chúng ta lại nhắm mắt làm ngơ trước thực trạng ô nhiễm môi trường? Không! Chúng ta không thể làm ngơ mà cần phải tiếp tục công cuộc bảo vệ và làm sạch môi trường bằng những biện pháp tốt hơn, thiết thực hơn nữa! Thứ nhất, phải có các hình thức xử phạt thật nghiêm minh, thật nặng đối với các cá nhân, tổ chức, cơ quan có hành vi phá hoại môi trường, làm ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân. Bên cạnh đó, cũng cần giáo dục ý thức cho người dân qua các hình thức tuyên truyền, cổ động...Đưa những bài viết chi tiết hơn về môi trường trong các sách giáo khoa ngay từ cấp tiểu học, giúp học sinh có thái độ và cái nhìn đúng đắn về môi trường và các hậu quả của việc phá hoại môi trường, từ đó giúp các em biết yêu và bảo vệ môi trường mình đang sống. Một cách khác để giúp bảo vệ môi trường là phát động thường xuyên hơn những phong trào tình nguyện như bảo vệ môi trường khu dân cư, dọn rác ở các khu vực công cộng, làm sạch bãi biển... Tình trạng môi trường ở nước ta tuy nghiêm trọng nhưng vẫn có thể cứu vãn được nếu mỗi người dân chúng ta biết góp sức của mình, chung tay bảo vệ môi trường. Chính vì vậy , chúng ta cần chung tay bảo vệ môi trường và tránh gây ô nhiễm ô nhiễm. Vì tương lai một Việt Nam xanh, sạch, đẹp và vì cuộc sống của chính mình, cũng như của các thế hệ sau! Hãy bảo vệ môi trường để bảo vệ cuộc sống của chính chúng ta.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết bài văn thuyết minh đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”

Người chinh phụ vốn dòng dõi trâm anh quyền quý, nàng tiễn chồng ra trận với mong muốn người chồng sẽ lập công danh nơi yên ngựa và trở về trong cảnh vinh hoa. Thấm nỗi cô đơn lẻ loi, nàng nhận ra tuổi xuân của mình đang đi qua và hạnh phúc lứa đôi ngày càng xa vời. Người chinh phụ rơi vào tâm trạng cô đơn cùng cực. Khúc ngâm thể hiện tâm trạng cô đơn ấy của người chinh phụ. Đoạn trích miêu tả tâm trạng lẻ loi của người chinh phụ trong cảnh chờ chồng. Đầu đời Cảnh Hưng, chiến tranh xảy ra liên miên, hết Lê - Mạc đánh nhau đến Trịnh - Nguyễn kéo dài cuộc phân tranh, đất nước chia làm hai nửa dưới cái ngai vàng mục ruỗng, rồi khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Nhân dân sống trong cảnh nồi da nấu thịt, loạn li chinh chiến, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất thối nát, bộ mặt tàn bạo của chế độ phong kiến và nỗi đau khổ của con người - những nạn nhân của chế độ xã hội ấy. Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm của rất nhiều nho sĩ. Nhiều bản dịch Chinh phụ ngâm ra đời, trong đó bản dịch được cho là của Đoàn Thị Điểm là bản dịch thành công hơn cả vì dịch giả đã gặp được ở đó sự đồng cảm sâu sắc. Hình tượng nổi bật của Chinh phụ ngâm là hình tượng người chinh phụ héo mòn trong trông ngóng chờ đợi. Người chinh phụ hiện lên trong khúc ngâm với ước vọng công hầu và khát khao hạnh phúc lứa đôi. Được nuôi dưỡng trong nền giáo dục Nho gia, người phụ nữ quý tộc phong kiến cũng từng mong ước, tự hào về hình ảnh một người chồng dũng mãnh: Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt Xếp bút nghiên theo việc đao cung Thành liền mong tiễn bệ rồng Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc trời Chí làm trai dậm nghìn da ngựa Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao Thế nhưng sau những ngày mỏi mòn chờ chồng trong tuyệt vọng, nàng rơi vào tâm trạng cô đơn, tuyệt vọng và cất lời oán trách. Qua tâm trạng của người thiếu phụ, khúc ngâm là tiếng nói oán trách chiến tranh phong kiến đã giày xéo lên hạnh phúc lứa đôi. Chinh phụ ngâm là một tác phẩm trữ tình, từ đầu đến cuối tác phẩm vẫn chỉ là tâm trạng của nhân vật trữ tình H người chinh phụ. Khúc ngâm được phát triển theo mạch tâm trạng và nỗi nhớ nhung của người chinh phụ. Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ đã bao quát được những trạng thái tâm

trạng của người chinh phụ. Nội tâm đầy biến động được diễn tả qua những từ ngữ chỉ ngoại hình, tả hành động, tả việc làm của người chinh phụ. Người thiếu phụ trong Khuê oán của Vương Xương Linh vẫn vô tư trang điểm má hồng để lên lầu biếc ngắm cảnh xuân, chỉ khi ngắm màu dương liễu mới bừng tỉnh và nhận ra cảnh ngộ cô đơn của mình; còn người chinh phụ này luôn chìm đắm trong nỗi cô đơn. Sự trông đợi mỏi mòn và vô vọng đã khiến nàng trẻ nãi cả việc điểm phấn tô son, công việc quan trọng nhất của người phụ nữ nơi gác tía lầu son như nàng: Trâm cài xiêm thắt thẹn thùng, Lệch vòng tóc rối, lỏng vòng lưng eo. Nỗi đau buồn của người thiếu phụ trong cảnh đợi chồng đi chiến trận đã khiến nàng mất hết sức lực, như người mộng du trong ngôi nhà của mình: Há như ai hồn say bóng lẩn, Bỗng thơ thơ thần thần như không. Sự chờ đợi vô vọng đã khiến nàng tê liệt cả tinh thần. Với việc miêu tả đáng vẻ bề ngoài, tác giả đã lột tả được trạng thái tâm lí phức tạp trong nội tâm của người thiếu phụ. Người thiếu phụ hiện lên với vẻ mệt mỏi và buồn xuôi, nỗi cô đơn đã giày vò cả tâm thần và thể xác của người thiếu phụ khiến nàng nhạt phách phai hương. Nỗi cô đơn bao trùm cả lên không gian và thời gian, ngày và đêm. Trong và ngoài căn phòng đều tràn ngập nỗi cô đơn. Chỉ có người thiếu phụ đối diện ngọn đèn, tình cảnh lẻ loi càng hiện rõ hơn. Cái vẻ lẻ loi tội nghiệp ấy hiện lên thật rõ ràng với hình ảnh: Đạo hiên vắng thềm gieo từng bước Giữa cái không gian tĩnh mịch của đêm, tiếng bước chân chậm rãi như gieo vào lòng người cái âm thanh lẻ loi cô độc. Pu-skin trên con đường mùa đông vắng vẻ, cô đơn hơn bởi tiếng lục lạc đơn điệu thì người chinh phụ cô đơn hơn khi nghe tiếng bước chân của mình. Nỗi đau đớn âm thầm nhưng quá lớn ấy khiến nàng khao khát có sự đồng cảm. Nhưng chỉ có ngọn đèn đối diện với nàng mà thôi. Liệu ngọn đèn có thấu hiểu được không hay sức nặng của nỗi cô đơn, của sự nhung nhớ lại dồn cả lên nàng. Ngọn đèn chỉ là vật vô tri vô giác, “có biết đường bằng chẳng biết”: Đèn có biết đường bằng chẳng biết, Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi. Buồn rầu nói chẳng nên lời, Hoa đèn kia với bóng người khá thương. Cảnh vật không san sẻ mà cộng hưởng cùng nỗi sầu của người chinh phụ khiến nàng đau càng đau, sầu càng sầu. Nỗi chờ đợi ngày càng vô vọng. Đường như người thiếu phụ thức trắng cả năm canh và bị nỗi nhớ nhung giày vò: Gà eo óc gáy sương năm trống, Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên. Dịch giả đã sử dụng rất hợp lí những từ ngữ thuần Việt với những chữ như “eo óc”, “phất phơ”, những từ ngữ ấy dùng để tả cảnh nhưng đã chuyển tải được nỗi cô độc, buồn sâu của người thiếu phụ. Nó vừa gợi hình ảnh, vừa gợi tâm trạng. Dáng hoe phất qua bên nọ bên kia gợi nên hình ảnh người chinh phụ vật vờ trong

nhớ nhưng giữa đêm khuya lẻ loi. Đêm từng khắc thời gian trôi đi chậm chạp, nhìn xung quanh thì bốn phía chỉ là cây hoè rũ bóng, nàng chìm ngập trong nỗi cô đơn. Khi chờ đợi bao giờ thời gian cũng rất dài. Thuý Kiều trong tâm trạng đợi chờ Kim Trọng: Sầu đông càng lắc càng đầy, Ba thu dọn lại một ngày dài ghê! Giống như tâm trạng người chinh phụ chờ chồng: Khắc giờ đằng đằng như niên, Mỗi sầu dằng dặc tựa miền biển xa. Thời gian cứ dài dằng dặc và không gian thì mênh mông vô tận, người chinh phụ nhỏ bé và đơn độc trước không gian và thời gian. Biết nỗi đợi chờ là vô vọng, nàng đã cố gắng để đưa mình ra khỏi nỗi cô đơn. Gắng gượng điếm phần tô son, dạo đàn nhưng càng cố gắng vùng vẫy càng lún sâu hơn vào sự tuyệt vọng. Chạm đến đâu cũng là chạm vào nỗi đau, cũng nhìn thấy cảnh lẻ loi đơn chiếc. Soi gương thì nước mắt đầm đìa bởi nàng phải đối diện với gương mặt thanh xuân đang mỗi mòn dần và thì xuân sắc đang phũ phàng trôi qua. Khúc đàn loan phượng thì gợi nhớ cảnh chồng vợ chia lìa. Nỗi đau đớn, tủi hờn của người chinh phụ thể hiện nỗi khao khát hạnh phúc lứa đôi chân chính. Với nỗi niềm cảm thông sâu sắc, tác giả và dịch giả đã thể hiện rất tinh tế và thành công những trạng thái tâm lý phức tạp của người thiếu phụ, qua đó thể hiện thái độ của mình trước những cuộc chiến tranh, binh biến liên miên dưới chế độ phong kiến thế kỉ XVIII. Tuy tác phẩm không nói rõ tính chất cuộc chiến tranh mà người chinh phụ tham gia, song dựa trên những điều kiện lịch sử khi tác phẩm ra đời, có thể nhận thấy, đó không phải là cuộc chiến tranh vệ quốc, mà là cuộc chiến giành giật quyền lực của các tập đoàn phong kiến, những cuộc chiến phi nghĩa. Dịch Chinh phụ ngâm, dịch giả đã chọn thể thơ song thất lục bát, một thể thơ dân tộc có khả năng lớn trong việc thể hiện tâm trạng của nhân vật, nhất là tâm trạng buồn đau, sầu muộn. Dịch giả đã dịch rất thanh thoát nội dung của nguyên tác, thể hiện chân thực nỗi buồn của người thiếu phụ phương Đông, mãnh liệt, da diết nhưng kín đáo. Chinh phụ ngâm đã đánh dấu một bước tiến vượt bậc của ngôn ngữ văn học dân tộc. Với tác phẩm này, tiếng Việt đã chứng minh khả năng diễn tả tư tưởng tình cảm một cách sâu sắc, tinh tế. Với tấm lòng thương yêu và sự cảm thông sâu sắc với những khát khao hạnh phúc chính đáng của người thiếu phụ, tác giả và dịch giả cất lên tiếng kêu nhân đạo, tiếng kêu phản đối chiến tranh phi nghĩa. Thái độ phản chiến tuy không bộc lộ trực tiếp song lại rất mạnh mẽ. Chiến tranh đã cướp đi của con người hạnh phúc và tuổi trẻ, thậm chí cả mạng sống. Vì một cuộc chiến, có biết bao người vợ phải xa chồng, phải giam mình trong nỗi cô đơn, buồn tủi như người chinh phụ kia. Có người đón chồng trở về khi tóc đã pha sương, nhưng đó còn là may mắn. Có người đau xót đón tin chồng

không trở về sau những ngày mỗi mòn trông đợi. “Vì ai gây dựng cho nên nỗi này” là lời oán thán nặng nề nhất trong Chinh phụ ngâm, lời ai oán không mạnh mẽ nhưng uất ức và oán trách. Đó là một trong những giá trị của Chinh phụ ngâm. Nhưng cao hơn cả, tác phẩm là sự tiếp nối xuất sắc cảm hứng nhân đạo của nền văn học dân tộc, một lần nữa, những khao khát hạnh phúc chính đáng của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến lại được ủng hộ. Đề tài về thân phận người phụ nữ lại được góp thêm một tiếng nói mới đầy sức mạnh nhân văn.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của anh (chị) về ý chí và nghị lực sống của con người trong xã hội hiện nay

Trong cuộc đời thăng trầm, mỗi người cần phải tự trang bị cho mình những kĩ năng sống nhất định. Trong cuộc sống không phải lúc nào ta cũng được hạnh phúc, sẽ có những lúc ta cần phải có ý chí và nghị lực để vượt qua những khó khăn, thử thách cuộc sống đòi hỏi chúng ta phải vượt qua. Nhưng ta cũng cần phải hiểu rằng những khó khăn thử thách đó chúng ta vẫn có thể vượt qua được nếu chúng ta cố gắng và có đủ nghị lực để vượt qua. Giống như câu nói của Nguyễn Bá Ngọc : “Đường đi khó không khó vì ngăn song cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Câu nói đã mở ra cho ta suy nghĩ về nghị lực sống. Nếu ta xem cuộc đời này là một con đường dài thì những khó khăn thử thách sẽ là những ngọn núi cao, những con sông dài bắt buộc chúng ta phải vượt qua. Nhưng dù cho sông có dài núi có cao thì khi con người có ý chí, nghị lực sống thì chắc chắn sẽ vượt qua được. Ta có thể hiểu nghị lực sống là những cố gắng quyết tâm vượt qua những thử thách trước mắt. Trái lại, khi chúng ta làm một công việc tuy là không khó khăn nhưng với bản chất lo sợ thất bại thì công việc đó sẽ không đi đến thành công. Cũng như câu nói của chủ tịch Hồ Chí Minh: “ Không có việc gì khó, Chỉ sợ lòng không bền Đèo núi và lấp biển Quyết chí ắt làm nên.” Như vậy, ta có thể thấy được câu nói của Nguyễn Thái Học là hoàn toàn đúng. Nghị lực sống là một trong số những con đường nhanh nhất dẫn đến thành công của mọi người. Con đường đời sẽ không làm phụ lòng những người biết vươn lên trong cuộc sống. Người có nghị lực sẽ tìm được con đường đi đến thành công dù là con đường đó là chông gai, khó khăn. Mỗi người sẽ có một con đường đời của riêng mình nhưng điểm chung là tất cả mọi con đường đều có những lúc lên lúc xuống, lúc êm đềm, lúc khó khăn. Chúng ta phải luôn sẵn sàng đối mặt với những gian nan ấy. Tất cả những khó khăn sẽ không là vấn đề to lớn nếu ta bình tĩnh suy nghĩ và có đủ quyết tâm để vượt qua nó. Từ cuộc sống thực tế ta có thể thấy những gia đình khó khăn sau một thời gian làm việc vất vả, cố gắng dành dụm, có nghị lực để vượt qua những gian khổ trước mắt thì sau một thời gian, cuộc sống sẽ mang lại cho họ những thành công. Cũng có thể lấy ví dụ từ trong ghế nhà trường, một học sinh có khả năng tiếp thu bài kém nhưng khi người học sinh ấy có nghị lực để quyết tâm chăm chỉ học tập thì

kết quả sẽ được cải thiện. Như vậy ta thấy được tầm quan trọng của nghị lực sống đối với những ai mún đi đến được thành công. Nhưng trong thực tế không phải ai cũng có đủ nghị lực để vượt qua thử thách. Đó là những con người đáng chê trách. Thất bại không phải là mất tất cả, khi chúng ta thất bại thì phải cố gắng đứng dậy. Chính nghị lực sống sẽ giúp chúng ta đứng dậy. Nhưng ngày nay khi gặp phải thử thách, nhiều người đã chọn cách buông xuôi thay vì cố gắng đứng lên. Một loại người khác trong xã hội ngày nay là chưa làm việc đã sợ thất bại vì những khó khăn mà công việc đặt ra. Đường đời sẽ càng chông gai nếu những ai nghĩ rằng khó khăn sẽ không vượt qua được. chúng ta cứ thử một lần bước qua những thử thách, đối mặt với khó khăn thì chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua được vì nghị lực sẽ làm nên tất cả. Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, mỗi học sinh cần rèn luyện cho mình những kỹ năng sống cần thiết. Đặc biệt là nghị lực sống, cách tốt nhất để vượt qua khó khăn và là một trong những hướng đi nhanh nhất dẫn đến thành công. Bên cạnh đó, gia đình cũng phải tạo điều kiện để mỗi cá nhân đối mặt với những thử thách và va chạm trong cuộc sống. Để mỗi cá nhân tự hoàn thiện mình hơn, rèn luyện được tính tự lập, và ý chí thép để đối mặt với mọi khó khăn. Còn những ai chưa bao giờ đối mặt với khó khăn thì phải tự mình rèn luyện cho mình có một ý thức vươn lên và vượt qua thử thách. Như vậy, trên đường đời đầy gian nan thử thách, mỗi người phải có nghị lực sống để vượt qua tất cả, “nghị lực sống sẽ mở ra cho chúng ta những con đường đi đến thành công!”

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh về đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”

Ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVIII với nguyên tác bằng Hán văn của Đặng Trần Côn, liền sau đó được Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm diễn nôm (dịch thành quốc ngữ) Chinh Phụ Ngâm đã mau chóng đi vào lòng mọi tầng lớp quần chúng. Trải qua hơn hai thế kỉ rưỡi cho đến nay, Chinh Phụ Ngâm luôn giữ nguyên giá trị của một viên ngọc văn chương sáng ngời, một sản phẩm đáng tự hào của xứ sở vốn “nổi tiếng thi thư”. Nguyên tác Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn của Đặng Trần Côn là một tác phẩm văn chương đặc sắc. Không những giới nho sĩ Việt Nam mà cả các bậc văn nhân Trung Hoa, đều yêu thích và khâm phục tác phẩm này. Bằng văn tài xuất sắc, Đặng Trần Côn sử dụng thể thơ tự do như “cổ phong” trong “Nhạc phủ” hoặc thể “tù” mà Khuất Nguyên và Lí Bạch từng sử dụng, để viết nên một tác phẩm trữ tình hiếm có, mô tả tâm sự sâu xa của một thiếu phụ vắng chồng. Văn chương trong Chinh Phụ Ngâm vô cùng diễm lệ, chứa chan tình cảm, uyển chuyển và đầy nhạc điệu. Trong số thi phẩm Hán văn của nền văn học nước ta, hiếm có tác phẩm sánh ngang được với Chinh Phụ Ngâm. Với Chinh Phụ Ngâm bằng quốc ngữ, xưa nay nhiều bậc thức giả uyên bác đã phân tích và đánh giá về nhiều phương diện. Vậy mà ngày nay những khám phá mới mẻ và sâu sắc hơn vẫn tiếp tục ra đời. Điều đó chứng tỏ Chinh Phụ Ngâm súc tích biết chừng nào về giá trị nội dung lẫn giá trị nghệ thuật. Thời Lê mạt (Cảnh Hưng) - Chúa Trịnh (Trịnh Giang, Trịnh Doanh) là một thời kì nhiễu nhương và thối nát. Bọn vua chúa hoang dâm, ích kỉ và tàn bạo đã đẩy dân chúng vào cảnh lầm than, điêu đứng. “Thượng bất chính hạ tắc loạn”. Đất nước chìm đắm triền miên trong cảnh loạn lạc, máu lửa và binh đao. Hàng ngàn vạn gia đình phải rơi vào tình cảnh chia li tan tác, tạo nên số phận bi thảm của những chinh phu và chinh phụ. Nỗi đau thương tưởng chừng thấu tới tận trời xanh. Chinh Phụ Ngâm ra đời như tiếng than van thống thiết của con người, của tình yêu đôi lứa, của gia đình trong cái thời đại đen tối ấy. Trước hết, bằng sự bóc trần thực trạng đời sống - nhất là đời sống nội tâm tràn ngập sầu đau - của người chinh phụ, tác phẩm nêu lên một luận đề hết sức quan trọng của xã hội: Chiến tranh và Hoà Bình. Thuở trời đất nổi cơn gió bụi Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên. Chỉ hai câu thơ đủ cho ta thấy: Một khi chiến tranh xảy ra thì

con người nói chung, và đặc biệt là người phụ nữ, lập tức bị đẩy vào nghịch cảnh, vào nỗi khổ đau vô tận. Chiến tranh mà Chinh Phụ Ngâm đề cập chỉ là chiến tranh mưu bá đồ vương, bảo vệ ngai vàng của bọn vua chúa phong kiến. Cách nhìn chiến tranh như vậy chứng tỏ tác giả Chinh Phụ Ngâm đã đứng vững như bàn thạch trên một lập trường duy nhất: Lập trường của chủ nghĩa nhân bản. Bằng lập trường tiến bộ đó, tác giả vạch trần mâu thuẫn giữa quyền lợi của quần chúng nhân dân với quyền lợi ích kỉ của bọn vua chúa. Khi người chinh phụ vắng chồng phải sống những tháng năm đằng đẳng trong đau khổ, còn người chinh phu ngoài chiến địa bị đẩy vào cảnh chết chóc: Non kì quạnh quẽ trăng treo Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò Hồn tử sĩ gió ù ù thổi Mặt chinh phu trăng dôi dôi soi thì ở chốn triều đình bọn vua chúa chẳng biết đấy là đâu: Trên trướng gấm thêu hay chẳng nhẽ? Câu thơ “Mặt chinh phu ai vẽ cho nên” đã tố cáo thẳng thừng kẻ thủ phạm tạo ra tấn bi kịch của chinh phu và chinh phụ: Đó chính là bọn vua chúa. Vạch trần bộ mặt hắc ám của chiến tranh, Chinh Phụ Ngâm đồng thời diễn tả giấc mộng mê mị của chinh phụ: Giấc mộng đoàn viên. Liên ngâm đôi ẩm đòi phen Cùng chàng lại kết mối duyên đến già Cho bỏ lúc sâu xa cách nhớ Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình Giấc mộng đoàn viên của chinh phụ phản ánh khát vọng hoà bình của nhân dân ta trong thế kỉ XVIII loạn lạc và tang tóc. Rõ ràng Chinh Phụ Ngâm muốn khẳng định chân lí: Hoà bình là điều kiện tiên quyết của hạnh phúc con người và hạnh phúc lứa đôi. Với lập trường nhân đạo sâu sắc triệt để, Chinh Phụ Ngâm đi vào chiều sâu thăm thẳm của tâm hồn một phụ nữ phương Đông và khắc hoạ nên một bức tranh về thế giới tâm hồn kì diệu ấy. Không một ai không cảm thán trước vẻ đẹp vô ngần về tình cảm, sự thuần khiết và cao quý về đức hạnh, sự mẫn tuệ và sự khả ái của nàng. Vẻ đẹp tuyệt vời của tâm hồn người con gái Việt Nam chúng ta đã gặp trong ca dao, dân ca, truyện nôm khuyết danh. ở Chinh Phụ Ngâm, chúng ta gặp lại vẻ đẹp ấy nhưng đã được nâng cao hơn một bậc đáng kể nhờ sự gia công của văn chương bác học. Chinh phụ tuy không tách rời hẳn cuộc sống của người bình dân: Con thơ măng sữa và đương phù trì. Lòng lão thân buồn khi tựa cửa Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm... nhưng nàng có phong cách quý phái của giới thượng lưu; Trâm cài xiêm thắt thẹn thùng hoặc: Đạo hiên vắng thăm gieo từng bước hoặc: Mượn hoa mượn rượu giải buồn... Ở đẳng cấp trên, lại có học vấn - như bản thân Hồng Hà nữ sĩ - tâm hồn chinh phụ dồi dào hơn, sâu và cao hơn, cả về tư tưởng lẫn tình cảm so với người phụ nữ bình dân. Đó chính là một nguồn suối tâm tư đầy ắp sản sinh ra thiên trường thi trữ tình Chinh Phụ Ngâm. Lần theo dòng suy nghĩ của chinh phụ,

chúng ta không thể không thán phục khối óc mẫn tuệ cũng như sự nhạy cảm của trái tim nàng. Vượt trên những giáo điều phong kiến - những thứ lí luận xám xịt - nàng đặt một câu hỏi hết sức nhân bản: Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ. Chàng há từng học lũ vương tôn Cớ sao cách trở nước non. Khiến người thoi sớm thì hôm những sâu? Nàng hối hận vì có lúc nàng đã quá đại khờ: Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương liễu. Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong. Và nàng đã khẳng định cái triết lí hạnh phúc “Tất cả ở đây, tất cả lúc này”: Ấy loại vật tình duyên còn thế. Sao kiếp người nỡ để đây đây? Và: Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy. Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau. Thiếp xin chàng chớ bạc đầu. Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung! Thiết tưởng những tư duy đầy nhân bản ấy của chinh phụ có thể làm cho các nhà nhân văn thời Phục Hưng và thời Khai Sáng ở phương Tây phải thán phục! Người chinh phụ là hình tượng cổ điển cao quý, tiêu biểu cho phẩm chất của phụ nữ Việt Nam mọi thời đại. Tình yêu của nàng với chồng không gì sánh nổi. Mặc dù sống cách đây hai thế kỉ rưỡi, hình như nàng đã tìm thấy tình yêu đích thực, song phương và hạnh phúc: Trang phong lưu đang chừng niên thiếu. Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên. Toàn bộ bản trường ca là nỗi nhớ nhung, lo âu mong đợi, thương xót và khát khao, khiến biết bao thế hệ con người đã phải rơi lệ! Tuy sống trong nghịch cảnh nhưng cách ứng xử của nàng tỏ ra hơn hẳn những người đàn bà tầm thường như vợ Tô Tần ngày xưa: Thiếp chẳng đại như người Tô phụ. Chàng hỡi không như lũ Lạc Dương Khi về đeo quả ấn vàng. Trên khung cửu dăm dây duông làm cao. Xin vì chàng xếp bào cởi giáp. Xin vì chàng rũ lớp phong sương, Vì chàng tay chuốc chén vàng, Vì chàng điểm phấn đeo hương nào nùng! Chinh phụ ngâm - cuốn nhật kí tâm hồn của một người chinh phụ - đã cho chúng ta thấy tầm vóc cao đẹp về tình cảm, đức hạnh và trí tuệ của người phụ nữ Việt Nam thế kỉ XVIII, không hề thua kém nàng Pénélope của Hy Lạp cổ đại trong tác phẩm ODYSSE bất hủ của Homère. So với nàng - con người giữ được nhiều tính chất thiên chân - thì hình ảnh người chinh phụ có phần mờ nhạt. Hình như trong đầu óc kẻ chinh phu phong kiến này đầy dẫy những giáo điều chết cứng. Chàng lao vào chiến tranh như một cái máy: Múa gươm rượu tiễn chưa tàn. Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo, Chàng không ý thức được thực chất hành động xả thân của mình và chàng còn bị mù quáng bởi những bả vinh hoa: Non Yên tạc đá đề danh... Chính vì lẽ đó, kẻ nhìn rõ mặt trái của chiến tranh chính là người chinh phụ, chứ không phải là chinh phu, kẻ trực tiếp dấn thân “vào nơi gió cát”. Tuy nhiên lòng yêu chồng đã lấn át và bao trùm tất cả. Chinh phụ không một lời oán trách chồng. Phải chăng điều đó cho chúng ta thấy một nét

đẹp khác: đó là sự nhu thuận trong tính cách của nàng? Về nghệ thuật, Chinh phụ ngâm là tác phẩm tiếng Việt ưu tú vào bậc nhất của văn học Việt Nam. Với Chinh phụ ngâm, ngôn ngữ văn học dân tộc đã được nâng tới trình độ tốt đỉnh. Mỗi câu thơ đều được tạo thành bởi những từ ngữ tinh xác, được gọt giũa công phu bởi một văn tài lớn. Những câu thơ đầy hình ảnh: Áo chàng đỏ tựa ráng pha Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in. Những câu thơ tả cảnh chiến địa thê lương: Non Kì quanh quẽ trắng treo Bến Phì gió thổi đều hiu mấy gò Hồn tử sĩ gió ù ù thổi Mặt chinh phu trắng dôi dôi soi. Cảnh thiên nhiên sâu thẳm: Sương như búa bổ mòn gốc liễu Nước dường cửa xẻ héo cành ngô Giọt sương phủ bụi chim gù Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi. Những câu thơ tả “hình dong” người chinh phụ sầu não: Trâm cài xiêm thắt thẹn thùng Lệch làn tóc rối lỏng vòng lưng co. Và trên tất cả là những câu thơ tả tình, tả mọi trạng thái tâm lí: - Đưa chàng lòng dặc dặc buồn - Hương gượng đốt hồn đà mê mải Gương gượng soi lệ lại chứa chan Sắt cầm gượng gẩy ngón đàn Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng. Ngôn ngữ Việt Nam vốn giàu sức biểu hiện, giàu hình dung từ tinh tế, đã được vận dụng vào trong tác phẩm một cách tài tình: - Thét roi cầu vị ào ào gió thu - Lá cờ bay ngùi ngùi - Gà co óc gáy sương - Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa - Bến Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòn Đồi khi Chinh phụ ngâm dùng ngoa ngữ. Đó là dấu hiệu cho thấy ngôn ngữ thơ đã vượt tới một tầm cao, bắt đầu phát huy tính chất “cuồng phóng” vốn ít có trong văn chương “khuôn phép” thời xưa: - Gõ senh ngọc mấy hồi không tiếng Ôm đàn tranh mấy phím rời tay - Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt Trống tiêu khua như rút buồng gan Võ vàng đối khác dung nhan... Chinh phụ ngâm sử dụng thể thơ đặc thù của dân tộc, đã có sẵn trong nền văn học dân gian: đó là thể song thất lục bát, giàu nhạc điệu hơn thể thơ lục bát bởi hai vần trắc ở hai câu 7. Thể thơ này tỏ ra thích hợp cho những tác phẩm trữ tình, như “Cung oán ngâm khúc” của Nguyễn Gia Thiều, “Ai tư vãn” của Lê Ngọc Hân, “Tự tình khúc” của Cao Bá Nhạ, “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến... Một tác phẩm văn chương bác học, được sáng tạo bởi một thể thơ thuần túy dân tộc: Đó là bằng chứng hùng hồn cho thấy tiềm năng to lớn của tiếng Việt. Đồng thời chính điều đó đã khiến Chinh phụ ngâm trở nên ưu việt, được quảng đại quần chúng tiếp nhận, tán thưởng và truyền tụng suốt từ đời nọ đến đời kia. Chinh phụ ngâm chuyển hoá một cách tài tình những điển cố và những câu thơ của văn học Trung Hoa sang tiếng Việt, làm giàu cho kho từ vựng ngôn ngữ văn học nước nhà: Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại, Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương Cây Hàm Dương

cách Tiêu Tương mấy trùng. - Chàng ruỗi ngựa dặm ngàn mây phủ Thiếp dạo
hài lối cũ rêu in... (phỏng thơ Lí Bạch) - Lúc ngoảnh lại ngẫm màu dương
liễu Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong (Phỏng thơ Vương Xương
Linh) Chinh phụ ngâm còn sử dụng nhạc điệu vô cùng điệu nghệ khiến cho
tác phẩm từ lúc ra đời đến nay dường như không phải để đọc mà là để ca, để
ngâm ngợi ... Với “AIR” giai điệu hoà thanh trầm sâu và da diết, có đổi thay
theo từng trạng thái tâm hồn, ca khúc Chinh phụ ngâm đã làm say mê biết
bao thế hệ con người... Vì những lí do đã nêu trên, Chinh phụ ngâm đã trở
thành kiệt tác thi ca, và bản diễn nôm của Hồng Hà nữ sĩ được đánh giá là
hay hơn cả nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của bạn về ý chí và nghị lực sống của con người trong xã hội hiện nay

1. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề 2. Thân bài: (1) Giải thích - Ý chí là gì? Ý chí: Là khả năng tự xác định mục đích cho hành động và hướng hoạt động của mình, khắc phục mọi khó khăn nhằm đạt mục đích đó.(Sức mạnh của ý chí,. Ý chí sắt đá.Ý chí phấn đấu,...) - Nghị lực: Sức mạnh tinh thần tạo cho con người sự kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước những khó khăn.(Giàu nghị lực, một nghị lực phi thường) - Trong cuộc sống, con người không thể sống tốt nếu không có ý chí nghị lực (2) Bình luận - Biểu hiện của ý chí và nghị lực - Vai trò. ý nghĩa của nghị lực trong cuộc sống - Mối liên hệ giữa ý chí và nghị lực - chứng minh trong một số tác phẩm văn học và thực tế cuộc sống Ví dụ: Tác phẩm Rô-bin-xơn-ngoài đảo hoang nói về nghị lực sống của một con người giữa đảo hoang mênh mông Câu nói của Nguyễn Bá Ngọc: “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Cũng như câu nói của chủ tịch Hồ Chí Minh : “ Không có việc gì khó, Chỉ sợ lòng không bền Đèo núi và lấp biển Quyết chí ắt làm nên.” (3) Bài học nhận thức và hành động - Ý chí và nghị lực đóng một vai trò cực kì quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người\ - Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, mỗi học sinh cần rèn luyện cho mình những kĩ năng sống cần thiết. Đặc biệt là nghị lực sống, cách tốt nhất để vượt qua khó khăn và là một trong những hướng đi nhanh nhất dẫn đến thành công. - Bên cạnh đó, gia đình cũng phải tạo điều kiện để mỗi cá nhân đối mặt với những thử thách và va chạm trong cuộc sống. Để mỗi cá nhân tự hoàn thiện mình hơn, rèn luyện được tính tự lập, và ý chí thép để đối mặt với mọi khó khăn. - Còn những ai chưa bao giờ đối mặt với khó khăn thì phải tự mình rèn luyện cho mình có một ý thức vươn lên và vượt qua thử thách. 3. Kết bài: Khẳng định vấn đề

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”

Đặng Trần Côn là người làng Mọc, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Hiện chưa rõ năm sinh, năm mất của ông, chỉ biết ông là một danh sĩ nổi tiếng hiếu học, tài ba sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Cảm xúc trước hiện thực những cuộc chiến tranh do giai cấp phong kiến đương thời tiến hành chém giết lẫn nhau để tranh giành địa vị hoặc đàn áp những cuộc khởi nghĩa của nông dân, Đặng Trần Côn đã sáng tác “Chinh Phụ Ngâm” để nói lên những khổ đau, mất mát của con người, nhất là tình cảnh người vợ lính trong chiến tranh. Nhiều người đã diễn Nôm Chinh phụ ngâm, song chỉ bản diễn Nôm Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm vượt qua giới hạn của bản dịch để trở thành sự đồng sáng tạo tuyệt vời. Dịch giả đã dùng thể thơ song thất lục bát, một thể thơ do người Việt sáng tạo để miêu tả những diễn biến tâm trạng người chinh phụ có chồng đi chinh chiến. Trong đó đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” đã nói lên tình cảnh và tâm trạng người chinh phụ cô đơn, buồn khổ trong thời gian chồng ngoài chiến trận, không có tin tức, không rõ ngày trở về, đồng thời thể hiện ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. Tám câu thơ đầu diễn tả nỗi bồn chồn của người chinh phụ trong cảnh lẻ loi. Không gian hết sức vắng lặng, hiu hắt, chỉ có bước chân của người lẻ bóng thềm gieo trên hiên vắng. người chinh phụ đứng ngồi không yên, hết rũ rèm rồi lại cuốn rèm, đi đi lại lại như chờ mong tin lành báo chồng trở về, nhưng tin tức về người chồng vẫn bất vô âm tín. Nỗi thất vọng tràn trề. Ở ngoài hiên hay ở trong phòng, nàng vẫn lẻ loi, cô đơn hết sức. Mong con chim thước cất lên tiếng kêu, nhưng đến cả tiếng chim của sự mong mỏi cũng im vắng. Đêm khuya, một mình một bóng dưới ánh đèn, người chinh phụ khao khát sự đồng cảm, sẻ chia, nàng hi vọng ngọn đèn thấu hiểu và soi tỏ lòng mình. Nhưng đèn vô tri, vô cảm, đèn không thể an ủi, sẻ chia cùng người nỗi buồn đau cô lẻ. “Đèn có biết dường bằng chẳng biết Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi” Bốn câu thơ tiếp theo từ nỗi khát khao đồng cảm chuyển sang thời gian chờ đợi dài vô cùng như không gian mênh mông vô tận. Tiếng “gà eo óc gáy sương năm trống” vừa diễn tả sự trôi chảy của thời gian, vừa diễn tả sự giày vò của lòng người. Biết bao đêm một mình một bóng, một ngọn đèn thao thức năm trống canh, nghe tiếng “gà eo óc gáy sương”, lòng thổn thức mong chờ. Tuổi trẻ

dần phôi pha theo thời gian. Bóng cây hoè lặng lẽ im lìm trong đêm gợi thêm cảm giác hoang vắng. Thời gian tâm lý được nhân lên gấp bội: “Khắc giờ đằng đằng như niên”, và mối sầu trong lòng người lẻ loi, cô đơn trải ra trong một không gian vô tận: “Mối sầu đằng đặc tựa miền biển xa”. Bốn dòng thơ có bốn từ láy được chia đều, một từ gợi âm thanh, gợi lên sự giãy vò trong tâm trạng (eo óc); một từ gợi cảm giác hoang vắng (phất phơ); một từ gợi thời gian tâm lý (đằng đằng); một từ gợi không gian vô tận, nỗi sầu vô tận (đằng đặc), đồng thời gợi âm điệu sâu nào bình yên. Bốn câu thơ tiếp theo diễn tả những gằng gượng của người chinh phụ để mong thoát khỏi vòng vây của cảm giác lẻ loi, cô đơn, nhưng không thoát nổi. người chinh phụ gượng soi gương để trang điểm, nhưng nhìn thấy gương mặt mình, người chinh phụ lại không cầm nổi nước mắt. Đau đớn nhất là khi: “Sắt cầm gượng gảy ngón đàn, Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng” Đàn cầm, đàn sắt thường hoà âm với nhau ví như cảnh vợ chồng đoàn tụ, hoà thuận, ấm êm. Dây đàn uyên ương gợi lên biểu tượng lứa đôi gắn bó, hoà hợp như đôi chim uyên ương. Những biểu tượng ấy càng khơi sâu nỗi sầu cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ. Ba từ “gượng” diễn tả cảm giác vô duyên, trở trêu, xót xa trước cảnh ngộ. Dây đàn “đứt” và “chùng” đều là dấu hiệu về điềm gở. Nỗi kinh hãi, ngại ngùng của người chinh phụ khi “gượng gảy ngón đàn” trở thành một mặc cảm về sự lẻ loi, cô đơn trọn kiếp của cô phụ. Tám câu thơ cuối thể hiện nỗi khao khát gửi tình thương nhớ sâu nặng của người chinh phụ đến chồng, nhưng trong nỗi khao khát ấy đã chứa sẵn mầm tuyệt vọng. Làn gió đông yếu ớt kia không đủ sức mang nỗi lòng thương nhớ “nghìn vàng” của nàng đến tận non Yên xa thăm. Nỗi nhớ thương càng trở nên thăm thẳm, không thể cân đo đong đếm được. Nỗi niềm ấy chìm vào lạnh lẽo với hình ảnh sương gió, mưa, tiếng côn trùng. Tất cả đều sự gợi cô đơn, buồn nhớ. Chinh phụ ngâm thể hiện nỗi đau khổ của người chinh phụ phải sống trong cảnh lẻ loi, cô đơn. Đoạn trích có ý nghĩa đề cao hạnh phúc lứa đôi của tuổi trẻ và phản kháng chiến tranh phi nghĩa. Tiếng nói nhân đạo của Chinh phụ ngâm hoà vào với tiếng nói nhân đạo của văn học thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX có ý nghĩa khẳng định truyền thống quý báu của văn học dân tộc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của em về vấn đề tôn sư trọng đạo trong xã hội hiện nay

I Mở bài: Một trong những truyền thống tốt đẹp nhất của người Việt Nam là “Tôn sư trọng đạo”. Đó là đạo lí của những người học trò mà chúng ta cần phải trân trọng, giữ gìn và phát huy. Trong xã hội ngày nay truyền thống ấy được nhận thức, thực hành như thế nào chúng ta hãy cùng bàn luận. II Thân bài: 1. Giải thích. Tôn sư: (tôn: là tôn trọng, kính trọng và đề cao; sư: là thầy dạy học, dạy người, dạy chữ). Vậy tôn sư là người học trò thì phải biết tôn trọng, kính trọng và đề cao vai trò của người thầy trong quá trình học tập và trong cuộc sống. Trọng đạo: (trọng: coi trọng, tôn trọng; đạo: đạo lí, con đường làm người, đạo đức, đạo lí truyền thống tốt đẹp của con người): Vậy trọng đạo: là người học trò phải biết tôn trọng, lễ phép, kính trọng người thầy, vì người thầy đã giảng dạy, truyền dạy cho chúng ta biết thế nào là đạo nghĩa, đạo đức, đạo học làm người và những tri thức khác về mọi mặt của đời sống tự nhiên, đời sống xã hội,... 2. Phân tích, chứng minh, bình luận. a. Phân tích. “Tôn sư trọng đạo” chính là một truyền thống tốt đẹp của đạo học Việt Nam, truyền thống này có từ lâu đời khi có nhu cầu truyền dạy và học tập của con người. Đề cao vai trò, tầm quan trọng của người thầy chúng ta còn biết đến những câu thành ngữ, tục ngữ, những câu nói dân gian “Trọng thầy mới được làm thầy” - có nghĩa là: nếu không tôn trọng thầy và đạo học của thầy thì không thể làm thầy thiên hạ được. Vì muốn làm thầy thì trước hết phải làm học trò. Một người học trò khi trở thành bậc thầy thì đã có biết bao người thầy đã truyền thụ kiến thức về mọi mặt – tức là làm học trò của nhiều người thầy thì sau mới có thể làm thầy giỏi được. Vậy nên, vì những lẽ trên, cha ông ta đã đúc gọt trong câu: “Tôn sư trọng đạo” là rất chính xác, ngắn gọn, đầy đủ ý nghĩa về vai trò, tầm quan trọng của việc tôn trọng người thầy, tôn trọng đạo học. b. Chứng minh. Lấy chính kinh nghiệm của bản thân mình. Bằng những hiểu biết về vấn đề này: Chúng ta luôn tự hào với truyền thống và phẩm chất cao đẹp của các bậc thầy xưa, các thầy lớp trước mà danh tiếng lưu truyền mãi mãi. Như thầy Lê Văn Hưu, thầy Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh đời nhà Trần, thầy Trần Ích Phát đời nhà Lê, thầy Nguyễn Bình Khiêm đời nhà Mạc. Thế kỷ XIX có thầy Cao Bá Quát, thầy Nguyễn Đình Chiểu lấy việc dạy người cao hơn dạy chữ. Đầu thế kỷ XX có thầy Nguyễn

Thức Tự đã dạy dỗ học trò hầu hết thành đạt trở thành những chí sĩ yêu nước như cụ Phan Bội Châu, Ngô Đức kế, Đặng Thái Thân, Lê Văn Hân,... Chúng ta quên sao được thầy giáo Nguyễn Tất Thành người đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, cùng với các học trò xuất sắc như: Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đã làm rạng rỡ non sông đất nước ta. III. Kết luận. Khẳng định sự đúng đắn, ý nghĩa, giá trị giáo dục, vai trò, tầm quan trọng và những tác động tích cực của câu thành ngữ “Tôn sư trọng đạo”. Bài học bản thân.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích 12 câu thơ đầu đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”

Thân phận người phu nữ luôn là đề tài muôn thừa trong các tác phẩm văn học Việt Nam. Nếu “Truyện kiều” của Nguyễn Du là lời than về số phận bạc mệnh của Kiều thì “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn lại là nỗi sầu của người chinh phụ khi phải xa chồng trong thời kì chiến tranh loạn lạc. với bản diễn nôm rất thành công của Đoàn Thị Điểm “Chinh phụ ngâm” đã trở thành một trong những tác phẩm tiêu biểu của nền văn học trung đại Việt Nam. Đọc tác phẩm này, nhất là đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”, chắc chắn không ai có thể quên được 12 câu đầu của đoạn trích với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình vô cùng đặc sắc. Đoạn thơ đã diễn tả nỗi cô đơn buồn tủi trong cảnh khắc khoải chờ chồng của người chinh phụ một cách sâu sắc. “Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước, Mỗi sầu dặng dặc tựa miền biển xa” Đoạn thơ đã mở ra trước mắt người đọc một không gian chật hẹp, nơi thêm hiên vắng lặng, nơi mà người chinh phụ đang cố gắng vượt qua sự cô đơn trống vắng khi người chồng đã đi xa. Bằng cách sử dụng điêu luyện nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, Đặng Trần Côn đã vẽ nên bức tranh tâm trạng đầy xúc động, thể hiện nỗi sầu của người chinh phụ cũng như bút pháp tinh tế của ông trong việc miêu tả nội tâm nhân vật. Đúng như nhan đề của tác phẩm, đoạn thơ là tâm trạng cô đơn trống vắng của người chinh phụ. Sau khi tiễn chồng ra trận nàng trở về trong nỗi chờ mong khắc khoải : “Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen” Trong đêm thanh vắng quạnh hiu này, chỉ có tiếng bước chân của nàng, một mình đối diện với chính mình. Bước chân ấy đi đi lại lại trên hiên nhưng có lẽ tâm trí nàng đang chìm đắm trong miên man. Mỗi bước chân là một nỗi nhớ, mỗi bước chân là một nỗi lo, tất cả đang làm cho tâm trạng nàng nặng trĩu lo âu và thương nhớ người chồng đang chinh chiến ở ải xa. Người chinh phụ hết đi đi lại lại, rồi lại buông rèm, cuốn rèm không biết bao nhiêu lần...Đây là những động tác, cử chỉ và hành động được lặp lại nhiều lần mà không hề có mục đích của người chinh phụ. Phải chăng nó chỉ để biểu lộ tâm trạng cô đơn lẻ loi của nàng mà không biết san sẻ cùng ai : “Ngoài rèm thước chẳng mách tin Trong rèm dường đã có đèn biết chăng Đèn có biết dường bằng chẳng biết Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi” Nếu như ở câu trước người chinh phụ

“ngồi rèm thưa” để ngóng đợi tin chồng, thì ở câu thơ này người chinh phụ ngóng con chim thước-mong được bao tin lành nhưng chẳng thấy. Nàng lại quay về với không gian chật hẹp của căn phòng, nơi mà nàng đối diện với bóng mình, đối diện với người bạn đèn. Nhưng thật chớ trêu, đèn dù sao chỉ là một vật vô tri vô giác, có biết cũng như không. Câu hỏi tu từ “Đèn có biết.. chẳng biết” là một lời than thở, là nỗi khắc khoải chờ đợi và hi vọng trong nàng day dứt không yên. Tâm trạng của người chinh phụ đã chuyển giọng tự nhiên từ lời kể bên ngoài thành lời tự độc thoại nội tâm, da diết, dằn vặt và ngậm ngùi. Nàng quả là một người đáng thương! Hình ảnh ngọn đèn hoa đèn cùng với hình ảnh cái bóng trên tường gợi cho người đọc nhớ đến những ngọn đèn không tắt trong nỗi nhớ của người thiếu nữ trong bài ca dao quen thuộc: “Đèn thương nhớ ai Mà đèn chẳng tắt Mắt thương nhớ ai Mắt ngủ không yên” Trong đêm vắng chỉ có ngọn đèn có ánh sáng, nó càng làm nổi bật đêm tối mênh mang và nỗi cô đơn dường như nhân lên gấp bội trong lòng người thiếu phụ. Với bốn câu thơ tiếp theo, nhà thơ đã khéo léo dùng thời gian của thiên nhiên, con người để diễn tả tâm trạng khắc khoải chờ của người chinh phụ: “Gà eo óc gáy sương năm trống Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa” Tiếng gà eo óc, tiếng trống canh là báo hiệu của canh năm, báo hiệu rằng người vợ trẻ xa chồng đã thao thức suốt đêm, mong chờ mòn mỏi. Tiếng gà, bóng hờ ử rữ càng làm làm cho cảnh vật nơi đây thêm sự vắng vẻ, cô quạnh hoang vắng và đáng sợ. Người phụ nữ như chìm đắm vào trong đêm tối mênh mông, trong lo âu chờ đợi. Cùng với thời gian là không gian mênh mông vô tận như khắc sâu tô đậm nỗi sầu héo của người chinh phụ. Chỉ có một ‘khắc giờ’ mà “dằng dằng” như cả một năm. Và mối sầu được trải ra không gian của “miền biển xa”. Tất cả được đo bằng thời gian vô định, không gian vô cùng. Đây là thời gian và không gian của tâm trạng. Phải chăng, nàng luyến tiếc vì tuổi trẻ trôi đi vô ích khi không có chồng ở bên. Những ngày tháng bên chồng đối với người chinh phụ là một quá khứ tươi đẹp nhưng lại thật gần gũi chóng vánh. Những từ láy “dằng dằng”, “dằng dặc” lại càng tạo nên âm điệu buồn thương, ngân xa như tiếng thở dài của người thiếu phụ tựa cửa chờ chồng. Tóm lại, với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình điêu luyện, cảnh mang hồn người cảnh và tình hòa hợp sống động, Đặng Trần Côn đã khắc họa nên hình ảnh người thiếu phụ đang cố gắng thoát khỏi nỗi cô đơn trống trải trong thương nhớ, mỏi mòn mà không biết chia sẻ cùng ai. Đoạn thơ nói về tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cũng như toàn bộ tác phẩm “Chinh phụ ngâm” là tiếng kêu thương của người chinh phụ chờ chồng, nhớ thương chồng chinh chiến

nơi ải xa. Cuộc chiến tranh phi nghĩa đã đẩy bao chàng trai ra trận và bao nhiều số phận người phụ nữ phải héo hon chờ chồng. Phản ánh hiện thực xã hội này, Đặng Trần Côn đã khẳng định giá trị nhân văn cao cả của tác phẩm cũng như thái độ cảm thông chia sẻ của tác giả đối với nỗi đau của người phụ nữ thời phong kiến. Đúng như Nguyễn Du đã từng viết: “Thương thay thân phận đàn bà Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của bạn về vấn đề cảm ơn xin lỗi trong xã hội hiện nay

Có hai câu rất ngắn gọn nhưng con người ta lại thường hay quên nói khi được ai đó giúp đỡ hay khi mắc lỗi với người khác, đó là ” cảm ơn” và ” xin lỗi”. Bạn cảm thấy thế nào khi giúp đỡ một người và nhận được lời cảm ơn từ họ? Hạnh phúc, vui sướng và thấy mình sống có ích hơn, người với người thân thiện hơn,..? Bạn cảm thấy thế nào khi ai đó mắc lỗi với bạn mà lại không hề nói lời xin lỗi? Thất vọng, bực tức, ầm ứ, thấy con người thật không biết điều...? Không phải lúc nào chúng ta giúp đỡ người khác cũng vì một lời cảm ơn hay tha thứ, bỏ qua cho người khác chỉ vì một lời xin lỗi mà chúng ta làm những điều đó vì nó đáng làm và nên làm. Thế nhưng một lời cảm ơn sẽ gắn kết con người với nhau hơn, một lời xin lỗi sẽ giúp mọi bực tức qua đi nhanh chóng hơn, Khiến con người vị tha hơn, giúp những vết rạn tình cảm nhanh chóng được hàn gắn hơn. Vậy tại sao chúng ta lại cảm thấy khó khăn đến vậy khi nói hai câu này hay chúng ta lại thường quên đi việc cần phải nói nó trong cuộc sống? Có phải khi nói cảm ơn một người khác bạn có cảm giác mình mang ơn họ, cảm thấy nặng nề khi nghĩ đến việc phải trả ơn? Còn khi phải nói xin lỗi bạn lại cảm thấy đang hạ mình xuống, mình là người có lỗi? Không phải như vậy đâu. đừng để những cảm giác, suy nghĩ lệch lạc ấy làm cho con người chúng ta trở nên ích kỷ, hẹp hòi và thậm chí là thiếu văn hoá. Một lời xin lỗi và cảm ơn đúng lúc có ý nghĩa to lớn biết bao. Một tình bạn đẹp có thể tan vỡ chỉ vì cả 2 bên không ai chịu nói lời xin lỗi, một người có thể chạnh lòng khi không nhận được lời cảm ơn... Có hàng ngàn lý do để chúng ta nói lời cảm ơn và xin lỗi và hãy nói nó bất cứ khi nào có cơ hội và đừng để phải hối tiếc, ân hận vì đã không nói 2 câu này. ” Lời nói chẳng mất tiền mua Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” Câu nói của cha ông luôn nhắc nhở chúng ta cách đối nhân xử thế. Mỗi chúng ta chỉ cần độ lượng hơn, bớt ích kỷ hơn biết đặt mình vào vị trí của người khác và suy nghĩ thoáng hơn thì cuộc sống này sẽ tốt đẹp hơn biết bao nhiêu. Và để làm được điều đó chúng ta cần học cách nói hai câu “cảm ơn” và “xin lỗi” đúng lúc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Bàn về cách nhìn, thái độ sống của mỗi người trong cuộc đời

Gợi ý: Tinh thần lạc quan là một phẩm chất đẹp và đó là yếu tố thúc đẩy cho cuộc sống của chúng ta tốt đẹp hơn, những điều đó chỉ xuất phát từ tinh thần lạc quan của chúng ta. - Lạc quan là một thái độ sống vô cùng quan trọng góp phần tạo nên một cuộc sống tốt đẹp đối với tất cả mọi người + Góp phần tạo nên một cuộc sống tốt đẹp cho bản thân chúng ta mà những điều đó tạo nên một cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa hơn, luôn tin tưởng vào cuộc sống và có thái độ lạc quan tin tưởng vào con đường phía trước chúng ta sẽ có cuộc sống tốt đẹp và có ý nghĩa hơn, - Tinh thần lạc quan xuất phát từ thái độ sống của con người chúng ta cần phải có một thái độ sống đúng, à một thái độ sống tích cực luôn tin tưởng về tương lai phía trước, có một cách sống mở hơn, tin vào tương lai phía trước sẽ tốt đẹp => Điều này tạo nên những điều tuyệt vời nhất cho mỗi con người nó không chỉ góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta hạnh phúc và phát triển tương lai một cách chủ động và mang một ý nghĩa sâu sắc điều đó đã làm nên những con người thành công họ không chỉ thành công trong cuộc sống mà còn thành công trong công việc. - Thái độ và tinh thần lạc quan là điều quan trọng góp phần tạo nên sự thành công của con người, + Những hành động theo chiều hướng tích cực đã tạo nên cuộc sống đầy đủ và mang một ý nghĩa sâu sắc, nhiều những hành động của con người đã góp phần tạo nên điều đó + Chúng ta những con người sống trong một xã hội có nhiều những cam bẫy và những điều tốt đẹp cũng luôn tồn tại chính vì vậy nắm vững thời cơ và biết vận dụng thời cơ đó để phát triển chính là yếu tố quan trọng tạo nên cuộc sống của chúng ta, hành động và thái độ sống là yếu tố quan trọng góp phần và tạo nên cuộc sống của mỗi người, những điều quan trọng đó tạo nên cho chúng ta những điều tuyệt vời nhất. - Lạc quan biểu hiện mạnh mẽ trong cuộc sống từ cách sống cách suy nghĩ và trong nhiều những hành động khác của con người - Dẫn chứng: + Bác Hồ + Ngôi nhà 1000 chiếc gương như em đã đề ra ==> Chúng ta cần phải học tập và rèn luyện cho bản thân một tinh thần lạc quan và nó mang trong chúng ta những điều tốt đẹp và hạnh phúc nhất, cuộc sống sẽ tràn đầy niềm vui và cuộc sống hạnh phúc sẽ đến với chúng ta.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”

Tương đồng với Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều trên phương diện khẳng định những giá trị nhân văn và phản ánh số phận người phụ nữ cũng như khả năng vận dụng nhuần nhuyễn thể loại ngâm khúc và thể thơ song thất lục bát, song bản diễn Nôm Chinh phụ ngâm lại có phần giản lược những suy tưởng triết lý cao siêu và hướng nhiều hơn tới cuộc sống đời thường. Tâm tình người chinh phụ tiêu biểu cho nỗi nhớ mong chồng, khát khao cuộc sống gia đình bình dị và ước mong về một ngày đoàn tụ vợ chồng. Đặt trong tương quan chung, ước mơ của người chinh phụ cũng hiền hoà, dung dị, gần gũi hơn so với người cung nữ. Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cho thấy rõ tâm trạng cô đơn của người vợ nhớ chồng ra trận và nghệ thuật miêu tả tâm trạng bậc thầy của hai tác giả Đặng - Đoàn, trong đó phải kể đến nghệ thuật diễn Nôm đặc biệt xuất sắc của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Tâm trạng nổi bật trong đoạn trích gồm 36 câu thơ trong tổng số 408 câu của toàn tác phẩm là sự thể hiện nỗi đơn cô, trống vắng của người chinh phụ. Trước hết đó là sự ý thức về con người cá nhân chiếu ứng trong các quan hệ với cảnh vật và con người, đặt trong tương quan với thời gian và không gian. Nhân vật chủ thể trữ tình - người chinh phụ xuất hiện như có như không, vừa tỉnh thức trong từng bước đi, từng động tác buông thả tấm rèm nhưng liền đó lại quên tất cả, thờ ơ với tất cả: Đạo hiên vắng thềm gieo từng bước, Ngõ rêu thưa rỏ thác đòi phen. Trong khổ thơ mở đầu (từ câu 1 - 16) có hai hình ảnh quan trọng được tô đậm, nhấn mạnh trở đi trở lại là tấm rèm và bóng đèn. Người chinh phụ “ngồi rèm thưa” mà trông ra ngoài ngóng đợi tin chồng nhưng chẳng thấy đâu. Cuộc sống nơi “trong rèm” chính là sự bó buộc, trói buộc trong một không gian chật hẹp, tù đọng. Câu thơ chuyển tiếp Trong rèm dường đã có đèn biết chăng càng tôn thêm vẻ vắng lặng, đơn cô, một mình chinh phụ đối diện với bóng mình, đối diện với người bạn vô tri vô giác Đèn có biết dường bằng chẳng biết và đi đến kết cuộc Hoa đèn kia với bóng người khá thương... Rõ ràng cuộc đời người chinh phụ hầu như đã mất hết sức sống, con người đã bị “vật hoá” tựa như tàn đèn cháy đỏ kết lại đầu sợi bấc, con người bây giờ chỉ còn là “bóng người” trống trải, vừa đối xứng vừa đồng dạng và là hiện thân của chính kiếp hoa đèn tàn lụi. Ngay đến

cảnh vật và sự sống bên ngoài cũng nhuốm vẻ tang thương, vô cảm, chập chờn bất định, không dễ nắm bắt với những “gà eo óc gáy sương”, “hoè phất phơ rủ bóng”... Bên cạnh đó, dòng thời gian tâm lý cũng chuyển hoá thành sự đợi chờ mòn mỏi, thời gian đầy ắp tâm trạng đơn côi nhưng không có sự sống, không sự kiện, không thấy đâu bóng dáng hoạt động của con người: Khắc chờ đằng đẳng như niên, Mỗi sầu đằng đặc tựa miền biển xa. Trong sự chờ đợi, người chinh phụ thấy một khoảng thời gian ngắn mà dài như cả năm trường, mỗi sầu trào dâng như biển lớn mênh mang. Những trạng từ “đằng đẳng”, “dằng đặc” tạo nên âm điệu buồn thương, ngân xa như tiếng thở dài của người thiếu phụ dăm dăm chờ chồng. Rút cuộc, hình bóng người chinh phụ có xuất hiện trở lại thì trước sau vẫn là nỗi chán chường, buồn xuôi, vui gượng “Hương gượng đốt”, “Gương gượng soi”, “Sắt cầm gượng gảy” mà không sao che đậy nổi một hiện thực bất như ý “hồn đà mê mải”, “lệ lại châu chan” và “Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng”... Đoạn thơ tiếp theo (câu 17 - 28) là sự phản ánh nỗi lòng chinh phụ khi nhớ về người chồng. Có điều, nếu hình ảnh người chồng hiện diện như một ý niệm xa mờ thì bản thân nỗi nhớ mong cũng chỉ như một ảo giác. Sự gặp gỡ là điều không thể bởi tin tức mịt mờ, bởi khoảng cách về không gian, về địa danh có tính phiếm chỉ, biểu tượng của miền “non Yên”, “đường lên bằng trời”, “xa vời khôn thấu”... Các từ “thăm thăm”, “đau đầu”, “thiết tha” gợi nhớ gợi thương, day đi đứt lại trong tâm can người chinh phụ. Sắc thái nỗi nhớ tăng tiến, rộng mở từ những suy tưởng dõi theo người chồng nơi phương xa đến sự dồn nén cảm xúc thành nỗi xót xa, đắng cay nỗi dài bất tận: - Nhớ chàng thăm thăm đường lên bằng trời - Nỗi nhớ chàng đau đầu nào xong Giống như tâm sự Thúy Kiều trong Truyện Kiều: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”, người chinh phụ có lúc thấy cảnh vật vô hồn, thê lương nhưng có khi lại cảm nhận cả khoảng không gian và cảnh vật như đang hồi thúc, giục giã, đổi thay, không tìm thấy đâu sự hô ứng, đồng cảm giữa tình người với thiên nhiên: Cảnh buồn người thiết tha lòng, Cảnh cây sương đượm tiếng trùng mưa phun. Sương như búa, bổ mòn gốc liễu, Tuyết dường cửa, xẻ héo cành ngô. Hình ảnh so sánh “sương như búa”, “tuyết dường cửa” là sự cực tả những xao động của thế giới bên ngoài thông qua cách hình dung của chinh phụ, khi nàng bất chợt không còn chịu đựng nổi ngay cả vẻ bình dị đời thường và bột phát thành những ám ảnh dị thường. Đó là những tâm trạng khác biệt nhau cùng tồn tại trong một con người, sự phân thân trong cách cảm nhận về thiên nhiên, cuộc sống. Trong bản chất, chính tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ đã tạo nên những xung đột tình cảm khác biệt nhau và

phổ vào thế giới tự nhiên tất cả những trái ngang, những thất vọng và cả niềm hy vọng mong manh, những giây lát yên tĩnh nhất thời và những cơn bão lòng dường như không thể nguôi khuây. Bước vào đoạn cuối (câu 29 - 36), người chinh phụ vươn tới không gian thoáng rộng hơn với những hàng hiên, ngọn gió, bóng hoa, ánh trăng nhưng đó cũng chỉ là thiên nhiên lạnh lùng, thiếu hẳn niềm tin và hơi thở ấm áp của sự sống. Cảnh vật như tách khỏi con người và không thấy đâu hoạt động của con người. Tất cả chỉ đơn thuần là cảnh vật và vì thế càng tôn thêm vẻ lạnh lùng, đối lập với tâm tư con người và hình ảnh nhân vật chinh phụ đang khuất lấp, ẩn chìm đâu đó: Hoa dải nguyệt, nguyệt in một tấm, Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông. Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng, Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu! Đến hai câu thơ cuối bắt đầu hé mở tâm trạng so sánh. Người chinh phụ nhìn cảnh hoa nguyệt mà trạnh lòng băng khuâng xót xa cho thân phận mình, tủi phận mình lẻ loi trước cảnh nguyệt hoa. Từ đây có thể nói tới những dự cảm về ý thức cá nhân của người chinh phụ và xa gần liên hệ tới quyền sống, quyền hưởng niềm vui, hạnh phúc lứa đôi giữa chốn nhân gian. Trên phương diện nghệ thuật, thể thơ song thất lục bát với sự kết hợp hai câu thơ bảy chữ kiểu Đường thi hàm súc, trang nhã, đăng đối và câu thơ lục bát truyền thống giàu âm điệu, gợi cảnh gợi tình đã tạo nên nhịp thơ buồn thương man mác, nối dài không dứt. Quan sát kỹ có thể thấy từng bốn câu thơ đi liền nhau tạo thành một tiết đoạn, trong đó hai câu thất ngôn đóng vai trò khơi dẫn ý tứ, hai câu lục bát tiếp theo hướng tới luận bình, khai triển, mở rộng. Cứ như thế, các ý thơ, khổ thơ tiếp tục luân chuyển, nối tiếp nhau như những ngọn sóng cảm xúc đang trào dâng. Ngay trong từng câu thơ cũng xuất hiện những tiểu đối tạo nên tính chất hô ứng, đăng đối, tạo ấn tượng và sự nhấn mạnh: - Dây uyên kinh đứt/ phím loan ngại chùng - Cành cây sương đượm/ tiếng trùng mưa phun - Sầu tường kêu vẳng/ chuông chùa nện khơi Thêm nữa, tác phẩm diễn Nôm bên cạnh việc giữ lại và Việt hoá được cả hệ thống điển tích và từ Hán Việt (non Yên, sắt cầm, dây uyên, phím loan, gió đông...) thì nhiều ý tứ trong nguyên tác đã được chuyển dịch, nâng cấp thành lời thơ thật sự giàu chất thơ. Chẳng hạn, với câu Sầu tựa hải - Khắc như niên (nguyên ý nghĩa chỉ là Sầu tựa biển - Khắc như năm) đã được chuyển dịch thành câu thơ mang sắc thái nội tâm hoá, giàu cảm xúc, khơi gợi âm điệu cảm thương: Khắc chờ đặng đặng như niên, Mỗi sầu dằng dặc tựa miền biển xa. Đoạn trích nói về tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cũng như toàn bộ tác phẩm Chinh phụ ngâm là tiếng kêu thương của người phụ nữ chờ chồng, nhớ thương người chồng chinh chiến phương xa. Tình cảnh lẻ loi đó được chiếu ứng trong sự

cảm nhận về thời gian đợi chờ dang dở, không gian trống vắng vây bủa bốn bề và cuộc sống hoá thành vô vị, mất hết sinh khí. Trên tất cả là tâm trạng cô đơn và sự ý thức về thảm trạng mất đi niềm tin, đánh mất niềm vui sống và mối liên hệ gắn bó với cuộc đời rộng lớn. Trạng thái tình cảm đó một mặt có ý nghĩa tố cáo những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã đẩy bao nhiêu người trai ra trận và hệ quả tiếp theo là bao nhiêu số phận chinh phụ héo hon tựa cửa chờ chồng, mặt khác xác nhận nhu cầu nói lên tiếng nói tình cảm và sự ý thức về quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ ngay giữa cuộc đời trần thế này. Không có gì khác hơn, đó chính là khả năng mở rộng diện đề tài, khai thác sâu sắc hơn thế giới tâm hồn con người, xác định nguồn cảm xúc tươi mới và khẳng định những giá trị nhân văn cao cả mà khúc ngâm đã đem lại, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của giai đoạn văn chương thế kỷ XVIII trong tiến trình phát triển chung của nền văn học dân tộc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Bài văn chủ đề cảm nghĩ về giáo viên

“Con trở về tìm lại ký ức xưa Thời đại dạt yêu thương và nỗi nhớ Tuổi học trò nước mắt nhòa trang vở Và nụ cười tràn vào những giấc mơ”. (Thầy tôi - My Sa) Tình cờ em bắt gặp những câu thơ này trên một trang báo. Văn thơ tha thiết và chan chứa những nỗi niềm như chính nỗi lòng của em vậy. Bao ký ức của cô hiện về dẫu những năm tháng học trò về bên em. Em nhớ cô nhiều lắm cô ơi! Nhớ về cô em nhớ dáng người cô gầy yếu, mái tóc quăn xă mỗi khi đến lớp. Cô không phải là giáo viên chủ nhiệm của em, nhưng đối với em cô là người mẹ hiền thứ hai trong cuộc đời. Ngày ấy khi em còn là học sinh của mái trường THPT thị xã Quảng Trị. Ngày đầu tiên bước vào mái trường cấp III, mọi thứ đối với em trở nên xa lạ, ngỡ ngàng. Em vốn tính người ít nói lại hay mặc cảm về thân phận của mình khiến em thu mình lại không muốn giao thiệp cùng với ai như con ốc thu mình vào trong vỏ. Và rồi em đã gặp cô đó là năm cuối cùng của quãng đời học sinh. Cô là giáo viên dạy bộ môn lịch sử, môn học mà đũa học trò nào lớp em cũng không thích, chán nản vì toàn là những con số và sự kiện. Suốt hai năm học lớp 10 và 11 lớp chúng em đa số điểm thấp bởi môn sử vì chúng bạn không ấn tượng với môn học này nên không học bài. Và lại lớp chúng em thuộc vào loại lớp cá biệt của trường. Giáo viên chủ nhiệm cũng thường đau đầu nhức óc với lớp em. Tuần nào xếp hạng thi đua cũng đứng vào top cao nhất của trường tính từ dưới lên. Đến năm lớp 12 vẫn những trò đùa tinh nghịch ấy của lũ bạn, nhưng giáo viên bộ môn có sự thay đổi. Cô giáo dạy bộ môn sử không phải cô giáo cũ nữa mà là cô giáo mới. Cô có khuôn mặt hiền từ luôn nở nụ cười trìu mến, giọng cô miền bắc ấm áp truyền cảm đến lạ lùng. Đôi mắt cô thăm thẳm như chứa đựng đầy những tình thương bao la mà cô dành cho chúng em. Rồi những tiết học lịch sử cô dạy, chúng em không còn cảm thấy khô khan, ngáp ngủ như những năm học trước nữa mà trở nên sinh động hẳn lên bởi cô đã đem đến một luồng sinh khí mới, một phương pháp mới trong công tác giảng dạy. Tiết học nào, bài học nào cô cũng lồng ghép kể những câu chuyện lịch sử, nhân vật lịch sử. Cô đã khơi dậy trong chúng em niềm tự hào dân tộc, về sự hy sinh của các thế hệ cha anh để cho đất nước được nở hoa độc lập, tự do. Từ đó thấy mình sống phải đẹp hơn, có ý nghĩa hơn. Em còn nhớ rất rõ tiết học ngày ấy, cô giảng bài “Hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc”. Cô

đã đưa chúng em về tuổi thơ của Bác, hành trình tìm đường cứu nước gian lao của Bác qua những mẫu chuyện “Đôi bàn tay”, “Những viên gạch hồng” và giọng cô xúc động ngẹn ngào rưng rưng nước mắt khi cô giảng sự kiện: Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được bản sơ thảo lần thứ nhất luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người đã tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt nam sau bao nhiêu năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài. Sau này được Người ghi lại: “ Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sung sướng biết bao! Tôi vui mừng phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Cả lớp lặng im như hòa vào nhịp xúc động của cô. Trống đánh ra về rồi mà chúng em không hề hay biết. Hiếm có tiết học nào như thế. Kể từ tiết học hôm ấy chúng em đứa nào cũng mong đến giờ học môn sử cho dù là tiết 5 tiết cuối cùng đứa nào cũng đói bụng và mệt lả. Khi kể câu chuyện lịch sử chưa xong câu kết bao giờ cô cũng khép lại “ hồi sau sẽ rõ”, làm chúng em háo hức mong đợi như xem một bộ phim vậy, khiến những cái đầu cứng cổ của mấy cậu con trai quây phá cũng phải thay đổi thái độ học tập của mình. Không chỉ là giáo viên bộ môn dạy nhiệt tình, tâm huyết, cô còn là người mẹ hiền thứ hai đời em. Cô rất hiểu và thông cảm cho hoàn cảnh của em, một người con sống không có bố. Gia đình em lại nghèo nữa chỉ có mình mẹ em lam lũ, vất vả nuôi con ăn học thành người. Những lúc ngồi tâm sự với cô về tuổi thơ của mình cô ôm em vào lòng an ủi động viên và lau những giọt nước mắt trên khóe mi em. Em cảm thấy hạnh phúc vô cùng như có một lá chắn nào đó đang che chở cho em, làm điểm tựa cho em vững bước trên đường đời. Cô còn cho em nhiều món quà nữa như áo quần, sách vở...để em tự tin hòa nhập với bạn bè trong trường, lớp. Em xin được từ chối nhưng thấy nét mặt cô thoáng buồn, cô nói “ cô coi em như đứa con gái của cô mà thôi em cứ nhận đi”. Từ đó có chuyện gì vui hay buồn hai cô trò tâm sự và chia sẻ. Tấm lòng của cô như là nguồn động viên để em “ vượt lên chính mình” hòa nhập với cộng đồng. Em cứ nhớ mãi lời cô khuyên bảo nếu mình thích cái gì thì nên theo đuổi và quyết tâm làm đến cùng. Dạo đó bạn bè em háo hức rộn ràng theo việc đăng ký thi vào trường đại học, cao đẳng. Còn em không định hướng cho mình ngành gì, trường nào cả. Em rất phân vân và muốn tham khảo ý kiến của cô và nhận từ cô một lời động viên: “ Nếu em thích học ngành lịch sử thì cô sẽ em tài liệu để ôn tập”. Từ lần đó trong đầu em lóe vụt lên suy nghĩ và đi đến quyết định là đăng ký vào trường Đại học Sư phạm Huế khoa Lịch sử, ước mơ trở thành

cô giáo dạy môn Lịch sử như cô. Với quyết tâm nỗ lực của em cùng với những lời động viên của cô đã giúp ước mơ của em trở thành hiện thực. Năm đó cầm giấy báo trúng tuyển đại học em vô cùng sung sướng và chạy về báo với cô để cô mừng. Hai cô trò ôm nhau trong niềm hạnh phúc khó tả. Rồi thời gian dần trôi, chúng em rời mái trường cấp III, đi tiếp những bước đường tương lai đang rộng mở, bỏ lại sau lưng những tháng ngày êm ả sống bên cô, bỏ lại đằng sau một ánh mắt sâu thẳm đang dõi theo từng bước chúng tôi đi, dắt chúng tôi vượt qua những nấc thang khó đi nhất, đưa chúng tôi đến với thế giới mới trải đầy nắng và hoa trên con đường xa lạ nhưng sẽ thân quen sau này. Một chuyến đò nữa cô lại đưa sang sông, rồi tiếp tục quay về bến đậu cũ chèo lái những con thuyền cập bến tương lai. Giờ đây em đã lớn khôn và sải cánh bay xa trên mọi nẻo đường nhưng những kỷ niệm của tuổi học trò, về cô em không thể nào quên được. Trở lại mái trường xưa, ngôi trường cô đã từng dạy và em đang đứng trên bục giảng kế thừa sự nghiệp của cô để giảng bài lịch sử cho các em. Hình bóng cô thấp thoáng đâu đây như ngày xưa đó nhưng em không tìm thấy cô nữa bởi cô đã nghỉ hưu và chuyển vào sinh sống ở Đà Nẵng. Giờ đây không còn gặp cô để tâm sự nhiều nữa nhưng em luôn nhớ về cô và mãi mãi in sâu trong tâm trí em – người mẹ hiền thứ hai trong đời tôi.

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh những đặc sắc nghệ thuật trong truyện “chuyện chức phán sự đền Tản Viên”

Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc với cách kết cấu đầy kịch tính lôi cuốn: + Cách giới thiệu cụ thể về quê quán, tên họ, tính cách của nhân vật tạo nên tính chân thực cho tác phẩm. + Giới thiệu về nhân vật bằng một hành động đầy bất ngờ và quyết đoán: đốt đền, tạo nên một ấn tượng sâu sắc và sự thu hút cho người đọc. + Kịch tính được bắt đầu bằng hành động đốt đền của Ngô Tử Văn rồi được đẩy lên đỉnh điểm tại phiên toà sau đó được mở nút trước chứng cứ xác thực rõ ràng. (lấy các chi tiết trong sách để chứng minh cho từng ý, tránh nhầm sang phân tích) Sử dụng các yếu tố thần kì trong truyện, đây cũng là nét đặc sắc nghệ thuật của truyện, của cả tác phẩm “truyền kì mạn lục” - Vai trò của các yếu tố kì ảo: + Các yếu tố kì ảo đan xen với các yếu tố hiện thực. Chuyện thần, chuyện ma, cõi trần, cõi âm, Diêm Vương, quỷ sứ, con người. Kì ảo chỉ là phương thức đặc biệt chuyên chở nội dung và cảm hứng hiện thực làm cho câu chuyện sinh động hấp dẫn. - Nghệ thuật trong văn bản “Chức phán sự ở đền Tản Viên” mang đậm nghệ thuật của lối viết truyện trong toàn tác phẩm “Truyền kì mạn lục”. (VD: truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”)

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lời dạy của đức Phật: Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ. Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha

Gợi ý: Câu ca dao này chủ yếu là nói lên công ơn to lớn của cha, mẹ. Những người đã sinh thành và nuôi dưỡng chúng ta nên người. Công cha được ví như “núi ngất trời”, cho thấy công ơn của người cha đối với chúng ta là hết sức to lớn. “Núi ngất trời”, một hình ảnh cao cả và vĩ đại biết chừng nào, ngọn núi cao ngất trời mà có lẽ sẽ không ai có thể đo được nó cao bao nhiêu. Điều này cũng như công ơn của người cha, không ai có thể đo được ơn của người cha là bao nhiêu cả. Còn nghĩa của người mẹ cũng vậy, cũng to lớn và cao cả biết chừng nào. Nó được ví như là “nước ở ngoài biển đông”, một hình ảnh so sánh không thua kém “núi ngất trời” bởi vì không ai có thể biết được nước ngoài biển đông là bao nhiêu. Câu ca dao tuy chỉ có 2 câu rất ngắn nhưng với hình ảnh so sánh hết sức độc đáo, đã cho ta thấy được công ơn của những người cha, người mẹ - những người đã sinh ra ta và nuôi dưỡng ta không lớn thành người, công ơn đó to lớn, cao cả và thiêng liêng biết chừng nào. Và cũng chẳng có ai có thể đo được chiều cao của ngọn núi “cao ngất trời”, cũng như là biết được lượng nước ở ngoài biển đông. Câu ca dao cho ta thấy công ơn của cha mẹ cao cả như thế nào để từ đó, là những người con, chúng ta phải biết yêu thương, kính trọng, và hiếu thảo với cha mẹ để đền đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục, một công ơn to lớn không ai có thể đo được

Văn Mẫu Lớp 10 - Ý nghĩa của hồi trống trong đoạn trích “Hồi trống Cổ thành” (trích “Tam quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung)

Biết tin anh là Lưu Bị ở Hà Bắc trên đất Viên Thiệu, Quan Vũ đưa hai chị (vợ của Lưu Bị) đi tìm anh. Tào Tháo tránh không tiếp Quan Vũ đến từ biệt vì muốn lưu giữ Quan Vũ để dùng. Tháo không cấp giấy qua ải, nhưng cũng không cho tướng đuổi bắt. Các tướng giữ ải vẫn không cho Quan Vũ qua ải, Quan Vũ phải mở đường máu mà đi. - Qua ải Đông lĩnh chém Khổng Tú - Đến ải Lạc Dương chém Hán Phúc và Mạnh Thâu - Qua Nghi Thủy giết Biện Hỷ - Vượt ải Huỳnh Dương chém Vương Thực - Đến bờ Hoàng Hà, giết Tần Kỳ - Đến Cổ Thành, Quan Vũ ngỡ là gặp được em xiết bao vui mừng, ai ngờ Trương Phi “mắt trợn tròn xoe” râu hùm vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công”. Bất ngờ Sái Dương lại kéo quân đến bắt Quan Vũ. Phi càng nghi ngờ... Chỉ đến lúc đầu Sái Dương bị Quan Vũ chém đứt, Phi mới đánh một hồi trống, Phi mới nguôi giận dần. Và chỉ sau khi nghe tên lính kể đầu đuôi mọi chuyện,... Phi mới tin, “rỏ nước mắt, thụp lạy Vân Trường”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích truyện “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”

“Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” đã đề cao tinh thần khẳng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác, trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn. Chuyện chức phán sự đền Tản Viên kể về Ngô Tử Văn - người vốn khẳng khái, nóng nảy, thấy sự gian tà thì không thể chịu được. Mọi người vẫn thường khen Văn là người cương trực. Ở làng Tử Văn sống trước có một ngôi đền linh ứng nhưng giờ đã thành ngôi đền có hồn của tên giặc xâm lược tử trận gần đó làm yêu quái trong dân gian. Trước sự việc ngôi đền bị uế tạp và yêu quái có thể làm hại dân, “Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời rồi châm lửa đốt đền”. Sự khẳng khái, nóng nảy của Tử Văn đã dẫn đến một hành động dũng cảm vì dân trừ hại. Sự tức giận của Tử Văn không phải là sự tức giận cho riêng mình mà là sự tức giận cho mọi người dân đang bị yêu quái quấy nhiễu. Vì thế mà việc làm của Tử Văn là đáng ca ngợi. Sau khi đốt ngôi đền, Tử Văn ốm nặng rồi “thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông”. Lúc ở chốn âm cung, do chỉ nghe bên nguyên, Diêm Vương - vị quan toà xử kiện - người cầm cân công lý – cũng đã có lúc tỏ ra mơ hồ. Khi đứng trước công đường Ngô Tử Văn càng tỏ ra mình là người có khí phách. Chàng không chỉ khẳng định: “Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian” mà còn dũng cảm vạch mặt tên bại tướng gian tà với lời lẽ “rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào”. Chàng chiến đấu đến cùng vì lẽ phải. Từng bước, từng bước Ngô Tử Văn đã đánh lui tất cả sự phản công, kháng cự của kẻ thù, cuối cùng đã hoàn toàn đánh gục tên tướng giặc. Sau khi được minh oan ở minh ti, Tử Văn trở về nhà chưa được 1 tháng thì Thổ công đến báo Tử Văn nên nhậm chức phán sự ở đền Tản Viên. Thổ công nói: “người ta sống ở đời, xưa nay ai chẳng phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau” và khuyên Văn nên nhận. Thế là Văn vui vẻ nhận lời. Việc được nhận chức ở đền Tản Viên đã nói lên thắng lợi của chàng trong cuộc đấu tranh với tên hung thần xảo quyệt. Sự thắng lợi này đã khẳng định chàng là người tốt, chính nghĩa, dám đấu tranh để thực hiện công lý. Con người của chính nghĩa đã được đứng ra để thực hiện công lý là một thắng lợi có ý nghĩa sâu sắc, khẳng định niềm tin chính nghĩa nhất định thắng gian tà. Câu chuyện đề cao nhân vật Ngô Tử Văn – đại diện cho tầng lớp trí thức nước Việt giàu tinh thần dân tộc, chuộng chính nghĩa, dũng cảm, cương

trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hạ cho dân. Truyện còn thể hiện niềm tin công lý, chính nghĩa nhất định sẽ thắng gian tà.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hình ảnh nhân vật Ngô Tử Văn trong Chuyện chức phán sự ở đền Tản Viên

Chuyện chức phán sự ở đền Tản Viên là một trong những chuyện hay, tiêu biểu của Truyền kỳ mạn lục. Câu chuyện đã phê phán hiện thực xã hội và đề cao phẩm chất kẻ sĩ, đồng thời phản ánh khá rõ tinh thần dân tộc của tác giả, mà nhân vật chính là Ngô Tử Văn một con người tính tình khảng khái, trung trực. Khác với một số truyện trong đó Nguyễn Dữ trình bày lai lịch và hành trình số phận của nhân vật từ đầu đến cuối, Chuyện chức phán sự ở đền Tản Viên chỉ chọn một thời điểm có ý nghĩa nổi bật để bộc lộ đầy đủ tính cách nhân vật. Chuyện giống như một màn kịch ngắn, mở màn là sự xuất hiện của Ngô Tử Văn với hành động châm lửa đốt đền thiêng. Hành động đó chính là ngòi nổ cho một cuộc chiến đấu giữa chàng và hồn ma tên tướng giặc bại trận. Cuộc chiến ngay đầu đã thể hiện được sự gay go khốc liệt và ngay từ lúc ấy tính cách Tử Văn được bộc lộ. Chàng “rất tức giận”, “tầm gọi sạch sẽ, khẩn trời, rồi châm lửa đốt đền”. Hành động của Tử Văn là hành động có chủ đích, là hành động tuyên chiến với cái ác, với kẻ thù vì lợi ích trừ hại cho dân, xuất phát từ tính tình khảng khái, cương trực, can đảm của chàng. Tử Văn quyết sống mái với kẻ gian tà, cho dù đối thủ là kẻ mà ai cũng phải kinh sợ. Tuyên chiến với một kẻ thù đầy sức mạnh hiểm ác, lúc đầu Tử Văn “đơn thương độc mã”, nhưng Tử Văn tin vào việc làm và sức mạnh chính nghĩa của mình. Hành động ngòi “vẫn cứ ngòi ngất ngưỡng tự nhiên” của Tử Văn trước lời đe dọa của tướng giặc không phải là hành động bất cần của kẻ liều mà là hành động tự tin của người nắm được chính nghĩa trong tay. Câu hỏi của Tử Văn với Thổ Công: “Hắn có thực là tay hung hãn có thể gieo vạ cho tôi không?” không phải là câu hỏi của kẻ hoang mang lo sợ mà là của hỏi của người muốn “biết địch biết ta” để giành lấy thắng lợi. Trong cuộc chiến đấu, Tử Văn có được sự trợ giúp của Thổ Công, nhưng với một người bị đánh đuổi khỏi nơi ở của mình, không dám đấu tranh, “phải đến nương tựa đền Tản Viên”, “phải tạm ẩn nhẫn mà ngòi xó một nơi” thì Tử Văn trông mong gì nhiều ở “ngoại viện”? cho nên, về cơ bản thì Tử Văn không hề có âm mưu, dương trợ. Trong khi đó cuộc đấu tranh của chàng ngày càng gay go quyết liệt. Khi đối chất cùng tướng giặc, Tử Văn hoàn toàn tin vào bản thân, tin vào chính nghĩa mà chàng có thêm sức mạnh (niềm tin). Nhưng ở chốn

thâm cung, chàng khẳng định điều này đâu phải là dễ. Do chỉ nghe một bên nguyên, Diêm Vương - vị quan tòa xử kiện, người cầm cân công lý cũng đã có lúc tỏ ra hồ đồ. Chính khi đứng trước pháp luật Tử Văn càng tỏ rõ chàng là người có khí phách. Chàng không chỉ “kêu to”, khẳng định “Ngô Soạn này là kẻ ngay thẳng ở trần gian”, chàng còn dũng cảm vạch mặt tên bạo tướng gian tàn với lời lẽ rất “cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào”. Giữa chốn công đường nơi âm phủ, tính cách Tử Văn vẫn là bộc trực, khẳng khái, vẫn một quyết tâm sắt đá. Chàng chiến đấu đến cùng vì lẽ phải. Cứ từng bước, Ngô Tử Văn đã đánh lui tất cả sự phản công, kháng cự của kẻ thù, cuối cùng là đánh gục hoàn toàn tên tướng giặc gian manh xảo trá. Màn kịch khép lại với thắng lợi thuộc về Ngô Tử Văn. Kết thúc có hậu này chứng tỏ Nguyễn Dữ cũng đã tìm về nguồn cội “truyền thống nhân đạo và yêu nước” của dân tộc Việt Nam: “chính nghĩa thắng gian tà, tinh thần dân tộc thắng ngoại xâm” mà chính nghĩa đó được thể hiện qua hình ảnh nhân vật chính Ngô Tử Văn của chúng ta, một con người với một chính nghĩa toàn diện.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu nhận xét về nhân vật Trương Phi trong đoạn trích “Hồi trống Cổ Thành” trích “Tam quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung

Gợi ý Người anh hùng trong thời loạn đề cao trung nghĩa: “Trung thần thà chịu chết không chịu nhục. Có lẽ đâu đại trượng phu lại thờ hai chủ?”. Trong suy nghĩ của Trương Phi thì Quan Công đã hàng Tào, “được phong hầu tử tước”, đã “bội nghĩa” đến Cổ Thành là để lập mưu bắt Phi! Nên phải đâm chết: “Phen này tao quyết liều sống chết với mày”. “Xin hai chị thông thả, để tôi giết thẳng phụ nghĩa này đã...”. - Trung thực, nóng nảy, quyết liệt. Nghe Tôn Cáo vào báo tin hai chị và Quan Vũ đến, mời Trương Phi ra đón, Phi “chẳng nói chẳng rằng lập tức mặc áo giáp vác xà mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân đi tắt qua Cửa Bắc”. Hành động dữ dội, sôi sục “mắt tròn tròn xoe, râu hùm vênh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công”. Mạt sát Quan Công: “mày đã bội nghĩa còn mặt nào đến gặp tao nữa”. - Ai phân trần khuyên bảo cũng không nghe. Chỉ có một điều kiện “xong 3 hồi trống phải chém đầu tướng Tào” để làm tin. Đầu Sái Dương rụng, tên lính nói rõ mọi chuyện thì Phi mới tin: “rỏ nước mắt, thụp lạy Vân Trường”. Phục thiện và biết điều. Tóm lại, tác giả miêu tả Trương Phi rất sống động: cương trực, thẳng thắn, quyết liệt, trong sáng và trung nghĩa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của em về nhân vật Ngô Tử Văn trong “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”

DÀN Ý - Giới thiệu về nhân vật Ngô Tử Văn: Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang. Chàng vốn khảng khái nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. 1. Sự việc đốt đền: Trước khi đốt đền thì Tử Văn tắm rửa sạch sẽ,... → Không phải hành động của kẻ vì danh, vì lợi hay vì sự liều lĩnh nhất thời. Thái độ tôn kính, nghiêm túc. Tử Văn: Vung tay không cần gì... → Một thái độ dứt khoát, bất chấp hậu quả xấu cho bản thân mình. Khi về đến nhà thì Tử Văn bị sốt và có một người khôi ngô, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng, quần áo, rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ, đến đòi làm trả lại tòa đền như cũ, nói những lời đe dọa nhưng Tử Văn không hề sợ hãi mà mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên. Rồi chiều tối lại có một người tự xưng là thổ công đến và nói rằng muốn tỏ lời mừng với Tử Văn → Cương trực, không sợ hãi trước những lời đe dọa của tên tướng giặc họ Thôi 2. Khi ở dưới âm phủ, đối mặt với tên tướng giặc trước Diêm Vương Nghe lời Thổ Công dặn, Tử Văn y thể làm Khi xuống âm phủ, không khí lạnh lẽo, ghê rợn... → Tử Văn không hề run sợ Khi Diêm Vương quát thì Tử Văn không hề nao núng, sợ sệt mà đòi trình bày lại sự việc với Diêm Vương Kêu oan quyết liệt. + Thẳng kiện. + Xin đem giấy đến đền Tản Viên. + Tâu trình Diêm Vương, lời rất cương chính, không nhún nhường. → Nhất định không chịu thua tên tướng giặc → quyết lấy lại công lí → rất cương trực 3. Nhận chức phán sự ở đền Tản Viên Tử Văn vui vẻ nhận lời khi Thổ Công nói với chàng về việc đó → yêu công lí → xứng đáng là người nắm cán cân công lí dù cho không phải ở trần gian => Tổng kết: Hình tượng nhân vật Tử Văn đại diện cho chính nghĩa trong cuộc đấu trí, đấu gan cam go, không khoan nhượng với gian tà. Chức phán sự là một “phần thưởng” đưa nhân vật bất tử trong một cương vị xứng đáng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Thơ Haiku, tìm hiểu và phân tích về thơ

Thơ Hai – cư của Nhật Bản là thể thơ độc đáo, vô cùng súc tích, ngắn gọn và cô đọng, đó là nét đẹp của văn hóa Nhật Bản, muốn sáng tác thơ Hai – cư phải có hiểu biết nhất định về thể thơ đó, khi phân tích đòi hỏi ng phân tích phải có khả năng cảm nhận, không đòi hỏi kĩ năng nhiều mà chỉ cần có sự đồng cảm, có tâm hồn và trí tưởng tượng phong phú, một sức sáng tạo và óc thẩm mĩ khá đồ sộ. Thơ Hai – cư được xếp vào loại hay nhất thì chỉ có thơ của Ba – sô, thơ của ông có nhiều cái nhìn bên ngoài k thấy nhưng nhìn kĩ thì như phô bày trước mắt, thơ nói nhiều hơn cả điều tác giả gửi gắm, vì quá hàm súc mà thơ lại có nhiều điều hay. Trong số những bài thơ haiku của Ba – sô đc in trong sách giáo khoa Ngữ Văn nâng cao lớp 10 có bài hay nhất: “Cây chuối trong gió thu tiếng mưa rơi tí tách vào chậu ta nghe tiếng đêm” Lưu Đức Trung dịch Bài thơ này được sáng tác khi Ba – sô đang ở túp lều của mình vào năm 1681 với tâm trạng cô đơn, lạc lõng. Thời gian này ông đã thầm yêu một cô gái nhưng không được đáp lại và chính vì thế tâm trạng ông luôn ở tâm trạng sầu não, buồn bã. Thơ ca có câu: “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”, vâng, đây chính là nét chính của bài thơ. Với tâm trạng như thế, khi ở trong đêm vắng nhà thơ đang lắng nghe, nghe âm thanh của ng “bạn chí cốt” của mình cất từng tiếng vang. Ta đang ghe tiếng “gió thu”, gió thu còn là “quý ngữ” của bài thơ, đó là mùa thu, mùa thu thường mang theo cái buồn, điều hiu và cảnh tượng ấy trông như cô tịch, vắng lặng, vô tình hay cố ý đây? Một mình trong đêm đã buồn, trong túp lều đơn sơ, quah đó khá vắng vẻ, vào đêm mùa thu lại có cả cơn mưa nữa, có cái gì hơn thế, có chi tiết nào để thấy lòng vẫn ấm áp đâu? Toàn là những chi tiết mang một tâm trạng sầu não. Trong đêm mưa chỉ có cây chuối và từng cơn gió thu lạnh lùng thổi qua, “cây chuối” ấy là cây chuối đc trồng trước cửa nhà của Ba – sô, và nó còn là “chính ông”, Ba – sô nghĩa là “cây chuối”, và ở đây có thể xem là lối nói ẩn dụ của tác giả, cây chuối đứng đó bơ vơ cũng như chính ông đang lẻ loi và buồn vắng. Ngoài trời giờ không còn mưa to nữa mà chỉ còn “tiếng mưa rơi tí tách vào chậu” mà thôi, đó cũng là yếu tố âm thanh, mưa mà rơi tí tách thì chỉ còn là những giọt nước còn đọng lại trên tàu lá của “cây chuối”, nước mưa từ lá chuối từ từ rơi xuống chậu. Khung cảnh ấy, giây phút ấy, hình ảnh ấy như nét họa, vẽ nên cái buồn và sự não nuột đằng sau khung cảnh bình yên. Đêm

thì vắng lặng, chỉ có mỗi tiếng mưa rơi và tiếng gió thu thổi ngoài trời, chỉ có thể đủ làm nên “tiếng đêm”, tiếng đêm của thiên nhiên dội vào lòng ông, vang vào cõi u buồn của tâm hồn ông khiến ông cảm thấy thiên nhiên cũng đang rất nhạy cảm đang hòa vào tâm trạng ông và như một lời phúc đáp chính ông cũng đang mở rộng tấm lòng để hòa vào nỗi buồn, cô tịch của bản thân vào với “tiếng đêm”. Mặt khác, ngoài việc hiểu tiếng đêm của tự nhiên, tiếng đêm của giọt mưa, tiếng đêm của gió thu thì tiếng đêm ấy còn là tiếng lòng của tác giả, nỗi lòng buồn bã và vắng lặng, hoàn toàn lẻ loi như chính âm thanh của giọt mưa rơi, rơi “tí tách” thôi, và vì tí tách như thế nên nó càng mang nỗi buồn hơn, và vì buồn não nuột ấy cũng chính như tâm trạng của tác giả, đó không phải là tiếng của đêm nữa mà là tiếng đêm trong đáy lòng của nhà thơ. Giọt mưa ấy cũng không phải của cơn mưa thu mà là giọt nước mắt của nhà thơ, ông đã khóc nhưng không phải khóc như người bình thường vì mắt ông không ướt nhòe lệ mà là khóc trong lòng, “chậu” chính là mảnh hồn là đáy lòng, là nơi chất chứa tâm sự, “mưa” là nước mắt và “gió thu” là cơn xao động trong tâm hồn ông, ông ta muốn khóc nhưng không thể khóc, đã khóc nhưng không nói khóc, ai lâm vào tâm trạng lạc lõng và đơn độc mà đọc hiểu được bài thơ thì như tìm được chốn nương tựa cho tâm hồn mình. Để viết được bài thơ trên đòi hỏi tác giả phải có sự giao thoa mới thiên nhiên bởi thơ haiku chủ yếu là thiên nhiên và con người, hai yếu tố đó không thể thiếu, phải có sự đồng cảm và tâm hồn phóng khoáng lắm Ba – sô mới cảm nhận được điều mà tự nhiên muốn gửi gắm cùng nhà thơ. Đó là cái tài và nét độc đáo của thơ haiku cũng như chính bài thơ, đọc qua chỉ thấy cảnh nhưng trong cảnh lại có sự xuất hiện của con người, và trong lòng người vẫn luôn có thiên nhiên. Hàm súc đến mức không còn thể ngắn hơn được nữa, cô đọng như lại không hề cô đọng, bản thân thơ haiku đã khó hiểu, khó diễn đạt và biết hết ý nó muốn thể hiện, chính vì vậy dù đi theo cách nào và con đường nào những ý nghĩa bên trong vẫn đang hình thành theo từng lúc mà ta chưa biết hết. Thơ haiku là đỉnh cao của nghệ thuật, niêm luật chặt chẽ, ý nghĩa và cách thể hiện độc đáo khó có thể thơ nào sánh bằng kể cả thơ Đường. Thơ Ba – sô đã thể hiện cái hay của thơ haiku, đọc thơ của ông ta thường thấy nỗi buồn, vắng, một nỗi sầu nghìn thu mà đời đời vẫn sống như chính bài thơ trên, nó vẫn mãi sống, sống với những điều u hoài của lòng người, sống cùng những người cô độc, làm chỗ dựa cho họ, là nơi họ có thể khóc mà không rơi nước mắt. Vâng, quả thực bài thơ tuy ngắn, chỉ có 3 dòng nhưng nó nói nhiều hơn ta tưởng. Bài thơ như tiếng lòng của chính tác giả và cũng là tiếng lòng của những người luôn mang nặng nỗi sầu trong đáy lòng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích vẻ đẹp nhân cách nhân vật Tô Hiến Thành trong bài “Thái phó Tô Hiến Thành”

DÀN Ý Mỗi người có thể có những mẫu người khác nhau để ngưỡng mộ, khâm phục, kính trọng... Tô Hiến Thành cũng là mẫu người của một thời, là tấm gương của lòng cương trực, trung nghĩa. Ông có những phẩm chất rất đáng được người đời sau trân trọng. * Phân tích: + Sự kiện lịch sử: việc Long Sưởng hay Long Cán lên ngôi quan hệ nghiêm trọng tới vận mệnh quốc gia. Trách nhiệm ấy đè nặng lên vai Thái phó Tô Hiến Thành. + Thái hậu dùng đủ mọi thủ đoạn. Nếu Tô Hiến Thành là người tham lợi, cả nể, sợ hãi hoặc không giữ đúng phép nước thì mưu kế của Thái hậu sẽ thành công. Sở dĩ Thái hậu thất bại vì Tô Hiến Thành không biết sợ, không cả nể, không tham lợi và đặc biệt kiên quyết giữ nghiêm phép nước. + Tô Hiến Thành đã từng bước đánh bại âm mưu của Thái hậu: - Ông dùng đạo lý làm người, trách nhiệm của một tể tướng và tín ngưỡng của dân tộc để thuyết phục vợ không nhận hối lộ. - Ông dùng lời dạy của Khổng tử và cách đối xử với người quá cố trong truyền thống dân tộc để trực tiếp bác lời dụ dỗ của Thái hậu. - Ông kiên quyết dùng pháp luật để nghiêm trị kẻ vi phạm pháp luật. Không thuyết phục được Thái hậu bằng lý lẽ, Tô Hiến Thành đành phải dùng đến uy quyền của luật pháp. Qua đó, ta thấy rõ những phẩm chất đáng quý của Tô Hiến Thành: hiền đức, cương trực, giữ nghiêm kỉ cương phép nước (phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất). Nên nhớ, giữa vua, Thái hậu và Thái phó, người có quyền tối cao không phải là Thái phó song Tô Hiến Thành đã không sợ uy quyền bởi ông làm đúng. Điều đó cho thấy bản lĩnh vững vàng, dù có chết cũng bảo vệ đến cùng phép nước, lợi ích quốc gia. => Nhân cách đáng kính của Tô Hiến Thành: cương trực, giữ nghiêm phép nước, chí công vô tư; tiền tài, danh vọng, uy quyền không thể khuất phục. Qua nhân vật Tô Hiến Thành, tác giả tự hào về nhân cách con người Việt Nam, không khuất phục trước cường quyền, đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi cá nhân.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tư tưởng nhân nghĩa trong “Bình Ngô đại cáo”

Bình Ngô đại cáo, Văn kiện lịch sử đồng thời là tác phẩm văn học theo thể văn biên ngẫu, do Nguyễn Trãi viết năm 1428, sau đại thắng quân Minh, được các thế hệ sĩ phu đánh giá là một áng “thiên cổ hùng văn” có một không hai trong lịch sử dân tộc. “Bình Ngô đại cáo” trình bày tóm tắt lịch sử mười năm kháng chiến gian khổ, những thành tích của cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, tổng kết kinh nghiệm cuộc chiến tranh chống Minh, rút ra những bài học về đường lối đánh giặc cứu nước, có giá trị lâu dài cho sự nghiệp bảo vệ nền độc lập tự chủ. Đặc điểm lớn nhất của “Bình Ngô đại cáo” là hơn bao giờ hết, ý thức quốc gia độc lập và lòng tự hào dân tộc được đề cao. Ngọn cờ “nhân nghĩa” cứu nước cứu dân, dựa vào dân mà cứu nước là nguồn gốc sâu xa của chiến thắng vĩ đại. “Bình Ngô đại cáo” đã nêu bật sách lược kiên trì chiến đấu, lấy ít thắng nhiều, đánh vào quân địch đồng thời đánh vào lòng người, làm tan rã ý chí bán nước, cầu vinh của nguy quân, giải thích cho quan quân giặc nhận thấy tính chất phi nghĩa và sự thất bại tất yếu của cuộc xâm lược. “Bình Ngô đại cáo” truyền đạt những tư tưởng quân sự, chính trị và triết lý của dân tộc Việt nam. Lời lẽ chính xác, cô đúc, chứa đựng nhiều hình tượng gợi cảm, vừa là văn chương chính luận, vừa là văn chương trữ tình. Được xem là tuyên ngôn độc lập lần thứ hai trong lịch sử dân tộc Việt Nam. “Bình Ngô đại cáo” thấm đậm tư tưởng nhân nghĩa, là cội nguồn sức mạnh của cuộc kháng chiến. Nhân nghĩa là tư tưởng của dân tộc được hình thành và phát triển xuyên suốt chiều dài lịch sử. Mục đích của nhân nghĩa đã được khẳng định là “cốt để yên dân”, là bảo vệ hạnh phúc của nhân dân. Hạnh phúc lớn nhất của dân là được sống trong môi trường hoà bình, yên ổn làm ăn, không lâm vào cảnh chết chóc, đau thương. “Từng nghe: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điếu phạt trước lo trừ bạo” Nhân nghĩa là tinh thần vì dân, là chính nghĩa của nhân dân, mang bản sắc dân tộc. Nhân nghĩa ở đây không phải là lòng thương người một cách chung chung, mà nhân nghĩa là để an dân, trừ bạo ngược để cứu nước, cứu dân. Muốn yên dân thì khi có giặc ngoại xâm trước tiên phải đứng lên chống giặc “trước lo trừ bạo”. Nhân nghĩa gắn liền với việc bảo vệ chủ quyền đất nước, khẳng định chủ quyền quốc gia, tinh thần độc lập dân tộc: “Nước Đại Việt ta từ trước Vốn xưng nền văn hiến đã lâu Núi sông bờ cõi đã riêng Phong tục Bắc Nam cũng khác” là niềm tự hào

dân tộc “...hào kiệt đời nào cũng có”, là truyền thống yêu chính trực, ghét gian tà, căm thù sâu sắc bọn giặc cướp nước, bán nước: “Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây vạ Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ” Nhân nghĩa còn là sự chia sẻ, cảm thông với nỗi khổ của người dân mất nước: “Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng Kẻ bị đem vào núi đồi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng” Nhân nghĩa là cội nguồn của cuộc sống. Có nhân nghĩa thì thành công, không nhân nghĩa thì thất bại. Bọn giặc Minh xâm lược đã: “Dối trời, lừa dân đủ muôn nghìn kế Gây binh, kết oán trải hai mươi năm Bại nhân nghĩa, nát cả đất trời” Họ không có nhân nghĩa vì vậy cho nên phải chịu cảnh “thây chết đầy đường” “máu trôi đỏ nước” “nơ ژه nghìn năm” Nhân nghĩa làm nên sức mạnh, vì nhân nghĩa quân ta đã: “Đánh một trận, sạch không kình ngạc, Đánh hai trận, tan tác chim muông” Quân ta chiến thắng vì đã: “Đem đại nghĩa thắng hung tàn Lấy chí nhân thay cường bạo” Nhân nghĩa còn là tinh thần yêu chuộng hoà bình, công lý, tình nhân loại, là sự hiếu sinh, hiếu hoà, sự độ lượng bao dung thể hiện tinh thần nhân đạo cao cả của dân tộc ta, đã mở đường hiếu sinh cho kẻ thù khi chúng đã bị bại vong: “Tướng giặc bị cầm tù như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh Mã Kỳ, Phương Chính cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc. Vương Thông, Mã Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run. ” Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức” Có câu “Người ta ai cũng sẵn có mỗi thiện ở trong lòng; lòng trắc ẩn tức là mỗi đầu của nhân, lòng từ tức là mỗi đầu của nghĩa. ” Người Việt Nam, nay còn ở trong nước, hay sinh sống ở ngoại quốc, nếu còn giữ văn hóa dân tộc, lấy “ngũ thường” làm trọng, mấy ai ưa chiến tranh? Vì “mỗi thiện”, vì lòng “trắc ẩn” không ai muốn thấy có sự chém giết, dù một người hay trăm vạn người. Người ta cho rằng, nhân loại càng văn minh, càng không nên có án tử hình. Chúng ta, dù nhân danh cho gì, cũng không thể lấy đi cái chúng ta không cho người khác. Nói rõ ra, sự sống là do Tạo hóa ban cho mỗi con người, nên chỉ có Tạo hóa mới có quyền lấy lui. Giết một người là lấy đi sự sống nơi người ấy. Ta có quyền gì lấy nó đi trong khi chúng ta không cho người ấy sự sống ấy? Nghĩ như thế nên ai cũng đồng ý rằng, chiến tranh là đem lại chém giết, tàn tật, đau thương, v. v... là bất nhân, là điều không nên làm, không nên có. Tuy nhiên, trở lại với Bình Ngô Đại Cáo, dù Lê Lợi muốn điều “nhân”, ông cũng phải vì điều “nghĩa” mà “quân

điều phạt chỉ vì khử bạo. ” Không gây cảnh binh đao là làm điều “nhân”, nhưng khử bạo là điều “nghĩa”. Tại sao thấy điều “nghĩa” mà không làm. Trong một phạm vi nhỏ như trường hợp Lục Vân Tiên giết tướng cướp Phong Lai, chẳng qua cũng chỉ bởi một điều: “Chữ rằng kiến nghĩa bất vi, làm người thế ấy cũng phi anh hùng. ” Chữ anh hùng cụ Đồ Chiểu dùng ở đây chắc không phải cùng ý nghĩa của chữ hero như Tây phương, anh hùng của cụ chỉ là người chống điều trái, làm điều phải. Nói xa hơn, Trương Phúc Loan chuyên quyền làm nhiều điều càn rỡ, dân tình đói khổ oán than nên anh em nhà Nguyễn Tây Sơn mới dấy nghĩa. Lê Lợi, trước ách cai trị tàn bạo của nhà Minh, bắt dân ta lên rừng lấy ngà voi, xuống đáy biển mò ngọc trai, nên mới “Lam Sơn dấy nghĩa”. Cũng là vì “nghĩa” mà làm. Gây chiến tranh là điều bất nhân, tạo nên cảnh chết chóc đau thương cho người lính, người dân vô tội, đó là điều ác, nhưng đó là điều ác phải làm! Chiến tranh nào không làm điều ác, dù là “Lam Sơn khởi nghĩa”, hay cuộc dấy binh của anh em nhà Tây Sơn, cũng đều là gây nên sự chém giết cả. Điều quan trọng là cái “tâm” của người gây chiến tranh. Trở lại việc Lam Sơn dấy nghĩa của Lê Lợi, cái “tâm” của ông là làm việc nghĩa, gây chiến là việc chẳng đáng dừng. Cái tâm của ông là làm điều nhân, không muốn hại người. Gây chiến tranh tức có cảnh “máu chảy xương rơi” nhưng có ai cho rằng đó không là việc hại một người cứu muôn người. Quan trọng là phải tính toán làm sao ít hao hại nhất, về cả nhân mạng của hai bên, của dân thường và tài sản. Một điều “nhân” cần bàn cho cho rõ nữa. Người ta khi cầm quyền, phải lấy sự thương dân làm đầu, tránh cho dân những điều khổ đau tang tóc... Như thế thì ai cũng vì “lợi” chứ không còn nhân nghĩa gì nữa cả, coi như thiên hạ đại loạn rồi. Đó là lúc nhân loại giết nhau để tự mình tiêu diệt, sẽ không còn gì để nói nữa. Cuộc kháng chiến chống quân Minh diễn ra lâu dài với muôn vàn khó khăn gian khổ nhưng thể hiện tinh thần quật khởi của một dân tộc anh hùng. Tư tưởng nhân nghĩa trong “Bình Ngô đại cáo” thể hiện tinh thần nhân bản và giá trị nhân văn sâu sắc, là kim chỉ nam cho đường lối chính trị và quân sự của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Tư tưởng đó đã giúp cho Lê Lợi giương cao ngọn cờ chính nghĩa, hiệu triệu quần chúng tham gia đánh đuổi giặc Minh. Nó biến thành sức mạnh to lớn đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Có thể nói, Bình Ngô Đại Cáo là tác phẩm rất nổi tiếng trên toàn thế giới đánh dấu mốc son chói lọi trong lịch sử nước nhà!

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy tìm hiểu và phân tích về thơ Haiku

Hằng năm, có hàng trăm cuộc thi sáng tác thơ Haiku được tổ chức ở Nhật và trên khắp thế giới, thu hút hàng ngàn sáng tác dự thi. Vì sao một thể thơ đặc trưng của Nhật lại hấp dẫn người ta đến như vậy? Có lẽ, cũng như tôi, rất nhiều thế hệ sinh viên trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP. Hồ Chí Minh đã rất tri ân nhà nghiên cứu văn học, dịch giả Nhật Chiêu, bởi ông đã mang đến cho học trò những “câu chuyện văn chương phương Đông” tuyệt đẹp, và đặc biệt là dẫn dắt chúng tôi khám phá thế giới thơ Haiku của Nhật Bản. Những ngày ấy, cứ đến tiết học văn học Nhật của thầy Chiêu là giảng đường luôn chật cứng sinh viên. Giữa cái nóng hầm hập của Sài Gòn đầu hè, giữa tiếng xe cộ ồn ã từ ngoài đường phố không ngớt dội vào, chúng tôi mơ màng về một nước Nhật cổ kính, có tuyết rơi, hoa đào, cành khô, chiều thu, ao cũ..., lặng đi trước ẩn dụ sâu thẳm gói ghém trong những bài thơ “nhỏ xíu”: Ao cũ Con ếch nhảy vào Vang tiếng nước xao Thơ Haiku phát triển mạnh ở Nhật từ nửa đầu thời kỳ Edo (1603 - 1868). Người có công đưa Haiku đến đỉnh cao là Matsuo Basho. “Ông sống trong một thảo am bên sông, giữa vườn cây chuối nên mới có tên Basho (Ba Tiêu bằng chuối). Được đề bạt làm một chức quan trị thủy, Basho cũng từ bỏ nó để tự do làm thơ, dạy học, trầm tư và lang thang khắp đất nước. Những bài Haiku văn tắt của ông có một sức vang động thâm trầm của nước như câu cuối trong một bài thơ trữ danh về con ếch, nhảy xuống chiếc ao xưa và vang lên tiếng nước xao (mizu no oto = thủy chi âm). Được mệnh danh là “thể thơ nhỏ gọn nhất thế giới”, mỗi bài Haiku có 3 dòng, dòng đầu và dòng cuối có 5 âm tiết, dòng giữa có 7 âm tiết, tổng cộng cả bài chỉ có 17 âm tiết. Haiku ghi lại sự vật, sự việc một cách đơn giản, nhưng đem lại cho người đọc sự liên tưởng sâu sắc, và thường có những từ ngữ hoặc những hình ảnh ẩn dụ chỉ mùa. “Haiku không cốt nói nhiều. Nó im lặng hơn là nói. Nó trống chứ không đầy, theo tinh thần bất dục doanh (không muốn đầy) của minh triết ngày xưa. Nó cần có chỗ trống như một trà thất để con người tự đổ đầy bằng tâm hồn của mình”. Ngày nay, dù Haiku đã không còn bị gò bó quá chặt chẽ trong khuôn khổ “17 âm tiết” nữa, cũng không nhất thiết phải có yếu tố chỉ mùa trong bài thơ, nhưng kết cấu 3 dòng và tinh thần bất dục doanh của nó vẫn được giữ nguyên. Hãy đọc bài Haiku hiện đại của một tác giả Nhật Bản: Đã thoát kiếp đi về Nhưng nỗi buồn

còn đọng lại Trên xác ve (Takaha Shugyô) Không chỉ giới hạn ở Nhật, Haiku đã được nhiều nhà thơ lớn trên thế giới chọn làm hình thức sáng tác. Sang Việt Nam, nhà thơ Chế Lan Viên cũng đã có một chùm Từ thể chi ca (bài ca từ biệt cõi đời) viết theo thể Haiku, gợi nhiều suy tư về sự phù du của cuộc sống và lẽ sống - chết ở đời: Anh chỉ còn một nhúm xương tro trong bình Em đừng khóc Ngoài vườn hoa cỏ mọc Và bản thân người viết bài, trong lần thầy Nhật Chiêu cho cả lớp thực tập làm thơ Haiku, cũng đã may mắn có lần “chạm được vào tinh thần của Haiku” như thầy Chiêu nhận xét: Hoa tím nhỏ nhoi Vươn qua hàng đậu Xin đừng quên tôi. Bài viết của Phạm Thu Nga(Đăng trên báo Thanh Niên số Chủ nhật 24/6/2007) Tác giả : Nhật Chiêu (bác này cực nổi về thơ Haiku của Việt Nam) 1. - Để bước vào thế giới thơ Haiku của Nhật Bản, ta hãy thử gặp gỡ một kinh nghiệm cảm xúc của Chiyo, nhà thơ nữ lỗi lạc sống vào thế kỷ thứ 18. - Một buổi sáng, Chiyo định thả gầu lấy nước giếng. Nhưng quanh dây gầu đang vướng một bông hoa xinh, đó là hoa Asagao - một loại hoa đồng cỏ nội rất đời bình thường, một thứ dây leo. Tên nó có nghĩa là “gương mặt của sớm mai” (asagao = triều nhan). Không nỡ động chạm đến hoa, nhà thơ đành xin nhờ nước giếng hàng xóm - Và kinh nghiệm bình thường mà kỳ diệu ấy được ghi lại qua một hình thức thơ ngắn gọn - Haiku (ba câu 5 - 7 - 5 âm) A ! Hoa bìm bìm Chiếc gầu vướng hoa bên giếng Đành xin nước nhà bên (Asagao ya ! Tsurube torarete Morai mizu) - Người và hoa gặp nhau trong buổi sáng. Không nói năng chi - nhưng khoảnh khắc ấy đã đánh thức thi ca. Vũ trụ như hóa thành một bông hoa bìm bìm. Và người đi lấy nước cho dù không làm bài thơ trên, chỉ lặng lẽ đi xin nước nhà bên để khoảnh khắc kia được vẹn toàn, người ấy vẫn bước vào Diệu Xứ của Thơ Ca, của Hoa - Thơ Haiku thường nắm bắt được khoảnh khắc ấy, cái khoảnh khắc mà thế giới hiện ra mới mẻ tinh khôi như hoa bìm bìm trong buổi sớm mai - “Để em nghe lời tôi nói”, nhà thơ Chile Pablo Neruda viết “lời lẽ tôi đôi khi thu nhỏ lại”” để có thể đi sâu vào tâm hồn người, Haiku cũng thế, nó thu mình nhỏ lại - Về sự vắn tắt của Haiku, nhà phê bình nổi tiếng của Pháp Roland Barthes có ý kiến như sau: “sự ngắn gọn của Haiku không phải là vấn đề hình thức, haiku không phải là một tư tưởng phong phú rút vào một hình thức ngắn, mà là một sự tình vắn tắt đã tìm ra được hình thức vừa vặn của mình” - Bởi vì Haiku không cốt nói nhiều, nó im lặng hơn là nói. . Nó trống chứ không đầy, nó nhỏ nhắn nhưng không bao giờ chật cứng. - Haiku chỉ ra sự vật như hoa bìm bìm, hạt cát, bầy ruồi... và rồi dừng lại chứ không giải thích, không miêu tả. Nó chỉ ra sự vật như đứa trẻ chỉ vào sự vật quanh mình, nói từng tiếng một hoặc reo lên. Đến với Haiku, ta thấy

nó thơ ngây một cách hiền minh và hiền minh một cách ngây thơ - Có những bức tranh hoành tráng làm cho bạn bàng hoàng nhưng cũng có những tiểu họa làm cho bạn ngạc nhiên. Paul Klee chỉ vẽ những bức tranh nhỏ và đường nét giản lược đếm mức gần như đường nét trẻ con viết. Tuy thế, Klee không phải là họa sỹ lớn à? - Khi nhà thơ haiku chọn đề tài, họ không bao giờ từ chối những sự vật nhỏ bé, bình thường mộc mạc. Trên mình ngựa, bầy ruồi Không rời nón lá tôi Ôi, nóng bức ! (Shiki) - Còn có kinh nghiệm nào bình thường hơn là sự chịu đựng nóng bức, ruồi nhặng? Nhưng giữa tôi và ruồi dường như có chung một điều gì đó, cùng số phận với nhau trong oi bức, không ly cách trong nắng trời... 2. Một hạt cát còn vương Trong vỏ sò nhỏ Một bờ cát nâu vàng (Kikaku) - Khi Kikaku mở vỏ Shijimi (một loại sò nhỏ) ông nhìn thấy một hạt cát. Và hạt cát đó là một tấm gương phản ánh một vũ trụ cát. Con sò đã chết và hạt cát vô tri ấy làm sống lại nơi Kikaku một kinh nghiệm về biển bờ, một tri kiến nào đó về đời sống vô bờ - Thơ haiku gần với đời sống đến thế, giao hòa với đời sống đến thế có thể nói là do thiên tài của Bashô. Ông đã từ bỏ phụng sự lãnh chúa, từ bỏ cả quan chức để suốt đời miệt mài đem thơ haiku trở lại với thi ca chân chính, với đời sống. Bashô làm được điều kỳ diệu đó cách đây ba thế kỷ, thế mà mỗi lần muốn phục hưng thơ haiku cũng không còn cách nào khác hơn là trở lại với ông. Vương trái tim tôi Ngang con đường núi Đồng thảo nở hoa tươi - Trên con đường mòn hoa nắng qua núi trong nắng xuân, Bashô chợt nhìn thấy cánh hoa tím vươn lên trong cỏ và đá, loài hoa từng được gọi là “trái tim của mùa xuân”. Sự sống đang vươn lên từ nơi tịch mịch nhất. Bông hoa và trái tim của Bashô như cùng nhịp đập với mùa xuân - Nghệ thuật haiku cũng như các nghệ thuật khác của Nhật Bản thường gần bó với thiên nhiên, biểu hiện một kinh nghiệm thanh tịnh và một niềm hân thưởng đời sống đơn sơ mộc mạc. - Nếu haiku gọi ra sự cô đơn thì đó cũng chỉ là sự xa lánh vọng động chứ không phải là sự cô lập. Đây là cảm thức hòa điệu sâu xa với sự vật chung quanh mình, nhưng trong một bài thơ khác của Bashô : Chim Kankôdôri ơi Đêm nổi buồn thăm thăm Mà lắng đọng vào tôi - Đây là ước muốn giao cảm với sự vật đến tận cùng chứ không phải là cô đơn theo nghĩa vị kỷ. - Bashô nhìn thấy thiên nhiên đa dạng nhưng đồng nhất: Vầng trăng đây Nghiêng nhìn về biển Bầy nàng Kômachî - Kômachî là nữ sỹ thế kỷ thứ 9, nổi danh về tài thơ và nhan sắc hơn người, là đề tài của bao tác phẩm văn chương Nhật. Kômachî đẹp từng lúc khác nhau nhưng bao giờ cũng chỉ là nàng. Luôn luôn khác mà cũng luôn luôn giống nhau. Bao giờ cũng chỉ là một vầng trăng dù nó biến đổi và phản ánh thế nào trong nước - Con người trong thơ haiku cũng như trong

tranh thủy mặc thường có vẻ bị thiên nhiên che lấp để chỉ còn nhỏ xíu cô quạnh. Nhưng nếu vì thế mà cho rằng ở đây con người lệ thuộc thiên nhiên hay con người đang trốn tránh thế giới con người thì e rằng quyết đoán ấy không đúng. Ở đây con người không lệ thuộc mà là hòa đồng, hòa làm một với những sức mạnh của nguyên tố, của vũ trụ. Phong cảnh không phải là cái nền nhỏ mọn ở sau lưng con người như nhiều tranh thời Phục Hưng của Châu Âu đã thể hiện. 3.. - Hoà điệu với cây cỏ thiên nhiên, với vũ trụ, con người không trở nên hèn mọn mà chính là yếu tố của một vận động chung, một sinh hoá chung. Thiên nhiên không áp đảo con người mà chỉ tự biểu hiện và vận động trong cái “tự nhiên nhi nhiên” của nó. Nó tự mọc, tự giồng bão, tự sinh hoa kết trái không có thần linh ngự trị. - Có thể thấy sự hoà điệu ấy qua một bài thơ của Buson (thế kỷ 18) Bè trôi giữa bão giông Áo tơi người chèo chống Hoá áo hoa đào - Hoa đào trong gió loạn bám đầy áo người đang chèo chống. Buson nói rằng anh ta đang mặc áo hoa đào. Cũng như Hàn Mặc Tử bảo rằng mình mặc vải trắng: Áo tôi rách rưới trời khôn vá Cả bốn mùa trắng mặc vải trắng - Không phải chỉ có người đang khoác lấy thiên nhiên cũng đang mang lấy tính người. Đây là một tương quan mật thiết và thâm trầm chỉ có haiku mới thể hiện được sinh động và tinh tế đến thế. - Giao hòa với thiên nhiên, nhà thơ haiku như ngửi được mùi thơm của sao và hái được tiếng hót chim cu: Đêm mát - Hương hoa mơ Trên đỉnh Atagô Một chòm sao thơm ngát Kikaku Ta hái tiếng hót người Như hái một nhành hoa dại Chim cu ơi ! Kôdô - Nhà thơ haiku như nhìn thấy được những sự tương quan kỳ lạ: Tiếng chim cu lanh lạnh Từ đâu vọng lên Diên vĩ cao từng nhánh Bashô Nghe sáo vọng xưa xa Sóng cũng tràn đi tới Ôi mùa thu Suma Buson - Cả màu sắc của một tiếng kêu cũng được nhà thơ cảm nhận: Sấm dền biển khơi Tiếng kêu bầu vịt trời Trắng mờ trong bóng tối. - Thiên nhiên và sự vật ở thơ Issa bao giờ cũng nồng ấm tình người. Ở tuổi 61, ông sống cô đơn: năm đứa con đều chết trẻ, người vợ 37 tuổi cũng mới qua đời Chiều thu Nghe tôi than thở Là vách đất âm u. - Dường như vách đất cũng có thể đồng cảm với nỗi đau của con người. Trong bức tranh vĩ đại của họa sĩ Sesshu (thế kỷ 15) vẽ Bồ Đề Đạt ma ngồi nhìn vách đá, ta thấy họa sĩ vẽ cả những con mắt to và sâu thẳm trên vách, chúng như “đồng vọng” lại đôi mắt mãnh liệt của vị tổ sư! Vách đất của Issa cũng sống động như thế. - Trong hội họa Á Đông, người họa sĩ năm bắt đời sống không phải từ hình dáng bên ngoài mà từ bên trong. Nguyên lý của nó có thể tóm thâu trong câu nói này: “Chỉ cần một nhánh cỏ thôi là đủ cho thấy cơn gió đi qua”. - Có phong cách vẽ tranh “một góc” để chừa một khoảng trống lớn. Cũng có thể nói rằng haiku cũng chừa một khoảng trống

như vậy. Đây là cái chân không sinh động, cái chân không dào dạt sự sống chứ không phải là hư vô của phương Tây. Cái chân không này được biểu hiện trong những nghệ thuật khác của Nhật Bản như Trà Đạo, Vườn Đá, Cắm Hoa... - “Trọng tâm của bức tranh thủy mặc”, Kawabata nói, “nằm ở khoảng không, nghĩa là ở khoảng trống không có nét vẽ”. - Ngay cả những hình tròn biểu hiện cho sự viên mãn (như mặt trời, mặt trăng) trong tranh vẫn thường không được vẽ đầy đủ mà chỉ vẽ một phần nét cong. Còn trà đạo thì dạy rằng không nên dùng những bông hoa đã nở toàn vẹn. - Cũng như nghệ thuật vườn cảnh thì không cần xum xê chi tiết, nhất là trong vườn đá (khô sơn thủy), có thể dùng cát để biểu hiện cho nước, cho sóng biển, cho sự bao la. - Haiku cũng có vẻ “khô khan” như vườn đá Nhật. - Thế nhưng, haiku là một thể giới thi ca mà trong đó cuộc diễn thuyết ở Nhật có nói: “Mọi dân tộc có trách nhiệm tự thể hiện trước thế giới. Nếu cứ để cho mình tối tăm thì điều đó phải được xem là một trọng tội quốc gia, còn tệ hơn là cái chết và không bao giờ được lịch sử loài người dung thứ. Dân tộc phải phát tiết tinh hoa vốn nằm trong sự giàu có tâm hồn, vượt qua những nhu cầu tạm bợ lẻ loi mà nắm lấy trách nhiệm gọi lời mời tinh thần và văn hóa đến thế giới bên ngoài mình”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy nêu lên những suy nghĩ của mình về lòng khoan dung trong cuộc sống của mỗi con người

Đề bài: Trong bài “Đại cáo bình Ngô” của Nguyễn Trãi miêu tả những tội ác tày trời của giặc Minh đối với nhân dân ta đến mức: “Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ, Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng” khiến trời đất cũng không thể dung tha. Nhưng khi quân ta đại thắng chẳng những không giết hại mà hơn thế còn “cấp cho 500 chiếc thuyền, phát cho vài nghìn cỗ ngựa” để cho về nước. Từ việc cảm nhận tư tưởng cao đẹp đó. Anh (chị) hãy nêu lên những suy nghĩ của mình về lòng khoan dung trong cuộc sống của mỗi con người.

DÀN Ý Mở bài: Việt Nam là một dân tộc anh hùng. Bản sắc anh hùng của đất nước Việt Nam không chỉ là những chiến công oanh liệt mà còn vì một tinh thần nhân ái, bao dung đã thấm sâu vào máu thịt của con người mang dòng máu Việt. Và cũng như một lẽ dĩ nhiên, truyền thống ấy đi vào thơ ca, văn học, trở thành một tư tưởng đậm nét và đặc sắc. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi - áng thiên cổ hùng văn không chỉ cho ta thấy một trang sử hào hùng của dân tộc mà còn mang đến cho ta cảm nhận sâu sắc về lòng khoan dung trong cuộc sống. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm Bình Ngô đại cáo và tư tưởng nhân nghĩa, lòng khoan dung trong tác phẩm Tội ác của giặc đến “trời đất cũng không thể dung tha”. Tội ác ấy “Trúc Nam Sơn cũng không ghi hết tội Nước Đông Hải chẳng rửa sạch mùi”. Thế nhưng, con người Việt Nam - cùng với truyền thống nhân nghĩa, độ lượng và khoan dung của họ - đã không ngần ngại dang rộng đôi tay để cứu vớt kẻ thất thế. Bắt được quân thù, ta không những không giết, mà còn cấp quân lương, thuyền bè đầy đủ, giúp họ trở về đất mẹ một cách an toàn. Nguyễn Trãi viết: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn Lấy chí nhân để thay cường bạo” - Và đó là một tư tưởng rất tiến bộ, có thể nói là vượt thời đại.

** Bình luận: + Giải thích: Lòng khoan dung: (sự tha thứ, rộng lượng... Là lẽ sống cao đẹp, là phẩm chất, đức tính tốt đẹp của con người...) + Biểu hiện của lòng khoan dung trong cuộc sống - Là cách ứng xử độ lượng, là biết hi sinh, nhường nhịn đối với người khác... - Cao hơn, khoan dung là tha thứ cho những khuyết điểm, những lỗi lầm của người khác... - Trong những trường hợp nhất định, khoan dung đôi khi phải là “sự nghiêm khắc”, “thương cho roi cho vọt”... + Tại sao lại cần lòng khoan dung trong cuộc sống: -*

Trước hết, lòng khoan dung là phẩm chất của một con người, là một tư cách, thái độ ứng xử tốt đẹp và cao thượng... - Con người không có ai là hoàn hảo, vì thế, cần biết rộng lượng, khoan dung với mọi người.... - Khi tha thứ cho người khác thì sẽ giúp người đó có thể trở nên tốt đẹp hơn, không những thế còn giúp ta thanh thản, cảm thấy mình sống có ích hơn... + Liên hệ, mở rộng: - Khoan dung là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đã có từ bao đời nay - Khoan dung không có nghĩa là bao che, dung túng cho những việc làm sai trái với đạo đức xã hội, với pháp luật... - Tha thứ cho bản thân cũng là một biểu hiện của lòng khoan dung - Liên hệ với bản thân và giới trẻ ngày nay...

Văn Mẫu Lớp 10 - Tìm hiểu và phân tích về thơ Haiku

Chưa đầy một mùa trong năm, gần bốn ngàn bài thơ haiku gởi về cho cuộc thi sáng tác thơ haiku lần đầu tổ chức tại Việt Nam, tạo nên một mùa thơ haiku như một cơn mưa giữa mùa mưa. Thơ haiku tiếng Việt chen kề tiếng Nhật như muốn hòa âm và đồng vọng, như muốn vượt thoát cái vỏ ngôn ngữ mà đến với nhau. Cuộc hòa điệu tâm hồn của các dân tộc có thể khởi đầu từ thơ ca. Dưới cái nhìn của thơ ca, thế giới hiện ra như là giai điệu đầy hơi thở sự sống. Ở đây và bây giờ. Khoảnh khắc và vĩnh cửu. Cái nhỏ và cái lớn. Những người làm thơ haiku trong cuộc chơi này dẫn ta vào giai điệu ấy. Vừa nghe mưa rơi, tôi vừa bất ngờ bắt gặp bài thơ đầy âm vang vô thanh này: Con cá thở Bọt bong bóng vỡ Mưa phùn (Nguyễn Thế Thọ) Hãy lắng nghe cá thở, nghe niềm vui của cá. Hãy lắng nghe bọt nước, nghe mưa phùn, nghe giai điệu tinh tế ấy của đời! Cùng tác giả này, ta lại thấy: Đóa hướng dương Nhú trong vườn cỏ Ngày không mặt trời (Nguyễn Thế Thọ) Giữa khát vọng và thất vọng, là đóa hướng dương ấy, trong một ngày không nắng. Vượt lên niềm vui và nỗi buồn là đóa hướng dương ấy. Đóa hoa ấy sống trong sự vắng mặt của mặt trời mà vẫn không tuyệt vọng. Đó mới thật sự là...hướng dương. Khi thơ haiku làm cuộc viễn du khắp thế giới thì nguyên tắc về Kigo (quý ngữ, hay từ chỉ mùa) không nhất thiết phải tuân thủ. Tuy nhiên, bài haiku sau đây lại dùng “từ mùa” rất tuyệt: Cúc áo bung ra Một côi trắng ngần Hạ đến (Trần Đức Việt) Có một vẻ đẹp hiện đại, đầy gợi cảm trong bài thơ trên. Ta cảm nhận được cái nóng hổi của mùa hạ và hơi mát tinh khiết của một làn da. Mùa thay áo đổi. Giao cảm giữa người và mùa. Giữa thời hiện đại, thơ haiku vẫn kéo mọi người về với mùa, với thiên nhiên, với trăng: Trên đầu ngọn cây Khoảng trống nơi cành khô gãy Một mảnh trăng lấp đầy (Phan Thị Kiều Trang) Hai nửa vầng trăng Chơi với đầu ngọn sóng Trong cuộc kiếm tìm nhau (Trần Thị Bích Liên) Tuy vậy, đó cũng là thiên nhiên trong âm thức hôm nay: Những chiếc lá vàng Xoay tròn điệu valse Nhạc gió (Vũ Tam Huê) Ngay cả cái cô tịch thường thấy trong thơ haiku xưa vẫn được cảm ứng trong một tương chiếu bất ngờ: Cánh chim hải âu Đáp xuống cột buồm lão ngư Hai chấm đen trên biển (Chinh Văn) Cánh chim và ngư ông giữa biển trời mênh mang vừa gần gũi vừa biệt lập. Có tương duyên mà vẫn cô đơn. Thơ haiku nói bằng hình ảnh, thường tránh suy lý. Nhưng đôi khi cũng có thể dung hợp,

như bài thơ sau đây: Vượt lên từ biển mây Fuji nân mặt trời đỏ rực Gởi trái chín tặng đời (Nguyễn Bão) Đảo hoang Chim én về làm tổ Nhựa ẩm dần trong cây (Hà Thiên Sơn) Thời gian Mắt thuyền không khép Bến sông xưa ngược chèo (Văn Luân) Hình ảnh “Mắt thuyền không khép” và “bến sông xưa” liên kết với khái niệm “thời gian” tạo nên cái đẹp sinh động và gợi mở nhiều ý nghĩa. Sự khôn cùng và giấc mơ là đề tài cho một bài haiku đơn sơ mà đầy tình người: Bé gái Nhật mảnh chai Mơ chiếc hài cô tấm (Trần Đức Việt) Vậy là cô Tấm đi vào thơ haiku trong thời chúng ta sống, trong ước vọng và thương yêu, trong bình thường và cái đẹp. Trong cuộc chơi đầy hào hứng, những người tham gia ngay bước đầu đã thể hiện tình yêu say đắm của mình đối với thơ ca, con người và thiên nhiên. Cuộc thi chứng tỏ rằng haiku có thể biểu hiện trong tiếng Việt giàu hình tượng và nhạc điệu. Tiếng Việt có thể phát tiết tinh anh trong thể thơ đặc biệt cô đọng này của Nhật Bản. Nhân loại gặp nhau trong một chén trà, có một nhà văn đã nói như thế. Và ta có thể thêm rằng, chúng ta gặp nhau, đón đợi các người bạn và bắt gặp bản thân mình trong những vần thơ tinh tế mang tên là haiku “

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ về “Lòng khoan dung” qua Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi

DÀN Ý I. Giải thích: - Thế nào Lòng khoan dung? - Lòng khoan dung được thể hiện trong đoạn văn bạn trích được biểu hiện từ tư tưởng nhân nghĩa. Ta có thể thấy rằng, tư tưởng này được biểu hiện xuyên suốt trong Bình Ngô đại cáo. II. Bình luận (Phần chính 1) *Nói sơ về nội dung của đề: - Tội ác của giặc đến “trời đất cũng không thể dung tha”. Tội ác ấy “Trúc Nam Sơn cũng không ghi hết tội Nước Đông Hải chẳng rửa sạch mùi”. Thế nhưng, con người Việt Nam - cùng với truyền thống nhân nghĩa, độ lượng và khoan dung của họ - đã không ngần ngại dang rộng đôi tay để cứu vớt kẻ thất thế. Bắt được quân thù, ta không những không giết, mà còn cấp quân lương, thuyền bè đầy đủ, giúp họ trở về đất mẹ một cách an toàn. Nguyễn Trãi viết: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn Lấy chí nhân để thay cường bạo” - Và đó là một tư tưởng rất tiến bộ, có thể nói là vượt thời đại. Đó là chuyện của cha ông ta ngày xưa. Thế hệ hôm nay, chúng ta có làm được như họ? [Phần này nêu lên những suy nghĩ về lòng khoan dung trong cuộc sống. Có hai luận điểm cần giải quyết: + Trước cuộc sống đầy bộn bề lo toan như ngày nay. Có lẽ 3 chữ “Lòng khoan dung” dường như không có khái niệm trong họ. Ai đó vẫn cho rằng công việc trên hết là kiếm thêm thu nhập, ngoài ra thì “đèn nhà ai nấy sáng”. “Không có lòng khoan dung, ta vẫn sống và khỏe mạnh được như thường”! (Dẫn chứng bằng việc phân tích một khía cạnh trong bức thư của chị Quế Chi gửi Bin Laden (UPU lần 39), các vụ án mạng xảy ra đăng trên báo đài mà nguyên nhân là do con người thiếu đi lòng khoan dung) + Nhưng không phải toàn bộ loài người trên xã hội này đều mất đi thứ tình cảm thiêng liêng ấy. Cũng có nhiều lắm những con người biết quý trọng đồng loại, nhiều lắm những con người vẫn ngày ngày vun đắp cho lòng khoan dung ngày một tốt đẹp hơn. (Khẳng định đây là một con người tốt và sẽ được xã hội quý trọng) (Dẫn chứng: Bác Hồ (ở một số khía cạnh))* III. Đánh giá: Khẳng định lại vấn đề (ở hai thời điểm: Xưa (qua Bình Ngô đại cáo, và nay (qua lối sống ngày nay của con người))

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh tác phẩm Bình Ngô Đại Cáo

Bình Ngô đại cáo là áng “thiên cổ hùng văn” thể hiện thiên tài của Nguyễn Trãi, đỉnh cao về tư tưởng, và nghệ thuật của nền văn hiến Đại Việt trong thế kỉ XV. Cùng với Lam Sơn thực lục, Quân trung từ mệnh tập, Ước Trai thi tập, Quốc âm thi tập... Bình Ngô đại cáo đã làm cho ngôi sao Khuê trở nên chói sáng và lấp lánh ngàn thu. Mùa xuân năm 1428, cuộc kháng chiến 10 năm chống quân Minh xâm lược hoàn toàn thắng lợi. Nguyễn Trãi đã thay lời Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo tổng kết cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc “nên công oanh liệt ngàn năm”, tuyên bố nước Đại Việt bước vào một kỉ nguyên mới độc lập bền vững, “muôn thừa nền thái bình vững chắc”. 1. Nhân nghĩa là tư tưởng chủ đạo của Bình Ngô đại cáo là mục tiêu chiến đấu vô cùng cao cả và thiêng liêng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo. Dấy quân khởi nghĩa vì thương dân, trừng phạt kẻ có tội (điều phạt), tiêu diệt bọn giặc tàn bạo, đem lại cuộc sống yên vui cho nhân dân (yên dân), đó là việc nhân nghĩa. Nhân nghĩa vẫn là học thuyết của Nho giáo đề cao đạo đức, tình nhân ái giữa con người với nhau. Nguyễn Trãi đã tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo theo hướng lấy lợi ích của nhân dân và của dân tộc làm gốc. Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa là yêu nước, thương dân, phải đánh giặc để cứu nước, cứu dân; “triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi chẳng qua là lòng yêu nước thương dân: Cái nhân nghĩa lớn nhất là phấn đấu đến cùng, chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của đất nước, hạnh phúc của nhân dân” (Phạm Văn Đồng). Trong nhiều bức thư gửi tướng tá giặc Minh, Nguyễn Trãi đã đứng trên lập trường nhân dân và dân tộc, nêu cao nhân nghĩa, vạch trần tội ác và bộ mặt giả nhân giả nghĩa của bè lũ chúng: “Nước mày nhân dịp họ Hồ lỗi đạo, mượn tiếng là “điều dân phạt tội”, kì thực làm việc bạo tàn, ăn cướp đứt nước tư, bóc lột nhân dân tư, thuế nặng hình phiền, vợ vét của quý, dân mọn các làng không được sống yên. Nhân nghĩa mà lại thế ư?” (Lại thư trả lời Phương Chính). Trên lập trường nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã khẳng định nền văn hoá Việt Nam, nền văn hiến Đại Việt và con người Việt Nam, một dân tộc văn minh, anh hùng. Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng, Nguyễn Trãi đại diện cho đất nước chiến thắng đã nêu cao giá trị lớn lao của truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta: Như nước Đại Việt ta từ trước, Vốn

xứng nền văn hiến đã lâu, Núi sông bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần, bao đời gây nền độc lập, Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, Mỗi bên xưng đế một phương. Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau Song hào kiệt đời nào cũng có Nền văn hiến Đại Việt, nền “văn hoá Thăng Long” được hình thành, xây dựng và phát triển qua một quá trình lịch sử “đã lâu”, đã có “từ trước” đằng đằng mấy nghìn năm. Đại Việt không chỉ có lãnh thổ chủ quyền “núi sông bờ cõi”, mà còn thuần phong mỹ tục mang bản sắc riêng, có lịch sử riêng, chế độ riêng “bao giờ gây nền độc lập”, đã từng “xưng đế một phương”, có nhiều nhân tài, hào kiệt. Phải có mấy trăm năm độc lập dưới các triều đại Đinh, Lê, Lí, Trần..., phải có những trang sử vàng chói lọi (Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô, Ô Mã Nhi bị giết tươi, bị bắt sống...) phải có những con người “trí mưu tài thức” đã làm nên “thi thư” của Đại Việt, của nền văn minh sông Hồng, thì Nguyễn Trãi mới có thể viết nên những lời tuyên ngôn đỉnh đặc hào hùng như vậy. Nếu như bốn trăm năm về trước, trong Nam quốc sơn hà, Lí Thường Kiệt chỉ mới xác định được hai nhân tố về lãnh thổ và chủ quyền trên ý thức quốc gia và lập trường dân tộc, thì trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã bổ sung thêm bốn nhân tố nữa, đó là: văn hiến, phong tục, lịch sử và nhân tài. Điều đó cho thấy ý thức dân tộc của nhân dân ta đã phát triển trên một tầm cao mới trong thế kỉ XV, và đó cũng là tinh anh, tinh hoa của tư tưởng Nguyễn Trãi.

2. Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây hoạ. Năm 1407, nhà Minh sai Trương Phụ, Mộc Thạnh mang mấy chục vạn quân kéo sang xâm lược nước ta. Lúc đầu thì lấy cớ “phù Trần diệt Hồ”, nhưng sau đó, chúng đã chia đất nước ta thành quận huyện, thi hành một chính sách cai trị vô cùng độc ác: Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây hoạ, Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nguyễn Trãi đã căm giận lên án tội ác vô cùng dã man của “quân cuồng Minh”. Chúng đã tàn sát nhân dân ta một cách man rợ: Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ. Sứ sách còn ghi lại bao tội ác chồng chất của giặc Minh trong suốt một thời gian dài hơn hai mươi năm “dối trời lừa dân, đủ muôn nghìn kế”: rán mỡ người lấy dầu, rút ruột người treo lên cây, thui người trên giàn lửa, phanh thây đàn bà có thai... Chúng bắt nhân dân ta phải xuống biển mò ngọc trai, lên rừng sâu đãi cát, tìm vàng, cống nạp ngà voi, hươu đen, trả biếc,... Sưu thuế chồng chất, phu phen lao dịch nặng nề. Chúng đã tàn phá môi sinh, môi trường, dồn nhân dân ta vào bước đường cùng, vào hố diệt vong: Bại nhân nghĩa nát cả đất trời, Nặng thuế khoá sạch không đầm núi (...) Vét sản vật, bắt dò chim trá, chốn chốn lưới chăng, Nhiều nhân dân, bắt bầy hươu đen, nơi nơi cạm đặt Tồn

hại cả giống côn trùng cây cỏ, Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng... Đẳng sau những hành động dã man, mưu mô xảo quyệt, là bộ mặt ghê tởm lũ ác ôn, bầy quỷ sứ phương Bắc đang hoành hành trên xương máu, nước mắt, trên tính mạng và tài sản nhân dân ta: “Thằng há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán Tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta, không thể ghi hết tội, không thể rửa hết mùi dơ bẩn, trời đất không thể dung tha, người người đều căm giận”. Câu văn cảm thán của Nguyễn Trãi cất lên như một lời nguyện, chất chứa căm hờn, oán giận, xúc động lay tỉnh hồn người: Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội, Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa hết mùi! Lấy trúc Nam Sơn, nước Đông Hải, cái vô hạn để nói về tội ác và sự nhơ bẩn của quân “cuồng Minh”, cái cùng cực, cái vô cùng, Nguyễn Trãi đã ghi sâu vào lòng người, vào bia miệng đến nghìn năm vẫn chưa phai. Nguyễn Trãi đã từng “tiễn cha lên ải Bắc...”, từng nếm mật nằm gai, là chứng nhân của lịch sử gọi vua nhà Minh hiếu chiến là “giảo đồng” (trẻ ranh, nhãi ranh), lũ tướng tá giặc Minh là đồ “nhút nhát”. Đó cũng là tiếng nói căm thù, khinh bỉ, là ý chí sắt đá chống quân xâm lược, chống lũ bành trướng phương Bắc tham tàn, hiếu chiến: Thằng nhãi ranh Tuyên Đức động binh không ngừng, Đồ nhút nhát Thanh, Thằng đem dầu chữa cháy! 3. Ta đây: núi Lam Sơn dấy nghĩa. Lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là Lê Lợi. Trong bia Vĩnh Lăng, các bài thơ Hạ tiệp, Đề kiếm... đều có nói đến Lê Lợi, nhưng chỉ trong Bình Ngô đại cáo, Lê Lợi mới được thể hiện một cách tuyệt đẹp, tiêu biểu cho tinh hoa và khí phách của Đại Việt. Là một anh hùng của nhân dân giàu lòng yêu nước, nuôi chí lớn phục thù, phục quốc, đã từng nhiều năm mai danh ẩn tích đón đợi thời cơ: Ta đây Núi Lam Sơn dấy nghĩa. Chốn hoang dã nương mình. Con người ấy đã gắn bó với nhân dân, đã đau trong nỗi đau lầm than của dân tộc, đã “nếm mật nằm gai”, đã “đau lòng nhức óc suốt mấy chục năm trời”, quyết không đội trời chung với giặc: Ngầm thù lớn há đội trời chung, Căm giặc nước thề không cùng sống. Con người ấy tiêu biểu cho trí tuệ Việt Nam, có một nhãn quan lịch sử nhìn suốt thời gian và nắm chắc vận mệnh dân tộc: Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh, Ngầm trước đến nay: lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trăn trọc trong cơn mộng mị, Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi. Ngày đầu khởi nghĩa, quân không quá 2.000 người, có lúc “cơm ăn thì sớm tối không được hai bữa, áo mặc thì đông hè chỉ có một manh... khí giới thì thật tay không” (Quân trung từ mệnh tập). Thế và lực, giữa ta và giặc vô cùng chênh lệch: “Vừa lúc cờ khởi nghĩa dấy lên - Chính lúc quân thù đang mạnh”. Khó khăn, thử thách chồng chất nặng nề. Ngặt nghèo nhất là thiếu nhân tài hào kiệt: Tuấn kiệt như sao buổi

sớm, Nhân tài như lá mùa thu. Việc bồn tẩu thiếu kẻ đỡ đần, Nơi duy ác thiếu người bàn bạc. Người anh hùng áo vải Lam Sơn, một mặt “Cổ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả”, mặt khác nêu cao quyết tâm “gắng chí phục thù gian nan”, đồng cam cộng khổ với tướng sĩ, đoàn kết toàn dân để đánh giặc: Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới, Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào. Sức mạnh của nghĩa quân bắt nguồn từ sức mạnh vô tận của nhân dân, của lực lượng đông đảo “manh lệ chi đồ tứ tập”, của đoàn nghĩa sĩ “phụ tử chi binh nhất tâm”. Điều đó cho thấy cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là một cuộc chiến tranh nhân dân do người anh hùng áo vải lãnh đạo. Sức mạnh của nhân dân, tài năng xuất chúng của lãnh tụ là nguồn gốc của chiến thắng. Người anh hùng ấy là một thiên tài quân sự “sách lược thao suy xét đã tinh... lẽ hưng phế dẫn đo càng kỹ”. Người anh hùng ấy đã phát huy tinh hoa nền quân sự Việt Nam, để chỉ đạo chiến tranh, phát huy mọi tiềm năng của dân tộc, của tướng sĩ để chiến đấu và chiến thắng: Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh, Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều. Có thể nói, cảm xúc trữ tình trong Bình Ngô đại cáo được thể hiện qua hình ảnh Lê Lợi, người anh hùng nghĩa quân Lam Sơn. Lê Lợi vừa bình dị, vừa vĩ đại, vị cứu tinh của đất nước xuất hiện và nếm trải bao cay đắng lắm than cùng nhân dân, từ máu đổ xương tan mà “nên công oanh liệt ngàn năm”. Nguyễn Trãi đã có sự nhập thân, hoá thân kì diệu khi thể hiện tài trí, khí phách và tầm vóc vĩ đại của Lê lợi, một mặt nêu cao lòng tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hiến Việt Nam, mặt khác cũng thể hiện nhân cách, chí hướng, tài trí và tâm huyết của mình. Với cảm hứng anh hùng và cảm xúc trữ tình, Nguyễn Trãi đã dành những câu văn, đoạn văn đẹp nhất khi khắc hoạ hình ảnh vị lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn. 4. Đánh một trận sạch không kinh ngạc - Đánh hai trận tan tác chim muông. Nguyễn Trãi đã dành phần lớn bài đại cáo nói về diễn biến cuộc đấu tranh vũ trang và quá trình phản công của nghĩa quân Lam Sơn. Phần thứ tư này như những trang ký sự chiến trường mang giọng điệu hào hùng, mạnh mẽ. Sức mạnh nhân nghĩa, ấy là đại nghĩa, là chí nhân đã đè bẹp và nghiền nát giặc Minh hung tàn, cường bạo. Lời văn sang sảng cất lên: Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo. Có vượt qua những thử thách nặng nề “Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần - Khi Khôi Huyện quân không một đội”, nghĩa quân mới trưởng thành trong máu lửa. Quân ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng lớn. Chiến công nối tiếp chiến công, thế đánh như “trúc chẻ cho bay”, như “sấm vang chớp giật” giáng xuống đầu quân xâm lược. Cảnh tượng chiến trường vô cùng rùng rợn, máu giặc chảy

thành sông, xác giặc chất cao như núi: Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm, Tuy Đông thấy chất đầy nội, nhơ để ngàn năm. Trên đà chiến thắng “Sĩ khí đã hăng - Quân thanh càng mạnh”, nghĩa quân tiến công trên quy mô rộng lớn, giải phóng những vùng chiến lược quan trọng: “Tây Kinh quân ta chiếm lại... Đông Đô đất cũ thu về”. Giặc đã thảm bại “trí cùng lực kiệt”, lũ tướng Thiên triều, đưa thì “nghe hơi mà mất vía”, thắng thì “nín thở cầu thoát thân”, Trần Hiệp “phải bêu đầu”, Lí Lượng “đành bỏ mạng”. Chiến cục Chi Lăng - Xương Giang - Bình Than vào mùa thu năm 1427 diễn ra vô cùng ác liệt. Quân ta làm chủ chiến trường đã “điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong”, đã “sai tướng chen đường, tuyệt nguồn lương thực”, đã dồn 15 vạn viện binh giặc vào tử địa. Liễu Thăng cắt đầu, Lương Minh đại bại tử vong, thượng thư Lí Khánh cùng kế tự vẫn. Hành chục vạn giặc bị tiêu diệt hoặc bị bắt sống: Lạng Giang, Lạng Sơn thấy chất đầy đường, Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước. Đạo quân Vân Nam bị quân ta chặn đánh ở Lê Hoa “nghe hơi khiếp vía mà vỡ mật”, quân Mộc Thạnh đại bại ở Cần Trạm “xéo lên nhau chạy để thoát thân”. Sông suối bao la một vùng biên giới tây bắc ngập đầy máu giặc: Suối Lãnh Cá, máu chảy trôi chày, nước sông nghẹn ngào tiếng khóc. Thành Đan Xá, thấy chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen. Đây là tướng sĩ của nghĩa quân Lam Sơn: “Sĩ tốt kén tay tì hổ - Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.” Và đây là hình ảnh bọn tướng tá Thiên triều trong tình hình “quân cô, lực kiệt, viện tuyệt, thế cùng”: Đô đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội, Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tự xin hàng. Bình Ngô đại cáo là một bản tổng kết chiến tranh 10 năm. Tác giả đã tái hiện lại toàn bộ diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu cờ nghĩa mới phát lên, trải qua những chặng đường máu lửa, trưởng thành trong thử thách hy sinh, giành thế chủ động chiến lược, tiến lên đánh bại hoàn toàn quân xâm lược. Nghệ thuật miêu tả các trận đánh dùng lối đặc tả, rất biến hoá, lúc ghi lại hình ảnh thảm bại, thảm hoạ của lũ tướng tá Thiên triều, lúc thì miêu tả cảnh chiến trường rùng rợn. Kết cấu tương phản đối lập được tác giả vận dụng sáng tạo để làm nổi bật giữa ta và địch, chính nghĩa và phi nghĩa, đại thắng và đại bại... Cách dùng từ, sáng tạo hình ảnh, các biện pháp đối xứng và thậm xưng cho thấy một bút pháp nghệ thuật kì tài, tạo nên âm điệu anh hùng ca. Bình ngô đại cáo là khúc ca thắng trận vô cùng oanh liệt, cho ta bao xúc động tự hào: Gươm mài đá, đá núi cũng mòn, Voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận, sạch không kinh ngạc, Đánh hai trận, tan tác chim muông... Qua Bình Ngô đại cáo, ta thấy Lê Lợi là một nhà chiến lược vĩ đại đã biết phát động chiến tranh khi thời cơ đã chín mùi, khi mà tội ác

quân cuồng Minh “Lẽ nào trời đất dung tha - Ai bảo thần dân chịu được? Trai qua bao năm tháng! Lẽ hưng phế dẫn đo cang kỷ”, “Sách lược thao suy xét đã tinh”, Lê Lợi mới phát cờ khởi nghĩa. Lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn đã có tài chỉ đạo chiến tranh đánh cho lũ giặc Minh đại bại: Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp, Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng. Chính trong điều kiện chiến trường đó, Lê Lợi đã kết thúc chiến tranh, đã “mở đường hiếu sinh” trao trả cho nhà Minh hàng chục vạn tù binh: Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng. Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức. Khởi nghĩa để “trừ bạo” và “yên dân”, kết thúc chiến tranh để chấm dứt đổ máu, để bảo vệ “toàn quân”, “để nhân dân nghỉ sức”. Nguyễn Trãi với niềm tự hào chiến thắng đã ca ngợi “đại nghĩa” và “chí nhân” của dân tộc ta. Đại Việt là một nước văn hiến lâu đời, rất nhân đạo và yêu chuộng hoà bình.

5. Xã tắc từ đây vững bền. Kết thúc bài đại cáo là một khúc ca khái quát hoàn toàn về ngày mai tươi sáng của Đại Việt - một nước văn hiến: Xã tắc từ đây vững bền, Giang sơn từ đây đổi mới. Càn khôn bĩ mà lại thái. Nhật nguyệt hối mà lại minh. Muôn thuở nền thái bình vững chắc. Như một quy luật tất yếu: “bĩ mà lại thái”, “hối mà lại minh”, đất nước ta sau 20 năm trời bị quân cuồng Minh “dối trời, lừa dân..., gây binh kết oán” nay đã sạch bóng quân xâm lược, “ngàn năm vết nhục nhã sạch làu”. Tổ quốc Đại Việt bước vào một kỉ nguyên mới độc lập, hoà bình, thịnh vượng trong “vững bền”, hướng về “đổi mới”, và “vững chắc” đến muôn đời. Giọng văn đĩnh đạc hào hùng, đầy tự hào tin tưởng, thể hiện khát vọng hoà bình, độc lập và hạnh phúc của nhân dân ta. Sự nghiệp “Bình Ngô” mà đại thắng là nhờ sức mạnh chính nghĩa, nhân nghĩa và truyền thống yêu nước, anh hùng của dân tộc ta. Đó là nguồn gốc, là nguyên nhân sâu xa làm nên chiến thắng. Sự nghiệp “bình Ngô” là trang sử vàng chói lọi, là “Một cổ nhưng y chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm...” Trong chiến tranh, Nguyễn Trãi là một mưu sĩ “tâm công” cánh tay phải đắc lực của Lê Lợi, là người “viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết một thời” (Lê Quý Đôn). Thư từ gửi tướng tá giặc Minh của ông “có sức mạnh như mười vạn quân” (Phan Huy Chú). Nguyễn Trãi đã cùng Lê Lợi làm nên sự nghiệp “bình Ngô” là người đã thảo ra Bình Ngô đại cáo, bản tuyên ngôn độc lập, hoà bình của Đại Việt trong thế kỉ XV. Bình Ngô đại cáo cho ta thấy một bút lực và tài học vô song của Ức Trai. Cáo là một thể văn cổ điển rất trang nghiêm, để thông báo cho toàn dân một sự kiện quan trọng. Sự nghiệp “bình Ngô” kéo dài trong 10 năm trời. Quân và dân ta trải qua muôn vàn gian lao thử thách, lập bao chiến công lẫy lừng... từ những tháng năm lầm than đến ngày toàn thắng “bốn phương biến cả thanh bình”,

thế mà Nguyễn Trãi đã viết một cách hàm súc: bài đại cáo chỉ dài 1343 chữ. Cảm hứng nhân nghĩa, cảm hứng anh hùng và khát vọng độc lập, hoà bình đã tạo nên tầm vóc văn chương, màu sắc sử thi của bài đại cáo bình Ngô, bản anh hùng ca Đại Việt. Ngôi bút nghệ thuật của Nguyễn Trãi rất biến hoá trong miêu tả và tự sự, trong trữ tình và bình luận, vừa sắc sảo và thâm thúy, vừa đa thanh; lúc thì đỉnh đạc, hào hùng, trang nghiêm, lúc thì trầm thiết cảm giận, lúc thì mạnh mẽ, hùng tráng... Đất nước và con người Đại Việt được nói đến trong bài đại cáo là một đất nước, một nhân dân văn hiến, anh hùng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích “Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng” tác giả Lí Bạch

Gợi ý bài 1. Cách đưa tiễn Nơi Lý Bạch đưa tiễn bạn lên đường đi xa về phía tây là lầu Hoàng Hạc, một thắng cảnh thuộc Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc. Lầu Hoàng Hạc gắn liền với huyền thoại Phí Văn Vi đắc đạo thành tiên, thường cưỡi hạc vàng bay về đây. Bạn là Mạnh Hạo Nhiên (689-740) một nhà thơ nổi tiếng, bạn vong niên của Lý Bạch; một kẻ sĩ hào hiệp hào hoa, phóng khoáng, ưa ngao du, rất tâm đầu ý hợp với Lý Bạch. Hai chữ “Cố nhân” (bạn cũ, người xưa) trong câu đầu nói lên mối quan hệ sâu sắc, lâu bền về tình bạn đẹp giữa hai nhà thơ. Đó là bạn tao nhân mặc khách: “Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu” (Bạn từ lầu Hoàng Hạc lên đường) Câu thơ dịch rất hay và thanh thoát, nhưng chữ “tây” chưa dịch được để nói lên hướng đi của bạn. Chữ “bạn” chưa lột tả hết ý và cảm xúc của từ “cố nhân”. Trong thơ cổ, mỗi lần từ “cố nhân” xuất hiện, gợi tả bao tình nghĩa làm rung động hồn người: “Dạng chu tầm thủy tiện Nhân phòng cố nhân cư” (Mạnh Hạo Nhiên) (Thuật dòng đung đỉnh thuyền bơi Cố nhân gần đó, qua chơi thăm nhà) - “Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân” (câu 2330 - “Truyện Kiều”) Câu hai phát triển và hoàn thiện câu thơ thứ nhất, nói rõ thời gian bạn lên đường và nơi bạn sẽ đến. Mạnh Hạo Nhiên lên đường vào một ngày tháng ba (tam nguyệt) mùa hoa khói (yên hoa), xuôi về nơi phồn hoa đô hội, Dương Châu - một trong những đô thị đẹp nổi tiếng thời Đường: “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu” (Giữa mùa hoa khói Châu Dương xuôi dòng) Chữ “há” có bản phiên âm là “hạ”, được Ngô Tất Tố dịch thành “xuôi dòng”, thật là sáng tạo. “Yên hoa” là một thi liệu, một ẩn dụ giàu chất thơ mà ta gặp nhiều trong Đường thi. Câu thơ không chỉ xác định thời gian và không gian đi, đến mà còn diễn tả nỗi niềm của kẻ ở người đi. Lầu Hoàng Hạc và Dương Châu cách xa hàng nghìn dặm như hiện lên qua vần thơ. Đằng sau hai địa danh mà nhà thơ nói đến là cả một nỗi niềm, một không gian trống vắng vô bờ, một trời thương nhớ biệt ly của đôi bạn tri âm. Có một bản dịch khác đọc lên nghe rất thú vị: “Bạn từ lầu Hạc ra đi Dương Châu Hoa khói giữa kỳ tháng ba” (Nhữ Thành) Có thể nói trong hai câu “Khai thừa”, yếu tố tự sự chỉ là bề nổi của câu chữ: nỗi niềm của một tâm sự thâm kín mới là tầng sâu hàm ẩn. Nơi “thi hội tao nhân” cũng là nơi ly biệt, đó là Hoàng Hạc Lâu. Lý Bạch đứng trên lầu cao hay trên

một cao điểm nào đó trên bến sông, dõi theo chiếc thuyền đưa Mạnh Hạo Nhiên đến chân trời xa? Cấu trúc không gian hai điểm nút “cận - viễn” là một thủ pháp trong hội họa, ta thường bắt gặp trong Đường thi, trong các bức họa cổ Trung Hoa. Lý Bạch đã vận dụng thành công thủ pháp ấy tạo nên điểm nối giữa câu 1, 2 với câu 3, 4 thành một chỉnh thể nghệ thuật hoàn hảo.

2. Tình lưu luyến mến thương Hai câu cuối là linh hồn của bài thơ, giải bày những tình cảm sâu sắc, đẹp đẽ, cảm động của Lý Bạch đối với Mạnh Hạo Nhiên. ẩn hiện sau ba hình ảnh được miêu tả trực tiếp: dòng sông, cánh buồm, bầu trời là hình ảnh của Lý Bạch đứng mãi nhìn hoài con thuyền đưa bạn cũ đi xa... Cánh buồm đơn cô, lẻ loi (cô phàm) xa dần, mờ dần (viễn ảnh) rồi mất hút vào trời xanh, vào cuối chân trời xa (bích không tận). Hay tâm lòng “Thi tiên” với bao ái ngại, lưu luyến, nhớ thương... như những con sóng gối lên nhau, đưa tiễn con thuyền của bạn, mất hút dần, mờ dần trên dòng sông Trường Giang? “Con sông sẽ trở nên rộng bao la khi cái hữu hạn của nó đồng nhất với cái vô hạn của bầu trời. Chiếc thuyền buồm lẻ loi chở Mạnh Hạo Nhiên đã tan biến trong dòng sông bao la đó mang đi tình bạn của Lý Bạch. Dòng sông càng rộng, chiếc thuyền buồm càng nhỏ mất hút vào khoảng không gian vô tận. Rõ ràng, sau khi tiễn bạn lên đường, Lí Bạch dừng lại khá lâu dõi mắt nhìn theo chiếc thuyền buồm lẻ loi đến tận chân trời xa tít. Lí Bạch mượn cái khung cảnh thiên nhiên sau buổi tiễn đưa để nói lên tình cảm nhớ bạn da diết.... Lí Bạch tả về cái buồn của sự li biệt, nhưng vẫn giữ được phong cách phóng khoáng khi ông miêu tả cái hùng vĩ của thiên nhiên”. (Trần Xuân Đề) “Cô phàm viễn ảnh bích không tận Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu” (Bóng buồm đã khuất bầu không Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời). Cái tiêu điểm đầy ám ảnh của bài thơ là “cô phàm viễn ảnh”. Cái tâm cảnh của Lí Bạch được diễn tả bằng hai chữ “duy kiến” - chỉ nhìn thấy. Ta đã biết Lí Bạch sống trong thời Thịnh Đường. Lúc bấy giờ kinh tế phát triển mạnh, thương nghiệp mở mang, nhiều đô thị sầm uất mọc lên: Tràng An, Dương Châu, Thành Đô v.v... Trên con sông Trường Giang suốt đêm ngày thuyền bè ngược xuôi như mắc cửi. Thế mà trong muôn ngàn cánh buồm ở trên sông, Lý Bạch “duy kiến” chiếc “cô phàm” của bạn, nhìn mãi cho đến lúc nó mất hút trong “bầu trời xanh biếc”. Chỉ sống với một tình bạn tri âm, thăm thiết thì mới có cái nhìn “duy kiến” ấy. Mặc dầu chưa dịch được hai chữ “cô” (cô phàm), “bích” (bích không tận) nhưng Ngô Tất Tố đã lột tả được “điệu Đường”, “hồn Đường” của nguyên tác, đọc lên rất thấm thía về nỗi buồn thương, lưu luyến bạn của nhà thơ Lý Bạch.

Văn Mẫu Lớp 10 - Lí do đặt tên nhan đề bài thơ Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng của Lí Bạch

Gợi ý bài: Lầu Hoàng Hạc là một ngôi tháp lịch sử, được cất trên vực đá Hoàng Hạc của núi Xà Sơn bên bờ sông Dương Tử . Tên gọi ” Lầu Hoàng Hạc ” bắt nguồn từ truyền thuyết dân gian. Tương truyền Phí Văn Vi, một tu sĩ đắc đạo thành tiên thường cưỡi hạc vàng ngao du sông thủy. Một hôm, tiên và hạc bay ngang Vũ Hán và dừng chân lại trên “Đồi Rắn” để nhìn ngắm, một bên là cảnh đẹp hùng vĩ của Trường Giang và bên kia là Ngũ Hồ trong khói sương điểm lệ. Người đời sau đã từ nơi tiên cưỡi hạc vàng bay đi xây lên một tháp lầu đặt tên là Hoàng Hạc Lâu. Lí Bạch đã chọn nơi sông núi hữu tình, lãng mạn, tuyệt đẹp này để tiễn cố nhân - Mạnh Hạo Nhiên. Tuy là bạn vong niên, nhưng hai người đồng cảnh, đồng điệu và cùng thích ngao du sơn thủy. Bài thơ nói về sự đưa tiễn mà không thấy bất kì một âm thanh nào, cả lời tiễn biệt lẫn tiếng sóng, tiếng gió. Chỉ thấy cảnh, thấy hình, thấy tình. Sự vô thanh khiến cho con người càng dồn về chiều sâu tâm tưởng, làm ra tăng sự trĩu nặng của tình người.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hướng dẫn soạn bài Ra ma buộc tội

I. GIỚI THIỆU CHUNG: 1. Nguồn gốc tác phẩm. Theo truyền thuyết câu chuyện về hoàng tử Ra ma được lưu truyền trong dân gian từ xưa về sau được tu sĩ Bàla môn tên là Vamiki – người có nguồn cảm hứng đặc biệt và trí nhớ kì lạ ghi lại bằng văn vần bằng tiếng Xăngcrít vào khoảng thế kỉ III trước công nguyên. 2. Xuất xứ đoạn trích Ở chương 78 (gặp gỡ) tác giả đã dự báo cuộc tái ngộ của Rama và Xita có điều không bình thường. Điều không bình thường đó thể hiện qua không khí chuẩn bị và tâm trạng chờ đợi gặp gỡ của Rama và Xita. Tâm trạng của hai người không giống nhau, có phần đối nghịch nhau. Cứu được Xita giải phóng đảo lanka, tiêu diệt kẻ thù đúng lúc hết hạn đi đày => nếu tác phẩm dừng lại ở đây thì chỉ là một sử thi bình thường => tác giả đã xất tạo ra bước ngoặt lớn trong quá trình diễn biến truyện ở chương 79 => không khí gặp gỡ giống như một phiên tòa thật nặng nề và cũng từ đây tâm trạng của nhân vật được bộc lộ sắc nét nhất. 3. Vị trí đoạn trích Khúc ca thứ 6 chương 79 4. Bố cục Đoạn 1: ... Ra-va-na đâu có chịu được lâu”: cơn giận dữ và diễn biến tâm trạng của Rama. Đoạn 2: còn lại: tự khẳng định mình và diễn biến tâm trạng của Xita. 5. Đại ý Miêu tả quá trình diễn biến tâm trạng của hoàng tử Rama và Xita sau khi Rama cứu được Xita. II. ĐỌC HIỂU 1. Diễn biến tâm trạng của Rama - Cùng với sự giúp đỡ của những người bạn hảo hán như Ha nu man (tướng khỉ) và Vi-phi sa-na (em quý vương Va-ra-na từng khuyên anh trả Xita cho Rama không được chàng từ bỏ người anh sang chiến đấu bên phe Rama). - Rama nói với tất cả mọi người. Đó là anh em bạn hữu với quân đội của loài khỉ Va na ra Rama khẳng định chiến thắng và tài năng của mình. Rama bộc lộ rõ lý tưởng chiến đấu, sức mạnh của cả cộng đồng. - Tự đề cao sức mạnh chiến đấu, người anh hùng Rama còn bộc lộ thái độ, tâm trạng: “Thấy người đẹp với gương mặt bông sen, với những cuộn tóc lượn sóng đứng trước mặt mình, lòng Rama đau như dao cắt” - Giải quyết xong xung đột lớn có tính cộng đồng, Rama tự giải quyết xung đột cá nhân. => nghi ngờ đức hạnh của Xita => tính ích kỉ bộc lộ dần dần. - Ngôn ngữ và diễn biến tâm trạng của Rama: Gọi Xita bằng lời lẽ không bình thường: “Hỡi phu nhân cao quý” => ngôn ngữ thiếu sự âu yếm chân thành mà lạnh lùng kèn kiệu. Rama nói với Xita trước mặt mọi người: “Phải biết chắc điều này: chẳng phải vì nàng mà ta đánh thắng kẻ thù

với sự giúp đỡ của bạn bè. Ta làm điều đó vì nhân phẩm của ta, để xoá bỏ vết ô nhục, để bảo vệ uy tín và danh dự của dòng họ lừng lẫy tiếng tăm của ta. Nay ta phải nghi ngờ tính cách của nàng. Vì nàng đã lưu lại nhà một kẻ xa lạ. Giờ đây nàng đang đứng trước mặt ta nhưng trông thấy nàng ta không chịu nổi, chẳng khác nào ánh sáng đối với một kẻ đau mắt”. Như vậy từ sự tức giận ghen tuông đến nghi ngờ đức hạnh. “Người đã sinh trưởng trong một gia đình cao quý có thể nào lấy về một người vợ từng sống trong nhà một kẻ khác. Đơn giản mà ta là một vật để yêu đương”. “Ta không cần đến nàng nữa, nàng muốn đi đâu tùy ý”. => Mâu thuẫn giữa danh dự dòng họ và tình yêu => Từ sự nghi ngờ trinh tiết, đức hạnh đến việc Rama không nhận và ruồng bỏ Xita => sỉ nhục Xita bằng cách gợi ý nàng đến với bất cứ một người khác. Rama sinh trưởng trong một gia đình quý tộc đã dám hy sinh tình yêu vì bốn phận người anh hùng, một ông vua mẫu mực => Ruồng bỏ Xita trước hết vì danh dự dòng họ sau vì ghen tuông chàng yêu hết mình nhưng cũng ích kỉ, ghen tuông cực độ, có lúc oai phong lẫm liệt nhưng cũng có lúc tầm thường nhỏ nhen, có lúc cương quyết rắn rỏi nhưng có lúc mềm yếu. Bản chất cái tôi có lúc sáng/ tối; tốt/ xấu; thiện/ ác luôn tồn tại trong con người Rama. - Trước hành động của Xita. Thái độ của Rama khi Xita bước lên giàn lửa thiêu không nói một lời => tỏ thái độ kiên quyết, dám hy sinh tình yêu để bảo vệ danh dự. Hãy nhìn vào thái độ cử chỉ của chàng “Rama vẫn ngồi, mắt dán xuống đất lúc đó mon chàng khủng khiếp như thần chết vậy” Động cơ và thái độ của Rama là đúng không sai. Song thấu lí mà không đạt tình, coi trọng lý tưởng, danh dự mà coi nhẹ tình cảm ♦ tính chất cộng đồng trong sử thi là ở chỗ đó. Chúng ta cần hài hoà giữa danh dự bốn phận và tình cảm riêng trong Rama. Thực lòng Rama không khinh thường Xita nhưng vì trước đông đủ mọi người chàng không muốn gánh chịu những tai tiếng nên nổi cơn giận dữ, tính chất cộng đồng trong sử thi là ở chỗ đó. Đoạn trích đẩy nhân vật Rama vào tình huống ngặt nghèo đòi hỏi có sự lựa chọn quyết liệt. Danh dự hay tình yêu. Rama chọn danh dự tuy cách lựa chọn chưa thấu tình đạt lý nhưng bộc lộ phẩm chất cao quý của một anh hùng, một đức vua mẫu mực. => Dù là quân vương (thần thánh) nhưng Rama cũng chỉ là một con người => ngòi bút của tác giả thật sắc sảo, tinh tế. Ông đã lột tả được một Rama rất người khiến cho nhân vật sử thi vượt qua mọi ước lệ cứng nhắc và khuôn sáo.

2. Diễn biến tâm trạng của Xita. Trước lời lẽ buộc tội của Rama Xita đã thể hiện thái độ và tâm trạng qua nét mặt, lời lẽ, hành vi. “Khiêm nhường đứng trước Rama” bộc lộ niềm vui và hạnh phúc của nàng sau khi được Rama cứu khỏi vòng tay của quỷ vương. Sự tức giận và thái độ lời lẽ của Rama => Xita

ngạc nhiên đến sững sờ “mở tròn đôi mắt đăm lẹ” và “đau đớn đến nghệt thở như một cây dây leo bị vùi voi quật nát”, nước mắt nghẹn ngào. Xita nói với Rama bằng sự thanh minh và khẳng định tấm lòng chung thủy của mình: Sở phận của thiếp đáng chê trách. Nhưng cái gì nằm trong sự kiểm soát của thiếp, tức trái tim thiếp đây là thuộc về chàng. Điều ấy có nghĩa một người phụ nữ mềm yếu làm sao cưỡng lại được sức mạnh quyền lực của quý dữ. Chỉ có tái tim và tình yêu của nàng vẫn dành cho Rama. Phải chăng Xita muốn khẳng định tấm lòng chung thủy của mình. Xita không dừng lại ở đó, nàng phê phán Rama bằng những lời lẽ hết sức cụ thể: “Hồi chàng phai Hanu-man tới dò tin tức về thiếp, có sao chàng không gửi cho thiếp lời nhắn nhủ chàng từ bỏ thiếp” và “Chàng chẳng cần phải mạo hiểm để có thể nguy hại đến thân mình và bạn hữu của chàng khỏi phải chịu những phiền muộn đau khổ”. Lời trách móc ấy mạnh mẽ hơn: “Hồi đức vua! Như một người thấp hèn bị cơn giầy vò, người đang nghĩ về thiếp như một phụ nữ tầm thường” và “vì không thể suy xét cho đúng đắn, chàng đã không hiểu được bản chất của thiếp. Chàng không nghĩ đến vì sao hồi thanh niên chàng cưới thiếp”. Ta nhận thấy diễn biến trong tâm trạng của nàng : từ mừng rỡ đến ngạc nhiên ; từ tin yêu đến thất vọng; từ bối rối đến điềm tĩnh; từ đau khổ đến tuyệt vọng => một người phụ nữ bản lĩnh, đáng khâm phục. Nàng nói với Lắc-ma-na (em trai của Rama) => bình thần bước vào giàn hoả sau khi cầu nguyện thần lửa chứng giám. Nghi lễ thử lửa là sự kiểm chứng đức hạnh con người nên Xita chỉ còn cách bước lên ngọn lửa thiêu để thể hiện lòng chung thủy của mình. Thần lửa Anhi không xâm phạm đến nàng mà trong ngọn lửa thân hình nàng lại càng rực rỡ hơn như đoá sen nở xoè, khoe nhị vàng toả hương thơm ngát. Xita nhảy vào giàn hoả thiêu là chi tiết mang tính huyền thoại.=> càng làm cho con người nhân cách của Xita thêm toả sáng.Nàng không chết => (tăng thêm tính bi hùng cho sử thi) nàng không bị lửa thiêu vì phẩm chất của nàng. Lửa thử vàng. Nàng đúng là vàng mười 3. Nghệ thuật Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật. Tính cách của Rama: trọng danh dự, hy sinh cả tình yêu. Xita: chứng minh, khẳng định tấm lòng thủy chung nên đã hy sinh tình yêu. Cả hai đều hy sinh tình yêu để bảo vệ danh dự và nhân phẩm. Tác phẩm mang đậm đà tính giáo huấn, tính xung đột gay gắt về đạo lý, tính đa dạng về hệ thống nhân vật. III. TỔNG KẾT. “Rama buộc tội” đặt nhân vật vào tình thế thử thách ngặt nghèo đòi hỏi sự lựa chọn quyết liệt, bộc lộ sâu sắc bản chất con người. Rama vào sinh ra tử, chiến đấu với quý dữ giành lại người vợ yêu quý nhưng cũng dám hy sinh tình yêu vì danh dự, bốn phận một người anh hùng, một đức vua mẫu mực. Như một người vợ lý tưởng xứng đáng với Rama Xita

cũng sẵn sàng đem thân mình thử lửa để chứng minh tình yêu và đức hạnh chung. Tác giả đã miêu tả xung đột tâm lý của Rama và XiTa trong cuộc gặp lại đầy thử thách và éo le. Tâm trạng hai người cứ biến đổi theo nhịp điệu đối thoại. Đỉnh điểm của xung đột là cảnh XiTa nhảy vào lửa, mâu thuẫn được cởi nút. Tính cách của Rama và XiTa ở đây cũng được khẳng định nhất quán. Qua đoạn trích ta hiểu một vài nét đặc trưng trong cách thể hiện nhân vật anh hùng của sử thi Ấn Độ. Bắt buộc xảy ra chiến tranh, nhưng tác phẩm không coi trọng miêu tả chiến tranh mà miêu tả xung đột giữa cái thiện và cái ác, đạo lý và phi đạo lý. Rama là người anh hùng hiện diện cho cái thiện và đạo lý. Quỷ vương là hiện diện cho cái xấu, phi đạo lý. Đoạn trích đã thể hiện tính xung đột gay gắt về đạo lý. Rama xuất hiện từ thế giới thần linh, mang yếu tố nửa người, đã xuất hiện nhiều trong thần thoại và truyền thuyết cùng với XiTa và Ha-nu-man. Qua nhân vật anh hùng Rama, ta nhận thấy sử thi Ấn Độ nặng về giáo huấn. Đó là trọng danh dự sẵn sàng hy sinh tình yêu, đem thân bảo vệ đạo lý lẽ phải.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích nhân vật Rama trong “Rama buộc tội”

Ramayana là 1 trong 2 bộ sử thi vĩ đại nhất của người Ấn Độ, là tác phẩm bất hủ, có sức sống trường tồn và thành bài ca của thời đại. Người Ấn Độ thường tự hào rằng “chừng nào sông chưa cạn, núi chưa mòn thì sử thi Ramayana còn làm say lòng người và cứu giúp họ ra khỏi tội lỗi”. Một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm chính là việc xây dựng thành công hình tượng nhân vật. Nếu Sita là mẫu người phụ nữ Ấn Độ xinh đẹp, thủy chung, dịu dàng, hiền hậu thì Rama là mẫu người anh hùng lí tưởng, vị minh quân tuần tú, tài năng, trọng danh dự. Rama hiện lên với sự lí tưởng và con người trần thế, là nhân vật trung tâm trong tác phẩm, là điểm sáng chói trong tác phẩm và là con người mẫu mực, lí tưởng của thời đại. Về nguồn gốc xuất thân, theo truyền thuyết, Rama là hóa thân thứ 7 của thần Visnu - đấng tối cao của đẳng cấp quý tộc Bà la môn. Visnu được giáng thế làm người cứu nhân loại ra khỏi vòng trầm luân đau khổ trong chiến tranh loạn lạc. Mục đích giáng trần vô cùng cao quý đó là cứu nhân độ thế, tiêu diệt cái ác, bảo vệ cái thiện. Lúc đó có con quỷ Ravana, rakshasa 10 đầu độc ác, tự phụ do hắc đã được đấng Brahma ban sức mạnh bất diệt cho hắc và do hắc có khả năng làm cho các hành tinh quay chậm lại, thậm chí đứng lại khiến đấng Brahma lo lắng đành chấp nhận mọi yêu cầu của hắc để cứu lấy vũ trụ. Không 1 ai có thể tiêu diệt hắc trừ con người và muông thú trên trái đất, do hắc đã quá khinh mạn. Vì vậy, Rama được hóa thân với trong trách tiêu diệt quỷ Ravana. Trước hết, Rama là nhân vật lí tưởng kiểu mẫu của đạo Hindu và đẳng cấp vương công quý tộc Kshatriya, đồng thời cũng thể hiện khát vọng của nhân dân đương thời là muốn có 1 vị minh quân, 1 vị anh hùng tài ba, đức độ và dũng cảm để bảo vệ mình cứu mình ra khỏi đau khổ, đem lại công lí và hạnh phúc xã hội. Đi suốt chiều dài tác phẩm, chàng Rama đã được các nghệ sĩ dân gian miêu tả ở mọi góc độ, mọi phương diện. Chàng là hoàng tử thông minh, tài giỏi nhất trong 4 vị hoàng tử, là người duy nhất được đạo sĩ lựa chọn, chàng hơn hẳn các em về trí tuệ, nhân cách và lòng quả cảm, do vậy mà chàng được mọi người yêu mến, dân chúng vui mừng, ủng hộ lên ngôi vua. Chàng là người biết quý trọng danh dự, thực hiện bốn phận của 1 người con, 1 vị vua nhân đức. Cha của Rama – đức vua Dasaratha trước kia đã từng hứa với thứ phi Kakeyi sẽ thực hiện 2 lời hứa bất kì của bà ta. Vào trước hôm

Rama lên ngôi vua, Kakeyi đã nhắc lại với nhà vua điều hứa năm xưa và muốn nhà vua nhường ngôi cho con trai bà ta – Bharata thay vì Rama, và nhà vua phải ra lệnh cho Rama chịu lưu đày trong rừng 14 năm. Vì không muốn cha phải trở thành kẻ thất hứa bị mọi người chê cười, muốn bảo vệ danh dự cho cha, Rama đã thực hiện lời hứa của cha với thứ phi Kakeyi cho dù chàng hoàn toàn có thể ở lại và dù Bharata cũng từ chối ngôi vua này. Rama xuất thân là 1 hoàng tử, đang sống trong nhung lụa nhưng đã từ bỏ cuộc sống cao sang, phú quý nơi cung đình điện ngọc để vào rừng. Lời hứa của cha là danh dự, danh dự của cha chính là danh dự của mình và của cả dòng giống, Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của cha, đó là bốn phận người làm con – Đây là những tiêu chuẩn đạo đức của đẳng cấp và xã hội Ấn Độ đương thời. Rama có sức mạnh phi thường, võ nghệ cao cường, lòng nhân đức cao cả. Chàng có đôi mắt sáng như mặt trời và mặt trăng, có đôi tai thấu nhạc của trời đất, là kẻ thù của mọi sự ghen tương, giận hờn và tội ác tàn bạo, đã vượt qua mọi gian nan thử thách, chiến đấu với kẻ thù để bảo vệ tình yêu và hạnh phúc, đem lại công lí, cuộc sống yên vui cho mọi người. Rama có ngoại hình miêu tả phù hợp với tiêu chí thời đại, 1 hoàng tử tuấn tú và sức khỏe phi thường, chàng giống như 1 vị thần cõi trần gian. Thực tế ngoại hình chàng không được miêu tả cụ thể mà chỉ nhắc đến như 1 yếu tố tô đậm vẻ đẹp của chàng. Sức mạnh của chàng được thể hiện qua các hành động. Từ nhỏ Rama đã được rèn luyện, được giáo dục 1 cách khuôn phép, có nguyên tắc. Chàng là người duy nhất nhắc được cây cung thần, cung rất to và nặng chỉ có thể giương bằng 1 chiếc xe có 8 bánh khổng lồ và chưa 1 ai có thể nâng cung lên để bắn. Vậy mà Rama có thể nhẹ nhàng nâng cung lên, kéo dây 1 cách dễ dàng. Cũng nhờ vậy mà Rama có thể lấy được nàng Sita – con vua Janaka-xinh đẹp, hiền thực về làm vợ. Sau khi rời bỏ địa vị để vào rừng Rama đưa vợ (nàng Sita) và người em trai Lakshmana theo, họ hạnh phúc sống bên nhau trong rừng. Trong khi tu luyện nơi này, chàng đã lập được rất nhiều chiến công giúp cho nhân loại tránh khỏi tai ương. Chàng đã tiêu diệt rất nhiều quỷ dữ: Con quỷ Vali, quỷ khổng lồ vô địch, đánh quỷ trâu thần Dundubbi. Rama diệt trừ quỷ Thataka và đặc biệt là quỷ vương Ravana. Với tinh thần hiệp nghĩa, Rama đã chiến đấu giành lại ngôi báu cho Sugriva khi Sugriva bị quỷ Vali cướp vợ và đuổi đi. Đây là hành động thể hiện ước mơ công lí của người Ấn Độ. Trong bất cứ hoàn cảnh chiến đấu nào, Rama vẫn cứ thể hiện được khí phách hào hùng của 1 chiến sĩ Kshatriya. Chàng là người có sức mạnh, biết sử dụng chiếc cung thần mà Brahma cung cấp, chiếc cung thu hồi gió vào đôi cánh, sức nóng mặt trời vào đầu cung, sức nặng của núi vào thân cung, để xuyên thủng

ngực Ravana, kẻ thù của mình. Đạo đức của Rama là khuôn vàng thước ngọc của đẳng cấp Ksatria. Có thể nói, toàn bộ ý chí, tình cảm, tài năng và sức mạnh chiến thắng của nhân dân được khái quát thành biểu tượng người anh hùng này. Con người luôn bên vực điều thiện, chống lại điều ác cứu người hiền, đặc biệt là phụ nữ. Ngoài một con người lí tưởng, Rama còn thể hiện con người trần thế của mình. Điều này thể hiện ở tình cảm, trách nhiệm của Rama với nàng Sita. Rama là người đại diện cho vẻ đẹp thời đại. Chàng là người chung thủy, yêu Sita hết mực. Yêu Sita ngay từ cái nhìn đầu tiên khi chàng nhìn thấy, và chàng đã vượt qua mọi thử thách để lấy được nàng 1 cách đường hoàng. Chàng đã bẻ gãy cây cung mà đức vua Janaka đã thách đố. Lúc Sít bị Ravana bắt đi, chàng than khóc vật vã, đau đớn khôn nguôi và còn nói rằng: quốc gia, ngai vàng sẽ chẳng là gì nếu để mất Sita. Ở Rama luôn tồn tại 2 con người: con người bốn phận và con người tình yêu. Khi buộc phải lựa chọn, Rama sẽ chọn lựa con người bốn phận. Chính điều này đã đẩy tình yêu giữa chàng và Sita vào bi kịch. Khi chiến thắng được quỷ Ravana, Rama đã nghi ngờ phẩm tiết của Sita, trì hoãn gặp nàng, cảnh gặp gỡ không phải ở trong 1 không gian tâm tình mà là giữa đông đảo nhân dân, quần chúng khiến cho Sita phải chọn cách tự thiêu để chứng minh. Trong “Rama buộc tội”, không khí căng thẳng như 1 phiên tòa mà quan thẩm phán là Rama còn bị cáo là Sita. Thái độ của chàng thể hiện thái độ ghen tuông cực độ của chàng. Lòng ghen đó đã khiến cho 1 vị minh quân vốn sáng suốt mất đi sáng suốt vốn có. Chàng không chấp nhận 1 người vợ không còn trong trắng. Chàng nhẫn tâm để vợ mình bước lên giàn hỏa thiêu. Chỉ đến khi ngọn lửa bùng cháy, thần Agni đã làm chứng cho sự trong sạch của nàng thì Rama mới nhận ra lòng chung thủy, kiên trinh của Sita. Rama tuy xuất thân từ thánh thần Visnu giáng thế, là bậc quân vương, vị anh hùng nhưng chàng cũng vẫn có đủ mọi cung bậc tình cảm của con người trần tục. Chàng yêu yêu say đắm, hết mình nhưng ghen cũng cực độ, có lúc oai phong凛冽, nhưng cũng có lúc mềm yếu nhu nhược, có lúc vị tha nhưng cũng có lúc nhỏ nhen, ích kỉ. Ngôi bút xây dựng nhân vật, miêu tả tâm lí vô cùng tinh tế, xuất sắc, sánh ngang với đại thiên tài W. Shakespeare. Ngôi bút nghệ thuật của Valmiki đã lột tả 1 Rama rất “người” khiến cho nhân vật này vượt qua 1 nhân vật sử thi thông thường, vượt lên trên mọi ước lệ, khuôn sáo thường thấy. Phan Ngọc nhận định rằng “Cái kì diệu nhất vẫn là tài phân tích tâm lí nhân vật. Có thể nói, không quá đáng khi nói rằng chỉ đến lúc W.Shakespeare xuất hiện thì Valmiki mới có đối thủ

Văn Mẫu Lớp 10 - Quá trình chinh phạt gian khổ và tất thắng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trong bài Đại Cáo Bình Ngô

Bình Ngô đại cáo là bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc ta sau Nam quốc sơn hà. Nhưng nó là bản Tuyên ngôn độc lập hùng tráng nhất thời kì trung đại. Nguyễn Trãi viết Bình ngô đại cáo vào giữa lúc niềm vui của cá nhân hoà chung niềm vui lớn của dân tộc. Vì thế mà tác phẩm oai hùng đậm chất sử thi.

Luận đề chính nghĩa của bài cáo: Mở đầu bài cáo, tác giả đã nêu cao luận đề chính nghĩa của dân tộc, tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho bản tuyên ngôn. - Nguyễn Trãi mở đầu bài cáo bằng một nguyên lí chính nghĩa được các dân tộc thời kì trung đại mặc nhiên thừa nhận: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điếu phạt trước lo trừ bạo Nhân nghĩa là mối quan hệ giữa con người với con người được xây dựng trên cơ sở của tình thương yêu và đạo lí làm người. “Nhân nghĩa” với Nguyễn Trãi là “yên dân” và “trừ bạo”. Có xuất xứ từ một quan niệm của Nho gia, song đến Việt Nam, Nguyễn Trãi đã biến nó thành một khái niệm đậm tính dân tộc. Từ quyền lợi của giai cấp quý tộc, Nguyễn Trãi đã biến thành quyền sống của dân tộc, của con người. => Tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho bản tuyên ngôn; tạo cơ sở cho lập luận kiểu tam đoạn luận; dùng kể “Gậy ông đập lưng ông”. - Sau khi nêu nguyên lí “nhân nghĩa”, Nguyễn Trãi viết những câu văn thật hào hùng, sang sảng, chất chứa lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Đoạn văn nêu ra hàng loạt những chân lí khách quan về sự tồn tại độc lập của một lãnh thổ, một quốc gia. Đó là một đất nước được xây dựng lên từ lịch sử dân tộc có một nền văn hoá lâu đời: Như nước Đại Việt ta từ trước, Vốn xưng nền văn hiến đã lâu. Núi sông bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác. Tất cả đều mặc nhiên “vốn có”: từ núi sông vốn đã phân định rạch ròi đến “phong tục Bắc Nam cũng khác”. Rõ ràng ta có đủ chủ quyền đất nước bởi từ cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán đến nền văn hoá, rồi lịch sử, rồi chế độ ta đều độc lập đứng trên một cái thế đối vững vàng cùng với nền văn minh phương Bắc. So với Nam quốc sơn hà thì Bình Ngô đại cáo thực sự là một bước tiến dài của Nguyễn Trãi trong việc hoàn chỉnh khái niệm về quốc gia, về dân tộc. Không có minh chứng nào thuyết phục hơn cho nguyên lí nhân nghĩa bằng chính “chứng cứ còn ghi” trong lịch sử. Sự thất bại của Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã làm tiêu vong những thế lực phi nghĩa. Cùng đồng thời khẳng định chiến thắng luôn

đứng về những người đấu tranh cho chính nghĩa. Cách lập luận của Nguyễn Trãi thật hoàn thiện và cũng đầy sắc sảo. => Đặt 2 dân tộc, 2 nền độc lập, tự chủ ngang hàng nhau; xét trên phương diện lịch sử chiến công dân tộc ta luôn là người chiến thắng. Phần 2 của bài cáo - bản tuyên ngôn về nhân quyền: Giặc Minh đã chà đạp lên chủ quyền của dân tộc Đại Việt, gây nhiều tội ác dã man bất chấp nhân nghĩa. - Cũng như đoạn văn trên, đoạn kể tội quân thù cũng ngắn nhưng sắc sảo. Một bản cáo trạng đanh thép được viết lên từ một lòng căm thù sục sôi. - Bài cáo đã sử dụng lí lẽ đanh thép, dẫn chứng xác thực để bóc trần bản chất phản nhân nghĩa của giặc Minh, vạch trần những hành động vô nhân, bất nghĩa, phản bội lại cha ông (học thuyết nhân nghĩa) của chúng, đập tan âm mưu xảo trá của chúng. Đoạn văn mở đầu, tác giả chỉ rõ: Nhân họ Hồ chính sự phiền hà, Để trong nước lòng dân oán hận. Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa, Nguyễn Trãi đã vạch trần âm mưu xâm lược của giặc. Lợi dụng việc Hồ Quý Li cướp ngôi nhà Trần, giặc Minh đã “thừa cơ gây họa”. Núp dưới bóng cờ “phù Trần diệt Hồ”, giặc đã giả nhân giả nghĩa để thực hiện bài “mượn gió bẻ măng”. - Âm mưu xâm lược của quân giặc gian xảo bao nhiêu thì chính sách cai trị của chúng càng thâm độc bấy nhiêu. Vẫn là những chính sách cũ nhưng thâm độc hơn nhiều: chúng không chỉ bóc lột vơ vét hết mọi sản vật, sức người, sức của của dân ta mà chúng còn huỷ hoại cả môi trường sống (tàn hại giống côn trùng cây cỏ) và tàn sát con người không biết ghê tay. Hai câu: Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. như được viết ra bằng máu và nước mắt của người anh hùng suốt đời một lòng vì dân vì nước. Vơ vét sản vật, tiêu diệt con người, tội ác của giặc không giấy bút nào tả xiết: Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội, Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi. Nguyễn Trãi chọn cái vô cùng (trúc Nam Sơn, nước Đông Hải) để nói đến tội ác của một loài quỷ dữ (thăng há miệng, đứa nhe răng). Hai câu cuối kết án vô cùng đanh thép: Lẽ nào trời đất dung tha, Ai bảo thần nhân chịu được? Tội ác của giặc Minh đã vượt qua cái giới hạn của lẽ trời. Hành động như bản của chúng khiến cả thần và người đều không thể tha thứ. Đứng trên lập trường nhân nghĩa, đoạn văn là máu, là nước mắt, thể hiện sự căm hận sục sôi của Nguyễn Trãi đối với kẻ thù. Quá trình khởi nghĩa gian khổ và tất thắng: Căm thù giặc sâu sắc, để yên dân trừ bạo, bảo vệ nhân nghĩa, ta đã dấy binh ở Lam Sơn chiến đấu và chiến thắng, thu giang sơn về một mối. - Tác giả tái hiện hình tượng người anh hùng Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khó: Ta đây: Núi Lam Sơn dấy nghĩa, Chốn hoang dã nương mình Nhưng cái lớn ở Lê Lợi chính là lòng căm thù giặc sâu sắc. Từ

đó mà cái chí của người anh hùng là “tấm lòng cứu nước” như con thuyền lúc nào cũng “đăm đăm muốn tiến về Đông”. Cái chí khí ấy lại được rèn đúc qua những tháng ngày “quên ăn vì giận” để rồi ngay cả trong cơn mộng mị vẫn bản khoăn một nỗi niềm cứu nước. Hình ảnh Lê Lợi vì thế mà đã trở thành biểu tượng tập trung của lòng yêu nước, căm thù giặc “thề không cùng sống”. Viết về Lê Lợi, Nguyễn Trãi chú trọng gợi lại những ngày tháng mà vị chủ tướng phải “nếm mật nằm gai”, “đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời”. Trong cảm nhận của người đọc, người chủ tướng Lam Sơn vừa vĩ đại lại vừa rất đời thường, gần gũi, tàng ẩn đằng sau sự miêu tả là một triết lí nhân sinh sâu sắc: mỗi người dân đều có thể hoá những anh hùng. - Đã có người dựng cờ khởi nghĩa nhưng những ngày đầu, nghĩa quân còn phải đối diện với biết bao gian khổ: thiếu nhân tài, thiếu binh lính, thiếu quân lương. Nhưng khi “tấm lòng cứu nước” trở thành lời giục gọi thì đội quân “manh lệ chi đồ” mà “phụ tử chi binh” đã “gắng chí khắc phục gian nan” để đến được những thắng lợi cuối cùng. Có lẽ trong việc dùng binh xưa, Lê Lợi là người nhìn ra sớm nhất và cũng đồng thời đánh giá cao nhất vai trò, sức mạnh của những người dân ở tầng lớp đáy cùng (những người manh lệ). Đoạn văn như bản trường ca hào hùng về khí thế quyết chiến, quyết thắng của nghĩa quân. Một lần nữa, Nguyễn Trãi nhắc lại để khắc sâu nguyên lí nhân nghĩa: Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo. Lời văn dịch chưa thật sát ý. Trong nguyên bản, Nguyễn Trãi đề: “Dĩ chí nhân nhi địch cường bạo”. Dưới ngọn cờ đại nghĩa, đội quân của nhà Lê lấy cái chí nhân để làm cho cường bạo phải đổi thay về bản chất chứ không phải cuộc khởi nghĩa chỉ làm một việc giản đơn (lấy chí nhân mà thay vào cường bạo). Câu văn trong nguyên tác thật sâu xa. Cái ác phải bị đổi thay và cái thiện, cái chính nghĩa phải làm cho cái ác phải đổi thay tận gốc. Đoạn văn được viết sau nguyên lí nhân nghĩa là một đoạn hả hê, sáng khoái. Tiết tấu, âm điệu câu văn dồn dập, ồn ào như tiếng thác. Sự thay đổi đột ngột đó phù hợp với cái khí thế của quân ta đang lên như gió bão. Đoạn văn gợi hình dung toàn cảnh về những ngày tháng cả dân tộc sống trong không khí của sử thi. Những chiến thắng của nghĩa quân liên tiếp như “sấm vang chớp giật”, như “trúc chẻ tro bay”... Theo đó thì sự thất bại của quân thù là tất yếu: “máu chảy thành sông tanh trôi vạn dặm”, “thây chất đầy nội; nhơ để ngàn năm”. Hàng loạt những động từ mạnh kết hợp với nhạc điệu dồn dập, nhịp văn gấp gáp, hối hả gợi đầy đủ cái khí thế ào ào như vũ bão. Chính nghĩa lướt qua gian tà để cuốn phăng ra bể tất cả những tàn bạo, nhuốc nhơ. Những mốc thời gian: Ngày mười tám... Ngày hai mươi... Ngày hăm lăm... Ngày hăm tám... những cái

“danh” không thể giấu nổi sự hèn nhát và nhục nhã: Trần Trí, Sơn Thọ, Lí An, Phương Chính, Vương Thông, Mã Anh... Tất cả làm nên một khung cảnh chiến trường tuy hỗn độn nhưng thế chủ động hoàn toàn đã thuộc về phe chính nghĩa. Quân giặc nhốn nháo, hãi hùng, mỗi tên mỗi vẻ vô cùng thảm hại. Nhưng nhân dân ta vốn ưa hoà bình, không thích cảnh binh đao: Họ đã tham sống sợ chết, mà hoà hiếu thực lòng; Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức. Quân giặc đã “tham sống sợ chết”, ta cũng chẳng cặn tình. Quan điểm “dĩ chí nhân nhi địch cường bạo” của Nguyễn Trãi chính được biểu hiện ở đây. Hành động nhân ái của ta càng tô thêm cái chính nghĩa và lòng nhân đạo sáng ngời của dân tộc Việt. *Cảm hứng về ngày độc lập và cảm hứng về tương lai của đất nước Kết thúc bài cáo, Nguyễn Trãi trình trọng, vui mừng thay mặt Lê Lợi tuyên bố với nhân dân cả nước thắng lợi vừa qua. Từ đây dân tộc bước vào một thời đại mới. Độc lập, tự do và sự yên bình lại trở về trên mỗi miền quê. Đoạn văn dựa vào những quy luật tất yếu của tự nhiên mà khái quát thành những điều tất yếu trong xã hội. Xã hội phải đối diện với “những sự đổi thay” nhưng cũng như càn khôn “bĩ rồi lại thái”, như nhật nguyệt “hối rồi lại minh”. Và dường như cũng chỉ có như vậy ta mới thấu hết được cái ý nghĩa của hình ảnh đất nước trong gian lao, và mới hiểu thế nào là “muôn thuở nền thái bình vững chắc”. Đất nước đã thanh bình, hình ảnh đất nước trong tương lai vững vàng và tươi sáng: “Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn”. Bình Ngô đại cáo là một áng “thiên cổ hùng văn” kết hợp hài hoà cái tinh túy cá nhân và thời đại. Bằng một bút lực tuyệt vời, Nguyễn Trãi đã tự bất tử hoá tác phẩm của mình, biến nó thành một tác phẩm “vô tiền khoáng hậu” mãi mãi là bài ca giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.*

Văn Mẫu Lớp 10 - Nhập vai Uy - lít - xơ kể lại cuộc đoàn tụ của Uy - lít - xơ và Pê - nê - lốp

Tôi đã trở về quê hương sau hai mươi năm ròng rã, nơi tôi phải đối mặt với một nguy hiểm mới – bọn cầu hôn xảo quyệt, hung hãn đang rắp tâm chiếm đoạt tài sản gia đình. Vợ tôi, một người phụ nữ thông minh, đã đặt ra những thử thách vô cùng khó khăn, bọn cầu hôn không ai thực hiện được. Giả dạng làm người hành khất, tôi tham dự và đã chiến thắng, với một kế hoạch hoàn hảo đã định sẵn, tôi tiêu diệt những tên cầu hôn đầu sỏ, đánh đuổi chúng ra khỏi nhà, trừng phạt lũ đầy tớ phản chủ. Tôi ngồi tựa vào một cái cột cao dưới ánh lửa hồng. Nghe thấy tiếng bước xuống lầu, đoán biết đó là Pê-nê-lốp, nhưng tôi vẫn cố tình nhìn xuống đất, đợi xem bây giờ tận mắt trông thấy mình rồi, người vợ cao quý của mình sẽ nói gì. Với một người phụ nữ thông minh như nàng, tôi biết nàng sẽ đặt thêm thử thách cho tôi, những thử thách mà có thể chẳng hề dùng đến sức mạnh hay trí óc, mà phải chẳng phải dùng đến con tim với một tình yêu vĩnh cửu. Nhưng nàng ngồi lặng thính trên ghế, khi thì dăm dăm âu yếm nhìn tôi, khi lại không nhận ra tôi dưới bộ quần áo rách mướp. Tê-lê-mác... còn người ngoài không ai biết hết. Nghe nàng nói vậy, tôi nhả nài mỉm cười. Tôi vội nói với Tê - lê - mác:... gan dạ. Tôi bảo mọi người đi tắm rửa, rồi mặc quần áo đẹp, ca múa những bài hát bản nhạc vui vẻ cho người ngoài lầm tưởng trong nhà làm lễ cưới, dặn ai nấy giữ kín chuyện cho đến khi cha con tôi lui về trang trại của La-éc-tơ rồi bàn tính sau. Tắm xong, tôi lại trở về chỗ cũ, ngồi đối diện với Pê-nê-lốp, trên chiếc ghế bành ban nãy, rồi nói với nàng:... giường. Nghe xong tôi bỗng giật mình nói với Pê-nê-lốp một cách thận trọng:... mà dời nó đi nơi khác. Tôi vừa nói xong, Pê-nê-lốp bủn rủn cả chân tay, chạy ngay lại, nước mắt chan hòa, ôm choàng lấy tôi, hôn lên trán tôi và nói:... đã nghĩ. Nghe nàng nói vậy, tôi càng thêm muốn khóc. Tôi ôm lấy người vợ xiết bao thân yêu, người bạn đời chung thủy của mình mà khóc. Cả tôi và nàng sung sướng xiết bao, hai đôi tay cứ ôm lấy nhau mà không nỡ buông rời. Qua hành động thử chồng của Pê-nê-lốp, tôi càng cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của người vợ của mình. Nàng đã dành cho tôi một tình cảm đặc biệt, một tình yêu vĩnh hằng, một tình yêu không mãnh liệt mà nhẹ nhàng êm ái khó quên như tôi đã dành cho nàng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tư tưởng nhân nghĩa được Nguyễn Trãi thể hiện qua phần đầu của bài “Bình Ngô Đại Cáo”

Tư tưởng nhân nghĩa của tác phẩm được Nguyễn Trãi thể hiện qua phần đầu của bài “Bình Ngô Đại Cáo”: “Từng nghe: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo; Như nước Đại Việt ta từ trước, Vốn xưng nền văn hiến đã lâu, Nước non bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác; Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập; Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương; Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, Song hào kiệt thời nào cũng có. Cho nên: Lưu Cung tham công nên thất bại; Triệu Tiết chí lớn phải vong thân; Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã Việc xưa xem xét. Chứng cứ còn ghi.” Nói về đoạn một giống như bốn đoạn khác của bài cáo được viết theo lối biên ngẫu vần đối với nhau, mỗi câu dài ngắn khác nhau để thể hiện được chất hào khí. Ở đầu bài cáo ta thấy được luận đề chính nghĩa đã nêu ra “Từng nghe: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo” Như vậy việc nhân nghĩa của Nguyễn Trãi ở đây là yên dân và trừ bạo. Yên dân chính là giúp dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc như vậy dân có yên thì nước mới ổn thật sự phù hợp với hoàn cảnh đất nước mới đánh đuổi giặc Minh. Tác giả đưa vào “yên dân” như để khẳng định đạo lý lấy dân làm gốc cho đến nay nước ta cũng làm như vậy. Việc nhân nghĩa tiếp theo chính là trừ bạo, bạo chính là quân nhà Minh, bọn gian tà bán nước cầu vinh chuyên đi hà hiếp nhân dân. Hai việc này tưởng như khác nhau nhưng lại rất có liên quan vì nếu không yên dân tất cường bạo khó yên nên hai việc này được nhấn mạnh và tiến hành cùng lúc. Luận đề chính nghĩa của Nguyễn Trãi có sự nhân đạo và cả cho trị nước vốn là hai việc ông luôn muốn làm. Đoạn tiếp theo cũng là nội dung được nhấn mạnh của bài cáo chính là nền độc lập. Nền độc lập Nguyễn Trãi đã khẳng định nền độc lập qua các câu sau: “Như nước Đại Việt ta từ trước, Vốn xưng nền văn hiến đã lâu, Nước non bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác; Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập; Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương; Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, Song hào kiệt thời nào cũng có.” Nền độc lập của ta được Nguyễn Trãi liệt kê ra năm yếu tố thứ nhất là nền văn hiến, mỗi quốc gia, dân tộc đều phải có nền văn hiến riêng của mình từ văn hoá, xã hội, lịch

sử tất cả đều khác và có nét riêng của mình như để khẳng định nền văn hiến đã có từ lâu không phải ai cũng có được. Thứ hai chính là cương thổ là núi, sông, đồng ruộng, biển cả đã được chia rõ ràng. Thứ ba là phong tục tập quán cũng như văn hoá nổi miền Bắc và Nam. Ở đây là nhấn mạnh Trung Quốc và Đại Việt đều có những nét riêng không thể nhầm lẫn. Thứ tư là triều đại riêng nhằm khẳng định chủ quyền và thứ năm chính là nhân tài, là con người cũng là yếu tố quan trọng để khẳng định nền độc lập của chính mình. Từ năm yếu tố Nguyễn Trãi đã khái quát gần như toàn diện về nền độc lập của một quốc gia so với “Nam Quốc Sơn Hà” của Lý Thường Kiệt, thật sự hay hơn về nội dung và đầy đủ, toàn diện hơn về một bản tuyên ngôn độc lập. Phần còn lại là chứng cứ để khẳng định nền độc lập, về các cuộc chiến trước đây với phương Bắc trong lịch sử chúng đều thất bại là chứng cứ khẳng định rõ nhất. Nghệ thuật thành công nhất của đoạn một - cũng như là bài cáo - chính là thể văn biến ngẫu được Nguyễn Trãi viết rất tài tình như câu: “Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập; Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương” Bốn triều đại mạnh nhất của ta với bốn triều đại hùng mạnh của Trung Quốc chứng tỏ ta chẳng hề thua kém gì chúng. Đoạn trích đặt ở đầu bài cáo thể hiện được hai nội dung chính gần như hết bài cáo là nhân nghĩa và nền độc lập của dân Đại Việt. Chính vì vậy, đoạn trích có giá trị rất sâu sắc đối với nước ta qua việc khẳng định nhân dân ta có tinh thần nhân nghĩa và nền độc lập riêng của mình. Đoạn mở đầu là một sự thành công của Nguyễn Trãi là sự mở đầu của một áng văn thiêng cổ như “Bình Ngô Đại Cáo” giúp ta khẳng định các nội dung chính của bài cáo. Sự thành công rực rỡ của bài cáo không thể thiếu đoạn mở đầu. Từ đó đem lại sự tự hào cho dân tộc ta từ thời đại của Nguyễn Trãi cho đến tận ngày nay.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tóm tắt đoạn trích Uy-lít-xơ trở về

Tóm tắt văn bản Uylitxo đến Itacơ quê hương sau 20 năm thời chinh chiến. Chàng giả dạng người hành khất đến gặp người chăn lợn cũ Ômê, sau đó chàng bí mật gặp con trai Têlêmac. Hai Cha con bạn mưu giết bọn cầu hôn. Sau 10 năm trì hoãn cuối cùng Pênelốp, vợ chàng phải ra diện kiến, ai bắn trúng 1 phát xuyên 12 vòng trong của 12 cái rìu thì nàng sẽ lấy người đó. Uylitxo vào cung điện của vợ mình trong vai hành khất. Nhũ mẫu Ôriclê theo phong tục đã rửa chân cho chàng, phát hiện ra Uylitxo qua vết sẹo bị lợn lòi húc ở chân. chàng đã ra hiệu cho Ôriclê giữ bí mật. Cuộc tỉ thí bắt đầu, 108 vị cầu hôn đều thất bại, chỉ có người hành khất đã bắn xuyên 12 chiếc rìu. Hai cha con Uylitxo đã trừng trị bọn cầu hôn và lũ nhà phản bội. Nhưng Pênelốp vẫn không chịu nhận chàng, chỉ đến lúc Uy chỉ ra dấu riêng của chiếc chân gường là một cái gốc cây, Pênelốp mới chịu nhận ra chồng nàng. Cuộc dàn xếp với thân nhân bọn cầu hôn bị giết diễn ra những ngày sau đó.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đoạn 1 và đoạn 2 bài Bình Ngô Đại Cáo

Mở đầu bài cáo, tác giả nêu lên một tư tưởng lớn làm nguyên lí cho toàn bài. Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điếu phạt trước lo trừ bạo. Đó là tư tưởng nhân nghĩa, nhưng không phải nhân nghĩa chung chung, mà gắn với mục đích “yên dân”, “trừ bạo”, mang nội dung yêu nước, thương dân. Nó đã được chứng minh bằng sự tồn tại của nước Đại Việt ta như một chân lí lịch sử: Như nước Đại Việt ta từ trước, Vốn xưng nền văn hiến đã lâu, Nước non bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác; Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập; Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương; Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, Song hào kiệt thời nào cũng có. Có đủ tất cả các yếu tố của một quốc gia độc lập tự chủ : quốc hiệu (tên nước), văn hiến, lãnh thổ, phong tục, con người và đặc biệt là “nền độc lập” đã được xây dựng từ bao đời. Những lời văn mạnh mẽ, dứt khoát, có ý khẳng định chắc chắn, Nguyễn Trãi đã khẳng định một cách hùng hồn chủ quyền dân tộc. Nguyễn Trãi nêu bật lịch sử các triều đại bằng phép liệt kê, song hành, đã khẳng định lịch sử dài lâu của đất nước, đồng thời khẳng định tư thế độc lập ngang hàng của Đại Việt với các triều đại phong kiến phương Bắc. Nó còn như khẳng định về hậu quả thất bại tất yếu của kẻ thù khi chúng xâm phạm đến độc lập chủ quyền của dân tộc ta: Vậy nên: Lưu Cung tham công nên thất bại; Triệu Tiết chí lớn phải vong thân; Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã Nguyễn Trãi đã cho ta thấy những chiến công oanh liệt của dtộc trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, giữ gìn tự do của Tổ quốc. Cách nêu dẫn chứng rõ ràng cụ thể bằng những lời lẽ chắc chắn, hào hùng, thể hiện niềm tự hào dtộc. => Nói về nước Đại Việt ta, cảm hứng của tác giả tràn đầy niềm tự hào dân tộc. Câu văn biên ngẫu song đôi, cân xứng tạo nên giọng điệu trang nghiêm, khẳng định khi nói về quốc gia độc lập, tự chủ; và đặc biệt nghệ thuật so sánh lại càng tôn cao và khẳng định thêm điều đó: Nguyễn Trãi đã đặt các triều đại Triệu, Đinh, Lý, Trần của Việt Nam ngang hàng với các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên của Trung Quốc. Không có một niềm tự hào dân tộc mãnh liệt thì cũng không thể có một sự so sánh như vậy. Đoạn 2 là một bản cáo trạng danh thếp tố cáo tội ác của quân xâm lược nhà Minh. Nguyễn Trãi đã lột trần âm mưu thâm độc của chúng: lợi dụng nhà Hồ chính sự đổ nát, giặc Minh đã thừa cơ vào

cướp nước ta: Nhân họ Hồ chính sự phiến hà Để trong nước lòng dân oán hận. Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa Dối trời lừa dân đủ muôn nghìn kế Gây binh kết oán trải hai mươi năm. Tác giả khẳng định đó là tội ác “Bại nhân nghĩa nát cả đất trời” và kể ra những hành động tội ác man rợ của chúng. Nào là tàn sát, giết hại nhân dân kể cả các em nhỏ cũng không tha: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn-Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ”. Rồi chúng lại bóc lột dân ta bằng thuế khoá nặng nề, ra sức vơ vét tài nguyên đất nước, đẩy người dân đến chỗ đường cùng, thậm chí tính mạng không được đảm bảo: Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc. Còn dã man, tàn bạo đến mức: -Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ, Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng -Nặng nề những nỗi phu phen, Tan tác cả nghề canh cửi. Hậu quả bọn chúng để lại thật là tàn khốc: gia đình tan nát, vợ mất chồng, con cái thì nheo nhóc, muôn loài bị phá huỷ, tiêu diệt, sản xuất thì trì trệ, nhân dân khổ cực Để nêu rõ tội ác của quân xâm lược, tác giả đã dụng phương pháp liệt kê có chọn lọc, sử dụng những câu văn giàu hình tượng, giọng văn thay đổi linh hoạt, phù hợp với cảm xúc. Lúc thì tỏ ra căm phẫn, tức giận đến thấu xương cái lũ xâm lược tàn bạo, lúc thì lại thể hiện sự xót xa, đau đớn cho nhân dân ta. Ở phần đầu bản cáo trạng là một hình ảnh đầy ấn tượng: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn-Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”, để rồi kết thúc bằng một hình ảnh có giá trị tổng kết cao: “Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội-Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi”. Và cuối cùng là lời phán quyết nghiêm khắc, danh thếp của nhân dân ta về tội ác của chúng: Lẽ nào trời đất dung tha Ai bảo thần dân chịu được?

Văn Mẫu Lớp 10 - Cho biết ý nghĩa chiếc giường trong thử thách của Pe - nê - lốp trong Uy - lit - xo trở về

Luận điểm chính trong bài: Chi tiết chiếc giường có một ý nghĩa quan trọng trong toàn bộ cốt truyện: nó là chứng nhân ghi dấu cuộc sống êm đềm hạnh phúc cũng những kỉ niệm đẹp đẽ của tình chồng vợ giữa Pê-nê-lốp và Uy-lít-xơ trong quá khứ, nó chứng kiến sự đợi chờ mòn mỏi và thủy chung của nàng và giờ đây, nó là vật thử thách, là “thử thách cuối cùng” mà Uy lít-xơ cần phải vượt qua để hoàn tất hành trình đoàn tụ với gia đình. Chiếc giường vốn là một vật mang tính chất cá nhân, riêng tư, là biểu tượng của cuộc sống hạnh phúc lứa đôi, tình yêu, sự trung thủy. Đặc biệt, trong tác phẩm này, chiếc giường của Pê-nê-lốp lại có điểm đặc biệt: do chính tay Uy-lít-xơ làm ra (thể hiện ý nghĩa hạnh phúc gia đình do chính tay hai người tạo dựng lên) và chân giường được làm từ một thân cây (thể hiện sự vững bền). Và đó chính là bí mật riêng của hai người. Đối với Uy-lít-xơ, thử thách cuối cùng này nếu xét về độ nguy hiểm thì không thể so sánh với những thử thách mà chàng gặp phải trên con đường 10 năm lên đênh trên biển nhưng xét về mức độ quan trọng, nó lại có tầm quan trọng đặc biệt. Và tính chất thử thách cũng đặc biệt. Không phải thử thách lòng dũng cảm, tài năng mà là thử thách về trí tuệ, về lòng thủy chung, sự gắn bó bền chặt của tình nghĩa vợ chồng. Và chàng đã chứng tỏ mình không phải chỉ là một người hùng trong chiến trận mà còn là một người chồng xứng đáng, thủy chung, tình nghĩa. Từ đó, và trên cơ sở đối sánh với các tác phẩm sử thi của các dân tộc khác, ta thấy người Hi Lạp, cũng như văn hóa Hi Lạp và phương Tây, đề cao cá nhân, đề cao trí tuệ, tình yêu, sự thủy chung, tình nghĩa, đề cao hạnh phúc gia đình (khác với phương Đông, đề cao tập thể cộng đồng, đề cao nghĩa vụ và danh dự - có thể thấy qua các văn bản: Chiến thắng Mtao Mxây và Ra ma buộc tội)

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận về phần cuối của tác phẩm “Uy lít xơ trở về” .
(từ “dịu hiền thay mặt đất...” đến hết)

Uy-lít-xơ trở về thuộc khúc ca XVIII của ô-di-xê, một tác phẩm sử thi Hi Lạp nổi tiếng thế giới. Đoạn trích kể lại cuộc tái ngộ của vợ chồng Pê-nê-lốp và Uy-lít-xơ sau hai mươi năm cách biệt. Cuộc tái ngộ ấy đầy hạnh phúc nhưng trước khi được hưởng niềm vui, niềm hạnh phúc đoàn tụ họ đã trải qua nhiều thử thách gay go. Ta hãy thử cùng tìm hiểu đoạn trích của tác phẩm qua hai nhân vật chính của đoạn trích Pê-nê-lốp và Uy-lít-xơ. Khi Uy-lít-xơ với những với tư cách là một người hành khất giả danh, đây là lúc vị trí của Uy-lít-xơ đã thay đổi dưới cách nhìn của Pê-nê-lốp. Từ vai trò là người bạn của Uy-lít-xơ, người chia sẻ buồn vui với Pê-nê-lốp, Uy-lít-xơ đã xuất hiện như một đại diện cho sức mạnh. Việc diệt trừ một lúc 108 tên cầu hôn quấy đảo đã nâng vị trí một kẻ bình thường lên vị trí một người khác thường. Sự nâng cấp này làm cho Uy-lít-xơ gần với Uy-lít-xơ hơn. Nghĩa là khả năng trở thành Uy-lít-xơ thật của người hành khất mở ra một triển vọng lạc quan đối với người vợ chung thủy đợi chồng. Nhưng dù thế, khi người nữ mẫu báo tin vui là Uy-lít-xơ đã trở về câu nói của Pê-nê-lốp không phải là thái độ “đồng thanh tương ứng”. Trước sự phấn khích của người nữ mẫu trung thành, tận tụy, lời nói của nàng như gáo nước lạnh dội vào. Câu đối thoại của Pê-nê-lốp với người nữ mẫu làm hiện lên một tâm trạng. Với Pê-nê-lốp, việc Uy-lít-xơ trở về là một mơ ước, nhưng mơ ước đó quá xa xôi, xa xôi như hai mươi năm cách biệt. Ngọn lửa ấy không phải không có lúc bùng lên. Chỉ cần nhắc đến nó là người nói đã xao xuyến bồi hồi: “Già cũng biết, nếu chàng trở về thì mọi người trong nhà, nhất là tôi và con trai chúng tôi sinh ra kia sẽ sung sướng xiết bao!”. Nhưng giờ đây, do đã kìm nén nhiều năm, mơ ước ấy bị gạt sang một bên chỉ còn âm ỉ cháy. Thậm chí dấu vết còn lại của nó chỉ như một nhúm tro than bị thời gian sóng gió dập vùi. (Còn về phần Uy-lít-xơ thì ở nơi đất khách quê người, chàng cũng đã hết hi vọng trở lại đất A-cai, chính chàng cũng đã chết rồi). Mặc cảm ấy dẫn đến sự không dễ dàng thừa nhận là hết sức tự nhiên. Trả lời câu hỏi: Ai là người giết bọn cầu hôn, theo Pê-nê-lốp, chiến tích phi thường ấy thuộc về thần linh: “Đây là một vị thần đã giết bọn cầu hôn danh tiếng”. Đoạn văn này mới diễn tả một tình cảm thật của nàng. Đó là sự sung sướng hả hê của người trút được gánh nặng, của một nạn

nhân khi mắt thấy tai nghe sự trừng phạt thích đáng những kẻ tội đồ. Bao nhiêu hào hứng của nàng thuộc về phía ấy: “... một vị thần bất bình vì sự láo xược bất kham và những hành động nhuốc nhơ của chúng. Vì chúng chẳng kiêng nể một ai trên cõi đời này, dù là dân đen hay người quyền quý, hễ gặp chúng là bất cứ ai cũng bị chúng khinh miệt. Vì sự bất công điên rồ của chúng, nên chúng phải đền tội đầy thôi”. Còn Uy-lít-xơ thật có phải là người ấy hay không, trong cách nghĩ của Pê-nê-lốp như có sự lảng tránh. Ngay cả lúc người nhũ mẫu già đưa ra một chứng cứ (vết sẹo trên bắp chân của Uy-lít-xơ do lợn lòi húc ngày xưa) cũng bị nàng gạt đi. Bởi trong ý nghĩa của Pê-nê-lốp người ta không thể tin vào bất cứ điều gì bởi tất cả là do thần linh sắp đặt: “Già ơi! Dù già sáng suốt đến đâu, già cũng không sao hiểu thấu những ý định huyền bí của thần linh bất tử”. Song, tiếng nói ấy dù sao cũng là tiếng nói của lí trí. Khi đối diện với người đàn ông mà nhũ mẫu ở-ri-clê cho là Uy-lít-xơ, trái tim nhạy cảm của Pê-nê-lốp không còn có thể lặng yên được nữa. Mong muốn gặp chồng và nay gần như đã gặp chồng dù mới chỉ là linh cảm, trái tim tưởng như đã trở thành băng giá đã tan ra. Lần đầu tiên, nàng run rẩy, thiếu tự tin không làm chủ được bản thân mình. Trạng thái bất ổn ấy không chỉ diễn ra trong cái bối rối rất con người là “nàng không biết nên đứng xa xa hỏi chuyện người chồng yêu quý của mình hay nên lại gần, ôm lấy đầu, cầm lấy tay người mà hôn?”, mà ngay từ lúc Pê-nê-lốp quyết định bước xuống cầu thang để gặp mặt với “người ấy”. “Bây giờ ta hãy xuống nhà với Tê-lê-mác để xem xác chết của bọn cầu hôn và người giết chúng”. Kết hợp với độc thoại nội tâm và đối thoại lấp lửng với người nhũ mẫu, trái tim cứng rắn của Pê-nê-lốp đã gần bước qua các ranh giới vô hình mà chính nàng đã phân chia rạch ròi từ trước. Nhưng đến lúc có thể bước qua, nàng lại ngập ngừng dừng lại. Lí trí giúp nàng tỉnh táo. Tỉnh táo để không rơi vào ngộ nhận ở phút cuối cùng. Pê-nê-lốp nói với con hay nói với lòng mình và cả Uy-lít-xơ nữa về sự nấn ná dường như khó hiểu lúc này: “Nếu quả thật đây chính là Uy-lít-xơ, bây giờ đã trở về, thì con có thể tin chắc rằng thế nào cha con và mẹ cũng sẽ nhận được ra nhau một cách dễ dàng”. Nàng cầu cứu vào sự thật, vào lí trí một lần cuối cùng trước khi hành động, trước khi quyết định, một quyết định quan trọng biết đường nào. Trước khi có quyết định ấy, mâu thuẫn giữa tình cảm và lí trí làm cho Pê-nê-lốp ở vào một tình trạng tiến thoái lưỡng nan vừa khó có thể rời xa vừa không thể đến gần con người ấy. Cảm giác thân thiết một cách xa lạ này được phản chiếu vào đôi mắt, vào cái cửa sổ của tâm tư khi nàng ngồi yên mà trong lòng đang nổi sóng “khi thì đắm đắm âu yếm nhìn chồng, khi lại không nhận ra chồng dưới bộ áo quần rách mướp”. Khi

Uy-lít-xơ ở phòng tắm bước ra, từ một người hành khất, Uy-lít-xơ “đẹp như một vị thần”. Điều đó với Uy-lít-xơ không phải là không chú ý. Nhưng dù chàng có cốt tình thay đổi, cái nhìn của Pê-nê-lốp vẫn không thay đổi. Bởi ý thức tự thay đổi của Uy-lít-xơ không nằm trong vùng cảm nghĩ của nàng. Chỉ tới khi lòng kiên nhẫn của Uy-lít-xơ cạn dần đến mức phải thốt ra những lời tuyệt vọng “Thôi, già ơi! Già hãy kể cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình, như bấy lâu nay, vì trái tim trong ngực nàng kia là sắt”, trong tâm trí khôn ngoan của Pê-nê-lốp mới bật ra một phép thử. Phép thử ấy không phải bất ngờ vì trước đó, nàng đã định ninh sẽ đánh thức trí nhớ của Uy-lít-xơ nếu Uy-lít-xơ thật về những bí mật đời tư của họ, “những dấu hiệu riêng, chỉ hai người biết với nhau”. Chỉ có điều Pê-nê-lốp còn chưa tìm ra thì may sao chính lời than thở vô tình của Uy-lít-xơ lại sáng lên cho nàng một gợi ý. Và hiệu quả tức thời của nó nhanh đến mức Uy-lít-xơ vừa nhắc đến chiếc giường bí mật thì với nàng, con đề cuối cùng, con đề tự bảo vệ mà Pê-nê-lốp đã dựng lên trong suốt hai chục năm qua đã không còn cần thiết nữa. Đây là lời kể của Hô-me-rơ: “Người nói vậy và Pê-nê-lốp bủn rủn cả chân tay... Nàng bèn chạy ngay lại, nước mắt chan hòa, ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng...” ở vào giờ phút thiêng liêng này, vai trò của hai người đã được đổi chỗ cho nhau. Người cầu xin không còn là Uy-lít-xơ nữa. Người ấy là vợ chàng. Đó là sự cầu xin vì hạnh phúc, hạnh phúc quá lớn lao một khi định mệnh “Thần linh đã dành cho hai ta một số phận biết bao cay đắng” đã buông tha, cầu xin sự tha thứ nữa, tha thứ cho một người vợ đã cốt tình sắt đá với chàng, vì “thiếp luôn luôn lo sợ có người đến đây, dùng lời đường mật đánh lừa, vì đời chẳng thiếu gì người xảo quyệt, chỉ làm điều tai ác...” Hạnh phúc mà Pê-nê-lốp tìm lại cho mình là cả hai mươi năm li biệt, là lòng thủy chung sắt son, là cả sự miễn tiếp của trí tuệ thiên bẩm. Dường như chỉ có nàng mới thấm thía cái ngọt ngào sau bao nỗi đắng cay, chỉ có nàng mới đo được cái tầm vóc vô hình của nó và chỉ có thiên nhiên mới nói được niềm vui sướng vô biên của “rất ít người thoát khỏi biển khơi trắng xóa mà vào được đến bờ”. Biểu hiện tốt cùng của hạnh phúc ở nàng như trạng thái của một giấc chiêm bao: “nàng nhìn chồng không chán mắt và hai cánh tay trắng muốt của nàng cứ ôm lấy cổ chồng không nỡ buông rời”. So với Pê-nê-lốp, Uy-lít-xơ không phải là nhân vật chính, không giữ vai trò quyết định cho cuộc đoàn viên. Mặc dù như Tê-lê-mác thừa nhận một cách tự hào: “xưa nay cha vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan, không một kẻ phàm trần nào sánh kịp”, nhưng trí tuệ ấy của Uy-lít-xơ thể hiện chủ yếu ở một không gian khác: không gian trận mạc và cuộc vượt biển mười năm trở lại quê hương. Còn trước những vấn đề phức tạp như

bí mật của lòng người, Uy-lít-xơ còn khá ngây thơ. Chẳng thế mà việc diệt trừ 108 kẻ cầu hôn với chàng không khó, nhưng làm thế nào để mở được cánh cửa im ỉm đóng của tâm hồn Pê-nê-lốp, Uy-lít-xơ đã phải bó tay. Chí còn biết kiên nhẫn, đợi chờ, trách móc. Vai trò của Uy-lít-xơ rơi vào tình trạng bị động và phụ thuộc hoàn toàn. Trí tuệ của Uy-lít-xơ trong phạm vi giao tiếp, ứng xử với phụ nữ (dù người đó là vợ chàng) chẳng hơn gì Tê-lê-mác con chàng là mấy. Có đến hai câu trách móc giống nhau: - Tê-lê-mác: “Mẹ ơi, mẹ thật tàn nhẫn và lòng mẹ độc ác quá chừng ! Sao mẹ lại ngồi xa cha con như thế, sao mẹ không đến bên cha, vồn vã hỏi han cha? Không, không một người đàn bà nào sắt đá đến mức chồng đi biển biệt hai mươi năm nay, trải qua bao nỗi gian lao, bây giờ mới trở về xứ sở, mà lại có thể ngồi cách xa chồng như vậy. Nhưng mẹ thì bao giờ lòng dạ cũng rắn hơn cả đá”. - Uy-lít-xơ: “Khốn khổ ! Hẳn là các thần trên núi Ô-lem-pơ đã ban cho nàng một trái tim sắt đá hơn ai hết trong đám đàn bà yếu đuối, vì một người khác chắc không bao giờ có gan ngồi cách xa chồng như thế, khi chồng đi biển biệt hai mươi năm trời, trải qua bao nỗi gian truân, nay mới trở về xứ sở. Thôi, già ơi! Già hãy kể cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình, như bấy lâu nay, vì trái tim trong ngực nàng kia là sắt”. Ấy là chưa nói đến có tới hai lần ý nghĩ của Uy-lít-xơ hoặc không nằm trong vùng tâm tư, cảm nghĩ của đối tượng (vợ chàng) hoặc nằm ngoài mạch truyện. Chứng cứ thứ nhất là khi phát hiện một nửa cái nhìn của Pê-nê-lốp (vừa âu yếm vừa xa lạ) của mình “dưới bộ áo quần rách rưới”, chàng nghĩ ra ngay một giải pháp. Điều mà vợ chàng nói là “sẽ nhận ra nhau”, Uy-lít-xơ cũng đinh ninh là thế với cái ý nghĩ giản đơn: “Hiện giờ cha còn bẩn thỉu, áo quần rách rưới nên mẹ con khinh cha, chưa nói: “Đích thị là chàng rồi”. Để rồi sau đó, từ nhà tắm bước ra, yên trí cho rằng tuy ngồi lại vào chỗ cũ, nhưng Pê-nê-lốp sẽ nhìn nhận chàng bằng một con mắt khác, bởi lúc đó: không còn là người hành khất rách rưới mà “đẹp như một vị thần”. Kết quả là Pê-nê-lốp không có một thái độ đổi thay (như chờ đợi của chàng). Chứng cứ thứ hai khi đang là đối tượng thử thách của Pê-nê-lốp, vấn đề vợ chàng nhận ra hay không nhận ra chàng mới là điều hệ trọng thì Uy-lít-xơ lại quay ra nói chuyện với con về một vấn đề chẳng liên quan gì đến mạch Truyện: “Nhưng về phần cha con ta, ta hãy bàn xem nên xử trí thế nào cho ổn thỏa nhất”. Nhất là cách bàn chuyện lại dài dòng: “Nếu có ai giết chết một người trong xứ sở [...] cha khuyên con nên suy nghĩ”. Nhưng cũng may là do quá thật thà (không biết dụng ý của Pê-nê-lốp) mà khi Pê-nê-lốp vừa nói đến việc di chuyển chiếc giường bí mật, Uy-lít-xơ đã quá đổi ngạc nhiên. Đó chính là cái “giật mình” mà vợ chàng nóng lòng

chờ đợi. Và kể sau đó, đoán chắc như đinh đóng cột (“nếu không có thần linh giúp đỡ thì dù là người tài giỏi nhất cũng khó lòng làm được việc này”) nhất là cách tả như đếm của chàng (làm bằng cây gì, thiết kế tí mĩ ra sao,...) thì Pê-nê-lốp lại như người bắt được vàng. Gạt bỏ đi tất cả những yếu tố “ngoại đề” (thậm chí còn là lạc đề) của Uy-lít-xơ ngây thơ, Pê-nê-lốp đã thực sự nhận ra người chồng vô cùng yêu quý. Việc miêu tả Uy-lít-xơ như trên vừa nói là một đồ ý nghệ thuật của Hô-me-rơ. Nó chẳng những không hạ thấp trí tuệ của chàng (trí tuệ ấy thể hiện ở một vùng không gian khác) mà còn tạo ra một thứ mặt bằng để từ đó sự thông minh sắc sảo của Pê-nê-lốp nổi bật hẳn lên. Trong một lát cắt ngang của tác phẩm, sứ mệnh nghệ thuật của Uy-lít-xơ đã hoàn thành một cách ngoài dự kiến. Kết hợp với các yếu tố nghệ thuật khác như cách dàn dựng cốt truyện, ngôn ngữ sử thi (ngôn ngữ trực tiếp và lời kể của người dẫn truyện), việc xây dựng nhân vật theo lối đa dạng hóa có tính khắc họa khá cao dù tác phẩm ra đời từ cái thời rất đổi xa xôi của lịch sử.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đoạn 2 bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi

Cách làm - Đọc kĩ phần 2 văn bản. - Tìm các câu trong đó có nêu nên tội ác giặc Minh (vùi con...hầm tai vạ,...). - Phân tích nội dung. - Nghệ thuật đan xen. VD: Tác giả dùng những từ ngữ bình dị để người dân hiểu được nhưng đồng thời cũng mang nó nhấn mạnh thêm một tầng nghĩa mới Bài tham khảo

Lấp lánh rọi sang như một ngôi sao Khuê trong tâm hồn, trong trái tim “ ưu thời ái quốc” - thâm thúy, sắc bén đẩy biến hóa trong tài mưu lược chính trị; nhẹ nhàng mà thanh tao, thi vị trong những vần thơ viết về thiên nhiên, Nguyễn Trãi đã tạc mình vào vóc dáng dân tộc. Định mệnh có thể khiến con người ta sinh ly tử biệt song, thời gian lại chẳng thể xóa nhòa những giá trị vĩnh hằng. Sự trường tồn của tên tuổi Nguyễn Trãi cùng non sông nước Việt là minh chứng hùng hồn cho điều đó. Nếu Nguyễn Trãi là nhà văn chính luận kiệt xuất mọi thời đại thì Bình Ngô Đại Cáo là áng văn bất hủ của ông trong lịch sử văn học dân tộc Việt Nam. Tác phẩm gồm 4 phần: phần 1 nêu luận đề chính nghĩa, phần 2 vạch rõ tội ác của kẻ thù, phần 3 kể lại quá trình chinh phạt gian khổ và tất thắng của cuộc khởi nghĩa, phần 4 tuyên bố kết quả, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa. Bài viết sau đây sẽ chỉ làm rõ tội ác của giặc Minh qua phần 2 của tác phẩm. Sau hơn 10 năm kháng chiến gian khổ và quyết liệt, tháng 1 năm 1428 nhân dân ta dưới ngọn cờ của Lê Lợi, đã đánh đuổi giặc Minh ra khỏi đất nước. Sau chiến thắng, Lê Lợi tổ chức phong thưởng cho tướng lĩnh và chính thức lên ngôi hoàng đế, Nguyễn Trãi thay mặt nhà vua viết Bình Ngô Đại Cáo để tuyên bố cho toàn dân biết công cuộc cứu nước đã thắng lợi. Từ đây, dân tộc sẽ bước vào một kỷ nguyên mới-kỷ nguyên hòa bình. Tác phẩm của Nguyễn Trãi có tên là Đại Cáo Bình Ngô, nghĩa là tuyên cáo rộng rãi về việc đã dẹp yên giặc Ngô. Chữ Ngô ở đây là cách gọi của Người Việt xưa đối với thế lực phong kiến phương Bắc với sắc thái coi khinh. Trong tác phẩm, quân Ngô chính là giặc Minh. Nếu như đoạn 1 nêu lên lập trường chính nghĩa thì đoạn 2 là bản cáo trạng đanh thép vạch rõ tội ác của quân xâm lược nhà Minh. Nguyễn Trãi đã lột trần âm mưu thâm độc của chúng: lợi dụng nhà Hồ chính sự đổ nát, giặc Minh đã thừa cơ vào cướp nước ta: Nhân họ Hồ chính sự phiền hà, Để trong nước lòng dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa, Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Năm 1406, lấy cớ nhà Hồ cướp ngôi của nhà Trần, nhà Minh huy động

một lực lượng lớn gồm 20 vạn bộ binh và thủy binh cùng với hàng chục vạn dân phu vận chuyển, dưới quyền chỉ huy của Chu Năng, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Lý Bân, Trần Húc kéo vào xâm lược Đại Việt. Quân Minh chia làm hai cánh: một cánh do Trương Phụ chỉ huy theo đường Bằng Tường, Quảng Tây tiến vào Lạng Sơn, một cánh do Mộc Thạnh chỉ huy từ Vân Nam theo đường sông Hồng kéo xuống. Nhà Minh còn sai người mang sắc vào dụ vua Chăm-pa phối hợp tấn công ở biên giới phía nam. Trong suốt hai mươi năm đô hộ nước ta (1407-1427), chính quyền đô hộ nhà Minh đã thực hiện nhiều chính sách và biện pháp từ tinh vi đến trắng trợn nhằm xoá bỏ quá khứ đấu tranh, dựng nước và giữ nước bất khuất của dân tộc ta, thủ tiêu những di sản văn hoá truyền thống tốt đẹp của nhân dân Đại Việt để chiếm đóng vĩnh viễn đất nước ta. Nhà Minh nhiều lần đốt sách vở, kể cả sách học của trẻ em, phá hủy các bia đá. Lịch sử đã ghi lại tội ác của giặc Minh và Bình Ngô Đại Cáo lại thêm một lần tố cáo mạnh mẽ tội ác của chúng. Tác giả đã khẳng định đó là tội ác “Bại nhân nghĩa nát cả đất trời” và kể ra những hành động dã man của bọn chúng. Âm mưu xâm lược của quân giặc gian xảo bao nhiêu thì chính sách cai trị của chúng càng thâm độc bấy nhiêu. Vẫn là những chính sách cũ nhưng thâm độc hơn nhiều: chúng không chỉ bóc lột vơ vét hết mọi sản vật, sức người, sức của của dân ta mà chúng còn huỷ hoại cả môi trường sống (tàn hại giống côn trùng cây cỏ) và tàn sát con người không biết ghê tay. Hai câu : Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Đây là hình ảnh vừa cụ thể, vừa khái quát như một lời cáo trạng, lời buộc tội quân giặc. Văn học trung đại Việt Nam không có nhiều nhà thơ đưa hình ảnh “Dân đen” vào trang viết của mình. Dân đen-những kiếp người nhỏ bé tận cùng dưới đáy xã hội. Họ là nạn nhân của tội ác mà quân giặc đã gieo rắc trên bờ cõi dân tộc. Nếu không có một tấm lòng rộng mở, nếu không có một tư tưởng nhân đạo sâu sắc thì Nguyễn Trãi đâu thể viết nên những câu văn mang đầy sức gợi và đậm tính nhân văn như thế? Có thể nói, hai câu văn đã được viết ra bằng máu và nước mắt của người anh hùng suốt đời một lòng vì dân vì nước. Vơ vét sản vật, tiêu diệt con người, tội ác của giặc không giấy bút nào tả xiết : Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội, Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi. Nguyễn Trãi chọn cái vô cùng (trúc Nam Sơn, nước Đông Hải) để nói đến tội ác của một loài quỷ dữ (thằng há miệng, đứa nhe răng). Bọn chúng như những con thú dữ khát máu người, chỉ nhằm nhe cắn xé nhân dân ta đến tận xương tủy. Hậu quả bọn chúng để lại thật là tàn khốc: gia đình tan nát, vợ mất chồng, con cái thì neo nhóc, muôn loài bị phá huỷ, tiêu diệt, sản xuất thì trì trệ, nhân dân khổ cực Để nêu

rõ tội ác của quân xâm lược, tác giả đã dụng phương pháp liệt kê có chọn lọc, sử dụng những câu văn giàu hình tượng, giọng văn thay đổi linh hoạt, phù hợp với cảm xúc. Lúc thì tỏ ra căm phẫn, tức giận đến thấu xương cái lũ xâm lược tàn bạo, lúc thì lại thể hiện sự xót xa, đau đớn cho nhân dân ta. Hai câu cuối kết án vô cùng đanh thép : Lẽ nào trời đất dung tha, Ai bảo thần dân chịu được ? Tội ác của giặc Minh đã vượt qua cái giới hạn của lẽ trời. Hành động nhơ bẩn của chúng khiến cả thần và người đều không thể tha thứ. Đứng trên lập trường nhân nghĩa, đoạn văn là máu, là nước mắt, thể hiện sự căm hận sục sôi của Nguyễn Trãi đối với kẻ thù. Nói tóm lại, đoạn văn này là một bản cáo trạng đanh thép tố cáo tội ác khủng khiếp của giặc Minh trong 20 năm trên mảnh đất Đại Việt. Để đảm bảo vừa tăng cường sức thuyết phục vừa đạt được tính cô đọng, hàm súc của ngôn từ văn chương, Nguyễn Trãi sử dụng đan xen, kết hợp hài hòa giữa những hình ảnh mang tính chất khái quát với những hình ảnh có tính cụ thể, sinh động. Như vậy bằng cái tài và cái tâm của mình, Nguyễn Trãi đã khiến cho Bình Ngô Đại Cáo xứng đáng được vinh danh là áng thiên cổ hùng văn (áng văn bất hủ muôn đời). Để rồi văn đàn Việt Nam tự hào có một Nguyễn Trãi. Dân tộc Việt Nam tự hào có mộtỨc Trai.

Văn Mẫu Lớp 10 - Từ câu chuyện Uy-lít-xơ trở về, hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của mình về hạnh phúc gia đình

Dàn ý: Mở bài: Giới thiệu tác phẩm và dẫn dắt vào vấn đề chính: Hạnh phúc gia đình. Thân bài: 1. Hạnh phúc gia đình trong “Uy-lít-xơ” trở về. - Đối với Uy-lít-xơ: + Đi biển biệt mấy chục năm nhưng vẫn luôn khát khao được trở về cùng gia đình (vượt qua những người con gái và sự mê hoặc của họ trên biển, phải nhờ sự giúp đỡ của thần zeus...) + Khi về được đến nhà, phải đối phó với 108 kẻ đến cầu hôn vợ của mình => giết hết chúng => Bảo vệ hạnh phúc gia đình + Khi vợ không nhận ra, vẫn kiên nhẫn chờ đợi và mỉm cười, tin rằng chắc chắn vợ sẽ nhận ra. => Tình yêu tha thiết đối với gia đình, luôn muốn được ở bên cạnh gia đình - Đối với Pê-nê-lốp: + Tổ chức hết cuộc thi này tới cuộc thi khác cho những kẻ cầu hôn mình => Toàn những cuộc thi mà nàng tin chắc rằng không ai có thể làm được => Lấy cớ để né tránh những kẻ cầu hôn. + Khi nghe nhũ mẫu nói chồng nàng đã về, nàng đã không tin và luôn đề phòng. + Khi đối diện với chồng, mặc dù có cảm giác như đúng là chồng mình nhưng nàng vẫn kiên quyết không nhận => Nguyên nhân: nàng sợ sẽ bị lừa dối, sợ nếu đó không phải chồng mình thì mình sẽ trở thành người phụ bạc => Chung thủy - Chi tiết chiếc giường: trở thành vật gắn kết tình cảm vợ chồng, là biểu tượng của tình yêu giữa U và P => Hạnh phúc gia đình được thể hiện trong tác phẩm rất sâu sắc: Gia đình là nơi trở về mà ai cũng mong muốn, trong đó, mỗi thành viên luôn dành hết tình cảm cho thành viên khác, trong bất cứ hoàn cảnh nào. 2. Liên hệ hạnh phúc gia đình trong hiện tại. Có thể nói về vai trò của hạnh phúc gia đình, thực trạng hạnh phúc hiện nay (tích cực và tiêu cực), cần làm gì? Kết bài: Khái quát lại vấn đề, nêu bài học

Văn Mẫu Lớp 10 - Có ý kiến cho rằng “Bình Ngô đại cáo là áng thiên cổ hùng văn”. Ý Kiến của anh chị như thế nào?

DÀN Ý 1. Giải thích: thế nào là “thiên cổ hùng văn”? - Là áng văn hùng tráng cả nghìn đời còn lưu truyền - Vì sao gọi như thế? + Nội dung thể hiện 1 tinh thần yêu nước mãnh liệt, tinh thần chiến đấu mạnh mẽ, khí thế hào hùng, lòng căm thù giặc sôi sục. Bài cáo đã ghi lại một thời kì đau thương mà oanh liệt của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Minh với những chiến thuật chiến lược hết sức đúng đắn và sáng tạo đã đem lại những trận đánh long trời lở đất làm cho quân thù phải khiếp sợ, đẩy chúng đến sự thất bại toàn diện và nhục nhã. Bài cáo còn viết với nghệ thuật xuất sắc: lời văn biến ngẫu hùng tráng, hơi văn cuộn cuộn như bão dông, phép đối kết hợp với cấu trúc câu của loại phú cận thể tạo nên tiết tấu mạnh mẽ thể hiện được tất cả cảm xúc hào sảng bừng bừng trong huyết quản của tác giả ngay trong những ngày nghĩa quân Lam Sơn thắng trận giòn giã + Bài cáo mãi là âm vang hào hùng trên non sông đất Việt vì đã ghi lại được ý chí, khát vọng chiến thắng, hoà bình, độc lập của toàn dân, vì đã khẳng định được quyền tự chủ và ý chí chiến đấu đến cùng để giành lại quyền tự chủ của dân tộc trước mọi kẻ thù. Bài cáo còn nêu cao tư tưởng nhân nghĩa để khẳng định đạo lí ngàn đời của nhân dân Việt Nam. Sự bất hủ của bài cáo còn là do thiên tài nghệ thuật của Nguyễn Trãi. + Sự tồn tại vượt thời gian của bài cáo còn có sự góp phần của dịch giả. Bài dịch chữ Nôm quả là 1 công trình dịch thuật xuất sắc 2. Chứng minh: - Bình Ngô đại cáo - một bản hùng ca xuất sắc về nội dung và nghệ thuật: + Ca ngợi đất nước và dân tộc với lối văn trong sáng tràn đầy sức mạnh của lòng tin và lòng tự hào + Nỗi niềm trăn trở lo âu vận mệnh của đất nước → tình yêu nước sâu sắc. + Cảm xúc dạt dào khi có cơ hội khởi nghĩa, khi tập hợp lực lượng nhân dân, khi lực lượng nghĩa quân đã phát triển: “Nhân dân bốn cõi....phấp phới” + Chiến lược chiến thuật tài tình và chiến thắng vang dội là trọng tâm làm nên cảm xúc vừa mãnh liệt vừa trữ tình cho áng văn bất hủ này: ” thế trận....chống mạnh..” ” đem đại nghĩa....” + Kết thúc bài cáo là những lời ca trang trọng và tươi vui nhất là niềm hạnh phúc dào dạt 3. Nhận xét chung: Tư tưởng nhân nghĩa là nguồn gốc của giá trị văn chương, đây chính là cái bệ phóng để đưa tác phẩm từ quá khứ vào tương lai. Nghệ thuật cấu trúc văn bản và dùng từ là đôi cánh để nâng cao tác phẩm hơn nữa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Về tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi

Bình Ngô đại cáo là bản lịch sử tóm tắt 10 năm kháng chiến để toàn dân ghi nhớ chặng đường và những thành tích của khởi nghĩa Lam Sơn hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc chiến thắng, thấm nhuần công đức và tư tưởng chính trị của vua Lê và đây thực sự là bản tổng kết kinh nghiệm cuộc chiến đấu chống Minh, rút từ đó một số bài học về đường lối đánh giặc cứu nước có giá trị lâu dài cho sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc. Trong hiện đại trải qua kháng chiến chống Pháp chống Mỹ, cái áng cổ văn được trích dẫn thường nhất là “Bình ngô đại cáo” và bao giờ cũng có tác dụng tích cực, động viên soi sáng. 550 năm đã trôi qua mà bài “Cáo bình Ngô ” vẫn có ý nghĩa hiện đại, hợp thời. Thực ra thì cũng phải đến hiện đại, nhờ ánh sáng chủ nghĩa Mác Lê nin, người mình mới phát hiện Nguyễn Trãi một cách đầy đủ và cơ bản. a. Ý thức dân tộc và tự hào dân tộc phát triển đến mức cao. “Như nước Đại Việt ta từ trước Song hào kiệt đời nào cũng có” Nguyễn Trãi như muốn đánh đổ định kiến sai lầm của các triều đại phương Bắc rằng nhân dân nước Nam là mọi rợ và định kiến nước ta là một bộ phận của Trung Quốc. Chúng ta có lãnh thổ riêng, văn hoá riêng và có yếu tố chủ quyền, Đại Việt đã từng đương đầu với Hán, Đường, Tống Nguyên, mỗi bên làm đế một phương, hàng trăm hàng ngàn năm như vậy thì Trung Quốc có thể nào phủ nhận sự tồn tại của Đại Việt. Nguyễn Trãi cũng đề cao lòng tự hào dân tộc chính đáng, đó là nguồn sức mạnh không bao giờ thừa nhất là trong lúc chiến đấu chống ngoại xâm. b. Ngọn cờ nhân nghĩa cứu nước cứu dân, dựa vào dân mà cứu nước Ý thức dân tộc của ta như thế nào. Tự hào của dân tộc ta như thế ấy. Ở “Bình Ngô Đại Cáo” nói riêng và ở các tác phẩm yêu nước của Nguyễn Trãi nói chung, khái niệm nhân nghĩa trước hết là một đường lối chính trị cứu nước cứu dân. Bài học thất bại của nhà Hồ là: bởi làm mất lòng dân nên mất nước. Bây giờ, muốn lấy lại nước thì phải biết dựa vào dân, biết lấy sức dân mà kháng chiến. “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điếu phạt trước lo trừ bạo” c. Đánh vào quân địch và lòng người “Giặc đã sợ hãi mà hoà hiếu thực lòng, ta lấy toàn quân là hơn để nhân dân nghỉ sức...” d. Kiên trì chiến đấu, vượt mọi gian khổ để thắng lợi cuối cùng Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần Khi Khôi huyện quân không một đội Đánh một trận sạch không kình ngạc Đánh

hai trận tan tác chim muông”

Văn Mẫu Lớp 10 - Vì sao Đại cáo bình Ngô của Nguyễn Trãi được coi là bản tuyên ngôn độc lập?

Đất nước Việt Nam chúng ta sau bao thăng trầm lịch sử tất không thể thiếu cho mình những bản tuyên ngôn độc lập. “Đại cáo bình Ngô” của Nguyễn Trãi được xem như bản tuyên ngôn độc lập thứ hai, sau “Nam quốc sơn hà” – Lý Thường Kiệt, và trước “Tuyên ngôn độc lập” – Hồ Chí Minh. Nguyễn Trãi là một người văn võ toàn tài, từng làm quan dưới triều nhà Hồ. Sau đó, ông tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn vua Lê Lợi. Ông được xem là một nhà văn hóa lớn, với những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của văn học cũng như tư tưởng Việt Nam. Ông còn được công nhận là danh nhân văn hóa của Việt Nam và thế giới. Vào năm 1428, sau cuộc chiến chống quân Minh thắng lợi, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết “Đại cáo bình Ngô”. Đầu tiên, tại sao lại nói “Đại cáo Bình Ngô” là một bản tuyên ngôn độc lập? Thế, tuyên ngôn độc lập là gì? Tiêu chuẩn để được xem là một bản tuyên ngôn độc lập thì đầu tiên tác phẩm đó phải được viết trong hoặc sau một cuộc chiến. Ta có thể thấy “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt – bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên – được viết trong cuộc chiến chống Tống. Còn “Tuyên ngôn độc lập” thì được chủ tịch Hồ Chí Minh viết sau chiến thắng giặc Pháp năm 1945. Tương tự, “Đại cáo bình Ngô” là được viết sau chiến thắng quân Minh. Nội dung của một bản tuyên ngôn độc lập phải bao gồm ba phần: khẳng định dân tộc, tuyên bố thắng lợi, tuyên bố hòa bình. Không nhất thiết phải đọc kỹ, ai cũng có thể thấy rằng bài cáo đã chứa đủ cả ba điều kiện trên. Đáng để tuyên ngôn độc lập được thể hiện rõ nét nhất là qua đoạn đầu của “Đại cáo bình Ngô” Ngay từ những câu đầu tiên, “Đại cáo bình Ngô” đã khẳng định tính hiển nhiên của nền văn hiến nước nhà. Các cụm từ “từ trước”, “vốn ” nhấn mạnh tính lâu đời của dân tộc. Tiếp nối là “đã chia”, “phong tục... cũng khác” như vạch rõ ranh giới khác biệt của bờ cõi hai nước, không thể nhầm lẫn. Tất cả như khẳng định lại tính hiển nhiên, vốn có, sự lâu đời của nền độc lập nước ta. Sau đó, Nguyễn Trãi đã điểm danh các triều đại của nước ta “Triệu, Đinh, Lí, Trần” song song với các triều ở phương bắc “Hán, Đường, Tống, Nguyên”. Cách dùng từ “xứng để một phương” như chỉ sự ngang hàng, không thua kém dù chúng ta chỉ là một nước nhỏ. Từ xưa, khi Trung Quốc xưng hoàng đế, các nước xung quanh chỉ có thể xưng vương. Tuy nhiên, từ

đời nhà Ngô, Ngô Quyền cũng đã xưng hoàng đế, nhấn mạnh sự ngang hàng của hai nước. Biện pháp liệt kê cũng như câu đối của tác giả càng khiến chúng ta cảm nhận được rõ hơn tầm vóc của cả hai nước. Trong bài cáo, Nguyễn Trãi cũng đã thể hiện sự tự tôn, tự hào dân tộc: “hào kiệt đời nào cũng có”. Nghệ thuật liệt kê lại được vận dụng để nhấn mạnh sự thất bại của kẻ thù, : “Lưu Cung... thất bại”, “Triệu Tiết ... tiêu vong”, “bắt sống Toa Đô”, “giết tươi Ô Mã”, nhấn mạnh chủ quyền dân tộc. Ở cuối đoạn, “chứng cứ còn ghi” như lần nữa nhấn mạnh lại nền độc lập dân tộc, như chỉ rằng chứng cứ ghi rõ, chối cũng không được. Ta có thể nói “Đại cáo bình Ngô” là một bản nâng cấp của “Nam quốc sơn hà” làm hoàn thiện hơn bản tuyên ngôn độc lập ngắn gọn đầu tiên của nước ta. Trong khi Lý Thường Kiệt chỉ dùng bốn câu ngắn ngủi để nhấn mạnh độc lập dân tộc, Nguyễn Trãi đã có một bài cáo dài để lấp đi tất cả các khuyết điểm của Lý Thường Kiệt. Thay vì chỉ nói đơn giản “nam đế cư”, Nguyễn Trãi đã liệt kê rõ các triều đại Việt Nam trước đó, làm rõ thêm cho chữ “đế” của Lý Thường Kiệt. “Định phận tại thiên thư”, sách trời thì quá xa vời với con người, dù biết trời cao đại diện cho sự đúng đắn và chính trực, tuy nhiên không ai có thể thấy, nhưng bài cáo lại lần nữa làm rõ khi nói “chứng cứ còn ghi”, tức ai nếu tìm hiểu đều sẽ thấy, không phải thứ bí ẩn bị che giấu gì. Tất cả như tăng thêm tính thuyết phục cho người đọc khi đề cập tới tính sở hữu lãnh thổ Việt Nam. Không như Lý Thường Kiệt chỉ buông một lời hăm dọa “lai xâm phạm... thủ bại hư”, “Đại cáo bình Ngô” đã hóa thực lời hăm dọa đó khi kể tên các chiến công lẫy lừng của nhân dân ta trong lịch sử chống và giết giặc. Nhấn mạnh tính chủ quyền cũng như cho mọi người cùng rõ đó không phải là một lời nói suông. Từ đó, “Đại cáo bình Ngô” trở thành bản tuyên ngôn độc lập thứ hai, làm hoàn thiện hơn phiên bản đầu tiên. Nguyễn Trãi đã rất thành công trong “Đại cáo bình Ngô”, biến nó thành một văn bản khẳng định tính độc lập, cũng như lâu đời của đất nước ta. Bài cáo chính là một minh chứng hùng hồn về con người cũng như đất nước dân tộc mãi cho đến ngày nay.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu tư tưởng nhân nghĩa và tư cách độc lập được thể hiện qua đoạn đầu tiên bài Bình Ngô Đại Cáo

Tác giả Nguyễn Trãi sinh năm 1380 quê ở Chí Linh, Hải Dương là bậc kì tài về chính trị, quân sự, văn học từng theo Lê Thái Tổ đánh đuổi giặc Minh lập nhiều công lao cho nước nhà. Về sự nghiệp văn chương ông có nhiều tác phẩm lớn như Bình Ngô Đại Cáo, Quân Trung Từ Mệnh Tập, Quốc Âm Thi Tập, Ước Trai Tập, trong đó “Bình Ngô Đại Cáo” là một tác phẩm nổi tiếng. Bài cáo không chỉ là sự tuyên bố về thắng lợi của sự nghiệp “Bình Ngô” như mệnh lệnh mà Lê Lợi giao phó. Hơn thế, tác phẩm đã trở thành áng “Thiên cổ hùng văn” muôn đời bất hủ, là bản tuyên ngôn danh thép, hùng hồn về nền độc lập và vị thế dân tộc. Bài cáo được Nguyễn Trãi viết vào khoảng đầu năm 1428, khi cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược đang thắng lợi, nước ta bảo toàn được nền độc lập, tự chủ, hòa bình. Tác giả viết Bình Ngô đại cáo theo thể cáo-một thể văn có nguồn gốc từ Trung Hoa-viết bằng chữ Hán, thuộc thể văn hùng biện chính luận, có nội dung thông báo một chính sách, một sự kiện trọng đại liên quan đến quốc gia dân tộc, công bố trước toàn dân. Trong đó, cốt lõi là phần đầu tác phẩm với lý tưởng nhân nghĩa được thể hiện rõ ràng: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điếu phạt trước lo trừ bạo Nhân nghĩa là tư tưởng chủ đạo của Bình Ngô đại cáo, là mục tiêu chiến đấu vô cùng cao cả và thiêng liêng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ở đầu bài cáo ta thấy được luận đề chính nghĩa đã nêu ra. Như vậy việc nhân nghĩa của Nguyễn Trãi ở đây là “yên dân” và “trừ bạo”. “Yên dân” chính là giúp dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, như vậy dân có yên thì nước mới ổn định, mới phát triển được. Tác giả đưa vào “yên dân” như để khẳng định đạo lý “lấy dân làm gốc” là quy luật tất yếu trong mọi thời đại-dân là nòng cốt, là tài sản, là sức mạnh, sinh khí của một quốc gia. Nguyễn Trãi thật tài tình khi nhận ra và khai sáng thành công vấn đề cốt lõi ấy. Việc nhân nghĩa tiếp theo chính là “trừ bạo”, bạo chính là quân nhà Minh, bọn gian tà chuyên đi hà hiếp nhân dân. Bọn người thẳng tay hành hạ, cướp bóc, vùi dập dân ta trong vực thẳm của sự đau khổ. “Yên dân”, “trừ bạo”, hai việc này tưởng như khác nhau nhưng lại rất liên quan, vì nếu không yên dân thì trừ bạo khó yên, chúng được nhấn mạnh và tiến hành cùng lúc, thống nhất với nhau. Quan tâm đến sự yên ổn, no ấm cho dân cũng đồng nghĩa với việc phải chiến đấu đánh đuổi kẻ thù

của dân, diệt trừ những kẻ tham tàn bạo ngược, cụ thể là bọn “cuồng Minh” giày xéo lên cuộc sống nhân dân, gây ra bao tai hoạ. Quan niệm nhân nghĩa ở Nguyễn Trãi không còn là quan niệm đạo đức hạn hẹp mà là một lý tưởng xã hội: phải chăm lo cho nhân dân được sống cuộc hạnh phúc , yên bình .Điều quan trọng hơn là ở đây, Nguyễn Trãi nâng lý tưởng, nỗi niềm ấy lên thành một chân lí. Ông không nói đến nhân nghĩa một cách chung chung mà chỉ bằng một hai câu ngắn gọn tác giả đi vào khẳng định hạt nhân cơ bản, cốt lõi và có giá trị nhất. Không những thế, nhân nghĩa còn gắn liền với việc bảo vệ chủ quyền đất nước, khẳng định chủ quyền quốc gia, tinh thần độc lập dân tộc: “Như nước Đại Việt ta từ trước Vốn xưng nền văn hiến đã lâu Núi sông bờ cõi đã chia Phong tục Bắc Nam cũng khác” Từ Triệu , Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập Đến Hán, Đường, Tống Nguyên mỗi bên xưng đế một phương. Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, Song hào kiệt đời nào cũng có. Khi khẳng định chân lí này, Nguyễn Trãi đã đưa ra một quan niệm được đánh giá là đầy đủ nhất lúc bấy giờ về các yếu tố tạo thành một quốc gia độc lập.Nếu như 400 năm trước, trong Nam Quốc Sơn Hà, Lý Thường Kiệt chỉ xác định được hai yếu tố về lãnh thổ và chủ quyền trên ý thức quốc gia cùng độc lập dân tộc thì trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã bổ sung thêm bốn nhân tố nữa, gồm văn hiến, lịch sử, phong tục tập quán và nhân tài. Và đương nhiên, mỗi quốc gia, dân tộc đều có nét riêng biệt, đặc trưng của họ. Cũng như nước ta, nền văn hiến ngàn năm làm sao có thể nhầm lẫn được, cương thổ, núi, sông, đồng ruộng, biển cả đều được chia rõ ràng. Phong tục tập quán cũng như văn hoá mỗi miền Bắc, Nam cũng khác. Ở đây, Nguyễn Trãi nhấn mạnh cả Trung Quốc và Đại Việt đều có những nét riêng không thể nhầm lẫn, thay đổi hay xóa bỏ được. Cùng với đó là từng triều đại riêng nhằm khẳng định chủ quyền. Qua câu thơ, Nguyễn Trãi đã đặt các triều đại “Triệu, Đinh, Lí, Trần” của ta ngang hàng với “Hán, Đường, Tống, Nguyên” của Trung Quốc , điều đó cho ta thấy, nếu không có một lòng tự hào dân tộc mãnh liệt thì không thể nào có sự so sánh cực kì hay và tinh tế như vậy. Cuối cùng chính là nhân tài, con người cũng là yếu tố quan trọng để khẳng định nền độc lập của chính mình. Tuy thời thế “mạnh, yếu từng lúc khác nhau” song hào kiệt thì đời nào cũng có, câu thơ như lời răn đe đối với những ai, những kẻ nào, nước nào muốn thôn tính Đại Việt. Từ năm yếu tố trên, Nguyễn Trãi đã khái quát gần như toàn diện về nền độc lập của một quốc gia. So với “Nam Quốc Sơn Hà” của Lý Thường Kiệt, Bình Ngô đại cáo thật sự hay hơn , đầy đủ, toàn diện hơn về nội dung cũng như tư tưởng xuyên suốt. Ngoài ra , để nhấn mạnh tư cách độc lập của nước ta, tác giả còn sử dụng cách viết sánh

đôi nước ta và Trung Quốc: về bờ cõi, phong tục-hai nước ngang bằng nhau, về triều đại-bốn triều đại cường thịnh của ta so với bốn triều đại của Trung Quốc cùng nhân tài thời nào cũng có đã chứng tỏ ta không hề thua kém chúng. Xuyên suốt đoạn thơ, Nguyễn Trãi đã sử dụng nhiều từ ngữ chỉ tính chất hiển nhiên vốn có khi nêu rõ sự tồn tại của Đại Việt: “từ trước”, “đã lâu”, “đã chia”, “cũng khác” đã làm tăng sức thuyết phục lên gấp bội. Nghệ thuật thành công nhất của đoạn một - cũng như là bài cáo - chính là thể văn biền ngẫu được nhà thơ khai thác triệt để. Phần còn lại của đoạn đầu là chứng cứ để khẳng định nền độc lập, về các cuộc chiến trước đây với phương Bắc trong lịch sử chúng đều thất bại là chứng cứ khẳng định rõ nhất: Vậy nên: Lưu Cung tham công nên thất bại Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã Việc xưa xem xét Chứng cứ còn ghi. Ở đoạn thơ này, Nguyễn Trãi đã cho ta thấy những chiến công oanh liệt của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, giữ gìn tự do của Tổ quốc. Cách nêu dẫn chứng rõ ràng, cụ thể bằng những lời lẽ chắc chắn, hào hùng, thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Và cũng chính tại đây ý thức dân tộc của Nguyễn Trãi đã vươn tới một tầm cao mới. Tác giả nêu cụ thể, rõ ràng từng chiến công oanh liệt của quân và dân ta: “Hàm Tử”, “Bạch Đằng”,...thêm vào đó là sự xem thường, căm ghét đối với sự thất bại của những kẻ xâm lược không biết tự lượng sức: “Lưu Cung..tham công”, “Triệu Tiết... thích lớn”, Toa Đô, Ô Mã, tất cả chúng đều phải chết thảm. Đoạn thơ đã một lần nữa khẳng định rằng: Đại Việt là một quốc gia có độc lập, tự chủ, có nhân tài, có tướng giỏi, chẳng thua kém gì bất cứ một quốc gia nào. Bất cứ kẻ nào có ý muốn thôn tính, xâm lược ta đều phải chịu kết quả thảm bại. Cuộc chiến chống lại quân giặc, bảo vệ dân tộc là một cuộc chiến vì chính nghĩa, lẽ phải, chứ không như nhiều cuộc chiến tranh phi nghĩa khác, cho nên, dù thế nào đi nữa, chính nghĩa nhất định thắng gian tà. Tất cả những trang sử hào hùng, vẻ vang ấy, đều đã được sử sách ta cẩn thận ghi lại, không thể chối cãi, và không ai có thể thay đổi. Đây cũng chính là tinh anh, tinh hoa trong tư tưởng của nhà thơ. Tóm lại, tác phẩm Bình Ngô đại cáo tràn ngập nguồn cảm hứng trữ tình và mang tính chất hào hùng hiếm có. Trong đó, phần đầu tác phẩm, với nghệ thuật biền ngẫu, đã nêu được hai nội dung chính gần như hết bài cáo là nhân nghĩa và nền độc lập của dân tộc Đại Việt. Chính vì vậy, đoạn trích có giá trị rất sâu sắc đối với nước ta, khẳng định nhân dân ta có tinh thần nhân nghĩa và nền độc lập riêng của mình. Đoạn đầu là một sự thành công của Nguyễn Trãi, là mở đầu cho áng văn thiêng cổ “Bình Ngô Đại Cáo”. Đoạn thơ giúp ta hiểu rõ chủ quyền lãnh thổ, độc lập

dân tộc cũng như lịch sử đấu tranh hào hùng của cha ông ta ngày trước, qua đó bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào tự tôn dân tộc, quyết tâm xây dựng, bảo vệ và củng cố độc lập chủ quyền nước nhà.

Văn Mẫu Lớp 10 - Quan niệm sáng tác của Nguyễn Trãi

a) Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước và thương dân sâu sắc - Thương dân, trừng phạt kẻ có tội (điều phạt) tiêu diệt quân tàn bạo hại nước hại dân (trừ bạo), đem lại yên vui, hạnh phúc cho nhân dân (yên dân), đó là việc nhân nghĩa: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điều phạt trước lo trừ bạo” - Sức mạnh nhân nghĩa là sức mạnh Việt Nam để chiến thắng thù trong giặc ngoài. Đó là “Đại nghĩa” (nghĩa lớn vì nước vì dân), là lòng “chí nhân” (thương người vô hạn): “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo” - Lòng căm thù giặc sôi sục, quyết không đội trời chung với quân “cuồng Minh”: Ngầm thù lớn há đội trời chung, Căm giặc nước thề không cùng sống - Tư tưởng nhân nghĩa của Ức Trai luôn luôn gắn liền với lòng “trung hiếu” và niềm “ưu ái” (lo nước, thương dân). “Bui có một lòng trung lẫn hiếu Mãi chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen” (Thuật hứng - 24) “Bui một tắc lòng ưu ái cũ, Đêm ngày cuộn cuộn nước triều Đông” (Thuật hứng - 5) b) Tư tưởng thể hiện ở tình yêu thẩm thiết đối với thiên nhiên, đối với quê hương, gia đình. - Yêu thiên nhiên: + Yêu cây cỏ hoa lá, trăng nước mây trời, chim muông ... “Hái cúc ương lan, hương bén áo Tím mai, đặt nguyệt, tuyết xâm khăn” “Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc Thuyền chở yên hà nặng vạy then” “Cò nằm, hạc lẫn nên bầu bạn Ủ ấp cùng ta làm cái con” + Yêu quê hương gia đình: “...Ngỏ cửa nhỏ, chờ khách đến Trồng cây đức, để con ăn” “Nợ cũ chước nào báo bổ Ơn thầy ơn chúa liền ơn cha” “Quê cũ nhà ta thiếu của nào Rau trong nội, cá trong ao” + Yêu danh lam thắng cảnh. “Muôn hàng giáo ngọc tre gài cửa Bao dải tua châu đá rủ mảnh” (Đền chùa Hoa yên, núi Yên Tử) “Một vùng biếc sẫm gương lồng bóng, Muôn học xanh om tóc mượt màu” (Vân Đồn) “Kình ngạc bầm vằm non mấy khúc Giáp gươm chìm gậy bãi bao tàng” (Cửa biển Bạch Đằng) c) Một mong mỗi cuộc đời thanh bạch.“Một tầm lòng son ngời lửa luyện. Mười năm thanh chức ngọc hồ băng” ...“Nước biển non xanh thuyền gối bãi Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu”. “Say mình nguyệt, chè ba chén Thú thanh phong, lều một gian ” “Sách một hai phiên làm bạn. Rượu năm ba chén đổi công danh”

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy thuyết minh ngắn gọn về tác giả Nguyễn Trãi

1. Tiểu sử - Nguyễn Trãi (1380 - 1442), hiệu là Ức Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại sau chuyển về Nhị Khê - Sinh ra trong 1 gia đình bên nội và bên ngoại đều có 2 truyền thống lớn: yêu nước và văn hóa - Là người học rộng tài cao, đặc biệt có lòng yêu nước nồng nàn, suốt đời đau đầu, theo đuổi lí tưởng nhân nghĩa, dốc lòng vì dân vì nước. Là anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới - Cuộc đời hào hùng bậc nhất nhưng cũng đau thương bậc nhất 2. Sự nghiệp văn học - Thành tựu: Nguyễn Trãi là 1 tác giả xuất sắc, 1 tài năng nghệ thuật nhiều mặt, 1 nhà văn, nhà thơ lớn, là bậc văn ba trong làng văn. + Sáng tác chủ yếu bằng 2 thể loại: Hán và Nôm + Lĩnh vực nào cũng kết tinh ở đỉnh cao - Các tác phẩm chính + Các tác phẩm về phương diện chính trị, quân sự + Có giá trị lịch sử trọng đại + Về địa lí + Về văn học: nhà văn chính luận kiệt xuất và nhà thơ trữ tình sâu sắc. - Quan điểm sáng tác: + Con người và văn chương luôn có sự gắn bó, chặt chẽ, thống nhất với nhau. Và suốt đời mỗi ưu tư, lòng lo dân lo nước trở thành 1 nguồn mạch lớn, chi phối quan niệm sáng tác của ông. + Văn chương gắn với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc + Văn chương phải gắn bó mật thiết với cuộc sống của đông đảo quần chúng, phải lấy tình thương, lòng yêu nhân dân làm gốc + Ông cho rằng: nhà thơ, nhà văn phải có năng lực, tâm hồn giàu có + Ông quan niệm :nhà thơ cần phải biết thu lượm đề tài ở mọi nơi, mọi hoàn cảnh đồng thời phải biết trổ hết tinh lực để xây dựng tác phẩm Đánh giá: Quan niệm sáng tác vừa tiến bộ vừa sâu sắc, thể hiện sự am hiểu về văn học nghệ thuật, niềm say mê đối với nghệ thuật 3. Nội dung thơ văn - Thể hiện 1 tâm tư tưởng lớn. - Thể hiện 1 cách trung thực, cao đẹp tâm hồn giàu có, giàu chất thơ trước cuộc sống, trước con người + Tình cảm cao đẹp: yêu nước, ưu dân ái quốc + Tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm trước cái đẹp: thiên nhiên + Tâm hồn, nhân cách thanh cao, bản lĩnh cứng cỏi trước cuộc đời + Thể hiện nỗi ưu tư, triết lí sâu sắc về cuộc đời con người + Thể hiện 1 Nguyễn Trãi rất đời thường 4. Nghệ thuật thơ văn - Nhà văn chính luận kiệt xuất. - Nhà thơ trữ tình sâu sắc

Văn Mẫu Lớp 10 - Tình cảm yêu nước, thương dân trong văn học trung đại

Chúng ta đã trải qua những trang lịch sử lâu dài và vẻ vang, tuy từng lúc mạnh yếu khác nhau, nhưng vẫn luôn hiện hữu niềm tự hào trong mỗi người dân Việt Nam về những con người yêu nước, dành trọn tình yêu cho quê hương của họ. Trong số đó, có những vị anh hùng nổi bật như Lý Công Uẩn-tác giả của “Chiếu Dời Đô”, Trần Quốc Tuấn trong “Hịch Tướng Sĩ” và Nguyễn Trãi của “Nước Đại Việt Ta”. Kinh đô là trung tâm hành chính, chính trị, là tâm điểm của một đất nước. Khi dời kinh đô đi nơi khác, người đứng đầu phải có sự hiểu biết sâu rộng về địa hình, có cả sự nhạy bén và can đảm để đi đến quyết định cuối cùng cho bao nhiêu con người sống tại nơi đó. Qua đó, ta mới thấy được tài năng của Lý Công Uẩn-một vị vua anh minh và tài giỏi. Ông nắm được tình hình, thời vận của quê hương mình, ông muốn mọi thứ dưới quyền hành của ông phải thật tốt đẹp: dân ấm no, đất nước hưng thịnh, thái bình và chính vì vậy, ông dời đô-không có gì là trái với luân lý, trái với quy luật tự nhiên cả. Muốn vậy, việc dời đô là phải tìm một nơi trung tâm của trời đất, địa thế rồng cuộn hổ ngồi và ông đã chọn Đại La. Đại La ở nơi trung tâm đất trời, mở ra bốn hướng Nam-Bắc- Đông – Tây, có núi lại có sông, đất rộng mà bằng phẳng, cao mà thoàng, tránh được nạn lụt lội chặt chội, còn là kinh đô cũ của Cao Vương, muôn vật cũng tốt tươi, “xem khắp Việt Nam, chỉ có nơi đây là thắng địa”!Nhìn sâu vào khát vọng của người vua anh minh này, chúng ta mới cảm nhận được tình yêu nước mãnh liệt của ông. Ông luôn đặt hết tình yêu thương, những mong muốn cháy bỏng và dồn hết tài năng của mình cho đất nước, cho quê hương, cho những con người ông xem như con, như cháu, như những người bạn (qua bài Chiếu dời đô, bạn sẽ thấy rõ được điều đó), Lý Công Uẩn chính là một trong những người bước lên và đã có công khiến cho con thuyền Đại Việt băng băng lướt tới. Kính thay! Tiếp đến là Trần Quốc Tuấn, một vị tướng tài ba, chứng minh lòng yêu nước của mình qua lòng căm thù giặc sâu sắc và ý niệm sẵn sàng hy sinh cho đất nước trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông đã làm bao người khâm phục. Là một chủ tướng có lòng yêu nước hào hùng, ông không thể “mấp láp tai ngo” trước những hành động tàn bạo của kẻ thù, ông căm thù chúng, làm ông không tiếc lời nhục mạ, cay xé để lên án hành động như nghênh ngang đi lại ngoài đường như một đất nước không vua, “uốn lưỡi cù

diều” mà sỉ nhục triều đình, hay thu vét vàng bạc, ngọc lụa để vung đầy túi tham không đáy của chúng. Từ lòng căm thù, chính tôi lại càng xúc động và cảm thương người chủ tướng khi ông quên ăn mất ngủ, đau đớn đến thắt ruột, “nước mắt đầm đìa” vì uất ức, chưa trả được mối thù nhà nợ nước. Từ đó, tấm lòng xả thân vì nước, nguyện hy sinh trăm thân này cho quê hương của ông đã được làm nổi bật, làm cho bao con người xúc động và than phục. Có thể vì lẽ đó, ông đã phải nghiêm khắc thức tỉnh các tướng sĩ còn đang sống trong xoa hoa, niềm vui chiến thắng, ông muốn họ phải cùng ông chống lại bọn giặc còn đang lâm le ngoài bờ cõi, ông muốn các tướng sĩ và bao nhiêu đồng bào khác được sống trong ấm no và hưng thịnh, , được lưu danh ngàn đời. Qua đó, chúng ta mới hiểu được tấm lòng của con người như ông, tấm lòng cao cả và anh minh, tấm lòng yêu nước, thương dân, Hưng Đạo Vương mãi là vị thánh sống trong lòng mọi người, cả xưa và nay. Trích Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi là bản tuyên ngôn độc lập mang ý nghĩa lịch sử của cả một đất nước, thể hiện ý thức chủ quyền dân tộc. Tư tưởng nhân nghĩa vốn là khái niệm đạo đức của nho giáo trung hoa, được hiểu là lòng thương người, là việc cần làm. Yên dân là làm cho dân được hưởng thái bình, hạnh phúc, nhưng muốn yên dân thì phải trừ diệt mọi thế lực tàn bạo, làm hại hết dân bởi nhân nghĩa là gắn liền với việc chống giặc trong lẫn giặc ngoài, bảo vệ cuộc sống nhân dân. Có bảo vệ được dân thì mới thực hiện được mục đích cao cả là yên dân. Trong “Bình ngô Đại cáo”, Nguyễn Trãi đã khẳng định mạnh mẽ chủ quyền của một đất nước, đồng thời khơi gợi cho chúng ta một niềm tự hào dân tộc cao cả. Điều đó có nghĩa là kẻ xâm lược sẽ luôn chuốc lấy thất bại khi có mưu đồ chiếm hữu nước ta, bởi sự độc lập toàn quyền và tư tưởng nhân nghĩa là chân lý, không bao giờ đổi thay. Sức mạnh trong tâm hồn yêu nước, thương dân cao cả của Nguyễn Trãi chứng minh qua bài tuyên ngôn này đã làm cho chúng ta thêm phần nào yêu quý và cảm phục ông hơn. Chúng ta nên học hỏi và thừa kế truyền thống yêu nước tốt đẹp của ông cha xưa, và không chỉ qua lời nói, chúng ta phải thực hiện bằng hành động, cho dù là những hành động nhỏ nhất. Cả bài văn đều như 3 bản hùng ca thể hiện rõ những tấm lòng yêu nước, thương dân qua những cách khác nhau của những con người tài hoa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Giới thiệu tác gia Nguyễn Trãi

“Nghe hồn Nguyễn Trãi phiêu diêu Tiếng gươm khua, tiếng thơ kêu xé lòng” (Tố Hữu) Lấp lánh rạng sáng như một ngôi sao Khuê trong tâm hồn, trong trái tim “ưu thời ái quốc”, - thâm thúy, sắc bén, đầy biến hoá trong tài mưu lược chính trị - nhẹ nhàng mà thanh tao, thi vị trong những vần thơ về thiên nhiên, cây cỏ, Nguyễn Trãi đã tạc mình vào vóc dáng dân tộc, tồn tại vĩnh hằng trong trái tim mỗi người dân Việt Nam, trong lịch sử dân tộc. Lãng mình cùng dòng chảy thời gian, trở về với mảnh đất Hải Dương - nơi đã sinh thành, nuôi dưỡng con người tài hoa Đất Việt Nguyễn Trãi, ta mới thấu hiểu rằng lấp sau mũ quan, áo gấm là một thời ấu thơ đầy bão dông. Nguyễn Trãi (1380 - 1442) sinh ra và lớn lên tại làng Chi Ngại, là con của Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại tướng công Trần nguyên Đán. Thật may mắn khi con người vốn đã tài hoa, kiệt xuất trời xing ấy lại được nuôi dưỡng, lớn lên trong một gia đình mà truyền thống yêu nước, văn hoá, văn học đã trở thành một niềm tự hào sâu sắc. Thế nhưng, hạnh phúc vừa cầm nắm trong tay thì cuộc đời giông tố đã ập đến khiến Nguyễn Trãi chịu nhiều mất mát đau thương. Ông để tang mẹ lúc 5 tuổi rồi lại ông ngoại qua đời khi vừa tròn 10 tuổi. Vượt qua những khó khăn, thiếu thốn về tinh thần, nỗ lực học tập, năm 1440, Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh và cùng cha ra làm quan dưới triều nhà Hồ. Năm 1407, giặc Minh cướp nước ta, cha ông bị chúng bắt sang Trung Quốc. Gánh nặng hai vai là món nợ non sông và mối thù nhà khôn xiết. Sau khi thoát khỏi sự giam lỏng của giặc Minh, Nguyễn Trãi từ Đông Quan tìm vào Lam Sơn theo Lê Lợi tham gia khởi nghĩa. Ông đã trở thành cánh tay đắc lực của Lê Lợi, thực hiện “mưu phục tâm công” giúp cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đi đến toàn thắng vang dội. Ông hăm hở tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước. Giặc ngoài đã dẹp yên, mâu thuẫn nội bộ triều đình phong kiến nổi lên, Nguyễn Trãi bị nghi oan, bắt giam. Sau đó ông được thả ra nhưng không còn được tin dùng như trước. Thời thế ép buộc con người tận trung với nước, tận hiếu với dân phải từ bỏ chốn quan trường về ở ẩn tại Côn Sơn. Năm 1442, Nguyễn Trãi trở về giúp vua Lê Thánh Tông việc nước thì an oán Lê Chi Viên đổ ập xuống gia đình ông. Bọn gian thần vu cho ông giết vua, khép tội “tru di tam tộc”. Cuộc đời đã đóng sập trước mắt con người tài hoa bạc mệnh như một sự thật phũ phàng đến nao lòng, là nỗi xót thương nghẹn ngào của bao con dân

khổ cực dưới ách cùm trói thiếu đi một cánh tay che chở, bảo vệ trước đông tố cuộc đời. Sinh ra từ cát bụi rồi lại trở về với cát bụi hư vô. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi tưởng đã bị cuốn phăng khỏi guồng quay của thời gian, chuyển hành trình dài của lịch sử nhưng chính bởi hồn thơ văn chất chứa đã khẳng định tên tuổi, tạc linh hồn vô hình lên vóc dáng dân tộc, để lại cho đời những tiếng thơ bất hủ, vang dội mà cũng không kém phần lắng đọng, tinh tế, bình dị như chính những rung động nhẹ nhàng trong trái tim Nguyễn Trãi: “Nhắc đến tên ông là thấy thơ Như một nguồn thiêng chẳng bến bờ”. (Tế Hanh) Nguyễn Trãi - nhà văn chính luận kiệt xuất mọi thời đại. Ông coi thơ là nơi gửi gắm, truyền đạt con mắt sự đời tinh tế để công phá quân giặc; là miền đất mơ ước mà ở đó tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân thấm nhuần vào hành động, xuyên suốt, chủ đạo như nguồn năng lượng hội tụ phát sáng kì diệu: “Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược Có nhân, có trí, có anh hùng” (Quốc âm thi tập) Trong thơ Nguyễn Trãi, hai tiếng “trung hiếu” và “yêu ái” như một lời nguyện vang vọng, trường tồn với năm tháng: Yêu nước, thương dân - danh là danh tổ quốc - lợi là lợi tổ quốc. Sống để cống hiến, suốt đời quên mình vì dân vì nước, vì tư tưởng “nhân nghĩa”. Rạo rức, hùng hồn, sắc bén, đây “Quân trung từ mệnh tập” - vang dội khí phách, tinh hoa, cội nguồn dân tộc đây, mãi là áng “Thiên cổ hùng văn” ấy là Bình Ngô đại cáo... “Quân trung từ mệnh tập” tuy chỉ là một tập hợp gồm những thư từ gửi cho tướng giặc và những giao thiệp với triều đình nhà Minh của Nguyễn Trãi.... nhưng nó lại là tập văn chiến đấu “có sức mạnh bằng mười vạn quân” (Phan Huy Chú) với ngòi bút tinh thông, sắc sảo, biến hoá, nhất quán của mưu sư “viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời” (Lê Quý Đôn). Mỗi bức thư là một khâu, một mắt xích quan trọng trong cả cuộc luận chiến kéo dài giữa ta và địch, là sự kết hợp tuyệt diệu giữa lý lẽ lúc thâm thúy, ý nhị, lúc biến hoá, sắc sảo đến gai góc, tài tình với tư tưởng yêu nước, thương dân đã tạo cho “sức mạnh của ngòi bút Nguyễn Trãi được nhân lên, cú đánh nào của ông cũng trúng đích” (Nguyễn Huệ Chi). Nếu văn đàn Việt Nam đã từng gặp mỗi giao thời lịch sử và văn học sáng rọi giữa Nam Quốc Sơn Hà với chiến thắng trên sông Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt hay Hịch tướng sĩ với chiến thắng chống quân Nguyên lần thứ II thì Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi là sự lặp lại một lần nữa mỗi giao thời rục rờ, huy hoàng ấy. Đó là sự kết hợp hài hoà giữa cảm hứng chính trị và cảm hứng nghệ thuật đến mức kì diệu mà chưa một tác phẩm chính luận nào đạt tới, là áng văn yêu nước sáng chói non sông, thời đại - một “thiên cổ hùng văn” không tiền khoáng hậu. Tác phẩm chính là bản tuyên ngôn độc lập, bản cáo trạng hùng

hồn tội ác của kẻ thù, là khúc tráng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa phải gắn liền với chống quân xâm lược, bảo vệ quê hương, lo cho dân cuộc sống “thái bình, thịnh trị”, “xã tắc từ đây vững bền” ; lòng tự hào dân tộc sâu sắc: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”. (Bình Ngô đại cáo) Lắng sâu trong Bình Ngô đại cáo là dòng máu lúc bùng lên, sôi sục lòng tự hào dân tộc nhiệt huyết, lúc âm vang, giận dữ, uất hận trào sôi, lúc nghẹn ngào, tấm tức ... Nguyễn Trãi luôn ước vọng nhà nước phong kiến sẽ lấy nhân nghĩa để “trị dân”, “khoan dân” cho viễn cảnh quê hương đất nước tươi đẹp hiện ra tươi sáng, huy hoàng, rực rỡ hơn: “Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn”. Giọng văn chính luận của Nguyễn Trãi đã đạt tới mức độ nghệ thuật mẫu mực từ cách xác định đối tượng, mục đích để có biện pháp khéo léo tạo nên kết cấu sức bén, nhất quán. Với tài năng, đức độ cùng những việc mà Nguyễn Trãi đã làm và cống hiến cho dân tộc, ông xứng đáng là một nhà cải cách vĩ đại, nhà tư tưởng lớn, một danh nhân văn hoá thế giới. Phạm Văn Đồng đã nhận xét: “Đối với Nguyễn Trãi, yêu nước là thương dân, để cứu nước phải dựa vào dân và cứu nước để cứu dân, đem lại thái bình cho nhân dân.” Tư tưởng nhân nghĩa ấy luôn thiết tha, thường trực chuyển thành tâm trạng lo âu, bất an: “Bui một tắc lòng ưu ái cũ Chẳng năm thức dậy nẻo canh ba.” (Bảo kính cảnh giới – 1) “Bui một tắc lòng ưu ái cũ Đêm ngày cuộn cuộn nước triều dâng.” (Thuật hứng – 5) Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi tiềm ẩn như quặng quý mà ta cần phải khai thác, nhưng khi lộ thiên nó lại càng lấp lánh hơn bởi tư tưởng, tấm lòng yêu nước, thương dân sáng ngời. Rạo rực khí phách một thời của vị anh hùng nhưng “Bình Ngô đại cáo” hay “Quân trung từ mệnh tập”.... chỉ là chất thép bao bọc bên ngoài một tâm hồn, một trái tim biết đau nỗi đau thời thế, biết yêu, biết sống đẹp, sống vui. Là bậc anh hùng với lý tưởng cao cả nhưng Nguyễn Trãi xót xa và nghẹn ngào đau xót trước cảnh người dân bị tàn hại vô tội. Ông thương khóc cho “dân đen” đang rên xiết dưới gót giày quân giặc. Tình yêu thương đồng loại cao cả, vĩ đại lắm thay là một phần xương máu, tâm can của con người anh hùng ấy! “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ” Nguyễn Trãi vốn là con người trung thực, ngay thẳng, yêu lẽ phải và sự công bằng nên nỗi đau xót, buồn rầu, chua chát về thời thế đen bạc, lòng người đổi thay là điều hiển nhiên: “ Càng một ngày càng ngật đến xương Ở thế nhiều phen thấy khóc cười Bui một lòng người cực hiểm thay”. Xã hội càng ngang trái, người anh hùng ấy lại càng ngời sáng phẩm chất cứng cỏi, khát khao tự do, thà chết chứ không chịu làm nô lệ của cường quyền bạo ngược:

“Một tấm lòng son ngời lửa luyện Mười năm thanh chức ngọc hồ băng Ung dung cứ nói điều ta thích Uốn gối theo đời không thể vâng”. Con người ấy hội tụ đầy đủ vẻ đẹp tâm hồn của tinh hoa đất Việt, người Việt! Sự tôn vinh danh nhân văn hoá thế giới do UNESCO năm 1980 công nhận đã khẳng định rõ ràng vẻ đẹp của con người ấy. Nguyễn Trãi không chỉ là một nhà chính trị tài ba mà ông còn là con người của cuộc sống đời thường, của quên hương xứ sở, gắn bó với “Một cày, một cuốc thú nhà quê” của cuộc đời lao động chân lấm tay bùn. Đâu chỉ yêu quê hương Côn Sơn có “đá rêu”, có “suối chảy rì rầm”, có “ghềnh thông mọc như nêm”, có “bóng trúc râm” mà Nguyễn Trãi còn dành cho thiên nhiên một địa vị cao sang trong thơ qua “Ức Trai thi tập” và “Quốc âm thi tập”. Đó là màu xanh của cỏ như “khói bến xuân tươi”, là bóng thông bên núi, là tiếng cuộc gọi hè, là vẻ kín đáo “Tình thư một bức phong còn kín” trong Cây chuối, là cành mai, dáng tùng, là sức sông trào dâng của hoa lựu đỏ ngoài hiên Tất cả những điều bình dị, dân dã ấy qua những rung động thẩm mỹ của Nguyễn Trãi đều đi vào thơ ca nhẹ nhàng như một mảnh tâm hồn. Thiên nhiên đã trở thành nơi ôm ấp, bao bọc con người có tâm hồn thanh cao, yêu đời ấy. Dù đi đến bất cứ nơi đâu, thiên nhiên đều trở thành một nguồn thơ bất tận “Túi thơ chứa hết mọi giang sơn” của người thi sĩ này. Nguyễn Trãi sống để bầu bạn với thiên nhiên, để viết về tình cảm nhân văn giữa con người với con người như ngĩa vua tôi, tình cha con sâu sắc: “Quân thân chưa báo lòng canh cánh Tình phụ cơm trời áo cha”. Những vần thơ của Nguyễn Trãi dù viết về thiên nhiên hay tình cha con, tình bạn đều biết bao gần gũi. Chính hình ảnh con người trong thơ đã làm cho Nguyễn Trãi nổi bật rõ hơn vẻ đẹp nhân bản, nhân văn trong tâm hồn người anh hùng, nâng cao tầm vóc, vị thế của một con người thời đại. Xuất hiện ở nửa cuối thế kỉ XV, thiên tài văn học Nguyễn Trãi đã trở thành một hiện tượng văn học kết tinh truyền thống văn học Lý - Trần, đồng thời mở đường cho giai đoạn phát triển mới. Bao trùm trong thơ Nguyễn Trãi là nguồn cảm hứng yêu nước và nhân đạo sâu sắc. Ông là một nhà văn chính luận xuất sắc, là nhà thơ có công khai sáng tiếng Việt, đem đến cho nền văn học thơ Đường luật viết bằng văn học chữ Nôm sáng tạo làm tiếng Việt trở thành ngôn ngữ văn học giàu và đẹp. Đã sáu trăm năm trôi qua, Nguyễn Trãi - người anh hùng dân tộc, nhà thơ, nhà tư tưởng chính trị lớn sống mãi trong lòng dân tộc và thế hệ con cháu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp theo tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi để đối xử nhân đạo với những tên giặc. Bọn chúng đã gây ra, đem bom đạn giết hại dân ta, đàn áp đồng bào ta, tàn phá dân tộc ta, gây bao nhiêu tang tóc đau thương trên mọi miền đất nước. Vậy mà khi bắt sống quân giặc, ta

vẫn đối xử nhân đạo với chúng vào khách sạn Hintơn và sau ngày 30-4-1975 trao trả lại cho Mỹ. Phải chăng đó là bắt nguồn từ tư tưởng Nguyễn Trãi? Ta tự hào vì dân tộc ta có một nhân cách lớn như Nguyễn Trãi. Cuộc đời, sự nghiệp ấy sẽ mãi mãi là tấm gương soi đường, chỉ lối cho những bước ta đi để xây dựng quê hương, đất nước. Thời gian sẽ không làm phai mờ đi chân dung danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi. Ta vẫn thấy ông ung dung thanh cao sống giữa cõi đời thanh bình ấy: “Đạp sóng mây, ôm bó củi Ngồi bên suối, gác cần câu”. (Trần tình – 5) Ta vững bước hướng về một tương lai tươi sáng; sẵn sàng, tự tin bước đi xây dựng quê hương khi biết rằng sau mình vẫn có những con người vĩ đại như thế soi đường, chỉ lối. Ta tự hào đi lên ôi Việt Nam!

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh tác gia Nguyễn Trãi

Trong nền văn học trung đại, đặc biệt dưới thời vua Lý, Trần, Lê đã xuất hiện không ít các tác giả nổi tiếng, và gắn liền với tên tuổi của họ là những tác phẩm văn học bất hủ như: Lý Thường Kiệt với “Nam quốc sơn hà”, Trần Quang Khải với “Tụng giá hoàn kinh sư”. Và, có lẽ, trong số các tác giả đó, chưa có ai phải chịu một cái chết oan uổng như Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi không chỉ được mọi người biết đến với tài năng cùng nhiều tác phẩm thuộc nhiều thể loại, lĩnh vực mà còn được mọi người tìm hiểu về một cuộc đời sóng gió, đầy trắc trở. Nguyễn Trãi (1380-1442), hiệu là Úc Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại, sau dời về Nhị Khê. Thân sinh là Nguyễn Ứng Long, một nho sinh nhà nghèo, học giỏi, đỗ Thái học sinh thời Trần. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Nguyễn Trãi sinh ra trong một gia đình mà cả bên nội cũng như bên ngoại, đều có hai truyền thống lớn là yêu nước và văn hoá, văn học. Từ nhỏ, Nguyễn Trãi thông minh, hiếu học, hiểu rõ đạo lý làm người... Nhưng, ông cũng phải chịu những mất mát đau thương: tang mẹ lúc 5 tuổi, sau đó, ông ngoại qua đời khi Nguyễn Trãi lên 10 tuổi. Năm 1440, Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh và cả 2 cha con cùng làm quan dưới triều nhà Hồ. Về sau, khi nhà Hồ sụp đổ, cha ông bị bắt sang Trung Quốc, ông xin đi theo cùng nhưng đến cửa ải, Nguyễn Phi Khanh lại khuyên ông nên quay trở về trả nợ nước, báo thù nhà, và trong cảnh biệt li đó, cha ông đã làm nên bài thơ “Hai chữ nước nhà” đầy cảm động. Về phần ông, vâng lời cha, ông quay trở về đầu quân cho nghĩa quân Lam Sơn, giúp Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh, thống nhất đất nước. Ông trao cho Lê Lợi bản chiến lược đánh đuổi quân Minh mà sử sách Việt Nam gọi là Bình ngô sách: “hiển mưu trước lớn, không nói đến việc đánh thành mà lại khéo nói đến việc đánh vào lòng người”, ông thuyết phục Lê Lợi dùng nhân nghĩa đối với tướng sĩ, dùng công tâm để lấy thành”. Ông đề ra 3 phương sách: công tâm là thượng sách, vừa công thành vừa công tâm là trung sách, công thành là hạ sách (3 phương sách này phù hợp với 3 đường lối trị nước là đế đạo, vương đạo và bá đạo). Bình Định Vương Lê Lợi phong cho Nguyễn Trãi chức Tuyên phụng Đại Phu Thừa chỉ học sĩ Hàn Lâm Viện. Nguyễn Trãi đưa ra nhiều chiến lược, sách lược cho Lê Lợi. Nhờ có sự đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi mà lập nên được nhiều chiến thắng vẻ vang cho dân tộc. Nguyễn Trãi không chỉ là

một nhà quân sự đại tài như chúng ta biết mà ông còn là nhà văn chính luận kiệt xuất với tác phẩm “bình ngô đại cáo” bất hủ. Tiếc thay, với những tài năng như vậy, đáng lẽ, Nguyễn Trãi được vua Lê trọng dụng và hoàn thành những hoài bão của mình, nhưng càng về sau, ông không được vua Lê trọng dụng nữa. Đau buồn trước cảnh ấy, Nguyễn Trãi đã cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn và dường như số phận trở trêu khéo đùa cợt ông lần nữa, gia đình ông bị tru di tam tộc vì tội hại vua_một nỗi oan lớn của cả thời đại lúc bấy giờ. Thế nhưng, có lẽ trời đất không muốn một người tài đức như ông phải chịu một cái chết oan uổng đến vậy, nên đến thời vua Lê Thánh Tông, nỗi oan của ông được rửa sạch và được vua tặng câu “Ức Trai lòng sáng tựa sao khuê” Nguyễn Trãi không chỉ là nhà quân sự, nhà văn chính luận mà ông còn nổi tiếng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, để lại nhiều tác phẩm như: dư địa chí, Lam Sơn thực lục và ông cũng là người đầu tiên đặt nền móng cho nền văn học chữ Nôm nước nhà qua tác phẩm “quân trung từ mệnh tập”, ngoài ra còn có tác phẩm “Côn Sơn ca” in trong tập “Ức Trai thi tập” Qua những tác phẩm còn sót lại đến nay của Nguyễn Trãi, ta thấy thơ văn ông thấm đậm tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân. Tiêu biểu như “Quân trung từ mệnh tập” , là tập văn chiến có sức mạnh của 10 vạn quân. Sức mạnh ấy có được từ sự kết hợp tuyệt diệu giữa tư tưởng nhân nghĩa, tư tưởng yêu nước và nghệ thuật viết văn luận chiến bậc thầy. “Bình Ngô đại cáo” là áng văn yêu nước lớn của thời đại, là bản tuyên ngôn về độc lập chủ quyền của dân tộc, bản cáo trạng tội ác kẻ thù, bản hùng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và còn là sự hoà quyện giữa sức mạnh của tư tưởng nhân nghĩa với tư tưởng yêu nước. Nội dung thơ văn Nguyễn Trãi rất phong phú, đặc biệt đối với tình yêu quê hương gia đình. Nét đầu tiên là niềm tha thiết với thiên nhiên quê hương. Bắt đầu từ những cái nhỏ nhặt, tưởng như không đâu nhưng lại chan chứa tình yêu thương: bèo rau muống, lạnh lùng toại, cây chuối, cây đa... đều trở thành vần điệu trong thơ Nguyễn Trãi, tạo nên những rung động tinh tế trong lòng người. Ông nói một cách trang trọng mà thật vui tươi, chân chất: “ao cạn vớt bèo cấy muống; tri thanh phát cỏ ương sen”, ông phát hiện ra một vẻ đẹp rất bất ngờ: đêm trăng gánh nước thì gánh luôn cả trăng đem về; bầu trời không mây, trong suốt một màu xanh, ông thấy đó là một bầu ngọc đông lại; thuyền bè chen nhau giong đầu lên bãi, ông nhìn thành một đám tầm lúc nhúc: “tầm ươm lúc nhúc thuyền đầu bãi”. Ông coi thiên nhiên như một người bạn thân của mình, có lúc, ông như hoà mình vào thiên nhiên đến mức tưởng như dòng suối, tảng đá phủ rêu, tán trúc như hoà nhập với ông làm một. Tiếp theo là niềm gắn bó tha thiết với bà con thân thuộc ở quê nhà. Thời còn giặc Minh,

nhiều năm, ông phải lẩn tránh khắp nơi, xa nhà, xa quê, xa bà con thân thuộc với bao nỗi buồn rầu đêm thu, xa nhà bên ngọn đèn đêm khuya, ông day dứt như trong bài “đêm thu đất khách” ông tâm sự: Đêm khuya, bên ngọn đèn leo lét, hồn mộng cứ vẩn vơ mãi nơi đất khách. Thanh minh đến theo tục, con cháu phải về thăm mồ mả ông bà, sửa sang bồi đắp, thắp nén hương tưởng nhớ cho đúng đạo làm con cháu, thế mà đã bao năm nay, ông không về được, ông chỉ nảo lòng: “thân mình xa ngàn dặm, mồ mả ông bà ở quê sao không giãi cỏ thắp hương; 10 năm đã qua, những người ruột thịt, quen thân cũ đã chẳng còn ai; đành mượn tạm chén rượu ép mình uống, không cho lòng cứ ngày ngày xót xa nỗi nhớ quê” (thanh minh_dịch nghĩa) Chính vì có tâm hồn yêu thiên nhiên, cuộc sống, con người nên Nguyễn Trãi sống một đời trong sạch, một lòng vì dân, vì nước. Khi trở về nông thôn, ông yên lòng và tự hào, ông coi cày cấy là một niềm vui: “một cày một cuốc thú nhà quê”. Những người dân lao động chân lấm tay bùn đáng được biết ơn: “ăn lộc, đền ơn kẻ cấy cày”. Cuộc sống Nguyễn Trãi giản dị, nghèo mà thanh, ông ca ngợi hình dáng, tính chất của tùng, cúc, mai, 3 cây không chịu khuất phục trước giá lạnh của mùa đông, giống như ông, một người luôn giữ tấm lòng trong sạch, một tấm “lòng thơm”. Lòng thơm ấy là lòng yêu nước thương dân, nó suốt đời sôi nổi, nó dự trên chân lí của tư tưởng nhân nghĩa_một tư tưởng cao đẹp xuyên thấm cuộc đời và thơ văn ông. Đối với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa chính là trừ bạo, yên dân. Nguyễn Trãi quả là một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam, ông chính là một vị anh hùng dân tộc, một nhà tư tưởng, nhà thơ, nhà văn hoá lớn của nước ta. Tâm hồn và sự nghiệp của ông mãi mãi là vì sao sáng như vua Lê Thánh Tông đã ca ngợi “Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh bài Phú Sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu

Trương Hán Siêu là một danh sĩ đời Trần, sau lúc qua đời được vua Trần truy phong là Thiếu Bảo. Ông còn để lại bốn bài thơ và ba bài văn “Dục Thúy sơn khắc thạch”, “Linh Tế Tháp ký”, “Khai Nghiêm tự bi”, “Bạch Đằng giang phú”, ... Trong thơ văn cổ Việt Nam có một số tác phẩm lấy đề tài sông Bạch Đằng nhưng “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu được xếp vào hạng kiệt tác. Chưa rõ Trương Hán Siêu viết “Bạch Đằng giang phú” vào năm nào, nhưng qua giọng văn cảm hoài “Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá-Tiệc thay dấu vết luống còn lưu”, ta có thể đoán định được, bài phú này chỉ có thể ra đời sau khi Trần Quốc Tuấn đã mất, tức là vào khoảng 1301-1354. “Bạch Đằng giang phú” được viết bằng chữ Hán. Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Đồng Chi, Bùi Văn Nguyên... đã dịch khá thành công áng văn này. Bài cảm nhận về “Bạch Đằng giang phú” dựa trên văn bản dịch của giáo sư Bùi Văn Nguyên. Phú là một thể văn cổ dùng để tả cảnh vật, phong tục hoặc tính tình. Chất trữ tình và yếu tố khoa trương đậm đặc trong phú. Có phú cổ thể và phú Đường luật. Phú cổ thể như một bài văn xuôi dài, có vần mà không nhất thiết có đối, còn gọi là phú lưu thủy. Phú Đường luật được đặt ra từ đời Đường, có vần, có đối, có luật bằng trắc chặt chẽ, có những kiểu câu được quy phạm rõ ràng. “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu viết theo lối phú cổ thể, có vần sử dụng phép đối rất sáng tạo: ... “Tiếng thơm đồn mãi, Bia miệng không mòn. Đến chơi sông chừ ử mặt Nhớ người xưa chừ lệ chan...” Qua bài phú này, Trương Hán Siêu ca ngợi sông Bạch Đằng hùng vĩ, dòng sông lịch sử đã gắn liền với tên tuổi bao anh hùng, với bao chiến công oanh liệt của nhân dân ta trong sự nghiệp chống xâm lăng. Nhà thơ khẳng định: Núi sông hiểm trở, nhiều nhân tài hào kiệt đã tạo nên truyền thống anh hùng của dân tộc, sự bền vững của Tổ quốc muôn đời. Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc là cảm hứng chủ đạo của “Bạch Đằng giang phú”. “Giương buồm giong gió chơi vơi”. “Khách có kẻ” trong “Bạch Đằng giang phú” là nhân vật trữ tình không ai khác mà chính là Trương Hán Siêu. Trong các bài phú cổ, nhân vật “khách” không mấy xa lạ. “Ngọc tỉnh liên phú” (bài phú Sen giếng ngọc) của Mạc Đĩnh Chi (?-1346) cũng có nhân vật “khách”: ... “Khách có kẻ: nơi nhà cao tựa ghế, trưa mùa hạ nắng nồng. Ao trong

ngắm làn nước biếc, Nhạc phủ vịnh khúc Phù Dung”. “Khách” ở đây là Mạc Đĩnh Chi biểu lộ tấm lòng thanh cao, chí khí, tài năng và hoài bão của kẻ sĩ ở đời. Ta đã từng biết, Trương Hán Siêu là danh sĩ nổi tiếng đời Trần, tính tình cương trực, tâm hồn phóng khoáng. Chín câu đầu cho thấy “khách” là một tao nhân với rượu túi thơ “chơi vơi” theo cánh buồm, làm bạn với gió trăng qua mọi miền sông biển. Sống hết mình với thiên nhiên, du ngoạn thăm thú mọi cảnh đẹp xa gần. Đêm thì “chơi trăng mài miết”, ngày thì: “Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương; Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt”,... Khách đã đi nhiều và biết nhiều. Các danh lam thắng cảnh như Nguyên Tương, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt,... đều ở trên đất nước Trung Hoa mênh mông, ở đây chỉ mang ý nghĩa tượng trưng nói lên một cá tính, một tâm hồn: yêu thiên nhiên tha thiết, lấy việc du ngoạn làm niềm lạc thú ở đời, tự hào về thói “giang hồ” của mình: “Nơi có người đi Đâu mà chẳng biết”. Các địa danh xa lạ không chỉ là cảnh đẹp mà còn gợi ra một không gian bao la, chỉ có những người mang hoài bão và “tráng chí bốn phương” mới có thể “giương buồm...lướt bể” đi tới. Đầm Vân Mộng là một thắng cảnh tiêu biểu cho mọi thắng cảnh. Thế mà “Khách” đã “chứa vài trăm trong dạ”, đã thăm thú nhiều lần đã từng thưởng ngoạn bao cảnh đẹp tương tự. Vẫn chưa thỏa lòng, vẫn còn “tha thiết” với bốn phương trời. “Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết”. Phần đầu bài phú nói lên cốt cách kẻ sĩ: chan hoà với thiên nhiên, lấy chữ “nhàn” làm trọng, gián tiếp phủ định lợi danh tầm thường. “Qua cửa Đại Than... đến sông Bạch Đằng” Đoạn văn tiếp theo nói lên niềm vui thú của nhà thơ khi đến chơi sông Bạch Đằng. Trương Hán Siêu đã theo cái chí của người xưa “học Tử Trương” đi về phía Đông Bắc “buông chèo” cho thỏa chí “tiêu diêu”. Người xưa nói: “Muốn học cái văn của Tư Mã Tử Trường thì trước tiên phải học cái chơi của Tử Trường”. Tử Trường là Tư Mã Thiên, tác giả bộ “Sử ký” bất hủ, là nhà văn, nhà sử học tài ba đời Hán. Con người ấy vẫn được xem là nhà du lịch có một không hai thời xưa. Trương Hán Siêu với cánh buồm thơ lần theo sông núi: “Qua cửa Đại than, ngược bến Đông triều, Đến sông Bạch Đằng, bồng bênh mái chèo” “Bát ngát sóng kình muôn dặm” Bạch Đằng giang, con sông oai hùng của Tổ Quốc Đại Việt. Sông rộng và dài, cuồn cuộn nhấp nhô sóng biếc. Cuối thu (ba thu) nước trời một màu xanh bao la “Bát ngát sóng kình muôn dặm - Thướt tha đuôi trĩ một màu- Nước trời: một sắc-Phong cảnh ba thu”. Câu văn tả rập rờn mượn một hình ảnh của Vương Bột trong bài “ Đằng Vương các” “ Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc” (Sông thu cùng với trời xa một màu). Tả con sóng Bạch Đằng, vua

Trần Minh Tông (1288-1356) viết : “Thuồng luồng nuốt thủy triều, cuộn làn sóng bạc... Trông thấy nước dòng sông rọi bóng mặt trời buổi chiều đỏ ối- Lầm tưởng rằng máu người chết vẫn chưa khô”(Bạch Đằng giang –Dịch nghĩa) Cảnh núi non, bờ bãi được miêu tả, đã tái hiện cảnh chiến trường rừng rợn một thời: “Bờ lau san sát Bến lách đìu hiu Sông chìm giáo gãy Gò đầy xương khô” Bờ lau, bến lách gợi tả không khí hoang vu, hiu hắt. Núi gò, bờ bãi trập trùng như gươm giáo, xương cốt lũ giặc phương Bắc chất đống. Nét vẽ hoành tráng ấy, một thế kỷ sau Ưc Trai cũng viết: “Ngạc chặt kinh bầm non lờm chờm – Giáo chìm gươm gãy bãi dăng dăng” (“Cửa Biển Bạch Đằng”). Trương Hán Siêu miêu tả dòng sông Bạch Đằng bằng những đường nét, màu sắc gợi cảm. Những ẩn dụ và liên tưởng mới về dòng sông lịch sử hùng vĩ được miêu tả qua những cặp câu song quan và tứ tự tuyệt đẹp. Mấy chục năm sau trận đại thắng trên sông Bạch Đằng(1288) nhà thơ đến thăm dòng sông cảm thương xúc động: “ Buồn vì cảnh thảm Đứng lặng giờ lâu Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá Tiếc thay dấu vết luống còn lưu”. Một tâm trạng: “ buồn, thương tiếc”, một cảm xúc “ đứng lặng giờ lâu” của “khách” đều biểu lộ sự xúc động, lòng tiếc thương và biết ơn sâu sắc, vô hạn đối với anh hùng liệt sĩ đã đem xương máu bảo vệ dòng sông và sự tồn vong của dân tộc. Đó là tình nghĩa thủy chung “uống nước nhớ nguồn” “Mà nhục quân thù khôn rửa nổi” Các bộ lão – nhân vật thứ hai xuất hiện trong bài phú. Từ miêu tả và trữ tình, nhà thơ chuyển sang tự sự, ngôn ngữ sống động biến hoá hẳn lên, Cảm hứng lịch sử mang âm điệu anh hùng ca dâng lên dào dạt như những lớp sóng trên sông Bạch Đằng vỗ. Khách và bộ lão ngắm dòng sông, nhìn con sóng nhấp nhô như sống lại những năm tháng hào hùng oanh liệt của tổ tiên: “Đây là chiến địa buổi Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô mã, Cũng là bãi đất xưa thuở trước Ngô chúa phá Hoàng Thao”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bài “Phú Sông Bạch Đằng” của Trương Hán Siêu

DÀN Ý Tác giả Trương Hán Siêu (?-1354), tự là Thăng Phủ, quê ở Ninh Bình. Vốn là môn khách của Hưng Đạo Vương. Dưới triều Trần Anh Tông, Trần Dụ Tông, ông làm quan to trong triều. Lúc mất được truy tặng Thái bảo, được thờ ở Văn Miếu. Là bậc danh sĩ tài cao học rộng. Hiện còn để lại 4 bài thơ, 3 bài văn, nổi tiếng nhất là “Bạch Đằng giang phú”. “Phú” là gì? “Phú” nghĩa đen là bày tỏ, miêu tả, là thể văn xuôi có vần dùng để tả cảnh vật, phong tục, tính tình. Phú được chia làm hai loại: 1. Phú cổ thể gọi là Phú lưu thủy, như một bài ca, hoặc một bài văn xuôi dài mà có vần. 2. Phú Đường luật là thể phú được đặt ra từ đời Đường vừa có vần vừa có đối, có luật bằng trắc nghiêm ngặt. Bố cục một bài phú gồm có 6 phần: 1, Lung; 2, Biện nguyên; 3, Thích thực; 4, Phu diễn; 5, Nghị luận; 6, Kết. Cách đặt câu trong một bài phú gồm có các kiểu sau: Câu tứ tự, câu bát tự, câu song quan, câu cách cú, câu gối hạc. Có hay chữ (tài giỏi), có tài hoa mới viết được phú. Cần hiểu thi pháp về phú mới cảm nhận được cái hay của văn chương, tư tưởng của phú và văn tế Chủ đề “Bạch Đằng giang phú” đã ca ngợi sông Bạch Đằng hùng vĩ từng ghi bao chiến công oanh liệt của tổ tiên, biểu lộ niềm tự hào về đất nước ta có “đất hiểm” có lắm anh hùng hào kiệt, để đánh giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập thanh bình bền vững. Những nét lớn cần biết 1. “Bạch Đằng giang phú” được viết theo thể phú lưu thủy, có vần, tác giả sử dụng phép đối nhiều chỗ. “Bài ca cuối bài phú” là một sự sáng tạo. Nhân vật “khách” là nhân vật trữ tình - chính là nhà thơ. 2. Đoạn tả cảnh sắc Bạch Đằng giang hùng vĩ tráng lệ bằng cảm hứng thiên nhiên chan hoà với cảm hứng lịch sử là đoạn hay nhất: “Bát ngát sóng kình muôn dặm Thướt tha đuôi trĩ một màu Nước trời: một sắc Phong cảnh: ba thu Bờ lau san sát Bến lách đìu hiu Sông chìm giáo gãy Gò đày xương khô...” 3. Bô lão xuất hiện cuộc đối thoại giữa “khách” và “bô lão” làm cho giọng điệu bài phú từ cảm xúc trữ tình chuyển thành anh hùng ca. Nhà thơ tái hiện lại cảnh tượng chiến trường một thời oanh liệt - trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng: “Đây là chiến địa buổi Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã. Cũng là bãi đất xưa thuở trước Ngô chúa phá Hoàng Thao. Đương khi ấy Thuyền bè muôn đội Tinh kỳ phấp phới. Tì hổ ba quân. Giáo gươm sáng chói Trận đánh thư hùng chưa phân,

Chiến lũy Bắc, Nam chống đối. Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ, Bầu trời đất chừ sắp đổi (...) Đến nay sông nước tuy chảy hoài Mà nhục quân thù khôn rửa nổi” 4. Trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng khác nào trận Xích Bích, trận Hợp Phì trong Bắc sử. Nhà thơ tự hào khẳng định và ngợi ca: “Quả là trời đất cho nơi hiểm trở, Cũng nhờ nhân tài giữ cuộc điện an... (...) Kìa trận Bạch Đằng mà đại thắng Bởi Đại Vương coi thế giặc nhan ...” 5. Bài ca về sông Bạch Đằng Sông Bạch Đằng hùng vĩ, là mồ chôn quân xâm lược: “Sông Đằng một dải dài ghê Sóng hồng cuộn cuộn tuôn về bể Đông.” Bài học giữ nước là bài học “đức cao” đó là lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết chống xâm lăng. Ý tưởng sâu sắc, tiến bộ: “Giặc tan muôn thuở thanh bình Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao.” Tổng kết “Bạch Đằng giang phú” là bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Ngôn ngữ tráng lệ. Dòng sông hùng vĩ, hiểm trở. Dân tộc anh hùng có nhiều nhân tài hào kiệt. Nhà thơ thể hiện những tư tưởng sâu sắc tiến bộ về vinh và nhục, thắng và bại, tiêu vong và trường tồn, đất hiểm và đức cao... Đó là bài học lịch sử sáng giá đến muôn đời. Có những câu văn như một châm ngôn khẳng định một chân lí lịch sử. “Những người bất nghĩa tiêu vong Nghìn thu chỉ có anh hùng lưu danh”

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của em về nhân vật Khách trong “Bạch Đằng giang phú”

+ Thời đại: Vương triều nhà Trần đi vào lịch sử với những mốc son chói lọi Tuy nhiên cũng giống như các triều đại phong kiến khác, sau khi đã trải qua thời kì đỉnh cao thì vương triều này cũng đã bắt đầu bộc lộ những dấu hiệu khủng hoảng + Trương Hán Siêu: là một đại thần giữ những trọng trách quan trọng (...) + Tác phẩm: - Con sông Bạch Đằng: một cửa biển nằm ở vị trí chiến lược. Chính vì vậy, con sông ấy và những chiến công của nó đã thành nguồn cảm hứng bất tận cho các tác giả khi muốn thể hiện lòng yêu nước của mình. Có rất nhiều tác phẩm viết về con sông nổi tiếng này, tiêu biểu trong số đó là Bạch Đằng Giang Phú của Trương Hán Siêu - Tác phẩm được sáng tác khoảng 50 năm sau chiến thắng Bạch Đằng - Bài phú thuộc thể loại cổ thể với đặc trưng là thường có kết cấu đối đáp giữa “chủ” và “khách” - Thực chất nhân vật “khách” đều do tác giả tự phân thân để làm cho quá trình miêu tả, kể lại về hình tượng, sự việc được chân thực khách quan hơn cũng nhằm giúp tác giả dễ dàng bày tỏ thái độ, tình cảm của mình hơn

Luận điểm 1: Nhân vật “khách” là con người có tâm hồn khoáng đạt, lãng mạn, bay bổng + Hai câu đầu: (tự phân tích) → Về sau Huy Cận, nhà thơ hiện đại đã phát triển câu văn đầy chất thơ của Trương Hán Siêu thành câu thơ mới của mình: “Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng” + 5 câu tiếp (tự phân tích) → Nam Cao đã từng nói: “Nhà văn chân chính phải là người biết mở hồn ra để đón lấy những vang động ở đời” Nói như thế để thấy trong trường hợp này Trương Hán Siêu chính là một nhà văn chân chính

Luận điểm 2: một con người hết sức nặng lòng với quê hương đất nước: hướng về Bạch Đằng trong những cảm xúc tự hào, yêu mến, ngậm ngùi, tiếc nuối - Nhân vật “khách” nhìn nhận Bạch Đằng như một thắng cảnh của non sông - Ngậm ngùi tiếc nuối thể hiện thông qua việc miêu tả Bạch Đằng như một chiến địa. → Trong “Cửa biển Bạch Đằng”, đại thi hào Nguyễn Trãi viết: “Biển rung gió bắc thể từng bừng Nhẹ cất buồm thơ lướt Bạch Đằng Kinh ngạc bấm vằm non mấy khúc Giáo gươm chìm gậy bãi 3 tầng” - Quá khứ: tiếc nuối - Hiện tại: ngậm ngùi (Liên hệ: Tại sao Trương Hán Siêu lại có những cảm xúc như thế? Là bởi triều đại đã có những dấu hiệu của khủng hoảng...) → Như vậy, có thể nói nhân vật ” khách” hay cũng

chính là tác giả cũng là một con người nặng lòng trước thời đại, đầy xót xa, đau đớn khi nhìn thấy những dấu hiệu khủng hoảng mà không thể làm gì để ngăn chặn → Con người Trương Hán Siêu đã bất lực trước triều đại mình khi nhìn thấy sông Bạch Đằng lại càng thêm phần ngậm ngùi tiếc nuối → Bằng nghệ thuật hóa thân, bằng giọng văn chất chứa những xúc cảm, Trương Hán Siêu đã bộc lộ được tình yêu thiên nhiên đất nước và những suy nghĩ đầy day dứt trước thời đại của mình

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích tiếng nói tri âm của Nguyễn Du trong bài thơ “Độc Tiểu Thanh Kí”

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ 1. Hai câu đề: Hai câu mở đầu của bài thơ giúp người đọc hình dung ra hình ảnh của nhà thơ trong giờ phút gặp gỡ với tiếng lòng của Tiểu Thanh: Tây Hồ hoa uyển tảo thành khu Độc điếu song tiền nhất chỉ thư (Tây hồ cảnh đẹp hóa gò hoang Thốn thức bên song mảnh giấy tàn) a) Hai câu thơ dịch đã thoát ý nguyên tác nên làm giảm đi phần nào hàm ý súc tích của câu thơ chữ Hán. Nguyễn Du không nhằm tả cảnh đẹp Tây Hồ mà chỉ mượn sự thay đổi của không gian để nói lên một cảm nhận về biến đổi của cuộc sống. Cách diễn đạt vừa tả thực vừa gợi ý nghĩa tượng trưng. “Tây hồ hoa uyển” (vườn hoa Tây Hồ) gợi lại cuộc sống lạnh lẽo của nàng Tiểu Thanh ở vườn hoa cạnh Tây Hồ – một cảnh đẹp nổi tiếng của Trung Hoa. Nhưng hàm ý tượng trưng được xác lập trong mối quan hệ giữa “vườn hoa – gò hoang”. Dường như trong cảm quan Nguyễn Du, những biến thiên của trời đất đều dễ khiến ông xúc động. Đó là nỗi niềm “bãi bể nương dâu” ta đã từng biết ở Truyện Kiều. Nhìn hiện tại để nhớ về quá khứ, câu thơ trào dâng một nỗi đau xót ngậm ngùi cho vẻ đẹp chỉ còn trong dĩ vãng. b) Trong không gian điêu tàn ấy, con người xuất hiện với dáng vẻ cô đơn, như thu mọi cảm xúc trong hai từ “độc điếu”. Một mình nhà thơ ngậm ngùi đọc một tập sách (nhất chỉ thư). Một mình đối diện với một tiếng lòng Tiểu Thanh 300 năm trước, câu thơ như thể hiện rõ cảm xúc trang trọng thành kính với di cảo của Tiểu Thanh. Đồng thời cũng thể hiện sự lắng sâu trầm tư trong dáng vẻ cô đơn. Cách đọc ấy cũng nói lên được sự đồng cảm của nhà thơ với Tiểu Thanh, “điếu” là bày tỏ sự xót thương với người xưa. Không phải là tiếng “thon thức” như lời thơ dịch, mà nước mắt lạnh lẽo thấm vào trong hồn nhà thơ. 2. Hai câu thực: Hai câu thực đã làm sáng tỏ cho cảm giác buồn thương ngậm ngùi trong hai câu đề: Chi phấn hữu thần liên tử hậu Văn chương vô mệnh lụy phần dư (Son phấn có thần chôn vẫn hận Văn chương không mệnh dốt còn vương) a) Nhà thơ mượn hai hình ảnh “son phấn” và “văn chương” để diễn tả cho những đau đớn dày vò về thể xác và tinh thần của Tiểu Thanh gửi gắm vào những dòng thơ. Theo quan niệm xưa, “son phấn” – vật trang điểm của phụ nữ có tinh anh (thần) vì gắn với mục đích làm đẹp cho phụ nữ. Cả hai câu thơ cùng nhằm nhắc lại bi kịch trong cuộc đời Tiểu Thanh – một cuộc

đời chỉ còn biết làm bạn với son phấn và văn chương để nguôi ngoai bất hạnh. b) Mượn vật thể để nói về người. Gắn với những vật vô tri vô giác là những từ ngữ chỉ cho tính cách, số phận con người như “thần” và “mệnh”. Lối nhân cách hóa thể hiện rõ cảm xúc xót xa của nhà thơ về những bất hạnh của kiếp người qua số phận của Tiểu Thanh. Kết cục bi thảm của tiểu Thanh xuất phát từ sự ghen tuông, lòng đố kỵ tài năng của người đời. Dù chỉ là những đồ vật vô tri vô giác thì chúng cũng phải chịu số phận đáng thương như chủ nhân: son phấn bẽ bàng, văn chương đốt dở. Hai câu thơ đã gợi lên sự tàn nhẫn của bọn người vô nhân trước những con người tài hoa. Đồng thời, cũng thể hiện nhận thức của Nguyễn Du vốn rất nhạy cảm trước cuộc đời của khách “hồng nhan bạc phận”, gắn với quan niệm “tài mệnh tương đố” của Nho gia. Vật còn như thế, huống chi người! Vượt lên trên những ảnh hưởng của thuyết thiên mệnh là cả tấm lòng giàu cảm thương của Nguyễn Du. 3. Hai câu luận: Từ số phận của Tiểu Thanh, Nguyễn Du đã khái quát thành cái nhìn về con người trong xã hội phong kiến: Cổ kim hận sự thiên nan vấn Phong vận kỳ oan ngã tự cư (Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi Cái án phong lưu khách tự mang) a) Nỗi oan của Tiểu Thanh không phải chỉ của riêng nàng mà còn là kết cục chung của những người có tài từ “cổ” chí “kim”. Nhà thơ gọi đó là “hận sự”, một mối hận suốt đời nhắm mắt chưa yên. Trong suy nghĩ ấy, có lẽ Nguyễn Du còn liên tưởng đến bao cuộc đời như Khuất Nguyên, Đỗ Phủ – những người có tài mà ông hăng ngưỡng mộ – và bao người tài hoa bạc mệnh khác nữa. Những oan khuất bế tắc của nghìn đời “khó hỏi trời” (thiên nan vấn). Câu thơ đã giúp ta hình dung rõ cuộc sống của những nạn nhân chế độ phong kiến, dồn nén thái độ bất bình uất ức của nhà thơ với thời cuộc, đồng thời cũng thể hiện một sự bế tắc của Nguyễn Du. b) Khóc người để thương mình, cảm xúc đồng điệu đã làm thành câu thơ bất hủ “phong vận kỳ oan ngã tự cư” (Ta tự cho mình cũng ở trong số những kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã). Ở đó là tình cảm chân thành đồng điệu của Nguyễn Du, cũng thể hiện tầm vóc lớn lao của chủ nghĩa nhân đạo rất đẹp và rất sâu của ông. c) Không phải chỉ một lần nhà thơ nói lên điều này. Ông đã từng hóa thân vào nàng Kiều để khóc thay nhân vật, ông đã từng khẳng định một cách đầy ý thức “thuở nhỏ, ta tự cho là mình có tài”. Cách trông người mà ngẫm đến ta ấy, trong thi văn cổ điển Việt Nam trước ông có lẽ hiếm ai thể hiện sâu sắc như vậy. Tự đặt mình “đồng hội đồng thuyền” với Tiểu Thanh, Nguyễn Du đã tự phơi bày lòng mình cùng nhân thế. Tâm sự chung của những người mắc “kỳ oan” đã được bộc bạch trực tiếp mạnh mẽ trong tiếng nói riêng tư khiến người đọc cũng không khỏi ngậm ngùi. Tâm sự ấy không chỉ của riêng

Nguyễn Du mà còn là nỗi niềm của các nhà thơ thời bấy giờ. 4. Hai câu kết: Khép lại bài thơ là những suy tư của Nguyễn Du về thời thế: Bất tri tam bách dư niên hậu Thiên hà hà nhân khắp Tố Như (Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa Người đời ai khóc Tố Như chẳng) a) Khóc cho nàng Tiểu Thanh ba trăm năm trước bằng giọt lệ chân thành của trái tim đồng điệu, dòng suy tưởng đã đưa nhà thơ đến ba trăm năm sau cùng một mối hồ nghi khó giải tỏa. Tiểu Thanh còn có tấm lòng tri kỷ của Nguyễn Du tìm đến để rửa những oan khiên bằng giọt nước mắt đồng cảm. Còn nhà thơ tự cảm thấy sự cô độc lẻ loi trong hiện tại. Câu hỏi người đời sau ẩn chứa một khát khao tìm gặp tấm lòng tri âm tri kỷ giữa cuộc đời. (Đó cũng là tâm trạng của Khuất Nguyên – “người đời say cả một mình ta tỉnh”, cách Nguyễn Du hai nghìn năm; của Đỗ Phủ, cách Nguyễn Du một nghìn năm: “Gian nan khổ hận phần sương mấn”) b) Nhà thơ tự thể hiện mình bằng tên chữ “Tố Như” không phải mong “lưu danh thiên cổ” mà chỉ là tâm sự của một nỗi lòng tha thiết với cuộc đời. Câu thơ còn là tâm trạng bi phần của nhà thơ trước thời cuộc. Khóc người xưa, nhà thơ tự khóc cho chính mình, giọt lệ chảy quanh kết lại một bóng hình Nguyễn Du, lặng lẽ cô đơn khiến người đọc phải se lòng khi ngẫm đến những nỗi đau thấm thía và dày vò tinh thần của những người tài hoa phải sống trong bóng đêm hắc ám của một xã hội rẻ rúng tài năng. KẾT THÚC VẤN ĐỀ 1. Đã hơn hai trăm năm trôi qua, bài thơ của Nguyễn Du vẫn còn lưu giữ một tấm lòng với con người sâu sắc và chân thành. Đó là tình cảm không biên giới, vượt thời gian, xuất phát từ gốc rễ “thương người như thể thương thân” của dân tộc. 2. Không phải đợi đến ba trăm năm sau, ánh sáng của thời đại mới đã làm sáng mãi tên tuổi của Nguyễn Du trong lòng dân tộc, tên tuổi Tố Như đã làm vinh danh dân tộc Việt Nam. Cuộc sống đã đổi thay, nhiều niềm vui của dân tộc đang nhân lên trước cánh cửa vào thế kỷ XXI, thế nhưng chúng ta vẫn trân trọng và cảm thông nỗi buồn của Nguyễn Du – nỗi buồn thời đại quá khứ. Thời đại mới giải tỏa cho những bế tắc của Nguyễn Du và thời đại của ông, tiếp thu tinh thần nhân bản dân tộc ấy: Hỡi Người xưa của ta nay Khúc vui xin lại so dây cùng Người

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích tầng cấu trúc bài “Nhàn” của Nguyễn Bình Khiêm

Bài thơ “Nhàn” (Nguyễn Bình Khiêm) được sáng tác theo thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Gồm 8 câu chia làm 4 phần: đề, thực, luận, kết. + Phần đề: Quan niệm của tác giả về một cuộc sống nhàn tản + Phần thực: Nét thư thái của tác giả khi từ bỏ nơi quan trường về chốn thôn quê. + Phần luận: Con người thuận theo tự nhiên, hòa hợp với thiên nhiên, mùa nào thức ấy, mùa nào ứng với thu vui ấy. + Phần kết: Thể hiện triết lí phú quý là phù du, là chiêm bao. 1. Đây là một cấu trúc điển hình thường thấy trong các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam. Nó hoàn toàn phù hợp với thi pháp văn học trung đại dân tộc. + Phần đề, tác giả trình bày một cách cụ thể về lối sống nhàn mà mình muốn nói. Nhàn là được sống một cuộc sống nông dân, gắn liền với việc cày việc cấy. Nhàn là được “thơ thần” giữa đất thiên nhiên, trời thiên nhiên, không vướng bận bất cứ thú vui danh lợi của thế gian. + Phần thực, tác giả đi sâu hơn về biểu hiện của lối sống nhàn. Đó là một sự so sánh tưởng chừng như ngược đời: Đại tức là khôn, khôn tức là đại. Mà những con người hiền triết, những bậc tao nhân mặc khách thường tìm về ở ẩn để sống một cuộc sống thanh thoi hơn. Đúng như cấu trúc của một bài thơ Trung Đại: Thực là đi vào một cách cụ thể hơn đề tài. + Phần luận lại làm rõ hơn cho “cái sự khôn của một bậc siêu phàm” (Đỗ Trung). Tác giả hòa cùng sinh hoạt của người nông dân. Ta không còn thấy một Nguyễn Bình Khiêm tài năng, phi thường nữa, mà ở đây chỉ là một lão nông tri điền, một người sống “trong cực có vui”, thuận theo tự nhiên, mùa nào thức nấy. 2. Tuy nhiên, ta bắt gặp ở “Nhàn” một tầng cấu trúc riêng của nó. + Sự riêng biệt ấy nằm ở phần kết. Theo lẽ thường của thơ Trung Đại, kết là sơ kết lại đề tài, nhưng ở đây nó mang tính mở. Vẫn có tổng kết đó, nhưng nó mở ra một tầng nghĩa mới hơn, rộng hơn, một triết lý nhân sinh của muôn đời. Danh vọng, tiền tài cũng chỉ là phù du, cũng nhanh chóng qua đi, tất cả đi vào hư vô. Không còn nghĩa lý gì nữa sau một cái khép mắt thật khẽ khàng. Con người sống ở trên đời nên thuận theo lẽ đời, thuận theo tự nhiên, sống sao cho thanh thản. Đừng vì dục vọng của mình mà bất chấp tất cả. Tất cả rồi chỉ như một giấc mơ. Như vậy, có thể nói rằng, chỉ thông qua 2 câu kết mà Nguyễn Bình Khiêm - một bậc hiền triết cao cả - đã gửi gắm cho bậc hậu nhân sau này một thông điệp luôn

đúng ở đời. Theo cấu trúc, phần kết khép lại nội dung của một bài thơ (dùng điển tích xưa, gieo vần,...), khép lại một lối sống nhàn đáng trân trọng của ông, nhưng theo một khía cạnh nào đó - như đã nêu trên - nó lại gửi gắm những điều chưa thể nói hết. “Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”

Văn Mẫu Lớp 10 - Dựa vào bài thơ “Nhàn”, viết bài thuyết minh về vẻ đẹp trong lối sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm

Nhàn là một sự lựa chọn lối sống của nhà nho ở ẩn. Nhà nho trong quá trình học vỡ sách thánh hiền, mỗi người đều được giáo huấn về thái độ xuất - xử, hành - tàng. Đức Khổng Tử từng dạy môn đệ của mình “Chiếu rãi không chĩnh thì không ngồi”. Người quân tử phải lấy trung chính làm đầu. Nếu thời thế không có vương đạo, chính đạo mà chỉ có bá đạo thì kẻ sĩ nên lựa chọn con con đường “Độc thiện kì thân”. Khi xã hội hỗn quân hỗn quan thì nhà nho nên lựa chọn con đường rút lui chốn quan trường để trở về với cuộc sống điền viên sơn thủy mà di dưỡng tính tình. Khát vọng sống nhàn, sống thanh thản hòa mình với thiên nhiên, thưởng thức cảnh non kì thủy tú vì thế đã là một khát vọng lớn của kẻ sĩ thời trung đại. Bởi vậy, một bậc đại thức giả như Trạng Trình lựa chọn lối sống ẩn cư, dưới nhãn quan của người xưa là một sự lựa chọn hợp thời thế, tri túc tri chi, biết hành biết tàng đúng lúc. Đúng với minh triết của nhà nho truyền thống. Bài thơ “Nhàn” mở đầu bằng một câu thơ bảy chữ có lối ngắt nhịp hết sức tự do, linh hoạt và sự xuất hiện, lặp lại từ số đếm “một” đến ba lần tạo nên một tiết tấu nhịp nhàng, diễn tả một trạng thái tâm hồn thanh thoi, thanh thản. Đó là con người vô sự, không bận chút cơ mưu, tư dục. Về sống chốn điền viên, cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm vui thú với công việc trồng cây, cuốc vườn, câu cá. Nhịp sống, công việc không khác gì một lão nông tri điền. Mặc cho ai đó tìm kiếm niềm vui thú khác mình, cụ tự thấy vui khi được thơi thới tâm hồn, vào ra với thiên nhiên ruộng vườn tự do tự tại như chính sự lựa chọn nhẹ nhàng trong xuất-xử của bản thân. Hai câu ba và bốn cho ta thấy rõ hơn sự lựa chọn của riêng tác giả. Đó là một chọn lựa theo triết lí độc thiện kì thân. Thi nhân đã tự đối lập “ta” với “người”, “khôn” với “dại”, giữa “vắng vẻ” với “lao xao”...Nghệ thuật đối lập đã làm bật nổi thái độ ứng xử, nhãn quan minh triết của một bậc đại trí. Cái “dại” ở đây là cái “dại” của một bậc thức giả “Đại trí như ngu”. Nghĩa là người có trí lớn không khoe khoang, bề ngoài xem ra rất vụng về, dại dột nhưng thực chất bên trong ẩn dấu một triết lí thâm hậu, một bản lĩnh siêu việt, nếu nhìn bằng con mắt tục nhân ta đâu dễ nhận ra. Trong tiếng Việt, đại từ phiếm chỉ “ai” cũng như đại từ “người” là những đại từ có khả năng khái quát hóa rất cao. Do đó, trong ngữ cảnh của bài thơ thì “ta” ở đây chính là cái tôi tác giả, cái

tôi cá nhân đối lập với “ai”, với “người”, với số đông, với đám chúng nhân thường tình đang đôn đáo, vật vã với kiếp mưu sinh chốn quan trường hiểm hốc. Cách hành xử ấy ngày nay ta thường gọi đó là túyp người giỏi che dấu cảm xúc thực của mình. Trong tình cảnh rối ren, cương thường đảo lộn, lí tưởng trung quân bị phá sản thì sự rút lui của Trạng Trình Nguyễn Bính Khiêm ở thời điểm đang đứng trên bực cao của bậc danh vọng thì dưới mắt người đời có thể là “dại”, nhưng tác giả đánh đổi tất cả để được sống thanh thản, bình yên nơi vắng vẻ, xa lánh chốn phồn tạp của triều thị. Là một bậc đại trí, đại nhân lâu thông kinh sử, Nguyễn Bính Khiêm chắc rất thấm thía câu thơ Ưc Trai thưở nào: “Dưới công danh đeo khổ nhục/ Trong đại đột có công hầu”. Bởi thế, dưỡng tâm, giữ thân trong bối cảnh xã hội mà lí tưởng nhà nho đang rơi vào khủng hoảng lại là một hành xử rất nhân bản. Rút khỏi chốn triều thị, cuộc sống của Trạng Trình gắn bó rất đối tự nhiên với nhịp sống bốn mùa của đất trời. Mùa nào thức nấy, thanh đạm nhưng cũng không kém phần thanh cao. Một “ta” ung dung tận hưởng lộc tự nhiên của trời đất. Vui thì uống rượu, thích thì nghỉ ngơi. Tất cả vượt lên thói tham-sân-si thường tình, thi nhân hướng theo triết lí thuận theo lẽ tự nhiên, vô vi của Lão-Trang, mặc thế sự vùn xoay. Riêng ta một côi. Phú quý được xem là một giấc chiêm bao. Đỗ Phủ từng nói: “Dụng điển như dụng muối”. Nghệ thuật sử dụng điển cố phải đạt đến độ tinh xảo như muối được hòa tan vào nước, nếu không nếm mùi vị thì không thể nhận ra. Điển phải hòa hợp một cách tự nhiên với bài thơ đến mức không để lại dấu vết công phu mới đạt tới kĩ xảo trong nghệ thuật sáng tạo thơ cổ. Ở hai câu kết bài thơ “Nhàn” của mình, Nguyễn Bính Khiêm đã sử dụng một điển cố nhưng nếu không am tường văn hóa trung đại, chắc không mấy ai nhận ra nhà thơ đã dụng điển ở đây. Mượn điển xưa, thi nhân gửi vào đây triết lí: công danh, phú quý ở đời chỉ là giấc chiêm bao! Hai câu thơ kết làm tôi liên tưởng đến một lời ca của Cao Chu Thần: “Phong tiền tửu điểm hữu mĩ tửu/Tinh giả thường thiếu, túy giá đồng”. (Sa hành đoản ca), (Kẻ hám danh lợi khác nào người say rượu/Những kẻ say rượu thì nhiều vô kể, còn kẻ tỉnh thì ít). Trên con đường bôn ba tìm lợi danh, vật lộn trong cuộc mưu sinh, cái giá mà khách danh lợi phải trả là quá đắt. Con đường đi tới phú quý mịt mù biết bao! Như một suy tưởng của Lê Thánh Tông về danh lợi: “Khách danh lợi, buồn xuôi ngược” (Chùa Non Nước). Con người đôn đáo chạy theo bã công danh là phường danh lợi, còn những vật lộn trong cuộc đời tựa như những cánh buồn xuôi ngược. Con đường ấy gian nan như thi tiên Lí Bạch hơn nghìn năm trước đã than thở: “Hành lộ nan! Hành lộ nan!/Đa kì lộ, kim an tại” (Đường đi khó! Đường đi khó!/Nhiều

ngã rẽ, nay ở đâu?). Thi nhân Nguyễn Bính Khiêm tìm đến men say là để “tỉnh dậy”. Tỉnh dậy để nhận ra rằng “phú quý tựa chiêm bao”. Đây là lời tác giả răn mình, nhưng lại có tác dụng cảnh tỉnh người đọc. Tại sao vậy? Có lẽ bởi thi nhân cảm nhận được từ cuộc đời mình, và hơn hết tác giả viết bằng trái tim chân thành, nỗi lòng nặng với thế sự của một bậc đại nhân đại trí. Đâu rồi những khuôn vàng thước ngọc của thơ Đường? Đâu rồi những câu hay từ đắt? Người đọc chẳng thấy đâu cả! Chỉ thấy một bài thơ gần gũi, giản dị mà ở đó hiện lên chân dung một con người vượt lên trên danh lợi, một nhân cách thanh cao, một lối sống “nhàn” trước cuộc sống tươi đẹp chốn thôn ố. Để có được một thái độ dám xem phú quý là giấc chiêm bao, công danh chỉ là ảo ảnh của thân kiến làm tổ cảnh hờ, thi nhân trước tiên phải có riêng một quan niệm, một nhãn giới để phân biệt cái gì là thiết thân và cái gì là vật ngoài thân. Minh triết sống của thi nhân chính là ở điểm này. Được sống hài hòa với tự nhiên là một khát vọng của con người tự cổ chí kim. Thi nhân thời trung đại quan niệm “Thân nhân tiểu thiên địa”, con người là một tiểu vũ trụ và trong quan hệ với trời đất, với vũ trụ thì quan hệ lí tưởng, quan hệ hài hòa nhất đấy là tương quan “Thiên nhân hợp nhất”, “Thiên nhân cảm ứng”, trời và người hòa hợp làm một, trời có thể thấu hiểu được lòng người trong mỗi tương thông và giao cảm kì diệu. Nhàn, vì thế là một triết lí sống thanh cao, sống hòa đồng với tự nhiên. Nhà thơ đã tìm thấy biểu tượng đạo đức trong thiên nhiên. Ở bài thơ “Nhàn”, chúng ta bắt gặp một “tiểu thiên địa” đã hợp nhất với “đại vũ trụ” ở một cấp độ hài hòa lí tưởng: “Thu ăn măng trúc, đông ăn giá/ Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao/Rượu đến cội cây ta sẽ uống/Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”. Ở đây, Bạch Vân cư sĩ đã hòa mình tuyệt đối với thiên nhiên, đất trời để di dưỡng cõi tâm hồn. Với lời thơ được Việt hóa, tình yêu thiên nhiên chan chứa cùng tấm lòng thanh cao, thuần đức. Bài thơ cho ta thấy một nhân cách lớn: “Thanh vắng thú quê giàu mấy của/Dữ lành miệng thế mặc chê khen”. Lối sống ấy, con người ấy đã mang đến cho thơ ca trung đại loại hình nhà nho ở ẩn vô cùng độc đáo và hấp dẫn, một quan niệm nhân sinh giàu tính nhân văn. Suy đến cùng, mọi vinh nhục, khôn dại là ở quan niệm và sự lựa chọn của mỗi cá nhân. Hóa giải được mọi đối cực của đời để được là chính mình quả là một triết lí sống của bậc cao nhân. Được hòa mình với đời sống thôn dã để giữ được nhân cách một kẻ sĩ chân chính thì lối sống ấy ta gặp lại trong câu thơ của Hồ Chí Minh về sau: Người mà như thế kém gì tiên!

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của anh (chị) về cuộc sống, nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ Nhàn

Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585) sống gần trọn một thế kỉ đầy biến động của chế độ phong kiến Việt Nam: Lê – Mạc xưng hùng, Trịnh – Nguyễn phân tranh. Trong những chấn động làm rạn nứt những quan hệ nền tảng của chế độ phong kiến, ông vừa vạch trần những thế lực đen tối làm đảo lộn cuộc sống nhân dân, vừa bảo vệ trung thành cho những giá trị đạo lí tốt đẹp qua những bài thơ giàu chất triết lí về nhân tình thế thái, bằng thái độ thâm trầm của bậc đại nho. Nhàn là bài thơ Nôm nổi tiếng của nhà thơ nêu lên quan niệm sống của một bậc ẩn sĩ thanh cao, vượt ra cái tầm thường xấu xa của cuộc sống bon chen vì danh lợi. Nhà thơ đã nhiều lần đứng trên lập trường đạo đức nho giáo để bộc lộ quan niệm sống của mình. Những suy ngẫm ấy gắn kết với quan niệm đạo lí của nhân dân, thể hiện một nhân sinh quan lành mạnh giữa thế cuộc đảo điên. Nhàn là cách xử thế quen thuộc của nhà nho trước thực tại, lánh đời thoát tục, tìm vui trong thiên nhiên cây cỏ, giữ mình trong sạch. Hành trình hưởng nhàn của Nguyễn Bình Khiêm nằm trong qui luật ấy, tìm về với nhân dân, đối lập với bọn người tầm thường bằng cách nói ngụ ý vừa ngông ngạo, vừa thâm thúy. Cuộc sống nhàn tản hiện lên với bao điều thú vị: Một mai, một cốc, một căn câu Thơ thần dù ai vui thú nào Ngay trước mắt người đọc sẽ hiện lên một Nguyễn Bình Khiêm thật dân dã trong cái bận rộn giống như một lão nông thực thụ. Nhưng đó là cả một cách chọn lựa thú hưởng nhàn cao quý của nhà nho tìm về cuộc sống “ngư, tiều, canh, mục” như một cách đối lập dứt khoát với các loại vui thú khác, nhằm khẳng định ý nghĩa thanh cao tuyệt đối từ cuộc sống đậm chất dân quê này! Đáng vẻ thơ thần được phác hoạ trong câu thơ thật độc đáo, mang lại vẻ ung dung bình thản của nhà thơ trong cuộc sống nhàn tản thật sự. Thực ra, sự hiện diện của mai, cốc, căn câu chỉ là một cách tô điểm cho cái thơ thần khác đời của nhà thơ mà thôi. Những vật dụng lao động quen thuộc của người bình dân trở thành hiện thân của cuộc sống không vương bận lo toan tục lụy. Đằng sau những liệt kê của nhà thơ, ta nhận ra những suy nghĩ của ông không tách rời quan điểm thân dân của một con người chọn cuộc đời ẩn sĩ làm lẽ sống của riêng mình. Trạng Trình đã nhìn thấy từ cuộc sống của nhân dân chứa đựng những vẻ đẹp cao cả, một triết lí nhân sinh vững bền. Đó cũng là cơ sở giúp

nhà thơ khẳng định một thái độ sống khác người đầy bản lĩnh: Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ Người khôn người kiếm chốn lao xao Hai câu thực là một cách phân biệt rõ ràng giữa nhà thơ với những ai , những vui thú nào về ranh giới nhận thức cũng như chỗ đứng giữa cuộc đời. Phép đối cực chuẩn đã tạo thành hai đối cực: một bên là nhà thơ xưng Ta một cách ngạo nghễ, một bên là Người; một bên là dại của Ta, một bên là khôn của người; một nơi vắng vẻ với một chốn lao xao. Đằng sau những đối cực ấy là những ngụ ý tạo thành phản đề khẳng định cho thái độ sống của Nguyễn Bình Khiêm. Bản thân nhà thơ nhiều lần đã định nghĩa dại – khôn bằng cách nói ngược này. Bởi vì người đời lấy lẽ dại – khôn để tính toán, tranh giành thiệt hơn, cho nên thực chất dại – khôn là thói thực dụng ích kỷ làm tầm thường con người, cuốn con người vào dục vọng thấp hèn. Mượn cách nói ấy, nhà thơ chứng tỏ được một chỗ đứng cao hơn và đối lập với bọn người mờ mắt vì bụi phù hoa giữa chốn lao xao. Nguyễn Bình Khiêm cũng chủ động trong việc tìm nơi vắng vẻ – không vướng bụi trần. Nhưng không giống lối nói ngược của Khuất Nguyên thuở xưa “Người đời tỉnh cả, một mình ta say” đầy u uất, Trạng Trình đã cười cợt vào thói đời bằng cái nhếch môi lạnh lẽ mà sâu cay, phê phán vào cả một xã hội chạy theo danh lợi, bằng tư thế của một bậc chính nhân quân tử không bận tâm những trò khôn - dại. Cũng vì thế, nhà thơ mới cảm nhận được tất cả vẻ đẹp của cuộc sống nhàn tản: Thu ăn măng trúc, đông ăn giá Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao Khác hẳn với lối hưởng thụ vật chất đắm mình trong bả vinh hoa, Nguyễn Bình Khiêm đã thụ hưởng những ưu đãi của một thiên nhiên hào phóng bằng một tấm lòng hoà hợp với tự nhiên. Tận hưởng lộc từ thiên nhiên bốn mùa Xuân – Hạ – Thu – Đông, nhà thơ cũng được hấp thụ tinh khí đất trời để gột rửa bao lo toan vướng bận riêng tư. Cuộc sống ấy mang dấu ấn lánh đời thoát tục, tiêu biểu cho quan niệm “độc thiện kỳ thân” của các nhà nho. đồng thời có nét gần gũi với triết lí “vô vi” của đạo Lão, “thoát tục” của đạo Phật. Nhưng gạt sang một bên những triết lí siêu hình, ta nhận ra con người nghệ sĩ đích thực của Nguyễn Bình Khiêm, hoà hợp với tự nhiên một cách sang trọng bằng tất cả cái hồn nhiên trong sạch của lòng mình. Không những thế, những hình ảnh măng trúc, giá, hồ sen còn mang ý nghĩa biểu tượng gắn kết với phẩm chất thanh cao của người quân tử, sống không hổ thẹn với lòng mình. Hoà hợp với thiên nhiên là một Tuyết Giang phu tử đang sống đúng với thiên lương của mình. Quan niệm về chữ Nhân của nhà thơ được phát triển trọn vẹn bằng sự khẳng định: Rượu đến cội cây ta sẽ uống Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao Mượn điển tích một cách rất tự nhiên, Nguyễn Bình Khiêm đã nói lên thái độ sống dứt khoát đoạn tuyệt với công

danh phú quý. Quan niệm ấy vốn dĩ gắn với đạo Lão – Trang, có phần yếm thế tiêu cực, nhưng đặt trong thời đại nhà thơ đang sống lại bộc lộ ý nghĩa tích cực. Cuộc sống của những kẻ chạy theo công danh phú quý vốn dĩ ông căm ghét và lên án trong rất nhiều bài thơ về nhân tình thế thái của mình: Ở thế mới hay người bạc ác Giàu thì tìm đến, khó thì lui (Thói đời) Phú quý đi với chức quyền đối với Nguyễn Bình Khiêm chỉ là cuộc sống của bọn người bạc ác thủ đoạn, giẫm đạp lên nhau mà sống. Bọn chúng là bầy chuột lớn gây hại nhân dân mà ông vô cùng căm ghét và lên án trong bài thơ Tăng thử (Ghét chuột) của mình. Bởi thế, có thể hiểu thái độ nhìn xem phú quý tựa chiêm bao cũng là cách nhà thơ chọn lựa con đường sống gần gũi, chia sẻ với nhân dân. Cuộc sống đạm bạc mà thanh cao của người bình dân đáng quý đáng trọng vì đem lại sự thanh thản cũng như giữ cho nhân cách không bị hoen ố vẩn đục trong xã hội chạy theo thế lực kim tiền. Cội nguồn triết lí của Nguyễn Bình Khiêm gắn liền với quan niệm sống lành vững tốt đẹp của nhân dân. Bài thơ Nhân bao quát toàn bộ triết lí, tình cảm, trí tuệ của Nguyễn Bình Khiêm, bộc lộ trọn vẹn một nhân cách của bậc đại ẩn tìm về với thiên nhiên, với cuộc sống của nhân dân để đối lập một cách triệt để với cả một xã hội phong kiến trên con đường suy vi thối nát. Bài thơ là kinh nghiệm sống, bản lĩnh cứng cỏi của một con người chân chính.

Văn Mẫu Lớp 10 - Vẻ đẹp trong bài thơ Nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm

Xuyên suốt bài thơ “Nhàn” là tâm hồn tràn ngập niềm vui và sự thanh tịnh trong tâm hồn tác giả. Có thể xem đây là điểm nhấn, là tinh thần chủ đạo của bài thơ. Chỉ với 8 câu thơ đường luật nhưng Nguyễn Bỉnh Khiêm đã mang đến cho người đọc một cuộc sống an nhàn nơi đồng quê êm ả. Mở đầu bài thơ là hai câu thơ đề rất mộc mạc: Một mai một cuốc, một cần câu Thơ thần dầu ai vui thú nào Với phép lặp “một”-“một” đã vẽ lên trước mắt người đọc một khung cảnh bình dị, đơn sơ nơi quê nghèo, dù một mình nhưng không hề đơn độc. Hai câu thơ toát lên sự thanh tịnh của tâm hồn và êm đềm của thiên nhiên ở vùng quê Bắc Bộ. “Một cuốc”, “một cần câu” gợi lên sự bình dị, mộc mạc của một người nông dân chất phác. Hình ảnh Nguyễn Bỉnh Khiêm hiện lên là một lão nông an nhàn, thanh thoi với thú vui tao nhã là câu cá và làm vườn. Đây có thể nói là cuộc sống đáng mơ ước của rất nhiều người ở thời kỳ phòng kiến ngày xưa nhưng không phải ai cũng có thể dứt bỏ được chốn quan trường về với đồng quê như thế này. Động từ “thơ thần” ở câu thơ thứ hai đã tạo nên nhịp điệu khoan thai, êm ái cho người đọc. Dù ngoài kia người ta vui vẻ nơi chốn đông người thì Nguyễn Bỉnh Khiêm vẫn mặc kệ, vẫn bỏ mặc để “an phận” với cuộc sống của mình hiện tại. Cuộc sống của ông khiến nhiều người ngưỡng mộ. Đến hai câu thơ thực tiếp theo càng khắc họa rõ nét hơn chân dung của “lão nông Nguyễn Bỉnh Khiêm”. Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ Người khôn người đến chốn lao xao Đây có thể xem là tuyên ngôn sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm những năm tháng sau khi cáo quan về ở ẩn. Ông tự nhận mình “đại” khi tìm nơi vắng vẻ đến sống, nhưng đây là cái “đại” khiến nhiều người ghen tỵ và ngưỡng mộ. Ông rất khéo léo trong việc dùng từ ngữ độc đáo, lột tả được hết phong thái của ông. Ông bảo rằng những người chọn chốn quan trường là những người “khôn”. Một cách khen rất tinh tế, khen mà chê, cũng có thể là khen mình và chê người. Tứ thơ ở hai câu này hoàn toàn đối lập nhau từ ngôn ngữ đến dụng ý “đại” – “khôn”, “vắng vẻ” – “lao xao”. Nguyễn Bỉnh Khiêm tìm về nơi vắng vẻ để ở có phải là trốn tránh trách nhiệm với nước hay không? Với thời thế như vậy giờ và với cốt cách của ông thì “nơi vắng vẻ” mới thực sự là nơi để ông sống đến suốt cuộc đời. Một cốt cách thanh cao, một tâm hồn đáng ngưỡng mộ. Hai câu thơ luận đã gợi mở cho người đọc về cuộc sống bình dị, giản đơn và thanh cao của Nguyễn Bỉnh

Khiêm: Thu ăn măng trúc đông ăn giá Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao Một cặp câu đã lột tả hết tất cả cuộc sống sinh hoạt và thức ăn hằng ngày của “lão nông nghèo”. Mùa nào đều tương ứng với thức ăn đấy, tuy không có sơn hào hải vị nhưng những thức ăn có sẵn này lại đậm đà hương vị quê nhà, khiến tác giả an phận và hài lòng. Mùa thu có măng trúc ở trên rừng, mùa đông ăn giá. Chỉ với vài nét chấm phá Nguyễn Bình Khiêm đã “khéo” khen thiên nhiên đất Bắc rất hào phóng, đầy đủ thức ăn. Đặc biệt câu thơ “Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao” phác họa vài đường nét nhẹ nhàng, đơn giản nhưng toát lên sự thanh tao không ai sánh được. Một cuộc sống dường như chỉ có tác giả và thiên nhiên, mối quan hệ tâm giao hòa hợp nhau. Đến hai câu thơ kết đường như đúc kết được tinh thần, cốt cách cũng như suy nghĩ của Nguyễn Bình Khiêm: Rượu đến cội cây ta sẽ uống Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao Hai câu thơ này là triết lý và sự đúc rút Nguyễn Bình Khiêm trong thời gian ở ẩn. Đối với một con người tài hoa, có trí tuệ lớn như thế này thì thực sự phú quý không hề là giấc chiêm bao. Ông từng đỗ Trạng nguyên thì tiền bạc, của cải đối với ông thực ra mà nói không hề thiếu nhưng đó lại không phải là điều ông nghĩ đến và tham vọng. Với ông phú quý chỉ “tựa chiêm bao”, như một giấc mơ, khi tỉnh dậy thì sẽ tan, sẽ hết mà thôi. Có thể xem đây chính là cách nhìn nhận sâu sắc, đầy triết lý nhất. Với một con người thanh tao và ưa sống an nhàn thì phú quý chỉ như hư vô mà thôi, ông yêu nước nhưng yêu theo một cách thâm lặng nhất. Cách so sánh độc đáo đã mang đến cho hai câu kết một tứ thơ hoàn hảo nhất. Như vậy với 8 câu thơ, bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bình Khiêm đã khiến người đọc ngưỡng mộ và khâm phục cốt cách, tinh thần và phong thái của ông. Là một người yêu nước, thích sự thanh bình và coi trọng cốt cách xứng đáng là tấm gương đáng học hỏi. Bài thơ đường luật kết cấu chặt chẽ, tứ thơ đơn giản nhưng hàm ý sâu xa đã làm toát lên tâm hồn và cốt cách của Nguyễn Bình Khiêm. Cho đến bây giờ, ông vẫn được rất nhiều người ngưỡng mộ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận về vẻ đẹp trong bài thơ Nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm

Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm sống gần trọn thế kỉ XVI, giai đoạn có nhiều biến cố phức tạp, nội chiến tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra liên miên, nhân dân lâm than đói khổ trong cảnh “nồi da nấu thịt”. Sáng tác của Nguyễn Bỉnh Khiêm thể hiện thái độ phê phán những thói đời bạc bẽo, ham danh lợi mà bỏ đi tình nghĩa, là một biểu hiện thanh cao của một tấm lòng thiết tha với dân tộc. “Nhàn” của Nguyễn Bỉnh Khiêm là bài thơ tiêu biểu cho mảng thơ về đề tài “tịch cư” trong văn học trung đại. Bài thơ vẽ nên một bức tranh sinh hoạt của người ẩn sĩ với thú vui dân dã. Khi về ở ẩn, Trạng Trình đã tỏ ra rất bằng lòng với lựa chọn của mình: Cao khiết thủy vi thiên hạ sĩ ? An nhàn ngã thị địa trung tiên ! (Kẻ sĩ trong thiên hạ ai là người trong sạch, thanh cao? Yên vui nhàn nhã, ta đây đích thực là tiên trong đời!) (Ngụ hứng) Là tiên khách bởi được thoải mái cả về thân xác và tinh thần: Nội đắc tâm thân lạc, Ngoại vô hình dịch lụy. (Bên trong được thú vui của tâm, của thân, Bên ngoài khỏi phải chạy vạy để phục dịch cho hình xác) (Cảm hứng) Thú vui nhàn dật, tránh xa khỏi vòng danh lợi là một đề tài khá quen thuộc của văn học thế kỉ XVI. Nhiều tác giả ca ngợi cuộc sống miền thôn dã với thú vui điền viên sơn thủy: Yêu thay miền thôn tịch; Yêu thay miền thôn tịch! Cư xử dẫu lòng; Ngao du mặc thích. Khéo chiều người mến cảnh sơn hà; Dễ quyến khách vui miền tuyết thạch. (Nguyễn Hàng, Tịch cư ninh thể phú) Cuộc sống tự nhiên, thanh tao miền tịch cư đã giúp các nhà nho tránh được những phiền phức chốn quan trường. Cuộc sống nhàn tịch miền thôn dã được tác giả miêu tả ở hai câu đề và hai câu thực: Một mai, một cốc, một cần câu, Thơ thần dẫu ai vui thú nào Thu ăn măng trúc, đông ăn giá, Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao. Cách dùng số từ, danh từ, từ “thơ thần” trong câu thơ thứ nhất và nhịp điệu hai câu đề gợi nên dáng vẻ ung dung trong công việc lao động hàng ngày và thể hiện những nhu cầu khiêm tốn của cuộc sống ẩn dật. Cuộc sống thật gần gũi với tự nhiên, đơn giản mà thanh sạch, vô tư, dường như không mảy may vướng bận những lo toan của cuộc sống bon chen nơi đông đúc. Cuộc sống đơn giản, với những sinh hoạt đạm bạc, mùa nào thức ấy, không phải lo lắng gì nhiều. Đủ cả bốn mùa, mỗi mùa một sản vật, vừa thể hiện thời gian quanh năm, vừa thể hiện được mỗi

quan hệ gần gũi, hoà nhập cùng thiên nhiên. Một trong những đặc điểm nổi bật của lối sống ẩn dật là hoà nhập cùng thiên nhiên. Những nhu cầu giản dị của người ẩn sĩ đều được thiên nhiên thoả mãn một cách dễ dàng. Những sinh hoạt của người ẩn sĩ thật giản dị và thanh cao, giống như một tiên khách chốn trần gian. Bằng lòng với cuộc sống ẩn dật, người ẩn sĩ tự hào với sự lựa chọn của chính mình: Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ, Người khôn, người đến chốn lao xao. Câu thực được tạo nên bởi một lối đối rất chỉnh giữa quan niệm “đại” và “khôn”. Một lối nói chứa hàm ý mỉa mai, thể hiện sự kiên định của nhà thơ với lối sống nhàn dật. Tự nhận “ta đại” là một sự ngông ngạo của người ở ẩn, đó là cái đại của bậc đại trí trong thiên hạ. Cái đại của những người như Mạnh Hạo Nhiên, Đào Tiềm, Nguyễn Trãi: Cầm một chương, thơ mấy quyển, đủ thán ngày ngâm ngợi, ấy thú màu ông Mạnh Hạo Nhiên; Lan chín khóm, cúc ba hàng, dỗi hôm sớm bù trì, này của báu ông Đào Bành Trạch. (Nguyễn Hàng, Tịch cư ninh thể phú) Họ tự hào với cuộc sống ấy bởi đó là cuộc sống thanh cao. Và họ kiên định với cách lựa chọn ấy: Dù ai cười thơ thần ngẩn ngơ; Thì ta cũng ngô nghê ngốc nghếch. (Nguyễn Hàng, Tịch cư ninh thể phú) Những bậc đại trí ấy tìm đến “vắng vẻ”, trước tiên không phải là trốn tránh trách nhiệm với cuộc đời, mà họ đều đến nơi thôn tịch khi họ đã không thể cứu nước cứu dân, họ chọn cuộc sống giữa thiên nhiên cây cỏ khi họ phải lựa chọn giữa lối sống luồn cúi và cuộc sống thanh sạch mà nghèo cực. Dù luôn nói đến cái thanh thoi của một người nhàn tâm thần trí nhưng thực ra trong lòng họ vẫn mang những day dứt về cuộc đời. Về ở ẩn, họ dễ tránh được “chốn lao xao”, bởi theo nhà thơ, là nơi mọi người phải đua chen trong vòng danh lợi: Thành thị vốn đua tranh giành giật (Thơ Nôm, bài 19) Không nơi nào không có đua chen, tranh giành: “ở triều đình thì tranh nhau cái danh, ở chợ búa thì giành nhau cái lợi” (Bài bi kí quán Trung Tân). Ở câu thơ kết, một lần nữa tác giả khẳng định quan điểm sống của mình, đó là một cách thể hiện thái độ với cuộc đời của một nhà Nho: Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống, Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao. Phú quý ở đời chỉ là chuyện phù du. Câu thơ cuối có cách ngắt nhịp khác hẳn các câu thơ còn lại. Thủng thảng nói về cái thú nhàn dật rồi buông ra một câu kết như thế, nhà thơ đã thể hiện một cách dứt khoát thái độ của mình đối với chuyện công danh phú quý. Nguyễn Trãi cáo quan về ở ẩn nhưng khi được vời lại sẵn sàng ra giúp vua, giúp nước bởi tấm lòng luôn “cuồn cuộn nước triều dâng” khiến ông không thể yên tâm hưởng thanh nhàn nơi thôn reo bốn mùa. Để rồi ông đã không thoát được cái án oan khiên thảm khốc. Còn Nguyễn Bình Khiêm, với một thể thời khác đã kiên định lối sống ở ẩn. Trong một chừng mực nào đó, cách lựa chọn của

Trạng Trình chưa hẳn đã là đúng. Song vì thế thời, để giữ gìn phẩm giá thanh sạch của mình, việc lựa chọn cách sống ấy cũng là một điều đáng để chúng ta trân trọng họ - những nhà nho chân chính. Bài thơ nói về cái chí. Trước hiện thực xã hội rối ren thế kỉ XVI, Nguyễn Bình Khiêm đã lựa chọn cách sống nhàn dật, đó chính là một cách thể hiện thái độ của nhà thơ đối với cuộc đời.

Văn Mẫu Lớp 10 - Ý nghĩa giáo dục trong bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), từng đỗ Trạng Nguyên, làm quan dưới triều Mạc nhưng xã hội biến động, triều đình tranh giành quyền lực, nhân dân đói khổ, ước mơ hoài bão của ông không thực hiện được, ông đã từ quan về ở ẩn để giữ cốt cách thanh cao. Quãng thời gian ở ẩn, Nguyễn Bình Khiêm sáng tác rất nhiều bài thơ gửi gắm quan niệm sống của mình, trong đó “Nhàn” là một bài thơ tiêu biểu. Nhàn là một chủ đề lớn trong thơ Nguyễn Bình Khiêm. Những biểu hiện của chữ nhàn khá phong phú, đa dạng: rồi nhàn, thân nhàn, phận nhàn, thanh nhàn... Với bài thơ “Nhàn” Nguyễn Bình Khiêm đã thể hiện triết lí sống: Hòa hợp với thiên nhiên, coi thường danh lợi, giữ cốt cách thanh cao trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống. Chính vì vậy tác phẩm có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Đọc bài thơ “Nhàn” ta cảm phục biết bao vẻ đẹp nhân cách Nguyễn Bình Khiêm. Ở cái thời mà danh lợi đối với con người như sức hút của nam châm thì Nguyễn Bình Khiêm đã từ bỏ nó. Không một chút vẩn vương, nuối tiếc, trở về với cuộc sống một nông tri điền bình dị. Có lẽ ông cảm ghét lối sống đắm mình trong vinh hoa, phú quý rồi bon chen, luồn cúi, sát phạt lẫn nhau cùng bao biểu hiện suy vi về đạo đức... Con người không giữ được mình, buông xuôi... Rõ ràng Nguyễn Bình Khiêm chọn lối sống nhàn để giữ mình trong sạch, thanh thoi. Ngày nay, cuộc sống đã đổi thay, đất nước hòa bình, dân chủ nhưng quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm vẫn có ý nghĩa tích cực. Hãy thân thiện, gắn bó với thiên nhiên. Trong mọi lúc, mọi nơi hãy sống và cống hiến! Hãy tránh xa những mưu toan tính toán, tranh giành thiệt hơn. Hãy phấn đấu trong công việc nhưng không đặt nặng danh lợi, vì danh lợi mà đánh mất mình! Cách nhiều thế kỷ nhưng “Nhàn” vẫn là một bài thơ tỏa sáng đến ngày hôm nay và mai sau. Cám ơn Tuyết Giang phu tử - Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã giúp ta sống đẹp hơn, có ý nghĩa hơn ở cuộc đời này!

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585) là người có học vấn uyên thâm. Tuy nhiên khi nhắc đến ông là làm mọi người phải nghĩ đến việc, lúc ông còn làm quan ông đã từng dâng sớ vạch tội và xin chém đầu mười tám lộng thần nhưng đã không thành công nên ông đã cáo quan về quê. Do học trò của ông đều là những người nổi tiếng nên được gọi là Tuyết Giang Phu Tử. Ông là người có học vấn uyên thâm, là nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ của ông mang đậm chất triết lí giáo huấn, ngợi ca chí khí của kẻ sĩ, thú thanh nhàn, đồng thời cũng phê phán những điều sống trong xã hội. Khi mất ông để lại tập thơ bằng tập viết thơ bằng chữ Hán là Bạch Vân am thi tập; tập thơ viết bằng chữ Nôm là Bạch Vân quốc ngữ thi và “Nhàn” là bài thơ tiêu biểu trong tập thơ Bạch Vân quốc âm thi tập, được viết bằng thể thất ngôn bát cú đường luật. Phân tích bài thơ “Nhàn” Bài thơ ca ngợi niềm vui trong cảnh sống thanh nhàn. Qua đó ta có thể thấy được vẻ đẹp chân chính của ông, nét mộc mạc của làng quê. “Một mai một cuộc, một cần câu Thơ thần dầu ai vui thú nào Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ Người khôn người đến chốn lao xao Thu ăn năng trúc đông ăn giá Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao Rượu đến cội cây ta sẽ uống Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.” Hai câu đề đã khắc họa được như thế nào một cuộc sống nhàn rồi “ Một mai, một cuộc, một cần câu Thơ thần dầu ai vui thú nào.... ” Ở câu thơ đầu câu thơ đã khắc họa hình ảnh một ông lão nông dân sống thanh thoi. Bên cạnh đó tác giả còn dùng biện pháp điệp số từ “ một “thêm vào là một số công cụ quen thuộc của nhà nông nhằm khơi gợi trước mắt người đọc một cuộc sống rất tao nhã và gần gũi nhưng không phải ai muốn là có. Từ “ thơ thần” trong câu hai lại khắc họa dáng vẻ của một người đang ngồi ung dung chậm rãi và khoan thai. Đặt hình ảnh ấy vào cuộc đời của tác giả ta có thể thấy được lúc nhàn rồi nhất của ông chính là lúc ông cáo ông về ở ẩn. Và từ “vui thú nào” cũng một lần nữa nói lên đề tài của bài thơ là về cảnh nhàn dẫu cho ai có ban chen vòng danh lợi nhưng tác giả vẫn thư thái. Hai câu thơ đầu đã không chỉ giới thiệu được đề tài mà còn khắc họa tư thái ung dung nhàn hạ, tâm trạng thoải mái nhẹ nhàng vui thú điền viên. “...Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ Người khôn người đến chốn lao xao...” Hai câu thực của bài thơ ý tác giả muốn nhắc đến cảnh nhàn và sử dụng các từ đối nhau như “ta” _ “ người” ; “ dại” “khôn” ; “ nơi vắng vẻ” “ chốn lao xao” từ

một loạt những từ đối lập đó đã thể hiện được quan niệm sống của tác giả. Nhân vật trữ tình đã chủ động tìm đến nơi vắng vẻ đến với chốn thôn quê sống cuộc sống thanh nhàn mặc cho bao người tìm chốn “phồn hoa đô hội”. Hai câu thơ đã đưa ra được hai lối sống độc lập hoàn toàn trái ngược nhau. Tác giả tự nhận mình là “dại” vì đã theo đuổi cuộc sống thanh đạm thoát khỏi vòng danh lợi để giữ cho tâm hồn được thanh nhàn. Vậy lối sống của Nguyễn Bình Khiêm có phải là lối sống xa đời và trốn tránh trách nhiệm?” Điều đó tất nhiên là không vì hãy đặt bài thơ vào hoàn cảnh sáng tác chỉ có thể làm như vậy mới có thể giữ được cốt cách thanh cao của mình. Do Nguyễn Bình Khiêm có hoài bão muốn giúp vua làm cho trăm dân ấm no hạnh phúc nhưng triều đình lúc đó đang tranh giành quyền lực, nhân dân đói khổ tất cả các ước mơ hoài bão của ông không được xét tới. Vậy nên Nguyễn Bình Khiêm rời bỏ “chốn lao xao” là điều đáng trân trọng. “ ...Thu ăn măng trúc đông ăn giá Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao...” Hai câu luận đã dùng biện pháp liệt kê những đồ ăn quanh năm có sẵn trong tự nhiên. Mùa nào thức ăn nấy, mùa thu thường có măng tre và măng trúc quanh nhà, mùa đông khi vạn vật khó đâm chồi thì có giá thay. Câu thơ “xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao” gợi cho ta cuộc sống sinh hoạt nơi dân dã. Qua đó ta có thể cảm nhận được tác giả đã sống rất thanh thản, hòa hợp với thiên nhiên tận hưởng mọi vẻ đẹp vốn có của đất trời mà không bon chen, tranh giành. Đặt bài thơ vào hoàn cảnh lúc bấy giờ thì lối sống của Nguyễn Bình Khiêm thể hiện được vẻ đẹp của tâm hồn thanh cao đó là lối sống tích cực thể hiện rõ thái độ của Bạch Vân cư sĩ. “...Rượu đến cội cây ta sẽ uống Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.” Hai câu luận đã thể hiện được cái nhìn của một nhà trí tuệ lớn, có tính triết lí sâu sắc, vận dụng ý tượng sáng tạo của điện tích Thuần Vu. Đối với Nguyễn Bình Khiêm phú quý không phải là một giấc chiêm bao vì ông đã từng đỗ Trạng Nguyên, giữ nhiều chức vụ to lớn của triều đình nên cuộc sống phú quý vinh hoa ông đã từng đi qua nhưng ông đã không xem nó là mục đích sống của ông. Mà ông đã xem đó chỉ là một giấc chiêm bao không có thực và ông đã tìm đến với cuộc sống thanh thản để luôn giữ được cốt cách thanh cao của mình. Như vậy qua bài thơ ta đã hiểu được quan niệm sống nhàn và nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm coi thường danh lợi, luôn giữ được tâm hồn thanh cao hòa hợp với thiên nhiên, đề cao lối sống của những nhà nho giáo giàu lòng yêu nước nhưng do hoàn cảnh nên phải sống ẩn dật. Bên cạnh đó Nguyễn Bình Khiêm còn sử dụng ngôn ngữ gần gũi mộc mạc nhưng giàu chất triết lí. Sử dụng khéo léo thể thơ thất ngôn đường luật, điện tích điện cổ và cách phép đối thường gặp ở thể thơ Nôm một cách linh hoạt. Bài “Nhàn” là một bông hoa

viết bằng chữ Nôm tuyệt đẹp của văn học trung đại Việt Nam. Quan niệm sống đề cao vẻ đẹp tâm hồn, lối sống trong sạch của Nguyễn Bình Khiêm vẫn còn giữ nguyên giá trị cho đến ngày hôm nay.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của anh (chị) về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi qua bài thơ “Cảnh ngày hè”

Nguyễn Trãi (1380 -1442) là đại thi hào dân tộc, người anh hùng cứu quốc thuở “Bình Ngô”, danh nhân văn hoá Đại Việt. Thơ chữ Hán cũng như thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi đẹp đẽ, sâu sắc, biểu tượng cao quý của nền văn hiến Việt Nam. “Quốc âm thi tập” của Nguyễn Trãi hiện còn 254 bài thơ, được chia nhiều loại, nhiều thể tài khác nhau: Ngôn chí (21 bài), Thuật hứng (25 bài), Tự thán (41 bài), Báo kính cảnh giới (61 bài) .v.v... Phần lớn các bài thơ trong “Quốc âm thi tập” không có nhan đề. Đây là bài thơ số 43 trong “Báo kính cảnh giới”. Các bài thơ trong “Báo kính cảnh giới” hàm chứa nội dung giáo huấn trực tiếp, nhưng bài thơ này rất đậm đà chất trữ tình, cho ta nhiều thú vị. Đề tài mùa hè, cảnh hè được nói nhiều trong thơ văn cổ dân tộc. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến v.v... đều có thơ viết về mùa hè rất hay. Bài thơ này là một thi phẩm khá tiêu biểu cho ngôn ngữ thi ca Ức Trai, đậm đà dấu ấn thời đại, thời Lê, thế kỷ XV. Nó nói lên cảnh sắc mùa hè làng quê và nỗi ước mong của nhà thơ về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Câu 1 (lục ngôn) nói lên một cảnh sống của thi nhân. Câu thơ bình dị như một lời nói vui vẻ, thoải mái, hồn nhiên: “Rồi hóng mát thuở ngày trường” Đằng sau vần thơ là hình ảnh một cụ già, tay cầm quạt giấy “Hài cở dẹp chân đi đứng đĩnh – Áo bô quen cật vận xềnh xoàng” đang đi dạo mát. Lúc bấy giờ, Ức Trai không bị ràng buộc bởi vòng “danh lợi” nữa, mà đã được vui thú nơi vườn ruộng, làm bạn với cây cỏ, hoa lá nơi quê nhà. “Ngày trường” là ngày dài. “Rồi” là tiếng cổ, nghĩa là rồi rãi, thong thả, nhàn hạ, cả trong công việc lẫn tâm hồn. Câu thơ phản ánh một nếp sinh hoạt nhàn nhã: trong buổi ngày dài rồi rãi, lấy việc hóng mát làm niềm vui di dưỡng tinh thần. Ta có thể phán đoán Ức Trai viết bài thơ này khi ông đã lui về Côn Sơn ở ẩn. Năm câu thơ tiếp theo tả cảnh hè làng quê Việt Nam xưa. Các câu 2, 3, 4 nói về cảnh sắc, hai câu 5, 6 tả âm thanh chiều hè. Cảnh sắc hè trước hết là bóng hòe, màn hòe. Lá hòe xanh thắm, xanh lục. Cảnh hòe sum sê, um tùm, lá “đùn đùn” lên thành chùm, thành đám xanh tươi, tràn đầy sức sống: “Hòe lục đùn đùn tán rợp giương” Tán hòe tỏa bóng mát, che rợp sân, ngõ, vườn nhà, “giương” lên như chiếc ô, chiếc lọng căng tròn. Mỗi từ ngữ là một nét vẽ màu sắc tạo hình gợi tả sức sống của cảnh vật đồng quê trong những ngày hè: lục,

đùn đùn, tán, rợp giương. Ngôn ngữ thơ bình dị, hàm súc và hình tượng. Cây hòe vốn được trồng nhiều ở làng quê: vừa làm cảnh, vừa cho bóng mát. Hòe nở hoa vào mùa hè, màu vàng, làm được liệu, làm chè giải nhiệt. Trong văn học, cây hòe thường gắn liền với điển tích “giấc hòe” (giấc mộng đẹp), “sân hòe” (chỉ nơi cha mẹ ở). Truyện Kiều có câu: “Sân hòe đôi chút thơ ngây – Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình”. Trong thơ Ưc Trai, hình ảnh cây hòe xuất hiện nhiều lần được miêu tả bằng một thứ ngôn ngữ trau chuốt, đậm đà: “Có thuở ngày hè trường tán lục, Đùn đùn bóng rợp cửa tam công”. Câu 3 nói về khóm thạch lựu ở hiên nhà trổ hoa rực rỡ: “Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ”. Thức tiếng cổ chỉ màu vẽ, dáng vẽ. Trong cảnh lá xanh biếc, những đóa hoa lựu như chiếc đèn lồng bé tí phóng ra, chiếu ra, “phun” ra những tia lửa đỏ chói, đỏ rực. Chữ “phun” được dùng rất hình tượng và thần tình. “Truyện Kiều” cũng có câu: “Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông” - Từ hoa lựu “phun thức đỏ”, đến hình ảnh “đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông” là cả một quá trình sáng tạo ngôn ngữ thi ca của các thế hệ thi sĩ dân tộc qua 5 thế kỷ từ “Quốc âm thi tập” đến “Truyện Kiều”. Vẻ đẹp ngôn ngữ thi ca được trau chuốt như ngọc quý sẽ ánh lên màu sắc huyền diệu là như thế đó! Câu 4 nói về sen: “Hồng liên trì đã tiễn mùi hương. “Tiễn” là ngát (tiếng cổ). Sen hồng nở thắm ao làng, hương thơm tỏa ngát. Sen là biểu tượng cho cảnh sắc mùa hè làng quê ta. Sen trong ao làng đã “tiễn mùi hương” gợi không cảnh làng quê thanh bình, không khí thanh cao thoát tục. Nguyễn Trãi đã chọn hòe, thạch lựu, sen hồng (hồng liên) để tả và đưa vào thơ. Cảnh sắc ấy vô cùng xinh đẹp và bình dị. Nhà thơ đã gắn tâm hồn mình với cảnh vật mùa hè bằng một tình quê đẹp và cảm nhận vẻ đẹp của nó bằng nhiều giác quan. Hè rất đẹp, rộn ràng trong khúc nhạc làng quê. Ngoài tiếng cuốc tiếng chim tu hú, tiếng sáo diều còn có tiếng ve, tiếng cười nói “lao xao” của đời thường: Câu 5, 6 : “Lao xao chợ cá làng ngư phủ, Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương” Sau khi tả hòe màu “lục”, lựu “phun thức đỏ”, sen hồng đã “tiễn mùi hương”, nhà thơ nói đến âm thanh mùa hè, khúc nhạc đồng quê. Tiếng “lao xao” từ một chợ cá làng chài xa vọng đến, đó là tín hiệu cuộc đời dân đã đầy muối mặn và mồ hôi. Nhà thơ lắng nghe nhịp sống đời thường ấy với bao niềm vui. “Lao xao” là từ láy tượng thanh gợi tả sự ồn ào, nhộn nhịp. Hòa điệu với tiếng lao xao chợ cá là tiếng ve vang lên rộn rã, nhịp nhàng. “Cầm ve”, hình ảnh ẩn dụ, tả âm thanh tiếng ve kêu như tiếng đàn cầm. “Dăng dỏi” nghĩa là inh ỏi, âm sắc tiếng ve trầm bổng, ngân dài vang xa. Ngồi lâu buổi xế chiều trở nên náo động rộn ràng. Nhà thơ lấy tiếng ve để đặc tả khung cảnh một chiều hè làng quê lúc hoàng hôn buông dần xuống mái lâu (lầu tịch dương) là một nét vẽ

tinh tế đầy chất thơ làm nổi bật cái không khí êm ả một chiều hè nơi thôn dã: “Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương” Trở về “Côn sơn quê cũ” Ưc Trai đã từng bồi hồi “trong tiếng cốc kê xuân đã muộn”, giờ đây ông lại thả hồn mình trong khúc ca dân dã “cầm ve” buổi chiều tà cuối hè. Tiếng ve lúc hoàng hôn thường gợi nhiều băng khuâng, vì ngày tàn, màn đêm đang dần dần buông xuống. Nhưng với Ưc Trai, nó đã trở thành “cầm ve” nhật khoan trầm bổng, dăng dỏi vang xa, làm cho khung cảnh làng quê một buổi chiều tà bỗng rộn lên bao niềm vui cuộc đời. Hai câu kết diễn tả ước mong nhà thơ: “Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng Dân giàu đủ khắp đòi phương”. “Dễ có” nghĩa là hãy để (cho ta) có; học giả Đào Duy Anh ghi chú là “Lẽ có” và giải thích “Đáng lẽ có....”. Ngu cầm là cây đàn thần của Thuấn (Nghịêu, Thuấn là hai ông vua thời cổ đại Trung Quốc - triều đại lý tưởng: nhân dân được sống trong hạnh phúc, thanh bình). Câu kết cảm xúc trữ tình được diễn tả bằng một điển tích phản ánh khát vọng cao đẹp của Nhà thơ. Ưc Trai chân thành bày tỏ: Hãy để cho ta cây đàn thần của vua Thuấn, ta sẽ gảy lên khúc “Nam phong”, cầu mong cho mọi nhà, mọi chốn, khắp các phương trời (đòi phương) được ấm no, giàu có. Hai câu kết toát lên một tình yêu lớn. Con người Ưc Trai lúc nào cũng hướng về nhân dân, mong ước cho nhân dân được ấm no và nguyện hy sinh phấn đấu cho hoà bình, hạnh phúc của dân tộc: Trong thơ Ưc Trai, hai câu kết luôn luôn là sự hội tụ bừng sáng những tư tưởng tình cảm cao cả, đẹp đẽ. Vì thế mà câu kết đã để lại trong tâm hồn người đọc những ấn tượng mạnh mẽ: “Bui một tắc lòng ưu ái cũ Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông” (Thuật hứng - số 5) Bài thơ nôm ra đời gần 600 năm về trước miêu tả cảnh tình mùa hè nơi đồng quê, đã đem đến cho chúng ta nhiều thú vị văn chương. Một giọng thơ thâm trầm, hồn hậu đáng yêu. Nhiều tiếng cổ cấu trúc câu thơ thất ngôn xen lục ngôn. Phép đối ở phần thực và phần luận khá chặt chẽ về ngôn từ, thanh điệu, hình ảnh và ý tưởng. Cảnh sắc và âm thanh mùa hè quê ta xa xưa như sống dậy qua những vần thơ nhuần nhị đầy cá tính sáng tạo. Ưc Trai đã gửi gắm một tình yêu thiên nhiên nồng hậu, một tấm lòng thiết tha với cuộc sống, một niềm ước mong tốt đẹp cho hạnh phúc của nhân dân. Vĩ đại thay Ưc Trai. Bài học thương yêu nhân dân mà ông nói đến lúc nào cũng mới mẻ và đậm đà.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tâm hồn Ước Trai qua Cảnh ngày hè

Nguyễn Trãi là một nhà thơ kiệt xuất của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Ông để lại cho đời sau nhiều tác phẩm có giá trị lớn. Nếu như “Bình Ngô đại cáo” của ông mang đầy nhiệt huyết, lòng tự tôn dân tộc thì bài thơ “Cảnh ngày hè” là một bức tranh vẽ về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi. Mở đầu bài thơ “Cảnh ngày hè” là sáu câu thơ miêu tả cảnh ngày hè: “Rồi hóng mát thuở ngày trường / Hòe lục đùn đùn tán rợp giương / Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ / Hồng liên trì đã tiễn mùi hương / Lao xao chợ cá làng Ngư phủ / Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương” Tác giả đã đón nhận cảnh ngày hè trong tư thế ung dung, thoải mái khi ở ẩn, lúc nhà vua không còn trọng dụng tới nữa. Bức tranh cảnh ngày hè được tác giả vẽ lên thật rực rỡ và tươi đẹp với nhiều màu sắc. Đó là màu xanh của cây hòe, màu đỏ của hoa lựu, màu hồng của hoa sen, màu vàng lung linh của ánh nắng chiều. Tất cả hòa quyện lại với nhau. Tạo nên cảnh vật đặc trưng của mùa hè. Không chỉ cảm nhận bằng thị giác, tác giả còn cảm nhận cảnh vật bằng thính giác và khứu giác. Ông thấy mùi hương của ao sen, thấy âm thanh “lao xao” của làng chài, “dắng dỏi” của tiếng ve. Bức tranh cảnh ngày hè đã trở nên sinh động hơn, đặc sắc hơn với âm thanh và mùi vị. Mặc dù khung cảnh mà tác giả miêu tả là cuối ngày, khi mặt trời lặn nhưng mọi vật vẫn tràn đầy sức sống với những từ ngữ “đùn đùn”, “giương”, “phun”, “tiễn”, “lao xao”, “dắng dỏi”. Những từ ngữ đó cũng góp phần thể hiện những điều trong lòng tác giả - ước mong được cống hiến cho nhân dân, cho đất nước. Nhiệt huyết đó như muốn phun ra, trào ra và lan tỏa đi khắp nơi. Trong sáu câu thơ này, tác giả đã thay đổi, không đi theo tính quy phạm của văn học phong kiến nữa. Ông miêu tả cảnh ngày hè với những sự vật vô cùng gần gũi với cuộc sống hằng ngày. Hai câu cuối của bài thơ đã được tác giả gửi gắm trọn vẹn tâm tư và suy nghĩ : “Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng / Dân giàu đủ khắp đòi phương” Tuy tác giả đón nhận cảnh ngày hè với tư thế ung dung trong một ngày nhàn rỗi nhưng ông vẫn luôn suy nghĩ, lo lắng cho nhân dân, cho đất nước. Cảm nhận cảnh ngày hè nhưng tác giả vẫn quan tâm tới cuộc sống của nhân dân. Thế nên ông nghe thấy âm thanh tấp nập, lao xao của làng chài. Ông quan tâm tới nhân dân, lo cho dân cho nước. Chính vì vậy, ông ước mong mình có cây đàn của vua Ngu Thuấn. Với cây đàn đó, Nguyễn Trãi có thể mang tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc

cho nhân dân và đất nước. Bài thơ “Cảnh ngày hè” được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật có chen hai câu thơ lục ngôn. Tuy vậy, nhà thơ lại không tuân theo bố cục: Đề - Thực - Luận - Kết của thể thơ Đường luật. Chính vì thế, bài thơ mang nét đặc sắc riêng của một nhà thơ kiệt xuất của dân tộc Việt Nam. Không chỉ thế, bài thơ còn có hình ảnh hoa lựu khiến ta liên tưởng tới hai câu thơ của Nguyễn Du: “ Đầu tường hoa lựu lập lòe đơm bông” Câu thơ của Nguyễn Du mang đậm chất tạo hình nhưng câu thơ của Nguyễn Trãi lại thể hiện được cá tính về nhiệt huyết của mình. Điều đó cho thấy rõ hơn tài năng của Nguyễn Trãi về thơ văn. Bài thơ “Cảnh ngày hè” đặc sắc về cả nội dung và nghệ thuật. Qua đó, ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi. Ông là người yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước. Nhưng trên hết, ông là một người vừa có tài, vừa có tâm bởi ông luôn lo lắng cho nhân dân, cho đất nước. Ông muốn cống hiến nhiệt huyết của mình để nhân dân hạnh phúc, ấm no, đất nước giàu mạnh. Tư tưởng của Nguyễn Trãi như một bài học gửi gắm cho thế hệ trẻ về lòng yêu nước, ước mong cống hiến cho đất nước.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích tác phẩm Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi là một nhà thơ kiệt xuất của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, một người anh hùng với lí tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân. Ông để lại cho đời sau nhiều tác phẩm có giá trị lớn. Nếu như “Bình Ngô đại cáo” của ông mang đầy nhiệt huyết, lòng tự tôn dân tộc thì bài thơ “Cảnh ngày hè” là một bức tranh vẽ về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi. Bài thơ mang thể loại thất ngôn xen lục ngôn - một sự sáng tạo của riêng Nguyễn Trãi. Qua bài thơ ta cảm nhận được tư tưởng, tình cảm yêu đời, yêu thiên nhiên và ước vọng cao đẹp của Nguyễn Trãi. “Rồi hóng mát thưở ngày trường, Dân giàu đủ khắp đòi phương. ” Bài thơ được sáng tác khi Nguyễn Trãi về quê ở ẩn vì không được vua tin tưởng trọng dụng nữa. Đây là một hoàn cảnh bất đắc chí, tác giả không muốn sống như thế nhưng vẫn cứ phải sống. Mở đầu bài thơ: “Rồi hóng mát thưở ngày trường, ” Câu thơ 6 chữ nhưng giới thiệu khá đầy đủ về thời gian, hoàn cảnh, tâm trạng của nhà thơ. Qua từ “rồi”, “ngày trường” ta thấy thật lạ, một người có tài đức như ông, một người luôn muốn đóng góp sức mình cho đất nước thêm giàu mạnh, phát triển thế mà giờ đây lại phải sống nhàn rồi trong những ngày dài như thế. Quả là bất công. Câu thơ mang nhịp 1/2/3 kết hợp với thanh bằng cuối câu cho ta cảm giác nghe như tiếng thở dài nhưng không giống lời than thở. Qua câu thơ đầu tiên ta thấy tâm hồn nhà thơ luôn rộng mở để đón nhận thiên nhiên và cuộc sống xung quanh. Ba câu thơ tiếp theo cho ta cảm nhận được vẻ đẹp rực rỡ của bức tranh thiên nhiên tràn đầy sức sống: “Hòe lục đùn đùn tán rợp giương. Thạch lựu hường còn phun thức đỏ, Hồng liên trì đã tiễn mùi hương. ” Bức tranh cảnh ngày hè được tác giả vẽ lên thật rực rỡ và tươi đẹp với nhiều màu sắc. Đó là màu xanh của cây hòe, màu đỏ của hoa lựu, màu hồng của hoa sen, màu vàng lung linh của ánh nắng chiều. Mọi vật sinh sôi, nảy nở, vươn dậy một cách nhanh chóng Tất cả hòa quyện lại với nhau tạo nên cảnh vật đặc trưng của mùa hè. Nhịp thơ ¾ công với từ cổ “thức”, từ “tiễn”, động từ mạnh “phun” góp phần làm cảnh vật nổi bật hơn. Cách miêu tả từ gần đến xa bằng nhiều giác quan, màu sắc sinh động, hài hòa kết hợp với các động từ mạnh, từ láy để tái hiện bức tranh thiên nhiên mùa hè sinh động, đáng yêu, căng tràn nhựa sống, dường như vạn vật đều khoe sắc, tỏa hương. Chắc hẳn phải là một người yêu thiên nhiên, có tâm hồn tinh tế nhạy cảm thì Nguyễn Trãi mới viết

được những vần thơ sinh động và sâu sắc đến như vậy. Hai câu thơ tiếp theo giúp ta hình dung được vẻ đẹp thanh bình của bức tranh cuộc sống con người: “Lao xao chợ cá làng ngư phủ, Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương. ” Không chỉ cảm nhận bằng thị giác, tác giả còn cảm nhận cảnh vật bằng thính giác Ông thấy âm thanh “lao xao” của làng chài, “dăng dỏi” của tiếng ve. Bức tranh cảnh ngày hè đã trở nên sinh động hơn, đặc sắc hơn với âm thanh. Mặc dù khung cảnh mà tác giả miêu tả là cuối ngày, khi mặt trời lặn nhưng mọi vật vẫn tràn đầy sức sống với những từ láy “lao xao”, “dăng dỏi”. Ta thấy được cảnh vật thật yên vui, thanh bình. Phải là một người thiết tha yêu cuộc sống, gắn bó với cuộc sống, Nguyễn Trãi mới cảm nhận được những âm thanh đời thường như vậy. Hai câu thơ cuối thể hiện niềm khát khao cao đẹp của tác giả muốn cống hiến sức mình cho quê hương, đất nước: “Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng, Dân giàu đủ khắp đòi phương. ” Câu cuối 6 chữ ngắn gọn, nhịp 3/3 âm hưởng mạnh mẽ thể hiện sự dồn nén cảm xúc của cả bài. Đáng lẽ sau khi đánh thắng quân Minh thì phải bắt tay vào việc xây dựng cuộc sống ấm no, hp’ cho nhân dân nhưng Lê Lợi lại nghe lời xu nịnh của bọn gian thần mà nghi ngờ những vị quan đã có công giúp mình ngày xưa. Dù không được trọng dụng nhưng Nguyễn Trãi vẫn luôn đau đầu vì dân, dù ở ẩn nhưng ông vẫn luôn nghĩ cho dân cho nước. Chính vì vậy, ông ước mong mình có cây đàn của vua Ngu Thuấn. Với cây đàn đó, Nguyễn Trãi có thể mang tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân và đất nước. Trong tâm trí của ông luôn có khát khao đem tài trí của mình để thực hành tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân. Qua bức tranh mùa hè vui tươi tràn đầy sức sống tác giả đã gửi gắm lòng yêu mến quê hương đất nước, hoài bão giúp dân xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc. Qua bài thơ vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi được bộc lộ khá sâu sắc và chân thực. Bài thơ thể hiện rõ tư tưởng yêu nước, thương dân, tinh thần sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước của Nguyễn Trãi. Nghệ thuật của bài thơ cũng rất sáng tạo. Ông đã Việt hóa thơ Đường luật, sáng tạo thơ thất ngôn xen lục ngôn. Vận dụng hình ảnh, màu sắc, đường nét, âm thanh của cảnh vật thiên nhiên và cuộc sống con người. Hệ thống ngôn ngữ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích. Qua tất cả ta thấy Nguyễn Trãi là người đã có công khai sáng văn học tiếng việt. Cảnh ngày hè không chỉ là bài thơ tiêu biểu cho Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi mà còn là một trong những bông hoa chữ Nôm đẹp nhất trng văn học Việt Nam. Tư tưởng của Nguyễn Trãi như một bài học gửi gắm cho thế hệ trẻ về lòng yêu nước, ước mong cống hiến cho đất nước.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy phân tích bài thơ Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi

DÀN Ý 1. Mở Bài: - Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi là bài số 43 trong chùm thơ bảo kính cảnh giới của Quốc âm thi tập. - Bài thơ cho ta thấy vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên và tấm lòng yêu nước thương dân của tác giả. (Cụ thể: Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi là bài số 43 trong chùm thơ bảo kính cảnh giới của Quốc âm thi tập. Bài thơ cho ta thấy vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên và tấm lòng yêu nước thương dân của tác giả.)

2. Thân Bài: - Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên là cuộc sống ngày hè: + Cây hòe màu xanh lục có tán lá giương cao che rợp. + Cây thạch lựu bên hiên nhà đang trổ sắc đỏ. + Hoa sen màu hồng đang tỏa ngát hương thơm. → Qua những chi tiết trên ta thấy cảnh vật tươi tắn, rực rỡ. + Với động từ: rợp, phun, tiễn ta thấy cảnh vật ngày hè sinh sôi nảy nở. + Cùng với từ láy: đùn đùn, lao xao, dăng dỏi đã tô thêm bức tranh ngày hè sôi động náo nhiệt. + Tác giả đã sử dụng đảo ngữ: lao xao chợ cá, dăng dỏi cầm ve cho ta thấy cuộc sống yên bình, hạnh phúc, ấm no. + Nhà thơ đã cảm nhận bức tranh ngày hè bằng thị giác nhìn thấy cây hòe màu xanh lục, thạch lựu màu đỏ, hoa sen màu hồng, những chú ve, người dân làng chài + Ngoài ra nhà thơ đã nghe thấy âm thanh những người dân làng chài cười nói và tiếng ve râm ran trong chiều tà như tiếng đàn dội lên. + Nhà thơ còn ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt của hoa sen → Qua những hình ảnh trên, ta thấy Nguyễn Trãi là người yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống. - Ta thấy được tác giả ung dung dạo chơi ngắm cảnh qua câu “ rồi hóng mát thuở ngày trường”. - Tác giả luôn nghĩ về dân về nước. - Tác giả mong ước có cây đàn của vua Ngu Thuấn để hát ca ngợi cuộc sống thái bình. - Lúc nào, Nguyễn Trãi cũng khao khát mang lại cuộc sống hạnh phúc ấm no cho dân. - Nhà thơ là người yêu nước thương dân.

3. Kết bài: ...

Văn Mẫu Lớp 10 - Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi trong bài thơ “Cảnh ngày hè”

A. YÊU CẦU ĐỀ: - Dạng đề “mở”, nội dung nghị luận về một khía cạnh bài thơ. - Luận đề: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ. - Luận điểm: + Vẻ đẹp tình yêu thiên nhiên và cuộc sống cảnh ngày hè. + Vẻ đẹp của lòng yêu nước thương dân. - Thao tác lập luận và dẫn chứng: có thể dùng thao tác phân tích, chứng minh, so sánh, bình luận, nêu cảm nghĩ,...Dẫn chứng chủ yếu dùng trong bài “Cảnh ngày hè”. B. THAM KHẢO BÀI VIẾT: I. MỞ BÀI: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (luận đề). Nguyễn Trãi để lại cho nhân loại một di sản văn chương vô giá. Nếu như ta biết đến “Đại cáo bình Ngô” như một bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc thì với “Cảnh ngày hè”, người đọc được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên ngày hè và đặc biệt là vẻ đẹp tâm hồn thi nhân. II. THÂN BÀI: 1. Khái quát về tác giả, tác phẩm: Nhắc đến Nguyễn Trãi là người ta nghĩ ngay đến một nhà quân sự, một nhà chính trị tài ba lỗi lạc đã dâng hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp cứu nước cứu dân. Nhưng bên cạnh nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao là một Nguyễn Trãi nghệ sĩ với những xúc cảm tinh tế và tình yêu tha thiết đối với thiên nhiên, cuộc sống, con người. Con người văn võ song toàn ấy đã để lại cho đời một sự nghiệp văn chương đồ sộ với nhiều tác phẩm có giá trị mà một trong số đó là “Cảnh ngày hè”. Bài thơ dựng lên một bức tranh thiên nhiên sống động với âm thanh, hương sắc và cả những gam màu rực rỡ mà ẩn sâu trong đó là bức chân dung tinh thần của nhà thơ giữa cuộc sống ẩn dật nơi thôn dã. 2. Nội dung cần phân tích, cảm nhận: a. Vẻ đẹp của tình yêu thiên nhiên và cuộc sống cảnh ngày hè: Mở đầu bài thơ là tư thế của nhân vật trữ tình: “Rồi hóng mát thuở ngày trường” Nhịp thơ 1/5 thật lạ lùng cho thấy cảm giác của con người trong một ngày rỗi rãi. Thi nhân ngồi hóng mát trước hiên nhà nhưng vốn không phải là người thích chìm đắm vào thiên nhiên để quên hết việc đời nên điều đó không mang lại cho ông cảm giác thanh thản hay nhẹ nhõm thực sự. Vậy nên mới có cảm giác “ngày trường”, nghĩa là ngày dài, vô vị và buồn chán. Các nhà thơ xưa thường dỗi dằn cảm hứng trước mùa xuân, mùa thu nhưng Nguyễn Trãi lại chọn cho mình một đề tài riêng – vẻ đẹp của mùa hè. Và với một tâm hồn yêu thiên nhiên, một hồn thơ phóng khoáng cùng với xúc cảm tinh tế, nhà thơ đã mang đến cho ta một bức tranh thiên nhiên mùa hạ

tuyệt đẹp: “Hòe lục đùn đùn tán rợp giương Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ, Hồng liên trì đã tiễn mùi hương” Trước tiên là màu xanh tươi mát, tràn đầy sức sống của cây hòe. Màu lá hòe như trải rộng, che mát cả một khoảng sân nhỏ. Từ láy “đùn đùn” gợi cảm giác như nhựa sống đang ứa căng, tràn đầy và trào lên trong từng nhánh lá. Phía bên hiên nhà, màu đỏ của hoa lựu càng thơm rực rỡ. Màu đỏ ấy dường như không ở trong trạng thái tĩnh mà đang vận động, phun trào, bùng sáng giữa đám lá xanh. Sắc đỏ rực rỡ của hoa lựu gợi ta nhớ đến hai câu thơ của đại thi hào Nguyễn Du trong “Truyện Kiều”: “Dưới trăng quyên đã gọi hè, Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông” Hình ảnh “lửa lựu lập lòe” và hình ảnh “thạch lựu phun thức đỏ” cho thấy Nguyễn Trãi và Nguyễn Du đều là những tâm hồn nghệ sĩ rất mực tinh tế. Nếu như Nguyễn Du thiên về tả màu sắc thì Nguyễn Trãi tập trung miêu tả sức sống nhiều hơn. Màu sắc của hoa cũng gợi lên sức sống của mùa hạ. Dưới ao nhà, sen cũng hưởng ứng bằng sắc hồng đặc trưng và hương thơm ngào ngạt. Nếu như ở câu thơ đầu là một tâm sự chán chường thì giờ đây, tất cả những tâm sự dồn nén ấy khi bắt gặp cảnh thiên nhiên tươi đẹp, rực rỡ và đầy sức sống đã nhường chỗ cho những cảm xúc vui tươi, sự say mê. Sự sinh động của thiên nhiên đã được thể hiện trong từng đường nét, màu sắc, âm thanh của bức tranh mùa hè. Bức tranh ấy không chỉ có sắc, có hương mà còn có cả những âm thanh bình dị của đời sống: “Lao xao chợ cá làng ngư phủ, Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương.” Từ “lao xao” gợi âm thanh từ xa vọng lại, không nghe rõ nhưng vẫn đủ để lại dư âm. Đó phải chăng chính là âm thanh của cuộc sống thường nhật nơi làng chài? Còn gì thân quen hơn cảnh chợ cá với cái “lao xao” của kẻ bán người mua? Tiếng ve kêu inh ỏi như thôi thúc thêm những sắc màu còn lại của mùa hè tiếp tục căng tràn và bùng nổ. Sự xuất hiện của tiếng ve như xua tan đi sự tĩnh lặng của căn lầu lúc mặt trời sắp lặn. Bức tranh thiên nhiên ngày hè được tác giả thu nhận bằng cả thính giác, thị giác và khứu giác. Cảnh ngày hè trong thơ Nguyễn Trãi hiện ra rộn rã, vui tươi và tràn đầy sức sống. Phải chăng chính tình yêu thiên nhiên và tâm hồn nhạy cảm đã giúp nhà thơ cảm nhận, quan sát và miêu tả cảnh ngày hè một cách tinh tế, sinh động? b. Vẻ đẹp của lòng yêu nước thương dân: Nguyễn Trãi vui với thiên nhiên, với cuộc sống của con người nhưng điểm nổi bật nhất trong bài thơ vẫn là tấm lòng, tình đời của con người mà lòng yêu nước thương dân đã trở thành nỗi trăn trở, niềm ưu ái trong suốt cuộc đời. Khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống của con người trong ngày hè đã mở ra trong lòng nhà thơ ước vọng tha thiết: “Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng, Dân giàu đủ khắp đòi phương.” Hai câu cuối như kết đọng bao suy tư của nhà thơ. Trước

cảnh ngày hè tràn ngập sắc màu và âm thanh, Nguyễn Trãi ước muốn có một cây đàn của vua Thuấn để tấu lên khúc nhạc “Nam phong” cầu cho nhân dân giàu đủ khắp muôn nơi. Câu thơ nặng trĩu nỗi day dứt và một tinh thần trách nhiệm cao cả. Ước nguyện của Nguyễn Trãi làm ta liên tưởng đến khát khao của Đỗ Phủ: “Ước được nhà rộng muôn ngàn gian, Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo đều hân hoan, Gió mưa chẳng núng, vững như thạch bàn! Than ôi! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt, Riêng lẽ ta nát, chịu chết rét cũng được! (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá) Đỗ Phủ và Nguyễn Trãi đã gặp nhau trong nhận thức, trong tư tưởng, trong tâm sự ưu thời mẫn thế. Vậy ra, từ trước đến nay, Nguyễn Trãi chỉ nhàn thân chứ không nhàn tâm. Dù ở bất cứ đâu, chốn quan trường hay nơi thôn dã thì thi nhân vẫn đau đáu một nỗi băn khoăn, trăn trở lo nước, thương đời. Suốt đời ông theo đuổi khát vọng đem lại cho nhân dân một cuộc sống ấm no, hạnh phúc để cho ở bất cứ nơi đâu dù là chốn thị thành hay nơi thôn cùng xóm vắng không còn một tiếng hờn giận, oán sầu. Tình yêu nước, yêu dân trong con người ấy trong sáng, chân thành đến mức thuần khiết. Đó cũng là tinh thần, là tư tưởng nhân đạo sâu và vững trong cốt cách của nhà thơ. 3. Đánh giá chung: “Thơ phát khởi từ lòng người ta” (Ngô Thì Nhậm). Đọc một bài thơ hay là ta bắt gặp tâm hồn của một con người, cảm nhận được bao tâm tư, tình cảm ẩn trong từng con chữ. Bài thơ “Cảnh ngày hè” không chỉ cho ta thấy bức tranh thiên nhiên tươi sáng, tràn đầy sức sống của cảnh sắc ngày hè mà còn phác họa thành công chân dung tinh thần của chính tác giả - người anh hùng, người nghệ sĩ tài hoa. Đó là con người say đắm trước vẻ đẹp thiên nhiên, thiết tha với sự sống, khao khát mang đến cho người dân cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bên cạnh nội dung đặc sắc, “Cảnh ngày hè” còn rất thành công về mặt nghệ thuật. Nguyễn Trãi đã sáng tạo thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, đưa chữ Nôm trở thành ngôn ngữ nghệ thuật giàu sức biểu cảm, biểu nghĩa. Ông cũng đưa vào thơ những hình ảnh dân dã, gần gũi, bình dị, rất đời Việt Nam: hình ảnh “chợ cá” và âm thanh “lao xao” của đời thường là những nét hiện thực rất dân dã mà văn chương cổ điển thường kiêng kị, cho là dung tục, không gợi sự thanh cao. Đó chính là điểm mới, những cách tân về nghệ thuật của Nguyễn Trãi trong bài thơ “Cảnh ngày hè”. III. KẾT BÀI: Nêu cảm nghĩ của bản thân. Phải nói rằng, đến với “Cảnh ngày hè” chúng ta không chỉ được chiêm ngưỡng bức tranh thiên nhiên độc đáo mà còn cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, cuộc sống và đặc biệt là nỗi lòng thao thức, trăn trở vì nước, vì dân của nhà thơ. Vẻ đẹp trong nhân cách sáng ngời của nhà thơ cũng chính là chiều sâu nhân bản trong tâm hồn con người vĩ đại này. Chân dung tâm hồn Nguyễn Trãi đã

hiện lên thật trọn vẹn và để lại cho người đọc thật nhiều cảm xúc. Không hiểu sao mỗi khi đọc bài thơ “Cảnh ngày hè”, bên tai tôi lại văng vẳng hai câu thơ của Ưc Trai: “Bui một tắc lòng ưu ái cũ, Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông.” (Thuật hứng – bài 2) ————— THAM KHẢO NHỮNG CÁCH MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI KHÁC I. MỞ BÀI: “Nhắc đến tên ông là thấy thơ Như một nguồn thiêng chẳng bến bờ” (Tế Hanh) Có thể nói cuộc đời Nguyễn Trãi gắn liền với sự nghiệp văn chương của ông. Nếu như thời chống Minh dân “Bình Ngô sách”, Nguyễn Trãi tích cực thực hiện tư tưởng nhân nghĩa bằng những áng “thiên cổ hùng văn” thì đến lúc về ẩn, ông lại gửi gắm tâm sự của mình qua những bài thơ trữ tình. Khác với những văn thơ hào hùng, đầy nhiệt huyết và lòng tự tôn dân tộc như “Bình Ngô đại cáo”, những lí lẽ đanh thép, sắc sảo trong “Quân trung từ mệnh tập”, bài thơ “Cảnh ngày hè” (Bảo kính cảnh giới – bài 43) thực sự là một bức tranh về vẻ đẹp tâm hồn của một người nghệ sĩ, một người suốt đời yêu nước thương dân. II. KẾT BÀI: Bài thơ “Cảnh ngày hè” (Bảo kính cảnh giới – bài 43) là một thi phẩm đặc sắc, tuy thuộc nhóm “Gương báu răn mình” nhưng không hề khô khan mà rất giàu cảm xúc. Bài thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ giàu rung cảm, có tấm lòng yêu đời tha thiết và tư tưởng, khát vọng của một nhân cách lớn. Thi phẩm cũng khẳng định vị trí của Nguyễn Trãi trong quá trình phát triển của thơ Nôm Việt Nam thời trung đại.

Văn Mẫu Lớp 10 - Vẻ đẹp tâm hồn và vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Trãi qua bài thơ Cảnh Ngày Hè

Nguyễn Trãi (1380 – 1442), vị anh hùng dân tộc, “tấm lòng sáng tựa sao Khuê” (lời vua Lê Thánh Tông) dù trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không nguôi tâm nguyện hướng về dân về nước. Ngay cả khi bị nghi kị, phải lui về quê ngoại Côn Sơn, ông vẫn bộc bạch nỗi lòng tha thiết cháy bỏng trong cuộc sống tưởng như chỉ biết vui vầy cùng mây núi cỏ cây. Nỗi lòng ấy bộc lộ rõ nét trong chùm thơ 61 bài Bảo kính cảnh giới. Đặc biệt, bài thơ số 43 chan chứa bao khát vọng hướng đến cuộc đời, nhân dân. Bảo kính cảnh giới (Gương báu răn mình) lấy những bài học từ thiên nhiên vĩ đại để nhà thơ soi chiếu lòng mình. Ta không chỉ gặp tấm lòng yêu thiên nhiên của một nghệ sĩ lớn mà còn thấu hiểu tâm sự của người anh hùng luôn canh cánh bên lòng nỗi niềm “ưu quốc ái dân”. Suy ngẫm và cảm xúc của nhà thơ giúp chúng ta hình dung một nhân cách lớn. Bài thơ bắt đầu bằng hoàn cảnh hưởng nhàn bất đắc dĩ: Rồi hóng mát thuở ngày trường. Nhịp thơ thật lạ lùng như kéo dài cảm giác của một ngày “ăn không ngồi rồi”: tạo điểm nhấn ở một nhịp đầu tiên, sau đó là năm chữ nối thành một hơi thơ như tiếng thở dài. Rõ ràng nhà thơ nói về việc hóng mát mà không hề đem lại cảm nhận nhàn tản thật sự. Hai chữ ngày trường lại hiện ra bao nỗi chán chường của một ngày dài vô vị. Hưởng nhàn mà không hề thư thái! Có thể đó sẽ là khởi nguồn cho bao nỗi bức dọc trút ra của con người bất đắc chí. Thế nhưng, tất cả tâm tư đã được nén lại khi nhà thơ đối diện với một thiên nhiên mạnh liệt đầy sức sống: Hoè lục đùn đùn tán rợp giương Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ Hồng liên trì đã tiễn mùi hương. Ba câu thơ đem lại một bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc, cùng những hình ảnh đặc trưng của không gian mùa hè. Trước hết, đó là hoè buông sắc lục như một chiếc lọng khổng lồ bao trùm lên cảnh vật, tạo cảm giác về một không gian xanh. Cái nhìn thiên nhiên của Nguyễn Trãi luôn có sức bao quát, vừa gợi sức sống của không gian trong động từ “đùn đùn” vừa gợi cảm giác phóng khoáng trong một chữ “rợp”. Tầm nhìn trải từ gần ra xa, theo quy luật đăng đối ở hai câu tả thực, khéo léo đan cài sắc đỏ của thạch lựu trước hiên nhà cùng sắc hồng của ao sen. Câu trên tả sắc, câu dưới gợi hương. Thiên nhiên ấy cũng chứa chan bao cảm xúc, lúc dịu nhẹ lan tỏa lúc bùng bùng phun trào. Để rồi cuối cùng đọng lại cảm giác man mác tiếc nhớ

làn hương thanh thoát của sen hồng lúc cuối hè. Phải là một người có tâm hồn tinh tế mới cùng một lúc diễn tả được nhiều cảm giác trong chỉ vài ba câu thơ cô đọng. Giữa khung cảnh thiên nhiên ấy, nhà thơ dường như cũng ngúi ngoai bao nỗi niềm bức dọc, để lòng mình hòa cùng thiên nhiên đầy sức sống. Không chỉ nhìn bằng mắt mà Nguyễn Trãi còn trái lòng lắng nghe những thanh âm muôn vẻ của thiên nhiên: Lao xao chợ cá làng ngư phủ Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương. Có một sự chuyển đổi cảm xúc trong cách lắng nghe những âm thanh của cuộc sống. Giờ đây, những thanh âm lại được cảm nhận từ xa đến gần, từ “lao xao” đến “dăng dỏi”. Thiên nhiên không hề tĩnh lặng u trầm trong thời điểm chiều buông mà trái lại rất sôi động và gần gũi với tấm lòng thiết tha yêu sự sống của nhà thơ. “Lao xao” là âm thanh gợi rõ cuộc sống thanh bình của những người dân chài, cảnh mua bán tấp nập mà không quá ồn ào để khuấy động không gian hương nhàn của nhà thơ. Dường như Nguyễn Trãi đã chủ động hướng lòng mình về với chợ cá, làng ngư phủ để thấy bản thân không cách xa với đời thường. Âm vang cuộc sống thực ấy tạo thành mối dây liên hệ giữa nhà thơ với nhân dân, mang lại niềm vui rộn rã trong một buổi chiều để tạo cho nhà thơ nỗi buồn. Cấu trúc đăng đối đã tạo nên sự hòa điệu giữa con người với thiên nhiên trong sự cân xứng làng ngư phủ – bóng tịch dương mang đậm sắc thái trang trọng cổ điển. Nghệ thuật tương phản tạo nên một cảm hứng hết sức mới mẻ trong thơ Nguyễn Trãi khi ẩn tượng ám ảnh nhà thơ không phải ánh tịch dương ảm đạm mà lại là âm thanh dăng dỏi cầm ve. Sự liên tưởng bất ngờ và độc đáo này đã chứng tỏ rõ phẩm chất nghệ sĩ của Nguyễn Trãi. Tiếng ve đặc trưng của mùa hè đến thơ Nguyễn Trãi lại như một bản đàn mạnh mẽ, rạo rực hối hả nhịp sống căng tràn của thiên nhiên. Bức tranh thiên nhiên sống động ấy đã hàm chứa một nội dung thông điệp thẩm mỹ đánh động tâm tư của nhà thơ. Bản thân ông có muốn lánh đời thoát tục, ngấm ánh tịch dương, giam mình trong lầu kín cũng không thể không nghe, không thấy bao vẻ đẹp thiên nhiên tươi tắn rộn rã xung quanh. Thiên nhiên ấy rộn rã hay chính tấm lòng của nhà thơ cũng đang náo nức muốn hòa cùng niềm vui sự sống? Cuộc sống của ông không phải của một ẩn sĩ lánh đời mà chính là phản chiếu của tâm hồn yêu đời thiết tha, vẫn đón nhận thưởng thức được niềm vui cuộc sống thanh bình để quên đi nỗi riêng tư sầu muộn. Thiên nhiên đã đem lại một bài học lớn, lay thức khát vọng mãnh liệt muốn trở lại với đời của nhà thơ. Thiên nhiên ấy đã thôi bùng khát vọng của người anh hùng đầu bạc mà vẫn vẹn tấm lòng son: Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng Dân giàu đủ khắp đòi phương Còn gì giản dị, thanh cao, súc tích hơn những lời thơ mộc mạc chân thành ấy! Giữa thiên nhiên

tuyệt đẹp, Nguyễn Trãi không hề mong muốn hưởng thụ thú nhàn tản cho riêng mình. Ông không phải con người chỉ chăm chăm giữ lấy sự trong sạch cho riêng mình theo triết lý nhà Nho “độc thiện kì thân”. Ở sâu thẳm tâm hồn ông vẫn là nỗi niềm “ưu quốc ái dân”, là khát khao hành động của một con người trọn đời vì lợi ích của nhân dân. Tinh thần Nguyễn Trãi vẫn không hề nhụt giảm, vẫn còn nung nấu hoài bão cống hiến cho đất nước thái bình thịnh trị như thời Đường Ngu - xã hội thịnh trị lý tưởng theo quan niệm nho gia. Giản dị thay và cũng cao cả thay sáu chữ đúc kết tấm lòng Nguyễn Trãi hướng về nhân dân. Quả thật, riêng ông trong hoàn cảnh bấy giờ có nhiều nỗi buồn, nhưng bản chất tâm hồn Nguyễn Trãi luôn “trong sáng và đầy sức sống” (lời cổ thủ tướng Phạm Văn Đồng). Tâm hồn ấy chỉ cháy bỏng niềm mong ước đem lại cho nhân dân cuộc sống giàu đủ. Niềm mong mỗi nhân dân “khắp nơi không một tiếng hờn giận oán sầu” chính là minh chứng cho nhân cách trong sáng tuyệt vời của Nguyễn Trãi. Bảo kính cảnh giới – bài học lớn từ thiên nhiên giúp Nguyễn Trãi rắn mình, chứa đựng bao tình cảm yêu đời yêu sự sống. Ta nhận ra một tâm hồn nghệ sĩ – chiến sĩ của Ước Trại tiên sinh. Tấm lòng “sáng tựa sao Khuê” ấy vẫn tỏa sáng đến tận hôm nay.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy nêu lý tưởng sống của người con trai thời Trần qua bài “Tỏ lòng” của Phạm Ngũ Lão

Tựa đề: Thuật có nghĩa là bày tỏ, hoài là mang trong lòng. Thuật hoài nghĩa là bày tỏ khát vọng, hoài bão. Đây là đề tài quen thuộc trong thơ cổ. Điều đáng chú ý của bài thơ này ở chỗ người tỏ lòng là một vị tướng đang giữ trọng trách nặng nề nơi biên ải. Hai câu đầu: - Câu 1 khắc họa hình ảnh người tráng sĩ qua tư thế và hành động. Hoàn hảo nghĩa là cặp ngang ngọn giáo. Người trai cầm giáo đã mấy thu sẵn sàng bảo vệ non sông đất nước. Tư thế ấy lại đặt trong không gian kỳ vĩ của giang san. Tất cả những chi tiết trên đã dựng lên bức chân dung oai phong lẫm liệt của người trai thời loạn. - Câu 2 là hình ảnh ba quân. Ngày xưa, quân lính thường chia làm ba đội gọi là tiền quân, trung quân, hậu quân. Vì thế, câu thơ nói đến ba quân là ca ngợi sức mạnh của toàn dân tộc. Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu, câu thơ có thể hiểu theo hai cách. Khí thôn Ngưu là khí thế nuốt được cả con trâu (chú giải của sách giáo khoa), cũng có thể hiểu là nuốt cả con ngưu. Cả hai cách hiểu đều nói đến khí thế mạnh mẽ của dân tộc. Đây là hình ảnh ước lệ quen thuộc thường gặp trong thơ cổ nhưng đặt trong hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, hình ảnh này lại gợi lên những cảm xúc chân thực vì phản ánh hào khí của thời đại. - Hai câu thơ là hai hình ảnh bổ sung vẻ đẹp cho nhau. Thời đại hào hùng tạo nên những con người anh hùng, ngược lại mỗi cá nhân đóng góp sức mạnh làm nên hào khí của thời đại. Câu thơ bộc lộ niềm tự hào của tác giả về quân đội của mình, về con người và thời đại của mình. Tác giả nói về chính mình vừa nói tiếng nói cho cả thế hệ. Hai câu sau: - Đến đây bài thơ mới bày tỏ hoài bão của nhân vật trữ tình. Đó là lập công danh nam tử, tức là công danh của đấng làm trai theo lý tưởng phong kiến. Người xưa quan niệm, làm trai là phải có sự nghiệp và danh tiếng để lại muôn đời. Chí làm trai được coi là món nợ phải trả của đấng nam nhi. Phạm Ngũ Lão đã bày tỏ khát vọng được đóng góp cho đất nước, xứng đáng là kẻ làm trai. Khát vọng thật đẹp và cao cả. - Nhưng thật bất ngờ, câu kết bài thơ lại là nỗi thẹn: Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu (Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu) Vũ Hầu là Gia Cát Lượng, quân sư nổi tiếng đã giúp Lưu Bị khôi phục nhà Hán. Phạm Ngũ Lão thẹn vì thấy mình tài giỏi như Vũ Hầu để lập công giúp nước. Đây là nỗi thẹn cao cả, cái thẹn làm nên nhân cách. Vì sao? Phạm Ngũ

Lão là người có công lớn trong sự nghiệp bảo vệ đất nước, đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông. Vậy mà ông vẫn còn cảm thấy mình vương nợ với đời, còn phải thẹn khi nghe thuyết Vũ Hầu. Điều đó nói nên khát vọng muốn đóng góp nhiều hơn cho đất nước. - Nếu hai câu đầu của bài thơ khắc họa chân dung người trai Đại Việt với vẻ đẹp oai phong bao năm bền bỉ bảo vệ đất nước thì hai câu sau bộc lộ chí lớn và cái tâm cao cả của người tráng sĩ. Kết luận: Bài thơ súc tích, ít lời nhưng đã nói nên lí tưởng nhân sinh của kẻ làm trai: lập công danh không phải chỉ để vinh thân vì phì gia, mà vì dân tộc; khi đã có công danh, còn phải phấn đấu vươn lên không ngừng.

Văn Mẫu Lớp 10 - So sánh hình tượng người tráng sĩ trong bài “Thuật hoài” và “Cảm hoài”

Điểm giống nhau: - Cả hai đoạn thơ đều dựng lên hình ảnh của người trai thời loạn với vẻ đẹp của khát vọng, ý chí và tinh thần cứu nước mang tầm vóc vũ trụ. *Điểm khác nhau:* - Hình ảnh tráng sĩ trong hai câu đầu của bài thơ Thuật hoài (Phạm Ngũ Lão) là người tráng sĩ trẻ tuổi đang đắc thời, lợi thế còn người tráng sĩ trong hai câu cuối của bài thơ Cảm hoài (Đặng Dung) là một tráng sĩ đầu thì đã bạc mà vận hội đã hết (giải thích hoàn cảnh của thời đại và hoàn cảnh riêng của chủ thể trữ tình trong hai bài thơ). - Hình ảnh người tráng sĩ trong Thuật hoài mang vẻ đẹp oai phong,凛冽 hào hùng (thể hiện qua mối quan hệ giữa hình ảnh cầm ngang ngọn giáo của người tráng sĩ với không gian và thời gian mang tầm vóc lớn lao của vũ trụ, với hình ảnh ba quân khí thế hùng mạnh ngất trời thể hiện qua biện pháp so sánh vật hóa). Hình ảnh người tráng sĩ – lão tướng trong bài thơ Cảm hoài mang vẻ đẹp bi tráng (thể hiện trong mối quan hệ giữa tâm sự bi phần “Quốc thù chưa trả sao già vội” với hành động bền bỉ “mài gươm dưới nguyệt đã bấy chầy” của người tráng sĩ). - Giọng điệu trong hai câu đầu của bài thơ Thuật hoài mang âm hưởng hào sảng, giọng điệu trong hai câu cuối bài Cảm hoài mang âm điệu ngậm ngùi, bi phần

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bài thơ “Tỏ lòng” của Phạm Ngũ Lão

Triều đại nhà Trần (1226-1400) là một mốc son chói lọi trong 4000 năm dựng nước và giữ nước của lịch sử dân tộc ta. Ba lần kháng chiến và đánh thắng quân xâm lược Nguyên – Mông, nhà Trần đã ghi vào pho sử vàng Đại Việt những chiến công Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng... bất tử. Khí thế hào hùng, oanh liệt của nhân dân ta và tướng sĩ đời Trần được các sử gia ngợi ca là “Hào khí Đông A”. Thơ văn đời Trần là tiếng nói của những anh hùng – thi sĩ dào dạt cảm hứng yêu nước mãnh liệt. “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, “Thuật hoài” (Tỏ lòng) của Phạm Ngũ Lão, “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu.v.v... là những kiệt tác chứa chan tình yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Phạm Ngũ Lão (1255-1320) là một danh tướng đời Trần, trăm trận trăm thắng, văn võ toàn tài. Tác phẩm của ông chỉ còn lại hai bài thơ chữ Hán: “Thuật hoài” và “Văn Thượng tướng Quốc công Hưng Đạo Đại vương”. Bài thơ “Tỏ lòng” thể hiện niềm tự hào về chí nam nhi và khát vọng chiến công của người anh hùng khi Tổ quốc bị xâm lăng. Nó là bức chân dung tự họa của danh tướng Phạm Ngũ Lão. Hoàn cảnh giang sơn khắp kỉ thu Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu Nam nhi vị liễu công danh trái Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu. Cầm ngang ngọn giáo (hoành sóc) là một tư thế chiến đấu vô cùng hiên ngang dũng mãnh. Câu thơ “Hoành sóc giang sơn kháp kỷ thu” là một câu thơ có hình tượng kỳ vĩ, tráng lệ, vừa mang tầm vóc không gian (giang sơn) vừa mang kích thước thời gian chiều dài lịch sử (kháp kỷ thu). Nó thể hiện tư thế người chiến sĩ thuở “bình Nguyên” ra trận hiên ngang, hào hùng như các dũng sĩ trong huyền thoại. Chủ nghĩa yêu nước được biểu hiện qua một vần thơ cổ kính trang nghiêm: cầm ngang ngọn giáo, xông pha trận mạc suốt mấy mùa thu để bảo vệ giang sơn yêu quý. Đội quân “Sát Thát” ra trận vô cùng đông đảo, trùng điệp (ba quân) với sức mạnh phi thường, mạnh như hổ báo (tỳ hổ) quyết đánh tan mọi kẻ thù xâm lược. Khí thế của đội quân ấy ào ào ra trận. Không một thế lực nào, kẻ thù nào có thể ngăn cản nổi. “Khí thôn Ngưu” nghĩa là khí thế, tráng chí nuốt sao Ngưu, làm át, làm lu mờ sao Ngưu trên bầu trời. Hoặc có thể hiểu : ba quân thế mạnh nuốt trôi trâu. Biện pháp tu từ thậm xưng sáng tạo nên một hình tượng thơ mang tầm vóc hoành tráng, vũ trụ: “Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu”. Hình ảnh ẩn dụ so sánh: “Tam quân tì hổ...” trong thơ Phạm Ngũ Lão rất độc đáo,

không chỉ có sức biểu hiện sâu sắc sức mạnh vô địch của đội quân “Sát Thát” đánh đâu thắng đấy mà nó còn khơi nguồn cảm hứng thơ ca; tồn tại như một điển tích, một thi liệu sáng giá trong nền văn học dân tộc: “Thuyền bè muôn đội; Tinh kỳ phấp phới Tỳ hổ ba quân, giáo gươm sáng chói...” (Bạch Đằng giang phú) Người chiến sĩ “bình Nguyên” mang theo một ước mơ cháy bỏng: khao khát lập chiến công để đền ơn vua, báo nợ nước. Thời đại anh hùng mới có khát vọng anh hùng! “Phá cường địch, báo hoàng ân” (Trần Quốc Toản) – “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo” (Trần Thủ Độ). “...Dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng” (Trần Quốc Tuấn)... Khát vọng ấy là biểu hiện rực rỡ những tấm lòng trung quân ái quốc của tướng sĩ, khi tầng lớp quý tộc đời Trần trong xu thế đi lên đang gánh vác sứ mệnh lịch sử trọng đại. Họ mơ ước và tự hào về những chiến tích hiển hách, về những võ công oanh liệt của mình có thể sánh ngang tầm sự nghiệp anh hùng của Vũ Hầu Gia Cát Lượng thời Tam Quốc. Hai câu cuối sử dụng một điển tích (Vũ Hầu) để nói về nợ công danh của nam nhi thời loạn lạc, giặc giã: “Công danh nam tử còn vương nợ Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu” “công danh” mà Phạm Ngũ Lão nói đến trong bài thơ là thứ công danh được làm nên bằng máu và tài thao lược, bằng tinh thần quả cảm và chiến công. Đó không phải là thứ “công danh” tầm thường, đậm màu sắc anh hùng cá nhân. Nợ công danh như một gánh nặng mà kẻ làm trai nguyện trả, nguyện đền bằng xương máu và lòng dũng cảm. Không chỉ “Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”, mà tướng sĩ còn học tập binh thư, rèn luyện cung tên chiến mã, sẵn sàng chiến đấu “Khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa Khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai,...” để Tổ quốc Đại Việt được trường tồn bền vững: “Non sông nghìn thuở vững âu vàng” (Trần Nhân Tông). “Thuật hoài” được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Giọng thơ hùng tráng, mạnh mẽ. Ngôn ngữ thơ hàm súc, hình tượng kỳ vĩ, tráng lệ, giọng thơ hào hùng, trang nghiêm, mang phong vị anh hùng ca. Nó mãi mãi là khúc tráng ca của các anh hùng tướng sĩ đời Trần, sáng ngời “hào khí Đông-A”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Xúy Vân đáng trách hay đáng thương? Hãy nêu ý kiến của em

Tâm trạng của Xúy Vân. - Tâm trạng tự thấy mình đã lỡ làng, dở dang - Tâm trạng tự thấy mình lạc lõng, vô nghĩa trong gia đình Kim Nham - Tâm trạng âm ỉ, bế tắc, cô đơn của Xúy Vân - Sự bế tắc mất phương hướng và sự thể hiện những hình ảnh ngược đời, trớ trêu, điên đảo, đúng sai, thực giả lẫn lộn

Tình cảnh đáng thương của Xúy Vân. - Cuộc hôn nhân của Xúy Vân với Kim Nham là do cha mẹ sắp đặt vội vàng, hoàn toàn không tình yêu. Nhưng ban đầu về làm dâu, cô rất chăm chỉ, đảm đang, khéo léo. - Có ước mơ giản dị: có gia đình đầm ấm hạnh phúc: Chờ cho bông lúa chín vàng Để anh đi gặt, để nàng mang cơm. Nhưng Kim Nham lại là người theo đuổi mộng công danh, đỗ đạt để làm quan → Bi kịch của Xúy Vân - Gặp Trần Phương, tưởng gặp được tri kỷ, tìm được tình yêu, hạnh phúc, nhưng lại là một gã trăng gió, đã phụ tình Xúy Vân. - Chết một cách đáng thương. → Tình trạng đau khổ, bế tắc, bi kịch của Xúy Vân có nguyên nhân từ xã hội: + Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. + Quan niệm tam tòng, không cho Xúy Vân tháo cũi sổ lồng, tự do yêu đương để được hưởng hạnh phúc. → Cảm thông cho Xúy Vân → Cách nhìn người, đánh giá con người mang tính nhân đạo sâu sắc. → Có thể thấy Xúy Vân đáng thương hơn đáng trách, có chăng chỉ là do số phận và xã hội phong kiến nghiệt ngã đã đẩy Xúy Vân đến bước đường cùng. Xúy Vân là 1 người phụ nữ, cũng khao khát yêu thương và được yêu thương như bao người phụ nữ khác với cảnh “chồng cày, vợ cấy”, nhưng Kim Nham lại không hiểu được điều đó mà mãi đeo đuổi công danh. Xúy Vân có lỗi, đáng trách ở chỗ quá cả tin và không biết vượt qua bế tắc của bản thân để giữ trọn đạo vợ chồng. Xúy Vân quyết định thoát ra khỏi cuộc sống đó để kiếm tìm hạnh phúc của riêng mình nhưng đã bị phụ bạc để rồi phải chết một cách đau đớn... Vì lí do khách quan và chủ quan đã đẩy Xúy Vân đến hoàn cảnh không ai muốn đó. Và Xúy Vân đã giải quyết bế tắc của mình bằng cái chết - bản án lớn đối với Xúy Vân. Trên 1 phương diện nào đó, hành động của Xúy Vân xuất phát từ khao khát chính đáng của người phụ nữ, bạn có thể cảm thông hoặc không, đó là tùy vào cảm nhận của mỗi người.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy biết một bài văn thuyết minh để làm rõ ca dao, dân ca Việt Nam là tiếng nói than thân, phản kháng

Kho tàng văn học dân gian Việt Nam luôn là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Cùng với các thể loại khác, ra đời trong xã hội cũ, ca dao diễn tả tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các mối quan hệ lứa đôi, gia đình, quê hương, đất nước... không chỉ là lời ca yêu thương tình nghĩa, ca dao còn là tiếng hát than thân cất lên từ cuộc đời xót xa, cay đắng của người Việt Nam, đặc biệt là của người phụ nữ trong xã hội cũ. Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ luôn bị coi nhẹ, rẻ rúng, họ không được quyền quyết định trong mọi lĩnh vực cuộc sống. Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” đã chà đạp lên quyền sống của họ, đàn ông được coi trọng, được quyền “năm thê bảy thiếp”, được nắm quyền hành trong xã hội, trong khi đó phụ nữ chỉ là những cái bóng mờ nhạt, không được coi trọng. Họ phải làm lụng, vất vả cung phụng chồng con, một nắng hai sương mà cuộc đời thì tăm tối. Họ phải cất lên tiếng nói của lòng mình. “Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai” Tiếng nói đầy mặc cảm, cay đắng. Người phụ nữ ví mình như một tấm lụa được người ta bày bán giữa chợ. Thân phận họ cũng chỉ là vật giữa chợ đời bao người mua. Thân phận họ bé nhỏ và đáng thương quá đỗi. Hai từ “thân em” cất lên sao xót xa, tội nghiệp. Xã hội lúc bấy giờ đâu cho họ được tự do lựa chọn, ngay từ lúc sinh ra, được là người họ đã bị xã hội định đoạt, bị cha mẹ gả bán, họ không có sự lựa chọn nào khác: “Thân em như con cá rô thia Ra sông mắc lưới vào đìa mắc câu” Không một lối thoát nào mở ra trước mắt, họ cảm thấy cuộc đời chỉ là kiếp nô lệ, bốn phía lưới giăng. Hình ảnh “Tấm lụa đào”, hay “con cá rô thia” trong hai câu ca dao trên là hình ảnh so sánh nghệ thuật. Hình ảnh này cho ta liên tưởng tới sự tầm thường, bé nhỏ của thân phận người phụ nữ: tấm lụa thì đem ra đổi bán, con cá rô thia thì được vung vẩy đây nhưng chỉ trong chiếc ao tù. Hình ảnh con cá rô thia cho ta nghĩ đến người phụ nữ trong sự bủa vây của truyền thống, tập quán, quan niệm phong kiến bao đời hà khắc, đến hạnh phúc của mình cũng không được quyền quyết định: “Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy Hòn đá bạc đầu vì bởi sương sa Em với anh cũng muốn kết nghĩa giao hòa Sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời, Em với anh cũng muốn kết tóc ở đời, Sợ rằng mây bạc giữa trời mau tan”... Bao khát khao bị kìm hãm, hạnh phúc lứa đôi bị rào cản

phong tục đè nén, họ ngấm mình và cất lên tiếng than cay đắng. “Thân em như miếng cau khô Người thanh chuộng mỏng, người khô tham dày” Câu ca dao nào cũng đầy ai oán, số phận nào cũng được ví bằng những thứ bé nhỏ, tầm thường, đó là sự ý thức, sự phản kháng của những con người triền miên bất hạnh. Họ có quyền được sống, được tự do yêu đương, nhưng xã hội đã chà đạp lên quyền của họ, chỉ cho họ một cuộc đời lầm lũi, chua cay. “Năm nay em đi làm dâu Thân khác gì trâu mang theo ách Năm nay em đi làm vợ Thân mang cày, dây khiến không biết ai? Em đi làm dâu không có mùa nghỉ, chỉ có mùa làm.” Người con gái trong bài ca dao H’mông này đang than thân trách phận mình khi “xuất giá tòng phu”. Họ lấy chồng, không phải vì hạnh phúc mà để làm một con vật lao động trong nhà chồng, một con vật suốt đời “theo ách” như trâu mang. Cuộc sống như khép lại trước mắt họ, chỉ thấy một sự trói buộc đến phũ phàng: “Cá cắn câu biết đâu mà gỡ Chim vào lồng biết thuở nào ra” Có khi họ bị chồng đánh đập: “Cái cò là cái cò quăm Mày hay đánh vợ mày năm với ai” Có khi bị chồng phụ bạc: “Nhớ xưa anh búng anh beo Tay bưng chén thuốc lại đeo múi chanh, Bây giờ anh mạnh anh lành Anh tham duyên mới anh đành phụ tôi.” Ở lĩnh vực nào người phụ nữ xưa cũng không được quyền hạnh phúc. Cuộc sống không có tự do, tình yêu không được công nhận, hôn nhân không được định đoạt, quan hệ vợ chồng không được tôn trọng... Ở mặt nào họ cũng bị vùi dập xô đẩy, cũng không được quyền lên tiếng lựa chọn. Đến cả sự tỏ bày tình yêu cũng vô cùng tội nghiệp. “Thân em như củ ấu gai Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen Không tin bóc vỏ mà xem Ăn rồi mới biết rằng em ngọt bùi” Ở câu than thân nào họ cũng ví mình thật tội nghiệp, nào là tấm lụa, nào là hạt mưa, nào là miếng cau khô, rồi củ ấu gai... thứ nào cũng nhỏ nhoi, tội nghiệp. Hạt mưa thì chẳng biết rơi vào đâu, miếng cau thì tùy người chọn, còn củ ấu thì có vẻ đẹp bên trong mà không ai biết. Bài ca dao này là một sự giải bày của người phụ nữ. Người phụ nữ muốn xã hội công nhận giá trị của mình, nhưng vẫn đầy tự ti: “Không tin bóc vỏ mà xem, ăn rồi mới biết là em ngọt bùi”. Một sự mời mọc ngập ngừng Có thể nói, những bài ca dao than thân trách phận không chỉ là lời than thở vì cuộc đời, cảnh ngộ khổ cực, đắng cay, mà còn là tiếng nói phản kháng, tiếng nói khẳng định giá trị, phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bài ca dao Khăn thương nhớ ai

10 câu đầu: “Khăn thương nhớ ai Khăn rơi xuống đất Khăn thương nhớ ai Khăn vắt lên vai Khăn thương nhớ ai Khăn chùi nước mắt Đèn thương nhớ ai Mà đèn không tắt Mắt thương nhớ ai Mắt ngủ không yên” - Hình ảnh cái khăn được xuất hiện nhiều nhất vì nó là vật gắn với kỉ niệm tình yêu, là vật trao duyên, nó luôn gần gũi, quen thuộc, quấn quýt bên người con gái. Tác giả dân gian sử dụng điệp từ khăn và điệp khúc “Khăn thương nhớ ai” để diễn tả nỗi nhớ da diết, triền miên, dai dẳng. Hình như mỗi lần hỏi là nỗi nhớ lại trào dâng lên trong lòng người con gái. Từ khăn cung với các động từ chỉ sự vận động: lên, xuống, rơi, vắt, chùi, thể hiện nỗi nhớ dai dẳng và trải dài ra trong không gian đa chiều, nhiều phương, một nỗi nhớ khiến cô gái đứng ngồi không yên. Chủ yếu đoạn ca dao sử dụng thanh bằng nhằm gợi nỗi nhớ băng khuâng, da diết, có phần nhẹ nhàng mang theo chút nữ tính của người con gái, thanh thoát lại có thêm những thanh sắc như nhói vào nỗi buồn của cô gái. Hình ảnh “khăn chùi nước mắt ” diễn tả nỗi nhớ cháy bỏng, trào dâng trong lòng người con gái đến nỗi cô gái không thể kìm nén được nữa và rồi những giọt nước mắt đã rơi vì quá nhớ người yêu. Hình ảnh chiếc khăn diễn tả nỗi nhớ trong không gian của cô gái. - Hình ảnh chiếc đèn cũng được nhân cách hoá để cô gái gửi gắm tâm tình. Chuyển hoá từ “khăn” sang “đèn” đã diễn tả nỗi nhớ kéo dài theo thời gian của cô gái, nó triền miên, da diết, không phút nào nguôi. Cô gái nhớ từ ngày sang đêm và rồi lại hỏi “Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt”. Đèn không tắt hay chính cô gái đang trăn trở thao thức không ngủ được trong nỗi nhớ dang dở với thời gian? Đèn không tắt hay chính là ngọn lửa tình trong lòng cô gái vẫn đang cháy, vẫn đang được thắp sáng trong đêm. Qua hình ảnh này thể hiện tình yêu mãnh liệt của cô gái. Cô nhờ ngọn đèn nói lên nỗi lòng của mình, nói lên những điều không có trong thơ ca. Hình ảnh đôi mắt chính là hình ảnh hoán dụ cho cô gái. Đến lúc này, cô không thể kìm lòng được nữa, nỗi nhớ xoáy sâu, trào dâng khiến cô đa thốt lên lời hỏi chính mình. Mắt ngủ không yên: hình tượng thật là hợp lí, nhất quán với hình ảnh đèn không tắt và đôi mắt ấy xoáy sâu vào lòng ta một nỗi niềm khắc khoải không nguôi. 2 câu cuối: “Đêm qua em những lo phiền Lo vì một nỗi không yên một bề” Những câu hỏi liên tiếp không trả lời như nén chặt nỗi thương nhớ trong lòng để rồi cuối cùng trào ra

bằng một nỗi niềm lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi của mình: 2 câu cuối. Lo vì tình yêu hôn nhân hạnh phúc bấp bênh, không chắc chắn, không tự mình quyết định được vì những khắc nghiệt của xã hội phong kiến → Tổng kết: Bài ca dao chan chứa nỗi nhớ của người con gái ở nhiều cung bậc khác nhau của tình cảm. Gieo vần: Vần lưng và vần chân góp phần thể hiện âm hưởng luyến láy, liên hoàn, da diết trong nỗi nhớ của cô gái.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích tác phẩm Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi là một nhà thơ kiệt xuất của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, một người anh hùng với lí tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân. Ông để lại cho đời sau nhiều tác phẩm có giá trị lớn. Nếu như “Bình Ngô đại cáo” của ông mang đầy nhiệt huyết, lòng tự tôn dân tộc thì bài thơ “Cảnh ngày hè” là một bức tranh vẽ về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi. Bài thơ mang thể loại thất ngôn xen lục ngôn - một sự sáng tạo của riêng Nguyễn Trãi. Qua bài thơ ta cảm nhận được tư tưởng, tình cảm yêu đời, yêu thiên nhiên và ước vọng cao đẹp của Nguyễn Trãi. “Rồi hóng mát thưở ngày trường, Dân giàu đủ khắp đòi phương. ” Bài thơ được sáng tác khi Nguyễn Trãi về quê ở ẩn vì không được vua tin tưởng trọng dụng nữa. Đây là một hoàn cảnh bất đắc chí, tác giả không muốn sống như thế nhưng vẫn cứ phải sống. Mở đầu bài thơ: “Rồi hóng mát thưở ngày trường, ” Câu thơ 6 chữ nhưng giới thiệu khá đầy đủ về thời gian, hoàn cảnh, tâm trạng của nhà thơ. Qua từ “rồi”, “ngày trường” ta thấy thật lạ, một người có tài đức như ông, một người luôn muốn đóng góp sức mình cho đất nước thêm giàu mạnh, phát triển thế mà giờ đây lại phải sống nhàn rồi trong những ngày dài như thế. Quả là bất công. Câu thơ mang nhịp 1/2/3 kết hợp với thanh bằng cuối câu cho ta cảm giác nghe như tiếng thở dài nhưng không giống lời than thở. Qua câu thơ đầu tiên ta thấy tâm hồn nhà thơ luôn rộng mở để đón nhận thiên nhiên và cuộc sống xung quanh. Ba câu thơ tiếp theo cho ta cảm nhận được vẻ đẹp rực rỡ của bức tranh thiên nhiên tràn đầy sức sống: “Hòe lục đùn đùn tán rợp giương. Thạch lựu hường còn phun thức đỏ, Hồng liên trì đã tiễn mùi hương. ” Bức tranh cảnh ngày hè được tác giả vẽ lên thật rực rỡ và tươi đẹp với nhiều màu sắc. Đó là màu xanh của cây hòe, màu đỏ của hoa lựu, màu hồng của hoa sen, màu vàng lung linh của ánh nắng chiều. Mọi vật sinh sôi, nảy nở, vươn dậy một cách nhanh chóng Tất cả hòa quyện lại với nhau tạo nên cảnh vật đặc trưng của mùa hè. Nhịp thơ ¾ công với từ cổ “thức”, từ “tiễn”, động từ mạnh “phun” góp phần làm cảnh vật nổi bật hơn. Cách miêu tả từ gần đến xa bằng nhiều giác quan, màu sắc sinh động, hài hòa kết hợp với các động từ mạnh, từ láy để tái hiện bức tranh thiên nhiên mùa hè sinh động, đáng yêu, căng tràn nhựa sống, dường như vạn vật đều khoe sắc, tỏa hương. Chắc hẳn phải là một người yêu thiên nhiên, có tâm hồn tinh tế nhạy cảm thì Nguyễn Trãi mới viết

được những vần thơ sinh động và sâu sắc đến như vậy. Hai câu thơ tiếp theo giúp ta hình dung được vẻ đẹp thanh bình của bức tranh cuộc sống con người: “Lao xao chợ cá làng ngư phủ, Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương. ” Không chỉ cảm nhận bằng thị giác, tác giả còn cảm nhận cảnh vật bằng thính giác Ông thấy âm thanh “lao xao” của làng chài, “dăng dỏi” của tiếng ve. Bức tranh cảnh ngày hè đã trở nên sinh động hơn, đặc sắc hơn với âm thanh. Mặc dù khung cảnh mà tác giả miêu tả là cuối ngày, khi mặt trời lặn nhưng mọi vật vẫn tràn đầy sức sống với những từ láy “lao xao”, “dăng dỏi”. Ta thấy được cảnh vật thật yên vui, thanh bình. Phải là một người thiết tha yêu cuộc sống, gắn bó với cuộc sống, Nguyễn Trãi mới cảm nhận được những âm thanh đời thường như vậy. Hai câu thơ cuối thể hiện niềm khát khao cao đẹp của tác giả muốn cống hiến sức mình cho quê hương, đất nước: “Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng, Dân giàu đủ khắp đòi phương. ” Câu cuối 6 chữ ngắn gọn, nhịp 3/3 âm hưởng mạnh mẽ thể hiện sự dồn nén cảm xúc của cả bài. Đáng lẽ sau khi đánh thắng quân Minh thì phải bắt tay vào việc xây dựng cuộc sống ấm no, hp’ cho nhân dân nhưng Lê Lợi lại nghe lời xu nịnh của bọn gian thần mà nghi ngờ những vị quan đã có công giúp mình ngày xưa. Dù không được trọng dụng nhưng Nguyễn Trãi vẫn luôn đau đầu vì dân, dù ở ẩn nhưng ông vẫn luôn nghĩ cho dân cho nước. Chính vì vậy, ông ước mong mình có cây đàn của vua Ngu Thuấn. Với cây đàn đó, Nguyễn Trãi có thể mang tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân và đất nước. Trong tâm trí của ông luôn có khát khao đem tài trí của mình để thực hành tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân. Qua bức tranh mùa hè vui tươi tràn đầy sức sống tác giả đã gửi gắm lòng yêu mến quê hương đất nước, hoài bão giúp dân xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc. Qua bài thơ vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi được bộc lộ khá sâu sắc và chân thực. Bài thơ thể hiện rõ tư tưởng yêu nước, thương dân, tinh thần sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước của Nguyễn Trãi. Nghệ thuật của bài thơ cũng rất sáng tạo. Ông đã Việt hóa thơ Đường luật, sáng tạo thơ thất ngôn xen lục ngôn. Vận dụng hình ảnh, màu sắc, đường nét, âm thanh của cảnh vật thiên nhiên và cuộc sống con người. Hệ thống ngôn ngữ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích. Qua tất cả ta thấy Nguyễn Trãi là người đã có công khai sáng văn học tiếng việt. Cảnh ngày hè không chỉ là bài thơ tiêu biểu cho Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi mà còn là một trong những bông hoa chữ Nôm đẹp nhất trng văn học Việt Nam. Tư tưởng của Nguyễn Trãi như một bài học gửi gắm cho thế hệ trẻ về lòng yêu nước, ước mong cống hiến cho đất nước.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy phân tích bài thơ Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi

DÀN Ý 1. Mở Bài: - Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi là bài số 43 trong trùm thơ bảo kính cảnh giới của Quốc âm thi tập. - Bài thơ cho ta thấy vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên và tấm lòng yêu nước thương dân của tác giả. (Cụ thể: Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi là bài số 43 trong trùm thơ bảo kính cảnh giới của Quốc âm thi tập. Bài thơ cho ta thấy vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên và tấm lòng yêu nước thương dân của tác giả.)

2. Thân Bài: - Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên là cuộc sống ngày hè: + Cây hòe màu xanh lục có tán lá giương cao che rợp. + Cây thạch lựu bên hiên nhà đang tràn trề sắc đỏ. + Hoa sen màu hồng đang tỏa ngát hương thơm. → Qua những chi tiết trên ta thấy cảnh vật tươi tắn, rực rỡ. + Với động từ: rợp, phun, tiễn ta thấy cảnh vật ngày hè sinh sôi nảy nở. + Cùng với từ láy: đùn đùn, lao xao, dăng dỏi đã tô thêm bức tranh ngày hè sôi động náo nhiệt. + Tác giả đã sử dụng đảo ngữ: lao xao chợ cá, dăng dỏi cầm ve cho ta thấy cuộc sống yên bình, hạnh phúc, ấm no. + Nhà thơ đã cảm nhận bức tranh ngày hè bằng thị giác nhìn thấy cây hòe màu xanh lục, thạch lựu màu đỏ, hoa sen màu hồng, những chú ve, người dân làng chài + Ngoài ra nhà thơ đã nghe thấy âm thanh những người dân làng chài cười nói và tiếng ve râm ran trong chiều ta như tiếng đàn dội lên. + Nhà thơ còn ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt của hoa sen → Qua những hình ảnh trên, ta thấy Nguyễn Trãi là người yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống. - Ta thấy được tác giả ung dung dạo chơi ngắm cảnh qua câu “ rồi hóng mát thuở ngày trường”. - Tác giả luôn nghĩ về dân về nước. - Tác giả mong ước có cây đàn của vua Ngu Thuấn để hát ca ngợi cuộc sống thái bình. - Lúc nào, Nguyễn Trãi cũng khao khát mang lại cuộc sống hạnh phúc ấm no cho dân. - Nhà thơ là người yêu nước thương dân.

3. Kết bài: ...

Văn Mẫu Lớp 10 - Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi trong bài thơ “Cảnh ngày hè”

A. YÊU CẦU ĐỀ: - Dạng đề “mở”, nội dung nghị luận về một khía cạnh bài thơ. - Luận đề: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ. - Luận điểm: + Vẻ đẹp tình yêu thiên nhiên và cuộc sống cảnh ngày hè. + Vẻ đẹp của lòng yêu nước thương dân. - Thao tác lập luận và dẫn chứng: có thể dùng thao tác phân tích, chứng minh, so sánh, bình luận, nêu cảm nghĩ, ... Dẫn chứng chủ yếu dùng trong bài “Cảnh ngày hè”. B. THAM KHẢO BÀI VIẾT: I. MỞ BÀI: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (luận đề). Nguyễn Trãi để lại cho nhân loại một di sản văn chương vô giá. Nếu như ta biết đến “Đại cáo bình Ngô” như một bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc thì với “Cảnh ngày hè”, người đọc được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên ngày hè và đặc biệt là vẻ đẹp tâm hồn thi nhân. II. THÂN BÀI: 1. Khái quát về tác giả, tác phẩm: Nhắc đến Nguyễn Trãi là người ta nghĩ ngay đến một nhà quân sự, một nhà chính trị tài ba lỗi lạc đã dâng hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp cứu nước cứu dân. Nhưng bên cạnh nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao là một Nguyễn Trãi nghệ sĩ với những xúc cảm tinh tế và tình yêu tha thiết đối với thiên nhiên, cuộc sống, con người. Con người văn võ song toàn ấy đã để lại cho đời một sự nghiệp văn chương đồ sộ với nhiều tác phẩm có giá trị mà một trong số đó là “Cảnh ngày hè”. Bài thơ dựng lên một bức tranh thiên nhiên sống động với âm thanh, hương sắc và cả những gam màu rực rỡ mà ẩn sâu trong đó là bức chân dung tinh thần của nhà thơ giữa cuộc sống ẩn dật nơi thôn dã. 2. Nội dung cần phân tích, cảm nhận: a. Vẻ đẹp của tình yêu thiên nhiên và cuộc sống cảnh ngày hè: Mở đầu bài thơ là tư thế của nhân vật trữ tình: “Rồi hóng mát thuở ngày trường” Nhịp thơ 1/5 thật lạ lùng cho thấy cảm giác của con người trong một ngày rỗi rãi. Thi nhân ngồi hóng mát trước hiên nhà nhưng vốn không phải là người thích chìm đắm vào thiên nhiên để quên hết việc đời nên điều đó không mang lại cho ông cảm giác thanh thản hay nhẹ nhõm thực sự. Vậy nên mới có cảm giác “ngày trường”, nghĩa là ngày dài, vô vị và buồn chán. Các nhà thơ xưa thường dỗi dằn cảm hứng trước mùa xuân, mùa thu nhưng Nguyễn Trãi lại chọn cho mình một đề tài riêng – vẻ đẹp của mùa hè. Và với một tâm hồn yêu thiên nhiên, một hồn thơ phóng khoáng cùng với xúc cảm tinh tế, nhà thơ đã mang đến cho ta một bức tranh thiên nhiên mùa hạ

tuyệt đẹp: “Hòe lục đùn đùn tán rợp giương Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ, Hồng liên trì đã tiễn mùi hương” Trước tiên là màu xanh tươi mát, tràn đầy sức sống của cây hòe. Màu lá hòe như trải rộng, che mát cả một khoảng sân nhỏ. Từ láy “đùn đùn” gợi cảm giác như nhựa sống đang ứa căng, tràn đầy và trào lên trong từng nhánh lá. Phía bên hiên nhà, màu đỏ của hoa lựu càng thơm rực rỡ. Màu đỏ ấy dường như không ở trong trạng thái tĩnh mà đang vận động, phun trào, bùng sáng giữa đám lá xanh. Sắc đỏ rực rỡ của hoa lựu gợi ta nhớ đến hai câu thơ của đại thi hào Nguyễn Du trong “Truyện Kiều”: “Dưới trăng quyên đã gọi hè, Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông” Hình ảnh “lửa lựu lập lòe” và hình ảnh “thạch lựu phun thức đỏ” cho thấy Nguyễn Trãi và Nguyễn Du đều là những tâm hồn nghệ sĩ rất mực tinh tế. Nếu như Nguyễn Du thiên về tả màu sắc thì Nguyễn Trãi tập trung miêu tả sức sống nhiều hơn. Màu sắc của hoa cũng gợi lên sức sống của mùa hạ. Dưới ao nhà, sen cũng hưởng ứng bằng sắc hồng đặc trưng và hương thơm ngào ngạt. Nếu như ở câu thơ đầu là một tâm sự chán chường thì giờ đây, tất cả những tâm sự dồn nén ấy khi bắt gặp cảnh thiên nhiên tươi đẹp, rực rỡ và đầy sức sống đã nhường chỗ cho những cảm xúc vui tươi, sự say mê. Sự sinh động của thiên nhiên đã được thể hiện trong từng đường nét, màu sắc, âm thanh của bức tranh mùa hè. Bức tranh ấy không chỉ có sắc, có hương mà còn có cả những âm thanh bình dị của đời sống: “Lao xao chợ cá làng ngư phủ, Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương.” Từ “lao xao” gợi âm thanh từ xa vọng lại, không nghe rõ nhưng vẫn đủ để lại dư âm. Đó phải chăng chính là âm thanh của cuộc sống thường nhật nơi làng chài? Còn gì thân quen hơn cảnh chợ cá với cái “lao xao” của kẻ bán người mua? Tiếng ve kêu inh ỏi như thôi thúc thêm những sắc màu còn lại của mùa hè tiếp tục căng tràn và bùng nổ. Sự xuất hiện của tiếng ve như xua tan đi sự tĩnh lặng của căn lầu lúc mặt trời sắp lặn. Bức tranh thiên nhiên ngày hè được tác giả thu nhận bằng cả thính giác, thị giác và khứu giác. Cảnh ngày hè trong thơ Nguyễn Trãi hiện ra rộn rã, vui tươi và tràn đầy sức sống. Phải chăng chính tình yêu thiên nhiên và tâm hồn nhạy cảm đã giúp nhà thơ cảm nhận, quan sát và miêu tả cảnh ngày hè một cách tinh tế, sinh động? b. Vẻ đẹp của lòng yêu nước thương dân: Nguyễn Trãi vui với thiên nhiên, với cuộc sống của con người nhưng điểm nổi bật nhất trong bài thơ vẫn là tấm lòng, tình đời của con người mà lòng yêu nước thương dân đã trở thành nỗi trăn trở, niềm ưu ái trong suốt cuộc đời. Khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống của con người trong ngày hè đã mở ra trong lòng nhà thơ ước vọng tha thiết: “Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng, Dân giàu đủ khắp đòi phương.” Hai câu cuối như kết đọng bao suy tư của nhà thơ. Trước

cảnh ngày hè tràn ngập sắc màu và âm thanh, Nguyễn Trãi ước muốn có một cây đàn của vua Thuấn để tấu lên khúc nhạc “Nam phong” cầu cho nhân dân giàu đủ khắp muôn nơi. Câu thơ nặng trĩu nỗi day dứt và một tinh thần trách nhiệm cao cả. Ước nguyện của Nguyễn Trãi làm ta liên tưởng đến khát khao của Đỗ Phủ: “Ước được nhà rộng muôn ngàn gian, Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo đều hân hoan, Gió mưa chẳng núng, vững như thạch bàn! Than ôi! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt, Riêng lẽ ta nát, chịu chết rét cũng được! (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá) Đỗ Phủ và Nguyễn Trãi đã gặp nhau trong nhận thức, trong tư tưởng, trong tâm sự ưu thời mẫn thế. Vậy ra, từ trước đến nay, Nguyễn Trãi chỉ nhàn thân chứ không nhàn tâm. Dù ở bất cứ đâu, chốn quan trường hay nơi thôn dã thì thi nhân vẫn đau đáu một nỗi băn khoăn, trăn trở lo nước, thương đời. Suốt đời ông theo đuổi khát vọng đem lại cho nhân dân một cuộc sống ấm no, hạnh phúc để cho ở bất cứ nơi đâu dù là chốn thị thành hay nơi thôn cùng xóm vắng không còn một tiếng hờn giận, oán sầu. Tình yêu nước, yêu dân trong con người ấy trong sáng, chân thành đến mức thuần khiết. Đó cũng là tinh thần, là tư tưởng nhân đạo sâu và vững trong cốt cách của nhà thơ. 3. Đánh giá chung: “Thơ phát khởi từ lòng người ta” (Ngô Thì Nhậm). Đọc một bài thơ hay là ta bắt gặp tâm hồn của một con người, cảm nhận được bao tâm tư, tình cảm ẩn trong từng con chữ. Bài thơ “Cảnh ngày hè” không chỉ cho ta thấy bức tranh thiên nhiên tươi sáng, tràn đầy sức sống của cảnh sắc ngày hè mà còn phác họa thành công chân dung tinh thần của chính tác giả - người anh hùng, người nghệ sĩ tài hoa. Đó là con người say đắm trước vẻ đẹp thiên nhiên, thiết tha với sự sống, khao khát mang đến cho người dân cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bên cạnh nội dung đặc sắc, “Cảnh ngày hè” còn rất thành công về mặt nghệ thuật. Nguyễn Trãi đã sáng tạo thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, đưa chữ Nôm trở thành ngôn ngữ nghệ thuật giàu sức biểu cảm, biểu nghĩa. Ông cũng đưa vào thơ những hình ảnh dân dã, gần gũi, bình dị, rất đời Việt Nam: hình ảnh “chợ cá” và âm thanh “lao xao” của đời thường là những nét hiện thực rất dân dã mà văn chương cổ điển thường kiêng kị, cho là dung tục, không gợi sự thanh cao. Đó chính là điểm mới, những cách tân về nghệ thuật của Nguyễn Trãi trong bài thơ “Cảnh ngày hè”. III. KẾT BÀI: Nêu cảm nghĩ của bản thân. Phải nói rằng, đến với “Cảnh ngày hè” chúng ta không chỉ được chiêm ngưỡng bức tranh thiên nhiên độc đáo mà còn cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, cuộc sống và đặc biệt là nỗi lòng thao thức, trăn trở vì nước, vì dân của nhà thơ. Vẻ đẹp trong nhân cách sáng ngời của nhà thơ cũng chính là chiều sâu nhân bản trong tâm hồn con người vĩ đại này. Chân dung tâm hồn Nguyễn Trãi đã

hiện lên thật trọn vẹn và để lại cho người đọc thật nhiều cảm xúc. Không hiểu sao mỗi khi đọc bài thơ “Cảnh ngày hè”, bên tai tôi lại văng vẳng hai câu thơ của Ưc Trai: “Bui một tắc lòng ưu ái cũ, Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông.” (Thuật hứng – bài 2) ————— THAM KHẢO NHỮNG CÁCH MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI KHÁC I. MỞ BÀI: “Nhắc đến tên ông là thấy thơ Như một nguồn thiêng chẳng bến bờ” (Tế Hanh) Có thể nói cuộc đời Nguyễn Trãi gắn liền với sự nghiệp văn chương của ông. Nếu như thời chống Minh dân “Bình Ngô sách”, Nguyễn Trãi tích cực thực hiện tư tưởng nhân nghĩa bằng những áng “thiên cổ hùng văn” thì đến lúc về ẩn, ông lại gửi gắm tâm sự của mình qua những bài thơ trữ tình. Khác với những văn thơ hào hùng, đầy nhiệt huyết và lòng tự tôn dân tộc như “Bình Ngô đại cáo”, những lí lẽ đanh thép, sắc sảo trong “Quân trung từ mệnh tập”, bài thơ “Cảnh ngày hè” (Bảo kính cảnh giới – bài 43) thực sự là một bức tranh vẽ đẹp tâm hồn của một người nghệ sĩ, một người suốt đời yêu nước thương dân. II. KẾT BÀI: Bài thơ “Cảnh ngày hè” (Bảo kính cảnh giới – bài 43) là một thi phẩm đặc sắc, tuy thuộc nhóm “Gương báu răn mình” nhưng không hề khô khan mà rất giàu cảm xúc. Bài thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ giàu rung cảm, có tấm lòng yêu đời tha thiết và tư tưởng, khát vọng của một nhân cách lớn. Thi phẩm cũng khẳng định vị trí của Nguyễn Trãi trong quá trình phát triển của thơ Nôm Việt Nam thời trung đại.

Văn Mẫu Lớp 10 - Vẻ đẹp tâm hồn và vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Trãi qua bài thơ Cảnh Ngày Hè

Nguyễn Trãi (1380 – 1442), vị anh hùng dân tộc, “tấm lòng sáng tựa sao Khuê” (lời vua Lê Thánh Tông) dù trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không nguôi tâm nguyện hướng về dân về nước. Ngay cả khi bị nghi kị, phải lui về quê ngoại Côn Sơn, ông vẫn bộc bạch nỗi lòng tha thiết cháy bỏng trong cuộc sống tưởng như chỉ biết vui vầy cùng mây núi cỏ cây. Nỗi lòng ấy bộc lộ rõ nét trong chùm thơ 61 bài Bảo kính cảnh giới. Đặc biệt, bài thơ số 43 chan chứa bao khát vọng hướng đến cuộc đời, nhân dân. Bảo kính cảnh giới (Gương báu răn mình) lấy những bài học từ thiên nhiên vĩ đại để nhà thơ soi chiếu lòng mình. Ta không chỉ gặp tấm lòng yêu thiên nhiên của một nghệ sĩ lớn mà còn thấu hiểu tâm sự của người anh hùng luôn canh cánh bên lòng nỗi niềm “ưu quốc ái dân”. Suy ngẫm và cảm xúc của nhà thơ giúp chúng ta hình dung một nhân cách lớn. Bài thơ bắt đầu bằng hoàn cảnh hưởng nhàn bất đắc dĩ: Rồi hóng mát thuở ngày trường. Nhịp thơ thật lạ lùng như kéo dài cảm giác của một ngày “ăn không ngồi rồi”: tạo điểm nhấn ở một nhịp đầu tiên, sau đó là năm chữ nối thành một hơi thơ như tiếng thở dài. Rõ ràng nhà thơ nói về việc hóng mát mà không hề đem lại cảm nhận nhàn tản thật sự. Hai chữ ngày trường lại hiện ra bao nỗi chán chường của một ngày dài vô vị. Hưởng nhàn mà không hề thư thái! Có thể đó sẽ là khởi nguồn cho bao nỗi bức dọc trút ra của con người bất đắc chí. Thế nhưng, tất cả tâm tư đã được nén lại khi nhà thơ đối diện với một thiên nhiên mạnh liệt đầy sức sống: Hoè lục đùn đùn tán rợp giương Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ Hồng liên trì đã tiễn mùi hương. Ba câu thơ đem lại một bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc, cùng những hình ảnh đặc trưng của không gian mùa hè. Trước hết, đó là hoè buông sắc lục như một chiếc lọng khổng lồ bao trùm lên cảnh vật, tạo cảm giác về một không gian xanh. Cái nhìn thiên nhiên của Nguyễn Trãi luôn có sức bao quát, vừa gợi sức sống của không gian trong động từ “đùn đùn” vừa gợi cảm giác phóng khoáng trong một chữ “rợp”. Tầm nhìn trải từ gần ra xa, theo quy luật đăng đối ở hai câu tả thực, khéo léo đan cài sắc đỏ của thạch lựu trước hiên nhà cùng sắc hồng của ao sen. Câu trên tả sắc, câu dưới gợi hương. Thiên nhiên ấy cũng chứa chan bao cảm xúc, lúc dịu nhẹ lan tỏa lúc bùng bùng phun trào. Để rồi cuối cùng đọng lại cảm giác man mác tiếc nhớ

làn hương thanh thoát của sen hồng lúc cuối hè. Phải là một người có tâm hồn tinh tế mới cùng một lúc diễn tả được nhiều cảm giác trong chỉ vài ba câu thơ cô đọng. Giữa khung cảnh thiên nhiên ấy, nhà thơ dường như cũng ngúi ngoai bao nỗi niềm bức dọc, để lòng mình hòa cùng thiên nhiên đầy sức sống. Không chỉ nhìn bằng mắt mà Nguyễn Trãi còn trái lòng lắng nghe những thanh âm muôn vẻ của thiên nhiên: Lao xao chợ cá làng ngư phủ Dăng dỏi cầm ve lầu tịch dương. Có một sự chuyển đổi cảm xúc trong cách lắng nghe những âm thanh của cuộc sống. Giờ đây, những thanh âm lại được cảm nhận từ xa đến gần, từ “lao xao” đến “dăng dỏi”. Thiên nhiên không hề tĩnh lặng u trầm trong thời điểm chiều buông mà trái lại rất sôi động và gần gũi với tấm lòng thiết tha yêu sự sống của nhà thơ. “Lao xao” là âm thanh gợi rõ cuộc sống thanh bình của những người dân chài, cảnh mua bán tấp nập mà không quá ồn ào để khuấy động không gian hương nhàn của nhà thơ. Dường như Nguyễn Trãi đã chủ động hướng lòng mình về với chợ cá, làng ngư phủ để thấy bản thân không cách xa với đời thường. Âm vang cuộc sống thực ấy tạo thành mối dây liên hệ giữa nhà thơ với nhân dân, mang lại niềm vui rộn rạo trong một buổi chiều để tạo cho nhà thơ nỗi buồn. Cấu trúc đăng đối đã tạo nên sự hòa điệu giữa con người với thiên nhiên trong sự cân xứng làng ngư phủ – bóng tịch dương mang đậm sắc thái trang trọng cổ điển. Nghệ thuật tương phản tạo nên một cảm hứng hết sức mới mẻ trong thơ Nguyễn Trãi khi ẩn tượng ám ảnh nhà thơ không phải ánh tịch dương ảm đạm mà lại là âm thanh đăng dỏi cầm ve. Sự liên tưởng bất ngờ và độc đáo này đã chứng tỏ rõ phẩm chất nghệ sĩ của Nguyễn Trãi. Tiếng ve đặc trưng của mùa hè đến thơ Nguyễn Trãi lại như một bản đàn mạnh mẽ, rạo rực hối hả nhịp sống căng tràn của thiên nhiên. Bức tranh thiên nhiên sống động ấy đã hàm chứa một nội dung thông điệp thẩm mỹ đánh động tâm tư của nhà thơ. Bản thân ông có muốn lánh đời thoát tục, ngấm ánh tịch dương, giam mình trong lầu kín cũng không thể không nghe, không thấy bao vẻ đẹp thiên nhiên tươi tắn rộn rã xung quanh. Thiên nhiên ấy rộn rạo hay chính tấm lòng của nhà thơ cũng đang náo nức muốn hòa cùng niềm vui sự sống? Cuộc sống của ông không phải của một ẩn sĩ lánh đời mà chính là phản chiếu của tâm hồn yêu đời thiết tha, vẫn đón nhận thưởng thức được niềm vui cuộc sống thanh bình để quên đi nỗi riêng tư sầu muộn. Thiên nhiên đã đem lại một bài học lớn, lay thức khát vọng mãnh liệt muốn trở lại với đời của nhà thơ. Thiên nhiên ấy đã thôi bùng khát vọng của người anh hùng đầu bạc mà vẫn vẹn tấm lòng son: Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng Dân giàu đủ khắp đòi phương Còn gì giản dị, thanh cao, súc tích hơn những lời thơ mộc mạc chân thành ấy! Giữa thiên nhiên

tuyệt đẹp, Nguyễn Trãi không hề mong muốn hưởng thụ thú nhàn tản cho riêng mình. Ông không phải con người chỉ chăm chăm giữ lấy sự trong sạch cho riêng mình theo triết lí nhà Nho “độc thiện kì thân”. Ở sâu thẳm tâm hồn ông vẫn là nỗi niềm “ưu quốc ái dân”, là khát khao hành động của một con người trọn đời vì lợi ích của nhân dân. Tinh thần Nguyễn Trãi vẫn không hề nhụt giảm, vẫn còn nung nấu hoài bão cống hiến cho đất nước thái bình thịnh trị như thời Đường Ngu - xã hội thịnh trị lí tưởng theo quan niệm nho gia. Giản dị thay và cũng cao cả thay sáu chữ đúc kết tấm lòng Nguyễn Trãi hướng về nhân dân. Quả thật, riêng ông trong hoàn cảnh bấy giờ có nhiều nỗi buồn, nhưng bản chất tâm hồn Nguyễn Trãi luôn “trong sáng và đầy sức sống” (lời cổ thủ tướng Phạm Văn Đồng). Tâm hồn ấy chỉ cháy bỏng niềm mong ước đem lại cho nhân dân cuộc sống giàu đủ. Niềm mong mỗi nhân dân “khắp nơi không một tiếng hờn giận oán sầu” chính là minh chứng cho nhân cách trong sáng tuyệt vời của Nguyễn Trãi. Bảo kính cảnh giới – bài học lớn từ thiên nhiên giúp Nguyễn Trãi rắn mình, chứa đựng bao tình cảm yêu đời yêu sự sống. Ta nhận ra một tâm hồn nghệ sĩ – chiến sĩ của Ước Trại tiên sinh. Tấm lòng “sáng tựa sao Khuê” ấy vẫn tỏa sáng đến tận hôm nay.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy nêu lý tưởng sống của người con trai thời Trần qua bài “Tỏ lòng” của Phạm Ngũ Lão

Tựa đề: Thuật có nghĩa là bày tỏ, hoài là mang trong lòng. Thuật hoài nghĩa là bày tỏ khát vọng, hoài bão. Đây là đề tài quen thuộc trong thơ cổ. Điều đáng chú ý của bài thơ này ở chỗ người tỏ lòng là một vị tướng đang giữ trọng trách nặng nề nơi biên ải. Hai câu đầu: - Câu 1 khắc họa hình ảnh người tráng sĩ qua tư thế và hành động. Hoàn hảo nghĩa là cặp ngang ngọn giáo. Người trai cầm giáo đã mấy thu sẵn sàng bảo vệ non sông đất nước. Tư thế ấy lại đặt trong không gian kỳ vĩ của giang san. Tất cả những chi tiết trên đã dựng lên bức chân dung oai phong lẫm liệt của người trai thời loạn. - Câu 2 là hình ảnh ba quân. Ngày xưa, quân lính thường chia làm ba đội gọi là tiền quân, trung quân, hậu quân. Vì thế, câu thơ nói đến ba quân là ca ngợi sức mạnh của toàn dân tộc. Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu, câu thơ có thể hiểu theo hai cách. Khí thôn Ngưu là khí thế nuốt được cả con trâu (chú giải của sách giáo khoa), cũng có thể hiểu là nuốt cả con ngưu. Cả hai cách hiểu đều nói đến khí thế mạnh mẽ của dân tộc. Đây là hình ảnh ước lệ quen thuộc thường gặp trong thơ cổ nhưng đặt trong hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, hình ảnh này lại gợi lên những cảm xúc chân thực vì phản ánh hào khí của thời đại. - Hai câu thơ là hai hình ảnh bổ sung vẻ đẹp cho nhau. Thời đại hào hùng tạo nên những con người anh hùng, ngược lại mỗi cá nhân đóng góp sức mạnh làm nên hào khí của thời đại. Câu thơ bộc lộ niềm tự hào của tác giả về quân đội của mình, về con người và thời đại của mình. Tác giả nói về chính mình vừa nói tiếng nói cho cả thế hệ. Hai câu sau: - Đến đây bài thơ mới bày tỏ hoài bão của nhân vật trữ tình. Đó là lập công danh nam tử, tức là công danh của đấng làm trai theo lý tưởng phong kiến. Người xưa quan niệm, làm trai là phải có sự nghiệp và danh tiếng để lại muôn đời. Chí làm trai được coi là món nợ phải trả của đấng nam nhi. Phạm Ngũ Lão đã bày tỏ khát vọng được đóng góp cho đất nước, xứng đáng là kẻ làm trai. Khát vọng thật đẹp và cao cả. - Nhưng thật bất ngờ, câu kết bài thơ lại là nỗi thẹn: Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu (Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu) Vũ Hầu là Gia Cát Lượng, quân sư nổi tiếng đã giúp Lưu Bị khôi phục nhà Hán. Phạm Ngũ Lão thẹn vì thấy mình tài giỏi như Vũ Hầu để lập công giúp nước. Đây là nỗi thẹn cao cả, cái thẹn làm nên nhân cách. Vì sao? Phạm Ngũ

Lão là người có công lớn trong sự nghiệp bảo vệ đất nước, đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông. Vậy mà ông vẫn còn cảm thấy mình vương nợ với đời, còn phải thẹn khi nghe thuyết Vũ Hầu. Điều đó nói nên khát vọng muốn đóng góp nhiều hơn cho đất nước. - Nếu hai câu đầu của bài thơ khắc họa chân dung người trai Đại Việt với vẻ đẹp oai phong bao năm bền bỉ bảo vệ đất nước thì hai câu sau bộc lộ chí lớn và cái tâm cao cả của người tráng sĩ. Kết luận: Bài thơ súc tích, ít lời nhưng đã nói nên lí tưởng nhân sinh của kẻ làm trai: lập công danh không phải chỉ để vinh thân vì phì gia, mà vì dân tộc; khi đã có công danh, còn phải phấn đấu vươn lên không ngừng.

Văn Mẫu Lớp 10 - So sánh hình tượng người tráng sĩ trong bài “Thuật hoài” và “Cảm hoài”

Điểm giống nhau: - Cả hai đoạn thơ đều dựng lên hình ảnh của người trai thời loạn với vẻ đẹp của khát vọng, ý chí và tinh thần cứu nước mang tầm vóc vũ trụ. *Điểm khác nhau:* - Hình ảnh tráng sĩ trong hai câu đầu của bài thơ Thuật hoài (Phạm Ngũ Lão) là người tráng sĩ trẻ tuổi đang đắc thời, lợi thế còn người tráng sĩ trong hai câu cuối của bài thơ Cảm hoài (Đặng Dung) là một tráng sĩ đầu thì đã bạc mà vận hội đã hết (giải thích hoàn cảnh của thời đại và hoàn cảnh riêng của chủ thể trữ tình trong hai bài thơ). - Hình ảnh người tráng sĩ trong Thuật hoài mang vẻ đẹp oai phong,凛冽 hào hùng (thể hiện qua mối quan hệ giữa hình ảnh cầm ngang ngọn giáo của người tráng sĩ với không gian và thời gian mang tầm vóc lớn lao của vũ trụ, với hình ảnh ba quân khí thế hùng mạnh ngất trời thể hiện qua biện pháp so sánh vật hóa). Hình ảnh người tráng sĩ – lão tướng trong bài thơ Cảm hoài mang vẻ đẹp bi tráng (thể hiện trong mối quan hệ giữa tâm sự bi phần “Quốc thù chưa trả sao già vội” với hành động bền bỉ “mài gươm dưới nguyệt đã bấy chầy” của người tráng sĩ). - Giọng điệu trong hai câu đầu của bài thơ Thuật hoài mang âm hưởng hào sảng, giọng điệu trong hai câu cuối bài Cảm hoài mang âm điệu ngậm ngùi, bi phần.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bài thơ “Tỏ lòng” của Phạm Ngũ Lão

Triều đại nhà Trần (1226-1400) là một mốc son chói lọi trong 4000 năm dựng nước và giữ nước của lịch sử dân tộc ta. Ba lần kháng chiến và đánh thắng quân xâm lược Nguyên – Mông, nhà Trần đã ghi vào pho sử vàng Đại Việt những chiến công Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng... bất tử. Khí thế hào hùng, oanh liệt của nhân dân ta và tướng sĩ đời Trần được các sử gia ngợi ca là “Hào khí Đông A”. Thơ văn đời Trần là tiếng nói của những anh hùng – thi sĩ dào dạt cảm hứng yêu nước mãnh liệt. “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, “Thuật hoài” (Tỏ lòng) của Phạm Ngũ Lão, “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu.v.v... là những kiệt tác chứa chan tình yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Phạm Ngũ Lão (1255-1320) là một danh tướng đời Trần, trăm trận trăm thắng, văn võ toàn tài. Tác phẩm của ông chỉ còn lại hai bài thơ chữ Hán: “Thuật hoài” và “Văn Thượng tướng Quốc công Hưng Đạo Đại vương”. Bài thơ “Tỏ lòng” thể hiện niềm tự hào về chí nam nhi và khát vọng chiến công của người anh hùng khi Tổ quốc bị xâm lăng. Nó là bức chân dung tự họa của danh tướng Phạm Ngũ Lão. Hoàn cảnh giang sơn khắp kỉ thu Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu Nam nhi vị liễu công danh trái Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu. Cầm ngang ngọn giáo (hoành sóc) là một tư thế chiến đấu vô cùng hiên ngang dũng mãnh. Câu thơ “Hoành sóc giang sơn kháp kỷ thu” là một câu thơ có hình tượng kỳ vĩ, tráng lệ, vừa mang tầm vóc không gian (giang sơn) vừa mang kích thước thời gian chiều dài lịch sử (kháp kỷ thu). Nó thể hiện tư thế người chiến sĩ thuở “bình Nguyên” ra trận hiên ngang, hào hùng như các dũng sĩ trong huyền thoại. Chủ nghĩa yêu nước được biểu hiện qua một vần thơ cổ kính trang nghiêm: cầm ngang ngọn giáo, xông pha trận mạc suốt mấy mùa thu để bảo vệ giang sơn yêu quý. Đội quân “Sát Thát” ra trận vô cùng đông đảo, trùng điệp (ba quân) với sức mạnh phi thường, mạnh như hổ báo (tỳ hổ) quyết đánh tan mọi kẻ thù xâm lược. Khí thế của đội quân ấy ào ào ra trận. Không một thế lực nào, kẻ thù nào có thể ngăn cản nổi. “Khí thôn Ngưu” nghĩa là khí thế, tráng chí nuốt sao Ngưu, làm át, làm lu mờ sao Ngưu trên bầu trời. Hoặc có thể hiểu : ba quân thế mạnh nuốt trôi trâu. Biện pháp tu từ thậm xưng sáng tạo nên một hình tượng thơ mang tầm vóc hoành tráng, vũ trụ: “Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu”. Hình ảnh ẩn dụ so sánh: “Tam quân tì hổ...” trong thơ Phạm Ngũ Lão rất độc đáo,

không chỉ có sức biểu hiện sâu sắc sức mạnh vô địch của đội quân “Sát Thát” đánh đâu thắng đấy mà nó còn khơi nguồn cảm hứng thơ ca; tồn tại như một điển tích, một thi liệu sáng giá trong nền văn học dân tộc: “Thuyền bè muôn đội; Tinh kỳ phấp phới Tỳ hổ ba quân, giáo gươm sáng chói...” (Bạch Đằng giang phú) Người chiến sĩ “bình Nguyên” mang theo một ước mơ cháy bỏng: khao khát lập chiến công để đền ơn vua, báo nợ nước. Thời đại anh hùng mới có khát vọng anh hùng! “Phá cường địch, báo hoàng ân” (Trần Quốc Toản) – “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo” (Trần Thủ Độ). “...Dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng” (Trần Quốc Tuấn)... Khát vọng ấy là biểu hiện rực rỡ những tấm lòng trung quân ái quốc của tướng sĩ, khi tầng lớp quý tộc đời Trần trong xu thế đi lên đang gánh vác sứ mệnh lịch sử trọng đại. Họ mơ ước và tự hào về những chiến tích hiển hách, về những võ công oanh liệt của mình có thể sánh ngang tầm sự nghiệp anh hùng của Vũ Hầu Gia Cát Lượng thời Tam Quốc. Hai câu cuối sử dụng một điển tích (Vũ Hầu) để nói về nợ công danh của nam nhi thời loạn lạc, giặc giã: “Công danh nam tử còn vương nợ Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu” “công danh” mà Phạm Ngũ Lão nói đến trong bài thơ là thứ công danh được làm nên bằng máu và tài thao lược, bằng tinh thần quả cảm và chiến công. Đó không phải là thứ “công danh” tầm thường, đậm màu sắc anh hùng cá nhân. Nợ công danh như một gánh nặng mà kẻ làm trai nguyện trả, nguyện đền bằng xương máu và lòng dũng cảm. Không chỉ “Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”, mà tướng sĩ còn học tập binh thư, rèn luyện cung tên chiến mã, sẵn sàng chiến đấu “Khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa Khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai,...” để Tổ quốc Đại Việt được trường tồn bền vững: “Non sông nghìn thuở vững âu vàng” (Trần Nhân Tông). “Thuật hoài” được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Giọng thơ hùng tráng, mạnh mẽ. Ngôn ngữ thơ hàm súc, hình tượng kỳ vĩ, tráng lệ, giọng thơ hào hùng, trang nghiêm, mang phong vị anh hùng ca. Nó mãi mãi là khúc tráng ca của các anh hùng tướng sĩ đời Trần, sáng ngời “hào khí Đông-A”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Xúy Vân đáng trách hay đáng thương? Hãy nêu ý kiến của em

Tâm trạng của Xúy Vân. - Tâm trạng tự thấy mình đã lỡ làng, dở dang - Tâm trạng tự thấy mình lạc lõng, vô nghĩa trong gia đình Kim Nham - Tâm trạng âm ỉ, bế tắc, cô đơn của Xúy Vân - Sự bế tắc mất phương hướng và sự thể hiện những hình ảnh ngược đời, trở trêu, điên đảo, đúng sai, thực giả lẫn lộn

Tình cảnh đáng thương của Xúy Vân. - Cuộc hôn nhân của Xúy Vân với Kim Nham là do cha mẹ sắp đặt vội vàng, hoàn toàn không tình yêu. Nhưng ban đầu về làm dâu, cô rất chăm chỉ, đảm đang, khéo léo. - Có ước mơ giản dị: có gia đình đầm ấm hạnh phúc: Chờ cho bông lúa chín vàng Để anh đi gặt, để nàng mang cơm. Nhưng Kim Nham lại là người theo đuổi mộng công danh, đỗ đạt để làm quan → Bi kịch của Xúy Vân - Gặp Trần Phương, tưởng gặp được tri kỷ, tìm được tình yêu, hạnh phúc, nhưng lại là một gã trăng gió, đã phụ tình Xúy Vân. - Chết một cách đáng thương. → Tình trạng đau khổ, bế tắc, bi kịch của Xúy Vân có nguyên nhân từ xã hội: + Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. + Quan niệm tam tòng, không cho Xúy Vân tháo cũi sổ lồng, tự do yêu đương để được hưởng hạnh phúc. → Cảm thông cho Xúy Vân → Cách nhìn người, đánh giá con người mang tính nhân đạo sâu sắc. → Có thể thấy Xúy Vân đáng thương hơn đáng trách, có chăng chỉ là do số phận và xã hội phong kiến nghiệt ngã đã đẩy Xúy Vân đến bước đường cùng. Xúy Vân là 1 người phụ nữ, cũng khao khát yêu thương và được yêu thương như bao người phụ nữ khác với cảnh “chồng cày, vợ cấy”, nhưng Kim Nham lại không hiểu được điều đó mà mãi đeo đuổi công danh. Xúy Vân có lỗi, đáng trách ở chỗ quá cả tin và không biết vượt qua bế tắc của bản thân để giữ trọn đạo vợ chồng. Xúy Vân quyết định thoát ra khỏi cuộc sống đó để kiếm tìm hạnh phúc của riêng mình nhưng đã bị phụ bạc để rồi phải chết một cách đau đớn... Vì lí do khách quan và chủ quan đã đẩy Xúy Vân đến hoàn cảnh không ai muốn đó. Và Xúy Vân đã giải quyết bế tắc của mình bằng cái chết - bản án lớn đối với Xúy Vân. Trên 1 phương diện nào đó, hành động của Xúy Vân xuất phát từ khao khát chính đáng của người phụ nữ, bạn có thể cảm thông hoặc không, đó là tùy vào cảm nhận của mỗi người.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy biết một bài văn thuyết minh để làm rõ ca dao, dân ca Việt Nam là tiếng nói than thân, phản kháng

Kho tàng văn học dân gian Việt Nam luôn là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Cùng với các thể loại khác, ra đời trong xã hội cũ, ca dao diễn tả tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các mối quan hệ lứa đôi, gia đình, quê hương, đất nước... không chỉ là lời ca yêu thương tình nghĩa, ca dao còn là tiếng hát than thân cất lên từ cuộc đời xót xa, cay đắng của người Việt Nam, đặc biệt là của người phụ nữ trong xã hội cũ. Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ luôn bị coi nhẹ, rẻ rúng, họ không được quyền quyết định trong mọi lĩnh vực cuộc sống. Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” đã chà đạp lên quyền sống của họ, đàn ông được coi trọng, được quyền “năm thê bảy thiếp”, được nắm quyền hành trong xã hội, trong khi đó phụ nữ chỉ là những cái bóng mờ nhạt, không được coi trọng. Họ phải làm lụng, vất vả cung phụng chồng con, một nắng hai sương mà cuộc đời thì tăm tối. Họ phải cất lên tiếng nói của lòng mình. “Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai” Tiếng nói đầy mặc cảm, cay đắng. Người phụ nữ ví mình như một tấm lụa được người ta bày bán giữa chợ. Thân phận họ cũng chỉ là vật giữa chợ đời bao người mua. Thân phận họ bé nhỏ và đáng thương quá đỗi. Hai từ “thân em” cất lên sao xót xa, tội nghiệp. Xã hội lúc bấy giờ đâu cho họ được tự do lựa chọn, ngay từ lúc sinh ra, được là người họ đã bị xã hội định đoạt, bị cha mẹ gả bán, họ không có sự lựa chọn nào khác: “Thân em như con cá rô thia Ra sông mắc lưới vào đìa mắc câu” Không một lối thoát nào mở ra trước mắt, họ cảm thấy cuộc đời chỉ là kiếp nô lệ, bốn phía lưới giăng. Hình ảnh “Tấm lụa đào”, hay “con cá rô thia” trong hai câu ca dao trên là hình ảnh so sánh nghệ thuật. Hình ảnh này cho ta liên tưởng tới sự tầm thường, bé nhỏ của thân phận người phụ nữ: tấm lụa thì đem ra đổi bán, con cá rô thia thì được vung vẩy đây nhưng chỉ trong chiếc ao tù. Hình ảnh con cá rô thia cho ta nghĩ đến người phụ nữ trong sự bủa vây của truyền thống, tập quán, quan niệm phong kiến bao đời hà khắc, đến hạnh phúc của mình cũng không được quyền quyết định: “Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy Hòn đá bạc đầu vì bởi sương sa Em với anh cũng muốn kết nghĩa giao hòa Sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời, Em với anh cũng muốn kết tóc ở đời, Sợ rằng mây bạc giữa trời mau tan”... Bao khát khao bị kìm hãm, hạnh phúc lứa đôi bị rào cản

phong tục đè nén, họ ngấm mình và cất lên tiếng than cay đắng. “Thân em như miếng cau khô Người thanh chuộng mỏng, người khô tham dày” Câu ca dao nào cũng đầy ai oán, số phận nào cũng được ví bằng những thứ bé nhỏ, tầm thường, đó là sự ý thức, sự phản kháng của những con người triền miên bất hạnh. Họ có quyền được sống, được tự do yêu đương, nhưng xã hội đã chà đạp lên quyền của họ, chỉ cho họ một cuộc đời lầm lũi, chua cay. “Năm nay em đi làm dâu Thân khác gì trâu mang theo ách Năm nay em đi làm vợ Thân mang cày, dây khiến không biết ai? Em đi làm dâu không có mùa nghỉ, chỉ có mùa làm.” Người con gái trong bài ca dao H’mông này đang than thân trách phận mình khi “xuất giá tòng phu”. Họ lấy chồng, không phải vì hạnh phúc mà để làm một con vật lao động trong nhà chồng, một con vật suốt đời “theo ách” như trâu mang. Cuộc sống như khép lại trước mắt họ, chỉ thấy một sự trói buộc đến phũ phàng: “Cá cắn câu biết đâu mà gỡ Chim vào lồng biết thuở nào ra” Có khi họ bị chồng đánh đập: “Cái cò là cái cò quăm Mày hay đánh vợ mày năm với ai” Có khi bị chồng phụ bạc: “Nhớ xưa anh búng anh beo Tay bưng chén thuốc lại đeo múi chanh, Bây giờ anh mạnh anh lành Anh tham duyên mới anh đành phụ tôi.” Ở lĩnh vực nào người phụ nữ xưa cũng không được quyền hạnh phúc. Cuộc sống không có tự do, tình yêu không được công nhận, hôn nhân không được định đoạt, quan hệ vợ chồng không được tôn trọng... Ở mặt nào họ cũng bị vùi dập xô đẩy, cũng không được quyền lên tiếng lựa chọn. Đến cả sự tỏ bày tình yêu cũng vô cùng tội nghiệp. “Thân em như củ ấu gai Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen Không tin bóc vỏ mà xem Ăn rồi mới biết rằng em ngọt bùi” Ở câu than thân nào họ cũng ví mình thật tội nghiệp, nào là tấm lụa, nào là hạt mưa, nào là miếng cau khô, rồi củ ấu gai... thứ nào cũng nhỏ nhoi, tội nghiệp. Hạt mưa thì chẳng biết rơi vào đâu, miếng cau thì tùy người chọn, còn củ ấu thì có vẻ đẹp bên trong mà không ai biết. Bài ca dao này là một sự giải bày của người phụ nữ. Người phụ nữ muốn xã hội công nhận giá trị của mình, nhưng vẫn đầy tự ti: “Không tin bóc vỏ mà xem, ăn rồi mới biết là em ngọt bùi”. Một sự mời mọc ngập ngừng Có thể nói, những bài ca dao than thân trách phận không chỉ là lời than thở vì cuộc đời, cảnh ngộ khổ cực, đắng cay, mà còn là tiếng nói phản kháng, tiếng nói khẳng định giá trị, phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích bài ca dao Khăn thương nhớ ai

10 câu đầu: “Khăn thương nhớ ai Khăn rơi xuống đất Khăn thương nhớ ai Khăn vắt lên vai Khăn thương nhớ ai Khăn chùi nước mắt Đèn thương nhớ ai Mà đèn không tắt Mắt thương nhớ ai Mắt ngủ không yên” - Hình ảnh cái khăn được xuất hiện nhiều nhất vì nó là vật gắn với kỉ niệm tình yêu, là vật trao duyên, nó luôn gần gũi, quen thuộc, quấn quýt bên người con gái. Tác giả dân gian sử dụng điệp từ khăn và điệp khúc “Khăn thương nhớ ai” để diễn tả nỗi nhớ da diết, triền miên, dai dẳng. Hình như mỗi lần hỏi là nỗi nhớ lại trào dâng lên trong lòng người con gái. Từ khăn cung với các động từ chỉ sự vận động: lên, xuống, rơi, vắt, chùi, thể hiện nỗi nhớ dai dẳng và trải dài ra trong không gian đa chiều, nhiều phương, một nỗi nhớ khiến cô gái đứng ngồi không yên. Chủ yếu đoạn ca dao sử dụng thanh bằng nhằm gợi nỗi nhớ băng khuâng, da diết, có phần nhẹ nhàng mang theo chút nữ tính của người con gái, thỉnh thoảng lại có thêm những thanh sắc như nhói vào nỗi buồn của cô gái. Hình ảnh “khăn chùi nước mắt ” diễn tả nỗi nhớ cháy bỏng, trào dâng trong lòng người con gái đến nỗi cô gái không thể kìm nén được nữa và rồi những giọt nước mắt đã rơi vì quá nhớ người yêu. Hình ảnh chiếc khăn diễn tả nỗi nhớ trong không gian của cô gái. - Hình ảnh chiếc đèn cũng được nhân cách hoá để cô gái gửi gắm tâm tình. Chuyển hoá từ “khăn” sang “đèn” đã diễn tả nỗi nhớ kéo dài theo thời gian của cô gái, nó triền miên, da diết, không phút nào nguôi. Cô gái nhớ từ ngày sang đêm và rồi lại hỏi “Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt”. Đèn không tắt hay chính cô gái đang trăn trở thao thức không ngủ được trong nỗi nhớ dằng dặc với thời gian? Đèn không tắt hay chính là ngọn lửa tình trong lòng cô gái vẫn đang cháy, vẫn đang được thắp sáng trong đêm. Qua hình ảnh này thể hiện tình yêu mãnh liệt của cô gái. Cô nhờ ngọn đèn nói lên nỗi lòng của mình, nói lên những điều không có trong thơ ca. Hình ảnh đôi mắt chính là hình ảnh hoán dụ cho cô gái. Đến lúc này, cô không thể kìm lòng được nữa, nỗi nhớ xoáy sâu, trào dâng khiến cô đã thốt lên lời hỏi chính mình. Mắt ngủ không yên: hình tượng thật là hợp lí, nhất quán với hình ảnh đèn không tắt và đôi mắt ấy xoáy sâu vào lòng ta một nỗi niềm khắc khoải không nguôi. 2 câu cuối: “Đêm qua em những lo phiền Lo vì một nỗi không yên một bề” Những câu hỏi liên tiếp không trả lời như nén chặt nỗi thương nhớ trong lòng để rồi cuối cùng trào ra

bằng một nỗi niềm lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi của mình: 2 câu cuối. Lo vì tình yêu hôn nhân hạnh phúc bấp bênh, không chắc chắn, không tự mình quyết định được vì những khắc nghiệt của xã hội phong kiến → Tổng kết: Bài ca dao chan chứa nỗi nhớ của người con gái ở nhiều cung bậc khác nhau của tình cảm. Gieo vần: Vần lưng và vần chân góp phần thể hiện âm hưởng luyến láy, liên hoàn, da diết trong nỗi nhớ của cô gái.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hình ảnh người phụ nữ trong 3 bài ca dao: “Thân em như tấm lụa đào/ Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”...

Đề bài: Hình ảnh người phụ nữ trong 3 bài ca dao: 1. Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai 2. Muối ba năm muối đang còn mặn gừng chín tháng gừng hãy còn cay Đôi ta nghĩa mặn tình dày Có xa đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa 3. Khăn thương nhớ ai Khăn rơi xuống đất Khăn thương nhớ ai Khăn vắt lên vai Khăn thương nhớ ai Khăn chùi nước mắt Đèn thương nhớ ai Mà đèn không tắt Mắt thương nhớ ai Mắt ngủ không yên Đêm qua e những lo phiền Lo vì một nỗi không yên một bề... Bài làm

Ca dao ra đời từ ngàn xưa, gắn với cuộc sống trăm đắng ngàn cay nhưng đậm tình nặng nghĩa. Những câu hát phản chiếu đời sống tâm hồn, đời sống tình cảm của người bình dân, chứa đựng những đạo lí dân gian sâu sắc. Những đề tài ca dao bắt nguồn từ thực tế cuộc sống lao động sản xuất và những sinh hoạt đời thường, từ những rung động tinh tế trước thiên nhiên, từ đời sống thuần hậu chất phác của người lao động. Chính vì thế, những hình ảnh ca dao mộc mạc nhưng mang theo bao hơi thở tâm tình, những nỗi niềm thân phận. Toát lên từ những lời ca là ý thức về phẩm giá, nhân cách, là những tình cảm thương nhớ đợi chờ, là khát vọng được sẻ chia, là ước ao về cuộc sống thủy chung mặn nồng. Hãy ta nghe những lời tình tự trong mô-típ thân em quen thuộc của ca dao: Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai Không ngẫu nhiên đâu, khi những ví von về người phụ nữ lại gắn với hình ảnh “tấm lụa đào” gợi cảm, vừa mềm mại dịu dàng như bản tính cố hữu của người phụ nữ, vừa tươi tắn sắc đào tươi như sức sống mãnh liệt của tâm hồn. Thế nhưng tấm lụa cao quý ấy đã trở thành món hàng trao đổi - phất phơ giữa chợ. Thân phận người phụ nữ ngày xưa là thế, mỏng manh, phụ thuộc không biết đi đâu về đâu giữa dòng đời trong đục khó phân. Bởi thế, lời ca dao như một tiếng than, ngậm ngùi trong câu hỏi vọng lên biết vào tay ai? Dẫu phải rơi vào những nghịch cảnh như vậy, ca những lời về thân em vẫn toát lên một niềm kiêu hãnh về phẩm giá: Thân em như củ ấu gai trong Ruột thì trắng, vỏ ngoài thì đen Ai ơi, nếm thử mà xem Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi. Trong lời ca dao này, chứa đựng cái nhìn dân gian quanh việc đánh giá hình thức - nội dung, hiện tượng - bản chất qua một so sánh trực quan với củ ấu gai nhỏ bé. Vẫn là cách nói nhún nhường thân em, nhưng kín đáo bộc lộ vẻ

đẹp “ruột trong thì trắng” đối lập với vẻ bề ngoài đen đui xấu xí. Lời nhắn nhủ “ai ơi nếm thử mà xem” vừa như trách móc, vừa như thiết tha mong mọi ai ơi kia sẽ đến với nhau vì cái “ngọt bùi” nồng nàn tình nghĩa. Không chỉ là tiếng nói tỏ bày tấm lòng, bài ca dao còn ẩn chứa nỗi niềm cay đắng thân phận, bởi lẽ người đời đôi khi lại phũ phàng thờ ơ với những vẻ đẹp thực chất mà đuổi theo cái hào nhoáng bề ngoài. Bởi thế, những tâm tình cất lên như một sự cảnh tỉnh, một lời nhắc nhở con người đến với nhau bằng tấm lòng. Ca dao có khả năng chắt lọc nghệ thuật sống từ chính những cái cụ thể gần gũi trong đời sống hàng ngày để tạo ra những liên tưởng gắn với thế giới tâm hồn phong phú tinh tế, với những tình cảm phức tạp của con người. Một vị khế chua mang theo bao xót xa cho tình duyên không trọn vẹn. Những nghịch cảnh bất công trong cuộc đời cũ luôn là lực cản khiến cho đôi lứa phải chia lìa. Trong những trái ngang ấy, ca dao lời cất lên bao thiết tha nhưng nhớ: Mặt trăng sánh với mặt trời Sao Hôm sánh với sao Mai chẳng chẳng Minh ơi! có nhớ ta chăng? Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời Tâm sự “mình-ta” biết bao quyến luyến! Mô-típ mình - ta bao giờ cũng đọng lại những ân tình sâu nặng trong đời sống tình cảm của người bình dân. Tình yêu đôi lứa được sánh với ánh sáng mặt trăng, mặt trời, đặc biệt là các liên tưởng gắn với sao Hôm sao Mai-tuy hai mà một thật khăng khít. Từ đó hướng tới những giá trị cao cả bất tử của tình nghĩa dành cho nhau. Và cũng thật thú vị biết bao khi ánh sao kia lại biến thành “sao Vượt” băng qua bao trở lực đón nhận tình cảm nồng nàn. Ca dao đã diễn tả nỗi lòng hướng về nhau thật tinh tế: Khăn thương nhớ ai Khăn rơi xuống đất Khăn thương nhớ ai Khăn vắt lên vai ... ta nghe như có bao dùng dằng thương nhớ trong từng lời nồng nàn. Khăn thương nhớ ai, đèn thương nhớ ai ... từng động tác, từng cái nhìn như mang theo cái bồn chồn lo lắng cho duyên tình trắc trở. Nhịp thơ dàn trải, mong manh. Có thể hình dung ra từng cử chỉ, từng động tác dồn nén nhớ thương. Lời ca dao gợi lên bao suy ngẫm về hoàn cảnh trớ trêu của người phụ nữ không tự định đoạt được duyên tình của mình. Bức tranh tâm trạng ấy vừa được tạo nên bằng những hình ảnh nối kết khăng - đèn - mắt, vừa là điệp khúc tâm trạng đầy day dứt “... thương nhớ ai” - hàm chứa trách móc giận hờn. Khoảnh khắc người con gái đối diện chính mình cũng là lúc ta nhận ra chiều sâu tâm hồn đắm thắm thủy chung, nhận ra nỗi lòng ngổn ngang trăm mối tơ vò. Bài ca dao này cũng như một lời ca dao tương tự: Đêm qua ra đứng bờ ao Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ Mỗi vật được nhắc đến như chứa đựng trong đó cả tấm tình hướng về nhau. Nhịp lục bát khép lại tâm tư trĩu nặng: Đêm qua em những phiền lo Lo vì một nỗi không yên mọi bề Lời ca dao kín đáo như oán

như than, hé mở bao bất công ngang trái, trắc trở tình duyên. Không gian cảnh vật như chứa đựng nỗi niềm con người, thành tâm trạng cất lên lời nhắn nhủ tha thiết. Nhưng có thể thấy cùng với niềm tin sắt son, tình cảm nhớ nhung, không bao giờ ca dao lại đem đến cảm giác ủy mị yếu đuối mà luôn đau đáu một tấm lòng chung thủy. Ngay trong những hoàn cảnh đắng xót chua cay, trong sự cách xa chia lìa, tấm lòng người bình dân dành cho nhau thật bền bỉ: Muối ba năm muối đang còn mặn gừng chín tháng gừng hãy còn cay Đôi ta tình nặng nghĩa dày Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn chín nghìn ngày mới xa Hình tượng “muối mặn - gừng cay” từ lâu đã gắn với cuộc sống bình dị của người dân quê: ” tay bưng đĩa muối chấm gừng - Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau “. Cái mặn nồng của ân tình, cái cay cực cùng nếm trải đã kết lại những tấm lòng. Thời gian dù có cách xa, vị đời có thể nhạt nhẽo, nhưng những ân tình đã thành gừng cay muối mặn thì không có một trở lực nào có thể làm nhạt phai. Ân tình ấy được đo bằng thời gian đời người ba vạn chín nghìn ngày - trăm năm, đã trở thành lẽ sống đậm đà tình nghĩa thủy chung của dân tộc. Thật cụ thể và sâu sắc biết bao những lời lẽ mộc mạc mà chắc nịch chi li như vậy. Tình yêu, lòng chung thủy đã gắn kết nên đôi lứa, giúp con người vượt qua qui luật khắc nghiệt của tạo hoá. Độ nồng nàn của tình cảm, sức mạnh của tình yêu vượt lên cả cái chết. Tình nghĩa trong ca dao phong phú, tinh tế và sâu sắc, trở thành nền tảng đạo lý và vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc. Mỗi lời ca dao mang theo bao tâm tư, khát vọng, giúp con người vượt lên nghịch cảnh, sống với nhau trọn vẹn nghĩa tình. Cũng nhờ vậy, những vẻ đẹp cuộc đời đi vào ca dao đáng yêu, đáng quý biết bao. Sức sống ca dao mãi mãi trường tồn cùng dân tộc, gắn với vẻ đẹp của những tâm hồn nhân hậu, cao cả, trong sáng của người bình dân.

Văn Mẫu Lớp 10 - Qua các bài ca dao than thân yêu thương tình nghĩa, hãy nêu cảm nhận của mình về đời sống tâm hồn của người dân lao động

Khái niệm Ca dao: là thể loại thơ ca dân gian ghi lại một cách sinh động đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm vô cùng phong phú của nhân dân lao động. Những niềm vui, nỗi buồn, những cung bậc tình cảm, thái độ ứng xử, đánh giá đối với các hiện tượng trong đời sống xã hội.... của nhân dân đều được thể hiện qua các câu ca dao giàu nhịp điệu, giàu hình ảnh. Nội dung của ca dao: diễn tả sinh động đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân. Chú ý: phân loại, sắp xếp các bài ca dao theo từng chủ đề (tương ứng với nó là đặc điểm tình cảm, thái độ của tác giả dân gian): - Ca dao than thân: là lời than trách cho số phận bất công, không may mắn, lời tố cáo với những thế lực áp bức, bóc lột nhân dân lao động. Đồng thời, than thân cũng là một hình thức tự ý thức cảnh ngộ, số phận của mình, và xét trên một khía cạnh nào đó, nó cũng là một hình thức phủ định, phản kháng lại hiện thực xã hội bất công. Phần nhiều các bài ca dao than thân là lời của người phụ nữ (mở đầu với mô típ quen thuộc là “Thân em như”), các bài ca dao của những người đi ở đợ, những người có số phận hẩm hiu... Đáng chú ý là ở nhiều bài ca dao than thân, vẻ đẹp tâm hồn người lao động không chỉ thể hiện ở sự phủ định hiện thực bất công, mà còn thể hiện sự lạc quan, luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp phía trước (Chớ than phận khó ai ơi - Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây) - Ca dao yêu thương tình nghĩa. Đây là bộ phận ca dao chiếm số lượng phong phú nhất trong kho tàng ca dao. Các bài ca dao trong chủ đề này thể hiện muôn hình vạn trạng những cung bậc tình cảm của nhân dân lao động: tình yêu lứa đôi (nhớ nhung, mong ước, hy vọng, đợi chờ...), tình cảm gia đình (nghĩa vợ chồng, tình cảm cha con, mẹ con, tình cảm giữa anh chị em, tình cảm với ông bà, tổ tiên...), tình cảm với cộng đồng xã hội... - Ca dao hài hước, châm biếm. Đây là bộ phận ca dao rất giàu tính chiến đấu, thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời, lối sống lành mạnh, khỏe khoắn của nhân dân lao động. Đồng thời, các bài ca dao cũng thể hiện tinh thần phê phán (và tự phê phán) với nhiều cấp độ khác nhau, hướng đến nhiều đối tượng trong đời sống xã hội. - Ca dao về chủ đề quê hương đất nước: Các địa danh, các thắng cảnh, các vùng miền cũng hiện diện trong ca dao. Các bài ca dao trong chủ đề này thể hiện sự gắn bó, yêu quý thiết tha của người dân lao động với quê hương,

nơi chôn rau cắt rốn của mình, và rộng ra, là niềm tự hào, tình yêu với quê hương đất nước. Tổng kết: Ca dao thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người dân lao động: thủy chung, giàu tình nghĩa, tình yêu thương, luôn lạc quan yêu đời, yêu quê hương tha thiết ...

Văn Mẫu Lớp 10 - Xác định ý nghĩa biểu đạt trong câu ca dao: “Đôi ta như lửa mới nhen/ Như trăng mới mọc như đèn mới khêu”

DÀN Ý - Trước hết cần làm rõ những hình ảnh trong 2 câu ca dao đó: Lửa mới nhen; trăng mới mọc và đèn mới khêu nó biểu hiện trạng thái sự vật như thế nào? (Có thể hiểu chẳng hạn như: Lửa mới nhen, đèn mới khêu thì ngọn lửa còn nhỏ, trăng mới mọc thì thường ánh sáng nhỏ, thanh → Tất cả đều là “mới” rất nguyên vẹn, thanh khiết) → Sử dụng điệp từ “mới” (nhắc lại 3 lần): Nhấn mạnh: tình yêu mới bắt đầu Biện pháp so sánh: So sánh với tình yêu lứa đôi để thể hiện tình cảm mới bắt đầu, còn non tơ, e ấp → Cung bậc đầu tiên của tình yêu Tuy nhiên lửa mới nhen sau rồi sẽ bùng cháy to, trăng mới mọc sau rồi sẽ tròn hơn, to hơn, sáng hơn, đèn mới khêu sau đó cũng sẽ sáng hơn. Như thế ý câu thơ dù là biểu đạt cho tình yêu mới chớm nhưng nó lại ấm nóng và hứa hẹn rất nhiều điều tốt đẹp. → Thể hiện niềm tin vào tình yêu của chàng trai và cô gái - Lấy thêm các ví dụ cùng trường nội dung Ví dụ: “Đôi ta như tượng mới tô Như chuông mới đúc như chùa mới xây” Hay “Đôi ta như lúa đồng đồng...”

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận về bài ca dao: “Muối ba năm muối đang còn mặn/ Gừng chín tháng gừng hầy còn cay/ Đôi ta nghĩa nặng tình dày/ Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa”

Muối ba năm muối đang còn mặn Gừng chín tháng gừng hầy còn cay Đôi ta nghĩa nặng tình dày Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa. Bài ca dao mang vẻ đẹp chân thực, mộc mạc nhưng rất sâu đậm. Hai câu thơ đầu nói về hương vị của muối và gừng - hầu như con người ta ai cũng biết. Vì thế, chúng không phải là để mang thông tin, vì những thông tin kia hầu hết mọi người đều nắm rõ. Giá trị của chúng là cho ta cảm nhận được quyết tâm của nhân vật trữ tình: sống có tình, có nghĩa, mãi thủy chung với người yêu - người bạn đời đã cùng mình nếm trải bao buồn vui, sướng khổ. Phải từ hai dòng thơ sau nhìn ngược lên ta mới thực sự thấu hiểu ý nghĩa của việc khẳng định lại chân lí gừng cay, muối mặn. Một sự khẳng định trong trạng thái trầm tư, mang đặc tính của hành động lòng độc thoại nội tâm. Việc tạo ra một cặp đối xứng gồm: “Muối ba năm muối đang còn mặn” và “Gừng chín tháng gừng hầy còn cay”, về bản chất, giống như một hình thức trùng điệp, có tác dụng khắc đậm ý nghĩa về sự bền lâu. Thông tin quan trọng ở đây dồn tụ vào hai cụm từ đang còn, hầy còn, chứ không phải vào hai từ cay và mặn. Chính ý niệm về sự bền lâu ấy mới quyết định khả năng đối xứng của hai đối tượng khác nhau là muối và gừng ở câu nói của nhân vật trữ tình. Nó cũng là điểm nhấn để nối hai nửa của bài ca dao lại với nhau thành một bản thể. Dĩ nhiên, độc giả bây giờ vẫn muốn tìm kiếm một cái gì khác biệt đã đảm bảo tính logic của liên tưởng đi từ chuyện muối, gừng sang chuyện đôi ta. Nếu thấu hiểu những nét truyền thống trong sinh hoạt văn hóa của người Việt Nam xưa, ta sẽ thấy những đòi hỏi có lí trên được giải đáp nhẹ nhàng. Muối và gừng không chỉ là một thứ gia vị quen thuộc, thậm chí cần thiết trong các món ăn mà còn tồn tại như một vị thuốc dân dã cần dùng trong nhiều trường hợp bbiy bệnh. Chẳng thế mà trong một bài ca dao khác, từng nói: “Tay nâng chén muối, đĩa gừng - Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau”. Thì ra thế! Nhân vật trữ tình đã tận hưởng những ngày được săn sóc yêu thương bởi tay người bạn đời. Muối và gừng, vậy nên, ngoài hương vị vốn có của nó, còn tỏa ra hương vị của tình yêu, tình đôi lứa. Rất bình thường khi nói chuyện muối, gừng, ta có thể nghĩ đến chuyện chung thủy, son sắt và ngược lại. Câu cuối

của bài ca dao nêu một ví dụ: (dù) có xa nhau... Nếu thực sự hiểu cuộc sống, ta ắt phải biết rằng: trong cuộc sống, hạnh phúc lứa đôi và nhiều thứ hạnh phúc khác luôn chịu những tác động và ngược chiều có tính chất “phá ngang”. Tuy đang sống bình an, người ta vẫn phải nghĩ tới thời gian phía trước với bao khó khăn. Nhân vật trữ tình trong bài ca dao này cũng vậy. Người ấy đã thấy, thốt lên (dù) có xa nhau, nhưng ngay lập tức, chính người đó lại đã khẳng định: “ba vạn sáu ngàn ngày mới xa”. Ba vạn sáu ngàn ngày nghĩa một trăm năm - con số ước định chỉ giới hạn một đời người. “Ba vạn sáu ngàn ngày mới xa” nghĩa là đến không còn tồn tại mới xa, cũng có nghĩa là chẳng bao giờ xa cả. Một sự khẳng định không dựa trên cảm xúc nông nổi mà đặt cơ sở trên những trải nghiệm sâu sắc về cuộc đời! Đây là một trong các nguyên nhân chính đã khiến bài ca dao để lại được trong lòng người tiếp nhận, người đọc bao thế hệ những ấn tượng tốt đẹp về tình - nghĩa - Việt Nam.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nhận của em về số phận, vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân xưa qua “ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa” và “ca dao hài hước”

DÀN Ý 1. Mở bài - Giới thiệu: ca dao than thân và yêu thương tình nghĩa - Dẫn dắt: vẻ đẹp tâm hồn của ng lao động 2. Thân bài - Tổng quát: + Thế nào là ca dao? + Đặc điểm, vai trò của ca dao? - Cảm nhận: + Ý thức về giá trị, phẩm hạnh, công việc của mình trong cuộc sống + Nghĩa tình sắt son, chung thủy + Phê phán, lên án những con người có lối sống dựa dẫm - Bình luận: + Từ ngữ, hình ảnh giản dị, gần gũi, thân thương + Tâm hồn thơ mộng, ước mơ đáng trân trọng 3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích hành động và lời nói của nhân vật “thầy” để làm sáng tỏ thủ pháp gây cười trong truyện Tam đại con gà

1. Hành động: nhân vật đã có những hành động cụ thể là: bảo học trò đọc khê, khẩn xin âm dương thổ công, bệ vệ ngồi trên giường bảo trẻ đọc thật to. Hai hành động đầu tiên là biểu hiện cho sự thận trọng muốn che giấu cái dốt của mình. Hành động thứ ba, ngược lại là biểu hiện của sự đắc chí, sự yên tâm tuyệt đối vào mình và vào thổ công. Và chính vì vậy hành động thứ ba là hành động có khả năng bộc lộ rõ nhất bản chất nhân vật và khiến tiếng cười bật ra một cách thoải mái nhất. 2. Lời nói: + Dủ dĩ là con dù dì. + Dạy cho cháu biết đến tận tam đại con gà. + Dủ dĩ là chị con công, con công là ông con gà... Các lời nói càng về sau càng chứa đựng nhiều sự phi lý, ngô nghê, vô nghĩa, thế nhưng nhân vật đem ra làm vũ khí để nguy biện, chống chế, che giấu cái dốt của mình. Vì thế sự dốt nát lộ càng rõ, càng đầy đủ. Như vậy hành động và lời nói của nhân vật càng về sau càng đáng cười. Thủ pháp tăng tiến trong miêu tả hành động và lời nói của nhân vật là thủ pháp gây cười trong truyện cười này.

Văn Mẫu Lớp 10 - Sau khi tự tử giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp được My Châu. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đó

Tôi một người phụ nữ bị một nỗi oan mà do chồng tôi gây ra mà cái chết của tôi chỉ vì một câu nói vô tình của một đứa trẻ mà chồng tôi trong lúc nóng giận thiếu suy nghĩ đã đuổi tôi đi. Tội thân cho mình tôi đã nhảy xuống bến Hoàng Giang tự vẫn cũng vì tôi sống tốt hiền lành may mắn là tôi đã được công chúa thủy tề cứu giúp và cho ở lại dưới thủy cung. Hằng ngày tôi thường hầu trà cho công chúa và làm những công việc vặt. Bỗng một hôm tôi gặp hai người mà chắc có lẽ tôi chẳng thể nào tin vào mắt mình nữa hai người đó chính là hai nhân vật lịch sử đã tạo nên một chuyện tình để lại hậu quả cho mấy ngàn năm sau. Nói thế chắc các bạn có thể biết được hai người đó chính là ai rồi phải không đó chính là Trọng Thủy My Châu hai nhân vật quá nổi tiếng chắc không cần phải giới thiệu nữa. Tôi còn nhớ rất rõ cái lần hai người đó gặp nhau, một khung cảnh rất ảm đạm trong một không gian có thể làm cho người khác cảm thấy lạnh lẽo. Hai người nhưng có một cái gì đó khó nói nhưng có một cái gì đó cản lại, hai người đó đứng cách nhau một khoảng cách không gần quá nhưng tưởng chừng nhưng giữa họ cách xa nhau một vòng trái đất, hai người họ đứng nhìn nhau không nói gì nhưng vẫn nhìn nhau không chớp mắt nhưng hồi một lúc sau My Châu đã lên tiếng nói trước: - Bây giờ mà chàng còn có thể đến gặp thiếp nữa hay sao? Bao nhiêu thế vẫn chưa đủ làm cho tôi khổ hay sao? My Châu nói bằng một giọng trách móc nhưng trên khoé mắt nàng đã bắt đầu đỏ hoe và những giọt nước mắt từ từ rơi xuống. Trọng Thủy đứng chết lặng đi không nói một lời nào chàng nhưng cũng bắt đầu rơi lệ bỗng dưng chàng hít một hơi thở thật sâu như đang lấy hết can đảm để có thể nói chuyện Trọng Thủy bắt đầu mở miệng nói chàng lấy tay gạt đi dòng nước mắt đang chảy trên má. - Nàng cũng phải hiểu cho ta cũng vì chữ hiếu ta mới làm thế ta biết ta làm nhưng thế làm cho nàng khó xử và giữa bên tình bên hiếu nàng khó mà có thể lựa chọn được. Nhưng ta mong nàng hiểu cho nỗi lòng của ta thật tình ta cũng chẳng muốn như thế Nói đến đoạn đó Trọng Thủy như không cầm được nước mắt chàng như một đứa trẻ bỗng khóc oà và úp mặt xuống đất My Châu đứng đối diện cũng chẳng cầm được nước mắt cũng khóc oà lên hai người chạy đến ôm nhau, cái ôm rất chặt như chứa đựng tất cả những tình cảm nỗi nhớ của hai người dành cho nhau

My Châu vừa khóc vừa nói: - Thật ra thiếp cũng có lỗi trong chuyện này chỉ tại thiếp quá tin tưởng chàng yêu thương chàng hết mực quên đi việc nước nhà không đề phòng chàng thiếp đã gián tiếp bán nước của mình cho chàng coi báo vật của triều đình. Những tiếng nói từ từ trở thành những tiếng nấc không ra lời My Châu buông Trọng Thuỷ ra và nàng nói với Trọng Thuỷ những lời tạm biệt cuối cùng cũng như những lời khuyên: - Thiếp và chàng đã có phạm một tội quá lớn có lỗi với tất cả đất nước này không biết phải làm gì để bù đắp lại những tội lỗi của mình. Vì thế bây giờ thiếp và chàng phải sống tốt hơn không nên làm những tội khác nữa và làm những việc lành để lấy công chuộc những tội lỗi. Vừa nói xong nàng nắm tay chàng lần cuối rồi từ từ biến mất Trọng Thuỷ đứng như chết lặng chẳng cử động chàng cứ nhìn về phía mà trọng thuỷ đi dù cho nàng đã đi xa. Trọng Thuỷ cảm đầu nhìn xuống đất và đi lang thang một mình đi về một phía đối diện với nơi My Châu đã đi chàng đi rất xa xa mãi mà chắc có lẽ hai người đó sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa. Lúc cả hai người đó đã đi rất xa tôi nhưng chưa tỉnh lại được vì mình đã có thể nghe câu chuyện giữa hai nhân vật lịch sử và hiểu rõ ra được vì sao mà Trọng Thuỷ ngày xưa phải làm như thế và hiểu được tình yêu sâu đậm giữa hai người. Bây giờ thì tôi có thể hiểu được tất cả và tôi cảm thất thông cảm cho My Châu một người con gái vì đã chìm đắm trong tình yêu mà quên đi mình còn một việc quan trọng hơn nữa đó là việc của đất nước. Đúng là mỗi người phụ nữ trong xã hội đều có một nỗi khổ riêng của mình mà chẳng ai có thể thấu hiểu được.

Văn Mẫu Lớp 10 - Ý nghĩa của miếng trầu trong truyện Tấm Cám

Miếng trầu là một đặc sản của vùng Kinh Bắc. Cô Tấm trong Tấm Cám cũng là một cô gái Kinh Bắc: Áo tứ thân, nón quai thao với câu quan họ: Trầu vàng nhá lẫn cau xanh Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời Cau trầu se duyên! Câu truyện trầu cau là minh chứng cho lòng chung thủy. Cô Tấm trèo lên cây cau, bị dì ghẻ chặt gốc cây, duyên đứt, nghĩ tình đã tưởng chẳng còn. Nhưng miếng trầu tèm cánh phượng đưa nàng gặp lại đức vua, duyên vừa tan đã lại hợp. Cau trầu vẫn vút, tình nghĩa lâu bền. Miếng trầu là hiện thân của sự kết đôi, lời thề ước ngàn năm không thay đổi. Miếng trầu trong cô Tấm chính là một hiện thân của con người Kinh Bắc. Miếng trầu và cô Tấm đã cùng vun vương một thời “Dao vàng bổ miếng cau hoa. Bày lên đĩa sứ, mang ra thết chàng” của vùng quê quan họ. Nhìn miếng trầu tèm là nhận ra người nơi ấy...Đức vua vừa nhìn thấy miếng trầu liền nhận ngay ra Tấm. Con người Kinh Bắc giản dị, gần gũi, duyên dáng, đảm đang...Miếng trầu đứng lên như một biểu tượng đẹp và đầy tự hào của một vùng quê: Một thương, hai nhớ, ba sầu, Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cầm hơi”. Nguồn gốc của miếng trầu phải truy ra từ đâu? Có lẽ là từ nhân dân lao động. Chính trong những đấu tranh gian khó với cuộc sống cố cù, với thiên nhiên, đổ mồ hôi sôi nước mắt, miếng trầu đã ra đời như bao đức tính được tôi luyện cùng năm tháng: cần cù, can đảm, thủy chung. Giã từ mọi phú quý vinh hoa, Tấm trở về từ quả thị, chung sống với quán nước, với những câu chuyện kể, với miếng trầu tèm. Ta nhận ra ở cô nét duyên rất riêng của một người con gái xuất thân từ lao động. Miếng trầu từ quá khứ, từ dĩ vãng. Từ khó khăn cuộc sống hiện ra những câu chuyện đẹp lạ lùng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Chứng minh Tấm Cám là một truyện cổ tích thần kì

1. Có sự tham gia của yếu tố kì ảo, nhân vật thần kì: Trong truyện vai trò của yếu tố kì ảo được chia làm 2 giai đoạn: - Giai đoạn 1 (lúc Tấm chịu áp bức): giúp đỡ Tấm + Nhân vật thần kì Bụt có vai trò quan trọng: Tấm mất phần thưởng yếm đỏ → cho cá bống; mất cá bống → cho khăn, quần áo đẹp...cho cơ hội đổi đời; mất giày → cho cơ hội gặp vua và trở thành hoàng hậu... + Con vật thần kì: chim sẻ; vật thần kì: lọ tro xương cá bống... → giúp Tấm 2. Kết cấu đặc trưng là 3 phần: ban đầu là hoàn cảnh khổ sở buồn tủi của nhân vật chính, trải qua 1 chuỗi khó khăn thử thách cuối cùng được hạnh phúc... - Hoàn cảnh của Tấm: + Mẹ chết, bố đi bước nữa + Thường xuyên bị mẹ con Cám hành hạ, bắt làm việc cực nhọc - Quá trình đấu tranh giành hạnh phúc: + Vào cung vua vẫn bị mẹ con Cám tìm cách hãm hại (phân tích sơ lược) + Tấm đấu tranh bằng các lần hoá thân → Rút cục thì Tấm trở lại làm hoàng hậu và mẹ con Cám bị trừng trị. 3. Phản ánh mâu thuẫn trong gia đình và xã hội: mẹ ghẻ >< con chồng, Tấm >< Cám, thiện >< ác,... - Mâu thuẫn gia đình mẹ ghẻ - con chồng: mẹ Cám thôi thì tìm mọi cách bắt Tấm làm việc nặng nhọc, luôn đối xử bất công; Tấm vào cung làm hoàng hậu mà vẫn khiến phải Tấm chết (chặt cây cau...) (kể và phân tích) - Mâu thuẫn giữa Tấm và Cám: Cám lừa lấy giỏ tép của Tấm, tranh mất ngai hoàng hậu, Tấm hoá thành cái gò cũng tìm cách loại bỏ (kể và phân tích),... → Mâu thuẫn trong xã hội giữa cái thiện và ác → khẳng định thiện luôn thắng ác

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác trong truyện cổ tích Tấm Cám

Trong truyền thống đạo đức của dân tộc ta, cái thiện luôn được trân trọng, đề cao. Đó là “mặt trời chân lý” để mỗi hành động, việc làm của con người hướng tới. Ngược lại, cái Ác luôn được lên án, ghét bỏ kết tội. Trong cuộc chiến giữa cái Thiện và cái Ác, dân gian luôn để cái thiện chiến thắng vẻ vang, đó là ước mơ cũng là sự thật ở đời, Câu chuyện cổ tích Tấm Cám sở dĩ được lưu truyền rộng rãi và có sức sống bền bỉ phần lớn vì đã phản ánh được sự chiến thắng của cái Thiện đối với cái Ác đúng như quan niệm của nhân dân: Một chiến thắng đi từ những phản ứng yếu ớt đến mạnh mẽ. từ bị động chịu áp lực đến chủ động phản kháng. Như ta đã biết, truyện cổ tích ra đời và phát triển khi xã hội đã phân chia giai cấp. Truyện cổ tích phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp ấy. Yếu tố kì ảo được sử dụng để hỗ trợ cho cái Thiện, giúp cái Thiện chiến thắng. Trong truyện cổ tích Tấm Cám, hai tuyến nhân vật Thiện - Ác phân ra rất rõ rệt. Cái Ác tiêu biểu là dì ghẻ và Cám. Đây là hai nhân vật luôn có những hành động áp bức, bóc lột đối với nhân vật khác đồng thời chúng có những âm mưu thâm độc, những hành động độc ác mất hết tính người. Nhân vật Tấm lại đại diện cho cái Thiện, cô đẹp người đẹp nết nhưng phải chịu số phận hẩm hiu bất hạnh: mẹ mất sớm, bố nhu nhược, bị dì ghẻ và cô em cùng cha khác mẹ hiếp đáp. Khi xã hội đã phân chia giai cấp, trong quan niệm của dân gian, cái Thiện đồng nghĩa với cái Đẹp, chúng luôn bị chà đạp, ghen ghét. Hơn thế. Hơn thế cái Thiện, cái Đẹp còn là những điều thuộc về nhân dân lao động - giai cấp bị áp bức trong xã hội. Ngược lại, cái Ác cũng là cái Xấu, ban đầu chúng rất mạnh, có khả năng áp bức bóc lột cái Thiện, cái Đẹp. Chúng thuộc về giai cấp trên, giai cấp bóc lột trong xã hội. Cái Thiện bị áp bức như thế nào? Bao giờ bánh đúc có xương Thì bà dì ghẻ mới thương con chồng. Nó thật đúng với trường hợp của mối quan hệ của bà dì ghẻ và Tấm. Phận con chồng, Tấm phải quần quật làm việc nhà từ sớm đến tối, không chút ngơi nghỉ, trong khi đó, Cám con đẻ của dì ghẻ nhởn nhơ rong chơi, biếng nhác. Tấm bị nhiech móc chửi bới, Cám được cưng chiều dung túng. Sự bất công ấy được cụ thể trong tình huống hai chị em Tấm Cám đi bắt tép. Cám ham chơi, lười biếng nhưng nhờ xảo trá quỷ quyệt lại được phần thưởng. Chưa hết, mẹ con Cám còn luôn âm mưu triệt mọi nguồn vui sống,

mọi mối giao lưu của cácm đối với cuộc đời, cho dù đó là con cá bống! Sau đó, chúng ngăn cản Tấm đi dự dạ hội bằng mọi chớ ngại cũng chỉ vì độc ác, ích kỉ. Tấm, trước mọi hành hạ áp bức của mẹ con Cám, cô chẳng biết làm gì ngoài việc ôm mặt khóc. Cô nhẫn nhục nơi xó bếp chính nhà mình. Bị cướp mất cá. Khóc. Bị giết cá bống. Khóc. Không được đi dạ hội. Khóc. Không có quần áo đẹp. Khóc,.... Rõ ràng, ban đầu cái Thiện luôn tỏ một vẻ nhẫn nhục đến nhu nhược. Tuy nhiên, nhìn ở một góc độ nào đó, ta thấy được quan niệm “dĩ hòa vi quý” của dân gian. Không ai muốn ân oán chất chồng, chịu thiệt một phần để mong bình yên một thuở. Nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng. Vậy đến một ngưỡng nào đó, cái Thiện sẽ vùng lên chống trả. Ấy chính là cái Ác tàn nhẫn muốn độc chiếm sự sống, âm mưu sát hại cái Thiện. Cái thiện muốn sinh tồn phải chống trả. Và rất phù hợp với bản chất hiền hòa của cái Thiện, sự phản kháng đi từ yếu đến mạnh, từ bị động đến chủ động để rồi giành chiến thắng vẻ vang. Mụ dì ghẻ và đứa con đẻ ác nghiệt không chiếm được ngôi vị hoàng hậu thì âm mưu giết Tấm. Bốn lần chúng ra tay thì bốn lần đều thất bại: chặt cây cau, giết chim vành anh, chặt cây xoan đào, đốt khung cửi. Sau mỗi lần bị hại, Tấm không khóc nước nỏ nhịn nhục. Bị bức hại, nàng hóa chim trở về lần đầu nàng chỉ nhắc nhở: Phơi áo chồng tao thì phơi bằng sào Chớ phơi bờ rào rách áo chồng tao. Đây chỉ là tiếng nói của một linh hồn còn vương vấn dân gian. Cụ thể là nhớ nghĩa cũ duyên xưa trở về thăm lại (chồng). Dù biết mình bị giết hại, Tấm không hề oán than, thù hận mẹ con Cám. Đến lần bị giết hại thứ hai sự tình đã khác. Tấm không nhắc nhở Cám nữa mà lặng lẽ giành lại hạnh phúc của mình. Nàng hóa thân thành cây xoan đào, ngày ngày che mát cho vua, ở bên chồng về tình nghĩa cũ. Rõ ràng là ở đây có một sự thay đổi về thái độ. Tấm đã ý thức sâu sắc về sự mất mát của mình, nàng chủ động tìm lại nó. Tiến thêm một bước nữa, cô còn chủ động tìm đến kẻ thù rắn đe: Kéo cà kéo kệt Lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra. Tư thế của Tấm bây giờ đã khác trước. Lần trước nàng xác định quan hệ ngang bằng với Cám “tao -mày”; giờ đây nàng coi mình là người trên xưng “chị “. Không chỉ hiểu về nỗi mất mát nàng còn thấm thía căn nguyên của nỗi đau đời mình. Nàng biết mình bị “tranh chồng” và sự đe dọa của Tấm thật quyết liệt “khoét mắt ra”. Lần hóa thân cuối cùng của Tấm đã quyết tâm vùng dậy làm chủ cuộc đời, làm chủ hạnh phúc của mình. Quả thị thơm lừng như vẻ đẹp nơi cô Tấm ngát hương. Nàng trở về dáng vẻ con người để chủ động tận hưởng hương thơm và mật ngọt cuộc sống - thứ mà nàng đáng được hưởng và thật sự đã và đang được hưởng. Đây là một kết thúc có hậu, là khúc khải hoàn viên mãn của cái Thiện trong cuộc đời này. Sự trở về của cô Tấm

trong ngôi vị hoàng hậu, sự chiến thắng trọn vẹn của cái Thiện đã chứng minh cho quy luật “Ác giả ác báo”, “Ở hiền gặp lành. Song cái Thiện đã trải qua bao áp bức, bất công, muốn có kết quả tốt đẹp cuối cùng cái Thiện không thể mãi nhu nhược, nhún mình. Nó phải chủ động đứng dậy giành lại quyền sống quyền hạnh phúc. Ra đời từ thuở xa xưa trong lịch sử dân tộc, cho đến ngày nay và sẽ mãi mãi mai sau, câu chuyện Tấm Cám được người Việt giữ gìn, truyền lại cho nhau như người xưa giữ lửa và truyền lửa qua mỗi nếp nhà. Ấy là ngọn lửa cho truyền thống dân tộc, truyền thống yêu cái thiện ghét cái Ác. Quan trọng hơn đó là truyền thống đấu tranh với cái Ác để chiến thắng vẻ vang

Văn Mẫu Lớp 10 - Ý nghĩa triết lý truyện Tấm Cám

Ý nghĩa triết lý: Người hiền lành, yếu đuối bị áp bức thì cuối cùng họ cũng sẽ vùng lên đấu tranh để giành quyền sống, quyền tự do và quyền hạnh phúc mà đáng ra họ được hưởng. Ở hiền gặp lành: Tấm là một cô gái hiền lành, chăm chỉ, từ một cô gái yếu đuối, mỏng manh, chỉ biết khóc khi bị hại Tấm đã trở thành một con người chủ động, dám đấu tranh để giành lại những quyền lợi của mình. Tấm còn có một cái kết rất có hậu đó là trở thành hoàng hậu, sống sung sướng với nhà vua trọn đời. Ác giả ác báo: hai mẹ con Cám 5 lần 7 lượt tìm mọi cách hãm hại Tấm, tìm mọi cách không cho Tấm ngóc đầu lên được, giết chết Tấm chưa đủ, chúng còn tiêu diệt cả những hóa thân của Tấm, không cho Tấm trở về với thế giới con người. Nhưng điều gì đến thì nó cũng sẽ phải đến dù sớm hay muộn, hai mẹ con Cám đã bị trừng phạt thích đáng cho những gì mà họ đã gây ra. Rất nhiều người cho rằng Tấm trả thù 2 mẹ con Cám như vậy là quá độc ác, quá khác so với hình ảnh một cô Tấm thảo hiền, yếu đuối. Nhưng kết thúc truyện như vậy mới thấy rõ giá trị nhân văn của tác phẩm, thấy rõ những triết lý mà tác giả dân gian muốn gửi gắm. Mẹ con Cám đã bao lần hãm hại Tấm, đã giết chết Tấm không biết bao nhiêu lần, Tấm làm như vậy thì cũng bắt chúng trả phần nào món nợ mà thôi. Câu chuyện này còn đề cao vẻ đẹp của Tấm, một vẻ đẹp dịu hiền, trong sáng, không cần phô trương, khoe khoang mà mọi người vẫn cảm nhận được, cũng giống như những người phụ nữ Việt Nam.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “Ở hiền gặp lành”

Cái thiện luôn chiến thắng cái ác, người tốt gặp dữ hoá lành, kẻ ác gieo gió gặt bão,... là những mô típ quen thuộc trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là trong các câu chuyện cổ tích. Ẩn sau những câu chuyện đầy màu sắc đó là những triết lí sống, triết lí làm người. Mỗi quan hệ nhân - quả “Ở hiền gặp lành” luôn là cái tâm, cái cốt lõi của đa số tác phẩm văn học và được nhiều người lấy đó là phương châm sống. Nhưng trong thực tế, “Ở hiền gặp lành” có phải lúc nào cũng đúng, cũng hoàn hảo như trong các câu chuyện cổ tích, như trí tưởng tượng của con người? Vậy, thế nào là “Ở hiền gặp lành”? “Ở hiền” phải chăng chỉ là hiền lành, không dữ, không làm điều sai trái, gây hại cho người khác, mưu lợi cho bản thân,...? Nếu chỉ nghĩ theo ý nghĩa cơ bản của từ “hiền” như vậy thì sẽ gây ra sự hiểu nhầm, cho rằng cứ sống sao tốt cho mình không ảnh hưởng đến ai là được rồi, dẫn đến tính cách nhu nhược, dĩ hoà vi quý, không biết quan tâm, giúp đỡ người khác,... Có nhiều người luôn cho rằng mình luôn “ở hiền” mà không “gặp lành”. Vậy bạn tự hỏi mình xem liệu bạn đã từng giúp đỡ người bị tai nạn giao thông chưa hay cũng chỉ “bu” quanh dùm ngó nhận xét, bàn tán như bao người khác; bạn đã từng lên tiếng nhắc nhở một người xả rác không đúng nơi quy định,...? Nếu cho bạn nghĩ lại, bạn có dám khẳng định mình là người “ở hiền” nữa không? Nhưng thực chất không phải vậy, sâu xa hơn, từ “hiền” ở đây mang ý nghĩa lớn lao, bao trùm lên cả ý nghĩa nhân đạo – đạo lí làm người. Có thể nói, “ở hiền” là sống sao có ích cho đất nước, xã hội, biết quan tâm giúp đỡ người khác lúc khó khăn, hoạn nạn, đồng thời phải biết lên án, đấu tranh chống lại cái ác, những thế lực xấu xa luôn muốn làm hại con người,... Vậy “ở hiền” sẽ “gặp lành” như thế nào? Người “ở hiền” sẽ nhận được nhiều điều tốt đẹp, may mắn. Khi bạn không làm điều xấu, hại người bạn sẽ không cảm thấy bất an, tội lỗi, lo lắng mà suy sụp. Không những thế khi làm việc thiện, giúp đỡ người khác bạn sẽ cảm thấy rất vui vẻ, thoải mái, tự hào,... Không chỉ vậy, mọi người xung quanh sẽ yêu quý bạn, giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn, cuộc sống sẽ luôn tràn đầy niềm vui và hạnh phúc. Từ xưa đến nay đã có rất nhiều tấm gương người tốt việc tốt khắp nơi trên thế giới. Ở nước ta, Hồ chủ tịch là tấm gương vĩ đại, mãi toả sáng trong lòng bao người con đất Việt. Công lao của Bác to lớn đếm không xuể, và đúng như “ở hiền gặp lành”, Bác

đã nhận được rất nhiều. Bác vui sướng, hạnh phúc vì giành lại độc lập cho dân tộc. Không chỉ nhiều người mà là tất cả mọi người trên đất nước Việt Nam đều quý mến Bác, coi Bác là vị Cha già kính yêu. Không nói đâu xa, mới mấy tháng gần đây, thông tin hai thí sinh bỏ thi để cứu người đã làm cho bao con mắt phải trầm trồ thán phục. Đó là hai học sinh Lữ Đức Quân và Tăng Ngọc Dũng. Trên đường tới trường thi tốt nghiệp môn Sinh, hai bạn bất ngờ thấy một phụ nữ đi xe đạp bị ngã lăn ra đường bất tỉnh. Không chần chừ, hai bạn cố gắng hết sức bế nạn nhân lên chiếc xe đạp và chạy thẳng đến bệnh viện. Sau khi làm thủ tục nhập viện, hai bạn gắng sức đạp tới trường nhưng bị muộn năm phút nên không được dự thi. Người tốt ắt gặp điều tốt, ngay sau kì thi tốt nghiệp, hai bạn đã được tuyên dương và khen thưởng về hành động nhân ái của mình. Hai bạn được đặc cách lấy điểm tổng kết môn Sinh học lớp 12 của hai bạn thay cho điểm thi môn tốt nghiệp. Vậy đấy, những người tốt đều được đền đáp xứng đáng, mối quan hệ nhân - quả “Ở hiền gặp lành” thật không có sai. Nhưng có phải ai “ở hiền” cũng “gặp lành” không? Có rất nhiều người sống và làm việc chuẩn mực, không làm điều gì trái lương tâm nhưng sao cuộc sống của họ vẫn khó khăn, vẫn gặp nhiều biến cố trắc trở, bị nhiều tai ương giáng xuống đầu? Như cuộc đời cụ bà Nguyễn Thị Đỗ (84 tuổi) ở thôn Nguyệt Biều, Huế là một ví dụ, đến cái tuổi gần đất xa trời rồi mà cũng không được chút thanh thoi. Ngày này qua ngày khác, bà leo đồi dài chừng một cây số hái lá thuốc về bán nuôi đứa con gái bị tâm thần. Nỗi cơ cực, vất vả của cuộc đời cứ đè nặng lên đôi vai người mẹ già này. Không chỉ vậy, số phận cũng không mỉm cười với nhiều đứa trẻ, những sinh linh nhỏ bé, ngây thơ. Nào là những cô bé, cậu bé mồ côi, không nơi nương tựa, những đứa trẻ tật nguyền hay những em bé bị di chứng chất độc màu da cam,... Những tâm hồn trong sáng ấy có tội tình gì mà số phận nỡ đối xử với chúng một cách tàn nhẫn đến như vậy. Những đứa trẻ ấy còn chưa có cơ hội để “ở hiền” vậy mà đã “gặp dữ” rồi. Những đứa trẻ đó thật đáng thương! Chỉ cần một lần nhìn thấy những khuôn mặt ngây thơ đó thôi, tôi đảm bảo các bạn cũng như tôi sẽ không cầm nổi lòng mình và lúc đó, các bạn sẽ khẳng định lại câu nói của cha ông ta “Ở hiền gặp lành” là sai, hoàn toàn sai!!! Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng không phải ai “ở hiền” mà cũng “gặp lành” cả. Câu nói của cha ông ta chỉ có phần nào đó là đúng thôi. Nhưng không phải vì thế mà ta phủ nhận nó. Qua câu nói “Ở hiền gặp lành” những người đi trước muốn nhắc nhở, nhắc nhở mọi người phải sống sao cho tốt, làm công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Chúng ta may mắn hơn nhiều người, “gặp lành” hơn nhiều số phận, vì vậy chúng ta nên cưu mang, giúp đỡ những người có

hoàn cảnh khó khăn, mang lại không chỉ niềm vui cho bản thân mà còn mang đến niềm hạnh phúc cho mọi người. Đối với thế hệ trẻ chúng ta, những chủ nhân tương lai của đất nước hãy quan tâm nhiều hơn đến cuộc sống xung quanh mình, hãy làm những việc có ích để “Mỗi người tốt, mỗi việc tốt là một bông hoa đẹp, cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp”. Có thể nói, câu nói “Ở hiền gặp lành” là một câu nói hay, mang nhiều ý nghĩa. Có thể câu nói có lúc không đúng nhưng chúng ta vẫn phải “ở hiền”, làm người tốt, việc tốt, để xây dựng một đất nước giàu mạnh, ấm no, hạnh phúc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghĩ ra một kết thúc khác cho truyện Tấm Cám

Sau khi gặp được Tấm ở hàng nước của bà lão, nhà vua vui mừng khôn xiết. Người liên truyền vông mác đưa nàng về cung và hậu tạ bà lão đã chăm sóc Tấm. Phần về hai mẹ con Cám, sau thời gian lúc đốt khung cửi – là Tấm – và rắc ở xa hoàng cung, cứ tưởng Tấm sẽ không bao giờ xuất hiện nữa, bèn mở cỗ ăn mừng, lấy cớ là mừng Cám thành hoàng hậu chính thức, mời cả làng đến dự. Trong lúc ăn tiệc đột nhiên có tiếng trống, tiếng kèn tiến về phía nhà mẹ con Cám. Mọi người đổ xô ra ngoài sân để xem. Chỉ riêng hai người tham ăn vẫn ngồi trong phòng ăn uống no nê. Bỗng có một tiếng nói vừa lạ vừa quen cất làm mẹ con Cám giật mình, quay lại. Không tin được trước mặt mình là nhà vua cùng...Tấm – có phần lộng lẫy, xinh đẹp hơn trước – đang đứng trước mặt mình. Hai mẹ con bèn quì xuống, lạy lạy lạy để, van xin Tấm tha chết cho họ. Tấm kể lại mọi chuyện với nhà vua. Ngài tức giận, sai binh lính bắt chúng đi chém đầu. Tấm bèn ngăn cản, xin phép vua bắt Cám và mẹ Cám đem vào một ngôi làng ven biển cách xa hoàng cung và truyền cho không bao giờ được quay trở về đô nữa. Nhưng Tấm vẫn cử người bí mật dõi theo hai mẹ con. Từ khi vào làng, vì hai mẹ con từ trước tới giờ ăn sung mặc sướng, chưa bao giờ làm việc nặng nhọc, nên không biết lao động như thế nào, người trong làng thương tình, bèn cho vào làm ruộng. Mẹ Cám lười, bèn bảo Cám đi làm thay mình, lấy cớ là tuổi già sức yếu. Cám thương mẹ nên cũng ra đồng làm. Nhưng làm được một thời gian, Cám mệt quá, không chịu nổi nữa, bèn ngồi chỗ khối đá, cảm thấy ân hận nên ôm mặt khóc nức nở. Bụt hiện lên hỏi. Cám thút thít, kể lại sự tình. Bụt bảo với Cám: - Nếu như con muốn chuộc lại lỗi lầm của mình, thì con hãy đến một con sông thần cách đây 5 dặm, ở đó, hãy tìm dưới sông một chiếc gương thần, nó sẽ giúp con. Nói đoạn, Bụt biến mất. Cám hốt hả chạy về nhà, kể lại toàn bộ sự việc với mẹ mình. Mẹ Cám nghe thế, liền tất tả chuẩn bị đồ đạc đi cùng với Cám. Hai mẹ con đã phải trèo đèo lội suối, chưa kể những lúc mẹ Cám lười nhác, bắt Cám cõng mình qua con đèo cao ngất hay những lúc bà ta đói bụng, bắt Cám phải kiếm thức ăn cho mình. Cám vẫn âm thầm chịu đựng mẹ mình. Sau nhiều ngày mệt nhọc, vất vả, cuối cùng thì cũng tới được con sông đó. Cám bảo mẹ nằm chờ dưới gốc cây, còn mình thì lặn xuống sông để tìm chiếc gương thần. Nhưng không ai ngờ, là khi mẹ Cám nằm ngủ dưới gốc cây đã bị một con hổ

vồ tới và ăn thịt. Khi Cám tìm được chiếc gương và ngoi lên bờ, nhìn thấy đồng xương, còn cả cái đầu lâu còn dính máu và thịt của mẹ mình, Cám liền nhặt xương mẹ lại và ôm mặt khóc. Bụt lại hiện lên hỏi. Cám nói với bụt là đã tìm thấy chiếc gương, nhưng niềm vui không được trọn vẹn khi mẹ Cám đã chết. Bụt nói: - Chiếc gương kia chính là điều ước của con, giờ con có hai lựa chọn: một là dùng nó để ước rằng con chưa bao giờ có tội lỗi gì với chị con, hai là dùng nó để ước mẹ con trở về. con sẽ chọn cái nào?Cám suy nghĩ rất lâu, rồi đáp: -Thưa bụt, con xin ước để mẹ con trở về bên con. Con cũng không cần sung sướng như lúc trước nữa, con chỉ cần ở bên mẹ con, tròn chữ hiếu với bà ấy là được rồi. Bụt mỉm cười, và đáp ứng điều ước của Cám. Đồng xương mà lúc này Cám nhặt lại, hiện trở về thành mẹ Cám, nhưng một bên chân phải của bà đã bị con hổ cắn nát, nên mẹ của Cám mất đi một chân. Điều ước mất. Chiếc gương cũng mất. Cám công mẹ Cám trở về nhà. Và khi vừa về đến nhà, Cám đã thấy lồng đèn, hoa treo rực rỡ, tiếng kèn tiếng trống vang, và Tấm đã chạy đến ôm lấy Cám, nói rằng: - Chị đã biết hết tất cả. Em thật dũng cảm, chị thật khâm phục em khi đã sử dụng điều ước duy nhất để cứu sống dì. Em và dì có bằng lòng dọn vào cung và ở cùng chị và hoàng thượng không ? Cám nghẹn ngào nói không nên lời, bật khóc. Rồi hai người được đưa về hoàng cung. Ít năm sau, Cám được nhà vua ban lệnh cho cưới người em thứ hai của ngài – là một dũng tướng tài ba. Còn mẹ Cám từ đó cũng không còn ác độc như trước nữa, bà cạo tóc đi tu và nấu thân nơi cửa Phật. Từ đó, họ sống với nhau hạnh phúc và không còn bất cứ thù oán gì với nhau nữa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Bài học về cái thiện và cái ác trong truyện Tấm Cám

Tấm Cám là một câu truyện cổ tích kinh điển của dân tộc Việt Nam. Nó mang đậm tính chất giáo dục con người. Thông qua câu chuyện cuộc đời cô Tấm, câu chuyện đã đánh bật lên mâu thuẫn giữa thiện và ác trong xã hội. Tôi đã nghe bà kể từ lâu nhưng giờ đây khi có cơ hội ngồi suy nghĩ và phân tích tôi mới có thể cảm nhận được bài học đạo lý mà câu chuyện này muốn truyền đạt. Sớm mồ côi cha mẹ, cô Tấm sống trong sự ghẻ lạnh của dì ghẻ và Cám. Hằng ngày cô phải làm mọi công việc chỉ để đổi lấy đòn roi của dì và những câu mắng chửi của em. Cuộc sống cứ như thế trôi qua để lại cho cô gái hiền lành những vết thương khó có thể lành. Không ai biết về cô, không ai làm bạn cùng cô trong những đêm buồn tủi, cô Tấm chỉ biết khóc. Dù nỗi đau nối tiếp nỗi đau, vết thương in thêm nhưng vết thương nhưng cô vẫn giữ trọn chữ hiếu cùng dì và nghĩa với đứa em cay ác. Nếu tôi được nói một câu cùng cô, tôi sẽ nói rằng: Cô yếu đuối quá cô Tấm à! Hạnh phúc thật sự chỉ do bản thân mình tự mang lại mà thôi, vậy tại sao cô không thử đứng dậy đấu tranh cho bản thân mình? Từ xưa đến nay, hình ảnh cô Tấm đã trở thành một khuôn mẫu để đánh giá nét đẹp của người phụ nữ. Cô Tấm xinh đẹp, nhân hậu, chăm chỉ và cô rất hiếu thảo. Nhưng cô không được sống trong hạnh phúc thứ mà đáng lẽ cô phải được nhận để xứng đáng với nhân cách tốt đẹp của mình. Việc hằng ngày dì ghẻ và Cám luôn ngược đãi cô Tấm đã thể hiện rõ cho chúng ta thấy được mâu thuẫn xã hội đã hình thành từ rất lâu. Từ khi con người hình thành tri thức, cái thiện và cái ác đã cùng song hành trong xã hội. Không nơi nào tồn tại toàn những người tốt, và cũng sẽ chẳng thể có một xã hội với tất cả những công dân xấu cả. Cái tốt cái xấu đã và đang hiện hữu trong mỗi chúng ta, thật sai lầm khi chúng ta sống mà chỉ cố gắng làm điều tốt! Người tốt thật sự là người biết tự nhìn nhận ra những sai lầm của bản thân và tránh lặp lại chúng. Trở lại cùng câu chuyện của cô Tấm, ở đoạn kết chúng ta thấy được một kết thúc đẹp cho nhân vật chính của chúng ta nhưng ít ai nhận ra rằng để đạt được hạnh phúc đó thì cô Tấm đã phải đứng đấu tranh vô cùng vất vả. Cô chết đi và sống lại bao nhiêu lần để có được cái hạnh phúc ấy? Giả sử câu chuyện ấy kết thúc tại thời điểm cô Tấm chết, Cám làm hoàng hậu và hạnh phúc sống cùng vua và người mẹ độc ác của mình đến cuối đời thì sao? Lúc đó bạn sẽ không thể một lần nhìn thấy hai tiếng

“hòa bình” trong xã hội này đâu. Khi ấy những gì mà trẻ con đến trường nhận được là lòng thù hận, sự ích kỷ và đố kỵ. Hãy tưởng tượng một buổi sáng bạn bước ra đường, vô tình bạn thấy một bà cụ vấp ngã và tất cả mọi người chung quanh bạn vẫn đứng đờ người bước đi? Tưởng tượng rằng bạn phải đến viện bảo tàng để đọc được cuốn tiểu thuyết “Những người khốn khổ” của H.Way mà lúc này nó bị xem là tư tưởng phát-xit ??? Và thử tưởng tượng rằng một ngày nọ... Đền đỏ, xe cộ đậu chỉnh tề ngay sau vạch trắng. Một va chạm xảy ra và hai thanh niên rồi rít xin lỗi nhau. Anh cảnh sát giao thông nhìn cả hai trêu mến rồi tặng mỗi người một cái nón bảo hiểm. Sếp đứng ở cổng, dụ dằng bắt tay từng người và hỏi lương có đủ sống không làm chị lao công xúc động nấc lên từng chập. Bản tin trên đài truyền hình cho biết giá cả đang giảm trong khi mỗi người ai cũng được tăng hai bậc lương khiến mấy chị nhà bếp vỗ tay rần rần. Ở các khu phố, người ta gõ cửa từng nhà để tặng sách giáo khoa cho trẻ. Chỉ cần một tiếng ho là xe cấp cứu chạy đến tức thời. Mưa, người dân mở cửa cho khách bộ hành trú nhờ. Tụi nhỏ thích nghịch nước khóc rấm rứt vì không tìm đâu ra một đoạn đường ngập nước. Ông giám đốc công ty giải trí tức thời lên tivi hứa sẽ xây thật nhiều công viên nước miễn phí cho bọn trẻ... Cái ác có thể mạnh nhưng không thể tồn tại vĩnh viễn, cái thiện có thể yếu nhưng sẽ vẫn luôn tồn tại để đấu tranh chống lại cái ác. Và như thế là một chân lý, người ở hiền thì sẽ gặp lành và kẻ gieo gió ắt cũng có ngày gặp bão.

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể lại truyện cổ tích Tấm Cám

Ngày xưa, nhà kia có hai chị em cùng cha khác mẹ, chị là Tấm, em là Cám. Mẹ Tấm mất sớm, ít năm sau thì cha Tấm cũng qua đời. Tấm ở với dì ghẻ là mẹ Cám. Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi đứa một cái giỏ sai đi bắt tép, đứa nào bắt được nhiều thì được thưởng cho một cái yếm đỏ. Tấm vốn chăm chỉ lại sợ dì mắng nên mài miết suốt buổi để bắt. Còn Cám do được mẹ nuông chiều, ham chơi nên chẳng bắt được. Cuối buổi, thấy giỏ Tấm nhiều tép, Cám nghĩ kế rồi nói: “Chị Tấm ơi chị Tấm Đầu chị lấm Chị hụp cho sâu Kéo về mẹ mắng!” Tấm nghe lời em, xuống ao tắm gội. Cám thừa dịp trút hết tép của Tấm vào giỏ mình rồi chạy về nhà. Lên bờ, thấy giỏ trống không, Tấm ôm mặt khóc nức nở. Bụt hiện lên hỏi, Tấm liền kể hết sự tình. Bụt bảo lấy con cá bống còn sót trong giỏ về nuôi dưới giếng, mỗi khi cho ăn thì gọi: “Bống bống bang bang Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người.” Tấm về làm theo lời Bụt dạy. Từ ngày đó, mẹ Cám thấy Tấm hay dành một bát cơm mang ra giếng sau khi ăn, liền sinh nghi sai Cám đi rình. Biết được sự thật, hôm sau mẹ Cám bảo Tấm đi chăn trâu nơi xa, ở nhà mẹ con Cám bắt cá bống của Tấm lên ăn. Về nhà thấy không còn cá bống, Tấm lại khóc. Bụt hiện lên, Tấm kể lại đầu đuôi. Bụt bảo lấy xương cá bống bỏ vào bốn cái lọ rồi đem chôn dưới bốn chân giường Tấm nằm. Tấm nghe lời Bụt dạy làm ngay. Ít lâu sau, nhà vua mở hội. Hai mẹ con Cám cũng đi dự. Tấm muốn đi dự hội nhưng bị mẹ Cám trộn một đấu gạo với một đấu thóc bắt ở nhà nhặt cho xong, và lại không có quần áo đẹp để đi. Tấm buồn mà khóc. Bụt tiếp tục hiện lên giúp Tấm. Bụt gọi một đàn chim sẻ xuống nhặt thóc cho Tấm trong nháy mắt, rồi bảo Tấm đào bốn cái lọ ngày trước chôn ở dưới bốn chân giường lên. Tấm đào lên thì thấy bốn cái lọ chứa đầy quần áo đẹp, một đôi hài thêu kim tuyến óng ánh, lại có một con ngựa đầy đủ yên cương. Tấm thay quần áo rồi cưỡi ngựa đi. Lúc này, trông Tấm vô cùng xinh đẹp. Lúc qua cầu, Tấm vô ý làm rơi mất một chiếc hài xuống nước. Một lát, đoàn hộ tống nhà vua đi dự hội nhặt được chiếc hài ấy. Vua ngắm chiếc hài rồi ra lệnh: “Hễ đàn bà con gái nào dự hội ướm vừa chiếc hài này thì vua sẽ cưới làm vợ.” Ai cũng tranh nhau ướm thử nhưng không vừa. Mẹ con Cám cũng vậy. Đến lượt Tấm ướm thử thì vừa như in. Nhà vua cho đem kiệu rước Tấm về cung làm vợ mình trước con mắt hân học

của mẹ con Cám. Ngày giỗ cha, Tấm về ăn giỗ. Dì ghẻ bảo Tấm trèo cây cau, hái cau cúng cha. Đang khi Tấm ở trên ngọn cau thì ở dưới dì ghẻ lấy dao chặt cây làm Tấm té mà chết. Cám lấy quần áo Tấm mặc rồi vào cung thay Tấm. Tấm chết biến thành chim vàng anh cũng bay về cung. Thấy Cám giặt áo cho vua, chim bảo: “Giặt áo chồng tao Thì giặt cho sạch Phơi áo chồng tao Thì phơi bằng sào Chớ phơi bờ rào Rách áo chồng tao!” Vua thấy chim hay bay theo mình, nhớ Tấm, liền bảo chim rằng: “Vàng anh vàng anh Có phải vợ anh Chui vào tay áo.” Dứt lời, chim bay vào tay áo vua. Từ đó, vua suốt ngày quần quýt với chim vàng anh, khiến Cám tức tối về mách mẹ. Mẹ Cám bảo Cám bắt chim đem cho mèo ăn, chôn lông chim ngoài vườn. Chẳng bao lâu nơi đó mọc lên một cây xoan đào, xum xuê tươi tốt. Vua thấy đẹp nên sai người mắc võng vào cây hóng mát. Mỗi khi nằm dưới bóng cây vua lại thấy hình ảnh Tấm hiện ra, nên rất quý cây. Cám được mẹ xui chặt cây xoan đào lấy gỗ đóng khung cửu. Lúc ngồi dệt vải, Cám nghe con ác trên khung cửu kêu: “Cót ca cót két Lấy tranh chồng chị Chị khoét mắt ra.” Nghe lời mẹ chỉ, Cám đốt khung cửu rồi đổ tro bên đường xa cung vua. Từ đống tro ấy mọc lên một cây thị, chỉ có duy nhất một trái to vàng. Một bà bán hàng nước đi qua thấy trái thị liền nói: “Thị ơi thị rụng bị bà Bà để bà ngửi chứ bà không ăn.” Tức thì quả thị rụng ngay vào bị, bà lão đem về nhà. Từ đó, ngày nào đi chợ về bà cũng thấy nhà cửa ngăn nắp, cơm nước sẵn sàng. Ngạc nhiên, một hôm bà lão giả vờ đi chợ rồi quay lại nhìn xem. Bà thấy một cô gái xinh đẹp từ quả thị bước ra, nấu cơm, sửa soạn nhà cửa. Bà vội chạy vào nhặt cái vỏ thị, xé vụn. Từ đó hai người sống với nhau như mẹ con. Một hôm, nhà vua đi ngang ghé hàng nước của bà. Bà lão rót nước mời vua ăn trầu. Thấy miếng trầu têm cánh phượng giống hệt trầu Tấm têm cho vua ngày xưa, nhà vua mới hỏi bà lão ai đã têm trầu. Bà lão gọi Tấm ra. Vua nhận ra vợ mình, đón Tấm trở về cung. Cám thấy Tấm vẫn còn sống mà lại trắng đẹp hơn xưa nên bần khoăn tự hỏi vì sao. Tấm bày cho Cám tắm với nước sôi thì sẽ đẹp. Cám hí hửng làm theo thì chết tức khắc. Nghe tin Cám chết, dì ghẻ cũng uất lên mà chết theo con

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy kể lại chuyện Tấm Cám bằng lời văn của em

Ngày xưa ngày xưa, có một gia đình nọ cô chị tên là Tấm cô em tên là Cám. Mẹ Tấm chết sớm nên cha Tấm lấy thêm người vợ thứ hai sinh ra cô em là Cám. Tấm Cám là hai chị em dẫu là khác mẹ nhưng cũng cùng cha thế nhưng tính tình lại trái ngược nhau. Cô chị hiền lành, phúc hậu bao nhiêu thì cô em đánh đá, ghê gớm bấy nhiêu. Ít lâu sau cha của Tấm cũng bệnh nặng qua đời, kể từ ngày ấy Tấm phải sống trong cảnh mẹ ghẻ con chồng. Bà ta bắt Tấm phải làm lụng tất cả các công việc trong nhà, đối xử với nàng vô cùng thậm tệ. Một hôm, bà dì ghẻ bảo Tấm và Cám đi ra đồng bắt tép và hứa sẽ thưởng yếm đào cho đứa nào bắt được nhiều tép hơn. Vốn là người hiền lành chăm chỉ Tấm vâng lời và đi bắt tép. Nàng chăm chỉ bắt nên giỏ đầy những tép những tôm. Còn cô Cám vốn được mẹ cưng chiều từ bé, việc nhẹ nhất cũng chẳng đến tay nên ham chơi, cô đuổi theo bướm, hái hoa nô đùa suốt cả một ngày. Khi sắp về nhận thấy trong giỏ mình không có con tép nào Cám lo lắng không nhận được yếm đào. Cám chạy đến chỗ Tấm bày mưu tính kế nói đầu Tấm nhiều bùn và bảo Tấm tắm sạch đi không về mẹ mắng. Nói đoạn khi Tấm xuống hồ tắm, Cám đổ hết chỗ tép của Tấm sang giỏ của mình và chạy về nhà lãnh thưởng. Tấm tắm xong lên bờ ra về thì thấy giỏ không còn gì, nàng sợ bà dì ghẻ mắng nên ngồi ôm mặt khóc nức nở. Bụt hiện lên và giúp đỡ cho nàng, may mắn thay trong giỏ vẫn còn một con cá bống, theo lời bụt dặn Tấm đem con cá bống ấy về nhà thả xuống giếng hàng ngày mỗi bữa ăn bớt đi để dành cơm cho cá bống. Mỗi lần cho bống ăn Tấm thường gọi: “Bống bống bang bang lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người”. Mẹ con Cám sau khi biết bí mật của Tấm thì đành mò và tìm cách bắt bống giết nó lấy thịt ăn. Bữa nay Tấm lại đem cơm ra cho bống ăn nhưng gọi mãi chẳng thấy bống lên. Nàng lại ôm mặt khóc, bụt hiện lên chỉ cách cho nàng. Gà mái giúp Tấm tìm xương cá, nàng chôn đóng xương ấy vào bốn cái lọ để ở chân giường. Năm ấy, thái tử mở hội kén tân nương, tất cả những người con gái từ tiểu thư khuê các cho đến dân nghèo đều được tham gia. Mẹ con Cám chuẩn bị váy áo để tham dự hội ấy với mong muốn Cám sẽ trở thành hoàng hậu. Đến ngày hội mở, Tấm xin dì ghẻ đi hội vì đã làm xong hết việc nhà nhưng bà ta không cho. Bà ta lấy thóc trộn lẫn gạo và bắt Tấm nhặt xong thì mới có thể đi hội. Nàng ôm mặt khóc bụt lại

hiện lên. Bụt sai đàn chim sẻ xuống nhặt thóc cho Tấm và sau đó nàng lấy những hủ chôn xương cá bống ở chân giường ra. Lại kì thay trong những hủ ấy có đủ quần áo giày dép và một con ngựa đẹp để Tấm đến kinh thành dự hội. Trên đường đi nàng đánh rơi mất một chiếc hài. May thay hoàng tử bắt gặp chiếc hài đó và đem về làm vật thử để chọn vợ. Chị em con gái nô nức thử hài, mẹ con Cám cũng thử nhưng lại không vừa. Tấm đến nơi thử hài thì vừa in, ngay hôm đó Tấm được tiến cung làm hoàng hậu. Tấm có những ngày tháng hạnh phúc bên hoàng tử. Ít lâu sau đến ngày giỗ cha Tấm, nàng trở về quê nhà để ăn giỗ. Mẹ con Cám ganh ghét với Tấm và tìm cách hãm hại nàng. Tấm tuy là hoàng hậu nhưng vẫn là đứa con hiếu thảo nàng không ngại trèo lên hái cau cúng thầy. Bà dì ghẻ lấy dao chặt cây cau để giết Tấm. Tấm ngã chết, bà dì ghẻ đưa con mình vào cung thay Tấm làm hoàng hậu. Tấm chết đi biến thành vàng anh ngày đêm quần quýt bên hoàng tử, mẹ con Cám giết vàng anh, vàng anh biến thành cây xoan đào ngày ngày hoàng tử thường ra đó mắc võng nằm hóng mát. Thấy thế mẹ con Cám lại chặt cây xoan đào đi làm nó thành khung cửi nhưng cứ mỗi lúc Cám ngồi dệt thì khung cửi lại kêu lên thành tiếng “Kêu cà kéo kẹ/ Lấy tranh chồng chị/ Chị khoét mắt ra”. Cám sợ hãi rồi cũng nghe theo lời mẹ đốt khung cửi đổ tro đi. Chỗ cho ấy mọc lên một cây thị, một bà lão đi qua đem thị về. Một hôm vua đi qua chỗ ấy, dừng lại uống nước thì thấy miếng trầu tằm giống với miếng trầu vợ mình tằm nên mới đành xin phép gặp người tằm giàu. Vợ chồng Tấm đoàn tụ từ đó, Tấm về cung trong sự ngỡ ngàng của Cám. Cám bị đuổi khỏi cung, thấy Tấm ngày càng trắng trẻo xinh đẹp lại thêm phần tức. Người làng xui Cám tắm nước nóng là sẽ trắng nên Cám làm theo và chết ngay tại chỗ. Bà dì ghẻ thấy con chết cũng sợ hãi mà chết theo.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hóa thân vào nhân vật Tấm kể lại toàn bộ câu chuyện

DÀN Ý 1. Mở bài : - Giới thiệu, dẫn dắt về vào câu chuyện Tấm Cám Tôi tên là Tấm... 2. Thân bài : Đóng vai thành nhân vật Tấm kể theo trình tự của truyện - Tấm và Cám vốn là hai chị em cùng cha khác mẹ, mẹ Tấm mất sớm, sau đó ít lâu thì người cha cũng lâm bệnh qua đời, Tấm phải sống cùng dì ghẻ và Cám - Tấm bị đối xử rất tàn tệ, ngày ngày phải làm việc, phục vụ mẹ con Cám. Trong khi đó, ngược lại thì em gái - Cám lại được nuông chiều, chỉ biết rong chơi - Một hôm dì ghẻ sai Tấm và Cám đi mò cua bắt ốc. Cuối ngày, ai thu được nhiều nhất sẽ được thưởng một chiếc yếm đỏ. Cám đã lừa Tấm đi tắm gội để lấy giỏ cá của Tấm trút hết vào giỏ của mình, ngang nhiên đem về đổi lấy yếm đỏ. - Lên bờ, thấy giỏ trống không, Tấm buồn bã bật khóc nức nở. Bụt liền hiện lên hỏi. Nghe rõ sự tình, Bụt bảo lấy con cá bống còn sót trong giỏ về nuôi dưới giếng, mỗi khi cho ăn thì gọi: “Bống bống bang bang Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người. ” Tấm về nhà và làm theo. Song mẹ con Cám biết được, nhân lúc Tấm đi vắng, làm thịt con cá. - Tấm trở về không thấy đâu, liền khóc. Bụt hiện lên, Tấm kể lại đầu đuôi. Bụt bảo lấy xương cá bống bỏ vào bốn cái lọ rồi đem chôn dưới bốn chân giường Tấm nằm. Tấm nghe lời Bụt dạy làm ngay, nhưng không tìm thấy. Thấy thế gà lại nói: “Cục ta cục tác, cho ta nằm thóc, ta bới xương cho” - Ít lâu sau, nhà vua mở hội. Hai mẹ con Cám cũng đi dự. Tấm muốn đi dự hội nhưng bị mẹ Cám trộn một đấu gạo với một đấu thóc bắt ở nhà nhặt cho xong, và lại không có quần áo đẹp để đi. Lần này Bụt lại hiện lên giúp đỡ, bảo Tấm đào bốn cái lọ chôn ở bốn chân giường lên sẽ có đầy đủ quần áo, ngựa để dự hội lại sai thêm đàn chim sẽ nhặt thóc gạo. - Lúc qua cầu, Tấm vô ý làm rơi mất một chiếc hài xuống nước. Một lát, đoàn hộ tống nhà vua đi dự hội nhặt được chiếc hài ấy. Vua ngắm chiếc hài rồi ra lệnh: “Hễ đàn bà con gái nào dự hội ướm vừa chiếc hài này thì vua sẽ cưới làm vợ.” Tấm đến hội, nàng ướm thử chiếc hài, vừa như in. Vua cho đón nàng về dinh làm vợ. - Đến đây là những lần Tấm bị hãm hại, luân chuyển từ kiếp này sang kiếp khác : + Trong ngày giỗ cha, Tấm về nhà thì bị bà dì ghẻ chặt cây cho ngã trong lúc nàng đang trèo cau để lấy cau cúng cha. Nàng chết, hóa thành chim vàng anh + Cám tự đưa mình vào cung thay Tấm. Thấy vàng anh luôn gần bó bên vua, Cám ghen, liền đem chim cho mèo ăn rồi chôn lông chim ngoài vườn. Chỗ đó

mọc lên một cây xoan đào. + Vua mắc võng ở cây xoan đào thì luôn thấy hình ảnh của Tấm. Thấy thế, Cám chặt cây xoan đào làm khung cửi + Song Cám dùng khung cửi thì thấy con ác của khung cửi kêu : “Cót ca cót két. Lấy tranh chồng chị Chị khoét mắt ra. ” + Cám sợ hãi đem đốt khung cửi, chôn cho ở một nơi thật xa. Chỗ đó mọc lên một cây thị có một trái thị duy nhất. Bà hàng nước đi qua, quả thị rụng vào bị. Từ đó, ngày nào đi chợ về bà cũng thấy nhà cửa ngăn nắp, cơm nước sẵn sàng. Ngạc nhiên, một hôm bà lão giả vờ đi chợ rồi quay lại rình xem. Bà thấy một cô gái xinh đẹp từ quả thị bước ra, nấu cơm, sửa soạn nhà cửa. Bà vội chạy vào nhặt cái vỏ thị, xé vụn. Từ đó hai người sống với nhau như mẹ con. - Một hôm vua đi qua hàng nước, thấy miếng trầu cánh phượng giống miếng trầu Tấm tẩm khi xưa, liền hỏi chuyện. Tấm và vua gặp lại nhau, vua đón Tấm về dinh, sống hạnh phúc. (ở đây, nếu muốn còn có thể kể thêm chuyện chi tiết Cám tắm nước sôi, mù di ghê chết...) 3. Kết bài : - Nêu ý nghĩa, cảm nhận về câu chuyện.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tóm tắt truyện cổ tích Tấm Cám

Tấm là một cô gái hiền lành, xinh đẹp, mồ côi mẹ, sống với dì ghẻ và cô em cùng bố khác mẹ tên là Cám. Tấm bị mẹ con Cám ghen ghét, ngược đãi. Đi hót tép, Tấm bị Cám đánh lừa trút hết giỏ tép. Tấm nuôi con cá bống, mẹ con Cám giết chết con cá bống. Ngày hội, dì ghẻ trộn gạo lẫn thóc, bắt Tấm ở nhà nhặt xong mới được đi xem. Mỗi lần bị mẹ con Cám gây chuyện ngược đãi, đau khổ như vậy, Tấm đều được bụt hiện lên an ủi, giúp đỡ. Bụt bảo Tấm nuôi cá bống cho có bạn, bụt sai chim sẻ nhặt giúp Tấm mớ gạo trộn lẫn thóc. Bụt chỉ cho Tấm cách chôn xương cá bống để đến ngày hội Tấm có quần áo, khăn, giày đẹp. Tấm đi xem hội, đến chỗ lội, đánh rơi một chiếc giày xuống nước. Nhờ chiếc giày bị rơi ấy, Tấm được vua biết đến và lấy làm vợ. Mẹ con Cám lập mưu giết chết Tấm rồi đưa Cám vào thế chân Tấm. Tấm chết hóa thành chim vàng anh. Chim vàng anh bị Cám giết chết lại hóa thành cây xoan đào. Cám chặt cây xoan đào, đóng khung cửa, khi ngồi vào dệt vải, con ác bằng gỗ trên khung cửa kêu: “cót ca cót két, may tranh chồng chị, chị khoét mắt ra”. Cám đốt khung cửa, đổ tro ở một nơi xa cung vua. Từ đống tro mọc lên một cây thị lớn, chỉ có một quả thật to. Một bà cụ bán hàng nước được quả thị ấy, mang về để ở nhà. Mỗi khi bà cụ vắng nhà, từ quả thị, một cô gái - tức Tấm chui ra quét dọn, nấu ăn giúp bà cụ. Một hôm, vua đến uống nước, ăn trầu ở hàng bà cụ, thấy có miếng trầu do Tấm tằm, đã nhận ra vợ. Tấm trở lại cuộc sống hạnh phúc bên vua. Còn mẹ con Cám thì bị trừng phạt thích đáng: Cám bị gội nước sôi chết, xác nó đem làm mắm gửi cho mẹ ăn. Ăn hết chĩnh mắm, trông thấy đầu lâu đứa con gái ở đấy chĩnh, mẹ dì ghẻ ngã vật ra chết. Hoặc Tấm là một cô gái hiền dịu, nết na cùng với Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Mẹ Tấm qua đời khi Tấm mới biết đi. Sau đó ít năm, người cha cũng chết. Tấm ở với mẹ dì ghẻ là mẹ Cám. Tấm phải làm lụng quần quật suốt ngày, còn Cám được mẹ nuông chiều sinh ra lười biếng. Tấm đã không ít lần bị mẹ con Cám chèn ép, đẩy đến bước đường cùng, đầu tiên là việc cái yếm đỏ, sau đó người bạn thân duy nhất của Tấm là cá bống cũng bị giết thịt hay việc mẹ con Cám âm mưu không cho Tấm đi dự hội....Đối mặt với những sự việc bất hạnh đó Tấm chỉ biết khóc nhưng may thay Tấm lại được sự giúp đỡ của Bụt. Khi đã trở thành hoàng hậu Tấm vẫn không thoát khỏi những mưu kế thâm độc của dì ghẻ và Cám. Với sức sống mãnh

liệt, Tắm đã nhiều lần hoá thân thành chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, quả thị. Cuối cùng được một bà lão hàng nước đem về sống chung. Một lần khi vua ghé qua nhận biết được miếng trầu mà Tắm từng tằm, hai người nhận ra nhau, vượt qua bao khó khăn thì Tắm cũng đã tìm ra hạnh phúc cho chính mình. Còn mù dè ghê và Cám đã phải nhận hậu quả mà mình gây ra. Câu chuyện kết đọng lại trong lòng người đọc về một xã hội công bằng: cái Thiện luôn chiến thắng cái Ác

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy làm sáng tỏ quá trình đấu tranh của Tấm để dành lại hạnh phúc

Đã là người Việt Nam, trong thời thơ ấu của mình có mấy ai không từng được nghe kể chuyện Tấm Cám và hình ảnh cô Tấm mồ côi ao ước chiếc yếm đào, ngồi khóc bên giếng vì mất bóng, bị hắt hủi tội nghiệp đã làm lay động bao trái tim nhân hậu. Kiểu truyện Người mồ côi rất quen thuộc trong truyện cổ tích Việt Nam và nước ngoài, trong đó Tấm Cám là kiểu truyện phổ biến. Ở Pháp có truyện Lọ Lem, Đức có Cò Tro Bếp, Trung Quốc có Nàng Diệp Hận, Thái Lan có Con cá vàng, Mianma có Truyện con rùa, Cam-pu-chia có Nêang-Cantóc... Nhiều dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng có những truyện tương tự Tấm Cám: Tua Gia Tua Nhi (Tày), Ý Uời Ý Noọng (Thái), Gầu Nà – Gầu Rềnh (Mông), Đôi giày vàng (Chăm), ứ và Cao (Hơ-rê), Gơ liu-Gơ lát (Xơ-rê)... khác với những truyện tương tự Tấm Cám ở phương Tây, thường kể về cô gái mồ côi bất hạnh, chăm chỉ hiền lành được vào hoàng cung, lấy chồng hoàng tử và kết thúc ở đó. Truyện Tấm Cám còn có phần thứ hai, phản ánh cuộc đấu tranh gian nan và quyết liệt để giành và giữ hạnh phúc của Tấm. Cả hai phần của truyện đều thể hiện mơ ước thiện thắng ác và mơ ước về hạnh phúc của nhân dân lao động Việt Nam xưa. Thân phận và con đường đến với hạnh phúc của cô gái mồ côi. Truyện kể mẹ Tấm chết từ hồi Tấm mới biết đi, lời kể đã xác định thân phận mồ côi của Tấm. Trong bao nỗi đau buồn của một đứa trẻ, có lẽ đau khổ thiết tha nhất là thiếu mẹ. Tục ngữ có câu “Cha chết ăn cơm với cá, mẹ chết liếm lá đầu cha” để khái quát nỗi đau khổ, thiết tha vô cùng của đứa con mồ côi mẹ. Mồ côi cha đã khổ, mồ côi mẹ còn thiết tha, đau khổ hơn nhiều. Mọi đau khổ của Tấm đều bắt nguồn từ quan hệ với mẹ con người di ghẻ. Tấm cô đơn chỉ biết khóc mỗi khi bị hành hạ. bị Cám lừa trút mất giỏ tép, mất hi vọng có cái yếm đào, Tấm khóc. Cái yếm đào chỉ là một món quà bé nhỏ, nhưng với cô Tấm nghèo khó, mồ côi, đang ở tuổi trăng tròn, lại chẳng bao giờ được nhận một món quà nào thì nó thật đáng quý. Vì vậy, dường như Tấm không chỉ khóc vì bị mất yếm đào mà còn vì chút hi vọng được nhận yêu thương cũng tan biến mất. Bị lừa đi chăn trâu đồng xa để ở nhà mẹ con Cám làm thịt chú bóng bé nhỏ bầu bạn với Tấm, Tấm lại khóc. Chú bóng nhỏ bé, được cô nhường nhịn, chăm chút yêu thương trong bát cơm hẩm san sẻ cho bóng và câu gọi thiết tha ““Bóng

bống bang bang, lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hầm cháo hoa nhà người”. Với cô gái mồ côi không được nhận sự chăm sóc nào như Tấm thì chăm chút cho bống là một nhu cầu tình cảm, nhu cầu được chăm chút và sẻ chia. Vì vậy, việc giết bống đâu phải để thỏa mãn sự tham ăn của mẹ con Cám mà là để hành hạ Tấm, phá đi chỗ dựa tình cảm của cô gái đơn côi. Cục máu bầm nổi trên mặt giếng như bằng chứng không lời về sự tàn bạo, độc ác của hành động giết bống. Lần thứ ba Tấm khóc là khi cô không được đi hội làng. Dì ghẻ trộn thóc với gạo bắt Tấm nhặt. Đến đây, sự hành hạ chẳng cần phải che đậy như những lần trước. Hội làng là ngày vui nhất trong năm. Mọi người từ già đến trẻ, từ giàu đến nghèo đều được đi hội và chia sẻ niềm vui chung, thế mà riêng Tấm bị bắt ở nhà, cô càng lẻ loi hơn. Tấm lại khóc và dường như tiếng khóc lại một lần nữa đẩy nỗi đau khổ của cô lên cao hơn. Thân phận đầy đau khổ của cô Tấm trong truyện cổ là thân phận chung của những người nghèo, người mồ côi lương thiện trong xã hội xưa. Mâu thuẫn giữa Tấm với mẹ con dì ghẻ không chỉ là mâu thuẫn dì ghẻ – con chồng mà còn là biểu hiện cụ thể của xung đột thiện – ác trong cuộc đời. Tấm đại diện cho nhân vật thiện chăm chỉ, lương thiện, đôn hậu (bắt được đầy giỏ tép, đi chăn trâu đồng xa, nhin cơm dành nuôi bống...). Cái ác hiện hình trong mẹ con mụ dì ghẻ qua hành động: lừa gạt lấy mất giỏ tép để tước đoạt ước mơ bé nhỏ của Tấm là cái yếm đào, lén lút giết chết con bống là giết chết người bạn bé nhỏ của Tấm, trắng trợn trộn thóc với gạo nhằm dập tắt niềm vui được đi hội làng, được giao cảm với đời của cô, ... Tiếng khóc tội nghiệp của Tấm mỗi lần bị chèn ép, áp bức có sức lay động mọi trái tim nhân hậu, gợi dậy niềm cảm thông, chia sẻ của mọi người. Cái thiện càng bị o ép, áp bức, cái ác càng lộ rõ hành, tác oai tác quái thì mâu thuẫn thiện – ác thể hiện càng sâu sắc, không thể dung hòa, tạo nên không khí căng thẳng buộc phải thay đổi. Truyện cổ tích thần kì thường giải quyết mâu thuẫn ấy theo hướng: dù lâu hay mau, dù gian nan khó khăn đến thế nào, song thiện nhất định sẽ thắng ác và người lương thiện nhất định sẽ được nhận hạnh phúc. Con đường đến với hạnh phúc của nhân vật thiện chính là xu hướng giải quyết mâu thuẫn rất đặc trưng của cổ tích. Để giải quyết mâu thuẫn đó, truyện cổ tích thường sử dụng yếu tố kì ảo. Truyện Tấm Cám, giải quyết mối xung đột thiện – ác cũng theo hướng thiện thắng ác và nhờ sự giúp sức của nhân vật Bụt. Bụt thường xuất hiện đúng lúc mỗi khi Tấm khóc, an ủi, nâng đỡ cô mỗi khi Tấm gặp khó khăn hay đau khổ. Tấm mất yếm đào – Bụt cho cá bống. Tấm mất bống – Bụt cho hi vọng đổi đời. Tấm không được đi hội – Bụt cho chim sẻ đến giúp Tấm, đưa Tấm đến hội, gặp nhà vua, được làm hoàng hậu và đạt đến đỉnh cao

hạnh phúc. Bụt (tên gọi dân gian của Phật) vốn là nhân vật của Phật giáo, đã được dân gian hóa, trở thành ông lão hiền lành, tốt bụng, nhiều quyền năng, xuất hiện đúng lúc để nâng đỡ mơ ước, chữa lại số phận hẩm hiu cho người nghèo. Cùng với Bụt, con gà biết cảm thông với Tấm, chim sẻ biết giúp Tấm nhặt thóc ra thóc, gạo ra gạo, cũng là yếu tố kì ảo, trợ giúp Tấm trên đường tới hạnh phúc. Hoàng hậu Tấm là hình ảnh cao nhất về hạnh phúc mà nhân dân có thể mơ ước cho cô gái mồ côi nghèo, cô đơn trong xã hội xưa. Những đau khổ của người mồ côi là có thực và phổ biến, còn hạnh phúc mà họ được hưởng thường rất hiếm hoi, phần lớn chỉ là mơ ước. Để phản ánh mơ ước về hạnh phúc qua nhân vật mồ côi, truyện cổ tích đã “chữa lại” số phận không may mắn cho họ. Điều đó thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời, hi vọng ở tương lai công bằng, dân chủ của nhân dân lao động. Trong truyện Tấm Cám Việt Nam và những truyện tương tự của nước ngoài, các cô gái mồ côi đến với hạnh phúc nhờ đôi giày, vật báu trực tiếp đem lại may mắn. Nhờ chiếc giày cô gái đánh rơi mà nhà vua hay hoàng tử nhận ra người đẹp và kết hôn với cô. Hình ảnh đôi giày trong văn hóa một số nước có ý nghĩa giao duyên, là vật làm tin các chàng trai cô gái thường trao cho nhau trước hôn lễ. Các chú rể người Đức thường tặng cho vị hôn thê của mình một đôi giày trong lễ đính hôn. Khi cô gái ướm chân vào giày, chàng trai phải tự tay mình đóng nốt những chiếc đinh cuối cùng với hi vọng hôn nhân của họ sẽ bền chặt, ở Trung Quốc, các cô gái dù chưa biết mặt người chồng tương lai của mình là ai vẫn cứ khâu một đôi giày vải hoặc tết một đôi giày rơm làm món quà tặng đầu tiên cho chồng, ở Việt Nam, đôi giày không có ý nghĩa giao duyên, nhưng khi những người phụ nữ bình dân nghe tin loa truyền, ai đi vừa giày sẽ được làm hoàng hậu thì “đàn bà con gái trong đám hội chen nhau đến ướm chân vào giày”. ướm chân hay chính là được một lần thử vận may của mình! Có ai không mơ ước hạnh phúc và có ai lại bỏ qua cơ hội kiếm tìm hạnh phúc cho mình. ướm giày, họ hi vọng một may mắn tình cờ nào đó sẽ dẫn mình đến tương lai tốt đẹp. Nhưng truyện cổ tích không bao giờ có ngẫu nhiên cho những người bất kì. Chỉ có người đáng hưởng hạnh phúc nhất mới là người ướm chân vừa giày và nhận món quà may mắn của số phận. Ta hiểu rằng, đằng sau lũy tre làng yên tĩnh luôn ấp ủ bao mơ ước lãng mạn và kì diệu của người nghèo, truyện cổ tích đã tạo hình cho những mơ ước đó và nuôi nó sống động trong những câu chuyện kể. Tấm nhờ chăm chỉ, lương thiện mà được Bụt giúp đỡ, từ cô gái mồ côi nghèo trở thành hoàng hậu. Đó là con đường đến với hạnh phúc của các nhân vật thiện như Tấm trong truyện cổ tích châu Âu và thế giới. Điều đó một mặt phản ánh ước mơ thiện thắng ác,

mặt khác còn nêu triết lí “ở hiền gặp lành”, một triết lí phổ biến trong truyện cổ tích.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hạnh phúc là đấu tranh. Qua truyện Tấm Cám, hãy làm sáng tỏ quá trình đấu tranh của Tấm để dành lại hạnh phúc

Các truyện cổ tích châu Âu cùng kiểu với truyện Tấm Cám của Việt Nam thường kết thúc khi cô gái mồ côi kết hôn với hoàng tử và hưởng hạnh phúc. Truyện Tấm Cám không chỉ dừng ở kết thúc phổ biến đó mà còn tiếp thêm một chặng nữa của cuộc đời nhân vật. Tấm trở thành hoàng hậu nhưng vẫn bị cái ác tiêu diệt. Cô Tấm lương thiện, hiền thảo trèo cau hái quả cúng cha đã bị mẹ con Cám chặt cây giết chết. Cô Tấm hiền lành, ngây thơ vừa ngã xuống, một cô gái mạnh mẽ và quyết liệt hơn sống dậy, hóa thân trở về với cuộc đời, công khai chống lại cái ác đòi hạnh phúc. Cuộc chiến đấu đó thật gian nan, quyết liệt nhưng cũng thật hấp dẫn đối với người nghe, người đọc truyện cổ tích. Bởi trong cuộc đời, những gì người mồ côi yếu thế, nhỏ nhoi không thể làm được thì cô Tấm đã thay họ thực hiện “oán thì trả oán, ân thì trả ân” đến tận cùng. Tấm thảo hiền bị dì ghẻ chặt cây sát hại mà không cam chịu chết. Cô hóa vàng anh, bay vào cung vua báo hiệu sự có mặt của mình trong lời nhắc nhở “Giặt áo chồng tao, thì giặt cho sạch, phơi áo chồng tao, thì phơi bằng sào, chớ phơi bờ rào, rách áo chồng tao”, vàng anh bị giết chết. Tấm hóa cây xoan đào (khung cửi), tuyên chiến với kẻ thù trực tiếp và dữ dội hơn “Lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra”, khung cửi bị đốt cháy. Từ đồng tro tàn chết chóc, Tấm hóa cây thị (quả thị) trở lại với đời. Trong sự hóa thân ấy có sự kiên nhẫn và lòng dũng cảm. Phải chăng trong nhân vật Tấm đã hội tụ sự dịu dàng và tính cách bất khuất của phụ nữ Việt Nam từ xa xưa. Tấm đã hóa thân, cái thiện không chịu chết một cách oan ức trong im lặng đã vùng dậy, còn cái ác cũng tìm mọi cách tiêu diệt cái thiện. Những lần chết đi sống lại của Tấm phản ánh tính chất gay gắt, quyết liệt của cuộc chiến đấu giữa thiện với ác, đồng thời cũng thể hiện sức sống mãnh liệt, không thể bị tiêu diệt của cái thiện. Phải chăng cô Tấm có thể chết đi sống lại, có thể tự mình hóa thân để trở lại với đời? Chính những người dân nhân hậu và giàu tình thương đã không nỡ để một cô gái lương thiện như Tấm phải chết oan ức trong thầm lặng. Họ đã mượn yếu tố kì ảo, thổi sức sống mãnh liệt cho nhân vật, di dưỡng sức sống tiềm tàng trong đó, vực nhân vật dậy “đi trả thù để sống tự do”. Nhân dân đã gửi gắm vào nhân vật Tấm lòng nhân đạo, tình yêu thương con người sâu sắc của mình. Chim vàng anh, cây xoan đào (khung

củi), cây thị (quả thị) là những nơi Tấm gửi gắm linh hồn, cũng là những vật bình dị thân thương trong cuộc sông dân dã. Đó cũng là những hình ảnh đẹp của làng quê, làm nên ấn tượng thẩm mỹ cho câu chuyện. Nếu như ở phần đầu truyện, mỗi lần Tấm khóc Bụt thường hiện lên ban tặng vật thần kì, thì ở phần sau, cuộc đấu tranh với cái ác quyết liệt hơn nhưng Tấm không còn khóc, cũng không còn thấy sự xuất hiện của Bụt, chỉ thấy Tấm hành động liên tiếp để chống lại kẻ thù. Cũng chính nhân dân lao động, những người có thân phận như Tấm, những người thấu hiểu và cảm thương cô tấm thiết thòi, đã gửi vào nhân vật ấy ý thức mãnh liệt giành và giữ hạnh phúc của mình. Đằng sau câu chuyện đã gửi gắm một chân lí: Hạnh phúc chỉ bền chặt khi ta biết dũng cảm giành và giữ lấy. Vì vậy, nếu lúc đầu mỗi lần Tấm uất ức chỉ biết ngồi khóc, còn Bụt làm thay tất cả, thì đến đây chim vàng anh, khung cửi, quả thị (yếu tố kì ảo) không thay Tấm trong cuộc chiến đấu mà chỉ là nơi Tấm hóa thân, tạm ẩn mình để trở về đấu tranh với cái ác quyết liệt hơn. Sau bao lần hóa thân chống lại kẻ thù, Tấm trở về với cuộc đời, với làng quê bình dị, vẫn là cô gái đảm đang khéo léo với miếng trầu têm cánh phượng. Nhờ miếng trầu mà nhà vua nhận ra người vợ đảm của mình và đưa Tấm về cung. Miếng trầu là hình ảnh quen thuộc trong đời sông văn hóa Việt Nam, gắn với phong tục hôn nhân người Việt “Miếng trầu nên dâu nhà người”, “Miếng trầu ăn ngọt như đường, đã ăn lấy của phải thương lấy người”... Miếng trầu mang ý nghĩa giao duyên như vậy đã có mặt trong sự hội ngộ của nhà vua và Tấm. Nhưng sau nhiều lần chết đi sống lại trong lồng chim, cây, quả., dường như Tấm hiểu rằng không thể có hạnh phúc trọn vẹn chừng nào cái ác còn tồn tại, chừng nào mẹ con Cám còn hiện diện. Cô lừa Cám để nó sai người đào hố, giới nước sôi, tự tìm đến cái chết. Kết thúc đó nêu triết lí dân gian “ác giả ác báo”, phù hợp với mong ước của nhân dân về sự trừng phạt tận gốc kẻ thù. Cuối cùng, hạnh phúc đã trở về với Tấm như món quà tặng quý giá cho lòng chung thủy và sự dũng cảm của cô. Sự hóa thân nhiều lần rồi trở về với cuộc đời của Tấm là biểu hiện sinh động của quan niệm về công bằng xã hội và hạnh phúc. Người lương thiện phải được nhận hạnh phúc, còn kẻ ác nhất định bị trừng phạt, đó là quy luật của lòng nhân đạo, tình yêu thương con người. Người lao động không chờ đợi hạnh phúc đẹp và mơ hồ ở cõi nào khác, mà tìm và giữ hạnh phúc thực sự ngay trên mảnh đất mình từng gắn bó, ở nơi trần thế. Những lần hóa thân ấy của Tấm đã hàm chứa nhiều triết lí dân gian sâu sắc về hạnh phúc và đấu tranh đúng như có nhà thơ đã viết: Không rơi xuống bùn, ôi trái thị quê ta, Để bùn lấm và thành bùn vạn kiếp Rơi vào tay người đó là định luật, Của đấu tranh và nhân nghĩa Việt Nam. Khi bàn về sự

hóa thân của Tấm, có người cho đó là ảnh hưởng từ thuyết luân hồi nhà Phật (luân: vòng tròn, bánh xe; hồi: quay trở lại. Luân hồi là sự xoay vần liên tục. Một sinh vật sau khi chết sẽ chuyển sang hình hài một sinh vật khác: Người, vật, cây cỏ... để trả nợ cho những gì kiếp trước mình đã phạm). Nhưng nếu mượn thuyết luân hồi thì truyện Tấm Cám chỉ mượn hình thức để thể hiện mơ ước, tinh thần lạc quan của người lao động mà thôi. Bởi luân hồi nhà Phật là để chịu đau khổ do tội lỗi từ kiếp trước của mình, rồi sau đó tìm hạnh phúc ở cõi niết bàn cực lạc xa xôi. Còn cô Tấm chết đi sống lại nhiều lần không phải để chịu khổ đau, cũng không định tìm hạnh phúc đẹp nhưng mơ hồ ở cõi Niết bàn mà để quyết giành và giữ hạnh phúc có thực của mình ngay ở thế giới này. Đó là lòng lạc quan, yêu đời và tinh thần thực tế của người lao động khi sáng tạo truyện cổ tích. Cuộc chiến đấu giữa Tấm với mẹ con dì ghẻ gian nan, quyết liệt nhưng cuối cùng Tấm đã chiến thắng. Đó là chiến thắng tất yếu của cái thiện, của lòng nhân đạo và lạc quan theo quan niệm của nhân dân. Kết thúc có hậu trong truyện cổ tích là biểu hiện tập trung những ước mơ của tác giả dân gian. Hầu hết truyện cổ tích đều kết thúc có hậu: người nghèo sẽ giàu có, người mất vợ sẽ tìm lại được và sống hạnh phúc, người xấu xí, dị dạng trở nên xinh đẹp, người bị áp bức nhiều nhất sẽ bước lên địa vị tối cao, được làm vua hay hoàng hậu... Kết thúc đó mang đến ánh sáng và vẻ đẹp lãng mạn cho truyện cổ tích, làm cho nó có sức hấp dẫn đặc biệt đối với mọi thế hệ, thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời và niềm khát khao vươn tới cái đẹp, cái thiện của nhân dân lao động Việt Nam xưa. Cô Tấm nghèo khổ, bị hành hạ, chết đi sống lại, cuối cùng đã tiêu diệt cái ác, gặp lại chồng, trở về làm hoàng hậu bên những người dân hiền lành tốt bụng. Kết thúc đó còn mang mơ ước đổi đời của những người lao động nghèo, là bức tranh về một xã hội lí tưởng có “vua hiền, tôi giỏi”. Trong xã hội mơ ước đó, người lao động hiền lành, lương thiện đã được hưởng hạnh phúc. Cũng như nhiều truyện dân gian khác, truyện Tấm Cám có nhiều dị bản. Những bản kể ra đời ở thời trung đại đều kết thúc khi Tấm giết Cám, là mầm gửi về cho dì ghẻ. Mụ ăn cứ tấm tắc khen ngon, đến khi ăn hết mới nhận ra đầu lâu con mình ở đáy hũ liền lăn đùng ra chết. Không ít người từng hài lòng trước sự trừng phạt ấy, bởi Tấm đã thay mặt cái thiện để tiêu diệt cái ác, thực hiện công lí mang tính nhân dân thể hiện quan niệm và mơ ước về sự chiến thắng tuyệt đối, tự mình tiêu diệt tận gốc kẻ thù. Mẹ con Cám đã không từ thủ đoạn độc ác nào để hành hạ Tấm, từ lừa gạt đến trắng trợn bóc lột, từ lén lút giết Tấm đến công khai đốt cô thành tro bụi... Tội ác man rợ đó đáng bị trừng trị, hơn thế theo quan niệm “làm ác trả ác”, “hại nhân nhân hại” thì sự trừng phạt ấy

là đích đáng. Nhưng hiện nay, tính chất thời đại đã thay đổi, hình thức trừng phạt ấy khiến cho nhiều người cảm thấy rùng rợn và ấn tượng đẹp về một cô Tấm thảo hiền, đôn hậu bị giảm đi. Vì vậy truyện cổ tích Tấm Cám lại tiếp tục số phận lịch sử của nó trên chặng đường truyền miệng, lời kể đã được thay đổi cho phù hợp với nhu cầu và quan niệm thẩm mỹ ở thời hiện đại mà nó đang lưu truyền.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tưởng tượng về cuộc gặp gỡ trong mơ đối với nhân vật Tầm trong truyện Tầm Cám và kể lại câu chuyện trên

DÀN Ý 1. Mở bài Vừa rồi mới học văn bản Tầm Cám, em thấy bản thân rất thích Tầm, đang học bài thì bỗng gục xuống, giấc mơ đưa em tới một làng quê Việt Nam xưa. Và em đã gặp được Tầm. 2. Thân bài - Em gặp Tầm trong hoàn cảnh nào? → Em gặp Tầm khi Tầm đang cho cá bống ăn. - Khi đó hình ảnh Tầm mà em thấy là thế nào? → Tầm lấm bần cười tươi, khuôn mặt xinh đẹp như tiên giáng trần. - Lúc đó em có làm gì giúp Tầm hay không? Làm sao để em và Tầm có thể nói chuyện? → Lúc đó em thấy có một chiếc xương cá rơi, em lo di ghè sẽ nghi ngờ Tầm nên em nhặt xương cá vứt đi, Tầm quay lại thấy và hỏi chuyện. Vậy là em và Tầm nói chuyện với nhau. - Sau đó, bỗng có bàn tay ấm ấm gõ nhẹ vào vai, thì ra là mình đang mơ, em gái đang gọi mình dậy. 3. Kết bài Dù là chỉ là một giấc mơ nhưng cuộc gặp gỡ trong giấc mơ rất ngắn, em mong sẽ được gặp Tầm lần nữa, dù chỉ là mơ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Đặc trưng nổi bật của loại truyện cổ tích thần kì trong truyện Tấm Cám

Tấm Cám là một trong những truyện cổ tích thần kì tiêu biểu nhất trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Nói tiêu biểu nhất vì từ câu chuyện này, chúng ta có thể nhận thấy rất rõ những đặc trưng nổi bật của loại truyện cổ tích thần kì. So với cổ tích loài vật và cổ tích sinh hoạt, cổ tích thần kì là loại truyện mang những đặc trưng nổi bật của thể loại: Phản ánh mơ ước, nguyện vọng, lí tưởng xã hội của nhân dân thông qua chiến thắng tất yếu của cái thiện, cái đẹp; yếu tố kì ảo tham gia như một phần không thể thiếu trong cốt truyện, làm cho truyện hấp dẫn và kết thúc truyện thường có hậu, mang lại sự vui vẻ, lạc quan, thoả mãn ước mơ của nhân dân. Ngày bé thơ, mỗi chúng ta chắc hẳn đều được bà, được mẹ kể cho nghe rất nhiều truyện cổ tích. Có thể câu chuyện đó chúng ta đã nghe đi nghe lại rất nhiều lần, thậm chí đã thuộc lòng những lời kể đó nhưng không ai không tỏ ra thích thú, say sưa mỗi lần được nghe lại. Tôi nghĩ rằng sức hấp dẫn trong mỗi câu chuyện chính là sự xuất hiện của lực lượng thần kì (yếu tố kì ảo) - đặc trưng nổi bật của truyện cổ tích. Có đứa trẻ nào mà không háo hức, hồi hộp khi trong truyện hiện diện những ông Bụt, bà tiên, mụ phù thủy, con yêu tinh, những con vật, đồ vật thần kì, những phép màu biến hoá? Theo PGS.TS Nguyễn Bích Hà, lực lượng thần kì hay còn gọi là yếu tố thần kì, trợ thủ thần kì là kết quả của những hư cấu dưới ánh sáng của trí tưởng tượng kì ảo và bay bổng của nhân dân. Có thể chia lực lượng thần kì thành ba loại: nhân vật, đồ vật - vật thể và sinh vật. Tấm Cám là câu chuyện trong đó xuất hiện rất nhiều yếu tố thần kì như ông Bụt (nhân vật), bộ áo mớ ba, Cái yếm lụa điều, cái xống lụa, khăn nhiễu, đôi giày, chiếc yên cương, khung cửi (đồ vật - vật thể), cá bống, đàn chim sẻ, con ngựa, chim vàng anh, cây xoan đào, cây thị, quả thị (sinh vật). Trong đó, có lực lượng tự bản thân nó đã chứa đựng sức mạnh siêu nhiên, nhưng cũng có lực lượng thể hiện năng lực thần kì của mình thông qua sự biến hoá kì ảo. Và tất nhiên, các yếu tố thần kì, các phép biến hoá đó không xuất hiện trong truyện một cách ngẫu nhiên, hoặc chỉ để gia tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện một cách đơn thuần. Chúng còn đảm nhận, các chức năng nhất định, đóng góp vai trò nhất định đối với quá trình phát triển của cốt truyện cũng như góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của truyện. Đọc Tấm Cám ta thấy, ở chặng đầu

tiên của truyện, nhân vật Tấm luôn phải chịu sự chèn ép, áp bức của mẹ con Cám. Mỗi lần bị chúng ức hiếp, Tấm chỉ biết khóc. Và lần nào Tấm khóc, Bụt cũng xuất hiện để động viên, giúp đỡ nàng. Tấm bị Cám lừa trút hết tôm tép vào giỏ của mình, Bụt hiện lên chỉ cho Tấm thật trong giỏ còn một con bống và dặn Tấm mang về nhà nuôi. Bống bị giết, Tấm khóc, Bụt chỉ cho Tấm nhặt xương bống chôn bỏ vào lọ, chôn vào bốn chân giường. Tấm không được đi xem hội, phải ở nhà nhặt thóc gạo bị trộn lẫn, Bụt sai đàn và ngựa để đi xem hội. Sự xuất hiện của Bụt luôn kịp thời, giải thoát cho Tấm khỏi những trắc trở, bế tắc trong cuộc sống. Không có Bụt, liệu rằng Tấm có thể vượt qua bao oan nghiệt do mẹ con Cám gieo lên cuộc đời nàng? Bên cạnh sự xuất hiện của nhân vật thần kì ông Bụt, truyện còn có rất nhiều sự biến hóa thần kì. Ban đầu là xương bống bỏ trong lọ đem chôn ở bốn chân giường hoá thành trang phục đẹp, ngựa đẹp và yên cương đẹp. Có thể hiểu đây là món quà mà bụt ban cho Tấm để nàng có thể đến dự hội do nhà vua mở và có cơ hội trở thành hoàng hậu. Lần theo câu chuyện, chúng ta tiếp tục được chứng kiến năm lần hoá thân kì diệu của Tấm. Ngày giỗ cha, Tấm về nhà, bị dì ghẻ lừa trèo lên xé buồng cau giỗ bố. Ở dưới gốc, dì ghẻ chặt cau. Tấm Chết hóa thành vàng anh. Vàng anh bị mẹ con Cám bắt ăn thịt, vứt lông ra vườn. Lông chim vàng anh hoá thành hải xoan đào. Xoan đào bị mẹ con Cám chặt lấy gỗ làm khung cửi. Rồi khung cửi bị mẹ con Cám đốt, đổ tro ra lề đường xa hoàng cung. Từ đồng tro mọc lên cây thị chỉ ra một quả. Từ quả thị, Tấm hiện ra, xinh đẹp hơn trước. Nếu không phải trong cổ tích, và nếu không phải trong một câu chuyện thấm đẫm tư tưởng Phật giáo như Tấm Cám, chúng ta sẽ chẳng bao giờ được chứng kiến những lần hoá thân kì diệu như vậy. Năm lần hoá thân của Tấm là năm lần tác giả dân gian vạch trần, tố cáo tội ác dã man của mẹ con Cám. Nhưng hơn nữa, những lần hoá thân này thể hiện sức sống, lòng ham sống mãnh liệt và tinh thần đấu tranh quyết liệt của Tấm. Càng bị đày đoạ Tấm càng kiên cường hơn gấp bội. Trong năm lần hoá thân này, nhân vật thần kì (Bụt) không hề xuất hiện. Như vậy, có thể khẳng định, sự biến hóa ở đây có vai trò nâng đỡ nhân vật Tấm tự thân đấu tranh để giành lại sự sống của chính mình. Và nếu để ý một chút, chúng ta sẽ thấy rằng Tấm luôn lựa chọn hóa thân vào những nhân vật tươi đẹp, có ích cho cuộc sống. Chim vàng anh là loài chim có tiếng hót rất hay, cây xoan đào cành lá xum xuê, khung cửi dệt vải và cây thị thì cho quả thơm. Điều đó cho thấy dù hóa thân vào sinh thể nào, Tấm cũng luôn cố gắng lương thiện có ích. Những yếu tố kì ảo xuất hiện trong truyện trước hết mang lại màu sắc thần kì cho câu chuyện. Sức hấp dẫn của Tấm Cám nói riêng và của bản hết các

chuyện cổ tích đều nằm trong chính các yếu tố này. Tất nhiên, các yếu tố thần kì xuất hiện trong truyện không chỉ để mang lại cho mỗi câu chuyện sức lôi cuốn mãnh liệt mà còn là một phương tiện nghệ thuật phản ánh ước mơ, nguyện vọng của nhân dân lao động. Đây cũng chính là nét đặc trưng thứ hai của truyện cổ tích. Tác giả của văn dân gian nói chung và của truyện cổ tích nói riêng là những người dân lao động. Cuộc sống của họ vốn rất lam lũ, khổ nhọc. Trong xã hội phong kiến xưa, hưởng quyền phải chịu đựng những áp bức, bất công những chèn ép vô lí từ phía giai cấp thống trị. Từ những mâu thuẫn trong phạm vi gia đình (dì ghẻ - con chồng, mẹ chồng - nàng dâu...) đến những mâu thuẫn trong phạm vi xã hội (giàu - nghèo, thiện - ác), tất cả đều rất khó điều hòa. Những con người ở phe chính nghĩa chỉ còn biết sáng tạo nên những câu chuyện, những lời ca, điệu hát... và gửi gắm vào đó ước mơ cháy bỏng về lẽ công bằng, về sự chiến thắng trước những điều vô nghĩa. Trong Tấm Cám mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám trước hết là mâu thuẫn trong phạm vi gia đình, giữa dì ghẻ với con chồng. Nhưng suy rộng ra, đó còn là một mâu thuẫn xã hội, giữa cái Thiện và cái Ác. Cuộc chiến giữa cái Thiện và cái Ác là cuộc chiến không cân sức. Ban đầu, cái Thiện luôn chiếm yếu thế, luôn đơn độc. Do đó tác giả dân gian luôn viện đến lực lượng thần kì để cứu nguy cho cái Thiện, trừng trị cái Ác. Tấm là nhân vật đại diện cho phe chính nghĩa, cho cái Thiện nên Tấm xứng đáng được sống hạnh phúc. Tấm chịu thương chịu khó, ngoan hiền, hiếu thảo lại xinh đẹp nên luôn được Bụt hiện lên giúp đỡ, nên xứng đáng được làm hoàng hậu. Ngôi vị hoàng hậu vừa là giấc mơ, vừa là phần thưởng mà nhân dân lao động đã trao cho Tấm. Năm lần Tấm bị hãm hại cũng là năm lần Tấm liên tục đấu tranh, kiên quyết vạch trần tội ác của mẹ con Cám, kiên quyết đòi lại sự sống của mình. Sáng tạo những chi tiết biến hoá thần kì này, nhân dân ta muốn gửi gắm ước mơ một cuộc sống công bằng, hạnh phúc. Chiến thắng của Tấm trước những thủ đoạn tàn ác của mẹ con Cám thực chất là chiến thắng của cái Thiện của lẽ công bằng trước cái Ác, trước sự bất công trong xã hội. Đó chính là ước mơ, là nguyện vọng muôn đời của nhân dân đã gửi gắm trong truyện tích Tấm Cám. Một trong những lí do khiến con trẻ luôn yêu thích còn bởi kết thúc mỗi câu chuyện rất có hậu. Kết thúc truyện Thạch Sanh, Thạch Sanh được lấy công chúa, mẹ con Lí Thông bị sét đánh, biến thành bọ hung. Kết thúc Cây khế, người anh tham lam bị rơi xuống biển Đông còn người em giàu lòng vị tha được sống sung sướng, hạnh phúc cùng vợ con và vui vầy cùng bà con hàng xóm. Kết thúc có hậu là nét đặc trưng thứ ba của truyện cổ tích. Tất nhiên, Tấm Cám cũng có kết thúc như thế. Tấm được trở lại làm

người và xinh đẹp hơn trước gấp bội phần. Quan trọng hơn, Tấm được đoàn tụ với nhà vua - người chống yêu dấu của mình. Sau bao gian khổ, đau thương cuối cùng Tấm giành lại được cuộc sống hạnh phúc xứng đáng. Mẹ con Cám luôn làm điều bất nhân hãm hại Tấm nên đã bị trừng trị thích đáng. Cám bị Tấm dội nước sôi cho chết và mẹ dì ghẻ thấy vậy cũng lăn đùng ra chết. Cái Ác cuối cùng cũng phải đền tội. Như vậy, từ truyện cổ tích Tấm Cám. Chúng ta phần nào nhận biết được cách khá rõ nét về các đặc trưng của loại truyện cổ tích thần kì nói riêng và thể loại văn học dân gian - truyện cổ tích nói chung. Từ đây, soi chiếu vào bất cứ câu chuyện cổ tích nào, đặc biệt là cổ tích thần kì, chúng ta cũng dễ dàng thấy những đặc trưng đó. Không có yếu tố này cốt truyện sẽ không phát triển được hoặc phát triển theo cách khác, theo chiều hướng khác và tác phẩm sẽ không còn là một câu chuyện cổ tích. Đồng thời nó sẽ giúp nhân dân lao động thực hiện những giấc mơ đẹp, biến những khát vọng, mơ ước của mình thành hiện thực trong tác phẩm. Yếu tố thần kì chính là nét đặc trưng không thể thiếu của truyện cổ tích thần kì, góp phần quan trọng tạo nên một thế giới cổ tích lấp lánh, mang vẻ đẹp kì diệu và sức hấp dẫn kì lạ đối với con người.

Văn Mẫu Lớp 10 - Mỗi câu chuyện cổ tích là giấc mơ đẹp của người lao động xưa. Bằng truyện cổ tích Tấm Cám, anh/ chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

DÀN Ý I. Mở bài (Học sinh tự làm) II. Thân Bài 1. Thân phận và con đường đến với hạnh phúc của Tấm: a. Thân phận của Tấm: - Mồ côi, bị mẹ ghẻ và cô em gái cùng cha hắt hủi, dày dặc, làm lụng suốt ngày. - Bản chất của mâu thuẫn giữa Tấm và Cám: + Mâu thuẫn gia đình: Tấm >< Cám (Chị em cùng cha khác mẹ) Tấm >< dì ghẻ (Mẹ ghẻ con chồng) → Trong hai mâu thuẫn trên, mâu thuẫn Tấm - Cám là chủ yếu xuyên suốt toàn truyện, liên tục và ngày càng căng thẳng quyết liệt. Mâu thuẫn dì ghẻ con chồng chỉ đóng vai trò bổ sung, phụ trợ, không liên tục. + Mâu thuẫn xã hội: Tấm >< Mẹ con Cám Thiện >< Ác Người bị áp bức >< Kẻ áp bức → Mâu thuẫn phát triển thành xung đột một mất một còn và dẫn đến thiện thắng ác, ác bị trừng trị đích đáng, thiện thỏa nguyện ước mơ. b. Con đường đến với hạnh phúc của Tấm: * Tấm luôn bị mẹ con Cám đối xử độc ác: - Đi bắt tép : Tấm chăm chỉ bắt được giỏ tép đầy, bị Cám lừa bưng lừa chị đổ tép sang giỏ mình → về nhận thưởng (yếm đỏ). - Đi chăn trâu : Gạt Tấm đi chăn đồng xa, Cám giết cá bống (người bạn an ủi của Tấm) ăn thịt. - Đi xem hội : Mẹ con Cám trắng trợn trộn thóc với gạo bắt Tấm nhặt → dập tắt niềm vui được đi hội của Tấm Được Bụt giúp, Tấm được đi hội và trở thành vợ vua. Mẹ con Cám căm tức, tìm mọi cách hãm hại Tấm khi cô trở thành vợ vua. - Tấm là người bất hạnh, ý thức được thân phận chỉ biết chịu đựng, yếu đuối thụ động, nhường nhịn và khóc. - Mẹ con Cám: độc ác, nhẫn tâm, nhỏ nhen, lừa dối và hãm hại Tấm. - Tấm luôn được sự trợ giúp của thần: Bụt xuất hiện an ủi, ban tặng vật thần kỳ: + Tấm mất yếm → Bụt cho cá bống + Tấm mất cá bống → Bụt chỉ cho hi vọng đổi đời + Tấm không được đi hội → chim sẻ đến giúp + Tấm bị chà đạp → Bụt đưa Tấm trở thành vợ vua. (Hình ảnh con bống, con gà, đàn chim sẻ, chiếc giày có ý nghĩa quan trọng. Đặc biệt hình ảnh chiếc giày đánh rơi là một trong những chi tiết, hình ảnh độc đáo bởi nó không chỉ là sự tưởng đẹp mà là còn cầu nối, cái cớ để so sánh với cám, dẫn đến Tấm gặp Vua, trở thành Hoàng hậu,mở màn hoàng loạt tội ác của mẹ con Cám.) - Ý nghĩa, vai trò của các thể lực thần linh: Bênh vực kẻ yếu, đem lại công bằng, dân chủ, hạnh phúc của những người lao động nghèo khổ trong xã hội Tấm đạt được hạnh phúc thể hiện triết lý dân gian : “ở hiền gặp lành”. 2. Cuộc đấu tranh

quyết liệt giành lại hạnh phúc của Tấm: - Mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám phát triển ngày một căng thẳng gay gắt, quyết liệt thành xung đột một mất một còn mang tầm cỡ xã hội. - Mẹ con Cám: chặt gốc cau giết Tấm → đưa thể Cám vào thể chị vào làm hoàng hậu → giết chim vàng anh (hóa thân lần 1 của Tấm) vượt lồng ra vườn → chặt cây xoan đào (hóa thân lần 2 của Tấm) → đốt khung cửi (hóa thân lần 3 của Tấm) → sợ hãi khi Tấm trở về → muốn xinh đẹp như Tấm. - Khi bị mẹ con Cám tiêu diệt đến cùng (giết Tấm), Tấm đã quyết liệt phản kháng. (Tấm về lo đồ bố → treo cau → ngã chết → hóa thành vàng anh → hót mắng Cám → bị giết → hóa cây xoan đào → bị chặt đóng khung cửi → khung cửi nguyện rửa tội cướp chồng của Cám → bị đốt → mọc thành cây thị → có một quả vàng thơm → về ở với bà lão → từ quả thị bước ra thành cô Tấm xinh đẹp → trở lại làm hoàng hậu.) - Bị giết, Tấm vùng lên giành hạnh phúc, cô hoá thân thành: vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, cây thị (quả vàng thơm) + Bốn lần bị giết, bốn lần hóa thân của Tấm chứng minh sức sống mãnh liệt không thể bị tiêu diệt. Cái thiện không chịu chết oan ức trong im lặng, vùng dậy huỷ diệt cái ác. → Cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái Thiện và cái Ác. → Quan niệm thiện thắng ác và tinh thần lạc quan, niềm tin vào chân lí, công bằng xã hội của người Việt xưa. 3. Ý nghĩa kết thúc truyện: - Kết thúc truyện có hậu thể hiện triết lý: “ gieo gió gặt bão”, “ở hiền gặp lành”, “ở ác gặp dữ” và bài học cảnh báo: Đừng gây mâu thuẫn, thù oán. - Con người phải tự mình bảo vệ hạnh phúc của mình, không tìm hạnh phúc ở cõi nào khác mà tìm hạnh phúc thực sự ngay ở cõi đời này. - Hành động trả thù của Tấm là đích đáng vì mẹ con Cám đã nhiều lần hại Tấm hòng tiêu diệt Tấm đến cùng, không cho Tấm con đường sống. Tấm phải trả thù thì mới có thể tồn tại. Mặt khác, mâu thuẫn của Tấm và mẹ con Cám không còn là mâu thuẫn gia đình mà là mâu thuẫn xã hội. Mâu thuẫn giữa thiện và ác, giữa người bóc lột và người bị bóc lột. Tóm lại, Tấm trả thù là để đòi lại quyền sống, quyền làm người. III. Tổng kết - Đằng sau xung đột dữ dội con chồng, truyện cổ tích Tấm Cám phản ánh mâu thuẫn sâu sắc giữa cái Thiện và cái Ác, giữa nhân dân lao động và giai cấp bóc lột. Qua cách giải quyết xung đột, truyện nêu cao khát vọng, ước mơ được sống tự do, hạnh phúc, công bằng và tinh thần lạc quan của nhân dân lao động về cuộc sống. - Đặc sắc nghệ thuật của truyện thể hiện ở sự chuyển biến của hình tượng nhân vật: từ yếu đuối thụ động đến kiên quyết đấu tranh giành lại sự sống, hạnh phúc cho mình

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy hóa thân vào ông Bụt kể lại toàn bộ truyện Tấm Cám

Tôi vốn là một nhà sư tu luyện nhiều năm trên đỉnh Thiên Sơn. Nhờ chuyên tâm tu luyện mà tôi có thể đi mây về gió để cứu khổ cứu nạn cho những ai gặp khó khăn. Ấy vậy nên mọi người xem tôi như vị thần cai quản hạ giới và kính cẩn gọi tôi là Bụt. Trong một lần đang cưỡi mây du ngoạn, tôi nghe thấy tiếng khóc nức nở của một cô thôn nữ... - Nàng Tấm kể lại là đã bắt được một giỏ tôm tép đầy. Nhưng vì trót dại nghe theo lời cô em tên Cám nên đã lội xuống ao sâu tắm rửa nên đã mất hết cả giỏ - Trong lúc nàng đang tập trung khóc, tôi lén bỏ vào trong giỏ nàng một con cá bống. Sau đó tôi dặn nàng đem con cá bống ấy về thả xuống giếng mà nuôi và tặng nàng câu gọi cửa miệng tôi vẫn hay dùng khi cho bống ăn. - Về núi, tôi dùng giếng nước xem lai lịch của nàng, biết được nàng sớm mồ côi mẹ, cha tái giá và không bao lâu cũng qua đời. Nàng sống với mẹ con dì ghẻ và hàng ngày đều phải làm việc cật lực hầu hạ mẹ con hai người ấy. - Một thời gian sau, tôi lại nghe thấy nàng bật khóc. - Sau một hồi nàng tường tận kể sự tình, tôi hiểu ra mẹ con nhà Cám đã làm thịt nó - Vẫn có một chút nghi ngờ về nàng, tôi bảo nàng đi tìm xương bống để kiểm tra xem tấm chân tình của nàng. - Và khi thấy nàng thực tâm, tôi đã nhờ bạn gà đến giúp sức - Vào một ngày đẹp trời, tôi dạo ngang qua cung cấm nghe vua đang ra lệnh viết chiếu chỉ mở hội. Lúc ấy, tôi nảy ra ý định tặng nàng Tấm một bộ trang phục. Tôi đã nhờ mẹ thiên nhiên làm nó. Và âm thầm đặt bộ y phục và một bạn ngựa thần vào những cái lọ mà tôi đã dặn với nàng trước đây. - Tôi đã có mặt ở nhà nàng vào thời điểm hai mẹ con Cám vừa đi dự hội. Nhờ đó, tôi đã nhờ các bạn sẽ đến giúp nàng nhặt thóc và gạo để nàng có thể tham gia hội đúng giờ. Tôi đã tặng nàng câu thơ về sẽ để giúp nàng yên tâm. Và không quên nhắc nàng đi đào lọ để nhận quà - Vì được tôi dặn trước, khi đi ngang qua cầu đá, ngựa thần đã cố tình làm rơi đôi hài xuống nước. Và cả voi ngự của nhà vua giả vờ không chịu bước tiếp cũng do tôi sắp xếp - Đúng như dự định, nhà vua đã nhặt được chiếc hài ấy. Và đấng minh quân đã mê mẩn nó đến mức mở hội thử giày kén vợ. Và chủ nhân của nó đã đi vừa - Tôi thầm chúc phúc cho nàng và nhân đêm tân hôn, tôi tặng nàng món quà cuối cùng. Đó là bốn lần hồi sinh theo ý thích nhưng không đánh mất kí ức. -

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể lại câu chuyện Tấm Cám qua lời kể của cá Bống

Ngày xưa, ở gia đình nọ, có Tấm mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải sống với dì ghẻ và cô em cùng cha khác mẹ là Cám. Tấm bất hạnh ngày ngày phải làm lụng vất vả: nào chăn trâu, nào mò cua, ngày thì thái khoai, với bèo; đêm thì xay lúa, giã gạo...mà vẫn không hết việc. Trái lại, Cám thì được mẹ nuông chiều, chỉ quanh quẩn trong nhà, không phải làm việc nặng. Một hôm, dì ghẻ sai cả Tấm và Cám thi nhau đi bắt ốc mò cua, ai nhiều cá, cua hơn sẽ được thưởng cho một cái yếm đỏ. Tấm do quen mò cua, bắt cá nên chẳng mấy chốc mà đầy giỏ. Còn Cám thì lội từ ruộng này sang ruộng kia mà vẫn chưa bắt được gì. Thấy mình không thể thắng được Tấm, Cám bày mưu lừa Tấm hụp sâu rồi trút hết tôm tép của Tấm vào giỏ mình rồi bỏ về. Tấm lên bờ thấy mất hết tôm tép bèn ngồi khóc. Bụt hiện lên hỏi, Tấm kể sự tình, Bụt khuyên Tấm đừng buồn và nhìn vào giỏ xem còn gì không, Tấm ngạc nhiên bảo chỉ còn một con cá bống. Con cá bống ấy chính là tôi. Bụt đã ban tôi cho Tấm, tôi bầu bạn với Tấm từ đó. Mỗi lần cho tôi ăn, Tấm chỉ cần đọc: “Bống bống bang bang Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người. ” Rồi rải cơm xuống giếng là tôi trời lên ngay. Một ngày kia, nghe tiếng gọi quen thuộc của Tấm, tôi vui vẻ ngoi lên thì bất ngờ, một tấm lưới bủa vây lấy tôi. Thì ra không phải Tấm gọi tôi mà chính là hai mẹ con Cám, họ đã biết Tấm lên nuôi tôi nên đã lập mưu lừa Tấm đi chăn trâu đồng xa rồi bắt tôi giết thịt. Tôi vô cùng uất ức trước việc mình bị giết. Khi chết, linh hồn tôi bay về với Bụt, tôi vừa khóc vừa kể cho Bụt nghe. Bụt nghe xong, thở dài và nói rằng: “Ta không ngờ bọn chúng lại độc ác đến vậy, đến cả nhà người là một chú cá mà chúng cũng không tha. Thôi, con đừng buồn mà chi, chuyện đã như thế, thôi thì thế này, con hãy thay ta dõi theo nàng Tấm. Rồi con sẽ thấy hai kẻ độc ác đó bị trừng trị đích đáng”. Tôi vâng lời và theo Bụt về nhà Tấm. Khi đến nơi, tôi thấy Tấm đang than khóc. Bụt hiện lên hỏi, Tấm nói rằng đã kêu mãi mà không thấy tôi đâu, chỉ thấy một cục máu nổi lên trên mặt nước, Bụt trấn an Tấm rằng tôi đã bị bắt giết thịt mất rồi, đoạn nói Tấm tìm xương tôi bỏ vào lọ chôn ở bốn chân giường của Tấm, sẽ có lúc dùng đến. Tấm vâng lời ra vườn tìm xương, nhưng tìm mãi mà vẫn không thấy. Chợt có con gà trống đi ngang qua cất tiếng: “Cho ta nằm thóc, ta bới xương cho!”, Tấm nghe vậy liền lấy thóc cho gà, gà vào bếp đào một lúc thì thấy

xương tôi, Tấm nhớ lời Bụt, lấy xương bỏ vào lọ chôn xuống bốn chân giường. Ít lâu sau, nhà vua mở hội, thần dân ai nấy đều nô nức đổ về kinh đô. Mẹ con Cám cũng sắm sửa dự hội. Thấy Tấm làm xong việc nhà sớm, lại có ý muốn đi hội. Mẹ dì ghẻ nguýt dài, và ra lệnh cho Tấm phải nhặt cho hết một thúng thóc thì mới được đi dự hội. Cả một thúng thóc và gạo trộn lẫn, biết bao giờ mới nhặt xong, Tấm tội nghiệp chỉ còn biết ngồi khóc. Bụt lại hiện lên và gọi chim sẻ đến giúp Tấm. Tấm ngỏ ý muốn đi dự hội, không biết nên lấy quần áo ở đâu ra ? Bụt mỉm cười bảo rằng đã đến lúc dùng đến xương cá bống ngày trước. Tấm về đào bốn cái lọ đựng xương tôi lên, thì lập tức chúng biến ra quần áo, giày dép và một con ngựa thật lông lẩy. Tấm liền phi ngựa đến kinh đô để kịp dự hội. Khi đi qua một chỗ lội, bất cẩn Tấm đánh rơi một chiếc hài và không kịp nhặt. Lúc Tấm vừa đi khỏi, thì đoàn xa giá của nhà vua vừa đến chỗ lội ấy. Bỗng hai con voi dẫn đầu đoàn đứng yên, không chịu đi nữa, vua sai quân lính xuống nước tìm xem vật gì mà làm chúng đứng yên, họ liền tìm thấy chiếc hài của Tấm bỏ quên lúc nãy. Nhà vua ngắm nghía chiếc hài, bụng nghĩ thầm: “Người mang chiếc hài hẵn là một trang tuyệt sắc” rồi ban lệnh cho tất cả đàn bà con gái đến thử hài, ai đi vừa thì sẽ được vua lấy làm vợ. Đám đông chen chúc thi nhau ướm thử cầu may, nhưng chẳng có ai vừa. Đến khi Tấm vừa đưa chân vào thì vừa như in, nàng mở khăn lấy luôn chiếc hài kia ra. Quân lính hò lớn reo mừng. Thế là Tấm được vua rước vào cung trước con mắt ngạc nhiên của mẹ con Cám. Tuy vào cung sống sung sướng nhưng Tấm vẫn không quên ngày giỗ cha. Dì ghẻ và Cám thấy Tấm được làm vợ vua thì ghen ghét, nói Tấm hãy trèo lên cây cau mà xé một buồng cúng bố. Tấm vừa trèo lên thì ở dưới, dì ghẻ đã cầm dao mà chặt vào gốc cây... Tấm ngã lộn cổ xuống ao và chết. Mẹ Cám bèn lấy quần áo Tấm mặc vào cho Cám và đưa vào cung nói với vua rằng Tấm không may nên đưa em vào thế chị. Lại nói sau khi chết, Tấm hóa thành chim vàng anh, ngày ngày ca hát cho vua. Vua lấy làm thích thú, suốt ngày quần quýt bên vàng anh. Cám thấy vậy bèn nói với dì ghẻ, dì ghẻ bảo Cám cứ giết đi rồi nói với vua rằng vì có mang thềm ăn thịt chim nên đã giết thịt mất rồi. Vua nghe xong, đáng buồn rầu nhưng không nói gì cả. Cám giết thịt vàng anh rồi đem bỏ lông ở góc vườn. Từ đó mọc lên hai cây xoan đào cành lá xum xuê, che mát cho vua mỗi khi vua nằm dưới bóng cây. Cám thấy vậy thì mách mẹ rồi nghe lời mẹ đem chặt đi để làm khung cửi. Khi Cám ngồi dệt áo cho vua thì nghe tiếng khung cửi của mình: “Kéo cà kéo kệt Lấy tranh chồng chị Chị khoét mắt ra.” Rồi sợ quá về nói lại với mẹ. Dì ghẻ bảo cứ đốt quách đi, đem tro đổ ra ngoài cung. Cám y lời đốt khung cửi rồi đem tro bỏ ngoài cung. Từ

đồng tro tàn bỗng mọc lên cây thị cành lá xum xuê nhưng chỉ có một quả tỏa mùi thơm ngát. Có bà lão hàng nước đi qua ngửi mùi thích thú, liền giơ bị ra và nói: “Thị ơi thị à, thị rơi bị bà, bà để bà ngửi, chứ bà không ăn”. Bỗng quả thị rơi xuống ngay bị bà lão. Từ đó bà mang về nhà nuôi nấng. Mỗi lần bà đi chợ, từ quả thị, nàng Tấm chui ra và giúp bà việc nhà, cơm nước đầy đủ. Bà lão thấy lạ thì sinh nghi, bèn giả vờ đi chợ để rình xem ai giúp mình. Rồi bà bắt gặp Tấm, bà xé vỏ thị và nhận Tấm làm con nuôi. Một ngày kia, vua ra ngoài cung đi dạo, thấy quán nước sạch sẽ thì ghé vào, nhìn thấy miếng trầu têm cánh phượng liền hỏi bà lão: - Trầu này ai têm ? - Trầu này con gái già têm – bà lão đáp - Con gái bà đâu, đưa ra cho ta xem mặt. Bà lão liền đưa Tấm ra, vua nhận ra ngay vợ mình, có phần xinh đẹp hơn trước liền rước Tấm về lại hoàng cung.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ về hành động trả thù ở cuối truyện của Tấm đối với Cám

Có một dị bản Tấm Cám đã kể khác phần kết thúc. Theo bản này, Cám bị Tấm dội nước sôi cho chết rồi muối mắm gửi biếu dì ghẻ. Mụ dì ghẻ ăn đến tận đáy vại, phát hiện ra đầu lâu con mới biết sự tình, sợ quá lăn đùng ra chết. Đây là kết thúc nguyên bản. Người đời sau (chắc là cùng thời hiện đại với chúng ta) cho rằng kết thúc như vậy ghê rợn quá, làm tổn hại đến hình ảnh đẹp đẽ của cô Tấm nên kể theo những kết thúc khác mà một trong số đó được sách giáo khoa Ngữ văn 10 sử dụng. Vậy thực sự, kết thúc “muối mắm” có đáng loại bỏ không? Chúng ta nhớ lại quãng đời đầy đau khổ của Tấm khi phải sống trong sự cay độc, nghiệt ngã của mẹ con mụ dì ghẻ độc ác. Mẹ Tấm mất sớm, Tấm cần sự ân cần chăm sóc, xoa dịu nỗi đau bao nhiêu. Nhưng mẹ con Cám đã chà đạp, hành hạ Tấm chẳng khác gì một kẻ nô lệ trong chính tổ ấm của mình. Rồi khi Tấm được làm hoàng hậu, mẹ con Cám đem lòng ghen ghét, bày mưu giết hại, đưa Cám vào cung thay chị làm hoàng hậu. Chúng ta thử nghĩ xem còn sự độc ác nào, sự tàn nhẫn nào hơn thế nữa? Có người mẹ nào nỡ giết chết con chồng nhất là trong ngày giỗ bố. Có người em nào lại đang tâm tìm mọi cách để cướp giật hạnh phúc của chị mình? Sự thực Tấm đã chết, nhưng theo mơ ước của nhân dân ta cái thiện không bao giờ bị tiêu diệt, ở hiền sẽ gặp lành nên cô Tấm đã làm những cuộc hóa thân nhờ phép nhiệm màu. Tấm lần lượt biến thành chim vàng anh, thành cây xoan đào, thành khung cửi, thành cây thị. Cái thiện, nhờ lành phải hó thân nhiều lần vì cái ác luôn rình rập gieo tai họa. Mẹ con Cám giết Tấm về thể xác lần thứ nhất, bây giờ còn độc ác hơn nữa, tàn bạo hơn nữa. Tìm mọi cách để giết linh hồn Tấm. Chúng đã làm thịt chim, đẵn cây xoan đào, đốt khung cửi... Chúng không muốn nhìn thấy sự có mặt Tấm trên đời dù là trong “oan hồn”. Rõ ràng chúng không chỉ giết Tấm một lần mà giết Tấm nhiều lần. Chắc chắn nếu Tấm còn sống thì chúng lại tiếp tục hành hạ Tấm, tiêu diệt sự sống của nàng. Bởi vậy trong đấu tranh giành quyền sống cho mình, Tấm không còn con đường nào khác là giết chúng. Trong hành động trả thù này, ta vẫn thấy một cô Tấm rất đẹp, cô không còn khóc lóc, yếu đuối như trước. Cô trở nên kiên quyết và gan dạ lạ thường. Cô nhận ra rằng : mẹ con nhà Cám vẫn vậy vẫn ganh ghét, đố kị với cô. Cám muốn đẹp và lòng tham ngông

cuồng, đen tối đã giết nó. Còn Tấm, cô xử sự rất thông minh, rất tinh táo. Cô giết Cám nhưng không thể gọi cách giết ấy là dã man bởi “ở ác gặp ác”, kẻ “gieo gió” ắt sẽ phải “gặt bão”. Tấm phải tự tay trả thù, như vậy mới đáng với những gì mẹ con Cám đã gây ra cho cô. Cũng cần phải trừng trị rất mạnh bạo, chỉ một lần thôi “triệt hẳn”. Cám và mụ dì ghẻ là những kẻ vô nhân tính, mất hết tình đồng loại. Có giết theo cách của Tấm, “cái ác” của chúng mới không thể sống lại để tác yêu tác quái trên cuộc đời này. Thử hỏi chỉ bị “trời” phạt, sai thiên lôi đánh chết như với Lí Thông, trong trường hợp này có nhẹ quá không? Đã đảm bảo cái vạn ác loại này chết vĩnh viễn chưa? Tại sao lại cứ mượn trời, mượn tay người trả mối hận thù của mình như trong những truyện dân gian cùng loại trước đó hay như các bản kể khác của truyện Tấm Cám? Một khi qua cái kết thúc “muối mắm” này, nhân dân muốn trực tiếp trừng phạt bằng hình phạt tương xứng với tội ác, tương xứng với kẻ ác, trừng phạt cho cái ác phải “táng đờm kinh hồn”. Băm vằm thành trăm mảnh “muối mắm” để cái ác không còn con đường quay trở lại chả lẽ lại bị chê trách sao?

Như vậy kết thúc “muối mắm” của nguyên bản Tấm Cám, không chỉ thể hiện sự thật “lòng căm thù của dân gian” đã lên đến tột đỉnh, ý nguyện tiêu diệt cái ác đã vượt qua chữ nhân bình thường để thẳng tay trừng phạt mà còn mang tính biểu tượng “răn đe kẻ ác”, “không cho cái ác trở lại”. Kết thúc như thế là quyết liệt chiến đấu tính về nội dung ; là nghệ thuật hóa cao cường. Kết thúc ấy đẩy ý nghĩa của thiên cổ tích quen thuộc này lên một tầm cao mới. Mặt khác, thực tế lịch sử cho thấy trên thế giới không phải chỉ có một cách xử tội chết. Ngày xưa có cách “tùng xẻo” hay “tứ mã phân thân” thật ghê gớm. Cách xử tội chết của Tấm cũng chỉ là “hình bóng” của lịch sử mà thôi. Dem quan niệm hiện đại để phê phán, rồi thay bằng một kết thúc theo ý mình há chẳng không nên sao? Bởi thế “Con mắt tinh tường nhân dân” chỉ thấy hình ảnh một cô Tấm hiền lành, cao đẹp. “Tấm lòng cương trực nhân dân” hả hê với cách trả thù của Tấm. Cho nên nhiều nơi trên miền Bắc nước ta, cô Tấm hoá thành Phật, là Phật, là hoá thân của Nguyên phi Ý Lan đức độ, tài năng, công minh, chính trực, dịu hiền được nhân dân thờ cúng. Em hoàn toàn đồng ý với cách trừng trị thẳng tay của Tấm mặc dù ai đó cho là “tàn bạo” và bỏ phiếu cho kết thúc “muối mắm” của truyện. Hình ảnh cô Tấm mãi mãi là hình ảnh đẹp trong em.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ về hành động trả thù của Tấm đối với Cám

Truyện cổ tích Tấm Cám kể về cuộc đời của cô Tấm - một cô gái hiền hậu, xinh đẹp nết na. Ta tưởng tượng như Tấm sẽ được hưởng một cuộc sống tươi đẹp và bình lặng. Nhưng không, nàng luôn bị Cám - đứa con gái của mẹ ghẻ vốn tính độc ác, tham lam nghĩ ra nhiều mưu kế để hãm hại Tấm. Vì lòng đố kị ganh ghét với sự may mắn trong hôn nhân của chị, mà Cám đã khiến cuộc đời Tấm phải trải qua bao lần chết đi sống lại: Lần thì hoá thành chim vàng anh, lúc lại biến thành cây xoan đào, sau lại hoá ra chiếc khung cửi, và rồi lại là quả thị thơm. Nàng đã phải chịu đựng sự hành hạ nhẫn tâm của hai mẹ con nhà Cám. Nhưng rồi cuối cùng, cái thiện vẫn luôn chiến thắng cái ác. Tấm trở thành hoàng hậu sống hạnh phúc với nhà vua, còn mẹ con Cám phải đón nhận cái chết. Đó là một kết cục công bằng, hợp với khát vọng ở hiền gặp lành của cha ông chúng ta. Tuy nhiên, trong dân gian, kết thúc truyện Tấm Cám không đơn giản như thế. Cái chết của mẹ con Cám được kể lại bằng nhiều cách khác nhau. Bản thứ nhất: Cám thấy Tấm trở về và được vua yêu thương như xưa thì không khỏi sợ hãi. Một hôm Cám hỏi chị: - Chị Tấm ơi chị Tấm, chị làm thế nào mà đẹp thế? Tấm không đáp, chỉ hỏi lại: - Có muốn đẹp không để chị giúp? Cám bằng lòng ngay. Tấm sai quân hầu đào một cái hố sâu và đun một nồi nước sôi. Tấm bảo cám nhảy xuống hố và sai quân hầu dội nước sôi vào hố. Cám chết mẹ dì ghẻ cũng lăn đùng ra chết... Ở cách kết thúc này, tác giả dân gian đã cho ta chứng kiến kết cục cuối cùng của cuộc đời Cám và mẹ ghẻ. Người ra tay trừng phạt hai mẹ con Cám không ai khác chính là Tấm. Đành rằng trong truyện cổ tích, kẻ ác lúc nào cũng bị trừng phạt đích đáng, kết thúc trên rõ ràng là đã thể hiện đúng ước mơ của người dân lao động (thiện thắng ác) nhưng liệu như vậy, cô Tấm có phải là một con người “hơi” dã man khi ở phần trên câu chuyện ta luôn biết Tấm là một người con gái hiền lành, tốt bụng? Bản thứ hai: Cám thấy Tấm trở về và được vua yêu thương như xưa nó không khỏi sợ hãi. Nhưng Cám cũng thắc mắc là vì sao chị mình sau bao thử thách nghiệt ngã như thế lại trở nên đẹp để bội phần. Cám hỏi Tấm: - Chị Tấm ơi chị Tấm, chị làm thế nào mà đẹp thế? Tấm trả lời: - Chị đẹp thế này là nhờ mỗi ngày đều tắm rửa bằng nước sôi đấy. Thế em có muốn đẹp không, để chị giúp cho. Cám hí hửng đồng ý. Thế là Tấm chuẩn bị cả một nồi nước sôi và dội luôn lên người Cám.

Cám chết còng keo trong nước nóng. Nhưng câu chuyện chưa dừng lại ở đây. Sau khi Cám chết, mẹ dì ghẻ vẫn không hề hay biết chuyện. Tấm vội sai quân hầu đem làm thịt Cám và muối thành mắm, đem biếu mẹ dì ghẻ và nói dối là mắm do Cám từ hoàng cung gửi về biếu mẹ. Mẹ dì ghẻ tưởng thật, đem mắm ra ăn và tấm tắc khen ngon. Có con quạ đậu trên cành cây bên cửa sổ liú lo. Ngon gì mà ngon Mẹ ăn thịt con Có còn xin miếng Mẹ dì ghẻ nghe vậy liền chửi mắng: - Chém tổ cha tổ mẹ mày. Mắm này do con gái ta từ hoàng cung gửi về. Ta ăn ngon thì khen chứ sao. Thế là mẹ tiếp tục ăn. Ăn cho đến tận đáy hũ. Mẹ chợt nhìn thấy một cái đầu lâu, lúc này mới biết lời con chim nói là thật quá, sợ quá mẹ lăn đùng ra chết. Đây là một cách kết thúc thật đáng đời cho mẹ con Cám. Cám vì sống độc ác nên đến lúc chết cũng không được thanh thản, đã bị dội nước sôi rồi lại còn bị làm thịt muối thành mắm. Còn mẹ dì ghẻ lại là người ăn thịt con gái của mình. Cách kết thúc này là một sự trả giá quá đắt cho những mưu kế độc ác và lòng tham lam của mẹ con Cám. Tuy nhiên, ta vẫn phải đặt ra câu hỏi: Liệu như thế này, Tấm có phải thay đổi thành một con người độc ác và mưu mẹo? Vì chỉ những người mưu mẹo, nham hiểm mới có thể nghĩ ra cách muối mắm rồi đem biếu dì ghẻ như vậy? Đối chiếu với những lời kể về phẩm chất của Tấm ở phần trên câu chuyện với phần kết thúc, dường như ta thấy có sự đối lập... Bất cứ ai khi nghe kết thúc kiểu này, chắc hẳn đều không tránh khỏi cảm giác ghê sợ, dã man quá mức. Hình ảnh một nàng Tấm hiền lành lương thiện cũng dần nhạt nhoà một phần nào đó. Nhưng vì truyện cổ tích ra đời trong xã hội phong kiến nên cách trả thù kiểu trung cổ như trên cũng không có gì xa lạ. Hơn nữa mẹ con nhà Cám làm Tấm chết đi sống lại bốn lần cho nên cách kết thúc trên mới là kiểu trừng phạt triệt để của người lao động. Đó là hậu quả của những kẻ gieo gió sẽ gặt bão như mẹ con nhà Cám. Bản thứ ba: Cám thấy Tấm trở về sống hạnh phúc với vua cha thì trong lòng không khỏi ghen tị khi thấy chị mình càng đẹp lộng lẫy hơn bao giờ hết. Cám về quê sống với mẹ và được nghe một người nào đó bảo rằng: Muốn đẹp như Tấm thì phải tắm nước sôi. Cám tin lời người ấy một cách ngu ngốc, mê muội. Cám đã làm theo. Nó chuẩn bị cho mình một nồi nước sôi thật to và dội lên người. Kết quả là Cám chết còng keo trong nước nóng. Mẹ dì ghẻ đi làm về thấy thế cũng lăn đùng ra chết theo con. Cách kết thúc này có vẻ “nhân đạo” hơn cả. Bởi vì cuối cùng Cám và mẹ dì ghẻ cũng đã phải trả giá cho những hành động của mình. Kết thúc này hay ở chỗ: Cám nghe lời mách bảo của một người nào đó không rõ tên tuổi. Người nào đó ở đây chính là người đại diện cho nhân dân lao động, hoàn toàn đứng ngoài câu chuyện và có cách nhìn, cách đánh giá khách

quan về mẹ con Cám. Điều này chứng tỏ, tất cả mọi người đều đồng cảm với Tấm, đều căm ghét mẹ con nhà Cám độc ác, nham hiểm, tham lam. Thay thế cho Tấm, người ấy đã trả thù mẹ con Cám giúp Tấm. Cách kết thúc này rất hay, vẫn đảm bảo nguyên vẹn phẩm chất hiền lành, giàu lòng lòng vị tha của cô Tấm, vẫn thể hiện rõ nét ước mơ của nhân dân lao động về chân lí của cuộc sống, về quy luật của tự nhiên; cái thiện vẫn luôn chiến thắng cái ác, hạnh phúc sẽ mỉm cười với những người lương thiện và sự trừng phạt đích đáng sẽ đến với những kẻ độc ác, nham hiểm. Chính vì tính truyền miệng của văn học dân gian nên mỗi tác phẩm dân gian đều có nhiều dị bản khác nhau. Truyện cổ tích Tấm Cám là một minh chứng chân thực nhất cho điều đó. Cùng là một câu chuyện song lại có nhiều cách kết thúc khác nhau, mỗi cách kết thúc đều có cái hay, cái đặc biệt riêng của nó. Song xét về thể giới tâm lí của con người, ta đều có thể cảm nhận được cách kết thúc nào là hợp lí nhất. Tuy nhiên điều cảm nhận ấy vẫn là đánh giá chủ quan của từng người đọc. Ba cách kết thúc khác nhau của truyện Tấm Cám chắc chắn ra đời ở ba thời kì khác nhau. Cách thứ hai, ra đời trước tiên. Tiếp đến là cách thứ nhất. Người sau chỉnh lại kết thúc của cách hai, vì thấy Tấm trong câu chuyện trả thù tàn ác quá, nhưng đồng quan điểm “Tấm phải trực tiếp trả thù”. Nhưng vấn đề đặt ra là, có nên theo “tấm lòng nhân ái” khi nghe chuyện mà bỏ qua biểu tượng rắn đe hết sức quyết liệt của cách kết thúc “muối mắm” hay không. Đó là trước cái ác tột cùng, một cái ác không điểm dừng, quyết truy đuổi, tiêu diệt đến cùng cái thiện, thì cái ác ấy cũng cần bị cái thiện đáp trả xứng đáng. Tiêu diệt cả gốc lẫn rễ, làm cho cái ác phải ghê rợn, bầm vằm ra để chúng không thể hồi sinh. Cách thứ ba, khác hẳn hai cách trên, có lẽ do có khoảng lùi lớn về thời gian, thay đổi về thời đại nên quan niệm trả thù đã được “nhân đạo hoá”. Mặt khác, người kể lại muốn giữ trọn hình ảnh đẹp của người con gái Việt Nam truyền thống nên điều chỉnh lại. Có điều nó cũng đã “lập trường hóa”, “tiến bộ hóa”, “hiện đại hóa” câu chuyện. Truyện cổ tích Tấm Cám tuy có nhiều cách kết thúc khác nhau song mỗi cách kết thúc đều có cái hay và ý nghĩa riêng của nó. Chính cách kết thúc khác nhau đã làm phong phú thêm truyện cổ dân gian. Hiểu và đồng cảm với người xưa thì chọn cách hai. Cùng quan điểm như vậy, nhưng “mềm mỏng” hơn thì chọn cách một, Theo thời bây giờ sẽ chọn cách ba. Cho nên, bạn chọn cách kết thúc nào cũng đều được. Tôi thì tôi chọn cách kết thúc thứ hai. Bởi lẽ, các kiểu kết thúc tuy có những chỗ khác nhau nhưng đều góp phần thể hiện ước mơ và công lí nhân dân “Ở hiền gặp lành”, “Ác giả ác báo.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tìm hiểu Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy

Mục đích: - Nhằm được đặc trưng thể truyền thuyết: lịch sử gắn với tưởng tượng, thể hiện quan điểm của nhân dân. - Nhằm được bài học lịch sử từ bi kịch mất nước, bi kịch tình yêu.

I. Tìm hiểu chung - Thể truyền thuyết: là loại truyện dân gian, kể về các sự kiện, nhân vật lịch sử, thể hiện nhận thức, quan điểm của nhân dân về lịch sử. Đặc điểm nổi bật của thể truyền thuyết: có sự hoà quyện giữa tưởng tượng và lịch sử, không chú trọng đến tính chân thực, xây dựng những hình tượng độc đáo.

- Truyện thuyết An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy: + Xuất xứ: Trích trong truyện “Rùa vàng”, in trong quyển “Lĩnh Nam chích quái” (thế kỉ 15) + Bố cục: 2 phần: An Dương Vương là vua Âu Lạc xây thành, chế nỏ, giữ nước thành công và Bi kịch tình yêu của Mị Châu gắn liền bi kịch mất nước của An Dương Vương.

- Tóm tắt: An Dương Vương xây thành Cổ Loa, xây mãi vẫn đổ, nhờ có Rùa Vàng giúp mới xây xong. Rùa cho nhà vua lấy nỏ, nhờ đó mà đánh bại quân xâm lược Triệu Đà. Triệu Đà cầu hoà, cho con trai Trọng Thủy sang kết thân với Mị Châu, con gái An Dương Vương và ở rể trong thành Cổ Loa. Trọng Thủy ăn cắp lấy nỏ, Triệu Đà liền cử quân sang tái xâm lược Âu Lạc. An Dương Vương thua trận, đem theo Mị Châu chạy trốn. Đến bờ biển, Rùa Vàng hiện lên kết tội Mị Châu, vua chém đầu con gái rồi đi xuống biển. Trọng Thủy tiếc Mị Châu, tự vẫn ở giếng trong thành. Mị Châu chết, máu thành ngọc trai, xác thành ngọc thạch, ngọc đem rửa nước giếng trong thành thì sáng hơn.

- Chủ đề: Truyện đưa ra bài học giữ nước và bài học mất nước của An Dương Vương đồng thời bộc lộ thái độ với các nhân vật liên quan.

II. Tìm hiểu chi tiết.

1. Nhân vật An Dương Vương

a. Trong quá trình giữ nước.

- An Dương Vương trong những năm đầu đã làm được những việc trọng đại, thu được những thành công to lớn: chuyển đô từ miền núi về đồng bằng, xây được thành cao hào sâu, chế được nỏ tốt, chiến thắng Triệu Đà, bảo vệ độc lập chủ quyền đất nước.

- Nguyên nhân thành công: + Do An Dương Vương kiên trì, quyết tâm, không nản chí trước khó khăn, thất bại tạm thời. + Do An Dương Vương thành tâm cầu tài: lập đàn cầu, sự ủng hộ của nhân dân. + Do An Dương Vương được sự trợ giúp của cả người và thần linh (cụ già và Rùa vàng) + Vua có tinh thần cảnh giác cao, có sự lo tính, chuẩn bị

sẵn sàng đối phó với nguy cơ xâm lược của kẻ thù (xây thành, chế nỏ). => Nhận xét: An Dương Vương là vị vua anh hùng, thủ lĩnh sáng suốt của người Âu Lạc, có trách nhiệm, tinh thần cảnh giác cao độ. - Thái độ của nhân dân: tôn vinh, ngưỡng mộ An Dương Vương. Hình ảnh Rùa Vàng và nỏ thần mà nhân dân sáng tạo ra chính là sự kỳ ảo hoá, thần thánh hoá, bất tử hoá sự nghiệp dựng, giữ nước chính nghĩa, hợp lòng dân của An Dương Vương. Nỏ thần là sự kỳ ảo hoá vũ khí tinh xảo của người Việt xưa. b. Trong quá trình mất nước. - Nguyên nhân mất nước: + Do An Dương Vương lơ là cảnh giác, không nhận ra dã tâm nham hiểm của Triệu Đà. + Vua liên tiếp mắc sai lầm: nhận lời cầu thân của Triệu Đà, cho phép Trọng Thủy ở rể trong thành mà không chút đề phòng, dạy dỗ con gái không nghiêm, lơ là trong việc phòng thủ bảo vệ nước, chủ quan khinh địch, sớm có mong muốn hưởng nhàn. => Nhận xét: An Dương Vương đã tự đánh mất mình, tự mãn, thiếu sáng suốt, cảnh giác, không hiểu bản chất nham hiểm của kẻ thù nên chuốc thất bại thảm hại. Ông thua là thua ở mưu kế hiểm độc, do bị phá ngầm bên trong chứ không phải thua do kém binh kém tướng. - Kết cục của An Dương Vương: Nhà vua rơi vào bi kịch nước mất nhà tan. Ông chỉ tỉnh ngộ khi thành đã mất, lâm vào bước đường cùng, phía sau lưng là giặc, phía trước mặt là biển khơi mênh mông, không lối thoát; tự tay ông phải chém đầu con gái yêu và kết thúc cuộc đời mình. Đó là hành động trừng phạt nghiêm khắc, đích đáng, đau đớn, đầy bi kịch. - Thái độ của nhân dân với An Dương Vương: + Một mặt nêu ra bài học đắt giá cho người thủ lĩnh mất cảnh giác, để mất nước một cách bi thảm. Đó là sự trừng phạt nghiêm khắc của lịch sử. + Mặt khác nhân dân vẫn kính trọng những việc ông đã làm cho đất nước nên đã giảm nhẹ tội cho ông bằng cách sáng tạo ra lỗi lầm của Mị Châu và để ông cầm sừng tê đi xuống lòng biển về với Lạc Long Quân bất tử. + Cách hoá thân của An Dương Vương có ý nghĩa răn dạy vô cùng sâu sắc nếu so sánh với cách hoá thân của Thánh Gióng. Thánh Gióng có công cứu nước, khi hoá thì bay lên trời khiến người đời sau nhớ đến thì ngược nhìn lên ngưỡng vọng. An Dương Vương mang tội đánh mất nước, có cách hoá đi xuống lòng biển khiến người đời sau khi nhớ đến ông phải cúi nhìn sâu vào mà luôn cảnh giác với chính bản thân mình. 2. Mối tình Mị Châu-Trọng Thủy. a. Mị Châu. - Có vị trí cao trong đất nước lẽ ra phải ý thức sâu sắc được trách nhiệm cá nhân của mình với đất nước nhưng lại chỉ biết đắm chìm trong hạnh phúc lứa đôi cá nhân. - Nàng ngây thơ cả tin đến mức sử dụng bí mật quốc gia cho tình riêng, để bảo vật giữ nước bị đánh tráo mà không hay biết. - Khi nước đã mất vào tay Triệu Đà, trên đường chạy trốn, vẫn ngây thơ đánh dấu đường

cho chồng, để nên nỗi hai cha con bị dồn vào đường cùng không lối thoát.
=> Đây là sự trừng phạt nghiêm khắc của lịch sử. Mị Châu phải trả giá đắt cho tội lỗi của mình. - Hậu quả của sự ngây thơ, thiếu ý thức trách nhiệm: Mị Châu bị kết tội là giặc, tình yêu, niềm tin tan vỡ, bị vua cha chặt đầu - Thái độ của nhân dân với Mị Châu: + Một mặt đưa ra bản án nghiêm khắc, đích đáng trừng trị tội lỗi của nàng. Từ bi kịch của Mị Châu, nhân dân muốn nhắc nhở con cháu, đặc biệt là thế hệ trẻ cần có thái độ đúng đắn trong việc giải quyết mối quan hệ giữa nước và nhà, chung và riêng. + Một mặt thương cho nàng, bao dung cho nàng vì nàng có tâm hồn trong sáng, phạm tội do vô tình chứ không phải cố ý. Vì vậy, nhân dân đã sáng tạo ra lời khấn linh nghiêm của Mị Châu: máu biến thành ngọc trai, xác biến thành ngọc thạch. b. Nhân vật Trọng Thủy. - Là nhân vật truyền thuyết khá phức tạp, có nhiều mâu thuẫn. + Trong thời kỳ đầu, Trọng Thủy đóng vai trò gián điệp, theo lệnh vua cha sang dò la bí mật quốc gia của Âu Lạc, đánh cắp lẫy nỏ. + Trong quá trình sống chung với Mị Châu, có thể Trọng Thủy đã yêu nàng thực sự. Câu nói trước lúc chia tay Mị Châu về nước phần nào thể hiện chân tình, sự lo lắng của Trọng Thủy về sự tan vỡ của hạnh phúc. Khi Mị Châu chết, Trọng Thủy ôm xác vợ khóc lóc, sau đó thì tự tử. - Cái chết của Trọng Thủy: cho thấy sự bế tắc, sự ân hận muộn màng của y. Trọng Thủy vừa là kẻ thù của nhân dân Âu Lạc vừa là nạn nhân trong tham vọng bá quyền của Triệu Đà. Trọng Thủy bị kẹt giữa 2 tham vọng quyền lực và hạnh phúc lứa đôi. Hai tham vọng đó không dung hoà được với nhau, tạo nên mâu thuẫn không thể giải quyết trong chính con người Trọng Thủy, do đó, y chỉ còn mỗi cách kết liễu cuộc đời vì bế tắc. - Thái độ nhân dân với Trọng Thủy: + Một mặt nhân dân ta vẫn kết tội cướp nước của Trọng Thủy, cái chết vì mâu thuẫn giằng xé là cái giá hằn phải trả. + Mặt khác, nhân dân ta vẫn bao dung vì dù sao Trọng Thủy đã hối lỗi và phải trả giá, nên đã sáng tạo ra chi tiết ngọc trai biến Đông nơi Mị Châu chết sẽ sáng hơn nếu đem vào rửa nước giếng nơi Trọng Thủy tự vẫn thể hiện, đó coi như sự tha thứ của Mị Châu cho hãn. III. Tổng kết. - Truyện nêu ra bài học sâu sắc, thấm thía về ý thức cảnh giác trong dựng, giữ nước, bài học về cách xử lý mối quan hệ giữa nước và nhà. - Truyện có sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố thần kỳ và cốt lõi lịch sử, sáng tạo nhân vật giàu tính tư tưởng, sử dụng nhiều hình ảnh ẩn tượng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện: Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu

Mị Châu sau khi chết, hoá thành ngọc châu như lời nàng đã thề. Vì thực sự là chỉ vì nàng quá ngây thơ, quá tin tưởng chồng mà sai lầm chứ không hề cố ý. Rồi linh hồn nàng cũng được bay đến chốn Thủy cung. Trọng Thủy thì quá đau buồn cho vợ mình, cũng đã nhảy xuống giếng tự tử, và đến được chốn Thủy cung. Chàng đến Thủy cung thì nhìn thấy những cảnh đẹp tuyệt trần mà chưa từng được thấy. Đi một hồi, chàng nhìn thấy Mị Châu đang chơi đùa với đàn cá nhỏ. Chàng vui mừng khôn xiết, không thể nói nên lời. Trong khi đó thì Mị Châu lại vô cùng ngạc nhiên, không hiểu vì sao Trọng Thủy lại có thể đến được đây. Trọng Thủy chạy đến, ôm chầm lấy Mị Châu. Hai người ngồi trò chuyện với nhau. Trọng Thủy giải bày hết tâm sự, chàng vô cùng đau đớn khi đã khiến cho Mị Châu phải đau buồn, nhưng chàng không thể nào làm trái, một mặt vì chữ hiếu với cha, một mặt vì chữ trung với đất nước, nên chàng đành phải hi sinh hạnh phúc với Mị Châu, và đã lừa dối nàng. Còn Mị Châu, một phần thì giận, một phần thì lại thương Trọng Thủy. Giận là vì chàng đã khiến Mị Châu phải mang cái tội bất hiếu với cha, cái tội phản quốc. Thương vì dù sao một người cũng đã từng là vợ chồng, cũng đã từng chung một cái giường chung một chiếc chăn, ít nhiều gì thì cũng đã có tình cảm với nhau. Và cũng là vì chàng đã nhảy xuống giếng tự tử vì đau buồn cho cái chết của Mị Châu. Sau đó, Trọng Thủy mở lời muốn nối lại tình xưa với Mị Châu. Vui mừng nhưng Mị Châu lại lưỡng lự. Rồi nàng bảo Trọng Thủy hãy đi đến một nơi nào đó mà không có nàng (nói trong nước mắt). Đã nói hết lời, nhưng Mị Châu vẫn không thay đổi ý định, Trọng Thủy bèn đi. Rồi, đi ra đến cửa thì chàng gặp Kim Quy. Chàng kể toàn bộ câu chuyện giữa hai người cho Kim Quy nghe. Rồi Kim Quy đem chàng trở lại gặp Mị Châu, Kim Quy khuyên nhủ Mị Châu, ông rùa nói: “Mặc dù con đã mắc phải tội lớn, nhưng chính khi con thề với cha con thì đã thể hiện con không hề muốn như thế, và việc con được tiếp tục sống ở đây coi như là mọi tội lỗi của con đã được xoá tan. Cho nên, con hãy sống thật vui với những gì mình thích, hãy nhớ rằng: sống thật tốt vì cha con luôn mong con hạnh phúc!” Nói rồi, Kim Quy đi, Trọng Thủy chưa kịp tạ ơn. Rồi hai người khóc sụt sùi, và sống cuộc sống thật vui vẻ ở dưới thủy cung

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích các chi tiết nghệ thuật kì ảo được sử dụng trong truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy

Yếu tố kỳ ảo: + Rùa Vàng giúp vua An Dương Vương xây thành, chế nỏ thần: Thể hiện sự đồng tình ủng hộ của nhân dân đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước của An Dương Vương + An Dương Vương cầm sừng tê bảy tấc rẽ nước xuống biển: thể hiện sự kính trọng, biết ơn đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của vua An Dương Vương. Tuy An Dương Vương có tội trạng nhưng ông có công rất lớn vì thế nên nhân dân vẫn rất kính trọng và biết ơn Ngài, nên họ đã để An Dương Vương bất tử trong hồn thiêng sông núi. + Hình ảnh ngọc trai - giếng nước: là chi tiết giải oan cho Mị Châu, và một chút thương hại cho Trọng Thủy - Trước lúc chết nàng Mị Châu có khẩn rằng nếu nàng trong sạch, không có mưu đồ hại cha, hại nước thì lúc chết xin hoá thành ngọc để rửa sạch mỗi nhục thù. Hình ảnh ngọc trai là chi tiết nhằm giảm nhẹ tội trạng cho Mị Châu, thể hiện sự đồng cảm, bao dung của nhân dân ta với nàng - Giếng nước ở đây để thể hiện một chút thương hại đến Trọng Thủy. Suy cho cùng, hắn cũng chỉ là nạn nhân. Hắn chỉ thực hiện một bổn phận, trách nhiệm của một người con đối với cha, của một bề tôi trung thành với đất nước. Khi trở thành chồng của Mị Châu, tình cảm của hắn đã nảy nở, nhưng hắn vẫn không quên đi nhiệm vụ của mình. Khi đã hoàn thành nhiệm vụ, hắn lại tỏ ra thương nhớ Mị Châu. Có thể nói, hắn là cũng là một nạn nhân trong chế độ cũ, và là nạn nhân trong tình yêu. Cho nên, hình ảnh ngọc trai - giếng nước cũng có thể được xem là một chi tiết tỏ lòng thương hại của nhân dân đối với một nạn nhân của gặp bi kịch tình yêu, cũng như đối với một kẻ đã biết ân hận, khát khao được hoá giải tội lỗi như Trọng Thủy.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy hóa thân vào nhân vật An Dương Vương để kể lại toàn bộ câu chuyện

DÀN Ý I. Mở bài - Giới thiệu nhân vật (Ví dụ: Ta là vua Thục Phán An Dương Vương trị vì nước Âu Lạc...v.v..) - Khái quát cốt truyện. II. Thân bài - Tưởng tượng lại cảnh An Dương Vương xuống thủy cung (Ví dụ: theo sau Rùa Thần đi trên con đường dẫn xuống thủy cung... hai bên cảnh vật thật tuyệt vời... từng đàn cá bơi lội tung tăn... từng rặng san hô nhô lên khoe tấm áo đầy màu sắc của mình...) - Khi được Rùa Thần cho ở lại thủy cung, nêu cảm xúc (ví dụ: niềm vui xen lẫn nỗi buồn...) - Cảm nghĩ trong những ngày lưu lại thủy cung về những sai lầm của mình (ví dụ: hối hận khôn xiết, ta đã gây ra tội ác tày trời...phải chém chết chính con gái mình, để đất nước lâm vào cảnh lầm than...ấy là vì một lần cả tin mà phải trả một giá quá đắt...) - Tình cảm của “An Dương Vương” dành cho đất nước & nhân dân Âu Lạc (ví dụ: thương yêu chúng dân,cảm thấy nhục nhã, có lỗi với nhân dân Âu Lạc, có lỗi với các vị tổ tiên khi buông tay đánh mất Âu Lạc vào tay Triệu Đà...) - Thái độ căm phẫn với Triệu Đà (khái quát) (ví dụ: ta căm ghét hãn,vì hãn mà cơ đồ ta xây dựng “đắm biển sâu”, ta đã chấp nhận hòa hiếu, lại cho con trai hãn lưu lại trong Loa thành, vậy mà....v.v...) III. Kết bài - Một lần nữa bày tỏ lại cảm xúc ân hận khôn cùng, hối lỗi và xin được tạ lỗi với tổ tiên, với nhân dân Âu Lạc... - Có thể tưởng tượng thêm cảnh “An Dương Vương” rút kiếm tự vẫn...

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể lại chuyện “Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu”

DÀN Ý A. Mở bài - Sau khi an táng cho vợ, Trọng Thủy ngày đêm buồn rầu khổ não. - Một hôm đang tắm, Trọng Thủy nhìn thấy bóng Mị Châu ở dưới nước bèn nhảy xuống giếng ôm nàng mà chết. B. Thân bài 1. Trọng Thủy lạc xuống Thủy cung. - Vì trong lòng luôn ôm nỗi nhớ Mị Châu nên sau khi chết, linh hồn Trọng Thủy tự tìm đến thủy cung. - Miêu tả cảnh ở dưới thủy cung (cung điện nguy nga lộng lẫy, người hầu đi lại rất đông...). 2. Trọng Thủy gặp lại Mị Châu. - Đang ngỡ ngàng thì Trọng Thủy bị quân lính bắt vào đại điện. - Trọng Thủy được đưa đến quỳ trước mặt một người mà lính hầu gọi là công chúa. - Sau một hồi lục vấn, Trọng Thủy kể rõ mọi sự tình. Lúc ấy Mị Châu cũng rưng rưng nước mắt. 3. Mị Châu kể lại chuyện mình và trách Trọng Thủy. - Mị Châu chết, được vua Thủy Tề nhận làm con nuôi. - Mị Châu cứng rắn nặng lời phê phán oán trách Trọng Thủy. + Trách chàng là người phản bội. + Trách chàng gieo bao đớn đau cho hai cha con nàng và đất nước. - Mị Châu nhất quyết cự tuyệt Trọng Thủy rồi cả cung điện tự nhiên biến mất. 4. Trọng Thủy còn lại một mình: Buồn rầu, khổ não, Trọng Thủy mong ước nước biển ngàn năm sẽ xóa sạch lầm lỗi của mình. C. Kết bài Trọng Thủy hoá thành một bức tượng đá vĩnh viễn nằm lại dưới đáy đại dương. * Lưu ý: Người viết có thể vẫn dựa vào dàn ý nêu trên nhưng có thể chọn nội dung câu chuyện khác, ví dụ: - Trọng Thủy và Mị Châu gặp gỡ nhau. Hai người tỏ ra ân hận. Nhưng rồi họ quyết định từ bỏ mọi chuyện ở dương gian để sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nơi đáy nước. - Mị Châu gặp Trọng Thủy. Nàng phân rõ lí tình về những chuyện lúc hai người còn sống. Hiểu lời vợ, Trọng Thủy tỏ ra ân hận, nhận tất cả lầm lỗi về mình. Hai người hứa hẹn sẽ làm những điều tốt đẹp để bù đắp những lầm lỗi trước đây.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nhận về câu chuyện An Dương Vương, Mị Châu
- Trọng Thủy

Tôi kể ngày xưa chuyện Mị Châu Trái tim lầm chỗ để trên đầu Nỏ thần vô ý trao tay giặc Nên nổi cơn bão biển sâu (Tố Hữu) Truyền thuyết Mị Châu – Trọng Thủy là một trong những câu chuyện có sức hấp dẫn được lưu truyền trong dân gian về buổi đầu của lịch sử dân tộc – một câu chuyện vừa mang nét hiện thực vừa mang nét huyền thoại thời Âu Lạc. Hơn thế nữa, đây cũng là tác phẩm mang dấu ấn bi kịch sớm nhất trong văn chương dân tộc. Giếng Mị Châu ở Đông Anh còn đó, bên cạnh bài học về việc cần đề cao cảnh giác với kẻ thù, tấm oan tình còn để lại những bài học mang giá trị nhân văn sâu sắc. Mị Châu là con gái của Thục An Dương Vương. Người con gái trong trắng ngây thơ, tin tưởng tình yêu một cách chân thành cuối cùng đã bị chính người chồng đưa vào bẫy, làm mất nước. Câu chuyện trong sách giáo khoa chỉ tập trung vào mối quan hệ Trọng Thủy – Mị Châu nhưng cũng đủ sức giúp ta nhận ra những thủ phạm và nạn nhân đích thực của bi tình sử này. Trọng Thủy làm rẫy của An Dương Vương. Mọi nguyên nhân bi kịch trước hết bắt đầu từ An Dương Vương khi đã để tình riêng lấn át tầm nhìn của một đấng minh quân. Nhất là, kẻ ở rẫy lại phục vụ cho dã tâm của Triệu Đà – lấy bí quyết nỏ thần để cướp nước. Sự mất cảnh giác đáng trách của An Dương Vương làm mất nước đã đành, nhưng hậu quả của nó mang ý nghĩa bi kịch là làm nên cảnh sinh li tử biệt, tan vỡ tình duyên của Mị Châu – Trọng Thủy. Mặc dù truyền thuyết được ghi lại bởi người đời sau hết sức ngắn gọn, nhưng cốt lõi của bi kịch ấy vẫn thật rõ ràng: mối quan hệ thông gia của hai nhà vốn dĩ đối địch tiềm ẩn những bất trắc khó lường. Vậy mà An Dương lại “vô tình” gả con gái yêu của mình cho con trai kẻ thù. Theo mạch kể của truyền thuyết, không có những lí giải về nguyên nhân sâu xa khiến cho Mị Châu đã tiếp tay cho Trọng Thủy đánh cắp lấy nỏ thần Kim Qui. Nhưng theo mạch truyện, Mị Châu rõ ràng đã tin Trọng Thủy đến với nàng bằng cả tấm chân tình. Sự ngây thơ ấy của cá nhân nàng là điều có thể tha thứ, nhưng vì tình riêng mà để lộ bí mật quốc gia thật sự là một tội lỗi khó dung tình. Đáng trách hơn, tình yêu ấy thiếu lí trí sáng suốt để nổi nàng không nhận ra được những ẩn ý trong lời nói của Trọng Thủy khi từ biệt để cảnh báo với vua cha. Nàng không đủ tỉnh táo để nhận ra trong lời chồng tiềm tàng hiểm hoạ binh đao: “Ta nay trở về

thăm cha, nếu như đến lúc hai nước thất hoà, bắc nam cách biệt, ta lại tìm nàng lấy gì làm dấu?”. Mị Châu mê muội đếm mức không thể nói một lời hỏi nguyên do chia lìa, lại chỉ chăm chăm nghĩ về sự đoàn tụ lứa đôi. Đặt tình riêng lên trên vận mệnh quốc gia như vậy quả thật đáng phê phán. Đằng sau tình duyên Mị Châu – Trọng Thủy là cả một âm mưu thôn tính thâm hiểm của Triệu Đà, không ai khác kẻ thực hiện gian kế ấy lại là Trọng Thủy. Hẳn ngay từ khi đặt chân đến Loa Thành làm rể đã đặt nhiệm vụ gián điệp lên hàng đầu. Bỏ ối hơn, hẳn đã lợi dụng ngay người vợ ngây thơ để thực hiện gian kế mĩ mãn. Xét về bản chất Trọng Thủy là một kẻ gian trá và tham lam: lừa gạt vợ để lấy vuốt Rùa Vàng, vừa âm mưu cướp được nước, vừa muốn được chiếm đoạt trọn vẹn trái tim của Mị Châu. Từ thủ phạm, hẳn đã biến thành nạn nhân của chính mình. Không thể nào có sự dung hoà giữa quyền lợi quốc gia với tình yêu đôi lứa khi thù địch là cái mầm hoạ tiềm ẩn trong mối quan hệ vợ chồng. An Dương Vương mất nước từ sự thiếu cảnh giác, khinh địch của mình. Bản thân nhà vua mong mỏi hoà hiếu giữa hai quốc gia, chấm dứt cảnh đao binh từ duyên tình con trẻ. Nhưng trở trêu thay, đó lại là chỗ hở để kẻ dã tâm là cha con Triệu Đà lợi dụng. Bản thân An Dương Vương cũng phải gánh chịu bi kịch khi tuốt gươm trừng phạt kẻ phản bội là chính con gái yêu của mình, nhà vua đã đứng trên quyền lợi quốc gia mà gạt bỏ tình riêng, hành động ấy được trân trọng bằng cách xử lí của dân gian : Rùa Vàng rẽ nước dẫn vua xuống biển. Mị Châu phải trả giá bằng sự nông nổi của mình, nhưng nàng cũng kịp thức tỉnh để nhận ra bi kịch của mình. Một người con gái ngây thơ trong trắng đáng yêu bị phản bội, cuối cùng nàng đã nhận ra bộ mặt kẻ thù dù quá muộn màng. Cái nhìn nhân hậu của nhân dân ta đã dành cho Mị Châu khi để nàng hoá thân thành ngọc thạch, máu hoá thành hạt châu nhưng cũng thật công bằng khi từ lập trường yêu nước trừng trị kẻ có tội. Mị Châu quả thật đáng trách nhưng cũng thật đáng thương. Truyền thuyết không còn chỉ kể lại trang sử mất nước mà chứa đựng cái nhìn thương cảm cho lứa đôi – khi tình yêu phải đối mặt với âm mưu. Trọng Thủy đã phải trả giá cho sự lừa dối khi hẳn chỉ còn mang được xác Mị Châu về chôn cất. Với kẻ cướp nước, nhân dân ta không để cho hắn chiếm đoạt và tiếp tục lừa phỉnh Mị Châu. Nhưng điều đáng nói hơn là cái chết lao đầu xuống giếng của Trọng Thủy và kết thúc câu chuyện: “Người đời sau mò được ngọc trai ở biển Đông, lấy nước giếng mà rửa, thì thấy trong sáng thêm”. Sự lừa dối nhơ nhớp của Trọng Thủy là lời cảnh tỉnh : chỉ có tình yêu chân thành mới được đền đáp xứng đáng, không thể nào tình yêu đồng hành với những toan tính thấp hèn, tham vọng cướp nước. Truyền thuyết Mị Châu – Trọng

Thủy muôn đời vẫn còn giá trị từ ý nghĩa nhân văn, từ bài học cảnh giác cũng như lời nhắc nhở về cách giải quyết các mối quan hệ riêng – chung, cá nhân – cộng đồng. Câu chuyện bi kịch thấm thía ấy cũng là sự ìthể hiện lập trường và tình cảm rõ ràng của nhân dân ta trước các vấn đề lịch sử và quan hệ con người.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tưởng tượng Mị Châu và Trọng Thủy gặp ở dưới thủy cung. Anh (chị) hãy kể lại cuộc nói chuyện đó

Theo lời giao ước trước lúc chia tay, Trọng Thủy đã theo dấu lông ngỗng đến bờ biển. Chàng vô cùng ngạc nhiên, đau khổ khi thấy xác Mị Châu bên vũng máu. Trọng Thủy mang Mị Châu về an táng ở Loa Thành và từ đấy chàng luôn cảm thấy ân hận, dằn vặt, thương nhớ vợ. Một hôm sau, khi soi mình xuống giếng, chàng tưởng chừng như hình bóng Mị Châu đang thấp thoáng trên mặt nước nên cũng lao đầu xuống mà chết. Nhưng lạ thay khi tỉnh lại, Trọng Thủy thấy một lối đi dài, chàng mạnh dạn bước qua lối đó và thấy bên kia là một thế giới rộng lớn: chung quanh toàn nước và những sinh vật tuyệt đẹp. Chàng đi khắp nơi, đi rất lâu, rất lâu, đang bờ ngỡ vì không biết đây là đâu thì bỗng nhiên có hai tên lính đến hỏi chàng là ai rồi bắt chàng đến trước một tảng đá lớn có rất nhiều hoa lá, san hô, cá vàng và ngồi cạnh đó là một cô công chúa xinh đẹp mà lúc bây giờ chàng mới giật mình vì biết đó chính là Mị Châu và nơi chàng đang đứng là thủy cung. Thì ra vì biết Mị Châu vốn hiền lành nên Long Vương đã nhận nàng làm con gái nuôi. Mị Châu cũng vô cùng ngạc nhiên khi gặp lại Trọng Thủy. Nhìn vẻ đau khổ và uất hận còn đọng đầy trong đôi mắt đầm lệ của Mị Châu, Trọng Thủy bật khóc, tiếng khóc nghẹn ngào, thống thiết của chàng khiến sỏi đá cũng phải mềm lòng. Trọng Thủy quỳ xuống, van xin Mị Châu tha thứ cho tội lỗi của mình: - Nàng ơi! Khó khăn lắm ta mới gặp lại nàng. Mong nàng hãy tha lỗi cho ta, ta không thể nào làm khác được, đó là lệnh của vua cha! Ta biết nàng tin yêu ta nên không giấu diếm điều gì, nhưng ta đã lợi dụng sự tin yêu đó, phản bội nàng. Nhưng có lẽ Mị Châu vẫn còn giận Trọng Thủy rất nhiều, nàng trách chồng: - Thiếp cũng vậy, thiếp cũng mong được gặp chàng, hằng ngày thiếp đều ra đây ngắm nhìn cảnh vật, nhìn những đoá hoa tươi thắm kia mà nhớ đến những bó hoa mà chàng đã tặng cho thiếp, nhìn những đàn cá tung tăng bơi lội nhảy múa mà nhớ đến những ngày chúng ta vui vẻ bên nhau. Ôi! Nhưng thật trớ trêu, thiếp nay đã mang danh tội đồ của đất nước, thiếp không thể chung sống với kẻ thù của dân tộc mình. Sao chàng lại nhẫn tâm lừa dối thiếp khiến thiếp đau khổ? Thiếp thật ngơ dại, ngây ngất vì tình yêu mà nghe theo chàng! Trọng Thủy càng đau khổ, ân hận hơn khi nghe những lời vợ nói, chàng giải bày hết nỗi lòng của mình: - Quả là lúc đầu, ta rắp tâm lừa

dối cha con nàng, nhưng sau một thời gian chung sống, ta thực sự yêu nàng. Tình yêu của ta thần linh có thể chứng giám. Tình yêu của ta, mọi thần dân ta đều biết. Ta thật ân hận khi nghe theo lời vua cha nhưng nàng hãy hiểu cho ta, tha thứ cho ta, phải lừa dối nàng, lòng ta vô cùng bối rối, trong lúc tâm trí hỗn loạn, ta đã có một quyết định sai lầm. Nàng có biết ta đã chịu dày vò, dẫn vật như thế nào không? Lúc ta nhận ra sự nghiệt ngã của chiến tranh phi nghĩa thì đã quá muộn màng. Ta đã chọn cái chết để tạ tội. Mị Châu ơi! Ta cầu xin nàng rộng lòng tha thứ! Cảnh vật xung quanh nhu xao động, dòng nước chảy nhẹ nhàng hơn, những đoá hoa ngừng đung đưa lay động. Mị Châu mắt ướn lệ, giọng nghen ngào: - Thiếp tin vào tình yêu của chàng, tin rằng những tình cảm trước kia chàng dành cho thiếp là chân thật không giả dối. Thiếp biết một đấng nam nhi phải lấy sự nghiệp, giang sơn của mình làm trọng. Thiếp cũng biết cả hai chúng ta đều không có lỗi, tất cả đều do cuộc chiến tranh phi nghĩa này. Mị Châu vừa ngừng lời, hai vợ chồng ôm nhau khóc. Mị Châu đến xin phép Long Vương cho hai người được sống lại để xây dựng cuộc sống đầm ấm. Long Vương cũng cảm động trước tình yêu của hai người: - Tuy hai con đã có tội lỗi, nhưng đã biết hối cải. Ta cũng động lòng trước tình cảm của hai con. Nhưng nếu sau này hai con còn mắc lỗi, phản bội nhau ta sẽ cho hai con mãi mãi không bao giờ gặp nhau nữa. Trọng Thuỷ và Mị Châu rất vui mừng, cảm tạ ân điểm của Long Vương rồi cùng nhau trở lại trần gian. Nhưng họ không ở nước Âu Lạc nữa mà đến một vùng đất thật xa, nơi chỉ có những người dân hiền lành, cần cù, có hoa lá, không khí mát mẻ, trong lành. Hai người tổ chức đám cưới và cùng nhau làm lụng, họ sinh một trai, một gái rồi cùng nhau sống hạnh phúc đến suốt đời.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện Trọng Thủy tìm gặp lại Mị Châu dưới thủy cung

Sau khi Triệu Đà chiến thắng An Dương Vương, Trọng Thủy cùng vua cha quay trở về đất nước. Mặc dù trở thành người anh hùng của dân tộc nhưng Trọng Thủy không thoát khỏi sự dằn vặt của lương tâm vì đã trót lừa dối Mị Châu, người vợ yêu quý của mình. Khi nhớ đến người con gái ấy, chàng lại buồn, ra giếng nước - nơi mà Mị Châu hay ngồi chải tóc để nhớ về những kỉ niệm về nàng. Một hôm, chàng thấy bóng Mị Châu dưới nước, nàng vẫy tay gọi chàng, chàng thấy đôi mắt to, đen, tròn của người vợ yêu đang nhìn chàng... Trọng Thủy nhảy xuống giếng với hi vọng được gặp Mị Châu, mong được nàng thông cảm và tha thứ cho những việc mà mình đã làm. Nhưng ngờ đâu, đó chỉ là ảo ảnh, là hình ảnh do Trọng Thủy tưởng tượng ra vì luôn nghĩ về Mị Châu... Khi nhận ra mình đã nhìn nhầm, chàng cũng không ân hận, chàng phớt lờ số phận cho ông trời định đoạt, chàng muốn về với biển cả, nơi mà vợ mình đã bị chính cha ra tay chém chết... Chàng muốn chết để đền tội với Mị Châu. Về phần Mị Châu, sau khi chết, nàng được Rùa Vàng giúp đỡ cho sống ở Long Cung, ở đây, dù sống trong thế giới đầy đủ, sung sướng nhưng những kí ức về Trọng Thủy vẫn không hề nhạt dần theo thời gian... Hằng đêm, nàng khóc, khóc vì một phần do nhớ chồng, nhớ quê hương, nhớ dân tộc, khóc vì giận Trọng Thủy đã lừa dối, phải bội mình, khóc vì ân hận đã yêu Trọng Thủy một cách mù quáng, lú lẫn...vì Trọng Thủy mà giờ đây nàng đã là tội đồ của dân tộc. Nhiều lúc, Mị Châu thấy tuyệt vọng vì số phận nàng sao mà bi ai đến thế, nàng buồn cho chính số phận của bản thân, may mà nhờ An Dương Vương, Rùa Vàng, Thủy Linh công chúa (con của Long Vương) an ủi, lòng nàng cũng nhẹ bớt... Nhưng mỗi lúc nhớ đến chồng mình, nỗi đau trong tim lại trào dâng, từng dòng lệ cay chảy ra từ khóe mắt nàng... Thần Kim Quy thấy tình cảm giữa Mị Châu và Trọng Thủy vẫn còn sâu đậm nên ra tay giúp đỡ, cho 2 người gặp lại nhau. Xác Trọng Thủy vừa ra, trôi theo dòng nước đến biển Đông, hồn chàng bay theo gió, thần Kim Quy liền nhập thành một, ban cho khả năng sống dưới nước, báo mộng rằng vợ chàng, Mị Châu đang sống ở long cung. Trọng Thủy mơ thấy vậy liền tìm cách xuống Long cung tìm người vợ, và, một câu chuyện mới lại bắt đầu..... Trọng Thủy tìm đến được Long cung, trước mắt chàng là một cơ ngơi đồ sộ,

nguy nga, lộng lẫy mà chàng chưa từng thấy. Cổng Long cung được canh gác cẩn thận với đội quân hùng hậu. Trọng Thủy đứng đấy ngược nhìn chưa kịp nói thì bị hai vị Thủy thần gần đó chặn lại, hỏi: - Tên kia, ngươi là ai? đến đây làm gì? có biết đây là chốn Long cung uy nghiêm không? Trọng Thủy mới nghe đã sợ, nhưng vì muốn được gặp vợ, chàng dũng cảm trả lời: - Thưa hai vị, con là Trọng Thủy, vợ con là Mị Châu. Con đến đây vì được thần Kim Quy báo mộng rằng vợ con đang ở trong này... Rồi chàng thành thật kể lại câu chuyện giữa chàng và Mị Châu, đúng lúc đó, Thủy Linh công chúa đang định đi ra khỏi long cung, gặp chàng thì nói: - Đây là bạn ta, các người hãy để chàng vào trong Trọng Thủy được Thủy Linh công chúa dẫn đến chỗ Mị Châu... Trong Long cung, cảnh thật đẹp. từng đàn cá bơi lội tung tăng, từng rặng san hô đủ màu sắc, đây đúng là chốn thần tiên. Bỗng, Trọng Thủy thấy mình đang ở một nơi rất đẹp, không gian yên tĩnh. Trước mắt chàng, xa xa là một người con gái với mái tóc dài mượt đang ngồi chơi đàn, tiếng đàn sao mà sâu, bi ai đến thế. Dựa vào hình dáng người con gái, dựa vào mái tóc, vào âm thanh của bản nhạc thì chàng không thể nhầm được. Đó là Mị Châu! Chàng kêu to tên vợ, chạy đến bên vợ, nhưng về phần Mị Châu, nàng sợ, hoảng hốt bỏ chạy. Nàng chạy trốn người đã phản bội mình, Trọng Thủy đuổi theo, bắt được nàng, Mị Châu vẫn im lặng, nhìn Trọng Thủy bằng ánh mắt căm thù, oán giận, lẫn chút nhớ nhung, Trọng Thủy nhận ra điều đó, chàng nói: - Mị Châu, sao nàng chạy trốn ta, ta biết ta có lỗi, ta đã phải bội nàng, nhưng xin hãy hiểu cho ta, ta không còn lựa chọn nào khác. Là phận con, ta phải tuân lệnh cha, ta biết ta sai, nhưng nàng chớ hiểu nhầm ta không yêu nàng, đừng nghĩ rằng rằng ta cưới nàng chỉ vì âm mưu xâm lăng... trong lòng ta luôn có nàng, ta nhận ra khi nàng không ở bên ta, ta không thể sống được... xin hãy tha thứ cho ta Mặc dù Trọng Thủy đã xin lỗi chân thành nhưng Mị Châu không nói gì, nàng im lặng ngăm nhìn người chồng bấy lâu nay nàng mong nhớ, cũng là người đã phản bội nàng. Tim Mị Châu đau nhói, nàng không biết làm gì để vẹn đôi đường. Tại sao ông trời lại nỡ làm vậy với nàng chứ, để nàng gặp Trọng Thủy, yêu chàng và giờ đây lại oán thù chàng, nhưng trái tim yếu đuối kia đã thuộc về Trọng Thủy mất rồi - Xin đừng im lặng với ta, nàng hãy nói gì đi, đánh ta, mắng ta cũng được, xin nàng đừng im lặng, nàng làm thế ta buồn lắm, mọi chuyện xảy ra chỉ vì âm mưu của phụ thân ta. Thật tình ta không biết phải làm sao nữa, thôi thì mọi việc, mọi tội lỗi đều do ta gây ra, nhưng xin hãy trở về với ta-Trọng Thủy nói Mị Châu ngăm Trọng Thủy, người chàng ôm, xơ xác đi nhiều vì lo nghĩ, nàng cũng muốn quay lại với Trọng Thủy nhưng lại sợ. Mị châu với hai hàng lệ đầm tuôn trào, nói: -T

rong Thủy chàng ơi, thiếp biết chàng nói thật, nam nhi đại trượng phu phải đặt sự nghiệp lên đầu. Nhưng thiếp không thể, nếu quay lại, nữ chàng lại phải bội thiếp thì sao? Bây giờ thiếp đã là tội đồ của dân tộc, nếu quay lại tội thiếp nặng gấp bội phần. - Không đâu nàng ơi, ta thề sẽ không phản bội nàng đâu, nếu không giữ lời hứa ta sẽ bị ngũ mã phanh thây, thân xác không ven toàn đời đời bị khinh bỉ, suốt kiếp không siêu thoát. Đi mà, hãy đi cùng ta đến gặp cha nàng cùng thần Kim Quy, ta sẽ xin cho hai vị cho chúng ta được sống hạnh phúc bên nhau, dù trải qua bao nhiêu gian khổ đi chăng nữa, ta chỉ muốn sống cùng nàng tới bạc đầu. Đầu tiên, Mị Châu lưỡng lự song cũng đồng ý, hai người đến gặp vua cha. Tại đây, An Dương Vương cùng Rùa vàng đang đánh cờ, nói chuyện. Sau khi nghe kể về đôi trẻ, An Dương Vương không biết làm sao. Thấy vậy Rùa vàng liền nói: - Thôi thì hai con hãy đi cùng ta đến gặp Ngọc Hoàng, nếu người đồng ý hai con sẽ được như ý muốn, còn không thì Mị Châu chỉ có thể ở lại đây cùng cha. Nói rồi, Trọng Thủy, Mị Châu được rùa vàng dẫn đến gặp Ngọc Hoàng, sau khi nghe chuyện, Hoàng hậu cảm động rơi lệ, xin Ngọc Hoàng ân xá cho đôi trẻ, nhưng còn tội của hai người thì sao? Ngọc Hoàng phán rằng: - Thôi thì tình cảm của hai con vẫn còn lưu luyến nhưng tội thì không thể tha thứ, hai con hãy xuống hạ giới làm việc thiện ba năm, sau ba năm sẽ được đầu thai, sống chung với nhau, còn hạnh phúc hay không thì tùy thuộc vào hai con. Hai người chưa kịp nói lời chia tay thì đã được Ngọc Hoàng đưa xuống hạ giới. Mị Châu đầu thai vào gia đình quan chức, nàng vẫn vậy, xinh đẹp nét na, nhưng trái tim của nàng giờ đây mạnh mẽ hơn, nàng hay giúp người, làm việc thiện... về phần Trọng Thủy, chàng trở thành một anh ngư dân chăm chỉ, tốt bụng... Thời gian trôi qua thật nhanh, mới đó đã 3 năm, thời hạn để hai người gặp nhau đã đến. Mị Châu gặp Trọng Thủy, hai người ôm lấy nhau khóc, nước mắt đã xóa đi hết những tội lỗi trước đây, hai người cưới nhau sống hạnh phúc quá đỗi. Về phần Triệu Đà, vì con đi lâu mà không thấy về, nhớ con, hấn đổ bệnh mà chết. Tình yêu mà Mị Châu và Trọng Thủy trao cho nhau vẫn còn sáng chói như ngọc trai được rửa trong giếng nước nơi Trọng Thủy thấy bóng vợ mình. Câu chuyện giữa hai người thật cảm động, đó cũng là bài học cho chúng ta, hãy yêu thật lòng, hãy tin vào cuộc sống bạn nhé.

Văn Mẫu Lớp 10 - Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy tìm gặp lại Mị Châu. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đó

Sau khi thấy cái chết của người yêu chàng vô cùng đau khổ, dằn vặt và hối hận vì mình đã gây ra cái chết của người yêu. Và chàng đã nhảy xuống giếng Loa Thành tự tử - nơi mà Mị Châu đã chết vì quá yêu và nhớ người yêu. Sau một hồi mê man, tỉnh dậy Trọng Thủy thấy mình đang ở dưới đáy giếng và có thể đi lại, hít thở dưới nước bình thường như trên cạn. Đáy giếng sâu hun hút, không cách nào lên trên. Xung quanh thì mờ ảo, sau một hồi quan sát mãi sau Trọng Thủy mới tìm thấy một lối nhỏ vừa cho một người đi. Chàng mạnh dạn bước qua lối đó và thấy bên kia là một thế giới rộng lớn: xung quanh toàn nước và những sinh vật tuyệt đẹp nơi thủy cung. Ở đó có rất nhiều loài cá đẹp và đầy màu sắc. Đột nhiên, chàng chợt nhận ra rằng mình có thể hiểu được những loài cá này đang nói gì. Cuối cùng, Trọng Thủy đã nghe và hiểu được phần nào cuộc sống của Mị Châu ở thủy cung. Và chàng đã tìm mọi cách để có thể vào được thủy cung và gặp nàng... Sau bao khó khăn gian khổ cuối cùng, chàng cũng đã vào được thủy cung. Đến cổng, chàng bị hai thủy thần chặn lại và hỏi: - Người là ai? Xuống đây để làm gì? Nghe những lời nói chân thành của Trọng Thủy hai vị thủy thần cảm động cho Trọng Thủy vào. Vào đến trong, chàng cảm thấy thật ngỡ ngàng, kinh ngạc trước cảnh đẹp còn hơn cả hoàng cung, một vẻ đẹp thần tiên mà hồi nhỏ chàng đã từng mơ ước một lần được xem. Trước mặt chàng, cá nổi đuôi nhau vui đùa nhảy múa, xa xa là khu vườn đầy loài hoa kì lạ... và ở đó giữa khu vườn có một người ngồi mơ mộng (chính là Mị Châu). Vừa nhìn thấy nàng Trọng Thủy đã nhận ra, chàng vui mừng reo lên như đứa trẻ vội chạy đến gần nàng. Nghe lời gọi da diết của Trọng Thủy, tình yêu sét đánh lại trời dậy, nhưng nàng không tin sao chàng lại xuống được đây. Mỗi lúc tiếng gọi lại to hơn, da diết hơn, nàng không thể nhắm được nàng quay lại thì nhìn thấy Trọng Thủy đang ở ngay trước mặt mình. Hai người nhìn nhau lặng một hồi rồi khóc. Cảnh vật như dừng lại. - Ôi, nàng ơi! - Trọng Thủy nói - Xa nàng bao nhiêu lâu mà ta vẫn rất nhớ nàng, ta ăn không ngon ngủ không yên, ngày đêm nhớ mong nàng, vì quá yêu nàng mà ta đã lầm tưởng bóng nàng dưới đáy giếng rồi nhảy xuống tự tử. Nay ta đã được gặp lại nàng, lòng ta sung sướng biết bao. - Mị Châu đáp: Chàng ơi, thiếp cũng vậy, thiếp cũng nhớ

chàng da diết, thiếp cũng không ăn không ngủ, ngày đêm đều nhớ tới chàng, ngày nào thiếp cũng ra đây ngắm nhìn cảnh vật nhìn những đôi cá tung tăng bơi lội nhảy múa mà nhớ đến những ngày chúng ta vui vẻ bên nhau. Ôi! Nhưng thật chó đẻ, thiếp nay đã mang danh tội đồ của đất nước, thiếp khó lòng mà có thể chung sống với kẻ thù của dân tộc mình. Sao chàng lại nhẫn tâm lừa dối thiếp khiến thiếp đau khổ? Thiếp thật ngu ngốc vì tình yêu mà nghe theo chàng! Nghe những lời đó, Trọng Thủy bỗng nhói đau trong tim, xót xa, ân hận vô cùng. - Nàng ơi! Tình yêu của ta thần linh có thể chứng giám... Ta thật ân hận khi nghe theo lời vua cha nhưng nàng hãy hiểu cho ta, tha thứ cho ta, phải lừa dối nàng, lòng ta đau như cắt nhưng đó là mệnh lệnh của vua cha, là áp lực của vua cha và của cả thần dân ta, lòng ta vô cùng bối rối, trong lúc tâm trí hỗn loạn, ta đã có một quyết định sai lầm, Nàng có biết ta đã chịu dày vò, bị dẫn dắt như thế nào không? Ta phải chịu áp lực kinh khủng không tưởng tượng nổi, trong lòng ta luôn có nàng. Nếu ta có lời gì sai trái ta xin chịu mọi hình phạt kinh khủng nhất. Ta thật sự xin lỗi. Mị Châu mắt ướm lệ, giọng nghẹn ngào: - Thiếp tin vào tình yêu của chàng, tin rằng những tình cảm trước kia chàng dành cho thiếp là chân thật không giả dối. Thiếp cũng biết một đấng nam nhi phải lấy sự nghiệp, giang sơn của mình làm trọng. Nếu thiếp vẫn theo chàng thì có lẽ thiếp sẽ bị ngàn đời nguyên rửa, vạn lời phỉ nhổ, muôn đời không dung. Thiếp đã vì tình cảm mà đem đất nước giao cho kẻ thù. Mà thiếp theo chàng lần nữa thì sẽ bị chàng lừa dối lần nữa vì thiếp quá ngu ngốc khi yêu chàng. Ôi! thật bất công. Thanh minh, thuyết phục Mị Châu một hồi mà không được. Trọng Thủy đi đến quyết định táo bạo. - Ta thề rằng sẽ không bao giờ lừa dối nàng nữa. Nếu nàng vẫn chưa hẳn tin ta, vẫn sợ những lời đàm tiếu thì nàng hãy cùng lên gặp thượng đế xin người cho chúng ta được ở bên nhau. Mặc dù Mị Châu rất muốn đi cùng Trọng Thủy nhưng vì nghĩ đến chuyện Trọng Thủy đã lừa dối mình và vua cha, và liệu Trọng Thủy có nói thật không, có lừa dối mình thêm một lần nữa không?..... Nên Mị Châu đã có một câu trả lời cho chính mình..... nàng đã nói với Trọng Thủy rằng : - Chàng ơi! Thiếp cảm thấy chúng ta không thể ở bên nhau thêm được nữa... Sau khi nghe xong những câu nói như sét đánh ngang tai của Mị Nương, Trọng Thủy đã rất đau lòng và dường như không thể tin được vào tai mình: - Ta không tin...ta đã phải vượt qua bao khó khăn để đến được đây.. vậy mà nàng lại nói với ta những câu như thế ư!.... Bây giờ nàng muốn ta phải làm sao khi đoạn đường ta đi không có nàng ở bên chứ? Mị Nương nói tiếp: - Thiếp sẽ đi theo con đường riêng của thiếp còn chàng hãy đi theo con đường của chàng và tìm một người mới...Chúc chàng

hạnh phúc... Sau khi nói xong. Mị Nương và thủy cung tự nhiên biến mất. Bây giờ Trọng Thủy còn lại một mình: Buồn rầu, khổ não, Trọng Thủy mong ước nước biển ngàn năm sẽ xóa sạch lầm lỗi của mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Một số đoạn dị bản khác nhau trong truyện An Dương Vương, Mị Châu - Trọng Thủy

- Truyện này vốn mang nhiều tên gọi khác nhau: Truyện “Rùa Vàng” (tức là truyện “Thần Kim Quy” trong Lĩnh Nam chích quái), truyện “Mị Châu Trọng Thủy”, truyện “An Dương Vương” (Thực Kỷ An Dương Vương trong Thiên Nam ngữ lục). Các tác giả Lĩnh Nam chích quái đặt tên cho truyện này là Thần Rùa Vàng, hình như có ý đề cao vai trò của Thần, coi Thần là vai chủ trong truyện. Ý này e không khớp với chủ định các tác giả dân gian. Còn đặt tên truyện là Mị Châu - Trọng Thủy thì ý nghĩa của truyện có phần bị thu hẹp vào chỉ một tình tiết của nó. Sau đây là mấy nét lớn về các chặng tiến triển và biến đổi của truyện này: - Một trong những cội nguồn xưa nhất của truyền thuyết An Dương Vương có thể là truyền thuyết về cuộc xung đột Hùng - Thục - cuộc xung đột dẫn tới việc An Dương Vương dựng nước Âu Lạc, mở ra một bước phát triển mới của lịch sử dân tộc. - Đến bản kể Thần Kim Quy (Lĩnh Nam chích quái), sự kiện này đã bị hiểu lại. Cách hiểu này, - chủ yếu của các vị học giả đời Lí, đời Trần và đầu Lê, - để lại dấu vết đậm nét trong cách giải thích việc An Dương Vương “xây thành ở đất Việt Thường, hễ đắp tới lại lở tới đây” do “con vua đời trước (tức vua Hùng) muốn báo thù cho nước”. Đoạn kể về sự phá hoại của yêu tinh quỷ tinh và việc Thần Kim Quy diệt trừ yêu quỷ đầy tính chất hoang đường “nặng nề, vụng dại” rất xa lạ với bản chất cái thần kì trong truyện dân gian. (Các tác giả Lĩnh Nam chích quái, khi biên soạn truyện “Thánh Tản Viên” cũng đưa ra chi tiết giải thích trước nguồn gốc cuộc xung đột Hùng - Thục: Vua Thục hỏi lấy con gái vua Hùng, nhưng bị từ chối). Như vậy, tầng xã hội - lịch sử và sinh hoạt sản xuất và căn bản nhất của truyện, tương ứng với thời Âu Lạc, có thể là những chi tiết về chuyện Vua Thục xây Loa Thành và chế nỏ thần dựng nước Âu Lạc. - Sau khi nước Âu lạc bị mất vào tay Triệu Đà, truyền thuyết về vua Thục đã được nhân dân nhào nặn lại và đặc biệt được bổ sung tình tiết Mị Châu - Trọng Thủy, vốn có cơ sở lịch sử, nhằm giải thích một thảm họa có ảnh hưởng sâu sa tới vận mệnh dân tộc và để lại cho muôn đời sau những bài học thấm thía, được nhân dân nghiền ngẫm rất sâu từ biến cố mất nước đầu tiên. Căn cứ tài liệu thư tịch từ thế kỉ thứ IV đến thế kỉ XIV đã thấy có tình tiết về cái gọi là “thiên bi tình sử” Mị Châu - Trọng Thủy. Như vậy, tình tiết này tiêu biểu cho

một tầng xã hội lịch sử và sinh hoạt mới của truyện, tương ứng với thời “Bắc thuộc” và đầu thời tự chủ. - Đến các bản ghi trong sách Lĩnh Nam chích quái, nhất là ở sách Thiên Nam ngữ lục (cuối Lê) thì câu chuyện đã có diện mạo đại khái như bản kể phân tích. Đến chạng này, chủ đề tâm lí xã hội đã xen kẽ với chủ đề lịch sử. “Câu chuyện tình bi thảm” đượm màu sắc truyện cổ tích hoà vào thiên truyện thuyết bi hùng về cuộc chiến tranh giữ nước cuối thời cổ đại. Không thể bỏ qua những yếu tố “phong kiến hoá” rõ nét trong những bản kể này. (Đáng chú ý nhất là việc lấy cái đạo đức tam tông để bênh vực cho Mị Châu ở Thiên Nam ngữ lục). - Bản kể Cổ Loa được công bố cuối những năm 50 vừa qua đáng chú ý ở xu hướng địa phương hoá của bản thân cốt truyện hơn là ở màu sắc, ít nhiều hiện đại hoá trong cách kể.

Văn Mẫu Lớp 10 - Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, Trọng Thủy gặp được Mị Châu dưới thủy cung. Anh (chị) hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó

DÀN Ý Mở bài: - Hoàn cảnh (không gian, thời gian, tình huống xảy ra câu chuyện): Sau khi tự tử ở Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu. - Nhân vật chính: Trọng Thủy và Mị Châu - Ngôi kể: ngôi thứ ba - Sự việc chính: cuộc gặp gỡ giữa Mị Châu và Trọng Thủy. Thân bài Kể lại cuộc gặp gỡ theo trình tự thời gian (cách 3): - Khung cảnh của cuộc gặp gỡ dưới thủy cung: + Quang cảnh chung. + Sự xuất hiện của Mị Châu. - Tâm trạng của Mị Châu – Trọng Thủy sau khi gặp lại nhau trong suốt thời gian dài xa cách: + Trọng Thủy vui mừng khôn xiết. + Mị Châu xao xuyến nhưng oán trách, giận hờn. - Câu chuyện của Mị Châu và Trọng Thủy ở chốn thủy cung: + Mị Châu trách Trọng Thủy và nhớ lại những kỉ niệm về tình yêu. Nàng cũng đau đớn kể về kết cục của cha và chính mình. + Trọng Thủy thanh minh cho những lỗi lầm của mình, khẳng định tình cảm của mình với Mị Châu, và bày tỏ ước nguyện muốn nối lại duyên xưa. + Tuy rất xúc động trước tấm lòng của Trọng Thủy, nhưng Mị Châu không đồng ý lại nối duyên với chàng. + Trọng Thủy đau khổ từ giã những hàng nước mắt cứ tuôn ra như mưa. Chàng hóa thân thành những bọt nước biển mang hình giọt lệ. Kết bài: Nêu cảm xúc của nhân vật Trọng Thủy.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tưởng tượng cuộc gặp gỡ của Mị Châu và Trọng Thủy ở chốn thủy cung sau cái chết của Trọng Thủy

Trọng Thủy sau khi tưởng nhầm bóng dáng người vợ mà nhảy xuống giếng tự vẫn xác vừa ra, thắm xuống dòng nước ngầm đổ ra biển, được Rùa Vàng hóa phép cho hồn nhập lại xác và ban cho khả năng sống dưới nước. Còn về phần Mị Châu, vua Thủy Tề thương tình nàng cả tin, ngây thơ lại có phần xinh đẹp, hiền dịu nên nhận làm con gái. Nhưng kể từ ngày đó, nàng không nói lấy một lời, ánh mắt buồn rười rượi luôn ngăm chiếc áo lông ngỗng. Trọng Thủy sau khi xuống thủy cung, được Rùa Vàng báo tin Mị Châu đang ở chỗ vua Thủy Tề. Nghe vậy, chàng vui mừng khôn xiết toan đi tìm Mị Châu, Rùa Vàng cản lại: “Thủy cung người trần mắt thịt vào đã khó, người từng gây tội vào lại càng khó”. Trọng Thủy gắng hỏi, Rùa Vàng đáp lời: “Muốn vào đó người phải để lại đôi mắt của mình”. Trọng Thủy lặng đi một hồi, cất giọng: - Ta không tiếc gì, tấm thân này gây nên tội, đôi mắt này trả lại cát bụi. Nhưng, xin để ta được nhìn thấy nàng, cho thỏa lòng nhớ nhung, chuộc tội với nàng, nói lời yêu thương ta nợ nàng bấy lâu, rồi người có thể lấy đi tất cả. Rùa Vàng cảm động: - Trọng Thủy ơi Trọng Thủy, tình phu thê các người cảm động trời xanh có chi phải gây nên tội, đi đi, người và nàng Mị Châu sẽ bình an. Trọng Thủy nghe vậy liền cảm tạ rồi từ biệt Rùa Vàng. Không biết qua bao lâu, qua bao nhiêu núi, bao nhiêu rặng san hô, chàng đứng trước một cánh cổng. Cánh cổng này cao tầm 7-8 trượng, bên trên khảm ngọc trai cùng các hoa văn chỉ thuộc về thủy cung. Trước cổng, chàng gặp hai người lính. Họ nom kì lạ: mặc giáp đỏ, đầu có râu, tay cầm vũ khí bằng vàng sáng loáng. Trọng Thủy kể lại lời dẫn dò của Rùa Vàng và được cho phép vào. Bước qua khỏi cánh cổng, chàng có thể nhận thấy sự trù phú nơi đây. Không gian thoáng đặng, xinh đẹp. Ánh sáng chiếu qua làn nước trong vắt phản chiếu trên những cảnh san hô ánh lên sắc màu vui tươi nhưng cao quý. Những sinh vật tấp nập di chuyển, chuyện trò, quả thật lạ! Nhưng chàng nào có tâm trạng thương thức, đôi mắt chàng dáo dác tìm kiếm một bóng hình, một mùi hương hoa nhài thoang thoảng chỉ thuộc về nàng. Bất chợt, đồng tử chàng giãn ra - chàng thấy nàng. Giây phút ấy, cả thế giới như dừng lại, nàng ngồi ấy, vẫn yên bình như xưa. Chàng bước tới sau Mị Châu, sự mâu thuẫn bỗng dấy lên thay cho những nhớ nhung ban đầu. Trọng Thủy băng khoản

không biết nên ôm, nên gọi tên nàng hay chàng có thể cài lên tóc nàng bông hoa nhài như chàng hay làm. Như nhận thấy có gì lạ, Mị Châu xoay người. Mắt hai người đối nhau, như là hai vòng xoáy sâu thẳm, tuy thâm sâu nguy hiểm nhưng lại kiến ta nhìn vào. Nhưng lạ thay, Mị Châu không như Trọng Thủy, nàng lãnh đạm và thờ ơ như biết trước mọi việc, nàng thả tay đánh rơi chiếc áo lông ngỗng như buông xuôi mọi việc. Thấy vậy, Trọng Thủy đầu lòng lên tiếng: - Mị Châu - giọng chàng run lên, vừa là niềm nhung nhớ vừa là nỗi sợ nàng hận chàng. Mị Châu im lặng, mắt nàng sâu hun hút và buồn rười rượi nhìn chàng. Giọng nàng trong vắt cất lên: - Trọng Thủy, chàng đến đây làm gì? - Ta... - Đến để nói lời xin lỗi? - Mị Châu chấp vấn. Ai bảo con người có thất tình lục dục để bao nhiêu nỗi nhớ nhung ân hận, nuối tiếc khi chưa gặp nhau hóa thành bọt nước mà tan biến. Trọng Thủy đầu lòng, giọng chàng nhẹ hơn hẳn: - Đúng, ta muốn nói với nàng một lời xin lỗi. Ta không mong nàng tha thứ chỉ mong nàng biết ta ân hận nhường nào. Tại sao ta lại ngu dốt không nhận ra thiếu đi nàng ta chẳng là gì trong nhung gấm lụa là. Cho dù nước biển có lạnh giá nhưng trái tim Mị Châu vẫn được sưởi ấm bằng những lời nói đó, nhưng sao: - Thiếp biết, nhưng nó chẳng thay đổi được gì, Thiếp giờ mang tội phản quốc, là tội đồ của nước nhà, lưỡi kiếm lạnh ngắt của vua cha đã chém vào người thiếp. Âu lạc giờ là giang sơn của kẻ thù - cha chàng. Thử hỏi làm sao thiếp có thể tiếp tục chờ chàng, trông mong hai chúng ta thành toàn? - Ta không thiết tất cả. Là ta sai, ta lừa nàng, ta không đáng. Gặp được nàng rồi, ta coi như mãn nguyện. Tình nghĩa phu thê chúng... "Phu thê" hai từ này có biết bao ý nghĩa. Tuy là phu thê nhưng là hai thế giới. Ngàn đứng đó, vẫn xinh đẹp trong làn trong xanh, còn chàng tiêu tụy, xơ xác đứng trong một góc tối. Chiếc áo này giờ vẫn nằm yên dưới đất bỗng rách toạc, có lẽ những đường chỉ đã quá đổi mục nát hay là nó không còn vãn vương những chiếc lông ngỗng đang yếu ớt bám vào. Làn nước dịu dàng quanh quẩn bên hai người cũng nhẹ nhàng nâng niu từng chiếc lông cuốn chúng đi xa. Mị Châu ất giọng cắt ngang lời Trọng Thủy: - Tình nghĩa phu thê trăm năm không dứt - Nước mắt nàng lặng lẽ chảy ròng, Bao nhiêu tủ hờn giờ mới để chàng thấy - Trái tim thiếp một lòng theo chàng, nhưng thiếp không biết từ khi nào chuyện của giang sơn và đôi ta đã không còn là hai chuyện tách biệt. Thiếp yêu chàng nhưng không cam đảm để quay đầu. Trọng Thủy kéo Mị Châu vào lòng. Chỉ có giây phút này chàng mới cảm thấy an toàn, như ôm cả thế giới vào lòng. Hai người vỡ òa, có yêu, có hận, có tiếc nuối, nhớ nhung và cả trách nhiệm Trọng Thủy bước ra khỏi thủy cung, mỉm cười, thân thể hóa thành cát bụi, để mặc dòng nước cuốn đi. Dòng nước ấy

hiền hòa, trong xanh mà đơn thuần như tấm lòng Mị Châu ôm ấp tâm hồn chàng. Cuốn đi nước mắt, nỗi buồn cùng tình yêu hai người. Để rồi khi nghe thấy tiếng sóng rì rào, ta lại buồn man mác, nỗi buồn "Tình yêu đã quá lỡ là".

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ về nhân vật Mị Châu - Trọng Thủy. Nêu ý nghĩa hình ảnh ngọc trai - giếng nước

– Giới thiệu khái quát về nhân vật: Mị Châu và Trọng Thủy – Sự sai lầm của Mị Châu: + Mị Châu không chỉ là một người dân của đất nước Âu Lạc mà còn là một nàng công chúa, có vai trò quan trọng đối với cả quốc gia, nhưng nàng đã ngây thơ không cảnh giác, coi bí mật quốc gia như tài sản riêng của gia đình. Nàng cho Trọng Thủy xem nỏ thần, lại còn giảng giải cho y cách sử dụng nỏ. Hành động đó đã vô tình tiếp tay cho kẻ thù có thêm cơ hội thôn tính nước Âu Lạc. + Khi chiến tranh xảy ra, Mị Châu vẫn rắc lông ngỗng dọc đường chạy loạn. Một lần nữa Mị Châu đã vô tình chỉ dẫn cho quân giặc chạy theo, đưa hai cha con đến chỗ cùng đường tuyệt lộ. Nàng chỉ kịp nhận ra sự thật đau lòng trước lúc rơi đầu. – Nguyên nhân của sự sai lầm: sự thiếu cảnh giác của bản thân nàng. – Hậu quả của sự sai lầm: Dân tộc rơi vào chiến tranh, loạn lạc, nước mất, nhà tan. Nàng chết dưới lưỡi kiếm oan nghiệt của cha. – Thái độ của tác giả dân gian với sai lầm đó của Mị Châu: + Tác giả dân gian đã để thần Kim Quy hiện lên quát lớn “Kẻ nào ngồi sau ngựa chính là giặc đó”. Câu nói ấy cũng đồng thời là lời kết tội danh thếp của công lí, của nhân dân cho hành động vô tình mà phản quốc của Mị Châu. Đó cũng là bài học đắt giá về mối quan hệ giữa tình cảm cá nhân với trách nhiệm công dân. + Hình ảnh máu Mị Châu chảy xuống biển thành ngọc, xác của nàng biến thành ngọc thành là những yếu tố kì ảo, minh chứng cho tấm lòng trong trắng mà bị lừa dối của nàng. Hình ảnh đó phần nào thanh minh cho sự vô tình gây tội của Mị Châu và thể hiện thái độ cảm thông, thương xót, bao dung của nhân dân đối với nàng. – Ý kiến thứ nhất đúng khi luận tội Mị Châu với những hậu quả mà sai lầm của nàng đã gây ra. Ý kiến thứ hai tỏ ra có lý khi tìm nguyên nhân của sự sai lầm là do bản chất của trái tim yêu. – Tuy nhiên, cần đặt tình yêu đôi lứa trong mối quan hệ với vận mệnh quốc gia, vận mệnh cộng đồng, để thấy: Trong một đất nước nhiều giặc giã, luôn đứng trước nguy cơ của những cuộc xâm lược, một nàng công chúa chỉ biết lắng nghe tiếng nói của con tim, của tình yêu mà vô tình với sự sống còn của xã tắc chính là có tội. – Ngay bản thân Mị Châu trước khi chết cũng nhận ra tội lớn của mình, nàng chỉ mong rửa tiếng “bất trung, bất hiếu” chứ không kêu oan, cũng không xin tha tội. Mị Châu được người Âu Lạc xưa và người Việt Nam đời

đời thương xót chính là vì đã biết tội, dám nhận tội và cam lòng chịu tội. Ý nghĩa hình ảnh ngọc trai - giếng nước + Hình ảnh ngọc trai - giếng nước là chi tiết hư cấu nhằm an ủi lời nguyện của Mị Châu. Nàng không cam tâm phản bội cha nhưng vì còn quá ngây thơ nhẹ dạ nên đã mắc lừa Trọng Thủy dẫn đến bi kịch tình yêu + Hình ảnh này không phải để ca ngợi mối tình thủy chung của Trọng Thủy. Trọng Thủy là một tên gián điệp nên cái chết của Trọng Thủy là vì nó, tự nó, cho nó + Bài học của thế hệ sau về cách xử lí của cá nhân và cộng đồng, giữa riêng và chung, giữa tình yêu và đất nước. Phải đặt lợi ích quốc gia dân tộc hài hòa với tình yêu vợ chồng

Văn Mẫu Lớp 10 - Đóng vai An Dương Vương kể lại truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy

Ta là An Dương Vương, vị vua đã xây nên thành cổ Loa bền vững và đã được thần Kim Quy trao tặng cái lẫy thần nên giữ được bình yên cho muôn dân. Lúc đó, Triệu Đà sang xâm lược nhiều lần nhưng hễ phải thất bại trước cái nỏ thần linh thiêng kì diệu ấy: Chỉ cần một mũi tên bắn ra là có biết bao quân sĩ gục ngã. Tức giận, hễ chờ đợi thời cơ; còn ta tự đắc trước những chiến công nên không dè dặt nghĩ đến những âm mưu hiểm độc của Triệu Đà. Một ngày kia, một tên tâm phúc của Triệu Đà mang lễ vật đến xin cầu hòa. Ta nhận lời ngay vì không muốn kéo dài binh đao khói lửa. Từ đó, hễ cho con trai là Trọng Thủy sang lân la với con gái ta là Mị Châu. Trọng Thủy là chàng trai lịch lãm nên hễ dễ dàng lấy được lòng cha con ta. Thế rồi, Triệu Đà chính thức mang lễ vật đến cầu hôn Mị Châu cho Trọng Thủy. Đã từ lâu Mị Châu cũng phải lòng Trọng Thủy rồi nên ta không có lí do gì mà từ chối. Chúng cưới nhau và sống hết sức thuận hòa hạnh phúc. Nhưng đối với ta, Trọng Thủy có vẻ hơi khác thường. Một thời gian, Trọng Thủy xin phép về thăm cha rồi không bao lâu quay trở lại. Ta cho quân bày yến tiệc và rót rượu cho Trọng Thủy nhưng hễ từ chối. Ngược lại, hễ lại mời ta uống liên tiếp đến nỗi ta say mềm chỉ thoáng thấy bóng hễ vụt qua rồi ta không biết gì nữa. Đến khi tỉnh lại, ta thấy Trọng Thủy đang ngồi bên cạnh ta cung kính nói: – Thừa nhạc phụ, người đã khỏe chưa? – Ta khỏe rồi. Sao con không đến với Mị Châu? Ta thì thào. – Hiền thê đà có nô tì chăm sóc rồi! Hễ nhỏ nhẹ đáp. Ta lại nói tiếp: – Được rồi, con cứ đến thăm vợ con đi. Hễ kính cẩn chào: – Xin phép nhạc phụ, con đi. Vua An Dương Vương đã không cảnh giác trước kẻ thù nên cơ nghiệp bị sụp đổ Tất cả những nghi ngờ trong ta từ trước đến nay đã tan biến hết. Đang sống yên vui, bất ngờ Trọng Thủy lại xin về nước khiến Mị Châu buồn bã vô cùng. Chỉ mấy ngày sau, Triệu Đà ùn ùn kéo đại quân sang. Ta ngạc nhiên quá, nhưng tin tưởng vào nỏ thần nên vẫn ung dung ngồi đánh cờ chờ quân giặc đến gần thành rồi bắn luôn. Không ngờ, nỏ thần hết hiệu nghiệm mà quân thù đang đi vào thành. Vừa hoảng sợ và thắc mắc ta không hiểu nổi lí do nào mà nỏ thần không còn ứng nghiệm nữa. Cuối cùng trước tình thế cấp bách ta cùng Mị Châu lên ngựa tháo chạy về phía đông. Nhưng chạy đến đâu cũng nghe tiếng reo hò quân giặc đuổi theo. Cùng

đường, ta hướng mắt về phía biển khơi gọi thần Kim Quy cứu giúp. Bỗng thần nổi lên và đồng dặc nói: “Giặc ở sau lưng nhà vua đó!”. Ta quay lại nhìn thì chỉ có Mị Châu với chiếc áo lông ngỗng đã trụi cả lông. Ta chợt hiểu ra tất cả. Thì ra bọn giặc dò theo dấu lông ngỗng để đến được đây. Và cũng chính Mị Nương, đứa con gái thơ ngây của ta đã vô tình tiết lộ bí mật quốc gia cho tên gián điệp Trọng Thủy cho nên ta mới có ngày này. Quá tuyệt vọng, không còn con đường nào khác ta rút gươm ra chém chết Mị Châu rồi tự tử. Nhưng thần Kim Quy lại rẽ mặt nước cho ta đi xuống biển. Đây là câu chuyện sự thật của đời ta, của vua An Dương Vương đã không cảnh giác trước kẻ thù nên cơ nghiệp bị sụp đổ. Ta mong rằng những kẻ kế vị sau này xem đây là bài học xương máu mà giữ mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tưởng tượng mình là Mị Châu kể lại toàn bộ câu chuyện

Tình yêu là một tình cảm thiêng liêng, cao cả và đẹp nhất. Trong chuyện An Dương Vương – Mị Châu, Trọng Thủy là một ví dụ về tình yêu cao đẹp đấy. Một tình yêu chân chính của một nàng công chúa trong trắng, ngây thơ. Nhưng chiến tranh đã ngăn cách mối tình của nàng với chàng Trọng Thủy. Nàng yêu chàng một cách mù quáng đến nỗi vô tình nhấn chìm cả cơ đồ của vua cha xuống dưới biển sâu, cuộc tình duyên chia hai lối. Nàng công chúa đó chính là tôi – Mị Châu công chúa. Tôi đã ra đi trong sự đau đớn cả về tinh thần và thể xác, ra đi trong sự tức giận của vua cha, trong cảnh nước mất nhà tan, trong niềm đau khi bị chồng phản bội. Linh hồn tôi rời khỏi thể xác. Tôi tỉnh lại khi trong lòng tôi còn nguyên kí ức những gì đã diễn ra. Cảm giác đầu tiên mà tôi có thể cảm nhận được đó là sự sợ hãi. Nơi tôi đang đứng bây giờ khác hẳn so với cái gọi là dương gian, Không khí nặng nề, trời lúc nào cũng tối đen như mực, tiếng gầm rú của những linh hồn cõi âm vang vọng, những đốm lửa lúc ẩn, lúc hiện. Mọi thứ đều khủng khiếp, nhưng tất cả đều là gì so với những gì tôi đã trải qua. bây giờ nghĩ lại tất cả như một cơn ác mộng. Lòng tôi đau như cắt, tôi thương cha, thương nhân dân của tôi phải sống trong cảnh lệ thuộc càng thương bấy nhiêu tôi lại hận chính mình, hận Trọng Thủy bấy nhiêu. Những cảm xúc cứ thế đan xen vào nhau, tôi bật khóc dù tôi biết rằng giọt nước mắt chỉ làm vết thương lòng thêm đau. Phải chi tất cả đều bị cuốn trôi trên những hàng lệ của tôi. Trong tâm trạng đó, tôi cứ bước đi về phía trước mặc dù tôi không biết mình phải bước đi về đâu.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết một đoạn văn (khoảng 1 trang giấy) về tuổi học trò

Ngoài trời mưa nhẹ, rả rích, thời tiết cuối thu lành lạnh khiến người ta nao lòng vì những cảm xúc bất chợt và khó tả. Ngồi trong gác xép nhỏ, lặng yên nghe những tiếng xè xè không rõ hẳn câu phát ra từ chiếc radio cũ kĩ, hướng mắt xuống đường nhìn dòng người đi lại hối hả, vội vã, tôi bỗng nhiên nghĩ về bản thân, về gia đình, trường lớp, bạn bè, thầy cô và cả về quãng thời gian tuổi học trò vô tư mà tôi đang trải qua, bỗng nhiên cảm thấy mình thật già dặn, dù mới chỉ là cô bé học sinh cuối cấp 2, bước vào cái tuổi mới lớn, cái tuổi âm ươm, dở ông dở thằng, suy nghĩ vẫn vơ... Quãng thời gian đi học luôn là quãng thời gian đẹp đẽ nhất, với một nhóm bạn lúc nào cũng túm tụm cùng nhau, đi đâu cũng kè kè với nhau, với những lần bị phạt mà vẫn cười khúc khích, về một cậu bạn nào đó, với những vấn vương trong lòng, một chút nắng để say nhẹ, với cái thích thú của tuổi học trò thật hồn nhiên, thơ ngây. Tôi nghĩ về những hôm cả lớp lao động, mệt nhưng mà vui, nghĩ về những lần tổ chức liên hoan, cô giáo chủ nhiệm hiền hòa vui tính, nghĩ về những hoạt động của trường, cả lớp hăng hái tham gia, mỗi người góp một ý kiến,...những lần như thế, tôi cứ ước mãi thời gian đừng trôi, để cứ làm một đứa học sinh thôi, không cần lớn lên, không muốn trưởng thành để rồi bị cuốn vào những vòng xoay của thời gian, bộn bề công việc để rồi tiếc nuối những năm tháng tuổi thơ. Với tôi tuổi học trò là những ngày trống trải, cả lớp rủ nhau đá bóng, trai gái với nhau, không phân biệt gì cả, để rồi đứa nào đứa đấy lem luốc, mệt lả mà ngồi bệt xuống đất, nhìn nhau cười. Là những lần không thuộc bài, bị phạt đứng bên chậu nước, cả lớp ở dưới chọc cho cười mà đổ hết nước ra lớp. Là hình bóng cậu bạn cùng bàn có nụ cười lung linh như nắng, làm tim tôi khẽ lạc một nhịp, nhưng chỉ dám thích thầm mà không dám nói ra mà cứ bị mấy đứa trong lớp gán ghép thành một đôi, ngoài miệng thì chối mà trong lòng cứ vui như Tết. Là những kỉ niệm với cô giáo chủ nhiệm hiền ời là hiền, luôn bên vực chúng tôi,...Ngôi trường này, lớp học này, sau này phải xa mà không nỡ, cứ nghĩ đến ngày ấy, tôi lại rất sợ, không chịu được cảnh chia xa...Chiếc radio cũ kĩ vang lên câu hát: "Lang thang đi trên sân trường vắng, nhạt cảnh phượng hồng còn vương nơi này, tạm biệt từng lớp học buồn giờ chia tay rồi ..." cảm xúc lại thêm dâng trào sao xuyên, mưa thêm nặng hạt, tôi nhận ra dòng thời gian cứ tuần hoàn, lặng lẽ trôi đi

mãi sự lưu luyến của con người mà không sao níu lại được, hết mùa hạ này sẽ đến mùa hạ khác, cái mùa hạ năm ấy, sẽ mãi chẳng bao giờ quay lại cả, bỗng trân trọng hơn những giây phút vui vẻ thời đi học, vì tôi sợ, một ngày nào đó, tôi sẽ thấy, vẫn ngôi trường ấy, vẫn lớp học ấy, bàn ghế ấy, nhưng là một cô bé khác, gương mặt vui vẻ, ngây thơ, lơ đãng không chăm chú nghe giảng, giống như tôi của hiện tại. Cuộc đời mỗi người giống như chuyến tàu tốc hành, cảnh vật dù đẹp đến mấy cũng phải rời xa, tuổi học trò cũng vậy, sẽ chỉ còn là những lưu bút, cánh phượng đỏ ép trên trang giấy, sẽ chỉ còn là những kí ức tươi đẹp luôn in dấu mãi trong lòng của mỗi người mà thôi.

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể lại chuyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy theo ngôi thứ nhất

Tôi là Trọng Thủy, con trai vua Triệu Đà ở phương Bắc. Sau khi An Dương Vương, vua nước Âu Lạc xây xong Loa Thành được một thời gian thì cha tôi kéo quân sang đánh chiếm. Vì An Dương Vương có nỏ thần Kim Quy, bắn một phát chết hàng vạn người nên quân lính của cha tôi bại trận, bỏ chạy về Trâu Sơn, không dám đánh nhau nữa. Biết không thể thắng, cha tôi bèn cầu hoà, chờ dịp khác. Không bao lâu, cha tôi xin An Dương Vương gả con gái yêu là Mị Châu cho con trai mình. Tưởng cha tôi thực tâm hoà hiếu, An Dương Vương vui lòng nhận lời và còn cho tôi ở rể trong Loa Thành. Trước khi sang Âu Lạc, cha tôi đã dặn dò rất kỹ và trao cho tôi nhiệm vụ phảu do thám bằng được bí mật của nỏ thần. Lúc đầu, để thuận lợi cho công việc, tôi phảu vờ tỏ vẻ yêu mến Mị Châu, nhưng dần dần, trước nhan sắc tuyệt trần và tính tình hiền dịu của nàng, tôi đã say mê từ khi nào chẳng biết. Chúng tôi sống hoà hợp, hạnh phúc bên nhau. Tuy vậy, tôi vẫn không quên việc trọng đại mà cha tôi giao phó. Vào một đêm trăng đẹp, tôi dâng rượu quý, cố chuốc cho An Dương Vương uống thật say. Khi mọi người đã ngủ, tôi tỉ tê hỏi Mị Châu về chỗ cất giấu nỏ thần và ngỏ ý muốn được xem tận mắt. Nàng vui vẻ dẫn tôi đi và còn chỉ cho tôi biết nỏ thần thiêng là cái lẫy bằng vuốt Rùa vàng. Tôi ngầm làm một cái lẫy giả giống hệt, thay thế vào đó. Lấy được lẫy thần, tôi vội vã về thăm cha ít lâu. Lúc chia tay, tôi nói với Mị Châu: “Tình vợ chồng không thể lãng quên, nghĩa mẹ cha không thể dứt bỏ. Nay ta trở về thăm cha, nếu như đến lúc hai nước thất hoà, Nam Bắc cách biệt, ta muốn tìm nàng, lấy gì làm dấu?”. Mị Châu rơi lệ, ngậm ngùi đáp: “Thiếp phận nữ nhi, nếu gặp cảnh li biệt thì đau đớn khôn xiết. Thiếp có chiếc áo gấm lông ngỗng, thường mặc trên mình, đi đến đâu sẽ rút lông mà rắc ở ngã ba đường để làm dấu, như vậy sẽ có thể cứu được nhau.” Tôi về nước dâng lẫy thần cho cha. Cha tôi mừng lắm, lập tức cất binh sang đánh chiếm Âu Lạc. Đoàn quân đông mấy chục vạn người ầm ầm tiến sát Loa Thành mà không thấy An Dương Vương chống trả. Lúc cha tôi dẫn đầu đạo quân nhằm cửa thành xông tới thì An Dương Vương mới sai mang nỏ thần ra bắn. Thấy nỏ không còn hiệu nghiệm, ông bèn đặt Mị Châu lên lưng ngựa rồi bỏ chạy về phương Nam. Tôi cùng một số binh lính cứ theo dấu lông ngỗng mà đuổi. Tới bờ biển

thì không thấy bóng dáng An Dương Vương đâu cả, chỉ có xác Mị Châu nằm bên vũng máu, đầu lìa khỏi cổ. Đau đớn khôn cùng, tôi mang xác nàng về an táng ở Loa Thành. Ngày ngày, tôi phủ phục bên mộ nàng mà than khóc, thương tiếc khôn nguôi. Tôi tự trách và giận mình ghê gớm. Vì tôi lừa dối nàng mà nàng vô tình mắc tội tiếp tay kẻ thù, dẫn đến thảm họa nhà tan, nước mất. Tội lỗi của tôi là không thể tha thứ. Tôi chỉ có thể lấy cái chết để đền tội mà thôi. Bất chợt tôi nghĩ đến cái giếng trong Loa Thành, nơi tôi và nàng cách đây chưa lâu thường cùng nhau soi bóng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung Trọng Thủy tình cờ gặp lại Mị Châu. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đó

Kể từ ngày Mị Châu bị vua cha là An Dương Vương chém đầu, không đêm nào Trọng Thủy không nhớ về người vợ cũ. Mỗi lần soi mình xuống giếng, chàng lại thấy bóng dáng Mị Châu. Quá đau khổ, quá ân hận, Trọng Thủy đã lao đầu xuống giếng tự vẫn. Không ngờ, chàng được xuống Thủy Cung. Ông Trời đã cho họ cơ hội làm lại từ đầu chẳng? Thủy Cung nằm giữa đại dương bao la, rộng lớn...Nổi bật nhất là cung điện Long Vương nguy nga, tráng lệ, phản chiếu bảy sắc cầu vồng. Trọng Thủy nghe đâu đây tiếng hát du dương của nàng tiên cá ngân nga khắp không gian. Đang ngẩn ngơ ngắm cảnh và tìm đường vào cung điện của Long Vương thì bất chợt, chàng thấy đoàn người tiền hô hậu ủng với kiệu, võng lọng cờ quạt đang tiến tới gần. Trọng Thủy thấy vậy liền vội vàng ẩn mình vào đám rêu, nhường đường cho kiệu hoa. Nhìn vào trong kiệu, chàng nhìn thấy một nàng công chúa dung nhan mỹ miều với khuôn mặt đượm buồn. Đặc biệt, trên vương miện có những viên ngọc trai óng ánh. Định thần, Trọng Thủy nhận ra Mị Châu, chàng vội vã đi theo đám rước kiệu để đến cung điện Mị Châu đang ở và xin được vào để diện kiến, gặp mặt. Trọng Thủy gặp lại Mị Châu vui mừng khôn xiết, bao nhiêu nhớ thương, ân hận, tiếc nuối vỡ òa ra. Chàng định ôm chầm lấy Mị Châu nhưng nàng thụt lùi. Trong lòng nàng vẫn còn yêu Trọng Thủy nhiều lắm nhưng mỗi khi nhớ lại chuyện xưa cũ, nàng lại giận hờn vì bị chồng phản bội. Nàng bèn ngồi xuống, cất lời oán trách: - Tại sao chàng lại dám tới đây? Tại sao chàng lại lợi dụng sự cả tin, ngây thơ để lừa thiếp? Tại sao chàng lại giả vờ yêu thiếp để thiếp rắc lông ngỗng cho chàng truy sát phụ vương và thiếp đến tận cùng? Ai, ai là người đã gây ra kết cục bi thảm cho nước Âu Lạc? Là ai, chàng nói đi? Mị Châu đau một thì Trọng Thủy đau tới mười. Chàng chỉ biết gục đầu im lặng, lòng chàng trào lên một nỗi ân hận, day dứt khôn nguôi. Một đằng là cha, một đằng là vợ, một đằng là chữ hiếu, một đằng là chữ tình. Mãi lúc sau, chàng mới cất nên lời: - Ta rất ân hận, mong nàng hiểu cho lòng ta, ta biết làm thế nào giữa vận mệnh quốc gia và tình nghĩa vợ chồng. Ta biết, ta kẻ là kẻ phản bội, đáng bị trừng phạt. Nhưng nàng biết không bấy lâu nay ta vẫn không thể quên được nàng, quên được những kỉ niệm thời mặn nồng của đôi ta. Mỗi khi nhớ lại những lỗi lầm mà ta đã làm

với cha nàng, với nước Âu Lạc, ta hối hận khôn nguôi. Ta mong nàng hãy rộng lòng tha thứ cho ta. Chúng ta làm lại từ đầu nhé. Mị Châu nghe vậy, suy nghĩ một hồi lâu: “Trọng Thủy đã ăn năn hối cải rồi, ta có nên tha thứ cho chàng không?”. Tưởng chừng họ có thể bỏ đi quá khứ để làm lại từ đầu, nhưng không, Mị Châu lại nói với Trọng Thủy: - Thiếp cũng mừng vì chàng đã nhận ra lỗi lầm, nhưng thiếp không thể đắc tội với vua cha, đất nước Âu Lạc một lần nữa. Tình ta chấm dứt từ đây. Xin vĩnh biệt.” Lời nói của Mị Châu nhưng hàng ngàn mũi tên đâm vào trái tim Trọng Thủy. Chàng đau khổ, nói: - Mị Châu, nàng, sao nàng có thể nói những lời những lời độc ác, nhẫn tâm như vậy? Nàng đã quên những lần chúng ta hẹn nhau bên bờ sông, cùng thề non hẹn biển, nguyện sống chết có nhau hay sao? Cớ sao nàng lại đối xử với ta như người dưng? Bao nhiêu kỉ niệm của đôi ta, chẳng lẽ nàng đã quên hết rồi ư?” Lòng Mị Châu đầy xúc động, nàng cố giấu những giọt nước mắt nhưng không thành. Nàng khóc, Trọng Thủy cũng khóc theo. Lấy tà áo lau nước mắt, rồi bằng giọng nghẹn ngào, nức nở, Mị Châu nói:” Duyên phận đã an bài, thiếp và chàng không thể nối lại tình xưa. Mong chàng hãy đi cho.” Nghe vậy nhưng Trọng Thủy vẫn không thể rời bước đi ngay. Chàng khóc, nước mắt như mưa, chàng tan thành bọt biển mang hình giọt lệ, loang ra khắp đại dương để Trọng Thủy mãi mãi soi ngắm Mị Châu song những cơn sóng biển khi đón nhận những bọt biển ấy dường như lại cất lên một bài ca về câu chuyện bi kịch của tình yêu bị lừa dối. “Tôi kể ngày xưa chuyện Mị Châu Trái tim lầm lỡ để trên đầu Nỏ thần vô ý trao tay giặc Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu.” Sau khi thấy Trọng Thủy bỏ đi, lòng Mị Châu đau lắm. Yêu thì yêu thật đấy, thương thì thương thật đấy nhưng biết làm sao được, vì chàng mà nước Âu Lạc bị Triệu Đà cướp mất. Duyên phận đã an bài, Mị Châu và Trọng Thủy không thể đến bên nhau được nữa. Mỗi oan tình của họ xem như đã được hóa giải.

Văn Mẫu Lớp 10 - Về hình ảnh ngọc trai - giếng nước, có ý kiến cho rằng: “Đó là biểu tượng của tình yêu chung thủy giữa Mị Châu - Trọng Thủy”. Ý kiến khác lại cho rằng: “Đó là sự hóa giải của một nỗi oan tình”. Em hãy bình luận về các ý kiến trên

DÀN Ý Mở bài: Có thể sơ lược về “Truyện An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy” dẫn dắt đến hình ảnh đắt giá trong tác phẩm và nêu được hai ý kiến về hình ảnh ngọc trai - giếng nước. (Bàn về hình ảnh ngọc trai - giếng nước, có ý kiến cho rằng: “Đó là biểu tượng của tình yêu chung thủy giữa Mị Châu - Trọng Thủy “Nhưng cũng có ý kiến lại khẳng định: “Đó là sự hóa giải của một nỗi oan tình” Thân bài: - Khái quát chung về hình ảnh ngọc trai - giếng nước: Là hình ảnh kết thúc truyền thuyết để lại nhiều dư âm trong lòng độc giả, thấm đẫm tư vị của đau xót, bi kịch hòa lẫn nước mắt và máu. Nó còn là dấu chấm cho một mối tình đầy oan trái, nghiệt ngã, để lại nhiều suy tưởng. Một hình ảnh đẹp dễ mang hơi thở của sự trong sáng, mát lành nhưng lại đầy rẫy nghiệt ngã. (Sơ lược về vì sao xuất hiện hình ảnh ngọc trai-giếng nước) - Về hai ý kiến: Đó là hai ý kiến đề cập đến các khía cạnh khác nhau của việc Mị Châu hóa ngọc trai-Trọng Thủy tự vẫn. Ý kiến thứ nhất nhìn nhận trên khía cạnh tình yêu đôi lứa, đó là mối tình thủy chung, Mị Châu chết, Trọng Thủy vì tư tình cũng theo Mị Châu. Xét về ý kiến thứ hai, hình ảnh là lời giải oan cho Mị Châu. - Đánh giá về hai ý kiến: Hai ý kiến đều nhận định về hình ảnh ngọc trai - giếng nước tuy nhiên xét về tình, về lí thì hình ảnh ngọc trai là sự hóa giải của một nỗi oan tình chứ không thể là biểu tượng thủy chung giữa Mị Châu-Trọng Thủy được - Lí giải và bàn luận: + Vì sao hình ảnh ngọc trai-giếng nước là sự hóa giải nỗi oan tình?(lời khấn trước khi chết của Mị Châu thanh minh cho danh dự, tấm lòng trong sáng của mình. Trọng Thủy vì cái chết Mị Châu nầy ân hận mà tự sát, là hành động tự giải thoát cho chính mình, cũng là sự chuộc nỗi lương tâm cắn rứt vì cái chết của vợ, hình ảnh ngọc trai đem rửa nước giếng càng trở nên sáng đẹp hơn cho thấy sự hóa giải, tha thứ trong tình cảm...) + Đây không phải là biểu tượng của mối tình thủy chung vì sao? (sự thức tỉnh phút cuối của công chúa Mị Châu, nàng đã không mù quáng trong tình yêu, ý thức dân tộc trở dậy thì mối tình thủy chung với biểu tượng ngọc trai - giếng nước không phù hợp. Trong hoàn cảnh lịch sử nước mất nhà tan, quân xâm lược tàn sát thì

không cho phép nhân dân ca ngợi đã đẩy họ vào nguy cảnh đau thương. Có chăng, đó chỉ là sự thâm hiểm tấm lòng trong sáng, ngây thơ, nhẹ dạ cả tin của Mị Châu mà chứng minh lòng nàng minh bạch, với Trọng Thủy, đó là người con có hiếu, biết lợi ích của dân tộc mình nên được thông cảm chứ không thể tha thứ, vì thế không phù hợp khi nhân dân ca ngợi mối tình oan trái này. - Mở rộng: Hình ảnh ngọc trai giếng nước không chỉ là sự lí giải oan khuất, mà còn là ý thức độc lập, lời khuyên dạy của nhân dân ta... * Kết bài: Khẳng định lại vấn đề, trình bày những suy cảm của bản thân

Văn Mẫu Lớp 10 - Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung Trọng Thủy đã tìm gặp Mị Châu. Em hãy tưởng tượng và kể lại cảnh tượng đó

Nhớ lời dặn của Mị Châu trước lúc chia tay, Trọng Thủy dẫn đầu một toán quân cứ lần theo dấu lông ngỗng mà tìm ra đường chạy trốn của cha con An Dương Vương. Đến bờ biển Đông thì một cảnh tượng hãi hùng hiện ra trước mắt chàng: Mị Châu chết gục bên vũng máu, đầu lìa khỏi cổ bởi một đường gươm sắc. Trọng Thủy ôm xác người vợ xinh đẹp về táng ở Loa Thành. Đau đớn, dẫn vật khôn nguôi, mấy hôm sau, khi soi mình xuống giếng, chàng tưởng chừng như thấy bóng dáng Mị Châu thấp thoáng trong làn nước nên lao đầu xuống mà chết. Dưới thủy cung, hồn chàng lang thang đi tìm kiếm Mị Châu. Long Vương thương xót nên cho hai người gặp mặt. Nhìn vẻ uất hận còn đọng đầy trong đôi mắt đầm lệ của người vợ trẻ đã vì mình mà phải chết thảm khốc, Trọng Thủy bật khóc. Tiếng khóc nghẹn ngào, thống thiết của chàng khiến sỏi đá cũng phải mềm lòng. Trọng Thủy quỳ xuống, van xin Mị Châu tha thứ cho tội lỗi của mình: -Nàng ơi! Mong nàng hiểu cho ta, ta không thể nào làm khác được! Ta không dám chống lại lệnh của vua cha! Vì muốn thôn tính Âu Lạc mà cha ta bắt ta phải vờ cầu hôn nàng để nhân đó dò la bí mật của nỏ thần. Nàng tin yêu ta nên không giấu diếm điều gì. Ta đã lợi dụng sự ngây thơ, cả tin của nàng để làm điều ám muội. Sắc giận trên gương mặt Mị Châu vẫn chưa nguôi. Nàng trách: - Thiếp một lòng tin yêu chàng, sao chàng nỡ lừa dối thiếp? Trọng Thủy giải bày: - Quả là lúc đầu, ta rắp tâm lừa dối cha con nàng, nhưng sau một thời gian chung sống, ta thực sự yêu nàng. Vợ chồng một ngày nên nghĩa, làm sao ta có thể quên ? Câu hỏi của ta lúc chia tay nàng trước khi về nước cũng xuất phát từ ước muốn sum họp sau khi chiến tranh kết thúc, ta và nàng sẽ sống hạnh phúc bên nhau. Nhưng đó chỉ là ảo tưởng mà thôi! Lúc ta nhận ra sự tàn bạo, nghiệt ngã của một cuộc chiến tranh phi nghĩa thì đã quá muộn màng! Vì mù quáng tuân theo lệnh cha, ta đã trở thành kẻ phản bội đáng bị người đời lên án và phỉ nhổ. Ta đã trả giá bằng chính sinh mạng của mình và tin chắc rằng cha ta – dẫu là kẻ chiến thắng – cũng không thể vui hưởng vinh quang trước cái chết oan khiên của đứa con trai mà ông đặt nhiều kì vọng. Mị Châu ơi! Ta muốn ngàn lần cầu xin nàng rộng lòng tha thứ! Nước mắt Mị Châu vẫn lăn chã tuôn rơi. Nàng vừa giận, vừa thương Trọng Thủy – một nạn nhân khốn khổ của cuộc chiến tranh

xâm lược. Hai vợ chồng ôm nhau khóc. Kì lạ thay, những giọt lệ của họ biến thành những hạt châu lóng lánh. Họ sống bên nhau dưới đáy biển khơi. Tương truyền rằng, những giọt nước mắt – hạt châu ấy nếu ai may mắn tìm được, đem về rửa bằng nước giếng ở Loa Thành thì nó sẽ sáng ngời.

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể về cuộc gặp gỡ dưới thủy cung của Mị Châu với Trọng Thủy

DÀN Ý Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra câu chuyện, nhân vật chính, sự việc chính. **Thân bài:** Kể lại diễn biến sự việc theo trí tưởng tượng và theo một trình tự nhất định Các bạn có thể viết theo 2 cách: - Cách 1: Gặp lại Trọng Thủy, Mị Châu tức giận, phê phán Trọng Thủy đã lợi dụng sự cả tin, ngây thơ của mình để mưu đồ cướp nước Âu Lạc. Mị Châu kiên quyết không tha thứ cho Trọng Thủy và bỏ mặc Trọng Thủy đứng một mình với tâm trạng vô cùng đau khổ. Nàng cho rằng đó là sự trừng phạt xứng đáng với Trọng Thủy. - Cách 2: Mị Châu trách Trọng Thủy đã lợi dụng sự cả tin, ngây thơ của mình để cướp nước Âu Lạc. Trọng Thủy rất ân hận muốn nối lại duyên xưa. Tuy cảm động trước thái độ ấy của Trọng Thủy nhưng nàng không chấp nhận. Trọng Thủy đau khổ quá, chàng khóc, nước mắt như mưa và người chàng tan ra thành những bọt biển mang hình giọt lệ. **Kết bài:** - Nêu ấn tượng, cảm xúc của người viết về câu chuyện đó. Hoặc nêu cảm xúc của một trong hai nhân vật Mị Châu hoặc Trọng Thủy sau cuộc gặp gỡ. - Từ đó, rút ra ý nghĩa của cuộc gặp gỡ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Đóng vai Trọng Thủy kể về cuộc sống dưới thủy cung sau khi gặp Mị Châu

Sau khi biết được người vợ thân yêu của mình đã phải chết bi thảm. Trọng Thủy vô cùng đau khổ, dằn vặt và hối hận vì mình đã gây ra cái chết của Mị Châu. Suốt ngày, chàng thần thờ, ngẩn ngơ như người mất hồn. Rồi một hôm, chàng như thấy bóng dáng Mị Châu thấp thoáng trong làn nước giếng Loa Thành nên đã lao đầu xuống giếng mà chết. Giếng Loa Thành nổi tiếng là sâu nên Trọng Thủy rơi mãi mà không chạm đáy. Khi rơi xuống, Trọng Thủy đã bị va đầu vào đá, chảy nhiều máu và bất tỉnh, không còn biết gì nữa. Khi Trọng Thủy tỉnh dậy, chàng thấy mình đang ở một nơi rất lạ. Chàng con đang ngồi bần khoản không hiểu chuyện gì xảy ra thì thấy có một con cá chép vàng to đi thẳng bằng đuôi, hai vây của nó cầm giáo trông rất kì lạ. Con cá tiến lại gần và cất tiếng nói: - Thưa! Long Vương chúng tôi thấy xác ngài trôi dạt đến tận ngoài biển Đông này, đã thương tình vẫy nước thần cho ngài sống lại. Nay ngài khỏe lại, Long Vương có lời mời ngài đến gặp mặt. Trọng Thủy đáp ngay: - Ồ! Ra là vậy! Ta đang bần khoản không biết mình đang ở đâu. Được rồi, người hãy dẫn ta đến diện kiến Long Vương. Thế là cá chép vàng dẫn chàng đi đến chỗ Long Vương. Trước mặt chàng là một thế giới rộng lớn, xung quanh là nước với những loại tảo biển, san hô và các loại sinh vật tuyệt đẹp nơi biển cả, mà chàng chưa bao giờ được thấy. Có những đàn cá nổi đuôi nhau, vui đùa nhảy múa... Đến diện kiến Long Vương, Trọng Thủy cảm ơn Long Vương về ơn cứu mạng. Chàng cũng bày tỏ nỗi lòng mình và thỉnh cầu được gặp Mị Châu. Thấu hiểu được nỗi lòng của Trọng Thủy, Long Vương khéo léo sắp xếp cho chàng gặp Mị Châu. Vậy là họ đã được gặp nhau. Trọng Thủy chạy lại nắm tay Mị Châu. Nàng rất dỗi bất ngờ khi thấy Trọng Thủy đến tìm gặp mình. Tim nàng thổn thức. Đứng trước mặt Trọng Thủy, Mị Châu rất muốn được ôm lấy chàng. Nhưng rồi, nàng cố nén lòng, bình thản gạt tay Trọng Thủy ra: - Người kia! Người đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ giúp Triệu Đà thôn tính nước Âu Lạc, sao không ở trên đó hưởng cuộc sống vinh hoa phú quý mà lại xuống tìm gặp ta làm gì? Từng câu, từng chữ trong lời nói đánh thép của Mị Châu như từng vết dao cứa vào lòng Trọng Thủy khiến trái tim chàng đau nhói. Đau khổ, chàng cất tiếng: - Ôi Mị Châu yêu dấu! Sao nàng lại có thể phủ phàng đến thế. Ta biết ta sai, ta rất hối

hận và dằn vặt bản thân mình. Nhưng xin nàng hãy hiểu cho tình cảm của ta đối với nàng, xin nàng hãy tha thứ cho ta. Mị Châu đang rất khổ tâm, con tim nàng như bị giằng xé. Nàng rất muốn tha thứ cho Trọng Thủy, nhưng nàng lại nhớ đến tội bất trung với nước, bất hiếu với cha mà mình đã gây ra, Mị Châu cất tiếng hỏi: - Cớ sao chàng lại nhẫn tâm lừa dối ta khiến ta đau khổ? Ta thật ngây dại, vì tình yêu mà nghe theo mọi sự sắp đặt của chàng. Trọng Thủy đau khổ, xót xa, ân hận: Nàng ơi, mong nàng hiểu cho ta, ta không thể nào làm khác được. Ta không dám chống lại mệnh lệnh của vua cha. Quả thật, lúc đầu ta rắp tâm lừa dối cha con nàng, nhưng sau một thời gian chung sống với nhau, ta đã thật sự yêu nàng – một cô gái hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng. Làm sao ta có thể quên được nàng, vợ chồng một ngày nên tình, nên nghĩa. Lúc ta nhận ra sự tàn bạo, nghiệt ngã của chiến tranh phi nghĩa, thì đã quá muộn rồi. vì mù quán tuân theo lệnh của vua cha mà ta đã trở thành tội đồ, kẻ phản bội đáng bị người đời lên án, ta còn phải trả giá bằng chính hạnh phúc của mình. Mị Châu ơi! Lần nữa ta cầu xin sự rộng lòng tha thứ của nàng. Mọi vật xung quanh tĩnh lặng như đang đồng cảm thương xót cho số phận đôi vợ chồng trẻ này. Nước mắt Mị Châu vẫn lăn chã tuôn rơi. Nàng vừa giận, vừa thương. Trọng Thủy – một nạn nhân khốn khổ của cuộc chiến tranh phi nghĩa tàn ác. Nhưng lí trí đang mách bảo nàng quyết không để “trái tim lâm chỗ để trên đầu” lần nữa, nàng dịu giọng: - Thôi, chàng đừng nói nữa, dù sao cũng cảm ơn tình cảm chân thành của chàng dành cho ta. Nhưng ra không thể tha thứ cho chàng – kẻ tội đồ của nước Âu Lạc. Ta không thể! Từ nay chàng đừng đến tìm gặp ta nữa, ta không muốn ! Trái tim Trọng Thủy như đang ta vỡ thành nhiều mảnh. Chàng đau khổ muốn chết. Chàng khuôn khoản cầu xin Mị Châu lần nữa: - Mị Châu ơi! Xin nàng hãy tha thứ cho ta. Ta đã biết tội của mình rồi, đã ân hận lắm rồi. Dù ta phải chịu nhiều hình phạt, cực hình, đau khổ đến nhường nào nữa, cũng mong nàng tha thứ và mong được gặp nàng Mị Châu nhất quyết cự tuyệt Trọng Thủy. Rồi cả Mị Châu và cung điện tự nhiên biến mất. Trọng Thủy còn lại trơ trọi một mình. Buồn rầu, khổ não, Trọng Thủy mong ước nước biển ngàn năm sẽ xóa sạch lỗi lầm của mình. - Mị Châu, ta ao ước biết bao đến một lúc nào đó, ta và nàng sẽ gặp lại nhau, một nơi rất xa. Khi ấy không còn những cuộc chiến tranh giữa các dân tộc. Ta và nàng sẽ không còn kẻ Bắc người Nam nữa, và rồi tình yêu sẽ trở lại giữa hai ta. Vừa dứt lời, Trọng Thủy hóa thành một bức tượng đá, vĩnh viễn nằm lại dưới đáy đại dương.

Văn Mẫu Lớp 10 - Đóng vai Đăm Săn, kể lại cuộc giao chiến giữa Đăm Săn và Mtao-Mxây

Lâu lắm rồi, trên cao nguyên hùng vĩ, tù trưởng Mtao Mxây nổi tiếng giàu có khắp vùng. Hăn cậy mạnh nên cho đám đầy tớ đến cướp vợ tôi là Hơ Nhị mang về nhà trong lúc tôi đi vắng. Nghe tin, tôi vội vã giắt dao vào thắt lưng, đi tìm hăn. Nhà Mtao Mxây rất lớn, đầu sàn hiên đeo hình mặt trăng, đầu cầu thang đeo hình chim ngói. Ngôi nhà của lão tù trưởng này quả là đẹp. Cầu thang rộng bằng một lá chiếu, người nỏ đuôi nhảy lên xuống mà khiêng một ché rượu lớn vẫn không sợ chật. Tôi bắc tay lên miệng gọi to: “Mxây xuống đây! Ta thách nhà người đọ dao với ta đây!”. Mxây nói vọng ra: “Ta không xuống đâu. Tay ta còn đang bận ôm vợ ở trên này cơ mà!”. Tôi tức giận hét lên: “Người không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sàn hiên nhà người ta bẻ đôi, ta lấy cái cầu thang nhà người chẻ ra kéo lửa, ta hun cái nhà của người cho mà xem”. Mxây biết tính tôi xưa nay nói là sẽ làm nên hăn hoảng hốt hứa rằng từ từ sẽ xuống, chỉ xin tôi đừng đâm hăn lúc hăn xuống thang. Tôi cười nhạt bảo rằng đến con lợn nái nhà hăn ở dưới đây, tôi còn chả thèm đâm nữa là. Mtao Mxây buộc phải ra mặt. Bà con trong buôn kéo đến xem rất đông. Cái khiên của hăn tròn như đầu cú, lưỡi gươm của hăn óng ánh bảy sắc cầu vồng. Trông hăn dữ tợn như một hung thần. Hăn đóng cái khố sọc gấp bỏ múi, mặc một cái áo dày nút, đi từ trong ra nhà ngoài, dáng tần ngần do dự, mỗi bước mỗi dấn đo giữa một đám đông mịt mù sương sớm. Tôi thách thức: “Người múa trước đi! ” Hăn đáp: “Người mới là người múa trước. Ta như gà làng mới mọc cựa, như gà rừng mới mọc cựa, chưa ai giẫm phải mà đã gãy mất cánh. Tôi giục thêm lần nữa, Mtao Mxây rung khiên múa. Cái khiên của hăn kêu lạch xạch như quả mướp khô. Mặc cho hăn múa, tôi không nhúc nhích. Tôi bật cười khinh bỉ: “Người múa một mình, khiên kêu lạch xạch như quả mướp khô. Miếng múa ấy, người học ai vậy? Người múa chơi đấy phải không?”. Chạm tự ái, Mtao Mxây trả lời: “Ta học ai à? Có cậu, ta học cậu. Có bác, ta học bác. Có thần Rồng, ta học thần Rồng”. Tôi khiêu khích: “Thế ư? Ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, người mua đi ta xem nào!”. Mxây hùng hổ quát: “Thế người không biết ta là người dũng tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?”. Tôi chỉ thẳng vào mặt hăn: “Vậy thì người hãy xem ta đây! ” rồi

vung khiên múa. Một lần xốc tới, tôi vượt qua một quả đồi. Một lần xốc tới nữa, tôi vượt một đồi lồ ô. Tôi chạy vun vút sang phía đông, sang phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp chạy hết bãi tây lại sang bãi đông. Hăn vun dao chém phập một nhát nhưng lại trúng cái chảo cột trâu. Tôi chế giễu hăn: “Sao người lại chém cái chảo cột trâu? Còn khoeo chân ta, người dành làm gì?”. Đến lúc này, Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hăn một miếng trầu, nhưng tôi đã đớp được miếng trầu ấy và nhai ngấy ngấy. Sức mạnh trong tôi tăng lên gấp bội. Tôi bảo Mxây: “Bây giờ người chạy đi, ta đuổi coi! ”. Hăn bỏ chạy, tôi rượt theo, vừa rượt vừa múa khiên. Trên cao, gió thổi như bão. Tôi múa dưới thấp, gió như lốc cuốn. Chòi lằm đỏ lằm lóc, cây cối chết rụi. Tiếng khiên của tôi vang lên như tiếng khiêng đồng, khiên kên. Tôi chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. Cây giáo thần chứa đầy những oan hồn của tôi nhắm đui Mtao Mxây phóng tới. Tôi đâm trúng đui hăn cũng không thủng. Tôi đã thấm mệt, vừa chạy vừa ngủ và mơ thấy ông Trời. Tôi than thở: “Ôi chao, chết mất thôi ông Trời ơi! Cháu đâm mãi mà không trúng hăn! ”. Ông Trời bảo: “Thế ư, cháu? Vậy thì cháu hãy lấy một cái chày mòn ném vào vành tai hăn là được”. Tôi bừng tỉnh, chộp ngay cái chày mòn, ném trúng vào vành tai kẻ địch. Cái khiên của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng. Hăn tháo chạy. Hăn tránh quanh chuồng lợn, tôi phá tan chuồng lợn. Hăn tránh quanh chuồng trâu. Tôi phá tan chuồng trâu. Cuối cùng, hăn ngã lăn quay ra đất. Hăn lạy van rớt rít: “Tha cho ta, ta sẽ làm lễ cầu phúc cho người một con trâu, ta sẽ cho người thêm một con voi! ”. Tôi chưa nguôi cơn giận, liền vặn hỏi hăn: “Sao người lại cúng trâu cầu phúc cho ta? Chẳng phải vợ ta người đã cướp, đui ta người đã đâm rồi sao?”. Dứt lời, tôi cắt đầu Mtao Mxây đem bên ngoài đường rồi hỏi bà con, tôi tớ trong buôn làng của hăn là có bằng lòng đi theo tôi không. Mọi người đồng ý. Tôi hô to: “Ở nghìn chim sẻ, ở vạn chim ngói! Ở tất cả tôi tớ làng này! Chúng ta ra về nào! ”. Đoàn người đông đúc ùn ùn kéo theo sau tôi đông như kiến tha mồi. Thế là từ đó, tôi trở thành tù trưởng giàu có nhất, hùng mạnh nhất. Tôi mở tiệc tùng linh đình, ăn uống đông vui kéo dài suốt cả mùa khô. Cho đến lúc rượu đã nhạt, ché đã phai thì khách mới lần lượt ai nấy về nhà nấy.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hay ghi lại những cảm nghĩ chân thực của anh chị về đời sống thiên nhiên của con người trong thời khắc chuyển từ mùa hạ sang mùa thu

“ Hạ tạ từ khi tháng chín vừa sang Thu bẽn lễn như một nàng thiếu nữ Mùa lại hẹn trở về trên lối cũ...” Một khúc giao mùa ngân vang, một chút xôn xao kỉ niệm, một khung trời mơ ước tuổi học trò. Thu sang với bao điều thú vị, thu đọng trong mắt ai là niềm vui, niềm háo hức, thu đọng trong mắt ai là nỗi muộn phiền, lo toan, trăn trở, thu đọng trong mắt ai là chút vấn vương kí ức, là nỗi nhớ một khoảnh khắc giao mùa... Một sớm mai thức dậy, không còn thấy nắng tinh nghịch lọt qua khe cửa, trốn tìm trong những “hòn bi ve trong veo” đọng trên cành lá, không còn thấy bầu trời xanh biếc gợn mây. Khung trời của một ngày mới trắng xoá một màu của sương. Sương làm cho những ngôi nhà, những khóm tre xào xạc lá tựa như nơi nghỉ ngơi của ông tiên, ông bụt trong các câu chuyện cổ tích đầy màu sắc huyền bí. Sương mang lại cảm giác êm ái, mềm mại trong mắt. Sương làm cơ thể run lên vì lạnh. Cơn gió đầu mùa khẽ mơn man nhẹ qua làn da ấm áp, một cảm giác se lạnh thật khó tả. Hình như thu đang lướt qua, rất gần...Phải rồi, hạ đang mang đi những chùm ôi trĩu quả thơm lừng, những chùm hoa phượng vĩ đỏ rực rộn rã tiếng ve...bao thức trái ngon hạ mang cất như để dành mùa sau. Gió lạnh đầu mùa chỉ hơi khiến lòng tôi se lại. Những nỗi nhớ từ trong tiềm thức ào ạt ủa về. Nhớ mùa hè với những chuyến đi đầy bổ ích. Nhớ những con đường Hà nội thơm mùi cốm làng Vòng – cái thức quà riêng biệt của đất nước, mang trong nó hương vị mộc mạc, giản dị, thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Nhớ con đường từ Tiên Yên đến thị xã Móng Cái mà hướng dẫn viên du lịch gọi là “đặc sản” bởi cái ngoạn nghoè, quanh co của đường một bên là núi, một bên là vực. Nhớ những con đường ở Trung Quốc nhiều làn xe và không có bụi lại ít gặp ở Việt Nam... Và nhớ rất nhiều kỉ niệm đẹp của tuổi học trò. Nhớ ngày tựu trường năm ngoái còn vui bạn vui bè, vô tư hồn nhiên thì giờ bạn mới thầy mới với bao bỡ ngỡ, vừa lạ vừa quen. Thời khắc chuyển mùa dường như đang đến, cái thay đổi thất thường của thời tiết giống như tính khí của mấy cô cậu học trò. Hạ chưa hẳn đã qua, thu chưa hẳn đã sang, cái chùng chình nửa ở nửa đi ấy lại chính là cơ hội cho những cơn mưa ngâu. Mẹ tôi kể ngày xưa Ông Ngâu, Bà Ngâu là hai vợ chồng nhưng ông trời không cho họ ở

với nhau mà phải cách xa hai phương trời. Hằng năm, chỉ có dịp này hai ông bà mới được gặp nhau. Ông trời bắc cầu vồng để họ được thấy nhau. Tình vợ chồng khiến ông Ngâu, bà Ngâu mừng tủi mà khóc, vừa sung sướng vì hạnh phúc tràn đầy. Vì thế mà tiết trời đang nắng lại đổ mưa, sau cơn mưa, cầu vồng lại hiện lên bừng sáng như nói lên niềm vui hân hoan của hai vợ chồng Ngâu. Tên mưa Ngâu có từ đó. Đối với tôi, mưa ngâu rất đặc biệt, bởi câu chuyện kể về nó giống như một thần thoại, giống như một biểu tượng của những giọt nước mắt hạnh phúc, của khát vọng tình yêu đôi lứa. Thu đến mà không ồn ào, náo nhiệt như hạ, không tràn trề sức sống như xuân, không lạnh lùng, khắc nghiệt như đông. Thu dịu dàng và hiền hoà như một cô gái đang bước vào tuổi trưởng thành không còn quá nhiều ngây thơ, dại dột. Thời khắc giao mùa để lại trong con mắt trẻ thơ là niềm háo hức tới trường, được học tập vui chơi, để lại trong mắt tôi và bạn là niềm vui được gặp lại nhau sau một mùa hè nghỉ ngơi đầy thú vị, để lại trong mắt mỗi chúng ta những xúc cảm diệu kì và tinh tế về thiên nhiên. Nhưng thời khắc giao mùa lại để lại cho những người cha, người mẹ nỗi lo toan, trăn trở về ngày tựu trường của con trẻ. Đó là vết chân chim nơi khoé mắt cha nhọc nhằn từng ngày nuôi con ăn học, là mái tóc bạc trên đầu mẹ lo nghĩ từng ngày để con khôn lớn thành người. Đừng bao giờ nghĩ rằng, cha mẹ chỉ lao động vì cuộc sống mưu sinh, vì địa vị hay danh lợi, tiền bạc. Cha mẹ vẫn ngày đêm lo lắng cho con. Dù cha bạn là một người thợ phụ hồ hay mẹ bạn là một người bán hàng rong, dù họ có là gì thì họ vẫn luôn là người che chở, nuôi nấng bạn, cho bạn một cuộc sống, cho bạn một năm học mới với đầy đủ sách bút. Vì thế, đừng bao giờ để cha mẹ buồn nghe bạn ?... Trong cái se lạnh ngoài trời, mặc cái áo mẹ mua tôi thấy tiết trời thu thật ấm áp, nhưng bạn có biết còn bao sinh linh nhỏ bé đang không có áo mặc, đôi vai đang run lên vì lạnh – chúng là những đứa trẻ mồ côi, bị bỏ rơi ra ngoài lề xã hội. Tôi phải cảm thấy hạnh phúc vì mình được đến trường, vì có biết bao đứa trẻ mơ ước điều đó mà không được. Giá như trong khoảnh khắc giao mùa, tôi có một điều ước thì tôi ước sao đứa trẻ nào cũng được đi học để cảm nhận niềm vui tới trường, để tình bạn sẽ sưởi ấm cho những tâm hồn giá lạnh và non nớt ấy. Thời khắc giao mùa thật đẹp, trong những giây phút tuyệt vời này, tôi thấy mình dường như đang lớn lên. Tôi thấy thương cha những ngày phải làm ca đêm, cái se lạnh của gió ban ngày thì đêm về lạnh gấp bội, thời tiết giao mùa khiến cha tôi sức khoẻ giảm sút nhiều. Tôi thấy thương mẹ phải làm việc suốt ngày, mẹ hay mệt mỏi mà có lúc vô tâm tôi chẳng hỏi han lấy một lời. Tôi thương nhiều lắm sự vất vả của cha mẹ vì tôi. Tôi thấy mình cần phải cố gắng học tập để không phụ công

cha mẹ. Hãy cùng nói: Xin cha mẹ hãy tin tưởng vào con! Thiên nhiên và đời sống con người trong thời khắc chuyển mùa sang thu thật nhẹ nhàng, nó giống như một cơn gió lướt qua tâm hồn mang theo lá vàng rơi đầy hiên và rơi đầy trên những con đường tối lớp, mang theo bầu trời thu trong veo như cao hơn, nước thu trong veo như sâu hơn, mang theo ngày khai trường lấp lánh niềm vui. Trong cuộc sống hối hả từng ngày, một chút cảm nhận về khoảnh khắc giao mùa cũng khiến tôi và bạn thấy cuộc sống thật tuyệt vời. “Cuối con đường ta gõ cửa mùa thu Xin mượn khúc dịu dàng ru kí ức Để ngày mai sống với gì là thực Để thấy yêu hơn mỗi khúc giao mùa...”

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích sử thi Đẻ đất đẻ nước

1. Đẻ đất đẻ nước là sử thi thần thoại. Hiện nay nhìn chung các nhà nghiên cứu quan tâm đến tác phẩm này đều cho rằng: Ở dạng ban đầu, Đẻ đất đẻ nước chỉ mới là sự kết nối một số thần thoại suy nguyên có cùng nguồn Mường-Việt cổ từ thời trước Hùng vương. Đến khi trình độ tư duy tình cảm thẩm mỹ Mường cổ phát triển cao trong giới hạn đặc thù văn hóa tộc người, thì Đẻ đất đẻ nước đã được điều chỉnh theo chiều hướng phát triển thêm các sự kiện các biến cố mới bằng cách so sánh cái đã có và cái chưa có, cái bên trong và cái bên ngoài. Năng lực tư duy này tương ứng với một trình độ của ý thức tự giác tộc người, như trong tác phẩm cho thấy: Cái ý thức tự giác tộc người đã chuyển hóa thành niềm cộng cảm thiêng liêng. Theo đó vùng diễn xướng Đẻ đất đẻ nước dần được mở ra trên một khu vực quần cư rộng lớn từ trung tâm văn hóa Hòa Bình đến Thanh hóa, Nghĩa Lộ, Sơn La... vốn là những miền đất ngày nay cư dân Mường đang định cư đông đảo và được đồng bào hình dung là quê hương xứ sở qua những câu ca và truyện kể. Và thế là từ đây các yếu tố thần thoại Mường cổ tiếp tục được thu hút vào tác phẩm bằng cách sàng lọc lại theo tiêu chuẩn duy lý trong tất cả các mối quan hệ hiện thực, phản ánh niềm mong mỏi được diễn lại trên một mức độ cao hơn về cái hiện thực đã từng được tái tạo hồn nhiên của cộng đồng trong kí ức. Theo quy luật chung, sử thi Đẻ đất đẻ nước tiếp chân thần thoại Mường-Việt cổ đã được hoàn thiện từ sau sự kiện Đẻ trống đồng... xứ Mường hoàn chinh lãnh thổ và Đức vua được rước về Đồng Chì Tam Quan Kẻ Chợ. Người người đi tiễn vua. Vào lúc chuẩn bị lên đường, vua nghe có tiếng con gà gáy “Đừng quên nơi đẻ si, đẻ mường, đẻ nước, đẻ lửa, đẻ nhà... nơi quê cha đất tổ”. Nhà vua bẻ một ngọn lá rắc xuống lòng đường, nói câu chúc phúc đẹp như lời ngọc ý hoa trong cảnh tượng mặt trời đang mọc sáng mường sáng nước. Song ở Đẻ đất đẻ nước dạng trên cùng như ngày nay chúng ta tiếp nhận, còn thấy có các yếu tố đối kháng gay gắt giữa nhà lang và dân chúng. Đó chỉ là những lớp xã hội- lịch sử muộn màng. Trong tính sử thi thần thoại đích thực, Đẻ đất đẻ nước tuyệt nhiên chưa có dấu ấn văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ. Nó được bắt đầu từ chỗ phải bắt đầu và chứa đựng một loạt biến cố bao trùm toàn bộ lịch sử Mường cổ đến khi xã hội Mường đã chuyển sang chế độ thị tộc phụ quyền một cách sâu sắc. Đương nhiên đó là

lịch sử huyền thoại được sáng tạo bởi tư duy tình cảm thẩm mỹ của con người thời đại sử thi. Đó là cách đo thành quả sáng tạo văn hóa buổi đầu của con người bằng kích thước vũ trụ khi mà niềm kiêu hãnh của họ đang trào dâng. Đây chính là cơ sở hiện thực của ý niệm để khêu gợi trí tưởng tượng hoành tráng, tạo nên đặc điểm của một loại cảm hứng vô cùng phóng khoáng, một loại biểu tượng hết sức rộng lớn, một loại tính cách đặc biệt kì vĩ, một loại ngôn ngữ hết sức khoa trương, mà tổng hợp lại tất cả những yếu tố ấy tạo nên đặc trưng thẩm mỹ sử thi. Đó là nguyên cơ tiền đề sáng tạo Đẻ đất đẻ nước. Có một nhà nghiên cứu văn hóa Việt nam đưa ra một ý kiến lý thú về khái niệm đất nước trong tiếng Việt: Đất nước là đất và nước nhưng cũng là đất nước. Hiểu được như thế, ý nghĩa tư tưởng thẩm mỹ của Đẻ đất đẻ nước càng có một vị trí đặc biệt trong lịch sử văn hóa và văn học dân tộc.

2. Giá trị văn hóa của Đẻ đất đẻ nước. Trước hết Đẻ đất đẻ nước là một công trình văn hóa nguyên hợp. Giá trị văn hóa, bản chất văn hóa của sử thi thần thoại này đã được khám phá nhiều mặt. Các thành tựu nghiên cứu liên ngành đã trợ giúp đắc lực cho việc nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm Đẻ đất đẻ nước từ góc nhìn văn hóa trong nhà trường. Song đây không phải là vấn đề đặt ra để bàn kĩ trong bài viết này. Bởi lẽ đương nhiên do đặc trưng môn học, Đẻ đất đẻ nước trong nhà trường chủ yếu được tìm hiểu từ góc độ ngữ văn dân gian. Song do bản chất của phân cơ lo nghệ thuật ngôn từ(văn học dân gian) vừa là văn học vừa là văn hóa nên khi giảng dạy, người thầy giáo vừa phải đặt tác phẩm vào một trường hoạt động thực tiễn trong tính nguyên hợp của thể loại(môi trường văn hóa), vừa phải đặt các yếu tố nghệ thuật ngữ văn trong văn bản tác phẩm vào một trường liên tưởng ngữ nghĩa của cộng đồng tộc người Mường(giải mã văn hóa). Theo hướng này, có thể xem tác phẩm như là một bức tranh ghép mảnh các huyền thoại hư cấu lịch sử một cách hoành tráng. Nó được sáng tạo theo cảm hứng cội nguồn mang ý tưởng “ chim tìm tổ, người tìm tông” mà ý tưởng ấy còn tràn đầy âm hưởng sử thi, vừa có tính dân tộc cụ thể, vừa có tính nhân loại phổ quát. Ở đó hiện ra toàn bộ sức sống bền bỉ và sức mạnh hòa hợp của toàn bộ cộng đồng Mường cổ , được tạo dựng từ cuộc đối thoại đầu tiên giữa con người với vũ trụ chứa đầy bí ẩn , đến khi họ bắt đầu ý thức được khả năng vô hạn của mình trên con đường khai sáng. Ở đó không khí Mường cổ, cuộc sống Mường cổ đã trở thành kỉ niệm riêng của toàn dân tộc cứ vươn dài trải rộng từ lớp này đến lớp khác, tràn qua mọi tình thế thách thức của thực tại đã từng đòi hỏi cả cộng đồng phải đáp ứng. Ở đó như vẫn còn nguyên trong sâu thẳm tâm hồn của người xưa là những niềm cảm khái và biết ơn, có cả vinh quang và cay đắng song cảm hứng bao trùm

vẫn tràn đầy lòng tự tôn, tự hào. Đó là lịch sử sáng tạo các giá trị văn hóa Mường cổ đã được tái hiện lại một cách thẩm mỹ từ trong mạch nguồn của một thứ tưởng tượng còn trong trẻo như những giọt nắng đầu tiên vừa tỏa chiếu, những hạt lúa đầu tiên vừa căng sữa nhú mầm. Có thể gọi đó là những giọt tâm hồn, những hạt trí tuệ Mường cổ đã lắng kết đến độ có sức tập hợp gọi đàn. 3. Giá trị văn học của Đẻ đất đẻ nước. Giá trị ngữ văn dân gian của Đẻ đất đẻ nước có thể được xem như là những yếu tố hình thức mang tính quan niệm và nó đã thật sự là kết quả sáng tạo mang đặc trưng mỹ học sử thi thần thoại. Trong mục sau, khi thử đưa ra một cách đọc-hiểu Phần mở đầu của tác phẩm được trích giảng trong sách giáo khoa hiện hành, chúng ta sẽ khảo nghiệm kết luận này. Ở đây bài viết lược điểm các giá trị văn học của tác phẩm qua những tiêu chí phổ quát. Đó là kiểu mẫu nhân vật anh hùng văn hóa Lang Cun Cắn và phân thân của nhân vật này là Lang Cun Khương. Lang Cun Cắn tuy có nguồn gốc lai lịch thần kì nhưng lại sống một cuộc đời thường, đi săn, quăng chài thả lưới và biết nuôi lợn để thết khách. Tuy nhân vật này có địa vị thiên quý nhưng vẫn có sai lầm để cả mường nước phải cản ngăn; tuy có pháp thuật trấn ma quỷ và giao cảm được cả với trời đất và thần linh để xây dựng cõi người nhưng các công việc trọng đại này vẫn phải được thực hiện qua các nhân vật trung gian. Những ý muốn lớn và các hoạt động khai sáng cộng đồng Mường của người anh hùng được hư cấu kì ảo và lí thú, song cái hạt nhân hợp lí bên trong các sự kiện vẫn nổi đậm. Hình tượng Lang Cun Cắn là một kiểu mẫu nhân vật sử thi thần thoại, kiểu anh hùng hoạt động với vai trò của người xây dựng thế giới chứ không đóng vai trò của một đấng sáng tạo siêu nhiên. Đương nhiên, Lang Cun Cắn là một anh hùng văn hóa của thời đại sử thi nên tuổi của “chàng” cũng được tính theo quan niệm sử thi, kéo dài hàng vạn năm. Tính không thuần nhất của nhân vật này có nguyên nhân từ sự không thuần nhất trong cấu trúc tác phẩm. Kiểu tư duy thẩm mỹ sử thi Mường còn được biểu hiện qua hệ thống các chi tiết trùng điệp vốn là thủ pháp đặc trưng trong nghệ thuật sử thi thế giới, là thành tố ưa dùng trong các cấu trúc đặc biệt hoành tráng. Đó còn là cả một hệ thống từ ngữ đặc biệt giàu tính tượng hình tượng thanh với rất nhiều hình ảnh ví von so sánh đa chiều, vừa cụ thể theo tiêu chuẩn tôn trọng thực tiễn Mường một cách hồn nhiên, vừa gợi cảm theo những mối liên hệ kì thú giữa trí tưởng tượng sử thi vốn không bao giờ có giới hạn với cái nền hiện thực miền núi phóng khoáng đã nhuần thấm sắc thắm tâm hồn con người ở một thời còn nguyên sơ nơi thâm sơn cùng cốc. Đương nhiên cái vẻ đẹp đích thực của ngôn ngữ kể chuyện vẫn về theo nhịp chẵn ở đây còn có sự chế định của môi trường diễn xướng m

tiêu của tộc người Mường, đáp ứng những chức năng sinh hoạt thực hành tinh thần hết sức đa dạng của nó. Đó là thứ ngôn ngữ đã mang tính thiêng, phản ánh chức năng tộc người của văn hóa. Muốn cảm nhận được cái hay cái đẹp trong kiểu nghệ thuật lời văn như thế, cần phải đọc văn bản trong diễn xướng. Cuối cùng còn một vấn đề đặt ra ở đây là: Tại sao lại có tên truyện Đẻ đất đẻ nước(Tẻ tấc tẻ nấc)? Có lẽ tất cả các dân tộc anh em của cộng đồng Việt Nam đều có những cách nói mang bản sắc riêng nhưng không phải dân tộc nào cũng còn lưu giữ được dấu ấn cổ xưa trong các ngôn bản nghệ thuật. Vì thế, cái tên Đẻ đất đẻ nước của sử thi Mường là một trường hợp hết sức độc đáo và còn có tính độc đáo duy nhất ở chỗ nó là một kết quả sáng tạo tập thể. Trong cái lạ của nhan đề này đã bảo tồn được cả cái hay cái đẹp trong tính nguyên hợp của ý nghĩa tư tưởng thẩm mỹ. Khái niệm “đẻ” ghép với “đất” và “nước” chứa đựng một quan niệm đầy vẻ nguyên sơ thô dã, nhưng lại được trình bày dưới một thực tại khách quan có vẻ đoan trang trí tuệ. Thực ra, ở vào cái thuở cổ xưa xa xăm mù mịt, người Mường cổ cũng như nhân loại đều đã từng “ngây thơ hồn nhiên” cho rằng vạn vật cũng như con người đều do một lực lượng nào đó chứa đẻ mà thành! Con người sinh con đẻ cái, còn những ông thần này, bà thần nọ thì đẻ ra cả vũ trụ mênh mông, cả mặt đất không lồ núi non đồng ruộng và cả vạn vật(.....). Câu chuyện Đẻ si-hình tượng cây vũ trụ-là một thí dụ. Con người nhờ đó mà có được cuộc sống như họ đang có. Phải có cuộc Đẻ đất thì thế giới này mới có đàn ông và đàn bà, mới có con gà có cựa, dây dưa biết leo, cây phea có gai có ngọn. Phải có cuộc Đẻ nước thì con trâu mới không còn phải nhai đất cồng, con người mới không còn phải uống nước sương. Ý tưởng thì thật to tát nhưng mà hình ảnh diễn tả thành quả thì lại rất mực hồn nhiên bộc trực và vì thế nó biểu hiện rất rõ cái nét bản sắc tâm hồn Mường đặc biệt thật đáng yêu. Phải có những cuộc Đẻ cây si, Đẻ mường, Đẻ người, Đẻ năm tháng, Đẻ cả trống đồng...thì mọi việc mường nước mới yên ổn, chẳng còn thấy bóng giặc, chẳng còn vấp nạn ma, chỉ còn thấy đàn cò bay lượn, thấy đàn bò đi ăn, thấy con trâu giữa bãi, thấy con gái vác nước, thấy đàn nai chạy rong...Sau hết hết mọi cuộc đẻ, xứ Mường mới trở nên một trật tự hài hòa. Các thế hệ nghệ sĩ dân gian Mường đã sáng tạo ra cả một thế giới hiện thực trần thế thông qua hàng loạt motif diễn tả những cuộc chứa đẻ mang tầm vóc vũ trụ. Đó chính là giá trị đặc sắc chỉ có trong sử thi-mo. Một cách đọc-hiểu đoạn trích Chương Mở đầu. Trong chương trình sách giáo khoa lớp 10 THPT hiện hành, trích đoạn giảng văn Đẻ nước đã được thay thế bằng bài đọc thêm Chương(roóng) Mở đầu. Việc chọn đoạn nào là theo quan điểm riêng của người biên soạn, nhưng nếu chỉ dành

cho Đẻ đất đẻ nước một vị trí “ đừng chẳng được “ như hiện nay thì rất đáng để chúng ta cùng suy nghĩ. Song chúng tôi cũng không đặt vấn đề thảo luận về nó trong bài viết này, chỉ xin lưu ý nếu Đẻ đất đẻ nước không còn chỗ đứng xứng đáng trong giờ chính khóa nữa, mong các thầy cô giáo đứng lớp nên có thêm chương trình ngoại khóa, đừng vì những lí do không đáng có mà từ chối những bài đọc thêm. Không thể phù phiếm với những lối dẫn văn hoa mỹ tự cầu kì vô bổ. Với kiểu bài dạy này lại càng khó có thể soạn được những lời dạy có cánh như thế. Đoạn trích Đẻ đất đẻ nước trong SGK lần này là khúc ngâm kể mở đầu , là điểm xuất phát cho một tự sự trường thiên. Phần trọng tâm chỉ với 49 câu mà người nghệ sĩ dân gian đã dựng lại được cả một bức tranh hoành tráng về cảnh tượng một thế giới Mường cổ vào cái thời hỗn mang: Ngày xưa sinh đời trước Dưới đất chưa có đất Trên trời chưa có trời Trên trời chưa có ngôi sao đo đỏ Dưới đất chưa có ngọn cỏ xanh xanh... Hỗn mang chứ không phải hỗn loạn. Hỗn loạn là một phần, một trạng thái của sự sống, cuộc sống. Hỗn mang nghĩa là chưa có sự sống, cuộc sống. Thế giới qua lời kể trong con mắt người xưa thuở ấy được hình dung tưởng tượng thật đáng sợ, chứ tuyệt nhiên không kì thú như vào cái lúc, cái thời người ta đang kể chuyện(thời gian diễn xướng): Khi đã có ngôi sao đo đỏ ngọn cỏ xanh xanh, khi đã có sông Quan họ mót Vặt, khi đã có sông Sàng mót Li, khi đã có đường đi lối lại, khi đã có đôi cái đôi con...khi đã có người vùng người tài. Đọc hiểu đoạn văn bản mở đầu này, nhất thiết phải phân tích ngay từ câu mở đầu “ Ngày xưa sinh đời trước”. Trong tiếng Mường có hai từ sinh và đẻ đồng nghĩa nhưng khác nhau về nguồn gốc và hướng nghĩa. Đẻ là sự đẻ, là hành động đẻ rất cụ thể trong một không-thời gian xác định, là một từ gốc Mường cổ(tẻ). “Sinh” lại là một từ mượn có gốc Hán-Việt, có tính khái quát rộng lớn. Sẽ thấy rõ ý nghĩa này khi so sánh với câu 9 “ Chưa đẻ đôi cái đôi con”. Trong câu này tác giả dân gian sử dụng từ đẻ diễn tả một chuyện trong nhiều chuyện của ngày xưa, rất khác với từ sinh trong nguyên tác đã cho chúng ta thấy rất rõ cái điểm nhìn sử thi và quan niệm sử thi của người kể chuyện-nhân vật trần thuật, người của hôm nay. Thế mới biết cái “ bức tranh về thế giới Mường cổ vào cái thời hỗn mang” được người kể chuyện dựng lại là kết quả của cả một quá trình sáng tạo nghệ thuật ngôn từ dân gian. Kết cấu của bức tranh ấy đã được tái hiện theo một quy trình tổng (câu 2 – câu 5) phân (câu 6 – câu 45) hợp (câu 46 – câu 49). Và được diễn tả một cách trùng điệp theo nguyên tắc triệt để có tính lặp lại-nguyên tắc đặc trưng thi pháp văn học dân gian. Sự lặp lại các yếu tố hình thức mang tính nội dung (hình thức – ý tưởng) trong đoạn văn này thật đặc biệt điển hình là bởi

vì nó được cấu tạo hoàn toàn phù hợp với một số quy tắc tự sự sử thi dân gian. Đó là quy tắc về sự mở đầu và kết thúc trong cái nhìn toàn cảnh. Đó là quy tắc của sự đối lập ngay trong nội dung khái quát về cái thế giới vô thủy vô chung từ câu 2 đến câu 5 diễn tả một thái cực trống không, khi tuyệt nhiên chưa có từ cái lớn nhất đến cái nhỏ nhất để kết hợp thành từng cặp: cao/thấp, trên/dưới, ngày/đêm, núi/sông, đất/nước, chim/thú, cây/con, đực/cái... một kiểu cấu trúc rất thường gặp trong thần thoại đời sau, bao gồm các mẫu kể đã vượt thoát ra khỏi giới hạn đơn nhất của thần thoại suy nguyên để tạo thành một thế giới thần thoại sáng tạo buổi đầu, mà cơ sở hiện thực của nó chính là các giá trị vật chất buổi đầu của văn hóa nguyên thủy. Kiểu tư duy này còn để lại dấu ấn trong cả đoạn trích. Đó còn là quy tắc về sự lặp lại, lặp lại đến 34 lần một từ ghép “chưa có”(chưa có) diễn tả trạng thái thế giới “Thứ gì cũng chưa có, chưa nên”, một thế giới hết sức mông lung: Đất còn nên bạc lạc Nước còn nên bồi lời Trên trời còn nên puồng luống... Không phải ngẫu nhiên trong toàn bộ phần chính của đoạn văn bản tuyệt nhiên không có lấy một từ tượng thanh, chỉ sử dụng những từ có ý nghĩa tạo hình sắc, tạo đường nét. Trong cái thế giới hỗn mang khi đất thì còn rời rạc xơ xác, khi nước thì còn bầy nhầy bùng bùng ấy, muôn vật từ mọi loài cây đến mọi loài con, từ đồ vật, sự vật đến con người là cái giống chúa tể của muôn loài đều được người đặt chuyện hình dung thấy đều nhất loạt còn ở trong cái tư thế “muốn dậy”. Trong 40 câu sử thi kể về chuyện này, hai từ”muốn dậy” được lặp lại đến 38 lần. Hãy nhắm mắt nghe và tưởng tượng như người đang ở trong một cuộc thực hành nghi lễ diễn xướng mo, sẽ thấy ở đây hiện ra cả một thế giới khác xa với cái thế giới thực tại – một thế giới hoàn toàn câm lặng kì bí mênh mông. Nó được thống nhất bằng một loại hành động duy nhất là không hành động, mang ý nghĩa đặc tả về một thế giới tuyệt đối chưa có sự sống, chưa nên cuộc sống – một khoảng lặng sử thi. Một lần nữa qua đọc-hiểu chúng ta lại nhận ra hai minh chứng trong cách cấu tạo văn bản nghệ thuật đoạn trích là sự tuân theo hai quy tắc khác của tự sự sử thi. Đó là quy tắc về sự bắt buộc tạo dựng những nút yên tĩnh trong dòng thác sử thi và quy tắc về sự tự thể hiện bằng hành động trong sự thống nhất bởi một “sợi chỉ hành động” như đã phân tích ở trên. Sau việc phát hiện ra cái đặc điểm thứ nhất của cái thế giới hỗn mang trong bức tranh trên bằng việc sử dụng các quy tắc tự sự sử thi như những chiếc chìa khóa để mở vào bên trong cấu trúc một sử thi đích thực, chúng ta tiến lên một cấp độ đọc-hiểu cao hơn để phát hiện ra cái đặc điểm thứ hai của bức tranh, được gợi ra từ chính bức tranh. Đó là công việc giải mã một từ khóa của đoạn văn bản nghệ thuật này trong các cụm từ “

muốn dậy nhưng chưa có” và “ muốn dậy nhưng chưa có chưa nên”. Từ “ dậy” là một từ được các nghệ sĩ dân gian Mường đặc biệt ưa dùng trong toàn bộ cấu trúc văn bản sử thi Đẻ đất đẻ nước. Ở các chương sau nó xuất hiện hàng trăm lần trước từ gọi (dật). Ngữ nghĩa của cấu trúc từ pháp này có liên quan đến một quan niệm tín ngưỡng đặc trưng của người Mường trong văn hóa diễn xướng mo nói chung giữa đời sống. Nó lưu ý chúng ta về một sự khác biệt: Việc phân tích văn bản văn học dân gian có những yêu cầu riêng rất khác với việc phân tích văn bản văn chương viết. Ngoài giá trị thẩm mỹ, văn bản sử thi - mo còn được thiêng hóa, tàng ẩn những ý nghĩa khác được quy định ngay trong cấp độ từ nguyên, cấp độ ngữ dụng do chức năng sinh hoạt tinh thần bởi tính thực hành nghi lễ trong các hình thức shaman giáo(tục gọi hồn, trò chuyện với hồn). Từ “dậy” trong tiếng Mường cổ có nghĩa là mọc lên, trời lên. Thế có nghĩa là trong cõi hồn mang kia đã chứa đầy vô số đủ các loại mầm sống, hạt sống đã được gieo vãi, đặc biệt trong đó có cả “mầm người” nhưng “chưa dậy” được vì chưa có đủ mặt mũi(!). Trong lễ thức mo, sau khi trống đồng và kèn bốp đồng loạt nổi lên, trong màn khói hương hư ảo, hãy hình dung toàn bộ cái thế giới hồn mang câm lặng yên tĩnh tuyệt đối kia vào một khoảng khắc nào đó, đến một ngày nào đó cũng sẽ ồn ào hoạt động vô cùng náo nhiệt. Đó là khi tất cả mọi sự vật đồ vật, mọi loài cây và mọi loài con, gồm cả con nhà con người (nhà cửa và con người) sẽ đồng loạt dậy, đồng loạt mọc lên, trời lên. Mầm sống đã tạo nên sự sống cuộc sống . Đó là cảm hứng mở đầu rất đặc trưng thần thoại. Nhưng ở đây là sử thi thần thoại nên đã không xảy ra câu chuyện đồng loạt dậy. Trong các chương sau, người sáng tạo sử thi sẽ còn tiếp tục trong câu chuyện tự sự trường thiên này theo một trật tự cái này dậy trước cái kia dậy sau. Để rồi sau những cuộc chữa đẻ mà thành, mọi thứ cứ hiện hình dần lên và sáng mãi ra, cho đến lúc “ sáng Mường sáng Nước” như phần kết của tác phẩm đã được giới thiệu ở trên. Cứ như thế, câu chuyện sẽ còn tiếp diễn khi thì ba đêm bảy đêm, khi thì đến hơn cả mười đêm tùy theo tang chủ trong đời sống sinh hoạt tang lễ Mường truyền thống. Một thế giới Mường sẽ được hoàn thiện từ không đến có, từ thiếu đến đủ, từ lẻ tẻ rời rạc đến độ kết hợp thành hệ thống. Từ cõi hồn mang đã hình thành một thế giới có trật tự. Và một bức tranh về một cuộc sống thật sự phải là một bộ mặt thế giới có trật tự hài hòa. Chúng ta đều biết mọi biến cố đặc trưng sử thi đều xoay quanh sự giải quyết mâu thuẫn giữa cái hồn mang và sự hài hòa, và được trình bày trong khát vọng vô tận về một sự hài hòa tuyệt đối-khát vọng sử thi. Đó cũng chính là con đường vận động trong một cốt chuyện sử thi đích thực. Sử thi Đẻ đất đẻ nước của tộc người

Mường đã bắt đầu từ chỗ phải bắt đầu. Đọc-hiểu một đoạn trích, người học phải nắm bắt cho được cả cái hồn cốt của toàn bộ tác phẩm. Qua đó chẳng những người học có thêm được một cái gì đó trong nhận thức về đời sống, mà còn được trau dồi thêm một chút vốn ngôn ngữ và hơn hết được rèn luyện óc suy nghĩ theo một phương pháp tư duy.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy phân tích nhân vật Đăm Săn trong tác phẩm chiến thắng Mtao Mxây

Từ bao đời nay, người Ê-Đê đã cùng quây quần bên bếp lửa, nghe không biết chán từ đêm này sang đêm khác khan Đăm Săn, bài ca về người tù trưởng anh hùng của dân tộc mình với những chiến công hiển hách trong xây dựng phát triển buôn làng và bảo vệ cộng đồng chống lại bao kẻ thù hung hãn. Trong những chiến công lẫy lừng ấy, ngất ngây lòng người vẫn là đoạn “Đánh thắng Mơ-tao Mơ-xây”, chứng tỏ tài năng, bản lĩnh, lòng dũng cảm phi thường và sức mạnh vô địch của Đăm Săn Sở dĩ xảy ra cuộc chiến này là do Mơ-tao Mơ-xây (tù trưởng Sắt) đã cướp Hơ-nhí – vợ của Đăm Săn. Đối với người Ê-Đê theo chế độ mẫu hệ, việc bị kẻ thù cướp mất vợ là một nỗi sỉ nhục của cả cộng đồng. “Đánh thắng Mơ-tao Mơ-xây” là lần thứ hai Đăm Săn phải chiến đấu với kẻ thù để giành lại người vợ, chứng tỏ sự hùng mạnh của Đăm Săn. Chàng phải đối mặt với kẻ thù hung bạo và cũng có sức mạnh phi thường không kém. Hàng loạt những hình ảnh so sánh trong đoạn trích cho thấy rõ sự tương phản giữa Đăm Săn với kẻ thù, làm nổi bật lên sự hào hùng của chàng và sự thảm hại của Mơ-tao Mơ-xây. Đó chính là nét đặc sắc trong nghệ thuật đoạn trích này, tôn vinh vẻ đẹp người anh hùng Đăm Săn. Vẻ đẹp Đăm Săn hiện rõ ngay từ khi chàng bước chân vào lãnh địa của Mơ-tao Mơ-xây. Tù trưởng Sắt hung bạo dù kiêu căng ngạo mạn cũng luôn phải dè chừng sự hiện diện của chàng. Hình ảnh Đăm Săn cùng những bạn bè đồng minh của chàng hiện lên dưới mắt kẻ thù thật dũng mãnh với khối màu sắc sỡ, đầu đội khăn đẹp cùng khí thế hùng hực “Gươm sáng như mặt trời. Thân mình ở trần như quả dưa, ở thế chờ sẵn như con sóc. Mắt sáng gấp đôi gấp ba mắt thường”. Hình ảnh so sánh thật đặc trưng đã làm đậm nét phi thường của người anh hùng. Tư thế ấy lại gắn liền hành động thách thức chặt ống tre thành ba khúc, xô đổ hàng rào hàm chứa sức mạnh tuyệt luân của chàng. Khi giáp chiến cùng Đăm Săn, dù ngôn ngữ sử thi miêu tả Mơ-tao Mơ-xây cũng rất đẹp, rất dũng mãnh nhưng vẫn lộ ra sự khiếm nhược trước Đăm Săn. Lời nói của hắn với chàng lộ ra sự hèn nhát “đừng đâm ta lúc ta đang xuống nhé”. Đáp lại, Đăm Săn đã bộc lộ sự khinh bỉ kẻ thù bằng tư thế đàng hoàng của mình: “Tao không thèm đâm mày trước lúc mày xuống! Ngay con heo nái nhà mày tao cũng có thêm chém đâu!”. Cuộc đối đầu của

Đăm Săn với Mơ-tao Mơ-xây là giữa hai tù trưởng dũng mãnh. Phẩm chất anh hùng theo cách nhìn sử thi là ở sự chiến thắng bằng sức mạnh và sự can đảm. Cuộc đối đầu sinh tử ấy không có chỗ dung thân cho kẻ nào hèn nhát hơn. Trong tình cảm tôn vinh người anh hùng của buôn làng, mọi cử chỉ, ngôn ngữ, hành động của Đăm Săn đều nổi bật, vượt trội hơn kẻ thù. Chúng ta cùng được chứng kiến màn thi tài múa khiên thú vị: Mơ-tao Mơ-xây thể hiện rõ sự khoác lác khi lời nói của hăn được minh chứng bằng “tiếng khiên kêu lộc cộc, lộc cộc như tiếng những quả mướp đập vào nhau”, còn Đăm Săn đã dập tắt nhuệ khí của hăn bằng sức mạnh phi thường trong màn múa khiên độc đáo. Ngôn ngữ sử thi khoa trương sức mạnh ấy ngang sức mạnh tự nhiên: “Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả”. Lần múa khiên thứ hai của chàng còn ghê gớm hơn bởi đòn chứa sức mạnh trừng phạt Mơ-tao Mơ-xây. Sức mạnh Đăm Săn có được còn nhờ sự trợ lực của người vợ Hơ-nhí khi nàng ném trầu và thuốc cho chàng để sức lực tăng lên gấp bội. Đăm Săn không hề đơn độc trong cuộc chiến vì danh dự này. Chính nghĩa thuộc về chàng khi các tù trưởng bạn hùng mạnh giúp chàng giành lại người vợ yêu quý. Đồng thời, chàng còn được sự trợ giúp của ông Trời. Người anh hùng sử thi luôn có mối quan hệ với lực lượng siêu nhiên. Trời đã giúp chàng đánh rơi áo giáp của Mơ-tao Mơ-Xây. Khi không còn áo sắt, hăn thật thảm hại và hèn nhát khi lần lượt chạy trốn vào chuồng heo, chuồng trâu, khi sắp chết lại buông ra những lời hèn nhát. Ông Trời chỉ đóng vai trò hỗ trợ Đăm Săn, còn chính chàng mới là người kết liễu kẻ thù, đòi lại danh dự, cướp lại người vợ được Trời tác thành. Giết Mơ-tao Mơ-xây, chính nghĩa thuộc về Đăm Săn. Chiến thắng được tôn vinh cùng với việc Đăm Săn được sở hữu tất cả tài sản, dân làng, tôi tớ của hăn. Quyền sở hữu này là đặc trưng gắn với thời kì chuyển từ công xã thị tộc sang chiếm hữu nô lệ, làm nên vinh quang của người anh hùng. Bởi thế hình ảnh trong sử thi được mô tả với qui mô hoành tráng : mọi người tình nguyện theo Đăm Săn đông như bầy hươu nai, lỗ nhổ như đàn kiến cánh, như bầy kiến đen, như đàn mối trắng. Chàng thêm quyền uy, thêm nhiều chiêng nùm, chiêng bằng – của cải trở thành biểu tượng sức mạnh tuyệt đối của người anh hùng. Chính vì thế, để xứng đáng với chiến công cũng phải có một lễ ăn mừng chiến thắng thật kì vĩ. Lời kêu gọi của Đăm Săn có sức mạnh hiệu triệu muôn người như một, bởi chàng đem lại niềm vinh quang chiến thắng, đem lại sự bình yên cho bến nước buôn làng. Lễ cúng mừng chiến thắng hào phóng cũng là để tôn vinh xứng đáng: “Hãy lấy bảy chum rượu, bảy con trâu

đức, bảy con heo thiến để cúng cho Đăm Săn này đã chiến thắng Mơ-tao Mơ-xây, để ta được như cây cổ thụ cao vút”. Dấu ấn tâm linh sau chiến thắng cho thấy Trời đứng về phía Đăm Săn. Không khí hội còn náo nức từng bừng với chiêng trống vang lừng khiến vỡ cả sàn nhà, làm bay mái tranh lợp nhà, con khỉ con vượn mãi nghe mà quên đi hái trái cây, những con voi và con tê giác cũng phải lắng nghe mà quên cả cho con bú. Nổi bật giữa đám đông hoan hỉ ấy tất yếu phải là người anh hùng Đăm Săn – tù trưởng hùng mạnh ít ai sánh kịp. Ngay cả trong không khí yên bình của cộng đồng, vẻ đẹp ấy vẫn nổi bật từ ngoại hình đến hành động: mái tóc dài cuộn cuộn thả xuống một cái chiêng, uống rượu không bao giờ say, ăn uống không bao giờ thấy no. Hơn thế nữa, ngôn ngữ phóng đại của sử thi đã so sánh chàng ngang sức mạnh thần linh: “Oai linh vang đến tận thần núi phía Đông, đến tận thần núi phía Tây”. Hình ảnh Đăm Săn sau chiến công này được mô tả phóng đại và như một điệp khúc vang vọng niềm tự hào về người anh hùng tiêu biểu của cộng đồng: “Và người ta bàn tán không cùng, rằng Đăm Săn quả thật là một tù trưởng dũng cảm, không bao giờ chịu lùi bước. Chàng ta mang chân choàng trên vai, tay đeo vòng, cầm gươm chạm trổ sắc bén...Đăm Săn hùng cường ngay từ trong lòng mẹ”. Vẻ đẹp ấy chỉ có thể xuất hiện trong sử thi anh hùng, chỉ có ngôn ngữ sử thi mới đem lại những vẻ đẹp độc đáo đến thế! Đoạn trích đã đem lại cho ta những cách nhìn độc đáo về người anh hùng Đăm Săn trong chiến công bảo vệ buôn làng, đem lại bình yên cho bến nước. Lời kể chuyện hấp dẫn cùng ngôn ngữ miêu tả khoa trương tạo được dấu ấn đặc sắc, chứa đựng những giá trị nhân văn đặc trưng của sử thi. Sử thi anh hùng Đăm Săn quả thật đã hình thành ý thức và tình cảm cộng đồng vững bền của dân tộc Ê-Đê, thành di sản quý báu của Tây Nguyên và dân tộc Việt Nam, đánh dấu thời đại sử thi rực rỡ với vẻ đẹp “một đi không trở lại”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận về hình tượng Đăm Săn trong đoạn trích:
“Chiến thắng Mtao Mxay”

a) Lúc khiêu chiến: ĐĂM SĂN: Ta thách nhà người Xuống! Xuống! Ta sẽ lấy cái sà n hiên...bổ đôi... Sao ta lại đâm người khi người đang đi... → Một tư thế đàng hoàng, tự tin, chủ động, một thái độ dứt khoát, quyết liệt. b) Lúc giao tranh: ĐĂM SĂN: Một lần xốc tới chàng vượt một đồi tranh... Chạy vun vút ... Múa trên cao, gió như bão Phá tan chuồng lợn Đâm phập Cắt đầu bêu... * Hình tượng Đăm Săn: Mang vẻ đẹp dũng mãnh, kỳ vĩ, sức mạnh siêu phàm, tầm vóc thần linh - hội tụ sức mạnh cộng đồng. Đây cũng là ước mơ, khát vọng của cộng đồng có được người anh hùng chiến thắng mọi thế lực... - Cuộc đối thoại giữa Đăm Săn và nô lệ: 3 lần hỏi, 3 lần đáp (một nhà, tất cả các nhà, mỗi nhà) + Các nô lệ tự nguyện đi theo, mang theo của cải + Tuân phục tuyệt đối với cá nhân anh hùng → Thể hiện sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi, khát vọng của cá nhân anh hùng và cộng đồng: sau cuộc chiến, họ sống trong cùng một nhóm đông hơn, giàu mạnh hơn Lòng yêu mến, ngưỡng mộ người anh hùng, ý chí thống nhất của toàn thể cộng đồng → ý thức dân tộc. - Dân làng Đăm Săn đối với chiến thắng của tù trưởng: + Lời nghệ nhân: bà con xem...(điệp khúc) → tự hào, kiêu hãnh + Cảnh ăn mừng từng bừng,tiệc tùng linh đình - Các tù trưởng khác cũng ngưỡng mộ, chúc mừng Niềm vui mừng, phấn khởi, tự hào, đây là chiến thắng của chính họ. Ca ngợi tù trưởng anh hùng của mình - Hình ảnh Đăm Săn: + Lời hiệu triệu: ơ các con, ơ các con...,hỡi anh em trong nhà, hỡi bà con trong làng... + Lời chỉ huy, ra lệnh: hãy đánh chiêm lên, hãy đi lấy rượu... + Hình dáng, cơ thể: đôi mắt long lanh như mắt chim ghêch, bắp chân to bằng cây xà ngang... + Trang phục: ngực quấn một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ.. + Hình ảnh ăn uống, vui chơi: uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán, tóc thả trên sàn... + Sức mạnh: nằm sắp thì gãy rầm sàn, nằm ngửa thì gãy xà dọc → Hình tượng Đăm Săn được miêu tả đậm nét, toàn diện, toả sáng vẻ đẹp kỳ vĩ, trong thái độ ngưỡng mộ tôn thờ của cộng đồng. Người anh hùng sử thi trở nên chói sáng là tâm điểm của cộng đồng

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy phát biểu cảm nghĩ của anh/ chị về ảnh hưởng của văn học dân gian đến tuổi thơ của anh/ chị

DÀN Ý (*) Đầu tiên là giới thiệu tuổi thơ của mình gắn liền với văn học dân gian như thế nào? - Ngay từ trong bụng mẹ ta đã được cảm nhận những câu hát dân gian - Khi ra đời ta được chào đón, được nâng đỡ, được đi vào giấc ngủ sâu với những câu hát ca dao, tục ngữ, những bài vè của mẹ.. - Chập chững vào mẫu giáo ta đã được nghe bà, nghe mọi người trong gia đình kể cho nghe những câu chuyện cổ tích, truyền thuyết...ta đã cảm nhận được nét đẹp của thế giới tỏa sáng trong tâm hồn - Càng lên lớp cao ta càng có cơ hội tiếp xúc với văn học dân gian và các thể loại của nó. Ta thêm yêu quý những giá trị cao đẹp của văn hóa dân tộc, cảm nhận được vai trò và tác động tới bản thân (*) Sau đó nêu những ảnh hưởng của văn học dân gian - Biết được những hiện tượng tự nhiên qua truyền thuyết, quá trình lịch sử dân tộc qua tác phẩm sử thi.... - Thêm cảm nhận về những nét đẹp văn hóa trong ca dao dân ca.. - Hiểu thêm về xã hội phong kiến và số phận của người dân qua các câu hát than thân, truyện cười, truyện ngụ ngôn... =>Rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân - Giúp bản thân hoàn thiện nhân cách sống, cách ứng xử trong xã hội - Rút ra được những bài học từ kinh nghiệm của ông cha ta để lại qua các câu ca dao, tục ngữ (ví dụ kinh nghiệm trong câu: Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng/ Ngày tháng mười chưa cười đã tối) Qua các câu tục ngữ đó ta có thể đưa vào áp dụng cho cuộc sống - Bản thân cũng qua văn học dân gian trau dồi kiến thức, đưa văn học dân gian ngày càng phát triển hơn nữa...

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày các giá trị của văn học dân gian qua đoạn trích Chiến thắng Mtao Mxây và Truyện An Dương Vương Mị Châu, Trọng Thủy

Cả hai tác phẩm 1 sử thi, 1 truyền thuyết tất cả đều mang đậm giá trị văn học của các thế hệ trước. Mang đậm vẻ đẹp sáng ngời nhưng ngọt ngào của thi ca dân gian với các nội dung sau: - Giá trị nội dung: + Phán ánh chân thực đời sống, tư tưởng, tình cảm, khát vọng công bằng của nhân dân lao động. + Lên án tố cáo, phê phán, đả kích, châm biếm những thế lực trong xã hội đè nén áp bức dân. + Thể hiện tình yêu đất nước, tinh thần đoàn kết dân tộc. - Giá trị nghệ thuật: + Tạo nên những thể loại văn học có giá trị lớn cho nền văn học dân tộc như lục bát, hát nói... + Sử dụng nhiều yếu tố hoang đường kì ảo tạo nên sức hấp dẫn cho các tác phẩm Truyện dân gian như Cổ tích thần kì, truyền thuyết, thần thoại... tạo nên sức hấp dẫn và thể hiện ước mơ công lí của nhân dân lao động. + Nghệ thuật thơ ca dân gian đạt đến đỉnh cao ở cách dùng từ ngữ hình ảnh và các biện pháp tu từ nghệ thuật như ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ... và đặc biệt nghệ thuật tạo tình huống ở truyện dân gian

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết đoạn văn (khoảng 20 dòng) về truyền thống dân tộc trong văn học

DÀN Ý - Lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần bất khuất, ý chí độc lập và tự cường dân tộc. + Được biểu hiện trong văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí” hồi thứ 14. => Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi. + Được biểu hiện qua nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” + Được biểu hiện trong văn bản “Hịch Tướng Sĩ” + Văn bản “Nước Đại Việt ta” - Tình cảm gia đình + Nhân vật Chú bé Hồng trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” => Tình mẫu tử + Tình cảm cha con qua truyện “Chiếc lược ngà” + Tình cảm bà cháu trong văn bản “Bếp lửa” - Lòng yêu thương, độ lượng, sống có nghĩa tình với con người. + Nhân vật Thạch Sanh trong truyện cùng tên + Nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên - Cần cù, chịu khó của những người lao động + “Lặng lẽ Sa Pa” + “Đoàn thuyền đánh cá - Chung thủy, đảm đang, yêu chồng thương con + Chị Dậu trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” => Qua cử chỉ xem chồng ăn có ngon miệng hay ko,... + Vũ Thị Thiết trong văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương”

Văn Mẫu Lớp 10 - Khái quát về văn học dân gian Việt Nam

I-Khái niệm Văn học dân gian là các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể nhằm mục đích phục vụ trực tiếp các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng: Ví dụ: “Hỡi cô gánh nước quang mây Cho anh xin gáo tưới cây ngô đồng?” Hay là: “Chuồn chuồn bay thấp thì mưa Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm” II-Đặc trưng cơ bản của văn học dân gian 1-Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng (tính truyền miệng) Văn học dân gian tồn tại và lưu hành theo phương thức truyền miệng. Đây là điểm khác biệt rất cơ bản giữa văn học dân gian và văn học viết. Quá trình truyền miệng vẫn tiếp tục kể cả khi tác phẩm văn học dân gian đã được ghi chép lại. Nói truyền miệng là nói đến quá trình diễn xướng dân gian hào hứng và sinh động. Người ta có thể kể, nói, hát, diễn tác phẩm văn học dân gian Tính truyền miệng làm nảy sinh một hệ quả đó là tính dị bản của tác phẩm văn học dân gian. Ngôn từ truyền miệng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên nội dung, ý nghĩa và thể giới nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian nhằm phản ánh sinh động hiện thực cuộc sống. 2-Văn học dân gian là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể (tính tập thể) Văn học viết là sáng tác của cá nhân, còn văn học dân gian lại là kết quả của quá trình sáng tác tập thể. Quá trình sáng tác tập thể diễn ra như sau: + Lúc đầu một người khởi xướng, tác phẩm hình thành và được tập thể tiếp nhận. + Sau đó những người khác (có thể ở những địa phương khác nhau, hoặc ở những thời đại khác nhau) tiếp tục lưu truyền và sáng tác lại làm cho tác phẩm biến đổi dần phong phú hơn, hoàn thiện hơn cả về nội dung lẫn hình thức. + Văn học dân gian dần dần trở thành tài sản chung của tập thể. Mỗi người đều có thể tiếp nhận, sử dụng, sửa chữa, bổ xung tác phẩm văn học dân gian theo quan niệm và khả năng nghệ thuật của mình. Tính truyền miệng và tính tập thể là những đặc trưng cơ bản, chi phối, xuyên suốt quá trình sáng tạo và lưu truyền văn học dân gian, thể hiện sự gắn bó mật thiết của văn học dân gian với các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng. 3-Văn học dân gian gắn với đời sống sinh hoạt của người lao động - Văn học dân gian ra đời trong lao động - Văn học dân gian là bức tranh toàn diện về cuộc sống lao động và đời sống tinh thần của người bình dân. - Văn học dân gian gắn liền với đời sống lễ hội truyền thống của người lao động. III-Về

ngôn ngữ và nghệ thuật của văn học dân gian 1-Văn học dân gian và văn học viết đều dùng ngôn ngữ làm phương tiện sáng tác. Nhưng khác với văn học viết, văn học dân gian sử dụng ngôn ngữ nói, thường giản dị và gần với đời sống sinh hoạt. 2-Về mặt lịch sử, văn học dân gian Việt Nam ra đời từ rất xưa nên có một số điểm khác biệt với văn học viết về cách nhận thức và phản ánh hiện thực - Người nguyên thủy tin rằng các vật vô tri vô giác cũng biết nghĩ, biết cảm do đó phát sinh ra tín ngưỡng, và tục thờ các vị thần như thần sông, thần núi, thần cây...và trong văn học dân gian hình thành các nhân vật thần thoại như Sơn Tinh, Thủy Tinh... - Do cách cảm và cách nghĩ như trên, trong văn học dân gian ngoài phương diện phản ánh hiện thực bằng cách mô tả những sự kiện rút ra từ đời sống thực tế, còn có phương pháp phản ánh hiện thực một cách kì ảo, nghĩa là mô tả các sự kiện chỉ có trong trí tưởng tượng. IV-Hệ thống thể loại của văn học dân gian Văn học dân gian Việt Nam và văn học dân gian trên thế giới có những thể loại chung và riêng, hợp thành một hệ thống. Mỗi thể loại phản ánh cuộc sống theo những cách thức riêng. Hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam gồm có: 1-Thần thoại: tác phẩm tự sự dân gian thường kể về các vị thần, nhằm giải thích tự nhiên, thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên và phản ánh quá trình sáng tạo văn hoá của con người thời cổ đại. Ví dụ: Thần trụ trời, Sơn Tinh, Thủy Tinh 2-Truyền thuyết: tác phẩm văn học dân gian kể về sự kiện và nhân vật lịch sử (hoặc có liên quan đến lịch sử) theo xu hướng lý tưởng hoá, qua đó thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân đối với những người có công với đất nước, hoặc với dân cư ở một cộng đồng hoặc một vùng nào đó. Ví dụ: Truyền thuyết về Hồ Gươm, An Dương Vương Mị Châu, Trọng Thủy. 3-Sử thi: Tác phẩm dân gian có qui mô lớn, sử dụng ngôn từ có vần, nhịp, xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng để kể về một hoặc nhiều biến cố lịch sử lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng. Ví dụ: Sử thi Đăm Săn (Ê Đê) 4-Truyện cổ tích: Tác phẩm tự sự dân gian mà cốt truyện và hình tượng được hư cấu có chủ định, kể về số phận con người bình thường trong xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động. Ví dụ: Cây khế, Tấm Cám. 5-Truyện ngụ ngôn: Tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, thông qua các ẩn dụ (phần lớn là hình tượng loài vật) để kể về những sự việc liên quan đến con người, từ đó nêu lên những bài học kinh nghiệm về cuộc sống hoặc triết lý nhân sinh. Ví dụ: Trí khôn của ta đây, ếch ngồi đáy giếng. 6-Truyện cười: Tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những sự việc xấu trái tự nhiên trong cuộc sống, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí, phê phán. Ví dụ:

Lợn cười áo mới, chàng Ngốc 7-Tục ngữ: Câu nói ngắn gọn, hàm súc, phần lớn có hình ảnh, vần, nhịp, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, thường được dùng trong giao tiếp hàng ngày của nhân dân. Ví dụ: Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng 8-Câu đố: Bài văn vần, hoặc câu nói thường có vần, mô tả vật đố bằng những hình ảnh, hình tượng khác lạ để người nghe tìm lời giải, nhằm mục đích giải trí, rèn luyện tư duy và cung cấp những tri thức về đời sống Ví dụ: Da cóc mà bọc bột lọc Bột lọc mà bọc hòn than (là quả gì?) 9-Ca dao: Lời thơ trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người. Ví dụ: Hỡi cô tát nước bên đàng Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi 10-Vè: Tác phẩm tự sự dân gian bằng văn vần, có lối kể mộc mạc, phần lớn nói về các sự việc, sự kiện thời sự của làng của nước. Ví dụ: Ve ve ve ve Cái ve lá lốt Anh A cũng tốt Chị B cũng xinh... 11-Truyện thơ: Tác phẩm tự sự dân gian bằng thơ, giàu chất trữ tình, phản ánh số phận và khát vọng của con người khi hạnh phúc lứa đôi và sự công bằng bị tước đoạt. Ví dụ: Đẻ đất đẻ nước (Mường), Tiễn dặn người yêu (Thái) 12-Chèo: Tác phẩm sân khấu dân gian, kết hợp các yếu tố trữ tình và trào lộng để vừa ca ngợi những tấm gương đạo đức, vừa phê phán đả kích cái xấu trong xã hội (ngoài chèo, sân khấu dân gian còn có những hình thức khác như tuồng dân gian, múa rối, các trò diễn mang tích truyện.) Ví dụ: Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ. V-Những giá trị cơ bản của văn học dân gian Việt Nam 1-Văn học dân gian là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc Tri thức trong văn học dân gian thuộc đủ các lĩnh vực đời sống: tự nhiên, xã hội, con người. Tri thức văn học dân gian phần lớn là những kinh nghiệm lâu đời được nhân dân đúc kết từ thực tiễn. Tri thức dân gian thường được trình bày bằng ngôn ngữ nghệ thuật, vì thế hấp dẫn người đọc, người nghe, dễ phổ biến , dễ tiếp thu, có sức sống lâu bền với thời gian. Tri thức dân gian thể hiện quan điểm và nhận thức của người dân, vì vậy có sự khác biệt so với nhận thức của giai cấp thống trị cùng thời, đặc biệt là các vấn đề lịch sử, xã hội. Việt Nam có 54 dân tộc. Mỗi dân tộc có một kho tàng văn học dân gian riêng vì thế vốn tri thức của dân tộc ta là vô cùng sâu sắc và phong phú. 2-Văn học dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc về đạo lý làm người. Trước hết văn học dân gian giáo dục con người tinh thần nhân đạo và lạc quan, đó là tình yêu thương với đồng loại, đó là tinh thần đấu tranh để bảo vệ và giải phóng con người khỏi bất công, là niềm tin bất diệt về chiến thắng của chính nghĩa và cái thiện. Văn học dân gian góp phần hình thành những phẩm chất tốt đẹp: lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, đức kiên trung và vị tha, tính cần kiệm và óc thực tiễn. 3-Văn học dân gian có giá trị thẩm mỹ to lớn, góp

phần tạo nên bản sắc riêng cho nền văn học dân tộc. Văn học dân gian được chắt lọc, mài giũa qua không gian và thời gian đã trở thành những viên ngọc sáng những mẫu mực về nghệ thuật để chúng ta học tập. Nhờ có giá trị to lớn như vậy nên trong nhiều thế kỷ, khi văn học viết chưa hình thành văn học dân gian đóng vai trò chủ đạo. Khi văn học viết đã phát triển văn học dân gian là nguồn nuôi dưỡng, là cơ sở của văn học viết. Trong tiến trình lịch sử, văn học dân gian đã phát triển song song cùng văn học viết, làm cho nền văn học Việt Nam trở nên phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc. VI - Kết luận Văn học dân gian tồn tại dưới hình thức truyền miệng thông qua diễn xướng. Trong quá trình lưu truyền, tác phẩm văn học dân gian không ngừng được tập thể sáng tạo và hoàn thiện. Văn học dân gian trực tiếp phục vụ cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng. Văn học dân gian có nhiều giá trị to lớn về nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ cần được trân trọng và phát huy.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tại sao nói: Văn học dân gian là cội nguồn, là bầu sữa mẹ nuôi dưỡng nên văn học viết Việt Nam

DÀN Ý - Văn học dân gian có nhiều thể loại - Nhiều thể loại văn học viết được xây dựng và phát triển dựa trên sự kế thừa các thể loại văn học dân gian. - Nhiều tác phẩm, nhiều hình tượng do văn học dân gian tạo nên là nguồn cảm hứng, là thi liệu, văn liệu của văn học viết. Nhiều nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc (Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, ...) đã tiếp thu có kết quả văn học dân gian để sáng tạo nên những tác phẩm văn chương ưu tú”. => Nhận định xác đáng thể hiện rõ mối quan hệ máu thịt gắn bó giữa văn học dân gian và văn học thành văn trong suốt tiến trình phát triển của văn học dân tộc. - Văn học dân gian chính là nền tảng của văn học viết và có tác động lớn đến sự hình thành và phát triển của văn học viết, là nguồn cảm hứng dồi dào, tiếp thêm chất liệu và cảm hứng sáng tạo cho văn học viết. - Về phương diện nội dung: + Văn học dân gian cung cấp cho các nhà văn của mọi thời đại những quan niệm xã hội, đạo đức của nhân dân lao động, của các dân tộc. Ngoài ra, nó còn cung cấp những tri thức hữu ích về tự nhiên xã hội, góp phần quan trọng về sự hình thành nhân cách con người, bảo tồn, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc như: truyền thống yêu nước, tinh thần hướng thiện, trọng nhân nghĩa, giàu tình thương, ... Biểu hiện rõ nhất là ở đề tài, nguồn cảm hứng, tư tưởng nhân ái, tình cảm lạc quan, yêu đời, tình yêu thiên nhiên, đất nước, tình yêu con người, ... - Đề tài tiêu biểu trong văn học dân gian: Số phận người phụ nữ, thân phận người lao động nói chung, tình yêu đôi lứa, những kinh nghiệm sống quý báu, đặc biệt ngợi ca tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước, ... - Nguồn cảm hứng: Văn học dân gian thường lấy nguồn cảm hứng từ thiên nhiên, cuộc sống xã hội, lao động sản xuất, ... Đặc biệt, ca dao Việt Nam đã đưa ra những tiêu chí về vẻ đẹp người con gái truyền thống. - Tư tưởng nhân ái: Văn học dân gian đề cao tình cảm yêu thương con người nhất là thân phận người phụ nữ, người lao động cùng khổ, ... - Về phương diện nghệ thuật: + Văn học dân gian cung cấp cho các nhà văn một kho tàng các truyền thống nghệ thuật dân tộc, từ ngôn ngữ đến các hình thức thơ ca, các phương pháp xây dựng nhân vật, hình ảnh, cách nói, các biện pháp tu từ, thể loại, chất liệu dân gian, ... + Ngôn ngữ: ngôn ngữ văn học dân

gian mang đậm tính triết lí, giàu chất thơ song hình thức biểu đạt lại gần gũi, dễ hiểu. Người dân lao động thường dùng những cách nói trong giao tiếp hàng ngày để diễn đạt tư tưởng, tình cảm cũng như đúc kết kinh nghiệm sống. + Hình ảnh: Trong văn học dân gian phần lớn là cảnh thiên nhiên hay sinh hoạt rất quen thuộc với người bình dân. Trong cuộc sống hàng ngày, người dân lao động rất thân thuộc với mái đình, cây đa, bến nước,... vì vậy, trong tình yêu đôi lứa, trong nỗi nhớ quê hương,... người lao động đã tái hiện lại những không gian thân thuộc ấy trong lời ca của mình. + Các biện pháp tu từ: Văn học dân gian thường sử dụng các biện pháp tu từ như: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá,... để giúp hình dung một cách cụ thể thông qua những hình ảnh quen thuộc như: hạt mưa, tấm lụa đào, cái giếng, cây đa, bến nước, con thuyền, con đò,... + Thể loại: Hơn 90% số bài ca dao sử dụng thể thơ lục bát hoặc lục bát biến thể. Trong ca dao còn có thể thơ khác, như: song thất lục bát, vãn bốn, vãn năm. Nguyễn Du đã rất thành công trong việc sử dụng thể thơ lục bát của dân tộc với tác phẩm “Truyện Kiều”. Ngoài, còn có một số tác phẩm văn học viết cũng được sử dụng thể thơ dân tộc này: “Lục Vân Tiên” (Nguyễn Đình Chiểu), “Lỡ bước sang ngang” (Nguyễn Bính),.... + Chất liệu dân gian : Các nhà thơ đã sử dụng rất linh hoạt chất liệu dân gian vào tác phẩm của mình => Văn học dân gian là cội nguồn, là bầu sữa mẹ nuôi dưỡng nên văn học viết Việt Nam

Văn Mẫu Lớp 10 - Từ câu chuyện về thái sư Trần Thủ Độ (trích trong Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên). Hãy nêu suy nghĩ về việc rèn luyện tu dưỡng đạo đức của thế hệ trẻ ngày nay

Dàn ý I. Mở bài: - Giới thiệu về Ngô Sĩ Liên với tác phẩm Đại Việt sử lí toàn thư. - Giới thiệu về Thái sư Trần Thủ Độ: Ông là một nhân vật lịch sử nổi tiếng về đức độ và nhân cách, để lại cho thế hệ sau những bài học sâu sắc. II. Thân bài: 1. Phân tích nhân vật Trần Thủ Độ trong những tình huống cụ thể: - Đối với người hặc tội mình: Không những không ghét bỏ mà còn ban thưởng cho người đó, tự nhận sai lầm về mình. - Đối với người quân hiệu giữ thêm cấm: Ông khích lệ những người dưới giữ nghiêm phép nước dù họ có thể sẽ làm ảnh hưởng đến gia đình riêng. - Đối với kẻ cậy nhờ xin chức tước: Ông vừa răn đe kẻ xin xỏ vừa răn đe vợ không được dựa vào quyền thế chồng làm sai phép nước. - Trần Thủ Độ chống lại việc đưa anh em, họ hàng vào nắm chức vụ trong triều để kéo bè, kết đảng. 2. Bài học rút ra và liên hệ thực tế. - Bài học về đức tính chính trực, thẳng thắn, chí công vô tư. - Bài học về tấm lòng trung nghĩa, vì non sông đất nước. III. Kết luận: - Từ nhân vật lịch sử ấy chúng ta càng thêm tự hào về dân tộc Việt Nam cũng như con người Việt Nam. - Đất nước muốn phát triển thì cần phải có những con người lãnh đạo với những phẩm chất như Trần Thủ Độ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hiểu thế nào về câu tục ngữ: “Tiên học lễ, hậu học văn”

Phương châm giáo dục này xuất phát từ quan điểm đào tạo của Nho gia. Bản thân “lễ” là một phạm trù triết học chỉ đạo đức rất quan trọng của đức Khổng Tử và môn đệ. Hiểu tận cùng chữ “lễ” không phải dễ. Ở đây tôi chỉ khai thác lễ trong phạm vi ngữ nghĩa có liên quan đến “văn” mà thôi. “Lễ” có nghĩa là cách cư xử, giao tiếp có văn hoá giữa người với người theo chuẩn mực đạo đức được xã hội quy định trong các quan hệ giữa người trên với người dưới, giữa người dưới với người trên. Hiểu rộng hơn đây chính là đạo đức nói chung, phải biết kính trên nhường dưới, lấy Nghĩa, Nhân chữ Tín...làm trọng. Còn “văn” là chữ. Hiểu rộng ra là ấy là kiến thức của con người được tích lũy qua bao thế hệ. “Tiền” và “hậu” ở đây nên hiểu một cách tương đối. Không nên cho rằng người xưa chỉ chú trọng đến “lễ” mà quên “văn”. Cả “lễ” và “văn” đều quan trọng như nhau, đặt đồng hàng, nhưng khi giáo dục thì phải lấy cái được làm trọng. Bác Hồ có lần đã nói: Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Và dấu cho rất đề cao đạo đức thì Người vẫn ý thức rõ mặt khiếm khuyết của nó. Giao tiếp ngày thường, chúng ta gặp “lễ” trong các cặp từ sau “lễ phép”, “lễ nghĩa”...(còn như “lễ tân” (ở khách sạn) “lễ đình”, “lễ cưới”...tôi không bàn). “Phép” do đọc chệch từ chữ “pháp” mà ra. “Pháp” có nguồn gốc từ “pháp trị” của Hàn Phi Tử. Về sau Tử Tư dùng chính sách này để giúp Tần Thuỷ Hoàng thống nhất Trung Hoa. Nếu “lễ” tượng trưng cho đạo đức thì trong trật tự kết cấu này, cha ông ta đã lấy đức làm đầu. Nếu cá nhân nào có hành vi bất kính thì bị mắng là “vô lễ” chứ không phải là “vô phép”. Với ta “lễ quan trọng hơn “pháp” nhiều, đành rằng cách nhìn nhận ở đây có thể xuất phát từ chính sách cai trị “Trong Pháp ngoài Nho” của đại đa số các chính trị gia cổ đại ở Trung Quốc cũng như ở ta. “Nghĩa” là một trong những phạm trù triết học cốt lõi của Khổng Tử. Về sau Mạnh Tử phát triển mạnh về khái niệm này, đặt tên đồng hàng: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Với cách cấu tạo từ tương tự, một lần nữa, “lễ” lại đứng trước: “lễ nghĩa”. Muốn trở lại người có “lễ” thì phải học mà học thì phải thông qua chữ (văn). “Văn” ấy có thể đã thành văn và cũng rất có thể đang ở dạng truyền ngôn, bất thành văn. Do đó vai trò của người thầy là rất quan trọng, đặc biệt là ở tư cách đạo đức. Quan

niệm này khác với lối giáo dục của phương Tây hiện đại. Người lên lớp chỉ truyền đạt mỗi kiến thức. Còn đạo đức của học sinh thì ít được quan tâm (đã có luật pháp chuyên trị). Học sinh đến lớp chỉ có mỗi thao tác là tiếp thu kiến thức (tuy nhiên qua kiến thức thì họ cũng học được đạo đức). Ông cha ta từ ngày xưa đã quán triệt tinh thần giáo dục “tiên học lễ”. Nếu một người có học mà không có “lễ” thì người đó được xem như là hạng bất nhân. Và người đào tạo ra học trò đó cực kỳ hổ thẹn. Lịch sử của ta đã ghi lại tên tuổi của nhiều bậc sư biểu, xứng đáng là thầy của muôn đời: Chu Văn An (1293-1370); Nguyễn Bình Khiêm (1409-1595) Nguyễn Thiếp (1723-1804)... học trò của họ, dầu có thành đạt đến bao nhiêu đi chăng nữa cũng không bỏ rơi lễ nghĩa, đạo đức với thầy với nhân dân. Chuyện kể rằng, một hôm Phạm Sư Mạnh sau khi đỗ đạt, làm quan to ở triều, về thăm thầy (Chu văn An). Dọc đường qua khu chợ đang họp, ông để lính thét dân dẹp đường, làm huyên náo. Biết được sự việc, Chu Văn An giận không cho Phạm Sư Mạnh gặp mặt. Quan lớn triều đình phải quỳ xin cả buổi thầy mới tha lỗi. Phải có những người thầy can trực, đạo đức như thế mới có thể đào tạo nên những học trò hữu ích cho đất nước. Xã hội hiện đại ngày nay, càng văn minh, con người dường như ít đạo đức, ít quan tâm đến nhau. Học nhiều không có nghĩa là có đạo đức. Tri thức rất cần cho phát triển nhân loại nhưng thiếu đạo đức thì nhân loại sẽ không tồn tại. Khi những làn sóng văn minh đang đổ ập vào nước ta trong thời mở cửa, đề cao quan niệm giáo dục đứng đắn của người xưa là cách thiết thực để kìm hãm những mặt tác hại từ những nước đã phát triển. Mặt khác nó còn có giá trị bảo động sự bằng hoại, phần nào, các giá trị truyền thống trong tâm lý cộng đồng. Đặc biệt là ở lứa tuổi thanh thiếu niên. “Tiên học lễ, hậu học văn” là phương châm giáo dục của Nho gia. Song bởi do được sử dụng trong khoảng thời gian quá dài ở cộng đồng người Việt nên nó đã được dân gian hoá, rất gần gũi với nhiều tầng lớp. Nguyên tắc giáo dục ấy chính là sự phối hợp giữa gieo mầm đạo đức, truyền dạy chữ nghĩa tri thức, đề cao đạo đức, khẳng định vai trò số một của giáo viên. Đây là lối đào tạo ưu việt mà từ ngàn xưa ông cha ta đã đúc kết nên.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nghĩ về tình yêu của Mị Châu - Trọng Thủy

Đã bao thế hệ đã qua đi, có những cuộc tình đã trở thành huyền thoại như Chử Đồng Tử và Tiên Dung, nhưng cũng có những mối duyên tình hay đúng hơn là mối oan tình khiến lòng người đau xót đến ngàn năm như Mị Châu – Trọng Thủy. Giếng Mị Châu ở Đông Anh vẫn còn đó, bên cạnh bài học về việc đề cao cảnh giác với kẻ thù, tấm oan tình vẫn còn để lại những bài học nhân văn sâu sắc về tình yêu, về hạnh phúc. Bằng con mắt nhân đạo của nhân dân, bằng những gì chúng ta luôn muốn tin và đã tin mỗi khi đọc những trang viết về tình yêu Mị Châu Trọng Thủy, ta có thể coi đây là một cuộc tình đẹp theo đúng nghĩa của nó. Mị Châu là con gái của Thục phán An Dương Vương, một công chúa xinh đẹp, ngây thơ, trong sáng. Còn Trọng Thủy lại là một hoàng tử giỏi giang, thạo việc cung kiếm binh đao. Mối lương duyên giữa đôi Tiên Đồng – Ngọc Nữ từ cái thuở Văn Lang – Âu Lạc này không thể phủ nhận rằng không đáng ngưỡng mộ và mơ ước, Bản thân tôi và có lẽ tất cả mọi người cũng luôn tin rằng, họ đã có những năm tháng hạnh phúc, quấn quýt bên nhau trong tình yêu đôi lứa mặn nồng. Đã có lúc Trọng Thủy muốn ngỏ với Mị Châu những mưu toán, tính toán độc ác của cha mình để cứu nàng khỏi họa binh đao đầu rơi máu chảy. Vậy thì sao có thể nói rằng tình yêu của Trọng Thủy chỉ là sự dối trá, lừa lọc cho được. Chỉ trách sao cho nghĩa tình phụ phụ và tấm lòng trung hiếu không thể dung hòa, trách sao cho Trọng Thủy lại quá tham lam để phá vỡ mất mối nhân tình đẹp tựa mộng ước này. Cho đến khi Mị Châu chết đi, chàng vẫn một lòng ôm ấp lấy hình bóng nàng để rồi chết đi trong nỗi ân hận day dứt vì một tình yêu chưa được trọn vẹn. Tình yêu của chàng lúc này, cái chết của chàng lúc này phải chăng cũng chỉ là một sự lừa dối. Nhưng có còn gì để dối lừa nữa đâu khi Mị Châu đã chết, Triệu Đà đã đạt được tham vọng của mình. Sự ra đi này của Trọng Thủy chỉ có thể là một lời xin lỗi, một sự cứu vớt muộn màng cho tình yêu đã mất. Để rồi khi hóa kiếp sau, hai người lại có thể yêu nhau trọn đời trọn kiếp không phai.... Nhưng trở trêu thay, nếu tình yêu kia đẹp đẽ như thế, cứ bằng phẳng và ngọt ngào như thế thì sẽ chẳng có mối oan tình Mị Châu Trọng Thủy tạc dấu đến ngàn năm trên bia đá lịch sử Việt Nam. Dù muốn đến đâu đi chăng nữa thì chúng ta cũng không thể phủ nhận được rằng, cuộc hôn nhân đẹp đẽ của Mị Châu – Trọng Thủy lại xuất phát từ một động cơ chẳng mấy

tốt đẹp. Trọng Thủy sang làm rể An Dương Vương trước là vì muốn do thám đất nước Âu Lạc, sau mới là vì tình yêu với Mị Châu. Tình cảm của chàng có thể là chân thành, là tốt đẹp đấy nhưng từ xưa đến nay, chỉ có tình yêu chân thành mới được đền đáp xứng đáng, không thể nào có thứ tình yêu đồng hành với những toan tính thấp hèn, với tham vọng cướp nước. Để rồi khi người ta muốn đi ngược lại chân lý thì cũng là lúc bị kịch bắt đầu. Một Mị Châu nhẹ dạ cả tin, hết lòng tin tưởng chồng mà chẳng chút mảy may nghi ngờ, chẳng chút đề phòng cảnh giác. Một Trọng Thủy vừa muốn trọn nghĩa với non sông, vừa muốn vẹn tình với gia đình, với người vợ thân yêu mà chàng hết mực yêu thương. Niềm tin ấy, khát khao ấy tưởng chừng như chẳng có gì đáng trê trách, phê phán nhưng chính nó lại là nguyên nhân dẫn đến bi kịch tình yêu của hai người. Mị Châu rõ ràng đã tin tưởng rằng, Trọng Thủy đến với nàng bằng cả tấm chân tình. Sự ngây thơ ấy của cá nhân nàng là điều có thể tha thứ nhưng vì tình yêu mà để lộ bí mật quốc gia thật sự là một tội lỗi khó dung tình. Đáng trách hơn nữa, tình yêu ấy thiếu lý trí và sáng suốt đến nỗi nàng không đủ tỉnh táo để nhận ra lời nói của chồng khi li biệt tiềm ẩn họa binh đao “Ta này trở về, nếu như hai nước thất hòa ta lại tìm nàng, lấy gì làm dấu”. Mị Châu mê muội đến mức không thể nói một lời hỏi nguyên do khi chia lìa mà chỉ chăm chăm nghĩ về sự đoàn tụ lứa đôi. Sự nông nổi của Mị Châu vẫn còn tiếp tục khi quân Triệu Đà sang xâm lược Âu Lạc, nàng theo cha chạy trốn mà vẫn không quên việc rắc lông ngỗng dọc đường để làm dấu cho Trọng Thủy. Cho đến lúc này thì tình yêu của Mị Châu chẳng thể được gọi là ngây thơ, trong sáng mà chỉ còn là sự mê muội, mù quáng. Nó đã hại chết cả một dân tộc Âu Lạc đang trên đà phát triển, hại chết cả người cha thân yêu bao năm gắn bó với nàng. Cái chết của Mị Châu âu cũng là một sự đền tội, một lời thanh minh cho tấm lòng trong sạch nhưng bị người lừa dối, phụ bạc của nàng. Mị Châu ra đi nhưng thân xác nàng không hóa thành cát bụi, máu nàng đã hóa thành ngọc trai – viên ngọc sáng được rửa bằng máu và nước mắt, bằng cả cuộc đời trong sạch của nàng. Người ta thường cho rằng, cái chết là sự kết thúc tốt đẹp nhất cho những bi kịch. Nhưng bi kịch này vừa qua đi thì bi kịch khác lại được tiếp nối, Mị Châu chết đi để lại mối oan tình ai oán đến ngàn năm. Khi nàng còn sống, còn hết lòng tin tưởng Trọng Thủy thì chàng lại phản bội. Còn khi Mị Châu đã ra đi, mang theo sự oán giận, căm thù kẻ lừa dối, người phụ tình thì Trọng Thủy mới hối hận, mới ôm xác nàng trở về trong nỗi dằn xé cõi lòng, trong sự đau đớn đến tột cùng vì không kịp níu giữ một tình yêu muộn màng đã qua. Trong mắt nhân dân Âu Lạc, có thể Trọng Thủy là một tên giặc, một tên gián điệp xấu xa nhưng thực sự chàng

cũng chỉ là một nạn nhân của chiến tranh, của tham vọng quyền lực và tình yêu. Để rồi khi công đã thành, danh đã toại, người đàn ông ấy lại mang theo nỗi thương nhớ người vợ dấu yêu mà nhảy xuống giếng tự vẫn. Nhưng dù nước giếng Trọng Thủy có thể rửa sạch ngọc Mị Châu thì tình yêu giữa hai người cũng chẳng thể nào trở lại như xưa. Một khi lòng tin đã tan vỡ, khi Mị Châu đã phải trả giá cho sự mê muội của mình bằng cả tính mạng thì tin chắc rằng nàng chẳng bao giờ còn có thể mù quáng lần thứ hai để hi sinh cuộc đời mình cho một thứ niềm tin vô nghĩa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về câu tục ngữ: “Tiên học lễ, hậu học văn”

Câu nói “Tiên học lễ, hậu học văn” có nghĩa là gì? “Tiên” là trước tiên đầu tiên; “hậu” là sau đó; “lễ” là lễ nghĩa, đạo đức, nhân cách, cái tâm của con người. “Văn” là văn hóa, kiến thức kỹ năng. Vì vậy, câu nói “Tiên học lễ, hậu học văn” có nghĩa là nhấn mạnh việc trước tiên là học đạo đức lễ nghĩa làm người sau đó mới học kiến thức, kỹ năng làm việc và lao động trong cuộc sống. Quan điểm coi trọng giáo dục đạo đức, coi trọng việc học để làm người của cha ông ta vẫn còn phù hợp với ngày hôm nay. Vì đạo đức là cái gốc của con người, là thước đo phẩm chất giá trị của nhân cách. Con người có đạo đức, biết sống có lễ nghĩa thì sẽ được mọi người yêu mến, quý trọng, xã hội sẽ ngày tốt đẹp. Lòng hiếu thảo của những người thanh niên nghèo vừa học vừa nuôi mẹ... Tất cả những con người đáng khâm phục đó đều là những người có phẩm chất đạo đức. Có phải câu nói “Tiên học lễ, hậu học văn” đã xem nhẹ vấn đề học kiến thức, học kỹ năng làm việc hay không? Không phải vậy, học chữ “lễ” là đâu phải không coi trọng chữ “văn” có được nhân cách thì người học sẽ chiếm lĩnh được vốn tri thức sâu sắc. Đúng như lời nhà văn Nga đã nói: “Cái tài nhờ cái tâm mà cháy lên, cái tâm nhờ cái tài mà tỏa sáng. Cháy lên mà tỏa sáng”. Bác Hồ của chúng ta cũng đã nói: “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, có tài mà không có đức là người vô dụng. Bên cạnh đó cũng có những ý kiến cho rằng: tư tưởng “Tiên học lễ, hậu học văn” là của ông Khổng Tử bên nước Tàu - cách đây hàng ngàn năm là không còn có giá trị đối với xã hội hôm nay là không đúng. Thời đại nào cũng luôn coi trọng nhân cách, coi trọng cái tâm. Đặc biệt, thời kinh tế thị trường hôm nay, đạo đức con người đang bị thử thách bởi những cám dỗ của đồng tiền, của quyền lực không chân chính. Nếu chúng ta không chú trọng học chữ “lễ” thì chúng ta sẽ rơi vào lối sống như “Hồn trương ba, da hàng thịt”. Cái tâm hồn cao quý, trong sạch của con người sẽ bị cái ác, cái thấp hèn lấn át và tàn phá, hủy hoại con người. Là học sinh, chúng ta cần nhận thức tầm quan trọng của việc trau dồi đạo đức, lễ nghĩa, học cách làm người. Ngoài ra chúng ta cần coi trọng việc rèn luyện những “kỹ năng mềm” song song với việc học tri thức. Và học tập chăm chỉ, có những hành động để thể hiện mình là người có tư cách, phẩm chất đạo đức. Nói tóm lại, “Tiên học lễ, hậu học văn” là một tư

tưởng đạo lí rất sâu sắc. Hãy biết học cái lễ rèn luyện cái tâm, bên cạnh học để lĩnh hội tri thức. Có như vậy, mỗi chúng ta sẽ ngày càng trưởng thành và hoàn thiện về nhân cách. Một xã hội thật sự tốt đẹp đang chờ đón chúng ta ở phía trước....

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy phát biểu cảm nghĩ về câu tục ngữ: “Tiên học lễ, hậu học văn”

Dàn ý I. MỞ BÀI - Từ xưa đến nay, nhân ta vốn trọng điều lễ nghĩa và thường dạy con cháu phải luôn ghi nhớ. - Điều này đã được ông cha ta khuyên dạy qua câu: “Tiên học lễ, hậu học văn” II. THÂN BÀI 1) Giải thích - “Tiên” có nghĩa là trước, còn “hậu” là sau. “Lễ” ở đây là lễ phép, lễ nghĩa, biết tôn trọng mọi người thầy cô, cha mẹ. - Vì sao phải “Tiên học lễ, hậu học văn” ? Bởi vì trước tiên phải học lễ nghĩa thì sau mới có thể học văn chương, kiến thức. - Hay nói đúng hơn phải lấy “lễ” làm nền tảng, mới có thể tạo nên những con người tốt có kiến thức lẫn đạo đức. 2) Chứng minh - Câu tục ngữ thể hiện tầm quan trọng của đạo đức, lễ nghĩa và lấy nó làm tiêu chuẩn hàng đầu. - Rõ ràng nếu một học sinh giỏi mà thiếu đạo đức, lễ phép thì tài năng ấy cũng bỏ đi. - Từ ngàn xưa cha ông ta cho con đến trường học để thầy mở trí và dạy đạo đức. - Khi con chập chững đi thì tiếng đầu tiên cha mẹ dạy con là “dạ, thưa” - Đó là bài học lễ phép đầu đời 3) Phê phán - Câu tục ngữ cũng nhằm nhắc nhở cho những ai chỉ chăm chú học mà trau dồi lễ nghĩa. - Họ không biết rằng lễ nghĩa là cái đức hàng đầu của con người. - Những kẻ chỉ chạy theo tiền bạc quên đi đạo nghĩa làm người thật đáng chê trách. 4) Đánh giá - Học sinh không chỉ rèn luyện đạo đức mà còn lễ nghĩa. Phải lễ phép với thầy cô, ba mẹ và những người lớn tuổi. - Bác Hồ ta có nói: “Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài là người bỏ đi”. III. KẾT BÀI - Xã hội ngày càng tiến bộ thì việc trau dồi đạo đức càng được coi trọng. - Chúng ta sẽ luôn ghi nhớ: “Tiên học lễ, hậu học văn”

Văn Mẫu Lớp 10 - “Lịch sử văn học dân tộc là lịch sử tâm hồn của dân tộc ấy”. Em hãy giải thích và dùng các tác phẩm đã học, đã đọc để chứng minh

Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc là đặc điểm sâu sắc nhất của tâm hồn Việt Nam. Trước nạn ngoại xâm, tinh thần ấy thể hiện qua những áng hùng văn sôi nổi tinh thần quyết chiến, quyết thắng và những hình tượng anh hùng cứu nước. Nhưng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc ấy còn thể hiện ở nhiều mức độ và ở nhiều dạng thức khác nữa. Có khi đó là tình yêu đối với một vùng trời đất cụ thể nào đó của quê hương mình, có khi làm sống dậy những phong tục đẹp hay những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc. Có khi là sự phát hiện những nét riêng đáng yêu của dân tộc Việt Nam, cái duyên dáng của con người Việt Nam. Và có khi đó còn là nỗi buồn đau da diết của một thời mất nước tối tăm, là tấm lòng thành kính thiết tha đối với đất nước, đối với cha ông chỉ biết dồn nén vào lòng yêu tiếng mẹ đẻ. Ở người Việt Nam, lòng yêu nước gắn liền với tình nhân ái. Một dân tộc luôn phải cảm gương, cảm sung, nhưng thơ văn lại nói nhiều hơn đến lòng nhân ái, đến tình yêu, đến thân phận người phụ nữ trong xã hội bất công. Không phải ngẫu nhiên trên đất nước này, những nhà văn lớn từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du đến Hồ Chí Minh đều là những nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. Sống ở một nước nông nghiệp, người Việt Nam luôn gắn bó với thiên nhiên. Văn chương Việt Nam vì thế có những tác phẩm đầy tài hoa từ ca dao dân ca đến thơ Nguyễn Trãi, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Tố Hữu, văn xuôi Nguyễn Tuân, Tô Hoài... đã ghi lại được những nét bút thật tinh tế cảnh sắc thi vị của quê hương đất nước. Sống triền miên trong khó khăn vất vả, nhiều cơ cực, lại trải qua một lịch sử đầy sóng gió, bão táp, người Việt Nam vẫn luôn yêu đời, vui sống, luôn tin tưởng ở lẽ tất thắng của điều thiện, của chính nghĩa. Trong văn học Việt Nam, tiếng cười không mấy khi dứt hẳn và cũng có lắm cung bậc. Truyện tiếu lâm, truyện Trạng Quỳnh, thơ Hồ Xuân Hương, Tú Xương... văn Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng ...Tuy nhiên hoàn cảnh thực tế khắc nghiệt không cho phép họ lạc quan một cách dễ dãi. Vì thế những tác phẩm văn chương lớn nhất, tiêu biểu nhất của dân tộc trong quá khứ phần nhiều lại là những thiên truyện, bài thơ viết về nỗi buồn đau của những kiếp người chịu nhiều oan trái, bất hạnh. Và tiếng cười nói trên cũng không hẳn là tiếng cười mà chỉ là “Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười”-

Nguyễn Công Trứ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết

Đây là một trong những vấn đề cơ bản của lịch sử văn học dân tộc mà khoa nghiên cứu văn học có nhiệm vụ phải làm sáng tỏ. Bởi lẽ lịch sử văn học dân tộc bao gồm hai bộ phận chính dựa theo hai phương thức sáng tác khác nhau, truyền miệng và thành văn, nhưng lại còn liên quan đến hai loại hình tác giả có vị trí xã hội, hoàn cảnh sinh sống, quan niệm nhân sinh, tư tưởng, tình cảm, kể cả hoàn cảnh sáng tác, tâm thế sáng tác, động cơ sáng tác có mặt khác nhau. Hai bộ phận văn học đó có quan hệ với nhau. Nhưng việc nhận thức về mối quan hệ này trong thực tiễn nghiên cứu lại có sự khác nhau và cũng có quá trình vận động tiến lên. Phần viết sau đây là muốn đưa ra một cách nhận thức tối ưu trên cơ sở quan sát, tổng kết, rút kinh nghiệm từ những gì đã có ở những người đi trước. Đúng là chưa bao giờ văn học dân gian cổ truyền của dân tộc lại sống dậy huy hoàng và được nhận thức sâu sắc về giá trị và vai trò của nó như trong thời đại ngày nay. Trong những thành tựu hiện đại về việc nghiên cứu văn học dân gian cổ truyền của dân tộc, có một luận điểm khoa học cực kỳ quan trọng được nhiều người thừa nhận là: chính văn học dân gian là nền tảng của sự phát triển, kết tinh của nền văn học dân tộc. Luận điểm này vừa là sự khẳng định vai trò của văn học dân gian, vừa là điều cốt lõi nhất khi nói về mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, vừa là phương pháp luận đối với việc nghiên cứu lịch sử văn học dân tộc nói chung. Luận điểm này xét đến cùng là dựa trên qui luật cơ bản về vai trò của nhân dân Việt Nam trong lịch sử Việt Nam mà cũng đến thời đại cách mạng đã thành công, quan điểm nhân dân làm chủ đất nước đã trở dậy với tính chất chính thống, đặc biệt là trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước vừa qua mới như được phát hiện lại, nhận thức lại một cách đầy đủ hơn. Dĩ nhiên nó còn phải được tiếp tục nhận thức sâu sắc hơn trong tương lai. Trước thời đại cách mạng thành công, một số vị thức giả như Võ Liêm Sơn, Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Trọng Thuật... đã nêu cao vai trò “tảng móng, tinh túy của văn học dân gian đối với nền quốc học của ta”. Nhưng những ý kiến quý báu đó lại đang ở trạng thái trực cảm, chưa được nâng lên trình độ phân tích lý luận và do đó chính các tác giả của nó cũng chưa hình dung được thật rõ những điều mình nói. Còn với chúng ta hôm nay, muốn vượt qua giai đoạn nhận thức trực cảm để tiến vào giai đoạn nhận thức lý tính, phải có lý luận khoa học hỗ

trợ, mặc dù công việc nhận thức lý tính này tự nó cũng lại phải có một quá trình từ thấp lên cao. Nói vậy để thấy công tác lý luận ở phương diện này là đang cần được quan tâm nhiều hơn nữa. Có như thế, luận điểm khoa học nói trên mới có khả năng được quán triệt trong công việc nghiên cứu văn học dân tộc một cách sâu sắc và cụ thể. Ví như với Truyện Kiều chẳng hạn. Từ lâu, các nhà nghiên cứu đã nói đến mối quan hệ giữa Truyện Kiều với văn học dân gian. Nhưng từ chỗ chỉ giới hạn mối quan hệ đó trong phạm vi một số yếu tố nghệ thuật là thể tài lục bát và thành ngữ tục ngữ... như lâu nay vẫn thấy đến chỗ kết luận rằng: Truyện Kiều đã kết tinh trên cơ sở văn học dân gian quả là một điều hoàn toàn không đơn giản bởi nó đã thay đổi chất lượng của sự nhận thức, có thể nói là thay đổi qui mô của vấn đề. Chúng ta sẽ cố gắng góp phần vào việc giải quyết yêu cầu trên bằng cách làm sáng rõ hơn mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết để từ đó xác định rõ hơn vai trò làm nền của văn học dân gian trong lịch sử văn học dân tộc. Khi nói đến vai trò làm nền của văn học dân gian trong lịch sử văn học dân tộc, chúng ta dễ nghĩ ngay đến bộ phận văn học dân gian ra đời có thể nói là cùng với sự ra đời của lịch sử dân tộc và tồn tại, phát triển trong một thời gian dài trước khi có văn học viết. Bộ phận văn học dân gian nguyên thủy này bao gồm chủ yếu là các thể loại thần thoại, thần thoại pha truyền thuyết, truyền thuyết, truyền thuyết pha thần thoại, truyện cổ, dân ca cổ, ca dao tục ngữ cổ... chắc đã bị mai một đi không ít trong thời gian, nhưng gần đây với sự hỗ trợ tích cực của những thành tựu khoa học lịch sử như dân tộc học lịch sử, ngôn ngữ học lịch sử, đặc biệt là khảo cổ học, nó đang được sưu tầm lại ngày một phong phú, bề thế. Từ đó vấn đề cần kết luận là: chính kho tàng văn học dân gian sơ khai, nguyên thủy đó đã là nền tảng vững chãi, đã là ngọn nguồn trong mát đầu tiên của lịch sử văn học dân tộc. Vấn đề tiếp theo ở đây là làm sao miêu tả, chứng minh, khôi phục lại được dấu vết cụ thể của văn học dân gian nguyên thủy từng tồn tại và chi phối, từng làm cơ sở kết tinh tư tưởng thẩm mỹ trong nền văn học viết ra đời và phát triển về sau. Chắc chắn là có trạng thái đơn giản, trực tiếp dễ thấy, có trạng thái tinh vi, phức tạp, gián tiếp khó thấy hơn nhưng chưa hẳn đã kém quan trọng hơn. Thật ra ở đây cũng không thể hiểu vấn đề vai trò của văn học dân gian nguyên thủy đối với nền văn học viết về sau một cách hẹp hòi theo hướng hạn chế nội hàm của khái niệm văn học dân gian chỉ còn lại là những văn bản được ghi chép lại như là cái bóng của một hình thức vốn tồn tại như một cơ thể sống và có quan hệ chẳng chịt, gắn bó với nhiều hình thái của văn hoá sơ khai như trò chơi, lễ hội, kể cả phong tục. Sự xuất hiện của nền văn học dân gian trước khi có nền

văn học viết và tính chất ngọn nguồn, làm nền của nó đối với nền văn học viết ra đời sau nó, thật ra là qui luật phổ biến trong lịch sử văn học của mọi nước trên thế giới. Lịch sử văn học Việt Nam ở phương diện này không có gì là đặc thù. Nhưng lịch sử văn học Việt Nam sẽ có qui luật đặc thù ở chỗ: sau khi có văn học viết rồi thì văn học dân gian đã không teo đi, ngược lại vẫn tồn tại như một giòng riêng và phát triển, do đó vẫn tiếp tục và tăng cường vai trò làm nền cho sự kết tinh của văn học viết. Tại sao có hiện tượng đó? Có lý do xã hội nhưng trực tiếp là thuộc lý do văn tự. Nền văn học viết Việt Nam bắt đầu bằng văn học chữ Hán. Chữ Hán vốn là chữ viết của Trung Hoa, được bọn xâm lược nhà Hán du nhập vào nước ta từ đầu công nguyên nhằm làm công cụ văn hoá nô dịch. Từ lâu chúng ta vẫn chưa biết gì đáng kể về tình hình người Việt Nam tiếp nhận thứ chữ Hán đó trong suốt thời kỳ bị Bắc thuộc, ngoài một số sự kiện từng được sử sách ghi chép gồm: việc một số quan lại Trung Hoa trên đất Việt như Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp, Tích Quang truyền bá Hán học, việc một số người Việt sang học hành và làm quan ở Trung Hoa như Lý Tiến, Lý Cầm..., việc xuất hiện một số tác phẩm Phật giáo được viết bằng chữ Hán. Do đó, đến nay khoa văn học sử vẫn đang tạm phải ghi nhận sự xuất hiện của nền văn học viết bằng chữ Hán ở nước ta là từ thế kỷ 10. Nhưng ai là người Việt Nam có thể sáng tác văn học chữ Hán trong thời đại phong kiến xưa? Dĩ nhiên, về cơ bản, không phải là đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Đến khi có chữ Nôm và văn học chữ Nôm ra đời từng được tính từ cuối thế kỷ 13 trở đi, tình hình có khác nhưng vẫn không đơn giản. Bởi chữ Nôm đúng là một sáng tạo độc đáo của dân tộc ta trên quá trình phát triển tinh thần tự cường tự chủ trong đó phải ly khai dần hiện tượng Hán hoá. Nhưng trong điều kiện ngặt nghèo của hoàn cảnh lịch sử dân tộc, chữ Nôm vẫn chưa phải là một sản phẩm thuần túy dân tộc. Nó được cấu tạo từ những yếu tố của chữ Hán. Và như thế thì với chữ Nôm, đông đảo quần chúng nhân dân cũng chỉ mới chiếm lĩnh được âm và nghĩa chứ không thể chiếm lĩnh được tự. Trong xã hội xưa, muốn biết chữ Nôm, trước hết phải biết chữ Hán. Sau này từ cuối thế kỷ 17 bắt đầu có chữ quốc ngữ do các cố đạo phương Tây trong đó đặc biệt có vai trò của cố đạo người Pháp Alêchdăng Đơ Rôt sáng chế ra bằng cách dùng mẫu tự la tinh phiên âm tiếng Việt để có công cụ truyền giáo và ít nhiều có liên quan tới kế hoạch bành trướng của chủ nghĩa tư bản phương Tây trong đó có tư bản Pháp. Đối với chữ quốc ngữ, buổi đầu bị một số sĩ phu yêu nước từ chối (Nguyễn Đình Chiểu không cho con học chữ quốc ngữ, Nguyễn Trường Tộ đề nghị xây dựng chữ quốc ngữ bằng cách dùng chữ Hán nhưng đọc theo âm Việt),

nhưng sau đó thì dần dần sử dụng, đặc biệt với các chí sĩ Đông kinh nghĩa thực thì còn có chủ trương phổ biến trong toàn dân, tạo điều kiện nâng cao dân trí nhưng bị thực dân Pháp ngăn chặn. Riêng đối với thực dân Pháp thì trước sau vẫn dùng chính sách nhỏ giọt, cho phổ biến chữ quốc ngữ trong chừng mực cần cho công cuộc đô hộ của chúng mà thôi. Cho nên chữ quốc ngữ, dù là thứ văn tự quần chúng đông đảo có thể chiếm lĩnh, nhưng trong điều kiện như vậy, về cơ bản cũng chưa thể chiếm lĩnh để sáng tác văn học. Tóm lại, tình hình văn tự như trên vừa nói chính là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh qui luật: trong lịch sử văn học Việt Nam, sau khi đã có văn học viết ra đời, văn học dân gian vẫn tiếp tục tồn tại, phát triển và do đó vẫn tiếp tục đóng vai trò làm nền cho sự phát triển và kết tinh của văn học viết. Tuy nhiên để cho quan điểm “làm nền” này được triển khai thực sự, lại còn phải làm sáng tỏ một loạt vấn đề sau đây: 1) Vấn đề định nghĩa về văn học dân gian. Định nghĩa về văn học dân gian có lịch sử riêng của nó. Từ một cách gọi, một cách duy danh nhưng chưa định nghĩa như Nguyễn Du là “thôn ca”, là “tang ma ngữ” (thôn ca sơ học tang ma ngữ - Thanh minh ngẫu hứng) đến một chương “Dẫn luận” gồm phần “Giới thuyết - Những đặc trưng của văn học dân gian” trong giáo trình Văn học dân gian của Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên thuộc tủ sách Đại học Tổng hợp Hà nội (nay là Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà nội), xuất bản năm 1972, rõ ràng công việc định nghĩa về văn học dân gian đã trải qua hai giai đoạn của nhận thức: cảm tính và lý tính, phản ánh hai giai đoạn phát triển khoa học ở nước ta nói chung: trực cảm hỗn hợp và duy lý phân tích. Riêng về giai đoạn nhận thức lý tính đối với văn học dân gian, tự nó cũng có một quá trình từ đơn giản đến phong phú, từ phiến diện đến hoàn chỉnh. Thông thường các định nghĩa được triển khai trên hai bình diện chính: những thuộc tính nội tại (tính truyền miệng, tính tập thể...) và những thuộc tính liên quan tới đời sống văn hoá xã hội đã góp phần sản sinh ra văn học dân gian. Gần đây, khái niệm văn học dân gian đã được giới thuyết với một nội hàm có tính tổng hợp, nguyên hợp. Văn học dân gian không chỉ có phần lời mà còn có sự gắn bó giữa lời với nhạc và vũ, với văn hoá dân gian nói chung. Do việc giới thuyết văn học dân gian với một nội hàm được mở rộng và có tính tổng hợp, nguyên hợp như vậy mà dường như có sự khập khiễng giữa thuật ngữ “văn học dân gian” với nội hàm mà nó phải chứa. Phải chăng, để tránh sự khập khiễng đó mà nhiều người lại chuyển sang dùng thuật ngữ “văn hoá dân gian”, “phônôclo”. Luận điểm về vai trò làm nền của văn học dân gian đang cần làm sáng tỏ ở đây quả là có liên quan mật thiết tới định nghĩa về văn học dân gian như trên. Nếu

định nghĩa văn học dân gian chỉ là một số thể tài quen thuộc và chỉ là ở lời mà không thấy tính chất toàn diện, tính tổng hợp, nguyên hợp, trạng thái tồn tại của nó như một cơ thể sống thì làm sao nhìn rõ được mối quan hệ giữa nó với nền văn học viết để từ đó mà phát hiện tiếp về vai trò làm nền của nó. Ví như với vấn đề đã đặt ra ở Truyện Kiều chẳng hạn, nếu quan niệm hẹp như vậy, một câu hỏi đơn giản thế này đặt ra: liệu Nguyễn Du đã biết những tác phẩm văn học dân gian gì mà bảo Truyện Kiều đã kết tinh trên cơ sở văn học dân gian? Thì câu trả lời chắc chắn gặp lúng túng. Còn theo quan niệm mở rộng, tổng hợp tương ứng với thuật ngữ “văn hoá dân gian”, “phơncơlo” thì dễ có khả năng nhìn được mối quan hệ bề thế, đa diện giữa Truyện Kiều với văn học dân gian và từ đó cũng dễ có khả năng nhìn ra vai trò làm nền của văn học dân gian trong sự kết tinh giá trị Truyện Kiều trên cả hai phương diện nội dung và hình thức. Trên phương diện nội dung, một trong những điều lớn lao nhất của Truyện Kiều là tình thương bao la bát ngát cho những kiếp người đau khổ, đặc biệt là phụ nữ: “Đau đớn thay phận đàn bà”. Vậy thử hỏi, cái tình cảm lớn lao đó, một khi đã không phải trên trời rơi xuống cho Nguyễn Du, thì từ đâu đến là chính? Từ cuộc sống và tâm lý trường giả hay từ cuộc sống và tâm lý dân gian? Từ nền văn học bác học đã có trước Nguyễn Du hay từ nền văn học dân gian truyền thống? Không cần nói ra thì kết luận thế nào chúng ta đã biết, nhất là với ai đã quen với phương pháp hệ thống trong khoa học. Có thể dẫn ra đây thêm một trường hợp để tham khảo. Đó là trường hợp nhà nghiên cứu văn học của Liên Xô cũ là giáo sư tiến sĩ Niculin. Trong bài giới thiệu cho bản dịch thơ Hồ Xuân Hương ra tiếng Nga, ông cũng đã triển khai quan điểm thơ Hồ Xuân Hương kết tinh từ văn học dân gian thông qua việc phân tích một số bài thơ cụ thể như bài Đánh đu. Tác giả đã gắn bài thơ với tục chơi đu trong đời sống văn hoá dân gian ở các lễ hội, đặc biệt vào dịp đầu xuân với ý nghĩ rằng: không có hiện tượng văn hoá dân gian đó thì không có bài thơ Đánh đu như đã có với Hồ Xuân Hương. Nếu chiều hướng như thế được chấp thuận thì rõ ràng quan điểm làm nền của văn học dân gian đối với nền văn học viết sẽ có cơ sở để triển khai thực sự trong nhiều trường hợp khác của lịch sử văn học dân tộc. 2) Vấn đề tác giả văn học dân gian. Vấn đề tác giả của văn học dân gian cũng liên quan mật thiết tới việc triển khai luận điểm khoa học về vai trò làm nền của văn học dân gian. Chung quanh vấn đề tác giả văn học dân gian tưởng là đơn giản nhưng thực ra vẫn có vấn đề. Có tình trạng chỉ chú ý đến vai trò của tập thể trong sáng tác văn học dân gian theo quan điểm trừu tượng phi giai cấp về con người. Có tình trạng xác định tác giả theo quan điểm đẳng cấp, giai tầng mà ở đây lại có

sự tranh chấp trong nội dung kết luận cụ thể. Trước 1975, trong khi phần đông các nhà nghiên cứu theo quan điểm mác-xít ở miền Bắc gần như đã thống nhất với nhau trong kết luận tác giả văn học dân gian là nhân dân, là bình dân, là quần chúng, là dân chúng lao động thì đó đây ở miền Nam lại có kết luận cho rằng tác giả văn học dân gian chỉ là các nhà nho, các sĩ phu. Vậy bên nào đúng, bên nào sai? Hay bên nào cũng vừa có cái đúng vừa có cái chưa đúng? Ở đây, quả lại có một số còn điều phải làm rõ thêm: *Nội hàm có tính lịch sử cụ thể của khái niệm bình dân (hoặc dân chúng, hoặc quần chúng, hoặc nhân dân lao động) là gì?* Vai trò của trí thức bình dân có hay không trong việc sáng tác văn học dân gian? Có ở mức độ nào trong tương quan với vai trò của quần chúng lao động? * Những trí thức khác không thuộc trí thức bình dân liệu có vai trò gì trong việc sáng tác văn học dân gian? Chúng ta vẫn bắt gặp tình trạng nói tác giả văn học dân gian là bình dân, là quần chúng lao động... nhưng bỏ không giới thuyết nội hàm khái niệm hoặc có giới thuyết thì lại chưa chú ý đầy đủ đến tính lịch sử cụ thể của nội hàm khái niệm. Trong bài “ Để có thể nắm bắt được thực chất của văn học dân gian”, tác giả Đinh Gia Khánh đã cố gắng giới thuyết chu đáo và phù hợp với thực tiễn sinh động hơn. Tuy vậy, sự chú ý của ông cũng đang tập trung ở phạm vi thời đại phong kiến mà chưa chú ý đến những thời “tiền phong kiến”, “hậu phong kiến” cũng như nội dung lịch sử cụ thể của khái niệm “các tầng lớp dân chúng” trong đó có vai trò của tầng lớp trí thức bình dân như thế nào. Việc nhận thức về tác giả của văn học dân gian thực ra có liên quan mật thiết tới một vấn đề quan trọng hơn, bao trùm hơn về đời sống xã hội và lịch sử là vấn đề nhận thức về các quan hệ giai cấp trong xã hội, trong lịch sử như thế nào cho chính xác, cho phù hợp với thực tế vốn có ngoài đời mà không máy móc, đơn giản, phi lịch sử. Đơn giản, máy móc, phi lịch sử trong nhận thức về quan hệ giai cấp tất yếu sẽ dẫn đến sự máy móc, đơn giản, phi lịch sử trong việc nhận thức về vấn đề tác giả văn học dân gian, về mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết, và như thế cũng khó nhận rõ vai trò làm nền của văn học dân gian đối với văn học viết. Thông thường khi xác định thành phần giai cấp, chúng ta dựa vào địa vị kinh tế và địa vị chính trị làm căn cứ chủ đạo. Nhưng nghiên cứu tác giả văn học mà không chú ý đúng mức tới đời sống tâm lý, nhất là tâm lý cá thể, vốn rất sinh động, đa dạng, tinh vi, thậm chí là phức tạp thì hẳn là hiểu sai lệch tác giả và do đó là hiểu sai lệch văn học rất nhiều. Một Nguyễn Du chẳng hạn. Về chính trị, về kinh tế-dù có lâm vào cảnh mười năm gió bụi, ta vẫn không thể không nhắc đến cái thành phần quý tộc như lâu nay vẫn nhắc. Nhưng khi đọc câu thơ

Kiều “Đau đớn thay phận đàn bà” mà cứ tự trối mình trong định kiến Nguyễn Du là quý tộc (dù là quý tộc phá sản) thì làm sao hiểu được “con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ tới muôn đời” của Nguyễn Du như lời Mộng Liên Đường, làm sao hiểu nổi mối quan hệ giữa thi phẩm của Nguyễn Du với nhân dân, với văn học của nhân dân, với văn học dân gian như chúng ta đang muốn hiểu. 3) Vấn đề quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết Vấn đề này cũng liên quan trực tiếp đến việc nhận thức về vai trò làm nền của văn học dân gian đối với văn học viết. Từ lâu đã xuất hiện hai khái niệm văn học truyền miệng (hay văn học truyền khẩu) và văn học viết (hay văn học thành văn). Sau này lại xuất hiện thêm khái niệm văn chương bác học để sánh với khái niệm văn chương bình dân. Cặp khái niệm trên xuất hiện chủ yếu là dựa trên phương thức tồn tại của hai loại hình văn học. Cặp khái niệm sau chủ yếu lại muốn bộc lộ bản chất giai cấp của hai loại hình văn học đó. Loại thứ nhất là của quần chúng bị áp bức. Loại thứ hai là của tầng lớp trên trong xã hội xưa. Trong thực tế nghiên cứu văn học lâu nay, đó đây hình như có xu hướng đối lập một cách cực đoan, giả tạo hai loại hình văn học này. Sự thật thì quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết là quan hệ hai mặt: vừa đối lập vừa tương hỗ. Trong thực tiễn nghiên cứu, từng có khuynh hướng chú ý nhiều và chú ý một cách máy móc tới mặt thứ nhất mà không thấy hoặc coi nhẹ mặt thứ hai. Để thấy rõ mặt thứ hai, cần biết cùng với thuật ngữ *phônclor* (folklor) còn có thuật ngữ *phônclorôric* (folklorique: tính chất dân gian) để chỉ hiện tượng những tác phẩm văn học viết (văn học bác học) có nội dung, có yếu tố văn học dân gian, ghi chép nội dung văn học dân gian ví như *Việt Điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên, *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp... Thuật ngữ *phôncloridê* (folkloriser: dân gian hoá) để chỉ hiện tượng một tác phẩm văn học viết hoặc một bộ phận của một tác phẩm văn học viết chuyển nhập vào kho tàng văn học dân gian. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một ví dụ tiêu biểu cho hiện tượng một tác phẩm văn học bác học đã được dân gian hoá một cách cao độ hiếm có. Nó được dân gian hoá bằng nhiều phương diện, nhiều hình thức biểu hiện trong đó chuyện bói Kiều là điều đáng nói nhất. Một số tác phẩm từng được coi là ca dao như bài *Cảnh Tây Hồ* (Gió đưa cành trúc la đà/ Tiếng chuông Trấn Vũ canh gà Thọ Xương...) mà nay đã biết tác giả của nó là Dương Khuê, bài “Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương... mà nay biết tác giả của nó là Trần Tuấn Khải... chính là hiện tượng một tác phẩm văn học viết đã được dân gian hoá. Sơ bộ có thể nói mối quan hệ tương hỗ giữa văn học dân gian với nền văn học viết đã diễn ra theo qui luật này: lúc nào sức sống của dân tộc, của nhân

dân trời dậy thì lúc đó văn học dân gian và những bộ phận tiến bộ trong văn học viết xích gần lại với nhau. Hiện tượng phonocoloric và phonocoloridê càng có điều kiện bộc lộ rõ rệt. Thực tiễn văn học viết và văn học dân gian ở giai đoạn nửa sau thế kỷ 18, ở nửa sau thế kỷ 19 chứng minh cho điều chúng ta đang nói. Vấn đề là cần tổng kết một cách đầy đủ các dạng phonocoloric và phonocoloridê trong lịch sử văn học dân tộc cụ thể là gì? Điều này có liên quan tới quan điểm về thể tài văn học trong lịch sử văn học Việt Nam mà ở đây quả có vấn đề số phận của một số thể tài như: bi ký, thần tích, ngọc phả, văn phong tục, văn gán voi tyn ngưỡng dân gian, với hoạt động tôn giáo... Những thể tài đó có thuộc văn học hay không? Chắc chắn là giữa cách nghĩ của người xưa và người nay không phải là một. Với quan niệm có tính chất hiện đại hoá và phi lịch sử thì những thể tài đó sẽ bị gạt ra ngoài lãnh vực văn học. Nhưng gần đây trong khoa nghiên cứu văn học dân gian theo hướng mở lại đang có khuynh hướng tìm đến với các thể tài đó. Mà như thế là chúng ta có thêm một phương diện tư liệu để thấy rõ hơn mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết. Nhưng vấn đề chính đang cần tìm hiểu lại là trong phạm vi văn học đích thực, văn học mỹ học. Ở đây, mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết lại có quan hệ mật thiết với vấn đề văn tự. Với văn học viết bằng chữ Hán, trong hoàn cảnh quần chúng không chiếm lĩnh được văn tự thì dường như chỉ có hiện tượng phonocoloric do vai trò tích cực của tầng lớp trí thức bình dân và những phần tử trí thức tiến bộ khác giàu tâm huyết và có hiểu biết về văn học dân gian. Còn hiện tượng phonocoloridê về cơ bản không có. Như thế thì quan hệ giao lưu giữa văn học dân gian và văn học viết đã có nhưng còn bị hạn chế ở một chiều. Đến khi có văn học chữ Nôm, dù quần chúng chỉ mới chiếm lĩnh được âm và nghĩa mà chưa chiếm lĩnh được tự thì cũng đã xuất hiện một khả năng mới có ý nghĩa nâng cấp chất lượng quan hệ giữa văn học viết và văn học dân gian. Hiện tượng phonocoloric sẽ đi đôi với hiện tượng phonocoloridê và cả hai đều có khả năng phong phú hơn lên. Chính nhìn thấy đặc điểm đó trong sự vận động của lịch sử văn học dân tộc, của mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết mà nhà nghiên cứu văn học quá cố Cao Huy Đình đã gọi thể loại truyện nôm bình dân là “văn học thành văn của quần chúng” trong khi nhà nghiên cứu Hoàng Hữu Yên trong giáo trình Lịch sử văn học Việt Nam thuộc tủ sách Đại học Tổng hợp Hà Nội cũ xuất bản năm 1963 thì coi đó là văn học dân gian và nhà nghiên cứu Nguyễn Đức Dũng (sau này lấy bút danh Từ Sơn) lại cho là sai, bởi theo ông nó là văn học viết. Văn học chữ quốc ngữ ra đời. Xét trên lý thuyết thì khả năng tăng cường mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn

học viết sẽ cao hơn vì với văn tự chữ quốc ngữ dù sao đối với quần chúng cũng dễ chiếm lĩnh hơn so với chữ Nôm đặc biệt là so với chữ Hán. Mà về thực tế, sơ bộ cũng thấy như vậy qua mấy hiện tượng tiêu biểu như sau: - Dùng chữ quốc ngữ để sưu tầm ghi chép văn học dân gian. Công việc này bắt đầu với Trương Vĩnh Ký từ nửa sau thế kỷ XIX bằng các tác phẩm như Chuyện đời xưa, Chuyện khôi hài, được tiếp tục với một số người ở nửa đầu thế kỷ XX như Nguyễn Văn Ngọc (ví dụ Truyện cổ nước Nam, Đông Tây ngụ ngôn, Để mua vui). Đặc biệt từ sau 1954 thì công việc này đã đạt tới những thành tựu bề thế chưa từng có. Trong lịch sử Việt Nam chưa bao giờ văn học dân gian bao gồm văn học dân gian của người Kinh, đặc biệt là văn học dân gian của các dân tộc ít người lại được sưu tầm, thành văn hoá như trong thời đại ngày nay do có chữ quốc ngữ nhưng quan trọng hơn là do ý thức của con người một khi đã tự giác sâu sắc về kho báu văn học dân gian. - Khai thác kho tàng văn học dân gian trong khi sáng tác văn học hiện đại. Điều này thể hiện rõ ở hai hình thức sau: a) Tìm nguồn cảm hứng cho thơ ca bằng cách đưa thơ ca trở về tắm mát trong suối dân ca. Phong dao trong thơ ca Tản Đà, Trần Tuấn Khải... là tiêu biểu cho hai hiện tượng phonocoloric và phonocoloridê trong mối quan hệ giữa văn học viết và văn học dân gian. b) Viết tiểu thuyết huyền thoại và tiểu thuyết lịch sử bằng cách khai thác nguồn dạt sử vốn là sản phẩm thuộc phạm trù văn học dân gian. Tiểu thuyết Quả dưa đỏ của Nguyễn Trọng Thuật, hầu hết các tiểu thuyết lịch sử ở nửa đầu thế kỷ XX tiêu biểu là của Nguyễn Tử Siêu, đã nói lên điều đó. Hiện tượng này sẽ được tiếp tục trong tình hình văn học sau ngày cách mạng thành công. Những gì được trình bày trên đây thực tế chỉ mới là sự luận bàn trên cơ sở văn học của dân tộc Kinh với tư cách là nền văn học chủ công của lịch sử văn học dân tộc. Do đó một câu hỏi vẫn phải đặt ra là: với một số dân tộc ít người khác đã có chữ viết riêng và ít nhiều có văn học viết riêng thì mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết đó là thế nào? Thêm nữa giữa văn học dân gian của các dân tộc ít người nói chung với nền văn học viết của dân tộc Kinh có hay không? Có tới mức nào? Đây là những câu hỏi rất lý thú. Nhưng xin được treo lại chưa có trả lời vì chưa có sự nghiên cứu. Mong được các bạn đồng nghiệp bổ cứu tiếp sức cho. Tuy vậy thì vẫn muốn dự đoán rằng: trên đại thể, những gì đã diễn ra trong văn học của dân tộc Kinh, ít nhiều cũng diễn ra trong văn học của một số dân tộc đã có chữ viết và văn học chữ viết. Sơ bộ nhìn vào văn học viết của dân tộc Thái ở Tây Bắc bằng chữ Thái riêng và chữ Nôm đã có chút căn cứ bước đầu để dự đoán như thế đối với câu hỏi thứ nhất. Cuối cùng, một vấn đề nữa cũng có thể đặt ra để suy nghĩ là trong

nền văn học Việt Nam hiện đại, mối quan hệ giữa văn học viết và văn học dân gian là thế nào? Văn học dân gian có còn đóng vai trò làm nền kết tinh cho văn học viết nữa không? Quả thật đây cũng lại là một vấn đề rất thú vị, nhưng rất phức tạp. Bởi lẽ chung quanh vấn đề có hay không có văn học dân gian trong thời hiện đại, và nếu có thì việc đánh giá nó thế nào đã là có chuyện tranh chấp nhau khá gay gắt, thậm chí có thể qui kết nhau khá nặng nề. Không phải không có người đã cho rằng dưới chế độ mới mà nhân dân được làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ đất nước trong đó có sự làm chủ về văn hoá thì còn gì phải có văn học dân gian. Nếu có thì đó chỉ là tiếng nói phản động cần lên án, cần loại bỏ. Đây là cách nói của một vài người trên báo chí mà trong bối cảnh xã hội một thời, nó dường như là tiếng nói chính thống do đó không phải không có người đồng tình, ít ra thì cũng không dám phản bác. Đến hôm nay thì chắc là không ai nghĩ đơn giản và thô thiển như thế nữa một khi đã thấy sự có mặt của văn học dân gian hiện đại dưới hình thức ca dao hò vè, nhất là giai thoại, truyện kể với đủ nội dung trong đó có cả nội dung chọc trời, nói là táo bạo cũng được, nói là trắng trợn được. Có điều là dường như với các nhà nghiên cứu văn học dân gian vẫn chưa hết ngợp trước hiện tượng vốn dĩ nhạy cảm, phức tạp đó. Cho nên ở đây cũng khó nói được gì hơn. Nhưng vẫn có thể nghĩ rằng, gì thì gì, mối quan hệ giữa văn học dân gian (nếu có thừa nhận) với văn học viết trong thời hiện đại này về cơ bản đã khác trước. Bởi trong thời hiện đại này, dù còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, nhưng không có nghĩa là nhân dân chưa làm chủ được gì trong cuộc sống nói chung, trong văn hoá, văn học nói riêng. Từ thực tế đó, sẽ có sự hoà quyện giữa văn học của mọi tầng lớp nhân dân trong một đất nước. Và như thế thiết tưởng cũng khó nói đến cái gọi là vai trò làm nền của văn học dân gian đối với nền văn học viết như ở các thời đại trước.

Văn Mẫu Lớp 10 - Tóm tắt “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ

Vũ Thị Thiết - người con gái xinh đẹp, thùy mị, nết na - quê ở Nam Xương, lấy chồng là Trương Sinh - con nhà hào phú. Chàng có tính đa nghi nhưng nàng luôn giữ gìn khuôn phép nên gia đình ấm êm thuận hòa. Thế rồi triều đình bắt Trương Sinh đi lính đánh giặc Chiêm, nàng ở nhà phụng dưỡng mẹ chồng và sinh một đứa con trai đặt tên là Đản. Mẹ chồng bệnh, nàng chăm sóc chu đáo. Mẹ chồng mất, nàng tế lễ tiếc thương. Giặc tan, Trương Sinh trở về. Chàng bế con đi thăm mộ mẹ và nghe đứa bé ngây thơ nói: “Trước đây thường có một người đàn ông đêm nào cũng đến, mẹ Đản ngồi cũng ngồi mẹ Đản đi cũng đi.”. Trương Sinh nghi vợ phản bội nên mắng nhiếc, đánh đuổi nàng. Họ hàng bênh vực nhưng chàng không nghe. Cuối cùng, nàng gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Đêm đến đứa bé chỉ bóng chàng trên vách và gọi là cha. Trương Sinh hiểu chuyện thì đã muộn. Thời gian sau, Phan Lang - người cùng làng với Vũ Nương - gặp nạn trôi dạt tới thủy cung. Chàng gặp lại Vũ Nương đang sống cùng Linh Phi và các nàng tiên. Vũ Nương bày tỏ tâm sự và nhờ gửi hộ chiếc trâm vàng cho Trương Sinh. Khi Phan Lang được Linh Phi đưa về trần, chàng kể lại cho Trương Sinh nghe. Trương Sinh lập đàn tràng tế lễ ở bến Hoàng Giang, Vũ Nương hiện về tạ tình chàng rồi biến mất. Hoặc Vũ Thị Thiết tính thùy mị, nết na, xinh đẹp được Trương Sinh con nhà hào phú cưới về làm vợ. Trương Sinh có tính cả ghen nên nàng phải giữ gìn, lấy nhau chưa được bao lâu, Trương Sinh phải đi lính. Mẹ và vợ chàng rất lo lắng. Vũ Nương ở nhà sinh con trai và đặt tên là Đản. Bà mẹ vì nhớ thương con nên ốm đau bệnh tật, Vũ Nương hết lòng chăm sóc nhưng bà không qua khỏi. Giặc tan. Trương Sinh trở về, chàng bế con ra thăm mộ mẹ, thằng bé khóc không chịu theo. Trương Sinh gạn hỏi thì nó nói cha nó là một người đàn ông, đêm đêm thường đến với mẹ. Trương Sinh giận lắm, đinh ninh là vợ hư, cứ thế nhiếc móc, đánh đập rồi đuổi Vũ Nương ra khỏi nhà. Vũ Nương phần uất gieo mình xuống dòng sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm, dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con chỉ vào bóng chàng trên vách mà nói đó là cha Đản. Trương Sinh bấy giờ mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ nhưng đã muộn. Phan Lang lúc trước làm đầu mục ở bến đò Hoàng Giang. Có lần cứu vợ vua biển, nay đắm thuyền được cứu sống để

đền ơn. Trong bữa tiệc, chàng gặp lại Vũ Nương. Vũ Nương nhờ Phan Lang nói với Trường Sinh lập đàn giải oan để nàng về. Trường Sinh làm theo, Vũ Nương hiện lên lộng lẫy, cơ hoa tán lộng, nói mấy lời rồi biến mất

Văn Mẫu Lớp 10 - Tại sao phải chuyển nền văn học trung đại sang nền văn học hiện đại?

Trong lịch sử văn học Việt Nam, đây là giai đoạn duy nhất có hiện tượng đan xen hai yếu tố cũ và mới trong sáng tác của một tác giả, có khi trong cùng một tác phẩm. Hai yếu tố cũ và mới ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật được kết hợp nhuần nhuyễn và phổ biến trên khắp các thể loại, tạo ra những giá trị đặc biệt, không thể xếp vào kho tàng văn học trung đại mà cũng chưa thể công nhận là một tác phẩm văn học hiện đại. Ở giai đoạn đầu thế kỉ XX, có nhiều tác giả do tiếp thu ảnh hưởng của văn học phương Tây, từ công tác dịch thuật họ đã chuyển dần sang phỏng tác theo các tác phẩm văn học Pháp. Họ đi đến viết tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch. Đó là những thể loại mới-thể loại văn học hiện đại. Họ đã từ bỏ văn chương chữ Hán, tránh dùng những điển cố, điển tích, đưa lời ăn tiếng nói của nhân dân vào trong sáng tác văn học. Họ cố gắng vượt khỏi những ước lệ khắt khe khi xây dựng thế giới nhân vật. Có thể nói rằng, về mặt nghệ thuật, họ đã có những đổi mới đáng kể, mặc dù không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Điều muốn nói ở đây là trong lớp vỏ có phần mới mẻ ấy, họ vẫn tiếp tục thể hiện những nội dung cũ kĩ, thậm chí bị xem là lạc hậu lỗi thời. Trong ba mươi năm đầu thế kỉ, có nhiều nhà tiểu thuyết Nam bộ, có cả những nhà viết kịch ở Bắc bộ tiếp tục thể hiện những vấn đề đạo lí trong sáng tác của mình. Tuy nhiên, đạo lí đó có phần nào vượt ra ngoài quan niệm của Nho giáo và tiến gần đến đạo lí bình dân của người lao động. Sự kết hợp hai yếu tố cũ và mới trong cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật là hiện tượng phổ biến nhất trong văn học giai đoạn đầu thế kỉ XX. Có thể khẳng định rằng trong lịch sử văn học Việt Nam, đây là giai đoạn duy nhất có sự tồn tại đan xen hai nội dung văn học của nhà nho và người sáng tác mới. Các giá trị truyền thống được đặt cạnh một số thành tựu hiện đại và luôn trong thế cạnh tranh nhau. Tính giao thời của văn học thể hiện ở sự lắp ghép, pha tạp các yếu tố cũ và mới ở văn học trung đại và hiện đại, phải có yếu tố xúc tác là ảnh hưởng của văn học phương Tây mới có thể tạo ra kết quả như trên “Giao thời là khoảng thời gian chuyển tiếp từ thời kì này sang thời kì khác, cái mới cái cũ đan xen lẫn nhau, thường có mâu thuẫn xung đột, chưa ổn định.”

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy xác định nhân vật, hoàn cảnh, nhân vật và mục đích của cuộc giao tiếp sau: “Bây giờ mạn mới hỏi đào? Vườn hồng đã có ai vào hay chưa? Mạn hỏi thì đào xin thưa, Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào”

Mục đích của những cuộc giao tiếp trong ca dao tình yêu là nhằm bộc lộ những tình cảm, thái độ của con người, xác lập và củng cố những mối quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp. Những mục đích này có thể được thể hiện một cách trực tiếp nhưng cũng có thể được thể hiện một cách gián tiếp thông qua mối quan hệ với các nhân tố giao tiếp khác như: không gian giao tiếp, nội dung giao tiếp và nhân vật giao tiếp. Xét trong câu trên ta có thể nhận ra cả ba nhân tố giao tiếp đã được sử dụng. - Không gian giao tiếp: Khu vườn quê quen thuộc thông qua hai hình ảnh khu vườn nông thôn. - Nội dung giao tiếp: lời tỏ tình và trả lời gián tiếp, hai người đã quen từ lâu nhưng còn e thẹn chưa dám bộc lộ trực tiếp chỉ thông qua ý nghĩa ẩn dụ, thể hiện được đây là một mối tình chân quê. - Nhân vật giao tiếp: Ẩn dụ qua hai nhân vật mạn đào tượng trưng cho anh và em. Khi xưng bằng các phương tiện ẩn dụ, hoán dụ, người xưng đã không dùng cái danh chính thức của mình mà dùng một cái danh khác, người xưng ẩn sau các phương tiện xưng hô này một cách kín đáo, tế nhị đầy tính thẩm mỹ. Lối xưng hô bằng ẩn dụ “mạn”, “đào” vừa kín đáo lại vừa tế nhị, duyên dáng. “Mạn” ở lời thứ nhất là lời tự xưng của người nói, nhưng ở lời thứ hai là lời hô gọi của người nói. Tương tự như thế, “đào” ở lời một là chỉ người nghe còn ở lời hai lại là người nói. Các chàng trai, cô gái ở đây xưng cũng bằng “mạn”, “đào” hô cũng bằng “mạn” “đào”. Để xác định vai nhân xưng của hai phương tiện xưng hô này phải dựa vào ngữ cảnh “hỏi”, “thưa” của toàn bài viết. “Hỏi” là hoạt động của người nói hướng tới người nghe. “Thưa” là hoạt động trả lời của người được hỏi hướng tới người hỏi. Hỏi và đáp đều là hoạt động ngôn từ của hai nhân xưng thứ nhất. Đặc trưng của ca dao cho ta thấy “bây giờ mạn mới hỏi đào” và “mạn hỏi thì đào xin thưa không phải là lời dẫn mà chính là một phần phát ngôn của hai nhân vật đang tham gia giao tiếp. Trong ca dao không có người dẫn, kể mà chỉ có hai người đối đáp với nhau Mặc dù mỗi bài viết ca dao là một câu chuyện tâm tình nhưng phải công khai tập thể, giữa đám đông tất nhiên bao giờ cũng bắt buộc phải kín đáo, tế nhị, duyên dáng không thể lộ liễu, vụng về, sỗ sàng trâng tráo được. Vì vậy cách xưng hô này còn được các chàng trai, cô gái

dùng để thổ lộ tình cảm của mình và cũng để thăm dò đối phương khi họ muốn tìm hiểu về nhau. Khi vừa gặp nhau, mới quen nhau các chàng trai, cô gái chưa biết tên nhau cũng chưa tiện gọi em xưng anh nên đây là phương tiện xưng hô vừa kín đáo tế nhị lại vừa duyên dáng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích các đặc điểm của văn bản được thể hiện trong bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương

“Thân em vừa trắng lại vừa tròn, Bảy nổi ba chìm với nước non. Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son”. Bài thơ “Bánh trôi nước” là bài thơ đa nghĩa. Tác giả tả thực cái bánh trôi nước, làm bằng bột nếp, nhân bằng đường phen (lòng son), dạng bánh “tròn”, sắc bánh “trắng”, được luộc trong nồi nước sôi “bảy nổi ba chìm”. Nữ sĩ viết về một món ăn dân tộc, với tất cả lòng yêu mến tự hào bản sắc nền văn hóa Việt Nam. Bài thơ giàu tính nhân dân. Bài thơ còn mang hàm nghĩa độc đáo. Câu 1 có 2 tiểu đối: “Thân em vừa trắng” // “lại vừa tròn”, gợi tả chất bánh ngon lành, tinh khiết, chiếc bánh xin xắn, dân dã bình dị đáng yêu, hàm ẩn sự duyên dáng, trinh trắng, vẻ đẹp xinh xắn của người thiếu nữ Việt Nam. Hai tiếng “Thân em” không chỉ nhân hoá chiếc bánh trôi nước, thể hiện một cách nói đậm đà màu sắc dân gian (“thân em” như hạt mưa sa..., thân em như tấm lụa đào...) mà còn ngợi ca đức tính khiêm nhường, kín đáo duyên dáng của người con gái làng quê. Hai câu 2, 3, ngôn ngữ tương phản: “rắn” với “nát”, nghĩa đen là bánh ngon hay bánh không ngon; nghĩa bóng là hạnh phúc hay bất hạnh, đều tùy thuộc vào “tay kẻ nặn”, vào người cha, người chồng... vào lễ giáo phong kiến, vào số phận. Thành ngữ “bảy nổi ba chìm” được vận dụng tài tình nhằm gợi tả số phận người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Hai câu 3, 4 cấu trúc: “mặc dù... mà ... vẫn ...” nhằm khẳng định một tâm thế. “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn, Mà em vẫn giữ tấm lòng son” “vẫn giữ” biểu thị một thái độ kiên trinh, bền vững. “Tấm lòng son” tượng trưng cho phẩm chất sắt son thủy chung, chịu thương chịu khó của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc đời. Câu thơ thể hiện niềm tự hào và biểu lộ khá đậm tính cách Xuân Hương. Bài thơ nói về bánh trôi nước, một món ăn dân tộc bằng một thứ ngôn ngữ bình dị, dân gian. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã được Việt hóa hoàn toàn. Thơ hàm súc đa nghĩa giàu bản sắc Xuân Hương. Bài thơ biểu lộ niềm cảm thông và tự hào đối với số phận, thân phận và phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam, nó có giá trị nhân bản đặc sắc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Văn học dân gian có tác động quan trọng đối với văn học viết. Để chứng minh phần nào cho tác động ấy, anh (chị) hãy tìm và phân tích ba trường hợp trong “Truyện Kiều” mà Nguyễn Du đã vận dụng thành ngữ 1 cách tài tình

Trường hợp 1 *Đội trời đạp đất ở đời* *Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông* *Gợi ý hình ảnh con người: Có tầm vóc phi thường, khí phách ngang tàng, khát vọng tự do,... Thái độ ngạo ca, ngưỡng mộ Lối sống và hành động tự do, không chịu bó buộc, không chịu khuất phục trước bất cứ uy quyền nào...Của người anh hùng Từ Hải*

Trường hợp 2: Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân? Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân, Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là! Vợ chàng quý quái tinh ma, Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau thành ngữ này xuất hiện trong đoạn trích Kiều báo ân báo oán Thành ngữ chỉ Hoạn Thư, hành động trừng phạt theo quan điểm của nhân dân phải được diễn đạt theo ngôn ngữ của nhân dân Kẻ cắp - bà già, Kiều sẵn sàng trừng phạt, đối phó với Hoạn Thư ranh ma

* *Trường hợp 3:* “Phận sao phận bạc như vôi Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng” (trích đoạn Thúy Kiều trao duyên cho Thúy Vân) Sao khi đã trao duyên cho Thúy Vân xong, Thúy Kiều hết sức đau khổ. Nàng đành phải chấp nhận thân phận “bạc như vôi của mình. Từ “phận sao” như là một lời than trách của nàng. Lại thêm từ đã đành như cho thấy sự bất lực của Thúy Kiều, nàng không thể làm gì được mà đành cho “nước chảy hoa trôi lỡ làng”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết đoạn văn ngắn từ 5 - 7 câu trong đó có sử dụng 2 phép đối và 2 phép điệp

Ai cũng biết rằng tình cảm bạn bè đối với mỗi người không thể nào thiếu được. Đó là thứ tình cảm thật trong sáng và cao cả. Tình bạn đồng hành với chúng ta lúc mới bước chân vào học đường, rồi nó lại đồng hành với chúng ta trong suốt cả cuộc đời. Tình bạn luôn là tình cảm vững chắc, nơi ta có thể tin tưởng chia sẻ những niềm vui hay nỗi buồn trong cuộc sống. Những tháng ngày bên bạn bè chắc sẽ là những tháng ngày đẹp nhất của mỗi người và ta sẽ mãi mãi không thể quên được. Đã là bạn bè với nhau, sẽ có những lúc cãi vã, có những lúc bất đồng ý kiến hay có những lúc giận nhau. Vào thời điểm ấy, hãy cố gắng bình tĩnh, giữ hòa khí nếu không thì sẽ dễ dàng mất đi một tình bạn đẹp mà chúng ta vun đắp bấy lâu. Ngoài ra, sẽ có những lúc đùa giỡn, có những khoảnh khắc hạnh phúc, có những giây phút mộng mơ. Chính những kỉ niệm, những khung bậc cảm xúc ấy giúp chúng ta hiểu được nhau hơn, thông cảm với nhau hơn. Một tình bạn thực sự đẹp khi nó được xuất phát từ tận trái tim mỗi người. Xin hãy trân trọng những tình bạn trong sáng mà mỗi người đang giữ, hãy biết quan tâm, hãy biết chia sẻ và hãy làm những điều chưa làm được cho bạn bè ngay bây giờ để có được những kỉ niệm đẹp trong tuổi học trò của mình. Phép điệp: Sẽ có những lúc Phép đối: + Đã là bạn bè với nhau, sẽ có những lúc cãi vã, có những lúc bất đồng ý kiến hay có những lúc giận nhau. Đối với + Ngoài ra, sẽ có những lúc đùa giỡn, có những khoảnh khắc hạnh phúc, có những giây phút mộng mơ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nghĩ về Tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao đã học ở chương trình THCS

“Lão Hạc” là tác phẩm văn học được nhắc đến rất nhiều khi nói đến tình người trong thời kì kháng chiến. Tác phẩm này được coi là truyện ngắn xuất sắc của văn học hiện thực phê phán thời kỳ 1930-1945. Đó là một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn, bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông dân nghèo khổ. Nhân vật lão Hạc đã khắc họa vào lòng người đọc một cách sâu đậm về hình ảnh một lão nông dân đáng kính với phẩm chất của con người đôn hậu, giàu lòng tự trọng và rất mực thương con. Và đó cũng chính là tác phẩm đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc nhất. Xuất hiện trên tuần báo “Tiểu thuyết thứ 7” năm 1943. “Lão Hạc” của Nam Cao được đánh giá là một trong những truyện ngắn hay nhất viết về tình cảm của người nông dân trước cách mạng. Đến với tác phẩm, người đọc bù ngùi thương cảm cho kiếp sống bọt bèo, đồng thời hiểu được sự biến chất của từng bộ phận trong xã hội xưa. Câu chuyện viết về số phận thê thảm của người nông dân Việt Nam trong bối cảnh đe dọa của nạn đói và cuộc sống cùng túng đã để lại nỗi xúc động sâu sắc trong lòng độc giả. Đặc biệt, tác giả đã diễn tả tập trung vào tâm trạng nhân vật chính – lão Hạc – xoay quanh việc bán chó đã giúp ta hiểu thêm tấm lòng của một người cha đáng thương, một con người có nhân cách đáng quý và một sự thực phũ phàng đổ xuống những cuộc đời lương thiện. Lão Hạc là một sản phẩm của một tấm lòng nhân đạo cao cả. Nó là tình yêu thương, sự ngợi ca trân trọng người lao động của Nam Cao. Giống như Ngô Tất Tố và nhiều nhà văn thời đó, Nam Cao đã dựng lên hình ảnh người nông dân Việt Nam trước cách mạng với phẩm chất đáng quý: chăm chỉ, cần cù, giàu yêu thương và đầy đức hi sinh... Ta gặp bao con người, bao số phận, bao mảnh đời đáng thương, bao tấm lòng đáng trân trọng: Lão Hạc và cậu con trai, ông giáo và người vợ, Binh Tư.... Giữa bóng tối cuộc đời cùng quẩn sau xóm làng, ta vẫn tìm thấy một ánh sáng tâm hồn nhân hậu, chan chứa tình yêu. Cuộc đời Lão Hạc là một chuỗi những ngày tháng đau khổ bất hạnh, một kiếp người chua chát và cay đắng từ khi sinh ra cho đến khi ra đi về cõi vĩnh hằng. Góa vợ từ khi còn trẻ, một mình lão gà trống nuôi con trong cảnh đói nghèo, lam lũ những mong con khôn lớn, trưởng thành làm chỗ nương tựa lúc ốm

đau khi tuổi già. Nhưng niềm hạnh phúc ấy đã không đến với lão. Vì ko đủ tiền cưới vợ, anh con trai phần chí đăng tên đi phu làm đồn điền cao su. Cảnh chia lìa của cha con lão Hạc không hẹn ngày sum họp. Lão Hạc mất vợ nay lại thêm nỗi đau mất con. Cảnh khốn khó về vật chất hòa trong nỗi đau về tinh thần thành dòng lệ chảy trong trái tim chờ đợi khắc khoải của người cha. Nhưng cuộc đời dường như vẫn chưa buông tha lão. Bất hạnh này rồi nối tiếp bất hạnh khác, nó cứ liên tiếp giáng xuống đầu người cha khốn khổ ấy. Kiệt sức vì lam lũ lầm than, vì mòn mỏi chờ đợi khiến Lão ốm nặng. Sau trận cơn bệnh đó lão ốm đi rất nhiều và không thể làm được những việc nặng. Làng mất nghề sợi đàn bà rối rắm nhiều, có việc gì nhẹ họ đều tranh hết. Lão hạc rơi vào cảnh bần cùng hóa hoàn toàn. Lão sống vật vờ với con ốc, con trai, củ khoai, củ ráy, sung luộc... Những thứ cũng chẳng dễ gì kiếm được với một lão già đã cạn kiệt sức lực. Cùng đường sống, lão Hạc tìm đường đến cái chết, lấy cái chết để tự giải thoát cho mình, Lão đã ăn bả chó để tự tử. Lão chết đau đớn thê thảm “đầu tóc rũ rượi, mắt long sòng sọc, mồm tru tréo bọt mép sùi ra”. Vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết ”Cái chết thật dữ dội! Số phận con người, một kiếp người như lão Hạc thật đau thương”. Với ngòi bút nhân đạo tha thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương nỗi xót xa con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết như lão. Chí Phèo tự sát bằng lưỡi dao, Lang Rận thắt cổ chết và lão Hạc cũng quyên sinh bằng bả chó! Lão Hạc từng hỏi ông giáo: “nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho sướng?”. Câu hỏi ấy thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một con người. Cái chết của Lão Hạc là một cú giáng vào thời đó, hờ hững, cố chấp vẫn cầm tù chúng ta. Khi chúng ta sáng mắt lên, hiểu ra rằng, lúc lão gàn dở nhất chính là lúc lão cao đẹp nhất, rằng tất cả những toan tính, lo liệu lẫn thẩn của lão, thực chất chứa đựng một phẩm chất thuần khiết, cao quý vô ngần thì đã muộn, quá muộn rồi! Bản lĩnh lớn nhất của Nam Cao có lẽ là ở đây. Cứ viết về những chuyện vật vãnh dường như tẻ nhạt mà làm ta dẫn vật. Bởi dưới ngòi bút Nam Cao, cái nhỏ nhặt không đâu trở nên thăm thẳm, cái hàng ngày dễ quên lại chứa đựng muôn đời. Phát hiện càng sâu sắc bao nhiêu, càng truyền cảm bấy nhiêu. Viết về cái tầm thường mà làm sống dậy những ý nghĩa không thể xem thường, đó mới là Nam Cao. Đọc Lão Hạc ta thấy đâu chỉ mình ta mới khổ. Như Binh Tư, một kẻ do cái nghèo mà trở thành trộm cắp. Đó là một ông giáo, một người tri thức đầy hiểu biết nhưng cũng không thoát khỏi áp lực của cảnh nghèo. Truyện ngắn Lão Hạc để lại trong lòng người đọc nhiều cảm xúc sâu sắc. Thông qua câu chuyện, Nam Cao muốn gửi gắm một nỗi niềm riêng tư. Có lẽ là nỗi đau của hàng ngàn, hàng vạn nỗi đau của

nông dân trước Cách mạng. Tác giả đề cao vai trò của nhân phẩm trong đời sống. Tha biến nhưng không tha tâm. Tôi không nghĩ thành công của truyện ngắn “Lão Hạc” là chỉ nhờ vào bàn tay của cấu trúc. Nhưng dù sao, ở đâu nó cũng là nhân tố chủ lực. Trước hết là cấu trúc mạch truyện. Truyện được triển khai theo bốn chủ đề lớn. Nó khiến cho câu chuyện đơn sơ mà có sức chan chứa, sức nén không ngờ. Vừa triết luận lại nhìn đời bằng đôi mắt tình thương. Vừa nghiên ngán về kiếp sống nhọc nhãi của con người. Vừa triết lí về một thế trong nhân sinh “không nên hoãn sự sung sướng lại”. Nam Cao đã làm chủ cây bút của mình. Mà ở điểm này, nhân tố quyết định sự sống còn của tác phẩm là chiều sâu và sức sống của hình tượng nhân vật chứ không phải sự lôi cuốn của mạch truyện hay cấu trúc ý tưởng và cảm ứng. Vậy là cái thần, cái hồn thiên nhiên nằm ở Lão Hạc. Và tinh hoa của bút Nam Cao hội tụ ở nhân vật này mà thôi! Mà nó thật sinh đậm, thể hiện việc kiến tạo một hình tượng cấu trúc phạm vi và sống động. Tuy đọc qua nhiều lần truyện này. Nhưng có lẽ không lần nào tôi dừng lại khi chưa đọc xong. Những lúc đó, tôi lại thấy má mình lạnh lạnh. Cuộc sống có quá nhiều khó khăn, nhưng Lão Hạc luôn là một tấm gương để chúng ta học tập không ngừng và sống tốt hơn.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nghĩ sâu sắc nhất về 1 câu chuyện anh (chị) đã học ở chương trình THCS mà đến nay không thể nào quên (Tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương)

Dàn ý A. Mở bài: - Giới thiệu về tác phẩm (rút ra từ tập truyện nào? của ai?) - Ấn tượng lớn nhất của bản thân về tác phẩm là gì? (là tiếng nói lên án chiến tranh phong kiến và chế độ nam quyền. Đồng thời ngợi ca phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ). B. Thân bài: - Tóm tắt ngắn gọn cốt truyện. - Nêu cảm nghĩ về: + Những nỗi vất vả và đau khổ của Vũ Nương *Phải vất vả lam lũ một mình nuôi mẹ nuôi con khi chồng ra trận*. Lúc gia đình được đoàn viên lại bị chồng nghi oan, rơi vào tuyệt vọng rồi tự vẫn. Vũ Nương là một hình tượng đẹp về người phụ nữ đảm đang tháo vát, thủy chung. Thế nhưng nàng cũng là hình ảnh tiêu biểu cho những nỗi đau và sự bất hạnh của người phụ nữ thời phong kiến (nỗi đau từ chiến tranh và từ sự độc đoán của chế độ nam quyền). + Hiện thực xã hội và hình ảnh người chồng. *Càng cảm thông và mong muốn được chia sẻ với vũ Nương, ta càng căm ghét những cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa. Đó chính là nguyên nhân sâu xa gây ra cảnh li tán và cái chết oan khuất của Vũ Nương*. Đáng giận và đáng tránh hơn là hình ảnh người chồng. Sự độc đoán và mù quáng của anh chính là nguyên nhân giết chết người vợ chung son sắt của mình. - Nghệ thuật truyện: Câu chuyện ngắn nhưng giàu kịch tính và có những cách giải quyết tình huống độc đáo, bất ngờ. Vì thế nó gợi ra niềm thích thú và sự say mê cho người đọc. C. Kết bài. - Chuyện người con gái Nam Xương là một truyện ngắn hay của văn xuôi thời trung đại. - Truyện gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ về cuộc sống và nhất là số phận con người thời phong kiến. Từ đó chúng ta thấy yêu quý và đáng trọng hơn cuộc sống hôm nay.

Văn Mẫu Lớp 10 - Giải thích vì sao chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo là hai sợi chỉ đỏ xuyên suốt nền văn học Việt Nam? Lấy ví dụ cụ thể

- Vì nước ta trải qua bao thời kì dựng nước và giữ nước - Dân tộc ta thoát khỏi ách đô hộ của thực dân phương bắc ngàn năm - Chủ nghĩa yêu nước và nhân đạo không hề tách biệt nhau, yêu nước chính là phương tiện cho nhân đạo *Yêu nước - Yêu nước là niềm tự hào, tự tôn dân tộc, là lòng căm thù giặc sâu sắc với ý chí quyết tâm dẹp loạn, giành độc lập tự do; là lòng trung quân ái quốc; tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước sâu sắc, tố cáo tội ác của giặc, thể hiện khát vọng hòa bình.* + Bài thơ “Nam quốc sơn hà” → *Giàu lòng yêu nước và tinh thần tự chủ* → *Tự hào dân tộc* + Bài thơ “Hịch tướng sĩ” → *Tinh thần quyết chiến quyết thắng* → *Yêu nước, căm thù giặc* + Bài thơ “Bình Ngô đại cáo” → *Tố cáo tội ác của giặc, thể hiện lòng yêu nước* - Đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, tinh thần yêu nước của con người Việt Nam lại bật lên mạnh mẽ. + Bài “Làng” → *Thể hiện lòng yêu nước của người nông dân* + Đoạn trích “Thuế máu” → *Tố cáo tội ác của thực dân Pháp* + *Không chỉ có vậy, cảm hứng yêu nước trong thơ trung đại còn thể hiện ở việc các nhà thơ ca ngợi cảnh đẹp của quê hương đất nước. Trong thơ, thiên nhiên đất nước Việt Nam hiện lên thật đẹp đẽ, tráng lệ giàu đường nét, màu sắc.* Nhân đạo Chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng. Các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực, đấu đá, tiêu diệt lẫn nhau. Cuộc sống của người dân vô cùng khổ cực. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi → Lúc này số phận và quyền sống của con người bị đe dọa. → Văn học giai đoạn này là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc, đấu tranh đòi giải phóng con người cá nhân → Nhiều bài thơ, văn tiêu biểu ra đời - *Khát vọng hòa bình* - Nhận thức ngày càng sâu sắc về nhân dân mà trước hết là đối với những tầng lớp thấp hèn trong xã hội phân chia giai cấp - *Đấu tranh cho hạnh phúc, cho quyền sống của con người, chống lại ách thống trị của chế độ phong kiến.* - *Ca ngợi vẻ đẹp của con người lao động* - *Tố cáo mạnh mẽ và đấu tranh chống những thế lực phi nhân tính*

Văn Mẫu Lớp 10 - Tưởng tượng cuộc gặp gỡ sau khi chết của Trọng Thủy với Mị Châu dưới thủy cung

Như đã biết, tôi thì đã chết vì tự tử trong giếng Loa Thành giờ đây tôi không còn thể xác nữa mà chỉ là một vong linh nhỏ bé. Tôi sợ ánh sáng nên không thể đi gặp vợ vào ban ngày được, tôi quyết định khi đêm vừa sập đến, tôi sẽ lập tức đến với nàng ngay. Trời đã tối, những cái cây vô hồn, vô hại vào ban ngày ban đêm bỗng trở nên đáng sợ, âm u vô cùng. Rừng cây đen xì, những chiếc lá khẽ cựa vào nhau, hòa với tiếng gió than bỗng trở nên một âm thanh nào ruột. Tôi nhờ vào rừng cây ấy mà tránh được con người. Đã hơn quá nửa đêm, lòng tôi giờ đã lạnh, tôi nửa muốn ở nửa muốn đi vì không biết Mị Châu có tha thứ cho mình, nhưng mặc cho thái độ lưỡng lự của tôi, gió vẫn vô tình đẩy linh hồn tôi đi xa ngút. Tuy xa nhưng tôi không mệt, tôi chẳng cần nghỉ ngơi một phút nào. Cuối cùng biển Đông đã dần hiện ra trước mặt tôi. Tôi tiến lại gần, cảm thấy mình có chút gì đó hèn nhát vì đã từng lưỡng lự trên đường đi. Nhưng cuối cùng vì cái chết oan của Mị Châu và tình vợ chồng bao lâu gần bó đã thôi thúc một linh hồn “tội đồ” nhưng tôi phải đến bên nàng ngay lập tức. Tôi bước xuống biển, biển lúc này lạnh. Tuy lạnh nhưng không cửa nổi hồn tôi, tôi bơi thẳng xuống đáy biển, thủy cung lộ ngay đã hiện ra trước mắt. Tôi tiến lại nhưng chẳng may một cộng rêu xanh đáng ghét lại giữ lấy chân tôi. Lạ nhỉ? Tôi là linh hồn cơ mà, làm sao cộng rêu có thể giữ được chân của một linh hồn? Tôi nghĩ và cho rằng đây chắc là cộng rêu thần, một cộng rêu có ý nghĩa như một sợi tơ hồng giữ cho tôi và Mị Châu gặp lại. Quả thật chỉ một loáng sau cửa thủy cung dần hé mở, Mị Châu bước ra, vẫn khuôn mặt ấy, vẫn mái tóc ấy, nhưng nụ cười trên môi nàng đã tắt. Mị Châu ra ngoài để thu hoạch rong biển, nàng tiến lại gần cộng rêu đã cuốn chân tôi, nàng thắng thốt, kêu lên: - Trọng...Thủy...là chàng? Nước mắt nàng tuôn ra hóa thành châu khi nó hòa với vị mặn của biển Đông, nàng ôm lấy tôi. Tôi lắp bắp: - Nàng... nàng tha thứ cho ta nhé? Mị Châu sẽ lắc đầu, nhìn tôi một cái rồi nàng lên đưa mắt qua sang trái. Lúc này mắt nàng đã nhoè hơn trước, nàng nói: - Vì có sao chàng đối xử với thiếp như thế. Tình thiếp trao chàng là nguyện một lòng, nhưng chàng lại vì chữ hiếu mà phụ thiếp. Nếu bây giờ thiếp chấp nhận cùng chàng trọn nghĩa chồng vợ thì chẳng phải thiếp là kẻ bất hiếu, bất nghĩa hay sao? Tôi đau đớn nhưng biết làm sao,

lỗi sai cho tôi gây ra, kết cục bi thảm này phải do tôi gánh lấy. Quả thật chẳng lẽ một câu “xin lỗi” của tôi có thể khiến lòng nàng vui đi? Trước quyết định đó của nàng Mị Châu, tôi đành buông một lời từ biệt: - Xin lỗi nàng Mị Châu, lúc trước ta vì chữ hiếu mà đã phụ nàng nhưng sau khi thấy xác ngọc của nàng qua chiếc áo lông ngỗng, ta đã nhận ra, ta rất yêu nàng. Nay nàng đã nói vậy, ta đành phải quay về Diêm Phủ để hóa thành kiếp súc sanh hồng chuộc lại tội lỗi. Mị Châu không nói không rằng nhưng khẽ thấy đôi mắt đượm sầu của nàng, tôi biết nàng đang phân vân và khó xử lắm. Nàng quay người sang hướng mặt trời mọc, những tia nắng đầu tiên xuất hiện, nó tô hồng cả một Long Cung sâu thẳm. Nàng quay phắt người lại nói vội vàng: - Chàng nên đi mau! Nhưng đã muộn, ông mặt trời đã lên cao hơn, bình minh đã chớm nở; trên mặt biển những chiếc tàu, thuyền đánh cá của ngư phủ đang lenh đênh trên sóng. Từ dưới nhìn lên, những chiếc tàu to lớn, hùng vĩ bỗng trở nên nhỏ xíu, chập chập như một chiếc lọ nhỏ ai vớt trên sông. Tôi dần dần tan biến... Ánh nắng chan hòa của mặt trời đã xuyên qua người tôi. Đau đớn và rạn nứt chính là cảm giác lúc này. Có lẽ trời cao cũng không thể thứ tha cho một linh hồn lạc lõng như tôi. Tôi tan vỡ trong vòng tay của Mị Châu riêng nàng vẫn được bảo vệ bởi viên thuốc thần của vua Thủy Tề. Linh hồn tôi không còn nguyên vẹn nữa và cho đến phút cuối tôi vẫn chưa được nghe hai tiếng “tha thứ” từ miệng nàng Mị Châu...

Văn Mẫu Lớp 10 - Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đó

Trọng Thủy tỉnh dậy thì bàng hoàng nhận ra mình đang ở giữa mênh mông biển nước. Những tầng san hô cứ liên tiếp nối nhau làm che khuất tầm nhìn. Xung quanh chàng lúc ấy chỉ có nước và những đàn cá tung tăng bơi lội. Trọng Thủy vẫn còn ngỡ ngàng. Chàng dần bước đi miễn cưỡng và không phương hướng. Thế nhưng vừa ra khỏi đám san hô, Trọng Thủy đã bị bốn năm hình nhân quai lạ mình người đầu tôm cá từ đâu kéo đến trói chặt đưa đi. Trọng Thủy được đưa đến một cung điện nguy nga lộng lẫy, cái mà chàng chưa bao giờ gặp ở trên trần. Những ngôi nhà tráng lệ sáng trưng màu ngọc, có đầy đủ lính canh và người hầu ra vào tấp nập. Qua bốn năm lần cửa canh như thế, Trọng Thủy bị bắt vào quỳ ở trong đại điện. Một tên lính trong nhóm người kia cũng quỳ xuống và thưa: - Thưa công chúa! Bọn thuộc hạ bắt được tên này ở ngoài cổng điện. Xem chừng hẳn đến đây có ý gian tà, xin công chúa đưa ra xét tội. Người ngồi trên kia lên tiếng. Trọng Thủy nghe thấy quen quen nhưng mặt người kia bịt kín nên chàng không nhìn rõ. - Này, anh kia! Anh từ đâu tới mà lại lạc đến đây? - Dạ, bẩm! Tôi người trần, vì ngờ người tình đang ở trong giếng nước nên mới lao mình xuống giếng rồi bị lạc đến nơi đây. - Vậy anh tên gì? - Tôi là Trọng Thủy, là con trai của Triệu Đà Vương. - Ta nghe nói ở trên trần, người gây ra nhiều tội ác cho nhân dân Âu Lạc, khiến họ vô cùng oán thán. Điều đó có đúng hay không? Trọng Thủy vô cùng ngạc nhiên. Không ngờ một người hoàn toàn xa lạ lại biết ngọn ngành mọi chuyện của mình. Biết là không thể chối, Trọng Thủy bèn viện lý do: - Thực tình tôi cũng là làm theo ý của vua cha. - Nhà ngươi lại còn định chối tội hay sao? Người ngồi trên điện kia nổi nóng. Nhà ngươi giả vờ sang cầu hòa Âu Lạc, xin cưới công chúa Mị Châu để chờ cơ hội trộm nỏ thần đã là một tội. Tàn bạo hơn, ngươi lại cho quân lính sang giày xéo bờ cõi nước Nam làm cho muôn dân kêu gào trong đau khổ. Không những thế, nhà ngươi còn nhẫn tâm bức chết vua Âu Lạc, bức chết người vợ thủy chung mà ngây thơ dại dột của mình. Với bằng ấy tội danh nhà ngươi còn muốn đổ lỗi cho ai? Trọng Thủy tái mặt, không biết người ngồi trên điện là ai. Nhưng sợ quá, chàng cúi đầu nhận tội: - Thưa công chúa! Tôi biết mình mang tội lớn nhưng tôi một lòng yêu quý Mị Châu, ngày đêm mong ngóng được gặp nàng để tỏ bày nỗi lòng

ân hận. - Bây giờ nhà người mới hối hận thì có giải quyết được gì đâu? - Tôi biết vậy. Nhưng ngày xưa, Mị Châu vì rất yêu thương tôi mà nghe tôi tất cả. Tôi yêu thương nàng thật tôi đã lừa dối trái tim trong trắng của nàng nên tôi day dứt lắm. Đến khi nàng mất đi tôi mới biết dù có là vua Âu Lạc nhưng nếu mất Mị Châu, cuộc sống của tôi cũng chẳng có ý nghĩa gì. Tôi rất muốn gặp nàng để ít nhất được nói với nàng sự hối hận của tôi. - Trọng Thủy! Chàng hãy ngẩng mặt lên và nhìn xem thiếp là ai? - Nàng là... Mị Châu! - Vâng thiếp đúng là Mị Châu. Sau khi thiếp chết đi, vua Thủy Tề đã rất thương tình mà nhận thiếp làm con gái. Vì thế thiếp mới được ở nơi đây. - Mị Châu! Ta xin lỗi nàng. Vì ta mà nàng phải chịu bao đau khổ. Bây lâu nay ta chỉ ước được gặp nàng. Ta sẵn sàng bỏ đi tất cả để được cùng nàng sống trong hạnh phúc. Hãy tha thứ cho ta. - Thiếp mừng vì chàng đã nhận ra lầm lỗi. Nhưng chúng ta không thể sống với nhau. Nếu làm như vậy, người đời sẽ nhạo báng chúng ta mãi mãi. Không được sống với nhau coi như cũng là một sự trừng phạt xứng đáng với những lỗi lầm quá lớn của chúng ta ở trên hạ giới. Thiếp đã đợi ngày này từ rất lâu rồi và chỉ để được nói với chàng một câu thôi: hãy sống sao cho tốt trong những ngày sắp tới để bù đắp cho những gì mà chúng ta đã gây ra. Mị Châu vừa nói dứt câu thì cả cung điện nguy nga bỗng biến ngay đâu mất. Xung quanh vắng lặng chỉ còn trơ lại một mình Trọng Thủy. Chàng ân hận mà lặng câm không nói được. Vết nơ mà chàng đã gây ra có lẽ chỉ có nước biển Đông xô dạt ngàn đời mới mong xóa được. Trọng Thủy cứ ngồi đó hàng chục ngày đêm. Và rồi không biết tự bao giờ. Chàng đã hóa thành người đá. Sau này hàng mấy trăm năm, có người lặn xuống biển Đông mò ngọc quý vẫn còn nhìn thấy một tảng đá hình người âu sầu khổ não đang dang hai cánh tay ra như cầu xin ai đó một điều gì.

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của anh (chị) về tình cảm gia đình hoặc tình bạn, tình thầy trò theo ngôi kể thứ nhất

Trong cuộc đời mỗi người chắc hẳn ai cũng đều có người để yêu thương và quý mến nhưng đã có ai từng nghĩ: “Ai là người mình yêu nhất và ai là người để lại cho mình những kỉ niệm không thể phai mờ?”. Đối với mọi người có thể người ấy là bạn thân, ông bà hay anh, chị, em nhưng riêng đối với tôi, người mà tôi luôn yêu mến và mãi sẽ yêu là Mẹ - người đã trao cho tôi cuộc sống. Mẹ tôi năm nay đã gần bốn mươi tuổi. Mọi người vẫn khen mẹ tôi trẻ và xinh nhưng đôi khi tôi gần mẹ, tâm sự với mẹ, tôi thấy mẹ như đã già đi nhiều. Đôi mắt mẹ ánh lên vẻ ấm áp, tròng mắt, giờ đây đã xuất hiện những vết chân chim. Vầng trán mẹ đã có nhiều nếp nhăn. Nổi bật nhất trên khuôn mặt mẹ là chiếc mũi cao dọc dừa và đôi môi đỏ. Tôi vẫn còn nhớ như in những nụ hôn ấm áp mẹ trao cho khi tôi còn bé. Làn da mẹ mềm mại, trắng hồng nhưng đã điểm những nốt tàn nhang của tuổi bốn mươi. Trước đây, khi tôi còn nhỏ, mẹ có mái tóc dài, mượt mà, mái tóc đen của mẹ như một đoạn của dải của Ngân Hà, đen mượt và óng ả. Khi tôi học lớp Năm, mẹ tôi đã thay đổi kiểu tóc, mẹ đã cắt mái tóc dài và thay vào đó là mái tóc xoăn. Mái tóc ngắn, xoăn, màu nâu đỏ thả bồng bênh trên vai có lẽ hợp với khuôn mặt trái xoan của mẹ hơn, nhưng tôi vẫn thích mẹ để tóc dài như trước. Tôi còn nhớ như in ngày đầu tiên tôi đi học. Tối hôm đó, sau bữa tối, mẹ đã mang vào phòng tôi một bọc quà rất to. Tôi cứ nghĩ là được mẹ mua cho đồ chơi hay là một bộ lego mà tôi hằng mong muốn. Tôi háo hức mở bọc quà, thì ra đó toàn là sách, vở, đồ dùng học tập và có cả một chiếc cặp sách in hình siêu nhân mà tôi rất thích. Bộ đồng phục đã được mẹ là phẳng phiu. Mọi thứ đã sẵn sàng, tôi rất thích thú đợi đến ngày mai - ngày đầu tiên tôi gấp thành nếp và được xếp lại ngay ngắn bước vào lớp Một. Sáng hôm sau, mẹ âu yếm dắt tôi đến trường. Tôi vẫn nhớ cảm giác hồi hộp và lo sợ lúc đó, tôi không biết mình sẽ làm gì và mình sẽ như thế nào khi không có mẹ ở bên. Rời tay mẹ, tôi bước vào cổng trường, tôi thấy mình thật bơ vơ và lạc lõng. “Cố lên con, rồi con sẽ quen với cô giáo và các bạn, đừng lo!”. Đi được mấy bước tôi vẫn nghe thấy tiếng mẹ ở đằng sau. Tôi vội quay lại ôm mẹ rồi khóc thật to. Mẹ ôm tôi vào lòng âu yếm: “Con lớn rồi mà, từ hôm nay con đã là học sinh lớp Một rồi. Hãy tự tin lên nào!”. Tôi nghe lời mẹ, vào lớp học. Ngày hôm đó đối với tôi

thật dài, tôi rất nhớ mẹ, chưa bao giờ tôi lại thấy yêu mẹ và cần mẹ hơn lúc này. Đã tám năm trôi qua kể từ ngày đầu tiên đi học nhưng tôi không thể nào quên được hình ảnh thân thương của mẹ và những cảm xúc của mình trong cái ngày đáng nhớ ấy. Mẹ đã giúp tôi tự tin, vững vàng bước những bước đi đầu tiên trên con đường tri thức. Đã có lần, tôi vô lễ với mẹ và tôi nhớ mãi để không bao giờ tái phạm nữa. Tôi còn nhớ như in, đó là một ngày mưa, khi tôi còn là một cậu học sinh lớp Sáu. Tôi đi học về với một vẻ mặt buồn bã. Mẹ rất quan tâm, mẹ hỏi han rất nhiều. Nhưng vì quá bức bối nên tôi đã gắt lên với mẹ: “Con ghét mẹ lắm, mẹ đừng nói nữa!”. Nói rồi tôi bật khóc và chạy lên phòng, đóng sập cửa lại. Tôi khóc rất to, mắt đã đỏ hoe. Chỉ vì thằng bạn thân hiểu nhầm tôi mà chúng tôi cãi nhau to. Cả ngày hôm nay, tôi không có tâm trí nào mà tập trung vào việc học được nữa và hậu quả là tôi đã không làm được bài kiểm tra môn Toán. Nghĩ đến những việc đó, đầu óc tôi lại như phát điên. Tôi nằm bẹp suốt một giờ đồng hồ. Cảm giác cô đơn và lạnh lẽo khiến tôi tỉnh táo hẳn. Tôi nghĩ đến mẹ, nghĩ đến câu mình vừa nói với mẹ. Trời ơi, tôi đã mắc phải một sai lầm lớn! Tại sao mình lại có thể nói vô lễ với người luôn yêu thương, chăm sóc mình được chứ? Tôi ân hận lắm! Chỉ vì bị bạn hiểu lầm mà tôi đã trút giận lên mẹ. Tôi bật dậy, định chạy ra ngoài xin lỗi mẹ thì mẹ tôi đã mở cửa phòng bước vào. Như đoán được suy nghĩ của tôi, mẹ nhìn tôi bằng ánh mắt trù mến và ngồi xuống bên tôi. “Mẹ ơi, con xin lỗi, con sai rồi!”. Tôi nói trong tiếng nấc nghẹn ngào. Mẹ nhẹ nhàng vuốt tóc tôi rồi nói thật nhẹ nhàng: “Mẹ cũng có lỗi vì đã không thông cảm và hỏi han con”. Tôi rất ân hận vì đã làm mẹ - người tôi luôn yêu thương bấy lâu nay, phải buồn. Chính những lời nói nhẹ nhàng, cử chỉ âu yếm của mẹ làm tôi thêm day dứt vì lỗi lầm của mình hơn. Tôi đã kể cho mẹ nghe mọi chuyện. Mẹ đã an ủi và động viên khiến tôi phấn chấn hơn nhiều. Từ lần đó, tôi luôn tự hứa phải suy nghĩ kỹ trước khi nói và không được làm mẹ buồn nữa. Có những lần tôi bị ốm, mẹ đã chăm sóc tôi tận tình và dành cho tôi tình yêu thương nồng ấm để tôi mau khỏi bệnh. Những đêm tôi ôn thi, mẹ đã thức cùng tôi, ở bên động viên và giúp tôi học. Với tôi, mẹ như một làn mây che cho tôi mưa nắng, mẹ là ngọn lửa thôi thúc con tim tôi để vững bước trên đường đời. Dù mai đây nếu mẹ có mất đi thì trong tôi, mẹ luôn sống và theo tôi suốt cuộc đời.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ về cái kết của 2 truyện Tấm Cám và An Dương Vương, Mị Châu - Trọng Thủy

I. Tấm Cám - Sự trở về của Tấm: + Phản ánh quan niệm “ở hiền gặp lành”. + Phản ánh mơ ước về công bằng xã hội, về hôn nhân hạnh phúc, về khát vọng đổi đời. + Quan niệm và mơ ước hết sức thực tế của người lao động về hạnh phúc. Họ không tìm hạnh phúc ở cõi nào khác mà tìm và giữ hạnh phúc ngay ở cõi đời này. - Chi tiết Tấm trả thù + Xuất phát từ nhu cầu trả thù, trừng trị kẻ hãm hại. + Thể hiện triết lí dân gian “ ác giả ác báo”. + Phù hợp với công lí Nhân Dân: người tốt → thưởng, kẻ ác → trừng phạt. => Cuộc đấu tranh giữa Tấm và mẹ con Cám diễn ra gian nan, quyết liệt nhưng cuối cùng Tấm đã chiến thắng. Đó là chiến thắng tất yếu của cái thiện → ác, của lòng nhân đạo và lạc quan theo quan niệm của nhân dân II. An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy. 1. An Dương Vương + Giặc đến điềm nhiên ngồi đánh cờ... → Không nhận ra dã tâm nham hiểm, quỷ quyệt của kẻ thù, lơ là mất cảnh giác, chủ quan khinh địch, không lo phòng bị → mất nước (Xét cho cùng An Dương Vương thua là do mưu sâu, kế hiểm của Triệu Đà) * Tỉnh ngộ: + Tiếng thốt: Kim Quy + Rút kiếm chém Mị Nương → đứng về phía công lí → Đứng trên quyền lợi dân tộc thẳng tay trừng trị kẻ có tội cho dù đó là đứa con lá ngọc cành vàng. Đây là một sự lựa chọn quyết liệt giữa một bên là nghĩa nước, một bên là tình nhà. An Dương Vương đó để cái chung lên cái riêng. Vì vậy trong lòng nhân dân, An Dương Vương không chết mà mới đi vào cõi bất tử. + Cầm sừng tê bảy tấc đi xuống biển. (So với hình ảnh Thánh Gióng về trời thì An Dương Vương không rực rỡ hoành tráng bằng. Bởi lẽ bởi cạnh là người có công, An Dương Vương cũng là người có tội-đó để mất nước. Một người mà ta phải ngược mắt lên mới nhìn thấy. Một người ta phải cúi xuống thăm thẳm mới nhìn thấy. Đây cũng là thái độ của tác giả dân gian đối với từng nhân vật) → Bài học: Đề cao tinh thần cảnh giác với kẻ thù, không chủ quan khinh thường trước bất cứ hoàn cảnh nào. 2. Mị Châu Kết cục: bị kết tội là giặc, bị vua cha chém chết. → Quá trình dựng nước và giữ nước của An Dương Vương vô cùng khó khăn vất vả. Là một công chúa lẽ ra Mị Châu phải thấu hiểu điều đó. Nhưng vì tình cảm riêng tư mà Mị Châu quên đi trách nhiệm của một người con đối với cha, một bề tôi đối với đất nước. Do đó tội chém đầu là phải, không oan ức gì. Như vậy lời kết tội là tiếng nói sáng suốt

và nghiêm khắc của công lí, của nhân dân đối với Mị Châu. + Hóa thân: máu → ngọc trai, xác → ngọc thạch (thủ pháp nghệ thuật truyền thống: độc đáo, sáng tạo) → Sự bao dung độ lượng, niềm cảm thông đối với người con gái ngây thơ, trong trắng do vô tình nhẹ dạ mà mắc tội với non sông chứ nàng không phải là người chủ ý. → Truyền thống cư xử thấu tình đạt lí của nhân dân ta. → Bài học: luôn luôn đặt quan hệ riêng, chung cho đúng mực (phải đặt quyền lợi của dân tộc, đất nước lên trên quyền lợi cá nhân, gia đình) - Cái chết của Trọng Thủy: Sự bế tắc, ân hận muộn màng. Chẳng qua Trọng Thủy cũng là một nạn nhân của chính cha đẻ mình. Để phục vụ cho âm mưu xâm lược, Triệu Đà đó sai con làm gián điệp, không ngờ đó thức dậy ở con những tình cảm của một con người và cuối cùng đó dẫn đến cái chết thê thảm của Trọng Thủy → Triệu Đà thắng nhưng mất con. Trọng Thủy thành công nhưng trở thành kẻ lừa dối, dâm hèn, mất vợ, bị người Việt đời đời lên án. Trong đau đớn hối hận muộn màng y chỉ còn con đường nhảy xuống giếng sâu

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích nghĩa của từ trong Tiếng Việt

1. Giới thiệu Phân tích, miêu tả cho được cấu trúc nghĩa của từ là một trong những nhiệm vụ và mục đích hàng đầu của việc nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa. Trong lĩnh vực này, người ta đã đề xướng nhiều phương pháp phân tích nghĩa của từ, nhưng thường gặp và dễ dùng nhất là phương pháp sử dụng ngữ cảnh. 2. Ngữ cảnh là gì? 2.1. Khi dùng ngôn ngữ để giao tiếp, người ta thường nói ra những câu, những phát ngôn, chứ không phải là những từ rời rạc. Tại đó, các từ kết hợp với nhau theo những quy tắc và chuẩn mực của ngôn ngữ. Cũng trong câu hoặc phát ngôn cụ thể, người ta mới biết được rằng: Tại trường hợp, hoàn cảnh cụ thể này, từ có nghĩa gì (tức là nó bộc lộ nghĩa nào trong số các nghĩa của nó). > Ví dụ, khi ta nghe thấy chỉ một từ “chắc” trong tiếng Việt thôi, thì không thể biết được người nói muốn nói gì tới nghĩa nào đó của từ này. Thế nhưng, từng nghĩa một của từ “chắc” sẽ xuất hiện rất rõ ràng, nếu ta nghe thấy nó trong các phát ngôn, những chuỗi từ đại loại như sau: Lúa đã chắc hạt; Nhà xây rất chắc; Lời nói chắc như đinh đóng cột; Ông này chắc đã có con lớn; Anh làm thế, để người ta không biết đấy chắc;... Định nghĩa về ngữ cảnh được phát biểu như sau: Ngữ cảnh của một từ là chuỗi từ kết hợp với nó hoặc bao xung quanh nó, đủ để làm cho nó được cụ thể hoá và hoàn toàn xác định về nghĩa. (Định nghĩa này cho thấy rằng ngữ cảnh có thể tối thiểu là một từ, tối đa là một chuỗi lớn hơn, có khả năng ứng với một câu, một phát ngôn,...) 2.2. Sở dĩ từ bộc lộ một nghĩa xác định nào đó trong ngữ cảnh chứa nó là vì trong mỗi ngữ cảnh, từ thể hiện khả năng kết hợp từ vựng và khả năng kết hợp ngữ pháp của mình. Khả năng kết hợp ngữ pháp của từ là khả năng nó có thể đứng vào một vị trí nhất định trong những cấu trúc nhất định nào đó. Nói khác đi, đó là khả năng từ có thể tham gia vào những cấu trúc ngữ pháp nào đó. Ví dụ, trong tiếng Việt, động từ có khả năng kết hợp với các từ: đã, đang, sẽ, sắp, lại, vừa,... ở đằng trước; và: xong, rồi, mãi,... ở đằng sau (ví dụ: đang đi, làm mãi,...). Nếu từ thuộc lớp ngữ pháp nào, thuộc từ loại nào,... thì sẽ được quy định cho những khả năng tương ứng, những vị trí tương ứng trong các mô hình cấu trúc ngữ pháp. Ngược lại, khả năng kết hợp từ vựng của từ lại là khả năng kết hợp giữa một nghĩa của từ này với một nghĩa của từ khác, sao cho tổ hợp được tạo thành phải đúng với thực tại, phù hợp với logic và thói quen sử dụng ngôn ngữ của

người bản ngữ. Ví dụ, người Việt vẫn nói: ăn cơm, học bài, nhắm mắt,... và cũng nói: bây giờ đang mùa thu, trông vẫn còn con gái như ai, nhà này cũng năm tầng;... mà không thể nói: ăn bài, học cơm, nhắm miệng, bây giờ đang nhà,... Có những từ có khả năng kết hợp từ vựng rất rộng, nhưng có những từ thì khả năng đó lại hẹp hoặc vô cùng hẹp. Chẳng hạn, các động từ: nhắm, nháy, ngheñ, kiểng, phưỡn, mấp máy,... có khả năng kết hợp với từ vựng rất hẹp. Mỗi động từ đó chỉ kết hợp được với một hoặc vài danh từ khác mà thôi. Có thể diễn giải khả năng kết hợp từ vựng của từ như sau: – Khi có hai từ A và B kết hợp với nhau chẳng hạn, thì không phải lúc đó tất cả các nghĩa của A đều hiện lên và kết hợp với tất cả các nghĩa của B. – Nếu ta hình dung mỗi từ có một “phổ” nghĩa: $A = a, b, c, \dots$ $B = x, y, z, \dots$ thì sự kết hợp AB về mặt từ vựng có thể là kết hợp nghĩa $ax, by, bz, bx, ay, az, \dots$ tùy trường hợp cụ thể mà AB phản ánh. Ví dụ: Xét kết hợp “che đầu” trong câu Trời mưa một mảnh áo bông che đầu, ta thấy: Từ “che” có hai nghĩa: (...) Ngăn cho khỏi bị một tác động nào đó từ bên ngoài. Từ “đầu” có 4 nghĩa: Bộ phận thân thể người, động vật nằm ở vị trí trên cùng hoặc trước nhất. (...) (...) (...) Khả năng kết hợp từ vựng của “che” với “đầu” trong trường hợp này là kết hợp của nghĩa che (2) với nghĩa đầu (1). Những phân tích vừa nêu trên chứng tỏ rằng: Khả năng kết hợp từ vựng của các từ quy định và cho phép chúng có kết hợp với nhau được hay không. Ngược lại, thông qua các kết hợp cụ thể từ này với các từ khác, ta có thể phát hiện dần từng nghĩa riêng của từ, tiến tới xác định được cả một “phổ”, cả một cơ cấu của nghĩa từ. Điều này cũng tương tự như hình thái học phát hiện tất cả các từ hình của từ trong hoạt động lời nói để rồi quy chúng về cái gọi là từ vị vậy.

3. Cách dùng phương pháp phân tích theo ngữ cảnh Khi áp dụng phương pháp phân tích nghĩa qua ngữ cảnh cho từ tiếng Việt, chúng ta phải làm những việc cụ thể (tất nhiên đây mới chỉ là cái cơ bản chứ chưa phải là những thao tác chi tiết), như sau:

3.1. Phân tích ngữ cảnh Đây là bước đầu tiên, bắt buộc phải thực hiện vì đó là tư liệu làm việc. Trước hết phải xác định được các ngữ cảnh (có chứa từ mà ta cần phân tích) trong các loại văn bản thành văn thuộc các loại hình phong cách chức năng khác nhau. Sau đó trích các ngữ cảnh đó ra và tập hợp lại.

3.2. Phân loại ngữ cảnh Khi đã thu được số lượng ngữ cảnh đủ nhiều, đáng tin cậy, phản ánh đủ hết các nghĩa của từ, chúng ta sẽ phân loại. Những ngữ cảnh nào cùng làm hiện thực hoá một nghĩa của từ (tức là trong những ngữ cảnh đó, từ xuất hiện với cùng một nghĩa), thì được xếp vào một nhóm gọi là nhóm ngữ cảnh cùng loại. Nếu việc phân loại ngữ cảnh làm càng chuẩn xác thì sẽ càng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tách nghĩa của từ đa nghĩa, bởi vì,

từ càng đa nghĩa thì càng phức tạp, càng khó xử lí. Xét các ngữ cảnh chứa từ “say” như sau đây làm ví dụ: Má hồng không thuốc mà say. Đất say đất cũng lăn quay Trời say trời cũng đỏ gay ai cười. Say thuốc lào. Say xe. Say sóng. Da anh đen cho má em hồng Cho duyên em thăm, cho lòng anh say. Các cụ ông say thuốc. Các cụ bà say trà. Còn con trai con gái, chỉ nhìn mà say nhau. Các ngữ cảnh trên đây được phân tích thành hai nhóm: Nhóm 1 gồm ngữ cảnh 1, 6, 9. Nhóm 2 gồm ngữ cảnh 2, 3, 4, 5, 7, 8.

3.3. Phân tích nghĩa

Đối với từ đơn nghĩa, nhiệm vụ ở bước này là so sánh với các từ khác cùng nhóm (tương đồng, tương cận hoặc tương phản với nó) để phát hiện các nghĩa tố cần yếu trong cấu trúc nghĩa của từ. Riêng từ đa nghĩa, vấn đề phức tạp hơn. Cùng với việc so sánh, phát hiện các nghĩa tố cần yếu của từng nghĩa, thì việc tách ra bao nhiêu nghĩa trong toàn bộ cơ cấu nghĩa từ phải được tiến hành trước một bước. Ta cần phải làm những bước sau đây: Xác định nghĩa gốc của từ (trong thể tương quan lưỡng phân nghĩa gốc – nghĩa phái sinh). Nghĩa gốc của từ có thể là một nghĩa từ nguyên, nhưng cũng có thể chỉ là một nghĩa phái sinh rồi phái sinh tiếp tục ra nghĩa khác. Ví dụ tính từ “bạc” có 3 nghĩa: Mỏng manh, ít ỏi, không trọn vẹn: Mệnh bạc,... Ít ỏi, sơ sài (trái với hậu): Lễ bạc lòng thành,... Không nhớ ơn nghĩa, không giữ được tình nghĩa trọn vẹn trước sau như một: Ăn ở bạc với bố mẹ,... Nghĩa (1) của tính từ “bạc” là nghĩa từ nguyên, vốn từ gốc Hán. Nghĩa (2) và (3) của nó đều được phái sinh từ nghĩa (1). Thế nhưng trong tiếng Việt hiện đại, nghĩa (3) mới là nghĩa phổ biến nhất. Dựa vào nghĩa gốc, ta phát hiện các nghĩa phái sinh và các quy tắc chuyển nghĩa của chúng. Xác định nghĩa không thường trực (nghĩa ngữ cảnh) nếu có, để loại trừ khỏi phạm vi mà chúng ta đang quan tâm. Như vậy, chỉ những nghĩa thường trực mới được đưa vào phân tích xử lí. Ngay trong khi phân loại ngữ cảnh, thực chất là đã bao hàm việc tách nghĩa từ trong đó rồi. Vì vậy, nếu phân loại ngữ cảnh mà chuẩn xác thì số nhóm ngữ cảnh cùng loại nói chung là ứng với số nghĩa khác nhau của từ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích lỗi và chữa các lỗi cho phù hợp với ngôn ngữ viết trong đoạn văn: “a... b... c...”

Đề bài: Phân tích lỗi và chữa các lỗi cho phù hợp với ngôn ngữ viết: a) Trong thơ ca Việt Nam thì đã có nhiều bức tranh mùa thu đẹp hết ý. b) Còn như máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì không được kiểm soát, họ sẵn sàng khai vống lên đến mức vô tội vạ. c) Cá, rùa, ba ba, ếch nhái, chim ở gần nước thì như cò, vạc, vịt, ngỗng,...thì cả ốc, tôm, cua,... chúng chẳng chữa ai sất. Bài làm: Câu a) Các từ “thì”, “hết ý” chỉ được sử dụng trong ngôn ngữ nói. Để phù hợp với ngôn ngữ viết cần sửa lại: bỏ “thì”, sửa từ “hết ý” thành “rất”. Câu b) Các từ “vống lên”, “vô tội vạ” thường được dùng trong ngôn ngữ nói. Để phù hợp với ngôn ngữ viết cần sửa: “vống lên” → quá mức thực tế; “vô tội vạ” → một cách tùy tiện. Bỏ từ “như”(trong kết cấu “còn như”) Câu c) Câu văn lộn xộn, tối nghĩa và sử dụng từ thuộc ngôn ngữ nói: “sất”. Có thể sửa lại câu như sau: “Chúng chẳng chữa một thứ gì: từ cá, rùa, ba ba, ếch nhái, ốc, tôm, cua cho đến những loài chim ở gần nước như cò, vạc, vịt, ngỗng....”

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đặc điểm ngôn ngữ nói trong đoạn văn (trích trong truyện ngắn Vợ nhặt của Kim Lân - SGK lớp 12)

Đề bài: Phân tích đặc điểm ngôn ngữ nói trong đoạn văn (trích trong truyện ngắn Vợ nhặt của Kim Lân - SGK lớp 12): “Chủ tâm hăn cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hăn, cười như nắc nẻ: - Kìa anh ấy gọi! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy! Thị cong cớn: - Có khối cơm trắng mấy giò đấy! Này, nhà tôi ời, nói thật hay nói khoác đấy? Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười: - Thật đấy, có đấy thì ra mau lên! Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng. - Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ.-Thị liếc mắt, cười tít.”

Bài làm: Đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn văn được thể hiện qua một số điểm sau: - Sự đổi vai người nói và người nghe, sự chuyển đổi lượt lời: “mấy cô gái” nói với “thị” (Kìa anh ấy gọi!...), “thị” đáp lại lời các cô gái (“Có khối cơm trắng mấy giò đấy!”, “thị” nói với Tràng (Này, nhà tôi ời,...), Tràng nói với “thị” (Thật đấy, có đấy thì ra mau lên). - Sử dụng các từ ngữ thuộc phong cách khẩu ngữ: + Các từ hô gọi trong lời nhân vật: “Kìa, này, ời, nhỉ...” + Các từ tình thái trong lời nhân vật: Có khối...đấy, đấy, Thật đấy... + Các từ ngữ thường dùng trong ngôn ngữ nói: “cơm trắng mấy giò” (đồng nghĩa với từ “với”), có khối, nói khoác, sợ gì, đằng ấy... - Sử dụng các kết cấu thường xuất hiện trong ngôn ngữ nói: “Có... thì...”, “Đã... thì...” Sử dụng nhiều kiểu câu thường dùng trong ngôn ngữ nói: câu tỉnh lược chủ ngữ (Có muốn ăn cơm ...), nhiều câu cảm thán (Có khối cơm trắng mấy giò đấy!), câu cầu khiến (Có đấy thì ra mau lên !) - Sự phối hợp giữa lời nói và cử chỉ: các cụm từ miêu tả cử chỉ “cười như nắc nẻ”, “cong cớn”, “liếc mắt”, “cười tít”...

Văn Mẫu Lớp 10 - Ca dao than thân không chỉ diễn tả thân phận, nỗi niềm đau khổ đắng cay của người phụ nữ trong xã hội cũ mà còn là tiếng nói khẳng định giá trị phẩm chất của họ. Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua 3 bài ca dao sau “Thân... ai”. “Thân... bùi”. “Con... con”

Đề bài: Ca dao than thân không chỉ diễn tả thân phận, nỗi niềm đau khổ đắng cay của người phụ nữ trong xã hội cũ mà còn là tiếng nói khẳng định giá trị phẩm chất của họ. Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua 3 bài ca dao sau: 1. “Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”. 2. “Thân em như củ ấu gai, Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen, Ai ơi nếm thử mà xem, Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi”. 3. “Con cò mà đi ăn đêm Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao Ông ơi ông vớt tôi nao Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng Có xáo thì xáo nước trong Chớ xáo nước đục đau lòng cò con” Hướng dẫn bài: Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai. => Tấm lụa đào luôn là hình ảnh tượng trưng cho 1 cô gái đẹp, đẹp về cả hình thức lẫn tâm hồn, nhưng dường như số phận nó quá bất bênh, trôi nổi, không thể làm chủ được. Thân em như củ ấu gai Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen. Ai ơi nếm thử mà xem Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi. => Người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, luôn bị chà đạp, không được coi trọng trong xã hội. Nhưng không phải là chấp nhận số phận ấy, họ vẫn đẹp, vẫn rất thông minh. Củ ấu gai, ở ngoài xấu xí, xù xì, nhưng bên trong, lại khác, trắng và ngon - đó là dư vị mà con người ta cảm nhận được bằng mắt rồi bằng miệng. “Ai ơi nếm thử mà xem”, ” mới biết rằng em ngọt bùi”. Cái vẻ bề ngoài ấy đâu có làm mờ đi cái vẻ đẹp tươi tắn bên trong. Mặc dù nếm trải bao nhiêu nỗi đắng cay, nhưng vẫn giữ được 1 phẩm chất đẹp, khẳng định 1 tâm hồn cao đẹp của họ. Con cò mà đi ăn đêm Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao Ông ơi ông vớt tôi nao Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng Có xáo thì xáo nước trong Đừng xáo nước đục đau lòng cò con => Con cò lầm lụi, vất vả, bươn chải trên con đường kiếm ăn mù mịt, chơi vơi, không biết đâu là 1 nơi an toàn, nhưng vì sao nó vẫn đi, vì cuộc sống. Và trong cái hoàn cảnh đó, làm sao tránh khỏi khó khăn, làm sao tránh khỏi việc bị bắt. Nhưng lâm vào cảnh khó khăn, không đồng nghĩa với việc cam chịu số phận, vẫn muốn giữ một sự trong sạch cho mình, để sống, để thế hệ sau không phải hổ thẹn vì chính mình. Tất cả vì phẩm chất của con cò - người phụ nữ quá cao quý.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận của em về môn giáo dục quốc phòng trong trường học hiện nay

Mở bài: Giới thiệu (đó là môn học để rèn luyện thể chất, ...) Thân bài: - Môn học này có nhiều mặt lợi + Rèn luyện bản thân sống có kỉ luật, đề cao tinh thần đoàn kết, ... + Nếu sau này có ai vào quân đội thì đó là tiền đề để phát triển + Nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân. ... Kết bài: Cảm nhận khái quát.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy viết 1 truyện ngắn về ngôi kể thứ nhất kể về số phận và cuộc đời của chú họa mi bị nhốt trong lồng

Dàn ý: Mở bài: Giới thiệu về chú họa mi (hoàn cảnh bị bắt, nhận được sự chăm sóc như thế nào...). tâm trạng khái quát(buồn, muốn thoát ra khỏi lồng...) Thân bài: - Tôi là 1 chú họa mi có bộ cánh đẹp, (nói rõ đặc điểm) - Tôi bị nhốt ở đây đã.... ngày, trong những ngày đó, tôi vô cùng nhớ đến không khí ở ngoài kia. nhớ mẹ tôi, nhớ những người bạn thân thiết, nhớ... nhiều lắm nhưng tôi lại ko thể thoát ra được. - Tuy tôi đc ng ta chăm sóc chu đáo nhưng nỗi nhớ đó cứ giằng xé trong tôi, nó luôn thôi thúc tôi tìm cách thoát... - Nhưng nhìn những gì mà cậu bé đó (người đã đưa tôi về) dành cho tôi thì tôi lại không nỡ. cậu cho tôi những chú sâu béo ngậy, những hạt thóc căng tròn... điều đó làm tôi phải suy nghĩ.” mình có nên tìm cách thoát thân hay không? như thế có quá đáng lắm không?...” - Rồi một ngày nọ, như thường lệ, cậu bé đó cho tôi ăn. nhưng không như mọi ngày, trông cậu ấy buồn lắm. cậu uể oải đặt thức ăn vào lồng, rồi cậu nhìn tôi. tôi nhìn cậu với vẻ dò hỏi. được 1 lúc cậu vừa mở lồng vừa nói: - Chim ơi, ta trả tự do cho mày, ta ko thể nuôi mày nữa vì mẹ ta ko cho phép. hãy bay đi, tìm cho mình một mái nhà mới. nghe cậu ấy nói, tôi vừa vui vừa buồn vì... tôi chao liệng mấy vòng và bay đi ... Kết bài Tôi có một cuộc sống mới ngoài những nan lồng kia...

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể lại 1 kỉ niệm sâu sắc của em về tình cảm gia đình, bạn bè, thầy trò (ngôi thứ nhất)

Gợi ý: Kể niệm được chọn cần có chọn lọc (phải quan trọng, phải giàu ấn tượng và giàu cảm xúc). Khi kể cần chú ý đảm bảo đúng ngôi người kể (ngôi thứ nhất). Có thể tham khảo dàn ý như sau: A) Mở bài - Giới thiệu mối quan hệ của bản thân với người mà mình đã có được kỉ niệm giàu ấn tượng và sâu sắc (ông bà, cha mẹ, bạn bè, thầy cô...). - Kể lại hoàn cảnh nảy sinh kỉ niệm ấy (trong một lần về thăm quê trong một lần cùng cả lớp đi chơi, đi học nhóm hoặc trong một lần được điểm tốt, hay một lần mắc lỗi được thầy cô rộng lượng phân tích và tha thứ...). (B) Thân bài (1) Giới thiệu chung về tình cảm của bản thân với người mà ta sắp xếp (tình cảm gần bó lâu bền hay mới gặp, mới quen, mới được thầy (cô) dạy bộ môn hay chủ nhiệm...). (2) Kể về kỉ niệm. - Câu chuyện diễn ra vào khi nào? - Kể lại nội dung sự việc + Sự việc xảy ra thế nào? + Cách ứng xử của mọi người ra sao? Ví dụ: Vào giờ kiểm tra, tôi không học thuộc bài nhưng không nói thật. Tôi tìm đủ lí do để chối quanh co (do mẹ tôi bị ốm...) . Nhưng không ngờ hôm trước cô có gọi điện cho mẹ trao đổi về tình hình học tập của tôi. Nhưng ngay lúc ấy cô không trách phạt. Để giữ thể diện cho tôi, có mời tôi cuối giờ ở lại để hỏi thăm sức khoẻ của mẹ tôi. - Kỉ niệm ấy đã để lại trong bản thân điều gì? (Một bài học, thêm yêu quý ông bà, bạn bè, thầy cô hơn...). (C) Kết bài - Nhấn mạnh lại ý nghĩa của kỉ niệm ấy. - Tự hào và hạnh phúc vì có được người ông (bà, cha mẹ, bạn, thầy cô...) như thế.

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh/ chị hãy trình bày cảm nhận về bài thơ “khăn thương nhớ ai”

Khăn thương nhớ ai một bề Bài ca nằm trong hệ thống ca dao về đề tài thương nhớ, 1 cung bậc trong ca dao tình yêu của người bình dân Việt Nam. Bài ca diễn tả nỗi nhớ niềm thương của 1 cô gái. Nhớ thương da diết, nhớ đến thao thức, cồn cào gan ruột mà ko dễ bộc lộ. Cô phải hỏi khăn, hỏi đèn, hỏi cả mắt mình. Những câu hỏi ko có câu trả lời càng nén chặt nỗi thương nhớ, để cuối cùng trào ra trong nỗi lo âu cho hạnh phúc: Đêm qua em những lo phiền Lo vì một nỗi ko yên một bề Giọng thơ sâu lắng, dồn dập gợi ra nhiều cảm xúc. Mở đầu, chiếc khăn đc hỏi đến đầu tiên và đc hỏi nhiều nhất: Khăn thương nhớ ai nước mắt Chiếc khăn thường là vật trao duyên, vật kỷ niệm gợi nhớ người yêu. Sáu câu thơ đc cấu trúc theo lối vắt dòng, lấy lại 6 lần từ “khăn” ở vị trí đầu các câu thơ và lấy lại 3 lần câu “khăn thương nhớ ai” như 1 điệp khúc bất tận, thể hiện nỗi nhớ triền miên, da diết. Đường như mỗi lần hỏi là nỗi nhớ lại trào dâng thêm. Cái khăn, tự nó ko biết ” thương nhớ”, ko biết tự “rơi xuống”, “vắt lên”, ” chùi nc mắt”, nhưng những hình ảnh vận động mang cảm xúc người đã hiện lên hình ảnh con người với tâm trạng ngổn ngang niềm thương nhớ cùng nỗi lo âu. Nhớ đến ngơ ngẩn, nỗi nhớ tỏa theo chiều hướng của ko gian (” khăn rơi xuống đất rồi lại ” khăn vắt lên vai”), cuối cùng thu lại trong cảnh khóc thầm (“khăn chùi nước mắt”). Nỗi nhớ trong 6 câu lan tỏa vào ko gian, đến 4 câu tiếp lại xuyên suốt theo thời gian. Nỗi nhớ ban ngày kéo dài sang cả ban đêm: Đèn thương không tắt Vẫn là điệp khúc “thương nhớ ai”, nhưng nỗi nhớ đã chuyển từ ” khăn” sang “đèn”. Hình ảnh ngọn đèn gợi ra đêm khuya v2 vô canh tàn, và cái đốm lửa đang cháy kia phải chăng là hình ảnh của nỗi nhớ cháy rục trong lòng cô gái? Ngọn đèn mãi ko chịu tắt, nỗi nhớ cứ da diết khôn nguôi. Cũng như chiếc khăn. ngọn đèn đã giúp cô gái thổ lộ nỗi lòng. Nhưng dù gợi cảm bao nhiêu, thì chiếc khăn và ngọn đèn cũng chỉ là cách nói gián tiếp theo lối biểu tượng, nhân hoá. Nỗi lòng của cô gái buộc phải bật ra trong cách nói trực tiếp: “Mắt thương...không yên” Thương nhớ đến ko ngủ đc, cứ trăn trở thao thức là cách thức biểu lộ quen thuộc trong ca dao: Đêm nằm lưng chẳng tới giường, Trông cho mau sáng ra đường gặp anh” Tuy nhiên, cũng là 1 tâm trạng ấy, nhưng trong bài ca này, hình ảnh đôi mắt có sức gợi cảm sâu

xa hơn nhiều. “Mắt ngủ ko yên” tạo nên 1 đối xứng rất đẹp với “đèn ko tắt” ở trên, gợi lên 1 khung cảnh rất thực: cô gái giữa đêm khuya 1 mình đối diện với ngọn đèn mà nhớ người thương. Vì “mắt ngủ ko yên” nên “đèn ko tắt”. Nói đèn cũng chỉ là náo nguơ72i mà thôi. Ngọn đèn soi chiếu vào đôi mắt, càng thấy nỗi nhớ thương vời vợi ko nguôi. Mười câu thơ là 5 câu hỏi ko có lời đáp. Điệp khúc ” thương nhớ ai” trở đi trở lại như xoáy vào 1 nỗi niềm khắc khoải, da diết. Năm lần ” thương nhớ” và 5 lần từ ” ai” xuất hiện. Bản thân từ “ai” mang ý phiếm chỉ, gợi lên 1 nỗi nhớ thương sâu thẳm mênh mông, ko giới hạn. Từ “ai” không xác định cụ thể đối tượng, nhưng người nghe hoàn toàn hiểu được “ai” ấy là ai. Hỏi không có trả lời, nhưng thực câu trả lời đã nằm trong giọng điệu khắc khoải, da diết kia. Không cần nói rõ, nhưng nỗi nhớ người yêu đã được bộc lộ 1 cách kín đáo mà gợi cảm, sâu sắc, mãnh liệt. Cách gieo vần của bài ca cũng rất đặc sắc. Vần chân và vần lưng xen kẽ nhau (ai-ai,mắt-tắt), vần bằng vần trắc luân phiên, tất cả tạo nên 1 âm điệu uyển lả liên hoàn khiến cho nỗi nhớ thương của cô gái vừa nén lại, vừa như kéo dài ra mênh mông vô tận theo cả ko gian và thời gian. Tưởng chừng nỗi nhớ ấy sẽ ko có kết thúc... Nhưng bài ca phải có điểm dừng. Khi cô gái không hỏi nữa thì niềm thương nhớ trào ra thành nỗi lo phiền : “Đêm qua... một bề” Từ nhịp thơ 4 chữ dồn dập, liên tiếp, lời ca chuyển sang nhịp thơ lục bát nhẹ nhàng hơn nhưng cũng xao xuyến hơn, giải bày niềm lo âu của cô gái trc hạnh phúc lứa đôi. Không phải ngẫu nhiên mà chữ “lo” được nhắc đến 2 lần. Nhớ thương người yêu và lo lắng cho duyên phận của mình “không yên một bề”, tâm trạng của cô gái mang ý nghĩa phổ biến cho người phụ nữ trong cuộc đời xưa: yêu tha thiết nhưng luôn lo sợ cho hạnh phúc bất bênh bài ca khá tiêu biểu cho nghệ thuật ca dao với sự lặp lại trong cách diễn tả tâm trạng, cách dùng những hình ảnh biểu tượng, lối nhân hóa để tăng thêm sức sống cho hình ảnh, cách gieo vần linh hoạt, cách cấu tạo truyền thống kết hợp những câu thơ bốn chữ với hai câu lục bát cuối cùng... Qua nỗi thương nhớ và niềm lo âu được diễn tả trong bài ca, ta nhận ra tiếng hát yêu thương và khao khát yêu thương của người bình dân xưa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh/ chị có suy nghĩ về lòng tự trọng trong xã hội hiện nay

1/ Mở bài: - Có một vấn đề quan trọng trong đạo lí con người nhưng hình như nhiều lúc bị lãng quên : lòng tự trọng. - Như để nhắc nhở mọi người , trong một tác phẩm của mình , truyện ngắn “ một người Hà Nội , nhân vật ba Hiền nói về việc bà bằng lòng để người con trai đầu của mình ra trận trong những năm chiến tranh , đã nói “ Nó dám đi cũng là biết tự trọng” 2/ Thân bài: a/ Đau đớn mà bằng lòng cho con trai đi ra trận vì “ nó đi cũng là biết tự trọng” , người mẹ ấy hiểu như thế nào là lòng tự trọng. - Làm điều mà mình có nghĩa vụ phải làm : đánh giặc giữ nước là nghĩa vụ thiêng liêng của mọi người dân đối với đất nước . làm một thanh niên phải đứng hàng đầu của của cuộc sống. - Không sống dựa vào công lao và sự hi sinh của người khác. - Không để mình phải chịu nổi hổ thẹn vì mặc cảm mình là kẻ hèn nhát , kẻ hèn kém hơn người khác , không xứng đáng sống bằng người khác ... - Bằng lòng cho con trai ra trận không chỉ thể hiện sự tôn trọng một phẩm chất của con người mà còn khẳng định phẩm chất của một người mẹ biết dạy con. Trong những điều cần tạo nên cho nhân cách một con người , có một điều rất cần là lòng tự trọng. b/ Lòng tự trọng có còn là một phẩm chất quan trọng trong cuộc sống hôm nay? - Dù ở thời điểm nào , lòng tự trọng vẫn là một phẩm chất của con người . về cốt lõi thì không có gì thay đổi có khác chăng thì đó là những cách ứng xử trong hoàn cảnh cụ thể của xã hội , trong những vị thế cụ thể của từng người . Lòng tự trọng, hiểu một cách đầy đủ , chính là có ý thức về mình, tự mình tôn trọng mình, coi trọng danh dự của mình. + Tự nguyện làm những việc phải làm , quyết không làm những việc không được làm , không nên làm. + Tự nhận những gì mình xứng đáng được hưởng , quyết không thụ hưởng những gì không phải của mình , vật chất cũng như tinh thần , không đánh cắp thành quả của người khác. - Biết tự trọng, người ta sẽ không làm những điều dối trá , tuy người khác không biết nhưng chính mình biết rõ. + Một trí thức biết tự trọng sẽ không đánh cắp tri thức của người khác làm tri thức của mình. + Một học sinh biết tự trọng sẽ không gian dối trong học tập và thi cử . + Một công chức nhà nước tự trọng thì biết tự giác hoàn thành nhiệm vụ không lợi dụng chức vụ để tư túi. + Một công dân tự trọng sẽ biết tự giác tôn trọng pháp luật. + Một con người biết tự trọng sẽ không phản bội

lòng tin của người khác. c/ Lòng tự trọng không chỉ là phẩm chất tạo nên giá trị cho mỗi con người mà còn tác động đến xã hội. - Ngày nay , có rất nhiều người , nhiều việc biểu hiện thiếu lòng tự trọng. + Học sinh tìm cách quay cóp trong các kì thi , sinh viên chép lại luận văn mỗi kì tốt nghiệp. + Ngoài đường, khi tham gia giao thông người ta hay đi vào đường ngược chiều hay vượt đèn đỏ một cách tự nhiên khi không có cảnh sát , người ta đổ rác sang nhà người bên cạnh. + Nơi công sở , người ta làm việc riêng hay dùng điện thoại cơ quan để trò chuyện hàng giờ + Nơi công cộng , người ta gây phiền hà cho mọi người , không có ý thức giữ vệ sinh , bảo vệ môi trường. - Tác hại đầu tiên đến ngay trong gia đình. + Một người cha hay người mẹ chở con đi học , sẵn sàng phạm luật giao thông , vậy có thể dạy lòng tự trọng cho con cái không? + Một gia đình không biết tôn trọng nhau làm sao có thể tạo nên những con người tự trọng . - Tác hại từ xã hội :nếu có quá nhiều người thiếu lòng tự trọng thì: + Xã hội sẽ đầy những kẻ dối trá , sẵn sàng đạp lên những nguyên tắc tốt đẹp giữa người với người. + Xã hội sẽ đầy những đồ giả từ danh xưng cho đến bằng cấp, vị thế. + Con người ta sẽ bỏ mất nhiều giá trị đạo đức khác nữa. 3/ Kết bài: - Mỗi con người hôm nay đều cố gắng tiến lên trên con đường sự nghiệp của mình , có được thành công mới từng ngày - Để thành công vững chắc , xứng đáng với thành công , đừng quên nhắc nhở mình “ Phải biết tự trọng!”

Văn Mẫu Lớp 10 - Em giải thích câu tục ngữ đi một ngày đàng học một sàng khôn

Trong cuộc sống, có những điều mà chúng ta chưa hề biết. Những kiến thức đơn giản thì hiển hiện xung quanh chúng ta, còn những điều mới lạ, hấp dẫn thì lại ẩn chứa trong xã hội. Chính vì vậy để có được kiến thức thì chúng ta phải biết tìm hiểu, học hỏi, khám phá. Đó cũng chính là ước nguyện của ông cha ta nên tục ngữ mới có câu rằng: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” Câu tục ngữ này mang hai vế đối xứng với nhau. “Một” đối với “một”, đó chính là hình thức đối xứng độc đáo. Câu tục ngữ này ý khuyên nhủ chúng ta hãy biết đi đây, đi đó để được ở mang, tích lũy kiến thức, tầm nhìn về xã hội. “Ngày đàng” ở đây là một phép ẩn dụ. Nó không phải là con số cụ thể quy ước mà chỉ một khoảng thời gian mà chúng ta tiếp nhận những điều hay lẽ phải ngoài xã hội. Không chỉ vậy, ngụ ý của tác giả dân gian còn được bộc lộ rằng không phải bất kì cái mới mẻ nào cũng có thể tiếp nhận mà hãy cẩn trọng, thẩm hiểu để nhận ra sự mới mẻ nào có ích, sự mới mẻ nào có hại mà biết đường đề phòng tránh hay học tập. Điều đó được thể hiện qua từ “sàng khôn”. Không chỉ vậy câu tục ngữ này còn nói lên thế giới đa dạng và phong phú, nếu biết tiếp nhận nó một cách khéo léo thì kết quả thu được sẽ rất lớn. Thật vậy. Ngoài xã hội có rất nhiều những điều hấp dẫn đối với những người mới tiếp xúc. Đó là nơi văn minh, là nơi giao lưu học hỏi của các tầng lớp, cũng là nơi trao đổi, buôn bán, có nhiều loại hình nghệ thuật độc đáo, những công nghệ độc đáo, hay những kiến thức khoa học huyền bí. Từ những cách ăn nói ngoài xã hội đến những hình thức ứng xử, tất cả đều là kiến thức, được khoác nhiều bộ áo trên nhiều phương diện. Mặt tích cực không nhỏ nhưng mặt tiêu cực cũng không phải là ít. Những tệ nạn xã hội, những trò đùa lôi kéo sự đam mê của con người dẫn đến sự lu mờ về đạo đức, nhân phẩm. Có nhiều người mặc dù biết được tác hại của nó nhưng đã dấn chân vào rồi thì khó lòng rút ra được. Do đó ý thức của chúng ta trong việc tiếp nhận kiến thức tốt đẹp là hoàn toàn cần thiết. Ngày xưa, thời kì vật chất còn xơ xài, ông cha ta ăn vất vả cực nhọc nên ý thức đã nhận ra rằng sự học hỏi là thiết yếu trong việc thay đổi cuộc sống thêm tiến bộ, nhưng có mấy khi có điều kiện để vượt khỏi lũy tre làng. Vì vậy đó là một ước vọng lớn lao của ông cha ta. Không chỉ thời bấy giờ mà ngày nay, xã hội ngày một văn minh, đất nước đổi

mới, con người đang bước sang kỉ nguyên hiện đại, yếu tố học hỏi là không thể không tồn tại. Để theo kịp những tiến bộ khoa học, con người cũng phải tìm hiểu, học tập lẫn nhau để xứng đáng là một phần tử của đất nước, xứng đáng là một con người văn minh, lịch sự. Chính những sự giàu đẹp của đất nước ngày một tăng cao đã là sự thúc giục trong ý thức học hỏi ngoài đời của mỗi con người. Trong tất cả các môi trường học tập thì dường như xã hội là một nơi sâu thẳm về kiến thức, là nơi chứng kiến biết bao kinh nghiệm của con người và cũng là kho tàng để chúng ta tích lũy. Có biết bao nhiêu điều hay lẽ phải đang chờ chúng ta. Chắc chắn mỗi người đi ra ngoài xã hội đều vấp phải những trở ngại, khó khăn, nhưng chính những điều đó lại càng tăng thêm sức mạnh cho mỗi chúng ta. Tuy nhiên thì không phải học tập ngoài xã hội chỉ đơn thuần như vậy mà còn cần phải học khôn, học chọn lọc những tinh túy, còn những điều tiêu cực thì lại là mặt trái để chúng ta biết tránh xa. Nói tóm lại câu tục ngữ trên khuyên răn chúng ta về cách mở rộng hiểu biết, mở rộng vốn kiến thức để tạo nên những thành quả vượt bậc và cách sống cao đẹp.

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh/ chị giải thích câu tục ngữ đi một ngày đàng học một sàng khôn

Ông cha ta thường khuyên con cháu phải biết giao thiệp rộng, tiếp xúc với nhiều người để học hỏi, nâng cao tầm hiểu biết của mình, đặc biệt cần phải tránh, không nên thu mình một chỗ, một xó kéo rồi khi ra cáng đáng việc đời lại bở ngỡ, choáng ngợp trước một cuộc sống đa dạng, muôn màu muôn sắc mà hoàn cảnh hạn hẹp theo lối ếch ngồi đáy giếng chưa cho phép một lần được trông thấy, nghĩ tới. Câu tục ngữ đi một ngày đàng, học một sàng khôn là một trong những lời khuyên sâu sắc và quý giá đó. Với câu tục ngữ này, ông cha ta đã mách bảo, khuyên dạy rằng, muốn nên người, muốn hiểu biết nhiều, có kiến thức rộng, am hiểu sự đời, phải lăn lộn với cuộc sống, phải đi nhiều, phải đi đây đó để thu lượm, học hỏi những tri thức của cuộc sống để nâng cao, mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết của bản thân mình. Ở câu tục ngữ đi một ngày đàng, học một sàng khôn, xét về mặt chữ nghĩa, các từ đều khá rõ ràng. Ở đây chỉ có từ đàng là hơi khó hiểu vì nó là từ địa phương miền Trung và miền Nam với nghĩa là đường. Cái khó của câu tục ngữ này là ở chỗ, các từ ngữ kết hợp với nhau tạo nên những đơn vị định danh vừa cụ thể lại vừa rất trừu tượng. Ngày đàng vừa có ý nghĩa không gian vừa có ý nghĩa thời gian. Khi ngày đàng kết hợp với từ chỉ số lượng một tạo thành chỉnh thể một ngày đàng vẫn không tạo nên một đại lượng cụ thể, dễ nắm bắt được. Dẫu vậy, cả vế thứ nhất đi một ngày đàng cũng toát lên cái ý “có sự ra đi trong một khoảng thời gian và không gian nhất định dù là ngắn”. Đây là tiền đề, là cơ sở để tạo nên kết quả học một sàng khôn. Trong sự đối ứng với vế thứ nhất, đi một ngày đàng thì vế thứ hai học một sàng khôn hàm chỉ kết quả học hỏi, thu nhận được rất lớn. Sàng khôn trong câu tục ngữ này có tính biểu trưng và tạo nên những liên tưởng rất lí thú. Dân gian hay dùng sàng với nghĩa đen chỉ một loại đồ đan bằng tre, hình tròn, nông và thưa có tác dụng làm sạch trấu và tấm cho gạo, để làm danh từ chỉ đơn vị. Đơn vị được đong, đo, đếm bằng sàng trong quan niệm dân gian là lớn và nhiều. Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp là cách đối lập giữa số ít và số nhiều. Vậy, học một sàng khôn là học được nhau cái hay, cái tốt của thiên hạ để cho mình khôn lớn hơn, hiểu biết về cuộc sống xã hội. Nếu thả mình vào trong sự liên tưởng, thì ít nhiều chúng ta lại nghĩ tới một sự biểu trưng khác của từ sàng

khôn này. Thông thường, nói đến sàng người ta nghĩ tới cái được giữ lại ở trên sàng là thứ to hơn, ngược lại cái lọt xuống, lọt qua sàng là thứ nhỏ. Lọt sàng xuống nia mà lại! Sàng khôn có lẽ vì thế mà gợi nên sự liên tưởng tới những điều khôn không chỉ có số lượng nhiều nói chung, mà còn là cái số lượng nhiều đã được chọn lọc. Không hiểu cha ông ta có gửi gắm điều này không, nhưng đứng về phía người thường thức và sử dụng ngôn ngữ, những liên tưởng như vậy là hoàn toàn có lý. Trở lại câu tục ngữ đi một ngày đàng học một sàng khôn, hai vế câu tục ngữ được hỗ trợ của phép đối và điệp để gây liên tưởng có tính khẳng định: hễ cứ đi ra là có thể học được điều hay lẽ phải và càng đi nhiều càng khôn lớn trưởng thành. Đó là thông điệp của cha ông gửi lại cho đời sau. Câu tục ngữ đi một ngày đàng học một sàng khôn còn có một dạng thức nữa là đi một quãng đàng, học một sàng khôn. Dạng thức này hình thành trên cơ sở cụ thể hóa việc đi lại bằng đơn vị không gian (quãng đường) chứ không phải là đơn vị thời gian (ngày đàng) như dạng đang xét. Sự thay đổi này không làm phương hại gì đến ý nghĩa của câu tục ngữ. Gần với câu tục ngữ đi một ngày đàng học một sàng khôn về cả ba phương diện cấu tạo và ý nghĩa là câu tục ngữ đi một buổi chợ, học một mớ khôn. Câu tục ngữ này khuyên bảo người đời cần phải tiếp xúc nhiều người, càng tiếp xúc rộng rãi, càng học hỏi được nhiều, và do đó càng hiểu biết, khôn lớn trong cuộc sống

Văn Mẫu Lớp 10 - Hãy trình bày đặc điểm chung của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật? Làm sáng tỏ đặc điểm của phong cách nghệ thuật qua việc phân tích đoạn thơ: “Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang... Với áo mơ phai dệt lá vàng.” (Đây mùa thu tới - Xuân Diệu)

Đề bài: Hãy trình bày đặc điểm chung của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật? Làm sáng tỏ đặc điểm của phong cách nghệ thuật qua việc phân tích đoạn thơ: Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng, Đây mùa thu tới, mùa thu tới, Với áo mơ phai dệt lá vàng. (Đây mùa thu tới- Xuân Diệu) Gợi ý bài: Những câu thơ đầu của Đây mùa thu tới gợi lên một tâm trạng buồn đến tang tóc ảm đạm. Từ ý tưởng đến âm thanh, nhạc điệu đều rất buồn. Nỗi buồn là do cảnh sắc mùa thu hoà hợp với tâm trạng buồn của tác giả. “Xuân, người ta vì ấm mà cần tình. Thu, người ta vì lạnh sắp đến mà cũng cần đôi, cho nên không gian đầy những lời nhớ nhung, những linh hồn cô đơn thả ra những tiếng thở dài để gọi nhau và lòng tôi nghe tất cả du dương của thứ vô tuyến điện ấy”. (Xuân Diệu) Tâm trạng buồn của Xuân Diệu là một nỗi buồn thế hệ, không tìm được lối ra trong cuộc đời cũ, tác giả tìm đến những hình ảnh thiên nhiên có tính tương đồng để biểu hiện xúc cảm. Các cụm từ “đìu hiu”, “tóc buồn buông xuống”, “lệ ngàn hàng” gợi lên sự hắt hiu, lạnh lẽ, gợi cảm giác về sự trôi chảy của tâm trạng buồn mà không có gì ngăn lại được. Hoàng Trung Thông cũng có nhận xét: “Những chữ đìu hiu, chịu tang, tóc buồn, lệ ngàn hàng, run rẩy, khô gầy, mỏng manh, rét mướt, vắng người, u uất, hận chia li, tất cả gợi lên xa xăm và thương nhớ”. Trong cuộc đời cũ, có rất nhiều lí do để buồn, kể cả đứng trước cái đẹp, cái đẹp làm cho con người dễ khát khao nhưng không dễ với tới được và thường rơi vào trạng thái cô đơn, buồn tủi. Mùa thu có nhiều vẻ đẹp, màu sắc khác nhau và Xuân Diệu đã mở rộng sự tiếp nhận, cảm xúc xúc động của mình trước vẻ đẹp, màu sắc của mùa thu: “Đây mùa thu tới, mùa thu tới Với áo mơ phai dệt lá vàng”. Bức tranh về mùa thu luôn thay đổi màu sắc. Một tiếng kêu thầm như reo vui khi cảm nhận mùa thu đang đến. Câu thơ có hai tiết tấu “mùa thu tới” trùng điệp và gây ấn tượng mạnh

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh/ chị hãy kể lại Truyện An Dương Vương và Mỵ Châu Trọng Thủy và tưởng tượng một kết thúc khác và tác giả dân gian

Giếng Loa Thành sâu hun hút, nhìn mãi không thấy đáy. Phải một lúc lâu kể từ khi lao xuống giếng, đầu Trọng Thủy mới đập vào đáy giếng, chảy nhiều máu. Hắn cứ ngỡ mình sẽ đau lắm. Nhưng không. Sau cú va chạm mạnh ở đầu, Trọng Thủy đứng dậy, thấy mình khoẻ khoắn lạ thường. Dòng nước trong mát dưới giếng đẩy linh hồn của hắn đi đến một nơi rất xa. Nơi ấy có tiếng sóng vỗ ầm ì, có tôm, cua, trai, ốc. “Đây là thủy cung chăng?” - Hắn nghĩ thầm Xứ sở hắn đang đến thật đẹp đẽ và lộng lẫy. Hắn lướt trên mặt nước, xung quanh hắn là hàng ngàn rong biển đang trôi dạt đầy kiêu sa. Xa xa, lấp ló ánh hào quang màu ngọc bích. Trọng Thủy tiến dần về phía ánh sáng đó. Trước mặt hắn hiện lên một tòa cung điện nguy nga, lát toàn ngọc quý. Một con sóng lớn ập vào. Tóc Trọng Thủy dựng đứng cả lên, thành những hình thù nhòn nhọn như đinh sắt. Hắn cảm thấy lạnh gai người, toàn thân run lên bần bật. - Hắn có chuyện chẳng lành. Ta cần phải cẩn thận. - Hắn lẩm nhẩm. Ô! Những đám rong biển kia giờ không còn trôi dạt nữa. Chúng tụ tập lại, tạo thành hai hàng dọc màu xanh dương. Tiếp đó, một chiếc kiệu màu trắng toát xuất hiện. Mấy chú cá kình biển Đông khiêng kiệu, đồng thanh nói: - Bể Thạch Mị Châu công chúa giá lâm! “Là Mị Châu ư?” - Trọng Thủy mừng rỡ “Thì ra nàng vẫn còn sống. Ta nhớ nàng khổn khổ xiết bao.” Trọng Thủy bồi hồi nhớ lại ngày nàng mới cưới hắn, vẻ trong trắng, thơ ngây của nàng, cả khúc nhạc trong trẻo nàng thường gảy cho hắn nghe. Nhưng bước xuống lại là một người phụ nữ có gương mặt trắng xanh, đứng bất động như đá. Mỗi cử động của nàng đều vô cùng khó khăn. Phía sau nàng là một người đàn ông mặt mày dữ tợn, cầm hai chiếc sừng trâu trên đầu. Người ấy ôn tồn bảo Mị Châu: - Trước, vì chuyện tình duyên với Trọng Thủy làm con đau khổ, hóa đá, để đến nỗi linh hồn cũng bị băng lại thành ngọc thạch. Muốn giải được điều này, con phải đích thân trừng trị Trọng Thủy. Mị Châu khiêm nhường, cúi mặt xuống, đáp: - Đa tạ Diêm Vương đã cho con cơ hội để trả mỗi nhục thù. Mị Châu dứt lời, Diêm Vương đã biến mất trong những làn sóng biển rì rào. Trọng Thủy chạy lại, nắm chặt tay Mị Châu. Tim nàng thổn thức. Những kỉ niệm đẹp nhất của cuộc sống vợ chồng ủa về trong trái tim nàng. Đứng trước mặt con người ấy, Mị Châu rất muốn dùng đôi tay mềm

mại của mình ôm lấy Trọng Thủy. Thế nhưng, nàng rất nhẹ nhàng, bình thản bỏ tay Trọng Thủy ra. - Mị Châu đã hóa đá. Trái tim này cũng biến thành băng rồi. - Mị Châu lạnh lùng nói Nhìn người đẹp khuôn mặt lạnh tanh, vô cảm, ánh mắt nhìn vào côi miên man, thân người nàng đông cứng như một tảng băng ngàn năm, Trọng Thủy đau đớn vô cùng. Hắn rút từ trong tà áo một con dao găm, đưa cho Mị Châu: - Hãy giết ta đi! Trái tim nàng sẽ ấm nóng trở lại. Mị Châu cầm con dao trên tay, nhìn trân trân Trọng Thủy. Ánh mắt ấy vừa chan chứa tình yêu, nỗi nhớ, vừa đầy sự than trách. - Chàng yêu thiếp vậy, sao còn hãm hại cha thiếp, đất nước của thiếp? - Vì cha ta. - Trọng Thủy nghiêm mặt nói Cướp được Âu Lạc, nước của ta sẽ mạnh lên. Ta không hối hận đâu. - Trọng Thủy nói, nhìn thẳng vào mắt Mị Châu Giờ Mị Châu mới sức tỉnh. Từ hồi cưới nàng, Trọng Thủy chưa từng một lần nhìn vào mắt nàng. Khi nói chuyện, mắt hắn thường nhìn xuống đất. - Chàng nói lại đi! Chàng có hối hận không? - Không - Trọng Thủy kiên quyết nói Năm xưa, để mở rộng quốc thổ, cha nàng chẳng đã từng xâm chiếm Văn Lang đó sao? Chiến tranh giữa các nước, mạnh được yếu thua là chuyện muôn thuở mà. - Vậy sao chàng còn tự tử? Sao không về với cha chàng rồi cưới một người vợ quý tộc khác? Lúc ấy, thiếp sẽ là ma hiện về ám ảnh chàng. - Ta có hối hận chứ. Nhưng ta chỉ hận mình khi đã gợi ý cho nàng về chiếc áo lông ngỗng, để cha nàng phát hiện và đã giết nàng. Ta hận đã đến quá muộn để chỉ còn ôm được xác nàng. Mị Châu, ta thực lòng mong được sống với nàng suốt đời suốt kiếp. - Nhưng thiếp không muốn. Thiếp không muốn sống với một người đã giày xéo đất nước thiếp Mị Châu quay mặt đi. Những giọt nước mắt lăn dài trên má nàng. Lòng nàng như đang bị muôn ngàn mũi tên xuyên thủng. Nỗi đau này còn lớn hơn cả nhát kiếm mà phụ vương đã đâm nàng. Tình yêu và thù hận, bên nào nặng, bên nào nhẹ? Mặt Trời đã qua mấy lần đội biển. Mị Châu và Trọng Thủy vẫn chưa nói thêm với nhau câu gì. - Trọng Thủy, sao chàng lại muốn chết? - Mị Châu thầm thì hỏi - Vì ta muốn trả nợ cho nàng. Chết rồi, ta sẽ hết đau đớn, dẫn vật. - Vậy thì thiếp không để cho chàng chết đâu. Nợ của chàng sao có thể trả dễ như thế được? Thiếp muốn chàng phải đau khổ, cắn đứt lương tâm đời đời kiếp kiếp. Một ánh nến tắt màu đen tuyền chuyển động nhịp nhàng trên mặt nước. Đến gần Mị Châu, ánh nến tắt dừng lại và hiện thành Diêm Vương. - Mị Châu, đã hết thời gian rồi. Ta không thể ở lại thủy cung quá lâu. Con đã trả thù chưa? - Ngài nói - Diêm Vương, con cầu xin ngài cho Trọng Thủy bất tử, còn con sẽ là một linh hồn bình thường của dòng luân hồi. Ở bất cứ kiếp nào, Trọng Thủy cũng nhận ra con, tìm đến với con. Nhưng con thì chẳng nhớ hắn là ai, cưới chồng, sinh con với người

khác. Con muốn hẳn phải đau khổ, phải yêu con cả ngàn năm, cả vạn năm. - Mị Châu nói, đôi mắt nàng vẫn không rời khỏi Trọng Thủy - Vậy con có muốn Trọng Thủy cả ngàn vạn năm ấy phải sống ở Âu Lạc không? Hẳn ta còn phải trả nợ với đất nước của con nữa – Diêm Vương nói - Xin theo ý ngài - Mị Châu đáp - Địa Tạng Tứ Quý, hãy hộ tống Trọng Thủy về Âu Lạc. Bi Cầm Linh Anh, mỗi lần Trọng Thủy gặp Mị Châu, người hãy gảy khúc đàn của nước Nam Việt. Nỗi nhớ quê hương hoà quyện trong sầu thương của tình yêu vô vọng, ta muốn trái tim Trọng Thủy tan ra thành nước. Địa Tạng Tứ Quý vâng lời đưa Trọng Thủy đi. Bóng hẳn khuất dần sau những gợn sóng nhấp nhô. Mị Châu cảm thấy thoải mái trong người. Nàng đã không còn là một tảng băng. Cử động của nàng đã uyển chuyển như ngày nào. Nhưng có ai ngờ đâu, trái tim nàng đang rỉ máu. “Trọng Thủy, thiếp ao ước biết bao đến một lúc nào đó, chàng và thiếp sẽ gặp lại nhau ở một nơi rất xa, rất xa. Khi ấy, không còn những cuộc chiến tranh giữa các dân tộc. Chàng và thiếp sẽ không còn kẻ Nam người Bắc và rồi tình yêu sẽ trở lại giữa hai ta” ...

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy kể lại Truyện An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy và tưởng tượng một kết thúc khác và tác giả dân gian

Ngay sau khi Trọng Thủy tự tử ở giếng Loa Thành, vì yêu vợ da diết, xác của chàng rửa ra, ngấm qua mạch nước ngấm vào đất rồi mạch nước ngấm mang chàng ra biển cả mênh mông. Về phần hồn chàng sau khi bay lên(như là một điều kì lạ) bị gió thổi bay đi ra biển rồi tạt xuống biển Đông. Camr thông cho tấm long yêu thương vợ của chàng, sự thủy chung, ngây thơ của Mị Châu, Rùa Thần đã hội tụ hồn và xác của Trọng Thủy, dung` nước tạo nên hình hài Mị Châu rồi nhập hồn nàng vào. Rùa Thần hẳn muốn hai người họ ở bên nhau nhưng sự thế ra sao thì tùy vào Mị Châu (hồi sau sẽ rõ). Trọng Thủy, sau khi được sông lại và được Rùa Thần báo mộng rằng Mị Châu đang ở thủy cung, đã ngày đêm bơi lặn tìm nàng. Sau bao khó khăn gian khổ, chàng đã tìm được thủy cung. Đến cổng, chàng bị hai ngưư thủy thần lại và hỏi: - Nhà nguoi là ai, xuống đây có việc gì! Đây là chốn thanh bình, không cho phép người trần mắt thịt với bản chất xấu xa xuống đây làm nhiều loạn. - Thừa hai vị thủy thần -Trọng Thủy đáp-sau cái chết của vợ, con vô cùng đau khổ, nhớ nàng da diết, trong lúc tuyệt vọng lầm tưởng bong nàng ở dưới giếng khơi, con đã nhảy xuống giếng đuổi theo nàng. Sauk hi chết con được Rùa Thần cứu sống và báo mộng Mị Châu (vợ của con) đang ở chốn này, con khẩn thiết hai vị cho con được vào. Nghe những lời nói chân thành của Trọng Thủy và cũng được Rùa Thần dẫn trước, hai vị thủy thần cảm động cho Trọng Thủy vào. Vào đến trong, chàng cảm thấy thậ ngỡ ngàng, kinh ngạc trước cảnh đẹp còn hơn cả hoàng cung, một vẻ đẹp thần tiên mà hồi nhỏ chàng đã từng mơ ước một lần được xem. Trước mặt chàng, cá nổi đuôi nhau vui đùa nhảy múa, xa xa là khu vườn đầy loài hoa kì lạ...và ở đó giữa khu vườn có một người ngồi mơ mộng (chính là Mị Châu). Vừa nhìn thấy nàng Trọng Thủy đã nhận ra, chàng vui mừng reo lên như đứa trẻ vội chạy đến gần nàng. Nghe lời gọi da diết của Trọng Thủy, tình yêu sét đánh lại trời dậy, nhưng nàng không tin sao chàng lại xuống được đây. Mỗi lúc tiếng gọi lại to hơn, da diết hơn, nàng không thể nhắm được nàng quay lại thì nhìn thấy Trọng Thủy đang ở ngay trước mặt mình. Hai người nhìn nhau lặng một hồi rồi khóc. Cảnh vật như dừng lại. - Ôi, nàng ơi! -Trọng Thủy nói-Xa nàng bao nhiêu lâu mà ta vẫn nhung nhớ, ta ăn không ngon, ngày đêm tưởng nhớ nàng, vì quá yêu nàng mà

ta đã làm tường bong nàng dưới đáy giếng rồi nhảy xuống tự tử. Nay ta đã được gặp lại nàng, long` ta sung sướng biết bao. - Mị Châu đáp: Chàng ơi, thiếp cũng vậy, thiếp cũng nhớ chàng da khôn xiết, thiếp cũng khó ăn khó ngủ, hàng ngày thiếp đều ra đây ngắm nhìn cảnh vật, nhìn những đoá hoa tươi thắm kia mà nhớ đến những bó hoa mà chàng đã tặng cho thiếp, nhìn những đôi cá tung tăng bơi lội nhảy múa mà nhớ đến những ngày chúng ta vui vẻ bên nhau. Ôi! Nhưng thật chớ true, thiếp nay đã mang danh tội đồ của đất nước, thiếp khó long mà có thể chung sống với kẻ thù của dân tộc mình. Sao chàng lại nhẫn tâm lừa dối thiếp khiến thiếp đau khổ? Thiếp thật ngơ dại, ngây ngất vì tình yêu mà nghe theo chàng! Nghe những lời đó, Trọng Thủy bỗng nhói đau, xót xa ân hận. - Nàng ơi! Tình yêu của ta thần linh có thể chứng giám. Tình yêu của ta, mọi thần dân ta đều biết. Ta thật ân hận khi nghe theo lời vua cha nhưng nàng hãy hiểu cho ta, tha thứ cho ta, phải lừa dối nàng, long ta đau như cắt nhưng đó là mệnh lệnh của cha ta, là áp lực của cha và của cả thần đàn ta, long ta vô cùng bối rối, trong lúc tâm trí hỗn loạn, ta đã có một quyết định sai lầm, Nàng có biết ta đã chịu dày vò, bị dẫn dắt như thế nào không, ta phải chịu áp lực kinh khủng không tưởng tượng nổi, trong long` ta luôn có nàng. Nếu ta có lời gì sai trái xin chịu mọi hình phạt kinh khủng nhất:ngũ mã phanh thây hoặc hơn thế. Ta thật sự xin lỗi. Cảnh vật. Xung quanh nhu xao động, dòng nước chảy nhẹ nhàng hơn, những đoá hoa ngừng đung đưa lay động. Mị Châu mắt ướm lệ, giọng nghen ngào: - Thiếp tin vào tình yêu của chàng, tin rằng những tình cảm trước kia chàng dành cho thiếp là chân thật không giả dối. Thiếp cũng biết một đấng nam nhi phải lấy sự nghiệp, giang sơn của mình làm trọng. Nếu thiếp vẫn theo chàng thì có lẽ thiếp sẽ bị ngàn đời nguyên rủa, vạn lời phỉ nhổ, muôn đời không dung. Thiếp đã vì tình cảm mà đem đất nước giao cho kẻ địch. Mà thiếp theo chàng thì nhờ đâu bị chàng lừa dối lần nữa vì thiếp quá ngây thơ, yêu chàng. Ôi! Số phận người con gái như thiếp đây thật là khổ, thật bất công. Thanh minh, thuyết phục Mị Châu một hồi mà không được. Trọng Thủy đi đến quyết định táo bạo. - Ta thề rằng sẽ không bao giờ lừa dối nàng nữa. Nếu nàng vẫn chưa hẳn tin ta, vẫn sợ những lời đàm tiếu thì nàng hãy cùng ta đi gặp vua cha của nàng xin người tha thứ và nếu có thể ta và nàng sẽ lên gặp thượng đế xin người cho chúng ta được ở bên nhau. Mị Châu hơi do dự, sợ sệt nhưng vẫn đồng ý: - Số phận thiếp đã do trời quyết định, nay chờ vào sự an bài của ông trời vậy. Nói rồi, hai người mạnh dạn tìm gặp An Dương Vương, ông đang chơi cờ cùng với Rùa Thần. Rùa Thần thấy hai người đi cùng nhau thấy làm vui, An Dương Vương tỏ ý tức giận nhưng trong long ông vẫn thương con.

Thưa cha đáng kính! –hai người nói-xin cha hãy tha thứ cho tội lỗi của hai chúng con. Chúng con sẽ nhớ ơn, cảm kích người vô cùng. An Dương Vương tỏ ra lạnh lùng định nói “không bao giờ” nhưng có cái gì đó trong ông ngăn lại. Ông nói: - Ta khó lòng tha thứ cho các người nhưng nếu ông Trời quyết định thì ta chẳng có gì để nói nữa cả. Trọng Thủy, Mị Châu hơi vui mừng đáp: “Cám ơn vua cha” , chào tạm biệt rồi xin Rùa Thần dẫn lên Thiên Đình. Trước mặt Thượng Đế hai người cùng đồng tâm: - Chúng con là Trọng Thủy và Mị Châu, chúng con biết chúng đều gây ra tội lỗi, chúng con rất ân hận và xin cam kết từ nay chúng con sẽ tu tâm tích đức bù đắp lại lỗi lầm của mình. Xin Thượng Đế tha thứ và cho chúng con được ở bên nhau. Thượng Đế suy nghĩ hồi lâu rồi đồng ý nói, giọng của người vừa uy nghi vừa vang rền như sấm: - Tuy các người đã có tội lỗi, nhưng đã biết hối cải. Ta cũng động lòng trước tình cảm của đôi người nhưng tội lỗi thì khó mà xoá được. Vậy ta phạt hai người xa nhau ba năm tu thân tích đức rồi mới được chung sống với nhau. Trọng Thủy và Mị Châu cảm tạ ân điển rồi xuống trần gian. Ba năm sau họ gặp lại nhau và chung sống vui vẻ hạnh phúc

Văn Mẫu Lớp 10 - Trong không khí của ngày nhà giáo Việt Nam anh/ chị có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta

Gợi ý: - Không khí ngày nhà giáo trước kia: + Học trò tới thăm thầy vào buổi sớm tuy không tổ chức long trọng như ngày nay nhưng cũng rất tình cảm học trò thăm lại người thầy năm xưa và kể về cuộc sống kỉ niệm....(có thể lấy một vài dẫn chứng) - Không khí ngày nhà giáo Việt Nam ngày nay: + Một không khí rộn rã từng bừng được mọi người quan tâm hướng tới: . Học sinh tới thăm thầy cô giáo cũ tặng hoa quà và những bông hoa điểm 10 . Các ban ngành khác nhau tổ chức kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam . Các hoạt động ngày 20-11: tri ân; văn hoá chào mừng (văn nghệ hội thao....) . Học sinh cũ về thăm lại trường xưa + Đó là ngày hội của mọi nơi và không của riêng ai

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy kể lại đoạn trích Uy - lix - xơ theo lời kể của nhân vật Pê - lê - lớp

Tôi đã trở về quê hương sau hai mươi năm ròng rã, nơi tôi phải đối mặt với một nguy hiểm mới – bọn cầu hôn xảo quyệt , hung hãn đang rắp tâm chiếm đoạt tài sản gia đình . Vợ tôi , một người phụ nữ thông minh , đã đặt ra những thử thách vô cùng khó khăn , bọn cầu hôn không ai thực hiện được . Giả dạng làm người hành khất , tôi tham dự và đã chiến thắng , với một kế hoạch hoàn hảo đã định sẵn , tôi tiêu diệt những tên cầu hôn đầu sỏ , đánh đuổi chúng ra khỏi nhà , trừng phạt lũ đầy tớ phản chủ. Tôi ngồi tựa vào một cái cột cao dưới ánh lửa hồng . Nghe thấy tiếng bước xuống lầu , đoán biết đó là Pê-nê-lốp , nhưng tôi vẫn cố tình nhìn xuống đất , đợi xem bây giờ tận mắt trông thấy mình rồi , người vợ cao quý của mình sẽ nói gì . Với một người phụ nữ thông minh như nàng , tôi biết nàng sẽ đặt thêm thử thách cho tôi , những thử thách mà có thể chẳng hề dùng đến sức mạnh hay trí óc , mà phải chẳng phải dùng đến con tim với một tình yêu vĩnh cửu .Nhưng nàng ngồi lặng thình trên ghế , khi thì đăm đăm âu yếm nhìn tôi , khi lại không nhận ra tôi dưới bộ quần áo rách mướp. Tê-lê-mác....còn người ngoài không ai biết hết. Nghe nàng nói vậy , tôi nhả nài mỉm cười . Tôi vội nói với Tê-lê-mác:gan dạ, Tôi bảo mọi người đi tắm rửa , rồi mặc quần áo đẹp , ca múa những bài hát bản nhạc vui vẻ cho người ngoài lầm tưởng trong nhà làm lễ cưới , dặn ai nấy giữ kín chuyện cho đến khi cha con tôi lui về trang trại của La-éc-tơ rồi bàn tính sau. Tắm xong , tôi lại trở về chỗ cũ , ngồi đối diện với Pê-nê-lốp , trên chiếc ghế bành ban nãy , rồi nói với nàng: ... giường . Nghe xong tôi bỗng giật mình nói với Pê-nê-lốp một cách thận trọng :....mà dời nó đi nơi khác, Tôi vừa nói xong , Pê-nê-lốp bủn rủn cả chân tay , chạy ngay lại , nước mắt chan hòa , ôm choàng lấy tôi , hôn lên trán tôi và nói :,...đã nghi. Nghe nàng nói vậy , tôi càng thêm muốn khóc . Tôi ôm lấy người vợ xiết bao thân yêu , người bạn đời chung thủy của mình mà khóc. Cả tôi và nàng sung sướng xiết bao , hai đôi tay cứ ôm lấy nhau mà không nỡ buông rời. Qua hành động thử chồng của Pê-nê-lốp , tôi càng cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của người vợ của mình . Nàng đã dành cho tôi một tình cảm đặc biệt , một tình yêu vĩnh hằng , một tình yêu không mãnh liệt mà nhẹ nhàng êm ái khó quên như tôi đã dành cho nàng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Kể lại đoạn trích Uy - lix - xơ theo lời kể của nhân vật Pê - lê - lốp

Nếu như chiến tranh mang đến cơ hội cho những người đàn ông thể hiện bản lĩnh của mình thì lại khiến phụ nữ chúng tôi phải xa lìa chồng con. Hơn hai mươi năm đã trôi qua, tôi vẫn chờ đợi chàng trở về. Mặc kệ bố mẹ cứ bắt tôi phải tái hôn! Bởi vì tôi tin rằng chàng sẽ trở về. Dù mọi người có nói thế nào đi nữa, thì tôi vẫn tin vào điều ấy! Suốt bao năm tháng qua, có lúc tôi mệt mỏi đến mức muốn buông xuôi tất cả...! Nhìn những người phụ nữ khác được sống hạnh phúc trong sự che chở của chồng làm tim tôi đau nhói! Có những đêm tôi không ngủ được chỉ vì những câu hỏi: “Giờ này chàng đang ở đâu? Chàng còn sống hay đã....chết?! Chàng có trở về bên cạnh em như chàng đã hứa hay không?...”. Tôi nhớ chàng da diết! Nỗi nhớ ấy cứ ngày một lớn dần lên mà tôi chẳng thể nào bày tỏ được đã làm trái tim tôi trở nên sắt đá. Tôi vô cảm trước những lời đường mật của bọn cầu hôn. Mặc cho tôi đã từ chối thẳng thừng nhưng bọn ấy vẫn cứ cứng đầu! Trái tim tôi chỉ có chàng. Duy nhất chàng thôi! Sao bọn họ không chịu hiểu thế nhỉ? Vì thế, để đuổi bọn này đi tôi chỉ còn một cách là đưa ra thử thách “Ai bắt được chiếc cung của Uy-lít-xơ thì tôi sẽ làm vợ người đó!”. Dù đã biết chắc rằng chẳng ai có thể làm được điều ấy ngoài chàng nhưng... sao lòng tôi vẫn thấy lo...? Ngày nọ, khi đang nằm nghỉ trong phòng, thì bỗng nhiên nhũ mẫu hối hả chạy vào báo tin rằng: “Uy-lít-xơ vẫn còn sống! Ngài đã trở về!”. Ngay giây phút ấy, tim tôi như ngừng đập, nước mắt như muốn tuôn ra. Ngày mà tôi mong chờ nhất cuối cùng đã đến! Tôi có thể cùng chàng ngồi tâm sự suốt đêm. Cùng chàng tận hưởng những ngày tháng hạnh phúc đã bỏ lỡ... Tôi muốn chạy ngay đến ôm lấy chàng-người chồng yêu quý của tôi! Nhưng...đột nhiên có gì đó ngăn không cho tôi làm thế? Nhờ đó không phải là chàng mà là một tên cầu hôn nào đó ở ngoài kia giả dạng rồi sao? Nếu đúng là chàng thì...tại sao vừa trở về, chàng không chạy đến ôm tôi vào lòng chứ? Trong phút chốc, tôi đã để lí trí chiến thắng tình cảm của mình. Tôi không muốn làm nhũ mẫu phật lòng nhưng nếu đúng là chàng thì tôi và Tê-lê-mác –con trai chúng tôi sẽ nhận ra. Phải chăng người hành khất kia, có khi chỉ là một vị thần. Do bất bình trước bọn cầu hôn nên đã ra tay giết hết bọn chúng. Còn chàng? Uy-lít-xơ.....có lẽ chàng đã chết rồi...Nhưng không đồng tình với ý nghĩ của tôi, nhũ mẫu chắc

chấn rằng bà đã nhìn thấy vết sẹo trên chân chàng-vết sẹo do bị nanh trắng của con lợn lòi để lại. Không những thế bà còn thề độc nữa. Quả thật tôi rất bối rối... Người hành khất kia có vết sẹo trên chân...đúng là Uy-lít-xơ cũng có vết sẹo giống như thế.Là chàng thật sao? Không! Không thể nào đâu! Có lẽ chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên thôi. Sao chiếc cầu thang hôm nay lại dài ra thế nhỉ? Hay là do tâm trạng của tôi? Người hành khất kia mặt mũi ra sao? Có giống chàng không? Lòng tôi quả thật rất lo lắng. Nếu đúng là chàng thì tôi phải làm sao? Chạy đến ôm lấy chàng,bày tỏ tình cảm mà tôi đã giấu kín bấy lâu nay với chàng hay tạo một khoảng cách và tránh xa chàng ra? Ôi đầu tôi muốn vỡ tung ra mất! Vừa nhìn thấy chàng,tôi thật không thể nào tin được! Sao....sao...chàng lại ở trong bộ dạng như thế? Cả không gian chìm trong im lặng cho đến khi Tê-lê-mác lên tiếng trách tôi. Nghe con trai nói mẹ nó như thế,lòng tôi đau lắm. Nhưng nó đâu hiểu được tâm trạng của mẹ nó như thế nào chứ? Tê-lê-mác bảo tôi:“Sao mẹ có thể lạnh lùng như thế? Cha con sau gần ấy năm mới trở về mà mẹ chẳng một lời hỏi han?”. Có lẽ con nói đúng Tê-lê-mác ạ. Nhưng mẹ mong con sẽ hiểu cho mẹ. Một mình nuôi con khôn lớn,quyết định“kiên trinh”để chờ cha con trở về...Con có biết trong khoảng thời gian ấy mẹ mệt mỏi và đau đớn như thế nào không? Mẹ không muốn làm mọi người phải lo cho mẹ nên mẹ đã tạo một vỏ bọc cứng rắn và lạnh lùng cho mình. Con có biết mẹ cũng nhớ cha đến nhường nào không? Nhưng con đừng lo lắng quá. Nếu người hành khất kia đúng là cha con thì sớm muộn gì cha mẹ cũng sẽ nhận ra nhau thôi. Bởi vì cha mẹ có những“dấu hiệu”riêng mà chỉ hai chúng ta mới biết. “Đừng nói như thế với mẹ con Tê-lê-mác ạ! Mẹ con làm như thế cũng đúng thôi. Cha không trách mẹ đâu. Con yên tâm,cha sẽ chứng minh cho mẹ con thấy!”. Chàng vừa nói vừa nhìn tôi bằng ánh mắt trù mẫn. Sao đột nhiên tim tôi đập nhanh thế này? Tôi sai nhũ mẫu pha nước và lấy quần áo mới cho chàng thay. Sau khi tắm rửa sạch sẽ,chàng đẹp trông chẳng thua gì một vị thần vậy. Bỗng nhiên chàng nhờ nhũ mẫu kê cho chàng chiếc giường để chàng ngủ một mình như bấy lâu nay...Một ý nghĩ chợt sáng lên trong đầu tôi: “Đúng rồi! Chiếc giường! Chiếc giường ấy! Chiếc giường đặc biệt mà chỉ ta và chàng mới biết. Chắc chàng muốn gợi ý cho ta đây mà? Chàng thật thông minh!”. Tôi bảo nhũ mẫu kê cho tôi chiếc giường trong phòng tôi ra cho chàng nghỉ. Chàng giật cả mình,có vẻ bối rối. Nhìn chàng lúc ấy trông thật đáng yêu. Có lẽ chàng đang nghĩ rằng tôi đã lệnh cho ai đó khiêng chiếc giường sang chỗ khác rồi. Nhưng với vẻ rất bình tĩnh,chàng bình thản hỏi:“Chiếc giường ấy làm sao có thể di chuyển được chứ? Ta đã làm nó cho nàng với tất cả tình yêu của ta! Một

trong bốn chiếc chân giường kia là gốc cây ô-liu. Tấm trải giường được ta trải bằng lớp lông cừu mềm mại...”Tôi chẳng thể nghe hết những lời nói sau của chàng nữa! Đúng là chàng rồi! Uy-lít-xơ của em! Chàng đã trở về với em thật rồi! Chỉ có chàng mới biết rõ chiếc giường và miêu tả đúng như thế! Tôi quá hạnh phúc đến nỗi chẳng còn quan tâm đến mọi người xung quanh nữa! Tôi chạy đến ôm lấy chàng, hôn chàng. Việc mà tôi nghĩ chỉ có thể ở trong mơ thôi. Tôi đang ở ngay đây, ngay trong vòng tay ấm áp của chàng. Tôi nói với chàng rằng: “Không phải em không muốn chạy đến ôm chàng khi chàng trở về đâu. Em rất muốn là khác! Nhưng cuộc sống có quá nhiều cạm bẫy đã khiến em trở nên đa nghi và thận trọng hơn. Em sợ đó không phải là chàng mà là một tên cầu hôn nào đó giả dạng. Chàng đừng giận em nhé! Em xin lỗi vì đã lạnh nhạt với chàng như thế...” “Không sao đâu, ta không giận nàng đâu. Ta nhớ và yêu nàng lắm, Pê-nê-lốp ạ!”. Chàng lau những giọt nước mắt hạnh phúc lăn dài trên má tôi, hôn lên trán tôi rồi ôm tôi vào lòng... Thật ấm áp làm sao! Được sống bên chàng, được chàng bảo vệ và che chở như những ngày tháng trước đây. Ôi còn gì hạnh phúc bằng nữa!. Cuối cùng sau bao năm xa cách, chúng tôi lại được ở bên nhau. Một phần là nhờ vào một lòng một dạ thủy chung và tin tưởng, nhưng lý do chính mà giúp chúng tôi có thể vượt qua bao nhiêu thử thách để lại được ở bên nhau đó chính là tình yêu chân thành của cả hai. Tình yêu quả là một thứ vô cùng thiêng liêng và cao quý, nó cho chúng tôi một sức mạnh rất lớn, lớn đến nỗi không một sức mạnh nào trên đời có thể sánh nổi, với sức mạnh này thì không một thử thách nào mà chúng tôi không thể vượt qua được. Cuối cùng chúng tôi nhận ra một điều vô cùng ý nghĩa: “Chỉ cần có sức mạnh của tình yêu thì cho dù chúng tôi có xa cách tới đâu, gặp bất cứ khó khăn thử thách nào thì cuối cùng kết quả vẫn không thay đổi, vẫn không gì có thể chia cắt được sự gắn kết hai tâm hồn. Tình yêu của tôi và chàng sẽ tồn tại theo thời gian mãi mãi và mãi mãi... “. Cảm ơn chàng Uy-lít-xơ – tình yêu của em!

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nhận về bài ca dao sau: “Cày đồng đang buổi ban trưa, Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày, Ai ơi bưng bát cơm đầy, Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”

I/ MỞ BÀI: Con người xuất hiện trên trái đất này khoảng bốn triệu năm về trước. Vượt qua một chặng hành trình kéo dài của lịch sử trái đất, con người đã biến đổi hoàn toàn từ loài vượn cổ trở thành người hiện đại với tầm cao vũ trụ. Chính quá trình lao động miệt mài là yếu tố kì diệu để con người phát triển. Nói về lao động, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng khẳng định: “Lao động là vẻ vang và cần thiết, cần thiết cho bản thân mình để sống, lao động là cần thiết cho dân cho nước, lao động là nghĩa vụ”. Câu nói của bác Phạm Văn Đồng làm cho mỗi người chúng ta phải suy nghĩ. II/ THÂN BÀI: Nhiều người vẫn quen hiểu lao động là dùng sức lực và dụng cụ để sản xuất ra sản phẩm tiêu dùng, như người nông dân sản xuất lúa gạo, người công nhân dệt vải, may thuê... Nhưng ý nghĩa của lao động không dừng lại ở đó. Lao động còn là sự vận dụng khả năng sáng tạo, phát huy trí tuệ của bản thân để cải tiến kĩ thuật, thay đổi phương pháp làm việc để thúc đẩy sản xuất, thúc đẩy các lĩnh vực của xã hội ngày càng phát triển nhằm phục vụ cho nhu cầu ngày càng đa dạng của con người. Lao động là việc làm vẻ vang. Nhờ lao động, con người có thể tự kiếm sống bằng chính đôi tay của mình. Nhờ lao động, con người có một cuộc sống tự do không bị lệ thuộc vào bất cứ ai. Tự do là phần thưởng vô giá mà phần thưởng này chỉ dành cho những người biết lao động và quý trọng giá trị đích thực của lao động. Còn gì sung sướng bằng khi ta được làm chủ những đồng lương được làm nên sau những tháng ngày vất vả, làm sao không tự hào khi ta đứng trước một canh đồng màu mỡ, một mảnh vườn xanh mướt được tạo nên từ đôi bàn tay cần cù chịu khó, từ những giọt mồ hôi chăm chỉ trên mảnh đất trước đây chỉ là sỏi đá khô cằn... Cảm giác sung sướng tự hào ấy chỉ có những người trong cuộc mới cảm nhận hết. Lao động còn là điều hết sức cần thiết, không chỉ cho bản thân mà còn cho dân cho nước. Lao động nuôi sống bản thân con người, là quá trình hình thành nhân cách, phát huy trí tuệ, tài năng. Lao động là động lực phát triển đất nước. Chúng ta hãy lấy tấm gương lao động của Nhật Bản. Sau Thế chiến thứ hai, nước Nhật vừa chịu tổn thất nặng nề vừa phải đền bù thiệt hại chiến tranh. Thế mà, chỉ vài thập kỉ sau, từ một đồng tro tàn đổ nát của cuộc chiến,

Nhật đã vươn lên thành một cường quốc kinh tế ở Châu Á. Tất cả đều nhờ bàn tay lao động, khối óc sáng tạo của những con người biết chung vai vì đất nước. Mỗi ngành nghề, mỗi công việc đều đáng trân trọng như nhau, bởi tất cả đều giống nhau ở việc xây dựng và phát triển đất nước. Lao động còn là nghĩa vụ của mỗi người. Là người công dân trên một đất nước độc lập, ý thức về trách nhiệm của mình, ai ai cũng phải ra sức xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn, một đất nước phồn vinh hơn. Bác Hồ kính yêu đã từng nói :“ Tuổi nhỏ làm việc nhỏ - Tuỳ theo sức của mình...”. Điều đó không chỉ là trách nhiệm mà còn là bổn phận của mỗi người chúng ta đối với tập thể. Nếu ai cũng ý thức được điều này, cuộc sống chắc chắn sẽ ngày càng tốt đẹp hơn. Câu nói của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhắc nhở chúng ta hiểu được ý nghĩa, giá trị của lao động để từ đó có thái độ, hành động, cách nhìn đúng đắn hơn về lao động. Xã hội ta ngày nay đã phát huy những giá trị của lao động bằng những việc làm thiết thực. Các hội thi “Bàn tay vàng người thợ”, hội thi “ Sáng tạo khoa học”... là những minh chứng sinh động nhất. Những giá trị lao động chân chính được tôn vinh, được đề cao nhằm thúc đẩy niềm hăng say lao động sáng tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những tấm gương lao động miệt mài, ta không khỏi buồn lòng trước những hành vi thái độ coi thường lao động chân tay hoặc những quan niệm lệch lạc về lao động. Đó là những con người quen sống hưởng thụ, xa hoa từ những đồng tiền bất chính. Vì không lao động, họ không biết giá trị đích thực của lao động và chắc chắn không bao giờ biết quý trọng thành quả mà mọi người đã tạo ra. Những con người đó thực sự trở thành ung nhọt của đất nước, là lực cản trong tiến trình phát triển của cuộc sống mà chúng ta phải kiên quyết loại trừ. III/ KẾT BÀI: Tóm lại, hiểu được giá trị của lao động đối với con người và cuộc sống, chúng ta càng có ý thức trân trọng giữ gìn những thành quả lao động mà cha ông ta đã tạo dựng và để lại cho đời sau, đồng thời tự xác định cho mình thái độ lao động tốt bằng những việc làm đích thực, cụ thể . Trước mắt, chúng ta cần phải có thái độ chuyên cần trong học tập, tham gia tốt các ngày Chủ nhật hồng, phong trào trồng cây gây rừng để làm đẹp cuộc sống này.

Văn Mẫu Lớp 10 - So sánh phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

I. So sánh: - Giống: đều là những phong cách được sử dụng nhiều trong đời sống để phục vụ mục đích trao đổi thông tin; có cùng 1 đặc trưng: tính cá thể.

- Khác + Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt Là lời ăn tiếng nói hàng ngày dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm, đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống. (còn được gọi là khẩu ngữ, ngôn ngữ hội thoại) II đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt 1. Tính cụ thể Ngôn ngữ sinh hoạt có tính cụ thể về: hoàn cảnh, con người, cách nói năng và từ ngữ diễn đạt. 2. Tính cảm xúc Ngôn ngữ sinh hoạt có tính cảm xúc, biểu hiện: *Mỗi người nói, mỗi lời nói đều biểu thị thái độ, tình cảm qua giọng điệu.* Những từ ngữ có tính khẩu ngữ và thể hiện cảm xúc rõ rệt. _ Những kiểu câu giàu sắc thái cảm xúc (câu cảm thán, câu cầu khiến), những lời gọi đáp, trách mắng... + Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật 1. Khái niệm: là phong cách ngôn ngữ được dùng trong các lĩnh vực văn chương 2. Đặc trưng - Tính thẩm mỹ - Tính đa nghĩa Trong khi so sánh em phải lấy ví dụ để minh họa nha.

Văn Mẫu Lớp 10 - Hướng dẫn soạn bài: Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ

I. Dạng bài tập nhận diện: 1. Bài tập 1 (trang 23). - Nhân vật giao tiếp: những thanh niên nam nữ trẻ tuổi (qua cách xưng hô “anh “ và “nàng”). - Hoàn cảnh giao tiếp: vào một đêm trăng thanh. - Nội dung và mục đích giao tiếp của nhân vật Anh : hỏi Nàng” Tre non đủ lá đan sàng nên chăng “ # cũng như tre anh và nàng đã đến tuổi trưởng thành , có nên tính đến chuyện kết duyên. - Cách nói của “ anh “: ý nhị , duyên dáng, mang màu sắc văn chương, phù hợp với nội dung và mục đích giao tiếp. 2. Bài tập 2 (trang 23): - Hình thức và mục đích giao tiếp : Hình thức giao tiếp đời thường với mục đích thăm hỏi bằng các ngôn ngữ và hành động cụ thể : chào, đáp, khen, hỏi. - Các hình thức giao tiếp của ông già : dùng câu hỏi (để chào, để khen, và để hỏi). - Tình cảm, thái độ, và quan hệ giữa 2 nhân vật: thân mật, gần gũi của 2 ông cháu (A Cổ kính mến ông; ông yêu quý, trù mến với cháu). 3. Bài tập số 3 (trang 24): - Nội dung và mục đích giao tiếp của Hồ Xuân Hương với người đọc qua bài thơ: bộc bạch , khẳng định với mọi người về vẻ đẹp, thân phận , phẩm chất trong sáng của Hồ Xuân Hương nói riêng (và người phụ nữ nói chung). - Các phương tiện làm căn cứ giúp người đọc cảm nhận tác phẩm: hình tượng “bánh trôi nước”, từ ngữ “ trắng, tròn”, thành ngữ” bảy nổi ba chìm”, “ tấm lòng son”. 4. Bài tập 5 (trang 24): -Nhân vật giao tiếp và tình huống giao tiếp: Bác Hồ và học sinh toàn quốc trong hoàn cảnh đất nước vừa giành được độc lập, học sinh bắt đầu nhận được một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam. - Nội dung và mục đích giao tiếp: Bác nói về niềm vui sướng, nhiệm vụ và trách nhiệm của học sinh với tương lai đất nước. Cuối cùng là lời chúc của Bác với học sinh. - Hình thức giao tiếp: Bác viết thư cho học sinh bằng lời lẽ vừa chân tình, gần gũi, vừa nghiêm túc trong việc động viên và xác định trách nhiệm của học sinh. II. Bài tập tạo lập văn bản (bài 4 trang 24): - Dạng văn bản : thông báo ngắn. - Đối tượng hướng tới: học sinh toàn trường. - Nội dung giao tiếp: hoạt động làm sạch môi trường. - Hoàn cảnh giao tiếp: trong nhà trường nhân ngày Môi trường thế giới.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận về buổi học văn đầu tiên ở trung học phổ thông của em

Mở bài: Với bất cứ 1 ai cảm xúc của buổi học đầu tiên luôn là cảm xúc sẽ mang theo trong suốt quá trình còn lại học môn ấy. Trải qua những năm tháng học tiểu học rồi THCS, được học và tiếp thu kiến thức trong giờ giảng Văn của biết bao thầy cô nhưng hôm nay khi học ở mái trường THPT này cảm xúc tôi lại quá. - Sơ qua về cô giáo dạy Thân bài: - Tiết học bắt đầu lúc mấy giờ. - Khung cảnh trng lớp lúc cô giáo bước vào như thế nào (Khung cảnh trong lớp thực sự ồn ào khi cô bước vào với vẻ mặt nghiêm trang cả lớp im bật) - Hôm đó bạn học bài gì? - Các bạn nghĩ về cô giáo (nghiêm ,sợ cô không dám nhúc nhích) - Nhưng thực tế cô lại rất hoà đồng và vui vẻ - Cô đưa ra những cách học khác nhau để các bạn học bài nhanh hơn + Đưa một vài trò chơi nhỏ áp dụng vào giờ học + Kể các câu chuyện vui hay câu chuyện từ thực tiễn đời sống ... - Kể về nội dung buổi học (cái này bạn phải tự làm) Xen thêm yếu tố biểu cảm vào câu văn như: +Thật đáng nể phục cô khi... +Với những câu chuyện... cô đã thực sự đưa cả lớp đến với mục đích của bài học một cách thực kì lạ ... Kết bài: Nêu cảm xúc chung về buổi học Tôi thực sự yêu môn văn từ đây yêu quý cô giáo và chỉ mong những buổi cs giờ văn

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nhận về vẻ đẹp hình tượng nhân vật Đăm Săn

Đoạn trích “Chiến thắng Mtao - Mxây” không khép lại bằng cái chết mà là sự từng bừng của chiến thắng, sự lớn mạnh của một cộng đồng và uy danh vang dội của người anh hùng Đăm Săn. Người anh hùng sử thi là trọng tâm miêu tả của bức tranh hoành tráng. Tâm vóc lẫn chiến công của chàng trùm lên toàn bộ chiến công, toàn bộ thiên nhiên và xã hội Ê-đê. Trong quan niệm của người dân tộc Ê-đê, cuộc chiến từng đóng vai trò là “bà đỡ lịch sử” khiến cho cộng đồng ngày càng phát triển, ngày càng có cuộc sống ấm no, thịnh vượng. Trong sự phát triển ấy, người anh hùng có vị trí hết sức lớn lao tầm cỡ. Sau mỗi chiến công của người anh hùng là một lễ ăn mừng hoành tráng của cộng đồng để suy tôn, ca ngợi cũng như thể hiện niềm vui về sự no đủ, đông đúc mỗi ngày. Sau chiến thắng oanh liệt trước tù trưởng Mtao-Mxây, Đăm Săn đã trở thành người anh hùng giàu có, hùng mạnh nhất. Tôi tớ theo về “đặc như bầy cà tong”, của cải đưa về “nhiều như ong đi chuyển nước”. Tràn ngập trong niềm vui, Đăm Săn đã cho toàn bộ tộc ăn mừng chiến thắng. Tiếng tuyên bố mở hội đồng dục vang vọng của chàng khiến cho khắp rừng núi âm vang trong không khí háo hức. Cả cộng đồng người Ê-đê và người Ê-ga được tái hiện sinh động đầy sức sống. Và sừng sững trong xã hội ấy, là nét đẹp vừa hoành tráng, vừa lãng mạn của người anh hùng Đăm Săn. Nét đẹp được ghi nhận trước tiệc của Đăm Săn trong lễ ăn mừng chính là nét đẹp về ngoại hình và sức mạnh. Chàng được miêu tả với vẻ đẹp và sức mạnh của một vị thần. Người Ê-đê, Ê-ga ca ngợi Đăm Săn là một dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước. “Mình quăn chéo một tấm mền chiến, tai đeo nụ, sát bên mình nghênh ngang đủ giáo gươm, đôi mắt long lanh như chim, bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực, hơi thở chàng ầm ầm tựa sấm dậy, chàng nằm sấp thì gãy rầm sàn, chàng nằm ngửa thì gãy xà dọc”. Bằng nghệ thuật miêu tả, so sánh gần gũi, cụ thể với nhiều chi tiết hết sức sinh động, kết hợp với nghệ thuật từ hoán sử thi và cách nói phóng đại sử thi, người dân Tây Nguyên đã biến người anh hùng của họ thành một vị thần với tất cả sức mạnh hội tụ từ núi rừng, vũ trụ. Sức mạnh của chàng được so sánh với những gì mạnh nhất, đẹp nhất của thiên nhiên. Vốn ngang tàng từ trong bụng mẹ, trải qua bao cuộc chiến, Đăm Săn đã lớn lên và trở thành chiến thần. Chàng có tất cả vẻ đẹp

cũng như sức mạnh của thần linh qua trí tưởng tượng bay bổng kì diệu và lòng mến yêu vô hạn của người Tây Nguyên. Không chỉ có sức mạnh dũng mãnh chàng còn có vẻ đẹp lãng mạn : “chàng nằm trên võng, tóc thả trên sàn, hững hờ chàng ở dưới đất là một cái nong hoa, đầu đội khăn nhiễu, vai mang mũ hoa, chàng ăn không biết no, uống không biết say, trò chuyện không biết chán”. Toát lên từ câu chữ một chàng Đăm Săn hoà đồng vui vẻ. Không hề phân biệt địa vị cao thấp giàu hèn. Đăm Săn là biểu tượng cho hài hoà giữa cái đẹp dữ dội của núi rừng, vũ trụ với cái đẹp êm ả lãng mạn của tâm hồn người Tây Nguyên. Cái đẹp ấy vừa có sự cao cả, kì vĩ của người anh hùng lại vừa có nét kì diệu, đậm đà bản sắc Tây Nguyên. Không chỉ hiện lên với vẻ đẹp của sức mạnh và hình thể, Đăm Săn còn hiện lên trong lễ ăn mừng, ở vẻ đẹp của lòng tôn kính tổ tiên, thần linh, lòng hiếu khách, một tâm hồn thủy chung, phóng khoáng rộng rãi. Sau chiến thắng, Đăm Săn không quên sai tôi tớ làm lễ cảm tạ tổ tiên và thần linh đã giúp cho chàng chiến thắng, đã giúp bộ tộc của chàng ngày một vững mạnh giàu có. “Ơ các con, ơ các con, hãy đi lấy rượu bắt trâu, rượu năm ché, trâu bảy con để dâng thần, rượu bảy ché, lợn thiến bảy con cầu cho ta được bình yên vô sự, nạn khỏi tai qua, lớn lên như sông nước, cao lên như cây rừng, không còn ai bì kịp”. Cách Đăm Săn sai tôi tớ sắm đồ lễ cúng tế chứng tỏ lòng thành kính sâu sắc với thần linh, tổ tiên của chàng. Nó cũng chính là tiếng nói tín ngưỡng của cả cộng đồng dân tộc Ê đê. Sau khi làm lễ tạ khẩn thần linh, tổ tiên Đăm Săn đã mời tất cả anh em, bạn bè, tôi tớ ăn uống : “hỡi anh em trong nhà, hỡi bà con trong làng, xin mời tất cả đến với ta, chúng ta sẽ mở tiệc ăn mừng năm mới...”. Tiếng mời chào sang sảng như chính tấm lòng hào hiệp của chàng Đăm Săn. Chàng đã thiết đãi bạn bè, dân làng bằng những vật chất đầy đủ sang trọng, bằng niềm vui thân ái, khiến cho “cả một vùng nhão ra như nước” vui tới mức “lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng, ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài bãi thì kêu inh ỏi suốt ngày đêm”. Bạn bè của chàng đông đủ : “Các cô gái đi lại vú đụng vú, các chàng trai đi lại ngực đụng ngực”. Không khí ăn mừng như thế này bây giờ mới có. Bởi bây giờ người Ê đê mới có người thủ lĩnh anh hùng dũng cảm, hào hiệp đến thế. Đó chính là niềm tự hào sâu sắc của người dân Ê đê về vị tù trưởng Đăm Săn. Cách xây dựng hình tượng đẹp đẽ lớn lao của người anh hùng trong không khí đông vui nhộn nhịp, lớn mạnh của cộng đồng là một đặc điểm nổi bật của sử thi Tây Nguyên. Người anh hùng sử thi được toàn thể cộng đồng suy tôn tuyệt đối. Qua người anh hùng ta thấy được sự phát triển, ý chí thống nhất của toàn thể cộng đồng Ê đê - một biểu hiện quan trọng của ý thức dân

tộc.

Văn Mẫu Lớp 10 - Soạn bài miêu tả và biểu cảm trong bài Tam đại con gà

Hướng dẫn soạn bài: a)Mâu thuẫn tạo ra tiếng cười: - Thầy đồ >< hay khoe khoang giấu, sĩ diện hão => dám liều lĩnh làm thầy đồ dạy trẻ. - Các tình huống gây cười: Lần 1: - Gặp chữ “kê” là gà thầy không biết chữ gì, bị học trò hỏi dồn, thầy cuống nói liều “dù di là con dù di ” + Trong Hán tự không có chữ “dù di” và trong thế giới động vật cũng không có con nào là con “dù di” => thầy đến tận cùng của sự. Thầy không chỉ kém về kiến thức sách vở mà còn kém hiểu biết về kiến thức thực tế. Lần 2: Thầy sợ sai người ta biết thì cười, cho nên bảo học trò đọc khẽ=> ta cười vì sự giấu rất thận trọng của thầy, cười vì cái tài giấu láu cá => đáng chê trách. Lần 3: Thầy tìm đến thổ công (không tìm sách, tìm người để hỏi). Thầy thổ công cũng luôn (thầy xin ba đài âm dương được cả ba) -> cái dạy cái -> thầy tin chắc nên đặc ý lắm, quát trẻ đọc thật to (dù di là con dù di) => cái được khuếch đại nhân lên bằng âm thanh. Lần 4: Bị chủ nhà chất vấn, thầy giải thích vòng vo, vô căn cứ: “Dù di là con dù di, con dù di là chị con công, con công là ông con gà” -> cái bị lật tẩy (KÊ là gà sao dạy các cháu là dù di?) . Nghệ thuật kể chuyện : Tác giả dân gian đã không nói thẳng vấn đề mà để nv tự bộc lộ và người đọc người nghe tự suy ngẫm. b/. Ý nghĩa của truyện: Tiếng cười trong truyện mang ý nghĩa phê phán, giáo dục cao. + Phê phán hạng người mà còn giấu + Bài học : nhắc nhở, cảnh tỉnh những kẻ mắc bệnh sĩ diện hão. -> Tiếng cười hóm hỉnh, sâu sắc đậm chất dân gian.

Văn Mẫu Lớp 10 - Viết bài văn thuyết minh về cuộc đời của nhà thơ Nguyễn Du

Trong kho tàng văn học Việt Nam có rất nhiều nhà thơ, nhà văn nổi tiếng vang danh cả trong nước và ngoài nước tiêu biểu phải kể đến nhà thơ Nguyễn Du-một thiên tài văn học của nước nhà. Ông là một nhà văn, nhà thơ lớn của nền văn học trung đại Việt Nam. Các tác phẩm của ông tập trung vào những người dân nghèo khổ trong thời phong kiến loạn lạc. Mặc dù ông thành công trong sự nghiệp nhưng đường đời của ông lại không mấy bằng phẳng. Nguyễn Du (1765 - 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. Tổ tiên từng ở Thanh Oai sau di cư về Tiên Điền. Nguyễn Du sống trong một gia đình thuộc giai cấp quý tộc nên đã may mắn được tiếp nhận truyền thống văn học của gia đình. Nhưng từ 10 đến 13 tuổi ông đã mất cả cha lẫn mẹ, Nguyễn Du đến sống với người anh cùng cha khác mẹ. Trong thời gian này, ông có nhiều điều kiện thuận lợi để dùi mài kinh sử, có dịp hiểu biết về thế giới phong lưu xa hoa của giới quý tộc phong kiến. Điều đó đã để lại dấu ấn trong sáng tác văn học của ông sau này. Sau đó có một số biến cố xảy ra cho đến năm 1783, Nguyễn Du thi đỗ tam trường (tú tài). Trước đây một võ quan họ Hà ở Thái Nguyên không có con nên đã nhận ông làm con nuôi. Vì thế khi người cha này mất, Nguyễn Du được tập ấp một chức quan võ nhỏ ở Thái Nguyên. Năm 1789, Nguyễn Huệ của nhà Tây Sơn kéo quân ra bắc đánh tan quân Thanh, Nguyễn Du chạy theo vua Lê Chiêu Thống nhưng không kịp, đành trở về quê vợ sống nhờ nhà người anh vợ. Đến mùa thu năm 1802, khi chúa Nguyễn Ánh lên ngôi lấy hiệu là Gia Long thì ông được gọi ra làm quan cho nhà Nguyễn. Năm 1802, ông nhậm chức chi huyện tại Phù Dung, kể từ đó Nguyễn Du Luôn được thăng quan tiến chức. Xét về văn học, sự thăng tiến trên đường làm quan của Nguyễn Du khá thành đạt. Nhưng ông không màng đến tâm đến công danh. Trái tim ông đau xót, buồn thương, phẫn nộ trước “những điều trông thấy” khi sống lưu lạc, gần gũi với tầng lớp dân đen và ngay cả khi sống giữa quan trường. Ông dốc cả máu xương mình vào văn chương, thi ca. Thơ ông là tiếng nói trong trái tim mình. Đây là tình cảm sâu sắc của ông đối với một kiếp người lầm lũi cơ hàn, là thái độ bất bình rõ ràng của ông đối với các số phận con người. Xuất thân trong gia đình quý tộc, sống trong không khí văn chương bác học, nhưng ông có cách nói riêng, bình dân, giản dị, dễ

hiếu, thấm đượm chất dân ca xứ Nghệ. Nguyễn Du có nhiều tác phẩm. Thơ chữ Hán như Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục. Cả ba tập này, nay mới gộp được 249 bài nhờ công sức sưu tầm của nhiều người. Lời thơ điêu luyện, nhiều bài phản ánh hiện thực bất công trong xã hội, biểu lộ tình thương xót đối với các nạn nhân, phê phán các nhân vật chính diện và phản diện trong lịch sử Trung Quốc, một cách sắc sảo... Tác phẩm tiêu biểu cho thơ chữ Nôm của thiên tài Nguyễn Du là Đoạn trường tân thanh và Văn tế thập loại chúng sinh, đều viết bằng quốc âm. Đoạn trường tân thanh được gọi phổ biến là Truyện Kiều, là một truyện thơ lục bát. Cả hai tác phẩm đều xuất sắc, tràn trề tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, phản ánh sinh động xã hội bất công, cuộc đời dâu bể. Tác phẩm cũng cho thấy một trình độ nghệ thuật bậc thầy. Truyện Kiều đã là đầu đề cho nhiều công trình nghiên cứu, bình luận và những cuộc bút chiến. Ngay khi Truyện Kiều được công bố (đầu thế kỷ XIX) ở nhiều trường học của các nho sĩ, nhiều văn đàn, thi xã đã có trao đổi về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Năm 1965 được Hội đồng Hoà bình thế giới chọn làm năm kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du. Nguyễn Du là nhà thơ sống hết mình, tư tưởng, tình cảm, tài năng nghệ thuật của ông xuyên suốt các tác phẩm của ông, xuyên suốt cuộc đời ông và thể hiện rõ nhất qua áng văn chương tuyệt vời là Truyện Kiều. Đọc Truyện Kiều ta thấy xã hội, thấy đồng tiền và thấy một Nguyễn Du hàm ẩn trong từng chữ, từng ý. Một Nguyễn Du thâm thúy, trải đời, một Nguyễn Du chan chứa nhân ái, hiểu mình, hiểu đời, một Nguyễn Du nóng bỏng khát khao cuộc sống bình yên cho dân tộc, cho nhân dân.

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh về cuộc đời Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi là một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Ông là anh hùng dân tộc, là nhà tư tưởng, nhà thơ, nhà văn hóa lớn có đóng góp vĩ đại vào sự phát triển của văn học và tư tưởng Việt Nam. Nguyễn Trãi, sinh ở Thăng Long trong gia đình ông ngoại là quan Đại tư đồ Trần Nguyên Đán. Cha ông là Nguyễn ứng Long, hiệu ước Trai (tức là Nguyễn Phi Khanh). Mẹ ông là Trần Thị Thái, con gái Trần Nguyên Đán. Năm Nguyễn Trãi lên 5 tuổi, mẹ ông mất. Sau đó không lâu, Trần Nguyên Đán cũng mất. Ông về ở với cha tại quê nội ở làng Nhị Khê. Năm 1400, để cứu vãn chế độ phong kiến đang khủng hoảng trầm trọng, Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần và tiếp tục thi hành các cải cách như chính sách hạn nô, hạn điền, tổ chức lại giáo dục, thi cử và y tế. Cũng năm 1400, sau khi lên ngôi Vua, Hồ Quý Ly mở khoa thi. Nguyễn Trãi ra thi, ông đỗ Thái học sinh (tiến sĩ) năm ông 20 tuổi. Hồ Quý Ly cử ông giữ chức Ngự sử đài chánh chưởng. Còn cha ông là Nguyễn Phi Khanh đỗ bảng nhãn từ năm 1374, được Hồ Quý Ly cử giữ chức Đại lý tự khanh Thị lang tòa trung thư kiêm Hàn lâm Viện học sĩ tư nghiệp Quốc Tử Giám. Năm 1406, Minh Thành Tổ sai Trương Phụ mang quân sang xâm lược Việt Nam. Nhà Hồ đem quân ra chống cự, nhưng bị đánh bại. Cha con Hồ Quý Ly và một số triều thần trong đó có Nguyễn Phi Khanh bị bắt và bị đưa về Trung Quốc. Nghe tin cha bị bắt, Nguyễn Trãi cùng em là Nguyễn Phi Hùng khóc theo lên tận cửa Nam Quan với ý định sang bên kia biên giới để hầu hạ cha già trong lúc bị cầm tù. Nhân lúc vắng vẻ, Nguyễn Phi Khanh bảo Nguyễn Trãi: - Con là người có học, có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Lọ là cứ phải đi theo cha, khóc lóc như đàn bà mới là hiếu hay sao? Nguyễn Trãi nghe lời cha quay trở lại tìm con đường đánh giặc, cứu nước. Về đến Thăng Long, ông bị quân Minh bắt. Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc biết Nguyễn Trãi là một nhân vật có tài, tìm cách dụ dỗ, nhưng ông kiên quyết không theo giặc. Sau một thời gian bị giam lỏng ở Đông Quan (tức Thăng Long), Nguyễn Trãi vượt được vòng vây của giặc vào Thanh Hóa theo Lê Lợi. Ông gặp vị thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn ở Lỗi Giang. Ông trao cho Lê Lợi bản chiến lược đánh đuổi quân Minh mà sử sách Việt Nam gọi là Bình Ngô sách. Trong bài tựa ước Trai di tập, Ngô Thế Vinh cho biết: Bình Ngô sách “hiển mưu trước lớn không nói đến việc đánh thành,

mà lại khéo nói đến việc đánh vào lòng người”. Lê Lợi khen chiến lược của Nguyễn Trãi là đúng. Và ông đã vận dụng chiến lược này để đánh quân Minh. Từ đây, ông thường giữ Nguyễn Trãi gần bên mình để cùng bàn mưu tính kế đánh quân Minh. Cuối năm 1426, Lê Lợi lập bản doanh ở bến Bồ Đề (Gia Lâm). Tại đây, ông cho dựng một cái chòi cao ngang bằng tháp Báo Thiên ở Đông Quan. Lê Lợi ngồi tầng thứ nhất của chòi, Nguyễn Trãi ngồi tầng thứ hai. Hai nhân vật luôn luôn trao đổi ý kiến với nhau. Trong kháng chiến, Nguyễn Trãi chủ trương phải dựa vào dân thì mới đánh được giặc, cứu được nước. Khi kháng chiến đã thắng lợi, ông cũng thấy rằng phải lo đến dân, thì mới xây dựng được đất nước. Trong tờ biểu tạ ơn được cử giữ chức Giám nghị đại phu tri tam quân sự, ông đã viết: “Chí những muốn, việc cố nhân đã muốn: để tâm dân chúng, mình lo trước điều thiên hạ phải lo”. Năm 1437, khi vua Lê Thái Tông cử ông định ra lễ nhạc, ông cũng nói cho vua biết những điều mà vua phải làm trước hết là chăn nuôi nhân dân:- Dám mong Bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân khiến cho trong thôn cùng xóm vắng, không có một tiếng hờn giận oán sầu. Đó tức là giữ được cái gốc của nhạc. Do luôn luôn “lo trước điều thiên hạ phải lo, vui sau cái vui của thiên hạ”, Nguyễn Trãi lúc nào cũng sống một cuộc đời giản dị, cần kiệm liêm chính. Nhà của ông ở Đông Kinh (Thăng Long) chỉ là một túp nhà tranh (góc thành Nam lều một gian). Khi ông cai quản công việc quân dân ở hải đảo Đông Bắc, nhà của ông ở Côn Sơn “bốn mặt trống trải, xác xơ chỉ có sách là giàu thôi” (thơ Nguyễn Mộng Tuân, bạn Nguyễn Trãi). Bài Bình Ngô đại cáo của ông là một “thiên cổ hùng văn”. Đó là một thiên anh hùng ca bất hủ của dân tộc. Quân trung từ mệnh tập của Nguyễn Trãi là những thư từ do ông viết trong việc giao thiệp với quân Minh. Những thư này là những tài liệu cụ thể chứng minh đường lối ngoại giao vào địch vận hết sức khéo léo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi làm cho quân Lam Sơn không mất xương máu mà hạ được rất nhiều thành. Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi là tác phẩm xưa nhất bằng Việt ngữ mà chúng ta còn giữ được. Tác phẩm này rất quan trọng cho công tác nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam và lịch sử ngôn ngữ Việt Nam. Năm 1442, cả gia đình ông bị hãm hại (tru di tam tộc) khiến cho người đương thời vô cùng thương tiếc. Năm 1464, vua Lê Thánh Tông hạ chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi, truy tặng quan tước và tìm hỏi con cháu còn sót lại. Nguyễn Trãi là một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. ông là anh hùng dân tộc, là nhà tư tưởng, nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nước ta. Tâm hồn và sự nghiệp của ông mãi mãi là vì sao sáng như Lê Thánh Tông truy tặng “Uớc Trai tâm thượng quang Khuê Tảo”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật trong hai câu thơ sau: “Em ơi Ba lan mùa tuyết tan. Đường bạch dương sương trắng nắng tràn”

Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ giàu hình ảnh, sắc màu. Hình ảnh thơ bao giờ cũng là sự kết tinh của việc sử dụng ngôn ngữ. Vì thế hình ảnh thơ luôn có ý nghĩa trong việc tạo hiệu ứng nghệ thuật, góp phần khẳng định sự hiện hữu của thơ. Vì ‘thơ là biểu tượng, là hình ảnh. Thơ tạo dựng một vũ trụ qua trung gian biểu tượng một vũ trụ phi thực, một vũ trụ chỉ có ý nghĩa trong tính cách phi thực, một vũ trụ chỉ có ý nghĩa trong tính cách phi thực của nó. Hơn đâu hết, biểu tượng hình ảnh là điều kiện của thơ ,lý do tồn tại của thơ, biểu tượng chính của thơ” (Huỳnh Phan Anh). Như vậy dù là tiếng vọng từ tâm linh, là tiếng gọi từ trong vô thức thì thơ cũng phải tồn sinh dựa vào nhiều phương thức biểu hiện, trong đó không thể không có ngôn ngữ và hình ảnh - những thi liệu đầu tiên mà người đọc chạm tới trước khi bước vào khám phá thế giới mộng mị và hư ảo của thơ. “Thơ là vũ trụ những hình ảnh có giá trị một sự mê hoặc, một thứ ma thuật. Nó biến thành hình ảnh của chính hình ảnh”. Nhưng “Thơ không là thực tại, không là tổng số những hình ảnh xác định một thực tại rõ ràng. Nó là một ước muốn hơn thế nữa là một đam mê mù quáng cũng nên” (Huỳnh Phan Anh). Rõ ràng, hình ảnh thơ không phải là tổng số của nhiều hình ảnh mà chính sự chọn lọc những hình ảnh có giá trị biểu cảm, có tính hàm súc, tạo hiệu ứng nghệ thuật cao, mới thể hiện tư tưởng, tinh thần lập ngôn và cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Nhà thơ không nói bằng phạm trù của tư duy lô-zic như trong các môn khoa học tự nhiên mà thông qua hình ảnh cụ thể để diễn đạt những ý niệm trừu tượng. Nhà thơ Tố Hữu viết về bốn mùa (đông, xuân, hè, thu) ở Việt Bắc bằng ngôn ngữ giàu tính họa (có người gọi đây là bức tranh tứ bình): Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng Ngày xuân mơ nở trắng rừng Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang Ve kêu rừng phách đổ vàng Nhớ cô em gái hái măng một mình Rừng thu trăng rọi hòa bình Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung. Khương Hữu Dụng viết Một tiếng chim kêu sáng cả rừng (Hành quân qua đèo Hải Vân) tạo cảm giác như ta vừa bước từ bóng tối ra ánh sáng, thật sung sướng. Hay như Nguyễn Duy trong bài “Lời ru đồng đội”, viết: Ngủ hầm, ngủ vồng, ngủ bừng Gối đầu tay ngủ cầm chừng mỗi đêm Có người ngủ thế thành quen

Đã nghe sợi tóc bạc trên tay mình. Có nhà thơ so sánh mái tóc dài của thiếu nữ khá độc đáo: Tóc em dài như một tiếng chuông ngân. (chuyển từ quan sát bằng thị giác sang thính giác). Hay Trần Đăng Khoa cảm nhận được âm thanh rất nhẹ của chiếc lá đa rơi trong bài “Đêm ngủ ở Côn Sơn”: Ngoài thềm rơi chiếc lá đa/ Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng... (chuyển sự cảm nhận từ thính giác sang thị giác). Tất cả những câu thơ trên đều gợi liên tưởng, tạo hình tượng khá rõ. Nếu không có trí tưởng tượng kỳ diệu thì khó mà viết được những câu thơ như thế. Để có được những từ ngữ “lóng lánh” đó, ngoài vốn từ vựng phong phú, nhà thơ còn phải biết kết hợp các biện pháp tu từ như: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, điệp từ, tượng trưng, nói quá, nói giảm...trong cách diễn đạt. Chế Lan Viên viết về nỗi nhớ một cách trực tiếp thật đẹp qua một loạt hình ảnh so sánh trùng điệp gợi trường liên tưởng rộng: Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng Như xuân đến chim rừng lông trở biếc Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương. (Tiếng hát con tàu) Nỗi nhớ trong tình yêu giữa anh với em là tất yếu như quy luật đất trời đông về nhớ rét . Còn tình yêu ta quý như cánh kiến hoa vàng-một thứ đặc sản của núi rừng Tây Bắc và đẹp như sắc biếc lông chim lúc xuân sang. Tác giả đã cụ thể hóa khái niệm trừu tượng là tình yêu thành những hình ảnh gần gũi, quen thuộc với con người, nhất là người miền núi. Ở một bài khác, ông lại bộc lộ nỗi nhớ sâu lắng hơn, trần trụi và da diết hơn: Anh nhớ em như đất liền xa cách bể Nửa đêm sâu nằm lắng sóng phương em Em thân thuộc sao thành xa lạ thế Sắp gặp em rồi sóng lại đẩy xa thêm. Không tin vào cuộc sống, không tin vào tình yêu, tất cả trước mắt chỉ là một màu xanh ảm đạm, Nguyễn Bính tìm tới cá quán trọ bên đường, tới chiếc lá khoai để so sánh với tình yêu vô vọng: Lòng em như quán bán hàng Dừng chân cho khách qua đàng mà thôi ... Lòng em như chiếc lá khoai Đỗ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu. (Hai lòng) Ta có thể bắt gặp vô vàn những hình ảnh so sánh ví von tạo hình ảnh độc đáo trong thơ Xuân Diệu: Tháng giêng ngon như một cặp môi gần, Tóc mịn đầy tay như suối mát, Lá liễu dài như một nét mi, Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ, Mây đa tình như thi sĩ thời xưa, Cuộc đời cũng đều hiu như dặm khách. Mà tình yêu như quán trọ ven đường... Thơ phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Như nhịp đập của trái tim khi xúc động, ngôn ngữ thơ có nhịp điệu riêng của nó. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Có thể xem tính nhạc là nét đặc thù rất cơ bản của ngôn ngữ thơ. “Nhạc điệu là một yếu tính của thi ca. Thiếu nhạc tính thơ trở thành văn xuôi” (Bằng Giang). Bởi nhạc tính như một

nét duyên thầm làm nên vẻ đẹp của thơ, cũng là một yếu tố tạo mỹ cảm cho người đọc. “Ly khai với nhạc tính, thơ chỉ còn là một nhan sắc trơ trên thiếu duyên” (Tam Ích). Và “Thơ là sự phối hợp của âm thanh”. Thơ bao giờ cũng là sự kết hợp hài hòa giữa ý và nhạc. Nếu “rơi vào cái vực ý thì thơ sẽ sâu nhưng rất dễ khô khan. Rơi vào cái vực nhạc thì thơ dễ làm say lòng người nhưng dễ nông cạn” (Chế Lan Viên). Rõ ràng, nhạc tính là tiếng nói linh diệu của thi ca, gợi thức trí tưởng tượng của người đọc, nói như La Fontaine “Chẳng có thơ nào không có nhạc”. Hơn bất cứ ngôn ngữ ở thể loại nào khác, ngôn ngữ thơ với tính cách là một thứ ngôn ngữ giàu nhịp điệu, phong phú về cách hòa âm, tiết tấu, giàu từ láy âm, tượng hình, chính là thứ ngôn ngữ giàu tính nhạc. Nhạc tính trong thơ được tạo nên từ nhiều yếu tố như nhịp điệu, cách gieo vần, phối thanh... Vần là sự lặp lại những âm thanh tương tự để tạo chỗ dựa cho nhạc tính. Thơ có vần chính và vần thông. Vần chính là vần cùng một khuôn âm, vần thông là theo một khuôn âm tương tự. Xét về vị trí vần, còn chia ra vần chân và vần lưng. Thơ tự do ngày nay không bó buộc về hiệp vần, nhưng các nhà thơ vẫn sử dụng vần như một yếu tố biểu cảm làm tăng vẻ đẹp của thơ: Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan Đường Bạch Dương sương trắng nắng tràn Tố Hữu lặp lại vần ngay trong một dòng thơ khiến câu thơ như ngân lên điệu nhạc du dương, man mác. Nếu ngôn ngữ và hình ảnh là những yếu tố song hành thì âm điệu cũng là yếu tố đồng hành với tính nhạc. Nói một cách hình ảnh, nếu ngôn ngữ là sợi dây đàn thì nhạc tính và âm điệu là những cung bậc thanh âm ngân lên từ sợi dây đàn ấy. Việc kiến tạo âm điệu trong thơ cũng chính là kiến tạo nhạc tính. Và âm điệu cũng là chiếc cầu nối thơ với người đọc, dẫn dụ người đọc đi vào thế giới màu nhiệm của thơ ca. Các câu thơ sau sở dĩ “đầy nhạc” chính vì sự tập trung dày đặc các nguyên âm mở và phụ âm vang tạo âm điệu cho thơ: Long lanh tiếng sỏi vang vang hận (Nguyệt cầm – Xuân Diệu) Dọc bờ sông trắng nắng chang chang (Mùa xuân chín – Hàn Mặc Tử) Nam đình nghe động trống châu đai doanh. (Truyện Kiều – Nguyễn Du) Nhạc thơ chủ yếu còn do các thanh điệu tạo nên. Xuân Diệu viết hai dòng toàn bằng để gợi tả điệu nhạc du dương đưa tâm hồn phiêu diêu bay bổng khi nghe Nhị Hồ: Sương nương theo trăng ngừng lưng trời Tương tư nâng lòng lên chơi vơi. Câu thơ của Bích Khê sở dĩ đầy nhạc tính như ta cảm thấy chính là vì đã tập trung được các thanh bằng một cách dày đặc nhất: Ô hay buồn vương cây ngô đồng Vàng rơi, vàng rơi thu mệnh mông... (Tỳ bà) Tản Đà trong hai câu thơ: Tài cao phận thấp chí khí uất Giang hồ mê chơi quên quê hương Đã sử dụng một nhịp điệu đặc biệt trên cơ sở tương phản về thanh điệu như hai vế đối lập. Câu trên là một tình

thể bất công, một cảnh ngộ uất ức. Câu thơ bị dồn chặt, đóng chặt bởi những từ ngăn mang thanh trắc giống như uất ức bị nén lại. Câu thơ sau là một hướng giải quyết tiêu cực và buông xuôi, toàn bộ câu thơ trôi đi trên thanh bằng như một sự buông tỏa, giải thoát, không có phương hướng, không có gì níu giữ lại. Câu thơ thứ nhất với chủ âm thanh trắc, câu thơ thứ hai chủ âm thanh bằng diễn đạt được trạng thái buông xuôi của nhà thơ, chính âm thanh của chữ nghĩa đã tạo nên những điều mà chữ nghĩa không nói hết. Nói đến yếu tố tạo tính nhạc cho thơ phải kể đến vai trò của nhịp điệu. Maiacovski từng khẳng định: “Nhịp điệu là sức mạnh cơ bản, năng lượng cơ bản của câu thơ”. Câu thơ và văn có một cái duyên mà thậm chí khi lời, ý dở, nhà thơ vẫn quyến rũ người nghe bằng nhịp điệu và sự cân đối.” (Isokrate). Theo giáo sư Hà Minh Đức: “Nhịp điệu là kết quả của một sự chuyển động nhịp nhàng, sự lặp lại đều đặn những âm thanh nào đó ở trong thơ.”. Nhịp thơ có thể dài, ngắn, đọc lên có thể nhanh hay chậm phụ thuộc vào trạng thái cảm xúc: Nhiều đấy ư em/ mấy tuổi rồi? - Hai mươi. - ờ nhỉ/ tháng năm trôi Sóng bồi thêm bãi/ thuyền thêm bến Gió lộng đường khơi/ rộng đất trời! (Tố Hữu) Thơ là thể loại “ý tại ngôn ngoại”. Việc kiệm lời, kiệm chữ là một yêu cầu tối quan trọng đối với nhà thơ. “Thơ cốt ở ý, ý cốt sâu sa thì thơ mới hay. Không phải bất cứ điều gì phải nói ra bằng lời thì mới là thơ có giá trị. Ý hết mà lời dừng là cái lời hết mực song lời dừng mà ý chưa hết thì lại càng hay tuyệt” (Hải Thượng Lân Ông). Mỗi từ ngữ trong câu thơ phải diễn tả được đúng điều mà nhà thơ nhìn thấy, cảm thấy và những điều sẽ thấy. Lựa chọn được một từ ngữ “đắt” để diễn đạt một ý không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Nói như Maiacôpxki, quá trình sáng tạo ngôn ngữ thơ ca cũng giống như người lọc quặng radium: Lấy một gam phải mất hàng năm lao lực. Lấy một chữ phải mất hàng tấn quặng ngôn từ. Trong một trường liên tưởng của từ ngữ có nhiều từ cùng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa..., người viết cần liệt kê vài từ để chọn. Tản Đà đã suy nghĩ rất nhiều khi chọn từ “khô” để đưa vào câu thơ: Non cao những ngóng cùng trông/ Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày (Thề non nước). Nếu thay từ khô bằng từ tuôn, hay từ trôi thì hiệu quả sẽ như thế nào? Hay từ “ép” trong câu: Tuổi già hạt lệ như sương/ Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan là một “nhân tự” (mắt chữ) trong bài Khóc Dương Khuê của Nguyễn Khuyến. Ta bắt gặp trong Nguyễn Du, một bậc thầy về ngôn ngữ thơ ca, những sáng tạo kỳ diệu. Chỉ trong một câu thơ ngắn Ghế trên ngòai tốt sỗ sàng, với chỉ một từ tốt thôi, Nguyễn Du đã giết chết tên Giám Sinh họ Mã (Hoài Thanh). Hay Rẽ song đã thấy Sở Khanh lén vào. Với một từ lén, Nguyễn Du đã lột trần bản chất con người Sở Khanh. Hàm súc và giàu sức

biểu hiện, ngôn ngữ thơ ca cô đúc, chặt chẽ với số từ rất hạn định nhưng năng lực biểu hiện lại rất lớn. Vấn đề đặt ra với mỗi nhà thơ là phải chọn một cách nói tốt nhất đến mức độ người ta cảm thấy không thể khác được. Thơ hay bao giờ cũng là cuộc hôn phối kỳ diệu giữa âm thanh và ý nghĩa, hình ảnh. Chữ và nghĩa trong ngôn ngữ thi ca hòa quyện với nhau như hình với bóng, như xác với hồn nên việc tách rời chúng ra khỏi nhau sẽ làm tổn hại đến bình diện ngôn ngữ và thẩm mỹ của câu thơ. Thơ không phải là một mớ lý thuyết mà là một thực thể ngôn ngữ,. Và thơ ca ám ảnh người đọc phải chăng cũng vì vẻ đẹp toát ra từ “thực thể ngôn ngữ” ấy. Vũ trụ tâm hồn thi nhân có hòa điệu với tâm hồn người đọc không, có “tri âm” với người tiếp nhận hay không, tất cả phải thông qua chiếc cầu ngôn ngữ, nói như Bùi Giáng “thi ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống. Ngôn ngữ thơ bao giờ cũng là hóa công của người nghệ sĩ. Mỗi chữ trong thơ đều là sự vang vọng từ tâm hồn thi nhân. Vì “Thực chất của thơ là cái linh hồn, là sự sống của những chữ ta dùng. Làm văn xuôi, chữ không có sức mạnh ma quái như vậy (...) thi nhân là một thần linh nói một thứ chữ riêng mà thế nhân phải diễn tả dài dòng thô lậu” (Nguyên Sa).

Văn Mẫu Lớp 10 - Cây lau chứng kiến việc Vũ Nương ngồi bên bờ Hoàng Giang than thở một mình rồi tự vẫn. Viết lại câu chuyện đó theo ngôi kể thứ nhất 1 hoặc thứ 3

Họ nhà lau tía chúng tôi đã sống trên bờ Hoàng Giang cả triệu năm rồi. Gia tộc tôi đã trải qua bao nhiêu thế hệ tôi cũng không thể nhớ. Nhưng gia đình tôi thường có thói quen truyền kể cho nhau nghe những “chuyện đời” xảy ra ở trên sông mà các thế hệ cha ông của chúng tôi từng chứng kiến. Bao nhiêu năm đã trôi qua và cũng đã quá già để nhớ về mọi chuyện, thế nhưng tôi vẫn còn nhớ như in cái ngày bi kịch đến với người thiếu phụ Vũ Nương. Tôi nhớ ngày ấy tôi vẫn còn trẻ lắm. Tôi thường có thói quen thức rất khuya để khóa mình trong nước dưới những đêm trăng. Nước sông Hoàng Giang ban đêm rất lạnh và dịu mát. Trăng sáng, lại được đùa giỡn với mấy chị cá mương thì thật là thỏa thích. Hôm ấy, đang uốn mình trong nước, tôi bỗng giật mình khi chợt nghe có tiếng ai đang nức nở. Tôi nín lặng, tiếng khóc ngày một rõ hơn. Không nghi ngờ gì nữa (tôi nghĩ), chắc có ai đó đang gặp một chuyện gì đó rất đau thương. Tôi quên ngay anh nước và mấy chị cá mương khi bắt đầu nghe giọng một người đàn bà than thở: - Con lạy trời lạy đất, lạy hà bá dưới lòng sông! Thân kiếp con khổ quá. Những mong ngày chồng chinh chiến xa về là ngày gia đình đoàn viên sum họp. Vậy mà cái mong ước ấy giờ tan như mây như khói. Bao năm qua con đã phải chịu muôn ngàn cay đắng. Chồng đi chiến trận nơi xa, một mình con tần tảo chăm mẹ già nuôi con nhỏ. Rồi đến khi mẹ già lâm bệnh, con lại chạy đôn chạy đáo lo đủ chuyện thuốc thang mà vẫn không sao cứu được. Mẹ mất đi, con mất hẳn một nguồn động viên, quan tâm, chia sẻ. Ngay lúc ấy con đã phải tự nhủ mình: Phải nuôi hy vọng. Tất cả mọi điều tốt đẹp, con đã dành cho bé Đản thương yêu. Bao hy vọng được mẹ con con nuôi lớn từng ngày, vậy mà giờ đây ông trời lại hay chơi ác, lại gây cảnh trở trêu mà cướp đi của con tất cả. Con còn sống để làm chi. Tôi nghe những lời than thở mà đau xót cho người phụ nữ. Sống ở bên sông, tôi đã chứng kiến bao điều nhưng chưa bao giờ thấy chuyện nào đau lòng như vậy. Đằng sau những câu nói sâu sắc đến nát lòng kia hẳn phải là một bi kịch lớn. Tôi băn khoăn lắm nhưng chưa kịp suy đoán điều gì thì người đàn bà kia lại khóc: - Bé Đản, con yêu! Mẹ thật có lỗi với con khi mẹ bỏ đi giữa lúc này. Nhưng mẹ đâu có thể chọn được một con đường nào khác. Bố đã nghi ngờ sự

thủy chung của mẹ con ta. Vậy là bao công lao của con và mẹ bố đều đổ đi tất cả. Mẹ không thể sống trong sự ngờ vực của cha con. Mẹ không thể có lỗi với bà và chấp nhận những gì xấu xa mà mình không có. Mẹ có danh dự của sự thủy chung và trinh tiết. Mẹ phải giữ được tâm hồn mẹ trong ánh mắt của những người hàng xóm. Mẹ không thể sống. Mẹ sẽ chết để thức tỉnh sự ghen tuông mù quáng của cha con. Đản thương yêu! Mẹ xin lỗi con vì tất cả. Sau câu nói ấy, mặt nước bắt đầu khua động mạnh. Tôi giật mình và bàng hoàng nhận ra người đàn bà đang dần thân về phía lòng sông. Yêu thương và oán giận. Nhưng chỉ là một cây lau nhỏ bé, tôi không thể làm được gì hơn. Nước bắt đầu dâng lên đến ngang người rồi đến gần hết cánh tay người phụ nữ. Người đàn bà đau khổ đã quyết trầm mình để giải những oan khiên. Bờ sông Hoàng Giang vẫn lặng. Gió vẫn thổi mát rượi nhưng trăng đã khuất. Không gian tĩnh mịch đến ghê người khiến tôi vẫn nghe và nghe rất rõ những lời trăng trối cuối cùng của người phụ nữ khốn khổ kia. - Trương Sinh chàng hỡi! Chàng đã phụ công của thiếp. Như một đứa trẻ thơ nghịch một trò chơi mà không cần suy nghĩ, chàng đã coi thường sự thủy chung của thiếp. Nay tình chồng nghĩa vợ đã chẳng thể dài lâu, thiếp chỉ mong sau cái chết này chàng có thể thấy nỗi đau mà thức tỉnh. Chàng hãy chăm sóc cho con, hãy nuôi dạy để cho nó được nên người. Con xin lạy ông hà bá. Con là Vũ Nương. Nay vì bị oan mà phải chọn tìm cái chết để giải mối oan tình. Thân này đã nguyện dâng cho hà bá. Nhưng con chỉ mong nếu thực lòng thủy chung son sắt thì xin cho được giải mối oan tình những mong Trương Sinh thức tỉnh. Nhược bằng con đây có chút tư tình thì xin hà bá cứ đây ải mãi mãi dưới tầng địa ngục. Mặt sông Hoàng Giang đã lặng thình. Tôi không còn nghe bất cứ một lời nói hay một âm thanh nào nữa. Vậy là hà bá đã đón người phụ nữ kia đi nhẹ nhàng nhưng chắc chắn không thanh thản. Cả cuộc đời sống ở bên sông, chứng kiến dòng đời bao thay đổi với cả nỗi buồn lẫn niềm vui. Có những chuyện tôi đã quên, có những chuyện tôi còn nhớ nhưng không có chuyện nào tệ hại như cái chết của Vũ Nương. Nghe hết câu chuyện ấy, tôi vừa giận anh chồng, lại vừa thương cho người vợ. Họ yêu thương nhau rồi lại tự gây những đau đớn cho nhau. Bao năm đã trôi qua, nỗi oan của Vũ Nương cũng đã được chính người chồng kia giải. Thế nhưng cho đến tận hôm nay tôi vẫn không hiểu được con người thật vĩ đại và cao cả biết bao nhưng tại sao vẫn có những lúc họ ích kỷ và nhỏ nhen làm vậy?

Văn Mẫu Lớp 10 - “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” em hãy tìm hiểu về an toàn giao thông trong xã hội hiện nay

Hằng năm, tai nạn giao thông đã cướp đi hàng ngàn sinh mạng của con người. Vậy nên tai nạn giao thông đã trở thành một vấn nạn đáng báo động đối với toàn thế giới nói chung và nước ta nói riêng. Một trong những nguyên nhân chính gây ra tai nạn giao thông là sự hạn chế về hiểu biết và ý thức của người dân trong đó thanh niên là đối tượng tham gia giao thông đông nhất hiện nay. Thế nên chúng ta cần phải có biện pháp như thế nào để ngăn chặn và giảm thiểu số lượng tai nạn giao thông đang ngày một tăng cao như hiện nay. Tai nạn giao thông là sự va chạm mạnh giữa những phương tiện tham gia giao thông với nhau, gây thiệt hại nghiêm trọng về con người và vật chất. Tai nạn giao thông có thể gây thiệt mạng, tàn tật cho con người dẫn đến mất sức lao động cho xã hội và mất mát về mặt tình cảm cho gia đình. Ngoài ra, tai nạn giao thông còn gây thiệt hại của cải cá nhân và công cộng. Vậy nên, hằng năm Nhà nước ta đã chi ra một khoản tiền không nhỏ để cải thiện tình hình, nâng cao cơ sở vật chất hay đưa ra Luật nhằm hạn chế tai nạn giao thông. Nhưng liệu đó có phải là cách hiệu quả? Thật ra, nguyên nhân sâu xa của tai nạn giao thông chính là sự thiếu ý thức và thiếu hiểu biết của con người tham gia giao thông, trong đó học sinh, sinh viên chiếm số lượng đông nhất. Những đối tượng này hoặc chưa có đủ kiến thức về an toàn giao thông hoặc chưa hoàn toàn có ý thức chấp hành Luật. Có những học sinh biết rõ Luật nhưng cố tình vi phạm. Mặc dù biết phải dừng xe khi đèn đỏ nhưng thay vì làm thế các học sinh này lại cố phóng nhanh để vượt đèn đỏ. Các học sinh ấy không biết rằng chỉ để tiết kiệm vài giây mà họ có thể đánh đổi bằng mạng sống của mình. Lại có những học sinh chưa đủ tuổi để điều khiển xe máy trên 50 phân khối nhưng đã đi xe đến trường, không chỉ có thế những học sinh này còn tổ chức đua xe dẫn đến những hậu quả đáng tiếc xảy ra. Hay có trường hợp rất phổ biến ở trường học hiện nay là học sinh đến trường bằng xe đạp điện, hoặc được phụ huynh đưa đi không đội mũ bảo hiểm mặc dù biết đó là quy định của Nhà nước và cũng là nội quy nhà trường. Như chúng ta đã biết rằng số lượng học sinh tham gia giao thông là khá đông. Vào các giờ tan trường lượng người tham gia giao thông tăng lên làm cho các làn đường trở nên đông đúc, chật hẹp. Đã vậy, một số học sinh còn tụ tập thành nhóm trước

cổng trường, ven các vỉa hè, con lươn gây ách tắc giao thông và va quệt lẫn nhau rất dễ dẫn đến tai nạn. Và đặc biệt là học sinh, sinh viên rất hay dàn hàng ngang giữa lòng đường cản trở các phương tiện khác tham gia giao thông, dẫn đến tình hình hỗn loạn trên đường phố. Vậy nên để giảm bớt những vụ tai nạn giao thông và tránh những hiện tượng ùn tắc người tham gia giao thông cần được trang bị những kiến thức về an toàn giao thông và phải được giáo dục ý thức từ trong ghế nhà trường đối với học sinh, sinh viên. Nhà trường nên tổ chức những buổi tuyên truyền về Luật giao thông và có những biện pháp để hạn chế số lượng học sinh vi phạm Luật giao thông như cấm học sinh đến trường bằng xe phân khối lớn, hãy xem ý thức chấp hành Luật giao thông của học sinh là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá đạo đức..... Còn đối với các bạn học sinh, sinh viên chúng ta hãy nhớ rằng, chấp hành tốt Luật giao thông là bảo vệ chính bản thân bạn và mọi người xung quanh, tránh được những điều đáng tiếc xảy ra. Hãy chấp hành tốt Luật an toàn giao thông để cuộc sống của chúng ta ngày thêm nhiều niềm vui, mọi người hạnh phúc, nhà nhà hạnh phúc. Hãy nhớ rằng: “ An toàn là bạn, tai nạn là thù”. Tuổi trẻ học đường với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ tiên phong nhiều lĩnh vực, có sức khoẻ, có tri thức... cần có những suy nghĩ đúng đắn và tự giác thực hiện Luật an toàn giao thông để giảm thiểu tai nạn, mang lại niềm vui và hạnh phúc cho bản thân, gia đình và toàn xã hội.

Văn Mẫu Lớp 10 - Chứng minh câu: “Trong đầm gì đẹp bằng sen. Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng. Nhị vàng bông trắng lá xanh. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”

“Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh, Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Đất nước Việt Nam thân yêu có muôn vàn cây lá khác nhau, hoa thơm quả ngọt bốn mùa. Một màu xanh bát ngát bao trùm sông núi. Cảnh trí thiên nhiên tuyệt cú với “non xanh nước biếc như tranh họa đồ”. Lòng người hồn hậu, giàu tình yêu thương. Những khúc dân ca, những bài ca dao cùng với sữa mẹ, lời ru của bà vừa thấm sâu vào tâm hồn mỗi chúng ta. Con trâu, con cò, con bống, hoa sen, hoa bưởi, hoa cà... cùng với lời ca tình nghĩa đem đến cho ta men say cuộc đời, làm vơi đi ít nhiều lam lũ, vất vả. Tiếng hát của ai vừa từng làm xúc động, tự hào: “Chẳng thơm cũng thể hoa nhài - Chẳng thanh lịch cũng con người Thượng kinh”. Tiếng ca của ai vừa từng làm ta băng khuâng: “Hoa thơm thơm lạ thơm lùng Thơm cảnh, thơm rẫy, người trồng cũng thơm”. Và còn hoa sen trong đầm vừa làm ta say mê từ thuở ấu thơ qua lời ru của mẹ. Năm tháng vừa trôi qua, hồi tưởng lại, ta càng cảm giác lòng mẹ ngọt ngào hương sen: “Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng. Nhị vàng bông trắng lá xanh, Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Cảnh đầm sen đẹp quá. Và lòng người cũng đẹp như sen. Sen là loại cây, loại hoa đẹp nhất trong đầm. Hoa súng, hoa lục bình, hoa muống màu tím biếc vừa đẹp, nhưng không thể so sánh với sen. Bằng cách nói so sánh “gì đẹp bằng”, tác giả tự hào khẳng định: “trong đầm gì đẹp bằng sen”. Câu thứ hai giới thiệu cụ thể vẻ đẹp của đầm sen. Nhà thơ dân gian đang cùng chúng ta say mê ngắm đầm sen một ngày hè đẹp” “Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng” Trên mặt hồ trong vắt, lá sen xanh xoè ra như những chiếc lọng xinh xinh, những bông sen trắng, sen hồng nở xòe ra, nhị hoa màu vàng tươi, tỏa hương thơm ngào ngạt. Lá, hoa, nhị, xanh, trắng, vàng, bấy nhiêu nét vẽ chấm phá trong một câu thơ tám chữ mà làm nổi bật vẻ đẹp của sen với màu sắc hài hòa. Sự thần diệu của lời ca là chẳng nói đến hương sen mà người đọc vẫn cảm giác hương sen tỏa ngát, tâm hồn lâng lâng. Câu thứ ba đổi vần một cách kỳ lạ. hai hình ảnh “lá xanh” và “nhị vàng” được giao hoán cho nhau. Câu thứ ba hầu như khép lại câu thứ hai (giản lược) hai chữ “lại

chen”. Nghệ thuật đối vần ở đây chứng tỏ một bút pháp già dặn, điêu luyện của một nghệ sĩ cao tay, tạo nên một ấn tượng đặc biệt. Ta như cảm giác có một bàn tay thon thả, xinh xinh của thiếu nữ đang lật đi lật lại từng lá sen xanh, nâng niu từng bông sen trắng, ngắm nghía trầm trồ nhị vàng của búp sen. “Nhị vàng, bông trắng, lá xanh” Vẻ đẹp của đầm sen, của hoa sen cũng là vẻ đẹp của làng quê, của thiên nhiên đất nước. Tác giả miêu tả vẻ đẹp rực rỡ của đầm sen với tình yêu cỏ hoa tạo vật, với tất cả niềm tự hào dân tộc, và tự hào về đất mẹ quê cha. Câu cuối bài ca dao mang một hàm nghĩa, một ẩn ý sâu sắc, đẹp đẽ. Lời thơ được cấu trúc bằng biện pháp tương phản “gần bùn”, “mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Bùn hôi tanh. Sen mọc từ sự hôi tanh của bùn nhưng sen rực rỡ, thơm ngát thế! Câu ca dao vừa đưa ta đến một liên tưởng thú vị. Cuộc đời của nhân dân ta ngày xưa, dưới ách thống trị của vua quan, địa chủ, cường hào, sưu thuế nặng nề, trải qua nhiều khó nhọc, thiếu thốn. Cuộc đời vật lộn giữa bùn đen hôi tanh, nhưng tâm thể của nhân dân ta rất vững vàng “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Có thể tác giả bài ca dao này là một nhà thơ nghèo, từ chiêm nghiệm cuộc đời mà nêu lên một triết lý nhân sinh cao đẹp của nhân dân ta, ca ngợi bản lĩnh dân tộc: Sống thanh cao, sống trong sạch. Ca dao dân ca có biết bao bài đặc sắc nói về hoa lá. Có bài nói về dáng vóc mang tiết tháo người hiền “trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”. Có bài nói về hoa nhài tinh khiết, trong trắng. Dân ca Quan họ có bài nói về trăm loài chim, trăm loài hoa... Qua đó ta thấy tâm hồn nhân dân ta rất đẹp, biết yêu mến quý trọng hoa thơm cỏ lạ mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Với lòng yêu hoa lá, chúng ta cảm giác thú vị được thưởng thức cái hay, cái đẹp của bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen...” này. Ta yêu thêm vẻ đẹp đồng quê, yêu thêm tâm hồn và tâm thể cao quý của con người Việt Nam: “Rủ nhau ra tắm hồ sen, Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình. Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh Thôn quê vẫn thú hữu tình xưa nay”... Trong chúng ta, ai vừa có lần được ngắm sen Hồ Tây, sen hồ Tĩnh Tâm (Huế), sen Đồng Tháp Mười...? Nghĩ về đầm sen, hương sen, chúng ta tự hào biết bao về người con vĩ đại của làng Sen thân thuộc như nhà thơ Bảo Định Giang vừa ngợi ca: “Tháp Mười đẹp nhất bông sen, Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Lập dàn ý cho bài văn viết về một câu chuyện xảy ra trong cuộc sống mà em được chứng kiến (cụ thể là câu chuyện đôi bạn giúp nhau vượt khó trong học tập)

Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần viết Thân bài: - miêu tả qua về hai bạn - tính cách, hoàn cảnh, tình bạn được bao lâu rồi? - hàng ngày 2 bạn đó giúp đỡ nhau như thế nào? - học cùng nhau vượt thử thách ra sao? - những cố gắng, quyết tâm đã đem lại cho họ những thành công như thế nào?(đạt giải trong các kì thi, luôn là đôi bạn cùng tiến trong học tập,..) - có thể nói thêm: không những là người học trò giỏi, mà còn là những người con hiếu thảo - rút ra bài học cho bản thân Kết bài: khẳng định tình bạn là một trong những yếu tố quan trọng giúp ta vượt qua những khó khăn mà người thân không thể giúp – > liên hệ bản thân

Văn Mẫu Lớp 10 - Trong vai trò là một hướng dẫn viên du lịch anh/ chị hãy giải thích cho du khách về một trong những thắng cảnh của thành phố Đà Lạt

Bài văn tham khảo Thuyết minh về danh lam thắng cảnh ở Đà Lạt..Từng được ví như một “tiểu Paris giữa miền nhiệt đới”, Đà Lạt mở lòng mình với du khách bằng những thắng cảnh tuyệt đẹp, bằng các di tích lịch sử ngàn đời còn lưu giữ mãi đến ngày hôm nay. Cứ mỗi lần rời Đà Lạt, người đi lại mang theo một chút lưu luyến, chút âm hưởng, và một cảm giác nao nao... gói gọn vào một góc tâm hồn... **HỒ THAN THỞ:**Hồ Than Thở nằm cách trung tâm Đà Lạt khoảng 6km về hướng Đông Nam, trên đường đi Chi Lăng-Thái Phiên. Thoạt đầu nơi đây chỉ là một hồ nhỏ, không rõ từ lúc nào được gọi là Hồ Than Thở. Về sau người Pháp đã làm đập chặn nước tạo thành hồ và đặt tên là Lac des Soupirs, mãi đến năm 1956 hồ mới được gọi lại theo tên cũ.Năm 1975, sau khi hòa bình lập lại, có lẽ cho rằng cái tên Than Thở ủy mị quá, đã có lúc hồ được đổi tên thành Sương Mai. Nhưng trong lòng người dân Đà Lạt cũng như du khách đều lưu luyến tên cũ, không gọi Sương Mai nên đến năm 1990, chính quyền địa phương đã cho sử dụng lại tên cũ của hồ.Hồ Than Thở còn là nơi gắn liền với câu chuyện tình điếm lệ làm thổn thức lòng người. Đó là chuyện kể về mối tình của đôi trai gái, thường hẹn hò nhau bên bờ suối. Chàng trai lên đường tòng quân đánh giặc. Nơi quê nhà, cô gái nhận được tin chàng tử trận, liền quyên sinh theo người mình yêu. Không ngờ, chàng trai thắng trận trở về, giữ vẹn lòng chung thủy chàng cũng chết theo cô gái. Từ đó, hồ được mang tên là hồ Than Thở và cái tên ấy đã tồn tại từ 200 năm nay.Ngày nay hồ Than Thở được đầu tư tôn tạo thành một công viên giải trí với những bồn hoa thảm cỏ được chăm tĩa công phu, những trò chơi đu quay, xe đạp nước, cưỡi ngựa... tuy có thay đổi bộ mặt ẩm đạm của hồ nhưng cũng vì thế làm mất đi nét trầm mặc huyền hoặc vốn đã là cái “hồn” của hồ Than Thở. **HỒ XUÂN HƯƠNG:**Nằm ngay trung tâm thành phố, ở độ cao 1477m, Hồ Xuân Hương nguyên là thung lũng có dòng suối Cam Ly chảy qua, nơi quần tụ của các cư dân Lạch buổi ban đầu. Năm 1919, từ sáng kiến của viên công sứ Cunhac, kỹ sư công chánh Labbé đã tiến hành việc ngăn dòng suối làm thành hồ. Đến năm 1923 lại xây thêm một đập nữa ở phía dưới tạo thành hai hồ.Do ảnh hưởng của cơn bão tháng 3 năm 1932, cả hai đập đều bị vỡ. Mãi đến năm 1934-1935 một đập lớn bằng đá mới được kỹ sư Trần Đăng

Khoa thiết kế xây dựng phía dưới hai đập cũ tạo thành một hồ lớn – người Pháp gọi là Grand Lac. Đập này nằm trước Dinh Quân Đạo mà vị Quân đạo bấy giờ là Phạm Khắc Hòe vẫn được dân địa phương xưng gọi “ông Đạo” nên khi đập cũng là cầu xây xong, người dân quen gọi là “Cầu Ông Đạo”, còn tồn tại đến ngày nay. Hồ có chu vi 5000m, rộng 25ha với hình dạng trăng lưỡi liềm. Mặt hồ phẳng lặng như tấm gương soi bóng những tán tùng già cổ, những hàng liễu rũ thướt tha, và sẽ được hơn khi mùa xuân về, lúc những cành anh đào nở rộ một màu hồng rực rỡ khiến mặt hồ bừng lên như đôi má cô gái Đà Lạt tuổi xuân thì. Hồ được mang tên Xuân Hương từ năm 1953 như muốn làm sống mãi hình ảnh lãng mạn của nữ sĩ thơ Nôm nổi tiếng Việt Nam thế kỷ thứ 19: Hồ Xuân Hương. **HỒ TUYỀN LÂM** Theo quốc lộ 20 lên đèo Prenn, qua khỏi thác Datanla một đoạn, du khách rẽ trái rồi đi tiếp khoảng 2km giữa rừng thông trùng điệp, sẽ đối mặt với một hồ nước mênh mông mà từ lâu đã mang một cái tên đầy ấn tượng : Tuyền Lâm. Hồ Tuyền Lâm được tạo thành bởi dòng suối Tía và thượng nguồn sông Đa Tam từ núi Voi đổ về. Trong nỗ lực tạo nguồn nước dự trữ và tưới tiêu cho các cánh đồng huyện Đức Trọng, từ năm 1982 Bộ thủy lợi đã tiến hành việc đắp đập ngăn nước tại đây. Công trình xây dựng đến năm 1987 mới hoàn thành đã mở rộng mặt hồ đến 32km² với độ sâu có nơi trên 30m nối liền các núi đồi tạo thành một cảnh quan thiên nhiên hoành tráng. Du thuyền trên hồ, du khách có dịp chiêm ngưỡng bao điều kỳ diệu của núi đồi Đà Lạt mà ở mỗi góc độ luôn cho phép những khám phá mới lạ. Sẽ thú vị hơn khi ghé thác Bảo Đại, du khách có dịp làm quen một gia đình sống đơn lẻ nơi đây trong sự gắn bó lạ lùng với thiên nhiên. Và khi ghé khu dã ngoại Nam Qua, Đá Tiên hay của công ty Du lịch thường thức món thịt nướng bên chén rượu cần, trong những căn nhà sàn xinh xắn hoặc thả mình trên bãi cỏ mượt êm giữa thênh thang gió lộng, du khách như bị “say” niềm vui cuộc sống và cảm thấy thỏa lòng trong cái thú viễn du ... **THÁC PRENN**: Năm ngay dưới chân đèo Prenn, trên đoạn đường từ Thành phố Hồ Chí Minh lên Đà Lạt. thác Prenn là một trong những đoạn thác còn giữ được vẻ hoang sơ của núi rừng Tây Nguyên. Đường đến thác phải đi ngang qua một con suối có chiếc cầu nhỏ xinh xinh. Từ độ cao 30m, những hạt thủy tinh nước lấp lánh buông mình xuống mặt hồ tạo thành bức màn nước thiên nhiên tuyệt đẹp. Tiếng nước đổ ầm ào, tiếng chim rừng riu rít, tiếng vi vu của gió làm xạc xào từng nhánh thông gầy tạo ra những âm thanh sôi động như khúc nhạc vui tươi của nàng xuân đang trỗi lên đón bước chân du khách. Bên dưới chân thác, từng cánh hoa đại lung linh khoe sắc làm cảnh quan càng trở nên quyến rũ hơn. Muốn du ngoạn cùng mây, gió, bạn có thể

ngồi lên cabin của hệ thống cáp treo để tìm cho mình cảm giác phiêu bồng khi lướt ngang qua dòng thác. Không những thế, đến thác Prenn du khách còn được tham gia những trò chơi độc đáo của người dân bản xứ: bắn nỏ, bắn tên, uống rượu cần... **THÁC CAMLY:**Thác Camly là thác nằm gần trung tâm thành phố nhất, chỉ cách Đà Lạt khoảng 2km về phía tây. Nhiều người cho rằng, chữ Camly có nghĩa là dòng suối ngọt mát thấm vào lòng người.Cũng có ý kiến cho rằng, Camly là do biến âm của K'Mly, tên một vị tù trưởng của bộ tộc K'Ho, được bộ tộc này chọn làm tên vùng đất từ sau khi ông qua đời để ghi nhớ công lao. Tên Cam Ly thật đẹp và mang âm hưởng Việt Nam nên ông Cunhac đã lầm tưởng đây là tên do người Việt đặt cho. Dù với cách hiểu thế nào thì Camly vẫn luôn là “linh hồn” của Đà Lạt.Thác Cam Ly ngày nay đã được đầu tư tôn tạo với nhiều tiểu cảnh mang đậm dấu ấn Tây Nguyên, những con đường tuy được bê tông hóa nhưng nhờ khéo chọn giải pháp phù hợp đã không phá vỡ những nét hoang dã cổ hữu ... Thác Cam ly rất thơ mộng vào những mùa mưa có nước lớn.Không ồn ào và rầm réo như những dòng thác hoang sơ khác, thác Camly khiêm tốn và lặng lẽ chảy qua các ghềnh đá hoa cương, nước bắn tung tóe trông đẹp và lấp lánh như những hạt pha lê dưới ánh mặt trời. Là cảnh đẹp tiềm thức của người Đà Lạt nói riêng và du khách nói chung. Camly đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các văn nghệ sĩ...**CHÙA LINH PHƯỚC** Chùa Linh Phước được xây dựng từ năm 1949 đến năm 1952 thì hoàn thành. Chùa tọa lạc trong một con hẻm ở số 120 Tự Phước – Đà Lạt. Bên trong chùa là ngôi tiền đường bảo tháp cao 27m được chạm khắc khá sắc sảo, điện thờ Phật Bà Quan Âm.Chánh điện khá lớn, rộng hơn 22m và dài 33m, thờ Phật Thích Ca. Trang trí quanh tường là những bức phù điêu được chạm khắc bằng miếng chén sứ với nghệ thuật rất tinh vi kể lại lịch sử Đức Phật.Khuôn viên chùa khá đẹp với những hòn giả sơn, nhiều chậu cây cảnh và hoa phong lan khoe sắc. Đặc biệt, uốn quanh hồ nước là một con rồng có những chiếc vảy sắc sỡ được trang trí bằng phương pháp đắp nổi nhiều mảnh sành sứ, thủy tinh.Bên cạnh những kiến trúc độc đáo ấy, trong tòa tháp cao 7 tầng của chùa Linh Phước còn có một Đại hồng chung khổng lồ cao hơn 4m, trọng lượng 8,5 tấn được đúc năm 1999.**THUNG LŨNG TÌNH YÊU** Như một nét đặc trưng ở Đà Lạt, Thung lũng tình yêu thực sự là điểm đến của nhiều du khách muốn thưởng ngoạn cảnh trí tuyệt đẹp và thơ mộng của tạo hóa ban tặng cho loài người.Thoạt đầu người Pháp gọi nơi này là Valley d'Amour; đến thời Bảo Đại làm Quốc trưởng được đổi thành thung lũng Hòa Bình. Năm 1953, khi Chủ tịch Hội đồng thị xã lúc bấy giờ là Nguyễn Vũ đề xuất chuyển đổi tên gọi các danh từ tiếng Pháp sang

tiếng Việt nhằm thể hiện tiếng độc lập của dân tộc, thì cái tên Thung lũng Tình yêu đã ngày càng trở nên quen thuộc và in đậm trong tâm thức nhiều người. Nơi đây có những bãi cỏ xanh mượt một màu, hồ nước uốn lượn như chú rồng nhỏ đang cuộn mình ôm lấy những quả đồi nối tiếp nhau rợp mát bóng thông xanh. Trong khu du lịch này, đồi Địa Đàng là địa điểm lý tưởng nhất được tạo nên bởi hồ nước trong vắt bao quanh. Từ đây, bạn có thể ngồi thong thả cần câu và ngắm nhìn mặt nước nhẹ rung mỗi khi có một chú cá ngoi lên đớp mồi...

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân tích nhân tố giao tiếp trong đoạn thơ sau: “Cày đồng đang buổi ban trưa, mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày, ai ơi bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”

Ca dao vốn là thể thơ của tầng lớp bình dân. Mặc dầu vậy, những hạt ngọc của ca dao, dù mang tính đại chúng: sử dụng các thủ pháp nghệ thuật dân gian, nhưng vẫn đạt tới trình độ thơ hiện đại. Ý tứ thâm sâu mà âm điệu thơ vẫn bay bổng, chất thơ vẫn giàu sức tinh tế. Người viết muốn nói đến bài ca dao: “Cày đồng đang buổi ban trưa Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày Ai ơi bưng bát cơm đầy Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.” Có ý kiến cho rằng, bài ca dao được dịch từ bài “Bừa lúa” của tác giả Lí Thân đời Đường, Trung Quốc. Người viết không nghĩ thế. Có lẽ do sự tương đồng về văn hóa - cả hai nước đều là nền nông nghiệp lúa nước - nên tứ thơ của hai bài có sự tương đồng. Ở đây, nếu có chẳng thì đó chỉ là sự kế thừa, nhưng đã có sự tiếp biến lớn lao. Hai bài, tứ thơ dù tương đồng, nhưng rõ ràng, bài ca dao này mang âm điệu Việt hoàn toàn (bài thơ của Lí Thân viết theo thể ngũ ngôn). Cả ngôn ngữ thơ, chất thơ, cũng như những thủ pháp nghệ thuật của bài ca này hoàn toàn đậm chất Việt. Người viết không nhằm tranh luận, bài ca dao là của Trung Quốc hay của ta. Chỉ muốn nói một điều rằng, từ hàng trăm năm nay, bài ca dao đã trở nên vô cùng gần gũi với đời sống của nhân dân lao động Việt Nam, nó mang “hơi thở” và “tâm tư” của người Việt, thì hẳn nó đã là ca dao của Việt Nam rồi. Bài ca dao mở đầu bằng hai câu: “Cày đồng đang buổi ban trưa Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày” Công việc đồng áng vào ngày mùa phải bận rộn lắm, thế nên mới cày giữa trưa. Và cày giữa trưa, trời nắng hắt phải cực nhọc lắm. Vì vậy “mồ hôi thánh thót” cũng là điều hiển nhiên thôi. Nhưng mà “thánh thót như mưa ruộng cày” thì đích thị là nói phóng đại rồi. Cái tài của phép phóng đại là người nghe biết mà vẫn nghe, vẫn tin, vẫn đồng cảm vì nó có cơ sở thực tế. Bởi giữa trưa, trời nắng nóng, hẳn phải là thời gian nghỉ ngơi, nhưng đây lại phải cày cho kịp việc. Thế thì đem sự cực nhọc ấy mà nói “mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày” là điều dễ dàng đồng cảm. Chỉ nói như thế may ra mới nói hết được sự vất vả, cực nhọc, lao lực của người nông dân lúc này. Và ngay cái lúc cày đồng giữa trưa này đây, một giá trị về cuộc sống, giá trị về lao động được vỡ lẽ. Người nông dân thấm thía và nhận ra chân giá trị lớn lao của lao động. Để có được bát

cơm, có được cái ăn thì phải lao động cực nhọc như thế này đây. Cái giá trị lớn lao của bài ca là ở đây. Một bài học về giá trị lao động có lẽ không chỉ dành riêng cho dân cày, mà dành cho tất cả mọi ngành nghề lao động. Cần phải biết nâng niu, quý trọng thành quả của lao động. Thế mới biết, vì sao người ta lại giáo dục con em bằng giáo dục lao động. Điều cần nói thêm ở đây là: để làm nên lập luận vững chắc cho phép so sánh -phóng đại ở câu thứ hai, tác giả dân gian đã sử dụng rất tài tình từ láy “thánh thót”. Từ láy giàu tính gợi hình và đậm chất Việt này được đặt thật đúng chỗ, khiến cho sự cực nhọc, vất vả được phóng đại hóa một cách sinh động. Vì vậy khi so sánh “mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày” thì phép so sánh - phóng đại trở nên hợp lý về nghĩa, và cấu trúc của câu thơ cũng trở nên uyển chuyển. Bởi thế, câu thơ vừa đậm chất dân gian lại vừa tinh tế, giàu chất thơ hiện đại. Thấm thía bài học về giá trị lao động người nông dân thốt lên: “Ai ơi bưng bát cơm đầy Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.” Hai câu kết chính là lời tự khuyên mình, đồng thời cũng chính là lời khuyên dành cho mọi người, cần phải nhớ lấy và cần phải biết quý trọng thành quả của lao động. Rõ ràng, đây là lời khuyên mang sức lay động rất mạnh mẽ. Nó lay động bởi sự có sự kết hợp cả lí và tình. Người nghe không chỉ bị thuyết phục về mặt ý thức mà còn bị thuyết phục cả về tình cảm. Nói nó có lí bởi có hai câu đầu làm cơ sở lí luận, minh chứng cho lời khuyên. Nói nó có tình bởi sự chân thành về tình cảm trong cách diễn đạt, sử dụng ngôn từ và âm điệu. Lí và tình quyện chặt nhau tạo nên sức lay động, sức lang tỏa mạnh mẽ cho bài ca dao. Hai câu kết đồng thời khẳng định chân giá trị của lao động đã nêu ở hai câu đầu. Sự đặc sắc làm nên giá trị cho bài ca dao còn nằm ở câu kết. Câu kết của bài ca rất độc đáo, gồm hai vế đối nhau: “dẻo thơm một hạt” đối với “đắng cay muôn phần” tạo nên hai vế đối rất chỉnh (chỉnh về ý và cả từ loại). Ở câu kết, chúng ta còn gặp lại lối nói phóng đại. “Dẻo thơm một hạt” mà lại “đắng cay muôn phần”! Như vậy, câu kết vừa đối vừa phóng đại, lối nói phóng đại được lồng vào trong phép đối mà sao câu ca không hề gợn chút gì trúc trắc, ngược lại nó tạo nên sức nặng, sự âm vang trong lòng người. Phải khẳng định rằng, bài ca dao là một viên ngọc lấp lánh trong kho tàng ca dao - dân ca Việt Nam. Kết cấu vô cùng chặt chẽ, đồng thời lại mang trong mình những giá trị nghệ thuật tiêu biểu của dân gian. Ngôn ngữ cứ tự nhiên, bình dị mà lại tinh tế và giàu sức sáng tạo của thơ hiện đại. Âm điệu mượt mà nhưng lời thơ vẫn giàu chất trí tuệ. Nó cứ tự nhiên mà ngấm vào lòng người. Nó như lời tâm tình của ông dành cho cháu, của cha dành cho con về bài học giá trị lao động. Một bài ca không cần đọc nhiều mà vẫn thuộc lòng. Một bài ca mang trên mình sự lấp

lánh của văn hóa Việt, hẳn nó sẽ mãi đồng hành với dân ta trong suốt quá trình phát triển của lịch sử.

Văn Mẫu Lớp 10 - Qua truyện Tấm Cám, em có cảm nghĩ gì về cái thiện và cái ác trong xã hội lúc bấy giờ

Trong truyền thống đạo đức của dân tộc ta ,cái thiện luôn được trân trọng,đề cao .Đó là “mặt trời chân lý” để mỗi hành động,việc làm của con người hướng tới.Ngược lại ,cái Ác luôn được lên án, ghét bỏ kết tội. Trong cuộc chiến giữa cái Thiện và cái Ác, dân gian luôn để cái thiện chiến thắng vẻ vang.đó là ước mơ cũng là sự thật ở đời, Câu chuyện cổ tích Tấm Cám sở dĩ được lưu truyền rộng rãi và có sức sống bền bỉ phần lớn vì đã phản ánh được sự chiến thắng của cái Thiện đối với cái Ác đúng như quan niệm của nhân dân:Một chiến thắng đi từ những phản ứng yếu ớt đến mạnh mẽ.từ bị động chịu áp lực đến chủ động phản kháng. Như ta đã biết, truyện cổ tích ra đời và phát triển khi xã hội đã phân chia giai cấp .Truyện cổ tích phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp ấy. Yếu tố kì ảo được sử dụng để hỗ trợ cho cái Thiện , giúp cái Thiện chiến thắng. Trong truyện cổ tích Tấm Cám, hai tuyến nhân vật Thiện -Ác phân ra rất rõ rệt .Cái Ác tiêu biểu là dì ghẻ và Cám.đây là hai nhân vật luôn có những hành động áp bức,bóc lột đối với nhân vật khác đồng thời chúng có những âm mưu thâm độc ,những hành động độc ác mất hết tính người .Nhân vật Tấm lại đại diện cho cái Thiện ,cô đẹp người đẹp nết nhưng phải chịu số phận hẩm hiu bất hạnh :mẹ mất sớm ,bố nhu nhược ,bị dì ghẻ và cô em cùng cha khác mẹ hiếp đáp. Khi đã hội đã phân giai cấp ,trong quan niệm của dân gian,cái Thiện đồng nghĩa với cái Đẹp ,chúng luôn bị chà đạp,ghen ghét .Hơn thế .Hơn thế cái Thiện ,cái Đẹp còn là những điều thuộc về nhân dân lao động -giai cấp bị áp bức trong xã hội .Ngược lại ,cái Ác cũng là cái Xấu ,ban đầu chúng rất mạnh ,có khả năng áp bức bóc lột cái Thiện ,cái Đẹp .Chúng thuộc về giai cấp trên,giai cấp bóc lột trong xã hội. Cái Thiện bị áp bức như thế nào? Bao giờ bánh đúc có xương Thì bà dì ghẻ mới thương kon chồng. Nó thật đúng với trường hợp của mối quan hệ của bà dì ghẻ và Tấm.Phận con chồng ,Tấm phải quần quật làm việc nhà từ sớm đến tối ,không chút ngơi nghỉ,trong khi đó ,Cám con đẻ của dì ghẻ nhởn nhơ rong chơi ,biếng nhác.Tấm bị nhieć móc chửi bới, Cám được cưng nhiều dung túng .Sự bất công ấy được cụ thể trong tình huống hai chị em Tấm Cám đi bắt tép.Cám ham chơi ,lười biếng nhưng nhờ xảo trá quỷ quyệt lại được phần thưởng.Chưa hết ,mẹ con Cám còn luôn âm mưu triệt mọi nguồn vui

sống,mọi mỗi giao lưu của cảm đối với cuộc đời, cho dù đó là con cá bống !Sau đó ,chúng ngăn cản Tấm đi dự dạ hội bằng mọi chớ ngại cũng chỉ vì độc ác,ích kỉ. Tấm, trước mọi hành hạ áp bức của mẹ con Cám .cô chẳng biết làm gì ngoài việc ôm mặt khóc.Cô nhẫn nhục nơi xó bếp chính nhà mình.Bị cướp mất cá .Khóc .Bị giết cá bống .Khóc.Không được đi dạ hội.Khóc .Kohng6 có quần áo đẹp .Khóc, Rõ ràng ,ban đầu cái Thiện luôn tỏ một vẻ nhẫn nhục đến nhu nhược .Tuy nhiên ,nhìn ở một góc độ nào đó,ta thấy được quan niệm “dĩ hòa vi quý”của dân gian.Không ai muốn ân oán chất chồng,chiu thiệt một phần để mong bình yên một thuở.Nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng .vậy đến một ngưỡng nào đó,cái Thiện sẽ vùng lên chống trả. Ấy chính là cái Ác tàn nhẫn muốn độc chiếm sự sống,âm mưu sát hại cái Thiện.Cái thiện muốn sinh tồn phải chống trả.Và rất phù hợp với bản chất hiền hòa của cái Thiện,sự phản kháng đi từ yếu đến mạnh,từ bị động đến chủ động để rồi giành chiến thắng vẻ vang. Mụ dì ghẻ và đứa con đẻ ác nghiệt không chiếm được ngôi vị hoàng hậu thì âm mưu giết Tấm .Bốn lần chúng ra tay thì bốn lần đều thất bại:chặt cây cau, giết chim vành anh,chặt cây xoan đào,đốt khung cửi.Sau mỗi lần bị hại,Tấm không khóc nước nỡ nhịn nhục.Bị bức hại .nàng hòa kiếp trở về.l;ần đầu nàng chỉ nhắc nhở: Phơi áo chồng tao thì phơi bằng sào Chớ phơi bờ rào rách áo chồng tao. Đây chỉ là tiếng nói của một linh hồn còn vương vấn dân gian.Cụ thể là nhớ nghĩa cũ duyên xưa trở về thăm lại (chồng).Dù biết mình bị giết hại,Tấm không hề oán than,thù hận mẹ con Cám. Đến lần bị giết hại thứ hai sự tình đã khác.Tấm không nhắc nhở Cám nữa mà lặng lẽ giành lại hạnh phúc của mình.nàng hóa thân thành cây xoan đào,ngày ngày che mát cho vua,ở bên chồng về tình nghĩa cũ Rõ ràng là ở đây có một sự thay đổi về thái độ .Tấm đã ý thức sâu sắc về sự mất mát của mình ,nàng chủ động tìm lại nó. Tiến thêm một bước nữa ,cô còn chủ động tìm đến kẻ thù rắn đe: Kéo cày kéo kệt Lấy tranh chồng chị ,chị khoét mắt ra. Tư thế của Tấm bây giờ đã khác trước.Lần trước nàng xác định quan hệ ngang bằng với Cám “tao -mày”;giờ đây nàng coi mình là người trên xưng “chị “.Không chỉ hiểu về nỗi mất mát nàng còn thấm thía căn nguyên của nỗi đau đời mình.Nàng biết mình bị “tranh chồng”và sự đe dọa của Tấm thật quyết liệt “khoét mắt ra”. Lần hóa thân cuối cùng của Tấm đã quyết tâm vùng dậy làm chủ cuộc đời.làm chủ hạnh phúc của mình .Quả thị thơm lừng như vẻ đẹp nơi cô Tấm nhát hương.nàng trở về kiếp con người để chủ động tận hưởng hương thơm và mật ngọt cuộc sống -thứ mà nàng đáng được hưởng và thật sự đã và đang được hưởng.Đây là một kết thúc có hậu,là khúc khải hoàn viên mãn của cái Thiện trong cuộc đời này. Sự trở về của cô tấm trong ngôi

vị hoàng hậu,sự chiến thắng trọn vẹn của cái Thiện đã chứng minh cho quy luật”Ác giả ác báo”,”Ở hiền gặp lành .Song cái Thiện đã trải qua bao áp bức,bất công ,muốn có kết quả tốt đẹp cuối cùng cái Thiện không thể mãi nhu nhược,nhún mình.Nó phải chủ động đứng dậy giành lại quyền sống quyền hạnh phúc. Ra đời từ thuở xa xưa trong lịch sử dân tộc,cho đến ngày nay và sẽ mãi mãi mai sau,câu chuyện Tấm Cám được người Việt giữ gìn,truyền lại cho nhau như người xưa giữ lửa và truyền lửa qua mỗi nếp nhà .Ấy là ngọn lửa cho truyền thống dân tộc,truyền thống yêu cái thiện ghét cái Ác.Quan trọng hơn đó là truyền thống đấu tranh với cái Ác để chiến thắng vẻ vang.

Văn Mẫu Lớp 10 - Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu. Em hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đó

Trọng Thủy vẫn còn ngơ ngác. Chàng dẫn bước đi miễn cưỡng và không phương hướng. Thế nhưng vừa ra khỏi đám san hô, Trọng Thủy đã bị bốn năm hình nhân quái lạ mình người đầu tôm cá từ đâu kéo đến trói chặt đưa đi. Trọng Thủy được đưa đến một cung điện nguy nga lộng lẫy, cái mà chàng chưa bao giờ gặp ở trên trần. Những ngôi nhà tráng lệ sáng trưng màu ngọc, có đầy đủ lính canh và người hầu ra vào tấp nập. Qua bốn năm lần cửa canh như thế, Trọng Thủy bị bắt vào quỳ ở trong đại điện. Một tên lính trong nhóm người kia cũng quỳ xuống và thưa: - Thưa công chúa! Bọn thuộc hạ bắt được tên này ở ngoài cổng điện. Xem chừng hắn đến đây có ý gian tà, xin công chúa đưa ra xét tội. Người ngồi trên kia lên tiếng. Trọng Thủy nghe thấy quen quen nhưng mặt người kia bịt kín nên chàng không nhìn rõ. - Này, anh kia! Anh từ đâu tới mà lại lạc đến đây? - Dạ, bẩm! Tôi người trần, vì ngờ người tình đang ở trong giếng nước nên mới lao mình xuống giếng rồi bị lạc đến nơi đây. - Vậy anh tên gì? - Tôi là Trọng Thủy, là con trai của Triệu Đà Vương. - Ta nghe nói ở trên trần, người gây ra nhiều tội ác cho nhân dân Âu Lạc, khiến họ vô cùng oán thán. Điều đó có đúng hay không? Trọng Thủy vô cùng ngạc nhiên. Không ngờ một người hoàn toàn xa lạ lại biết ngọn ngành mọi chuyện của mình. Biết là không thể chối, Trọng Thủy bèn viện lý do: - Thực tình tôi cũng là làm theo ý của vua cha. - Nhà ngươi lại còn định chối tội hay sao? Người ngồi trên điện kia nổi nóng. Nhà ngươi giả vờ sang cầu hòa Âu Lạc, xin cưới công chúa Mị Châu để chờ cơ hội trộm nỏ thần đã là một tội. Tàn bạo hơn, ngươi lại cho quân lính sang giày xéo bờ cõi nước Nam làm cho muôn dân kêu gào trong đau khổ. Không những thế, nhà ngươi còn nhẫn tâm bức chết vua Âu Lạc, bức chết người vợ thủy chung mà gây thơ đại đột của mình. Với bằng ấy tội danh nhà ngươi còn muốn đổ lỗi cho ai? Trọng Thủy tái mặt, không biết người ngồi trên điện là ai. Nhưng sợ quá, chàng cúi đầu nhận tội: - Thưa công chúa! Tôi biết mình mang tội lớn nhưng tôi một lòng yêu quý Mị Châu, ngày đêm mong ngóng được gặp nàng để tỏ bày nỗi lòng ân hận. - Bây giờ nhà ngươi mới hối hận thì có giải quyết được gì đâu? - Tôi biết vậy. Nhưng ngày xưa, Mị Châu vì rất yêu thương tôi mà nghe tôi tất cả. Tôi yêu thương nàng thật tôi đã lừa dối trái tim trong trắng của nàng nên tôi

day dứt lắm. Đến khi nàng mất đi tôi mới biết dù có là vua Âu Lạc nhưng nếu mất Mị Châu, cuộc sống của tôi cũng chẳng có ý nghĩa gì. Tôi rất muốn gặp nàng để ít nhất được nói với nàng sự hối hận của tôi. - Trọng Thủy! Chàng hãy ngẩng mặt lên và nhìn xem thiếp là ai? - Nàng là... Mị Châu! - Vâng thiếp đúng là Mị Châu. Sau khi thiếp chết đi, vua Thủy Tề đã rất thương tình mà nhận thiếp làm con gái. Vì thế thiếp mới được ở nơi đây. - Mị Châu! Ta xin lỗi nàng. Vì ta mà nàng phải chịu bao đau khổ. Bây lâu nay ta chỉ ước được gặp nàng. Ta sẵn sàng bỏ đi tất cả để được cùng nàng sống trong hạnh phúc. Hãy tha thứ cho ta. - Thiếp mừng vì chàng đã nhận ra lầm lỗi. Nhưng chúng ta không thể sống với nhau. Nếu làm như vậy, người đời sẽ nhạo báng chúng ta mãi mãi. Không được sống với nhau coi như cũng là một sự trừng phạt xứng đáng với những lỗi lầm quá lớn của chúng ta ở trên hạ giới. Thiếp đã đợi ngày này từ rất lâu rồi và chỉ để được nói với chàng một câu thôi: hãy sống sao cho tốt trong những ngày sắp tới để bù đắp cho những gì mà chúng ta đã gây ra. Mị Châu vừa nói dứt câu thì cả cung điện nguy nga bỗng biến ngay đâu mất. Xung quanh vắng lặng chỉ còn trơ lại một mình Trọng Thủy. Chàng ân hận mà lặng câm không nói được. Vết nhơ mà chàng đã gây ra có lẽ chỉ có nước biển Đông xô dạt ngàn đời mới mong xóa được. Trọng Thủy cứ ngồi đó hàng chục ngày đêm. Và rồi không biết tự bao giờ. Chàng đã hóa thành người đá. Sau này hàng mấy trăm năm, có người lặn xuống biển Đông mò ngọc quý vẫn còn nhìn thấy một tảng đá hình người âu sầu khổ não đang dang hai cánh tay ra như cầu xin ai đó một điều gì.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ của em về truyện Tấm Cám

1/ Mở bài: - Giới thiệu về những quan niệm đạo đức truyền thống liên quan đến thiện -ác trong dân gian - Giới thiệu truyện cổ tích Tấm Cám và bài học đạo đức về sự chiến thắng của cái thiện. 2/ Thân Bài: - Đặc trưng thể loại cổ tích: + Truyện cổ tích khác biệt cơ bản với các loại hình tự sự khác ở phương diện người kể chuyện kể lại nó và người nghe thì tiếp nhận trước hết như một sự hư cấu thẩm mỹ, một trò chơi của trí tưởng tượng. Phân tích qua những yếu tố thần kỳ trong truyện + Phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội. Phân tích qua mâu thuẫn giữa cái thiện và cái ác. Mâu thuẫn giữa cái thiện và cái ác trong truyện Tấm Cám : Dì ghẻ,Cám >< Tấm ,giai cấp bóc lột>< giai cấp bị bóc lột ,cái ác><cái thiện Cái ác đã chà đạp lên cái thiện và cái thiện đã vùng lên đấu tranh :Mẹ con Cám bóc lột Tấm ,bốn lần giết Tấm :chặt cau,giết vằn anh,chặt cây xoan đào,đốt khung cửi->Tấm hóa kiếp nhắc nhở “phơi áo chồng tao...”, giành lại hạnh phúc (vua mắc võng lên cây xoan đào),đe dọa kẻ thù “Kẻo ca kẻo kẹt ...chị móc mắt ra”. + Bên cạnh yếu tố hư cấu, tưởng tượng như một đặc điểm chủ yếu của thể loại, truyện cổ tích vẫn bộc lộ sự liên hệ với đời sống hiện thực (Phân tích qua những lần hóa thân của Tấm - Trờ lại làm người dưới dạng những sự vật gần gũi với đời sống: khung cửi, con chim vàng anh, quả thị...) +Về nội dung tư tưởng, truyện cổ tích thường mang tinh thần lạc quan, có hậu, trong đó kết thúc truyện bao giờ cái thiện cũng chiến thắng hoặc được tôn vinh, cái ác bị tiêu trừ hoặc bị chế giễu. Bài học và ước mơ của nhân dân lao động - Bài học: + Muốn chiến thắng cái ác phải kiên quyết ,không thể nhu nhược, nhún nhường. + Con người phải biết hướng thiện tránh xa cái ác. Phải tự mình bảo vệ hạnh phúc của mình Không tìm hạnh phúc ở cõi nào khác mà tìm ngay ở cõi đời này - Ước mơ: Ước mơ về sự công bằng trong xã hội Ước mơ được đổi đời của những người lao động nghèo khổ Tóm lại: Đặc điểm của truyện cổ tích thần kì phản ánh qua Tấm Cám: - Tập trung phản ánh số phận của những con người bé nhỏ trong xã hội áp bức, bất công Ví dụ: Tấm : hiền lành ... nhưng mồ côi - Sử dụng những yếu tố kì ảo - Nêu cao khát vọng ước mơ của người bình dân được sống tự do, hạnh phúc và công bằng. - Kết thúc có hậu, - Ý nghĩa giáo dục: —> Tinh thần lạc quan, tin vào cuộc sống. —> Củng cố niềm tin vào sự chiến thắng của cái thiện. 3/ Kết Luận: Tấm Cám là tác phẩm tiêu

biểu cho thể loại truyện cổ tích thần kì. —> Khẳng định đạo lí “ở hiền gặp lành”, “gieo gió gặp bão”,....của dân gian.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ của em về truyện An Dương Vương, Mị Châu - Trọng Thủy

Dàn ý: Mở bài: Giới thiệu truyện → khẳng định đây là bi tráng nhất, ý nghĩa lịch sử luôn luôn mới mẻ đối với dân tộc Việt Nam Thân bài: - Việc xây thành, chế nỏ - Việc an dương vương gả con gái và bị trọng thủy lừa - Quân triệu đà sang đánh, mị châu bị nghi là kẻ thù và bị cha chém - Cái chết của mị châu, an dương vương - Người đời tưởng nhớ Kết bài: Tình cảm của Mị Châu - Trọng thủy còn mãi và sâu đậm

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy viết thư cho một người bạn ở xa để kể về lớp học mới của mình tại trường trung học phổ thông

Nghĩa Phương, ngày... tháng... năm... Hoa thân mến! Từ ngày mình theo bố mẹ đến cái nơi lạ lẫm này thì chúng ta chẳng còn được trò chuyện cùng nhau nữa nhỉ. Mình nhớ bạn rất nhiều nhưng chẳng thể nào viết cho bạn bức thư được bởi mình chẳng có thời gian. Mới chuyển đến đây thôi nên còn nhiều thứ phải được sắp xếp lại cho ngăn nắp, gọn gàng. Bạn lắm bạn ạ! Hôm nay nhân lúc rảnh rồi mình cầm bút lên viết thư cho Hoa đây. Dạo này bạn thế nào rồi? Vẫn khỏe chứ? Bố mẹ bạn thế nào? Cu Bi có ngoan chứ? Nó có còn hay làm nũng với bạn không? Ôi! Mình nhớ nó quá đi mất. Nhớ đến cái lúm đồng tiền của nó là đã thấy yêu rồi. Hoa chắc vẫn đứng đầu lớp nhỉ? Năm nào bạn cũng là học sinh xuất sắc cơ mà. Các bạn trong lớp bây giờ thế nào? Dưới sự chỉ huy của Hoa chắc lớp mình đứng đầu suốt nhỉ? Cô giáo chúng mình giờ thế nào? Cô có khỏe không? Ôi! Lâu rồi không gặp lại nhiều điều muốn nói quá Hoa nhỉ? À, đúng rồi. Hay là mình kể chuyện về lớp học mới của mình cho Hoa nghe được không? Đây nhé, trường học mới của mình rất rộng rãi và trang hoàng. Nó lớn hơn ngôi trường ở quê chúng mình đấy. Ở đây có rất nhiều học sinh và thầy cô giáo. Các bạn ở đây đều rất tốt bụng và dễ gần. Ngay ngày đầu đi học mình đã quen được rất nhiều bạn mới. Chúng mình chơi với nhau rất vui và trở thành nhóm bạn thân từ lúc nào không biết. Nhưng các bạn ấy có đôi chút khác biệt so với những người bạn của chúng mình ở quê. Cô giáo của mình xinh lắm nhé. Cô giảng giải cho các học sinh một cách tận tình, chu đáo bằng cả tấm lòng và nhiệt huyết của một cô giáo trẻ. Bởi thế lớp mình ai cũng yêu cô nhiều lắm. Hoa có biết không, nhờ cô mà mình mới học Toán khá hơn đấy. Vì thế mình biết ơn cô nhiều lắm. Những ngày đầu đi học mình bỡ ngỡ lắm. Nhìn xung quanh thấy ai cũng lạ. Mình hơi hộp hẫng, bâng khuâng suy nghĩ nhiều điều. Các bạn ở đây có dễ gần không nhỉ? Cô giáo chủ nhiệm lớp mình là người như thế nào? Cô rất nghiêm khắc chăng? Và rồi mọi thắc mắc trong mình cũng được làm rõ. Như Hoa thấy đấy bây giờ mình đang rất vui. Có bạn bè tốt bụng và cả cô giáo hiền dịu thì chẳng còn gì bằng. Vì thế nên mình sẽ phấn đấu học hành thật tốt nhưng nếu có gì khó mình sẽ viết thư làm phiền bạn đấy_cô bạn thân của tôi. Thôi mình phải dừng bút đây. Mẹ lại gọi mình rồi. Hoa nhớ giữ gìn sức khỏe nhé. Cho mình gửi lời thăm đến các

bạn trong lớp.Hãy nói với các bạn rằng mình nhớ các bạn ấy nhiều lắm.Hẹn dịp nghỉ hè mình về thăm bạn nha.Hoa nhớ nói với cu Bi cố gắng ngoan ngoãn mình về sẽ mua quà cho.Chúc cả nhà Hoa mạnh khỏe nhé! Nhớ Hoa nhiều bạn thân Duyên

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày cảm nghĩ về ngày khai trường mà bạn ấn tượng nhất

Trong cuộc đời của mỗi con người, có lẽ ai cũng có một kỉ niệm đáng nhớ khiến chúng ta mãi mãi không quên được. Đó có thể là một kỉ niệm vui nhưng đôi khi những chuyện buồn cũng trở thành kỉ niệm khiến cho chúng ta nhớ mãi. Nhưng có lẽ thường là kỉ niệm vui nhỉ? Chẳng hạn như chuyện ngày còn bé, hay những giây phút ấm áp bên người thân... Nhưng đối với em, cô học trò thơ dại thì có lẽ ngày khai trường đầu tiên đã để lại cho em nhiều ấn tượng và biết bao kỉ niệm tươi đẹp về sự ngây ngô của mình. Thấm thoát mà đã trôi qua 8 năm học. Giờ đây em đã chững chạc hơn nhiều. Ôi, nhớ lắm cái ngày mới bước chân vào trường tiểu học. Một niềm vui sướng cứ rộn lên trong lòng mãi không yên, nhưng pha lẫn vào đó là cái cảm giác bồi hồi, xao xuyến của một cô học sinh bé bỏng. Ngày ấy, mọi thứ đột nhiên trở nên khác lạ. Cảnh vật như sáng bừng lên, hân hoan đón chào em vào lớp 1. Em cũng nhận ra mình có sự thay đổi. Hôm ấy em không còn dậy muộn hay khóc nhè với mẹ nữa mà ra dáng một cô học trò thực thụ. Bây giờ em cũng chẳng nhớ tại sao mình lại thế. Chắc tại vì lúc đó em muốn cho mẹ biết rằng con gái của mẹ đã lớn và có thể tự "chăm sóc" cho mình. Ôi, sao lúc đó mình ngây thơ thế nhỉ? Rồi vẫn cái suy nghĩ ấy, em cố gắng kìm nước mắt khi mẹ ra về mặc dù không muốn. Dù còn bé lắm nhưng em vẫn muốn ra vẻ là một cô bé chững chạc, cứng cáp. Hình như mẹ đã nhận ra. Mẹ mỉm cười rồi bước đi xa dần, xa dần và rồi biến mất giữa dòng người đông đúc. Em chột hốt hoảng nhưng không thể hiện ra. "Phải kìm lại cảm xúc lúc này. Nhớ ở đâu đó mẹ nhìn thấy thì..." - Em thầm nghĩ. Đôi tay khẽ đưa lên lau nước mắt. Và rồi... một ai đó nắm lấy bàn tay em. A! Cô giáo. Trông cô cứ hiền từ và dịu dàng như cô tiên vậy. Đôi mắt cô toát lên vẻ yêu thương, trìu mến vô hạn. Nhìn vào đôi mắt ấy, em cảm thấy trong lòng như vơi đi sự hồi hộp, bỡ ngỡ. Chính sự dịu hiền của cô giáo đã làm cho em nhanh chóng quen dần với môi trường học tập đầy lạ lẫm này. Và cho đến bây giờ em vẫn còn nhớ rõ những kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học, ngày mà em trở thành một cô học trò thực thụ. Sẽ nhớ mãi ngày hôm ấy, ngày mà bao đứa trẻ phải băng khuâng, hồi hộp và sau đó sự băng khuâng ấy lại tan biến dần theo thời gian để rồi mỗi đứa trẻ lớn lên. Đối với em, ngày đầu tiên đi học là ngày mà em sẽ mãi khắc ghi. Những ấn tượng tốt đẹp về ngày hôm ấy cùng

cô giáo năm xưa em sẽ giữ mãi trong lòng mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày cảm nghĩ về ngày khai trường mà anh (chị) ấn tượng nhất

Tuổi thơ gắn liền biết bao kỉ niệm đẹp về bạn bè, gia đình, trường lớp. Nhưng những buổi khai trường của tuổi học trò là những kỉ niệm đẹp mãi mang theo bước chân mỗi con người... Cái nắng hồng rực rỡ, chói chang của ngày hè đã dịu đi, nhường chỗ cho bầu trời trong xanh và làn gió thu mát rượi. Tiếng ve râm ran trong kẽ lá cũng lắng dần theo thời gian. Đó cũng là những dấu hiệu của mùa tựu trường đối với những cô cậu học trò chúng em. Một năm học mới lại bắt đầu: năm học 2013-2014 - Một năm học tràn ngập niềm vui và mơ ước! Trong quãng đời học sinh của chúng em, ngày khai trường là những phút giây không thể nào quên được. Những háo hức, vui mừng của bạn bè sau bao ngày xa cách, những ân tình gặp lại nơi ánh mắt thầy cô, những bờ ngõ, e thẹn ban đầu của các cô cậu học trò lớp 6-lần đầu bước vào cổng trường cấp II. Và cũng biết bao nhiêu điều thú vị nữa đang ấp ủ trong lòng mỗi chúng em.. Cánh cổng trường mở ra như hai cánh tay dang rộng chào đón chúng em vậy. Trước mắt chúng em là cả một khoảng trời mơ ước. Tất cả là sự thay đổi lớn. Bây giờ, dưới mái trường thân yêu này-mái nhà chung của tuổi thơ chúng em đang ngập tràn cờ hoa rực rỡ trong không khí tung bừng rộn rã của buổi tựu trường. Tiếng trống trường đã hồi hả đóng lên, vang vọng lời thầy cô giảng bài như thúc giục chúng em vào ngày hội lớn-ngày hội mở cửa tri thức, bay cao ước mơ để vững bước vào đời. Quý thầy cô giáo kính mến! Chúng em đang sống giữa những ngày đẹp nhất của quê hương, đất nước. Ánh hào quang từ nắng Ba Đình-nơi mùa thu cách mạng, tiếng Bác Hồ vang vọng mãi trong tim. Chúng em đang sống giữa những ngày của Tổ quốc yêu thương, nơi vòng tay âu yếm của mẹ cha, trong thiết tha ân cần của thầy cô giáo. Và đặc biệt hơn là sự chung sức chung lòng, chung bàn tay vun xới của toàn xã hội hôm nay. Chúng em hiểu rằng mình phải làm gì để xứng đáng với tấm lòng và niềm tin ấy. Chúng em luôn vinh dự và tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, về những thành tựu vĩ đại mà cha ông đã tạo dựng. Càng vinh dự và tự hào hơn khi chúng em sẽ là những người chủ tương lai của một đất nước đầy vinh quang đó. Với nhận thức này, từ những ngày hôm nay, trên mái trường thân yêu này, chúng em càng cố công học tập, rèn luyện, phấn đấu trở thành những đứa con ngoan

của gia đình, những trò giỏi của nhà trường, những người tốt của xã hội. Em xin hứa thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, vâng lời thầy cô để đạt được kết quả tốt nhất trong năm học. Con đường phía trước còn dài rộng mở, tương lai với bao ánh hào quang đang chờ đón chúng ta. Thế giới tri thức luôn mới mẻ và rất hấp dẫn, với niềm tin và trách nhiệm, từ tiếng trống tựu trường hôm nay, các bạn ơi, hãy bắt đầu đi nhé!

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày cảm nghĩ về ngày khai trường mà em ấn tượng nhất

Tích tắc! Tích tắc! Không gian thật vắng lặng! Ngày mai là ngày khai trường của tôi và cũng là ngày khai trường của tất cả lũ trẻ sắp bước vào lớp một. Lòng tôi lại xao xuyến băng khuâng, một cảm giác khó tả khi nhớ lại ngày khai trường trong đời. Hồi ấy, đối với tôi, ngày khai trường không có gì khác lạ như hồi học mẫu giáo. Tâm trạng vẫn thế, không có gì thay đổi, vì dù sao mẹ tôi cũng chuẩn bị chu đáo cho tôi từ cái bút, cái thước kẻ... hay cả đến quần áo, trang phục đi học. Lúc đó, tôi chỉ biết một điều rằng: ngày mai là ngày khai trường. Chắc hẳn không chỉ riêng tôi mà nhiều người khác cùng lứa tuổi cũng có tâm trạng như vậy. Một đứa trẻ mẫu giáo như tôi thuở ấy cũng không thể hiểu hết được thế nào là ngày khai trường. Và đến bây giờ tôi hiểu ra rằng: ngày khai trường là một ngày trọng đại đối với học sinh và nó như một động lực thúc đẩy học sinh cố gắng trong năm học mới. Năm học cũ dù mình có kém đến đâu, có *** đến thế nào chẳng nữa thì nhờ không khí của ngày khai trường mình vẫn hồ Hởi bắt đầu một năm học mới. Làm sao có thể quên cảnh mẹ tôi dẫn tôi đi trên con đường đầy quen thuộc. Quen lắm, thân lắm, nhưng tôi vẫn cảm thấy nao nao trong lòng và có một điều gì thật khác lạ hơn ngày thường. Chợt tôi hiểu ra một điều: hôm nay là ngày khai trường đầu tiên của tôi. Ôi! Thế là phải xa rời mái trường mầm non, xa rời những chú thỏ trắng và những chú gấu mi-sa tinh nghịch vẫn theo tôi hàng ngày. Nhưng tôi không buồn vì tôi biết, con người là phải học và nếu học giỏi có thể dễ dàng đạt được ước mơ của mình sau này. Có thể đối với một đứa trẻ như tôi nghĩ như vậy là quá nhiều, nhưng tôi vẫn vui vì mình đã bắt đầu lớn và mình sẽ luôn luôn có bạn cùng chia sẻ, vui chơi với mình như hồi mẫu giáo. Thật lạ thoát đi thoát lại tôi đã đến trường. Mẹ đưa tôi đến tận cửa lớp, đưa tay tôi cho cô giáo, hôn tôi vào má rồi từ từ ra về. Tôi chạy theo, mắt rơm rớm, ôm lấy mẹ. Mẹ tôi xoa đầu ân cần nói: “Con ngoan lắm! Con đi vào lớp học đi, chiều về mẹ sẽ đón con! Học ngoan mẹ sẽ thưởng kẹo”. Những lời của mẹ tôi có vẻ làm tôi thấy vui hơn, nhưng tôi hơi buồn vì không có mẹ ở bên. Mẹ chăm sóc tôi từ nhỏ, tôi được ở trong vòng tay yêu thương của mẹ, nay dần dần mất cảm giác đó, tôi cảm thấy hẫng hụt như quên mất một cái gì đó. Xung quanh tôi toàn người xa lạ, vậy mà sau đó, tôi lại cảm thấy một hơi

ấm kỳ diệu như hơi ấm của mẹ. Phải chăng chính cô giáo đã đem lại luồng hơi ấm đó, mà tôi cảm nhận nó sâu sắc đến lạ. Đó là ngày khai trường đầu tiên của tôi, có tiếng trống khai trường, có cờ hoa, hay cả thư Bác Hồ gửi cho học sinh nhưng tôi không nhớ kĩ lắm. Tôi chỉ nhớ nhất cảm giác hồi hộp, sung sướng khi lần đầu tiên bước chân vào lớp học.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nghĩ về ngày khai trường mà em ấn tượng nhất

Với tuổi học trò, ai cũng có cái nao nao của buổi tựu trường, Nhưng lần này, tôi tự nhiên thấy lạ: lần đầu tiên tôi đến với mái trường THCS Yên Biên. Bao niềm vui, sự hân diện và cả sự rụt rè bỡ ngỡ cứ xen lẫn trong tôi với những ấn tượng sẽ đọng lại mãi trong lòng. Ngày đầu tiên đến trường, là một ngày nắng ấm, khí trời dịu dịu êm ái, theo sự thông báo của nhà trường, tôi đã chuẩn bị đủ tất cả mọi thứ nào là quần áo, giày dép, tập sách.... Nhưng lòng tôi vẫn cứ xôn xao khó tả. Bởi trước mắt tôi lúc này là một khung trời mới: bạn bè, thầy cô, trường lớp... đều mới tinh. Trong những năm trước, sau ba tháng hè nghỉ học, chúng tôi lại trở về mái trường thân quen với những hàng cây, ghế đá,..in đậm bao kỷ niệm của những lần nô đùa cùng bè bạn. Còn năm nay, tôi đã bước chân vào ngưỡng cửa cấp 2 - một chân trời hoàn toàn mới lạ. Ngôi trường tôi học năm nay rất khang trang, và không gian thoáng đãng. Từ cổng trường là hàng cây rợp bóng mát dẫn lối vào các dãy phòng học ba tầng uy nghi, đẹp đẽ. Nào là hàng cây, phòng học, cột cờTất cả đều đập vào mắt tôi, khiến lòng không thể nén lại được cảm xúc ngỡ ngàng, bao niềm vui sướng và tôi đã thốt lên: “Ôi! Ngôi trường đẹp quá!”. Chúng tôi, các lớp 6 cũng như anh chị lớp 9 được phân công về các lớp. Tôi thầm ước sao cho mình có thể học chung với một số người bạn cũ. Tiếc thay, lớp tôi học hoàn toàn là bạn lạ. “Nhưng dần rồi mình cũng sẽ quen với những bạn ấy thôi” - Tôi tự an ủi mình như thế. Sau mấy phút bỡ ngỡ ban đầu, tôi thấy cô giáo chủ nhiệm bước vào. Dáng đi, hình ảnh của cô làm cho tôi gợi nhớ về cô giáo chủ nhiệm năm lớp 5. Vẫn một dáng người thon thả, đôi mắt hiền từ... Chính hình ảnh của cô đã làm cho tôi phần nào bớt đi sự lo lắng vì xung quanh tôi toàn là bạn lạ. Lẽ đầu tiên cô nói với chúng tôi là những lời dạy bảo ân cần về ý thức và trách nhiệm đối với bản thân, trường, lớp, học tập và rèn luyện trong năm học đầu tiên của ngưỡng cửa cấp 2. Tôi nghĩ đó là bài học đầu tiên mà tôi có thể có được ở ngôi trường mới này. Ấn tượng nhất trong tôi là ngày khai giảng. Trong trang phục là một bộ đồng phục trắng tinh, tôi ra dáng là một học sinh cấp 2 thực sự. Tôi vừa thẹn thẹn vừa cảm thấy mình như trưởng thành hơn. Tiếng trống khai trường vang lên và âm thanh đó như lưu vào trong tôi một cảm xúc xao xuyến, lạ lẫm. Tôi được học trong một ngôi trường có bề dày thành tích và truyền thống dạy học

- Trường THCS Yên Bái. Bản thân tôi có biết bao nhiêu niềm vui sướng, lòng tự hào và có xen lẫn một vài nỗi lo sợ . Nhưng điều quan trọng trong tôi lúc này, tôi hứa sẽ quyết tâm học tập và rèn luyện sao cho xứng đáng với truyền thống của nhà trường. Với bao nhiêu điều suy nghĩ trong tôi , có cả niềm vui xen lẫn niềm kiêu hãnh và cả sự bối ngỡ chen vào đó là một chút lo lắng.... Bấy nhiêu cảm xúc của những ngày đầu tiên đó dưới mái trường THCS chắc chắn sẽ đọng lại mãi trong lòng tôi như một dấu ấn không thể phai mờ

Văn Mẫu Lớp 10 - Cho đoạn thơ: a, Cô bé... (Thương thương quá đi thôi). b, Mọc giữa dòng sông xanh... Tôi đưa tay tôi hứng. c, Từ ấy... Rất đậm hương... Xác định biện pháp tu từ và hiệu quả tu từ. Phân tích cấu trúc câu của 4 câu thơ. Nội dung đoạn thơ là gì? Đặt nhan đề?

Đề bài Cho đoạn thơ a, Cô bé nhà bên (có ai ngờ) Cũng vào du kích Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích Mắt đen tròn (Thương thương quá đi thôi) b, Mọc giữa dòng sông xanh một bông hoa tím biếc Oĩ con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng. c, Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ Mặt trời chân lí chói qua tim Hồng tôi là một vườn hoa lá Rất đậm hương và rộn tiếng chim *Xác định biện pháp tu từ và hiệu quả tu từ*
Phân tích cấu trúc câu của 4 câu thơ **Nội dung đoạn thơ là gì? Đặt nhan đề?*
Hướng dẫn bài: Tên 3 bài thơ và tác giả a, Quê hương - Giang Nam, b, Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải , c, Từ ấy - Tố Hữu. Biện pháp tu từ: a. Sử dụng thành phần phụ chú ngữ (thành phần bổ sung, mở rộng thông tin) để nhấn mạnh hoặc ghi lại ấn tượng cảm xúc đặc biệt của nhà thơ (Có ai ngờ) b. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác : tiếng hót (âm thanh) - giọt long lanh (hình khối). Nói về những biến chuyển tinh tế của thiên nhiên đã đc nhà thơ nắm bắt để thấy sức sống sinh sôi, tràn đầy của thiên nhiên, đất trời c. Biện pháp ẩn dụ “Mặt trời chân lí” - Lý tưởng của ĐCS, nhà thơ nhận được sự giác ngộ lý tưởng giữa lúc “bâng khuân đứng giữa 2 dòng nước, chọn 1 dòng hay để nước trôi đi” nên thấy lý tưởng vô cùng chói sáng, rực rỡ và tác động to lớn tới tâm tưởng người thanh niên như ánh mặt trời xua màn đêm tăm tối, mở khoảng trời tươi đẹp

Văn Mẫu Lớp 10 - Hướng dẫn các bước làm một bài đọc hiểu

Làm đúng từng bước 1. Đọc thật kỹ đề bài, đọc đến thuộc lòng rồi hãy làm từng câu, dễ trước khó sau. 2. Đọc các yêu cầu, gạch chân các từ ngữ quan trọng, câu quan trọng. 3. Luôn đặt câu hỏi và tìm cách trả lời: ai? Cái gì? Là gì? Như thế nào? Kiến thức nào? 4. Trả lời tách bạch các câu, các ý. Chọn từ ngữ, viết câu và viết cẩn thận từng chữ. 5. Đọc lại và sửa chữa chuẩn xác từng câu trả lời. Không bỏ trống câu nào, dòng nào. Bắt đầu từ đâu? Với 3 mức độ: Nhận biết, thông hiểu và vận dụng thấp, các thí sinh học Tự nhiên hay Xã hội đều có thể đạt từ 2 điểm phần đọc hiểu. Các em không thể học ôn tất cả từng bài từ THCS nhưng cần quan tâm trọng điểm sau: 1. Nhận biết 6 phong cách ngôn ngữ văn bản. Dựa ngay vào các xuất xứ ghi dưới phần trích của đề bài để chọn. Báo chí, Văn chương nghệ thuật, Khoa học, Chính luận, Khẩu ngữ hay Hành chính công vụ. 2. Xác định 5 phương thức biểu đạt của văn bản dựa vào các từ ngữ hay cách trình bày. Đoạn trích thấy có sự việc diễn biến (Tự sự), nhiều từ biểu lộ xúc động (Biểu cảm), nhiều từ khen chê, bộc lộ thái độ (Nghị luận), nhiều từ thuyết trình, giới thiệu về đối tượng (Thuyết minh) và có nhiều từ láy, từ gợi tả sự vật, sự việc (Miêu tả). 3. Nhận biết các phép tu từ từ từ vựng (so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, lặp từ, nói quá, nói giảm, chơi chữ...); tu từ cú pháp (lập cấu trúc câu, giống kiểu câu trước; đảo ngữ; câu hỏi tu từ; liệt kê...). Các biện pháp tu từ có tác dụng làm rõ đối tượng nói đến, tăng thêm gợi cảm, gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, làm đối tượng hấp dẫn, sâu sắc. 4. Đọc kỹ đoạn trích trong đề bài, đặt tên nhan đề, nêu đại ý, hay cảm xúc trong đoạn văn ngắn 5-7 dòng. Thí sinh cần trả lời các câu hỏi: Đoạn trích viết về ai? Vấn đề gì? Biểu hiện như thế nào? Đặt trong tình huống bản thân để nêu hành động cần thiết. 5. Văn bản trong đề chưa thấy bao giờ nên các trò cần đọc nhiều lần để hiểu từng câu, từng từ, hiểu nghĩa và biểu tượng qua cách trình bày văn bản, liên kết câu, cách ngắt dòng... Việc cần làm ngay 1. Sử dụng hiệu quả thời gian học ôn trên lớp, cố nhớ bài thầy cô ôn tập. 2. Hỏi thầy cô ngay những gì chưa hiểu, chưa rõ, dù là nghĩa một từ, một câu. 3. Viết đúng từ ngữ, trình bày rõ ràng, đúng chính tả, dấu câu. Không viết dài. 4. Chỉ dùng thời gian khoảng 30 phút làm câu hỏi đọc hiểu. Trả lời đúng câu hỏi của đề. 5. Làm trọn vẹn từng câu, không bỏ ý, không viết vội vàng để giành chắc chắn từng 0,25 điểm bài.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ một bài ca dao về tình phụ tử mà em yêu thích

Hồi còn thơ bé, bà hay ru tôi ngủ bằng những câu ca dao tình nghĩa, thân thương. Bởi vậy mà những lời âu yếm về tình cha con đã vô thức đi vào tâm trí tôi: “Cha đưa cả tấm lưng gầy Chở che con được tới ngày hôm nay Cha là tất cả cha ời Cha là hình ảnh trọn đời thiêng liêng” Đó chính là những lời ru nuôi sống tâm hồn tôi. Cho tôi biết thế nào là tình cha? Như nào là sự cao cả, thiêng liêng? Với mọi người, có lẽ người thân yêu nhất là ông, là bà, là mẹ, là anh chị, là bạn bè...nhưng với tôi, không ai khác chính là bố. Trong suốt cuộc đời bố, bố có lẽ không được sống trong sự sung sướng, no đủ như tôi bây giờ. Từ hồi bố còn bé, bố phải sống trong chiến tranh, khói lửa. Có được củ khoai, củ sắn lót dạ là điều hạnh phúc nhất. Ông bà nội chặt chiu từng hạt thóc mới cho bố tôi học hết lớp 10. Bố kể rằng bố học giỏi lắm nhưng điều kiện không cho phép. Đây là về khoản ăn học, còn vấn đề quần áo, may mặc...thì thời bố tôi còn bé nó thiếu thốn vô cùng. Bố chỉ có 2 bộ quần áo thay đi thay lại, vai áo còn sờn chỉ. Chẳng có sự thiếu thốn nào, đau khổ nào mà bố tôi chưa từng trải qua. Bố hiểu được nỗi khổ của sự nghèo đói, thế nên bố luôn cho tôi sống trong sự no ấm, sung túc. Nhà tôi thuộc diện khá giả bởi những công sức, những giọt mồ hôi của bố tôi là vô kể... “- Anh đi làm mướn nuôi ai Cho áo anh rách, cho vai anh mòn - Anh đi làm mướn nuôi con Áo rách mặc áo, vai mòn mặc vai!” Áo bố tôi có lẽ không rách, vai bố tôi có lẽ không mòn nhưng những giọt mồ hôi mà bố đổ ra có lẽ nó nhiều và nó mặn như nước biển đông. Hẳn bố đã cực nhọc, vất vả lắm? Nhưng bố luôn cho tôi thấy nụ cười trên môi bố, bố luôn tỏ ra là mình mạnh mẽ cho tôi xem, cho tôi noi gương. Cho dù qua năm tháng bố có già đi, bố không còn sức lao động thì bố vẫn luôn là người mà “ngàn năm con vẫn trọn đời yêu thương”. Suốt mấy chục năm tuổi trẻ, bố đều đi làm từ khi sang sớm đến lúc mặt trời ngả bóng từ lâu. Mái tóc bố đã dần bạc đi trong sương sớm. Tôi luôn tự hào và hãnh diện với mọi người khi có một người bố giàu đức hi sinh, chịu thương, chịu khó như vậy. Bố luôn chở che cho tôi từ khi tôi “lọt long”. Tôi ít khi phải đối mặt với chông gai, hiểm trở bởi vì tôi có bố bên mình. Bố chính là màn chắn an toàn nhất mà tôi sở hữu. Không chỉ có những bà mẹ như mẹ của En-ri-co trong “Mẹ tôi” mà những ông bố cũng vậy, cũng “sẵn sàng bỏ một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn...thức suốt đêm, cúi

mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hỗn hển của con, quặn quai vì nỗi lo sợ, khóc nức nở kho nghĩ rằng có thể mất con...”. Còn điều gì cao cả hơn thế sao? Bố luôn yêu thương, chăm sóc cho con bằng cả tấm long, sức lực, hi sinh tất cả hạnh phúc và cuộc sống của mình cho con. Không chỉ vậy, bố chính là “người thầy đầu tiên của tôi. Bố dạy tôi ngồi, dìu tôi những bước đi đầu tiên, cho tôi hiểu thế giới xung quanh, biết về đạo làm người... Kiến thức mà bố mang đến cho tôi có lẽ tôi cũng không nhớ hết, bởi nó nhiều, mọi thứ bố đều dạy cho tôi nên nó là vô kể. Khi bố dạy tôi điều gì, bố đều rất nghiêm nghị. Chính sự nghiêm nghị ấy đã cho tôi nên người, cho tôi biết sống lương thiện. “Công cha cao tựa núi non Dài song, rộng biển cho –cho con nên người Cha cho con nụ cười tươi Dành cho con cả cuộc đời, tương lai.” “Công cha” kể bao giờ cho hết! Nó là thứ tình cảm thiêng liêng, mãnh liệt, ruột thịt. Chẳng có thứ gì thay thế được cho tình yêu huyền diệu ấy. Tình yêu tôi dành cho bố cũng vậy. Nó khó nói lắm! Bố vất vả để tôi luôn có “nụ cười tươi”, vậy mà nhiều khi tôi lại để bố phải buồn bực, lo âu. Những nếp nhăn trên trán kia, những sợi bạc trên đầu kia có lẽ phần lớn là do tôi. Nhiều lần tôi đã tự hứa sẽ ngoan ngoãn đừng làm phiền long bố. Nhưng tôi hứa để đấy! Bởi tôi lười học lắm, tôi dễ bị cuốn hút bởi những cho tiêu khiển ngoài xã hội, hay là tham gia tụ tập với bạn bè... Tôi đang tiêu những đồng tiền bố kiếm ra một cách vô bổ. Tôi lớn lên và dần nhận thức được điều đó. Tôi đang tự điều chỉnh lại mình. Tôi đang dần biết cách để phụ giúp bố mẹ, biết cách làm sao để bố mẹ không buồn long. Tôi-một cô bé 16 tuổi đã không ít lần tôi cãi lại bố, nhiều lần tôi giận bố, tôi cư xử không hay với bố. Nhưng bố à, bố luôn là nguồn động viên, chỗ dựa tinh thần vững chắc của con. Tôi trách bố tại sao không cho tôi những trận đòn để tôi sớm nhận ra rằng mình sai trái, cho tôi đi đúng vào con đường lương thiện, mẫu mực. “Dù cho con phải bôn ba Công cha là cố khi xa nhớ về” Dù mai này tôi ở nơi nào, người đàn ông mà tôi luôn nhớ về sẽ mãi là bố. Dẫu biết tôi không thể làm gì để đền đáp đủ công cha, nhưng tôi luôn cố gắng hoàn thiện mình để bố luôn tự hào về đứa con gái như tôi. “Khi con tát cạn biển đông Thì con mới hiểu tấm long của cha” Vậy đấy! Tấm long mà cha dành cho con đâu gì sánh bằng. Tôi luôn mơ ước trở thành bác sĩ để luôn cho bố được sức khỏe tuyệt vời nhất. Để bố luôn bên tôi, chở che cho tôi những khi tôi suy sụp nhất. Tình cảm ấy nó bền vững và vĩnh cửu. Tình cảm ấy vừa là nguồn động lực, vừa là hành trang trên cuộc đời con sau này. Hạnh phúc biết bao khi ta sống trong tình phụ tử. Sống trong đó, ta được sống trong sự nâng niu, vỗ về, ta có sức mạnh để vượt lên khó khăn trong cuộc sống. Con vấp ngã, bố sẽ là bệ đỡ nâng con dậy, tiếp cho con nghị lực, con có lỗi,

bố sẵn sàng tha thứ, dang rộng vòng tay giúp con chuộc lỗi... Ấy vậy mà vẫn có những người con bất hiếu. Không những chửi mắng người sinh thành mà còn đánh đập họ. Có nhiều trường hợp thanh niên giết cả bố mình, ông nội mình để dung tiền chơi điện tử... Thật không đánh làm người! Càng lớn dần, tầm hiểu biết của tôi càng rộng lớn, tôi biết trân trọng gia đình mình hơn, nâng niu thứ tình cảm thiêng liêng mà mình đang có. Cảm ơn những câu ca dao đã cho tôi lắng lòng mình trong tình cha, ngẫm mình trong hình ảnh thiêng liêng của cha...! Tôi muốn nói rằng “Con yêu cha” ngay lúc này đây bởi tương lai có lẽ sẽ không còn nhiều cơ hội cho tôi nói yêu cha.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ của bạn về những ngày đầu dưới mái trường Trung học phổ thông

Quãng đời học sinh 12 bậc nói dài cũng thật dài, nói ngắn cũng thật ngắn. Trong quãng đời ấy chắc hẳn ai trong chúng ta cũng có những kí ức tươi đẹp đọng mãi trong tâm trí không gì có thể xóa nhòa. Tôi cũng vậy, ấn tượng về ngày đầu tiên học tập ở ngôi trường THPT Nguyễn Huệ sẽ mãi mãi là một hồi ức đẹp không thể nhạt phai... Trải qua ba tháng hè đầy hồi hộp và lo lắng, cuối cùng tôi cũng đã đặt chân vào ngôi trường mà hồi nhỏ lúc nào đi ngang qua tôi cũng để tâm nhìn những anh chị học sinh mà quyết tâm, phấn đấu. Ngày tập trung tôi háo hức mặc đồng phục đến trường. Cảm giác thật kì lạ, tôi nhìn lại chính mình trong gương mà tự cười, đã ra dáng một nữ sinh cấp ba rồi đấy! Tháng 8, bầu trời ở Huế trong vắt không một gợn mây, nắng dịu nhẹ trải dài trên mặt đất. Đứng trước cánh cổng trường Nguyễn Huệ mở rộng tôi thấy thời gian như ngừng lại. Trường sao xa lạ đến thế, trường khang trang và thoáng đãng, tượng vua Quang Trung uy nghiêm giữa bãi cỏ xanh mướt, những hàng cây xanh ngắt tỏa bóng mát cho sân trường. Những phòng học san sát nhau,... Tất cả thu vào tầm mắt khiến tôi ngỡ ngàng. Tôi vào lớp, lúc đó tôi chỉ ước sao có vài đứa bạn cũ nhưng tất cả các bạn đều xa lạ với tôi, thầy cô cũng vậy. Tôi ngỡ như mình đã trở lại ngày đầu tiên vào lớp 1, ngỡ ngàng như chú chim non, cầm chặt tay mẹ mà sợ sệt nhìn xung quanh. Nhưng bây giờ tôi đã lớn rồi, tớ không thể cầm tay mẹ nữa, tôi phải tự bay trên đôi cánh của mình, để bay vào khung trời mới. Buổi chào cờ đầu tiên, không khí vô cùng rộn ràng. Tôi thật ấn tượng với bài phát biểu của cô hiệu trưởng. Những lời nói ngắn gọn mà súc tích. Tôi lắng nghe mà ngấm trọn những lời của cô về trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi học sinh khi được học tập tại ngôi trường đầy truyền thống này. Tiếng trống khai trường do cô hiệu trưởng gióng lên vang xa, xa thật xa, âm thanh đó như lưu lại trong tôi một cảm giác xao xuyến lạ lùng. Tôi biết là từ hôm nay tôi đã hòa mình vào một quãng đời mới, Một quãng đời gian nan, đầy thử thách nhưng tôi tin tôi sẽ vượt qua. Thật may cho khối lớp mười khóa chúng tôi bởi năm nay là năm kỷ niệm 50 năm thành lập trường. Khác hẳn với những lễ hội mà tôi đã tham gia trước đây, lễ hội lần này thật rộn ràng với màu cờ sắc hoa, với những tiết mục văn nghệ đặc sắc, với những gian hàng đầy tính sáng tạo và hào hứng... Bao

nhieu thế hệ cựu học sinh của trường cùng trở về tham gia với những tân học sinh chúng tôi . Tôi thấy niềm vinh dự tràn ngập trong tim, lễ hội dường như đã kéo những người con cách xa nhau về lại với gia đình Nguyễn Huệ thân thương. Lớp tôi cũng vậy, lễ hội như sợi dây vô hình kéo 43 con người xa lạ đến với nhau, như ngọn gió thổi đi sự lạ lẫm ngượng ngùng của các bạn. Bây giờ mọi người đã thân thiện, vui vẻ và cởi mở với nhau hơn để cùng hiểu, cùng sẻ chia những kỉ niệm vui buồn của lứa tuổi cấp III, lứa tuổi chóng buồn mà nhanh vui. Thời gian như mây bay, tháng ngày như nước chảy, chớp mắt thời gian thoi đưa chẳng còn những tháng ngày vô tư, hồn nhiên của tuổi nhỏ nữa. Mặc lên tà óa dài trắng cấp III tôi đã là 1 nữ sinh THPT. Tôi đang từng bước, từng bước đều đặn bước vào chặng đường cấp III đầy khó khăn. Với bao nhiêu điều suy nghĩ trong tôi, niềm vui, niềm tự hào khi bước vào trường NH, nỗi buồn, nỗi nhớ khi xa cách thầy cô, bạn bè. Ba năm cấp III chỉ cần nhắm mắt là đã đi qua nhưng tôi sẽ nắm chặt từng giây, từng phút để thực hiện ước mơ vào đại học, để nhung nhớ quãng đường học sinh của chính tôi. Tôi sẽ ôm nó, sẽ khắc sâu nó để bước vào tương lai phía trước. Để rồi trưởng thành hạnh phúc nhớ lại mà không tiếc nuối!

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ của anh (chị) về những ngày đầu dưới mái trường Trung học phổ thông

Hôm nay, trường Lam Sơn khai giảng năm học mới. Đã 5 năm ta rời xa trường, 5 năm ta khoác bỏ chiếc áo đồng phục, 5 năm ta không còn được tham gia vào ngày tựu trường nữa. 5 năm với bao nhiêu đổi thay, bao nhiêu biến cố cuộc đời. Cũng ngày này cách đây 8 năm, ta giống như các em học sinh đang học lớp 10 trường Lam bây giờ, ngơ ngác bước vào cánh cổng trường. Lần đầu tiên ấy, ta thấy trường của ta thật đẹp, thật hoành tráng. Ta vui lắm. Mọi thứ đều rất mới lạ, đầy bí ẩn đối với ta, ta thích thú khám phá dần dần. Từ những bộ bàn ghế chắc chắn tới chiếc bảng màu xanh lần đầu tiên ta thấy. Cả những bạn cùng lớp xinh xắn, hay các anh chị khóa trên chững chạc. Tất cả đều lung linh lắm. Ngày tựu trường đầu tiên của phổ thông cũng là ngày đầu tiên ta mặc áo dài. Chiếc áo dài trắng tinh khôi! Ta như con quạ hóa công khi mặc chiếc áo ấy bởi lẽ ta thấy mình lớn hơn, duyên dáng hơn, xinh xắn hơn. Chiếc áo dài ấy theo ta suốt 3 năm phổ thông và được treo ngay ngắn trong tủ quần áo của ta suốt 4 năm đại học. Ta không một lần mặc lại chiếc áo ấy khi vào đại học không phải vì ta đã có thêm 2, 3 chiếc áo dài mới với nhiều màu sắc đẹp hơn. Ta không mặc vì ta đã không còn có được vẻ vô tư, hồn nhiên, không còn có được tâm hồn trong sáng như khi còn học phổ thông nữa. Cuộc sống sinh viên với những bon chen, những khó khăn, va vấp với nhiều con người khác nhau khiến tâm hồn ta chai sạn, ta bị vương bụi bẩn. Ta thấy xấu hổ khi khoác lên mình chiếc áo dài trắng ấy. Ta nghe các em đang học ở trường nói không thích mặc áo dài, khó chịu khi năm nay tựu trường lại phải mặc áo dài. Dường như đối với các em, mặc áo dài là một cực hình. Các em đâu biết rằng, sau này các em sẽ nuối tiếc vì khi đang học phổ thông ko dc mặc áo dài mỗi tuần đấy. Nó cũng là một nét văn hóa của trường Lam để tự hào với bạn bè khắp nơi đó. Có lẽ, đối với các em mặc áo dài là mất tự do, mặc áo dài không thời trang bằng những bộ đồ đầy kiểu cách. Áo dài quá đơn điệu so với những chiếc áo khác. Hay vì các em là thế hệ 9x, các em hiện đại hơn, các em chối bỏ vẻ đẹp đơn giản, bình dị do chiếc áo dài mang lại. Nhưng dù hiện đại tới đâu thì hồn dân tộc vẫn không thể mất đi được đâu! Giờ ta đã không còn là học sinh phổ thông, đã chuẩn bị đi làm, nhưng ta luôn nhớ về ngày ta vào trường phổ thông. Đó là ngày đầu

tiên ta đến trường được mẹ đưa đến và chờ ở cổng trường. Nghe khó tin quá, nhưng đó là sự thật. Suốt 9 năm đi học, ta không 1 lần dc mẹ hay bố, hoặc ông bà đưa đi học. Bố mẹ ta còn bận đón những khóa học trò vào trường như thầy ta đã đón ta khi ấy. Ta vui lắm. Vui vì cảm thấy có mẹ kề bên trong ngày đầu bỏ ngõ ấy, vui vì dù có muộn nhưng ta vẫn cảm nhận dc hạnh phúc khi có mẹ đưa đi học như bao bạn bè khác. Ba năm trung học đi qua thật nhanh, như cơn gió thoảng rồi đọng lại trong giây phút này là ta và một giọt thời gian rất khẽ. Có phải là “ta đi qua những năm tháng không ngờ. Vô tư quá để bây giờ xao xuyến”. Giờ cũng vẫn là ngôi trường Lam ấy, cũng vẫn là khung cảnh học trò ấy, cũng vẫn là những thế hệ thầy cô và bao bạn bè năm xưa nhưng tất cả giờ chỉ còn là hoài niệm

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ của em về những ngày đầu dưới mái trường Trung học phổ thông

Thời gian cứ lặng lẽ trôi đi để lại cho con người ta nhiều dư âm vang vọng. Và rồi, nó đã khắc lên trái tim mỗi cô cậu học trò niềm say sưa ngây ngất trong những kỉ niệm một thời. Thế là đã chia tay với những tia nắng hát lên theo từng tiếng ve, chia tay với chùm hoa phượng vĩ, với màu khăn quàng đỏ thắm trên vai, đặt lại bao niềm nhớ nhung, nuôi tiếc dưới mái trường Trung học cơ sở. Giờ đây, ngưỡng cửa thời gian của những thử thách dưới mái trường Trung học phổ thông đang rộng mở chào đón chúng ta. Trong cái không khí mát mẻ của những cơn mưa đầu thu, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường. Kết thúc một đường đua dài với nhiều dấu ấn khó phai, kể từ giờ phút này, tôi – bạn và tất cả chúng ta sẽ bắt đầu từ một chân trời mới trong cuộc hành trình vươn tới đỉnh cao của tri thức. Khép lại những giây phút lén nhìn qua ô cửa sổ ngắm những chùm phượng vĩ xanh non, những nhánh bằng lăng tím biếc mà lòng ao ước đến khoảnh khắc được thỏa mình “quẩy phá” trong mùa hè nắng cháy. Mới đó mà cũng chỉ còn thừa thớt vài chùm hoa phượng nở muộn, vài cành bằng lăng còn sót lại và đâu đó không còn bản đồng ca râm ran mùa hạ nữa! Ánh nắng oi bức, chói chang đã “chạy trốn”, để lại theo sau là cái không khí mát mẻ của mùa thu. Điều đó cũng có nghĩa mùa tựu trường đã điểm, tiếng trống trường chuẩn bị ngân vang, ngưỡng cửa Trung học phổ thông đã đến. Tôi thật tự hào và vui mừng biết bao khi mình được học dưới mái trường mang tên Quảng Xương I – nơi đã để lại những kỉ niệm khó phai trong những ngày vui chơi – học tập. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. Tháng Tám – tháng giao mùa từ cuối hạ đến đầu thu – cái khoảnh khắc mà lá vàng bắt đầu rơi cuốn theo hương ổi găng đánh thức cả một miền kí ức thì đó cũng là phút giây tôi bước vào cánh cửa của một thế giới hoàn toàn khác – một thế giới muôn màu muôn vẻ. Tất cả những điều ấy sẽ để lại trong tôi một kí ức khó phai của buổi đầu tựu trường. Tôi sẽ phải làm quen dần với môi trường ở đây bởi những thử thách trên con đường đó sẽ khác hoàn toàn con đường tuổi thơ ở cấp Trung học cơ sở. Tôi vẫn nhớ như in buổi đầu bước vào cái thế giới muôn màu muôn vẻ ấy. Ngày đầu tiên đến với mái trường Trung học phổ

thông Quảng Xương I không phải là một ngày đẹp trời trong không khí mát mẻ của mùa thu, cũng không phải tiết trời oi ả, nóng nực của mùa hạ mà là một ngày nắng ấm – khoảnh khắc đẹp nhất của giây phút chuyển mùa. Một bầu trời trong xanh hiện ra với những đám mây bàng bạc trôi nhẹ dưới ánh bình minh, từng vạt nắng bắt đầu trải dài trên khắp nẻo đường, ngõ xóm. Tôi thấy mình như lớn hơn, trưởng thành hơn và dường như xuất hiện trong tôi là một cảm giác lạ lẫm, xốn xang biết chừng nào! Hồi tưởng lại điều này trong những năm về trước – thời điểm đang còn thỏa sức nô đùa dưới mái trường Trung học cơ sở thân yêu. Sau ba tháng hè “quây phá”, chúng tôi trở lại với mái trường thân quen, với những hàng cây, ghế đá thấm nhuần bao kỉ niệm. Nhưng bây giờ, trước mắt tôi không còn là những hàng cây, ô cửa in đậm kỉ niệm nữa mà là một chân trời mới lạ. Lúc này, hình ảnh đầu tiên hiện lên trước mắt tôi là hai hàng dừa trong khuôn viên như “đội ngũ lễ tân” dẫn lối vào trường. Hàng chữ “Trường Trung học phổ thông Quảng Xương I chào mừng các em học sinh lớp 10” chạy trên bảng điện tử làm tôi càng thêm hân diện, vui sướng khi được trở thành một thành viên của đại gia đình Quảng Xương I. Từ cổng trường đi vào, hình ảnh đầu tiên hiện ra là dãy nhà hai tầng hình chữ U cùng những bồn hoa, cây cảnh được cắt tỉa gọn gàng. Toàn bộ khung cảnh của trường hiện lên trong nắng sớm thật đẹp và uy nghiêm. Mọi thứ ở đây hoàn toàn mới mẻ và xa lạ! Bằng lòng tự tin và kiêu hãnh của một thành viên mới, tôi bước vào trường và điều đó cũng đã đánh dấu một bước khởi đầu mới trong chặng đường dài. Vào đến trường, nhìn những chùm hoa phượng nở muộm, những cánh hoa bằng lăng tím biếc, từng hàng ghế đá, tôi lại nhớ những kỉ niệm khó phai của tuổi học trò. Nhìn những chú chim non đang ríu rít hót, xen vào đó là những tiếng ve còn sót lại của khoảng trời mùa hạ, lòng tôi lại trào dâng nhiều cảm xúc phức tạp. Trong khoảnh khắc ấy, tôi lại bắt gặp “lũ quỷ” học chung từ lớp sáu. Và điều đó cũng là điểm khởi đầu cho một tình đoàn kết, là cánh cửa thời gian để tìm lại quá khứ với những mong ước kỉ niệm một thời. Kế sau ngày đầu tiên đầy cảm xúc ấy là hai tuần học – mở ra bao thử thách, là cơ hội để cho các thành viên mới được làm quen với môi trường học mới, bạn mới, thầy mới trước khi chính thức cho một cuộc đua. Hai tuần học kể ra là ít so với quãng thời gian bốn năm ở trường Trung học cơ sở, nhưng khoảng thời gian ngắn ngủi ấy đã gắn kết bao kỉ niệm, bao tình bạn bè gắn bó từ nhiều vùng đất khác nhau về đây học tập. Và dường như, những tiếng cười đùa hồn nhiên trong giờ ra chơi, những tiếng nói chuyện vui vẻ đã làm cho giữa mọi người không còn khoảng cách. Tất cả điều đó đã xua tan đi sự rụt rè, e ngại của những buổi đầu làm quen.

Không chỉ vậy, trong lòng tôi cũng như bao bạn khác đã đầy ắp những hình ảnh không kém phần thân thương về ngôi trường, thầy cô nơi đây. Nét mặt hiền dịu, giọng nói ấm áp làm cho tôi thêm tự nhiên và trân trọng hơn về gia đình thứ hai này. Chắc hẳn, đây không chỉ là cảm giác của riêng mình tôi mà còn là của bao lớp thế hệ học sinh trong những ngày đầu ở trường mới. Sau hai tuần học với những dấu ấn khó phai, chúng tôi được trở về với gia đình nhỏ của mình để bắt đầu tiến bước trên đường đua đầy cam go, thử thách. Điều làm tôi vui sướng hơn cả là khi được học tập và vui chơi tại mái nhà 10T1. Trong lòng tôi lúc này không có gì hơn sự vui sướng, niềm phấn khởi, tự hào. Bài học đầu tiên của chúng tôi tại gia đình bé nhỏ, thân yêu này là những hiểu biết về đại gia đình Quảng Xương I – nơi nuôi dưỡng bao ước mơ của những thế hệ học trò – là nơi chúng tôi có thể đặt niềm tin và trao đi những ước mơ, hi vọng và gặt về những thành công ở phía chân trời mới. Gần hai tháng để tiếp cận, vui chơi và học tập dưới mái trường này, cảm xúc mỗi cô cậu học trò mỗi khác, nhưng trong lòng tôi luôn tràn ngập một thứ gì đó khó có thể diễn tả nổi. Rồi điều đó càng được nhân lên gấp bội khi ngày khai giảng đã đến, tiếng trống trường ngân vàng chào đón bao thế hệ học trò, tà áo trắng tinh khôi, những nét mặt tươi cười chào đón năm học mới và xen vào đó là sắc thắm của những lá cờ Tổ quốc trên tay đã làm cho sân trường ngày hôm ấy càng thêm nhộn nhịp. Trong không khí phấn khởi của một ngày mùa thu đầu tháng Chín, từng tia nắng ló sau ngọn cây soi sáng thêm cho nét mặt của tuổi học trò một ấn tượng khó phai. Và đặc biệt hơn nữa, hòa chung với không khí phấn khởi của ngày khai trường, mái trường Trung học phổ thông Quảng Xương đã long trọng đón đại biểu cấp Trung ương về dự. Và một trong số đó là người con của đất Quảng Xương thân yêu – bác Tô Huy Rứa. Trong lòng tôi lúc này rạo rực lên một niềm kiêu hãnh, một sự hãnh diện của một cậu học trò. Niềm vui xen lẫn tự hào đang thể hiện rất rõ trên từng khuôn mặt. Thầy và trò trong niềm vui phấn khởi hứa hẹn một năm học đầy niềm tin và hy vọng. Tiếng trống trường mùa thu đã điểm như vội vã thúc giục chúng tôi học tập thật tốt để tự khẳng định mình. Thâm tâm tôi bất chợt “thành tiếng”, từ lúc đó, tôi đã chính thức hòa nhập vào môi trường mới – mái trường Trung học phổ thông Quảng Xương I mến yêu. Mọi vật đều sợ thời gian bởi lớp bụi của thời gian sẽ phủ mờ đi tất cả. Nhưng tôi sẽ không để lớp bụi thời gian ấy phủ mờ đi những kỉ niệm, dấu ấn học trò của mình trong những ngày đầu tựu trường và quan trọng hơn là ba năm phấn đấu. Quãng thời gian ba năm tuy ít so với cả quá trình lĩnh hội tri thức nhưng cũng đủ để tự khẳng định mình và thay đổi tương lai của bản thân trở nên tươi sáng hơn.

Bất chợt lúc đó, thoáng qua suy nghĩ tôi như một đám mây nhẹ qua đỉnh núi, như làn sóng của biển khơi cuốn theo hương vị ngào ngạt với những lời hứa từ tận đáy lòng. Là một thành viên mới của đại gia đình Quảng Xương I, không chỉ tôi mà cả thế hệ khóa 53 của trường sẽ chung tay đoàn kết, phấn đấu đưa trường đi lên bằng việc học tập, rèn luyện thật tốt để không phụ lòng mong mỏi của cha mẹ, công ơn dưỡng dục của thầy cô, để là tấm gương sáng cho bao lớp đàn em phía sau. Và đặc biệt hơn, tất cả điều đó sẽ không làm phai đi những kỉ niệm đầu yêu của những ngày đầu tiên tựu trường. Ngôi trường này – trường Trung học phổ thông Quảng Xương I không chỉ là nơi tôi – bạn và tất cả chúng ta dừng chân lại ba năm mà còn là nơi để lưu trữ cả tâm hồn lớp lớp thế hệ học trò, nơi cho chúng ta lưu giữ những kỉ niệm đẹp về nó, về những người bạn và thầy cô nơi đây. Dẫu thời gian có ngừng trôi, Trái Đất có đổi vòng quay đi chẳng nữa nhưng một khi trái tim con người ta vẫn còn đập thì tôi sẽ không bao giờ quên được kỉ niệm của những ngày này – những ngày đầu tôi bước vào mái trường Trung học phổ thông Quảng Xương I – những ngày mát mẻ với những tia nắng ấm của mùa thu êm dịu.

Văn Mẫu Lớp 10 - Trình bày cảm nghĩ của em về ngày đầu tiên bước vào trường THPT

Có lẽ ai cũng có những kỉ niệm đẹp, những ngày hè vui đùa đáng nhớ... Nhưng với tôi, cô học sinh lớp 9 thi lên cấp III, những ngày hè đó đổ dồn vào kì thi tốt nghiệp và ngày mong ngóng điểm. Chẳng còn gì vỡ òa bằng cảm xúc của tôi khi nhìn vào bảng điểm, khi thấy cái danh của tôi đứng trong tờ nhất của những người thi đỗ vào mái trường THCS&THPT Hai Bà Trưng. Tôi vui lắm! Tôi như được sống trong hạnh phúc khi biết mình đỗ vào ngôi trường danh giá ấy. Như vậy vẫn chưa đủ, thứ cảm xúc ấy dâng lên mãnh liệt nhất là vào ngày khai trường đón chúng tôi-những ngày đầu bước vào mái trường trung học phổ thông... Đứng trước cánh cổng, ai cũng lo toan vì cả tương lai phía trước. Cảm xúc lo lắng, trăn trở vì những gì sắp đến...Đương nhiên tôi cũng không ngoại lệ. Chúng ta ai cũng có những khoảnh khắc khó quên. Và đối với tôi, ngày tháng chia tay chiếc khăn quàng đỏ, chia tay với những trò đùa ngày thơ bé, chia tay những năm tháng trung học cơ sở để đến với một cánh cửa mới của cuộc đời-mái trường trung học phổ thông thật khó quên! Tôi cứ tưởng nó sẽ như lần tôi vào lớp 1, hay như lần tôi bước chân vào lớp 6, vẫn có sự hồn nhiên, chưa lo âu về tương lai phía trước mà chỉ biết có bạn bè là vui. Nhưng không, năm nay vào lớp 10, tôi thấy có gì đó sợ sệt, tương lai của mình ra sao, công việc của mình là gì thì gần như nó quyết định trong 3 năm cấp 3 này đây! Một cảm giác bồi hồi, mới lạ tràn vào trong tôi. Cảm giác ấy thật khó tả. Ngày đầu tiên tới trường là ngày nắng chan hòa, như thiên nhiên cũng vui mừng khi những cô cậu học trò cấp 3 chúng tôi cắp sách tới trường. Đập vào mắt tôi khi vừa tới trường là lá cờ đỏ sao vàng phấp phới, khiến lòng tôi có nỗi rạo rực học vì tổ quốc, học để cống hiến. Thiếu thể nào được những cây phượng, cây bàng, cây bằng lăng, hoa sữa và cả những chiếc ghế đá trải dài chờ những cô cậu học sinh chúng tôi sau 3 tháng nghỉ hè. Nào là bụi giăng, cột cờ, khu điều hành, ...thu vào tầm mắt tôi khiến lòng tôi dấy lên bao cảm xúc ngỡ ngàng và vui sướng. Tự trong lòng mình đặt lên câu hỏi” Đây thật sự là ngôi trường của mình sao? ” Đáng chú ý nhất có lẽ là sự đồ sộ của các dãy nhà 3 tầng màu vàng chóa, đồ sộ như những tòa lâu đài. Tôi dường như choáng ngợp, tự hào và sung sướng khi là một học sinh của THCS & THPT Hai Bà Trưng. Ngày khai trường đến, chúng tôi được chào

đón trong sự hân hoan của hơn 1000 học sinh, chúng tôi tiến đến từ phía cổng trường trong sự vỗ tay hồ hởi của các anh chị học sinh. Sân trường rất rộng, bóng mát cây cối che nắng cho chúng tôi ngày khai giảng. Trong trang phục áo trắng, quần đen thun, tôi như thực sự trở thành cô học trò cấp 3 đầy mẫu mực. Tôi cảm thấy mình lớn dần lên. Cả mái trường ngập trong màu áo trắng, thật là đẹp! Chưa bao giờ tôi lắng nghe từng lời từng lời cô hiệu trưởng nói như thế này. Đơn giản vì tôi muốn nghe những lời động viên của cô, muốn chấp thêm sự tự tin để bước vào cánh cổng tri thức mới. Tiếng trống trường của thầy hiệu phó đánh chính là hồi trống bắt đầu cho những năm học mới, bắt đầu cho sự nghiệp “trồng người”. Tôi biết từ lúc đó tôi đã hòa nhập vào với môi trường mới. Một lúc sau khi khai giảng kết thúc, chúng tôi về lớp để nhận giáo viên chủ nhiệm của mình, tôi thật hạnh phúc khi thấy dáng người thanh mảnh, mái tóc ngắn, đôi mắt đen và cả cái má núm đồng tiền bước vào lớp tôi. Tôi chợt nhận ra đó chính là cô giáo đã chủ nhiệm tôi hồi lớp 9. Tôi thật may mắn khi học dưới mái trường cấp 2 liền cấp 3, có lẽ các bạn sẽ không hiểu được đâu. Sự may mắn như nào khi được một người giáo viên theo bạn từ cấp 2 lên hết cấp 3. Sự gắn bó 7 năm trời không phải ít ỏi gì. Các bạn học sinh trong lớp hầu như là bạn mới, vẫn có những người bạn cũ. Nhưng tôi không quan trọng vì “trước lạ sau quen”. Chúng tôi hân hoan làm quen với các bạn để hiểu nhau hơn và thân nhau hơn. Những thời gian có bao giờ dừng lại, nó sẽ lặng lẽ trôi, trôi mãi không bao giờ ngừng. Và tôi sẽ phải cố gắng để nắm giữ từng giây từng phút ấy. Phải biết tận dụng quãng thời gian 3 năm tuy ít ỏi nhưng vô cùng quan trọng để phấn đấu. Được học trong một ngôi trường trung học phổ thông có bề dày truyền thống và thành tích, bản thân tôi có biết bao niềm vui sướng và tự hào xen lẫn cả nỗi lo lắng. Nhưng điều quan trọng đối với tôi lúc này là tôi hứa sẽ quyết tâm học tập và rèn luyện tốt sao cho xứng đáng với truyền thống của nhà trường. Luôn làm rạng danh nhà trường và thầm cảm ơn những bậc thầy cô đã cống hiến cho mái trường này. Ba năm học không dài nhưng có lẽ cũng đủ để chúng tôi có những kỉ niệm cuối của tuổi học trò. Tôi sẽ rất trân trọng khoảng thời gian này-khoảng thời gian cuối tôi còn được vui đùa cùng bè bạn và cô thầy.

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ của anh (chị) về những ngày đầu tiên bước chân vào trường THPT

1) Mở Bài: Khái quát về khung cảnh ngày khai trường - ngày đầu bước chân vào trường cấp 3! 2) Thân Bài: a) - Cảm xúc khi làm lễ khi giảng - Bạn mới chung lớp và hình ảnh của các bạn cùng trường, nhất là những bạn khoá đầu như mình! (kết hợp tự sự, tả cảnh và khắc hoạ hình ảnh) b) - miêu tả sơ lược không khí lớp học ngày đầu tiên. - thầy cô như thế nào? - tâm trạng, cảm giác của bạn khi học những tiết học đầu tiên (kiến thức, môi trường học tập và phương pháp học của cấp 3...) - Có thể sơ lược về không khí lúc tan lớp. 3) Kết bài: Khái quát tâm trạng trong ngày đầu học cấp 3! Nêu cảm nghĩ về mái trường mới này!

Văn Mẫu Lớp 10 - Cảm nghĩ của em về những ngày đầu tiên bước chân vào trường THPT

Tháng năm học trò trôi đi êm ả Háo hức đón hè, chờ đợi tiếng ve Ta cũng biết bằng lăng máu tím Và nghĩ rằng phượng vĩ khóc nhè Thời gian qua chẳng nói với hàng me Ta cũng vô tình lật từng trang vở Khi hoa gạo hết thời rục rờ Ta chợt hiểu mình đánh mất thời gian (Chia tay – Nguyễn Phương Linh)

Không biết hai khổ thơ trên đã đi vào tâm trí tôi từ lúc nào mà mỗi lần chứng kiến học sinh lớp 10 nhập học tôi lại bang khuâng nhớ về mình của 2 năm trước đây. Cảm xúc của ai cũng vậy, khi đứng trước cánh cổng trường, ai cũng cảm thấy trần trở, lo lắng cho những gì sắp đến. Chắc hẳn trong mỗi chúng ta, ai cũng sẽ có riêng cho mình những khoảnh khắc khó quên của cuộc đời. Và đối với tôi cũng vậy, những ngày tháng chia tay với mái trường cũ để bước vào ngôi trường mới – một cánh cửa mới của cuộc đời thật sự là giây phút khó quên. Chia tay với chiếc khăn quàng đỏ, với ngôi trường THCS, ngưỡng cửa trường THPT đã đến, một cảm giác bồi hồi, mới lạ tràn về trong tôi: Tôi ngỡ như mình được trở về với những ngày đầu bước vào lớp 1, ngỡ như những ngày đầu bước vào cánh cổng trường THCS. Cái cảm giác ấy vẫn khó tả như ngày nào! Tháng 8 - tháng giao mùa từ cuối hạ đến đầu thu - tháng mà những chùm phượng vĩ chỉ còn thừa thớt vài nhánh nở muộn và cũng là tháng đầu tiên tôi bước vào trường THPT với những bài học đầu tiên. Cánh cửa THPT đã mở ra sau ba tháng hè ôn luyện. Nơi đây với tôi xa lạ hoàn toàn. Mọi thứ quả thật đều rất mới từ quang cảnh, ngôi trường và cả những con người: trường mới, bạn mới, thầy cô mới, cách học mới và cả một môi trường mới, thế nhưng tất cả lại lưu lại cho tôi những kí ức đẹp về buổi đầu. Tôi sẽ phải thích nghi dần, làm quen dần vì ba năm ở đây gần như sẽ quyết định cuộc đời tôi. Đây sẽ là quãng đường thật sự gian nan thử thách. Ngày đầu tiên đến trường đó là một ngày nắng ấm, khí trời dịu dịu êm ái, theo sự thông báo của nhà trường tôi đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết. Nhưng trong lòng tôi vẫn cứ xôn xao một cảm xúc khó tả. Bởi trước mắt tôi lúc này là một khung trời mới. Trong những năm học trước, sau ba tháng hè nghỉ học, chúng tôi lại trở về mái trường thân quen với những hàng cây, ghế đá,... in đậm bao kỉ niệm của những lần nô đùa cùng bè bạn. Còn năm nay, tôi đã bước chân vào ngưỡng cửa trường THPT-một chân trời hoàn toàn mới lạ.

Ngôi trường tôi học năm nay rất khang trang với không gian thoáng đãng. Từ cổng trường dẫn vào các dãy nhà ba tầng uy nghi là con đường trải bê tông nhẵn nhụi. Nào là hàng cây, cột cờ, phòng học,... thu vào tầm mắt tôi khiến lòng tôi dấy lên bao cảm xúc ngỡ ngàng và vui sướng. Sau đó, chúng tôi được phân công về các lớp. Tôi thầm ước sao mình có thể học cùng với các bạn cũ. Nhưng trong lớp tôi hoàn toàn là những người bạn xa lạ. “Nhưng dần dần mình cũng sẽ quen với các bạn ấy thôi”- tôi tự an ủi mình như thế. Sau mấy phút ngỡ ngàng, tôi thấy cô giáo chủ nhiệm bước vào lớp. Hình ảnh của cô làm tôi nhớ về cô giáo chủ nhiệm hồi lớp 9. Vẫn dáng người thon thả, đôi mắt hiền từ. Chính hình ảnh đó của cô đã làm cho tôi phần nào bớt đi sự lo lắng. Những lời đầu tiên cô nói là những lời dạy bảo ân cần về ý thức trách nhiệm đối với bản thân, với trường, với lớp trong học tập cũng như rèn luyện trong những năm học THPT. Đó là bài học đầu tiên tôi nhận được ở ngôi trường mới này. Ấn tượng nhất trong lòng tôi là ngày khai giảng. Trong trang phục áo trắng quần sẫm màu, tôi ra dáng là một nữ sinh THPT thực sự. Tôi cảm thấy mình như người lớn hẳn lên. Tiếng trống trường do thầy hiệu trưởng gióng lên như vội vã thúc giục chúng tôi học thật tốt. Tôi biết từ lúc đó tôi đã chính thức hòa nhập vào môi trường mới. Trước đây khi còn nhỏ, tôi đã từng mơ ước được trở thành học sinh THPT, giờ đây ước mơ ấy đã thành hiện thực. Được mặc đồng phục mới mà trước đây tôi chưa từng mặc, ngồi gần những người bạn mới mà trước đây tôi chưa từng quen và học những thầy cô giáo mà bây giờ tôi mới biết đến. Khi giấc mơ bé nhỏ đã thành hiện thực thì trong tôi lại nhen nhóm, ấp ủ những ước mơ hoài bão lớn hơn(tốt nghiệp THPT, thi đỗ đại học ...). Những cảm xúc khó tả lại trào dâng xen lẫn niềm vui nhưng hòa vào đó là nỗi nhớ. Vui vì tôi đã như trưởng thành hơn và biết thêm được nhiều điều mới mẻ từ những bài học mới, thầy cô mới, những người bạn mới.... Những hình ảnh thầy cũ, trường xưa cứ dâng trào trong tôi, và cả những lời khuyên, những lời chúc chân thành của mọi người dành cho tôi vào ngày thi THPT. Nhưng thời gian có bao giờ dừng lại, nó sẽ lặng lẽ trôi, trôi mãi không bao giờ ngừng. Và tôi sẽ phải cố gắng để nắm giữ từng giây từng phút ấy. Phải biết tận dụng quãng thời gian 3 năm tuy ít ỏi nhưng vô cùng quan trọng để phấn đấu. Được học trong một ngôi trường THPT có bề dày truyền thống và thành tích, bản thân tôi có biết bao niềm vui sướng và tự hào xen lẫn cả nỗi lo lắng. Nhưng điều quan trọng đối với tôi lúc này là tôi hứa sẽ quyết tâm học tập và rèn luyện tốt sao cho xứng đáng với truyền thống của nhà trường. Ngôi trường này-Trường THPT Trần Hưng Đạo-là nơi tôi chỉ “dừng chân” lại ba năm học-ba năm tuy không phải là quãng thời gian dài

nhưng cũng đủ để chúng tôi lưu giữ những kỉ niệm đẹp về ngôi trường này, về những người bạn và thầy cô nơi đây. Và có lẽ sẽ không bao giờ tôi quên được những ngày này-những ngày đầu tiên tôi bước vào trường THPT Trần Hưng Đạo-những ngày giữa tháng 8 êm dịu.

Văn Mẫu Lớp 10 - Văn biểu cảm: Ghi lại những cảm nghĩ chân thực của anh (chị) khi về ngày đầu tiên bước vào trường THPT

Chắc hẳn trong mỗi chúng ta, ai cũng sẽ có riêng cho mình những khoảnh khắc khó quên của cuộc đời. Và đối với tôi cũng vậy, những ngày tháng chia tay với mái trường cũ để bước vào ngôi trường mới – một cánh cửa mới của cuộc đời thật sự là giây phút khó quên. Chia tay với chiếc khăn quàng đỏ, với ngôi trường THCS, ngưỡng cửa trường THPT đã đến, một cảm giác bồi hồi, mới lạ tràn về trong tôi: Tôi ngỡ như mình được trở về với những ngày đầu bước vào lớp 1, ngỡ như những ngày đầu bước vào cánh cổng trường THCS. Cái cảm giác ấy vẫn khó tả như ngày nào! Tháng 8 - tháng giao mùa từ cuối hạ đến đầu thu - tháng mà những chùm phượng vĩ chỉ còn thưa thớt vài nhánh nở muộn và cũng là tháng đầu tiên tôi bước vào trường THPT với những bài học đầu tiên. Cánh cửa THPT đã mở ra sau ba tháng hè ôn luyện. Nơi đây với tôi xa lạ hoàn toàn. Mọi thứ quả thật đều rất mới từ quang cảnh, ngôi trường và cả những con người: trường mới, bạn mới, thầy cô mới, cách học mới và cả một môi trường mới, thế nhưng tất cả lại lưu lại cho tôi những kí ức đẹp về buổi đầu. Tôi sẽ phải thích nghi dần, làm quen dần vì ba năm ở đây gần như sẽ quyết định cuộc đời tôi. Đây sẽ là quãng đường thật sự gian nan thử thách. Ngày đầu tiên đến trường đó là một ngày nắng ấm, khí trời dịu dịu êm ái, theo sự thông báo của nhà trường tôi đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết. Nhưng trong lòng tôi vẫn cứ xôn xao một cảm xúc khó tả. Bởi trước mắt tôi lúc này là một khung trời mới. Trong những năm học trước, sau ba tháng hè nghỉ học, chúng tôi lại trở về mái trường thân quen với những hàng cây, ghế đá,... in đậm bao kỉ niệm của những lần nô đùa cùng bè bạn. Còn năm nay, tôi đã bước chân vào ngưỡng cửa trường THPT-một chân trời hoàn toàn mới lạ. Ngôi trường tôi học năm nay rất khang trang với không gian thoáng đãng. Từ cổng trường dẫn vào các dãy nhà ba tầng uy nghi là con đường trải bê tông phẳng nhai. Nào là hàng cây, cột cờ, phòng học,... thu vào tầm mắt tôi khiến lòng tôi dấy lên bao cảm xúc ngỡ ngàng và vui sướng. Sau đó, chúng tôi được phân công về các lớp. Tôi thầm ước sao mình có thể học cùng với các bạn cũ. Nhưng trong lớp tôi hoàn toàn là những người bạn xa lạ. “Nhưng dần dần mình cũng sẽ quen với các bạn ấy thôi”- tôi tự an ủi mình như thế. Sau mấy phút ngỡ ngàng, tôi thấy cô giáo chủ nhiệm bước vào lớp. Hình ảnh của cô

làm tôi nhớ về cô giáo chủ nhiệm hồi lớp 9. Vẫn dáng người thon thả, đôi mắt hiền từ. Chính hình ảnh đó của cô đã làm cho tôi phần nào bớt đi sự lo lắng. Những lời đầu tiên cô nói là những lời dạy bảo ân cần về ý thức trách nhiệm đối với bản thân, với trường, với lớp trong học tập cũng như rèn luyện trong những năm học THPT. Đó là bài học đầu tiên tôi nhận được ở ngôi trường mới này. Ấn tượng nhất trong lòng tôi là ngày khai giảng. Trong trang phục áo trắng quần sẫm màu, tôi ra dáng là một nữ sinh THPT thực sự. Tôi cảm thấy mình như người lớn hẳn lên. Tiếng trống trường do thầy hiệu trưởng gióng lên như vội vã thúc giục chúng tôi học thật tốt. Tôi biết từ lúc đó tôi đã chính thức hòa nhập vào môi trường mới. Trước đây khi còn nhỏ, tôi đã từng mơ ước được trở thành học sinh THPT, giờ đây ước mơ ấy đã thành hiện thực. Được mặc đồng phục mới mà trước đây tôi chưa từng mặc, ngồi gần những người bạn mới mà trước đây tôi chưa từng quen và học những thầy cô giáo mà bây giờ tôi mới biết đến. Khi giấc mơ bé nhỏ đã thành hiện thực thì trong tôi lại nhen nhóm, ấp ủ những ước mơ hoài bão lớn hơn (tốt nghiệp THPT, thi đỗ đại học ...). Những cảm xúc khó tả lại trào dâng xen lẫn niềm vui nhưng hòa vào đó là nỗi nhớ. Vui vì tôi đã như trưởng thành hơn và biết thêm được nhiều điều mới mẻ từ những bài học mới, thầy cô mới, những người bạn mới.... Những hình ảnh thầy cũ, trường xưa cứ dâng trào trong tôi, và cả những lời khuyên, những lời chúc chân thành của mọi người dành cho tôi vào ngày thi THPT. Nhưng thời gian có bao giờ dừng lại, nó sẽ lặng lẽ trôi, trôi mãi không bao giờ ngừng. Và tôi sẽ phải cố gắng để nắm giữ từng giây từng phút ấy. Phải biết tận dụng quãng thời gian 3 năm tuy ít ỏi nhưng vô cùng quan trọng để phấn đấu. Được học trong một ngôi trường THPT có bề dày truyền thống và thành tích, bản thân tôi có biết bao niềm vui sướng và tự hào xen lẫn cả nỗi lo lắng. Nhưng điều quan trọng đối với tôi lúc này là tôi hứa sẽ quyết tâm học tập và rèn luyện tốt sao cho xứng đáng với truyền thống của nhà trường. Ngôi trường này-Trường THPT Trần Hưng Đạo-là nơi tôi chỉ “dừng chân” lại ba năm học-ba năm tuy không phải là quãng thời gian dài nhưng cũng đủ để chúng tôi lưu giữ những kỉ niệm đẹp về ngôi trường này, về những người bạn và thầy cô nơi đây. Và có lẽ sẽ không bao giờ tôi quên được những ngày này-những ngày đầu tiên tôi bước vào trường THPT Trần Hưng Đạo-những ngày giữa tháng 8 êm dịu.

Văn Mẫu Lớp 10 - Văn tự sự: Trong cuộc sống hiện nay vẫn không thiếu những câu chuyện đẹp như cổ tích. Hãy kể lại 1 câu chuyện cổ tích bây giờ

Bài tham khảo: Cổ tích về chú lính chì “Phùng Thiện Nhân” Tuần lễ khai giảng vừa qua, bức ảnh được xem là gây xúc động nhất là bức ảnh chụp bé Thiện Nhân trong ngày khai giảng vào lớp 1 của mình. Cậu bé con ngày nào giờ đã lớn, hình ảnh Thiện Nhân chống nạng tự tin đi trên sân trường đã làm nhiều người rơi nước mắt vì hạnh phúc. Hạnh phúc vì bé dạn dĩ, tự tin và khỏe mạnh, sánh bước cùng bạn trẻ trang lứa cắp sách đến trường. Nói về sức sống mãnh liệt, có lẽ không thể không nhắc tới bé Thiện Nhân. Bị mẹ ruột bỏ rơi nơi vườn hoang ngay từ lúc mới sinh ra, Thiện Nhân bị thú rừng cắn mất bộ chân sinh dục và chân trái thế nhưng ròn rã 3 ngày, cậu bé vẫn sống. Cô Mai Anh, ở Hà Nội đã quyết định nhận bé về nuôi vì xúc động trước hoàn cảnh của bé. Đây thực sự là một quyết định mà không phải ai cũng làm được. Câu chuyện của bé Thiện Nhân và cô Mai Anh thực sự là một câu chuyện cổ tích thời hiện đại về bản năng sống mãnh liệt của một em bé nhỏ và tình yêu thương, rung cảm trước số phận éo le đã làm xúc động hàng triệu người. Ngày 5/9 vừa qua, Thiện Nhân đã chính thức trở thành học sinh lớp Một, Trường tiểu học Tràng An, Hà Nội. Trong buổi tổng duyệt, Thiện Nhân mạnh dạn đứng xếp hàng ở vị trí đầu tiên. Thiện Nhân còn đỡ một bạn nam đang khóc nhè ở hàng bên cạnh rằng: “Sao thế? Chỉ là vào lớp Một thôi mà!”. Bé là hiện thân của sức sống bản năng mãnh liệt, sự hiện diện của bé trong cuộc đời này đã nhún lên lòng nhân ái trong biết bao con người. Sau những tháng ngày vận lộn để sinh tồn, nay bé đã sống trong vòng tay thương yêu của một đại gia đình. Câu chuyện về cuộc sống của bé Thiện Nhân đã trở thành “chuyện cổ tích hôm nay” - cổ tích về sức sống bản năng mãnh liệt

Văn Mẫu Lớp 10 - Anh (chị) hãy thuyết minh về cây đa Việt Nam

Không biết tự bao giờ cùng với bến nước, sân đình, cây đa đã trở thành biểu tượng của làng quê đất Việt. Ai đó xa quê hẳn không thể không có những phút nao lòng mỗi khi nhớ về những kỷ niệm bên gốc đa làng. Cây đa đi vào ca dao, trong chuyện cổ tích, trong mỗi khúc dân ca. Quên sao được câu chuyện của bà dưới gốc đa có Thạch Sanh, chú Cuội. Nhớ vô cùng điệu “Lý cây đa” người thương ta đã hát. “Cây đa, bến nước, sân đình” phải chăng đã trở thành những thiết chế văn hoá không thể thiếu được của làng ta xưa? Thật vậy, với đặc tính sinh vật của mình, cây đa đã gắn bó sâu sắc với làng. Đa rất dễ trồng và sống lâu tới ngàn tuổi. Trong bão táp phong ba, trải qua bao thế hệ, cây đa vẫn sừng sững toả bóng mát giữa trời, ôm cả một góc quê hương. Cành đa vươn đến đâu buông rể chùm, rể nổi đến đó. Từ rể hoá thành thân, để cây đa có thêm nhiều cội. Có cây có tới “chín cội” lừng lững uy nghiêm cả một góc làng. Những cội đa đó như những cánh tay khổng lồ cơ bắp cuộn cuộn nâng cả tán cây lên giữa trời xanh. Ngoài những cội chính ra đó, đa còn có bao nhiêu là rể chùm rể phụ buông lơ lửng lơ trời như tóc ai đang xoà bay trong gió. Trẻ chăn trâu tha hồ ẩn nấu trong từng cội đó chơi trò đuổi bắt. Lá đa xanh ngắt bốn mùa gọi chim về làm tổ. Trong vòm lá chim riu rít gọi bầy. Dưới gốc đa trẻ nô đùa hò hét. Và kia, con trâu nhà ai đang mơ màng lim dim nằm nhai cỏ để cho lũ chim sáo nhảy nhót cả lên đầu. Đa không có giá trị kinh tế như các loài cây khác, không cho quả thơm như mít, như xoài; không có hoa đỏ như gạo, hoa tím như xoan. Đa chỉ có tấm thân lực lưỡng, trăm cành hiên ngang và tán lá quanh năm xanh ngắt. Đa chỉ có bóng mát cho đời. Đa càng sống lâu càng khoẻ chắc kiên cường. Bởi thế, giá trị tinh thần của đa thật lớn. Đa là cây cao bóng cả của làng. Chim muông tìm đến đa để làm tổ. Người thương lấy gốc đa làm nơi hò hẹn, đợi chờ. Xao xuyến làm sao, một đêm trăng, cành đa la đà trước ngõ để cho ai đó ngắm trăng ngơ ngẩn đợi người! Những trưa hạ oi nồng, gốc đa thành nơi dừng chân cho bao lũ khách. Người làng ra đồng, ra bãi gồng gánh trên vai, cả con trâu cái cày cũng lấy gốc đa làm chỗ nghỉ. Quán nước ven đường dưới gốc đa ấy râm ran bao chuyện ở đời. Bát nước chè xanh hay bát vối đặc cùng với ngọn gió mát lành dưới bóng đa rì rào ấy đã xua đi bao gian khó nhọc nhằn của cuộc sống mưu sinh. Cổng làng bên cạnh gốc đa, nơi thuở thiếu thời ta chong chong chờ

mẹ đi chợ về có gió cành đa vổ về ôm ấp để đến bây giờ cái cảnh ấy vẫn hoài niệm canh cánh mãi trong ta. Và anh nghệ sỹ, góc máy nào, gam màu nào để anh có được một tấm ảnh, một bức tranh cổng làng ta, mái đình quê ta với gốc đa sần sùi rêu mốc, lá đa xanh ngát đẹp ngời đến thế! Cây đa đi vào lịch sử mỗi làng. Thời chống Pháp, ngọn đa là nơi treo cờ khởi nghĩa, gốc đa là nơi cất giấu thư từ, tài liệu bí mật. Thời chống Mỹ, ngọn đa lại là chòi gác máy bay, nơi treo kèng báo động. Còn mãi trong ta hình ảnh cây đa Tân Trào thủ đô kháng chiến khi xưa. Đa là nổi kinh hoàng cho lũ giặc, là bình yên cho xóm cho làng. Phải chăng “thần cây đa” cũng là từ ý nghĩa đó. Đa là một trong những biểu tượng của làng. Bác Hồ, người “Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới”, Người đã phát động Tết trồng cây và việc trồng cây mỗi mùa xuân đến theo lời Bác dạy là một nét đẹp văn hoá của người Việt Nam chúng ta. Cả cuộc đời Người, Bác đã trồng biết bao cây xanh tạo bóng mát cho đời, trong đó có nhiều cây đa. Tết Kỷ Dậu (1969) Tết cuối cùng của Bác Hồ, Bác đã trồng cây đa cuối cùng tại xã Vật Lại (Ba Vì). Những cây đa Bác trồng đã vươn cành xanh lá toả bóng rợp mát quê hương. Theo chân Bác, cùng với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, chúng ta hãy trồng thêm nhiều cây đa nữa ở những nơi trung tâm làng xã để cho “cây đa, bến nước, sân đình” mãi là những tín hiệu bình yên, biểu tượng của một làng quê văn hoá Việt Nam.

Văn Mẫu Lớp 10 - Thuyết minh về cây đa Việt Nam

1. Mở bài: * Giới thiệu chung: - Cây đa là một loài cây thân thuộc với người Việt 2. Thân bài: nguồn gốc có từ ấn độ đặc điểm cây đa: + Hình dáng: - Thân cây lớn, rễ mọc ngoằn ngoèo trên mặt đất. - Xung quanh thân chính có rất nhiều thân phụ. - Ngọn đa cao vượt khỏi lũy tre làng. - Bóng đa toả mát một khoảng đất rộng. - Trong tán cây, nhiều loại chim làm tổ. - Dưới bóng đa là quán nước cho khách nghỉ chân, là chỗ vui chơi của đám trẻ... + Cây đa với cuộc sống của dân làng: - Cây đa chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử của làng. - Dân làng thường gặp gỡ trao đổi công việc làm ăn, trò chuyện tâm tình dưới gốc đa. - đã đi vào thơ ca, với chũm cuối cung trăng 3. Kết bài: - Cây đa là hình ảnh quen thuộc, gần gũi. - Cây đa là nhân chứng lịch sử của làng.

Văn Mẫu Lớp 10 - Em hãy tưởng tượng con trai Lão Hạc gặp ông Giáo và kể lại câu chuyện

Một số ý chính trong bài: + Khi con trai Lão Hạc trở về, nghe tin dữ rằng cha đã chết. + Ông giáo tới an ủi, động viên và giao lại cho cậu số tiền và mảnh vườn của cụ thân sinh để lại. + Cậu tới thăm mộ của cha và chia sẻ tâm sự về sự khổ cực nơi đồn điền cao su, nhớ thương người cha ở nhà, sự quyết tâm khi về sẽ lấy vợ và phụng dưỡng cha, đồng thời trách Lão Hạc đã tìm tới cái chết khiến cậu mất đi người thân duy nhất. Các sự kiện chủ yếu nhấn mạnh sự đau khổ của người con trai và đắt giá ở những lời thoại

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận văn học: Anh (chị) hãy nhập vào vai Tấm kể lại câu truyện “Tấm cám”

Hôm nay, bầu trời trong xanh, không khí mát mẻ tôi và hoàng thượng cùng nhau đi dạo bên hồ ngắm nhìn khung cảnh nhuộm vàng của tiết trời mùa thu. Bỗng từ đâu truyền đến tiếng kéo kệt của khung cửi, bước chân tôi cứ thế bị tiếng kéo cửi dẫn lối đến một ngôi nhà nhỏ nơi ấy có một bà lão đang nhặt chỉ và bên cạnh là cô gái trẻ đang kéo cửi. Hình ảnh ấy làm tôi chững lại, tim nhói đau, từ đâu những hình ảnh năm ấy lại ùa về. Tôi tên là Tấm, cha bảo khi tôi sinh ra đã trắng ngần như hạt tấm nên đã đặt tên tôi là Tấm, mong sau này tôi cũng sẽ xinh đẹp và có tâm hồn trắng ngần như hạt tấm. Mẹ tôi mất khi tôi còn nhỏ, cha tôi ở vậy được hơn một năm thì cha tôi lấy vợ kế. Dì ghẻ sinh được một cô con gái đặt tên là Cám. Cám được dì và cha tôi chăm sóc và nuông chiều hết mực. Đến năm tôi mười lăm tuổi, cha tôi vì bệnh nặng mà qua đời, từ đó tôi sống cùng dì ghẻ và Cám. Khi cha còn sông dì ghẻ luôn yêu thương chăm sóc tôi như con gái, nhưng sau khi Cám ra đời và cha tôi mất đi, dì không còn đối xử tốt với tôi như trước đây. Mẹ luôn giao cho tôi những phần việc nặng nhọc, vất vả nhất còn Cám thì ngày ngày được rong chơi. Từ sáng đến tối, tôi luôn phải tất bật với công việc lớn nhỏ trong nhà và việc đồng áng như cấy cày, chăn trâu, dẽ gạo, xay thóc ... tôi thậm chí còn không có thời gian để rong chơi như bao đứa trẻ cùng tuổi trong làng. Cám thì luôn được dì bênh vực, bảo vệ, vì cậy thế mẹ, Cám thường mắng mỏ, sai bảo buộc tôi phải hầu hạ nó. Suốt ngày hết ra đồng, lại quanh quẩn với những công việc trong nhà, tôi không có lấy một người bạn để tâm sự, để trải nỗi lòng mình, nhiều lúc tôi chỉ biết khóc thầm một mình. Hôm đó, khi tôi đang chuẩn bị dắt trâu ra đồng, dì ghẻ liền gọi tôi và bảo: “ Sáng nay con và em Cám ra đồng mò tép, đứa nào bắt được đầy giỏ, ta sẽ thưởng cho cái yếm đào”. Nghe dì nói, tôi vô cùng háo hức và thậm nhủ sẽ cố hết sức để đạt được phần thưởng mà cô gái nào cũng mơ ước. Tôi cột trâu cẩn thận vào chổng, lấy giỏ và cùng Cám ra đồng mò tép như lời dì sai bảo. Khi ra đến đồng, tôi không nề hà bùn đất, bấn thiêu vội lội xuống ruộng chăm chỉ mò từng con tôm con tép một, lúc nào mệt quá ngước lên, tôi đều thấy Cám đang thoải mái hái hoa bắt bướm, nhón nhơ rong chơi, cứ ngỡ Cám đã làm xong phần việc của mình tôi càng gắng sức làm cho nhanh và khẩn trương hơn. Lúc mặt trời đã lên

cao, giỏ của tôi cùng đã đầy, tôi vội rửa chân tay qua loa rồi lên bờ chuẩn bị ra về. Bỗng Cám từ đâu chạy đến bảo tôi: “Chị Tấm ơi, chị Tấm! Đầu chị lấm, chị húp cho sâu, kéo về mẹ mắng”. Nghĩ Cám thật lòng quan tâm đến mình, tôi vội lội xuống ao gội đầu thật kỹ, rửa lại tay chân thật sạch. Xong xuôi, tôi vui vẻ hỏi: “Cám ơi, em xem giúp chị đã sạch chưa?”. Không một tiếng trả lời vang lên. Tôi vội chạy lên bờ, tìm kiếm xung quanh vẫn không thấy Cám đâu, tôi chạy đến bên cái giỏ tép của mình, thì chỉ thấy chiếc giỏ trống không nằm lẩn lóc trên bờ ruộng. Tôi mở ra xem thật sự trong giỏ không còn một con tôm, con tép nào. Tôi bỗng nhận ra hóa ra mình đã bị Cám lừa để trút hết giỏ tép của tôi mang về nhà trước, bao nhiêu công sức của tôi bị cướp trắng một cách oan uổng. Bao nhiêu oan uổng, tủi nhục, bất công bấy lâu nay tôi phải chịu đựng cứ thế tuôn trào hòa vào những giọt nước mắt, tôi thật sự muốn vứt bỏ hết tất cả để thoát khỏi sự chèn ép, sự áp bức, sự bất công của mẹ con Cám dành cho mình mà đến với cha mẹ của mình. Khi ý nghĩ tiêu cực ấy lướt qua đầu tôi, bỗng có một giọng nói ôn nhu, hiền từ quanh quẩn bên tai tôi “Vì sao con khóc?”. Tôi quệt vội những giọt nước mắt, trước mặt tôi lúc này, một ông lão với gương mặt hiền từ nhân hậu bao quanh là vầng hào quang lấp lánh. Tôi bị choáng ngợp trước quang cảnh trước mặt, bất giác hỏi “Ông là ai ạ”. Ông lão điềm đạm trả lời “Ta là Bụt, đến giúp để giúp con, giờ con hãy kể cho ông nghe vì sao con khóc?”. Tôi kể lại cho ông đầu đuôi câu chuyện trong tiếng khóc nghẹn ngào, nghe xong Bụt ân cần bảo: “Con đã xem kỹ trong giỏ xem còn sót lại con cá nào không chẳng?” tôi vội lấy cái giỏ ghé mắt nhìn vào thì thấy một con cá bông bé xíu nằm ở đáy giỏ, tôi vô cùng ngạc nhiên và cảm động, sau đó Bụt dặn tôi, đem con cá bông về nhà thả xuống giếng, mỗi ngày bớt một ý cơm để nuôi nó, khi nào cho ăn thì gọi bông bằng câu thần chú: “Bống bống bang bang, Lên ăn cơm vàng, cơm bạc nhà ta, Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người” Tôi đem con cá bông về nhà,, làm đúng như những gì Bụt dặn, mang cá bông thả xuống cái giếng sau nhà, ngày ngày tôi bớt chút cơm cho cá bông. Mỗi lần tôi mang cơm cho bông ăn đều gọi bằng câu thần chú mà Bụt dặn, cá bông bơi lên rất nhanh và đớp những hạt cơm mà tôi rắc xuống, tôi cảm thấy rất hạnh phúc vì từ giờ tôi đã có cá bông làm bạn chia sẻ những vui buồn, cá bông ngày càng lớn nhanh. Thấy tôi ngày ngày sau bữa cơm đều ra giếng gang nước, mẹ con Cám sinh nghi, nhiều lần gạn hỏi tôi, nhưng tôi đều trả lời qua loa cho xong chuyện, từ đó đợi mẹ con Cám không để ý tôi mới ra sau giếng mang cơm cho bông. Được một thời gian tưởng rằng mẹ con Cám đã hết nghi ngờ, nào ngờ rằng, một buổi tối trước hôm tôi mang châu ra đồng, dì ghẻ gọi tôi

vào và bảo: “ Con ơi con! Làng ta dạo này hay mất châu, con chăn châu nhớ chăn đồng xa chớ chăn đồng gần làng bắt mất châu.” Sáng sớm hôm sau, vâng lời dì tôi dẫn châu sang cánh đồng xa gần làng bên để chăn châu. Ở nhà, Cám và mẹ lập mưu bắt cá bống của tôi, Cám bắt gọi bống theo đúng câu thần chú Bụt dặn tôi. Nghe đúng câu hát, bống ngoi lên và bị dì ghẻ chực sẵn bắt làm thịt. Thấy mặt trời sắp lặn, tôi dắt châu về nhà. Theo thường lệ, ăn xong tôi lại mang cơm cho cá bống, tôi gọi mãi, gọi mãi chẳng thấy cá bống đâu chỉ thấy có cục máu đông nổi lên mặt nước, tôi vội tìm kiếm xung quanh, tìm mãi vẫn không thấy bống đâu. Tôi liền bật khóc, rồi từ đâu một làn khói trắng xuất hiện, Bụt từ lúc nào đã đứng ngay trước mặt tôi và ân cần hỏi: “ Vì sao con khóc?”. Tôi kể lại mọi chuyện cho Bụt nghe, Bụt bảo: “ Con bống của con bị người ta ăn thịt mất rồi. Thôi con hãy nín đi rồi tìm nhặt xương nó, kiếm bốn cái lọ bỏ vào rồi đem chôn dưới bốn chân giường con nằm”. Tôi rồi rít cảm ơn Bụt, sau đó theo lời Bụt bảo tôi đi tìm quanh vườn, khắp xóm nhà, góc sân cũng không thấy xương bống đâu cả, đang trong lúc tuyệt vọng, tự nhiên, một con gà cất tiếng: “ Cục ta cục tác! Cho ta nằm thóc, ta bới xương cho!”. Nghe gà nói được tôi vô cùng ngạc nhiên đứng thẩn ra hồi lâu, rồi chạy vội vào trong bếp lấy thóc ở bực cho gà ăn. Gà chạy vào đồng tro trong bếp một lúc thì bới ra được một đồng xương. Tôi tìm bốn cái lọ và cho xương bống vào đó chôn tại bốn đầu giường tôi nằm theo đúng lời Bụt dặn. Thời gian thấm thoát trôi, đến khi tết đến, xuân về, các cô gái ai cũng có quần áo mới để diện tết, mẹ con Cám cũng sắm sửa quần áo đi chơi tết, còn tôi phải ở nhà làm những công việc như mọi ngày, tuy có nhàn rỗi hơn những ngày thường nhưng tôi không có chỗ nào để đi chơi tết cả. Kể từ khi cha mất, họ hàng cũng dần chuyển sang làng khác sống, nên ở vùng quê này tôi không còn ai thân thích cả. Một hôm khi đang cắt cỏ ngoài đồng, tôi có nghe được mấy cô gái đồn nhau nhà vua sắp về đây vi hành và có mở hội mấy đêm cho dân làng vui xuân, tôi cũng không hy vọng sẽ được đi chơi hội nên vội quăng luôn nó ra khỏi đầu. Vài hôm sau làng tôi mở hội đón vua về vi hành, làng trên xóm dưới từ già trẻ, gái trai, ai ai cũng ăn mặc đẹp, đâu đâu cũng nghe thấy tiếng hò gọi nhau đi chày hội, mẹ con Cám cũng không phải ngoại lệ, họ tất bật chuẩn bị quần áo từ tối hôm trước. Trong lòng tôi bỗng thấy háo hức, suy nghĩ muốn đi chơi hội của tôi đột nhiên mãnh liệt hơn bao giờ hết, nghĩ như vậy tôi vội vào trong phòng lấy bộ quần áo đẹp nhất của mình chuẩn bị để đi chơi hội. Ra đến cửa mẹ con Cám đã chờ sẵn tôi, Cám đứng chặn trước cửa lờm tôi một cái rồi quay lại nói với mẹ: “ Mẹ ơi mẹ! Chị Tấm cũng muốn đi chơi hội kìa”. Nghe thấy thế, dì ghẻ tiến lại phía tôi và nói: “Con

muốn đi chơi hội hả, việc nhà đã làm xong hết chưa ?” Tôi vội trả lời: “Dạ, rồi ạ”. Dì gặt đầu hài lòng và nói tiếp : “ Được, quần áo thế này mà con muốn đi chơi hội sao để dì và em Cám sửa lại giúp con”. Vừa nói dứt lời hai mẹ con Cám tiến lại phía tôi và xé tan nát bộ quần áo của tôi mặc đi chơi hội, sau đó, dì vào trong bếp lấy ra một đấu gạo và thóc đổ vào nhau trộn đều lên và bảo: “ Bao giờ nhặt xong chỗ gạo này đâu vào đấy rồi mới được đi nghe con, không được sót một hạt nghe con” Nói xong hai mẹ con Cám dắt nhau ra đi hội bỏ tôi lại một mình với nhà cửa ngồn ngang cùng một mẹt thóc và gạo trộn lẫn vào nhau. Tôi ngồi bệt xuống nền nhà, nghĩ đến đời mình, những tủi nhục vừa trải qua, không kìm được cảm xúc tôi bỗng bật khóc, lần này bật lại hiện lên và bảo: “ Làm sao con khóc?”. Tôi kể lại tường tận sự tình cho bụt nghe. Bụt bảo tôi mang mẹt ra giữa sân rồi gọi một đàn chim sẻ xuống nhặt giúp cho, tôi sợ chim ăn hết thóc thì bụt dạy: Con hãy bảo chúng: “ Rất rất xuống nhặt giúp tao. Đừng ăn của tao, rồi tao trả công”. Chúng sẽ không ăn của con đâu. Tôi định đi hội, thì bỗng nhận ra quần áo của mình đã bị mẹ con Cám xé tan nát, Bụt liền bảo tôi hãy đào bốn chiếc lọ đựng xương bống ở dưới chân giường lên, con sẽ có những gì mình muốn. Nghe lời bụt tôi vào đào bốn chiếc lọ lên quả nhiên điều kỳ diệu đã xảy ra: Lọ đầu tiên có một bộ váy áo tứ thân, một cái yếm đào và chiếc khăn nhiễu vô cùng đẹp và khác hẳn so với những cái tôi từng thấy. Lọ thứ hai có một đôi hài thuê hoa vô cùng xinh xắn đi vừa in với chân tôi. Lọ thứ ba có một con ngựa phi ra. Lọ cuối cùng có một bộ yên cương vô cùng xinh xắn. Tôi mừng rỡ vô cùng, vội cảm tạ Bụt rồi đi tắm sạch sẽ, mặc bộ quần áo mới, khi sửa soạn xong cũng là lúc chim sẻ giúp tôi nhặt thóc gạo xong tôi lấy một nắm thóc thưởng cho chim sẻ, sau đó cưỡi lên lưng ngựa và phi thẳng đến hội. Lúc đi qua cầu, do không cẩn thận tôi bị đánh rơi chiếc hài xuống nước, định lội xuống tìm những thoáng chốc đã không thấy nó đâu nữa, không kịp nữa tôi đành bỏ lại chiếc hài và phi ngựa tiếp đến hội. Đến đám hội, tôi dừng ngựa, lấy khăn gói kỹ chiếc hài còn lại rồi chen vào biển người. Sau này khi về làm vợ vua rồi, tôi có hỏi chàng, khi xưa vì sao chàng lại nhặt được chiếc hài của tôi, thì nhà vua nói: “ Hôm đó, kiệu vàng của ta không hiểu sao vừa đến chỗ cầu thì hai con voi dẫn đầu không chịu đi tiếp nữa, cứ cậm ngà xuống đất và kêu rống lên. Biết rõ sự lạ, ta liền sai quân lính thử tìm xem có gì lạ ở dưới suối. Quân lính của ta nhặt được một chiếc hài thuê hoa vô cùng tinh xảo, họ trình lên ta. Khi cầm chiếc hài lên ta như bị cuốn hút vào, trong lòng trộm nghĩ “ Chiếc hài xinh thế này, người đi hài chắc hẳn phải là một tuyệt sắc giai nhân” nghĩ đến vậy ta càng tò mò và muốn tìm ra chủ nhân của chiếc hài”. Nghe chàng kể lại sự

tình như vậy tôi nghĩ đây chắc hẳn là ý trời. Lần đầu tiên được đi chơi hội làm tôi rất háo hức, ai ai cũng nhìn tôi, khi tôi thấy một đám đông đám xúm lại, vì tò mò nên tôi lại gần thì được biết: vua ra lệnh cho tất cả đàn bà, con gái ai đi vừa chiếc hài thì sẽ cưới làm hoàng hậu. Đám hội, ai cũng háo hức, các bà, các cô chen nhau đến chỗ thử hài nhưng không ai mang vừa. Mẹ con Cám cũng vào cầu may nhưng không được. Lúc tôi bước ra thử, nhìn thấy tôi, Cám liền mách mẹ nhưng dì ghẻ không tin, bĩu môi nói: Con nỡm! Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chính mảnh trai ngoài bờ!” Chân tôi đặt vào hài vừa in. Tôi mở khăn lấy chiếc hài còn lại ra đi vào. Tôi được nhà vua đem kiệu rước vào cung, ai ai cũng nhìn tôi với ánh mắt ngưỡng mộ, chỉ có mẹ con Cám nhìn tôi thù hận và vô cùng tức giận. Sau khi vào cung tôi được vua yêu chiều, tôi sống vô cùng thoải mái, sung sướng và hạnh phúc bên nhà vua. Đến ngày giỗ cha, tôi xin phép về giúp dì và em sửa soạn cỗ cúng. Thấy tôi được làm hoàng hậu, hai người ghen ghét nhưng cố giấu. Dì bảo tôi trèo cau, lấy một buồng để cúng cha. Tôi vừa leo lên đến ngọn thì dì chặt gốc. Cau đổ, tôi ngã xuống ao chết đuối. Dì ghẻ lấy quần áo của tôi cho Cám mặc rồi đưa vào cung nói dối vua rằng tôi chẳng may đã chết, nay cho em gái thay thế. Hồn tôi biến thành chim vàng anh, suốt ngày quanh quẩn ở vườn ngự uyển. Cám giặt áo cho vua, đem ra phơi ở bờ rào, tôi hát: “Phơi áo chồng chị, thì phơi bằng sào, chớ phơi bờ rào, rách áo chồng chị!”. Rồi tôi bay thẳng vào cung, đậu ở cửa sổ. Nhà vua đang ủ ê, buồn bã, chắc là nhớ thương người vợ bạc mệnh. Thấy tôi cứ quanh quẩn bên cạnh, nhà vua bảo: “Vàng anh vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo!”. Tôi âu yếm đậu lên vai rồi rúc vào tay áo nhà vua. Vua làm cho tôi một chiếc lồng bằng vàng để ở. Nhà vua suốt ngày quần quýt bên tôi, chẳng hỏi han gì đến Cám. Cám về kể với mẹ và bày mưu hãm hại tôi lần nữa. Nhân lúc nhà vua đi vắng, mẹ con Cám bắt tôi làm thịt rồi vứt lông ra vườn. Thấy mất vàng anh, vua hỏi thì Cám đặt điều nói dối: “Thiếp có mang, thèm ăn thịt chim nên trộm phép bệ hạ đã giết ăn thịt mất rồi”. Nhà vua giận lắm nhưng không nói gì. Ngày hôm sau, từ đám lông chim mọc lên hai cây xoan đào thật đẹp. Khi nhà vua đi dạo trong vườn, cây xòe cành lá che đầu vua, giống như hai cái lọng. Vua thấy vậy sai lính hầu mắc võng vào giữa hai thân cây rồi chiều chiều ra nằm đong đưa hóng mát. Cám lại đem chuyện ấy mách mẹ. Nhân một hôm gió bão, dì ghẻ xúi Cám sai thợ chặt hai cây xoan đào rồi nói là đóng khung cửa để dột áo cho vua. Hồn tôi nhập vào khung cửa nên mỗi lần Cám ngồi vào dột, khung cửa lại phát ra tiếng kêu đầy đe dọa: “Cót ca cót két, Lấy tranh chồng chị, Chị khoét mắt ra!” Cám hoảng hồn mách với mẹ, dì ghẻ bảo hãy đốt khung cửa

thành tro rồi đem đổ thật xa. Cám làm theo, nhưng từ đồng tro bỗng mọc lên một cây thị cao lớn, cành lá xanh tươi. Đến mùa, cây thị ra nhiều hoa mà chỉ đậu có mỗi một quả. Hồn tôi nấu trong quả thị vàng thơm ấy. Một hôm, bà lão hàng nước ở gần đấy đi ngang qua, ngửi thấy mùi thơm bèn ngẩng lên nhìn rồi giơ miệng bị ra, lẩm bẩm: “Thị ơi thị rụng bị bà. Bà để bà ngửi chứ bà không ăn.” Trái thị liền rụng xuống. Bà lão vui mừng mang về cất vào buồng, thỉnh thoảng lại đem ra ngửi ngửi. Những lúc bà lão đi chợ hoặc vắng nhà, tôi từ quả thị bước ra, dọn dẹp nhà cửa, nấu sẵn cơm dẻo canh ngon cho bà lão. Bà lão lấy làm lạ, cố ý tìm ra sự thật. Một lần, vờ đi chợ được một lúc thì bà lão quay lại, tôi đang lúi húi làm việc nhà như mọi khi thì bà lão bước vào, ôm chầm lấy tôi rồi xé nát vỏ quả thị. Từ đó, bà lão coi tôi như con gái. Tôi giúp bà gói bánh, nấu nước, tằm trầu để bà ngồi bán hàng. Ít lâu sau, một hôm có người đàn ông trẻ tuổi ghé vào quán nước. Nhìn thấy mấy miếng trầu cánh phượng, người ấy hỏi ai tằm, bà lão đáp là con gái mình tằm. Tôi đứng nép sau bức màn, nghe rõ câu chuyện và nhận ra nhà vua. Nhà vua năn nỉ bà lão đưa con gái ra cho mình xem mặt. Tôi vừa xuất hiện, nhà vua đã nhận ra ngay, bèn bảo bà lão thuật lại sự tình, rồi ra lệnh cho lính hầu mang kiệu rước tôi về cung. Mẹ con Cám thấy vậy thì hết sức sợ hãi van xin tôi tha lỗi, nể tình người ấy năm chúng sống, tôi tha cho hai mẹ con Cám về quê. Vài năm sau tôi nghe tin Cám không biết nghe ai bảo mà đun nước sôi để tắm nên chết, còn dì ghẻ tôi vì quá đau buồn nên cũng hóa điên. Tôi được sống yên ổn hạnh phúc bên nhà vua. Tình cảm vợ chồng lại càng thêm thiết, mặn nồng hơn trước. Nhớ lại những chuyện đã qua, tôi ngẫm lại mới thấy lời cha dặn trước lúc ra đi quả không sai, cha bảo “ở hiền mới gặp lành con ạ, qua cơn tai ương hạnh phúc sẽ đến”. Mọi thứ đến với tôi thật sự không dễ dàng gì vì vậy tôi sẽ luôn bảo vệ và trân trọng nó.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận văn học: Em hãy nhập vào vai Tấm kể lại câu truyện “Tấm cám”

Sống ở làng này không ai là không biết tới 3 mẹ con tôi, tôi là Tấm, em tôi là Cám là em cùng cha khác mẹ với tôi, tôi đang sống chung với dì và Cám. Mặc dù là em trong nhà nhưng Cám được mẹ nuông chiều không phải làm công việc gì trong nhà. Mọi thứ một tay tôi làm hết chỉ có những lúc ăn cơm, Cám mới chịu làm vài việc vặt vãnh mà mặt nó cũng phụng phịu. Còn Dì thì luôn luôn mắng tôi khi muốn xả giận hay ganh ghét vì một điều vô cớ. Nhưng tôi không oán than gì, vì tôi hiểu cũng là lẽ thường tình vì Dì cũng khổ nhiều để nuôi chúng tôi khôn lớn. Một hôm nọ, dì bảo tôi và Cám đi xúc tép, ai xúc được nhiều hơn sẽ được yếm đào. Vốn dĩ từ nhỏ chưa bao giờ tôi được vận trong mình chiếc yếm đào nào mới cả, hôm nay Dì lại có dự định như thế khiến tôi cũng háo hức không kém. Ra đồng mò cua bắt ốc từ khi tờ mờ sáng, tôi chỉ thấy Cám lâu lâu chỉ chạy theo hái hoa bắt bướm không biết Cám có bắt được nhiều không, nhưng nghĩ tới cái yếm đào tôi lại vội chăm chỉ tiếp tục công việc của mình. Tới lúc sắp về thì thấy Cám bảo đầu lấm, tôi cũng tin rồi xuống gội đầu, chải chuốt rồi về. Nhưng ai ngờ, Cám lại nhả tâm hại tôi, trút hết tép trong giỏ rồi về lấy yếm đào. Tôi hoảng hốt, bao nhiêu công sức thế lại để người khác giành giật tôi chỉ biết khóc. Khói mù mịt thì ra Bụt xuất hiện từ lúc nào, ông chỉ tay vào giỏ và bảo xem có con cá nào không, mang về nuôi. Tôi bèn làm theo lời, trở về mang theo cá bống thả xuống giếng và cứ hôm nào cũng mang cơm cho cá bống. Tôi đi chăn trâu xa, ở nhà không biết mẹ con Cám đã làm gì nhưng khi tới nơi cho cá bống ăn thì tôi không thấy nữa, tôi hoảng hốt khi giếng nổi lên một cục máu, vừa thương cá bống vừa tủi thân, tôi khóc. Lần này, Bụt lại hiện lên, bảo tôi phải đi tìm ngay xương của cá bống về chôn ở bốn lợ giường, tôi làm theo và cũng chưa hiểu chuyện gì sẽ xảy ra. Háo hức tới ngày thấy hội biết bao nhiêu thì tôi lại càng thất vọng bấy nhiêu, vốn bản tính nhẫn nhịn tôi nghe theo mọi lời của Dì mà không hề than trách. Mặc quần áo tinh tươm chuẩn bị mọi thứ, dù không được lành lặn đẹp đẽ như con người ta nhưng đi hội ai mà không thích. Vốn cám ghen ghét tôi, bảo với mẹ là tìm mọi cách để bắt tôi ở nhà. Dì liền bưng cả gạo lẫn thóc hòa vào nhau, rồi bảo tôi nhặt khi nào xong thì mới được đi. Bao nhiêu như thế tôi làm sao nhặt hết chứ. Lại một lần nữa, bụt hiện ra, sai chim sẻ nhặt thóc, xong

đâu vào đấy thì bảo tôi đi đào ở 4 lọ đó lên. Tôi mừng rỡ vô cùng, vội cảm tạ Bụt. Chuẩn bị xong xuôi, tôi nhanh chóng lên ngựa đi xem hội. Trong lúc ngựa phóng qua chỗ lội, tôi đánh rơi một chiếc hài xuống nước, không kịp nhặt lên. Đến đám hội, tôi dừng ngựa, lấy khăn gói kĩ chiếc hài còn lại rồi chen vào biển người. Tôi thực sự không biết rằng khi kiệu vàng của nhà vua vừa đến chỗ lội thì hai con voi dẫn đầu không chịu đi, cứ đứng lại, kêu vang lên. Biết có sự lạ, nhà vua sai quân lính thử tìm xem, và họ nhặt được chiếc hài thêu của tôi, vội trình nhà vua. Nhà vua cầm chiếc hài lên, ngắm ngía mãi rồi buột miệng khen: “Chiếc hài xinh quá! Người đi hài này hẳn phải là một trang tuyệt sắc!”. Vua ra lệnh cho tất cả đàn bà, con gái thử hài và tuyên bố nếu có ai đi vừa thì sẽ cưới làm hoàng hậu. Đám hội lại càng náo nhiệt. Các bà, các cô chen nhau đến chỗ thử hài nhưng không ai đi vừa. Mẹ con Cám cũng vào cầu may. Tôi bước ra, nhìn thấy tôi, Cám liền mách mẹ nhưng dì ghẻ không tin, bĩu môi nói: “Con nỡm! Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre!”, tôi chỉ lẳng lẽ thử giày. Chân tôi đặt vào hài vừa như in. Vì chính chiếc giày này là của tôi. Tôi mở khăn lấy chiếc hài còn lại đi vào. Hai chiếc giống nhau như đúc. Lính hầu hò reo, vui mừng báo với vua. Lập tức, vua sai đoàn thị nữ rước tôi về cung và phong tôi làm hoàng hậu. Tôi xin phép về giúp dì và em sửa soạn cỗ cúng trong ngày giỗ cha. Thấy tôi được làm hoàng hậu, hai người ghen ghét nhưng cố giấu, tôi không biết rằng Dì bảo tôi trèo cau, lấy một buồng để cúng cha rồi đẩy tôi đi vào cái chết. Tôi vừa leo lên đến ngọn thì dì chặt gốc. Cau đổ, tôi ngã xuống ao chết đuối. Dì ghẻ lấy quần áo của tôi cho Cám mặc rồi đưa vào cung nói dối vua rằng tôi chẳng may đã chết, nay cho em gái thay thế. Thế rồi linh hồn tôi hóa thân vào thành chim vàng anh, suốt ngày quanh quẩn ở vườn ngự uyển. Tôi muốn ở bên nhà vua vì suốt ngày chỉ thấy nhà vua đang ủ ê, buồn bã, thấy tôi cứ quanh quẩn bên cạnh, nhà vua bảo: “Vàng anh vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo!”. Tôi âu yếm đậu lên vai rồi rúc vào tay áo nhà vua. Cám tức giận, về nhà mách dì ghẻ, cùng lúc đó nhân lúc nhà vua đi vắng, mẹ con Cám bắt tôi làm thịt rồi vứt lông ra vườn. Không thấy bóng dáng vàng anh, vua hỏi thì Cám nói dối: “Thiếp có mang, thèm ăn thịt chim nên trộm phép bệ hạ đã giết ăn thịt mất rồi”. Nhà vua giận lắm nhưng không nói gì. Ngày hôm sau, từ đám lông chim tôi hóa thân vào hai cây xoan đào thật đẹp. Khi nhà vua đi dạo trong vườn, cây xòe cành lá che đầu vua, giống như hai cái lọng. Vua thấy vậy sai lính hầu mắc võng vào giữa hai thân cây rồi chiều chiều ra nằm đong đưa hóng mát. Cám lại đem chuyện ấy mách mẹ, lúc này Dì ghẻ xúi Cám sai thợ chặt hai cây xoan đào rồi nói là đóng khung cửu để dệt áo cho

vua. Khi biến thành khung cửi tôi thầm nói cho Cám nghe “Cót ca cóc két, Lấy tranh chồng chị, Chị khoét mắt ra!” Cám hoảng hồn mách với mẹ, dì ghẻ bảo hãy đốt khung cửi thành tro rồi đem đổ thật xa. Cám làm theo, nhưng từ đồng tro bỗng mọc lên một cây thị cao lớn, cành lá xanh tươi. Đến mùa, cây thị ra nhiều hoa mà chỉ đậu có mỗi một quả. Tôi đã ở trong quả thị bấy lâu mà không biết rồi sẽ như thế nào. Một hôm, bà lão hàng nước ở gần đấy đi ngang qua, ngửi thấy mùi thơm bèn ngẩng lên nhìn rồi giơ miệng bị ra, lẩm bẩm: “Thị ơi thị rụng bị bà. Bà để bà ngửi chứ bà không ăn”. Thấy bà cụ hiền lành, nhân hậu, tôi liền rụng xuống. Những lúc bà lão đi chợ hoặc vắng nhà, tôi từ quả thị bước ra, lén dọn dẹp nhà cửa, nấu sẵn cơm cho bà lão. Bà lão lấy làm lạ, cố ý tìm ra sự thật. Một lần, vờ đi chợ được một lúc thì bà lão quay lại, nấp sau cánh cửa nhà. Thấy tôi đang làm việc, bà chạy lại ôm chầm lấy tôi rồi xé nát vỏ quả thị. Từ đó, Tôi giúp bà gói bánh, nấu nước, tằm trầu để bà ngồi bán hàng. Một hôm, vua ghé vào quán nước. Nhìn thấy mấy miếng trầu tằm cánh phượng, người ấy hỏi ai tằm, bà lão đáp là con gái mình tằm. Tôi đứng nép sau bức màn, nghe rõ câu chuyện và nhận ra nhà vua. Nhà vua năn nỉ bà lão đưa con gái ra cho mình xem mặt. Tôi vừa xuất hiện, nhà vua đã nhận ra ngay, bèn bảo bà lão thuật lại sự tình, rồi ra lệnh cho lính hầu mang kiệu rước tôi và bà lão về cung. Tôi mừng và hạnh phúc lắm vì duyên phận vợ chồng không dễ dàng gì có được, xa cách bao lâu lại về với nhau. Cám thấy tôi vẫn còn sống mà lại trắng đẹp hơn xưa nên Cám băn khoăn tự hỏi vì sao. Tôi bày cho Cám tắm ới nước sôi thì sẽ đẹp. Cám hí hửng làm theo, Cám không biết là nước sôi có thể làm bỏng và nó lập tức chết. Dì ghẻ thấy vậy kinh hoàng, cũng lăn đùng ra mà chết. Từ đó, tôi sống hạnh phúc bên nhà vua, không có ai có thể ngăn cản được tình yêu và cuộc sống chúng tôi nữa.

Văn Mẫu Lớp 10 - Nghị luận văn học: Hãy nhập vào vai Tấm kể lại câu truyện “Tấm cám”

Đầu tiên – và cũng là nỗi bất hạnh lớn nhất, đưa tôi vào vòng xoáy của sự đau khổ bất hạnh do mẹ con Cám tạo ra. Năm tôi 6 tuổi thì mẹ mất, bố lấy vợ mới và không bao lâu sau bố tôi cũng trúng phong hàn và qua đời. Tôi phải ở cùng mẹ dì ghẻ và con gái của mẹ là Cám, kém tôi một tuổi rưỡi. Bản thân Cám không xấu nhưng mẹ dì ghẻ lại rất cay nghiệt, mẹ ta bắt tôi phải làm việc từ sáng sớm cho đến tối mịt, ngày nào cũng như ngày nào tôi phải “dậy sớm hơn gà, ngủ muộn hơn chó” thả sức cho mẹ dì ghẻ đánh đập, hành hạ. Có một lần mẹ dì ghẻ bảo tôi với Cám đi bắt tép, ai bắt được nhiều sẽ được thưởng yếm đỏ. Do tôi đã quen với công việc đồng áng nên chỉ cần khoảng khoảng mấy cái là đã đầy giỏ. Còn Cám thì cứ đứng đĩnh và chưa bắt được con nào, đến chiều tối tôi và Cám đi về. Tôi liếc nhìn thấy giỏ của Cám có rất ít thế nên rất sượng, cười thầm là” chắc chắn phen này yếm đỏ sẽ thuộc về ta”. Cám thấy giỏ của tôi đầy ắp nên cũng hoảng hoảng bèn bảo tôi gọi đầu để kéo bị dì ghẻ mắng, tôi tin ngay. Lúc lên thì đã thấy Cám trút hết tép vào giỏ của nó rồi chạy về, thấy thế tôi bật khóc và không thể tin Cám lại dễ tiện bề ối như vậy. Chợt có một luồng khói màu trắng thoảng qua và Bụt hiện ra và bảo tôi con cá nhỏ nhỏ trong giỏ là cá bống và dặn về chăn cho bống ăn uống đàng hoàng tử tế. Có một lần dì ghẻ lừa tôi đi chăn trâu ở xa rồi giết thịt bống, tôi đau xót khi thấy bống chết và đem chôn xương bống xuống dưới chân giường. Mấy tháng sau nhà vua mở hội, tôi lấy quần áo giày dép và xe cộ ra từ các lọ ở chân giường, sau hội tôi thử giày thành công và được vua đưa vào cung làm hoàng hậu. Tuy đã giàu sang phú quý dưới một người trên triệu người nhưng tôi vẫn không quên ngày giỗ cha và về nhà thì bị mẹ dì ghẻ thích sát và đưa Cám vào cung. Xác của tôi hoá thành chim vàng anh bay vào cung nhưng bị mẹ dì ghẻ và Cám giết thịt và vứt lông chim ra ngoài vườn. Từ đồng lông chim đó tôi lại hoá thân làm cây xoan đào rồi bị Cám chặt cây làm khung cửi thì tôi chửi và hăm dọa móc mắt Cám nên bị mẹ con mẹ dì ghẻ đốt đi, đổ tro đi thật xa. Tôi lại hoá thân làm cây thị, cây thị của tôi chỉ có một quả, một hôm có một bà lão đến xin quả thị, biết là người tốt nên tôi nhắm chuẩn chuẩn rơi đúng vào bị của bà lão. Ngày ngày chờ bà lão đi chợ tôi mới bước ra từ vỏ thị để làm việc nhà giúp bà lão, tuy làm việc như osin nhưng tôi

rất vui vì được giúp bà lão. Sau đó có một hôm bà lão quay lại giữa chừng xé vỏ thị và không cho tôi chui vào nữa, tôi giúp bà cạy tem trầu bán hàng nước. Và cuối cùng cái ngày đó đã đến – cái ngày định mệnh kéo tôi ra khỏi vòng xoáy khổ hạnh – nhà vua đi chơi đến ăn trầu ở quán bà lão, thấy trầu tem đẹp quá nên vua đòi gặp tôi, phu thê trùng phùng thật là cảm động. Sau đó tôi từ giã bà lão rồi trở về cùng. Qua những việc làm xấu xa của mẹ con Cám cho thấy chúng là những kẻ xấu cần phải xoá bỏ trong nhân gian, tôi xui Cám xuống hố rồi đổ nước sôi cho nó chết sau đó làm nước mắt cho dì ghẻ ăn sau đó dì ghẻ biết và lăn đùng ra chết. Cuối cùng tôi ở lại sống cuộc sống hạnh phúc bên vua và vương quốc của mình. Sự biến hoá của Tấm đã thể hiện sức sống, sức trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự vui dập của kẻ ác. Đây là sức mạnh của cái thiện thắng cái ác. Mâu thuẫn và xung đột trong truyện phản ánh mâu thuẫn và xung đột trong gia đình phụ quyền thời cổ.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của em về hiện tượng học sinh lười học sử dụng sách học tốt để đối phó trong giờ học

DÀN Ý THAM KHẢO: I. MỞ BÀI - Dùng danh ngôn hoặc câu hỏi gợi mở vào đề (nếu sử dụng cách mở bài gián tiếp). - Nêu ý chính, điều cần phân tích từ việc học đối phó. II. THÂN BÀI 1/ Giải thích học đối phó là gì? - Học tập mà không có hứng thú, say mê, không tìm hiểu, không động não, ham thích. - Học để tránh né, bị ép buộc, áp đặt từ ba mẹ, gia đình. - Thể hiện sự đối phó bằng những hành động khác nhau, không gây ra tác hại ngay lập tức, nhưng để lại nhiều hậu quả xấu. 2/ Nêu một vài ví dụ điển hình thể hiện cách học thụ động này: - Chép sách khi thầy cô giao bài tập - Hỏi bạn, nhìn bài, làm mọi cách gian lận để có điểm cao. - Khi thầy cô giảng bài, lơ đãng làm việc riêng, uể oải chép bài cho được cái mác “siêng học”. - Thiếu trung thực trong thi cử để có danh hiệu, đối phó với lòng tin của ba mẹ, sự nghiêm khắc của thầy cô, ... 3/ Tác hại của việc học đối phó: - Ảnh hưởng đến tâm lý, gây thụ động, dẫn đến nhàm chán. - Mất căn bản, nạn học sinh “nhảy lớp”, học đến lớp 12 mà chính tả còn sai be bét, ... - Ảnh hưởng đến sự trung thực của con người, học sinh đánh mất dần những nhân cách tốt. - Về lâu dài, làm suy thoái nền giáo dục nước nhà. —> Những người học đối phó không bao giờ đạt thành công thực sự trong đường đời. 4/ Cần phải làm gì để ngăn chặn nạn học đối phó? - Học sinh chúng ta phải thay đổi ngay từ hôm nay, phải chủ động tìm hiểu và tiếp thu kiến thức. - Ứng dụng những công nghệ hiện đại để giúp ích cho việc học tập. - Trung thực khi thi cử, trong trường lớp, với bạn bè và chính bản thân. III. KẾT BÀI - Khẳng định lại giá trị đích thực của việc học. - Tự nhủ sẽ luôn học tập tốt, bằng chính khả năng và thực lực của mình. - Kêu gọi thiếu niên chủ động học tập, vì tương lai đất nước, vì hạnh phúc mỗi con người. Bonus cho thêm một vài ý để làm bài nè: Trong cuộc sống hiện đại hóa, công nghiệp hóa hôm nay, đất nước Việt Nam ta đã có những đổi mới tích cực trong việc giáo dục. Nhưng song song với những mặt tích cực đó, còn có những cái xấu, cái chưa tốt nhìn thấy rõ, mà ví dụ điển hình là việc học đối phó của phần lớn học sinh ngày nay. Vậy học đối phó là gì và do đâu? Ai trong chúng ta dám thừa nhận mình chưa bao giờ như thế? Việc học, quan trọng là lòng yêu thích, sự say mê tìm tòi, tạo cho mình một cái nhìn mới mẻ trong việc tiếp nhận và tích lũy kiến thức. Từ đó, ta mới có thêm

niềm tin, những hứng thú để tiếp tục chặng đường học tập. Hãy nhìn những đứa trẻ, học tập đối với chúng luôn là sự tự do, là những bí ẩn chúng mong muốn được giải mã. Nhưng học sinh ngày nay thì lại khác. Học tập, xem như một nghĩa vụ bắt buộc, áp đặt và nặng nề. Thầy cô giảng, ta cứ dỏng tai lên nghe, nhưng chữ có vô đầu không thì không quan trọng. Nói điều này ra, một số người bảo ta bày vẽ, họ nói rằng: “Dào, chép bài mỗi tay chết còn học này học nọ!”. Vậy là việc học cũng hờ hững, cũng nhàm chán như một nỗi khổ. Người ta dần dần nghĩ ra những “quái chiêu” để đối phó với việc học, để qua mặt thầy cô. Phao, copy, chép sách giải, hỏi bài bạn, đến “lò” luyện mong vớ lấy vài con chữ,... Học mà không biết mình học vì cái gì, vì một mục đích cao đẹp nào, để đạt được thành công ra sao trên đường đời. Học như học vẹt, miệng đọc qua loa, bài tập không chuyên sâu, mồm miệng cố la cho lớn để ra vẻ ta đây với thiên hạ. Không những học sinh yếu kém mà các bạn có năng lực tốt cũng “đối phó”. Thầy dạy cho có và trò học đối phó, một khung cảnh dễ nhận thấy ở các lò luyện thi, trường chuyên, lớp giỏi,.. Việc đối phó như một tấm khiên chống đỡ sự thất vọng của thầy cô, cha mẹ và những lời bàn tán của bạn bè. Chúng ta dần đánh mất những truyền thống học tập của người học sinh, để đổi lấy những con điểm cao chói vót, những nguyện vọng để bằng bạn bè. Học đối phó là vấn nạn lớn, nó ăn mòn và hủy diệt sự tự chủ trong mỗi con người, gặm nhấm những đức tính tốt đẹp trong mỗi học sinh chúng ta. Cần có biện pháp, không thể nói suông ngày một ngày hai. Mỗi khi học tập, hãy tìm tòi những câu hỏi, đi sâu và những kiến thức, dành nhiều thời gian cho những mục tiêu mình cần vươn đến. Và hãy nhớ rằng: Chúng ta là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ học sinh mới, không thể đi lên mà không có kiến thức, trí tuệ và lòng hăng say yêu thích. Học đối phó - cần phải loại bỏ ngay từ hôm nay.

Văn Mẫu Lớp 10 - Phân biệt phép tu từ lặp và phép điệp

Khái niệm - Phép lặp là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau (trước hết ở đây là những câu khác nhau) của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhau. - Phép điệp là biện pháp lặp lại một yếu tố diễn đạt (ngữ âm, từ, câu) để nhấn mạnh ý nghĩa và cảm xúc, nâng cao khả năng biểu cảm, gợi hình cho lời văn. - Các phương tiện dùng trong phép lặp là: - Các yếu tố ngữ âm (vần, nhịp), gọi là lặp ngữ âm - Các từ ngữ, gọi là lặp từ ngữ - Các cấu tạo cú pháp, gọi là lặp cú pháp - Có nhiều cách phân chia phép điệp: + Theo các yếu tố: điệp thanh, điệp từ, điệp ngữ, điệp câu... + Theo vị trí: điệp đầu câu, giữa câu, cách quãng, điệp liên tiếp. + Theo tính chất: điệp đơn giản và điệp phức hợp. Tác dụng: - Phép điệp ngoài việc nhấn mạnh ý nghĩa và cảm xúc, nâng cao khả năng biểu cảm, gợi hình cho lời văn. thì còn làm cho câu văn thêm tính hài hoà, cân đối, nhịp nhàng. - Phép lặp, ngoài khả năng kết nối các bộ phận hữu quan của văn bản lại với nhau, còn có thể đem lại những ý nghĩa tu từ như nhấn mạnh gây cảm xúc, gây ấn tượng v. v...

Văn Mẫu Lớp 10 - Tóm tắt về bài Một thời đại trong thơ ca của Hoài Thanh một nhà phê bình văn học

Bài “Một thời đại trong thơ ca” của Hoài Thanh được phân làm 3 phần chính:

1. Cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới – Khi nói về cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới, tác giả đã viết: “Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy”. Như vậy, theo tác giả sự xáo trộn làm cho việc lựa chọn bài để so sánh, để hiểu được tinh thần thơ mới là không phải dễ. – Tác giả đã đặt thơ mới vào trong dòng chảy của thơ ca dân tộc để thấy hết sự khó khăn để hiểu tinh thần thơ mới: “Trời đất không phải dựng lên cùng một lần với chúng ta, hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn sót lại ít nhiều cái cũ”. Cái cũ, cái mới không thể phân biệt được một cách rạch ròi nên việc hiểu đầy đủ, rạch ròi về thơ mới tất yếu phải gặp khó khăn. – Tác giả đã chỉ ra cách nhận diện thơ mới và thơ cũ: Tác giả khẳng định phải so sánh những bài thơ hay với những bài thơ hay, so sánh đối chiếu giữa thời đại với thời đại một cách khái quát. 2. Điều cốt lõi làm nên tinh thần thơ mới – Theo tác giả, điều cốt lõi làm nên tinh thần thơ mới là cái “tôi”: “Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa - hay thơ cũ - và thời nay - hay thơ mới - có thể gồm lại trong hai chữ tôi và ta. Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi - “Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình, còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả”. “Cũng có những bậc kỳ tài xuất đầu lộ diện. Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thảng hoặc trong văn thơ họ dùng đến chữ tôi để nói chuyện với người khác. Song đầu táo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ tôi để nói chuyện với mình. Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mệnh mông hoặc họ không tự xưng hoặc họ ẩn mình sau chữ ta”. – Trong thơ mới đã xuất hiện chữ tôi với nghĩa tuyệt đối của nó. “Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ ta với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ tôi. Tác giả cho rằng khi cái tôi xuất hiện thì “người ta lại còn thấy nó đáng thương, mà thật tội nghiệp nó quá”. Tác giả thấy nó tội nghiệp bởi vì khi cái tôi xuất hiện nó lạ lẫm với mọi người vì từ

trước người ta chỉ nói đến cái ta, hơn nữa cái tôi lại sinh ra trong hoàn cảnh đất nước đắm chìm trong bóng đêm của sự xâm lăng, chính vì thế mà nó trở nên tội nghiệp. – Tác giả khẳng định “Chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhất là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước”. Cái tôi bây giờ mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. “Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát, lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, ta đắm say cùng Xuân Diệu..”. => Tác giả đã chỉ ra nội dung và tinh thần thơ mới. Tác giả phát hiện ra cốt lõi của thơ mới là chữ tôi và đánh giá cái tôi một cách sâu sắc, hài hoà. “Tất cả cái bi kịch đang diễn ngầm ngấm ngấm, dưới những phù hiệu dễ dãi, trong hồn người thanh niên”. Các nhà thơ mới đã mất niềm tin. 3. Cách giải quyết bi kịch của các nhà thơ mới – Các nhà thơ mới tìm lại niềm tin bằng cách gửi vào tình yêu tiếng Việt. “Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt: Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng”. – “Chưa bao giờ như bây giờ, họ cảm thấy tinh thần nòi giống cũng như các thể thơ xưa chí biến thiên chứ không sao tiêu diệt”. – “Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai”.

Văn Mẫu Lớp 10 - Suy nghĩ của em về câu nói: “Tình thương là hạnh phúc của con người”

I. Mở Bài Mỗi con người sinh ra trên thế gian này đã là một niềm hạnh phúc vĩ đại. Nhưng sinh ra để sống trong vô nghĩa thì cái diễm phúc lớn lao kia lại trở thành một thứ bi kịch chua xót. Ý nghĩa cuộc sống - điều làm nên hạnh phúc thực sự, để hạnh phúc tồn tại lâu bền nhất lại chỉ vang lên nhịp đập của nó khi được nuôi dưỡng bởi suối nguồn của tình yêu thương. Dường như quy luật ấy đã trở thành muôn thưở và là chân lý của cuộc sống. Cũng bởi lẽ trên, đã có ý kiến cho rằng: “Tình thương là hạnh phúc của con người. II. Thân Bài Khi còn ở tuổi thiếu niên, dường như mọi người trong chúng ta thường nhìn nhận khái niệm hạnh phúc rất đơn giản là những điều mình mong muốn. Bước vào cuộc sống, bạn thật sự đặt chân lên cuộc hành trình tự khẳng định mình, tìm kiếm giá trị cuộc sống và ý nghĩa bản thân, bạn sẽ nhận ra rằng: ‘ Tình Thương Là Hạnh Phúc của Con Người ’. Đó cũng chính là 1 chân lí vĩnh hằng của cuộc sống. Dù mơ hồ hay rõ ràng, ai cũng có thể nhận ra rằng tình thương là những tình cảm đẹp đẽ và nồng nhiệt của con người, gắn kết những trái tim đồng cảm. Nó có thể là tình cảm lứa đôi, tình cảm gia đình, bè bạn và cao hơn cả là tình người nói chung. Đó có thể là những tình cảm bình dị nhất, gần gũi nhất từ sự quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống đến những tình cảm lớn lao hơn mang tính giai cấp, cộng đồng. Tình thương - đó là tấm lòng yêu thương chân thành và trong sáng - là tình cảm chỉ trao đi mà ko cần nhận lại, ko vụ lợi, ko toan tính. Có thể nói, tình thương là 1 thứ tình cảm đẹp đẽ luôn tồn tại trong bản chất của mỗi con người. Và kết quả của sự yêu thương đó là sự thỏa mãn của con tim - cái được gọi là niềm hạnh phúc. Hạnh phúc là gì ? Tự bao đời nay, con người luôn khao khát yêu thương, luôn kiếm tìm hạnh phúc. Người ta có thể cảm nhận dc hạnh phúc nhưng để mô tả nó 1 cách rõ ràng thì ko phải là 1 điều đơn giản. Chỉ có thể nói về hạnh phúc như là 1 trạng thái sung sướng vì cảm thấy thỏa mãn ý nguyện. Nhưng đó ko chỉ đơn thuần là ước muốn vật chất hay sự thành công, mà là cả 1 tổng thể bao gồm những khái niệm hết sức trừu tượng, nhưng cũng thật đơn giản biết bao. Có đôi lúc, hạnh phúc chỉ đơn giản là giọt nước mắt nóng hổi của mẹ và tiếng cười ấm áp của cha khi nhìn con ra đời khỏe mạnh. Hạnh phúc có khi chỉ đơn giản là niềm xúc động khi nhận dc 1 sự giúp đỡ hay 1 lời chia sẻ chân

thành. Đối với nhiều người, hạnh phúc bắt đầu từ điều đơn giản nhất, khi mỗi sớm mai thức dậy, thấy mình sống có ích trên cõi đời. ” Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy Ta có thêm ngày nữa để yêu thương ” (Trịnh công Sơn) Hạnh phúc đôi khi chỉ đơn giản và bình dị thế thôi. Sự thật là có 1 mối liên hệ ko thể tách rời giữa hạnh phúc và tình thương. Con người ko thể sống hạnh phúc mà ko có tình thương. Tình thương mang lại hạnh phúc cho người nhận nó, giúp họ có thêm nghị lực để vượt qua mọi thử thách, khó khăn; là động lực giúp họ ngày càng hoàn thiện hơn. Trong ”Những người khốn khổ” (V. Huy-gô), triết lí tình thương của nhân vật Giăng-Van-Giăng đã có ý nghĩa lớn lao, thay đổi số phận và giáo hóa con người. Giăng-Van-Giăng đã thay lời Huy-gô để nói lên 1 triết lí: ”Trong đời chỉ có 1 điều, ấy là yêu thương nhau”. Ko chỉ với người nhận, sự trao đi tình thương cũng là điều mang lại hạnh phúc. Khi bạn giúp đỡ 1 bà cụ đi qua đường thì bạn cảm thấy thế nào? Câu trả lời nằm trong tim bạn. Có phải bạn đang vui...?!?. Thế có nghĩa là bạn đang hạnh phúc đấy. Trao đi yêu thương 1 cách tự nhiên, chúng ta sẽ nhận lại hạnh phúc xứng đáng. Bởi: khổ đau do san sẻ sẽ vơi nữa, còn hạnh phúc do san sẻ sẽ nhân đôi. Thomas Merton đã từng nhận xét: ”Nếu chúng ta chỉ biết tìm hạnh phúc cho riêng mình thì có thể chúng ta sẽ chẳng bao giờ tìm thấy. Hạnh phúc đích thực là biết sống vì người khác - 1 tình yêu ko vị kỉ, ko đòi hỏi phải được đền đáp” Đúng vậy, được yêu thương là 1 hạnh phúc, nhưng yêu thương người khác còn là 1 hạnh phúc lớn hơn. Tình thương mang lại hạnh phúc cho con người. Đó chính là lí do tại sao mỗi người, đặc biệt là thế hệ trẻ chúng ta phải biết rèn luyện bản thân, để tạo nên hạnh phúc cho bản thân, cho gia đình và xã hội. ”Cái đẹp cứu vớt thế giới”(Đốt-x-tôi-ép-xki). Tình thương là nét đẹp tiềm ẩn sức mạnh vĩ đại, là niềm hạnh phúc quý giá của con người. Cần biết trân trọng những gì ta đang có, yêu thương và san sẻ để cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn. Ngày nào ta còn sống, tức là ta còn có cơ hội để cảm nhận hạnh phúc của cuộc đời. Vì vậy, chúng ta hãy chia sẻ lòng tốt và lòng nhiệt tình đối với người khác. III. Kết Bài Một câu ngôn ngữ của Scotland nói rằng:” Hãy sống thật hạnh phúc khi bạn còn đang sống - bởi vì bạn chỉ có 1 lần sống duy nhất mà thôi!” Thế còn bạn thì sao? tôi thì sao? Liệu chúng ta có biết nhận ra những điều tương tự? mỗi ngày chúng ta có 24h để sống, để yêu thương, để phát hiện những điều tuyệt vời nhất trong cuộc sống. Hãy cho đi tình thương để có thể cảm nhận cuộc sống 1 cách đầy đủ nhất, tuyệt vời nhất, tròn vẹn nhất, bạn nhé...

Văn Mẫu Lớp 10 - Nêu cảm nghĩ về câu nói sau: “Tình thương là hạnh phúc của con người”

I. Mở Bài Có bao giờ bạn tự hỏi: “Chúng ta vừa đối xử thế nào với tất cả người xung quanh?” hoặc “Bạn cảm giác thế nào nếu đối xử tốt với ai đó?”. Có thể bạn sẽ thấy vui vì “Tình thương là hạnh phúc của con người”. II. Thân Bài “Tình thương” là thứ tình cảm mà khiến chúng ta muốn quan tâm, sẻ chia và giúp đỡ người khác. Còn “hạnh phúc” là tâm trạng vui sướng khi đạt được điều mình muốn hay khi mang lại hạnh phúc cho người khác. Khi bạn làm cho ai đó một chuyện gì mà chuyện làm đó xuất phát từ tình thương chân thành trong trái tim, bạn sẽ cảm giác vui sướng, hạnh phúc. Vậy nên mới có quan niệm “Tình thương là hạnh phúc của con người”. Tình thương không phải là điều gì xa xôi, khó đạt tới. Bạn hãy thử nhìn xung quanh mình xem. Tình thương yêu hiện diện khắp nơi quanh chúng ta đấy! Những ai có gia đình sẽ cảm nhận được tình thương yêu từ người thân trong gia đình như cha mẹ, ông bà, anh chị em... Tình yêu gia đình là tình yêu bền vững nhất. Những ai được cắp sách đến trường sẽ cảm nhận tình thương giữa bạn bè, tình thương của thầy và trò. Tình thương này làm cho mỗi người ấm áp hơn, tươi vui hơn, có động lực để học tập, xây dựng tương lai cho bản thân. Ngoài ra còn có tình thương cho những người cùng kiệt khổ, những người không may mắn trong xã hội. Tình cảm này thúc đẩy chúng ta giúp đỡ nhau, tạo nên sự đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau trong xã hội. Cuộc sống sẽ hạnh phúc biết bao nếu chúng ta được sống trong tình yêu thương của tất cả người. Tuy nhiên chúng ta không nên chỉ nhận tình thương mà còn phải học cách cho đi nữa. Yêu thương người khác cũng là yêu bản thân mình. Chính vì vậy con người hạnh phúc nhất là khi cho đi tình thương và được đáp trả lại tình yêu thương từ người khác. Tình thương sẽ là thứ tình cảm đáng quý nếu nó được thể hiện đúng chỗ, đúng mục đích. Có những tình thương không những không mang lại hạnh phúc mà thậm chí còn mang bất hạnh cho người mình thương yêu. Điển hình là có những bậc cha mẹ vì quá yêu thương con, cưng chiều con cái quá mức vừa vô tình làm hư con mà dẫn đến bất hạnh cho cuộc sống của chúng sau này. Hay như chuyện lợi dụng tình thương của người khác để ỉ lại, giả dạng hành khất, lừa nhấc không chịu lao động, sống bằng đồng tiền bố thí của người khác. Những phần tử đó chỉ lũy phần làm băng hoại xã hội mà

thôi. III. Kết Bài Như vậy để yêu thương đúng cách cũng không phải dễ. Chúng ta cần rèn luyện thói quen suy nghĩ, hành động đúng đắn để không biến tình thương thành thuốc độc bạn nhé! Tình thương là thứ tình cảm thiêng liêng và tốt đẹp nhất của con người. Nếu bạn cho đi tình thương mà không được đáp lại thì cũng đừng vội buồn mà hãy vui lên, vì khi đó bạn vừa có một tình cảm lớn lên trong trái tim mình.

Văn Mẫu Lớp 10 - Dàn ý: “Tình thương là hạnh phúc của con người”

1. Mở bài: - Hạnh phúc là một khái niệm tinh thần trừu tượng. Tùy theo vai trò, vị trí của từng cá nhân, từ giai cấp trong xã hội mà có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc. - Nhân dân ta quan niệm: Tình thương là hạnh phúc của con người. 2. Thân bài: a. Giải thích câu nói: Tình thương là hạnh phúc của con người. - Tình thương: là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật (Từ điển tiếng Việt) - Hạnh phúc: là trạng thái sung sướng vì cảm thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện. (Từ điển tiếng Việt) - Tại sao Tình thương là hạnh phúc của con người? + Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau. + Như vậy là thỏa mãn mọi ý nguyện, đã được hưởng sung sướng, hạnh phúc mà tình thương mang lại. b. Phân tích để khẳng định, chứng minh các biểu hiện, ý nghĩa của tình thương: - Trong phạm vi gia đình: + Cha mẹ yêu thương con cái, chấp nhận bao vất vả, cực nhọc, hi sinh bản thân để nuôi dạy con cái nên người. Con cái ngoan ngoãn, trưởng thành, cha mẹ coi đó là hạnh phúc nhất của đời mình. + Trong đời người có nhiều nỗi khổ, nhưng con cái không nên danh nên phận hoặc hư hỏng là nỗi đau lớn nhất của cha mẹ. + Con cái biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ, biết đem lại niềm vui cho cha mẹ, đó là hiếu thảo, là tình thương và hạnh phúc. + Tình thương yêu, sự hòa thuận giữa anh em, giữa cha mẹ và con cái tạo nên sự bền vững của hạnh phúc gia đình. - Trong phạm vi xã hội: + Tình thương chân thành là cơ sở của tình yêu đôi lứa. “Nước chảy lưu lưu, lục bình trôi lú rú Anh thấy cô nàng nhỏ xíu anh thương” “Tóc em dài em cài hoa lí Miệng em cười hử ý anh thương” “Thò tay mà ngắt ngọn ngò Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ” “Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo Ngũ lục sông cũng lội, thất bát cửu thập đèo cũng qua”. “Muối ba năm muối đang còn mặn Gừng chín tháng gừng hãy còn cay Đôi ta nghĩa nặng tình dày Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa”. + Tình thương là truyền thống đạo lí: Thương người như thể thương thân; tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong quan hệ cộng đồng giai cấp, dân tộc. “Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” “Một miếng khi đói bằng một gói khi no” “Lá lành đùm lá rách” “Nhiều điều phủ lấy giá gương Người trong một nước phải thương nhau cùng” + Tình thương mở rộng, nâng cao thành tình yêu nhân loại. - Những tấm gương sáng

trong lịch sử coi Tình thương là hạnh phúc của con người: + Vua Trần Nhân Tông trong một chuyến đi thăm quân sĩ đã cởi áo bào khoát cho một người lính giữa đêm đông lạnh giá. + Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử với tướng sĩ dưới quyền trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông, giành thắng lợi vẻ vang cho dân tộc. + Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi suốt đời đeo đuổi lí tưởng vì dân vì nước, gác sang một bên những oan ức, bất hạnh của riêng mình. + Người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuất phát từ lòng yêu nước thương dân trong tình cảnh nô lệ nên đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Phương châm sống đúng đắn của Người là: Mình vì mọi người. Bác luôn lấy tình yêu thương con người làm mục đích và hạnh phúc cao nhất của cuộc đời mình. c. Phê phán, bác bỏ: Lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương, không biết quan tâm, chia sẻ, đồng cảm và giúp đỡ người khác... d. Liên hệ bản thân: Rút ra bài học về phương châm sống xứng đáng là con người có đạo đức, có nhân cách và hành động vì tình thương. 3. Kết bài: - Tình thương là lẽ sống cao cả của con người. Tình thương vượt lên trên mọi sự khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới. - Để tình thương thực sự trở thành hạnh phúc của con người, mỗi chúng ta phải vươn lên chống đói nghèo, áp bức bất công, chiến tranh phi nghĩa... để góp phần xây dựng một thế giới hòa bình thịnh vượng...